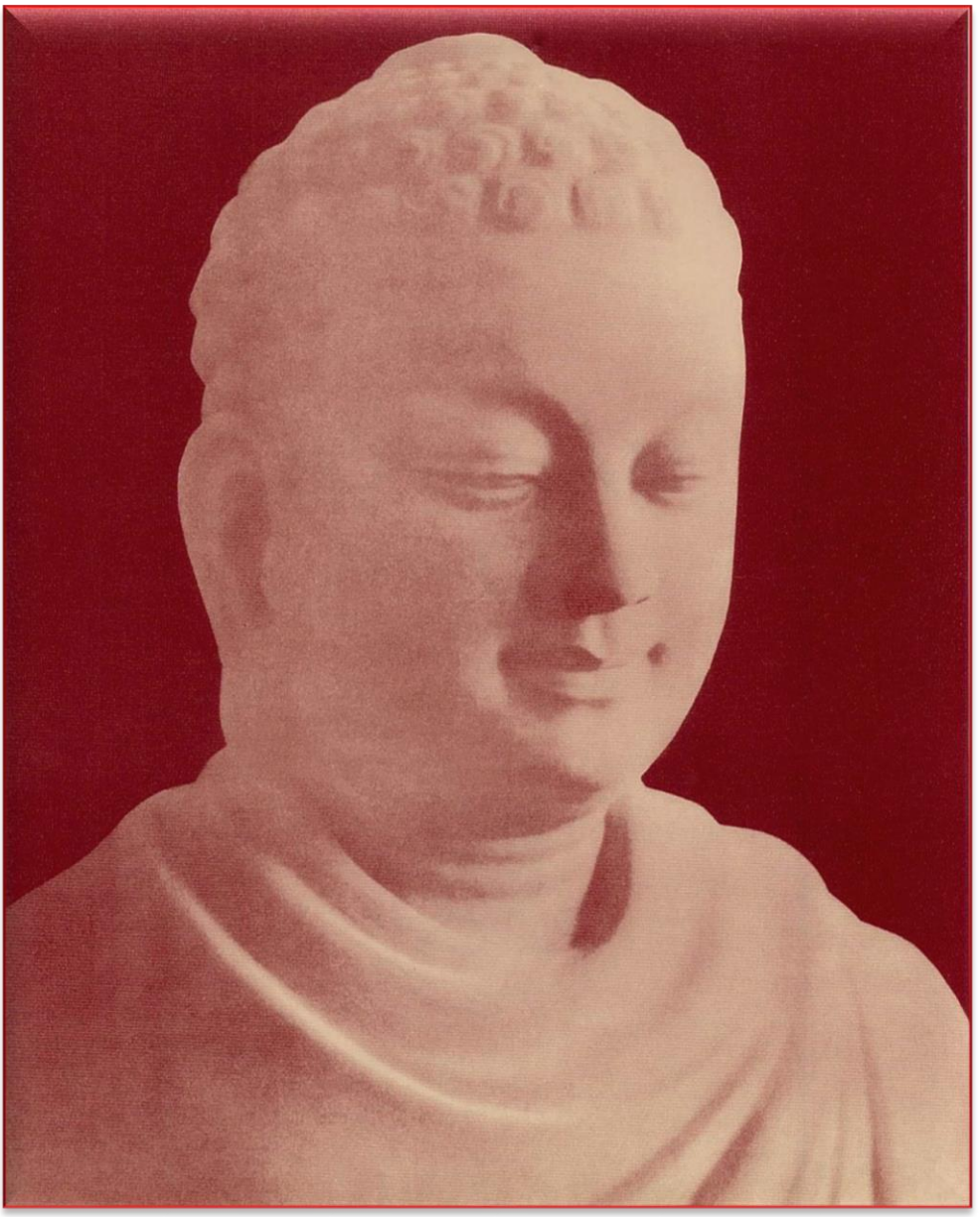


NAM – MÔ BỔN – SƯ THỊCH – CA MẬU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
Tập 87

BỘ THÍCH KINH LUẬN

V

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)

   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn

   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 87

BỘ THÍCH KINH LUẬN
V

SỐ 1519 → 1524

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ THÍCH KINH LUẬT 5 – T087

SỐ 1519 ..... **2**
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA ƯU BA ĐỀ XÁ **2**
QUYỂN THƯỢNG **2**
Phẩm 1: PHẦN TỰA 2
Phẩm 2: PHƯƠNG TIỆN -Phần 1 15
QUYỂN HẠ **19**
Phẩm 2: PHƯƠNG TIỆN, ... 19
Phần 2 Như vậy đã nói đầy đủ về công đức của diệu pháp. 19
Phẩm 3: THÍ DỤ 29
SỐ 1520 ..... **43**
DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH LUẬN ƯU BA ĐỀ XÁ **43**
Phẩm 1: PHẦN TỰA 43
Phẩm 2: PHƯƠNG TIỆN 56
Phẩm 3: THÍ DỤ 68
SỐ 1521 ..... **79**
LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA **79**
QUYỂN 1 ..... **79**
Phẩm 1: PHẦN TỰA 79
Phẩm 2: BƯỚC VÀO ĐỊA THỨ NHẤT 90
QUYỂN 2 ..... **103**
Phẩm 3: TƯỚNG ĐỊA 103
Phẩm 4: TỊNH ĐỊA 113
Phẩm 5: THÍCH NGUYỆN, Phần 1 119
QUYỂN 3 ..... **123**
Phẩm 5: THÍCH NGUYỆN, Phần 2 123
Phẩm 6: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ 136
QUYỂN 4 ..... **141**
Phẩm 7: ĐIỀU PHỤC TÂM 141
Phẩm 8: A. DUY VIỆT TRÍ (BẤT THOÁI CHUYỂN) 147
QUYỂN 5 ..... **159**
Phẩm 9: DỊ HÀNH 159
Phẩm 10: TRỪ NGHIỆP 176
QUYỂN 6 ..... **184**
Phẩm 11: PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC 184
Phẩm 12: PHÂN BIỆT BỐ THÍ, Phần 1 191
Phẩm 12: PHÂN BIỆT BỐ THÍ, Phần 2 201

QUYỂN 7 207
Phẩm 13: PHÂN BIỆT PHÁP THÍ 207
Phẩm 14: QUY MẠNG TƯỚNG 211
Phẩm 15: NĂM GIỚI 217
Phẩm 16: BIẾT NHỮNG TAI HỌA CỦA GIA ĐÌNH 223
QUYỂN 8 232
Phẩm 17: VÀO CHÙA 232
Phẩm 18: VIỆC LÀM CHUNG 246
QUYỂN 9 254
Phẩm 19: BỐN PHÁP 254
Phẩm 20: NIỆM PHẬT 265
QUYỂN 10 277
Phẩm 21: BỐN MƯƠI PHÁP BẤT CỘNG 277
Phẩm 22: HỎI VẶN VỀ NGƯỜI NHẤT THIẾT TRÍ TRONG BỐN MƯƠI PHÁP BẤT CỘNG, Phần 1 284
QUYỂN 11 298
Phẩm 22: HỎI VẶN VỀ NGƯỜI NHẤT THIẾT TRÍ TRONG BỐN MƯƠI PHÁP BẤT CỘNG, Phần 2 298
Phẩm 23: KHÉO BIẾT BẤT ĐỊNH TRONG 40 PHÁP BẤT CỘNG 302
QUYỂN 12 319
Phẩm 24: KỆ KHEN PHẬT 319
Phẩm 25: TAM-MUỘI HỖ TRỢ NIỆM PHẬT 328
Phẩm 26: THÍ DỤ, Phần 1 340
QUYỂN 13 345
Phẩm 26: THÍ DỤ, Phần 2 345
Phẩm 27: NÓI GỌN VỀ HẠNH 351
Phẩm 28: PHÂN BIỆT NGHIỆP ĐẠO CỦA ĐỊA THỨ HAI, Phần 1 361
QUYỂN 14 366
Phẩm 28: PHÂN BIỆT NGHIỆP ĐẠO CỦA ĐỊA THỨ HAI, Phần 2 366
Phẩm 29: PHÂN BIỆT THANH VĂN BÍCH CHI PHẬT 382
QUYỂN 15 387
Phẩm 29: PHÂN BIỆT THANH VĂN VÀ BÍCH CHI PHẬT 387
Phẩm 30: ĐẠI THỪA 391
QUYỂN 16 418
Phẩm 31: HỘ GIỚI 418
Phẩm 32: GIẢI THÍCH VỀ ĐẦU ĐÀ, Phần 1 431
QUYỂN 17 447
Phẩm 32: GIẢI THÍCH VỀ ĐẦU ĐÀ, Phần 2 447
Phẩm 33: QUẢ HỖ TRỢ CHO THI LA 450

Phẩm 34: CA NGỢI GIỚI 465
Phẩm 35: QUẢ BÁO CỦA GIỚI 469
SỐ 1522 476
LUẬN THẬP ĐỊA KINH 476
QUYỂN 1 476
Địa 1: ĐỊA HOAN HỶ, Phần 1 476
QUYỂN 2 505
Địa 1: ĐỊA HOAN HỶ, Phần 2 505
QUYỂN 3 534
Địa 1: ĐỊA HOAN HỶ, Phần 3 534
QUYỂN 4 559
Địa 2: ĐỊA LY CẤU 559
QUYỂN 5 588
Địa 3: ĐỊA MINH 588
QUYỂN 6 611
Địa 4: ĐỊA DIỆM 611
QUYỂN 7 625
Địa 5: ĐỊA NAN THẮNG 625
QUYỂN 8 642
Địa 6: ĐỊA HIỆN TIỀN 642
QUYỂN 9 663
Địa 7: ĐỊA VIỄN HÀNH 663
QUYỂN 10 680
Địa 8: ĐỊA BẤT ĐỘNG 680
QUYỂN 11 704
Địa 9: ĐỊA THIỆN TUỆ 704
QUYỂN 12 733
Địa 10: ĐỊA PHÁP VÂN 733
SỐ 1523 768
LUẬN KINH ĐẠI BẢO TÍCH 768
QUYỂN 1 768
QUYỂN 2 798
QUYỂN 3 821
QUYỂN 4 843
SỐ 1524 870
KINH VÔ LƯỢNG THỌ ƯU BA ĐỀ XÁ NGUYỆN SANH KỆ 870

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 87

KINH

DIỆU PHÁP LIÊN HOA
ƯU BA ĐỀ XÁ

SỐ 1519

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1519

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA ƯU BA ĐỀ XÁ

Tác giả: Luận sư Bà Tẩu Bàn Đậu.Hán dịch:
Đời Hậu Ngụy, Tam Tạng Bồ Đề Lưu Chi
và Sa môn Đàm Lâm.

QUYỂN THƯỢNG

Đảnh lễ Bậc Chánh Giác vô biên,
Pháp thanh tịnh và Tăng vô vi,
Là bậc Trí sâu sắc vô cùng,
Khai thị chuẩn mực của Tỳ-già.
Thành kính cầu mong Đức Mâu Ni,
Cùng với chúng Bồ-tát Thanh-văn,
Khiến cho pháp tự lợi-lợi tha,
Lược đưa ra biện giải Lặc-già.
Quy mạng ba đời quá-vị-hiện,
Chư Phật và Bồ-tát mười phương,
Tâm từ bao la hiện thần lực,
Nguyện ban cho con lực vô úy,
Tâm bi rộng lớn ngăn bốn ma,
Bảo vệ Bồ-đề luôn tăng trưởng!

Phẩm 1: PHẦN TỰA

Kinh: "Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Phật an trú trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn người quy tụ, đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm được tự tại, khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát, tâm khéo điều phục, là Bậc Rồng lớn giữa loài người, việc cần làm thì làm, việc làm đã xong, lìa xa những gánh nặng, đạt được tự lợi hết những kiết sử trong ba cõi, khéo đạt được chánh trí và tâm giải thoát, tất cả tâm được tự tại, đến bờ giác ngộ bậc nhất. Chúng Đại Bồ-tát gồm tám vạn người,

đều đối với quả vị A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề không còn thối chuyển, đều đạt được Đại biện tài lạc thuyết Đà-la-ni, chuyển pháp luân không thối chuyển, cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, từ nơi chư Phật gieo trồng các căn thiện, thường được chư Phật khen ngợi, dùng Đại Từ bi mà tu dưỡng thân tâm, khéo tiến vào Phật tuệ thông đạt Đại trí, đến được bờ giác ngộ, danh tiếng lẫy lừng khắp vô lượng thế giới, có năng lực hóa độ vô số trăm ngàn chúng sinh".

Giải thích:

Pháp môn của kinh này, đầu tiên trong phẩm thứ nhất nêu rõ về bảy loại công đức thành tựu. Nghĩa này nên biết. Những gì là bảy loại? Đó là:

1. Thành tựu về phần tựa.
2. Thành tựu về chúng hội.
3. Thành tựu về Như Lai đến lúc muốn thuyết pháp.
4. Thành tựu về oai nghi tùy thuận an trú dựa vào pháp đã thuyết.
5. Thành tựu về nương tựa thuyết giảng đến nhân.
6. Thành tựu về Đại chúng hiện mong muốn nghe pháp.
7. Thành tựu về sự trả lời của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

I. Thành tựu về Phần Tựa:

Trong pháp môn này nêu rõ thành tựu hai loại thắng nghĩa. Nghĩa này nên biết. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Nêu rõ thành tựu nghĩa tối thắng trong các pháp môn.
2. Nêu rõ thành tựu nghĩa công đức tự tại.

Như thành Vương-xá là hơn hẳn tất cả các thành xá khác. Núi Kỳ-xà-quật là hơn hẳn so với các núi khác. Tức là hiển bày nghĩa tối thắng của pháp môn này. Như kinh nói: "Đức Thế Tôn an trú trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá".

II. Thành tựu về chúng hội:

Có bốn loại nghĩa, nêu rõ sự thành tựu nên biết. Những gì là bốn loại? Đó là:

Thành tựu về số lượng.

Thành tựu về hạnh.

Thành tựu về công đức thâu nhiếp.

Thành tựu về oai nghi an trú như pháp.

1. Thành tựu về số lượng: Tức là vô số các đại chúng.

2. Thành tựu về hạnh: Có bốn loại:

- Là các Thanh-văn tu hạnh Tiểu thừa.
- Là các Bồ-tát tu hạnh Đại thừa.
- Là các Bồ-tát thần thông tự tại, tùy thời thị hiện, có thể tu hạnh Đại thừa, như mười sáu vị đại hiền sĩ của nhóm Bồ-tát Bạt-đà-ba-la, đầy đủ những sự việc không thể nghĩ bàn của bậc Bồ-tát, mà thường thị hiện đủ loại hình tướng, đó là những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.
- Tức là hàng Thanh văn xuất gia, oai nghi nhất định không giống với Bồ-tát.

"Đều là bậc A-la-hán…": Có mười sáu câu, nêu rõ về thành tựu công đức của Thanh văn.

"Đều đối với quả vị A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề không còn thối chuyển": Có mười ba câu, nêu rõ về thành tựu công đức của Bồ-tát.

Thành tựu công đức của hàng Thanh-văn: Mười sáu câu ấy thâu nhiếp ba môn, nghĩa nêu rõ nên biết. Những gì là ba môn? Đó là:

1. Môn thượng thượng khởi.
2. Môn tổng-biệt tướng.
3. Môn nhiếp thủ sự việc.

-Môn thượng thượng khởi:

Tức là các lậu đã hết cho nên gọi là A-la-hán. Do tâm được tự tại cho nên gọi là các lậu đã hết. Do không còn phiền não cho nên gọi là tâm được tự tại. Do khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát cho nên gọi là tâm được tự tại. Do xa lìa chủ thể nhận thấy và đối tượng nhận thấy cho nên gọi là không còn phiền não. Do khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát, cho nên gọi là tâm khéo điều phục.

"Là bậc Rồng lớn giữa loài người": Tức là đi trong các đường ác mà giống như đi trên con đường bằng phẳng không có gì ngăn ngại, bởi vì nơi nên đi thì đã đi, nơi nên đến cũng đã đến.

"Việc cần làm thì làm": Bậc Rồng lớn giữa loài người đã có được pháp đối trị để làm cho oán định phiền não phải hàng phục.

" Việc làm đã xong": Bởi vì không trở lại đời sau, như việc làm tương ưng đã thành tựu.

"Lìa xa những gánh nặng": Bởi vì việc cần làm thì làm, việc làm đã làm xong cho nên đã rời bỏ gánh nặng của đời sau.

"Đạt được tự lợi": Đã rời bỏ gánh nặng cho nên chứng được Niết-bàn.

"Hết những kiết sử trong ba cõi": Vì đạt được tự lợi cho nên đoạn tất cả các nhân tố của phiền não.

"Khéo đạt được Chánh trí và tâm giải thoát": Bởi vì các lậu đã hết.

"Tất cả tâm được tự tại": Bởi vì dễ dàng biết về trí kiến đạo và tu đạo.

" Đến bờ giác ngộ bậc nhất": Bởi vì khéo đạt được Chánh tri và tâm giải thoát, khéo đạt được các công đức của thần thông, Tam-muội Vô tránh… Bậc Đại A-la-hán, là tâm được tự tại, đạt đến bờ giác ngộ. Mọi người đều nhận biết, nghĩa là các bậc Vua chúa-Vương tử-Đại thần-Nhân dân-Đế thích-Thiên vương-Phạm thiên vương… đều nhận biết. Vả lại, Thanh-văn Bồ-tát và Phật đều là những bậc trí tuệ thù thắng, những bậc trí tuệ thù thắng ấy thì tất cả mọi người đều dễ dàng nhận biết, cho nên gọi là mọi người đều nhận biết.

Môn tổng, biệt tướng:

"Đều là bậc A-la-hán": Gồm mười sáu câu. Câu đầu là tổng. Các câu còn lại là biệt. A-la-hán gọi là ứng. Có mười lăm nghĩa về ứng, nên biết. Những gì là mười lăm? Đó là:

1. Ứng: Thọ nhận sự cung kính cúng dường các thức ăn uống, đồ nằm ngồi.
2. Ứng: Dẫn dắt đại chúng, giáo hóa hết thảy.
3. Ứng: Đi vào các làng xóm, thành ấp…
4. Ứng: Hàng phục các ngoại đạo…
5. Ứng: Dùng trí tuệ nhanh chóng quán xét các pháp.
6. Ứng: Thuyết pháp không mau không chậm như pháp tương ưng không mệt mỏi.
7. Ứng: Tĩnh tọa nơi chốn thanh vắng, các thứ ăn uống-y phục, các vật dụng sinh sống đều không tích tụ, sống theo hạnh thiểu dục tri túc.
8. Ứng: Luôn luôn thực hành thiện không chấp vào các thiền.
9. Ứng: Hành trì Thánh hạnh Không.
10. Ứng: Hành trì Thánh hạnh Vô tướng.
11. Ứng: Hành trì Thánh hạnh Vô nguyện.
12. Ứng: Hàng phục tâm thiền tịnh của thế gian.
13. Ứng: Dấy khởi công đức thù thắng của các thần thông.
14. Ứng: Chứng được công đức thù thắng của Đệ nhất nghĩa.
15. Ứng: Nhận biết đúng như thật về các chúng đồng sinh đạt được các công đức, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

- **Môn nhiếp thủ sự việc:** Mười lăm câu này, nhiếp thủ mười loại công đức nên biết, nêu rõ về quả có thể nói ra và quả không thể nói ra. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Nhiếp thủ công đức đạt được có hai câu nêu rõ. Như kinh nói: "Các lậu đã hết, không còn phiền não".

2. Gồm ba câu nhiếp thủ các công đức. Một câu nói về công đức hàng phục thế gian. Như kinh nói: "Tâm được tự tại". Hai câu nói về công đức hàng phục người học xuất thế gian. Như kinh nói: "Khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát".

3. Nhiếp thủ công đức không trái, là tùy thuận với giáo hạnh của Như Lai. Như kinh nói: "Tâm khéo điều phục".

4. Nhiếp thủ công đức thù thắng. Như kinh nói: "Là bậc rồng lớn giữa loài người".

5. Nhiếp thủ công đức thù thắng của những việc cần làm. Những việc cần làm, đó là luôn luôn y theo pháp cung kính cúng dường, tôn trọng Như Lai. Như kinh nói: "Việc nên làm, thì làm".

6. Nhiếp thủ công đức đầy đủ tức là đầy đủ về học địa. Như kinh nói: "Việc làm đã làm xong".

7. Gồm ba câu, nhiếp thủ công đức vượt qua. Một là, vượt qua ái nhiễm. Hai là, vượt qua sự mong cầu cung kính cúng dường đối với thân mạng. Ba là, vượt qua cảnh giới trên-dưới, tức là đã vượt qua học địa. Như kinh nói: "Lìa xa những gánh nặng, đạt được tự lợi, hết những kiết sử trong ba cõi".

8. Nhiếp thủ công đức thượng thượng. Như kinh nói: "Khéo đạt được chánh trí và tâm giải thoát".

9. Nhiếp thủ công đức nên làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Như kinh nói: "Tất cả tâm được tự tại".

10. Nhiếp thủ công đức thượng thủ. Như kinh nói: "Đến bờ giác ngộ bậc nhất".

Thành tựu công đức của hàng Bồ-tát: Mười ba câu ấy thâu nhiếp hai môn, nghĩa nêu rõ nên biết. Những gì là hai môn?

1. Môn thượng chi hạ chi.
2. Môn nhiếp thủ sự việc.

- **Môn thượng chi hạ chi:** Đó là tướng tổng, tướng biệt, nghĩa này nên biết. "Đều đối với quả vị A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề không còn thối chuyển ấy nêu rõ có mười loại nghĩa này nên biết. Những gì là mười?

Đó là:

1. Trú vào nghe pháp không thối chuyển. Như kinh nói: "Đều đạt được pháp Đà-la-ni".

2. Ưa thích giảng nói không thối chuyển. Như kinh nói: "Lạc thuyết đại biện tài".

3. Thuyết giảng không thối chuyển. Như kinh nói: "Chuyển pháp luân không thối chuyển".

4. Nương dựa nơi bậc thiện tri thức không thối chuyển: Dùng nghiệp của thân-tâm dựa vào sắc thân để nhiếp thủ. Như kinh nói: "Cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, từ nơi chư Phật gieo trồng các thiện căn".

5. Đoạn trừ tất cả nghi hoặc không thối chuyển. Như kinh nói: "Thường được chư Phật khen ngợi".

6. Vì những sự việc gì mà thuyết pháp hội nhập các pháp kia không thối chuyển. Như kinh nói: "Dùng Đại Từ Bi dùng mà tu dưỡng thân tâm".

7. Hội nhập cảnh giới như thật của Nhất thiết trí không thối chuyển. Như kinh nói: "Khéo tiếp vào Phật tuệ".

8. Dựa vào ngã Không-pháp Không không thối chuyển. Như kinh nói: "Thông đạt Đại trí".

9. Đi vào cảnh giới như thật không thối chuyển. Như kinh nói: "Đến được bờ giác ngộ".

10. Làm những điều nên làm không thối chuyển. Như kinh nói: "Có năng lực hóa độ vô số trăm ngàn chúng sinh".

- **Môn nhiếp thủ sự việc**: Nêu rõ các Bồ-tát trú trong những địa thanh tịnh nào, dùng những phương tiện nào, ở trong những cảnh giới nào để làm những việc cần làm

- Địa thanh tịnh: Tức là bát địa trở lên, gồm ba địa: Hành, Vô tướng, Tịch tĩnh thanh tịnh.

- Phương tiện thì có bốn loại:

1. Phương tiện nhiếp thủ diệu pháp, trú trì diệu pháp dùng năng lực lạc thuyết để thuyết giảng cho mọi người.

2. Phương tiện nhiếp thủ thiện tri thức, bởi vì dựa vào thiện tri thức để làm những việc cần làm.

3. Phương tiện nhiếp thủ chúng sinh, bởi vì không rời bỏ chúng sinh.

4. Phương tiện nhiếp thủ trí, bởi vì giáo hóa chúng sinh khiến nhập vào trí ấy.

- Lại còn có môn nhiếp thủ sự việc nêu rõ các địa nhiếp thủ công đức thù thắng không giống với các công đức của hàng Nhị thừa. Nghĩa là trong Địa thứ tám, không có dụng công trí, không giống như dưới-trên. Không Giống như Địa dưới, tức là hành có dụng công của Địa dưới không thể làm cho động. Không giống như Địa trên, tức là hành vô tướng của Địa trên không thể làm động nhưng tự nhiên mà hành.

Trong Địa thứ chín đạt được môn Đà-la-ni thắng tiến gồm đủ bốn trí tự tại vô ngại. Trong Địa thứ mười chuyển pháp luân không thối chuyển, có thể tiếp nhận địa vị Phật, như Thái tử của Chuyển luân Thánh vương, bởi vì đạt được nghĩa giống như nhiếp thủ công đức.

3. Thành tựu về công đức nhiếp thủ: Nêu rõ dựa vào nơi nào, dựa vào tâm nào, dựa vào trí nào, dựa vào hành của những cảnh giới nào, dựa vào những gì để có thể biện giải rõ ràng?

- Dựa vào nơi nào? Là dựa vào thiện tri thức.
- Dựa vào tâm nào? Dựa vào tâm giáo hóa chúng sinh, hoàn toàn vì lợi ích cho hết thảy chúng sinh.
- Dựa vào trí nào? Dựa vào ba loại trí:

1. Trí thọ ký bí mật
2. Trí của các thần thông
3. Trí chân thật.

- Dựa vào hành của những cảnh giới nào? Dựa vào những gì để có thể biện giải rõ ràng? Chính là do ba loại trí thâu nhiếp, nên biết.

4. Thành tựu về oai nghi an trú như pháp: nêu rõ có bốn loại. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Chúng vây quanh.
2. Trước sau.
3. Cung kính cúng dường.
4. Tôn trọng ngợi ca Như kinh nói:

"Bấy giờ bốn chúng vây quanh cung kính cúng dường tôn trọng ca ngợi Đức Thế Tôn".

III. Thành tựu về thời Như Lai đến lúc muốn thuyết pháp:

Tức là vì các Bồ-tát mà thuyết giảng kinh Đại thừa. Tu-đa-la Đại

thừa này có mười bảy loại tên gọi, hiển bày công đức thâm diệu nên biết. Những gì là mười bảy loại, hiển thị như thế nào? Đó là:

1. Gọi là kinh Vô Lượng Nghĩa, là thành tựu về nghĩa của chữ, dùng pháp môn này thuyết giảng về cảnh giới vi diệu của pháp vô cùng sâu xa ấy. Cảnh giới vi diệu của pháp vô cùng sâu xa ấy là cảnh giới tối thắng của chư Phật Như Lai.

2. Gọi là Tu-đa-la tối thắng, tức là Tạng vi diệu tối thắng ở trong ba Tạng, trong pháp môn này đã khéo thành tựu.

3. Gọi là Kinh Đại Phương Đẳng, tức là trong vô lượng môn Đại thừa đã khéo thành tựu, tùy thuận căn trí của chúng sinh để trú trì thành tựu.

4. Gọi là pháp giáo hóa Bồ-tát, dùng để giáo hóa các Bồ-tát căn trí đã thành thục, thuận theo pháp khí mà khéo thành tựu.

5. Gọi là được Phật hộ niệm, bởi vì dựa vào Như Lai mà có pháp này.

6. Gọi là pháp bí mật của tất cả chư Phật, Pháp này vô cùng sâu xa chỉ có Phật mới nhận biết được.

7. Gọi là kho tàng của hết thảy chư Phật, Tức là kho tàng Tam-muội, công đức của Như Lai ở tại kinh này.

8. Gọi là xứ bí mật của tất cả chư Phật, bởi vì căn chúng sinh chưa thành thục thì không tiếp nhận pháp khí, không có trao truyền.

9. Gọi là kinh có thể sinh ra tất cả chư Phật, tức là nghe pháp môn này, có thể thành tựu đạo quả đại Bồ-đề của chư Phật.

10. Gọi là đạo tràng của hết thảy chư Phật, do pháp môn này có thể thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng của chư Phật chứ không phải là Tu-đa-la khác.

11. Gọi là pháp luân được chuyển của tất cả chư Phật, do pháp môn này có thể phá trừ tất cả các chướng ngại.

12. Gọi là Xá-lợi kiên cố của hết thảy chư Phật, nghĩa là Pháp thân chân thật của Như Lai, ở tại Tu-đa-la này không bị hủy hoại được.

13. Gọi là kinh Phương tiện đại thiện xảo của hết thảy chư Phật, tức là dựa vào pháp môn này thành tựu đạo quả đại Bồ-đề rồi, vì các chúng sinh thuyết giảng về các pháp thiện của hàng trời-người, hàng Nhị thừa...

14. Gọi là kinh thuyết giảng về Nhất thừa, dùng pháp môn này hiển thị Thể cứu cánh nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng của Như Lai chứ đạo quả của Nhị thừa kia không phải là cứu cánh.

15. Gọi là trú nơi đệ nhất nghĩa, bởi vì pháp môn này tức là trú xứ

cứu cánh của pháp thân chư Phật Như Lai.

16. Gọi là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, có hai loại nghĩa. Những gì là hai loại? Đó là:

- Nghĩa ra khỏi nước: Bởi vì không thể rời xa tất cả vùng nước bùn đục của Tiểu thừa. Lại có nghĩa, dụ như hoa sen kia mọc lên giữa nước bùn. Các Thanh-văn được vào ngồi trong đại chúng của Như Lai, như các Bồ-tát ngồi trên hoa sen, nghe thuyết giảng về cảnh giới thanh tịnh và trí tuệ vô thượng của Như Lai, chứng được tạng sâu kín của Như Lai.

- Nghĩa hoa nở: Bởi vì các chúng sinh, đối với pháp Đại thừa, tâm sinh ra yếu đuối sợ hãi không thể nào tin nổi. Vì thế cần mở bày nêu rõ về Pháp thân vi diệu thanh tịnh của chư Phật Như Lai, khiến họ sinh tâm tin tưởng.

17. Gọi là pháp môn tối thượng, tức là thâu nhiếp thành tựu.

Thâu nhiếp mọi thành tựu, là nhiếp thủ vô lượng Danh-Cú-Tư-Thân, có Tần-bà-la (10 triệu), A-súc-bà bài kệ.

Mười bảy câu trong pháp môn này là tổng. Các câu còn lại là biệt. Như kinh nói: "Vì các Bồ-tát mà thuyết giảng kinh Đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa…".

IV. Thành tựu về oai nghi tùy thuận an trú dựa vào pháp đã Thuyết

Tức là nêu rõ dựa vào những pháp nào để thuyết pháp? Dựa vào ba loại pháp

1. Dựa vào sự thành tựu của Tam-muội. Tam-muội thành tựu nêu rõ có hai loại:

Một là, Thành tựu diệu lực tự tại, thân tâm bất động.

Hai là, Lìa tất cả chướng ngại, thuận theo diệu lực tự tại. Diệu lực tự tại này lại có hai loại:

- Tùy thuận chúng sinh không thấy đối trị nhiếp thủ sự hiểu biết về Bồ-đề phần pháp.

- Nhằm đối trị vô lượng đời về sau có những chúng sinh cố chấp theo phiền não. Như kinh nói: "Phật thuyết giảng kinh này rồi thì ngồi kiết già, nhập Tam-muội Vô lượng nghĩa xứ, thân tâm bất động".

2. Dựa vào khí thế gian.

3. Dựa vào chúng sinh thế gian.

Làm chấn động khắp các thế giới và biết rõ mọi sự việc của vô lượng kiếp quá khứ, như kinh nói: "Khi ấy, trời mưa xuống hoa Mạn-đà-

la" lần lượt cho đến: "Hoan hỷ chắp tay, nhất tâm chiêm ngưỡng Phật."

V. Thành tựu về nơi nương tựa thuyết giảng đến nhân

Vì các đại chúng thị hiện về dị tướng với các sự việc không thể nghĩ bàn. Đại chúng trông thấy rồi sinh tâm hiếm có, khao khát và ngưỡng mộ muốn được nghe, bèn suy nghĩ: "Như Lai hôm nay sẽ thuyết giảng cho chúng ta", cho nên gọi là thành tựu về nơi nương dựa thuyết giảng đến nhân. Do đó, Đức Như Lai phóng ra ánh sáng lớn, thị hiện vô số các sự việc trong những thế giới phương khác. Trước hết vì đại chúng mà thị hiện sự việc bên ngoài bằng sáu thứ chấn động. Tiếp theo là thị hiện pháp nội chứng thâm diệu sâu kín trong pháp môn này.

Lại dựa vào khí thế gian chúng sanh thế gian đủ loại số-đủ loại lượng, đầy đủ phiền não sai biệt, đầy đủ thanh tịnh sai biệt, Phật-Pháp-đệ tử sai biệt, vốn là thị hiện về Tam bảo. Lại có Thừa sai biệt, có thế giới có Phật, có thế giới không có Phật, khiến chúng sinh trông thấy có người tu hành chưa đắc quả, người đắc đạo đã đắc quả. Như kinh nói: "Những người tu hành đắc đạo".

Đủ loại về số, tức là nêu rõ đủ loại quán xét. Nói sơ lược có bốn loại quán xét:

1. Ăn uống
2. Nghe pháp
3. Tu hành
4. Vui thích.

Như kinh nói: "Bấy giờ Đức Phật, từ nơi tướng bạch hào giữa chặng mày phóng ra ánh sáng…" lần lượt cho đến "Đem Xá-lợi của Phật trở về, xây tòa tháp bằng bảy báu thờ phụng".

Hành đạo Bồ-tát, tức là giáo hóa chúng sinh, dựa vào bốn nhiếp làm phương tiện pháp nhiếp thủ. Nghĩa này nên biết. Như kinh đã nói nên tự mình nhiếp thủ.

VI. Thành tựu về đại chúng hiện tiền mong muốn nghe pháp

Từ đây trở xuống là chỉ rõ về phần thành tựu về đại chúng hiện tiền mong muốn nghe pháp. Một người thưa hỏi, là nhiều người mong muốn nghe pháp mà sinh tâm hiếm có, vì vậy chỉ một mình Văn-thù-sư-lợi thưa hỏi. Như vậy là nêu rõ đệ tử của Đức Thế Tôn tùy thuận với pháp không trái ngược. Nay Phật Thế Tôn hiện bày các tướng thần biến, là vì những ý nghĩa gì? Vì thuyết giảng về đại pháp, cho nên hiện bày tướng lớn để làm nhân duyên thuyết giảng. Hiện bày tướng lớn, là thuyết giảng kinh Diệu

Pháp Liên Hoa, cho nên hiện bày tướng tốt lành to lớn; là thuyết về diệu pháp không thể nghĩ bàn được trong những văn tự chương cú mà Như Lai đã chứng đắc. Có hai loại nghĩa, vì vậy tôn trọng nhường cho Văn-thù-sư-lợi. Những gì là hai nghĩa? Đó là:

1. Hiện thấy các pháp

2. Lìa mọi nhân duyên chỉ dựa vào nội tâm thành tựu pháp ấy. Thị hiện vô số các tướng tốt lành, là để nêu rõ những sự việc ấy.

Như sự việc ấy cùng hiện bày-ẩn đi-trụ-diệt nên khéo nhận biết. Bởi vì Văn-thù-sư-lợi có năng lực ghi nhớ sự việc ấy, do Văn-thù-sư-lợi đã thành tựu những việc làm, thành tựu về nhân quả, cho nên hiện tại thấy rõ pháp ấy.

Thành tựu những việc làm, ở đây có có hai loại:

1. Thành tựu về công đức

2. Thành tựu về trí tuệ.

Nhân thành tựu, ấy là thành tựu về Nhất thiết trí. Lại còn có nhân gọi là nhân duyên. Duyên Nhân thành tựu, đó là đầy đủ các tướng. Quả thành tựu đó là thuyết về đại pháp. Vô số quốc chư Phật khác lạ, đây là nêu rõ các sự sai biệt khác là trong quốc độ ấy, nên biết. Quốc độ thanh tịnh vi diệu, đó là trú xứ của chúng sinh không có phiền não. Như kinh nói: "Chiếu rọi vào một vạn tám ngàn thế giới ở phương Đông…" lần lượt cho đến "Đều thấy cảnh giới trang nghiêm nơi cõi Phật ấy". Như Lai là bậc thượng thủ, các vị Bồ-tát dựa vào Như Lai mà an trú. Bởi vì Như Lai được tự tại giữa các Đại chúng ở quốc độ ấy. Như kinh nói: "Lại thấy quốc độ hiện tại đều có chư Phật…"

VII. Thành tựu về sự trả lời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi

Từ đoạn này trở xuống là phần tiếp nêu rõ về bậc Thánh: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dùng trí túc mạng, hiện thấy rõ tướng nhân-tướng quả của quá khứ, thành tựu mười sự như ngay nơi hiện tại, do đó có thể đáp lại câu hỏi của Bồ-tát Di-lặc.

Thế nào là hiện thấy rõ tướng nhân của quá khứ? Tức là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tự thấy chính mình, từng ở trong các quốc độ như vậy, tu tập thực hành vô số sự việc.

Thế nào là hiện thấy rõ tướng quả của quá khứ? Nghĩa là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tự thấy chính mình, ở đời quá khứ là Bồ-tát Diệu Quang, ở nơi trụ xứ của Đức Phật nghe được pháp môn này, vì chúng sinh mà thuyết giảng.

Những gì gọi là thành tựu về mười sự? Đó là:

1. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân Đại nghĩa.

2. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân rất sâu xa trong ý nghĩa-danh tự-chương cú thế gian.

3. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân hy hữu.

4. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân thắng diệu.

5. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân thọ dụng to lớn.

6. Hiện thấy rõ sự thành tựu về nhân nhiếp thủ chuyển pháp luân của hết thảy chư Phật.

7. Hiện thấy rõ sự thành tựu về nhân chuyển pháp luân của Như Lai hết sức vững chắc.

8. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân có năng lực tiến vào.

9. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân nhớ nghĩ không quên.

10. Hiện thấy rõ sự thành tựu về nhân của những việc làm cho chính mình đã trải qua.

1. Thành tựu của nhân Đại nghĩa: Gồm tám câu nêu rõ, nghĩa ấy nên biết. Những gì là tám câu? Đó là:

- Sắp luận bàn về Đại pháp.
- Sắp rưới xuống làm mưa Đại pháp.
- Sắp đánh trống Đại pháp.
- Sắp dựng lên cột cao Đại pháp.
- Sắp thắp lên ngọn đèn Đại pháp.
- Sắp thổi tiếng tù và Đại pháp.
- Mong muốn tiếng trống Đại pháp không dừng lại.
- Sắp thuyết giảng về Đại pháp.

Tám câu này là muốn nêu rõ Đức Như Lai sắp luận bàn về Đại pháp.

Những gì gọi là tám loại nghĩa về Đại? Nghĩa là có người nghi ngờ thì được đoạn trừ nghi ngờ; người đã đoạn trừ thì trí thân của họ được tăng trưởng thuần thục.

Căn thuần thục: là nói về hai loại cảnh giới vi diệu bí mật:

1. Cảnh giới vi diệu bí mật của Thanh-văn.

2. Cảnh giới vi diệu bí mật của Bồ-tát.

Trống Đại pháp, gồm hai câu nêu rõ bởi vì nghe thấy từ xa.

Nhập vào cảnh giới bí mật, tức là khiến cho Bồ-tát tiến lên chọn lấy nghĩa lý thanh tịnh cao nhất.

Tiến lên chọn lấy nghĩa thanh tịnh cao nhất, là khiến cho Bồ-tát tiến

lên chọn lấy Nhất thiết chủng trí, thấy hiện tại đạt được.

Khiến cho Bồ-tát tiến lên chọn lấy Nhất thiết chủng trí, thấy hiện tại đạt được, tức là kiến lập về nghĩa lý-chương cú-danh tự của tất cả pháp.

Kiến lập về nghĩa lý-chương cú-danh tự, là khiến cho tiến vào chứng trí chuyển pháp luân không thể nào nói được.

2. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân rất sâu xa trong ý nghĩa-danh tự-chương cú thế gian: Như kinh nói: "Tôi ở nơi chư Phật thời quá khứ từng thấy điềm lành này…" lần lượt cho đến: "Nên hiện bày điềm lành ấy".

3. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân hy hữu: Do vô lượng thời gian không thể đạt được.

Không thể nghĩ bàn, không thể nói ra, không thể suy lường, là nêu rõ vượt qua A-tăng-kỳ kiếp nhưng không thể nào đạt được.

Lại còn nêu rõ về năm loại kiếp. Đó là: Đêm-ngày-tháng-mùa-năm, nêu rõ về thời gian đời kiếp là vô lượng vô biên. Như kinh nói: "Như thời quá khứ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp không thể nghĩ bàn, bấy giờ có Đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh…" lần lượt cho đến: "Khiến đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thành tựu Nhất thiết chủng trí".

4. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân thắng diệu: Tức là nêu rõ về tự thọ dụng của chư Phật và chư Bồ-tát. Như kinh nói: "Tiếp theo lại có Phật cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh…" lần lượt cho đến: "Pháp đã được thuyết giảng thì các phần đầu-giữa và sau đều thiện".

5. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân thọ to lớn: Thời ấy, Vương tử cảm nhận niềm vui thù thắng vi diệu đều rời bỏ mà xuất gia. Lại nữa, đại chúng ấy vào lúc bấy giờ, tâm không chút mệt mỏi. Như kinh nói: "Đức Phật sau cùng kia, lúc chưa xuất gia…" lần lượt cho đến: "Phật thọ ký rồi, vào lúc giữa đêm nhập Niết-bàn vô dư".

6. Hiện thấy rõ sự thành tựu về nhân nhiếp thủ chuyển pháp luân của hết thảy chư Phật: Tức là pháp luân không đoạn. Như kinh nói: "Sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang vâng giữ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa trải qua đủ tám mươi tiểu kiếp, vì mọi người mà giảng nói".

7. Hiện thấy rõ sự thành tựu về nhân chuyển pháp luân của Như Lai hết sức vững chắc,: Sau khi Phật diệt độ, trải qua vô lượng thời gian thuyết giảng. Như kinh nói: "Tám người con Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều thờ Bồ-tát Diệu Quang làm thầy…" lần lượt cho đến: "Đều

khiến cho tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng luôn luôn kiên cố".

8. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân có năng lực tiến vào: Tức là chỉ cho các Vương tử kia đạt được Đại Bồ-đề. Như kinh nói: "Các vương tử ấy…" lần lượt cho đến: "Đều thành tựu Phật đạo".

9. Hiện thấy rõ sự thành tựu của nhân nhớ nghĩ: Tức là vì người khác mà thuyết pháp làm lợi ích cho họ. Như kinh nói: "Người thành Phật sau cùng hiệu là Nhiên Đăng…" lần lượt cho đến: "Tôn trọng, tán thán".

10. Hiện thấy rõ sự thành tựu về nhân của những việc làm do chính mình đã trải qua: Do tự thân thọ nhận sự an lạc thắng diệu. Như kinh nói: "Bồ-tát Di-lặc nên biết…" lần lượt cho đến: "Được Phật hộ niệm".

Ông hiện là Cầu Danh: Tức là nêu rõ nhận biết các việc làm trong quá khứ của người ấy. Lại còn nêu rõ, nay đạt được pháp kia đều đầy đủ. Vả lại, dựa vào nghĩa thâu nhiếp vốn có ba:

Một là, Đồng ý thuyết giảng. Như kinh nói: "Nay Đức Phật Thế Tôn sắp thuyết giảng về Đại pháp …"

Hai là, Thành tựu thuyết giảng đúng như thật. Như kinh nói: "Tôi ở thời quá khứ từng thấy…"

Ba là, Khiến chờ đợi thuyết giảng. Như kinh nói: "Các người nay nên biết …"

Từ đây trở xuống là nêu rõ về tướng nhân quả của pháp đã thuyết giảng, nên biết.

Phẩm 2: PHƯƠNG TIỆN -Phần 1

Kinh: Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nhập Tam-muội rất sâu xa, chánh niệm bất động, dùng trí quán xét đúng như thật. Từ trong Tam-muội an lành mà đứng dậy. Đứng dậy rồi liền nói cho Tôn giả Xá-lợi-phất biết rằng: Này Xá-lợi-phất! Trí tuệ của chư Phật rất sâu xa vô lượng, cánh cửa trí tuệ ấy khó thấy-khó hiểu-khó giải thích-khó tiến vào. Sự chứng đắc của Như Lai thì tất cả hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật vốn không thể biết được. Tại vì sao? Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Bởi vì Như Lai Ứng Chánh Biến Tri đã từng thân cận cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, ở nơi trăm ngàn vạn ức na-do-tha Đức Phật, hành trì tất cả giáo pháp Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác mà chư Phật đã tu chứng. Này Xá-lợi-phất! Như Lai đã ở nơi vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp dũng mãnh tinh tiến thành tựu những việc làm, danh tiếng lan truyền khắp nơi. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai cuối cùng đã thành tựu về pháp hy hữu. Này Xá-lợi-Phật! Pháp khó hiểu rõ, Như Lai đã có năng lực biết rõ. Này Xá-lợi-phất! Pháp khó hiểu rõ ấy, chư Phật Như Lai đã tùy thuận mà thuyết giảng, ý nghĩa khó hiểu vô cùng, tất cả các hàng Thanh văn-Bích chi Phật vốn không thể nào biết được. Tại vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bởi vì chư Phật Như Lai tự tại thuyết giảng về sự thành tựu của nhân. Này Xá-lợi-phất! Như Lai thành tựu các loại phương tiện, các loại tri kiến, các loại niệm quán, các loại ngôn từ. Này Xá-lợi-phất! Như Lai từ khi thành Phật đến nay, ở khắp mọi nơi diễn giảng rộng ra ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sinh, ở những nơi vướng mắc làm cho được giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Như Lai dùng phương tiện Tri kiến đến nơi bờ giác ngộ. Này Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, không có sức mạnh nào làm cho chướng ngại không có gì sợ hãi, pháp bất cộng căn-lực, Bồ-tát phần-thiền định-giải thoát, Tam-muội và Tam-ma-bạt-đề đều đã đầy đủ. Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Như Lai tiến sâu vào cảnh giới vô biên thành tựu tất cả pháp chưa từng có. Này Xá-lợi-Phất! Như Lai có năng lực phân biệt các loại, khéo léo thuyết giảng các pháp bằng ngôn từ dịu dàng làm vui lòng vừa ý mọi người.

Này Xá-lợi-phất! Dừng lại, không cần phải nói thêm. Này Xá-lợi-phất! Đức Phật đã thành tựu pháp khó hiểu hiếm có bậc nhất. Này Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật và Phật thuyết pháp, thì Chư Phật Như Lai có năng lực biết rõ thật tướng của cánh cửa pháp ấy. Này Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật Như Lai mới biết rõ này Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật Như Lai có năng lực thuyết giảng tất cả các pháp, Pháp như thế nào, sao nói là pháp, pháp tương tự gì, pháp tướng thế nào, thể là gì, tất cả pháp thuộc loại như vậy, Như Lai hiện thấy rõ không có gì không hiện thấy.

Giải Thích:

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhập vào Tam-muội… liền nói cho Tôn giả Xá-lợi-phất biết rằng: Tức là nêu rõ Như Lai đạt được diệu lực tự tại. Như Lai nhập định không thể vì sợ hãi mà thức giấc.

Vì sao chỉ nói với Tôn giả Xá-lợi-phất mà không nói với các vị Thanh-văn khác? Bởi vì tùy theo trí tuệ sâu sắc của đương tương ưng với Như Lai.

Vì sao không nói với các vị Bồ-tát? Có năm loại nghĩa:

1. Vì sự việc ứng hợp với các Thanh-văn.
2. Vì các Thanh-văn hồi tâm hướng đến Đại Bồ-đề.
3. Giúp đỡ vì các Thanh-văn sợ hãi khiếp nhược.
4. Vì khiến cho những người khác cố gắng suy niệm.
5. Vì các Thanh-văn không khởi tâm: Mọi việc làm đã làm xong.

Trí tuệ của chư Phật rất sâu xa vô lượng: Tức là làm cho các đại chúng luôn sinh tâm tôn trọng, hoàn toàn muốn nghe Như Lai thuyết giảng.

Nói hết sức sâu xa: Tức là hiển thị hai loại nghĩa thâm diệu, nên biết như vậy. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Chứng đắc hết sức sâu xa. Nghĩa là trí tuệ của chư Phật hết sức sâu xa vô lượng.
2. Giáo pháp (A-hàm) hết sức sâu xa. Tức là phần trí tuệ hết sức sâu xa vô lượng.

Nói hết sức sâu xa, đây là tướng chung. Phần còn lại là tướng riêng.

Chứng đắc hết sức sâu xa là nêu rõ về năm loại:

1. Nghĩa hết sức sâu xa. Tức là dựa vào những nghĩa thâm diệu như thế nào?
2. Thật thể hết sức sâu xa.
3. Nội chứng hết sức sâu xa.
4. Nương dựa hết sức sâu xa.
5. Vô thượng hết sức sâu xa.

Cái gì là hết sức sâu xa? Tức là Đại Bồ-đề.

Đại Bồ-đề: Tức là pháp mà Như Lai đã chứng đắc, là đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hết sức sâu xa như thế nào? Tức là tất cả hàng Nhị thừa vốn không thể nào biết được cho nên gọi là "Hết sức sâu xa".

Nói trí tuệ: Tức là nghĩa của Nhất thiết chủng Nhất thiết trí. Như kinh nói: "Trí tuệ của chư Phật… tất cả hàng Thanh-văn và Bích-chi Phật vốn không thể nào biết được".

A-hàm hết sức sâu xa. Nêu rõ tám loại:

1. Thọ trì đọc tụng hết sức sâu xa. Như kinh nói: "Đã từng thân cận, cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật".
2. Tu hành hết sức sâu xa. Như kinh nói: "Ở nơi trăm ngàn vạn ức na-do-tha Đức Phật, hành trì tất cả pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác mà chư Phật đã tu chứng".

3. Quả hành hết sức sâu xa: Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Như Lai đã ở trong vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp dũng mãnh tinh tiến thành tựu những việc làm".

4. Tâm tăng trưởng công đức hết sức sâu xa. Như kinh nói: "Danh tiếng lang truyền khắp nơi".

5. Tâm vui vẻ làm việc tuyệt diệu hết sức sâu xa. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Như Lai cuối cùng đã thành tựu về pháp hy hữu".

6. Vô thượng hết sức sâu xa: Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Pháp khó hiểu rõ, Như Lai có năng lực biết rõ".

7. Tiến vào hết sức sâu xa: Tức là về danh tự-chương cú-ý nghĩa đều khó đạt được, tự dùng để trú trì mà thuyết về pháp nhân duyên không giống như ngoại đạo, cho nên gọi là "Hết sức sâu xa". Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Pháp khó hiểu rõ ấy, chư Phật Như Lai đã tùy thuật mà thuyết giảng, ý nghĩa khó hiểu vô cùng".

8. Không cùng với những việc làm của hàng Nhị thừa mà trú trì hết sức sâu xa. Như kinh nói: "Tất cả các hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật vốn không thể nào biết được".

**

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA ƯU BA ĐỀ XÁ

QUYỂN HẠ

Phẩm 2: PHƯƠNG TIỆN,

Phần 2 Như vậy đã nói đầy đủ về công đức của diệu pháp.

Tiếp theo nói về Như Lai thành tựu công đức của bậc Pháp sư, nên biết. Như kinh nói: "Tại vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bởi vì chư Phật Như Lai tự tại thuyết giảng về sự thành tựu của nhân." Như Lai thành tựu bốn loại công đức cho nên có năng lực hóa độ chúng sinh. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Thành tựu về trú. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Như Lai thành tựu các loại phương tiện".

Các loại phương tiện: Tức là từ trong cõi trời Đâu-suất giáng trần… cho đến thị hiện nhập Niết-bàn.

2. Thành tựu về giáo hóa. Như kinh nói: "Thành tựu các loại tri kiến".

Các loại tri kiến: Tức là nêu rõ các nhân nhiễm-tịnh.

3. Thành tựu về công đức trọn vẹn. Như kinh nói: "Thành tựu các loại niệm quán".

Các loại niệm quán: Tức là nhân duyên thành tựu để thuyết giảng về pháp ấy, vốn như pháp tương ưng.

4. Thành tựu về thuyết giảng. Như kinh nói: "Thành tựu vô các loại ngôn từ".

Các loại ngôn từ: Tức là dùng bốn trí vô ngại, dựa vào những danh tự-chương cú như thế nào, thuật theo những chúng sinh như thế nào có thể tiếp nhận mà thuyết giảng cho họ.

Lại còn có nghĩa: Các loại phương tiện. Các loại phương tiện nêu rõ các tà pháp hiện có của ngoại đạo, vốn có đủ loại lỗi lầm như vậy-như vậy.

Các loại phương tiện nêu rõ chánh pháp hiện có của chư Phật, vốn có các loại công đức như vậy-như vậy. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Ta từ khi thành Phật đến nay…"

Lại dùng vô số phương tiện: Tức là phương tiện khiến cho tiến vào các pháp thiện. Lại nữa, phương tiện là đoạn trừ các thứ nghi hoặc. Lại nữa, phương tiện là khiến cho tiến vào trong trí thù thắng tăng thượng. Lại nữa, phương tiện là dựa vào bốn nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sinh khiến cho họ được giải thoát.

Những nơi vướng mắc: Tức là vướng mắc vào tất cả mọi nơi, hoặc chấp vào các cảnh giới, hoặc chấp vào nơi chốn, hoặc chấp vào các phần, hoặc chấp vào các thừa.

Chấp vào các cảnh giới: Nghĩa là chấp vào ba cõi Dục-Sắc-Vô sắc.

Chấp vào các địa: Tức là chấp vào các cảnh giới. Dựa vào Tam-muội để giữ lấy địa của thiền định. Nghĩa là địa của thiền thứ nhất, cho đến địa của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và chọn lấy địa của Diệt tận định.

Chấp vào các phần: Tức là chấp vào phần tại gia-xuất gia.

Chấp vào phần tại gia: Tức là chấp đồng loại với mình gây ra các thứ nghiệp-tà kiến...

Chấp vào phần xuất gia: Tức là chấp vào tiếng khen-lợi dưỡng và các thứ giác ngộ-phiền não…

Chấp vào các thừa: Tức là chấp vào Thanh-văn vui thích Trì giới thừa, Bồ-tát thừa.

Chấp vào Thanh-văn thừa: Tức là vui thích trì giới nơi Tiểu thừa, cầu đạt được bốn quả Thanh-văn là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Chấp vào Đại thừa: Tức là chấp vào lợi dưỡng-cung kính-cúng dường...

Chấp vào phân biệt quán xét: Tức là các loại pháp tướng, cho đến Phật địa.

Lại nữa, các loại tri kiến: Tức là tự thân thành tựu cảnh giới thắng diệu không thể nghĩ bàn, cùng với các Thanh-văn và Bồ-tát. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Như Lai dùng phương tiện Tri kiến đến nơi bờ giác ngộ."

Đến nơi bờ giác ngộ: Tức là thù thắng so với tất cả các Bồ-tát. Lại nữa, các loại niệm quán. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất!

Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, không có sức mạnh nào làm cho chướng ngại-không có gì sợ hãi, pháp bất cộng-căn-lực, Bồ-đề phần-Thiền định-Giải thoát,Tam-muội và Tam-ma-bạt-đề đều đã đầy đủ."

Thành tựu thứ nhất là đối với chúng sinh có thể hóa độ: Dựa vào các

bậc thiện tri thức mà thành tựu.

Thành tựu thứ hai là đối với chúng sinh căn trí đã thành thục thì khiến cho họ đạt được giải thoát.

Thành tựu thứ ba là nơi chốn của diệu lực tự tại hàng phục đạt được thanh tịnh.

Thành tựu thứ tư lại có bảy loại:

1. Các loại thành tựu. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Như Lai tiến sâu vào cảnh giới vô biên, thành tựu tất cả các pháp chưa từng có."

2. Ngôn ngữ thành tựu: Tức là đạt được năm loại âm thanh ngôn ngữ tuyệt diệu mà thuyết pháp. Như kinh nói: "Như Lai có năng lực phân biệt các loại, khéo léo thuyết giảng về các pháp bằng ngôn từ dịu dàng làm vui lòng vừa ý mọi người."

3. Tướng thành tựu. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Dừng lại không cần phải nói thêm." Tức là có chúng sinh là pháp khí, tâm đã đầy đủ.

4. Có thể được thành tựu: Tức là tất cả chúng sinh có thể hóa độ hiện có, đều biết rõ Như Lai đã thành tựu công đức thù thắng hy hữu, có năng lực thuyết pháp. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Phật đã thành tựu pháp khó hiểu hiếm có bậc nhất."

5. Vô lượng chủng loại thành tựu, nói không thể nào hết được. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật và Phật thuyết pháp thì Chư Phật Như Lai có năng lực biết rõ thật tướng cứu cánh của pháp kia."

Nói thật tướng ấy, đó là nghĩa bất biến về Thể của Pháp thân-Như Lai tạng.

6. Giác ngộ về Thể thành tựu: Hết thảy các pháp do Như Lai thuyết giảng, chỉ có Phật Như Lai mới tự chứng đắc. Như kinh nói: "Chỉ có Phật Như Lai mới biết rõ tất cả các pháp."

7. Tùy thuận tâm ý của chúng sinh, vì họ thuyết giảng về pháp tu hành thành tựu, pháp ấy như thế nào-thế nào…? Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật Như Lai có năng lực thuyết giảng về tất cả các pháp."

- Thứ nhất là dùng các loại pháp môn để nhiếp thủ chúng sinh.
- Thứ hai là khiến cho chúng sinh an trú không tán loạn.
- Thứ ba là khiến cho chọn lấy.
- Thứ tư là khiến đạt được giải thoát.

- Thứ năm là khiến họ tu hành thành tựu đạt được pháp đối trị.
- Thứ sáu là khiến chúng sinh tu tập tiến lên đến thành tựu.
- Thứ bảy là khiến tu hành đạt được không còn thối chuyển.

Bảy loại pháp này là do tự thân các chúng sinh làm thiện mà thành tựu.

Lại cùng giáo hóa khiến cho thành tựu: Tức là cùng với hai loại pháp khiến cho thành tựu. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Cùng chứng pháp
2. Cùng thuyết pháp.

- Cùng chứng pháp khiến cho thành tựu: Tức là dựa vào pháp chứng đắc mà trao cho.
- Cùng thuyết pháp khiến cho thành tựu: Là dựa vào pháp thuyết giảng mà thuyết cho họ.

Hai loại pháp này như vừa nói ở trước. Dựa vào hai pháp đó, có thứ tự gì để có thể tu tập. Tức là văn phần trước đây nói lại, nên biết.

Lại nữa, dựa vào pháp chứng đắc lại có năm loại:

1. Pháp như thế nào?
2. Sao nói là pháp?
3. Pháp tương tự gì?
4. Pháp tướng thế nào?
5. Pháp thể thế nào?

- Pháp như thế nào?

Tức là pháp của hàng Nhị thừa, pháp của chư Phật.

- Sao nói là pháp?

Là dấy khởi vô số các sự việc để thuyết giảng.

- Pháp tương tự gì?

Tức là dựa vào ba loại môn để được thanh tịnh.

- Pháp tướng thế nào? Là ba loại nghĩa về pháp nhất tướng.
- Pháp thể thế nào? Tức là không có hai Thể. Không có hai Thể:

Tức là vô lượng thừa chỉ có một Phật thừa chứ không có hai Thừa.

Lại còn có nghĩa:

- Pháp như thế nào? Đó là pháp hữu vi, vô vi …
- Sao nói là pháp? Tức là pháp nhân duyên, pháp không phải nhân duyên...
- Pháp tương tự gì? Tức là pháp thường, pháp vô thường...
- Pháp tướng thế nào?

Nghĩa là pháp có ba tướng như sinh..., pháp có ba tướng như không sinh...

- Pháp thể thế nào?

Tức là Thể của năm ấm,

Thể không phải là năm ấm.

Lại nữa:

- Pháp tương tự gì?

Tức là pháp vô thường, pháp hữu vi, pháp nhân duyên.

- Pháp tướng thế nào? Tức là pháp có thể thấy tướng...
- Pháp thể thế nào?

Đó là năm ấm, là chủ thể giữ lấy, có thể giữ lấy, bởi vì năm ấm là Thể của Khổ-Tập. Lại nữa, năm ấm là Thể của Đạo đế.

Lại có nghĩa khác, dựa vào pháp thuyết giảng mà giảng giải.

- Pháp như thế nào? Tức là danh-cú-tự-thân...
- Sao nói là pháp? Là dựa vào pháp mà Như Lai đã thuyết.
- Pháp tương tự gì? Tức là chủ thể giáo hóa có thể giáo hóa.
- Pháp tướng thế nào?

Là dựa vào âm thanh mà giữ lấy, vốn dựa vào âm thanh để giữ lấy pháp ấy.

- Pháp thể thế nào?

Thể là giả danh, nghĩa thuộc về pháp tướng.

Từ đây trở xuống là tiếp theo dựa vào nghĩa mà nói:

1. Nghĩa quyết định.
2. Nghĩa hồ nghi.
3. Dựa vào sự việc gì để nghi thì nghĩa nên khéo biết rõ.

- Nghĩa quyết định: Có bậc Thanh-văn, dùng phương tiện có thể chứng pháp sâu xa dấy lên tâm quyết định. Ở trong đạo Thanh-văn đạt được phương tiện chứng đến Niết-bàn. Hai loại pháp chứng đắc như vậy, nên rõ về pháp hữu vi, vô vi. Như kinh nói: "Bấy giờ, trong đại chúng có các Thanh-văn là bậc A-la-hán dứt sạch các lậu…" lần lượt cho đến: "Cũng đạt được pháp ấy đến nơi Niết-bàn."

- Nói về nghĩa hồ nghi: Tức là chỉ cho hàng Nhị thừa, không thể nào biết được, vì thế sinh ra hồ nghi. Như kinh nói: "bây giờ không biết nghĩa này hướng về đâu?"

- Dựa vào sự việc gì để có nghĩa hồ nghi: Tức là nghe Như Lai thuyết về giải thoát của Thanh-văn cùng với giải thoát của Phật không sai

khác không tách lìa, vì vậy sinh nghi. Sinh nghi là sinh nghi trong nhân: Sự việc này như thế nào? Ở đây, do Như Lai nhiều lần thuyết về cảnh giới hết sức sâu xa. Trước nói hết sức sâu xa, sau nói cũng hết sức sâu xa không giống như Thanh-văn. Vì thế cho nên sinh nghi. Như kinh nói: "Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất biết rõ tâm hồ nghi của bốn chúng…" lần lượt cho đến: "Bèn nói kệ rằng."

Từ đoạn này trở đi: Là tiếp theo dựa vào nêu rõ bốn loại sự việc mà nói:

1. Tâm quyết định.
2. Nhân thọ ký.
3. Nhận lấy thọ ký.
4. Trao thọ ký.

Thế nào là tâm quyết định? Tức là những người đã sinh kinh sợ thì khiến cho đoạn trừ sự kinh sợ ấy, dùng làm lợi ích cho hai loại người. Vì đây Như Lai có tâm quyết định.

Những người kinh sợ ấy có năm loại, nên biết:

1. Kinh sợ vì tổn giảm: Tức là các chúng sinh Tiểu thừa như âm thanh đã nghe mà giữ lấy cho là thật, bài báng không có Đại thừa mà khởi tâm như vậy: Như Lai thuyết về quả A-la-hán là Niết-bàn cứu cánh. Chúng ta hoàn toàn chọn lấy Niết-bàn như vậy. Do đó, nghe nói La-hán không nhập Niết-bàn thì sinh ra kinh sợ như vậy.

2. Kinh sợ vì nhiều việc: Tức là chỉ cho chúng sinh Đại thừa nghe nói đạo Bồ-tát trải qua kiếp số hành trì lâu xa, cùng vô số khổ hạnh mà khởi tâm như vậy: Phật đạo lâu xa, chúng ta ở trong vô lượng vô biên kiếp hành hạnh Bồ-tát phải nhận chịu vất vả lâu dài. Nghĩ như vậy cho nên sinh tâm kinh sợ. Vì vậy cho nên khởi tâm chọn lấy thừa pháp, tránh sự kinh sợ như vậy.

3. Kinh sợ vì điên đảo: Tức là tâm phân biệt có ngã và ngã sở với vô số các loại thân. Thấy rõ các pháp bất thiện cho nên kinh sợ như vậy.

4. Kinh sợ vì tâm hối tiếc: Tức là Đại đức Xá-lợi-phất... khởi tâm như vậy: Ta không nên tu tập, chứng đắc pháp Tiểu thừa như vậy. Đã có tâm hối tiếc như vậy, liền tự dừng lại. Tức là tâm hối tiếc này gọi là kinh sợ. Nghĩa ấy nên biết.

5. Kinh sợ vì dối gạt: Tức là hàng Thanh-văn tăng thượng mạn khởi tâm như vậy: Vì sao Như Lai dối gạt chúng ta? Vì vậy mà sinh ra

kinh sợ

Nhân thọ ký. Như kinh nói: "Thôi thôi, này Xá-lợi-phất! Không nên nói nữa. Nếu nói sự việc ấy thì hết thảy hàng trời-người ở thế gian đều sinh tâm kinh sợ."

Việc nhân nơi thọ ký đều sinh sợ hãi này có ba thứ nghĩa:

1. Muốn khiến cho các đại chúng kia tìm cầu cảnh giới sâu xa vi diệu.
2. Muốn khiến cho các đại chúng kia sinh tâm tôn trọng, hoàn toàn muốn nghe Như Lai thuyết pháp.
3. Muốn khiến cho các Thanh-văn tăng thượng mạn lìa bỏ pháp tòa mà đứng dậy đi ra.

- Thưa thỉnh lần hai: Tức là nêu rõ vô lượng chư Phật thời quá khứ đã giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: "Vô số các chúng hội ấy…" lần lượt cho đến: "Nghe Phật đã thuyết thì sinh lòng tin tưởng cung kính".
- Thưa thỉnh lần ba: Là nêu rõ về Phật hiện tại giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: "Nay trong chúng hội này, ví như chúng ta…" lần lượt cho đến: "Suốt trong đêm dài sinh tử luôn được an ổn thêm nhiều lợi ích."
- Nhận lấy thọ ký: Bởi vì tất cả như Xá-lợi-phất... muốn được thọ ký. Như kinh nói: "Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ông đã ba lần thưa thỉnh, Như Lai há không tuyên thuyết, nay ông phải nên lắng nghe…."

Trao cho thọ ký: Có sáu thứ, nên biết. Đó là:

1. Chưa nghe khiến được nghe.
2. Thuyết giảng.
3. Dựa vào những nghĩa nào.
4. Khiến an trú.
5. Dựa vào pháp.
6. Ngăn chặn.

- Người chưa nghe khiến được nghe. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Pháp vi diệu như vậy, chư Phật Như Lai lúc này mới thuyết giảng. Như hoa Ưu-đàm-bát…"
- Thuyết giảng. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Như Lai đã dùng vô số phương tiện, các loại nhân duyên-thí dụ-ngôn từ để diễn thuyết các pháp..."

Các loại nhân duyên: Đó là ba Thừa. Ba Thừa ấy chỉ có danh tự-chương cú-ngôn thuyết chứ không phải có thật nghĩa, bởi vì thật nghĩa ấy

không thể nào thuyết giảng được.

- Dựa vào những nghĩa nào. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Thế Tôn chỉ gì một nhân duyên đại sự cho nên xuất hiện ở thế gian…"

Một đại sự ấy dựa vào bốn loại nghĩa, nên khéo léo biết rõ. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Nghĩa Vô thượng: Chỉ trừ Như Lai là bậc Nhất thiết trí nhận biết, lại không có sự việc nào khác. Như kinh nói: "Vì muốn mở bày tri kiến của Phật, khiến cho chúng sinh nhận hiểu, đạt được thanh tịnh, cho nên xuất hiện ở thế gian".

Tri kiến của Phật: Tức là Như Lai tự mình chứng đắc, do nhận biết đúng như thật về nghĩa sâu xa kia.

2. Nghĩa đồng: Tức là Pháp thân của Phật và hàng Nhị thừa đều bình đẳng. Như kinh nói: "Muốn chỉ rõ cho chúng sinh về tri kiến của Phật cho nên xuất hiện ở thế gian."

Pháp thân bình đẳng: Tức là Pháp thân, Phật tánh không sai biệt.

3. Nghĩa không nhận biết: Tức là hàng Nhị thừa không thể nhận biết về nơi chốn chân thật kia.

Ở đây nói không thể nhận biết về nơi chốn chân thật: Tức là không nhận biết cứu cánh chỉ là một Phật thừa. Như kinh nói: "Muốn khiến cho chúng sinh tỏ ngộ về tri kiến của Phật cho nên xuất hiện ở thế gian."

4. Khiến cho chứng được địa không thối chuyển: Nêu rõ là muốn trao cho vô lượng trí nghiệp. Như kinh nói: "Muốn khiến cho chúng sinh nhập vào tri kiến của Phật cho nên xuất hiện ở thế gian."

Lại còn nêu rõ: Tức là vì các Bồ-tát có tâm nghi, khiến cho nhận biết đúng như thật để tu tập.

Lại ngộ nhập: Tức là đối với người chưa phát tâm thì khiến cho phát tâm. Đã phát tâm rồi thì khiến cho hội nhập với pháp.

Lại còn tỏ ngộ: Tức là khiến cho chúng sinh ngoại đạo sinh tâm giác ngộ.

Lại còn hội nhập: Tức là khiến cho người đã đạt được quả Thanh văn Tiểu thừa hội nhập với Bồ-đề.

- Khiến an trú. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chỉ dùng một Phật thừa, vì chúng sinh mà thuyết pháp."

- Dựa vào pháp. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chư Phật thời

quá khứ đã dùng vô lượng vô số phương tiện, vô số các loại thí dụ-nhân duyên-phương tiện niệm quán để thuyết pháp. Pháp ấy đều là một Phật thừa…"

Nói thí dụ: Tức là như dựa vào bò thì có được sữa, lạc, sinh tô, thục tô, cùng với đề hồ. Trong năm vị này thì đề hồ là bậc nhất. Tiểu thừa chẳng như vậy mà giống như sữa. Đại thừa là hơn hết, giống như đề hồ. Dụ này nêu rõ Đại thừa là vô thượng. Các hàng Thanh-văn cũng đồng với nghĩa vô thượng của Đại thừa.

Thanh-văn đồng: Tức là trong này nêu rõ về tánh đồng với Pháp thân của chư Phật Như Lai. Các hàng phàm phu-Nhị thừa, Pháp thân đều bình đẳng không có sai biệt. Nghĩa này đều là thí dụ, nêu rõ về nghĩa nhân duyên, như trước đã nói.

Nói niệm quán: Tức là trong đế của Tiểu thừa quán về nhân vô ngã... Trong đế của Đại thừa thì có vô số các thứ quán: Nhân vô ngã, pháp vô ngã, chân như, thật tế, pháp giới, pháp tánh.

Nói phương tiện: Tức là ở trong Tiểu thừa, quán về ấm-giới-nhập, chán khổ, lìa khổ, đạt được giải thoát. Ở trong Đại thừa thì tu tập các pháp Ba-la-mật, dùng bốn nhiếp pháp để nhiếp thủ tự thân-tha thân, pháp lợi ích-đối trị.

- Ngăn chặn. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Trong mười phương thế giới, hãy còn không có hai Thừa, huống hồ là có ba Thừa…"

Không có hai Thừa: Tức là không có Niết-bàn do hai Thừa mà đạt được. Chỉ có Như Lai chứng đắc Đại Bồ-đề, đầy đủ rốt ráo tất cả trí tuệ, gọi là Đại Niết-bàn, chẳng phải là hàng Nhị thừa có pháp Niết-bàn, vì chỉ có một Phật thừa.

Một Phật thừa: Tức là dựa vào bốn loại nghĩa để nói, nên khéo nhận biết. Như Lai dựa sáu loại thọ ký này, vì vậy trước đã nói về: Pháp như thế nào? Sao nói là pháp? Pháp tương tự gì? Pháp tướng thế nào? Pháp thể ra sao? Nêu rõ như thế.

Pháp như thế nào? Tức là pháp chưa từng nghe.

Sao nói là pháp? Tức là vô số các thứ ngôn từ-thí dụ để nói rõ ràng.

Pháp tương tự gì? Tức là chỉ vì một đại sự.

Pháp tướng thế nào? Tức là tùy theo căn trí của chúng sinh mà thuyết giảng về các pháp Phật.

Pháp thể ra sao? Đó là chỉ có Thể của một Thừa. Thể của một Thừa: Đó là Pháp thân bình đẳng của chư Phật Như Lai. Hàng Nhị thừa chẳng phải là Thể của Pháp thân bình đẳng ấy, vì hành quán về nhân quả không giống nhau.

Từ đây trở xuống là Đức Như Lai thuyết pháp, để đoạn trừ bốn loại tâm nghi, nên biết. Những gì là bốn nghi? Đó là

1. Nghi: Thuyết giảng vào lúc nào.
2. Nghi: Làm sao nhận biết là người tăng thượng mạn.
3. Nghi: Làm thế nào có thể thuyết giảng.
4. Nghi: Làm sao Như Lai không trở thành vọng ngữ.

Thuyết giảng vào lúc nào? Chư Phật Như Lai vào thời gian nào mà phát khởi các loại phương tiện thuyết pháp? Để đoạn trừ nghi này, như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chư Phật xuất hiện ở đời năm trược xấu ác: Đó là kiếp trược…"

Làm sao nhận biết là người tăng thượng mạn: Như Lai không vì những người tăng thượng mạn mà thuyết giảng các pháp. Làm sao nhận

biết đó là người tăng thượng mạn? Để đoạn trừ nghi này, như kinh nói: "Nếu có Tỳ-kheo thật sự đạt được A-la-hán, mà không tin nơi pháp này, thì không có điều ấy…."

Làm sao có thể thuyết giảng? Nghe pháp từ nơi Phật mà khởi tâm hủy báng, Như Lai phải là người không có thể thuyết pháp, làm sao không trở thành người không có thể thuyết pháp? Để đoạn trừ nghi này, như kinh nói: "Ngoại trừ sau khi Phật diệt độ, hiện tại trước mắt không có Phật… "

Làm sao Như Lai không trở thành vọng ngữ? Đây là bởi vì Như Lai trước đây thuyết về pháp khác, nay lại thuyết về pháp khác. Làm sao thế nào Như Lai không trở thành vọng ngữ? Để đoạn trừ nghi này, như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Các ông nên nhất tâm tin hiểu tiếp nhận giữ gìn lời Phật dạy. Chư Phật Như Lai thuyết giảng không hề hư vọng, chỉ có một Phật thừa chứ không có thừa khác".

Thậm chí các trẻ nhỏ đùa vui vun cát làm thành tháp Phật, những người như vậy đều đã thành tựu Phật đạo: Nghĩa là người phát tâm Bồ-đề thực hành hạnh Bồ-tát, đã phát khởi thiện căn, có thể chứng quả Bồ-đề, không phải là những phàm phu và hàng Thanh văn quyết định, xưa nay chưa phát tâm Bồ-đề mà có thể đạt được. Như vậy cho đến một chút cúi đầu tôn kính..., cũng đều như vậy.

Phẩm 3: THÍ DỤ

Kinh nói: "Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói kệ rằng:

Ba mươi hai tướng tốt sáng ngời,
Mười lực và các pháp giải thoát,
Cùng chung trong một pháp như nhau,
Mà không đạt được sự việc này.
Tám mươi vẻ đẹp thật diệu kỳ,
Cùng với mười tám pháp bất cộng,
Tất cả những công đức như vậy,
Mà con đều đã mất không còn".

Giải thích: Kệ này nêu rõ về nghĩa gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất tự chê trách về thân, nói: "Con không thấy chư Phật, không đến trụ xứ của chư Phật và nghe Phật thuyết pháp, không cung kính cúng dường chư Phật, không làm gì lợi ích cho chúng sinh, lui sụt đối với pháp chưa đạt được."

Tôn giả Xá-lợi-phất đã làm công việc chê trách về tự thân như thế.

Không thấy Phật: Tức là nêu rõ không thấy tướng đại nhân của chư Phật Như Lai, cho nên không sinh tâm cung kính cúng dường.

Đi đến chỗ chư Phật: Là nêu chỉ rõ về diệu lực giáo hóa chúng sinh.

Phóng ra ánh sáng màu vàng ròng: Nêu rõ việc thấy tự thân và thân khác của Phật, đạt được vô lượng các công đức.

Nghe thuyết pháp: Là nêu rõ về việc có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Diệu lực: Nêu rõ chúng sinh có hồ nghi, nên dựa vào mười loại lực để đoạn trừ nghi ấy.

Cúng dường: Tức là nêu rõ có thể dùng diệu lực để giáo hóa chúng sinh.

Mười tám pháp Bất cộng: Là nêu rõ việc xa lìa các thứ chướng ngại.

Cung kính: Nêu rõ việc làm phát sinh vô lượng phước đức, dựa vào sự giáo hóa của Như Lai mà đạt được giải thoát. Bởi vì nhân-pháp đều vô ngã, cho nên tất cả các pháp thảy đều bình đẳng. Vì thế, Tôn giả Xá-

lợi-phất tự chê trách về thân, nói: "Con chưa đạt được pháp như vậy, cho nên đối với pháp chưa đạt được mà nữa chừng lui sụt."

Từ đây trở xuống là tiếp theo nói về bảy loại chúng sinh tánh gồm đủ phiền não cấu nhiễm. Nói bảy loại dụ để đối trị bảy loại tâm tăng thượng mạn. Nghĩa ấy nên biết.

Lại nữa, tiếp theo là nói về ba loại nhiễm-mạn, người không có phiền não, Tam-muội giải thoát, kiến và các loại nhiễm-mạn, để đối trị điều này cho nên nói ba loại bình đẳng. Nghĩa này nên biết.

Những gì là bảy loại chúng sinh tánh gồm đủ phiền não cấu nhiễm?

Đó là:

1. Người cầu đạt thế lực.
2. Người cầu đạt Thanh văn giải thoát.
3. Người cầu Đại thừa.
4. Người có định.
5. Người không có định.
6. Người tích tập công đức.
7. Người không tích tập công đức.

Những gì là bảy loại tâm tăng thượng mạn? Thế nào là bảy loại thí dụ để đối trị? Đó là:

1. Tâm tăng thượng mạn, điên đảo cầu các công đức: Nghĩa là trong thế gian, các thứ phiền não cấu nhiễm hừng hực tăng mạnh, mà cầu đạt quả báo hữu lậu nơi cảnh giới thắng diệu của hàng trời-người. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về nhà lửa, nên biết.

2. Tâm tăng thượng mạn của hàng Thanh văn hoàn toàn quyết định: Tự nói Thừa mình cùng với thừa của Như Lai không có sai biệt, lại chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về cùng tử (Người con nghèo khổ), nên biết.

3. Tâm tăng thượng mạn của hàng Đại thừa hoàn toàn quyết định: Khởi ý như vậy: Không có sai biệt với hàng Nhị thừa và chấp giữ điên đảo như thế. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về mây-mưa, nên biết.

4. Tâm tăng thượng mạn của hạng thật không mà cho là có: Bởi vì ở thế gian, có kẻ hành Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, thật không có Niết-bàn mà sinh tưởng về Niết-bàn, và chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về hóa thành, nên biết.

5. Tâm tăng thượng mạn của kẻ tán loạn: Thật sự không có định. Quá khứ tuy có căn thiện Đại thừa nhưng không hiểu biết. Do không

hiểu biết cho nên không cầu đạt Đại thừa. Trong tâm nông cạn chấp trước sinh ra kiến giải hư vọng cho là đệ nhất Thừa, và chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về ngọc báu giấu kỹ nơi chéo áo, nên biết.

6. Tâm tăng thượng mạn của kẻ thật có công đức: Nghe pháp Đại thừa cho là không phải Đại thừa, rồi chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về Luân vương cởi hạt ngọc quí báu trong búi tóc của mình mà ban cho, nên biết.

7. Tâm tăng thượng mạn của kẻ thật sự không có công đức: Đối với đệ nhất Thừa chẳng từng tu tập các căn thiện, vốn có nghe đệ nhất Thừa mà trong tâm không lấy làm đệ nhất, rồi chấp giữ điên đảo như thế. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về y sư, nên biết.

- Người thứ nhất: Nêu rõ vô số các thứ Tam-muội, căn thiện, công đức, phương tiện trong thế gian khiến cho hoan hỷ, sau đó khiến cho tiến vào Đại Niết-bàn.
- Người thứ hai: Lấy ba làm một khiến cho tiến vào Đại thừa.
- Người thứ ba: Khiến cho nhận biết về vô số các Thừa, chư Phật Như Lai bình đẳng thuyết pháp, tùy theo chủng tử căn thiện của các chúng sinh mà sinh mầm non tươi tốt.
- Người thứ tư: Dùng phương tiện khiến cho tiến vào thành trì Niết-bàn.

Thành Niết-bàn: Đó là thành trì của các Tam-muội, thiền định. Vượt qua các thành ấy rồi, sau đó khiến cho tiến vào khu thành Đại Niết-bàn.

- Người thứ năm: Nêu rõ về tất cả các căn thiện thuộc đời quá khứ, khiến cho nhớ nghĩ lại, sau đó dạy bảo khiến cho tiến vào Tam-muội.
- Người thứ sáu: Giảng nói về pháp Đại thừa, dùng pháp môn này thực hành đầy đủ giống như Thập Địa, cho nên chư Phật Như Lai đã bí mật trao thọ ký.
- Người thứ bảy: Căn chưa thuần thục làm cho được thuần thục, chỉ rõ mức độ đạt được Niết-bàn như thế.

Bởi vì nghĩa này cho nên Đức Như Lai nói về bảy loại thí dụ như vậy.

Thế nào là ba loại người không có phiền não? Ba loại nhiễm-mạn? Đó là ba loại tin điên đảo. Những gì là ba loại?

Đó là:

1. Tin vào đủ loại Thừa khác.
2. Tin vào Niết-bàn khác của thế gian.
3. Tin thân đây, kia khác nhau.

Vì đối trị ba loại nhiễm-mạn này cho nên nói về ba loại bình đẳng, nên biết.

Thế nào gọi là ba loại bình đẳng? Đối trị ra sao?

1. Thừa bình đẳng: Tức là thọ ký Bồ-đề cho Thanh văn. Chỉ một Đại thừa chứ không có hai Thừa. Thừa này bình đẳng, không hề sai biệt.

2. Thế gian, Niết-bàn bình đẳng:Bởi vì Như Lai Đa Bảo nhập vào Niết-bàn, cho nên thế gian và Niết-bàn đôi bên đều bình đẳng không hề sai biệt.

3. Thân bình đẳng: Như Lai Đa Bảo đã nhập Niết-bàn, lại thị hiện thân của tự thân-tha thân cùng với pháp thân bình đẳng không hề sai biệt.

Như vậy, ba loại người không có phiền não, do tâm nhiễm-mạn cho nên thấy thân này thân kia có những việc làm sai biệt, không biết là Phật tánh này-kia chính là pháp thân đều bình đẳng. Nghĩa là ngay nơi người này mà mình chứng được pháp này, còn người kia không đạt được. Đối trị điều ấy, mà thọ ký cho các Thanh văn, nên biết.

Hỏi: Những Thanh văn kia là thật sự thành Phật cho nên được thọ ký, hay là không thành Phật mà được thọ ký? Nếu thật sự thành Phật, thì tại sao các Bồ-tát phải ở trong vô lượng kiếp tu tập vô lượng các thứ công đức? Nếu Thanh văn không thành Phật, thì vì sao lại cho thọ ký hư vọng?

Đáp: Những Thanh văn kia cùng được thọ ký: Tức là đạt được tâm quyết định, chẳng phải cho là Thanh văn đã thành tựu pháp tánh, vì vậy Như Lai dựa vào ba loại bình đẳng kia mà nói về pháp một Thừa. Vì Pháp thân của Phật và Pháp thân của Thanh văn bình đẳng không khác cho nên có thể thọ ký, chẳng phải là tu hành đầy đủ công đức. Do đó, Bồ-tát thì công đức đầy đủ, còn các Thanh văn thì công đức chưa đầy đủ.

Nói thọ ký tức là nêu rõ về sáu nơi chốn: Năm là Phật ký, một là Bồ-tát ký.

Như Lai ký tức là các vị như Xá-lợi-phất, Đại Ca-diếp... mà mọi người đều biết, danh hiệu không đồng cho nên thọ ký riêng biệt. Năm trăm người như Phú-lâu-na..., một ngàn hai trăm người cùng chung một danh

hiệu, cùng lúc được thọ ký. Các bậc Hữu học, Vô học... đều chung một hiệu. Lại còn chẳng phải là bậc được nhiều người biết đến cho nên được thọ ký cùng một lúc.

Như Lai thọ ký riêng cho Đề-bà-đạt-đa: Nêu rõ Như Lai không có oán ác.

Thọ ký cho Tỳ-kheo-ni cùng các Thiên nữ: Nêu rõ về nữ nhân tại gia-xuất gia, tu hạnh Bồ-tát đều chứng được quả vị Phật cho nên được thọ ký.

Bồ-tát ký: Như văn phần sau, trong phẩm Bồ-tát Bất Khinh nêu rõ, nên biết. Bồ-tát ấy luôn lễ bái tán thán nói lời như vậy: "Tôi không dám khinh các ông. Các ông đều sẽ được làm Phật."

Các ông đều sẽ được làm Phật: Tức là nêu rõ chúng sinh đều có Phật tánh.

Nói người Thanh văn được thọ ký: Thanh văn có bốn loại. Đó là:

1. Thanh văn quyết định.
2. Thanh văn tăng thượng mạn.
3. Thanh văn thối tâm Bồ-đề.
4. Thanh văn ứng hóa.

Hai loại Thanh văn được Như Lai thọ ký là Thanh văn ứng hóa và Thanh văn thối chuyển đã trở lại phát tâm Bồ-đề. Còn hai loại kia vì căn chưa thuần thục cho nên chẳng được thọ ký.

Bồ-tát được thọ ký: Tức là dùng phương tiện khiến cho phát tâm Bồ-đề. Lại dựa vào nghĩa nào mà Phật nói ba Thừa gọi là một Thừa? Tức là dựa vào nghĩa đồng vì vậy thọ ký đạo quả Đại Bồ-đề cho các Thanh văn.

Nói nghĩa đồng: Do Pháp thân của Phật và Pháp thân của Thanh văn, đây kia đều bình đẳng không hề sai biệt. Do các Thừa của hàng Nhị thừa không đồng cho nên có sai biệt. Do hai Thừa ấy không phải là Đại thừa, cho nên Như Lai nói "không lìa ngã thân là nghĩa vô thượng." Trong pháp của hai Thừa kia không nêu bày về nghĩa ấy, bởi vì người của hai Thừa không thể lãnh hội đúng như thật. Vì ý nghĩa đó, cho nên các Bồ-tát hành trì hạnh Bồ-tát không phải là hư vọng.

- Nghĩa vô thượng: Từ phần kinh văn còn lại đã nêu rõ về nghĩa vô thượng. Nghĩa vô thượng ấy, sơ lược có mười loại, nghĩa này nên biết. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Nêu rõ về chủng tử vô thượng cho nên nói thí dụ về mưa. Công hạnh của các ông là đạo Bồ-tát. Tức là phát tâm Bồ-đề, thối chuyển rồi trở lại phát tâm, căn thiện đã tu hành trước đây không mất như sau khi đạt

được quả.

2. Nêu rõ về hành vô thượng cho nên nói về những sự việc vốn có của Đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng.

3. Nêu rõ về diệu lực tăng trưởng vô thượng cho nên nói thí dụ về thương chủ.

4. Nêu rõ về khiến cho hiểu biết vô thượng vì vậy nói thí dụ về ngọc báu được giấu kỹ trong chéo áo.

5. Nêu rõ về quốc độ thanh tịnh vô thượng cho nên thị hiện tháp của Như Lai Đa Bảo.

6. Nêu rõ về sự thuyết giảng vô thượng cho nên nói thí dụ về ngọc minh châu trong búi tóc được mở ra.

7. Nêu rõ về việc giáo hóa chúng sinh là vô thượng cho nên từ trong lòng đất vọt lên vô lượng Đại Bồ-tát…

8. Nêu rõ về việc thành tựu Đại Bồ-đề vô thượng cho nên thị hiện ba loại Bồ-đề của Phật:

Nêu rõ về Bồ-đề của Ứng hóa Phật: Tùy chỗ nên thấy để mà thị hiện. Như kinh nói: "Đều cho là Như Lai từ nơi cung điện của giòng họ Thích ra đi, cách thành Già-da không xa, an tọa nơi đạo tràng, thành tựu bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Nêu rõ về Bồ-đề của Báo thân Phật: Mười địa hành hóa đầy đủ, chứng được Niết-bàn thường tại. Như kinh nói: "Này người thiện nam! Ta thật sự thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp."

Nêu rõ về Bồ-đề của Pháp thân Phật: Tức là những nghĩa Như Lai tạng-tánh tịnh Niết-bàn, thường hằng-thanh lương-bất biến. Như kinh nói: "Như Lai thấy biết đúng như thật về tướng của ba cõi…" lần lượt cho đến: "Chẳng như ba cõi thấy về ba cõi."

Tướng của ba cõi: Nghĩa là chúng sinh giới tức là Niết-bàn giới.

Không lìa chúng sinh giới vì vốn có Như Lai tạng.

Không có sinh tử, hoặc thối chuyển hoặc ra khỏi: Tức là nghĩa thường hằng-thanh lương-bất biến.

Cũng không tại thế và diệt độ: Nghĩa là Thể của chân như Như Lai tạng, không ngay nơi chúng sinh giới, không xa rời chúng sinh giới.

Chẳng phải là thật, chẳng phải là hư, chẳng phải là như, chẳng phải là khác: Nghĩa là lìa xa bốn loại tướng.

Có bốn loại tướng, là vô thường...

Chẳng như ba cõi thấy rõ về ba cõi: Tức là chỉ có Phật Như Lai có năng lực thấy rõ, có năng lực chứng đắc được pháp thân chân như, hàng phàm phu không thể thấy được. Do đó, kinh nói: "Như Lai luôn thấy rõ, không có nhầm lẫn."

Ta từ xưa hành đạo Bồ-tát, nay hãy còn chưa đầy đủ: Là do bản nguyện. Cảnh giới của chúng sinh chưa hết, thì nguyện không phải là rốt ráo. Nói chưa đầy đủ, chẳng phải cho là Bồ-đề không đầy đủ.

Đã thành tựu về thọ mạng, số lượng lại tăng gấp bội: Câu văn này nêu rõ về thọ mạng của Như Lai thường có phương tiện thiện xảo, hiển bày nhiều số lượng. Vượt quá số lượng trên thì không thể tính biết.

Tịnh độ của Ta không bị hủy hoại mà mọi người thấy cháy hết:

Tức là chỉ Tịnh độ chân thật của báo thân Phật Như Lai, thuộc về Đệ nhất nghĩa đế.

9. Nêu rõ về Niết-bàn vô thượng cho nên nói thí dụ về y sư.

10. Nêu rõ về diệu lực thù thắng vô thượng: Từ phần kinh văn còn lại đã nêu rõ, nên biết.

Tháp của Như Lai Đa Bảo thị hiện tất cả cõi Phật thanh tịnh: Tức là nêu rõ về cảnh giới Thật tướng của chư Phật, trong ấy có đủ loại vật báu trang nghiêm lẫn nhau. Sự thị hiện có tám loại:

1. Tháp.
2. Lượng.
3. Lược nêu.
4. Trú trì.
5. Thị hiện vô lượng Phật.
6. Lìa mọi tạp uế.
7. Nhiều vật báu.
8. Cùng an tọa trong một tòa tháp.

- Tháp: Là nêu rõ về Xá-lợi trú trì của Như Lai.
- Lượng: Là theo phương tiện thị hiện tất cả cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm, là thanh tịnh xuất thế gian, phát sinh từ căn thiện vô lậu, không phải là từ căn thiện hữu lậu của thế gian mà sinh ra.
- Lược nêu: Tức là nêu rõ thân Phật Đa Bảo, một Thể nhiếp thủ tất cả Pháp thân chân thật của chư Phật.
- Trú trì: Là nêu rõ về diệu lực tự tại nơi pháp thân của chư Phật Như Lai.

- Thị hiện vô lượng Phật: Tức là nêu rõ nơi này nơi kia đã làm các nghiệp không hề sai biệt.

- Xa lìa uế tạp: Tức là nêu rõ tất cả quốc độ của chư Phật đều bình đẳng thanh tịnh.

- Nhiều vật báu: Là nêu rõ hết thảy quốc độ của chư Phật cùng một thật tánh.

- Cùng an tọa trong một tòa tháp: Tức là nêu rõ hóa Phật không phải Ứng hóa Phật-Pháp thân Phật-Báo thân Phật mà đều là thành tựu Đại sự.

Từ đây trở đi, là nêu rõ về lực pháp, lực trì, lực tu hành, nên biết.

-Lực pháp: Tức là nêu rõ về năm môn:

1. Môn chứng đắc.
2. Môn tin tưởng.
3. Môn cúng dường.
4. Môn nghe pháp.
5. Môn đọc tụng, nắm giữ, thuyết giảng.

Trong phẩm Bồ-tát Di-lặc nêu rõ về bốn môn. Trong phẩm Bồ-tát Thường Tinh Tiến nêu rõ về một môn.

Bốn pháp môn trong phẩm Bồ-tát Di-lặc:

Môn chứng đắc. Như kinh nói: "Ta nói Đức Như Lai ấy thọ mạng dài lâu, lúc đó có sáu trăm tám mươi vạn ức na-do-tha hằng hàsa chúng sinh đạt được Vô sinh pháp nhẫn".

- Ở đây nói Vô sinh pháp nhẫn: Đó là chứng đắc trí của Địa thứ nhất, nên biết.

- Tám đời cho đến một đời đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Tức là chứng đắc pháp Bồ-đề của Địa thứ nhất.

- Tám đời, một đời: Tức là các phàm phu quyết định có thể chứng đắc Địa thứ nhất, tùy theo lực, tùy theo phần, tám đời cho đến một đời đều chứng đắc Địa thứ nhất.

- Nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác: Tức là bởi vì lìa xa phần đoạn sinh tử của ba cõi, tùy phần có thể thấy được pháp tánh chân như, gọi là đạt được Bồ-đề, chẳng phải cho là Niết-bàn phương tiện của Như Lai đã hoàn toàn đầy đủ.

Môn tin tưởng. Như kinh nói: "Lại có các chúng sinh số lượng nhiều như vi trần trong tám thế giới, đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh giác."

Môn cúng dường. Như kinh nói: "Khi các Đại Bồ-tát ấy đạt được lợi ích của Đại pháp, ở trong hư không mưa xuống hoa Mạn-đà-la...."

Môn nghe pháp: Như trong phẩm Tùy Hỷ đã nói rõ nên biết.

Một pháp môn trong phẩm Bồ-tát Thường Tinh Tiến: Tức là pháp môn đọc tụng, giải thích, viết chép…, đạt được sáu căn thanh tịnh. Như kinh nói: "Nếu người thiện nam người thiện nữ nào thọ trì kinh Pháp Hoa, hoặc đọc tụng-giải thích-thuyết giảng-viết chép, thì người ấy sẽ đạt được tám trăm mắt công đức…" lần lượt cho đến: Đạt được một ngàn hai trăm ý công đức."

Ở đây, đạt được sáu căn thanh tịnh: Tức là chỉ cho các phàm phu nhờ diệu lực của kinh này cho nên đạt được diệu dụng của thắng căn, chưa nhập vào chánh vị của Bồ-tát Địa thứ nhất, nghĩa này nên biết. Như kinh nói: "Nhục nhãn thanh tịnh do cha mẹ sinh ra, thấy khắp ba ngàn đại thiên thế giới…."

Lại nữa, sáu căn thanh tịnh: Tức là ở trong mỗi mỗi căn đều có thể đầy đủ về thấy sắc, nghe tiếng, phân biệt mùi vị, cảm xúc, biết pháp.

Các căn cùng hiển bày diệu dụng, nghĩa ấy nên biết.

Do mắt nhìn thấy thì ngửi hương có thể nhận biết. Như kinh nói: "Thích-đề-hoàn-nhân ở trong cung điện đẹp đẽ vui thú cùng năm dục" cho đến: "Thuyết pháp…."

Ngửi hương nhận biết: Đây là nhận biết về cảnh, dùng tỷ căn để biết.

- ***Lực trì:*** Có ba pháp môn nêu rõ về lực trì, như trong phẩm Pháp sư, phẩm An lạc hạnh đều giải thích rộng. Lực pháp như trong kinh nói, nên biết.

Tâm ấy quyết định nhận biết về nước chắc chắn gần: Tức là thọ trì kinh này đạt được nước Phật tánh, thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

- ***Lực tu hành:*** Nêu rõ về năm môn:

1. Lực thuyết giảng.
2. Lực hành khổ hạnh.
3. Lực ngăn giữ các nạn cho chúng sinh.
4. Lực công đức thù thắng.
5. Lực hộ trì chánh pháp.

Lực thuyết giảng: Có ba pháp môn, trong phẩm Thần lực đã nêu rõ.

- Hiện bày tướng lưỡi dài rộng, khiến cho nhớ nghĩ.
- Dùng âm thanh khe khẽ để nói kệ, khiến cho nghe. Nghe rồi thì

tu hành đúng như thật, không buông lung.

- Dùng âm thanh bật ngón tay để làm tỉnh ngộ chúng sinh, khiến cho người tu hành đạt được giác ngộ.

Lực hành khổ hạnh: Trong phẩm Bồ-tát Dược Vương nêu rõ.

Lại nữa, lực hành khổ hạnh, như trong phẩm Bồ-tát Diệu Âm nêu rõ việc giáo hóa chúng sinh.

Lực ngăn giữ các nạn cho chúng sinh: Như trong các phẩm Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, phẩm Đà-la-ni đã nêu rõ.

Lực công đức thù thắng, trong phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương nêu rõ: Hai đồng tử, dựa vào các căn thiện công đức đời quá khứ vốn có được diệu lực như vậy.

Lực hộ trì chánh pháp: Trong phẩm Bồ-tát Phổ Hiền và phẩm sau nêu rõ.

Lại nói thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, như người thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật thì phước đức như nhau. Có hai loại nghĩa:

1. Diệu lực tin tưởng.
2. Nhận biết rốt ráo.

- Diệu lực tin tưởng. Có hai loại:

1. Thân mình như thân Bồ-tát Quán Thế Tự Tại không khác, hoàn toàn tin tưởng như vậy.

2. Tức là đối với Bồ-tát, sinh tâm cung kính. Như công đức của Bồ-tát, mình cũng hoàn toàn đạt được như vậy.

- Nhận biết rốt ráo: Tức là có thể quyết định nhận biết về pháp giới.

Nói pháp giới: Tức gọi là pháp tánh.

Pháp tánh: Gọi là Pháp thân bình đẳng của tất cả chư Phật, Bồ-tát.

Pháp thân bình đẳng: Là Pháp thân nơi chân như, Bồ-tát ở Địa thứ nhất mới có năng lực chứng nhập. Do đó, thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, thì có thể thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, công đức đã đạt được không hề sai khác.

Phẩm thứ nhất: Phần tựa nêu rõ về bảy loại công đức thành tựu.

Phẩm thứ hai: Phương tiện có năm phần thị hiện, tách ra hai trình bày về một.

Các phẩm khác như vừa nêu bày, dễ lãnh hội.

**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 87

DIỆU PHÁP LIÊN HOA
KINH LUẬN ƯU BA ĐỀ XÁ

SỐ 1520

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1520

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH LUẬN ƯU BA ĐỀ XÁ

Tác giả: Bồ-tát Bà Tẩu Bàn Đậu.
Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam Tạng
Lặc Na Ma Đề và Tăng Lãng.

Phẩm 1: PHẦN TỰA

Kinh: "Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ Đức Phật an trú trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn người quy tụ, đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm được tự tại, khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát, tâm khéo điều phục, là bậc rồng giữa loài người, việc cần làm thì làm, việc làm đã làm xong, lìa xa những gánh nặng, đạt được tự lợi, hết những kiết kiết sử trong ba cõi, khéo đạt được chánh trí và tâm giải thoát, tất cả tâm được tự tại, đến bờ giác ngộ bậc nhất. Chúng Đại Bồ-tát gồm tám vạn người, đều không còn thối chuyển đối với quả vị A-nậu-đa-la tam-miệu tam bồ-đề, đều đạt được Đại biện tài lạc thuyết Đà-la-ni, chuyển pháp luân không thối chuyển, cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, từ nơi chư Phật gieo trồng các căn thiện, thường được chư Phật khen ngợi, dùng Đại Từ Bi mà tu dưỡng thân tâm, khéo tiến vào Phật tuệ, thông đạt Đại trí, đến được bờ giác ngộ, danh tiếng lẫy lừng khắp vô lượng thế giới, có năng lực hóa độ vô số trăm ngàn chúng sinh".

Giải thích: Đầu tiên trong pháp môn này, phẩm thứ nhất trình bày về bảy loại công đức thành tựu. Những gì là bảy loại? Đó là:

1. Thành tựu về phần tựa.
2. Thành tựu về chúng hội.
3. Thành tựu về đến lúc Đức Như Lai muốn thuyết pháp.
4. Thành tựu về tùy thuận oai nghi, an trú dựa vào pháp đã thuyết.
5. Thành tựu về nơi nương tựa thuyết giảng đến nhân.

6. Thành tựu về Đại chúng hiện tiền mong muốn nghe pháp.
7. Thành tựu về sự trả lời của Văn-thù-sư-lợi.

I. Thành tựu về phần Tựa: Trong pháp môn này nêu rõ về hai loại nghĩa thành tựu. Những gì là hai? Đó là:

1. Nêu rõ nghĩa thành tựu tối thắng trong tất cả các pháp môn.
2. Nêu rõ về nghĩa thành tựu công đức tự tại.

Như thành Vương-xá là thù thắng so với tất cả thành xá khác. Núi Kỳ-xà-quật là thù thắng so với các núi khác. Như kinh nói: "Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ Đức Phật an trú trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương-xá…."

II. Thành tựu về chúng hội: Có bốn loại nghĩa thành tựu. Những gì là bốn? Đó là:

3. Thành tựu về số lượng.
4. Thành tựu về hạnh.
5. Thành tựu về công đức thâu nhiếp.
6. Thành tựu về oai nghi an trú như pháp.

Thành tựu về số lượng: Tức là vô số các đại chúng.

Thành tựu về hạnh: Có bốn loại. Đó là:

1. Hạnh của các Thanh văn tu Tiểu thừa.
2. Hạnh của các Bồ-tát tu Đại thừa.
3. Các Bồ-tát tùy thời thị hiện, có khả năng hành Đại thừa. Như nhóm mười sáu vị của Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, gồm đủ sự việc không thể nghĩ bàn của bậc Bồ-tát, mà có thể thị hiện đủ loại hình tướng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni…
4. Các vị xuất gia oai nghi nhất định, không giống với Bồ-tát.

- Đều là bậc A-la-hán...: Gồm mười sáu câu, nêu rõ về sự thành tựu công đức của hàng Thanh văn.
- Đều không còn thối chuyển đối với quả vị A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề… : Gồm mười ba câu, nêu rõ về sự thành tựu công đức của hàng Bồ-tát.

Thành tựu công đức của bậc A-la-hán: Mười sáu câu ấy, nêu rõ nghĩa thâu nhiếp ba môn, nên biết. Những gì là ba môn?

1. Môn thượng thượng khởi.
2. Môn Tổng tướng, Biệt tướng.
3. Môn nhiếp thủ sự việc.

Môn thượng thượng khởi: Tức là các lậu đã hết cho nên gọi là A-la-

hán. Do tâm được tự tại cho nên gọi là các lậu đã hết. Do tâm không còn phiền não cho nên gọi là tâm được tự tại. Do khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát cho nên gọi là tâm được tự tại. Do xa lìa chủ thể nhận thấy, sự vật được nhận thấy cho nên gọi là không còn phiền não sinh khởi. Đã khéo được tâm giải thoát và tuệ giải thoát cho nên gọi là tâm khéo điều phục.

- Là bậc rồng lớn giữa loài người: Tức là đi trong các đường ác mà giống như đi trên con đường bằng phẳng, không có gì ngăn ngại, nơi nên đi thì đã đi, nơi nên đến thì đã đến, việc nên làm đã làm. Bậc rồng lớn giữa loài người đã có được pháp đối trị, để làm cho oán địch phiền não phải hàng phục.

- Việc làm đã làm xong: Tức là không trở lại đời sau, như sự việc làm tương ưng đã thành tựu.

- Lìa các gánh nặng: Tức là điều nên làm đã làm, mọi việc làm đã làm xong cho nên đã trút bỏ gánh nặng của đời sau.

- Đạt được tự lợi: Đã trút bỏ gánh nặng cho nên chứng được Niết-bàn.

- Hết những kiết sử trong ba cõi: Đã đạt được tự lợi cho nên đoạn trừ các nhân của phiền não.

- Khéo đạt chánh trí và tâm giải thoát: Tức là các lậu đã hết.

- Tất cả tâm được tự tại: Tức là khéo nhận biết về trí kiến đạo, trí tu đạo.

- Đến bờ giác ngộ bậc nhất: Tức là khéo đạt được chánh trí, tâm được giải thoát, khéo đạt được thần thông, Tam-muội Vô tránh... với các thứ công đức.

- Đại A-la-hán: Tức là tâm được tự tại, đến nơi bờ giác.

- Mọi người đều nhận biết: Tức là được các bậc vua chúa, vương tử, đại thần, dân chúng, Đế thích, Phạm Thiên vương... đều nhận biết. Lại nữa, Thanh văn, Bồ-tát và Phật đều là những bậc trí tuệ thù thắng, những bậc trí tuệ thù thắng ấy thì tất cả mọi người đều dễ dàng nhận biết cho nên nói là mọi người đều nhận biết.

Môn Tổng tướng, Biệt tướng:

- Đều là bậc A-la-hán…: Gồm mười sáu câu, câu đầu là Tổng (chung), các câu còn lại là Biệt (riêng).

- Đều là bậc A-la-hán: Danh hiệu A-la-hán ấy có mười lăm loại nghĩa, nên biết. Những gì là mười lăm? Đó là:

1. Ứng hợp: Thọ nhận sự cung kính cúng dường các thức ăn uống,

đồ nằm-ngồi…

2. Ứng hợp: Dẫn dắt đại chúng, giáo hóa tất cả.

3. Ứng hợp: Đi vào các làng xóm, thành ấp…

4. Ứng hợp: Hàng phục các thứ ngoại đạo.

5. Ứng hợp: Dùng trí tuệ, nhanh nhạy quán xét các pháp.

6. Ứng hợp: Thuyết pháp không nhanh không chậm, như pháp tương ưng không hề mệt mỏi.

7. Ứng hợp: Tĩnh tọa nơi chốn thanh vắng. Mọi thứ ăn uống, y phục, vật dụng cho đời sống đều không tích tụ, sống theo hạnh thiểu dục tri túc.

8. Ứng hợp: Luôn luôn thực hành thiện hạnh không chấp vào các thiền.

9. Ứng hợp: Hành theo Thánh hạnh Không.

10. Ứng hợp: Hành theo Thánh hạnh Vô tướng.

11. Ứng hợp: Hành theo Thánh hạnh Vô nguyện.

12. Ứng hợp: Hàng phục tâm thiền định của thế gian.

13. Ứng hợp: Dấy khởi công đức thù thắng của các thần thông.

14. Ứng hợp: Chứng được công đức của Đệ nhất nghĩa.

15. Ứng hợp: Nhận biết đúng như thật về chúng đồng sinh đạt được các công đức, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Môn nhiếp thủ sự việc: Mười lăm câu này nhiếp thủ mười loại công đức, nêu rõ về quả có thể nói ra và quả không thể nói ra. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Nhiếp thủ các công đức đạt được: Gồm hai câu nêu rõ. Như kinh nói: "Các lậu đã hết, không còn phiền não."

2. Nhiếp thủ các công đức: Gồm ba câu. Một câu công đức hàng phục thế gian. Như kinh nói: "Tâm được tự tại." Hai câu nói về công đức hàng phục người học xuất thế gian. Như kinh nói: "Khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát."

3. Nhiếp thủ công đức không trái là tùy thuận với giáo hạnh của Như Lai. Như kinh nói: "Tâm khéo điều phục."

4. Nhiếp thủ công đức thù thắng. Như kinh nói: "Là bậc rồng lớn giữa loài người."

5. Nhiếp thủ công đức thù thắng của những việc cần làm. Những việc cần làm, đó là luôn luôn y theo pháp cung kính cúng dường, tôn trọng Như Lai. Như kinh nói: "Điều nên làm thì làm."

6. Nhiếp thủ công đức đầy đủ, đó là Học địa đầy đủ. Như kinh nói:

"Mọi việc làm đã làm xong."

7. Nhiếp thủ công đức vượt qua. Gồm ba câu: Một là vượt qua ái nhiễm. Hai là vượt qua sự mong cầu cung kính cúng dường đối với thân mạng. Ba là vượt qua cảnh giới trên dưới, đã vượt qua Học địa. Như kinh nói: "Lìa mọi gánh nặng, đạt được tự lợi, hết những kiết sử trong ba cõi."

8. Nhiếp thủ công đức thượng thượng. Như kinh nói: "Khéo đạt được chánh trí và tâm giải thoát."

9. Nhiếp thủ công đức nên tâm lợi ích cho chúng sinh. Như kinh nói: "Tất cả tâm được tự tại."

10. Nhiếp thủ công đức thượng thủ. Như kinh nói: "Đến bờ giác ngộ bậc nhất."

Thành tựu công đức của bậc Bồ-tát: Mười ba câu ấy thâu nhiếp hai môn nghĩa nêu rõ nên biết. Những gì là hai môn? Đó là:

1. Môn thượng chi, hạ chi.
2. Môn nhiếp thủ sự việc.

Môn thượng chi, hạ chi: Đó là tướng tổng-tướng biệt, nghĩa này nên biết. "Đều không còn thối chuyển đối với quả vị A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề" là tướng tổng. Phần còn lại là tướng biệt.

Không còn thối chuyển kia có mười loại nêu rõ, nên biết. Những gì là mười? Đó là:

1. An trú nghe pháp không thối chuyển. Như kinh nói: "Đều đạt được pháp Đà-la-ni."

2. Lạc thuyết không thối chuyển. Như kinh nói: "Lạc thuyết đại biện tài."

3. Thuyết giảng không thối chuyển. Như kinh nói: "Chuyển pháp luân không thối chuyển."

4. Nương dựa nơi bậc thiện tri thức không thối chuyển: Dùng nghiệp của thân-tâm dựa vào sắc thân để nhiếp thủ. Như kinh nói: "Cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, từ nơi chư Phật gieo trồng các căn thiện."

5. Đoạn trừ hết thảy các nghi không thối chuyển. Như kinh nói: "Thường được chư Phật khen ngợi."

6. Vì những sự việc gì mà thuyết pháp hội nhập các pháp kia không thối chuyển. Như kinh nói: "Dùng Đại Từ Bi mà tu dưỡng thân-tâm."

7. Nhập vào cảnh giới như thật của Nhất thiết trí, không thối chuyển. Như kinh nói: "Khéo tiến vào Phật tuệ."

8. Dựa vào ngã Không-pháp Không, không thối chuyển. Như kinh nói: "Thông đạt đại trí."

9. Vào cảnh giới như thật, không thối chuyển. Như kinh nói: "Đến được bờ giác ngộ."

10. Làm những điều nên làm, trú trì không thối chuyển. Như kinh nói: "Có năng lực hóa độ vô lượng trăm ngàn chúng sinh."

Môn nhiếp thủ sự việc: Nêu rõ về các Bồ-tát an trú, trong những địa thanh tịnh nào, dựa vào những phương tiện nào, ở trong những cảnh giới nào để làm những việc cần làm.

- Địa thanh tịnh: Tức là Bát địa trở lên là ba địa với hành vô tướng tịch tĩnh, thanh tịnh.
- Phương tiện thì có bốn loại:

1. Phương tiện nhiếp thủ diệu pháp, trú trì diệu pháp dùng năng lực của lạc thuyết giảng cho mọi người.

2. Phương tiện nhiếp thủ thiện tri thức, bởi vì dựa vào các bậc thiện tri thức để làm những việc cần làm.

3. Phương tiện nhiếp thủ chúng sinh, bởi vì không rời bỏ chúng sinh.

4. Phương tiện nhiếp thủ trí, bởi vì giáo hóa chúng sinh khiến nhập vào trí ấy.

Còn nói về cảnh giới, thì điều ấy dễ dàng hiểu được.

Lại có môn nhiếp thủ sự việc, nêu rõ về các địa, nhiếp thủ công đức thù thắng vốn không đồng với công đức của Nhị thừa. Nghĩa là trong địa thứ tám không có công dụng của trí, không giống như địa trên và địa dưới.

Không giống với địa dưới là Hành có dụng công của địa dưới không thể làm lay động.

Không giống với địa trên thì Hành vô tướng của địa trên không thể làm lay động, chỉ tự nhiên mà hành cho nên trong địa thứ chín, đạt được môn Đà-la-ni thắng tiến, đầy đủ bốn trí vô ngại tự tại; ở trong địa thứ mười chuyển pháp luân không thối chuyển có thể nhận địa vị nơi Phật, như Thái tử của Chuyển luân Thánh vương, bởi vì đạt được nghĩa giống như nhiếp thủ công đức.

Thành tựu về công đức thâu nhiếp: Nêu rõ dựa vào nơi nào, dựa

vào tâm nào, dựa vào trí nào, dựa vào hành của những cảnh giới nào, dựa vào những gì để có thể thực hiện?

- Dựa vào nơi nào? Tức là dựa vào các bậc thiện tri thức.
- Dựa vào tâm nào? Là mình dựa vào tâm của chúng sinh để giáo hóa, làm lợi ích trọn vẹn cho hết thảy chúng sinh.
- Dựa vào trí nào? Dựa vào ba loại trí:

1. Trí thọ ký bí mật.
2. Trí của các thần thông.
3. Trí chân thật.

- Dựa vào hành của những cảnh giới nào? Dựa vào những gì để có thể thực hiện? Tức là do ba loại trí thâu nhiếp, nên biết.

Thành tựu về oai nghi an trú như pháp: rõ có bốn loại. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Bốn chúng vây quanh.
2. Trước sau.
3. Cung kính cúng dường.
4. Tôn trọng, tán thán.

Như kinh nói: "Bấy giờ bốn chúng vây quanh cung kính cúng dường tôn trọng ngợi ca Đức Thế Tôn."

III. Thành tựu về Như Lai đến lúc muốn thuyết pháp: Tức là vì các Bồ-tát mà thuyết giảng kinh Đại thừa. Tu-đa-la Đại thừa này có mười bảy loại tên gọi, hiển thị công đức hết sức sâu xa, nên biết. Những gì là mười bảy loại? Hiển thị như thế nào? Đó là:

1. Gọi là kinh Vô Lượng Nghĩa: Tức là thành tựu về nghĩa của chữ, dùng pháp môn này thuyết giảng về cảnh giới vi diệu của pháp vô cùng sâu xa ấy. Cảnh giới vi diệu của pháp vô cùng sâu xa ấy, là cảnh giới tối thắng của chư Phật Như Lai.

2. Gọi là kinh Tối thắng: Tức là thành tựu Tạng vi diệu tối thắng trong ba Tạng.

3. Gọi là Đại Phương Quảng: Tức là vô lượng môn Đại thừa tùy theo căn trí của chúng sinh để trú trì thành tựu.

4. Gọi là pháp giáo hóa Bồ-tát: Tức là dùng để giáo hóa các Bồ-tát căn trí thuần thục, thuận theo pháp khí mà khéo thành tựu.

5. Gọi là được Phật hộ niệm: Tức là dựa vào Phật Như Lai mà có pháp ấy.

6. Gọi là pháp bí mật của tất cả chư Phật: Là pháp thâm diệu ấy chỉ

có Phật Như Lai nhận biết.

7. Gọi là kho tàng của tất cả chư Phật: Tức là kho tàng Tam-muội, công đức của Như Lai ở tại kinh này.

8. Gọi là xứ bí mật của hết thảy chư Phật: Các chúng sinh căn trí chưa thuần thục thì không phải là pháp khí, không thể trao cho.

9. Gọi là kinh có thể sinh ra tất cả chư Phật: Tức là lãnh hội pháp môn này thì có thể thành tựu đạo quả Đại Bồ-đề của chư Phật.

10. Gọi là đạo tràng của hết thảy chư Phật: Tức là nghe được pháp môn này, nhất định có thể thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ không phải là Tu-đa-la khác.

11. Gọi là pháp luân được chuyển của tất cả chư Phật: Tức là pháp môn này có thể phá trừ mọi thứ chướng ngại.

12. Gọi là Xá-lợi kiên cố của hết thảy chư Phật: Nghĩa là Pháp thân chân như của Như Lai, ở tại kinh này không bị hủy hoại.

13. Gọi là kinh phương tiện đại thiện xảo của tất cả chư Phật: Tức là dựa vào pháp môn này để thành tựu đạo quả Đại Bồ-đề, rồi vì các chúng sinh thuyết giảng về các pháp thiện của hàng trời-người, Nhị thừa.

14. Gọi là kinh thuyết giảng về Nhất Thừa: Tức là pháp môn này hiển thị về Thể cứu cánh nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng của Như Lai, vì Nhị Thừa chẳng phải là cứu cánh.

15. Gọi là an trú nơi đệ nhất nghĩa: Vì pháp môn này chính là trú xứ cứu cánh của Pháp thân Như Lai.

16. Gọi là Diệu Pháp Liên Hoa: Có hai loại nghĩa. Những gì là hai loại? Đó là:

- Nghĩa ra khỏi nước: Bởi vì không có thể rời xa tất cả vùng nước bùn đục của Tiểu thừa. Lại có nghĩa: Hoa sen mọc lên giữa nước bùn, dụ cho các Thanh văn được vào ngồi trong đại chúng của Như Lai, như các Bồ-tát ngồi trên hoa sen, nghe thuyết giảng về cảnh giới thanh tịnh và trí tuệ vô thượng, chứng được kho tàng sâu kín của Như Lai.

- Nghĩa hoa nở: Tức là các chúng sinh đối với Đại thừa, tâm sinh ra yếu đuối không thể nào tin nổi. Vì vậy cần mở bày, nêu rõ về Pháp thân thanh tịnh vi diệu của Như Lai, khiến cho sinh tâm tin tưởng.

17. Gọi là pháp môn tối thượng: Tức là thâu nhiếp thành tựu. Thâu nhiếp thành tựu: Tức là nhiếp thủ vô lượng danh cú-tự thân, có Tần-bà-la, A-súc-bà…. Bài kệ.

Mười bảy câu trong pháp môn này là tổng. Các câu còn lại là biết. Như

kinh nói: "Vì các Bồ-tát mà thuyết giảng kinh Đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa…"

IV. Thành tựu về oai nghi tùy thuận an trú dựa vào pháp đã Thuyết:

Tức là nêu rõ dựa vào những pháp nào để thuyết giảng? Dựa vào ba loại pháp:

1. Dựa vào Tam-muội thành tựu. Bởi vì Tam-muội thành tựu nêu rõ về hai loại:

- Thành tựu diệu lực tự tại, thân tâm bất động.
- Lìa tất cả các thứ chướng ngại, thuận theo diệu lực tự tại. Diệu lực tự tại ấy có hai loại:

Vì tùy thuận chúng sinh cho nên nêu rõ sự đối trị, nhiếp thủ sự hiểu biết về Bồ-đề phần pháp.

Vì đối trị các thứ phiền não chấp trước kiên cố từ vô lượng đời đến nay. Như kinh nói: "Phật thuyết giảng kinh này xong, liền ngồi kiết già, nhập Tam-muội Vô lượng nghĩa xứ, thân tâm bất động…"

2. Dựa vào khí thế gian.

3. Dựa vào chúng sinh thế gian: Làm chấn động các thế giới, và biết rõ mọi sự việc của vô lượng kiếp quá khứ. Như kinh nói: "Khi ấy, trời mưa xuống hoa Mạn-đà-la…" cho đến: "Hoan hỷ chắp tay, nhất tâm chiêm ngưỡng Phật."

V. Thành tựu về nơi nương tựa thuyết giảng đến nhân: Các đại chúng kia thấy hiện tướng khác lạ, với sự việc không thể nghĩ bàn, đều cho rằng Đức Như Lai sẽ thuyết giảng cho chúng ta, đều khao khát ngưỡng mộ muốn nghe, sinh tâm cho là điều hiếm có, cho nên gọi là: Thành tựu về nơi nương tựa thuyết giảng đến nhân. Do đó, phóng ra ánh sáng lớn, thị hiện đủ mọi sự việc trong các thế giới ở phương khác.

Trước hết là nêu rõ về sự việc bên ngoài, có sáu thứ chấn động. Tiếp theo là nêu rõ pháp môn này, là pháp nội chứng vi diệu bí mật vô cùng sâu xa. Lại dựa vào khí thế gian và chúng sinh thế gian, với loại số-đủ loại lượng, đầy đủ phiền não sai biệt, đầy đủ thanh tịnh sai biệt, Phật-pháp-đệ tử sai biệt, là nêu rõ về Tam bảo. Lại có Thừa sai biệt mà có thế giới có Phật, có thế giới không có Phật, khiến cho chúng sinh trông thấy có người tu hành chưa đắc quả, có người tu hành đắc đạo đã đắc quả. Như kinh nói: "Những người tu hành đắc đạo."

- Đủ loại về: Tức là nêu rõ đủ loại quán xét. Nói sơ lược có bốn

thứ quán xét: Một là ăn uống; hai là nghe pháp; ba là tu hành; bốn là vui thích. Như kinh nói: "Bấy giờ, từ nơi tướng bạch hào giữa chặng mày, Đức Phật phóng ra ánh sáng…" cho đến: "Đem Xá-lợi của Phật, trở về xây dựng tòa tháp bảy báu để tôn trí."

- Hành đạo Bồ-tát: Là giáo hóa chúng sinh dựa vào bốn nhiếp pháp, làm phương tiện để nhiếp thủ. Như trong kinh nói: nên tự nhiếp thủ.

VI. Từ đây trở xuống là nêu rõ phần thành tựu về đại chúng hiện tiền mong muốn nghe pháp.

Một người thưa hỏi, là vì nhiều người muốn nghe pháp mà sinh tâm hiếm có, cho nên chỉ một mình Văn-thù-sư-lợi thưa hỏi. Như vậy là nêu rõ đệ tử của Đức Thế Tôn tùy thuận với pháp chứ không trái ngược nhau. Nay Phật Thế Tôn hiện bày các tướng thần biến ấy, là vì những mục đích gì? Vì thuyết giảng về Đại pháp cho nên hiện bày tướng lớn để làm nhân duyên thuyết giảng. Hiện bày tướng lớn, là thuyết về kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho nên hiện bày tướng tốt lành to lớn; là thuyết về diệu pháp không thể nghĩ bàn được trong những văn tự chương cú mà Như Lai đã chứng đắc,. Có hai loại pháp, vì vậy tôn trọng nhường cho Văn-thù-sư-lợi. Những gì là hai: Đó là:

1. Hiện thấy các pháp.
2. Lìa mọi nhân duyên, chỉ dựa vào tự tâm mà thành tựu pháp ấy.

Thị hiện vô số các tướng tốt lành, là để nêu rõ tất cả các sự việc ấy như sự việc cùng hiện bày-ẩn đi-trụ-diệt thuận theo đều biết rõ. Bởi vì Văn-thù-sư-lợi có năng lực ghi nhớ sự việc ấy, do Văn-thù-sư-lợi đã thành tựu những việc làm, thành tựu về nhân quả, cho nên hiện tại thấy rõ pháp ấy.

Thành tựu những việc làm, ở đây có hai loại:

1. Thành tựu về công đức.
2. Thành tựu về trí tuệ.

Nhân thành tựu ấy, là thành tựu về Nhất thiết trí. Lại còn có nhân gọi là nhân duyên. Nhân thành tựu ấy, là đầy đủ các tướng. Quả thành tựu ấy, là thuyết về Đại pháp. Vô số quốc độ chư Phật khác lạ, đây là nêu rõ các loại sai biệt khác lạ trong quốc độ ấy, nên biết. Quốc độ thanh tịnh vi diệu, đó là trú xứ của chúng sinh không có phiền não. Như kinh nói: "Chiếu rọi đến một vạn tám ngàn thế giới ở phương Đông …" cho đến "Đều thấy

cảnh giới trang nghiêm nơi cõi Phật ấy."

Như Lai là bậc thượng thủ, các vị Bồ-tát đều dựa vào Như Lai mà an trú, bởi vì Như Lai được tự tại giữa tất cả các đại chúng ở quốc độ ấy. Như kinh nói: "Lại thấy quốc độ ấy hiện tại đều có chư Phật…."

VII. Từ đoạn này trở đi, là nêu rõ về bậc Thánh: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, dùng trí túc mạng, hiện thấy rõ tướng nhân quả của quá khứ, thành tựu mười sự việc như hiện ở trước mắt, do đó có thể đáp lại câu hỏi của Bồ-tát Di-lặc.

Thế nào là hiện thấy rõ tướng nhân của quá khứ: Tức là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, tự thấy chính mình từng ở trong các quốc độ của chư Phật, tu hành và làm đủ mọi sự việc.

Thế nào là hiện thấy rõ tướng quả của quá khứ: Là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tự thấy chính mình là Bồ-tát Diệu Quang ở thời quá khứ, nơi trụ xứ của Đức Phật, được nghe pháp môn này rồi, vì các chúng sinh mà thuyết giảng.

-Thành tựu mười loại sự việc. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Hiện thấy rõ nhân thành tựu của nghĩa về Đại.
2. Hiện thấy rõ nhân thành tựu của ý nghĩa rất sâu xa trong văn tự-chương cú thế gian.
3. Hiện thấy rõ nhân thành tựu hy hữu.
4. Hiện thấy rõ nhân thành tựu thắng diệu.
5. Hiện thấy rõ nhân thành tựu của sự thọ dụng to lớn.
6. Hiện thấy rõ nhân thành tựu nhiếp thủ chuyển pháp luân của hết thảy chư Phật.
7. Hiện thấy rõ nhân thành tựu chuyển pháp luân tốt đẹp vô cùng vững chắc của Như Lai.
8. Hiện thấy rõ nhân thành tựu có năng lực tiến vào.
9. Hiện thấy rõ nhân thành tựu nhớ nghĩ.
10. Hiện thấy rõ nhân thành tựu của sự việc do chính mình đã trải qua.

Nhân thành tựu của nghĩa về Đại, nêu rõ nơi tám câu, nên biết.

1. Sắp luận bàn về Đại pháp luân.
2. Sắp rưới xuống làm mưa Đại pháp.
3. Sắp đánh tiếng trống Đại pháp.
4. Sắp dựng lên cột cao Đại pháp.
5. Sắp thắp lên ngọn đèn Đại pháp.

6. Sắp thổi lên tiếng tù và Đại pháp.
7. Mong muốn tiếng trống Đại pháp không dừng lại.
8. Sắp thuyết giảng về Đại pháp.

Tám câu này là nêu rõ về việc Đức Như Lai sắp thuyết giảng Đại pháp. Những gì là tám loại nghĩa về Đại? Đó là: Người có nghi ngờ thì được đoạn trừ nghi ngờ; người đã đoạn trừ nghi ngờ thì trí thân của họ được tăng trưởng thuần thục. Căn thành thục là nói về hai loại cảnh giới vi diệu bí mật:

1. Cảnh giới vi diệu bí mật của Thanh văn.
2. Cảnh giới bí mật vi diệu của Bồ-tát.

Trống Đại pháp, có hai câu nêu rõ bởi vì nghe thấy từ xa.

Nhập vào cảnh giới bí mật, tức là khiến cho Bồ-tát tiến lên chọn lấy nghĩa lý thanh tịnh cao nhất, là khiến cho Bồ-tát tiến lên chọn lấy Nhất thiết chủng trí, hiện thấy tự tại đạt được.

Khiến cho Bồ-tát tiến lên chọn lấy Nhất thiết chủng trí, thấy hiện tại đạt được, tức là kiến lập về nghĩa lý-chương cú-danh tự của tất cả các pháp. Kiến lập về nghĩa lý-chương cú-danh tự, là khiến cho tiến vào chứng trí chuyển pháp luân không thể nào nói được.

Chọn lấy Nhất thiết trí hiện thấy: Tức vì tất cả pháp kiến lập ý nghĩa nơi danh tự, chương, câu.

Kiến lập ý nghĩa nơi danh tự chương câu: Là khiến hội nhập nơi trí chứng đắc không thể nêu bày theo hành chuyển pháp luân.

- Hiện thấy rõ nhân thành tựu của ý nghĩa rất sâu xa trong danh tự-chương cú thế gian: Như kinh nói: "Tôi ở nơi chư Phật thời quá khứ từng thấy điềm lành này…" cho đến: "Nên hiện bày điềm lành ấy."
- Hiện thấy nhân thành tựu hy hữu: Do vô lượng thời gian không thể đạt được.

Không thể nghĩ bàn, không thể nói xa, không thể lường tính: Tức là nêu rõ vượt qua số lượng A-tăng-kỳ kiếp nhưng không thể nào đạt được.

Lại còn nêu rõ về năm loại kiếp: Đêm-ngày, tháng-mùa-năm, nêu rõ về thời gian đời kiếp là vô lượng. Như kinh nói: "Như thời quá khứ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp không thể nghĩ bàn, bấy giờ có Đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh…" cho đến: "Chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thành tựu Nhất thiết chủng trí."

- Hiện thấy nhân thành tựu thắng diệu: Tức là nêu rõ về tự thọ

dụng của chư Phật, Bồ-tát. Như kinh nói: "Tiếp theo lại có Đức Phật, cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh…" cho đến: "Pháp đã được thuyết giảng thì các phần đầu-giữa và sau đều thiện."

- Hiện thấy rõ nhân thành tựu của sự thọ dụng to lớn: Thời ấy, Vương tử cảm nhận vui thù thắng vi diệu đều rời bỏ mà xuất gia. Lại nữa, đại chúng ấy vào lúc bấy giờ, tâm không chút mệt mỏi. Như kinh nói: "Đức Phật sau cùng kia, lúc chưa xuất gia…" cho đến: "Phật thọ ký rồi, vào lúc giữa đêm nhập Niết-bàn vô dư."

- Hiện thấy rõ nhân thành tựu nhiếp thủ chuyển pháp luân của hết thảy chư Phật: Tức là pháp luân không bị đoạn mất. Như kinh nói: "Sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang giữ lấy kinh Diệu Pháp Liên Hoa

trải qua đủ tám mươi tiểu kiếp, vì mọi người mà diễn nói."

- Hiện thấy rõ nhân thành tựu chuyển pháp luân tốt đẹp vô cùng vững chắc của Như Lai: Tức là sau khi Phật diệt độ, trải qua vô lượng thời gian thuyết giảng chánh pháp. Như kinh nói: "Tám người con của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều thờ Bồ-tát Diệu Quang làm thầy…" cho đến: "Đều khiến cho tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng luôn luôn kiến cố."

- Hiện thấy rõ nhân thành tựu có năng lực tiến vào: Tức là chỉ cho các vị Vương tử kia chứng đắc Đại Bồ-đề. Như kinh nói: "Các vị vương tử ấy…" cho đến: "Đều thành tựu Phật đạo."

- Hiện thấy rõ nhân thành tựu nhớ nghĩ: Tức là vì người khác mà thuyết giảng giáo pháp làm lợi ích cho mọi người. Như kinh nói: "Người thành Phật sau cùng hiện là Nhiên Đăng…" cho đến: "Tôn trọng, tán thán."

- Hiện thấy rõ nhân thành tựu của sự việc do chính mình đã trải qua,: Do nơi tự thân thọ nhận diệu lạc thù thắng. Như kinh nói: "Bồ-tát Di-lặc nên biết…" cho đến: "Được Phật hộ niệm."

- Ông hiệu là Cầu Danh: Tức là nêu rõ sự nhận biết các việc làm trong quá khứ của người ấy. Lại còn nêu rõ, nay đạt được pháp ấy đều đầy đủ.

Từ đây trở xuống là nêu rõ về tướng nhân quả của pháp đã thuyết giảng, nên biết.

Phẩm 2: PHƯƠNG TIỆN

Kinh: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nhập vào Tam-muội rất sâu xa, chánh niệm bất động, dùng trí quán xét đúng như thật. Từ trong Tam-muội an lành mà đứng dậy. Đứng dậy rồi liền nói cho Tôn giả Xá-lợi-phất biết rằng: Này Xá-lợi-phất! Trí tuệ của chư Phật rất sâu xa vô lượng, cánh cửa trí tuệ ấy khó thấy-khó hiểu-khó biết-khó giải thích-khó tiến vào. Sự chứng đắc của Như Lai thì tất cả hàng Thanh văn-Bích chi Phật vốn không thể nào biết được. Tại vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bởi vì Như Lai Ứng Chánh Biến Tri đã từng thân cận cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, ở nơi trăm ngàn ức na-do-tha Đức Phật, hành trì tất cả giáo pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chư Phật đã tu chứng. Này Xá-lợi-phất! Như Lai đã ở trong vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp dũng mãnh tinh tiến thành tựu những việc làm, danh tiếng lan tràn khắp nơi. Này Xá-lợi-phất! Cúi cùng Như Lai đã thành tựu về pháp hy hữu. Này Xá-lợi-phất! Pháp khó hiểu rõ, Như Lai có năng lực biết rõ. Này Xá-lợi-phất! Pháp khó hiểu rõ ấy, chư Phật Như Lai đã tùy thuận mà thuyết giảng, ý nghĩa khó hiểu vô cùng, tất cả các hàng Thanh văn-Bích-chi-Phật vốn không thể nào biết được. Tại vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bởi vì chư Phật Như Lai tự tại thuyết giảng về sự thành tựu của nhân. Này Xá-lợi-phất! Như Lai thành tựu các loại phương tiện, các loại tri kiến, các loại niệm quán, các loại ngôn từ. Này Xá-lợi-phất! Như Lai từ khi thành Phật đến nay, ở khắp mọi nơi diễn giảng rộng về ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sinh, ở những nơi vướng mắc làm cho được giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Như Lai dùng phương tiện Tri kiến đến nơi bờ giác ngộ. Này Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, không có sức mạnh làm cho chướng ngại -không có gì sợ hãi, pháp bất cong-căn-lực, Bồ-đề phần-thiền định-giải thoát, Tam-muội và Tam-ma-bạt-đề, đều đã đầy đủ. Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Như Lai tiến sâu vào biên thành tựu tất cả các pháp chưa từng có. Này Xá-lợi-phất! Như Lai có năng lực phân biệt các loại, khéo léo thuyết giảng các pháp bằng ngôn từ dịu dàng làm vui lòng vừa ý mọi người.

Này Xá-lợi-phất! Dừng lại, không cần phải nói thêm. Này Xá-lợi-phất! Đức Phật đã thành tựu pháp khó hiểu hiếm có bậc nhất. Này Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật và Phật thuyết pháp, thì chư Phật Như Lai có năng lực biết rõ thật tướng cứu cánh của pháp ấy. Này Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật Như Lai biết rõ tất cả các pháp. Này Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật Như Lai có năng

lực thuyết giảng tất cả các pháp, pháp như thế nào, sao nói là pháp, pháp tương tự gì, pháp tướng thế nào, pháp thể thế nào? Như thế nào, nói là gì, tương tự ra sao, tướng thế nào, thể là gì, tất cả các pháp thuộc loại như vậy, Như Lai đều hiện tại thấy rõ chứ không có gì không hiện thấy rõ

Giải thích:

Từ đây trở xuống: Nêu rõ về tướng nhân quả của pháp đã được thuyết giảng, nên biết. Như kinh nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn nhập Tam-muội rất sâu xa, chánh niệm bất động, dùng trí quán xét đúng như thật. Liền nói với Tôn giả Xá-lợi-phất": Tức là nêu rõ Như Lai đạt được diệu lực tự tại. Như Lai nhập định không thể vì sợ hãi mà thức giấc.

Vì sao chỉ nói với Tôn giả Xá-lợi-phất mà không nói với các vị Thanh văn khác? Bởi vì tùy theo trí tuệ sâu sắc của đương cơ tương ưng với Như Lai. Vì sao không nói với các vị Bồ-tát? Có năm loại nghĩa:

1. Vì sự việc ứng hợp với các Thanh văn.

Vì nhằm khiến cho các Thanh văn hồi tâm hướng đến Đại Bồ- đề.

2. Giúp đỡ vì các Thanh văn khiếp nhược, sợ hãi.
3. Vì khiến cho những người khác cố gắng suy niệm.
4. Vì các Thanh văn không khởi tâm: Mọi việc làm đã hoàn tất.

- Trí tuệ của chư Phật rất sâu xa vô lượng: Tức là làm cho các đại chúng luôn sinh tâm tôn trọng, hoàn toàn muốn nghe Đức Như Lai thuyết giảng.

- Nói hết sức sâu xa: Tức là hiển bày hai loại nghĩa hết sức sâu xa, nên biết như vậy. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Chứng đắc hết sức sâu xa. Tức là trí tuệ của chư Phật hết sức sâu xa vô lượng.
2. Giáo pháp (A-hàm) hết sức sâu xa. Tức là phần trí tuệ hết sức sâu xa vô lượng.

Hết sức sâu xa: Đây là tướng chung. Phần còn lại là tướng riêng.

- Chứng đắc hết sức sâu xa là nêu rõ về năm loại: Đó là:

1. Nghĩa vô cùng sâu xa. Tức là dựa vào những ý nghĩa thâm diệu như thế nào?
2. Thật Thể vô cùng sâu xa.
3. Nội chứng vô cùng sâu xa.
4. Chỗ nương dựa vô cùng sâu xa.
5. Vô thượng hết sức sâu xa.

Cái gì là vô cùng sâu xa? Tức là Đại Bồ-đề.

Đại Bồ-đề: Tức là pháp mà Như Lai đã chứng đắc, là đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vô cùng sâu xa như thế nào? Tức là hết thảy hàng Nhị thừa vốn không thể nào nhận biết.

Nói trí tuệ: Tức là nghĩa của trí Nhất thiết chủng-Nhất thiết trí.

Như kinh nói: "Trí tuệ của chư Phật hết sức sâu xa vô lượng."

- Giáo pháp (A-hàm) vô cùng sâu xa. Nêu rõ có tám loại:

1. Thọ trì đọc tụng vô cùng sâu xa. Như kinh nói: "Như Lai Ứng Chánh Biến Tri đã từng thân cận cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật."

2. Tu hành vô cùng sâu xa. Như kinh nói: "Ở nơi trăm ngàn ức na-do-tha Đức Phật, hành trì tất cả giáo pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chư Phật đã tu chứng."

3. Quả hành vô cùng sâu xa. Như kinh nói: "Như Lai, đã ở trong vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp tinh tấn dũng mãnh thành tựu những việc làm."

4. Tâm tăng trưởng công đức vô cùng sâu xa. Như kinh nói: "Danh tiếng lan truyền khắp nơi"

5. Tâm vui vẻ làm việc tuyệt diệu vô cùng sâu xa. Như kinh nói: "Thành tựu pháp hy hữu"

6. Vô thượng sâu xa vô cùng. Như kinh nói: "Pháp khó hiểu rõ, Như Lai có năng lực biết rõ".

7. Tiến vào vô cùng sâu xa: Tức là về danh tự-chương-cú-ý nghĩa đều khó đạt được, tự dùng để trú trì mà thuyết về nhân duyên không giống như ngoại đạo, cho nên gọi là vô cùng sâu xa. Như kinh nói: "Pháp khó hiểu rõ ấy, chư Phật Như Lai đã tùy thuận mà thuyết giảng, ý nghĩa khó hiểu vô cùng…"

8. Không cùng với những việc làm của hàng Nhị thừa mà trú trì vô cùng sâu xa. Như kinh nói: "Hết thảy hàng Nhị thừa vốn không thể nào nhận biết."

Như vậy đã nói đầy đủ về công đức của diệu pháp.

Tiếp theo là nói về Như Lai thành tựu công đức của bậc Pháp sư, nên biết. Như kinh nói: "Vì sao? Vì chư Phật Như Lai luôn tự tại thuyết giảng về sự thành tựu của nhân."

Như Lai đã thành tựu bốn loại công đức cho nên có năng lực hóa độ chúng sinh. Những gì là bốn? Đó là:

1. Thành tựu về trú. Như kinh nói: "Như Lai thành tựu các loại phương tiện." Các loại phương tiện: Tức là từ cõi trời Đâu-suất giáng thần… cho đến thị hiện nhập Niết-bàn.

2. Thành tựu về giáo hóa. Như kinh nói: "Thành tựu các loại tri kiến". Các loại tri kiến: Tức là nêu rõ các nhân nhiễm-tịnh.

3. Thành tựu về công đức trọn vẹn. Như kinh nói: "Thành tựu các loại niệm quán". Các loại niệm quán: Tức là nhân duyên thành tựu để thuyết giảng về pháp ấy, vốn như pháp tương ưng.

4. Thành tựu sự thuyết giảng. Như kinh nói: "Thành tựu các loại ngôn từ." Các loại ngôn từ: Tức là dùng bốn trí vô ngại, dựa vào những danh tự-chương-cú như thế nào thuận theo những chúng sinh như thế nào có thể tiếp nhận mà thuyết giảng cho họ.

- Lại còn có nghĩa các loại phương tiện: Tức là nêu rõ tà pháp hiện có của ngoại đạo, với có đủ loại lỗi lầm như vậy-như vậy. Lại nêu rõ chánh pháp hiện có của chư Phật, vốn có các loại công đức như vậy-như vậy. Như kinh nói: "Như Lai từ khi thành Phật đến nay…"
- Lại có vô số phương tiện: Tức là dùng phương tiện khiến cho tiến vào các pháp thiện.
- Lại nữa, phương tiện là đoạn trừ các thứ nghi hoặc.
- Lại nữa, phương tiện, là khiến tiến vào trong trí thù thắng tăng thượng.
- Lại nữa, phương tiện, là dựa vào bốn nhiếp pháp nhiếp thủ các chúng sinh khiến cho họ được giải thoát.
- Những nơi vướng mắc: Tức là vướng mắc vào tất cả mọi nơi, hoặc chấp vào các cảnh giới, hoặc chấp vào nơi chốn, hoặc chấp vào các phần, hoặc chấp vào các thừa.
- Chấp vào các cảnh giới, tức là chấp vào ba cõi Dục-Sắc-Vô sắc.
- Chấp nơi các địa, tức là chấp vào các cảnh giới, giữ lấy Tam-muội, thiền định cho đến địa của Phi phi tưởng và định diệt tận.
- Chấp vào các vào các phần: Tức là chấp về phần tại gia, xuất gia. Chấp vào phần tại gia: Tức là chấp mình với đồng loại gây ra các thứ nghiệp theo tà kiến. Chấp vào phần xuất gia: Tức là chấp về tiếng khen, lợi dưỡng và các thứ giác ngộ-phiền não.
- Chấp vào các Thừa: Tức là chấp vào Thanh văn thừa, Bồ-tát thừa. Chấp về Thanh văn thừa: Tức là vui thích trì giới Tiểu thừa, cầu đạt

được bốn quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Chấp về Đại thừa: Tức là chấp về lợi dưỡng-cung kính cúng dường. Chấp phân biệt về quán xét vô số pháp tướng, cho đến Phật địa.

Lại nữa, các loại tri kiến: Tức là tự thân thành tựu cảnh giới không thể nghĩ bàn, cùng với hàng Thanh văn và Bồ-tát. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Tri Như Lai dùng phương tiện tri kiến đến nơi bờ giác ngộ."

- Đến nơi bờ giác ngộ: Tức là thù thắng so với tất cả các Bồ-tát.
- Vô số các loại niệm quán. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, không có sức mạnh nào làm cho chướng ngại-không có gì sợ hãi, pháp bất cọng-căn-lực… đều đã đầy đủ."

Lại nữa, thành tựu thứ nhất là có thể hóa độ chúng sinh, dựa vào các bậc thiện tri thức mà thành tựu.

Thành tựu thứ hai là đối với chúng sinh căn trí đã thuần thục thì khiến cho họ đạt được giải thoát.

Thành tựu thứ ba là nơi chốn của diệu lực tự tại hàng phục đạt được thanh tịnh.

Thành tựu thứ tư lại có bảy loại:

1. Các loại thành tựu. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Như Lai tiến sâu vào cảnh giới vô biên, thành tựu tất cả các pháp chưa từng có".

2. Ngôn ngữ thành tựu: Tức là đạt được năm loại âm thanh ngôn ngữ tuyệt diệu mà thuyết pháp. Như kinh nói: "Như Lai có năng lực phân biệt các loại, khéo léo thuyết giảng các pháp bằng ngôn từ dịu dàng làm vui lòng vừa ý mọi người…"

3. Tướng thành tựu. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Dừng lại không cần phải nói thêm." Tức là có chúng sinh là pháp khí, tâm đã đầy đủ.

4. Có thể được thành tựu: Tức là tất cả chúng sinh có thể hóa độ hiện tại biết rõ Như Lai đã thành tựu công đức hy hữu bậc nhất, có năng lực thuyết pháp. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Phật đã thành tựu pháp khó hiểu hiếm có bậc nhất".

5. Vô lượng chủng loại thành tựu nói không thể nào hết được. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật và Phật thuyết pháp thì Chư Phật Như Lai có năng lực biết rõ thật tướng cứu cánh của các pháp."

Nói thật tướng: Tức là nghĩa bất biến của Thể của Pháp thân-Như Lai

tạng.

6. Giác ngộ về Thể thành tựu: Hết thảy các pháp do Như Lai thuyết giảng chỉ có Phật Như Lai mới tự chứng đắc. Như kinh nói: "Chỉ có Phật, Như Lai mới nhận biết về tất cả các pháp."

7. Tùy thuận tâm ý của chúng sinh, vì họ thuyết giảng về pháp tu tập thành tựu, pháp ấy như thế nào…? Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật Như Lai mới có năng lực thuyết giảng về tất cả các pháp."

- Thứ nhất là dùng các loại pháp môn để nhiếp thủ chúng sinh.
- Thứ hai là khiến cho chúng sinh an trú, không tán loạn.
- Thứ ba là khiến cho chọn lấy.
- Thứ tư là khiến đạt được giải thoát.
- Thứ năm là khiến họ tu hành thành tựu, đạt được pháp đối trị.
- Thứ sáu là có thể khiến cho chúng sinh tu tập tiến lên đến thành tựu.
- Thứ bảy là khiến tu tập đạt được không còn thối chuyển.

Bảy pháp này là do tự thân các chúng sinh thực hành mà thành tựu.

Lại cùng giáo hóa khiến cho thành tựu: Tức là dựa vào pháp chứng đắc mà trao truyền.

Lại thuyết giảng thành tựu: Là dựa vào pháp thuyết giảng mà giảng giải cho họ.

Hai loại pháp ấy như vừa trình bày ở trước. Dựa vào hai loại pháp đó, có những thứ tự gì để có thể tu tập? Tức là nhắc lại văn ở phần trước đã được, nên biết.

Lại nữa, dựa vào pháp chứng đắc có năm loại:

1. Pháp như thế nào?
2. Sao nói là pháp?
3. Pháp tương tợ gì?
4. Pháp tướng thế nào?
5. Pháp thể thế nào?

- Pháp như thế nào? Tức là pháp của hàng Nhị thừa, pháp của chư Phật.
- Sao nói là pháp? Là dấy khởi vô số các sự việc để thuyết giảng.
- Pháp tương tợ gì? Tức là dựa vào ba loại môn để đạt được thanh tịnh.

- Pháp tướng thế nào? Là ba loại nghĩa về pháp nhất tướng.
- Pháp thể thế nào? Tức là không có hai Thể. Không có hai Thể: Tức là vô lượng thừa chỉ có một Phật thừa chứ không có hai Thừa.

Lại còn có nghĩa:

- Pháp như thế nào? Tức là pháp hữu vi, pháp vô vi…
- Sao nói là pháp? Tức là pháp nhân duyên, pháp không phải là nhân duyên…
- Pháp tương tự gì? Tức là pháp thường, pháp vô thường...
- Pháp tướng thế nào? Tức là pháp có ba tướng như sinh...,pháp có ba tướng như không sinh...
- Pháp thể thế nào? Tức là thể của năm Ấm, Thể chẳng phải là năm Ấm.

Lại nữa:

- Pháp tương tự gì? Tức là pháp vô thường, pháp hữu vi, pháp nhân duyên.
- Pháp tướng thế nào? Tức là pháp có thể thấy tướng... Lại nữa:
- Pháp thể thế nào? Đó là năm Ấm, là chủ thể giữ lấy, có thể giữ lấy, bởi vì năm Ấm là Thể của Khổ-Tập. Lại nữa, năm Ấm là Thể của Đạo đế.

Lại có nghĩa khác dựa vào pháp được thuyết giảng mà giảng giải.

- Pháp như thế nào? Tức là danh-cú, tự-thân…
- Sao nói là pháp? Tức là dựa vào pháp mà Như Lai đã thuyết giảng.
- Pháp tương tự gì? Tức là chủ thể giáo hóa có thể giáo hóa chúng sinh.
- Pháp tướng thế nào? Là dựa vào âm thanh để giữ lấy, vốn dựa vào âm thanh để giữ lấy pháp ấy.
- Pháp thể thế nào? Thể là giả danh, nghĩa thuộc về pháp tướng.

Từ đây trở xuống: Là dựa vào ba loại nghĩa để nêu rõ:

1. Nghĩa quyết định.
2. Nghĩa hồ nghi.
3. Nghĩa dựa vào sự việc gì để hồ nghi?

- *Nghĩa quyết định*: Có bậc Thanh văn, dùng phương tiện chứng được pháp sâu xa dấy lên tâm quyết định. Ở trong đạo Thanh văn đạt được phương tiện chứng được Niết-bàn. Như vậy hai loại pháp chứng

đắc, nêu rõ về pháp hữu vi, vô vi. Như kinh nói: "Bấy giờ trong đại chúng có các Thanh văn là bậc A-la-hán dứt sạch các lậu" cho đến "cũng được pháp này đến nơi Niết-bàn."

- *Nghĩa hồ nghi*: Tức là chỉ cho hàng Nhị thừa, do không thể nào biết được cho nên sinh ra hồ nghi. Như kinh nói: "Bây giờ không biết nghĩa này hướng về đâu?"

- *Nghĩa dựa vào sự việc gì để hồ nghi*: Tức là nghe Đức Như Lai thuyết về giải thoát của hàng Thanh văn cùng với giải thoát của Phật không sai khác, vì vậy sinh nghi. Sinh nghi tức là sinh nghi trong nhân. Sự việc này như thế nào? Ở đây, do Như Lai nhiều lần thuyết về cảnh giới hết sức sâu xa, trước sau đều nói hết sức sâu xa, không giống như Thanh văn, vì thế cho nên sinh nghi. Như kinh nói: "Bấy giờ, Xá-lợi-phất biết rõ về tâm nghi hoặc của bốn chúng…" cho đến "Bèn nói kệ rằng."

Từ đoạn này trở đi: Là dựa vào bốn loại sự việc để nói rõ:

1. Tâm quyết định.
2. Nhân thọ ký.
3. Nhận lấy thọ ký.
4. Trao cho thọ ký.

-*Thế nào là tâm quyết định?* Tức là những người sinh ra kinh sợ thì khiến cho họ loại trừ kinh sợ, vì làm lợi ích cho hai loại người, cho nên Như Lai có tâm quyết định.

Sự sợ hãi này có năm loại, nên biết:

1. Sợ hãi vì tổn giảm: Tức là các Thanh văn như âm thanh đã nghe mà giữ lấy cho là thật, bài báng, không có Đại thừa mà nói như vậy: Như Lai thuyết về quả A-la-hán là Niết-bàn cứu cánh. Chúng ta hoàn toàn chọn lấy Niết-bàn như vậy. Do đó, nghe nói A-la-hán không nhập Niết-bàn thì theo sinh tâm sợ hãi như vậy.

2. Sợ hãi vì nhiều việc: Tức là chỉ cho chúng sinh Đại thừa, sinh tâm như vậy: Ta trải qua vô lượng vô biên kiếp hành trì hạnh Bồ-tát, phải nhận chịu vất vả lâu dài. Nghĩ như vậy cho nên sinh tâm sợ hãi. Vì vậy khởi tâm chọn lấy Thừa khác.

3. Sợ hãi vì điên đảo: Do phân biệt về ngã-ngã sở, với các pháp bất thiện nơi thân kiến.

4. Sợ hãi vì hối tiếc: Tức là Đại đức Xá-lợi-phất... khởi tâm như vậy: Ta không nên tu tập, chứng đắc pháp Tiểu thừa như vậy. Đã có tâm hối tiếc cho nên tự dừng lại. Tâm hối tiếc ấy gọi là sợ hãi.

5. Sợ hãi vì dối trá: Tức là hàng Thanh văn tăng thượng mạn khởi tâm như vậy: Vì sao Như Lai dối gạt chúng ta. Vì thế mà sinh tâm sợ hãi.

- *Nhân thọ ký*: Như kinh nói: "Thôi, thôi! Này Xá-lợi-phất, không nên nói nữa! Nếu nói sự việc ấy thì hết thảy hàng trời-người ở thế gian đều sinh tâm sợ hãi."

Nhân thọ ký như vậy đều sinh tâm sợ hãi, có ba loại nghĩa:

1. Muốn khiến cho các đại chúng kia tìm cầu cảnh giới sâu xa.

2. Muốn khiến cho các đại chúng sinh tâm tôn trọng, hoàn toàn muốn nghe Như Lai thuyết pháp.

3. Muốn khiến cho các Thanh văn tăng thượng mạn lìa khỏi pháp tòa mà đứng dậy đi ra.

Thưa thỉnh lần hai: Tức là nêu rõ vô lượng chư Phật thời quá khứ đã giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: "Vô số các chúng hội ấy…" cho đến: "Nghe Phật đã thuyết giảng thì sinh tâm tin tưởng cung kính."

Thưa thỉnh lần ba: Nêu rõ về Phật hiện tại giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: "Nay trong pháp hội này, ví như chúng ta…" cho đến: "Suốt trong đêm dài sinh tử luôn được an ổn, thêm nhiều lợi ích."

- *Nhận lấy thọ ký*: Bởi vì các vị như Xá-lợi-phất... muốn được thọ ký. Như kinh nói: "Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ông đã ba lần thưa thỉnh, Như Lai há không tuyên thuyết, nay ông nên lắng nghe…"

- *Trao cho thọ ký*: Có sáu thứ, nên biết. Đó là:

1. Chưa nghe khiến được nghe.
2. Thuyết giảng.
3. Dựa vào những nghĩa nào.
4. Khiến an trú.
5. Dựa vào pháp.
6. Ngăn chặn.

- Chưa nghe khiến được nghe: Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Pháp vi diệu như vậy, chư Phật Như Lai lúc này mới thuyết giảng. Như hoa Ưu-đàm-bát…"

- Thuyết giảng. Như kinh nói: "Như Lai đã dùng vô số phương tiện, các loại nhân duyên-thí dụ-ngôn từ để thuyết giảng các pháp..."

Các loại nhân duyên: Tức là chỉ cho ba Thừa. Ba Thừa ấy chỉ có danh tự-chương cú-ngôn thuyết, chứ không phải là có thật nghĩa, bởi vì thật nghĩa ấy không thể nào thuyết giảng được.

- Dựa vào những nghĩa nào. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một nhân duyên đại sự cho nên xuất hiện ở thế gian..."

Một đại sự ấy, dựa vào bốn loại nghĩa, nên biết. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Nghĩa vô thượng: Chỉ trừ Như Lai là bậc Nhất thiết trí nhận biết, lại không có sự việc nào khác. Như kinh nói: "Vì muốn mở bày tri kiến của Phật, khiến cho chúng sinh hiểu biết, đạt được thanh tịnh, cho nên xuất hiện ở thế gian."

Tri kiến của Phật: Tức là Như Lai tự mình chứng đắc, do nhận biết đúng như thật về nghĩa sâu xa kia.

2. Nghĩa đồng: Tức là Pháp thân của Phật và Pháp thân của hàng Nhị thừa đều bình đẳng. Như kinh nói: "Muốn chỉ rõ cho chúng sinh về tri kiến của Phật, cho nên xuất hiện ở thế gian."

Pháp thân bình đẳng: Tức là Pháp thân, Phật tánh không sai khác.

3. Nghĩa không nhận biết: Do hết thảy Nhị thừa không thể nhận biết về nơi chốn chân thật kia,

Không nhận biết về nơi chốn chân thật: Tức là không nhận biết cứu cánh chỉ là một Phật thừa. Như kinh nói: "Muốn khiến cho chúng sinh tỏ ngộ về tri kiến của Phật, cho nên xuất hiện ở thế gian."

4. Nghĩa vì khiến cho chứng được địa không còn thối chuyển: Nêu rõ là trao cho vô lượng trí nghiệp. Như kinh nói: "Muốn khiến cho chúng sinh nhập vào tri kiến của Phật cho nên xuất hiện ở thế gian."

Lại còn nêu rõ: Tức là vì các Bồ-tát có tâm nghi, khiến cho nhận biết đúng như thật để tu tập.

Lại còn giác ngộ tiến vào: Tức là người chưa phát tâm Bồ-đề thì khiến cho phát tâm. Đã phát tâm rồi thì khiến cho hội nhập với pháp.

Lại còn tỏ ngộ: Tức là khiến cho chúng sinh ngoại đạo sinh tâm giác ngộ.

Lại hội nhập: Là khiến cho người đã đạt được quả Thanh văn hội nhập với Đại Bồ-đề.

- Khiến an trú. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Như Lai chỉ dùng một Phật thừa, vì các chúng sinh mà thuyết pháp."

- Dựa vào pháp. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Chư Phật thời

quá khứ đã dùng vô lượng vô số phương tiện, vô số các loại thí dụ-nhân duyên-phương tiện niệm quán để thuyết pháp. Pháp ấy đều là một Phật thừa".

Nói thí dụ: Như dựa vào bò thì có được sữa, lạc, sinh tô, thục tô, đề hồ. Trong năm vị ấy thì đề hồ là bậc nhất. Tiểu thừa như sữa. Đại thừa như đề hồ. Thí dụ này chính là nêu rõ: Đại thừa là vô thượng. Các hàng Thanh văn cũng đồng với nghĩa vô thượng của Đại thừa.

Thanh văn đồng: Tức là nêu rõ về tánh đồng với Pháp thân của chư Phật Như Lai. Pháp thân của hàng phàm phu, Nhị thừa đều bình đẳng không có sai biệt. Thí dụ này nêu rõ về nhân duyên, như vừa nói.

Niệm quán: Tức là trong đế của Tiểu thừa, chỉ cho người là vô ngã. Còn trong đế của Đại thừa thì có vô số các thứ quán: Người vô ngã, pháp vô ngã, chân như, pháp giới, thật tế…

Phương tiện: Tức là trong Tiểu thừa quán về Ấm-giới-nhập, chán khổ, lìa khổ, đạt được giải thoát. Trong Đại thừa thì tu tập các pháp Ba-la-mật, dùng bốn nhiếp pháp để nhiếp thủ tự thân-tha thân, pháp làm lợi ích-đối trị.

Ngăn chặn. Như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Trong mười phương thế giới hãy còn không có hai Thừa, huống hồ là có ba Thừa."

Không có hai Thừa: Tức là không có Niết-bàn do hai Thừa mà đạt được. Chỉ có Như Lai chứng đắc Đại Bồ-đề, đầy đủ rốt ráo tất cả trí tuệ, gọi là Đại Niết-bàn, chẳng phải là hàng Nhị thừa có pháp Niết-bàn, vì chỉ có một Phật thừa.

Một Phật thừa: Nên biết là vào bốn loại nghĩa để nói. Như Lai đã dựa vào sáu loại thọ ký này, vì vậy trước đã nói: Pháp như thế nào? Sao nói là pháp? Pháp tương tự gì? Pháp tướng thế nào? Pháp thể thế nào? Đều nêu rõ như thế.

-Pháp như thế nào? Tức là pháp chưa từng nghe.

Sao nói là pháp? Tức là vô số các thứ ngôn từ-thí dụ để nói rõ ràng.

- Pháp tương tự gì? Tức là chỉ vì một đại sự.
- Pháp tướng thế nào?

Tức là tùy theo căn trí của chúng sinh mà thuyết giảng về các pháp Phật.

- Pháp thể thế nào? Đó là chỉ có Thể của một Thừa. Thể của một Thừa: Tức là Pháp thân bình đẳng của chư Phật Như Lai. Hàng Nhị thừa

chẳng phải là Thể của Pháp thân bình đẳng ấy, do hành quán về nhân quả không giống nhau.

Từ đoạn này trở xuống là Như Lai thuyết pháp, để đoạn trừ bốn loại tâm nghi. Những gì là bốn? Đó là:

1. Nghi: Thuyết giảng vào lúc nào?
2. Nghi: Làm sao nhận biết về tăng thượng mạn?
3. Nghi: Làm thế nào để có thể thuyết giảng?
4. Nghi: Làm sao Như Lai không trở thành vọng ngữ?

- Thuyết giảng vào lúc nào? Chư Phật Như Lai vào những thời gian nào mà phát khởi vô số các loại phương tiện để thuyết pháp? Để đoạn trừ nghi ấy, như kinh nói: "Phật bảo với Xá-lợi-phất: Chư Phật Như Lai xuất hiện ở đời năm trược xấu ác, đó gọi là kiếp trược…."

- Làm sao nhận biết về tăng thượng mạn? Như Lai không vì những kẻ tăng thượng mạn mà thuyết pháp. Làm sao để nhận biết những kẻ kia là tăng thượng mạn? Để đoạn trừ nghi ấy, như kinh nói: "Nếu có Tỳ-kheo thật sự đạt được A-la-hán, mà không tin vào pháp này, thì điều này là vô lý..."

- Làm sao để có thể thuyết giảng. Nghe pháp từ Đức Phật, mà khởi tâm hủy báng, Như Lai phải là người không có thể thuyết pháp làm sao không trở thành người không có năng lực thuyết pháp? Vì đoạn trừ nghi này, như kinh nói: "Chỉ trừ sau khi Phật diệt độ, hiện tại trước mắt không có Phật…"

- Làm sao Như Lai không trở thành vọng ngữ? Do Như Lai trước đây thuyết về pháp khác, nay lại thuyết về pháp khác. Làm sao Như Lai không trở thành vọng ngữ? Vì đoạn trừ nghi ấy, như kinh nói: "Này Xá-lợi-phất! Các ông nên nhất tâm tin hiểu, thọ trì lời Phật giảng dạy. Lời nói của chư Phật Như Lai không hề hư vọng: Không có Thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa."

Cho đến các đồng tử vui đùa đắp cát làm tháp Phật, những người như vậy đều đã thành tựu Phật đạo: Tức là người phát tâm Bồ-đề, hành hạnh Bồ-tát, đã phát khởi thiện căn có năng lực chứng đắc Bồ-đề, không phải là những phàm phu và Thanh văn quyết định, chưa phát tâm Bồ-đề mà có thể đạt được. Như vậy cho đến chỉ một chút cúi đầu cung kính, cũng đều như vậy.

Phẩm 3: THÍ DỤ

Kinh nói: "Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ rằng:

Ba mươi hai tướng tốt sáng ngời,
Mười lực và các pháp giải thoát,
Cùng chung trong một pháp như nhau,
Mà con không đạt được điều này.
Tám mươi vẻ đẹp thật diệu kỳ,
Cùng với mười tám pháp bất cọng,
Tất cả mười tám pháp bất cọng,
Mà con đều đã mất không còn".

Giải thích: Kệ này nêu rõ về nghĩa gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất tự chê trách về thân, nói: "Con không thấy chư Phật, không đến trụ xứ của chư Phật và nghe Phật thuyết pháp, không cung kính cúng dường chư Phật, không làm gì lợi ích cho chúng sinh, lui sụt đối với pháp chưa đạt được."

Tôn giả Xá-lợi-phất đã tự chê trách về mình như thế.

- Không thấy chư Phật: Tức là không thấy tướng đại nhân của chư Phật Như Lai, cho nên không sinh tâm cung kính cúng dường.
- Đi đến chỗ chư Phật: Là nêu rõ về diệu lực giáo hóa chúng sinh.
- Phóng ra ánh sáng màu vàng ròng: Nêu rõ việc thấy tự thân và thân khác của Phật, đạt được vô lượng công đức.
- Nghe thuyết pháp: Là có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.
- Diệu lực: Nêu rõ chúng sinh có hồ nghi, nên dựa vào mười lực để đoạn trừ.
- Cúng dường: Tức là nêu rõ về lực dụng giáo hóa chúng sinh.
- Mười tám pháp Bất cộng: Là nêu rõ việc xa lìa các chướng ngại.
- Cung kính: Nêu rõ việc làm phát sinh vô lượng phước đức, dựa vào sự giáo hóa của Như Lai mà đạt được giải thoát. Do người-pháp đều vô ngã, cho nên tất cả các pháp đều bình đẳng. Vì thế, Tôn giả Xá-lợi-phất tự chê trách về thân, nói: "Con chưa đạt được pháp như vậy, cho nên đối với pháp chưa đạt được mà nữa chừng lui sụt."

Từ đây trở xuống là nói về bảy loại chúng sinh tánh gồm đủ phiền não cấu nhiễm. Nói về bảy loại thí dụ để đối trị bảy loại tâm tăng

thượng mạn. Nghĩa ấy nên biết.

Lại nữa, tiếp theo là nói về ba loại nhiễm-mạn, ba loại người không có phiền não kiến chấp về Tam-muội giải thoát. Đối trị điều này cho nên nói về ba loại bình đẳng. Nghĩa này nên biết.

- Những gì là bảy loại chúng sinh tánh gồm đủ phiền não?

Đó là:

1. Người cầu đạt thế lực.
2. Người cầu đạt Thanh văn giải thoát.
3. Người cầu Đại thừa.
4. Người có định.
5. Người không có định.
6. Người tích tập công đức.
7. Người không tích tập công đức.

- Những gì là bảy loại tâm tăng thượng mạn? Thế nào là bảy loại thí dụ để đối trị?

Đó là:

1. Tâm tăng thượng mạn, điên đảo cầu các công đức: Nghĩa là trong thế gian, các thứ phiền não cấu nhiễm hừng hực tăng mạnh, mà cầu đạt quả báo hữu lậu nơi cảnh giới thắng diệu của hàng trời-người. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về nhà lửa, nên biết.

2. Tâm tăng thượng mạn của hàng Thanh văn hoàn toàn quyết định: Tự nói Thừa mình cùng với Thừa của Như Lai không có sai biệt, mà chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về người con nghèo khổ, nên biết

3. Tâm tăng thượng mạn của hàng Đại thừa hoàn toàn quyết định: Khởi ý cho là không có sai biệt với hàng Nhị thừa, mà chấp giữ điên đảo như thế. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về mây-mưa, nên biết.

4. Tâm tăng thượng mạn của kẻ thật là không mà cho là có: Bởi vì ở thế gian có kẻ hành Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, thật không có Niết-bàn mà sinh tưởng về Niết-bàn, mà chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị việc điều này cho nên nói thí dụ về hóa thành, nên biết.

5. Tâm tăng thượng mạn của kẻ tán loạn: Thật sự không có định. Quá khứ tuy có căn thiện Đại thừa nhưng không hiểu biết. Do không hiểu biết cho nên không cầu đạt Đại thừa. Trong tâm nông cạn chấp trước sinh ra kiến giải hư vọng cho là đệ nhất thừa, mà chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về ngọc báu giấu kỹ trong chéo áo, nên biết.

6. Tâm tăng thượng mạn của kẻ thật có công đức: Nghe pháp Đại thừa cho là không phải Đại thừa, rồi chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị

điều này cho nên nói thí dụ về Luân vương cởi hạt ngọc quý báu trong búi tóc của mình mà ban cho, nên biết.

7. Tâm tăng thượng mạn của kẻ thật sự không có công đức: Đối với đệ nhất Thừa chẳng từng tích tập các căn thiện. Nghe giảng nói về đệ nhất Thừa mà tâm không cho đó là đệ nhất Thừa, mà chấp giữ điên đảo như thế. Đối trị điều này cho nên nói thí dụ về y sư, nên biết.

Người thứ nhất: Đối với vô số các thứ Tam-muội, căn thiện, công đức, phương tiện trong thế gian khiến cho hoan hỷ, sau đó làm cho tiến vào Đại Niết-bàn.

Người thứ hai: Lấy ba làm một cho nên khiến tiến vào Đại thừa. Người thứ ba: Khiến cho nhận biết về vô số các Thừa, chư Phật

Như Lai bình đẳng thuyết pháp, tùy theo chủng tử căn thiện của các chúng sinh làm sinh mầm non tươi tốt.

Người thứ tư: Dùng phương tiện khiến cho tiến vào thành trì Niết-bàn.

Thành Niết-bàn: Đó là thành trì của các Tam-muội, Thiền định.

Vượt qua các thành ấy rồi, sau đó khiến cho tiến vào khu thành Đại Niết-bàn.

Người thứ năm: Nêu rõ về tất cả các căn thiện thuộc đời quá khứ, khiến cho nhớ nghĩ lại, sau đó dạy bảo khiến cho tiến vào Tam-muội.

Người thứ sáu: Giảng nói về pháp Đại thừa, dùng pháp môn này thực hành đầy đủ Thập Địa, cho nên chư Phật Như Lai bí mật trao thọ ký.

Người thứ bảy: Căn chưa thuần thục làm cho được thuần thục, chỉ rõ mức độ đạt được Niết-bàn như thế. Bởi vì nghĩa này cho nên Đức Như Lai nói về bảy loại thí dụ như vậy.

- Thế nào là ba loại người không có phiền não mà bị nhiễm-mạn?

Đó là ba loại tin điên đảo. Những gì là ba? Đó là:

1. Tin vào đủ loại Thừa khác.
2. Tin vào Niết-bàn khác với thế gian.
3. Tin thân này và thân kia khác nhau.

Vì đối trị ba thứ nhiễm-mạn này cho nên nói về ba loại bình đẳng.

Nên biết.

- Thế nào gọi là ba loại bình đẳng? Đối trị ra sao?

1. Thừa bình đẳng: Tức là thọ ký Bồ-đề cho Thanh văn. Chỉ có Đại thừa chứ không có hai Thừa. Thừa này là bình đẳng, không có gì sai biệt.

2. Thế gian, Niết-bàn bình đẳng: Bởi vì Như Lai Đa Bảo nhập Niết-bàn cho nên thế gian và Niết-bàn cả hai đều bình đẳng không hề sai biệt.

3. Thân bình đẳng: Như Lai Đa Bảo đã nhập Niết-bàn, lại thị hiện thân của tự thân-tha thân cùng với Pháp thân đều bình đẳng không hề sai biệt.

Như vậy, ba loại người không có phiền não, do tâm nhiễm-mạn cho nên thấy thân này, thân kia có những việc làm sai biệt, không biết là Phật tánh này, kia chính là Pháp thân đều bình đẳng. Nghĩa là ngay nơi người này mà mình chứng được pháp này, còn người kia không đạt được. Đối trị điều ấy mà thọ ký cho các Thanh văn, nên biết.

Hỏi: Những Thanh văn kia là thật sự thành Phật cho nên được thọ ký, hay là không thành Phật mà được thọ ký? Nếu thật sự thành Phật thì tại sao các Bồ-tát phải ở trong vô lượng kiếp tu tập vô lượng các thứ công đức? Nếu Thanh văn không thành Phật thì vì sao lại cho thọ ký hư vọng?

Đáp: Những Thanh văn kia cùng được thọ ký: Tức là đạt được tâm quyết định, chẳng phải cho là Thanh văn đã thành tựu pháp tánh, vì vậy Như Lai dựa vào ba loại bình đẳng mà nói về pháp Nhất thừa. Vì Pháp thân của Phật và Pháp thân của Thanh văn bình đẳng không khác cho nên có thể thọ ký, chẳng phải cho là đã tu hành đầy đủ công đức. Do đó, Bồ-tát thì công đức đầy đủ, còn các Thanh văn thì công đức chưa đầy đủ.

Nói thọ ký: Tức là nêu rõ về sáu nơi chốn: Năm là Phật ký, một là Bồ-tát ký.

Như Lai ký: Tức là các vị như Xá-lợi-phất, Đại Ca-diếp... mà nhiều người đều biết, danh hiệu không đồng, cho nên thọ ký riêng biệt. Năm trăm người như Phú-lâu-na..., một ngàn hai trăm người cùng chung một danh hiệu, cùng lúc được thọ ký. Các bậc Hữu học, Vô học... đều chung một hiệu. Lại còn các vị chẳng phải là bậc được nhiều người biết đến cho nên được thọ ký cùng một lúc.

- Thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa: Nêu rõ Như Lai không có oán ác.
- Thọ ký cho Tỳ-kheo-ni cùng các Thiên nữ: Nêu rõ về nữ nhân tại gia-xuất gia, tu hạnh Bồ-tát, đều chứng được quả vị Phật cho nên được thọ ký.

Bồ-tát ký: Như văn phần sau, trong phẩm Bồ-tát Bất Khinh nêu rõ, nên biết. Bồ-tát ấy luôn lễ bái tán thán nói lời như vậy: "Tôi không dám khinh các ông. Các ông đều sẽ được làm Phật."

Các ông đều sẽ được làm Phật: Tức là nêu rõ chúng sinh đều có Phật tánh.

Nói Thanh văn được thọ ký: Thanh văn có bốn loại. Đó là:

1. Thanh văn quyết định.
2. Thanh văn tăng thượng mạn.
3. Thanh văn thối tâm Bồ-đề.
4. Thanh văn ứng hóa.

Hai loại Thanh văn được Như Lai thọ ký là Thanh văn ứng hóa và Thanh văn thối chuyển đã phát tâm Bồ-đề trở lại. Còn hai loại kia vì căn chưa thuần thục cho nên Như Lai không thọ ký.

Bồ-tát được thọ ký: Tức là dùng phương tiện khiến cho phát tâm Bồ-đề. Lại dựa vào nghĩa nào mà Như Lai nói ba Thừa gọi là một Thừa? Tức là dựa vào nghĩa đồng vì vậy thọ ký đạo quả Đại Bồ-đề cho các Thanh văn.

Nói nghĩa đồng: Do Pháp thân của Phật và Pháp thân của Thanh văn, đây-kia đều bình đẳng không hề sai biệt. Do các Thừa của hàng Nhị thừa không đồng cho nên có sai biệt. Do hai Thừa ấy không phải là Đại thừa, cho nên Như Lai nói "Không lìa ngã thân là nghĩa vô thượng." Trong pháp của hai Thừa kia không nêu bày về nghĩa ấy, bởi vì người của hai Thừa không thể lãnh hội đúng như thật. Vì ý nghĩa đó, cho nên các Bồ-tát hành trì hạnh Bồ-tát không phải là hư vọng.

Nghĩa vô thượng: Từ trong phần kinh văn còn lại đã nêu rõ về nghĩa vô thượng. Nghĩa vô thượng ấy, sơ lược có mười loại, nghĩa này nên biết. Những gì là mười? Đó là:

1. Nêu rõ về chủng tử vô thượng cho nên nói thí dụ về mưa. Công hạnh của các ông là đạo Bồ-tát: Tức là phát tâm Bồ-đề, thối chuyển rồi trở lại phát tâm, căn thiện đã tu hành trước đây không mất, giống như sau khi đạt được quả.

2. Nêu rõ về hành vô thượng cho nên nói về những sự việc xưa kia của Đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng.

3. Nêu rõ về diệu lực tăng trưởng vô thượng cho nên nói thí dụ về thương chủ.

4. Nêu rõ về khiến cho hiểu biết vô thượng vì vậy nói thí dụ về

ngọc báu được giấu kỹ trong chéo áo.

5. Nêu rõ về quốc độ thanh tịnh vô thượng cho nên thị hiện tháp của Như Lai Đa Bảo.

6. Nêu rõ về sự thuyết giảng vô thượng cho nên nói thí dụ về ngọc minh châu trong búi tóc.

7. Nêu rõ về việc giáo hóa chúng sinh là vô thượng cho nên từ trong lòng đất vọt lên vô lượng Đại Bồ-tát.

8. Nêu rõ về việc thành tựu đại Bồ-đề Vô thượng cho nên thị hiện ba loại Bồ-đề của Phật:

Bồ-đề của Ứng hóa Phật: Tùy chỗ nên thấy, theo đó mà thị hiện. Như kinh nói: "Đều cho là Như Lai từ nơi cung điện của giòng họ Thích ra đi, cách thành Già Da không xa, an tọa nơi đạo tràng, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng".

Bồ-đề của Báo thân Phật: Mười địa hành hóa đầy đủ, chứng được Niết-bàn thường tại. Như kinh nói: "Này người thiện nam! Ta thật sự thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp."

Bồ-đề của Pháp thân Phật: Tức là những nghĩa của Như Lai tạng tánh tịnh Niết-bàn, thường hằng-thanh lương-bất biến. Như kinh nói: "Như Lai thấy biết đúng như thật về tướng của ba cõi…" cho đến: "Chẳng như ba cõi thấy về ba cõi."

Tướng của ba cõi: Nghĩa là cảnh giới của chúng sinh tức là Niết-bàn giới. Không lìa cảnh giới của chúng sinh vì vốn có Như Lai tạng.

Không có sinh tử, hoặc thối chuyển hoặc ra khỏi: Tức là nghĩa thường hằng-thanh lương-bất biến.

Cũng không tại thế và diệt độ: Nghĩa là Thể của chân như Như Lai tạng, không ngang nơi cảnh giới của chúng sinh mà chẳng xa lìa cảnh giới của chúng sinh.

Chẳng phải là thật, chẳng phải là hư, chẳng phải là như, chẳng phải là khác: Tức là lìa xa bốn loại tướng.

Có bốn loại tướng là vô thường...

Chẳng như ba cõi thấy rõ về ba cõi: Tức là chỉ có Phật Như Lai mới có năng lực thấy rõ, có năng lực chứng được Pháp thân chân như, hàng phàm phu không thể thấy. Do đó, kinh nói: "Như Lai luôn thấy rõ, không có nhầm lẫn."

Ta từ xưa hành đạo Bồ-tát, nay hãy còn chưa đầy đủ: Là do bản

nguyện. Cảnh giới của chúng sinh chưa hết thì nguyện không trọn vẹn. Nói chưa đầy đủ, chẳng phải cho là Bồ-đề không đầy đủ.

Đã thành tựu về thọ mạng, số lượng lại tăng gấp bội: Câu văn này nêu rõ về thọ mạng của Như Lai thường có phương tiện thiện xảo, hiển bày nhiều số lượng. Vượt quá số lượng trên thì không thể tính biết.

Tịnh độ của Ta không bị hủy hoại mà mọi người thấy cháy hết: Tức là chỉ Tịnh độ chân thật Báo thân Phật Như Lai, thuộc về Đệ nhất nghĩa đế.

9. Nêu rõ về Niết-bàn vô thượng cho nên nói thí dụ về y sư.

10. Nêu rõ về diệu lực thù thắng vô thượng: Từ trong phần kinh văn khác đã nêu rõ, nên biết.

- Tháp của Như Lai Đa Bảo hiển bày tất cả cõi Phật thanh tịnh: Tức là nêu rõ về cảnh giới Thật tướng của chư Phật, trong ấy có đủ loại vật báu trang nghiêm lẫn nhau. Sự thị hiện có tám loại:

1. Tháp.
2. Lượng.
3. Lược nêu.
4. Trú trì.
5. Thị hiện vô lượng Phật.
6. Lìa mọi tạp uế.
7. Nhiều vật báu.
8. Cùng an tọa trong một tòa tháp.

- Tháp: Là nêu rõ về Xá-lợi trú trì của Như Lai.

- Lượng: Là theo phương tiện thị hiện tất cả cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm, là thanh tịnh xuất thế gian, phát sinh từ căn thiện vô lậu, không phải là từ căn thiện hữu lậu của thế gian mà sinh ra.

- Lược nêu: Tức là nêu rõ về thân Phật Đa Bảo, một Thể, nhiếp thủ tất cả Pháp thân của chư Phật.

- Trú trì: Là nêu rõ về diệu lực tự tại nơi Pháp thân của chư Phật, Như Lai.

- Thị hiện vô lượng Phật: Tức là nêu rõ nơi này nơi kia đã thực hành mọi sự nghiệp không hề sai biệt.

- Xa lìa uế tạp: Tức là nêu rõ tất cả quốc độ của chư Phật đều bình đẳng thanh tịnh.

- Nhiều vật báu: Là nêu rõ hết thảy quốc độ của chư Phật cùng một tánh báu.

- Cùng an tọa trong một tòa tháp: Tức là nêu rõ Hóa Phật không phải là Ứng hóa Phật-Pháp thân Phật-Báo thân Phật mà đều là thành tựu Đại sự.

Từ đây trở đi là nêu rõ về lực pháp, lực trì, lực tu hành, nên biết.

1. Lực pháp: Tức là nêu rõ về năm môn:

- Chứng đắc.
- Tin tưởng.
- Cúng dường.
- Nghe pháp.
- Đọc tụng, nắm giữ, thuyết giảng.

Trong phẩm Bồ-tát Di-lặc nêu rõ về bốn môn. Trong phẩm Bồ-tát Thường Tinh Tiến nêu rõ về một môn.

Bốn pháp môn trong phẩm Bồ-tát Di-lặc:

-*Môn chứng đắc:* Như kinh nói: "Ta nói Đức Như Lai ấy thọ mạng dài lâu, lúc đó có sáu trăm tám mươi vạn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sinh đạt được Vô sinh pháp nhẫn."

Ở đây nói Vô sinh pháp nhẫn: Tức là trí chứng đắc của Địa thứ nhất, nên biết.

Tám đời cho đến một đời chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Tức là chứng đắc pháp Bồ-đề của Địa thứ nhất.

Tám đời, một đời: Tức là các hàng phàm phu quyết định có thể chứng đắc Địa thứ nhất, tùy theo lực, tùy theo phần, tám đời cho đến một đời đều chứng đắc Địa thứ nhất.

Nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác: Tức là bởi vì lìa xa phần đoạn sinh tử của ba cõi, tùy theo phần có thể thấy rõ về pháp tánh chân như, gọi là đạt được Bồ-đề, chẳng phải cho là Niết-bàn phương tiện của Như Lai đã hoàn toàn đầy đủ.

- *Môn tin tưởng:* Như kinh nói: "Lại có các chúng sinh nhiều như số vi trần trong tám thế giới, đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh giác."

- *Môn cúng dường*: Như kinh nói: "Khi các Đại Bồ-tát ấy đạt được lợi ích của Đại pháp, ở trong hư không mưa xuống hoa Mạn đà la...."

- *Môn nghe pháp:* Như trong phẩm Tùy Hỷ đã nói rõ, nên biết.

Một pháp môn trong phẩm Bồ-tát Thường Tinh Tiến: Tức là pháp môn đọc tụng, giải thích, viết chép…, đạt được sáu căn thanh tịnh. Như

kinh nói: "Nếu người thiện nam người thiện nữ nào thọ trì kinh Pháp Hoa, hoặc đọc tụng-giải thích-thuyết giảng-viết chép, thì người ấy sẽ đạt được tám trăm mắt công đức…" cho đến "một ngàn hai trăm ý công đức."

Ở đây, đạt được sáu căn thanh tịnh: Tức là chỉ cho các phàm phu nhờ diệu lực của kinh này cho nên đạt được lực dụng của thắng căn, chưa nhập vào chánh vị của Bồ-tát Địa thứ nhất. Như kinh nói: "Nhục nhãn do cha mẹ sinh ra được thanh tịnh, thấy khắp ba ngàn đại thiên thế giới…."

Lại nữa, sáu căn thanh tịnh: Tức là ở trong mỗi mỗi căn đều có thể đầy đủ về thấy sắc, nghe tiếng, phân biệt mùi vị, cảm xúc, biết pháp. Các căn cùng hiển bày lực dụng, nghĩa ấy nên biết.

Do mắt nhìn thấy mà ngửi mùi hương có thể nhận biết. Như kinh nói: "Thích-đề-hoàn-nhân, ở trong cung điện đẹp đẽ vui thú cùng năm dục" cho đến "Thuyết pháp."

Ngửi hương nhận biết: Đây là nhận biết về cảnh, dùng tỷ căn để biết.

2. Lực trì: Có ba loại pháp môn nêu rõ, như trong các phẩm Pháp sư, phẩm An lạc hạnh, phẩm Khuyến trì cùng giải thích rộng. Lực pháp như trong kinh nói, nên biết.

Tâm ấy quyết định nhận biết về nước chắc chắn gần: Tức là thọ trì kinh này đạt được nước Phật tánh, thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

3. Lực tu hành: Nêu rõ về năm môn:

1. Lực thuyết giảng.
2. Lực hành khổ hạnh.
3. Lực ngăn giữ các nạn cho chúng sinh.
4. Lực công đức thù thắng.
5. Lực hộ trì chánh pháp.

Lực thuyết giảng: Có ba loại pháp môn, trong phẩm Thần lực đã nêu rõ:

- Hiện bày tướng lưỡi dài rộng, khiến cho nhớ nghĩ.
- Dùng âm thanh khe khẽ để nói kệ, khiến cho nghe; nghe rồi thì tu hành đúng như thật, không buông lung.
- Dùng âm thanh bật ngón tay để làm thức tỉnh chúng sinh, khiến cho người tu hành đạt được giác ngộ.

Lực hành khổ hạnh: Trong phẩm Bồ-tát Dược Vương nêu rõ về giáo hóa chúng sinh. Lại nữa, lực hành khổ hạnh, như trong phẩm Bồ-tát

Diệu Âm nêu rõ về giáo hóa chúng sinh.

Lực ngăn giữ các nạn cho chúng sinh: Như trong các phẩm Bồ-tát Quán Thế Âm, phẩm Đà-la-ni đã nêu rõ

Lực công đức thù thắng, trong phẩm Diệu Trang Nghiêm nêu rõ: Hai đồng tử, dựa vào công đức đời quá khứ cho nên có được diệu lực như vậy.

Lực hộ trì chánh pháp, trong các phẩm Bồ-tát Phổ Hiền và phẩm sau nêu rõ.

Lại nói, thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm cùng với thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, thì phước đức bình đẳng. Có hai loại nghĩa:

1. Diệu lực tin tưởng.
2. Nhận biết rốt ráo.

- Diệu lực tin tưởng. Có hai loại:

1. Cầu thân mình như thân Bồ-tát không khác, hoàn toàn tin tưởng như vậy.
2. Sinh tâm cung kính. Như công đức của Bồ-tát, mình cũng hoàn toàn đạt được như vậy.

- Nhận biết rốt ráo: Tức là có thể quyết định nhận biết về pháp giới.

Nói pháp giới: Tức gọi là pháp tánh.

Pháp tánh: Là Pháp thân bình đẳng của tất cả chư Phật, Bồ-tát. Pháp thân bình đẳng: Là Pháp thân chân như, Bồ-tát ở Địa thứ

nhất mới có năng lực chứng nhập. Do đó, thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, thì có thể thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, công đức đã đạt được không hề sai khác.

Phẩm thứ nhất: Phần tựa nêu rõ về bảy loại công đức thành tựu.

Phẩm thứ hai: Phương tiện có năm phần nêu rõ, tách ra hai trình bày về một.

Các phẩm khác như vừa nêu bày, dễ lãnh hội.

**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 87

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

SỐ 1521

(QUYỂN 1 → 17)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1521

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

Tác giả: Bồ-tát Long Thọ.
Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam Tạng
Pháp sư Cưu Ma La Thập.

QUYỂN 1

Phẩm 1: PHẦN TỰA

Kính lạy chư Phật mười phương,
Cùng với Đại đạo Vô thượng,
Cho đến các chúng Bồ tát,
Tâm kiên cố trú mười Địa.
Thanh văn và Bích-chi-Phật,
Bậc vô ngã và ngã sở,
Nay giải thích nghĩa mười Địa,
Tùy thuận pháp Phật đã thuyết.

Hỏi: Vì lý do nào khiến ông nói là muốn giải thích về nghĩa của Thập địa Bồ tát?

Đáp: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thiên, nhân, A-tu-la, đó là sáu nẻo hiểm nạn, gây sợ hãi lớn nhất. Hết thảy chúng sinh trong các nẻo ấy cứ trôi qua giạt lại trong biển cả sinh tử, tùy theo nghiệp mình gây tạo mà mãi lặn hụp trong vô số lớp sóng nhấp nhô đó.

Biết bao nước mắt tuôn, bao giọt sữa tràn, bao mồ hôi, máu mủ tanh nồng là những khối nước uế tạp đáng chán. Những chứng bệnh hủi, hói, gầy còm, thổ huyết, lở loét đầy chân tay, ung thư, do khí nóng xông lên làm ói mửa, sình trướng. Các thứ bệnh tật, bệnh xấu ác như vậy chính là đám quỷ La-sát quái ác. Buồn lo sầu khổ là những thứ nước luôn khuấy động. Khóc lóc than thở kêu gào là âm thanh của muôn ngàn đợt sóng dữ dội. Mọi thứ khổ não thọ nhận chính là tảng đá ốc tiêu nơi đáy biển cả. Cái chết là một bờ dốc cao, không ai có thể vượt qua được. Kiết sử, phiền não, nghiệp hữu lậu là những cơn gió xoáy bất định. Bốn loại điên đảo là những

sự dối trá gạt lừa. Ngu si, vô minh là vùng tối tăm lớn nhất. Theo nghiệp ái mà hàng phàm phu luôn bước đi trong ấy, từ vô thỉ đến nay cứ như vậy mà qua lại nơi biển cả sống chết, chưa từng đến được bờ giác ngộ. Ai đạt tới bờ kia thì phải vận dụng mọi khả năng để cứu vớt vô lượng chúng sinh. Do nhân duyên ấy cho nên nói về nghĩa của Thập địa Bồ-tát.

Hỏi: Nếu người không có khả năng tu hành mười địa của Bồ-tát, thì không thể vượt khỏi biển cả sinh tử chăng?

Đáp: Nếu ai tu theo thừa Thanh văn và Bích-chi-Phật, thì cũng vượt qua được biển sinh tử. Nếu người muốn dùng Đại thừa vô thượng để vượt qua biển lớn sinh tử, thì phải tu hành đầy đủ mười địa.

Hỏi: Tu theo thừa Thanh văn và Bích-chi-Phật, thì đến khi nào có thể vượt qua biển cả sinh tử?

Đáp: Ai tu theo thừa Thanh văn, thì một đời là thoát khỏi, hoặc hai đời, hoặc là hơn số đó, tùy căn trí lanh khôn hay chậm lụt, lại còn do nhân duyên tu hành từ đời trước nữa. Ai tu theo thừa Bích-chi-Phật thì bảy đời là vượt khỏi, hoặc tám đời mới vượt khỏi. Nếu ai tu theo Đại thừa thì phải trải qua một Hằng hà sa đại kiếp, hoặc hai-ba, cho đến mười trăm ngàn vạn đời, hoặc hơn số này, sau đó mới có thể tu tập đầy đủ mười địa của Bồ-tát mà thành Phật, cũng tùy trình độ lanh khôn hay chậm lụt và nhân duyên tu hành từ đời trước nữa.

Hỏi: Phật, Thanh văn và Bích-chi-Phật cùng đến bờ bên kia, thì đối với sự giải thoát có gì khác nhau?

Đáp: Sự việc này cần phải phân biệt. Giải thoát khỏi phiền não thì không có gì khác nhau, nhờ vào sự giải thoát này mà nhập Niết-bàn vô dư, trong đó cũng không khác nhau, vì không có tướng. Chỉ vì chư Phật với thiền định thâm diệu, giải thoát khỏi chướng ngại, hết thảy mọi thứ chướng ngại đều được giải thoát, là khác biệt đối với Thanh văn và Bích-chi-Phật. Sự khác biệt ấy không thể giải thích hết được, cũng không thể lấy ví dụ để so sánh.

Hỏi: Cái học của ba Thừa là Niết-bàn vô dư, nếu trong Niết-bàn

vô dư không có sai khác, thì chúng ta đâu cần phải qua lại trong hằng hà sa đại kiếp trong sinh tử để thực hành đầy đủ hạnh tu của mười địa? Chi bằng theo thừa của Thanh văn và Bích-chi-Phật để mau chóng diệt trừ mọi khổ não?

Đáp: Lời ấy mang tính chất yếu kém, không phải là lời nói của tâm

Đại Bi làm lợi ích. Nếu các Bồ-tát hành theo tâm nhỏ hẹp của ông không có tâm Từ Bi, thì không thể siêng năng tinh tiến tu tập mười địa. Như vậy, hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật cũng không do đâu mà được độ thoát, cũng không có ba Thừa khác nhau. Vì sao? Vì tất cả hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật đều phát sinh từ Phật, nếu không có chư Phật thì do đâu mà có Thừa kia? Nếu không tu mười địa thì làm sao có chư Phật? Nếu không có chư Phật thì cũng không có Pháp-Tăng. Cho nên những gì ông đã nói là làm đoạn mất hạt giống Tam bảo, không phải là lời nói của bậc Đại nhân có trí tuệ, vì vậy không chấp nhận được. Vì sao? Vì thế gian có bốn hạng người:

1. Tự lợi.
2. Lợi tha.
3. Gồm cả tự lợi và lợi tha.
4. Không tự lợi và lợi tha.

Trong ấy, hạng thứ ba là có khả năng thực hành Từ Bi làm ích lợi cho kẻ khác, gọi là bậc Thượng nhân. Như thường nói:

Thế gian thật là đáng xót thương,
Thường làm trái chỉ vì lợi mình,
Dốc lòng theo đuổi sự vui sướng,
Rơi vào màng lưới của tà kiến.
Thường ôm ấp lo sợ cái chết,
Trôi giạt qua lại trong sáu đường,
Các Bồ tát dùng tâm Đại Bi,
Luôn luôn thực hành hạnh hiếm có.
Lúc chúng sinh đối diện cái chết,
Không có ai có thể cứu giúp,
Chìm vào trong đen tối mịt mù,
Do màng lưới phiền não hệ thuộc.
Nếu người có năng lực phát nguyện,
Thực hành tâm Đại Bi cao cả,
Gánh vác tất cả mọi gánh nặng,
Làm nơi nương tựa của chúng sinh.
Nếu như người có tâm quyết định,
Một mình nhận chịu mọi gian lao,
Mà đạt được quả báo an ổn,
Mang lại cho tất cả cùng vui.

Được chư Phật luôn luôn khen ngợi,
Là người cao cả vào bậc nhất,
Cũng là người hiếm có trên đời,
Kho tàng vĩ đại của công đức
Thế gian có người vẫn thường nói:
Nhà không sinh con cái xấu xa,
Chỉ có thể thành tựu lợi mình,
Không thể nào lợi cho người khác.
Nếu sinh ra làm người tốt lành,
Luôn luôn làm lợi ích cho người,
Vậy thì như vầng trăng tròn đầy,
Vằng vặc chiếu sáng trong nhà ấy.
Người có những công đức phước thiện,
Bởi vì đủ các loại nhân duyên,
Lợi ích thêm nhiều như biển rộng,
Lại cũng như mặt đất bao la.
Không mong cầu gì với thế gian,
Vì lòng yêu thương mà dừng lại,
Người này sinh ra được tôn quý,
Thọ mạng lâu dài vào bậc nhất.

Như vậy, Thanh văn, Bích-chi-Phật đối với Phật, thì việc giải thoát khỏi phiền não dù không sai khác, nhưng có khác biệt lớn, đó là phải sống lâu trong sinh tử để độ vô lượng chúng sinh, tạo nhiều ích lợi để tu tập đầy đủ mười địa của Bồ-tát.

Hỏi: Phật có tâm Đại Bi, ông là đệ tử luôn luôn ca ngợi Phật có lòng thương xót chúng sinh đích thực như đã nói, ông dùng các loại nhân duyên phân biệt rõ ràng để dẫn dắt làm cho hiểu biết. Người thực hành tâm Từ Bi nghe được thì tâm thanh tịnh tôi rất vui thích. Kệ trước đây ông nói về nghĩa của mười địa mong ông giải thích cho nghe!

Đáp: Kính là lòng cung kính. Lạy là cúi mình tiếp xúc với chân. Hết thảy chư Phật là chư Phật khắp mười phương trong ba đời. Đại đạo Vô thượng là tất cả các pháp đều như thật thấy biết, thông suốt, không còn sót. Lại không có gì hơn cho nên nói là Vô thượng. Đạo của bậc Đại nhân tu hành cho nên gọi là Đại đạo. Chúng Bồ-tát vì đạo Vô thượng mà phát tâm hành trì cho nên gọi là Bồ-tát.

Hỏi: Chỉ có phát tâm thì đều là Bồ-tát chăng?

Đáp: Đâu có chuyện chỉ phát tâm mà trở thành Bồ-tát. Nếu người phát tâm chắc chắn có khả năng thành tựu đạo vô thượng mới gọi là Bồ-tát. Hoặc có người chỉ phát tâm cũng gọi là Bồ-tát. Tại sao vậy? Vì nếu tách rời khỏi phát tâm ban đầu thì không thể thành tựu đạo Vô thượng. Như kinh Đại thừa nói: "Ai mới phát tâm cũng gọi là Bồ-tát, giống như Tỳ-kheo tuy chưa đắc đạo nhưng cũng gọi là đạo nhân". Đó là Bồ-tát danh tự dần dần tu tập chuyển thành pháp chân thật. Trong phần giải thích về địa Hoan hỷ sẽ nói rộng về tướng như thật của Bồ-tát.

- Chúng, là từ lúc mới phát tâm cho đến phần vị Kim cang vô ngại giải thoát đạo, trong đó bao gồm tất cả các Bồ-tát quá khứ-hiện tại-vị lai, cho nên gọi là chúng.

- Tâm vững chắc, là tâm như núi chúa Tu-di, không thể hủy hoại, cũng như mặt đất bao la không thể bị nghiêng ngã lay động.

- Trụ trong mười địa, là từ địa Hoan hỷ cho đến địa Pháp vân.

Sau này sẽ nói rộng.

Hỏi: Nếu Bồ tát lại có công đức thù thắng, tại sao chỉ khen ngợi tâm vững chắc?

Đáp: Bồ-tát có công đức của tâm vững chắc mới có, năng lực thành tựu sự nghiệp lớn (Đại thừa), không bị rơi xuống Nhị thừa. Tâm mềm yếu là tâm sợ hãi sinh tử tự nghĩ rằng vì sao ở lâu trong sinh tử nhận chịu những điều khổ não, không bằng nhanh chóng theo hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật để lập tức diệt mọi khổ đau. Hơn nữa, tâm mềm yếu là dành cho những kẻ sống trong địa ngục, như địa ngục Đẳng hoạt, địa ngục Hắc thằng, địa ngục Chúng hợp, địa ngục Hào khiếu, địa ngục Đại hào khiếu, địa ngục Viêm nhiệt, địa ngục Đại nhiệt, địa ngục Vô gián; và những địa ngục quyến thuộc khác như, địa ngục lửa đốt thành tro bụi, địa ngục phân sôi, địa ngục rừng cháy, địa ngục máng gươm trên cây, địa ngục đường đi toàn dao, địa ngục cột đồng cháy, địa ngục bị mũi nhọn đâm, địa ngục sông muối. Hết thảy các địa ngục ấy đều sắp đầy những dụng cụ như búa sắt, dao nhọn, kích nhọn, cung tên bằng sắt, chày vồ, gậy sắt, chuông bằng sắt, lưỡi cày trâu bằng sắt, khiên giáo sắt, cối sắt, chày sắt, bánh xe sắt. Tất cả dụng cụ ấy dùng để tra tấn tội nhân như chém, chặt, cắt, đâm, đánh đập, lột da, lóc thịt, xiềng xích, gông cùm, đốt cháy, luộc nấu, tra khảo bằng roi sắt, máy nghiền nát, đánh đâm thân thể tội nhân cho nhừ ra. Những ác thú như chồn, chó, cọp, sói và sư tử tranh nhau đến ăn thân thể ấy. Ở trên thì cú, quạ, kênh kênh sắt bay đến mổ ăn thân thể ác quỷ

dồn đuổi tội nhân, họ phải chạy qua rừng cây dắt kiếm, trên dưới đều là núi lửa bốc cháy. Cho bánh xe lửa cán ngang cổ, rồi cầm gậy sắt nóng đỏ để quất ngã, hoặc lấy cả ngàn cây đinh đóng vào tội nhân, hoặc dùng dao cắt gọt, nạo lưỡi, cắt lưỡi, rồi lùa tội nhân vào hỏa ngục tăm tối, khi thân thể tội nhân nát như bột rồi đem giam vào chỗ hôi thối. Ở đây, thân thể tội nhân bị đặt lên những vỉ sắt nóng bao quanh, còn bị lột da lóc thịt, tay chân bị trói chặt, quăng vào vạc nước sôi, nấu thân ấy. Những quả tạ sắt liên tục ném vào đầu tội nhân khiến não vỡ tung, mắt lồi ra. Thân tội nhân phải đeo những vòng sắt nóng, với sức nóng kinh hoàng đó, máu tuôn ra lai láng. Hoặc có tội nhân phải lặn xuống sông đầy phân thối, hoặc phải đi trên đường ác tua tủa dao kiếm, những dao kiếm bên trên tự nhiên rớt xuống như mưa, như ngựa phóng nhanh, lao vào chém đứt thân thể. Có con sông gồm đủ nước chua, cay, mặn, hôi thối, những kẻ bị quăng xuống đó, thân thể nứt ra rời rã chỉ còn bộ xương. Bọn ngục tốt vớt những bộ xương ấy ra rồi kéo lê, dậm đạp lên…

Những nỗi thống khổ ấy không cùng tận, mà tội nhân thì cứ phải sống ở đó để hứng chịu, muốn chết lại không được.

Nếu nghe thấy những việc hãi hùng ấy, ai mà không sợ hãi, cầu mong tu tập theo Thừa của Thanh văn và Bích-chi-Phật?

Lại nữa, còn có địa ngục băng giá, địa ngục Át-phù-đà, địa ngục Ni-la-phù-đà, địa ngục A-ba-ba, địa ngục A-la-la, địa ngục A-hầu-hầu, địa ngục bông sen trắng, địa ngục bông sen xanh, địa ngục bông sen nhiều màu, địa ngục bông sen hồng, địa ngục bông sen đỏ, thường ở trong chỗ u tối thăm thẳm đầy hãi hùng. Những ai hủy báng Hiền Thánh đều đọa vào những ngục ấy, ở đó còn những hình thể như nhà cửa, phòng xá, núi non, gò đống, núi cao chót vót xấu xí, gió rú lạnh khiếp, làm kích động nỗi đau thương, thân như nắm cỏ khô, da thịt rơi rụng như lá mùa đông. Rét buốt da thịt nứt nẻ, máu mủ hôi tanh nồng nặc tuôn ra. Thân thể phải giam mình trong hôi thối vô cùng khó chịu. Gió lạnh quất vào gây muôn ngàn cay đắng khổ sở, chỉ biết buồn rầu khóc than, tâm không còn nghĩ gì khác. Cứ gào khóc mà không có chỗ nào nương tựa. Những tội ấy là do chê bai Hiền Thánh mà ra. Những ai có tâm hồn nhút nhát nghe thấy những việc kia thì sao không run sợ mà mong cầu tu theo thừa của Thanh văn và Bích-chi-Phật?

Lại nữa, sinh làm súc sinh như heo, chó, cáo, mèo, chồn, chuột, khỉ, dã nhân, cọp, sói, sư tử, beo, gấu, voi, ngựa, trâu, dê, rít, bò cạp, sên,

rắn độc, mọt, rùa, thuồng luồng, cá trạch, ốc, rồng có sừng, bồ câu, cú, kênh kênh. Những cầm thú ấy tàn hại lẫn nhau. Người ta bủa lưới bắt đem về mổ, giết, xẻo thịt ăn, không phải là ít. Lúc còn sống thì chúng bị roi, móc đánh đập, xỏ mũi, ghịt đầu, bắt kéo chở nặng, còn bị đánh đập lòi da, lòi thịt, đau đớn không chịu nổi, bị xông vào khói lửa đốt, khổ độc biết chừng nào. Khi chết chúng còn bị lột da, ăn thịt. Những nỗi thống khổ vô cùng như vậy, những kẻ tâm hồn yếu đuối, hèn nhát thấy nghe việc ấy sao không run sợ, không mong cầu theo Thừa Thanh văn và Bích-chi-Phật?

Lại ở trong loài quỷ đói, cổ như cây kim, miệng luôn bốc lửa, có quỷ đói chuyên ăn đồ ói mửa, có quỷ đói ăn đồ dơ trong thau giặt, có quỷ đói ăn máu mủ, có quỷ đói ăn cứt đái, có quỷ đói tên Phù-đà, có quỷ đói tên Cưu-bàn-trà, có quỷ Dạ-xoa, quỷ La-sát, quỷ Tỳ-xá-xà, quỷ Phú-đơn-na, quỷ Ca-la Phú-đơn-na và nhiều loại quỷ khác. Bọn quỷ này râu tóc rối nùi, móng tay dài, lỗ mũi to, trong mình nhiều dòi bọ, hôi thối đáng kinh tởm, bị đọa đày trong đói khát, ganh ghét, keo kiệt, chúng luôn khổ não bực bội. Chúng chưa từng được ăn, nếu ăn thì đồ ăn không qua khỏi yết hầu. Chúng thường chạy đi tìm máu mủ, cứt đái, đờm dãi, mũi dãi, nước dơ trong chậu. Những con mạnh lấn lấy được nhưng lại không ăn được. Chúng lõa lồ nên nóng lạnh càng giội vào cơ thể. Gió độc thổi khiến thân thể quằn quại đau nhức, ê ẩm. Ngoài ra còn bị muỗi mòng, trùng độc rút rỉa ăn thân của chúng, bụng cồn cào đói khổ như lửa đốt.

Những tâm hồn yếu đuối khi nghe những việc ấy làm sao không sợ hãi, không mong cầu Thừa Thanh văn và Bích-chi-Phật?

Trong thế giới con người bị khổ do ân ái lìa tan, khổ do oán ghét mà cứ phải gặp, khổ vì già, vì bệnh, vì chết, vì cơ cực nghèo hèn, mong hết cực khổ. Có biết bao cảnh khổ như vậy, ngay cả các cõi trời, A-tu-la cũng không tránh khỏi khổ, vì thời gian cứ lùi xa mất hút.

Những tâm hồn yếu đuối khi nghe những việc ấy làm sao không sợ hãi, không mong cầu ở hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật?

Người có tâm vững chắc, khi nghe thấy tất cả khổ não mà chúng sinh phải chịu trong địa ngục ngạ quỷ, súc sinh, trời, người, A-tu-la, sinh tâm Đại Bi mà không lấy làm sợ hãi, còn lập nguyện như vậy: Những chúng sinh chìm sâu trong đau khổ, không ai cứu vớt, không nơi nương cậy, sau khi chứng Niết-bàn, mình sẽ cứu vớt họ. Vì lòng Đại Bi và siêng năng tinh tiến, cho nên không bao lâu được thành tựu tâm nguyện.

Vì vậy tôi nói: Trong các công đức của Bồ-tát thì tâm kiên cố là bậc

nhất.

Lại nữa, Bồ-tát có tám pháp luôn luôn quy tập tất cả các công đức.

Đó là:

1. Lòng Đại Bi.
2. Tâm kiên cố.
3. Trí tuệ.
4. Phương tiện.
5. Không phóng túng.
6. Thường xuyên tinh tiến.
7. Thường nhiếp niệm.
8. Thiện tri thức.

Vì vậy, người mới phát tâm mau chóng thực hành tám việc này, như cứu lửa đang cháy trên đầu, sau đó mới tu các công đức khác.

Hơn nữa, nương vào tám pháp này mà có được bốn đôi-tám bậc của tất cả các chúng Thanh văn, đó là Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn...

Bích-chi-Phật không có ngã-ngã sở, khi thế gian không còn Phật, không còn pháp của Phật, có những người tự đắc đạo gọi là Bích-chi-Phật. Các Hiền Thánh đã lìa xa sự tham trước về ngã và ngã sở, cho nên gọi là bậc không có ngã và ngã sở.

Nay giải thích về nghĩa của mười địa thuận theo những điều Đức Phật đã nói, là trong kinh Thập Địa giải thích theo thứ tự, nay sẽ thuận theo thứ tự giải thích đầy đủ.

Hỏi: Những điều ông nói không khác với kinh. Nghĩa đã được lập trong kinh rồi, cần gì phải nói thêm nữa? Hay là ông muốn khoe tài để cầu danh, cầu lợi?

Đáp:

Tôi không vì thể hiện tự mình,
Trau chuốc văn từ thật hoa mỹ,
Cũng không tham lam theo lợi dưỡng,
Mà tạo ra bộ luận như vậy.

Hỏi: Nếu không như vậy thì vì sao tạo ra bộ luận này?

Đáp:

Tôi vì muốn đem tâm Từ Bi,
Làm nhiều lợi ích cho chúng sinh,
Chứ không vì nhân duyên nào khác,

Mà tạo ra bộ luận như vậy.

Thấy chúng sinh cực khổ trong sáu đường không ai cứu giúp. Vì muốn cứu giúp họ cho nên tôi dùng sức trí tuệ làm bộ luận này, không phải khoe sức trí tuệ để cầu danh lợi, cũng không có tâm ganh tị, tự cao để cầu cúng dường.

Hỏi: Về lòng xót thương làm chuyện ích lợi cho chúng sinh thì trong kinh đã nói rồi, cần gì phải giải thích cho khổ nhọc?

Đáp:

Có người chỉ gặp được kinh Phật,
Hiểu thông suốt về Đệ Nhất nghĩa,
Có người được giải thích rõ ràng,
Mà hiểu được nghĩa lý chân thật..

Có người lợi căn trí tuệ sâu sắc nghe những lời Phật nói sâu xa trong các kinh, thì có thể hiểu thông suốt về Đệ nhất nghĩa, đó gọi là người hiểu kinh sâu xa, tức là Bồ-tát mười địa. Đệ nhất nghĩa tức là nghĩa như thật của mười địa. Có những luận sư có lòng Từ Bi, thuận theo lời Phật nói, tạo sự luận bàn, tăng thêm lời lẽ làm cho sáng tỏ. Có người nhờ vậy mà thông suốt được nghĩa của mười địa. Như nói:

Có người ưa trau chuốt văn chương,
Lời lẽ câu văn đều tốt đẹp,
Có người khéo đối với kệ-tụng,
Có người thích câu từ xen lẫn,
Có người thích thể loại ví dụ,
Mới hiểu được rõ ràng nhân duyên,
Ý thích của mọi người khác nhau,
Tôi thuận theo mà không rời bỏ.

Danh từ-câu cú-chương mục trau chuốt cho nghĩa trong câu không làm thành kệ tụng, kệ gọi là hướng về nghĩa lý, từ ngữ ở trong các câu hoặc là bốn chữ năm chữ, bảy chữ… kệ có hai loại:

1. Kệ bốn câu gọi là Ba-giá.
2. Kệ sáu câu gọi là Kỳ-dạ.

Kệ xen nhiều loại câu gọi là lời lẽ nói thẳng.

Thí dụ là bởi vì người ta không hiểu được nghĩa sâu xa cho nên mượn thí dụ khiến cho họ hiểu rõ. Thí dụ có lúc là sự thật, có lúc là giả tạm.

-Nhân duyên là suy tìm nguyên do của sự việc, thuận theo sở thích

mà không được bỏ qua.

Hỏi: Ông sẽ làm gì với sở thích khác nhau của chúng sinh?

Đáp: Tôi phát tâm vì đạo vô thượng, không bỏ tất cả mà tùy sức làm ích lợi cho họ, hoặc bằng tiền của, hoặc bằng giáo pháp. Như nói:

Nếu như có người bậc Đại trí,
Được nghe nghĩa lý kinh như vậy,
Không cần phải giải thích gì thêm,
Bởi đã hiểu rõ nghĩa mười địa.

Nếu ai có phước đức thông minh, chỉ cần được nghe về kinh Thập Địa này, thì hiểu nghĩa lý không cần phải giải thích. Không phải vì người ấy mà tạo ra bộ luận này.

Hỏi: Người thiện là sao?

Đáp: Nếu nghe lời Phật dạy liền có thể tự mình hiểu được, như hàng trượng phu có thể uống thuốc đắng, trẻ thơ thì lấy mật ngọt hòa vào. Người thiện thì nói sơ lược có mười pháp. Những gì là mười pháp? Đó là:

1. Tín.
2. Tinh tiến.
3. Nhớ nghĩ.
4. Niệm.
5. Thân nghiệp thiện.
6. Khẩu nghiệp thiện.
7. Ý nghiệp thiện.
8. Không tham lam.
9. Không giận dữ.
10. Không ngu si.

Như nói:

Nếu như người nào vì kinh văn,
Khó có thể đọc tụng dễ dàng,
Nếu làm bộ luận Tỳ-bà-sa,
Thì lợi ích nhiều cho người ấy.

Nếu người độn căn lười nhác chậm chạp, bởi vì kinh văn khó cho nên không có thể đọc tụng. Khó là bởi vì văn nhiều cho nên khó tụng-khó giải thích-khó nghe. Hoặc có người ưa thích lời lẽ hoa mỹ, thí dụ xen lẫn làm sinh động chương cú và các loại kệ tụng… Vì lợi ích cho những người ấy mà soạn ra bộ luận này. Vì vậy trước đây ông nói chỉ cần kinh Phật thì đủ lợi ích cho chúng sinh, đâu cần phải giải thích, điều này không phải như vậy:

Như nói:

Tư duy soạn ra bộ luận này,
Phát khởi do thiện tâm sâu xa,
Đem giáo pháp này soi tất cả,
Cúng dường Chư Phật không gì hơn.

Khi soạn luận này, tôi đã suy nghĩ phân biệt, phần nhiều nghĩ đến Tam bảo và chúng Bồ-tát, cũng nghĩ đến bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Phát tâm thiện sâu xa thì đó là tự lợi, còn diễn nói, trình bày rõ ràng Chánh pháp này gọi là cách cúng dường Chư Phật không có gì sánh bằng, đó chính là lợi tha. Như nói:

Thuyết pháp thắp ngọn đèn giáo pháp,
Xây dựng cột cao nêu Chánh pháp,
Cột cao này chính là ấn tướng,
Giáo pháp vi diệu của Thánh Hiền,
Nay tôi soạn ra bộ luận này,
Đế-xả cùng với diệt và tuệ,
Đây là bốn nơi của công đức,
Tự nhiên mà tu tập thành tựu.

Nay soạn ra luận này, là bốn loại công đức tự nhiên tu tập, vì vậy tâm không có gì mệt mỏi. Đế là tất cả đều chân thật, cho nên gọi là Đế. Lời Phật là chân thật trong tất cả mọi sự chân thật, bởi vì không thể biến hoại đổi thay. Tôi giải thích về Phật pháp này chính là thuộc về Tập đế. Xả gọi là bố thí. Thì có hai loại là pháp thí và tài thí. Trong hai loại thí thì pháp thí là hơn hẳn. Như Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Một là pháp thí, hai là tài thí. Trong hai loại thí thì pháp thí là hơn hẳn". Vì vậy lúc tôi bố thí pháp tức là thuộc về Xả của Tập. Nếu lúc tôi giải thích về nghĩa mười địa, thì không có ác nghiệp của thân-khẩu-ý, lại cũng không dấy lên ý niệm ham muốn-giận dữ-si mê và các kiết sử khác. Ngăn chặn lỗi lầm này thì gọi là thuộc về Diệt của Tập. Nói pháp cho người khác hiểu thì cảm được báo có trí tuệ rộng lớn, bởi vì sự thuyết pháp chính là thuộc về Tuệ của Tập. Như vậy soạn ra luận này, là nơi quy tập của công đức này. Lại nữa:

Tôi giải thích luận về mười địa,
Tâm tư mình đạt được thanh tịnh,
Hết sức tham lam với tâm này,
Tinh tiến thường xuyên không mệt mỏi.
Nếu như người nghe và thọ trì,

Tâm tư có được sự thanh tịnh,
Tôi cũng hết sức vui như vậy,
Dốc lòng soạn ra bộ luận này.

Nghĩa của hai bài kệ này đã rõ ràng không cần phải nói lại, chỉ vì tâm mình và tâm người thanh tịnh, cho nên soạn ra nghĩa mười địa này, tâm thanh tịnh đến được nơi phải đến, cảm được quả báo to lớn. Như Phật nói với Ca-lưu-đà-di: Đừng oán trách A-nan! Nếu Ta không thọ ký cho A-nan, vào sau khi hóa-tự-tại bảy lần trở lại làm vua. Như trong Kinh nói rộng.

Phẩm 2: BƯỚC VÀO ĐỊA THỨ NHẤT

Hỏi: Những lời ông vừa nói làm tâm tôi bừng sáng, tôi rất hân hoan. Nay ông giảng nói mười địa thì lợi ích chắc chắn nhiều nữa. Những gì là mười địa?

Đáp:

Pháp của mười địa nói trong này,
Chư Phật ba đời quá-hiện-vị,
Vì các đệ tử của Chư Phật,
Đã thuyết giảng-nay đang thuyết giảng.
Địa thứ nhất gọi là Hoan Hỷ,
Địa thứ ba gọi là Minh địa,
Địa thứ tư gọi là Diệm địa,
Địa thứ năm gọi là Nan Thắng,
Địa thứ sáu gọi là Hiện Tiền,
Địa thứ bảy gọi là Thâm Viễn,
Địa thứ tám gọi là Bất Động,
Địa thứ chín gọi là Thiện Tuệ,
Địa thứ mười gọi là Pháp Vân,
Tướng mười địa phân biệt rõ ràng,
Tiếp sau đây sẽ nói rộng ra.

Trong này là trong nghĩa Đại thừa. Mười là số giáo pháp. Địa là trú xứ tầng bậc thiện căn của Bồ tát. Chư Phật là Chư Như Lai trong ba đời mười phương. Thuyết là khai thị giải thích. Phật tử là con chân thật của Phật, chính là các Bồ-tát, cho nên Bồ-tát gọi là Phật tử. Chư Phật quá khứ-vị lai-hiện tại đều nói mười địa này. Cho nên nói: "Đã nói, Đã thuyết giảng-nay đang thuyết giảng".

- Bồ-tát ở địa thứ nhất, mới được vị pháp thiện cho nên tâm nhiều

hoan hỷ, vì vậy gọi là địa Hoan Hỷ.

- Bồ-tát trong địa thứ hai, thực hành mười thiện đạo, xa lìa mọi cấu trược, cho nên gọi là địa Ly Cấu.

- Bồ-tát trong địa thứ ba, nghe nhiều học rộng, nói pháp cho mọi người nghe, tự làm sáng tâm mình, cho nên gọi là Minh địa.

- Bồ-tát trong địa thứ tư, làm tăng thêm việc bố thí, trì giới, lại học rộng, oai đức rực sáng, cho nên gọi là Diệm địa.

- Bồ-tát trong địa thứ năm, có sức mạnh của công đức, mọi thứ ma không đến quấy phá được, cho nên gọi là địa Nan Thắng.

- Bồ-tát trong địa thứ sáu, trừ hết ma chướng, các pháp của Bồ tát đạo hiện ra trước mặt, cho nên gọi là địa Hiện Tiền.

- Bồ-tát trong địa thứ bảy, xa gần trong ba cõi đều tôn làm Pháp vương, cho nên gọi là địa Thâm Viễn.

- Bồ-tát trong địa thứ tám, không gì làm lay chuyển được nguyện lực, cho dù đó là Thiên ma, là Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, cho nên gọi là địa Bất Động.

- Bồ-tát trong địa thứ chín, với trí tuệ sáng ngời, điều phục nhu hòa tăng lên, cho nên gọi là địa Thiện Tuệ.

- Bồ-tát trong địa thứ mười, đối với vô lượng thế giới nơi mười phương, có thể rưới làn mưa pháp trong cùng một lúc như kiếp thiêu rụi tất cả sau đó rưới mưa lớn thầm nhuần khắp nơi, cho nên gọi là địa Pháp Vân.

Hỏi: Đã nghe tên mười địa, bây giờ làm sao bước vào địa thứ nhất, đạt được tướng mạo của địa này và tu tập theo địa ấy?

Đáp:

Nếu căn thiện gieo trồng sâu dày,
Cố gắng làm những hạnh tốt lành,
Khéo quy tụ các vật sử dụng,
Thiện tâm luôn cúng dường Chư Phật,
Được hàng thiện tri thức che chở,
Đầy đủ mọi tâm nguyện sâu xa,
Tâm Từ Bi nghĩ đến chúng sinh,
Tin và hiểu giáo pháp Vô thượng.
Có đủ tám pháp như vậy rồi,
Thích hợp tự mình phát nguyện rằng:
Con được tự mình độ thoát rồi,

Nên tiếp tục độ thoát chúng sinh.
Bởi vì đạt được mười lực rồi,
Chắc chắn tiến vào trong Định tụ,
Thì sinh trong nhà của Như Lai,
Không còn có tất cả lỗi lầm.
Lập tức chuyển hóa đạo thế gian,
Tiến vào đạo xuất thế cao thượng,
Đây là đạt được địa thứ nhất,
Địa này gọi là địa Hoan Hỷ.

Căn thiện gieo trồng sâu dày; là theo như pháp mà tu tập mọi công đức, gọi là căn thiện gieo trồng sâu dày.

-Căn thiện; là không tham, không giận dữ, không si mê. Mọi pháp thiện đều từ ba loại này mà có, cho nên gọi là căn thiện. Mọi pháp ác cũng phát sinh từ tham lam-giận dữ-si mê, cho nên ba loại xấu này gọi là căn bất thiện. Trong luận A-Tỳ-Đàm phân biệt nhiều loại tâm lý, như hệ thuộc vào cõi Dục, hệ thuộc vào cõi Sắc, hệ thuộc vào cõi Vô sắc và không bị hệ thuộc hợp lại thành mười hai loại, có tâm tương ưng, có tâm không tương ưng, tất cả có hai mươi bốn loại. Trong số đó, lúc tu tập thiện căn vô lậu thì chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn lại là sự tu tập trong chín địa Bồ tát. Nhưng lúc chưa phát tâm cũng tu tập, hoặc trong một tâm có ba, hoặc trong một tâm có sáu, hoặc trong một tâm có chín, hoặc trong một tâm có mười hai. Hoặc chỉ quy tập tâm tương ưng chứ không quy tập tâm không tương ưng. Hoặc quy tập tâm không tương ưng chứ không quy tập tâm tương ưng. Hoặc quy tập tâm tương ưng cũng là tâm không tương ưng. Hoặc không quy tập tương ưng và tâm không tương ưng. Đó là sự phân biệt các căn thiện, như đã nói rộng trong A-tỳ-đàm. Trong đó căn thiện là chúng sinh cầu đạo vô thượng, đã thực hành mọi pháp thiện, đều gọi là căn thiện. Có thể phát sinh Trí Tát-bà-nhã cho nên gọi là căn thiện.

Làm những hạnh tốt lành, hành thiện thì gọi là thanh tịnh, các hành gọi là trì giới, thanh tịnh trì giới theo thứ tự mà thực hành là trì giới cùng với bảy pháp hòa hợp cho nên gọi là thiện hạnh. Những gì là bảy? Đó là:

1. Tàm.
2. Quý.
3. Đa văn.
4. Tinh tiến.

5. Niệm.
6. Tuệ.
7. Đời sống trong sạch, nghiệp thân-miệng trong sạch.

Thực hành bảy pháp này, tuân giữ đủ các giới, thì gọi là cố gắng làm những hạnh tốt lành. Lại nữa, kinh nói: "Các thiền là nơi thực hành, cho nên người đạt được thiền gọi là khéo thực hành các hạnh". Trong luận này, không hẳn dùng thiền mới có thể phát tâm. Vì sao? Vì khi Phật còn tại thế, vô lượng chúng sinh cũng đều phát tâm mà không cần phải có thiền. Lại nữa, bạch y tại gia cũng gọi là hành thiện.

Khéo quy tụ các vật sử dụng, thì phần trên của bài kệ đã nói: "Nếu căn thiện gieo trồng sâu dày, cố gắng làm những hạnh tốt lành khéo quy tụ các vật sử dụng, thiện tâm luôn cúng dường Chư Phật, được hàng thiện tri thức che chở đầy đủ mọi tâm nguyện sâu xa, tâm Từ Bi nghĩ đến chúng sinh, tin và hiểu giáo pháp vô thượng". Đó gọi là các vật sử dụng. Vả lại, pháp thiện thực hành căn bản nhất định phải tu hành, thì thiện căn cũng gọi là các vật sử dụng. Đó là bố thí-nhẫn nhục, tâm chất trực không dua nịnh, cùng sống nhu hòa, vui vẻ không có tánh giận hờn, tất cả mọi lỗi lầm không che giấu, không chấp trước sai lạc, không ngang ngược bướng bỉnh, không tranh cãi, không tự cao, không phóng túng, bỏ kiêu mạn, lìa xa cao ngạo kỳ dị, không khen mình có thể nhẫn nhịn mọi điều, tâm quyết định có thể can đảm nhận lấy kết quả, không bỏ công việc khuyên răn và dạy bảo, ít ham muốn-biết vừa đủ, vui với đời sống vắng lặng một mình. Các pháp như vậy thuận theo thực hành rồi, dần dần có thể đầy đủ những công đức thù thắng, thì pháp vị vững vàng chắc chắn, cho nên gọi là công hạnh căn bản. Nếu rời xa pháp này thì không có thể tiến lên đạt được những công đức thù thắng vi diệu. Vì vậy pháp thực hành căn bản này cùng với tám pháp hòa hợp, vốn là các vật sử dụng của địa thứ nhất.

Thiện tâm luôn cúng dường Chư Phật, là nêu như Bồ tát đời đời đúng như pháp, thường xuyên cúng dường Chư Phật. Cúng dường có hai loại:

1. Cố gắng lắng nghe chánh pháp Đại thừa, hoặc mở rộng hoặc tóm lược.
2. Cúng dường bốn loại cần thiết, cung kính lễ lạy hầu hạ… có đủ hai pháp cúng dường Chư Phật như vậy, đó gọi là thiện tâm luôn cúng dường Chư Phật.

Thiện tri thức, thì Bồ tát tuy có bốn hàng thiện tri thức, nhưng trong này vốn nói đến hàng có năng lực chỉ bày tiến vào Đại thừa, đầy đủ

các Ba-la-mật, là bậc có năng lực làm cho an trú trong mười địa. Đó là Chư Phật, Bồ tát và các Thanh văn, có năng lực nêu rõ và dạy cho pháp Đại thừa làm lợi ích hoan hỷ khiến không còn thối chuyển.

Che chở, là thường xuyên tự mình thương yêu khuyên răn dạy bảo, khiến cho thiện căn được tăng trưởng, đó gọi là che chở.

Đầy đủ mọi tâm nguyện sâu xa, là niềm vui sâu sắc đối với Phật thừa-Đại thừa Vô thượng và Nhất thiết trí thừa, đó gọi là đầy đủ mọi tâm nguyện sâu xa.

Hỏi: Trong phẩm Hòa hợp, Bồ-tát Vô Tận Ý bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: "Các Bồ tát vốn có phát tâm đều gọi là tâm sâu xa chăng".

Đáp: Từ một địa đến một địa, cho nên gọi là tâm hướng đến. Do công đức tăng thêm cho nên gọi là tâm vượt qua. Do đạt được sự nghiệp vô thượng cho nên gọi là tâm thượng đỉnh. Do nhiếp thủ pháp cao nhất cho nên gọi là tâm cao nhất. Hiện tiền đạt được pháp của chư Phật cho nên gọi là tâm hiện tiền. Do quy tập các pháp lợi ích cho nên gọi là tâm duyên. Do thông suốt mọi pháp cho nên gọi là tâm độ. Không mỏi mệt với bổn nguyện cho nên gọi là tâm quyết định. Nguyện được thỏa mãn cho nên gọi là tâm hỷ. Do chính mình làm xong mọi việc cho nên gọi là tâm không bè bạn. Do xa lìa tướng hư hỏng nên gọi là tâm điều hòa. Do không có những điều ác cho nên gọi là tâm thiện. Tránh xa kẻ ác cho nên gọi là tâm không hỗn tạp. Dùng đầu để bố thí cho nên gọi là tâm buông xả khó có. Cứu giúp người phá giới cho nên gọi là tâm trì giới khó có. Năng lực nhận chịu kém cỏi mà điều ác tăng thêm cho nên gọi là tâm khó nhẫn. Chứng Niết-bàn rồi, nhưng có thể buông bỏ, cho nên gọi là tâm khó tinh tiến. Không ham mê thiền cho nên gọi là tâm khó thiền định. Không thấy chán đủ với căn thiện trợ đạo cho nên gọi là tâm tuệ khó có. Có khả năng đạt được tất cả mọi điều cho nên gọi là tâm vượt qua các hành. Có trí tuệ khéo tư duy, cho nên gọi là tâm xa lìa kiêu mạn. Làm mọi chuyện không mong trả ơn, cho nên gọi là tâm phước điền của hết thảy chúng sinh. Quán xét pháp rất sâu xa của Chư Phật cho nên gọi là tâm không sợ hãi. Không bị cản trở cho nên gọi là tâm tăng trưởng công đức. Thường phát khởi tinh tiến cho nên gọi là tâm vô tận. Có thể đảm nhận mọi gánh nặng cho nên gọi là tâm không sầu muộn.

Như nói:

Vả lại, nghĩa của tâm sâu xa, là bình đẳng nghĩ đến chúng sinh, thương yêu tất cả mọi loài, cúng dường các bậc hiền thiện, nghĩ thương xót những người ác, tôn kính đối với thầy dạy; cứu giúp cho người không có ai

cứu giúp, làm nơi nương tựa cho người không nơi nương tựa, làm nơi sinh sống cho người không nơi sinh sống. Người không có nơi cuối cùng thì làm nơi cuối cùng cho họ, người không có bạn bè thì tự mình làm bạn bè cho họ. Ở giữa những người quanh co trái đạo lý nhưng tâm mình thực hành chất trực. Ở giữa những người bại hoại nhưng tâm mình thực hành đứng đắn chân thật. Ở giữa những người dua nịnh giùm pha nhưng tâm mình thực hành không dua nịnh. Ở giữa những người không biết ân nghĩa nhưng mình thực hành đối với tâm biết ân nghĩa. Ở giữa những người không biết làm việc mà thực hành biết làm mọi việc. Ở trong những nơi không có lợi ích nhưng tự mình thực hành có lợi ích. Ở giữa những chúng sinh tà vạy nhưng mình thực hành công hạnh chính đáng. Ở giữa những người kiêu mạn mà mình thực hành công hạnh không kiêu mạn. Ở giữa những người không thuận theo giáo pháp nhưng mình không buồn giận. Ở giữa những chúng sinh tội lỗi nhưng luôn luôn làm người che chở, chúng sinh có những lỗi lầm nhưng mình không chấp vào lỗi lầm của họ. Cúng dường phước điền, tùy thuận khuyên bảo dạy dỗ, tiếp nhận giáo hóa không khó; ở nơi vắng lặng dốc lòng tinh tiến, không mong cầu lợi dưỡng, không tiếc gì thân mạng. Đồng thời trong tâm thanh tịnh cho nên không có gì lừa dối nghi hoặc, khẩu nghiệp tốt đẹp cho nên không tự khen ngợi mình, biết dừng lại vừa cho nên không có hành động uy hiếp bức bách, tâm không cấu nhiễm cho nên thực hành hết sức nhu hòa, quy tập thiện căn cho nên có năng lực tiến vào sinh tử, vì chúng sinh cho nên nhẫn nại đối với tất cả khổ đau.

Hỏi: Bồ tát có những tướng mạo của tâm sâu xa như vậy, vốn không thể nói tận cùng được, nay ông chỉ nói về tướng của tâm sâu xa thì làm sao có thể không thiếu được?

Đáp: Không thiếu gì cả. Bồ tát Vô tận Ý nói tổng quát về tất cả tướng mạo của tâm sâu xa thuộc về một chỗ, nhưng mà trong này phân bố ra các địa; kinh Thập Trú này nói tách biệt về tướng tâm sâu xa của từng địa, vì vậy Bồ tát thuận theo trong các địa đều có được tâm sâu xa, nghĩa của tâm sâu xa tức là thuộc về địa của mình. Nay nói về hai tâm sâu xa trong địa thứ nhất:

1. Tâm phát Đại nguyện.
2. Tâm ở phần vị nhất định thành tựu.

Vì vậy nên biết tùy theo mười địa mà khéo léo nói về tâm sâu xa, ông nói làm sao có thể không thiếu được, thì điều này không phải như vậy.

Tâm Từ Bi đối với chúng sinh, là thành tựu tâm Bi cho nên gọi là Bi. Sao nói là Bi? Nghĩa là thương xót chúng sinh cứu giúp khổ nạn cho họ.

Tin và hiểu giáo pháp Vô thượng, là đối với giáo pháp của Chư Phật có sức mạnh của niềm tin thông suốt tất cả.

Phát nguyện con được tự mình độ thoát rồi sẽ tiếp tục độ thoát cho chúng sinh, là đối với tất cả các pháp của Chư Phật lấy nguyện làm căn bản, xa rời nguyện thì không thể thành tựu, vì vậy cho nên phát nguyện.

Hỏi: Vì sao không nói con sẽ độ thoát cho chúng sinh, mà nói là tự mình độ thoát rồi sẽ tiếp tục độ thoát cho chúng sinh?

Đáp: Tự mình chưa có thể độ thoát thì không có năng lực độ thoát cho người khác. Như người tự mình chìm trong bùn lầy, sao có thể kéo người khác thoát ra được. Lại như người bị nước cuốn trôi không có thể giúp gì cho người chết chìm, vì vậy nói rằng con độ thoát rồi sẽ độ thoát cho người.

Nếu người tự vượt qua sợ hãi,
Có thể làm chỗ dựa cho người,
Tự mình chưa vượt khỏi nghi ngờ,
Sao có thể độ thoát cho người?
Nếu người tự mình không làm thiện,
Không có thể khiến người làm thiện,
Nếu như không tự mình vắng lặng,
Sao có thể khiến người vắng lặng?

Vì vậy trước hết, mình phải cố gắng vắng lặng rồi sau đó mới giáo hóa mọi người. Như bài kệ Pháp Cú nói:

Nếu có thể tự mình an ổn
Thân ở tại nơi chốn tốt lành,
Sau đó làm an lòng người khác,
Mình và người cùng chung lợi ích.

Tất cả mọi việc đều trước hết phải lợi ích cho mình rồi sau mới có thể làm ích lợi cho người. Tại sao vậy? Như nói:

Nếu tự mình thành tựu lợi mình,
Mới có thể lợi ích cho người,
Tự bỏ mong muốn lợi cho người,
Mất lợi rồi buồn lo hối hận.

Vì vậy nói tự độ thoát rồi, sẽ độ thoát cho chúng sinh.

Hỏi: Được lợi gì mà nói thể hoàn thành việc này để tiến vào địa Tất

định? Lại dùng tâm vào mà có thể mà phát nguyện như vậy?

Đáp: Có được mười lực của Phật thì có thể thành tựu được sự nghiệp này, bước vào địa Tất định thì có năng lực để phát nguyện này.

Hỏi: Mười lực của Phật là gì?

Đáp: Phật thấu suốt hết thảy nhân quả của tất cả các pháp, đó gọi là lực thứ nhất. Biết đúng như thật về nơi đã dấy khởi nghiệp nhân-quả báo của ba đời quá khứ-vị lai và hiện tại, gọi là lực thứ hai. Biết đúng như thật về tướng của các thiền định-Tam muội, phân biệt rõ ràng cấu nhiễm-thanh tịnh và ra vào, gọi là lực thứ ba. Biết đúng như thật về các căn nhanh nhạy-chậm chạp của chúng sinh, gọi là lực thứ tư. Biết đúng như thật về niềm vui khác nhau của các chúng sinh, gọi là lực thứ năm. Biết đúng như thật về các loại tánh khác nhau của thế gian, gọi là lực thứ sáu. Biết đúng như thật về tất cả nơi đến của đạo, gọi là lực thứ bảy. Biết đúng như thật về mọi việc của đời trước, gọi là lực thứ tám. Biết đúng như thật về sự việc sống chết, gọi là lực thứ chín. Biết đúng như thật về việc của lậu tận, gọi là lực thứ mười. Bởi vì có được mười lực của Phật như vậy, cho nên dùng tâm đại thừa phát nguyện thì ngay lúc ấy tiến vào Tất định tụ.

Hỏi: Có phải ai mới phát tâm đều có tướng tâm như vậy chăng?

Đáp: Hoặc có người nói: Mới phát tâm thì có tướng như vậy. Nhưng thật sự không phải. Tại sao vậy? Việc này cần phân biệt, không nên trả lời xác định. Vì sao? Vì hết thảy Bồ-tát khi mới phát tâm không phải tất cả đều tiến vào Tất định. Hoặc có người khi mới phát tâm thì may lúc ấy tiến vào Tất định. Hoặc có người dần dần tu đạo công đức, như Phật Thích-ca Mâu-ni, khi mới phát tâm không tiến vào Tất định, sau đó tu tập công đức gặp được Phật Nhiên Đăng thì có thể tiến vào Tất định.

Vì vậy ông nói hết thảy Bồ-tát mới phát tâm liền tiến vào địa Tất định, đó là tà luận.

Hỏi: Nếu là tà luận, thì tại sao ông nói dùng tâm này mà tiến vào Tất định?

Đáp: Vì có Bồ-tát mới phát tâm liền tiến vào Tất định, dùng tâm này có thể đạt được địa thứ nhất. Bởi vì người này cho nên nói là mới phát tâm liền tiến vào trong Tất định.

Hỏi: Đó là tâm ban đầu của Bồ-tát, Phật Thích-ca-Mâu-ni mới phát tâm thì tâm này như thế nào?

Đáp: Tâm này không lẫn tạp với tất cả phiền não. Tâm này liên tục

với nhau không ham theo Thừa khác. Tâm này vững chắc mà tất cả ngoại đạo không có năng lực thắng được. Tâm này tất cả quân ma không thể nào phá hoại. Tâm này là luôn luôn có năng lực quy tập mọi thiện căn. Tâm này có năng lực biết rõ các pháp hữu vi và vô vi. Tâm này không lay động mà có năng lực thâu nhiếp Phật pháp. Tâm này không che phủ mà xa rời các tà hạnh. Tâm này an trú không thể lay động nổi. Tâm này không có gì sánh bằng, không có gì trái ngược nhau. Tâm này như kim cang thông suốt tất cả các pháp. Tâm này không tận cùng mà quy tập vô lượng công đức phước thiện. Tâm này bình đẳng giống như tất cả mọi chúng sinh. Tâm này không có cao thấp, không có gì sai biệt. Tâm này là tánh thanh tịnh không có gì cấu trược. Tâm này xa lìa cấu nhiễm mà ngọn lửa trí tuệ sáng ngời. Tâm này không lầm lỗi, không rời bỏ tâm sâu xa. Tâm này Từ Bi rộng lớn giống như hư không. Tâm này là bao la mà tiếp nhận tất cả chúng sinh. Tâm này không ngăn cản cho đến không chướng ngại đối với trí. Tâm này bao phủ khắp nơi mà không đoạn mất Đại Bi. Tâm này không gián đoạn mà có năng lực hồi hướng chính xác. Tâm này là nơi tất cả chúng sinh hướng về, người trí tuệ đều ca ngợi. Tâm này đáng nhìn ngắm, hàng tiểu thừa luôn luôn chiêm ngưỡng. Tâm này khó thấy được, tất cả các chúng sinh không thể nào nhìn thấy.

Tâm này khó phá hủy mà có năng lực dễ dàng tiến vào Phật pháp. Tâm này là an trú trong trú xứ của tất cả mọi niềm vui vốn có. Tâm này là của cải sử dụng làm phước đức trang nghiêm. Tâm này là của cải sử dụng để trí tuệ chọn lựa. Tâm này thuần hậu lấy bố thí làm của cải sử dụng. Tâm này là của cải sử dụng cho đại nguyện trì giới. Tâm này là của cải sử dụng nhẫn nhục khó cản trở. Tâm này là của cải sử dụng cho tinh tiến khó thắng được. Tâm này là của cải sử dụng cho thiền định vắng lặng. Tâm này là của cải sử dụng cho trí tuệ không có gì làm não hại. Tâm này là tâm Từ sâu xa không hề có sân hận ngăn cản. Tâm này là tâm Bi sâu dày với gốc rễ sâu thẳm. Tâm này là Tâm Hỷ sâu dày vô cùng vui vẻ. Tâm này là tâm Xả sâu dày, mọi khổ vui không lay chuyển được. Tâm này được thần lực của Chư Phật cùng hộ niệm. Tâm này nối tiếp nhau làm cho Tam bảo không gián đoạn. Vô lượng công đức trang nghiêm cho tâm tiên tiến vào tất định như vậy, như trong phẩm Vô Tận Ý giải thích rộng. Tâm này không lẫn tạp với tất cả mọi phiền não, là kiến Đế tư duy mà đoạn trừ hai trăm chín mươi bốn loại phiền não không cho hòa hợp với tâm, cho nên gọi là không lẫn tạp. Tâm này liên tục với nhau không ham theo Thừa khác, là từ lúc mới

phát tâm liên tục theo nhau cho đến nay, không ham theo thanh văn và Bích-chi-Phật, chỉ vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên gọi là liên tục với nhau không ham theo Thừa khác. Bốn mươi chín câu luận như vậy, nên biết về tâm ban đầu là như vậy.

Hỏi: Ông nói tâm này là thường, mọi pháp hữu vi đều là vô thường, như trong Kinh Pháp Ấn nói: "Người tu hành quán xét thế gian là Không, tất cả không có gì thường còn mà không biến đổi, tan hoại". Điều này sao có thể không trái ngược nhau?

Đáp: Điều ông hỏi với nghĩa không được đúng lý cho nên làm thành vấn nạn này trong này không nói tâm là thường. Trong này tuy rằng miệng nói là thường, nhưng phải hiểu chữ Thường có nghĩa là Tất định, do tâm ban đầu sinh ra chắc chắn có năng lực thường xuyên quy tập các thiện căn không hề dừng nghỉ cho nên gọi là Thường.

Sinh trong nhà của Như Lai, nhà Như Lai chính là nhà Phật. Như

Lai: Như gọi là thật, Lai gọi là đến. Đến trong chân thật cho nên gọi là Như Lai. Như thế nào là chân thật? Đó là Niết bàn. Không hư dối cho nên đó gọi là Như Thật. Như trong kinh nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Thánh đế thứ nhất không có gì hư dối, chính là Niết bàn". Vả lại, Như gọi là tướng không hủy hoại, đó gọi là Thật tướng của các pháp; Lai gọi là trí tuệ, đến trong Thật tướng thông suốt nghĩa lý ấy, cho nên gọi là Như Lai. Lại nữa không-Vô tướng-Vô tác gọi là Như; Chư Phật đi đến ba công giải thoát, cũng khiến cho chúng sinh đến được cổng này, cho nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, Không, Vô tướng, Vô tác thì gọi là Như. Chư Phật lại đến ba cửa giải thoát ấy, các Ngài cũng muốn cho chúng sinh đến được đó, cho nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, Như gọi là bốn Đế, bởi vì hết thảy mọi thứ đều thấy được bốn Đế, cho nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, Như gọi là sáu pháp Ba-la-mật, đó là bố thí-trì giới-nhẫn nhục-tinh tiến-thiền định-trí tuệ. Do sáu pháp này mà đến được Phật địa cho nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, bốn lĩnh vực công đức của Đế-Xả-Diệt-Tuệ cũng gọi là Như, dùng bốn pháp này mà đến được Phật địa cho nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, hết thảy pháp Phật gọi là Như, dùng pháp mà đến với chư Phật gọi là Như Lai.

Lại nữa, hết thảy địa của Bồ-tát là Hoan Hỷ-Minh-Tịnh-Diệm-Nan thắng-Hiện Tiền-Thâm Viễn-Bất Động-Thiện Tuệ-Pháp Vân gọi là Như, các Bồ-tát theo mười địa này mà đến với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho nên gọi Như Lai.

Lại dùng tám phần Thánh đạo đúng như thật mà đến cho nên gọi là Như Lai. Lại dùng hai chân Quyền-Trí đi đến quả Phật cho nên gọi là Như Lai. Như ra đi mà không trở lại cho nên gọi là Như Lai.

Như Lai là ba đời mười phương chư Phật. Nhà của chư Phật gọi là nhà Như Lai. Bây giờ Bồ-tát thực hành đạo Như Lai, nối nhau không dứt cho nên gọi là sinh vào nhà Như Lai. Nhưng Bồ tát này chắc chắn thành Như Lai, cho nên gọi là sinh vào nhà Như Lai. Ví như sinh vào nhà của Chuyển luân Thánh vương thì có tướng của Chuyển luân Thánh vương, người này chắc chắn làm Chuyển luân Thánh vương. Bồ-tát này cũng như vậy, sinh vào nhà Như Lai, phát tâm như vậy cho nên chắc chắn thành bậc Như Lai, thì gọi là sinh vào nhà Như Lai. Có người nói: Nhà Như Lai là nơi chốn của bốn công đức Đế-Xả-Diệt-Tuệ.

Các bậc Như Lai từ trong bốn công đức này mà sinh ra, cho nên gọi là nhà Như Lai. Có người nói: Bát nhã Ba-la-mật và phương tiện là nhà Như Lai, như trong kinh Trợ Đạo nói:

Trí độ vô cực là người mẹ,
Thiện quyền phương tiện là người cha,
Vì sinh ra nên gọi là cha,
Bởi nuôi dưỡng nên gọi là mẹ.

Tất cả thế gian lấy cha mẹ làm nhà. Do hai công đức này giống như cha mẹ cho nên gọi là nhà.

Có người nói: Pháp thiện và trí tuệ gọi là nhà của chư Phật. Chư Phật sinh ra từ hai pháp này. Hai pháp này chính là cội rễ của mọi pháp thiện. Như trong kinh nói: "Thực hành đầy đủ hai pháp này thì thành tựu chánh pháp. Pháp thiện là cha, trí tuệ là mẹ. Hai pháp này cùng hòa hợp nhau thì gọi là nhà của chư Phật". Như nói:

Bồ tát lấy pháp thiện làm cha,
Lấy trí tuệ làm mẹ của mình,
Tất cả các Như Lai ba đời,
Đều từ hai pháp này sinh ra.

Có người nói: Tam-muội Bát chu và Đại bi gọi là nhà của chư Phật. Từ hai pháp này sinh ra các Đức Như Lai.

Trong đó, Tam-muội Bát chu là cha, Đại Bi là mẹ.

Lại nữa, Tam-muội Bát chu là cha, Vô sinh pháp nhẫn là mẹ. Như trong Trợ Bồ-đề có nói:

Tam-muội Bát chu là người cha,
Đại Bi-Vô sinh là người mẹ,
Tất cả các Như Lai ba đời,
Từ hai pháp này mà sinh ra.

- Nhà Như Lai không hề có lỗi lầm, là nhà thanh tịnh. Thanh tịnh nghĩa là sáu pháp Ba-la-mật, bốn nơi quy tụ công đức, phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, pháp thiện và trí tuệ, Tam-muội Bát chu, Đại Bi và các Nhẫn, đều là các pháp thanh tịnh, không hề có lỗi lầm cho nên gọi là nhà thanh tịnh. Bồ-tát lấy các pháp này làm nhà cho nên không có những lỗi lầm.

- Chuyển đổi lỗi lầm chuyển đổi từ đạo lý của thế gian mà tiến vào đạo xuất thế vô thượng, đạo lý thế gian gọi là đạo thực hành của hàng phàm phu, chuyển đổi gọi là dừng lại. Đạo lý của phàm phu thì không có năng lực cuối cùng đến được Niết bàn, mà thường qua lại trong sinh tử, đó gọi là đạo lý của phàm phu. Xuất thế gian là nhờ vào đạo lý này

mà được thoát khỏi ba cõi, cho nên gọi là đạo lý xuất thế gian.

- Thượng nghĩa là tốt đẹp cho nên gọi là thượng. Nhập lại chính thức thực hành đạo pháp cho nên gọi là nhập. Dùng tâm này bước vào địa thứ nhất, gọi là địa Hoan hỷ.

Hỏi: Sao gọi địa thứ nhất là địa Hoan hỷ? Đáp:

Như đạt được quả vị thứ nhất,
Cuối cùng đến được chốn Niết-bàn,
Bồ tát đạt được địa vị này,
Tâm luôn luôn có nhiều hoan hỷ
Tự nhiên được tăng thêm mạnh mẽ
Chủng tử của Chư Phật Như Lai,
Vì vậy cho nên như người này,
Được gọi là người bậc Hiền thiện.

Như đạt được quả vị thứ nhất, là như người đạt được đạo quả Tu-đà-hoàn, khéo léo đóng chặt cửa vào ba ác đạo, nhận thấy pháp-tiến vào pháp và đạt được pháp, an trú kiên cố trong pháp không thể nào làm cho khuynh động. Cuối cùng đến được chốn Niết bàn, đoạn được pháp do kiến đế mà đoạn, cho nên tâm vô cùng hoan hỷ, giả sử có ngủ nghỉ-uể oải nhưng không

đến nỗi rơi vào hai mươi chín cõi khác. Như dùng một mảy lông chia làm trăm phần, dùng phần trăm của một mảy lông ấy chấm lấy nước biển rộng, chỉ giống như vào ba giọt mà thôi. Khổ đã diệt thì như nước biển rộng, khổ còn lại chưa diệt thì như vài ba giọt đã chấm lấy. Tâm luôn luôn có nhiều hoan hỷ, Bồ tát đạt được địa thứ nhất như vậy rồi, gọi là sinh trong nhà Như Lai, được tất cả trời rồng, dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Phạm vương, Thiên vương, Sa môn, Bà-la-môn và hết thảy Thanh văn, Bích-chi-Phật đều cùng nhau cúng dường cung kính. Tại vì sao? Bởi vì người sinh trong nhà này không còn có lỗi lầm, chuyển đổi đạo lý thế gian tiến vào đạo lý xuất thế gian, chỉ vui với lòng cung kính Đức Phật, đạt được xứ sở của bốn công đức, đạt được mùi vị quả báo của sáu pháp Ba-la-mật, không đoạn mất dòng dõi của Chư Phật cho nên tâm vô cùng hoan hỷ. Bồ tát này vốn có nỗi khổ còn lại chỉ bằng vài ba giọt nước, tuy trải qua trăm ngàn ức kiếp đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng đối với nỗi khổ sinh tử từ vô thỉ, chỉ giống như vài ba giọt nước, những nỗi khổ đã được diệt trừ thì giống như nước trong biển rộng. Vì vậy cho nên địa này gọi là địa Hoan Hỷ.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 2

Phẩm 3: TƯỚNG ĐỊA

Hỏi: Đã đạt được địa thứ nhất, Bồ-tát có tướng mạo như thế nào? Đáp:

Bồ tát đạt được địa thứ nhất,
Tự có nhiều năng lực chịu đựng,
Không thích xảy ra sự tranh cãi,
Tâm tư chan chứa những niềm vui,
Luôn luôn vui với lòng thanh tịnh,
Tâm xót thương nghĩ đến chúng sinh,
Không còn có tâm ý nóng giận,
Phần nhiều thực hành bảy điều này.

Nếu Bồ tát đạt được địa thứ nhất thì có bảy tướng này. Có năng lực chịu đựng là có thể làm được việc khó làm, tu tập vô lượng phước đức thiện căn, ở trong vô lượng hằng hà sa kiếp qua lại chốn sinh tử, giáo hóa chúng sinh có tâm cố chấp ngang ngược khó thay đổi, nhưng tâm không hề lui sụt mà có năng lực chịu đựng những sự việc như vậy, cho nên gọi là kham nhẫn. Không tranh cãi là tuy có năng lực hoàn thành việc lớn mà không tranh cãi với người khác, không làm trái ngược với nhau. Hỷ là luôn luôn làm cho thân được dịu dàng, tâm được an ổn. Duyệt là ở trong pháp chuyển đổi cao hơn thì tâm được vui mừng phấn khởi. Thanh tịnh là xa lìa mọi sự cấu trược của phiền não. Có người nói: Tin hiểu gọi là thanh tịnh. Có người nói: Niềm tin kiên cố gọi là thanh tịnh. Tâm thanh tịnh này đối với Phật-Pháp-Tăng, đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo đế, đối với sáu độ Ba-la-mật, đối với mười địa Bồ tát, đối với pháp Không-Vô tướng-Vô tác, luôn luôn tin hiểu sâu sắc. Nói tóm lại là đối với tất cả các kinh sâu xa, các bậc Bồ tát và tất cả Phật pháp mà họ

thực hành, tất cả đều là tâm tin tưởng thanh tịnh. Bi là thương xót cứu giúp cho chúng sinh, tâm Bi này dần tăng trưởng mà thành Đại Bi. Có

người nói: Ở trong tâm Bồ tát gọi là Bi, Bi mẫn đến mọi chúng sinh gọi là Đại Bi. Đại Bi phát sinh từ mười nhân duyên, như trong Địa thứ ba giải thích rộng hơn. Không còn nóng giận, là Bồ tát vào lúc này kiết sử chưa đoạn, cho nên thực hành nhiều điều thiện làm cho tâm giảm bớt sự sân hận. Như vậy Bồ tát đang ở địa thứ nhất, tâm không sợ hãi lùi bước, cho nên gọi là có năng lực chịu đựng mọi điều. Vui với sự vắng lặng, cho nên gọi là không thích tranh cãi. Có được tâm Đại Bi thuận với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên gọi là tâm chan chứa niềm vui. Xa lìa những phiền não cấu trược, cho nên đối với Phật-pháp-tăng thì tâm của các Bồ tát luôn luôn thanh tịnh. Tâm an ổn không có gì lo sợ, cho nên gọi là tâm vui sướng. Rất thương xót mọi chúng sinh, cho nên gọi là Bi. Tâm thường vui với hạnh Từ, cho nên gọi là không sân giận. Đây gọi là tướng mạo của Bồ tát ở địa thứ nhất.

Hỏi: Vì sao không nói Bồ tát ở trong địa thứ nhất có bảy điều này mà nói là nhiều?

Đáp: Bởi vì Bồ tát này chưa hết phiền não, có lúc uể oải bê trễ, ở trong bảy điều này có lúc tạm thời phế bỏ lui sụt, bởi vì nhiều côngh ạnh như vậy cho nên nói là nhiều. Ở trong địa thứ nhất đã đạt đượcpháp này, trong các địa sau chuyển tiếp theo nhau tăng thêm nhiềuhơn.

Hỏi: Thứ nhất là địa Hoan Hỷ, Bồ tát ở trong địa này gọi là nhiều hoan hỷ, vì đạt được các công đức cho nên hoan hỷ, hay là vì pháp của địa thuận theo hoan hỷ, vì điều gì mà hoan hỷ?

Tâm luôn luôn nghĩ đến Chư Phật,
Và pháp cao cả của Chư Phật,
Công hạnh Tất định thật hiếm có,
Cho nên tâm chan chứa hoan hỷ.

Vốn có những nhân duyên hoan hỷ như vậy, cho nên tâm Bồ tát ở trong địa thứ nhất có nhiều hoan hỷ. Nghĩ đến Chư Phật, là nghĩ đến Chư Phật quá khứ như Phật Nhiên Đăng, Chư Phật hiện tại như Chư Phật A-di-đà, Chư Phật tương lai như Phật Di lặc. Tâm thường nghĩ nhớ Chư Phật Thế tôn như vậy, giống như hiện ở trước mắt. Chư Phật là bậc Vô Năng Thắng đứng đầu ba cõi, cho nên tâm cảm nhiều hoan hỷ.

Nghĩ đến pháp cao cả của Chư Phật, nói tóm lược là bốn mươi pháp bất cọng của Chư Phật. Đó là:

1. Tự tại tùy ý phi hành.
2. Tự tại biến hóa vô biên.

3. Tự tại nghe thấy vô ngại.

4. Tự tại dùng vô lượng chủng loại pháp môn biết tâm của tất cả chúng sinh.

Những pháp như vậy phần sau sẽ nói rộng hơn. Nghĩ đến các Bồ tát ở phần vị Tất định, là nếu như Bồ tát được thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tiến vào phần vị của pháp đạt được vô sinh pháp nhẫn, ngàn vạn ức số ma quân không thể nào làm cho rối loạn hư hoại được, đạt được tâm đại bi thành tựu pháp của bậc Đại nhân, chịu khó thực hành tinh tiến không tiếc thân mạng để đạt được Bồ đề. Đây gọi là nghĩ đến phần vị tất định của Bồ tát. Nghĩ đến công hạnh thật hiếm có, là nghĩ đến công hạnh hiếm có vào bậc nhất của Bồ tát ở phần vị Tất định khiến cho tâm hoan hỷ, tất cả phàm phu vốn không có năng lực đến được, tất cả Thanh văn và Bích-chi-Phật vốn không có năng lực thực hành, khai mở rõ ràng Phật pháp giải thoát vô ngại cùng với trí Tát-bà-nhã. Lại nghĩ đến các pháp đã thực hành của mười địa, gọi là tâm cảm nhiều hoan hỷ. Vì vậy Bồ tát được tiến vào địa thứ nhất gọi là Hoan hỷ.

Hỏi: Có người phàm phu chưa phát tâm đối với đạo vô thượng, hoặc có phát tâm nhưng chưa đạt được phần vị của địa Hoan Hỷ, người này nghĩ đến Chư Phật và đại pháp của Chư Phật, nghĩ đến phần vị Tất định của Bồ tát và công hạnh hiếm có cũng được hoan hỷ, Bồ tát hoan hỷ đạt được địa thứ nhất, cùng với sự hoan hỷ của người này có gì khác biệt?

Đáp:

Bồ tát đạt được địa thứ nhất,
Tâm tư chan chứa niềm hoan hỷ,
Chư Phật có vô lượng công đức,
Con cũng nhất định sẽ có được.

Bồ tát đạt được phần vị Tất định thuộc địa thứ nhất, nghĩ đến Chư Phật có vô lượng công đức, mình sẽ chắc chắn đạt được sự việc như vậy. Tại vì sao? Bởi vì mình đã đạt được địa thứ nhất này và tiến vào trong phần vị Tất định, người khác không có tâm này, vì vậy Bồ tát ở địa thứ nhất phát sinh nhiều hoan hỷ. Người khác không có như vậy. Tại vì sao? Bởi vì người khác suy nghĩ đến Chư Phật, nhưng không có thể dấy lên ý nghĩ này: Mình nhất định sẽ làm Phật. Ví như con của Chuyển luân Thánh vương thì sinh trong nhà của Chuyển luân Thánh vương, thành tựu tướng mạo của Chuyển luân Thánh vương, nghĩ đến công đức tôn quý của Chuyển luân Thánh vương ở quá khứ, dấy lên nghĩ rằng: Nay mình cũng có tướng

mạo này, cũng sẽ được giàu có tôn quý như vậy. Tâm tư vô cùng hoan hỷ phát sinh. Nếu không có tướng mạo của Chuyển luân Thánh vương thì không có niềm vui như vậy. Bồ tát ở phần vị Tất định nếu nghĩ đến Chư Phật và công đức oai nghi tôn quý vĩ đại của Chư Phật, mình có tướng mạo này thì chắc chắn sẽ làm Phật, ngay lúc ấy vô cùng hoan hỷ, người khác thì không có được sự việc này. Định tâm là tâm tiến vào trong Phật pháp không thể nào lay động. Vả lại, Bồ tát ở địa thứ nhất lúc nghĩ đến Chư Phật, dấy lên tư duy như vậy: Mình cũng không bao lâu nữa sẽ làm lợi ích cho mọi người ở thế gian; và nghĩ đến Phật pháp, thì mình cũng sẽ có được thân tướng trang nghiêm tốt đẹp, thành tựu pháp bất cọng của Chư Phật, tùy thuận các loại thiện căn và tâm lực lớn nhỏ của các chúng sinh mà thuyết pháp cho họ. Còn mình đã đạt được mùi vị của pháp thiện, không bao lâu sẽ giống như Bồ tát ở phần vị Tất định đi lại bằng các loại thần thông. Lại nghĩ đến đạo đã thực hành của Bồ tát ở phần vị Tất định, tất cả thế gian vốn không thể nào tin được, mình cũng sẽ thực hành. Nghĩ như vậy rồi thì tâm tràng đầy hoan hỷ. Người khác không có như vậy, tại vì sao? Bởi vì Bồ tát này tiến vào địa thứ nhất, tâm họ quyết định và nguyện không thay đổi mà chỉ cầu mong những gì đáng cầu mong. Ví như việc làm của Hương Tượng thì chỉ có Hương Tượng có năng lực thực hiện loài thú khác nhau có thể làm được. Vì vậy điều ông đã nói, thì sự việc không phải như vậy. Vả lại, Bồ tát đạt được địa thứ nhất thì không còn mọi điều sợ hãi, cho nên tâm nhiều hoan hỷ.

Nếu người sợ hãi thì tâm không thể vui mừng được. Hỏi: Bồ-tát không sợ những gì?

Đáp:

Không có nỗi sợ hãi không sống
Không sợ chết-không sợ đường ác,
Không sợ uy đức của Đại chúng,
Không sợ tiếng xấu và chê bai,
Không sợ giam cầm và gông xiềng,
Không sợ tra khảo và tử hình,
Bởi vì vô Ngã và Ngã sở,
Nào có những nỗi sợ hãi này.

Hỏi: Vì sao Bồ tát trú trong địa thứ nhất thì không có nỗi sợ hãi không sống?

Đáp: Bởi vì Bồ-tát có oai đức lớn, Bồ-tát có năng lực chịu đựng,

Bồ-tát có trí tuệ lớn, biết ngừng lại và vừa đủ, Bồ-tát dấy lên nghĩ như vậy: "Ta đã tu tập nhiều phước đức, người có phước thì y phục, thức ăn đồ uống, những vật cần dùng tự nhiên liền đến. Như thuở xưa vào kiếp ban đầu, ai là bậc đại nhân thì được quần thần quân dân tôn lên làm vua. Nếu người nào phước đức mỏng thì dù được sinh vào chốn vương gia nhưng vẫn phải tự nuôi sống bằng sức mình, áo cơm còn không đầy đủ, huống là lo chuyện đất nước? Bồ-tát lại nghĩ như vậy: Mình tu tập nhiều phước đức, như kiếp ban đầu, vua tự nhiên lên ngôi, mình cũng sẽ như vậy, cũng sẽ làm được chuyện như vậy, không nên có nỗi sợ không sống nổi. Lại nữa, tuy người phước mỏng nhưng có sức chịu đựng, siêng tu phương tiện thì có thể có đủ áo cơm. Như kinh nói: Nhờ có ba nhân duyên mà được tiền của:

1. Hiện tại tự mình làm phương tiện cho đời này.
2. Sức người khác làm giúp cho.
3. Nhân duyên do phước đức.

Mình có năng lực có thể chịu được sự việc khó thành tựu, bởi vì đời hiện tại cũng có phương tiện, cho nên không cần phải sinh lòng sợ hãi không sống được. Người có trí ít tìm phương tiện mà có thể tự sống được, có thể cần Phật đạo. Phần trí tuệ ấy nay mình đã có, trí tuệ nhanh nhạy này thì có thể tự sống được, không nên có tâm lý sợ hãi không sống được. Lại nữa, Bồ tát dấy lên nghĩ như vậy: Mình có thế gian thế gian có những điều lợi-hại-khen-chê-tốt-xấu-vui-khổ, tám sự việc như vậy làm sao có thể không có, vì vậy không nên vì không đạt được mà sinh lòng sợ hãi không sống nổi. Lại nữa, Bồ tát này vì biết vừa cho nên thuận theo mọi thứ tốt-xấu-ngon-dở có được mà yên ổn, không cần phải sinh lòng sợ hãi không sống nổi. Nếu người không biết vừa đủ, thì cho dù có được tiền của tràn đầy cả thế gian mà ý vẫn còn không thỏa mãn.

Như nói:

Như có người nghèo hèn khốn khổ,
Chỉ cầu mong có đủ cơm áo,
Khi đã có được cơm áo rồi,
Lại cầu mong tốt đẹp hơn nữa.
Đã có được mọi thứ tốt đẹp,
Lại cầu mong đến với tôn quý,
Khi đã có được tôn quý rồi,
Cầu làm vua tất cả mọi nơi.

Giả sử được làm vua mọi nơi,
Lại cầu mong làm vua cõi trời
Người thế gian tham lam ham muốn,
Không thể vì tiền bạc chất đầy.

Nếu ai biết đủ, dù là được ít của, thì đời nầy, đời sau vẫn có thể thành tựu được những ích lợi cho họ. Ở địa nầy Bồ-tát ưa bố thí, nhờ có đủ trí tuệ, cho nên hầu hết đều có thể phát sinh căn thiện và không tham lam. Nếu không ưa bố thí mà lại ham làm điều ác, vì động lực của tham lam-bỏn sẻn-ngu si, thì căn bất thiện càng gia tăng với bỏn sẻn, tham lam. Cách sống không biết đủ là thuộc về tham lam-bỏn sẻn. Vì vậy, Bồ-tát hầu hết đều phát tâm nuôi căn thiện, buông bỏ lòng tham lam. Vì vậy mà biết đủ, vì biết đủ cho nên không lo là không sống nổi.

Lại nữa, không sợ chết là vì biết làm nhiều phước đức, biết nghĩ nhiều về cái chết, biết chắc không tránh khỏi nó, biết cái chết đã có từ vô thỉ qua các cõi mà ai cũng thọ nhận, dù tu tập nhiều cũng không tránh khỏi. Cho nên Bồ-tát nghĩ như vậy: Nếu ai không tu phước đức thì lo sợ cái chết, từ lo sợ mà kiếp sau rơi vào đường ác, còn mình thì gom góp phước đức nên khi chết liền sinh vào nơi tốt đẹp nhất, vì vậy không sợ chết.

Như nói:

Chờ đợi cái chết như khách quý,
Ra đi giống như đến hội lớn,
Bởi vì tích tập nhiều phước đức,
Lúc xả mạng cũng không còn sợ hãi.

Bồ-tát còn nghĩ như vậy: Cái chết còn tùy nơi thọ thân, chẳng phải chờ cho tâm diệt mới là chết. Nếu như tâm diệt là chết, thì mình đã chết bao lần theo từng niệm từng niệm hủy diệt của tâm.

Nếu kẻ sợ chết thì sợ theo từng niệm từng niệm hủy diệt của tâm, chứ không phải sợ tâm hủy diệt cuối cùng, mà cũng còn sợ tâm niệm trước bị hủy diệt. Vì sao? Vì tâm hủy diệt thì trước hay sau không hề khác nhau. Nếu lo sợ phải vào đường ác, lo sợ tâm hủy diệt sau cùng, thì người có phước đức sẽ không lo sợ đọa vào đường ác. Như đã nói ở trước: Mình sẽ nhận từng niệm hủy diệt và đối với từng niệm hủy diệt sau cùng, không nên có sự lo sợ về cái chết.

Lại nữa, Bồ-tát dấy lên nghĩ: "Từ vô thỉ mình đã qua lại mọi thế giới trong sinh tử, chịu đựng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ mọi cách chết, không nơi nào trốn thoát cái chết. Đức Phật nói: "Sống chết không có chỗ khởi

đầu, trong một kiếp sống, người ta đã chết, xương chất cao hơn núi Tuyết". Những cái chết vậy không có lợi gì cho mình, không làm

lợi cho ai. Nay mình phát nguyện quay về đạo Vô thượng, là muốn làm lợi cho mình và cũng làm lợi cho người, chuyên cầu một lòng hành đạo để có lợi lớn, thì mình đâu còn sợ hãi cái chết". Nghĩ được như vậy là Bồ-tát đã buông bỏ ý niệm sợ chết.

Lại nữa, Bồ tát dấy lên nghĩ như vậy: Nay cái chết này nhất định phải nhận lấy, không có ai tránh khỏi. Tại vì sao? Bởi vì các Đại vương ở kiếp đầu tiên như Đảnh sinh, Hỷ kiến, Chiếu Minh Vương đều có thân trang nghiêm với ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, bảy báu đi theo, trời người đều kính mến, làm vua bốn thế giới, thường thực hành mười thiện đạo, nhưng các bậc Đại vương này đều quay về với cái chết. Lại có những Chuyển luân vương nhỏ như Xà-đề-la, tự dùng uy lực của vua cõi Diêm-phù-đề, sắc thân đoan chánh giống như người cõi trời, đối với sắc-thanh-hương-vị-xúc tự nhiên tùy ý không thiếu thứ gì, mọi nơi đều quy phục không có nơi nào chống đối, lại có sở trường về thuật bắn cung. Nhưng các vị vua này cùng với hàng vua chúa cai quản thiên hạ, cho đến nhân dân và quyến thuộc của họ đều không tránh khỏi cái chết. Lại như các bậc Tiên Thánh là Ca-diếp, Kiều-cù-ma… thực hành các hạnh khổ hạnh, đạt được năm thần thông, làm ra những kinh sách, đều không tránh khỏi cái chết. Lại như vậy Phật, Bích-chi-Phật, A-la-hán, tâm được tự tại, xa lìa cấu nhiễm, đạt được đạo quả, đều bị cái chết làm cho hủy diệt, tất cả chúng sinh không ai có năng lực vượt qua, mình phát tâm với đạo Vô thượng thì không nên sợ chết. Lại vì phá tan nỗi sợ cái chết, cho nên phát tâm tinh tiến tự loại trừ nỗi sợ cái chết, cũng loại trừ giúp cho người khác. Vì vậy phát tâm hành đạo, tại sao đối với cái chết mà sinh lòng kinh sợ? Bồ tát tư duy về vô thường như vậy, lập tức loại trừ nỗi sợ hãi cái chết. Vả lại, Bồ tát thường tu tập về pháp không, cho nên không cần phải sợ cái chết. Như nói:

Người lìa cái chết thì không chết,
Lìa cái chết thì người không chết,
Vì cái chết thì người có chết,
Người vì cái chết thì có chết.
Chết có sẵn thì thành cái chết,
Cái chết trước lúc chưa thành tựu,
Không hề có tướng trạng quyết định,
Người không chết thì không thành tựu.

Lìa cái chết thì có cái chết,
Cái chết phải tự nhiên thành tựu,
Nhưng thật sự lìa khỏi cái chết,
Không có cái chết nào thành tựu.
Mà thế gian phân biệt chấp trước,
Cái chết này là vì người chết,
Không biết cái chết thường đi-đến,
Vì vậy cuối cùng không tránh khỏi.
Từ những loại nhân duyên như vậy,
Quán sát tướng trạng của các pháp,
Tâm tư không có gì kỳ lạ,
Cuối cùng không sợ gì cái chết.

Không sợ rơi vào đường ác, là do Bồ-tát thường tu phước đức cho nên không sợ rơi vào đường ác.

Bồ-tát dấy lên nghĩ: Người có tội thì đọa vào đường ác, chẳng phải là người có phước đức. Còn mình dù một ý niệm, cũng không cho điều ác xâm nhập, mà đối với, thân-miệng-ý luôn khởi nghiệp thanh tịnh, cho nên mình được thành tựu vô lượng vô biên công đức. Công đức tích tụ to lớn như vậy, thì làm sao sợ rơi vào đường dữ?

Lại nữa, Bồ tát vừa phát tâm là làm lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh, do đại Từ Bi mà che chở trú trong xứ sở của bốn công đức, có được vô lượng công đức, vượt qua tất cả đường ác. Tại vì sao? Bởi vì tâm này hơn hẳn tất cả Thanh văn và Bích-chi-Phật. Như trong kinh Tịnh Tỳ-ni: "Ca Diếp thưa với Đức Phật rằng: Thật là hiếm có, thưa đức Thế tôn! Ngài khéo nói về hàng Bồ tát dùng nhiều tâm Tát-bà-nhã mà có năng lực hơn hẳn tất cả Thanh văn và Bích-chi-Phật".

Mình thành tựu công đức to lớn như vậy, trú trong giáo pháp vĩ đại như vậy, tại sao phải sợ rơi vào đường ác? Lại dấy lên nghĩ như vậy: Mình từ vô thỉ đến nay, qua lại trong sinh tử, rơi vào các đường ác nhận chịu vô lượng khổ đau, không làm lợi ích cho mình, cũng không lợi ích cho người, nay mình phát Đại nguyện vô thượng, vì muốn tự lợi ích cho mình và cũng vì lợi ích cho người, trước đây rơi vào đường ác không hề có lợi ích gì, nay vì lợi ích cho chúng sinh, giả sử rơi vào đường ác thì cũng không nên sinh lòng sợ hãi. Vả lại thực hành hạnh Bồ tát phát tâm như vậy, cho dù mình vào địa ngục A-tỳ nhận chịu đau khổ một kiếp rồi sau đó được thoát ra, có thể làm cho một người phát sinh một tâm thiện, tích tập

vô lượng tâm thiện như vậy, vó thể đảm nhận giáo hóa khiến phát tâm đối với Tam thừa. Giáo hóa hằng hà sa chúng sinh thuộc Thanh văn Thừa như vậy, cũng giáo hóa hằng hà sa chúng sinh thuộc Bích-chi-Phật thừa, hằng hà sa chúng sinh phát tâm đại thừa, sau đó mình sẽ có được tâm đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hãy còn không nên lui sụt, huống là nay mình tu tập vô lượng vô biên công đức, xa lìa đường ác ư? Bồ tát tư duy như vậy, sao có thể phát sinh nỗi sợ đường ác? Lại nữa, như trong kinh Khiếu Hoán Địa Ngục nói: Bồ tát trả lời ma rằng:

Ta vốn dùng công hạnh bố thí,
Vào ở trong địa ngục kêu la,
Những người đã nhận Ta bố thí,
Đều được sinh lên ở cõi trời.
Nếu người hãy còn cần phải,
Luôn luôn thực hành hạnh bố thí,
Chúng sinh yên vui ở cõi trời,
Ta chịu khổ địa ngục kêu la.

Bồ tát dùng các loại nhân duyên như vậy, có năng lực ngăn chặn nỗi sợ đường ác.

Không có nỗi sợ hãi vì đại chúng, bởi vì thành tựu Văn tuệ-Tư tuệ và Tu tuệ, lại còn có xa rời luận thuyết sai lầm, Bồ tát này kiến lập lời nói chính đáng, mà diễn đạt không có gì sai lạc, luôn luôn dùng nhân duyên-thí dụ kết lại thành câu không nhiều không ít và không có gì nghi hoặc lời nói không có gì trái nghĩa, không hề có dua nịnh lừa dối, đầy đủ các loại trang nghiêm chất trực nhu hòa, nghĩa lý theo thứ tự dễ hiểu nắm giữ, luôn luôn biểu hiện sự việc của mình có năng lực phá tan luận thuyết khác, lìa bỏ bốn nhân tố tà vạy, có đủ bốn nhân tố Đại thừa. Những loại ngôn từ trang nghiêm như vậy. Diễn thuyết giữa Đại chúng không có gì sợ hãi. Không sợ tiếng xấu và không sợ bị mắng chưởi, bởi vì không tham lợi dưỡng, thân-miêng-ý luôn thực hành thanh tịnh. Không có nỗi sợ hãi vì giam cầm-gông cùm-tra khảo tàn nhẫn, bởi vì không có tội lỗi gì, mà yêu thương tất cả chúng sinh, nhận chịu tất cả mọi sự khổ não, căn cứ vào quả báo của nghiệp mà tiếp nhận, trước kia mình tự gây ra thì nay trở lại nhận lấy báo ứng. Bồ tát này dùng những nhân duyên như vậy, cho nên không có những nỗi sợ hãi không sống được. Lại còn thích quán xét tất cả các pháp là vô ngã, cho nên không có tất cả mọi nỗi sợ hãi, tất cả mọi nỗi sợ hãi đều từ ngã chấp mà sinh ra, ngã chấp đều là tướng căn bản của những

sự suy sụp buồn lo khổ sở. Bồ tát này vốn có trí tuệ sắc bén, đúng như thật tiến sâu vào Thật tướng của các pháp vốn là không có Ngã, Ngã không có thì từ đâu mà có sợ hãi?

Hỏi: Bồ tát này tại sao không có tâm chấp ngã?

Đáp: Bởi vì vui với pháp không, cho nên Bồ tát quán xét thân xa lìa Ngã và Ngã sở. Như nói:

Tâm ngã làm nhân cho ngã sở,
Ngã sở nhờ vào ngã sinh ra,
Vì vậy cho nên ngã-ngã sở,
Tánh của hai loại đều là không.
Ngã thì có nghĩa là ông chủ,
Ngã sở là vật của ông chủ,
Nếu như không còn có ông chủ,
Thì vật của chủ cũng không có,
Nếu không có vật của ông chủ
Thì cũng không còn có ông chủ.
Ngã chính là kiến chấp về ngã,
Kiến chấp vật của ngã-ngã sở,
Quán xét thật vốn không có ngã,
Ngã không có cũng không vô ngã,
Bởi vì thọ mà có người thọ,
Không có thọ thì không người thọ
Xa lìa người thọ không còn thọ,
Nhờ vào đâu mà thọ thành tựu?
Nếu như người thọ thành tựu thọ,
Thì thọ là không thể thành tựu,
Bởi vì thọ không thể thành tựu,
Không thể nào thành tựu người thọ,
Bởi vì người thọ vốn là không,
Không thể nào nói đó là Ngã,
Bởi vì thọ đều vốn là không,
Không có thể nói là Ngã sở,
Vì vậy Ngã chẳng phải là Ngã,
Cũng là Ngã-cũng chẳng phải vô Ngã,
Chẳng phải Ngã, chẳng phải là Vô Ngã
Tất cả đều trở thành tà luận.

Ngã sở chẳng phải là Ngã sở,
Cũng là Ngã chẳng phải Ngã sở,
Chẳng phải Ngã-chẳng phải Ngã sở,
Đây cũng trở thành những tà luận.

Bồ tát thường vui với sự tu tập về không-Vô ngã như vậy, cho nên xa rời mọi nỗi sợ hãi. Vì sao như vậy? Bởi vì pháp Không-vô ngã luôn luôn xa rời những sự sợ hãi, vì vậy Bồ tát ở trong địa Hoan Hỷ, có những tướng mạo như vậy.

Phẩm 4: TỊNH ĐỊA

Hỏi: Đã vào địa thứ nhất, Bồ-tát tu tập như thế nào? Đáp:

Sức mạnh niềm tin càng tăng lên,
Thực hành tâm Đại bi sâu sắc,
Thương xót đối với mọi chúng sinh,
Tu dưỡng tâm thiện không mệt mỏi,
Vui mừng đối với những diệu pháp,
Thường xuyên gần gũi thiện tri thức,
Tự mình tàm quý và cung kính,
Tâm tư mềm mỏng và hài hòa.
Thích quán các pháp chẳng chấp trước,
Dốc lòng cầu trí tuệ đa văn,
Không tham lam đối với lợi dưỡng,
Xa rời gian dối và dua nịnh.
Không làm bẩn ngôi nhà Chư Phật,
Không phá giới-chê bai Chư Phật,
Hết sức vui thích Tát-bà-nhã,
Không lay động giống như núi lớn.
Thường vui với công hạnh tu tập,
Pháp vi diệu càng tiến lên cao,
Vui với Pháp xuất thế gian,
Không thích những pháp của thế gian.
Liền sửa trị cho địa Hoan Hỷ,
Khó sửa trị mà sửa trị được,
Vì vậy cho nên luôn dốc lòng,
Chịu khó thực hành những pháp này.

Bồ tát có năng lực thành tựu,
Pháp vi diệu vô thượng như vậy,
Đó là được an trú vững vàng,
Trong địa thứ nhất của Bồ tát.

Bồ tát dùng hai mươi bảy pháp thanh tịnh này để sửa trị ở địa thứ nhất. Sức mạnh niềm tin càng tăng lên, niềm tin gọi là có những gì thấy nghe thì nhất định tiếp nhận không nghi ngờ. Càng tăng lên có nghĩa là vô cùng tốt đẹp.

Hỏi: Có hai loại tăng thượng, một là nhiều, hai là tốt đẹp. Nay nói về loại nào?

Đáp: Trong này nói đến cả hai loại. Bồ tát tiến vào địa thứ nhất, đạt được mùi vị của các công đức cho nên sức mạnh của niềm tin càng tăng thêm. Dùng sức mạnh niềm tin này cần nhắc so sánh vô lượng công đức hết sức vi diệu của Chư Phật để tự mình tin nhận, vì vậy tâm này vừa nhiều vừa tốt đẹp. Thực hành tâm Đại bi sâu sắc, thương xót nghĩ đến chúng sinh đến tận cùng xương tủy, cho nên gọi là sâu sắc; vì tất cả chúng sinh mà cầu Phật đạo, cho nên gọi là Đại. Tâm Từ, là thường mong cầu điều lợi ích làm an ổn cho chúng sinh. Tâm Từ có ba loại, sau sẽ nói rộng hơn. Tu dưỡng tâm thiện không mệt mỏi, thiện pháp có nghĩa là được gần gũi tu tập thì có thể mang lại kết quả yêu thích, lúc tu pháp như vậy thì tâm không lười nhác uể oải. Nhân duyên của thiện pháp là bốn nhiếp pháp-mười thiện đạo-sáu Ba-la-mật-mười địa của Bồ tát… và các công đức. Vui mừng đối với những diệu pháp, là thường tư duy tu tập sâu sắc mà đạt được ý vị của pháp, trải qua lâu dài thì sinh ra ưa thích. Như người ở trong vườn hoa thưởng thức vui sướng với sự yêu thích về sắc tướng của hoa.

Luôn luôn gần gũi thiện tri thức, Bồ tát có bốn hành thiện tri thức, sau sẽ nói rộng hơn. Trong này nói đến thiện tri thức, chính là Chư Phật và Bồ tát. Thường dùng tâm chính đáng để gần gũi luôn luôn làm cho vui vẻ. Tàm quý gọi là thường hết hổ thẹn. Cung kính gọi là nghĩ đến công đức ấy mà tôn trọng đối với người ấy. Mềm mỏng là tâm tư hài hòa vui vẻ cùng chung niềm an vui. Thích quán xét các pháp, pháp là năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới-không-vô tướng-vô tác… Dùng tự nhớ nghĩ chính đáng thường xuyên quán xét những pháp này. Không chấp trước, chấp trước là tâm quay về với ba cõi, là nơi quy tụ của chúng sinh. Có người nói: Năm dục và các tà kiến là quay về. Tại vì sao? Bởi vì tâm chúng sinh thường bị trói buộc bởi chấp trước. Tâm trí sắc bén của Bồ tát không còn

tham đắm, dốc lòng mong cầu Phật pháp quý trọng chứ tâm không có ý tưởng nào khác. Cầu trí tuệ đa văn, Phật thuyết ra chín bộ kinh, có thể tự mình tìm tòi tu học rõ ràng không có gì ngờ vực, nếu còn thiếu sót thì không thể hoàn thành được. Không ham theo lợi dưỡng, lợi nghĩa là có được các loại ăn uống-tiền bạc của cải…, dưỡng là sự cung kính lễ lạy-sắp đặt giường ghế-đón đến đưa đi thật long trọng. Bồ tát thuận theo đem điều này giúp cho chúng sinh mà chính mình không tham đắm. Gian dối là sự cân đong sai lạc giả dối, áo quần vật dụng không chân thật. Dua nịnh là tâm không ngay thẳng. Dối gạt là năm cách sinh sống tà vạy:

1. Ra vẻ kỳ lạ.
2. Tự gần gũi thân thiết.
3. Kích động người khác.
4. Đè ép hoặc nâng lên.
5. Dựa vào lợi thế mà cầu lợi.

Làm ra vẻ kỳ lạ, là có người vì tham cầu lợi dưỡng, cho nên có lúc làm người mặc áo vá sống nơi vắng vẻ, hoặc thường khất thực, hoặc ăn một bữa, hoặc thường xuyên ngồi, hoặc sâu bữa trưa không uống nước đặc. Chịu được những hạnh đầu đà như vậy, dấy lên nghĩ rằng: Người khác thực hành như vậy, được cúng dường cung kính, mình thực hành như vậy có lẽ cũng được chúng sinh cung kính. Bởi vì lợi dưỡng cho nên thay đổi oai nghi, đó gọi là làm ra vẻ kỳ lạ.

Tự gần gũi thân thiết, là có người vì tham lợi dưỡng, cho nên đến nhà đàn vật nói chuyện bày tỏ với người ta rằng: Như cha mẹ anh chị em thân thích của tôi không có gì khác, nếu có cần gì thì tôi có thể tự mình giúp cho, muốn làm điều gì thì tôi có thể làm giúp, tôi không ngại gì xa gần mà luôn luôn thăm hỏi, tôi ở nơi này chính là mong giúp nhau mà thôi. Vì mong cầu lợi dưỡng cúng dường, tham đắm theo đàn việt, luôn luôn dùng ngôn từ nói năng để dẫn dắt lòng người, những loại như vậy gọi là tự gần gũi thân thiết.

Kích động người khác, là có người không nghĩ đến lỗi lầm của tham, mong muốn có được tiền bạc của cải, muốn có được những thứ ấy liền tự mình nói như vậy: Cái bát này đẹp, chiếc y này đẹp, cái móc cửa này tốt, tấm tọa cụ này tốt, nếu tôi có được thì luôn luôn sử dụng có ích. Lại nói. Tùy ý có thể cho. Người này khó xin được, lại đến nhà đàn việt nói như vậy: Cơm canh bánh thịt của nhà ông rất thơm ngon, áo quần lại tốt đẹp, thường ngày cúng dường tôi, tôi đã là thân thích trước đây thì nhất định sẽ được

chu cấp. Biểu hiện tướng mạo tham lam như vậy, đó gọi là kích động người khác.

Đè ép hoặc nâng lên, là có người vì tham cầu lợi dưỡng cho nên nói với đàn việt rằng: Ông vô cùng keo kiệt tiếc nuối, đối với cha mẹ anh chị em-vợ con thân thích mà hãy cón không thể nào giúp đỡ, thì ai là người có thể nhận được đồ vật của ông? Đàn việt hổ thẹn mà miễn cưỡng bố thí. Lại đến nhà khác nói như vậy: Ông có phước được làm thân người không phải là vô ích, A-la-hán thường vào ra trong nhà ông,

đứng-ngồi trò chuyện cùng với ông. Dấy lên ý nghĩ này mong rằng đàn việt có lẽ sinh ra tâm này: Không có người nào khác ra vào nhà mình! Đàn việt nghĩ như vậy thì nhất định nói là mình, bởi vì mình thường ra vào nhà họ. Đây gọi là đè ép hoặc nâng lên.

Dựa vào lợi thế mà cầu lợi, là người dùng đồ vật giúp đỡ cho cuộc sống như y-bát-tăng già lê hoặc tọa cụ, đem ra chỉ rõ với mọi người rằng: Những bậc vua chúa-quan lại và những người sang trọng khác cho tôi vật này. Dấy lên nghĩ rằng: Đàn việt có người có thể sinh tâm suy nghĩ, các bậc vua chúa-quan lại và những người sang trọng ấy hãy còn có thể tự họ cúng dường, huống gì mình mà không cho người này? Dựa vào lợi thế này để mong cầu những lợi ích khác, cho nên gọi là dựa vào lợi thế mà cầu lợi.

Vì vậy cho nên luôn luôn phải xa lìa lỗi lầm của sự dua nịnh lừa dối như vậy.

Không làm bẩn ngôi nhà Chư Phật, như thế nào là làm bẩn ngôi nhà Chư Phật? Có người nói: Nếu người phát tâm cầu đạo Vô thượng rồi, sau đó quay về với đạo lý Thanh văn và Bích-chi-Phật, không có năng lực trú giữa thế gian duy trì giòng dõi Tam bảo, đó gọi là làm bẩn ngôi nhà Chư Phật. Nghĩa này không đúng. Tại vì sao? Bởi vì người này có năng lực vượt qua sinh tử, lại đạt được các căn-lực-giác-đạo vô lậu, cũng là con của Chư Phật, tại sao nói là làm bẩn ngôi nhà chư Phật? Như kinh nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Các ông đều là con Ta, từ tâm Ta sinh ra, từ miệng Ta sinh ra đạt được pháp phần". Nhưng người Thanh văn nói xứ sở của Đế-xả-Diệt-Tuệ, gọi là nhà của Chư Phật. Tại vì sao? Bởi vì từ bốn sự việc này mà sinh ra Chư Phật. Nếu làm vấy bẩn bốn pháp này thì gọi là làm bẩn ngôi nhà Chư Phật. Như vậy, nếu người nào hư vọng-tham keo-cuồng loạn-ngu si, thì người ấy làm bẩn ngôi nhà của Phật. Nếu thực hành đúng đắn bốn pháp này, thì không làm bẩn ngôi nhà của Chư Phật.

Có người nói: Sáu pháp Ba-la-mật là ngôi nhà của Chư Phật, bởi vì

từ đây sinh ra Chư Phật. Nếu làm trái với sáu pháp này, thì chính là làm bẩn ngôi nhà của Chư Phật.

Có người nói: Ba-la-mật là mẹ của Chư Phật, phương tiện là người cha, đây gọi là ngôi nhà của Chư Phật, từ hai pháp này sinh ra Chư Phật. Nếu làm trái với hai pháp này thì làm bẩn ngôi nhà của Chư Phật.

Lại nữa, trong kệ tự nói về tướng vấy bẩn và không vấy bẩn, đó gọi là không phá giới và không chê bai Phật. Nếu thọ giới của Phật mà không tự mình giữ gìn thì chính là lừa dối Chư Phật, là làm bẩn ngôi nhà

của Phật. Tại vì sao? Bởi vì lúc thọ giới là sinh trong nhà của Phật, phá giới thì lừa dối Chư Phật, đó gọi là làm bẩn ngôi nhà của Phật.

Hỏi: Bồ tát ở phần vị Tất định có phá giới chăng?

Đáp: Không đoạn trừ phiền não là điều đáng sợ, không bao lâu thì tiến vào phần vị Tất định, Bồ tát có lúc cũng phá giới. Như trong đại Thắng pháp Phật nói: "Nan-đà cố tình phá giới, Ta nói điều này hãy còn là đáng sợ". Nhưng bởi vì trong kinh có nói điều này, tin lời Phật dạy cho nên tâm tin nhận thật sự. Nếu thọ giới mà không phá giới-không lừa dối Chư Phật, thì gọi là không làm bẩn ngôi nhà của Phật. Lại nữa, giới gọi là Tam học, đó là Giới học-Tâm học-Tuệ học. Phá hủy Tam học này thì gọi là làm bẩn ngôi nhà của Phật. Thọ giới đúng như pháp mà sau đó phá hủy thì gọi là lừa dối Đức Phật. Hai câu như vậy đều có nghĩa riêng biệt.

Lừa dối Đức Phật, là tự mình phát nguyện suông chứ không thực hành đúng như giáo thuyết, lừa dối chúng sinh thì gọi là lừa dối Đức Phật. Lại nữa, trong tất cả các pháp không thực hành đúng như giáo thuyết, đó gọi là lừa dối Đức Phật. An trú kiên cố bất động trong trí Tát-bà-nhã giống như núi lớn, là các loại nhân duyên của Bồ tát này phát nguyện đều mong cầu đạt được trí Tát-bà-nhã, thậm chí khổ đau của Đại địa ngục cũng không làm cho tâm thay đổi, giống như núi chúa Tu di không hề lay động trước phong ba bão tố.

Thường tu tập pháp tiến lên cao, là từ lúc mới phát tâm thường cầu tìm pháp thù thắng, tiến vào trong địa thứ nhất lại tu tập pháp cao hơn, như vậy lần lượt trải qua mà tâm không hề chán đủ. Vui với pháp xuất thế gian chứ không thích gì pháp thế gian, pháp thế gian có nghĩa là tùy thuận sự việc của thế gian tăng thêm nhiều sinh tử, sáu đường-ba cõi-năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới-mười hai nhân duyên và các phiền não-nghiệp hữu lậu… Pháp xuất thế gian có nghĩa là tùy theo pháp mà sử dụng có năng lực vượt ra ngoài ba cõi, đó là năm căn-năm lực-bảy giác-tám đạo-bốn

niệm xứ-bốn chánh cần-bốn như ý túc, không-Vô tướng-vô tác giải thoát môn, giới luật nghi-đa văn, vô tham-sân-si, thiện căn-chán ngán lìa xa-tâm không phóng dật… Vốn là Bồ tát thuộc hàng lợi căn, cho nên không thích gì pháp hư vọng của thế gian, mà chỉ vui với pháp chân thật xuất thế gian, chính là sửa trị trong địa Hoan hỷ.

Điều khó sử trị mà có năng lực sửa trị, sửa trị có nghĩa là thông suốt không có gì ngăn ngại, như người chẻ tre thì đốt đầu tiên là khó chẻ nhưng các đốt còn lại thì đều dễ dàng. Điều khó sửa trị của địa thứ

nhất đã được sửa trị, thì những gì còn lại đều tự nhiên dễ dàng. Tại vì sao? Bởi vì Bồ tát ở địa thứ nhất, thế lực chưa đủ-thiện căn chưa sâu, thiện pháp tu tập chưa bao lâu, các căn nhẫn-nhĩ… hãy còn thuận theo các trần, tâm chưa điều phục hoàn toàn, do đó các phiền não hãy còn có thể gây ra tai họa. Như người không đủ thế lực mà đi ngược dòng nước thì rất khó khăn. Lại trong địa này, ma và quân ma gây ra nhiều chướng ngại, cho nên dùng sức phương tiện chịu khó thực hành tinh tiến, vì vậy địa này gọi là Nan trị.

Như vậy sức mạnh của niềm tin càng tăng lên cao trở thành đứng đầu, không thích gì pháp thế gian chỉ là hàng sau. Tu tập hai mươi bảy pháp này, sửa trị địa Hoan hỷ thứ nhất của Bồ tát, vì vậy nói là Bồ tát luôn luôn cần phải tu hành pháp này. Tu hành có nghĩa là một lòng không phóng túng, thường thực hành-thường quán sát loại trừ các lỗi lầm tai hại, cho nên gọi là sửa trị. Như người đang đi trên đường dọn dẹp làm cho sạch sẽ. Các pháp này không những tu sửa địa thứ nhất, mà tất cả các địa đều dùng đến pháp này.

Hỏi: Ông đã nói địa thứ nhất đạt được phương tiện và pháp sửa trị thanh tịnh, Bồ tát an trú như thế nào mà không thối thất?

Đáp: Thường thực hành thành tựu. Sức mạnh của niềm tin như vậy càng tăng lên cao cùng với các pháp, đó gọi là địa thứ nhất an trú. Bồ đề gọi là đạo Vô thượng, Tát-đỏa gọi là tâm sâu xa. Hết sức vui với Bồ tát cho nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Lại nữa, chúng sinh gọi là Tát-đỏa, vì chúng sinh mà tu tập Bồ-đề cho nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Thượng pháp là các pháp như Tín… có năng lực làm cho tiến vào thành tựu Phật đạo, cho nên gọi là Thượng pháp.

Phẩm 5: THÍCH NGUYỆN, Phần 1

Đã nói về phương tiện tiến vào địa thứ nhất và pháp sửa trị thanh tịnh, Bồ tát nhờ vào nguyện cho nên được tiến vào các địa, lại thành tựu sức mạnh của niềm tin tăng lên thêm những công đức cho nên an trú trong địa ấy. Nay sẽ phân biệt về nguyện này.

Nguyện cúng dường cung cấp dâng lên,
Cung kính với hết thảy Chư Phật,
Nguyện đều duy trì và bảo vệ,
Tất cả các pháp của Chư Phật.

Đây là nguyện ban đầu của các Bồ tát. Từ lúc mới phát tâm cho đến lúc đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở trong thời gian ấy dốc lòng hướng về cúng dường cung cấp dâng lên một cách cung kính đối với hết thảy Chư Phật. Cúng dường có nghĩa là các loại phẩm vật như hương hoa-chuỗi ngọc-cờ phướn-lọng tàn-đèn nến-xây dựng chùa tháp… Cung cấp dâng lên có nghĩa là lạy tôn trọng-đón đến đưa đi, chấp tay đứng hầu. Lại nữa, dùng pháp Tiểu thừa giáo hóa chúng sinh thì gọi là cúng dường. Dùng pháp Bích-chi-Phật giáo hóa chúng sinh thì gọi là cung cấp dâng lên. Dùng pháp Đại thừa giáo hóa chúng sinh thì gọi là cung kính. Đây là nguyện thứ nhất. Hộ trì tất cả các pháp của Chư Phật, Bồ tát dấy lên ý niệm này: Tất cả các pháp của Chư Phật ba đời mười phương trong quá khứ-vị lai-hiện tại thì mình cần phải bảo vệ.

Hỏi: Chư Phật quá khứ đã diệt thì pháp cũng diệt theo, Chư Phật vị lai chưa xuất hiện thì pháp cũng chưa có, vẫn còn không có lần đầu chuyển pháp luân, huống là có pháp nào khác, làm sao có được để bảo vệ? Đích thực có thể bảo vệ pháp của Chư Phật hiện tại, bởi vì Chư Phật đang trong thời hiện tại.

Đáp: Pháp của Chư Phật quá khứ-vị lai-hiện tại, đều là cùng một thể-cùng một tướng, vì vậy nếu bảo vệ pháp của một vị Phật, thì chính là bảo vệ pháp của Chư Phật ba đời. Như trong kinh nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Pháp xuất gia thọ giới-khoác y ôm bát-thiền định trí tuệ-thuyết pháp giáo hóa của Đức Phật Tỳ Bà Thi cũng giống như Ta vậy". Vì vậy ông chất vấn không đúng. Đây là nguyện thứ hai. Lại nữa:

Chư Phật từ cung trời Đâu-suất,
Lùi lại đi đến ở thế gian,
Cho đến lúc giáo hóa hoàn tất,
Vĩnh viễn vào cảnh giới vô dư.

Ở trong thai đến lúc sinh ra,
Xuất gia tìm đến chốn đạo tràng,
Hàng phục ma quân thành Phật đạo,
Bắt đầu chuyển pháp luân vi diệu.
Tôn kính đón tiếp các Như Lai,
Và ở trong những thời gian khác,
Nguyện tôi chắc chắn sẽ đạt được,
Dốc hết tâm thành mà cúng dường.

Chư Phật bắt đầu từ trên cõi trời Đâu-suất lùi lại xuống dưới thế gian, cuối cùng đến vô dư Niết-bàn. Ở trong thời gian ấy, lúc tiến vào trong thai thì thiết lễ cúng dường tôn trọng, cho đến lúc sinh ra và xuất gia tìm đến chốn đạo tràng, hàng phục Ma vương-thành tựu Phật đạo-chuyển pháp luân vi diệu-tôn kính đón tiếp Như Lai. Trong thời gian khác, là hiện bày nhiều thần thông, quy tập vô lượng trời người, cứu độ tất cả chúng sinh. Lúc bấy giờ nên dùng hoa hương-cờ phướn-lọng tàn-kỷ nhạc ca tụng tán thán, xuất gia thọ pháp tu hành đúng như giáo thuyết, dùng vật phẩm cúng dường bậc nhất để cúng dường Chư Phật. Đây là nguyện thứ ba. Lại nữa:

Nguyện giáo hóa tất cả chúng sinh
Khiến cho đều tiến vào các đạo.

Giáo có nghĩa là dùng thiện pháp để giáo hóa người khác, hóa có nghĩa là làm cho xa lìa ác pháp. Mình nên dùng hai pháp này khiến cho vô lượng A-tăng-kỳ chúng sinh, trú trong đạo Thanh văn và Bích-chi-Phật. Đây là nguyện thứ tư. Lại nữa:

Nguyện cho tất cả các chúng sinh,
Thành tựu quả vị Bồ đề Phật,
Có người hướng về đạo Thanh văn,
Đạo Bích-chi-Phật đều thành tựu.

Người này tu tập pháp của Thanh văn và Bích-chi-Phật chưa tiến vào phần vị của pháp, mình nên giáo hóa khiến cho hướng về Phật đạo. Có người không hướng về Thanh văn và Bích-chi-Phật, mình nên giáo hóa khiến cho hướng về Phật đạo Vô thượng. Có người hướng về Phật đạo vô thượng, mình nên chỉ bày rõ ràng lợi ích hoan hỷ làm cho công đức ấy càng tăng thêm nhiều hơn. Giáo hóa tất cả chúng sinh như vậy, đây là nguyện thứ năm. Lại nữa:

Nguyện khiến cho tất cả các pháp,
Tin hiểu được tiến vào bình đẳng.

Tất cả các pháp là bao gồm hết thảy các pháp. Pháp vượt qua và pháp không phải vượt qua. Pháp thâu nhiếp giác ý và pháp không phải thâu nhiếp giác ý. Pháp trợ đạo và không pháp không phải trợ đạo. Pháp thuộc về Thánh đạo và pháp không phải thuộc về Thánh đạo. Pháp nên tu và pháp không nên tu. Pháp nên gần và pháp không nên gần. Pháp nên sinh và pháp không phải hiện tại. Pháp nhân duyên sinh và pháp không phải nhân duyên sinh. Pháp nhân duyên và pháp không phải nhân duyên. Pháp từ từ duy sinh và pháp không từ từ duy sinh. Pháp thô và pháp tế. Pháp thọ và pháp không thọ. Pháp nội và pháp ngoại. Pháp thuộc về nội nhập và pháp không phải thuộc về nội nhập. Pháp thuộc về ngoại nhập và pháp không phải thuộc về ngoại nhập. Pháp thuộc về năm ấm và pháp không phải thuộc về năm ấm. Pháp thuộc về năm thọ ấm và pháp không thuộc về năm thọ ấm. Pháp thuộc về bốn đế và pháp không thuộc về bốn đế. Pháp trợ thế gian và pháp không trợ thế gian. Pháp dựa vào tham và pháp dựa vào xuất ly. Pháp điên đảo và pháp không điên đảo. Pháp biến hoại và pháp không biến hoại. Pháp hối hận và pháp không hối hận. Pháp Đại thừa và pháp Tiểu thừa. Pháp thọ xứ và pháp không thọ xứ. Pháp đáng đoạn và pháp không đáng đoạn. Pháp thấy biết và pháp không biết.

Pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Pháp có hệ thuộc và pháp không có hệ thuộc. Pháp có thanh tịnh và pháp không có thanh tịnh. Pháp có hơn và pháp không có cao hơn. Pháp có giác và pháp không có giác. Pháp có quán và pháp không có quán. Pháp đáng hoan hỷ và pháp không đáng hoan hỷ. Pháp tương ưng và pháp không tương ưng. Pháp có phân biệt và pháp không có phân biệt. Pháp hành và pháp không có hành. Pháp có duyên và pháp không có duyên. Pháp có thứ tự và pháp không có thứ tự. Pháp có thể thấy và pháp không thể thấy. Pháp có tướng và pháp không có tướng. Pháp có thể thực hành và pháp không thể thực hành.

Pháp hữu vi và pháp vô vi. Pháp nguy hiểm và pháp không nguy hiểm. Pháp có gốc và pháp không có gốc. Pháp có vượt ra và pháp không có vượt ra. Pháp chúng sinh và pháp không phải chúng sinh. Pháp khổ và pháp không phải khổ. Pháp não hại và pháp không phải não hại. Pháp có và pháp không phải là có. Pháp nghịch và pháp không nghịch. Pháp cảm báo vui và pháp không cảm báo vui. Pháp cảm báo khổ và pháp không cảm báo khổ. Pháp nhớ mà sinh và pháp không phải nhớ mà sinh. Pháp trí tuệ làm đầu và pháp không phải trí tuệ làm đầu. Pháp lấy tín làm đầu và pháp không phải lấy tín làm đầu. Pháp lấy tư duy làm đầu và pháp

không phải lấy tư duy làm đầu. Pháp lấy nguyện làm đầu và pháp không phải lấy nguyện làm đầu. Pháp sắc và pháp không phải sắc. Pháp giáo và pháp không phải giáo.

Pháp biến hóa và pháp không phải biến hóa. Pháp như ý du hành và pháp không phải như ý du hành. Pháp gốc rễ ham muốn và pháp không phải gốc rễ ham muốn. pháp nhân của thiện và pháp không phải nhân của thiện. Pháp nhân của thiện căn và pháp không phải nhân của thiện căn. Pháp định và pháp không phải định. Pháp thân và pháp không phải thân. Pháp miệng và pháp không phải miệng. Pháp ý và pháp không phải ý. Pháp có đối đãi xúc chạm sinh ra pháp không có đối đãi xúc chạm sinh ra. Pháp do ý xúc sinh ra và pháp không do ý xúc sinh ra. Pháp ác và pháp không phải là ác. Pháp thiện và pháp không phải là thiện. Pháp tự mình sinh ra và pháp không phải tự mình sinh ra. Pháp niệm niệm diệt đi và pháp không phải niệm niệm diệt đi. Pháp nhiếp tụ và pháp không phải nhiếp tụ. Pháp phân chia rõ ràng và pháp không phải phân chia rõ ràng. Pháp là nhân và pháp không phải là nhân. Pháp là duyên và pháp không phải là duyên. Pháp nhân duyên và pháp không phải nhân duyên. Pháp do nhân mà sinh và pháp không phải do nhân mà sinh. Pháp có nhân và pháp không phải có nhân.

Pháp như nhau và pháp khác nhau. Pháp diệt và pháp không phải diệt. Pháp thâu nhiếp căn và pháp không phải thâu nhiếp căn. Pháp cùng tâm và pháp không phải cùng tâm. Pháp tâm và pháp không phải tâm. Pháp tâm sở và pháp không phải tâm sở. Pháp do năm căn cùng tiếp xúc và pháp không phải do năm căn cùng tiếp xúc. Pháp cùng đạt được mười sáu loại và pháp không phải cùng đạt được mười sáu loại. Pháp tế và pháp thô. Pháp hồi hướng và pháp không phải hồi hướng. Pháp thiện và pháp bất thiện. Pháp vô ký. Pháp do kiến đế mà đoạn. Pháp do tư duy mà đoạn. Pháp không đoạn pháp học và pháp vô học. Pháp phi học phi vô học…

Vô lượng ngàn vạn loại các pháp đều làm cho tiến vào trong phạm vi không-vô tướng-vô tác bình đẳng không có gì sai khác, vốn là nhờ vào năng lực của niềm tin và sự hiểu biết. Đây là nguyện thứ sáu.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 3

Phẩm 5: THÍCH NGUYỆN, Phần 2

Nguyện làm cho cõi Phật thanh tịnh,
Diệt trừ những ác hành lẫn tạp.

Những việc làm bất tịnh là: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời thêu dệt, tham lam, giận dữ, sống tà vạy, uống rượu. Trong cõi nước còn có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và những cõi ác, đó là những thứ bất tịnh.

Lại nữa, chúng sinh không có lòng tin, biếng nhác, tâm rối loạn, ngu si, dua nịnh, ganh ghét, bỏn sẻn, giận dữ, cừu hận, mê theo tà kiến, kiêu mạn, hỗn láo vô lối, cho mình hay giỏi mà xấc xược, cho mình hơn người, làm ra vẻ lạ kỳ, cầu quen thân, xúi giục, đè ép và nâng cao, từ lợi này cầu lợi khác, chuộng vui trần thế, buông lung, ý tứ buông thả, ưa điều ác, bất chính, tà dâm, không biết đến cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, không nhẫn nhục, phá oai nghi, hỏi vặn, quán theo tri giác tà nguỵ, tham dục, sân hận, ham ngủ, đùa cợt, mọi xấu ác đó đều được che lấp bởi nghi ngờ và hối tiếc, cho nên gọi là bất tịnh.

Lại nữa, còn có nhiều chim ác, nhiều giặc cướp thù oán, hạn hán đến nỗi không có giọt nước uống, đói khát, dịch hạch, khiến người sợ, cả đến phi nhân cũng sợ. Bên trong thì bọn phản nghịch, bên ngoài thì giặc giã, hoặc mưa nhiều, hoặc hạn hán. Những suy sụp thảm não ấy là báo hiệu một tiểu kiếp tận diệt. Đó là bất tịnh.

Lại nữa, chúng sinh chết yểu, sắc mặt xấu ác, không có sức lực, đau khổ lan tràn, thiếu can đảm, nhiều bệnh tật, thiếu oai lực, thiếu bà con lành, nhiều bà con ác, tình bà con dễ tan vỡ, nhà ở chật chội, cuộc sống yếu kém, bất chính xuất gia, gọi là bất tịnh.

Lại nữa, có những Tăng-khư-du-già, Ưu-lầu-ca vương, Na-ba-la-tha, Tỳ-khư-na, Bình-sa-vương, tiên nhân Na-kiết-lược, tiên nhân voi, người

đoạn dâm, đệ tử tu hành cao thượng. Kẻ chăn dê, người có lòng cao cả, người nhẫn nhục. Người sống khó khăn như Kiều-đàm-ma, Cưu-lan-đà. Kẻ cứu độ người, kẻ gánh nước. Bà-la-sa-già-na, Phả-la-đọa-xà, người quấn y, người không có y, người mặc y da thuộc, kẻ mặc áo da, kẻ mặc áo bằng cỏ, người mặc y dưới, người mặc áo kết bằng lông chim Giác điệc, người mặc áo bằng vỏ cây, kẻ tắm giặt ngày ba lần, người tùy thuận. Kẻ thờ Phạm vương, người thờ Cứu-ma-la, người thờ Tỳ-xá-xà, người thờ Kim-sí-điểu, người thờ Càn-thát-bà, người thờ Diêm-la vương, người thờ Tỳ-sa-môn vương, người thờ thần Mật Tích, người thờ thần Phù-đà, người thờ rồng, Sa-môn lỏa thể, Sa-môn áo trắng, Sa-môn áo nhuộm, Sa-môn Mạt-ca-lê. Người Tỳ-la-đa-tử, người Ca-chiên-diên Ni-kiền-tử, người Tác-kỳ-giá-tử, người giữ giới trâu, người giữ giới nai, người giữ giới chó, người giữ giới ngựa, người giữ giới voi, người giữ giới ăn xin, người giữ giới Cứu-ma-la, người giữ giới chư Thiên, người giữ giới cao thượng, người giữ giới dâm dục, người giữ giới tịnh khiết, người giữ giới lửa.

Lại có người nói Sắc diệt là Niết-bàn, người nói Thanh diệt là Niết-bàn, người nói Hương diệt là Niết-bàn, người nói Vị diệt là Niết-bàn, người nói Xúc diệt là Niết-bàn, người nói Giác quán diệt là Niết-bàn, người nói hỷ diệt là Niết-bàn, người nói khổ-vui diệt là Niết-bàn. Người quấn áo ướt làm vòng hoa, người dùng nước sạch, người ăn sạch, người sống sạch, người cầm chày giã, người đập đá, người mừng khi tắm, người lặn hụp dưới sông, người ở nơi trống trải, người nằm trên gai nhọn, người có tánh thế gian, người to lớn, người chấp ngã, người ưa sắc, người ưa âm thanh, người ưa mùi thơm, người ưa đồ ngon, người ưa đụng chạm, người biết về đất, người biết về nước, người biết về lửa, người biết về gió, người biết về hư không, người biết về hòa hợp, người biết về biến đổi, người biết về mắt, người biết về tai, người biết về mũi, người biết về lưỡi, người biết về thân, người biết về ý, người biết về thần túc. Xuất gia hay tại gia mà tin và làm theo những tà kiến như vậy đều gọi là bất tịnh.

Lại nữa, mặt đất chỗ cao, chỗ thấp, hầm hố, gò nổng, rừng bụi, gai chông bén nhọn, gây nhiều trở ngại, đất đầy bụi cát tanh hôi, với bùn nhơ nhớp, nước lụt đọng vũng như cối đá bị vùi lấp. Núi hiểm trở cao vót, nhiều đèo quanh co trở ngại, núi trùng điệp ngăn cách, cao sừng sững khó leo. Các mỏ muối đều bị cháy khô chỉ còn lại cát sỏi ngói đá.

Trái cây mất màu sắc, hương-vị nếu có cũng không còn là bao. Các loại cỏ làm thuốc không tốt. Thế mạnh mòn yếu do thiếu ăn uống, không

còn sự tuyệt diệu của sắc-thanh-hương-vị-xúc, không còn cảnh đẹp của vườn hoa lầu gác, suối chảy, ao tắm, núi nhỏ, mô đất cao… Những nơi lên núi trông xa vui thú, đều điêu tàn.

Quận, huyện, xóm làng không còn kề nhau. Nhiều bỏ hoang, dân cư thưa thớt, mà hầu hết đều nghèo khổ bần cùng, thấp kém. Ở kinh thành thì tể tướng, đại quan, người cao sang, khách buôn, thợ giỏi khéo tay, người học hỏi đều giảm hết. Những vật cần dùng cho thân như áo quần, đồ nằm, thuốc men đều khó kiếm được, dù có được cũng chẳng phải là đồ tốt, đó gọi là bất tịnh.

Nói tóm lại là bất tịnh có hai loại:

1. Vì nhân duyên của chúng sinh.

2. Vì nhân duyên của hành nghiệp nhân duyên của chúng sinh, là bởi vì chúng sinh đầy tội lỗi xấu xa. Nhân duyên của hành nghiệp là bởi vì những hành vi đầy tội lỗi xấu xa. Hai điều này đã nói ở trên. Chuyển đổi hai điều này thì có được công đức của chúng sinh và công đức của hành nghiệp. Hai công đức này gọi là Tịnh độ, là quốc độ thanh tịnh. Nên biết rằng tùy theo nhân duyên bổn nguyện của các Bồ tát, các Bồ tát có năng lực thực hành các loại vô cùng tinh tiến, hạnh nguyện của Bồ tát vô lượng, không thể nào nói hết được, vì vậy nay chỉ nói sơ lược để nêu rõ ràng đầu mối của sự việc, những điều còn lại nên biết như vậy.

Nói gọn và tướng của Tịnh độ, đó gọi là Bồ tát khéo đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, pháp lực công đức của chư Phật đầy đủ, của Thanh văn đầy đủ, Bồ-đề thọ đầy đủ, thế giới trang nghiêm, chúng sinh hoàn thiện được nhiều ích lợi.

Người có thể hóa độ chính là đại đa số chúng được tập hợp đầy đủ do oai lực của Phật.

Người khéo chứng quả Bồ-đề là dùng mười việc để trang nghiêm:

1. Xa lìa những pháp hành khổ hạnh.
2. Không có tâm nhàm chán kém cỏi.
3. Nhanh chóng đạt được.
4. Không cầu mong ngoại đạo làm thầy.
5. Hạnh nguyện Bồ tát đầy đủ.
6. Không có ma oán.
7. Không có những điều trở ngại.
8. Chư thiên tụ hội nhiều.
9. Đầy đủ những điều hiếm có.

10. Đầy đủ thời gian

Xa lìa những pháp hành khổ hạnh, là nếu Bồ tát xuất gia vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì không thực hành những pháp tu khổ hạnh, đó là hoặc bốn ngày, hoặc sáu ngày, hoặc tám ngày, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng, thậm chí ăn một hạt mè, một hạt gạo, một quả cây, hoặc chỉ uống nước, hoặc chỉ nuốt không khí, không dùng những pháp tu khổ hạnh như vậy để cầu đạo, mà an tọa nơi đạo tràng thành tựu Phật đạo.

Không có tâm nhàm chán kém cỏi, là nếu Bồ tát đạt được một phần ít tâm lý chán ngán lìa xa thì lập tức cầu mong xuất gia.

Nhanh chóng đạt được, là nếu Bồ tát xuất gia rồi thì đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không cầu mong ngoại đạo làm thầy, là nếu Bồ tát xuất gia rồi, có bậc Đại sư ngoại đạo, có danh tiếng lừng lẫy, cũng không đến hỏi han mong cầu, các ông nói pháp gì, luận về điều gì, lấy gì làm lợi ích, cũng không tìm cầu gì ở khắp bốn phương.

Hạnh nguyện Bồ tát đầy đủ, là lúc Bồ tát sắp thành tựu Phật đạo, các Bồ tát trong ba ngàn Đại thiên thế giới và các Bồ tát ở phương khác, đều mang vật phẩm cúng dường đến vây quanh rồi, chờ đợi Đức Phật thành đạo phóng ra ánh sáng rộng lớn, tất cả cùng nhau cúng dường, nghe pháp từ Đức Phật đều thực sự đạt được phần vị. Nhất sinh bổ xứ không còn thối chuyển.

Không có ma oán, là nếu Bồ tát đến lúc sắp thành Phật, thì không có ma quân nào có thể đến phá hoại. Không có những điều trở ngại, là lúc Bồ tát sắp thành Phật, thậm chí không có mảy may phiền não để tiến vào trong tâm tư được.

Các đại chúng tụ hội, là nếu Bồ tát đến lúc sắp thành Phật, thì Tứ thiên vương-Chư thiên cõi Đao lợi, chư Thiên cõi Dạ-ma, chư Thiên cõi Đâu-suất-đà, chư thiên cõi Hóa-lạc, chư Thiên cõi Tha-hóa-tự-tại, chư Thiên cõi Phạm cho đến chư Thiên cõi A-ca-nị-tra, cùng các vị rồng-thần, Dạ-xoa, càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-ma-la, Ma-hầu-la-già, và tất cả các thần trong vô lượng thế giới khắp mười phương, đều mang vật phẩm cúng dường thượng diệu bậc nhất đến cúng dường Bồ tát. Đây gọi là Đại chúng tụ hội đầy đủ.

Còn người Thanh văn nói: Chư Thiên trong mười thế giới đều đến nơi ấy, gọi là chư Thiên tụ hội đông đủ. Đầy đủ những điều hiếm có, là nếu vào lúc Bồ tát được thành Phật, thì mặt đất phát ra sáu loại chấn động, vô

lượng ba ngàn Đại thiên thế giới khắp mười phương, vốn có các cung điện của Ma vương đều bị biến hoại không còn màu sắc, ánh sáng không còn xuất hiện nữa. Vô lượng núi Tu-di thảy đều lay động, vô lượng biển rộng thảy đều chấn động dữ dội, tất cả thế giới nở hoa trái mùa, mưa xuống hương bột, Chiên-đàn và các loại hoa kỳ lạ của cõi trời, cùng những điều hiếm có vô cùng. Đầy đủ thời gian, là luôn luôn không có những dịch bệnh, đói kém, chiến tranh, lưu lạc, trốn chạy, mưa tưới xuống theo thời tiết, không có các tai họa bất ngờ. Các bậc vua chúa đều đúng như pháp mà sử trị cảm hóa, nhân dân yên vui thọ mạng lâu dài, không còn có giặc thù, không còn có các loại chim thú dữ tợn-trùng độc-quỷ thần làm não hại chúng sinh.

Oai lực công đức của Phật, là oai lực công đức và trí tuệ của Phật trong quá khứ-vị lai-hiện tại, có vô lượng pháp sâu dày đều bình đẳng, không khác nhau, chỉ tùy thuộc nhân duyên bản nguyện của chư Phật. Hoặc có thọ mạng vô lượng, hoặc có người trông thấy Phật, là đạt được Tất định, có người nghe tên Phật cũng đạt được Tất định. Người nữ trông thấy Phật liền chuyển thành thân nam, hoặc có người nữ nghe tên Phật cũng chuyển được thân nữ, hoặc có người nghe tên Phật liền được vãng sinh. Hoặc có vô lượng ánh sáng, chúng sinh nào gặp được thì lìa hết các chướng ngại che phủ, hoặc có người nhờ ánh sáng liền tiến vào Tất định, hoặc nhờ ánh sáng mà diệt trừ tất cả khổ não.

Thọ mạng vô lượng, là thọ mạng trải qua vô lượng kiếp vượt quá mọi tính toán, một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, trăm ngàn muôn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp.

Phật sống lâu như vậy chỉ vì thương xót chúng sinh mà làm nhiều ích lợi cho họ. Tất cả Chư Phật tuy có thọ mạng trải qua vô lượng kiếp, nhưng vì bổn nguyện cho nên có Phật ở đời lâu, có Phật ở đời không lâu.

Khi trông thấy Phật là được nhập vào Tất định, nghĩa là có chúng sinh vừa thấy Phật liền được an trú không còn thối chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì những người này khi được thấy thân Phật thì tâm hoan hỷ, thanh tịnh, vui vẻ. Tâm họ tức thời tiếp nhận được Tam-muội của Bồ-tát như vậy, từ sức của Tam-muội này mà thông đạt thật tướng của mọi pháp, có khả năng tiến thẳng vào địa Tất định Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các chúng sinh này, suốt thời gian dài với tâm sâu xa, vừa thấy Phật là tiến vào căn thiện Tất định, lấy tâm đại bi làm đầu, thanh tịnh vô cùng cho nên thông đạt hết thảy pháp của Phật. Vì độ

thoát hết thảy chúng sinh, cho nên đến khi căn thiện thành tựu thì cũng là lúc gặp được Phật.

Lại vì nhân duyên và bổn nguyện của chư Phật hòa hợp nhau cho nên sự việc này được thành tựu.

Nghe tên Phật được tiến vào Tất định là; Phật có bổn nguyện: "Nếu người nào nghe tên của Ta thì được tiến vào Tất định". Như thấy Phật, nghe tên Phật cũng như vậy.

Người nữ trông thấy Phật được chuyển thân nữ, là nếu có người nữ nào một lòng mong cầu thay đổi thân nữ, tận trong đáy lòng chán ngán thân ấy, có sức mạnh của lòng tin hiểu, thệ nguyện làm thân nam, cho nên khi người nữ ấy trông thấy Phật, liền được chuyển đổi thân nữ. Nếu người nữ không có nhân duyên hành nghiệp như vậy và nghiệp thân nữ chưa hết, thì không gặp được Phật như vậy.

Người nữ nghe tên Phật được chuyển đổi thân nữ, nhân duyên sự việc này như trong kinh Phật đã nói.

Nghe tên Phật liền được vãng sinh, là nếu người có nhiều sức tin hiểu, các căn thiện đã thành tựu, nghiệp chướng đã hết, người như vậy được nghe tên Phật, phù hợp với nhân duyên bổn nguyện của Phật, thì được vãng sinh.

Vô lượng ánh sáng, là ánh sáng của hết thảy Chư Phật đã soi chiếu, xa gần tùy theo ý muốn. Ở đây nói là vô lượng, chính là Thường quang của Phật. Thường quang soi sáng không thể dùng số lượng bằng dặm hoặc do tuần để làm hạn lượng, bao trùm khắp phương Đông bao nhiêu trăm ngàn vạn ức do tuần, không thể suy lường được. Phương Tây-Nam-Bắc, bốn phía phụ thuộc và trên dưới cũng lại như vậy, chỉ biết là vô lượng chứ không biết được giới hạn.

Gặp ánh sáng trừ hết mọi ngăn che, là nhờ vào sức bản nguyện của chư Phật mà có kết quả như thế. Tham dục, sân hận, ngủ mê, ăn năn, bồn chồn, nghi ngờ đều bị trừ bỏ. Chúng sinh gặp ánh sáng này thì luôn luôn nghĩ đến Phật. Do nghĩ đến Phật cho nên nghĩ đến pháp. Nghĩ đến pháp cho nên mọi ngăn che đều bị tiêu tan. Ánh sáng chạm vào thân thì bao nhiêu khổ não đều tiêu diệt hết, nếu chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và phi nhân đang chịu nhiều khổ não, được ánh sáng do sức thần thông và bản nguyện của chư Phật chạm vào thân thì mọi khổ đau được lìa xa.

Pháp đầy đủ là đầy đủ tất cả pháp của chư Phật. Không có đầy đủ và không đầy đủ là pháp chư Phật nói đều giống nhau cho nên pháp đều

đầy đủ, chỉ do nhân duyên và bản nguyện chư Phật có sự sai biệt không đồng, cho nên có pháp Phật trụ lâu trong đời, hoặc có pháp Phật không ở lâu trong đời.

Sao gọi là pháp đầy đủ? Có pháp nói gọn và nói rộng. Có pháp nói đến cả rộng và gọn, có đầy đủ thừa Thanh văn, có đầy đủ thừa Bích-chi-Phật, có đầy đủ Đại thừa. Nhờ sức thần thông của Phật bảo vệ giữ gìn, khiến không bị ngoại đạo phá hoại, không bị quân ma phá hoại, mà tồn tại lâu dài giữa đời.

Nói gọn, là dùng ít ngôn từ mà bao gồm nhiều nghĩa, mười lợi căn nghe là hiểu rõ ràng.

Nói rộng là đối với các loại nhân duyên của một sự việc, một nghĩa lý, vì những người độn căn ưa thích phân biệt, cho nên giải thíchrộng ra mới có thể hiểu được.

Nói vừa gọn vừa rộng, là vẫn dùng một lời mà bao quát nhiều nghĩa, đồng thời giải thích phân tán về một nghĩa.

Có đầy đủ thừa Thanh văn, có đầy đủ thừa Bích-chi-Phật, có đầy đủ Đại thừa sẽ nói ở phần sau.

Thần lực bảo vệ chánh pháp, là dùng sức oai thần của Phật để hộ niệm pháp này, là pháp mà chư Phật đã ấn khả. Chư Phật ấn khả, đó gọi là bốn nhân lớn tách khỏi bốn nhân bất thiện.

Không bị ngoại đạo phá là hết thảy luận sư của Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo vốn có tà kiến nói ra tai họa của mùi vị sinh diệt. Lại hiểu rõ tất cả pháp thiện, nói về nhân duyên phá hoại.

Không bị tất cả quân ma phá hoại, nghĩa là chư Phật có vô lượng vô biên công đức, trí tuệ, phương tiện và năng lực thần thông, quân ma dù có sức mạnh nhưng không thể phá được. Lại nhờ sức mạnh của các Bồ-tát cho nên quân ma không thể phá được.

Pháp tồn tại lâu dài trên đời, là hoặc một kiếp, hoặc giảm một kiếp, hoặc vượt qua số trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, mười vạn kiếp, trăm vạn kiếp, ngàn vạn kiếp, vạn vạn kiếp, vô lượng ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp, cho đến vô lượng vô biên kiếp.

Thanh văn đầy đủ, là hết thảy chư Phật đều có đầy đủ Thanh văn Tăng, chỉ vì nhân duyên và bản nguyện của chư Phật cho nên có ít nhiều sai khác.

Sao gọi là đầy đủ? Chúng Thanh văn của Như Lai đều có đầy đủ sự

trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, đồng đẳng thanh tịnh, đều là bậc lợi căn lợi ích cho hình sắc nghiêm tịnh của Bồ-tát.

Trì giới đầy đủ, là lìa khỏi sự sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói thêu dệt, uống rượu, sống theo lối tà và các pháp ác. Lại nữa, những gì mà Tỳ Ni cấm đều phải xa lìa. Lại có khả năng thành tựu giới vô lậu.

Thiền định đầy đủ, là bốn thiền, bốn vô lượng tâm, bốn vô sắc định, tám giải thoát, tám bối xả, tám thắng xứ, mười nhất thiết nhập... và được các thiền định vô lậu.

Trí tuệ đầy đủ, là thành tựu loại thứ trí tuệ, được phát sinh từ đa văn, phát sinh từ tư duy, phát sinh từ sự tu tận, phát sinh từ nhân duyên nghiệp đời trước và quả báo.

Giải thoát đầy đủ, là được giải thoát khỏi tất cả phiền não, còn được giải thoát khỏi tất cả chướng ngại che phủ.

Giải thoát tri kiến đầy đủ, tri là biết sự việc ấy, kiến là biết rõ ràng sự việc đó. Đối với giải thoát, biết rõ từng thứ, không có gì nghi ngờ. Lại nữa, tri là trí hiểu biết cùng tận, kiến là thấy bốn chân lý (tứ đế).

Đồng đẳng, là những người tiến vào quả Tu-đà-hoàn đều giống như nhau, cho đến quả A-la-hán cũng như vậy.

Thanh tịnh là thành tựu ba loại thanh tịnh, thân thanh tịnh-miệng thanh tịnh-ý thanh tịnh. Lợi trí là chỉ nghe qua vài lời thì có thể hiểu rộng ra thông suốt tôn chỉ ý nghĩa, tóm lược có thể giải thích rộng ra, rộng có thể làm cho tóm gọn, nghĩa lý sâu xa kín đáo có thể làm cho dễ hiểu.

Lợi ích của Bồ-tát, là luôn nhớ đến các Bồ-tát, kể cả Bồ-tát mới phát tâm cũng không khinh mạn họ mà kính mến với lòng sâu xa. Chỉ bày cho họ những pháp thiện-ác, nói cho họ nhân duyên, phương tiện của Phật đạo.

Thân mình, sắc mặt nghiêm tịnh, là thân thể mềm mại xinh đẹp, sắc diện đầy đủ và có tướng tốt, ai thấy cũng hoan hỷ như Bích-chi-Phật tới, lui, nghỉ, ngồi, nằm, ngủ, khi ăn uống, tắm gội, đắp y, cầm bát, đều có oai nghi trật tự, không có gì thiếu sót. Vì vậy, người trông thấy thì tâm họ được thanh tịnh

Đầy đủ Bồ-đề thọ, hết thảy đại thọ, cây Sa-la, cây Đa-la, cây Đề-la-ca, cây Đa-ma-la, cây Bà-cầu-la, cây Chiêm-bặc, cây A-thâu-ca, cây Sà-ha-ca-la, cây Phần-na-ma, cây Na-na, cây Na-ca, cây Thi-lê-sa, cây Nát-cù-đà,

cây A-thâu-đà, cây Ba-lặc-xoa, cây Ưu-đàm-bát-la... trong số đại thọ này, tùy ý lấy một cây.

Ở nơi đất bằng phẳng, cây cao tàn rộng đầy đủ gốc cành nhánh lá xanh mướt, sum suê tốt tươi. Màu hoa tươi sáng, không có tổn hoại thiếu sót. Cây cao đến năm mươi do tuần, ngay thẳng, nhẵn bóng, không có lóng, vỏ cây màu trắng mắt lóng mềm mại, tươi tắn, sạch đẹp. Thân cây không gây trở ngại vì bén, không hư mục. Hơn nữa, giữa thân cây không trống rỗng, không bị sâu mọt đục khoét gây thương tổn. Rễ bám sâu trong đất, kiên cố, đan liền nhau theo thứ tự hoa dùng trang sức như vòng chuỗi ngọc đẹp đẽ. Cành lá sum suê giống như cái tán tròn, sắp xếp theo thứ tự, công phu hơn hẳn nhân tạo. Lá cây xanh tươi như màu châu báu, nhánh cây không vắt vẻo cong queo, lá không úa vàng khô héo, không có sâu mọt muỗi ve kiến mối

Mặt đất thật sạch được trải bằng loại cát vàng, phát ra ánh sáng, chiếu sáng giáp vòng. Nước hương Chiên-đàn rưới khắp mặt đất. Đất thì bằng phẳng mềm mại, mát mẻ dễ chịu. Bột Chiên-đàn ngưu đầu mịn màng rải khắp mặt đất. Chư Thiên thường rải hoa Mạn-đà-la như mưa, đốt loại trầm đen, mùi thơm lan tỏa khắp nơi. Trên trời hiện ra những đám mây năm sắc, rực rỡ như màn tơ lụa rủ xuống, gió mát nhè nhẹ làm lay động lá cành. Chim, thú đến chơi bên cạnh lặng yên không một tiếng động. Hai bên cây Bồ-đề, chư Thiên thường rưới mưa hoa với nhiều màu đẹp, tự nhiên chen nhau, rủ xuống trông như chuỗi ngọc, giống như thân rồng và trên thân rồng luôn luôn được treo nhiều chuỗi hoa quý sắc vàng. Bốn phía có nhiều cành cây cao, giăng lưới báu rủ xuống mặt đất trang nghiêm bằng bảy báu, giống như núi vàng tía, nguy nga tốt đẹp như cột cao của Đế thích. Đây là do Bồ-tát đã tu tập công đức thiện hạnh trải qua trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp mới được như vậy. Nhiều thứ báu đẹp hóa làm sư tử vương. Trên đầu bốn con sư tử, có chiếc giường báu rộng lớn, trải thảm rực rỡ của chư Thiên. Các trời Tứ Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm, cho đến trời A-ca-nị-tra, chở các thứ châu báu như: ngọc lưu ly, xa cừ, mã não, báu đại thanh, báu đế thanh, kim cương, pha lê và các cung điện quý báu.

Màu sắc của các thứ ngọc quý báu tỏa ra ánh sáng rực rỡ lấp lánh, chiếu tới các cõi xa mà không ngọc báu nào sánh kịp. Hết thảy đều tập trung chung quanh cây báu để cúng dường.

Lại nữa, mười phương vô lượng thế giới, các Bồ-tát tùy theo bản

nguyện của mình đều chuẩn bị các thứ cúng dường, mưa các vật châu báu, hương hoa, cờ phướn, lọng báu, và các loại âm nhạc... Đó gọi là cây Bồ-đề đầy đủ.

Thế gian trang nghiêm, là Bồ-tát quan sát cõi nước thanh tịnh trong mười phương được trang nghiêm tốt đẹp bậc nhất mà phát Đại nguyện: Tôi sẽ tu tập công đức mà cõi nước này đang có, để tôi có được cõi nước bậc nhất, không đâu sánh bằng.

Chúng sinh tốt lành và có nhiều lợi ích, là chúng sinh đoan chính

không có những bệnh tật tai họa, không có bệnh già, thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, đều được hóa sinh cho nên thân không có những ô uế, đủ ba mươi hai tướng tốt, ánh sáng vô lượng, phiền não chỉ còn số ít cho nên dễ dàng hóa độ.

Có thể hóa độ đầy đủ, là một lần thuyết pháp thì chúng sinh nhiều như cát sông Hằng, cùng lúc đều được độ. Từ khi có Phật khác giảng nói chánh pháp, mà chỉ có một hai người được độ, thì những chúng sinh ấy nhờ có căn thiện trồng từ kiếp trước, kiết sử còn ít cho nên khi vừa nghe pháp thì liền chứng ngộ.

Đại chúng tập hợp, là có Đức Phật tập hợp đại chúng đông đến một do-tuần, hay mười do-tuần, có khi đến trăm ngàn vạn ức do-tuần. Có khi đại hội khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới.

Đại chúng tập hợp trong này, là tất cả thế giới khắp mười phương nhiều như cát sông Hằng tập hợp làm một. Trong chúng hội này, toàn là những người có phước đức, cùng chư Thiên tám bộ, các Bồ-tát từ địa thứ nhất đến địa thứ mười đều đến đông đủ, chỉ trừ chư Phật.

Phật lực đầy đủ, là chư Phật thực hành đủ bốn mươi pháp bất cộng. Hành xứ của mỗi một pháp này, tất cả là vô lượng vô biên. Đây là nguyện thứ bảy. Lại nữa:

Đều thực hành đối với một việc,
Nguyện không có tranh chấp oán thù.

Với phước đức mà Bồ-tát đã làm, như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ, như xứ sở của bốn công đức là Đế-xả-diệt-tuệ, như nhân của các Đại nguyện lúc cầu Phật đạo nên phát nguyện như vậy: "Nếu có mười khác cùng tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn xứ sở của công đức để cầu Phật đạo, thì tôi nguyện dùng nhân duyên phước đức này, không sinh tâm oán ghét tranh đua với họ. Vì sao? Vì cùng thực hành

một việc. Những người có trí nói có tướng oán ghét. Thế gian thì sự việc này cũng còn có mặt Bồ-tát thì muốn trừ lỗi lầm này cho nên phát Đại nguyện như vậy. Đây là nguyện thứ tám. Lại nữa:

Nguyện thực hành đạo của Bồ tát,
Chuyển vận giáo pháp không thối chuyển,
Khiến cho diệt trừ những phiền não,
Được tiến vào niềm tin thanh tịnh.

Bánh xe là bánh xe pháp. Bất thối chuyển là không người nào có thể phá hoại. Bồ-tát nên phát nguyện như vậy: Mình phải hành đạo như lời Phật đã giảng dạy, nhất định phải quay bánh xe pháp không thối

chuyển. Nếu mình quay được bánh xe pháp này, thì ba độc phiền não sẽ bị trừ diệt, khiến chúng sinh tự lìa bỏ sinh tử, tiến vào trong các giáo pháp của Phật, trong khổ-tập-diệt-đạo làm cho được thanh tịnh. Đây là nguyện thứ chín. Lại nữa:

Nguyện ở tất cả các thế giới,
Đều thị hiện thành tựu Bồ đề.

Tùy các thế giới mà chọn một nơi để làm việc Phật, ở khắp các thế giới đó, Bồ-tát thị hiện đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem lại an lạc cho hết thảy chúng sinh, diệt độ hết thảy chúng sinh, vì quả Bồ-đề Vô thượng vĩ đại chỉ có một mình nói. Còn những việc khác như là vào thai, ra thai, lớn lên ở nhà, rồi xuất gia thọ giới khổ hạnh, hàng phục quân ma, Phạm vương khuyến thỉnh và chuyển pháp luân đại chúng tập hợp đông đủ, độ thoát nhiều chúng sinh, thị hiện thần lực vĩ đại mà nêu rõ sự đại diệt độ. Những việc như vậy, đều nên làm như vậy, là biết có oai lực vô lượng như vậy, có năng lực làm ích lợi cho vô biên vô lượng chúng sinh, không nên chỉ ở một nước mà thị hiện thành tựu Phật đạo.

Có người nói: Ở một cõi Phật gồm có bốn châu thiên hạ, các cõi Diêm-phù-đề là một cõi Phật. Ngoài cõi này, chỉ có Phật mới biết được, nhưng sự thực không phải vậy. Đây là nguyện thứ mười. Lại nữa:

Tất cả Bồ tát đều như vậy,
Lấy mười Đại nguyện làm đầu tiên,
Rộng lớn giống như cõi hư không,
Tận cùng đến thời gian vị lai,
Cùng với vô lượng nguyện hạnh khác,
Cũng đều phân biệt nói rõ ràng.

Nguyện là do tâm mà ham thích mong cầu, cần phải thành lập mười nguyện là có mười môn. Rộng lớn như hư không, là nguyện đã duyên vào phương hướng, giống như cõi hư không vốn có thì nguyện cũng như vậy.

Cùng tận thời gian vị lai, là khi phát nguyện đã trú vào nơi tận cùng với giới hạn sinh tử của tất cả chúng sinh vị lai.

Có người nói: Quả vị Bồ-đề Vô thượng là giới hạn sinh tử của đời vị lai, nếu chư Phật nhập Niết-bàn vô dư thì đó là giới hạn sau cùng của sinh tử. Nguyện của Bồ-tát không cùng tận mà thật sự thành Phật thì kết thúc. Hết thảy các Đại Bồ-tát trong mười phương thế giới đều có nguyện này.

Vô lượng nguyện khác, là các Bồ-tát đã thành tựu vô lượng công

đức hiếm có, cho nên những lời nguyện vốn có, không thể nói hết được. Lại nữa:

Bồ tát phát Đại nguyện như vậy,
Thành tựu tất cả mười Đại nguyện.

Mười Đại nguyện này, có mười điều rốt ráo. Những gì là mười? Đó là:

Tánh chúng sinh và tánh thế gian,
Tánh hư không và tánh của pháp,
Tánh Niết-bàn và Phật-chúng sinh,
Tánh trí Chư Phật là cứu cánh,
Tất cả tâm sở duyên cứu cánh,
Trí hành xứ Chư Phật cứu cánh,
Trí chuyển pháp thế gian cứu cánh,
Đây gọi là mười điều cứu cánh.

1. Tánh của chúng sinh tận cùng.
2. Tánh của thế gian tận cùng.
3. Tánh của hư không tận cùng.
4. Tánh của pháp tận cùng.
5. Tánh của Niết-bàn tận cùng.
6. Tánh Phật của chúng sinh tận cùng.
7. Tánh của trí chư Phật tận cùng.
8. Tánh của tất cả tâm sở duyên tận cùng.
9. Tánh rốt cùng trí hành xứ của chư Phật.
10. Tánh của trí chuyển pháp thế gian tận cùng. Đấy gọi là mười điều tận cùng.

Hỏi: Ông nói tận cùng. Thế nào là tận cùng? Nghĩa này cần phải phân biệt.

Đáp:

Tánh của chúng sinh nếu tận cùng,
Thì nguyện mình cũng lại tận cùng,
Như các chúng sinh đều tận cùng,
Các nguyện như vậy cũng tận cùng,
Nghĩa tận cùng danh không tận cùng,
Thiện căn của mình không tận cùng.

Tánh của chúng sinh tận cùng là nếu chúng sinh điều diệt hết, thì nguyện của mình phải ngừng lại.

Tùy theo tánh thế gian hết, tánh hư không hết, tánh các pháp hết, tánh Niết-bàn hết, tánh Phật của các chúng sinh hết, tánh trí của

Chư Phật hết, tánh do tâm sở duyên của tất cả chúng sinh hết, tánh của trí nhập pháp Phật hết, trí chuyển pháp chuyển làm thay đổi thế gian hết, thì mười nguyện này của mình mới tận cùng. Nhưng mà mười điều như tánh của chúng sinh … là thật sự không cùng tận, cho nên căn thiện phước đức này của mình cũng không cùng tận, không ngưng nghỉ. Không ngưng nghỉ nghĩa là vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn ... vượt qua mọi tính toán, gọi là không ngưng nghỉ. Ba ngàn đại thiên thế giới, mười phương vô lượng vô biên vượt qua mọi sự tính toán như vậy cho nên gọi là thế gian vô biên. Vô biên chúng sinh trong ba cõi, sáu đường ở khắp các thế giới như vậy cho nên gọi là tánh chúng sinh vô biên. Trong tất cả thế giới này có hai loại tánh hư không nội ngoại đều vô biên cho nên gọi là tánh hư không vô biên. Trong các thế giới này, tánh vô lậu của cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc vốn thâu nhiếp pháp hữu vi vô biên cho nên gọi là pháp tánh vô biên.

Nếu tất cả chúng sinh đều diệt độ thì tánh Niết-bàn không thêm không bớt, vì vậy tánh Niết-bàn là vô biên. Nếu mười phương chư Phật trong quá khứ đã vô lượng vô biên, thì mười phương chư Phật trong hiện tại cũng vô lượng vô biên, mười phương chư Phật trong vị lai cũng vô lượng vô biên, vì vậy tánh Phật của chúng sinh vô biên. Trí chư Phật vô lượng, không thể nói ra không thể suy lường-không có gì bằng-không có gì sánh được không đối đãi-không so sánh, cho nên tánh của trí chư Phật cũng vô lượng vô biên. Như Phật bảo A-nan: "Người Thanh văn này là biểu hiện trí vô lượng của chư Phật. Vì vậy tánh của trí chư Phật là vô lượng vô biên. Trong đời

quá khứ, tâm của mỗi một chúng sinh là vô lượng vô biên, các tâm này đều có duyên sinh. Trong đời vị lai cũng như vậy. Trong đời hiện tại, hết thảy tâm chúng sinh cũng vô lượng vô biên, đều có duyên sinh. Vì vậy tâm sở duyên cũng vô lượng vô biên.

Lực của chư Phật nói gọn có bốn mươi pháp bất cộng, bốn mươi pháp bất cộng này, hành xứ của mỗi một pháp là vô lượng vô biên. Do hành xứ vô lượng vô biên cho nên trí cũng vô lượng vô biên, vì vậy nói trí hành xứ của Phật là vô biên vô lượng.

Thế gian chuyển, pháp chuyển-trí chuyển, chuyển nghĩa là bởi vì pháp này có sự chuyển đổi. Thế gian có hai loại là quốc độ thế gian và chúng sinh thế gian. Ở đây nói đến chúng sinh thế gian, chư Phật và các Bồ-tát dùng vô lượng vô biên sức phương tiện dẫn dắt chúng sinh trong thế gian.

Pháp chuyển là dùng vô lượng vô biên căn thiện phước đức để nhiếp thủ các pháp Phật. Trí chuyển là dùng vô lượng các pháp thiện,

sáu pháp Ba-la-mật, mười địa để nhiếp thủ trí tuệ của Phật, cho nên trí chuyển là vô lượng vô biên. Ba loại này cùng chuyển đổi cho nên hợp thành một nguyện. Vì mỗi một nguyện của Bồ-tát đều thật bền chắc, cho nên trở thành mười nguyện vô tận. Phương là như hư không, thời gian là như giới hạn đời vị lai. Như vậy, tôi đã dùng cách nói rộng và gọn, giải thích về mười nguyện cứu cánh này.

Phẩm 6: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Hỏi: Mới phát tâm là căn bản của mọi lời nguyện. Thế nào là mới phát tâm?

Đáp:

Lúc bắt đầu phát tâm Bồ đề,
Hoặc là nhờ ba-bốn nhân duyên.

Chúng sinh mới phát tâm Bồ-đề, hoặc dùng ba nhân duyên, hoặc dùng bốn nhân duyên, như vậy hòa hợp có bảy nhân duyên để phát tâm Bồ-đề Vô thượng.

Hỏi: Những gì là bảy nhân duyên? Đáp:

Một là tất cả các Như Lai,
Khiến cho phát tâm đạo Bồ đề,
Hai là thấy pháp sắp hủy hoại,

Vì bảo vệ cho nên phát tâm,
Ba là ở giữa các chúng sinh,
Vì lòng Đại bi mà phát tâm,
Bốn là hoặc có vị Bồ tát,
Dạy bảo mà phát tâm Bồ đề,
Năm là thấy công hạnh Bồ tát,
Cũng thuận theo hành mà phát tâm,
Có người nhờ vào bố thí rồi,
Sinh thiện mà phát tâm Bồ đề,
Có người thấy thân tướng của Phật,
Hoan hỷ mà phát tâm Bồ đề,
Nhờ vào bảy loại nhân duyên này,
Mà phát tâm Bồ đề tu đạo.

Phật khiến cho phát tâm, là Phật dùng Phật nhãn quán xét chúng sinh, biết thiện căn của họ thuần thục có thể có năng lực đạt được quả vị

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người như vậy, Phật dạy bảo làm cho phát tâm với lời như vậy: Này người thiện nam! Nay có thể phát tâm là cứu độ chúng sinh đang khổ não! Hoặc lại có người sống ở trong đời ác trược, thấy pháp sắp bị hủy hoại, vì mong bảo vệ cho nên phát tâm suy nghĩ như vậy: Lạ lùng thay! Từ vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp đến nay, chỉ có một người đi giữa hai nơi vượt ra khỏi ba cõi, lấy bốn Thánh đế làm bậc Đại đạo sư, biết kho tàng của năm loại pháp thoát khỏi sáu đường, có bảy loại chánh pháp rất quý báu, thực hành sâu vào tám giải thoát, dùng chín bộ kinh để giáo hóa, có người Đại lực thuyết ra mười một loại công đức, khéo léo xoay chuyển mười hai nhân duyên nối tiếp nhau, giải thích về mười ba pháp trợ Thánh đạo, có mười bốn giác ý rất quý báu, loại bỏ mười lăm loại tham dục, đồng thời đạt được mười sáu tâm giải thoát vô ngại, ra khỏi mười sáu địa ngục của chúng sinh, và thân có mười bảy loại đầy đủ, mười tám pháp bất cọng, khéo phân biệt mười chín người an trú trong quả, khéo phân biệt biết rõ về người Hữu học, A-la-hán, Bích-chi-Phật và Chư Phật, chính là hai mươi căn. Tâm Đại Bi là chúa của Đại tướng, chúa của Đại chúng, là đại y vương, là Đại đạo sư, là Đại thuyền sư. Lâu lắm mới có được pháp này, thực hành khổ hạnh, làm điều khó làm mới có được pháp này, mà nay sắp bị hủy hoại, mình nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, gieo tròng thiện căn sâu dày được thành tựu Phật đạo, khiến cho pháp tồn tại lâu dài trải qua vô số A-tăng-kỳ

kiếp. Lại trong thời gian thực hành Bồ tát đạo, hộ trì vô lượng giáo pháp của Chư Phật cho nên chịu khó thực hành tinh tiến.

Hoặc lại có người thấy chúng sinh khổ não đọa đày, thậy đáng thương xót vì không ai cứu giúp, không chốn quay về, không có nơi nào nương tựa, lưu chuyển trong sinh tử trải qua đường ác đầy những hiểm nạn, có nhiều giặc thù, những loại thú dữ trùng độc, sinh tử vô cùng sợ hãi, các loại ác quỷ… Thường có nhiều gai góc của buồn lo khổ não, hố sâu của ân ái biệt ly-oán thù hội tụ, dòng nước của sự vui vẻ an lành thật là khó có được, rất lạnh lẽo rất nóng bức nhưng một mình đi trong cảnh ấy, đồng trống không một bóng râm khó mà được độ thoát. Chúng sinh ở trong những tình cảnh nhiều sợ hãi, không có người nào cứu giúp che chở dẫn dắt, thật đáng thương xót. Thấy chúng sinh như vậy, vào trong đường ác hiểm của dòng sinh tử này nhận chịu những nỗi khổ não. Vì lòng Đại Bi cho nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phát lời nguyện như vậy: Tôi sẽ làm người cứu giúp cho người không có ai cứu giúp, làm chốn quay về cho người không có chốn quay về, làm nơi nương tựa cho người không có nơi nương tựa. Tôi được độ rồi sẽ độ chúng sinh, tôi được thoát rồi sẽ cứu thoát chúng sinh, tôi được yên ổn rồi sẽ làm cho chúng sinh yên ổn!.

Lại có người chỉ từ người khác mà nghe, dùng tâm tin tưởng ưa thích, phát tâm đạo vô thượng suy nghĩ như vậy: Mình nên tu tập pháp thiện không gián đoạn, hoặc có lẽ thuộc về phần vị Tất định đạt được vô sinh pháp nhẫn, nhờ quy tụ các công đức thuần thục thiện căn, có lẽ được gặp Chư Phật hoặc được gặp các bậc Đại Bồ tát, có năng lực biết chúng sinh có các căn lợi độn, tâm sâu xa và tánh ham muốn đuôi sai biệt, khéo láo biết phương tiện được sự bảo vệ của Bát-nhã Ba-la-mật. Người có năng lực làm Phật sự biết mình phát nguyện, thiện căn thành thục cho nên khiến an trú trong phần vị Tất định, hoặc là vô sinh pháp nhẫn. Các Bồ tát này ở địa thứ bảy-thứ tám-thứ chín-thứ mười, như Phật khéo biết tâm lực của chúng sinh mà dạy bảo khiến cho phát tâm, chứ không phải vì chỉ có sức mạnh của niềm tin và ưa thích mà dạy bảo khiến cho phát tâm. Lại có người thấy Bồ tát khác hành đạo tu tập các thiện căn được che chở bằng lòng Đại bi, đầy đủ phương tiện giáo hóa chúng sinh, không tiếc thân mạng làm nhiều điều lợi ích, học rộng hiểu nhiều vượt hẳn lên giữa những người vô cùng tuyệt vời của thế gian, làm bóng mát che phủ cho chúng sinh mệt mỏi vất vả, an trú trong bố thí-trì giới-nhẫn nhục-tinh tiến-thiền định-trí tuệ và tàm quý chất trực-nhu nhuyến điều hòa, tâm tư thanh tịnh vô cùng ưa thích

pháp thiện. Thấy người như vậy mà dấy lên nghĩ rằng: Người này thực hành được thì mình cũng nên thực hành, họ đã tu nguyện hạnh thì mình cũng nên tu, mình vì đạt được pháp này cho nên phải phát nguyện này! Dấy lên suy nghĩ như vậy rồi phát tâm đạo vô thượng.

Lại có người thực hành bố thí rộng lớn, cúng dường Chư Phật và tăng, hoặc chỉ cúng dường Phật với các loại ăn uống-áo quần. Người này nhờ vào hạnh bố thí này, nghĩ đến trong quá khứ các vị Bồ tát luôn luôn thực hành bố thí, như Vi-lam-ma, Vi-thủ-đa-la, Tát-bà-đàn, Thi-tỳ-vương…, liền phát tâm Bồ đề. Dùng phước thiện bố thí này hồi hướng cho quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại có người hoặc thấy hoặc nghe về ba mươi hai tướng tốt của Phật, lòng bàn chân bằng phẳng ngón tay ngón chân có xoáy tròn, giữa các ngón tay ngón chân có màng da mềm mỏng kết lại với nhau, bảy chỗ đầy đặn, ngón tay ngón chân thon dài, gót chân rộng, thân thẳng vai vuông, mu bàn chân cao bằng phẳng, đầu long xoay về bên phải, bắp đùi tròn lẳn như nai chúa, cánh tay dài quá đầu gối, âm mã giấu kín, thân màu vàng ròng, da mỏng và mềm mại, mỗi một lỗ chân lông chỉ mọc một sợi lông, giữa chặng mày có lông trắng dài và nhỏ, phần thân trên như sư tử, vai tròn và rộng, dưới nách đầy đặn biết được mùi vị tuyệt diệu, thân vuông như cây Ni-câu-lâu-đà, đỉnh đầu có nhục kế, lưỡi rộng và dài, phạm âm thanh thoát, gò má như sư tử, răng có bốn mươi chiếc đều đặn sáng bóng dày sít, đôi mắt màu xanh biếc, lông mi như tướng của trâu chúa… Nghe hoặc thấy tướng tốt của Phật thì tâm hoan hỷ dấy lên nghĩ như vậy: Mình cũng sẽ đạt được tướng tốt như vậy, người tướng tốt như vậy đã đạt được các pháp thì mình cũng sẽ đạt được. Ngay lúc ấy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Dựa theo bảy nhân duyên này mà phát tâm Bồ đề.

Hỏi: Ông nói về bảy nhân duyên phát tâm Bồ đề, là đều được thành tựu, có người thành tựu và có không thành tựu sao?

Đáp: Điều này không chắc chắn thành tựu tất cả, hoặc có người thành tựu-có người không thành tựu.

Hỏi: Nếu như vậy thì cần phải giải thích rõ ràng. Đáp:

Ở trong bảy nhân duyên phát tâm,
Phật dạy bảo khiến cho phát tâm,
Bảo vệ pháp cho nên phát tâm,
Vì thương xót cho nên phát tâm,
Ba hạng người phát tâm như vậy,

Nhất định phải đến được thành tựu,
Bốn hạng người phát tâm còn lại,
Không chắc chắn đều được thành tựu.

Trong bảy loại phát tâm này thì Phật quán xét căn bản tâm thiện của chúng sinh ấy, dạy bảo khiến cho phát tâm nhất định được thành tựu, bởi vì không nói suông. Nếu vì tôn trọng Phật pháp, vì muốn bảo vệ giáo pháp, hoặc có tâm Đại Bi đối với chúng sinh, thì ba loại phát tâm như vậy chắc chắn được thành tựu, bởi vì có gốc rễ sâu dày. Còn lại nhờ Bồ tát dạy bảo khiến cho phát tâm, thấy công hạnh của Bồ tát thực hành mà phát tâm, nhờ vào hạnh bố thí rộng lớn mà phát tâm, hoặc nghe hoặc thấy tướng tốt của Phật mà phát tâm, thì bốn loại phát tâm này phần nhiều là không thành tựu. Hoặc có người thành tựu, nhưng gốc rễ còn nhỏ nhoi yếu ớt.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 4

Phẩm 7: ĐIỀU PHỤC TÂM

Hỏi: Như phẩm trên đã nói ba cách phát tâm chắc chắn thành tựu, còn lại bốn cách phát tâm thì không thành tựu. Vậy thế nào là thành tựu và không thành tựu?

Đáp: Nếu phát tâm Bồ-đề, mà khi hành đạo, Bồ-tát quên mất pháp của tâm Bồ-đề thì không thành tựu. Nếu Bồ-tát thực hành mà không quên mất pháp của tâm Bồ-đề, thì được thành tựu. Cho nên kệ nói:

Bồ tát thuận theo phải rời xa,
Quên mất pháp của tâm Bồ đề,
Cần phải luôn nhất tâm tu hành,
Không mất pháp của tâm Bồ đề.

Tránh xa là diệt trừ pháp ác, không cho nó xâm nhập vào tâm mình. Nếu chúng đã vào thì nhanh chóng diệt trừ chúng đi. Mất là lãng quên tâm Bồ-đề ngay đời này hoặc đời sau. Không còn tùy thuận với sự tu hành, cho nên tránh xa những pháp như vậy. Trái lại, nếu không lạc mất những pháp tu hành Bồ-đề, không quên mất tâm Bồ-đề, thì cần phải luôn luôn nhất tâm chịu khó thực hành.

Hỏi: Mất tâm Bồ-đề là mất những pháp gì? Đáp:

Một là không kính trọng giáo pháp,
Hai là có tâm niệm kiêu mạn,
Ba là nói dối không chân thật,
Bốn là không kính trọng tri thức.

Phát sinh bốn lỗi này, nếu ở đời này đến lúc chết đi, hoặc tiếp theo đời sau sẽ quên mất tâm Bồ đề, không thể nào tự biết mình là Bồ tát, không còn phát nguyện, pháp thực hành của Bồ tát không còn hiện ở trước mắt. Không cung kính đối với giáo pháp, pháp là ba Thừa thượng-trung-hạ mà Chư Phật đã thuyết ra. Nói tóm tắt là giáo pháp của Chư Phật Như Lai đã sử dụng. Ở trong giáo pháp này không cung kính cúng dường

ca ngợi tôn trọng, không có ý tưởng hiếm có-ý tưởng khó được-ý tưởng như vậy báu-ý tưởng thỏa mãn tâm nguyện, lỗi này có thể làm mất đi tâm Bồ đề. Tâm kiêu mạn là tâm lý tự cao ngạo, chưa được nói là được, chưa chứng nói là chứng. Đối với không-vô tướng-vô nguyện, hoặc vô sinh pháp nhẫn, hoặc sáu độ Ba-la-mật, hoặc mười địa Bồ tát, những pháp như vậy và các pháp khác từ sự tu tập mà có, ở trong pháp này chưa đạt được mà nói là đạt được.

Vọng ngữ thì có loại thuộc về Đột-kiết-la, có hai loại thuộc về Ba-dạ-đề, có loại thuộc về Thân-lan-giá, có loại thuộc về Tăng-già-bà-thi-sa, có loại thuộc về Ba-la-di. Hoặc có người nói: Có loại nói dối thứ sáu, loại nói dối này thì tâm sinh ra sám hối. Năm loại nói dối trước thì loại thứ nhất là nhẹ, loại sau là nặng, loại thứ sáu là nhẹ nhất. Loại thuộc về Ba-la-di, là tự mình không vượt qua được ngã chấp và pháp chấp, hoặc miệng nói-hoặc hình dáng thể hiện, hướng đến dùng phương tiện để hiện rõ là mình có phẩm đức này. Loại thuộc về Tăng-già-bà-thi-sa, là hoặc nói miệng nói-hoặc hình dáng thể hiện, ở trong bốn sự của Tỳ-kheo kia, dùng tất cả mọi chuyện có căn cứ hay không có căn cứ mà phỉ báng họ. Loại thuộc về Thâu-lan-giá, là muốn đem sự việc có căn cứ hay không có căn cứ để phỉ báng nhưng mà nói không thành. Lại thuộc về Ba-la-đề, là đem sự việc không có căn cứ thuộc về Tăng-già-bà-thi-sa mà phỉ báng. Loại thuộc về Đột-kiết-la, là trừ ra bốn loại lỗi lầm trên, lỗi này thuộc về nói dối. Tự tâm trừ diệt, là như lúc nói giới tự biết mình có lỗi lầm nhỏ, không cần phải nói với người khác, mà tự tâm mình hối hận trừ bỏ.

Hỏi: Lỗi nói dối này, chỉ thuộc về Tỳ-kheo chứ không thuộc về bạch y, mà ở luận này lại chung cho cả tại gia và xuất gia?

Đáp: Hễ biết sự việc thật sự thì như vậy, nhưng mà nói đến hiểu biết thì khác nhau. Trong luận này nói là tướng chung của nói dối, bởi vì có chúng sinh phân biệt, có sự việc phân biệt, có thời gian phân biệt, có tội của năm chúng phân biệt, có trú xứ phân biệt, cho nên có nặng nhẹ khác biệt. Tuy nói dối là tội nhẹ nhưng huân tập lâu dài thì trở thành chồng chất, có thể làm mất tâm Bồ đề.

Chúng sinh phân biệt, là hạng tà kiến đoạn mất thiện căn, và hạng còn lại những phiền não sâu xa, đây là thuộc về tội nặng. Sự việc phân biệt, là nếu nói đến lỗi lầm của người và pháp, thì đây là tội phá Tăng.

Thời gian phân biệt là người xuất gia nói dối thì mắc lỗi nặng. Tội của năm chúng phân biệt, là như tội Ba-la-di và Tăng-già-bà-thi-sa thì

nặng. Trú xứ phân biệt là lúc ở trong Tăng tự mình nói dối như chứng ngộ, đó là tội nặng.

Không cung kính đối với thiện tri thức, là không sinh ra ý tưởng cung kính-sợ hãi-khó gặp. Người đã gây ra nhiều đối với bốn lỗi này, thì mất đi tâm Bồ đề.

Hỏi: Chỉ vì bốn lỗi này có thể làm mất đi tâm Bồ đề, hay còn có lỗi nào khác chăng?

Đáp:

Keo kiệt với pháp quan trọng nhất,
Ham mê theo pháp của Tiểu thừa,
Hủy báng đối với các Bồ tát,
Khinh chê những người tu pháp thiền.

Keo kiệt với những pháp trọng yếu, là thầy biết được nhiều nghĩa sâu kín khó biết, nhưng vì ham mê lợi dưỡng, tham đắm lợi dưỡng sợ học trò sẽ bằng mình, cho nên giữ bí mật chứ không nói ra.

Ham mê đối với pháp Tiểu thừa, là bởi vì không đạt được mùi vị của pháp Đại thừa, cho nên ham mê Nhị thừa. Chê bai hàng Bồ-tát, không có tội mà nói có tội, đó gọi là chê bai.

Nghĩa của Bồ tát trước đây đã nói: Người này không có lỗi lầm mà tùy tiện gán tội cho họ, nếu thật sự họ có tội mà bàn tán về tội lỗi ấy, thì điều này tuy có tội nhưng so với điều trước vẫn nhiều hơn. Tại vì sao? Bởi vì như kinh nói: "Các Bồ tát nếu thật sự có tội hay không có tội, thì cũng không nên bàn tán". Khinh chê người tu pháp thiền, là nếu tại gia hay xuất gia vì đoạn trừ các phiền não cho nên chịu khó thực hành tinh tiến, vì ngăn chặn tất cả phiền não quy tập các pháp hỗ trợ cho Phật đạo, người này hoặc không có sở trường bàn luận, hoặc không có tài năng biện giải, hoặc không có uy đức to lớn, người không có trí mà khinh chê họ, thì mắc tội nặng. Lại nữa, nếu đối với bậc thiện tri thức mà lòng dạ kết thành oán giận, cũng có tâm dua nịnh quanh co, tham lam các lợi dưỡng…, thì cũng mắt tội nặng. Nghĩa về thiện tri thức trước đây đã nói. Đối với người thuyết pháp giáo hóa như vậy mà sinh tâm oán giận, giống như oán giận cha mẹ thì mắc tội nặng. Dua nịnh là tâm nịnh bợ dụ dỗ. Quanh co là thân nghiệp và khẩu nghiệp có những việc làm để biểu hiện. Tham lam các lợi dưỡng, là tham đắm lợi lạc và tiếng khen. Bởi vì những lỗi này làm hỏng tâm chất trực, cho nên không có thể phát khởi thiện căn sâu sắc, như áo dính màu xấu xí thì không nhận thêm màu sắc đẹp hơn được.

Lại nữa:

Không hiểu rõ ràng những việc ma,
Làm cho tâm Bồ đề yếu kém,
Nghiệp chướng và pháp làm chướng ngại,
Cũng làm mất đi tâm Bồ đề.

Không phân rõ chuyện ma, là nếu không biết rõ chuyện ma thì không có khả năng chế ngự được chúng. Nếu không chế ngự chúng thì mất tâm Bồ-đề.

Hỏi: Những gì là chuyện ma?

Đáp: Lúc nói đến cần phải thực hành Bố thí-trì giới-nhẫn nhục-tinh tiến-thiền định-trí tuệ Ba-la-mật, và lúc nói đến nghĩa lý sâu xa thuộc về Đại thừa, thì không nhanh nhạy vui vẻ mà nói. Hoặc ưa nói đến những duyên tán loạn ở trong các sự việc khác. Hoặc viết chép, đọc tụng giải thích, bàn luận, nghe và tiếp nhận…, thì cao ngạo khinh mạn tự kiêu, tâm tư tán loạn, ý tưởng duyên theo điều khác, vọng niệm đùa cợt tranh luận chê bai lẫn nhau làm cho hai bên không hòa hợp, không thể nào không hiểu nghĩa lý chân thật, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, dấy lên nghĩ rằng: Mình ở trong chỗ này không có gì ghi nhận cả, mà làm cho tâm tư không thanh tịnh được, cũng không nói gì đến thành ấp-thôn xóm-nhà cửa nơi sinh sống của mình! Vì vậy cho nên không muốn nghe pháp, không cảm được ý vị liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi ra, bỏ các pháp Ba-la-mật đã nói về Đại thừa, và từ trong kinh của Thanh văn, Bích-chi-Phật để tự mình điều hòa suy tính mong cầu trí Tát-bà-nhã. Hoặc lúc viết chép, đọc tụng, giải thích, nghe và tin nhận…, ưa thích nói đến các loại sự việc khác, phá hủy làm cho Bát-nhã Ba-la-mật bị tan rã. Đó là nói đến những sự việc về xứ sở-quốc gia-thành ấp-thôn xóm, vườn rừng cây cối, chuyện thầy chuyện giặc, binh giáp-vũ khí, yêu ghét khổ vui, cha mẹ anh em, trai gái vợ con, áo quần ăn uống-đồ nằm thuốc thang và các vật dụng cung cấp cho cuộc sống, tâm tư bị tán loạn cho nên mất đi Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nói đến những sự việc tham-sân-si, kẻ thù người thân, giờ tốt giờ xấu, ca múa kỹ nhạc, buồn lo vui cười, kinh sách văn chương tán tụng, chuyện xưa của đời trước, chuyện của các hàng Đế vương quốc chúa, đất nước lửa gió, năm dục giàu sang và lợi dưỡng… của thế gian, làm cho tâm vui thích. Hoặc ma hóa làm hình tướng Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni, dùng nhân duyên trong kinh Thanh văn và Bích-chi-Phật làm cho đạt được mà nói lời như vậy: Ông nên tu tập học theo kinh này, hãy rời bỏ pháp đã tu tập trước kia. Người nghe pháp không còn vui vẻ nghe nhận,

người nói pháp thì tâm niệm buông lơi uể oải, đều có những lý do khác. Người nghe cần đến pháp mà người nói thì muốn đến nơi khác. Người nói vui vẻ nói pháp mà người nghe lại muốn đến nơi khác. Người nói có nhiều ham muốn tham đắm các lợi dưỡng, nhưng người nghe không có tâm giúp cho. Người nghe tâm tin tưởng ưa thích mong muốn nghe pháp, nhưng người nói không vui lòng để nói. Người nói vui lòng nói nhưng người nghe không thích. Hoặc có lúc nói về những khổ đau của địa ngục, chi bằng thân này hết khổ sớm đạt được Niết bàn là lợi ích nhất. Nói đến vô lượng khổ não của loài súc sinh, các loại tội lỗi của ngạ quỷ và A-tu-la, nói đến những đời kiếp sinh tử có nhiều tai họa buồn loa, làm cho người nghe đối với thân này mong sớm đạt được Niết-bàn là điều lợi ích nhất. Lại ca ngợi sự giàu sang vui sướng của thế gian, ca ngợi công đức phước thiện vui sướng của cõi Sắc-Vô sắc, người sinh trong chốn này chính là lợi ích to lớn. Ca ngợi về lợi ích công đức của quả Tu đà hoàn cho đến A-la-hán, làm cho người nghe đối với thân này mong cầu chứng được quả ấy, chính là lợi ích to lớn của mình.

Hoặc là người nói pháp vui thích đối với quyến thuộc, mà người nghe pháp không muốn thuận theo. Người nói pháp thì muốn đến quốc độ đói kém loạn lạc không yên ổn, nói với người nghe rằng: Nay ông không cần phải đi theo tôi đến các nước ấy? Thế rồi sinh tâm chán nản uể oải mà không đi theo. Người nói pháp coi trọng đối với đàn việt cho nên đi nhiều nơi để thăm hỏi, khiến cho người nghe pháp không được nghe nhận, ở trong pháp sâu xa sinh ra tâm lý nghi hoặc, điều này không phải là kinh pháp mà Chư Phật thuyết ra, điều mình đã nói chính là kinh pháp của Phật, nếu Bồ tát có thể thực hành pháp này thì nhất định chứng được thực tế của các pháp.

Các loại nhân duyên như vậy làm cho hai bên không hòa hợp, nên biết rằng những loại này đều là ma sự. Nói tóm lại, có chướng ngại đối với tất cả thiện pháp thì đều là ma sự.

Tâm Bồ đề yếu kém, là bởi vì các phiền não có sức mạnh cho nên tâm đạo yếu kém không còn có thế lực, chí nguyện đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vĩnh viễn lìa xa. Nghiệp chướng thì tuy là có đủ loại nghiệp chướng trong này nói đến loại có thể làm cho người cầu đại thừa bị thối chuyển, đó chính là pháp chướng ngại, tức là thích thực hành các pháp bất thiện, rời bỏ không-vô tướng-vô nguyện và các pháp sâu xa tuyệt diệu như các Ba-la-mật…

Bốn loại như vậy luôn luôn làm mất đi tâm Bồ đề.

Hứa cho Thầy mà lại lừa dối
Tội ấy thật vô cùng sâu nặng
Người không có nghi ngờ ân hận
Làm cho sinh nghi ngờ ân hận,
Người tin tưởng vui với Đại thừa,
Còn đem lòng giận dữ sâu nặng,
Trách mắng nói tiếng xấu cho họ,
Rêu rao lan truyền khắp mọi nơi,
Đối với những quan hệ cộng sự,
Trong tâm thường dua nịnh quanh co,
Bốn pháp ác bất thiện như vậy,
Thì làm mất đi tâm Bồ đề.

Hứa giúp cho thầy mà đưa đến, là vật bằng lòng giúp cho thầy, hoặc đã hứa-hoặc chưa hứa mà sau đó không cho. Nếu cho không đúng lúc, cho không đúng chỗ, cho không đúng như pháp, thì cách cho như vậy là cách cho của ngoại đạo và thế gian. Trong Phật pháp biết được kinh pháp là từ nơi thầy nếu vốn có tiền bạc của cải theo pháp cúng dường thì dùng để giúp cho thầy. Nếu không có gì để giúp thì không hề có lỗi, không có nghi ngờ ân hận mà khiến cho sinh tâm nghi ngờ ân hận, là người này thật sự không phá giới, có trạng thái của một lỗi nhỏ mà nói thành tội lớn, hoặc phá bỏ oai nghi của đời sống chính đáng, hoặc phá bỏ cách nhìn chính đáng, như vậy đều khiến cho họ sinh tâm nghi ngờ ân hận.

Oán giận người Đại thừa, là bao gồm Nhân thừa, Đại thừa, vô thượng, Như Lai thừa, đại nhân thừa, Nhất thiết trí nhân thừa, cho đến người mới phát tâm, ở giữa những người này sinh tâm vô cùng giận dữ mà mắng chửi gièm pha, nói tiếng xấu của họ làm cho lan truyền khắp nơi. Tâm dua nịnh quanh co đối với cọng sự, là đối với Hòa thượng A-xà-lê và các bậc thiện tri thức, không dùng tâm thẳng thắn để gần gũi, mà dùng tâm quanh co dua nịnh để học hỏi thực hành, thậm chí những người chưa từng quen biết cũng thể hiện dua nịnh quanh co với họ. Bốn pháp ác bất thiện, là những pháp cấu uế bất tịnh, có năng lực làm mất đi tâm Bồ đề Như nói:

Chuyển đổi hai mươi loại pháp này
Đời đời gắng sức khéo tu hành,
Như vậy thì không làm mất đi,
Tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hai mươi pháp này làm mất tâm Bồ-đề, nếu biết chuyển đổi pháp này để tu tập thực hành thì đời không quên mất tâm Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác. Chuyển đổi hai mươi pháp trên, là đem tâm cung kính pháp, phá tan tâm ngạo mạn, xa lìa nói dối, tôn trọng sâu xa đối với các bậc thiện tri thức. Ngoài ra những điều khác cũng nên biết như vậy.

Hỏi: Những pháp nào làm cho nguyện Bồ-đề đời đời được tăng trưởng, và trong đời sau còn có thể tiếp tục phát Đại nguyện?

Đáp:

Thậm chí mất đi cả thân mạng,
Mất ngôi vị Chuyển luân Thánh vương,
Như vậy, hãy còn không thuận theo,
Nói dối và dua nịnh quanh co.
Có thể khiến cho các thế gian,
Tất cả các chủng loại chúng sinh,
Đối với hết thảy các Bồ tát,
Mà phát sinh tâm niệm cung kính.
Nếu có người có thể thực hành,
Tất cả mọi pháp thiện như vậy,
Thì đời đời luôn được tăng trưởng,
Hạnh nguyện của Vô thượng Bồ đề.

Bồ-tát dùng những pháp này, đời đời tăng trưởng nguyện Bồ-đề của mình, và trong đời sau có năng lực phát sinh đại nguyện thanh tịnh. Nếu nói thật mà chết, dù mất ngôi vị Chuyển luân Thánh vương và mất địa vị vua trời, thì cũng vẫn nói thật chứ không bao giờ nói dối, huống là nói dối vì một chuyện nhỏ.

Đối với bà con và người ngoài, cũng từ bỏ tâm lý dua nịnh quanh co. Lại nữa, từ khi mới phát tâm cho đến nay, sinh lòng cung kính đối với hết thảy Bồ-tát, tôn trọng ca ngợi các vị ấy như Phật không khác, cũng nên tùy năng lực mà khiến cho an trú trong pháp Đại thừa.

Phẩm 8: A. DUY VIỆT TRÍ (BẤT THOÁI CHUYỂN)

Hỏi: Các Bồ-tát này có hai hạng:

1. Duy việt trí.
2. A duy việt trí.

Nên nói rõ về tướng ấy là Duy việt trí hay A duy việt trí?

Đáp:

Tâm bình đẳng đối với chúng sinh,
Không ganh với lợi dưỡng của người,
Thậm chí mất đi cả thân mạng,
Cũng không nói lỗi của pháp sư,
Tin tưởng vui với pháp thâm diệu,
Không tham đối với sự cung kính,
Đầy đủ tất cả năm pháp này,
Chính là bậc A duy việt trí.

Tâm bình đẳng đối với chúng sinh, chúng sinh là chúng sinh trong sáu đường, đối với chủng loại thượng-trung-hạ thì tâm đều đối xử như nhau, đó gọi là A duy việt trí.

Hỏi: Như nói đối với chư Phật và Bồ-tát nên sinh tâm cung kính bậc nhất, còn lại thì không như vậy. Lại nói thân cận Chư Phật và Bồ-tát mà cung kính cúng dường, còn lại cũng không như vậy. Tại sao nói đối với hết thảy chúng sinh, tâm bình đẳng không khác nhau?

Đáp: Mỗi câu nói đều có nghĩa khác nhau không nên nghi ngờ chất vấn.

Tâm bình đẳng đối với chúng sinh, nghĩa là nếu có chúng sinh nhìn Bồ-tát như kẻ oán thù, có chúng sinh nhìn Bồ-tát như cha mẹ, có chúng sinh nhìn Bồ-tát như người bậc trung. Ở trong ba hạng chúng sinh này, tâm Bồ-tát luôn đối xử bình đẳng với họ , đều làm ích lợi cho họ, bởi vì muốn cứu vớt hết thảy, cho nên Bồ-tát không có tâm khác nhau đối với bất cứ ai. Vì vậy, ông không nên cố sức chất vấn.

Không ganh tị lợi dưỡng của kẻ khác, là nếu người khác có được y phục, ngọa cụ, thuốc men, ăn uống, phòng nhà, sản nghiệp, của tiền, vàng bạc, châu báu, xóm làng, quốc gia, thành thị, nam nữ ... thì đối với người được bố thí như vậy không sinh tâm ganh tị, cũng không ôm lòng oán hận, mà tâm phải mừng vui cho họ.

Không nói lỗi của pháp sư, là nếu có người nói: Nên tu theo pháp Đại thừa Không-Vô tướng-Vô tác, hoặc sáu pháp Ba-la-mật, hoặc bốn xứ sở của công đức, hoặc các pháp Đại thừa của mười địa Bồ-tát, thì thậm chí chỉ gặp nhân duyên mất mạng, mà cũng không nói ra lỗi lầm của họ huống là gán thêm chuyện ác cho họ.

Tin và vui với pháp vi diệu sâu xa, pháp sâu xa là Không-Vô tướng-Vô nguyện và những kinh sâu xa như Bát Nhã Ba La Mật, Bồ Tát Tạng ... Đối với những pháp này, một lòng tin, và vui thích không có gì nghi hoặc, ở trong những việc khác thì không ưa thích như vậy, bởi vì từ trong kinh sâu xa cảm được pháp vi tuyệt vời.

Không tham đối với sự cung kính, là khi đã thông suốt thật tướng của mọi pháp thì đối với chuyện khen-chê-lợi hay không lợi, đều không có gì khác nhau.

Đầy đủ năm pháp này như nói ở đoạn trên. Không thối chuyển-không lười nhác bỏ dở đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì gọi là A duy việt trí. Trái với điều này thì gọi là Duy việt trí. Bồ-tát Duy việt trí có hai hạng: Hoặc là hạng bại hoại, hoặc là hạng chuyển biến dần dần để tiến đến đạt được A duy việt trí.

Hỏi: Đã nói đến hạnh bại hoại thì tướng trạng ấy như thế nào? Đáp:

Nếu không có chí hướng tài năng,
Thường ham thích với pháp thấp kém,
Đắm say trong danh tiếng lợi dưỡng,
Tâm tư không chất trực rõ ràng,
Keo kiệt giữ gìn nhà người ta,
Không tin tưởng vui với pháp không,
Chỉ coi trọng đối với ngôn thuyết,
Đây gọi là tướng trạng bại hoại.

Không có chí hướng tài năng là diện mạo không có thần sắc, oai đức mỏng manh yếu kém.

Hỏi: Không dùng đến thân tướng uy đức là tướng của A duy việt trí, mà nói như vậy là có nghĩa gì vậy?

Đáp: Nói có ở đây có nghĩa là không nên dẫn đến nghi ngờ, tôi nói bên trong có công đức cho nên thân tướng có uy đức, chứ không phải chỉ nói đến sắc thân diện mạo đoan chánh mà thôi. Chí hướng tài năng có nghĩa là thế lực của uy đức. Nếu có người có thể tu tập thiện pháp trừ diệt ác pháp, ở trong sự việc này có năng lực thực hành thì gọi là chí hướng tài năng. Tuy rằng thân tướng như Thiên vương, sáng ngời như mặt trăng-mặt trời, nhưng nếu không có năng lực tu tập thiện pháp trừ diệt ác pháp, thì cũng gọi là hạng không có chí hướng tài năng. Dù cho sắc thân xấu xí, hình hài giống như ngạ quỷ nhưng có thể tu tập thiện pháp trừ diệt ác pháp, thì đó chính

là hạng có chí hướng tài năng vậy. Vì thế ông chất vấn không thích hợp.

Ham thích với pháp thấp kém, là ngoại trừ Phật thừa thì các thừa khác so với Phật thừa đều là nhỏ bé thấp kém không sánh bằng được, cho nên gọi là thấp kém, chứ không phải là vì xấu ác. Những việc ác khác cũng gọi là thấp kém. Những pháp mà hàng nhị thừa đạt được so với Phật là thấp kém hơn mà thôi, đều là xuất thế gian tiến vào vô dư Niết bàn cho nên không gọi là xấu ác. Vì vậy nếu như người nào xa lìa Phật thừa mà tin và vui với Nhị thừa, thì đó là vui thích với pháp thấp kém. Người này tuy thích sự việc cao xa, nhưng bởi vì tin và vui với Nhị thừa rời xa Đại thừa, cho nên cũng gọi là vui thích với pháp thấp kém.

Vả lại, thấp kém gọi là việc xấu ác, đó gọi là năm dục và đoạn kiến-thường kiến cùng sáu mươi hai kiến chấp mà ngoại đạo luận bàn, tất cả đều làm cho sinh tử tăng thêm, thì gọi là pháp thấp kém. Thực hành theo pháp này cho nên gọi là vui thích với pháp thấp kém.

Đắm say trong danh lợi, là ở trong sự ca ngợi cúng dường tài lợi bố thí, tâm niệm luôn luôn vướng mắc gắng sức tìm mọi cách để có được, bởi vì không cảm được pháp vị thanh tịnh cho nên tham lam ưa thích những điều này. Tâm không chất trực rõ ràng, là tánh tình dua nịnh quanh co thích làm những chuyện lừa dối. Keo kiệt giữ gìn nhà người ta, là người thuận theo những nhà mà mình đi vào, thấy có người khác được lợi dưỡng cung kính ca ngợi, thì sinh lòng ganh tỵ buồn rầu không vui. Tâm không thanh tịnh bởi vì chấp Ngã sâu nặng, tham đắm lợi dưỡng mà sinh tâm ganh ghét oán hận chê bai đàn việt.

Không tin tưởng vui với pháp không, là Chư Phật thuyết về ba loại pháp không, đó gọi là ba giải thoát môn. Đối với những pháp không này, không tin tưởng-không ưa thích-không lấy làm quý trọng, bởi vì tâm tư không thông hiểu. Chỉ coi trọng ngôn thuyết, là chỉ ưa thích ngôn từ hoa mỹ chứ không có thể đúng như giáo thuyết mà tu hành, chỉ có nói suông chứ không có thể tin hiểu các pháp để cảm được pháp vi diệu kỳ ấy. Đây gọi là tướng trạng của hạng bại hoại.

Nếu người phát tâm Bồ đề, có những tướng trạng như vậy, thì nên biết là hạng Bồ tát bại hoại. Bại hoại có nghĩa là không điều thuận, vì như con ngựa tồi tệ nhất thì gọi là bại hoại, chỉ có tên gọi của ngựa chứ không có tác dụng của ngựa. Bồ tát hạng bại hoại cũng như vậy, chỉ có tên gọi trống rỗng chứ không có công hạnh thật sự. Nếu người nào không muốn làm Bồ tát hạng bại hoại, thì nên loại trừ ác pháp thuận theo pháp mà

nhận được tên gọi.

Hỏi: Ông nói ở trong phần vị Duy việt trí, có hai hạng Bồ tát, một là Bồ tát bại hoại, hai là dần dần tinh tiến về sau đạt được phần vị A duy việt trí. Bồ tát hạng bại hoại đã giải thích hạng dần dần tinh tiến về sau đạt được phần vị A duy việt trí, nay có thể giải thích chăng?

Đáp:

Bồ tát không chấp trước với Ngã,
Cũng không chấp trước với chúng sinh,
Nói pháp không có gì phân biệt
Cũng không chấp trước với Bồ đề,
Không dùng hình tướng để thấy Phật,
Dùng năm công đức diệu kỳ này,
Được gọi là bậc Đại Bồ tát,
Thành tựu bậc A duy việt trí.

Bồ tát thực hành năm công đức này, thẳng đến phần vị A duy việt trí. Không chấp trước với Ngã, là lìa khỏi sự đắm trước đối với Ngã. Bồ tát này từ trong năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới nội ngoại cầu tìm Ngã không thể nào có được, dấy lên nghĩ như vậy:

Nếu như năm ấm thật là Ngã,
Thì Ngã chính là tướng sinh diệt,
Tại sao hướng về để cảm thọ,
Mà ngay nơi ấy có cảm thọ?
Nếu như tách khỏi ấm có Ngã,
Thì ngoài ấm phải đạt được Ngã,
Tại sao hướng về để cảm thọ,
Mà sai khác đối với cảm thọ?
Nếu như Ngã là có năm ấm,
Thì Ngã tức là lìa năm ấm,
Giống như thế gian vẫn thường nói,
Trâu khác với người chủ của trâu.
Bởi vì vật khác cùng hợp lại,
Cho nên điều này gọi là có,
Vì vậy Ngã có đủ năm ấm,
Ngã chính là khác với năm ấm.
Nếu như trong năm ấm có Ngã,
Giống như trong căn phòng có người,

Giống như người nằm ở trên giường,
Ngã thuận theo khác biệt với ấm.
Nếu như trong Ngã có năm ấm,
Giống như trong đĩa có trái cây,
Giống như trong sữa có ruồi nhặng,
Thì ấm khác biệt đối với Ngã,
Như có thể đúng mà không đúng,
Không tách rời đúng-có thể đúng,
Đúng không có gì có thể đúng,
Trong đúng-có thể đúng không có.
Ngã chẳng phải ấm-xa lìa ấm,
Ngã cũng không hề có năm ấm,
Trong năm ấm không hề có Ngã,
Trong ngã không hề có năm ấm.
Như vậy tất cả mọi nhiễm trước,
Đều là phiền não trong phiền não,
Tất cả các loại như bình-áo,
Đều cần phải biết đúng như vậy.
Nếu nói Ngã chắc chắn là có,
Và tướng sai khác của các pháp,
Nên biết rằng hạng người như vậy,
Không cảm được pháp vị của Phật.

Bồ tát tư duy như vậy liền tách rời Ngã kiến, bởi vì lìa xa Ngã kiến thì không chấp trước vào Ngã. Không chấp trước chúng sinh, chúng sinh gọi là khác với Bồ tát. Lìa xa tham chấp kiến cho nên dấy lên ý niệm như vậy: Nếu người khác thật sự có Ngã, thì người ấy có thể làm nhân khác mà có Ngã, bởi vì người ấy là nhân khác, mà thật sự cầu Ngã thì không thể nào có được, người ấy cũng không thể nào có được, cho nên không có người ấy cũng không có ngã. Vì vậy Bồ tát cũng không chấp trước nơi ấy.

Thuyết pháp không phân biệt, là bởi vì Bồ tát này tin hiểu tất cả các pháp vốn không hai, vốn không hề sai biệt, vốn là một tướng cho nên dấy lên ý niệm như vậy: Tất cả các pháp đều do sự nhớ nghĩ tà vạy phân biệt sinh ra, hoàn toàn hư vọng không thật. Bồ tát này diệt hết các phân biệt, không còn những phiền não làm cho suy sụp, lập tức tiến vào pháp nhân duyên của Đệ nhất nghĩa vô thượng mà không thuận theo trí tuệ nào khác.

Thật tánh thì chẳng phải là có,

Lại cũng chẳng là không có,
Chẳng phải là cũng có-cũng không,
Chẳng phải là không có-không không.
Cũng chẳng phải là có văn tự,
Cũng không tách ra khỏi văn tự,
Nghĩa lý chân thật là như vậy,
Chung quy không thể diễn tả được.
Nói là ngôn ngữ có thể nói,
Ngôn ngữ đều là tướng tịch diệt,
Nếu như tánh là tướng tịch diệt,
Chẳng phải có cũng chẳng phải không.
Vì muốn diễn tả sự việc gì,
Dùng ngôn ngữ nào để diễn tả,
Làm thế nào người có trí tuệ,
Lại cùng với ngôn ngữ nói chăng?
Nếu như tánh các pháp là không,
Thì các pháp không hề có tánh,
Thuận theo dùng không của pháp nào,
Là pháp không thể diễn tả được?
Không đạt được-không có ngôn thuyết,
Mượn ngôn từ để diễn tả không,
Thật nghĩa cũng chẳng phải là không,
Lại cũng chẳng phải là không không.
Cũng chẳng phải không-chẳng không không,
Chẳng phải là chẳng không-không không,
Chẳng phải hư cũng chẳng phải thật,
Chẳng phải nói-chẳng phải không nói.
Mà thật ra không gì vốn có,
Cũng chẳng phải là không vốn có,
Vậy thì tất cả đều rời bỏ,
Những phân biệt chấp trước vốn có.
Nhân cùng với từ nhân sinh ra,
Tất cả các pháp đều như vậy,
Đều là tướng tịch diệt thật sự,
Không chọn lấy cũng không rời bỏ.
Không có tro áo giặt không sạch,
Tro cũng trở lại làm bẩn áo,

Không ngôn từ không nói sự thật,
Có ngôn thuyết thì có lỗi lầm.

Bồ tát quán xét tin hiểu thông suốt như vậy, cho nên ở trong sự thuyết pháp không có gì phân biệt. Không chấp trước vào Bồ đề là bởi vì Bồ tát này tin hiểu về pháp không, như Bồ đề của phàm phu chấp trước, không chấp trước như vậy cho nên dấy lên ý niệm này:

Phật không chấp trước với Bồ đề,
Không phải Phật cũng không chấp trước,
Các quả vị cùng với pháp khác,
Tất cả cũng hoàn toàn như vậy.
Có Phật thì sẽ có Bồ đề,
Chấp vào Phật tức là thường kiến,
Không có Phật-không có Bồ đề,
Không chấp trước tức là đoạn diệt.
Tách rời Phật không có Bồ đề,
Tách rời Bồ đề không có Phật,
Nếu như một-khác không thành tựu,
Thì làm sao có được hòa hợp?
Hết thảy các pháp trên thế gian,
Vì sai khác mà có hòa hợp,
Bồ đề không khác biệt với Phật,
Vì vậy cả hai không hòa hợp.
Phật cùng với Bồ đề pháp vị,
Sai khác như nhau đều không thành,
Tách rời hai lại không có ba,
Làm sao mà có thể thành tựu?
Vì vậy cho nên Phật tịch diệt,
Bồ đề cũng luôn luôn tịch diệt,
Bởi vì cả hai đều tịch diệt,
Cho nên tất cả đều tịch diệt.

Không dùng hình tướng để thấy Phật, là Bồ tát tin hiểu thông suốt về pháp là vô tướng, cho nên dấy lên suy nghĩ như vậy.

Nếu như tất cả không có tướng,
Thì tất cả vốn là có tướng,
Tịch diệt hoàn toàn không có tướng,
Ngay nơi tịch diệt là có tướng.

Nếu quán các pháp không có tướng,
Không có tướng chính nó là tướng,
Nếu như nói tu không có tướng,
Thì chẳng phải tu không có tướng.
Nếu như xả bỏ những tham trước,
Theo đó gọi là không có tướng,
Giữ lấy tướng xả bỏ tham trước,
Thì trở thành không còn giải thoát.
Tất cả bởi vì có giữ lấy,
Vì giữ lấy mà có rời bỏ,
Ai giữ lấy-giữ lấy điều gì,
Dựa vào tên gọi để rời bỏ.
Do giữ lấy mà cần giữ lấy,
Cùng với pháp có thể giữ lấy,
Cùng lìa bỏ và cùng không có,
Như vậy điều gọi là tịch diệt.
Nếu pháp dựa vào nhau thành tựu,
Thì pháp chính là không có tánh,
Nếu như tánh của pháp không có,
Thì tánh này không hề có tướng,
Nếu như pháp không hề có tánh,
Thì pháp này không hề có tướng,
Làm sao nói là không có tánh,
Bởi vì tánh này không có tướng?
Nếu như sử dụng có và không,
Cũng ngăn chặn cũng nên thuận theo,
Tuy nói mà tâm không chấp trước,
Vậy thì không có gì sai lầm.
Nơi nào trước đã từng có pháp,
Mà về sau không thể hoại diệt,
Nơi nào trước đã có như vậy,
Mà về sau lại có diệt đi?
Đã có tướng tịch diệt như vậy,
Cùng với không có tướng tịch diệt,
Vì vậy cho nên nói tịch diệt,
Và nói về tánh-tướng tịch diệt .
Trước cũng chẳng phải là tịch diệt,

Cũng chẳng phải là không tịch diệt,
Cũng chẳng tịch diệt-không tịch diệt,
Lìa chẳng tịch diệt-không tịch diệt.

Bồ tát này thông đạt về tuệ vô tướng như vậy không có gì nghi ngờ ân hận, không dùng sắc tướng để thấy Phật, không dùng thọ-tưởng-hành-thức để thấy Phật.

Hỏi: Vì sao không dùng sắc tướng để thấy Phật, không dùng tướng của thọ-tưởng-hành-thức để thấy Phật?

Đáp: Chẳng phải sắc là Phật, chẳng phải thọ-tưởng-hành-thức là Phật; chẳng phải lìa sắc mà có Phật, chẳng phải lìa thọ-tưởng-hành-thức mà có Phật; chẳng phải Phật có sắc, chẳng phải Phật có thọ-tưởng-hành-thức; chẳng phải trong sắc có Phật, chẳng phải trong thọ-tưởng-hành-thức có Phật; chẳng phải trong Phật có sắc, chẳng phải trong Phật có thọ-tưởng-hành-thức. Bồ tát ở trong năm loại này không giữ lấy tướng, cho nên đến được phần vị duy việt trí.

Hỏi: Đã biết được pháp này là phần vị duy việt trí, vậy thì A duy việt trí có tướng mạo thế nào?

Đáp: Bát nhã đã giải thích rộng ra, tướng mạo của A duy việt trí.

Nếu Bồ tát quán xét phàm phu địa Thanh văn địa, Bích-chi-Phật địa và Phật địa, không hai-không phân biệt không có gì nghi ngờ ân hận, thì nên biết rằng đây là phần A duy việt trí. Có những ngôn từ diễn tả đều có lợi ích, không quán xét về ưu khuyết tốt xấu của người khác, không mong cầu có được những ngôn từ diễn tả của Sa môn ngoại đạo, điều gì nên biết thì biết-nên thấy thì thấy, không thì cúng lễ lạy các trời, không dùng hoa hương phan cái để cúng dường, không tôn thờ thuận theo thầy khác, không rơi vào đường ác, không nhận chịu thân nữ, thường tự mình tu tập mười thiện đạo, cũng dạy bảo người khác khiến họ thực hành, thường dùng thiện pháp chỉ bày nêu rõ về lợi ích hoan hỷ, thậm chí trong mộng cũng không rời bỏ mười thiện đạo. Không làm mười nghiệp đạo bất thiện, do nghiệp thân-miệng-ý mà gieo trồng thiện căn, đều làm an lạc độ thoát cho chúng sinh. Quả báo mình đạt được giúp cho chúng sinh cùng hưởng. Nếu nghe pháp sâu xa thì không sinh tâm nghi ngờ hối hận ít nói năng mà chỉ nói lời lợi ích an lành-lời hài hòa vui vẻ-lời mềm mỏng dịu dàng. Ít ngủ nghỉ, đi lại ra vào tâm không hề tán loạn, oai nghi nghiêm túc-nhớ nghĩ kiên cố. Thân không có các loại sâu bọ truyền bệnh, áo quần-đồ nằm sạch sẽ không dơ bẩn. Thân tâm thanh tịnh an nhàn vắng lặng ít điều rối

rắm. Tâm không dua nịnh quanh co, không ôm lòng tham tiếc ganh ghét. Không coi trọng lợi dưỡng-áo quần-ăn uống-đồ nằm-thuốc thang và các vật dụng cung cấp cho đời sống. Ở trong pháp sâu xa không hề có sự tranh chấp, nhất tâm nghe pháp thường mong muốn các pháp ở ngay trước mắt. Dùng phước đức này làm cho đầy đủ các pháp Ba-la-mật. Đối với các kỹ thuật và những điều thù thắng tuyệt vời của thế gian, quán xét tất cả các pháp đều thuận với pháp tánh. Thậm chí ác ma biến hóa hiện rõ tám địa ngục lớn, hóa làm Bồ tát mà nói lời như vậy: Nếu ông không rời bỏ tâm Bồ đề thì sẽ sinh vào trong này. Trông thấy cảnh giới hãi hùng ấy mà tâm vẫn không rời bỏ. Ác ma lại nói: Kinh Ma-ha-diễn không phải do Phật thuyết ra. Lúc nghe lời nói này nhưng tâm không có gì đổi khác, thường dựa vào pháp tướng chứ không thuận theo điều gì khác. Đối với sinh tử đầy khổ não nhưng không có kinh sợ, nghe có Bồ tát trải qua A-tăng-kỳ kiếp tu tập thiện căn mà phải thối chuyển, nhưng tâm không hề mất đi. Lại nghe Bồ tát lui lại trở thành A-la-hán đạt được các thiền định, thuyết pháp cứu độ chúng sinh mà tâm cũng không rời bỏ, thường có năng lực hiểu biết tất cả các việc ma. Hoặc nghe đến Tát-bà-nhã không, mười địa của Đại thừa cũng không, khả năng hóa độ chúng sinh cũng không, các pháp không hề có cũng như hư không. hoặc nghe những điều mê hoặc

tán loạn tâm tư như vậy, muốn làm cho thối chuyển chán ngán mệt mỏi uể oải bỏ dở, nhưng mà Bồ tát này càng thêm tinh tiến thực hành Từ Bi sâu sắc. Ý dường như muốn tiến vào Sơ thiền-Nhị thiền-tam thiền-Tứ thiền mà không thuận theo thiền sinh ra, vẫn khởi lên pháp của cõi Dục, phá trừ kiêu mạn không coi trọng sự ca ngợi, tâm không còn sân giận ngu si. Nếu sống đời tại gia thì không nhiễm trước năm dục lạc, dùng tâm chán ngán lìa xa tiếp nhận giống như bệnh phải uống thuốc. Không dùng tà mạng để nuôi sống mình, không vì nhân duyên sinh sống của mình mà làm não loạn đối với người khác, chỉ làm cho chúng sinh được an lạc mà sống tại nhà thế gian. Thiện thần Kim Cang Mật Tích thường đi theo hầu hạ bảo vệ, người và loài Phi nhân không có thể làm cho hủy hoại tán loạn được. Các đăn đầy đủ không có gì thiếu sót, không làm bùa chú-thuốc độc để khống chế người-làm hại vật, không thích tranh đấu, không tự đề cao mình, không khinh thường người khác. Không xem tướng lành dữ, không thích nói đến nhiều chuyện, đó là những chuyện về vua chúa-quan quyền-dân chúng-phạm vi đất nước, vũ khí-chiến tranh-áo quần-vật dụng-rượu uống cơm ăn, chuyện về người nữ-chuyện đời xa xưa-chuyện trong biển rộng. Những chuyện như

vậy đều không thích nói. Không đến chỗ xem-nghe ca nhi múa hát trổ tài âm nhạc, chỉ thích nói thuận theo nghĩa lý của các pháp Ba-la-mật. Thích nói thuận theo các pháp Ba-la-mật khiến cho được tăng thêm lợi ích, xa lìa những nơi tranh cãi đấu đá, thường nguyện được thấy Phật. Nghe phương khác hiện tại có Phật thì nguyện được vãng sinh về nơi ấy. Thường sinh chốn trung tâm của đất nước, hoàn toàn không tự nghi ngờ mình là A duy việt trí hay không phải là A duy việt trí. Quyết định tự biết mình là A duy việt trí. Các loại việc ma thì hiểu rõ ràng mà không thuận theo. Thậm chí chuyển đổi thân khác mà không sinh tâm thuộc Thanh văn và Bích-chi-Phật. Ngay cả ác Ma hiện làm thân Phật, nói cho biết rằng: Ông nên chứng A-la-hán, nay Ta sẽ thuyết pháp cho ông. Dù cho ở trong pháp này thành tựu A-la-hán, nhưng cũng không tin nhận, bởi vì hộ pháp cho nên không tiếc thân mạng mà thường thực hành tinh tiến. Nếu lúc thuyết pháp thì không có nghi ngờ thắc mắc gì, không có gì thiếu sót mất mát. Những sự việc như vậy gọi là tướng mạo của A duy việt trí. Người có năng lực thành tựu tướng mạo này, thì nên biết rằng đây là bậc A duy việt trí. Hoặc có người chưa đầy đủ tướng mạo ấy, thì làm sao để người này không bao lâu tiến vào được phần vị A duy việt trí? Người này thuận theo các địa sau mà tu tập thiện căn, thuận theo thiện căn chuyển sang sâu xa, thì đạt được tướng mạo của bậc A duy việt trí.

-oOo-

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 5

Phẩm 9: DỊ HÀNH

Hỏi: Những việc ban đầu của Bồ-tát A duy việt trí này, như trước đã nói. Muốn đến được phần vị A duy việt trí này, thì thực hành những hạnh khó làm trải qua lâu dài mới có thể được. Hoặc rơi vào Thanh văn địa và Bích-chi-Phật địa, nếu như vậy thì đó là tai họa lớn, như trong pháp Trợ Đạo giải thích:

Nếu như rơi vào Thanh văn địa,
Và rơi vào Bích-chi-Phật địa,
Thì gọi là Bồ tát vô cảm,
Bởi mất đi tất cả lợi ích.
Nếu như rơi vào chốn địa ngục,
Không sinh ra sợ hãi như vậy,
Nếu như rơi vào Nhị thừa địa,
Thì trở thành sợ hãi vô cùng,
Rơi vào trong địa ngục khổ đau,
Cuối cùng có thể đến Phật địa,
Nếu như rơi vào Nhị thừa địa,
Cuối cùng trở ngại cho Phật đạo,
Đức Phật tự mình ở trong kinh,
Giải thích rõ sự việc như vậy,
Như con người ham được mạng sống,
Nghe chém đầu thì rất kinh hãi.
Tâm niệm Bồ tát cũng như vậy,
Nếu như rơi vào Thanh văn địa,
Và rơi vào Bích-chi-Phật địa,
Thì sinh lòng sợ hãi vô cùng.

Vì vậy, như Chư Phật đã nói có nhiều phương tiện dễ dàng hành đạo nhanh chóng đến được phần vị A duy việt trí, mong nói cho nghe về điều

ấy!

Đáp: Như ông đã nói đều là hạng khiếp nhược yếu hèn không có tâm Đại thừa, không phải là lời nói của bậc trượng phu có ý chí kiên cường. Tại vì sao? Bởi vì nếu người phát nguyện mong cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chưa đạt được phần vị A duy việt trí, ở trong thời gian ấy thuận theo không tiếc thân mạng, ngày đêm tinh tiến như cứu lửa cháy đầu. Như trong pháp trợ đạo giải thích:

Bồ tát chưa có thể đến được,
Phần vị của A duy việt trí,
Nên luôn luôn cần cù tinh tiến,
Giống như cứu lửa cháy trên đầu.
Gách vác mọi gánh nặng lâu dài,
Bởi vì cầu thành tựu Bồ đề,
Luôn luôn phải chịu khó tinh tiến,
Không sinh tâm uể oải buông lơi.
Nếu người mong cầu Thanh văn thừa,
Và mong cầu Bích-chi-Phật thừa,
Chỉ vì thành tựu lợi ích mình,
Vẫn thường phải chịu khó tinh tiến.
Huống là đối với hàng Bồ tát,
Tự độ mình cũng độ cho người,
So với người Nhị thừa như vậy,
Cần phải tinh tiến gấp muôn lần.

Người thực hành Đại thừa thì Đức Phật nói như vậy. Phát nguyện mong cầu Phật đạo, nặng nề hơn đưa cao cả ba ngàn Đại thiên thế giới. Ông nói phần vị A duy việt trí là pháp rất khó phải trải qua lâu dài mới có thể đạt được. Nếu có phương tiện dễ dàng hành đạo, nhanh chóng đến được phần vị A duy việt trí, thì đó chính là lời nói dàng cho hạng khiếp nhược kém cỏi, không phải là nói cho bậc Đại nhân có chí hướng kiên cường. Nếu như ông nhất định muốn nghe về phương tiện này thì nay tôi sẽ nói. Phật pháp có vô lượng pháp môn, như đường đi ở thế gian có khó có dễ, đường bộ phải đi bộ thì vất vả, đường thủy ngồi thuyền thì vui thú hơn. Đạo của Bồ tát cũng như vậy, hoặc có pháp chịu khó thực hành tinh tiến, hoặc có pháp dùng niềm tin làm phương tiện dễ dàng thực hành nhanh chóng đến được phần vị A duy việt trí. Như kệ nói:

Đông phương có Đức Phật Thiện Đức,

Nam phương Đức Phật Chiên đàn đức,
Tây phương Đức Phật Vô Lượng Minh,
Bắc phương là Đức Phật Tướng Đức,
Đông nam Đức Phật Vô Ưu Đức,
Tây nam là Đức Phật Bảo Thí,
Tây bắc là Đức Phật Hoa Đức,
Đông bắc Đức Phật Tam Thừa Hạnh,
Hạ phương là Đức Phật Minh Đức,
Thượng phương Đức Phật Quảng chúng Đức.
Hết thảy các Thế tôn như vậy,
Nay hiện tại khắp nơi mười phương,
Nếu người muốn nhanh chóng đến được,
Phần vị của bậc Bất thối chuyển,
Cần phải đem tâm thành cung kính,
Chấp trì xưng niệm danh hiệu Phật.

Nếu Bồ tát muốn ngay thân này đến được phần vị A duy việt trí thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên nghĩ đến Chư Phật mười phương và xưng niệm danh hiệu của Chư Phật. Như trong phẩm A duy việt trí của kinh Bảo Nguyệt Đông Tử Sở Vấn, nói: "Đức Phật bảo với Bảo Nguyệt: Phương Đông cách đây trải qua vô lượng vô biên cõi Phật nhiều như cát sông Hằng không thể nghĩ bàn được, có thế giới tên gọi Vô Ưu, cõi ấy bằng phẳng do bảy báu hợp thành, dây vàng Tử ma đan xen giăng dọc giới hạn đường đi, cây báu xếp thành hàng đều đặn để làm trang nghiêm, không có địa ngục-súc sinh-ngạ quỷ A-la-hán và những nơi hiểm nạn, thanh tịnh không có dơ bẩn, không có cát sỏi gạch đá-núi đồi gà nổng-hố sâu hang tối, trời thường mưa hoa để rải khắp mặt đất.

Vào thời ấy có Đức Phật danh hiệu Thiện Đức Như Lai-Ứng Cúng-Chánh Biến Tri-Minh Hạnh Túc-Thiện Thệ-Thế Gian Giải-Vô Thượng Sĩ-Điều Ngự Trượng Phu-Thiên Nhân Sư-Phật Thế Tôn, chúng Đại Bồ tát cung kính vây tròn xung quanh, thân tướng sáng ngời như núi vàng to lớn-như kho tàng châu báu to lớn tỏa ánh sáng rực rỡ, vì các Đại chúng thuyết giảng rộng về chánh pháp, pháp thiện đầu-giữa-sau đều có ngôn từ-có nghĩa lý. Pháp đã thuyết đầy đủ không lẫn tạp, thanh tịnh như thật không sai lạc. Sao gọi là không sai lạc? Đó là không sai lạc đối với đất-nước-lửa-gió; không sai lạc đối với cõi Dục-cõi Sắc-cõi Vô sắc; không sai lạc đối với sắc-thọ-tưởng-hành-thức. Này Bảo Nguyệt! Đức Phật này thành đạo đến

nay trải qua sáu mươi ức kiếp. Lại nữa, cõi Phật ấy

ngày đêm không khác nhau, chỉ dùng số lượng ngày tháng năm ở cõi Diêm-phù-đề này để nói đến kiếp thọ của cõi ấy. Ánh sáng của Đức Phật thường soi chiếu thế giới. Vào mỗi lần thuyết pháp khiến cho vô lượng vô biên ngàn vạn ức A-tăng-kỳ chúng sinh trú trong vô sinh pháp nhẫn, gấp bội số người như vậy được trú trong Nhẫn thứ Nhất-Nhẫn thứ hai-Nhẫn thứ ba. Này Bảo Nguyệt! Đức Phật ấy vốn có nguyện lực, nếu có chúng sinh ở phương khác, ở trước Phật mà gieo trồng các thiện căn, thì Phật chỉ dùng ánh sáng tiếp xúc trên thân, liền đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Này Bảo Nguyệt! Nếu người thiện nam-người thiện nữ nào nghe danh hiệu Đức Phật này mà tự mình tin nhận, thì không lui sụt đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sự việc về chín Đức Phật còn lại cũng đều như vậy".

Nay sẽ giải thích về danh hiệu của Chư Phật và danh hiệu của cõi Phật.

Thiện Đức: Đức hạnh thuần thiện chỉ có an lạc, không giống như phước đức của chư Thiên-Rồng-Thần làm mê hoặc não hại chúng sinh.

Chiên Đàn Đức: Phương Nam cách đây vô lượng vô biên cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, có thế giới tên gọi Hoan hỷ. Đức Phật danh hiệu là Chiên Đàn Đức, hiện nay đang thuyết pháp. Ví như mùi hương Chiên-đàn mà lại mát mẻ, danh hiệu Đức Phật ấy vang xa như mùi hương tỏa ngát khắp nơi, diệt trừ ngọn lửa nóng do ba độc của chúng sinh làm cho được mát lành.

Phật Vô Lượng Minh: Phương Tây cách đây vô lượng vô biên cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, có thế giới tên gọi Thiện Giải, Đức Phật danh hiệu là Vô Lượng Minh, hiện nay đang thuyết pháp. Thân Đức Phật ấy sáng ngời và trí tuệ soi chiếu rõ ràng vô lượng vô biên pháp giới.

Phật Tướng Đức: Phương Bắc cách đây vô lượng vô biên cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, có thế giới tên gọi Bất khả Động, Đức Phật danh hiệu là Tướng Đức, hiện nay đang thuyết pháp. Phước đức của Đức Phật ấy cao xa và sáng ngời rõ ràng, giống như tướng trạng của cột cờ vút cao.

Phật Vô Ưu Đức: Phương Đông nam cách đây vô lượng vô biên cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, có thế giới tên gọi Nguyệt Minh, Đức Phật danh hiệu là Vô Ưu Đức, hiện nay đang thuyết pháp. Thần thông và uy đức của Đức Phật ấy khiến cho chư Thiên và loài người không còn lo âu sầu khổ. Phật Bảo Thí: Phương Tây nam cách đây vô lượng vô biên cõi Phật

nhiều như cát sông Hằng, có thế giới tên gọi chúng Tướng, Đức Phật danh hiệu là Bảo Thí, hiện nay đang thuyết pháp. Đức Phật ấy dùng các căn-Lực-Giác-Đạo vô lậu cùng các vật báu luôn luôn giúp cho chúng sinh.

Phật Hoa Đức: Phương Tây bắc cách đây vô lượng vô biên cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, có thế giới tên gọi chúng Âm, Đức Phật danh hiệu là Hoa đức, hiện nay đang thuyết pháp. Sắc thân của Đức Phật ấy giống như loài hoa tuyệt diệu và công đức của Ngài vô lượng vô biên.

Phật Tam Thừa Hạnh: Phương Đông bắc cách đây vô lượng vô biên cõi Phật nhiều như cát sông hằng, có thế giới tên gọi An Ẩn, Đức Phật danh hiệu là Tam thừa Hạnh, hiện nay đang thuyết pháp. Đức Phật ấy thường thuyết về hạnh của Thanh văn, hạnh của Bích-chi-Phật và các hạnh của Bồ tát. Có người nói rằng: Thuyết về hạnh tinh tiến thuộc ba tạng thượng-trung-hạ, cho nên danh hiệu là Tam Thừa Hạnh.

Phật Minh Đức: Hạ phương cách đây vô lượng vô biên cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, có thế giới tên gọi Quảng Đại, Đức Phật danh hiệu là Minh Đức, hiện nay đang thuyết pháp. Minh là nói về thân sáng ngời-trí tuệ sáng suốt-cây báu sáng chói rực rỡ, ba loại ánh sáng này thường chiếu rọi khắp nơi thế gian.

Phật Quảng Chúng Đức: Thượng phương cách đây vô lượng vô biên cõi Phật nhiều như cát sông Hằng, có thế giới tên gọi Chúng Nguyệt, Đức Phật danh hiệu là Quảng Chúng Đức, hiện nay đang thuyết pháp. Đức Phật ấy có nhiều đệ tử phước đức rộng lớn vô biên, cho nên danh hiệu là Quảng chúng Đức. Chư Phật trong mười phương này thì Đức Phật Thiện Đức là đầu tiên, Đức Phật Quảng Chúng Đức là sau cùng, nếu người nào nhất tâm xưng niệm danh hiệu của Chư Phật, thì đạt được bất thối chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như kệ nói:

Nếu như có người được nghe nói,
Về danh hiệu Chư Phật như vậy,
Thì cảm được vô lượng công đức,
Như nói cho Đồng tử Bảo Nguyệt,
Con đảnh lễ hết thảy Chư Phật,
Hiện tại ở thế giới mười phương,
Có người xưng danh hiệu Chư Phật,
Liền đạt được phần vị Bất thối.
Phương Đông có thế giới Vô Ưu,
Đức Phật danh hiệu là Thiện Đức,

Sắc tướng như núi vàng sáng ngời,
Danh tiếng lưu truyền vô biên cõi,
Nếu người nghe danh hiệu Đức Phật,
Liền đạt được phần vị Bất thối,
Nay con chắp tay lễ lạy Ngài,
Nguyện diệt trừ tất cả buồn phiền.
Phương Nam có thế giới Hoan Hỷ,
Đức Phật danh hiệu Chiên Đàn Đức,
Khuôn mặt sáng ngời như trăng rằm,
Ánh sáng chiếu rọi không giới hạn,
Luôn luôn diệt trừ mọi phiền não,
Ba độc của tất cả chúng sinh,
Nghe danh hiệu đạt được Bất thối,
Cho nên con cúi đầu lễ lạy.
Phương Tây có thế giới Thiện Giải,
Đức Phật danh hiệu Vô Lượng Minh,
Thân sáng ngời trí tuệ soi tỏ,
Chiếu rọi khắp nơi không ngăn ngại,
Có người nghe danh hiệu Đức Phật,
Liền đạt được phần vị Bất thối,
Nay con cúi đầu lễ lạy Ngài,
Nguyện tận cùng giới hạn sinh tử.
Phương Bắc có thế giới Vô Động,
Đức Phật danh hiệu là Tướng Đức,
Thân đầy đủ tất cả tướng tốt,
Dùng để tự trang nghiêm chính mình,
Phá tan tất cả mọi ma oán,
Khéo léo giáo hóa hàng trời-người,
Nghe danh hiệu đạt được Bất thối,
Cho nên con cúi đầu lễ lạy.
Đông Nam có thế giới Nguyệt Minh,
Đức Phật danh hiệu là Vô Ưu,
Ánh sáng vượt mặt trời-mặt trăng,
Người gặp được diệt hết phiền não,
Thường xuyên thuyết pháp cho chúng sinh,
Loại trừ những khổ não trong-ngoài,
Chư Phật mười phương đều khen ngợi,

Cho nên con cúi đầu lễ lạy.
Tây nam có thế giới chúng tướng,
Đức Phật danh hiệu là Bảo Thí,
Thường đem các giáo pháp quý báu,
Bố thí cho tất cả chúng sinh,
Chư Thiên đều cúi đầu lễ lạy,
Mũ báu cõi trời ở dưới chân,
Nay con đem thân thể của mình,
Quy mạng Đức Thế Tôn Bảo Thí.
Tây bắc có thế giới Chúng Âm,
Đức Phật danh hiệu là Hoa Đức,
Thế giới ấy nhiều loại cây báu,
Phát ra âm thanh tuyên diệu pháp,
Thường dùng đóa hoa của bảy Giác,
Trang nghiêm cho hết thảy chúng sinh,
Tướng tốt lông trắng như vầng trăng,
Nay con cúi đầu lễ lạy Ngài,
Đông bắc có thế giới An Ẩn,
Do các thứ báu mà hợp thành,
Đức Phật danh hiệu Tam Thừa Hạnh,
Thân trang nghiêm vô lượng tướng tốt,
Ánh sáng trí tuệ không hạn lượng,
Luôn phá trừ bóng tối vô minh,
Chúng sinh không còn gì buồn khổ,
Cho nên con cúi đầu lễ lạy.
Thượng phương có thế giới Chúng Nguyệt,
Trang nghiêm bằng nhiều loại quý báu,
Chúng đệ tử Thanh văn Đại đức,
Và Bồ tát không có số lượng,
Hàng Sư tử trong các hàng Thánh,
Có danh hiệu là Quảng Chúng Đức,
Làm cho các ma đều sợ hãi,
Cho nên con cúi đầu lễ lạy.
Hạ phương có thế giới Quảng Đại,
Đức Phật danh hiệu là Minh Đức,
Thân tướng vi diệu thật tuyệt vời,
Giống như núi vàng Diêm-phù-đàn,

Thường dùng ánh mặt trời trí tuệ,
Làm nở những đóa hoa thiện căn,
Đất đai quý báu thật rộng lớn,
Con cúi đầu lễ lạy từ xa,
Vào thời quá khứ vô số kiếp,
Có Đức Phật danh hiệu Hải Đức,
Hết thảy Chư Phật đời hiện tại,
Đều phát nguyệt từ Phật Hải Đức,
Thọ mạng không có gì hạn lượng,
Ánh sáng chiếu rọi không tận cùng,
Cõi nước rất thanh tịnh trang nghiêm,
Nghe danh hiệu nhất định làm Phật,
Hiện tại ở thế giới mười phương,
Thành tựu đầy đủ về mười Lực,
Cho nên con cúi đầu lễ lạy,
Đấng tôn kính nhất giữa trời-người.

Hỏi: Chỉ nghe danh hiệu mười Đức Phật này mà giữ mãi trong tâm niệm, thì đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có thể không lùi sụt, hay là còn có danh hiệu Đức Phật khác-Bồ tát khác để đạt đến phần vị A duy việt trí chăng?

Đáp:

Phật A-di-đà cùng Chư Phật,
Cho đến các vị Đại Bồ tát,
Nhất tâm xưng danh và nhớ nghĩ,
Cũng nhất định không còn thối chuyển.

Lại còn có chư Phật như Đức Phật A-di-đà cũng nên cung kính lễ bái xưng niệm danh hiệu các Ngài. Nay sẽ nói đầy đủ:

Vô Lượng Thọ Phật, Thế Tự Tại Vương Phật, Sư Tử Âm Phật, Pháp Ý Phật, Phạm Tướng Phật, Thế Tướng Phật, Thế Diệu Phật, Từ Bi Phật, Thế Vương Phật, Nhân Vương Phật, Nguyệt Đức Phật, Bảo Đức Phật, Tướng Đức Phật, Đại Tướng Phật, Châu Cái Phật, Sư Tử Man Phật, Phá Vô Minh Phật, Trí Hoa Phật, Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật, Trì Đại Công Đức Phật, Vũ Thất Bảo Phật, Siêu Dũng Phật, Ly Sân Hận Phật, Đại Trang Nghiêm Phật, Vô Tướng Phật, Bảo Tạng Phật, Đức Đảnh Phật, Đa Già La Hương Phật, Chiên Đàn Hương Phật, Liên Hoa Hương Phật, Trang Nghiêm Đạo Lộ Phật, Long Cái Phật, Vũ Hoa Phật,

Tán Hoa Phật, Hoa Quang Minh Phật, Nhật Âm Thanh Phật, Tế Nhật Nguyệt Phật, Lưu Ly Tạng Phật, Phạm Âm Phật, Tịnh Minh Phật, Kim Tạng Phật, Tu Di Đảnh Phật, Sơn Vương Phật,

Âm Thanh Tự Tại Phật, Tịnh Nhãn Phật, Nguyệt Minh Phật, Như Tu Di Sơn Phật, Nhật Nguyệt Phật, Đắc Chúng Phật, Hoa Vương Phật, Phạm Âm Thuyết Phật, Thế Chủ Phật, Sư Tử Hành Phật, Diệu Pháp Ý Sư Tử Hống Phật, Châu Bảo Cái San Hô Sắc Phật, Phá Si Ái Ám Phật, Thủy Nguyệt Phật, Chúng Hoa Phật, Khai Trí Tuệ Phật, Trì Tạp Bảo Phật, Bồ-Đề Phật, Hoa Siêu Xuất Phật, Chân Lưu Ly Minh Phật, Tế Nhật Minh Phật, Trì Đại Công Đức Phật, Đắc Chánh Tuệ Phật, Dõng Kiện Phật, Ly Siểm Khúc Phật, Trừ Ác Căn Tài Phật, Đại Hương Phật, Đạo Ánh Phật, Thủy Quang Phật, Hải Vân Tuệ Du Phật, Đức Đảnh Hoa Phật, Hoa Trang Nghiêm Phật, Nhật Âm Thanh Phật, Nguyệt Thắng Phật, Lưu Ly Phật, Phạm Thanh Phật, Quang Minh Phật, Kim Tạng Phật, Sơn Đảnh Phật, Sơn Vương Phật, Âm Vương Phật, Long Thắng Phật, Vô Nhiễm Phật, Tịnh Diện Phật, Nguyệt Diện Phật, Như Tu Di Phật, Chiên Đàn Hương Phật, Uy Thế Phật, Nhiên Đăng Phật, Nan Thắng Phật, Bảo Đức Phật, Hỷ Âm Phật, Quang Minh Phật, Long Thắng Phật, Ly Cấu Minh Phật, Sư Tử Phật, Vương Vương Phật, Lực Thắng Phật, Hoa Xỉ Phật, Vô Úy Minh Phật, Hương Đảnh Phật, Phổ Hiền Phật, Phổ Hoa Phật, Bảo Tướng Phật. Chư Phật Thế Tôn này hiện tại cư trú trong thế giới thanh tịnh khắp mười phương, đều xưng niệm danh hiệu và nhớ nghĩ, bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà như vậy: Nếu người nào nghĩ đến Ta mà xưng niệm danh hiệu tự quay về nương tựa, thì tiến vào phần vị Tất định đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy thường thuận theo nhớ nghĩ dùng kệ ca ngợi Đức Phật:

Ánh sáng và trí tuệ vô lượng,
Thân như núi vàng ròng rực rỡ,
Nay con thanh tịnh thân-miệng-ý,
Chắp tay cúi đầu lễ lạy Ngài.
Sắc vàng rực ánh sáng tuyệt vời,
Soi chiếu tất cả các thế giới,
Thuận theo vật tăng thêm sắc tướng,
Cho nên con cúi đầu lễ lạy.
Nếu như người vào lúc mạng chung,
Được sinh về cõi nước thanh tịnh,

Liền đầy đủ vô lượng công đức,
Cho nên con cung kính quy mạng.
Người luôn niệm danh hiệu Phật này,
Được vô lượng sức mạnh công đức,
Lập tức vào phần vị Tất định,
Vì vậy con luôn luôn xưng niệm.
Người ở cõi nước ấy mạng chung,
Giả sử phải chịu những khổ đau,
Nhưng không rơi vào địa ngục ác,
Vì vậy con quy mạng lễ lạy.
Nếu người sinh đến cõi nước ấy,
Cuối cùng không rơi vào ba nẽo,
Và không rơi và A-tu-la,
Nay con quy mạng mà lễ lạy.
Trời-người thân tướng đều giống nhau,
Giống như đỉnh núi vàng sáng rực,
Mọi nơi tốt đẹp đều quay về,
Cho nên con cúi đầu lễ lạy.
Có người sinh đến cõi nước ấy,
Đầy đủ thiên nhãn-thiên nhĩ thông,
Tất cả mười phương đều vô ngại,
Cúi đầu lạy bậc Thánh trong Thánh.
Các chúng sinh ở cõi nước ấy,
Thần biến cùng với tha tâm thông,
Cũng vốn có túc mạng trí thông,
Vì vậy con quy mạng lễ lạy.
Người được sinh đến cõi nước ấy,
Không có Ngã-không có ngã sở,
Không sinh tâm phân biệt đây-kia,
Vì vậy con cúi đầu lễ lạy.
Vượt ra khỏi ngục tù ba cõi,
Đôi mắt tựa như cánh hoa sen,
Chúng Thanh văn vô lượng vô biên,
Vì vậy con cúi đầu lễ lạy.
Các chúng sinh trong cõi nước ấy,
Tánh tình mọi người đều nhu hòa,
Tự nhiên thực hành mười thiện hạnh,

Cúi đầu lạy các bậc Thánh vương.
Từ thiện hạnh sinh ra sáng suốt,
Với số đếm vô lượng vô biên,
Bậc nhất trong phước trí cụ túc,
Vì vậy con cung kính quy mạng.
Nếu người nào nguyện được làm Phật,
Tâm nghĩ đến Phật A-di-đà,
Lập tức Ngài hiện thân cho thấy,
Vì vậy con cung kính quy mạng.
Sức mạnh bổn nguyện của Đức Phật,
Các Bồ tát khắp nơi mười phương,
Đến cúng dường cung kính nghe pháp,
Vì vậy con cúi đầu lễ lạy.
Các Bồ tát trong cõi nước ấy,
Đầy đủ mọi tướng tốt tuyệt vời,
Dùng để tự trang nghiêm thân tướng,
Nay con quy mạng mà lễ lạy.
Các vị Đại Bồ tát cõi ấy,
Ngày ngày thường xuyên trong ba thời,
Cúng dường Chư Phật khắp mười phương,
Vì vậy con cúi đầu lễ lạy.
Nếu người nào gieo trồng thiện căn,
Nghi ngờ thì đóa hoa không nở,
Người có tâm tin tưởng thanh tịnh,
Hoa nở rộ thì được thấy Phật.
Chư Phật hiện tại trong mười phương,
Dùng tất cả các loại nhân duyên,
Ca ngợi công đức của Đức Phật,
Nay con quy mạng mà lễ lạy.
Cõi nước ấy thật là trang nghiêm,
Tuyệt vời hơn cung điện chư Thiên,
Công đức thật sâu dày vô lượng,
Vì vậy con lễ lạy chân Phật.
Chân Phật có tướng Thiên phúc luân,
Mềm mại với màu sắc hoa sen,
Mọi loài trông thấy đều hoan hỷ,
Cúi đầu lễ lạy dưới chân Phật.

Lông trắng sáng ngời giữa chặng mày,
Giống như vầng trăng sáng thanh tịnh,
Tăng thêm vẻ sáng ngời nét mặt,
Cúi đầu lễ lạy dưới chân Phật.
Lúc ban đầu mong cầu Phật đạo,
Thực hành những việc làm kỳ diệu,
Như trong các kinh đã giải thích,
Cúi đầu cung kính lễ lạy Ngài.
Những điều Đức Phật đã giảng nói,
Phá trừ mọi gốc rễ tội lỗi,
Lời vi diệu thêm nhiều lợi ích,
Nay con cúi đầu lạy cung kính.
Dùng ngôn từ vi diệu thuyết giảng,
Cứu giúp những căn bệnh tham dục,
Đã hóa độ nay còn hóa độ,
Vì vậy con cúi đầu lễ lạy.
Đấng tôn quý nhất giữa trời-người,
Chư Thiên cúi đầu lạy cung kính,
Mũ bằng bảy báu-ngọc ma ni,
Vì vậy con lễ lạy quy y.
Hết thảy chúng đệ tử Hiền Thánh,
Và các chúng đệ tử trời-người,
Tất cả đều chung lòng quy mạng,
Vì vậy con cũng xin lễ lạy.
Ngồi trên con thuyền Bát đạo ấy,
Được vượt qua biển cả khó vượt,
Tự cứu mình cũng cứu cho người,
Con lễ lạy bậc Thánh tự tại.
Chư Phật trong vô lượng đời kiếp,
Khen ngợi phát huy công đức ấy,
Hãy còn không thể nào hết được,
Cũng nguyện quy mạng người thanh tịnh.
Nay con cũng dốc lòng như vậy,
Ca ngợi Phật công đức vô lượng,
Nhờ vào nhân duyên phước thiện này,
Nguyện Đức Phật thường che chở con,
Con ở đời này và đời trước,

Phước đức lớn nhỏ được bao nhiêu,
Con nguyện hướng về với Đức Phật,
Tâm niệm luôn luôn được thanh tịnh.
Nhờ vào nhân duyên phước thiện này,
Cảm được công đức vi diệu nhất,
Nguyện cầu các chủng loại chúng sinh,
Tất cả cũng đều được phước thiện.

Lại nữa, cũng nên nghĩ đến Chư Phật quá khứ như Phật Tỳ bà Thi,

Phật Thi Khí, Phật Tỳ Thủ Bà Phục, Phật Câu Lâu San Đề, Phật Ca Na Ca Mâu Ni, Phật Ca Diếp, Phật Thích Ca Mâu Ni, và Phật Di Lặc ở đời vị lai, đều nên nhớ nghĩ lễ bái, dùng kệ ca ngợi:

Xưa Đức Thế Tôn Tỳ Bà Thi,
Tu đạo dưới cội cây Vô ưu,
Thành tựu trọn vẹn Nhất thiết trí,
Đầy đủ mọi công đức vi diệu,
Quán sát chính xác ở thế gian,
Tâm tư luôn luôn được giải thoát,
Nay con đem thân mạng của mình,
Quy mạng đấng tôn kính Vô thượng.
Quá khứ Phật Thế Tôn Thi khí,
Ở tại xứ sở Bân-đà-lợi,
Ngồi dưới tán cây nơi đạo tràng,
Thành tựu quả Bồ đề vô thượng,
Sắc thân không có gì sánh được,
Như núi vàng tía thật rực rỡ,
Nay con tự quay về nương tựa,
Đấng tôn kính Vô thượng ba cõi,
Quá khứ Thế Tôn Tỳ Thủ Bà,
An tọa dưới tán cây Sa-la,
Tự nhiên được thông suốt tất cả,
Hết thảy trí tuệ thật tuyệt vời,
Ở trong những thế hệ trời-người,
Bậc nhất không có gì sánh được,
Vì vậy con quay về nương tựa,
Tất cả các bậc tôn quý nhất.
Quá khứ Ca Cầu Thôn Đại Phật,

Tu tập thực hành luôn tinh tiến,
Đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác,
Bên dưới tán cây Thi-lợi-sa,
Thành tựu trí tuệ thật vĩ đại,
Vĩnh viễn thoát khỏi lòng sinh tử,
Nay con xin quy mạng lễ lạy,
Đấng tôn quý nhất không ai bằng,
Đức Phật Ca Na Hàm Mâu Ni,
Bậc Đại Thánh tôn kính vô thượng,
Bên dưới tán cây Ưu-đàm-bát,
Thành tựu được Phật đạo Bồ đề,
Thông đạt tất cả pháp vốn có,
Đến tận cùng vô lượng vô biên
Vì vậy con quay về nương tựa,
Đấng Thế Tôn vô thượng bậc nhất.
Quá khứ Phật Thế Tôn Ca diếp,
Đôi mắt như hai đóa hoa sen,
Dưới tán cây Ni-câu-lâu-đà,
Tu hành thành tựu được Phật đạo,
Ba cõi không có gì sợ hãi,
Bước đi uy dũng như voi chúa,
Nay con tự quay về nương tựa,
Cúi đầu lạy đấng tôn kính nhất.
Đức Thế Tôn Thích Ca mâu ni,
Bên dưới tán cây A-du-đà,
Hàng phục mọi ma oán đối địch,
Thành tựu đạo Bồ đề Vô thượng,
Diện mạo như vầng trăng tròn đầy,
Thanh tịnh không dính chút bụi trần,
Nay con cúi đầu lạy cung kính,
Đấng tôn quý dũng mãnh bậc nhất.
Đức Phật Di lặc đời vị lai,
An tọa dưới tán cây Na-già,
Thành tựu tâm rộng lớn bao la,
Tự nhiên đạt được quả vị Phật,
Công đức thật vô cùng kiên cố,
Không ai có năng lực hơn được,

Vì vậy con tự mình quay về,
Nương tựa đấng Pháp vương cao cả.

Còn có những Đức Phật như Phật Đức Thắng, Phật Phổ Minh, Phật Thắng Địch, Phật Vương Tướng, Phật Tướng Vương, Phật Vô Lượng Công Đức Minh Tự Tại Vương, Phật Dược Vương Vô Ngại, Phật Bảo Du Hành, Phật Bảo Hoa, Phật An Trú, Phật Sơn Vương, cũng nên nhớ nghĩ cung kính lễ lạy và dùng kệ ca ngợi Chư Phật:

Trong thế giới tên gọi Vô Thắng,
Có Đức Phật danh hiệu Đức Thắng,
Nay con cúi đầu lạy cung kính,
Cùng với Pháp bảo và Tăng bảo,
Thế giới tên gọi Tùy Ý Hỷ,
Có Đức Phật danh hiệu Phổ Minh,
Nay con tự quay về nương tựa,
Cùng với Pháp bảo và Tăng bảo.
Trong thế giới tên gọi Phổ Hiền,
Có Đức Phật danh hiệu Thắng Địch,
Nay con nguyện quy mạng lễ lạy,
Cùng với Pháp bảo và Tăng bảo.
Thế giới tên gọi Thiện Tịnh Tập,
Đức Phật danh hiệu Vương Tràng Tướng,
Nay con cúi đầu lạy cung kính,
Cùng với Pháp bảo và tăng bảo,
Thế giới tên gọi Ly Cấu Tập,
Phật hiệu Vô Lượng Công Đức Minh,
Tự tại khắp nơi trong mười phương,
Vì vậy con cúi đầu lễ lạy.
Trong thế giới tên gọi Bất Cuồng,
Đức Phật hiệu Dược Vương Vô Ngại,
Nay con cúi đầu lạy cung kính,
Cùng với pháp bảo và Tăng bảo.
Trong thế giới tên gọi Kim Tập,
Đức Phật danh hiệu Bảo Du Hành,
Nay con cúi đầu lạy cung kính,
Cùng với pháp bảo và Tăng bảo.
Trong thế giới tên gọi Mỹ Âm,

Phật bảo Hoa-An-Trú vương,
Nay con cúi đầu dạy cung kính,
Cùng với Pháp bảo và Tăng bảo.
Hiện tại các Đức Như Lai này,
An trú tại thế giới phương Đông,
Con đem tâm cung kính lễ lạy,
Ca ngợi nguyện quay về nương tựa.
Chỉ nguyện cầu các Đức Như Lai,
Đem lòng thương xót thật sâu xa,
Hiện thân ở trước mặt chúng con,
Đều khiến cho mắt được trông thấy.

Lại nữa, Chư Phật quá khứ-vị lai-hiện tại, tất cả nên nghĩ đến không quên và cung kính lễ lạy, dùng kệ ca ngợi Chư Phật:

Hết thảy Chư Phật đời quá khứ,
Hàng phục tất cả những ma oán,
Dùng sức mạnh trí tuệ vĩ đại,
Lợi 1ich nhiều cho mọi chúng sinh,
Lúc tất cả các chúng sinh,
Đều dốc lòng cung kính cúng dường,
Cung kính mà lại luôn ca ngợi,
Vì vậy con cúi đầu lễ lạy.
Hiện tại trong thế giới mười phương,
Chư Phật không thể nào tính được,
Số lượng vượt quá cát sông hằng,
Vô lượng vô biên số kể.
Thương xót tất cả mọi chúng sinh,
Thường chuyển vận pháp luân vi diệu,
Vì vậy con dốc lòng cung kính,
Cúi đầu lạy nguyện xin quy mạng.
Hết thảy Chư Phật đời vị lai,
Sắc thân như núi vàng sáng rực,
Ánh sáng không có gì hạn lượng,
Tất cả tướng tốt tự trang nghiêm,
Xuất thế cứu độ cho chúng sinh,
Tương lai tiến vào cõi Niết bàn,
Các Đức Thế tôn đều như vậy,

Nay con cúi đầu lạy cung kính.

Lại nữa, nên nghĩ nhớ các vị Đại Bồ tát, như Bồ-tát Thiện Ý, Bồ-tát Thiện Nhãn, Bồ-tát Văn Nguyệt, Bồ-tát Thi Tỳ Vương, Bồ-tát Nhất Thiết Thắng, Bồ-tát Tri Đại Địa, Bồ-tát Đại Dược, Bồ-tát Cưu Xá, Bồ-tát A Ly Niệm Di, Bồ-tát Đỉnh Sinh Vương, Bồ-tát Hỷ Kiến, Bồ-tát Uất Đa La, Bồ-tát Hòa Hòa Đàn, Bồ-tát Trường Thọ Vương, Bồ-tát Sằn Đề, Bồ-tát Vi Lam, Bồ-tát Thiểm, Bồ-tát Nguyệt Cái, Bồ-tát Minh Thủ, Bồ-tát Pháp Thủ, Bồ-tát Pháp Lợi, Bồ-tát Di Lặc.

Lại có các Bồ-tát như: Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Vô Cấu Tạng, Bồ-tát Vô Cấu Xưng, Bồ-tát Trừ Nghi, Bồ-tát Vô Cấu Đức, Bồ-tát Võng Minh, Bồ-tát Vô Lượng Minh, Bồ-tát Đại Minh, Bồ-tát Vô Tận Ý, Bồ-tát Ý Vương, Bồ-tát Vô Biên Ý, Bồ-tát Nhật Âm, Bồ-tát Nguyệt Âm, Bồ-tát Mỹ Âm, Bồ-tát Mỹ Âm Thanh, Bồ-tát Đại Âm Thanh, Bồ-tát Kiên Tinh Tiến, Bồ-tát Thường Kiên, Bồ-tát Kiên Phát, Bồ-tát Trang Nghiêm Vương, Bồ-tát Thường Bi, Bồ-tát Thường Bất Khinh, Bồ-tát Pháp Thượng, Bồ-tát Pháp Ý, Bồ-tát Pháp Hỷ, Bồ-tát Pháp Thủ, Bồ-tát Pháp Tích, Bồ-tát Phát Tinh Tiến, Bồ-tát Trí Tuệ, Bồ-tát Tịnh Uy Đức, Bồ-tát Na La Diên, Bồ-tát Thiện Tư Duy, Bồ-tát Pháp Tư Duy, Bồ-tát Bạt Đà Bà La, Bồ-tát Pháp Ích, Bồ-tát Cao Đức, Bồ-tát Sư Tử Du Hành, Bồ-tát Hỷ Căn, Bồ-tát Thượng Bảo Nguyệt, Bồ-tát Bất Hư Đức, Bồ-tát Long Đức, Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ-tát Diệu Âm, Bồ-tát Vân Âm, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Chiếu Minh, Bồ-tát Dũng Chúng, Bồ-tát Thắng Chúng, Bồ-tát Uy Nghi, Bồ-tát Sư Tử Ý, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Ích Ý, Bồ-tát Tăng Ý, Bồ-tát Bảo Minh, Bồ-tát Tuệ Đảnh, Bồ-tát Nhạo Thuyết Đảnh, Bồ-tát Hữu Đức, Bồ-tát Quán Thế Tự Tại Vương, Bồ-tát Đà La Ni Tự Tại Vương, Bồ-tát Đại Tự Tại Vương, Bồ-tát Vô Ưu Đức, Bồ-tát Bất Hư Kiến, Bồ-tát Ly Ác Đạo, Bồ-tát Nhất Thiết Dũng Kiện, Bồ-tát Phá Ấm, Bồ-tát Công Đức Bảo, Bồ-tát Hoa Uy Đức, Bồ-tát Kim Anh Lạc Minh Đức, Bồ-tát Ly Chư Ám Cái, Bồ-tát Tâm Vô Ngại, Bồ-tát Nhất Thiết Hạnh Tịnh, Bồ-tát Đẳng Kiến, Bồ-tát Bất Đẳng Kiến, Bồ-tát Tam Muội Du Hý, Bồ-tát Pháp Tự Tại, Bồ-tát Pháp Tướng, Bồ-tát Minh Trang Nghiêm, Bồ-tát Đại Trang Nghiêm, Bồ-tát Bảo Đảnh, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Thảm, Bồ-tát Thường Hỷ, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Đắc Biện Tài Âm Thanh, Bồ-tát Hư Không Lôi Âm, Bồ-tát Trì Bảo Cự, Bồ-tát Dũng Thí, Bồ-tát Đế Võng, Bồ-tát Mã Quang, Bồ-tát Không Vô Ngại, Bồ-tát Bảo Thắng, Bồ-tát ThiênVương, Bồ-tát Phá Ma,

Bồ-tát Điện Đức, Bồ-tát Tự Tại, Bồ-tát ĐảnhTướng, Bồ-tát Xuất Quá, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Vân Ấm, Bồ-tátNăng Thắng, Bồ-tát Sơn Tướng Tràng Vương, Bồ-tát Hương Tượng,Bồ-tát Đại Hương Tượng, Bồ-tát Bạch Hương Tượng, Bồ-tát ThườngTinh Tiến, Bồ-tát Bất Hưu Tức, Bồ-tát Diệu Sinh, Bồ-tát Hoa TrangNghiêm, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát ThủyVương, Bồ-tát Sơn Vương, Bồ-tát Đế Võng, Bồ-tát Bảo Thí, Bồ-tátPhá Ma, Bồ-tát Trang Nghiêm Quốc Độ, Bồ-tát Kim Kế, Bồ-tát ChâuKế.

Các Đại Bồ-tát như thế, đều nên nghĩ nhớ, cung kính lễ bái mong cầu đạt được phần vị A duy việt trí (Bất thối chuyển).

Phẩm 10: TRỪ NGHIỆP

Hỏi: Chỉ nhớ nghĩ Chư Phật như Phật A-di-đà…, và nghĩ đến các vị Bồ tát khác thì đạt được phần vị A duy việt trí, còn có phương tiện nào khác chăng?

Đáp: Cầu đạt được phần vị A duy việt trí, không những nhớ nghĩ-xưng niệm danh hiệu-cung kính lễ lạy mà thôi, mà còn phải ở trước Chư Phật để sám hối-khuyến thỉnh-tùy hỷ-hồi hướng nữa.

Hỏi:

Việc này có nghĩa thế nào?
Vô lượng Chư Phật khắp mười phương,
Biết hết những hành nghiệp bất thiện,
Nay con hướng về trước Chư Phật,
Phát lộ những lỗi lầm xấu xa.
Ba-ba hợp lại thành chín loại,
Từ ba phiền não mà khởi lên,
Thân đời này hoặc thân đời trước,
Mọi tội lỗi đều xin sám hối.
Ở trong ba đường ác khổ đau,
Nếu như phải nhận chịu nghiệp báo,
Nguyện thân đời này đền trả hết,
Không vào trong đường ác nhận chịu.

Mười phương chư Phật là hết thảy chư Phật trong hiện tại, mạng căn thành tựu, chưa nhập Niết-bàn.

Mười phương là bốn hướng, bốn góc và trên-dưới. Phật là người biết hết những gì cần biết, không sót điều gì.

Phát lồ là đến trước chư Phật, tỏ rõ hết thảy tội, không che giấu.

Sau đó không tái phạm, như đắp đê giữ nước.

Tội lỗi xấu xa là vì không có trí tuệ sáng suốt cho nên phạm đến nhiều điều ác, hoặc là pháp bất thiện, hoặc là ẩn một vô ký.

Ba lần ba là thân, miệng ý gây ác, mắc quả báo đời này, quả báo đời sau và đời sau nữa, do tự mình làm, bày người khác làm, thấy làm mà vui.

Từ ba thứ phiền não nổi dậy, đó là những trói buộc ở cõi Dục, ở cõi Sắc, ở cõi Vô sắc. Hoặc giúp cho phiền não ham muốn, hoặc giúp cho phiền não giận dữ, hoặc giúp cho phiền não ngu si. Hoặc phiền não bậc thượng, hoặc phiền não bậc trung, hoặc phiền não bậc hạ.

Thân đời này hay thân đời trước đều xin sám hối, nghĩa là mọi tội ác đời này và đời trước mà mình đã làm đều xin sám hối không sót điều gì.

Địa ngục bao gồm tám thứ địa ngục nóng, mười thứ địa ngục lạnh.

Súc sinh là những loài hoặc sống trên đất liền, hoặc sống dưới nước, hoặc không có chân, hoặc hai chân, hoặc nhiều chân.

Ngạ quỷ là loài ăn các loại đờm dãi khạc nhổ, mửa ra, nước cặn rửa ráy, máu mủ, phân nước tiểu... Nếu mình tạo nghiệp tương ưng với ba đường ác, thì phải nhận lấy quả báo làm thân ngạ quỷ. Tôi nguyện khiến cho thân này nhận chịu quả báo trong hiện tại vì tội lỗi đã tạo, hoặc thân đời sau nhận chịu quả báo mà không phải nhận chịu ở trong chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Lại nữa, Phật tự nói pháp sám hối nếu Bồ-tát muốn sám hối tội, tội lỗi thì nên phát ra lời nói như vậy: Nay con hướng về Chư Phật đã chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hiện tại an trú trong mười phương thế giới, Chư Phật đang chuyển pháp luân, rưới làn mưa pháp, gióng lên tiếng trống pháp, thổi vang tiếng loa pháp, dựng cao cột cờ pháp, dùng giáo pháp bố thí đầy đủ cho mọi chúng sinh, mang lại nhiều lợi ích-nhiều an lạc, thương xót thế gian lợi 1ich thêm cho tất cả trời người. Nay con dùng thân-miệng-ý, cúi đầu lễ lạy dưới chân Chư Phật hiện ạti. Những gì mà Chư Phật thấy biết đều là đôi mắt của thế gian, là ngọn đèn của thế gian. Con từ vô thỉ sinh tử đến nay đã gây ra tội lỗi nghiệp chướng, bị tham dục giận ngu si thúc bách hoặc là không biết Phật-pháp-tăng, hoặc không biết tội phước, hoặc thân miệng ý gây ra nhiều điều tội

lỗi, hoặc vì ác tâm làm cho thân Phật chảy máu, hoặc hủy diệt Chánh pháp, phá hoại chúng Tăng, giết bậc chân nhân A-la-hán. Hoặc tự mình làm mười nghiệp đạo bất thiện, hoặc chỉ bày người khác khiến họ làm, hoặc thấy người làm mà mình vui theo. Hoặc đối với chúng sinh phát ra lời nói không hài hòa, hoặc dùng cân đong đo đếm lừa dối gian trá xâm phạm của người, dùng các tà hạnh làm não loạn chúng sinh. Hoặc bất hiếu với cha mẹ, hoặc trộm cắp đồ vật trong tháp và vật dụng của Tứ phương tăng. Kinh điển giới pháp Đức Phật đã thuyết, có lúc làm cho hư hoại điều tàn, làm trái lời dạy của Hòa thượng A-xà-lê. Hoặc thấy người phát tâm Thanh văn thừa, Bích-chi-Phật thừa, hoặc người phát tâm Đại thừa, mà mình nói xấu-bôi nhọ làm nhục, chê bai-hiềm khích-oán giận-keo kiệt-ganh ghét che kín tâm tư. Đối với các bậc tôn túc thì có lúc khởi lên nói lời thô ác, hoặc nói chánh pháp là phi pháp, nói phi pháp là chánh pháp. Nay đem mọi tội lỗi này hướng về Chư Phật hiện tại, là những bậc thấy biết chính xác, là những bậc chứng ngộ tuyệt vời, tất cả đều phát lộ không dám che giấu, từ nay về sau không dám tái phạm. Nếu con có tội lỗi phải rơi vào trong chốn địa ngục-súc sinh-ngạ quỷ và A-tu-la, không được gặp Tam bảo, sinh ra ở những nơi hiểm nạn, nguyện vì tội lỗi này nhận chịu khổ báo ngay trong hiện tại. Như các vị Bồ tát cầu Phật đạo trong quá khứ, đã sám hối tội lỗi ác nghiệp của mình, con cũng phát lộ sám hối như vậy chứ không dám che giấu và sau này không sám tái phạm. Như các vị Bồ tát hiện tại cầu Phật đạo, sám hối về tội lỗi ác nghiệp của mình, con cũng phát lộ sám hối như vậy chứ không dám che giấu và sau này không dám tái phạm. Như các vị Bồ tát cầu Phật đạo trong vị lai, sám hối về tội lỗi ác nghiệp của mình, con cũng phát lộ sám hối như vậy chứ không dám che giấu và sau này không dám tái phạm.

Như các vị Bồ tát cầu Phật đạo trong quá khứ-vị lai-hiện tại, sám hối về tội lỗi ác nghiệp của mình, đã sám hối-đang sám hối và sẽ sám hối, con cũng sám hối về tội lỗi ác nghiệp của mình như vậy, không dám che giấu và sau này không dám tái phạm.

Hỏi: Ông đã nói về pháp sám hối, thế nào là khuyến thỉnh?

Đáp:

Hết thảy Chư Phật khắp mười phương,
Những bậc thành đạo trong hiện tại,
Con khuyến thỉnh để chuyển pháp luân,
Làm cho mọi chúng sinh an lạc.
Hết thảy Chư Phật khắp mười phương,

Nếu như lúc sắp xả thọ mạng,
Con đến trước cúi đầu lễ lạy,
Khuyến thỉnh mong an trú lâu dài.

Chuyển pháp luân, là thuyết về ý nghĩa của bốn Thánh đế trong ba lần chuyển mười hai tướng.

Đây là khổ đế, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là đến nơi khổ diệt đạo. Đó gọi là bốn tướng của lần chuyển thứ nhất. Đây là khổ đế nên biết, đây là khổ tập nên đoạn, đây là khổ diệt nên chứng, đây là đến nơi khổ diệt đạo nên tu. Đó là bốn tướng của lần chuyển thứ hai. Đây là khổ đế đã biết đây là khổ tập đã đoạn, đây là khổ diệt đã chứng, đây là đạo đến nơi khổ diệt đã tu. Đó gọi là bốn tướng của lần chuyển thứ ba.

Bốn tướng, là trong bốn Đế sinh ra đôi mắt trí tuệ hiểu biết rõ ràng. Có người nói: Thanh văn thừa, Bích-chi-Phật thừa và Đại thừa, đó gọi là pháp luân giải thoát. Nghĩa của ba thừa này gọi là chuyển pháp luân.

An lạc cho mọi chúng sinh, năm thứ dục lạc thì không gọi là an lạc, mà làm cho đời này và đời sau được an lạc thanh tịnh, tiến vào Tam thừa, đó gọi là an lạc. Người này khuyến thỉnh Chư Phật chuyển pháp luân, khiến cho các chúng sinh cảm nhận được niềm an lạc của Niết bàn. Nếu người chưa đạt được Niết bàn thì làm cho họ nhận được niềm vui của thế gian. Vì vậy nói là an lạc.

Thọ mạng, là tiếp nhận nhân duyên nghiệp báo, cho nên mạng căn nối tiếp nhau được tồn tại, như mọi việc biến hóa thuận theo nghiệp của tâm mà tồn tại, tâm nghiệp dừng lại thì diệt mất.

Khuyến thỉnh là chí thành cầu nguyện, Chư Phật quán xét các loài chúng sinh lớn nhỏ không khác nhau, vì vậy thỉnh cầu hy vọng được thuận như nguyện, đừng xả bỏ thọ mạng mà an trú đến vô lượng A-tăng-kỳ kiếp để độ thoát cho mọi chúng sinh.

Lại nữa, Đức Phật tự nói về pháp khuyến thỉnh, Bồ tát nên nói lời như vậy: "Con kính lạy Chư Phật hiện tại trong mười phương, mới chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên chưa chuyển pháp luân, nay con cầu thỉnh Chư Phật, nguyện chuyển pháp luân, giống tiếng trống pháp, thổi tiếng loa pháp, dựng cột cờ pháp, xây dựng đền thờ Đại pháp, thắp sáng ngọn đuốc đại pháp, đem pháp này ban cho tất cả chúng sinh, làm cho có nhiều ích lợi, mang lại nhiều an lạc, thương xót thế gian làm lợi ích thêm cho trời người, vì vậy nay con cung kính khuyến thỉnh". Đó gọi là pháp khuyến thỉnh.

Chư Phật chuyển pháp luân tồn tại lâu dài, thì cũng nên nói là Chư Phật hiện tại khắp mười phương. Chư Phật vào lúc sắp xả bỏ thọ mạng thì con cầu thỉnh an trú lâu dài, làm cho có nhiều ích mang lại nhiều an lạc, thương xót cho thế gian, làm ích lợi thêm cho người và trời.

Hỏi: Ông đã nói về sám hối và khuyến thỉnh, thế nào gọi là tùy hỷ?

Đáp:

Tất cả phước bố thí có được,
Thực hành trì giới và tu thiền,
Sinh ra từ thân-miệng-ý thiện,
Quá khứ-vị lai-nay vốn có,
Người tu tập công hạnh Tam thừa,
Đầy đủ phước thiện của Tam thừa,
Hết thảy phước thiện của phàm phu,
Đều tùy thuận sinh tâm hoan hỷ.

Phước thiện bố thí, sinh ra từ sự buông xả các pháp keo kiệt. Phước thiện trì giới, sinh ra từ năng lực điều phục thân nghiệp và khẩu nghiệp. Hành thiền là tất cả các pháp thiền định.

Sinh ra từ thân miệng, là nhờ vào thân miệng bố thí-trì giới, đón đến-tiễn đi… Nhờ vào ý sinh ra là Thiền định-Từ Bi…

Quá khứ-vị lai-nay vốn có, là phước đức của tất cả chúng sinh trong ba đời. Công hạnh Tam thừa, là cầu pháp của Thanh văn thừa, Bích-chi-Phật thừa và Đại thừa. Đầy đủ phước thiện của tam thừa, là thành tựu về A-la-hán thừa, Bích-chi-Phật thừa và Phật thừa, tất cả những điều đã nói bao gồm đầy đủ không sót lại gì. Phàm phu là người chưa đạt được nghĩa lý của bốn Đế.

Phước đức, có hai loại nghiệp là nghiệp thiện và nghiệp không ẩn một vô ký.

Tùy hỷ là người khác làm phước mà mình sinh tâm hoan hỷ, khen ngợi cho là tốt lành.

Hỏi: Ông đã nói về sám hối, khuyến thỉnh và tùy hỷ, thế nào là hồi hướng?

Đáp:

Hết thảy phước đức con có được,
Tất cả đều hòa hợp như pháp,

Vì lợi cho các chúng sinh,
Đích thực hồi hướng về Phật đạo.

Ngã là chính mình. Hết thảy phước đức, hoặc sinh ra từ thân nghiệp hoặc sinh ra từ khẩu nghiệp hoặc sinh ra từ ý nghiệp, hoặc nhờ bố thí mà có, hoặc nhờ trì giới mà có, hoặc nhờ tu thiền mà có, hoặc nhờ tùy hỷ mà có, hoặc nhờ khuyến thỉnh mà có, những phước đức như vậy và tất cả thiện hạnh còn lại, đều gọi là phước đức vốn có.

Tất cả đều hòa hợp, là tâm nghĩ đến các phước đức tích góp quy tụ lại, tương xứng với hạn lượng mà biết rõ sự rộng lớn ấy. Các chúng sinh là tất cả chúng sinh trong ba cõi, chánh là đích thực hồi hướng như Chư Phật, hồi hướng đúng như chân thật, hồi hướng về Bồ đề. Hồi hướng về Bồ đề, là các phước đức đều hồi hướng cho quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, tùy hỷ hồi hướng thì hai sự việc này Đức Phật cũng tự nói: Có vị Đại Bồ tát nào, muốn tùy hỷ hồi hướng thì nên nghĩ đến Chư Phật, đoạn trừ con đường nối tiếp nhau mãi của ba cõi, diệt hết mọi hý luận, làm khô bùn lầy của phiền não, loại bỏ mọi gai góc, vất hết những gánh nặng, đến được nơi tự lợi ích mình. Chánh trí giải thoát làm cho tâm được tự tại, không còn kiết sử của ba cõi vô lượng vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ thế giới khắp mười phương, trong mỗi một thế giới cũng có vô lượng vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp Chư Phật xuất thế đã diệt độ, từ lúc mới phát tâm cho đến lúc đạt được quả Phật nhập vô dư Niết bàn, đến khi giáo pháp để lại chưa diệt mất, trong quãng thời gian ấy thì hết thảy thiện căn phước đức của Chư Phật, thuận theo sáu Ba-la-mật và thọ ký cho hàng Bích-chi-Phật vốn có thiện căn; đồng thời người hàng Thanh văn có thiện, hoặc bố thí-trì giới-tu thiền, và thiện căn vô lậu của bậc học-vô học, cùng với phẩm giới-phẩm định-phẩm tuệ-phẩm giải thoát-phẩm giải thoát tri kiến của Chư Phật, Đại Từ-Đại bi cùng vô lượng công đức,và tất cả các pháp mà Chư Phật đã thuyết ra… Ở trong các pháp này, có người nào tin hiểu tiếp nhận tu học đạt được lợi ích của pháp này, thì những người này vốn có thiện căn. Ở trong pháp này cho đến hàng phàm phu đã gieo trồng thiện căn và chư Thiên, Long thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, ma-hầu-la-già được nghe pháp rồi phát sinh những thiện tâm, thậm chí súc sinh nghe pháp sinh những thiện tâm. Đến lúc Chư Phật sắp nhập Niết bàn, chúng sinh đã gieo trồng thiện căn, thì những thiện căn phước đức này, tất cả đều hòa hợp tương xứng với mức lượng khiến cho không có gì sót lại, để mà tùy hỷ với tâm niệm tối thượng tối diệu tối thắng-

vô lượng vô đẳng vô đẳng đẳng. Tùy hỷ rồi, dùng phước đức phát sinh do sự tùy hỷ này, hồi hướng về quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chư Phật hiện tại và vị lai cũng như vậy. Phước đức của Chư Phật ba đời như vậy, và phước đức sinh ra nhờ Chư Phật, tâm đều tùy hỷ, hồi hướng về quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tội lỗi nên sám hối như vậy,
Phước sinh từ khuyến thỉnh-tùy hỷ,
Hồi hướng về đạo quả vô thượng,
Tất cả cũng thích hợp như vậy,
Như những điều Chư Phật đã thuyết,
Con sám hối tội lỗi-khuyến thỉnh,
Tùy hỷ và hồi hướng công đức,
Tất cả cũng thực hành như vậy.

Từ vô thỉ đời kiếp đến nay, có vô lượng tội lỗi ngăn cản Phật đạo, cần phải sám hối ở trước Chư Phật mười phương. Khuyến thỉnh Chư Phật và tùy hỷ-hồi hướng cũng phải như vậy. Như Đức Phật đã biết-đã thấy-đã chấp nhận sám hối, con cũng sám hối-khuyến thỉnh Chư Phật như vậy, tùy hỷ và hồi hướng cũng lại như vậy. Nếu sám hối-khuyến thỉnh-tùy hỷ và hồi hướng như vậy, thì gọi là chân chánh hồi hướng.

Hỏi: Thế nào gọi là Chư Phật đã biết-đã thấy-đã chấp nhận sám hối-khuyến thỉnh-tùy hỷ và hồi hướng?

Đáp: Sám hối và khuyến thỉnh như trước đã nói. Tùy hỷ hồi hướng, như trong kinh Đại Phẩm nói: "Tu Bồ đề thưa với Đức Phật rằng: Thưa

Đức Thế Tôn! Ngài đã thuyết về Bồ tát đối với hết thảy Chư Phật quá khứ-vị lai-hiện tại, và các đệ tử cùng tất cả chúng sinh vốn có phước đức thiện căn đều hòa hợp tùy theo hạn lượng, để tùy hỷ tối thượng. Thưa Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tùy hỷ tối thượng? Đức Phật bảo với Tu-bồ-đề: Nếu Bồ tát đối với các pháp Quá khứ-vị lai-hiện tại, không giữ lấy không nghĩ đến-không thấy-không được-không phân biệt, mà có thể tư duy như vậy: Các pháp này đều từ sự nhớ tưởng phân biệt các duyên hòa hợp mà có, tất cả các pháp thật sự không sinh ra, xưa nay không hề có, trong đó thậm chí không có một pháp nào đã sinh-đang sinh và sẽ sinh, không có pháp nào đã diệt-đang diệt và sẽ diệt, tướng của các pháp như vậy, mình tùy hỷ thuận với tướng của các pháp. Tùy hỷ rồi cũng thuận theo thật tướng của các pháp mà hồi hướng về đạo của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là tùy hỷ hồi hướng tối thượng. Lại nữa, này Tu-bồ-đề!

Người thiện nam-người thiện nữ nào mong cầu Phật đạo, không muốn bài báng Phật, nên dùng thiện căn hồi hướng như vậy, nên dấy lên ý niệm như vậy: Như tâm Chư Phật-trí Phật-mắt Phật, thấy biết Thể tướng đầu đuôi của thiện căn phước đức này từ đâu mà có, mình cũng như vậy tùy hỷ thuận theo sự thấy biết của Chư Phật, như Chư Phật đã chấp nhận, mình cũng như vậy đem thiện căn mà hồi hướng. Nếu Bồ tát hồi hướng như vậy, thì không bài báng Chư Phật, cũng không có tội lỗi gì, tâm tin hiểu sâu sắc hồi hướng đúng như thật, đó gọi là hồi hướng rộng lớn-hồi hướng đầy đủ. Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người thiện nam-người thiện nữ nào đem các thiện căn phước đức thuận theo hồi hướng như vậy, như các bậc Hiền Thánh đầy đủ phẩm giới-phẩm định-phẩm tuệ-phẩm giải thoát-phẩm giải thoát tri kiến; không hệ thuộc cõi Dục, không hệ thuộc cõi sắc, không hệ thuộc cõi Vô sắc; không thuộc về quá khứ, không thuộc về vị lai, không thuộc về hiện tại. Bởi vì không hệ thuộc ba cõi, cho nên sự hồi hướng này cũng không hệ thuộc như vậy, mọi nơi đã hồi hướng cũng không hệ thuộc. Nếu Bồ tát có thể như vậy đạt được tâm tin hiểu đúng như thật, thì gọi là hồi hướng không sai lạc-hồi hướng không tổn hại-hồi hướng theo pháp tánh. Nếu Bồ tát đối với sự hồi hướng này mà tham đắm giữ lấy tướng, thì gọi là hồi hướng sai lạc. Vì vậy các vị Đại Bồ tát, nên giống như Chư Phật mà biết rõ tướng của pháp, để hồi hướng về tướng của pháp này, có thể đến được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là hồi hướng chính xác".

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 6

Phẩm 11: PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Hỏi: Sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng thực hiện như thế nào, trong một ngày đêm thực hành mấy thời?

Đáp:

Dùng gối bên phải quỳ sát đất,
Trệch áo bày vai bên tay phải,
Chắp hai tay tâm thật cung kính,
Trong một ngày đêm hành sáu thời.

Để tỏ lòng cung kính nên quỳ đầu gối bên phải chấm đất, để hở vai bên phải và chắp tay. Cách lễ ấy phải làm vào thời lễ đầu hôm, kính lạy hết thảy chư Phật, sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng. Giữa đêm và gần sáng cũng làm như vậy. Ban ngày thì buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều cũng làm như vậy. Cả ngày đêm là sáu thời, một lòng nhớ đến chư Phật như ở ngay trước mặt mình.

Hỏi: Thực hành như vậy rồi được quả báo gì?

Đáp:

Nếu như thực hành dù một thời,
Phước đức mà thật có hình tướng,
Thì thế giới như cát sông Hằng,
Cũng không thể nào chứa hết được.

Thực hành như vậy trong một thời mà phước mình có được, nếu như có hình tướng thì ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn vẫn không chứa hết. Như trong phẩm Trừ Tội Nghiệp của kinh Tam Hữu có nói: "Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu có người thiện nam-người thiện nữ nào đem bảy báu đầy ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, bố thí cho chư Phật, nếu lại có người khuyến thỉnh chư Phật Chuyển pháp luân, thì phước đức của người này lại vượt xa phước bố thí kia".

Lại nữa, như phẩm Tùy Hỷ Hồi Hướng trong kinh Bát Nhã Ba La Mật nói: "Hay lắm! Hay lắm! Này Tu-bồ-đề! Thầy có thể làm việc Phật, nói cách hồi hướng cho các Bồ-tát . Nếu Bồ-tát nghĩ như vậy: Như chư Phật đã thấy biết về thể tướng, gốc ngọn phước đức căn thiện này do đâu mà có mình cũng như vậy thuận theo sự thấy biết của chư Phật mà hồi hướng. Người này được nhiều phước, ví như chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng đều thành tựu được mười thiện đạo, thì phước đức mà Bồ-tát hồi hướng sẽ cao tột hơn hết, rất tốt đẹp không gì bằng, không gì có thể đem so sánh. Thầy Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, thành tựu mười thiện đạo; hoặc chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng đều được Tứ thiền, phước ấy so với phước hồi hướng này, thì hồi hướng vẫn là tối thắng-tối diệu-tối thượng. Bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-Phật đạo, cũng lại như vậy, pháp hồi hướng là phước đức tối thắng-tối diệu-tối thượng. Thầy Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, đều thành Bích-chi-Phật, hoặc có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; lại có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, trong ấy có một Bồ-tát đem tâm chấp tướng, cúng dường các chúng sinh này những y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang, trải qua vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng, dùng mọi thứ âm nhạc cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi, mỗi một Bồ-tát đều làm như vậy. Thầy Tu-bồ-đề nghĩ sao? Các Bồ-tát ấy do nhân duyên này có nhiều phước đức không?

Thầy Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Phước rất nhiều. Phước đức nhiều như vậy cho nên không thể tính số hay lấy thí dụ mà nói đến được, nếu phước đức này có hình tướng thì thế giới nhiều như cát sông Hằng cũng không thể nào tiếp nhận hết được.

Đức Phật bảo với Tu-bồ-đề: Hay lắm, hay lắm! Thầy Tu-bồ-đề! Bồ tát này vì giữ gìn Bát-nhã Ba-la-mật, dùng thiện căn hồi hướng thuận theo pháp tánh mà được phước đức, các Bồ tát trước chấp tướng phước đức của bố thí, trăm phần không bằng một, ngàn phần-vạn phần-trăm ngàn vạn ức phần, cho đến toán số bố thí cũng không thể nào sánh kịp. Tại vì sao? Bởi vì các Bồ tát trước chấp tướng phân biệt Bố thí, đều là phước đức có hạn lượng-có tính đếm."

Lại nữa, trong phẩm Hồi hướng của kinh Bát Nhã Ba La Mật, Phật bảo Thiên tử Tịnh Cư: Giả sử chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, mỗi một Bồ-tát dùng tâm chấp tướng cúng dường các chúng sinh này những y phục, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc thang, và các vật dụng riêng tư, tùy ý cúng dường trong số kiếp nhiều như cát sông Hằng. Này các Thiên tử! Nếu chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng này đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngoài ra, còn có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, cũng đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong số đó có một Bồ-tát cúng dường cho những Bồ-tát này về y phục, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc thang, các đồ dùng cá nhân cần thiết, trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng, là bố thí mà phân biệt chấp tướng. Như vậy, các Bồ-tát đều trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng, cúng dường cho các Bồ-tát này những thứ cần dùng như y phục, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc thang, tùy ý cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi, đều là bố thí chấp tướng. Nếu Bồ-tát được che chở từ Bát nhã Ba-la-mật mà thực hành những phẩm Giới-định-tuệ, phẩm Giải thoát, phẩm Giải thoát tri kiến của chư Phật ở quá khứ-hiện tại-vị lai và năm phẩm Thanh văn, cho đến những người phàm phu gieo trồng căn thiện trong ấy, hoặc đã trồng-đang trồng-sẽ trồng. Hết thảy đều hòa hợp, tương ưng với số lượng, không còn rơi sót chút nào, thì phước đức tùy hỷ đó là tối thắng-tối diệu-tối thượng, không gì bằng, không gì có thể so sánh, không thể nghĩ bàn. Đem phước đức ấy hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi nghĩ như vậy: Phước đức này của mình, có thể đến Phật đạo. Phước đức này so với phước đức chấp tướng trước kia, thì phước trước kia trong trăm phần không được một, ngàn-vạn phần-ức phần cho đến toán số thí dụ cũng không tính được. Vì sao? Vì những Bồ-tát ấy bố thí mà còn chấp tướng, còn phân biệt. Lại có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thân-miệng-ý đều làm nghiệp thiện. Lại có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu người nào trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng, đều có khả năng chịu đựng, nhẫn nhịn trước những lời mắng nhiếc ác độc trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng, thân tâm tinh tiến, trừ bỏ mọi sự lười nhác, nhiếp tâm vào thiền định không còn các ý tưởng rối loạn mà đều chấp lấy

tướng thì không bằng Bồ-tát hồi hướng như pháp tánh, phước hồi hướng ấy là hơn hẳn. Vì vậy như ông nói trước đây, làm sự việc như vậy có được lợi ích như thế nào? Đạt được phước đức tích tụ to lớn như vậy. Vì vậy, nếu người nào muốn có được phước đức tích tụ vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn như vậy, thì cần phần thực hành theo pháp sám hối khuyến thỉnh-tùy hỷ-hồi hướng này, không tiếc thân mạng-lợi dưỡng-danh tiếng, ở trong ngày đêm thường thuận theo chịu khó thực hành.

Hỏi: Ông chỉ nói đến phước đức trong khuyến thỉnh-tùy hỷ-hồi hướng, vì sao không nói đến phước đức trong sám hối vậy?

Đáp: Phước đức sám hối lớn nhất trong các phước đức, vì nghiệp chướng tội lỗi bị diệt trừ, khéo thực hành được hạnh Bồ-tát, làm cho khuyến thỉnh-tùy hỷ-hồi hướng cùng hòa hợp không có gì khác với Không-Vô tướng-Vô nguyện.

Lại nữa, sám hối ví như ngọc báu Như ý tùy nguyện đều đạt được, như Phật đã nói: "Nếu ai muốn sinh trong dòng Bà-la-môn uy thế lớn, sinh trong dòng Sát-đế-lợi uy thế lớn, sinh trong nhà Cư sĩ uy thế lớn, thì nên sám hối nghiệp tội như vậy, không được che giấu tội lỗi, nguyện về sau không dám tái phạm. Nếu có người muốn sinh lên các cõi trời Tứ Thiên vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa-lạc, Tha-hóa-tự-tại, thì cũng nên như vậy mà sám hối nghiệp tội, không được che giấu tội lỗi nào, về sau không dám tái phạm. Nếu người muốn sinh lên cõi Phạm, cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng, thì người này cũng nên như vậy mà sám hối nghiệp tội, không được che giấu tội nào, về sau không dám tái phạm. Nếu người muốn được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, thì cũng nên như vậy mà sám hối nghiệp tội. Nếu người muốn được ba minh-sáu thông và sức lực tự tại trong đạo Thanh văn, cùng tận công đức Thanh văn để đến bờ bên kia, thì cũng nên như vậy mà sám hối nghiệp tội. Nếu người muốn được đạo Bích-chi-Phật thì cũng nên như vậy mà sám hối tội nghiệp. Nếu người muốn được Nhất thiết trí, trí tuệ không thể nghĩ bàn, trí tuệ vô ngại, trí tuệ vô thượng, thì cũng nên như vậy mà sám hối nghiệp tội, không được che giấu tội nào, về sau không dám tái phạm". Vì vậy nên biết sám hối có được phước báo rất lớn.

Hỏi: Ông nói sám hối trừ nghiệp, diệt nghiệp chướng tội lỗi trong kinh khác nói: "Phật bảo A-nan: Cố ý gây ra nghiệp thì chắc chắn sẽ nhận chịu báo ứng". Còn trong A-tỳ-đàm nói: "Nhân duyên của mọi nghiệp không phải không có, cho nên quả báo không mất và không hoại diệt".

Lại trong kinh nói: "Chúng sinh đều ràng buộc do nghiệp, đều do nghiệp mà có, nương tựa vào nghiệp này, chúng sinh tùy theo nghiệp đều tự mình nhận chịu quả báo, hoặc hiện báo, hoặc sinh báo, hoặc hậu báo". Lại trong kinh Nghiệp Báo, vua Diêm-la vì chúng sinh mà nói: "Ôi, chúng sinh! Tội này của các ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải trời làm, hay Sa-môn, Bà-la-môn làm, mà chính các ngươi gây ra thì tự mình phải nhận lấy quả báo". Lại trong bài kệ Hiền Thánh nói:

Pháp chân thật giống như kim cang,
Tướng của nghiệp lực không hơn được,
Nay Ta đã chứng được đạo quả,
Mà nhận chịu khổ báo ác nghiệp,
Lại Đức Phật tự nói:
Biển rộng cùng với những núi non,
Gò đồi-cây cối và rừng rậm,
Đất-nước-gió-lửa cùng vạn vật,
Trời-trăng-tinh tú với hư không,
Nếu đến lúc kiếp hoại bùng cháy,
Đều diệt hết không còn lại gì,
Nghiệp lực trải qua vô lượng kiếp,
Thường tồn tại mà không mất đi.
Ông gặp được người đầy đủ tướng,
Nhất thiết trí bậc thầy của người,
Tội nghiệp do đời trước tạo ra,
Đã đền trả quả báo của mình,
Nay tuy là được gặp Đức Phật,
Cấu trược không còn-chứng quả Thánh,
Bởi vì nhân duyên còn sót lại,
Nên như dằm cây vẫn trong thân.

Vì vậy không nên nói là sám hối thì tội lỗi nghiệp chướng tiêu trừ.

Đáp: Tôi không nói sám hối thì nghiệp tội diệt hết không còn có quả báo. Tôi nói sám hối thì tội từng lúc sẽ mỏng đi. Vì vậy cho nên sám hối.

Trong bài kệ nói: "Nếu phải chịu quả báo trong ba đường dữ thì nguyện nhận chịu trong thân hiện tại."

Còn trong kinh Như Lai Trí Ấn nói: "Đức Phật bảo với Di lặc: Các Bồ- tát đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phát tâm hết sức quý trọng và ưa thích, có tội lỗi nhận chịu báo ứng ở đường ác thì tội lỗi giảm

nhẹ, đời sau nhận chịu hình hài xấu xí, hoặc nhiều bệnh tật, không có uy đức, sinh trong nhà thấp kém, trong nhà nghèo thiếu, trong nhà tà kiến, trong nhà tự nuôi sống bằng tà nghiệp, sinh ở nơi trái ý, nơi lắm điều ưa sầu; đất nước bị tàn phá, thôn làng bị tàn phá, nhà ưa bị tàn phá, mọi thứ yêu quý bị tàn phá. Không gặp được thiện tri thức, luôn luôn không được nghe pháp, không có được lợi dưỡng. Nếu có được thì chỉ là loại tồi tệ, thường không cung cấp đủ cho mình, có thể làm cho hạng thấp kém tin tưởng kính trọng, đối với các bậc Đại nhân không có được sự tin tưởng kính trọng. Lúc tu tập những phước thiện, có nhiều chướng ngại không được thành tựu. Các căn tối tăm chậm chạp, tu tập thiền định thì ý tán loạn, không đạt được công đức của giác ý vô lậu, không biết kinh pháp để thuận theo hướng đến cho thích hợp, cho đến gặp ác mộng đền trả báo ứng trong đường ác."

Lại nữa, Phật nói: "Ai có tội nhỏ thì ngay đời này phải nhận quả báo. Nếu tội này trở nên nhiều thì phải đọa vào địa ngục".

Tại sao người đó ở đời này chỉ có tội nhẹ, mà trở thành tội nhiều để rơi vào địa ngục? Có người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, không có ý chí lớn, thì kẻ ấy, dù mắc tội nhỏ, cũng rơi vào địa ngục.

Tại sao người này có tội ở đời này phải chịu quả báo? Tội không tăng thêm thì không đọa vào địa ngục. Có người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, có ý chí lớn, không có tâm cố chấp, người như vậy có tội nhưng tội sẽ không tăng thêm cho nên chịu quả báo ngay đời này. Ví như người lấy đồ đựng nhỏ chứa đầy nước, rồi bỏ vào đó một thăng muối thì không thể uống được. Nếu lại có người đem một thăng muối đổ vào hồ rộng thì vẫn không cảm thấy vị mặn, huống là không uống ư? Tại vì sao? Bởi vì nước nhiều mà muốt ít, tội lỗi cũng như vậy. Kệ nói:

Thăng muối trút vào trong biển rộng,
Vị của biển không có gì khác,
Nếu bỏ vào om nhỏ ít nước,
Thì mặn chát không thể uống được.
Như người tích lũy nhiều phước thiện,
Mà có một chút nhỏ tội ác,
Không thể rơi vào trong đường ác,
Duyên còn lại mà chịu báo nhẹ.
Còn đối với người phước đức ít,
Mà có một chút nhỏ tội ác,

Bởi vì tâm chí thật nhỏ nhoi,
Tội lỗi khiến rơi vào đường ác.
Nếu như người sức nóng suy yếu,
Ăn một chút thức ăn khó tiêu,
Người này tuy là không chết được,
Mà thân thể chịu nhiều khổ sở.
Nếu như người thân thể khỏe mạnh,
Ăn một chút thức ăn khó tiêu,
Người này cuối cùng không chết được,
Chỉ nhận chịu đôi chút khổ sở.
Lửa phước thiện-trí tuệ kém cỏi,
Mà có một chút ít tội ác,
Tội lỗi này không ai cứu được,
Có thể khiến rơi vào địa ngục.
Người có nhiều phước thiện công đức,
Tuy có làm điều gây tội ác,
Mà không khiến rơi vào địa ngục,
Thân hiện tại nhận chịu nhẹ nhàng.
Ví như Ương-quật-ma-la ấy,
Giết chết rất nhiều người vô tội,
Lại muốn giết hại mẹ và Phật,
Đạt được đạo quả A-la-hán.

Đời này nhận quả báo nhẹ cũng như vua A-xà-thế giết cha, là người đắc đạo. Bởi vì nhân duyên gặp Phật và Văn-thù-sư-lợi cho nên tội nặng của ông chỉ nhận chịu nhẹ nhàng.

Lại như người rắn độc sinh ra thì trời luôn mưa máu, sau dần lớn lên khi có ý muốn giết người, mắt nhìn vào lập tức chết liền, hoặc dùng hơi thở phun ra cũng làm chết người. Vì vậy người lúc ấy gọi là kẻ hà hơi chết người. Lúc này mạng chung, Xá-lợi-phất đi đến chỗ ấy, trong tâm người này giận dữ đưa mắt nhìn không chết, hà hơi cũng không chết. Xá-lợi-phất phương tiện hiện bày ánh sáng trên sắc thân, tâm người ấy liền được thanh tịnh, nhìn Xá-lợi-phất từ trên xuống dưới bảy lần. Nhờ nhân duyên này sau khi mạng chung, bảy lần sinh lên cõi trời, bảy lần sinh trong loài người. Về sau, lúc con người thọ bốn vạn tuổi, sẽ đạt được đạo quả Bích-chi-Phật, thân màu vàng ròng. Người lúc ấy gọi là khối vàng đến. Muốn chặt lấy vàng thì liền mạng chung nhập Niết bàn.

Lại như vua A-thâu-già đưa binh đánh nước Diêm-phù-đề, giết chết một vạn tám ngàn cung nhân. Nhưng đời trước ông đã cúng đất cho Phật, xây tám vạn ngôi tháp, thường nghe kinh pháp nơi bậc A-la-hán, nên về sau ông chứng quả Tu-đà-hoàn. Thân ông chỉ đền chút tội nhẹ. Những tội ác như vậy phần nhiều nhờ làm phước đức với ý chí rộng lớn, các phước đức này tích tụ thêm nhiều cho nên không bị đọa vào đường dữ.

Vì vậy, trước đây ông hỏi vặn là nếu sám hối nghiệp tội thì diệt hết không còn quả báo, nói vậy là không đúng. Mặt khác, nếu nói tội không thể tiêu diệt thì trong Tỳ-ni, Phật nói: Sám hối tiêu trừ tội, thì không thể tin? Điều này không phải như vậy. Vì vậy mắc tội lỗi nghiệp chướng thì nên sám hối.

Phẩm 12: PHÂN BIỆT BỐ THÍ, Phần 1

Bồ-tát có năng lực thực hành sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng như vậy.

Sức mạnh phước đức càng tăng lên,
Tâm cũng thêm nhu hòa mềm mỏng,
Chính là tin vào công đức Phật,
Và công hạnh lớn của Bồ tát.

Bồ tát này nhờ vào sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng cho nên phước lực càng tăng lên, tâm điều hòa mềm mỏng, đối với vô lượng công đức thanh tịnh bậc nhất của Chư Phật, hàng phàm phu vốn không tin được mà Bồ tát luôn luôn tin nhận, và Đại hạnh thanh tịnh của các Bồ tát cùng với việc khó làm hiếm có mà cũng luôn luôn tin nhận. Lại nửa:

Tất cả mọi chúng sinh khổ não,
Không có pháp thanh tịnh xấu xa,
Đối với họ sinh lòng thương xót,
Mà phát tâm Từ Bi sâu sắc.

Bồ tát tin tưởng vô lượng công đức thanh tịnh hết sức sâu xa bậc nhất của Chư Phật và Bồ tát, mà thương xót cho các chúng sinh, không có công đức này chỉ bởi vì các tà kiến mà nhận chịu các loại khổ não, cho nên sinh tâm Bi cảm sâu sắc.

Nghĩ đến những chúng sinh như vậy,
Đang chìm trong bùn lầy khổ não,

Mình nên cứu giúp kéo họ ra,
Làm cho đến được nơi an ổn.

Bồ tát này có được tâm Bi rồi dấy lên nghĩ như vậy: Những chúng sinh này thường bị tham-sân-si làm cho thành căn bệnh, mà thân tâm phải chịu mọi nỗi khổ não, mình nên cứu giúp khiến cho thân tâm xa lìa vũng bùn sâu của khổ não, chấm dứt không còn tai họa của sinh già bệnh chết, được trú trong xứ sở an ổn của niềm vui Niết-bàn. Vì vậy đối với chúng sinh khổ não này mà phát sinh tâm Bi sâu sắc. Nhờ vào tâm Bi cho nên tiến hành cầu mong tùy ý khiến được an lạc, thì gọi là tâm Từ.

Nếu Bồ tát suy nghĩ như vậy,
Hết sức thuận theo tâm Từ Bi,
Đoạn tuyệt hết thảy mọi tham tiếc,
Chịu khó tinh tiến hành bố thí.

Bồ tát là người mong cầu Phật đạo, cứu độ chúng sinh đang khổ não. Niệm là thuận theo, có nghĩa là tùy thuận với tâm Từ Bi chứ không thuận theo tâm niệm nào khác. Lòng Từ sâu sắc là tình thương bao phủ khắp nơi, nghĩ đến các chúng sinh cùng tận xương tủy. Vật vốn có là tất cả đồ vật trong và ngoài thân, hết thảy vàng bạc-châu báu-quốc thành-vợ con… Tham là mong muốn có được không hề chán tiếc là yêu quý giữ chặt không muốn cho người khác. Đoạn là lìa bỏ hài tâm lý xấu xa này, như vậy thì mở toang cánh cửa bố thí Ba-la-mật. Vì vậy thường xuyên phải dốc lòng chịu khó thực hành không để cho phóng túng. Tại vì sao? Bởi vì Bồ tát dấy lên ý niệm như vậy! Nay mình thuận theo năng lực của mình làm lợi ít cho chúng sinh, phát tâm thực hành bố thí kiên cố.

Tất cả mọi đồ vật vốn có,
Có mạng hoặc không có mạng sống,
Ngôi vị của Chuyển luân Thiên vương,
Không có ai xin mà không cho,
Ngay cả con cái trai hay gái,
Thê thiếp xinh đẹp giòng họ lớn,
Tuổi trẻ rất đoan chánh nghiêm trang,
Khôn khéo tự mình hầu hạ người,
Tâm cung kính thuận thảo nhu hòa,
Tình thương nghĩ đến thật thiết tha,
Mạng sống là điều tiếc hơn hết,
Người cầu thì đều có thể cho.

Cho đến máu thịt trên thân thể,
Xương tủy và tay chân đầu mặt,
Mắt tai mũi lưỡi cùng mọi thứ,
Thân mạng này đều luôn luôn cho.

Bồ tát này trong tâm quyết định hành hạnh bố thí, tất cả mọi vật vốn có ngoài thân, hoặc có mạng sống hoặc không có mạng sống, không có ai xin mà không cho. Vật không có mạng sống là vàng bạc châu báu, cho đến ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, ngôi vị thiên vương. Vật có mạng sống là con trai con gái dòng họ cao quý, thê thiếp trẻ trung gia đình tốt lành, đoan nghiêm nhu hòa cung kính hiếu thuận, yêu quý thiết tha hơn cả chính thân mạng của mình mà có thể bố thí cho người, như Bồ tát Nhất thiết Thí vốn có vật bên ngoài và vợ con… đều tự mình luôn luôn bố thí. Bồ tát này ngay cả máu thịt đầu mắt tai mũi tay chân trên thân thể mình đều đem bố thí, cắt thịt lòi xương-đập xương lấy tủy, như Tát-bà-đa-luân, hoặc đem cả thân mạng mà bố thí. Tất cả mọi thứ yêu quý không có gì hơn thân mạng, Bồ tát cũng có thể bố thí như Tát-hòa-đàn. Như Bồ tát làm loài Thỏ đem thân bố thí cho Tiên nhân, như vua Thi-tỳ lấy thân mình thế cho chim bồ câu. Hỏi: Bồ tát này bởi vì phân biệt biết rõ bố thí và quả báo của Bố thí, cho nên có thể đem bố thí những điều khó bố thí, hay là chỉ vì tâm Từ bi mà phát nguyện bố thí?

Đáp:

Người thực hành bố thí như vậy,
Thì cảm được quả báo như vậy,
Bên trong dùng các phần thân thể,
Cùng với những vật khác bên ngoài.

Vật bên trong là đầu, mắt, tay, chân. Vật bên ngoài là vợ con, vàng bạc, vật báu... Bồ-tát này biết như thật về việc bố thí. Sự chứng đắc này hay quả báo này, tất cả đều phân biệt rõ ràng. Hơn nữa, lại tin tưởng ở các kinh đã nói, hoặc dùng thiên nhãn mà biết được.

Hỏi: Trước đây ông nói về biết đem thân mạng bố thí và vật bên ngoài để bố thí mà cảm được quả báo, nay có thể nói về quả báo đạt được chăng?

Đáp: Trong nghĩa bố thí Ba-la-mật ở phẩm thứ ba mươi là phẩm Vô tận Ý Bồ tát trong kinh Bảo Đảnh nói: "Bồ tát lập nguyện: Ai cần thì cho ăn, khiến cho mình đạt được năm sự báo ứng.

1. Được sống lâu.

2. Được chăm sóc.
3. Được vui vẻ.
4. Được sức mạnh.
5. Được sắc tướng.

Ai cần nước cháo cho nước cháo, thì trước tiên ở trong loài người được uống nước thơm ngọt, về sau được trừ diệt mọi khát ái phiền não. Ai cần xe cho xe, thì được báo ứng vui vẻ tùy ý, thành tựu bốn như ý túc, về sau đạt được đạo quả Tam thừa. Ai cần áo quần cho áo quần, thì cảm được báo áo quần tàm quý. Ai cần đèn sáng cho đèn sáng, thì cảm được báo Phật nhãn sáng suốt. Ai cần kỹ nhạc cho kỹ nhạc, thì cảm được Thiên nhĩ đầy đủ. Ai cần hương bột hương xoa cho hương bột hương xoa, thì cảm được thân thể không hôi hám. Ai cần nước sữa cho nước sữa, thì cảm được báo biết được mọi mùi vị. Ai cần nhà cửa cho nhà cửa, thì cảm được báo làm nơi nương tựa-cứu giúp cho tất cả chúng sinh.

Người bố thí vật dụng cung cấp giúp cho đời sống, thì cảm được công đức hỗ trợ Bồ đề. Người bố thí thuốc thang, thì cảm được thân không có già bệnh chết, thường vui vẻ yên ổn. Người bố thí tôi tớ, thì cảm được trí tuệ đầy đủ tùy ý tự tại. Người bố thí vàng bạc-san hô-xa cừ-mã não, thì cảm được ba mươi hai tướng đầy đủ. Người bố thí các loại đồ vật trang nghiêm cho thân, thì cảm được tám mươi vẻ đẹp trên thân hình. Người bố thí voi-ngựa-xe cộ, thì cảm được pháp Đại thừa đầy đủ. Người bố thí vườn rừng, thì cảm được đầy đủ niềm vui của thiền định. Người bố thí con trai con gái, thì cảm được sự quý trọng đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người bố thí kho thóc-kho báu, thì cảm được pháp tạng đầy đủ. Người bố thí ngôi vị vua chúa trong một đất nước-một cõi Diêm-phù-đề-một cõi tứ thiên hạ, thì cảm được địa vị Pháp vương tự tại nơi đạo tràng. Người bố thí các dụng cụ chơi đùa vui vẻ, thì cảm được niềm pháp lạc.

Người đem chân bố thí, thì cảm được đôi chân giáo pháp có năng lực đi đến chốn đạo tràng. Người đem tay bố thí thì cảm được đôi tay quý báu có năng lực bố thí tất cả. Người đem tai mũi bố thí, thì cảm được thân thể đầy đủ. Người đem đôi mắt bố thí, thì cảm được pháp nhãn đầy đủ không có gì chướng ngại. Người đem đầu bố thí, thì cảm được tất cả trí tuệ, cả ba cõi vô cùng tôn kính. Người đem máu thịt bố thí, khiến cho mọi chúng sinh cảm được công hạnh kiên cố. Người đem tủy bố thí, thì cảm được thân kim cang, không có thế lực nào có năng lực hủy hoại được".

Như vậy đã mở thông về phần quả báo của bố thí. Quả báo của những loại bố thí khác cũng cần phải biết rõ.

Người dùng đồ nằm bố thí, cảm được giường nằm an ổn giải thoát của ba thừa. Người dùng chỗ ngồi bố thí, thì cảm được nơi chốn không thể hủy hoại nơi đạo tràng dưới cội cây Bồ đề. Người đem vợ bố thí thì cảm được niềm pháp hỷ vui sướng. Người đem đạo lý bố thí, thì cảm được tiến vào chánh đạo làm cho chúng sinh mất đi đường khổ đau của sinh tử. Người đem bè mảng bố thí, thì cảm được vượt qua các dòng chảy của tham dục, dòng chảy của Hữu, dòng chảy của kiến, dòng chảy của vô minh. Người dùng xương bố thí, thì cảm được giới kiên cố, tuệ kiên cố, giải thoát kiên cố, giải thoát tri kiến kiên cố, chúng sinh kiên cố. Người đem quyến thuộc bố thí, thì cảm được sự thành tựu vô lượng vô biên A-tăng-kỳ phước đức, quyến thuộc trời-người chung lòng thanh tịnh không có thể ngăn cản hủy hoại được. Người dùng lời khen tốt lành bố thí, thì cảm được lúc thuyết pháp trời rồng, dạ xoa, càn-thát-bà, Sa môn, Bà-la-môn đều hoan hỷ ca ngợi. Người đem kinh sách bố thí, thì cảm được chín bộ kinh tồn tại lâu dài trải qua vô lượng thời gian. Người đem giáo pháp bố thí, thì cảm được sự thông đạt tất cả các pháp, quy tập tất cả công đức.

Bồ tát này thích thực hành bố thí như vậy, biết rõ bố thí thanh tịnh, biết rõ quả báo của bố thí đã cảm được nhiều ít. Vì vậy:

Bố thí tiền của không hợp pháp,
Cho đến trí trách mắng bố thí,
Không có cách bố thí như vậy,
Chỉ bố thí hòa hợp với không.

Phi pháp là do làm điều ác mà có được tiền bạc. Tiền bạc là vật giúp đỡ cung cấp cho cuộc sống. Lấy điều quan trọng mà nói, dùng tiền của có được bằng ác nghiệp mà bố thí, thì Bồ tát biết sự bố thí này không thanh tịnh. Những cách bố thí không hợp pháp thuộc loại như vậy, cho đến cách bố thí mà người trí trách mắng, không phải là bố thí thanh tịnh. Bồ tát thực hành bố thí, chỉ hòa hợp các loại công đức cùng với những trí tuệ về không.

Hỏi: Đã nói về bố thí tài vật có được do phi pháp, và bố thí hòa hợp cùng trí tuệ về không, hai cách bố thí này nên phân biệt rộng ra chăng?

Đáp: Hai cách bố thí này, trong phẩm Vô tận ý Bồ tát Hội và trong Đàn Ba-la-mật nói: Trước hết phân biệt về công đức bố thí, đó gọi là các Bồ tát không bố thí tài vật mong cầu phi pháp. Không bố thí sự phiền

muộn, khổ não cho chúng sinh. Không bố thí sự sợ hãi. Không bố thí vì cố chấp. Không bố thí khi không có mong cầu. Không bố thí không giống như đã hứa. Không bố thí vì tiếc cái tốt mà cho cái xấu. Không bố thí với tâm không sâu xa. Không bố thí với tâm dua nịnh quanh co. không bố thí với tâm giả dối. Không bố thí với tâm tổn hại đến kết quả. Không bố thí với tâm tà vạy. Không bố thí với tâm si mê. Không bố thí với tâm hỗn tạp. Không bố thí với tâm không tin giải thoát. Không bố thí với tâm mệt mỏi chán nản. Không bố thí với tâm thân cận nhờ cậy. Không bố thí với tâm hy vọng thuận theo mình. Không bố thí với tâm mong cầu gặp người có phước. Không bố thí với tâm khinh rẻ tất cả chúng sinh không phải là người có phước. Không bố thí với tâm phân biệt trì giới-phá giới hay cao thấp. Không bố thí với tâm mong cầu danh tiếng. Không bố thí với tâm tự cao. Không bố thí với tâm chê người hèn hạ. Không bố thí với tâm tiếc nuối sâu kín. Không bố thí với tâm hối tiếc. Không bố thí vì kêu gọi khẩn cấp. Không bố thí với tâm xấu xa hèn hạ. Không bố thí pháp theo cách tự nhiên. Không bố thí với tâm mong cầu quả báo. Không bố thí với tâm giận dữ. Không bố thí với tâm làm cho người khao khát chở đợi, không bố thí với tâm làm phiền muộn người cầu xin. Không bố thí với tâm khinh chê đùa cợt người xin. Không bố thí với tâm lừa dối khi dễ. Không bố thí với tâm hẹn rồi trách mặt, không bố thí bằng cách ném cho.

Không bố thí khi không nhất tâm. Không bố thí mà không tự tay mình trao. Không bố thí miễn cưỡng. Không bố thí tạm thời. Không bố thí rồi chấm dứt. Không bố thí vì tranh hơn người. Không bố thí với tâm khinh thường đồ vật. Không bố thí vì người cầu xin, tùy ý bừa bãi mà đưa cho vật đã bị gạt bỏ. Không bố thí không hợp với khả năng. Không bố thí với tâm không phải là phước điền. Không bố thí với tâm thấp kém cỏi vì một ít đồ vật. Không bố thí với tâm kiêu căng cậy vào nhiều đồ vật. Không bố thí với tâm tà hạnh. Không bố thí với tâm vui thích thọ thân đời sau. Không bố thí với tâm cậy thế sắc tộc giàu sang. Không bố thí với tâm mong cầu sinh lên cõi trời Tứ vương Thích Phạm. Không bố thí với tâm mong cầu Thanh văn thừa và Bích-chi-Phật thừa. Không bố thí với tâm mong cầu Quốc vương, vương tử. Không bố thí với tam hạn định trong một đời. Không bố thí với tâm thỏa mãn, không bố thí mà không hồi hướng về Tá-bà-nhã. Không bố thí với tâm bất tịnh. Không bố thí không hợp thời cơ. Không bố thí dao gậy độc hại. Không bố thí với tâm làm phiền muộn, đùa cợt chúng sinh. Không bố thí sai trái mà người trí đã chỉ bày quở trách.

Như vậy đã nêu ra rõ ràng về phần bố thí, những loại bố thí bất tịnh khác cũng cần phải biết. Đó là các Bồ tát không bố thí đồ vật đang vất bỏ. Không bố thí cho hạng oán ghét Niết-bàn. Không bố thí cho người giàu có dễ dàng có được vật dụng. Không bố thí tùy theo ân tình. Không bố thí với tâm trả ơn. Không bố thí với tâm mong cầu báo đáp.

Không bố thí với tâm mong cầu che chở không bố thí với tâm mong cầu điều tốt lành. Không bố thí với tâm kiêu mạn. Không bố thí theo cách truyền thống gia đình. Không bố thí với tâm nhờ cậy được liền. Không bố thí với tâm không thực hành suốt đời. Không bố thí với tâm cấu trược. Không bố thí với tâm đùa vui. Không bố thí vì người ấy là thiện tri thức. Không bố thí với tâm khinh khi. Không bố thí với tâm đùa cợt phóng túng. Không bố thí vì mất mát. Không bố thí vì mình được khen. Không bố thí vì bị trách mắng. Không bố thí vì bị nguyền rủa . không bố thí vì được khen là chuyện hiếm có. Không bố thí vì làm sáng tỏ niềm tin của mình. Không bố thí vì sợ hãi. Không bố thí với tâm lừa dối. Không bố thí vì mong cầu quyến thuộc. Không bố thí với tâm không dẫn dắt. Không bố thí với tâm dẫn dụ mọi người. Không bố thí với tâm không tin. Không bố thí với tâm không có nhân duyên. Không bố thí tùy ý. Không bố thí với tâm thể hiện kỳ lạ. Không bố thí với tâm tự khen ngợi mình. Không bố thí với tâm không thuận theo mong cầu. Không bố thí vì chèn ép người khác bố thí. Không bố thí với tâm không yêu quý. Không bố thí vật không được sử dụng. Không bố thí với tâm không cung kính. Không bố thí với tâm thấp hèn. Không bố thí vì tướng trạng kỳ lạ. Không bố thí với tâm chèn ép. Không bố thí với tâm dựa thế mạnh có được đồ vật. Không bố thí với tâm không thanh tịnh. Không bố thí với tâm nghi ngờ. Không bố thí với tâm phá hoại người cầu xin. Không bố thí đồ vật bị ngăn cấm. Không bố thí với tâm phân biệt. Không đem được bố thí. Không đem vũ khí gậy gộc để bố thí. Không chiếm đoạt đồ vật của người để bố thí. Không bố thí với tâm làm chong khác sinh ngờ vực. Không vì thân cận mà bố thí. Không bố thí với tâm nói về lỗi lầm của người khác. Không thuận theo những gì yêu quý mà bố thí. Không bố thí với tâm giận dữ. Không bố thí với tâm si mê. Không bố thí với tâm hý luận. không bố thí với tâm không vì Bồ đề.

Hỏi: Bố thí tiền của có được từ sự mong cầu phi pháp, cho đến bố thí với tâm không vì Bồ đề, đối với Bồ tát là có hay là không có. Nếu tất cả không có thì phạm vào lỗi là không cầu phước điền, đối với tâm chúng sinh không có gì sai khác, cũng không có ý niệm tri ân và báo ân, cũng

không bố thí theo truyền thống gia đình-truyền thống quốc gia. Nếu như có thì tại sao điều nói là không có?

Đáp: Bố thí tiền của có được từ sự mong cầu phi pháp này, cho đến bố thí với tâm không vì bồ đề thì Bồ tát không hẳn là hoàn toàn không có, có lúc cũng có, nhưng cách bố thí này vốn không thuộc về bố thí Ba-la-mật, không có thể đầy đủ bố thí Ba-la-mật cho nên nói là không có. Bố thí hòa hợp với những công đức về không, như trong phẩm Đàn Ba-la-mật của kinh Vô tận Ý Bồ tát nói: "Bồ tát bố thí phù hợp với tâm không, cho nên không cùng tận. Bố thí này tu pháp Vô tướng cho nên không cùng tận, bố thí này bảo vệ vô nguyện cho nên, không cùng tận. Bố thí này thuộc về thiện căn cho nên không cùng tận. Bố thí này thuận theo tướng giải thoát cho nên không cùng tận. Bố thí này có năng lực phá tan tất cả các ma cho nên không cùng tận. Bố thí này không lẫn tạp phiền não cho nên không cùng tận. Bố thí này cảm được lợi ích tốt đẹp hơn cho nên không cùng tận. Bố thí này là tâm quyết định cho nên không cùng tận. Bố thí này quy tập các pháp hỗ trợ Bồ đề cho nên không cùng tận. Bố thí này đích thực hồi hướng cho nên không cùng tận. Bố thí này đạt được quả vị giải thoát nơi đạo tràng cho nên không cùng tận. Bố thí này vô biên cho nên không cùng tận. Bố thí này không thể cùng tận cho nên không cùng tận. Bố thí này không đoạn mất cho nên không cùng tận. Bố thì này rộng lớn cho nên không cùng tận. Bố thí này không thể hủy hoại cho nên không cùng tận. Bố thí này không thể hơn được cho nên không cùng tận. Bố thí này đến được tất cả trí tuệ cho nên không cùng tận. Bố thí này đoạn trừ cấu trược của những loại bố thí tài vật từ sự mong cầu phi pháp, thành tựu các công đức hòa hợp với không, cho nên không cùng tận.

Những loại bố thí tài vật từ sự mong cầu phi pháp là bố thí bằng sự bố thí cấu trược; cùng với cấu trược hòa hợp là bố thích không thanh tịnh hòa hợp với các công đức của không là bố thí thanh tịnh.

Lại nữa, bố thí thanh tịnh và không thanh tịnh này, nay sẽ tiếp tục nói. Kinh nói bố thí có bốn loại:

1. Có loại bố thí, đối với người thí là thanh tịnh, không thanh tịnh đối với người nhận.

2. Có loại bố thí, đối với người nhận là thanh tịnh, không thanh tịnh đối với người thí.

3. Có loại bố thí, đối với người thí là thanh tịnh, đối với người nhận cũng thanh tịnh.

4. Có loại bố thí, không thanh tịnh đối với người thí, cũng không thanh tịnh đối với người nhận.

Nếu người thí thành tựu thiện nghiệp của thân miệng ý mà người nhận thành tựu ác nghiệp của thân miệng ý, thì gọi là thanh tịnh đối với người thí mà không thanh tịnh đối với người nhận. Nếu người thí thành tựu ác nghiệp của thân miệng ý người nhận thành tựu thiện nghiệp của thân miệng ý, thì gọi là thanh tịnh đối với người nhận mà không thanh tịnh đối với người thí. Nếu người thí thành tựu thiện nghiệp của thân miệng ý và người nhận cũng thành tựu thiện nghiệp của thân miệng ý, thì gọi là thanh tịnh đối với người thí mà cũng thanh tịnh đối với người nhận. Nếu người thí thành tựu bất thiện nghiệp của thân miệng ý người nhận cũng thành bất thiện nghiệp của thân miệng ý, thì gọi là không thanh tịnh đối với người thí mà cũng không thanh tịnh đối với người nhận.

Tham dục-sân giận-ngu si, hoặc đoạn trừ hay không đoạn trừ, cũng nên phân biệt như vậy.

Vả lại, trong bốn loại bố thí, thì có thanh tịnh hay không thanh tịnh:

1. Thanh tịnh từ người thí.
2. Thanh tịnh từ người nhận.
3. Cả hai cùng thanh tịnh, thì gọi là thanh tịnh.
4. Không thanh tịnh từ người thí.
5. Không thanh tịnh từ người nhận.
6. Cả hai đều không thanh tịnh, thì gọi là không thanh tịnh. Trong này, người thí có công đức cho nên từ người thí mà bố thí

được thanh tịnh. Bởi vì người nhận có công đức cho nên từ người nhận mà bố thí được thanh tịnh. Bởi vì người thí và người nhận đều có công đức, cho nên từ người thí và người nhận mà bố thí được thanh tịnh. Người thí có tội lỗi cho nên từ người thí mà bố thí không thanh tịnh. Người nhận có tội lỗi cho nên từ người nhận mà bố thí không thanh tịnh. Người thí và người nhận đều có tội lỗi, cho nên từ người thí và người nhận mà bố thí không thanh tịnh. Người thí có công đức và người nhận có công đức, người thí có tội lội và người nhận có tội lỗi, như đã nói trước đây.

Hỏi: Ông nói trong bốn loại bố thí này, Bồ tát nên thực hànyh loại bố thí nào?

Đáp: Trong bốn loại bố thí đã nói, thực hành hai loại thí thanh

tịnh, Không mong cầu đối với danh lợi, và không mong cầu vì quả báo. Bố thí này có bốn loại, ba điều kiện thanh tịnh và ba điều kiện không thanh tịnh, không thanh tịnh đều không nên thực hành. Trong thanh tịnh thì nên thực hành loại thanh tịnh:

1. Người thí thanh tịnh mà không thanh tịnh đối với người nhận.
2. Cả hai đều thanh tịnh.

Ở trong hai loại thí thanh tịnh này cần phải luôn luôn tinh tiến. Tại vì sao? Bởi vì Bồ tát này không mong cầu quả báo, nếu như mong cầu quả báo thì cầu cho người nhận thanh tịnh. Thanh tịnh có nghĩa là người thí và người nhận đều có công đức trang nghiêm tâm tư thanh tịnh. Không thanh tịnh là người thí có tâm tham tiếc keo kiệt. Như Đức Phật nói "Keo kiệt là vết bẩn của bố thí, những phiền não khác tuy là bất tịnh nhưng mà keo kiệt là nặng nề nhất."

Hỏi: Nếu Bồ tát đối với người thí thanh tịnh và cả hai đều thanh tịnh, thì hai loại thí này cần phải chịu khó thực hành; keo kiệt là vết bẩn của người thí, cũng là vết bẩn lớn của bố thí, nếu Bồ tát chưa lìa tham dục, chưa có năng lực đoạn trừ keo kiệt, thì làm sao có thể thực hành hai loại bố thí thanh tịnh này?

Đáp: Nếu vật có thể khởi keo kiệt, thì không cất giữ những vật này.

Nếu Bồ tát đối với vật có mạng sống hay không có mạng sống, biết tâm mình sinh ra keo kiệt thì không nên cất giữ vật này. Vì vậy có mà bố thí đều không còn tâm keo kiệt tham tiếc.

Hỏi: Vật bên ngoài có thể không cất giữ, còn thân mạng nên làm thế nào?

Đáp: Thường vì lợi ích của chúng sinh, hiểu rõ thân này như cây thuốc.

Vì lợi ích của chúng sinh, cho nên tin và hiểu rõ thân này giống như cây thuốc. Như cây thuốc thì mọi chúng sinh có sử dụng rễ thân cành lá hoa quả đều được chữa lành mọi căn bệnh tùy ý mà lấy chứ không có gì ngăn cản bảo vệ. Bồ tát cũng như vậy, vì lợi ích của chúng sinh cho nên luôn luôn tự mình xả thân, dấy lên ý nghĩ như vậy: Nếu chúng sinh lấy đầu mắt tay chân, xương gân đùi vế, ruột gan tim phổi, mũi tai răng lưỡi, mấu thịt xương tủy… của mình, thì đều thuận theo những gì cần dùng để luôn luôn giúp cho họ, hoặc bố thí tất cả thân mình. Hàng phục tâm

tư, tu tập thiện căn như vậy, làm phương tiện mà che chở để thực hành công hạnh bố thí Ba-la-mật.

Phẩm 12: PHÂN BIỆT BỐ THÍ, Phần 2

Bố thí có tổng tướng-biệt tướng,
Tất cả đều có thể hồi hướng.

Bồ-tát có khả năng thực hành hai loại tịnh thí trên cho nên có khả năng biết hai loại hồi hướng: Tướng chung (tổng tướng) và tướng riêng (biệt tướng).

Tổng tướng hồi hướng là có bố thí được những gì, Bồ-tát đều hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Biệt tướng bố thí thì như trong quả báo bố thí đã nói.

Lại nữa, tổng tướng hồi hướng là vì sự an lạc, lợi ích cho hết thảy chúng sinh.

Biệt tướng hồi hướng là nếu có ai không tin thì giúp họ tin. Với kẻ phá giới giúp họ trì giới. Với kẻ ít học giúp họ học rộng. Với người làm biếng giúp họ siêng năng. Người tâm rối loạn, giúp họ thiền định. Ai ngu si giúp họ có trí tuệ. Ai keo kiệt giúp họ có lòng xả bỏ. Đó là các loại biệt tướng.

Lại nữa, tổng tướng hồi hướng là dùng sáu pháp Ba-la-mật hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hồi hướng theo tướng riêng là khi bố thí vật bên ngoài, thì nguyện cho hết thảy chúng sinh được an vui bậc nhất. Khi bố thí chi phần của thân thể, Bồ-tát nguyện cho tất cả chúng sinh đều được thân Phật cụ túc.

Hỏi: Bố thí có bao nhiêu loại hồi hướng và bao nhiêu loại không hồi hướng?

Đáp: Về tịnh thí có bốn loại hồi hướng và có ba loại không hồi hướng. Bồ-tát bố thí thanh tịnh có bốn loại hồi hướng và ba loại không hồi hướng.

Ba loại không hồi hướng là:

1. Không vì được làm vua mà hồi hướng.
2. Không vì được dục lạc mà hồi hướng.
3. Không vì được Thanh văn, Bích-chi-Phật mà hồi hướng.

Không vì được làm vua mà hồi hướng, là ngăn lại ước mong làm vua, cũng là ngăn cản thế lực tự do của hết thảy những người giàu sang.

Không vì được dục lạc mà hồi hướng, là ngoài hạng giàu sang trên, những kẻ khác đều thọ hưởng thú vui năm dục.

Không vì được Thanh văn, Bích-chi-Phật mà hồi hướng, là ngăn ngừa cái nhân Tiểu thừa nhập Niết-bàn vô dư, khiến họ an trú trong Đại thừa. Phải rất lâu về sau, họ mới chứng được Niết-bàn vô dư.

Bốn loại thanh tịnh hồi hướng nghĩa là Bồ-tát bố thí:

1. Vì làm thanh tịnh cõi Phật cho nên hồi hướng.
2. Vì thanh tịnh Bồ-đề nên hồi hướng.
3. Vì giáo hóa chúng sinh thanh tịnh cho nên hồi hướng.
4. Vì thanh tịnh Nhất thiết trí cho nên hồi hướng.

Bồ-tát nên dùng phương tiện hồi hướng như vậy, chẳng những không làm pháp bố thí bị tổn giảm mà còn làm cho nó có thế lực mạnh.

Hỏi: Vì điều gì làm cho bố thí bị tổn giảm và vì điều gì mà bố thí được tăng thêm?

Đáp:

Nếu bố thí mà không hồi hướng,
Cũng không hề có phương tiện gì,
Cầu mong sinh ở nơi thấp kém,
Gần gũi những hạng ác tri thức,
Bố thí với tâm niệm như vậy,
Chính là bố thí bị tổn giảm.

Nếu bố thí mà không hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì vốn là đuổi theo thú vui của thế gian. Cầu mong sinh ở nơi thấp kém không hề có phương tiện gì. Luôn luôn phát sinh quả báo của thiền định và bố thí mà tự tại sinh ra. Thân cận với ác tri thức làm chướng ngại cho Đại thừa. Vì bốn điều này mà bố thí bị tổn giảm.

Lìa bốn thí này được tăng thêm,
Lại thuận theo ba tâm bố thí,
Bồ tát tùy thuận lời Phật dạy,
Cũng không mong cầu quả báo gì.

Lìa khỏi bốn loại bố thí đã nói thì được bốn ích lợi là:

1. Hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.
2. Có phương tiện hồi hướng.

3. Mong cầu xứ sở của Pháp vương.

4. Được gần gũi thiện tri thức.

Lại cần phải dùng ba tâm mà thực hành bố thí:

1. Xót thương hết thảy mọi loài cho nên dùng tâm Bồ đề mà thực hành bố thí.

2. Không lìa xa pháp Phật mà thực hành bố thí.

3. Không cầu quả báo mà thực hành bố thí. Lại nữa:

Bởi vì có được ba tâm pháp,
Mà thực hành công hạnh bố thí,
Bởi vì mong cầu được hai pháp,
Cho nên luôn thực hành bố thí.

Bồ-tát vì đạt được ba pháp cho nên thực hành Bồ tát:

1. Pháp Phật.

2. Thuyết pháp.

3. Làm cho mọi chúng sinh trú trong niềm vui Vô thượng. Lại vì mong cầu hai pháp mà thực hành bố thí:

1. Giàu có.

2. Có đầy đủ bố thí Ba-la-mật.

Tại vì sao? Bởi vì nếu Bồ tát giàu có, thì lìa xa nghèo khổ, không lấy tài sản của người khác, không cầu mong lợi dưỡng, không có chủ nợ, không lo trả nợ. Nhiều tiền bạc giàu có đầy đủ có thể tự do cơm áo cho mình, có khả năng giúp đỡ làm lợi ích cho bà con họ hàng và các bậc thiện tri thức, quyến thuộc yên vui gia đình dồi dào sung túc, thường ngày giống như lễ tết, tâm tư luôn luôn vui vẻ, có năng lực giúp đỡ nhiều người. Quyến thuộc không xem thường, mọi người đều cung kính ngưỡng mộ. Lời nói ra đều được mọi người tin nhận, làm nơi nương tựa cho mọi người, được thầy yêu mến, vào trong đại chúng không hề sợ hãi. Thường thích tắm gội, hương quý xoa thân, mặc áo quần đẹp đẽ sạch sẽ, các thứ trang nghiêm đầy đủ. Thấy những cảnh sắc tốt đẹp, nghe những âm thanh hay, ngửi các mùi hương tuyệt diệu, thường ăn thức ăn có mùi vị ngon lành nhất, tiếp xúc với những vật mịn màng mềm mại. Kẻ oán thù khó phá hoại, thiện tri thức thường hoan hỷ. Đây là đối với thân người cảm được quả báo tốt lành. Được mọi người kính phục ngưỡng mộ thường khen ngợi tốt lành. Quên mất hình dáng xấu xí của mình, tuy sinh ở nơi thấp hèn mà có tướng của bậc Đại nhân. Tuy không nói năng khéo léo mà trở thành người khéo léo nói năng. Tuy không học rộng mà trở thành người hiểu biết. Tuy ít trí

tuệ mà trở thành người có trí tuệ. Nếu trước đã đoan chánh thì nay lại đoan chánh xinh đẹp gấp bội. Nếu trước đã sinh trong nhà họ lớn thì nay lại tôn quý gấp bội. Nếu trước đã nói năng khéo léo thì nay lại nói năng khéo léo gấp bội. Nếu trước đã học rộng thì nay hiểu biết gấp bội. Nếu trước đã có trí tuệ thì nay có trí tuệ gấp bội. Được ngồi nằm trên giường ghế bằng vật báu quý giá, thức hay ngủ đều yên ổn, có người hầu hạ bảo vệ đầy đủ. Các thứ báu làm nhà, tùy ý vui đùa đi lại. Thân tướng quý trọng, cần đến các loại kinh sách tùy ý lập tức có được. Thế lực địa vị tùy ý dễ dàng thân cận vua chúa, những người cao quý đều nghĩ đến. Những thầy thuốc giỏi tự đến thăm viếng, thường có người thân tín nói cho biết mọi tin tức. Có chút ít bệnh tật hoặc bệnh nặng thì dễ dàng chữa lành. Xa lìa nỗi sợ hãi của đời này và đời sau. Say cho cùng là vĩnh viễn lìa khỏi nỗi sợ hãi không sống được, thường xuyên có người cứu giúp. Có nhiều người thân cận tự cho là mình nhiều phước, vì được đồng ý cho nên chính mình hết sức vui mừng. Có chút ân đức bố thí mà cảm được sự đền đáp to lớn. Nếu làm điều ác nhỏ thì gánh chịu tai họa to lớn. Người nữ trẻ tuổi đoan chánh trang nghiêm đầy đủ thuộc dòng dõi cao quý tự mình cầu mong cung cấp hầu hạ, những người hài hòa nhanh nhẹn đều đến với mình. Nếu làm điều ác thì điều ác trở thành bé nhỏ, làm chút điều thiện bố thí thì cảm được lợi ích to lớn. Có nhiều thiện tri thức thì người oán ghét càng ít hơn. Rắn rít thuốc độc, người ác phóng túng, mọi điều không tốt như vậy không ngang nhiên đến gần được. Những điều yêu quý cung kính đều tìm quay về. Nếu lúc được lợi ích thì mọi người vui mừng thay mình. Nếu có điều buồn phiền xót xa thì mọi người đều lo buồn thương xót. Mọi người cùng dẫn dắt chỉ bày, tranh nhau học theo điều tốt lành, khiến cho xa lìa pháp sai trái mà an trú trong pháp thiện. Thiện pháp bố thí to lớn, mọi người trông thấy đều hoan hỷ. Nếu chung lòng với nhau thì cho là đủ rồi, không mong cầu danh lợi giàu sang của thế gian làm gì.

Giả sử ở địa vị con người, suy nghĩ tìm cách giúp đỡ trừ diệt những nỗi buồn phiền khổ đau, thấy người khác giàu sanh nhưng mình không hề có mong cầu, còn được mọi người ca tụng phẩm đức của họ chứ không vạch ra lỗi lầm của họ, tuy là hạng tiểu nhân mà được gọi là bậc Đại nhân, có đầy đủ sắc tướng. Nhìn thấy nhan sắc dung mạo của người khác mà mình không làm ra vẻ kỳ dị lạ lùng. Nếu làm Bà-la-môn, ở trong chùa miếu cảm được quả báo to lớn, đọc các kinh sách cảm được lợi ích thật sự, có được lợi ích mà tự mình thực hành bố thí. Nếu là hàng Sát-đế-lợi đã luyện

tập thành tựu, khéo phát ra âm thanh, cố gắng tự mình rèn luyện thành thạo, cai trị thế gian bằng sách vở chuẩn mực, thì có thể cảm được quả báo. Nếu như là nhà nông thì gieo trồng đều được như ý. Nếu là khách buôn thì có thể cảm được lợi ích buôn bán. Nếu là Thủ-đà-la thì sự nghiệp đã làm phần nhiều đều được như ý.

Hỏi: Trước đây ông nói Bồ tát bố thí không vì tâm mong cầu quả báo, lại cũng không vì giàu sang mà bố thí, bây giờ lại nói mong cầu giàu có cho nên bố thí, lời nói này có thể không tự trái ngược với nhau chăng?

Đáp: Không trái ngược với nhau. Nếu như vì bản thân mình có mong cầu giàu có để hưởng thụ vui sướng, thì vì vậy nói là không nên mong cầu giàu có. Nay nói mong cầu có chỉ vì lợi ích cho chúng sinh, vì vậy nói là muốn bố thí rộng lớn cho nên mong cầu giàu có. Không vì bản thân mình mà mong cầu giàu có để hưởng thụ vui sướng, đó là trong quả nói đến nhân. Nếu Bồ tát không cảm được giàu có, thì tuy tin

tưởng và thích bố thí nhưng mà không có tài sản để có thể giúp đỡ. Vì vậy ông không nên chất vấn về điều này. Vả lại, đoạn trừ hai pháp cho nên thuận theo thực hành bố thí. Những gì là hai pháp? Đó là:

1. Keo kiệt.
2. Tham lam.

Hai pháp này là vết bẩn lớn nhất của bố thí.

Lại có được hai pháp cho nên thực hành bố thí, đó gọi là Tận trí và vô sinh trí. Lại tăng thêm ba loại trí tuệ:

1. Trí tuệ tự lợi.
2. Trí tuệ vốn có.
3. Trí tuệ đa văn.

Có người nói: Vì tăng trưởng hai pháp cho nên thuận theo thực hành bố thí, đó là thiện và tuệ. Nói tóm lại là Bồ tát thuận theo thực hành bốn loại bố thí thâu nhiếp tất cả mọi thiện pháp:

1. Bố thí với tâm bình đẳng.
2. Bố thí không có đối đãi.
3. Bố thí hồi hướng cho Bồ đề.
4. Bố thí với tâm rỗng lặng đầy đủ mọi thiện pháp.

Bồ tát đầy đủ bố thí Ba-la-mật như vậy cho nên thường xuyên thực hành tài thí.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 7

Phẩm 13: PHÂN BIỆT PHÁP THÍ

Đối với bố thí tiền của, Bồ-tát nên tu học như vậy. Ngoài ra, nên tu học bố thí pháp. Như kệ nói:

Trong các thí Pháp thí hơn hết,
Người trí nên tu hành pháp ấy.

Trong hết thảy các pháp bố thí, thì pháp thí là pháp bậc nhất và tốt đẹp nhất. Bố thí theo pháp này, người trí nên thực hành.

Hỏi: Tại sao ông chỉ nói người trí nên thực hành pháp thí?

Đáp: Nếu thực hành pháp thí mà không có trí tuệ, tức là nói dị luận. Nói dị luận thì mình mất lợi và làm cho kẻ khác mất lợi.

Hỏi: Những gì gọi là dị luận?

Đáp: Khi sắp diệt độ, Phật bảo thầy A-nan: "Kể từ nay về sau, thầy nên nương tựa vào Tu-đa-la (Khế kinh), đừng nương tựa vào ai khác. Này A-nan! Thế nào là nương tựa vào Tu-đa-la mà không nương tựa vào ai khác? Ví như có thầy Tỳ-kheo đến nói như vậy: Tôi hiện theo Phật nghe pháp, lãnh nhận lời Ngài dạy, đó là pháp, đó là thiện, đó là những gì Phật đã dạy. Thầy Tỳ-kheo ấy nói vậy, ông chớ chấp nhận hay xả bỏ mà cần phải suy xét nghe cho kỹ, rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời thầy ấy nói. Nếu lời ấy không trùng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, thì ông nên bảo thầy Tỳ-kheo ấy: Pháp ấy hoặc không phải Phật nói, hoặc là trưởng lão đã nhận lãnh sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, cho nên đó chẳng phải là pháp, chẳng phải là thiện, chẳng phải là những gì mà Phật dạy. Biết như vậy rồi thì nên gạt bỏ đi.

Lại có thầy Tỳ-kheo khác đến nói như vậy: Nơi trú xứ của đại chúng kia có vị Thượng tọa giỏi thuyết kinh luật, tôi đang theo vị ấy nghe pháp, lãnh thọ lời dạy, đó là pháp, đó là thiện, là những gì mà Phật đã

dạy. Lời thầy Tỳ-kheo ấy nói, ông chớ chấp nhận mà cũng chớ xả bỏ, cần phải suy xét nghe cho kỹ rồi đem linh luật đối chiếu với những lời mà thầy ấy nói. Nếu lời ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, thì ông nên bảo thầy Tỳ-kheo ấy: Này Trưởng lão! Vị Tỳ-kheo Tăng với pháp tướng và thiện tướng ấy, hoặc đã làm chuyện phi pháp, đã nói điều không phải, hoặc là trưởng lão đã nhận lãnh sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, nên nó chẳng phải là pháp, chẳng phải là thiện, chẳng phải là những gì mà Phật đã dạy. Biết như vậy rồi, nên gạt bỏ đi.

Lại có thầy Tỳ-kheo khác đến nói như vậy: Ở trú xứ kia, có nhiều Tỳ-kheo trì kinh, trì luật, trì Ma-đa-la-ca, tôi hiện theo nơi ấy mà nghe pháp, nhận lãnh lời dạy, đó là pháp, đó là thiện, là những gì mà Phật đã dạy. Thầy Tỳ-kheo ấy nói, ông chớ chấp nhận cũng chớ có bỏ đi, mà cần phải suy xét cho kỹ, rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời mà thầy ấy nói. Nếu lời ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, thì ông nên bảo thầy Tỳ-kheo ấy: Này Trưởng lão! Với pháp tướng và thiện tướng của Tỳ-kheo Tăng ấy, hoặc đã làm chuyện phi pháp, hoặc đã nói điều không phải, hoặc là trưởng lão đã nhận lãnh sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, cho nên đó chẳng phải là pháp, chẳng phải là thiện, chẳng phải là những gì mà Phật đã dạy. Biết như vậy rồi nên gạt bỏ đi.

Lại có thầy Tỳ-kheo khác đến nói như vậy: Trong trú xứ kia, có Trưởng lão Tỳ-kheo là người hiểu nhiều biết rộng, đáng tôn trọng. Tôi hiện theo vị ấy nghe pháp, nhận lãnh lời dạy, đó là pháp, đó là thiện, là những gì mà Phật đã dạy. Thầy Tỳ-kheo ấy nói, ông chớ chấp nhận cũng chớ bỏ qua, cần phải suy xét nghe cho kỹ, rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời thầy ấy nói. Nếu lời ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, thì ông nên bảo thầy Tỳ-kheo ấy: Này Trưởng lão! Tỳ-kheo có pháp tướng và thiện tướng ấy, hoặc đã làm chuyện phi pháp, hoặc đã nói điều không phải, hoặc trưởng lão đã nhận lãnh sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, cho nên đó chẳng phải là pháp, chẳng phải là thiện, chẳng phải là những gì mà Phật đã dạy. Biết như vậy rồi, nên gạt bỏ đi".

Bốn việc vừa nói đó là dị luận. Vì vậy nói người trí không nương vào dị luận mà thực hành pháp thí thanh tịnh.

Hỏi: Làm sao biết pháp thí là cao hơn hết trong các loại bố thí?

Đáp: Kinh nói: "Bố thí có hai loại, là bố thí tiền của và bố thí pháp. Trong hai loại ấy, thì pháp thí là cao hơn hết. Lại nữa:

Trong kinh Quyết Định Vương Đại Thừa,
Ca ngợi về công đức thuyết pháp,
Và nghi thức trước khi thuyết pháp,
Nên thường xuyên tu tập thực hành.

Nếu muốn bố thí pháp cho chúng sinh thì Bồ-tát phải làm như kinh Quyết Định Vương Đại Thừa, là khen ngợi công đức của pháp sư, và nắm rõ nghi thức thuyết pháp mà tùy thuận tu học. Nghĩa là người thuyết pháp phải thực hành bốn pháp. Những gì là bốn?

Đó là:

1. Học nhiều hiểu rộng, có khả năng làm chủ được hết thảy lời ăn tiếng nói, câu chữ sách vở.

2. Biết một cách chắc chắn về mọi pháp thế gian và xuất thế gian đều là tướng sinh diệt.

3. Đã được thiền định và trí tuệ, đối với các kinh pháp nên tùy thuận không còn tranh cãi.

4. Thực hành như pháp đã thuyết không thêm cũng không bớt.

Nơi thuyết pháp là tòa sư tử lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là:

1. Sắp bước lên pháp tòa, trước tiên nên cung kính lễ bái đại chúng, sau đó mới bước lên pháp tòa.

2. Trong thính chúng có người nữa thì nên quán bất tịnh.

3. Oai nghi nhìn ngó tướng của bậc Đại nhân, phô diễn pháp âm với nét mặt hài hòa thanh thản làm cho mọi người đều tin nhận, không nói đến kinh sách ngoại đạo, tâm không có gì khiếp sợ.

4. Đối với những câu hỏi vặn thô lỗ, nên thực hành nhẫn nhục để trả lời.

Ở trên tòa sư tử lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là:

1. Đối với các chúng sinh phát sinh ý tưởng làm nhiều lợi ích.

2. Đối với các chúng sinh không nảy sinh ý tưởng về ngã.

3. Đối với các loại văn tự không nảy sinh ý tưởng về pháp.

4. Nguyện cho các chúng sinh nghe pháp từ mình thuyết giảng sẽ không thối chuyển đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ở trên tòa sư tử lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là:

1. Luôn luôn khéo an trú trong pháp môn Đà-la-ni, tin và thích giáo pháp sâu sắc.

2. Cố gắng đạt được Bát-chu Tam-muội, chịu khó thực hành tinh tiến trì giới thanh tịnh.

3. Không thích tất cả mọi nơi sinh ra, không tham lợi dưỡng, không cầu quả báo.

4. Đối với ba giải thoát môn tâm không có gì nghi ngờ.

Lại có năng lực dễ dàng phát khởi các Tam-muội sâu xa, đầy đủ oai nghi, nhớ nghĩ kiên cố, ý niệm an trú trong trí tuệ, không đùa cợt, không vội vàng, biết hổ thẹn, không mê loạn, lời nói không có sai lầm, giữ gìn các căn, không tham mùi vị thơm ngon. Khéo léo thâu nhiếp tay chân, mọi ý niệm đã nghĩ đến không quên. Thích thực hành Đầu đà, phân biệt rõ ràng pháp thế gian và xuất thế gian, tâm không nghi ngờ hối tiếc, ngôn từ chương cú không thể nào cùng tận, cầu lợi ích an ổn cho tất cả người nghe chứ không tìm đến sai lầm của họ. Có những pháp như vậy thì thích hợp ở trên tòa sư tử.

1. Không tự khinh mình (mặc cảm).
2. Không coi thường thính giả.
3. Không xem thường những gì mình nói.
4. Không vì lợi dưỡng.

Đức Phật bảo A-nan: Người thuyết pháp nên nói những pháp gì? Này A-nan! Những pháp đáng nói là pháp vô vi, vô tướng không thể nêu ra, không thể diễn tả được.

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Pháp nếu như vậy thì làm sao có thể nói?

Đức Phật nói: Này A-nan! Pháp này rất sâu xa cho nên Như Lai dùng bốn tướng làm phương tiện để diễn nói cho mọi người đều biết:

1. Dùng âm thanh.
2. Dùng tên gọi.
3. Dùng lời nói.
4. Dùng nghĩa lý.

Lại dùng bốn nhân duyên để nói pháp cho mọi người đều nghe:

1. Chúng sinh đáng độ thì nên độ.
2. Chỉ nói đến tên gọi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức.
3. Dùng các loại văn từ, chương cú làm lợi ích cho chúng sinh.
4. Dù có dùng tên gọi để nói nhưng cũng không đạt được.

Ví như bát dầu thanh tịnh không vết bẩn, người nhìn vào trong đó tự thấy mặt mình. Này A-nan! Thầy hoặc thấy hoặc nghe người nam trí tuệ,

hay người nữ trì giới, hoặc đệ tử bậc Thánh nào có thể nói rằng tôi nhìn vào bát dầu thấy có người thật, hay không?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Con không nghe, không thấy người nam trí tuệ, người nữ trì giới, đệ tử bậc Thánh nào có thể nói tôi thấy có người thật trong bát dầu. Vì sao? Vì người trí biết trước là bát dầu không có, huống gì là có người. Chỉ mượn tạm danh từ mà nói nhìn vào bát dầu thấy có tướng người.

Đức Phật nói: Này A-nan! Như Lai cũng lại như vậy, chỉ dùng đến gọi mà nói những gì giả có. Này A-nan! Như Lai dùng bốn nhân duyên để nói pháp. Chúng sinh nghe rồi tâm được an lạc, gieo trồng nhân của Niết-bàn. Khi Như Lai nói pháp, âm thanh trùm khắp mười phương thế giới. Chúng sinh nghe thấy tâm được hoan hỷ, xa lìa những đường ác, sinh lên cõi trời Đâu-suất. Trong âm thanh của Như Lai không có nam-không có nữ, nam không giữ lấy tướng nữ, nữ không giữ lấy tướng nam. Âm thanh của Như Lai không não hại đến chúng sinh, không hủy hoại các pháp, chỉ là nêu rõ tánh của âm thanh. Người thuyết pháp nên luyện tập thực hành điều này, nên thuận theo nơi thực hành mà bố thí giáo pháp cho chúng sinh. Người thí và người nhận cảm được quả báo, sau này sẽ nói rộng hơn.

Phẩm 14: QUY MẠNG TƯỚNG

Ở trên đã nói về tài thí và pháp thí, nay lại phân biệt rõ hơn.

Hàng đệ tử bạch y tại gia,
Cần phải thực hành nhiều tài thí,
Còn lại những pháp thiện hạnh khác,
Nay sẽ tiếp tục giải thích thêm.

Trong hai loại bố thí này, người tại gia nên thực hành tài thí, người xuất gia nên thực hành pháp thí. Tại vì sao? Bởi vì người tại gia thực hành pháp thí không bằng người xuất gia, mà người nghe nhận giáo pháp lại thuộc về hàng tại gia vốn có tín tâm rất cạn cợt mỏng manh. Vả lại, người tại gia có nhiều tiền bạc của cải, người xuất gia thì đối với các kinh pháp đọc tụng thông hiểu, giải thích cho người khác biết, ở giữa mọi người không có gì sợ hãi; không phải là người tại gia mà có thể sánh bằng, cũng khiến cho người nghe khởi tâm cung kính không bằng người xuất gia. Hơn nữa, nếu muốn thuyết pháp làm cho tâm người thuần phục, thì không bằng

người xuất gia. Như nói:

Trước tự mình tu hành đúng pháp,
Sau đó dạy bảo cho người khác,
Mới có thể nói lời như vậy:
Ông thuận theo điều tôi thực hành...

Đó là việc mà người xuất gia làm rất phù hợp, không phải là việc mà người tại gia làm được. Lại nói:

Bản thân mình làm điều bất thiện,
Sao có thể khiến người làm thiện?
Tự mình không thể nào rỗng lặng,
Sao có thể khiến người rỗng lặng?
Vì vậy chính mình làm điều thiện,
Có thể khiến người khác hành thiện,
Tự mình đã đạt được rỗng lặng,
Có thể khiến người được rỗng lặng.

Pháp thiện tịch diệt, là pháp nên làm của người xuất gia. Hơn nữa, người nghe pháp có tâm cung kính tốt đẹp đối với người xuất gia. Vả lại, nếu thực hành tài thí thì người xuất gia làm trở ngại cho những pháp thiện khác, cũng trở ngại cho hạnh viễn ly, vì người tu hành sống nơi A-lan-nhã thanh vắng, nơi núi rừng. Nếu ham làm tài thí thì người xuất gia phải trở ngại đến chuyện tu hành. Những sự việc như vậy, nếu làm việc tài thí thì cần phải đến nơi làng xóm, làm việc theo bạch y, giao tiếp nói năng nhiều. Nếu không làm việc theo đời thì làm sao có tiền của mà bố thí? Vì lui tới xóm làng cho nên khó mà thâu nhiếp nghiệp của các căn, đứng trước những điều thấy-nghe-thanh-sắc, dễ sinh ra ba độc, đồng thời tâm phân tán đối với việc trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Sống theo lối bạch y thì tâm sẽ bị vấy nhiễm trong lợi dưỡng, phát sinh các tâm lý yêu, ghét, giận hờn, keo kiệt đầy phiền não. Sức suy nghĩ phải chống đỡ sinh ra ức chế tâm lý, nếu kẻ yếu đuối thì không tự kìm chế nổi, hoặc có thể dẫn đến bỏ mạng, hoặc phải chết vì những phiền não khốn đốn. Tham đắm năm dục, xả giới hoàn tục vốn gọi là chết. Hoặc luôn luôn trái với giới cấm, gây ra nhiều tội nặng, đó gọi là chết vì những phiền não khốn đốn.

Vì những lý do ấy mà người xuất gia được khen ngợi là người thực hành pháp thí, người tại gia được khen ngợi thực hành tài thí. Như vậy đã nói rộng về Bồ-tát tại gia thực hành tài thí. Còn những thiện hạnh khác nay sẽ nói đến. Khi phát tâm Bồ-tát, thì trước hết phải quy y Phật-Pháp-

Tăng. Nhờ ba quy mà được công đức, công đức có được đều hồi hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa:

Quy y Phật-pháp và chúng Tăng,
Điều mà Bồ-tát cần phải biết.

Bồ-tát phải hiểu rõ như thật về quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Hỏi: Thế nào gọi là quy y Phật? Đáp:

Không rời bỏ tâm đạo Bồ-đề,
Không hủy hoại giáo pháp đã thọ,
Không xa lìa tâm niệm Đại Bi,
Không ham thích đối với Thừa khác,
Như vậy thì gọi là Bồ-tát,
Quy y Phật thật sự như pháp.

Tâm Bồ-đề là tâm đã phát nguyện cầu Phật, không dừng nghỉ, không buông rời tâm ấy. Không làm hư pháp mình đã tiếp nhận, là các Bồ-tát phải yêu mến giới hạnh, đó là pháp thiện mà mình ham thích, là pháp dạy làm những gì nên làm và không làm những gì ngăn cấm. Đó là nên thực hành các Ba-la-mật, hoặc nên thực hành bốn xứ sở của công đức. Làm mọi pháp thiện như vậy là đem lại ích lợi cho chúng sinh. Thọ trì, tu hành đều không khiến cho thiếu sót, hư hoại. Tâm Đại Bi là tâm cứu vớt chúng sinh đang khổ não, vì cầu Phật đạo cho đến trong chiêm bao cũng không rời bỏ tâm này.

Không ham thích các Thừa khác, là chỉ ham thích tin sâu sắc vào Phật đạo, không ham theo Thanh văn thừa và Bích-chi-Phật thừa. Có được những pháp này thì nên biết đó là như thật quy y Phật.

Hỏi: Thế nào là quy y pháp?

Đáp:

Gần gũi người giảng giải giáo pháp,
Nhất tâm lắng nghe nhận giáo pháp,
Duy trì nhớ nghĩ mà giảng nói,
Như vậy gọi là quy y pháp.

Người nói pháp là người phô bày, giải thích, giảng nói sự sâu xa của pháp Phật, chỉ rõ thiện và ác, đoạn trừ mọi nghi ngờ mê hoặc. Nên luôn gần gũi và thường đến nơi ấy, một lòng cung kính cúng dường để lắng nghe và tiếp nhận. Dùng sức mạnh của nhớ nghĩ để nắm giữ không quên suy nghĩ theo giáo pháp tùy thuận với nghĩa sâu xa, sau đó giảng nói cho mọi người

những gì mình hiểu. Đem công đức pháp thí này hồi hướng về Phật đạo. Đó gọi là quy y Pháp.

Hỏi: Thế nào là quy y Tăng?

Đáp:

Như những người thuộc hành Thanh văn,
Chưa bước vào phần vị của pháp,
Khiến cho phát tâm đạo vô thượng,
Để đạt được mười lực của Phật,
Trước hết dùng tài thí thâu nhiếp,
Sau đó mới dùng đến pháp thí,
Tin sâu sắc bốn quả Sa-môn
Coi trọng chúng Tăng không phân biệt,
Cầu mong công đức của Thanh văn,
Mà không chứng đến quả giải thoát,
Như vậy gọi là quy y Tăng,
Cũng cần phải nghĩ đến ba điều.

Người thanh văn là người thành tựu thanh văn chưa bước vào pháp vị là đối với đạo Thanh văn chưa được Tất định, có thể giúp người này phát tâm Phật đạo mà đạt được mười lực. Nếu như người bước vào pháp vị thì cuối cùng không thể khiến họ phát tâm vô thượng nữa. Giả sử có phát tâm thì cũng không thành tựu, như Tôn giả Tu-bồ-đề đã nói trong Bát Nhã Ba-la-mật, đã bước vào pháp vị chính thức thì không thể phát tâm vô thượng nữa. Vì sao? Vì người này đã tách mình ra khỏi sinh tử, không còn qua lại trong sinh tử.

Người phát tâm vô thượng, trước hết đem của tiền bố thí để thâu nhiếp người ta, đem những thứ cần dùng như y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men mà giúp cho để thâu nhiếp họ. Người xuất gia thì thâu nhiếp bằng cách giúp cho y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men, tạp hương, hương xoa. Người tại gia thì thâu nhiếp họ bằng nhân duyên, làm cho sinh tâm thân ái, những gì nói ra khiến cho họ tin nhận, rồi sau đó mới dùng pháp thí, khiến họ phát tâm đạo vô thượng.

Quả của Tăng là bốn hướng-bốn quả.

Chúng là những người tiếp nhận hình tướng xuất gia ở trong giáo pháp Phật, là những người vâng giữ giới cấm, không phân biệt là đã có quả hướng hay chưa có. Tăng như vậy là đã lìa khỏi sự nô lệ của ân ái, cho nên gọi là quý Tăng. Tin tưởng ham thích ba môn giải thoát là Không-Vô

tướng-Vô nguyện, nhưng không phân biệt hý luận, nương tựa vào Tăng này thì gọi là quy y Tăng.

Cầu công đức Thanh văn nhưng không chứng giải thoát là biết Tăng này giữ giới đầy đủ, thiền định đầy đủ, trí tuệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ, ba minh đầy đủ, đạt được sáu thần thông, tâm được tự tại, có đại oai đức, rời bỏ niềm vui thế gian, ra khỏi cảnh giới ma, không dùng làm mừng với lợi lộc danh dự mà đời khen ngợi. Không dùng làm buồn vì những hư hao, hủy nhục, chế nhạo, khổ sở, luôn thực hành sáu pháp xả, đạt được tám giải thoát theo lời Phật dạy, có người đang hành đạo, có người được giải thoát, có người thực hành một đạo, phá hai loại phiền não, biết thông thạo ba cõi, thông suốt bốn đế, trừ diệt năm ấm, an trú trong sáu pháp hòa kính, đầy đủ bảy pháp không thối chuyển và tám đại nhân giác, rời xa chín kiết sử, được mười loại sức mạnh của Thanh văn. Thành tựu mọi công đức như vậy gọi là chúng đệ tử của Phật. Chỉ mong cầu những công đức như vậy, chớ không mong cầu sự giải thoát ấy. Vì sao? Vì tâm ưa thích và tin sâu vào sự giải thoát vô ngại của Phật. Đó gọi là quy y Tăng.

Lại nữa, nếu nghe pháp bằng chương cú, văn tự, thì có thể nghĩ đến thật tướng của pháp, gọi là quy mạng Pháp. Nếu thấy Thanh văn Tăng thì nghĩ đến các chúng Bồ-tát mà phát tâm Bồ-đề, đó gọi là quy y Tăng. Thấy hình tượng Phật thì nghĩ đến Đức Phật thật sự đó là quy y Phật.

Hỏi: Thế nào gọi là nghĩ đến Đức Phật chân thật thật sự?

Đáp: Như trong kinh Vô Tận ý đã nói về nghĩa của niệm Phật Tam-muội. Nghĩ đến Đức Phật thật sự, là không dùng sắc, không dùng tướng, không dùng nơi sinh, không dùng họ, không dùng nhà, không dùng quá khứ, hiện tại, vị lai, không dùng năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới, không dùng kiến văn giác tri, không dùng tâm ý thức, không dùng hành thuộc hý luận, không dùng sinh diệt trú, không dùng lấy bỏ, không dùng nhớ nghĩ phân biệt, không dùng tướng pháp, không dùng tướng mình, không dùng tướng một, không dùng tướng khác, không dùng tâm duyên số, không dùng trong ngoài, không dùng giác quán giữ lấy tướng không dùng xuất nhập, không dùng hình sắc tướng mạo, không dùng những oai nghi đã thực hành, không dùng trì giới-thiền định-trí tuệ-giải thoát-giải thoát tri kiến, không dùng mười lực, bốn vô sở úy và các pháp của Phật.

Như thật niệm Phật, là vô lượng không thể nghĩ bàn, không hành, không biết, không ngã, ngã sở, không nhớ, không nghĩ, không phân biệt năm

ấm-mười hai nhập-mười tám giới. Không hình-không ngại-không phát-không trú-không chẳng trú. Không trú sắc-không trú thọ tưởng hành thức-không trú nhãn sắc-không trú nhãn thức-không trú nhĩ thanh-không trú nhĩ thức-không trú tỷ hương-không trú tỷ thức-không trú thiệt vị-không trú thiệt thức-không trú thân xúc-không trú thân thức-không trú ý pháp-không trú ý thức. Không trú hết thảy mọi duyên, không khởi hết thảy các tướng. Không sinh hết thảy động niệm, hồi tưởng, phân biệt... Không sinh kiến-văn-giác-tri. Tùy thuận thực hành hết thảy các tướng giải thoát chân chánh. Tâm không nối theo nhau, diệt hết mọi phân biệt. Phá tan mọi yêu giận hủy hoại các tướng nhân, đoạn trừ tất cả đời trước-đời giữa-đời sau. Cuối cùng thông suốt sáng tỏ, không còn nơi này nơi kia, không loạn động cho nên không vui mừng, không thọ nhận ý vị cho nên không còn ham thích. Bản tướng tịch diệt cho nên không còn nóng bức. Tâm không lo toan cho nên được giải thoát. Tướng không có sắc cho nên không có thân. Không cảm thọ cho nên không có tiếp nhận. Không có tưởng cho nên không có kiết sử. Không có hành động cho nên vô vi. Không nhận biết cho nên không có thức. Không giữ lấy cho nên tâm không hoạt động. Không buông bỏ cho nên tâm chẳng phải là không hoạt động. Không nơi chốn cho nên tâm không trú. Trống không cho nên không có đến. Không phát sinh cho nên không có ra đi. Hết thảy đều nhớ nghĩ đến tâm-tâm số pháp và các pháp khác, không tham lam-không đắm trước-không giữ lấy-không tiếp nhận-không như vậy-không diệt. Từ trước đến nay không sinh không có tướng sinh. Thâu nhiếp vào pháp tánh vượt qua nhãn sắc, vào cõi hư không. Tướng như vậy gọi là Chân niệm Phật.

Niệm Pháp là pháp Phật giảng giải về pháp thiện như vậy, cảm được quả báo đời này không có thời hạn nhất định, mà có thể quán sát pháp thiện. Người sắp đến được đạo trí, bên trong biết rõ trước-giữa-sau đều là thiện, lời nói thiện, nghĩa lý thiện thuần túy là thiện không hề lẫn tạp, đầy đủ thanh tịnh. Có năng lực đoạn trừ tham dục, có năng lực đoạn trừ sân hận, có năng lực đoạn trừ ngu si, có năng lực loại bỏ tâm kiêu mạn, có năng lực loại bỏ kiến chấp, có năng lực loại bỏ nghi ngờ hối tiếc, có năng lực loại bỏ cao ngạo coi trọng chính mình, có năng lực loại bỏ mọi sự khao khát, phá tan mọi nơi quay về, đoạn tuyệt con đường nối tiếp nhau, không còn ái nhiễm, lìa xa dục tình, đến nơi Niết-bàn tịch diệt. Tướng như vậy gọi là niệm pháp. Bởi vì không-vô tướng-vô nguyện, là không sinh-không diệt hoàn toàn vắng lặng, không gì sánh được, không gì nêu rõ. Như trong nghĩa

niệm Phật đã nói. Vả lại, niệm pháp có ba loại: Thuận theo Phật pháp giảng giải về pháp thiện này, cho đến thanh tịnh đầy đủ thì gọi là Đạo. Có năng lực đoạn trừ tham dục cho đến Niết-bàn tịch diệt, thì gọi là Niết-bàn. Không-Vô tướng… cho đến không gì sánh được, không gì nêu rõ, thì gọi là pháp Thể.

Còn niệm Tăng thì như trước đã nói về công đức của Tăng. Niệm là tâm quyết định thích hợp với Tam bảo như vậy. Dùng ý niệm như vậy mong cầu hướng về Phật đạo mà thực hành bố thí, đó gọi là quy y Phật.

Vì bảo vệ giáo pháp mà thực hành bố thí, đó gọi là quy y pháp. Dùng công đức bố thí này phát tâm hồi hướng, lúc thành tựu Phật đạo thâu nhiếp Bồ-tát và Thanh văn Tăng, đó gọi là quy y Tăng.

Phẩm 15: NĂM GIỚI

Như vậy Bồ-tát tại gia có khả năng tu tập nghiệp của người thiện, tách xa nghiệp của người ác. Như nói:

Phát khởi tu tập nghiệp người thiện,
Như pháp sử dụng mọi của cải,
Đủ sức thì nhận lấy trách nhiệm,
Không đủ sức thì không tiếp nhận.

Nghiệp của người thiện, nói gọn là tự mình sống lương thiện, cũng làm cho người khác được lợi ích.

Nghiệp của người ác là tự dìm mình trong suy sụp khổ não, khiến người khác cũng bị suy sụp khổ não.

Của cải cần dùng đúng pháp, là không sát sinh, không ăn trộm, không lừa dối người ta, đem sức mình kiếm tiền của, dùng để cúng dường Tam bảo đúng như pháp. Xót thương giúp cứu kẻ già yếu tật bệnh. Đủ năng lực thực hành thì nhận lấy gánh nặng. Không đủ năng lực thực hành thì không tiếp nhận.

Đối với việc làm ở đời này hoặc đời sau: Nếu Bồ-tát có khả năng làm lợi mình, lợi người, thì công việc được thành lập như trước đã nói. Nếu biết mình không đủ năng lực thực hành thì không tiếp nhận. Lại nói:

Pháp thế gian không buồn-vui gì,
Luôn luôn xả đối với tự lợi,
Thường chịu khó thực hành lợi tha,

Biết ân sâu sắc đền gấp bội.

Pháp thế gian là những chuyện lợi lộc, suy tàn, đổ nát, danh dự, khen ngợi chê bai nhạo, khổ vui. Lòng không buồn-vui gì đối với những hiện tượng ấy. Buông bỏ tự lợi, siêng năng làm lợi cho người, là những hạnh thiện mà Bồ-tát làm, không nhắm vào cho mình, mà thì ngay cả những người chưa hề quen biết, những người không có nhân duyên mà Bồ-tát thực hành điều thiện, thực hành buông xả tự lợi để giúp đỡ người khác thành tựu thiện nghiệp.

Hỏi: Xả bỏ lợi mình chịu khó thực hành làm lợi ích cho người, điều này không phải như vậy. Như Phật nói: Tuy là lợi ích nhiều nhưng người ta không bằng lòng tự rời bỏ lợi ích của mình. Như nói: Bỏ một người để có ích cho một nhà, bỏ một nhà vì lợi ích cho một làng, bỏ một làng vì lợi ích của một nước, bỏ một nước để thành tựu chính mình, bỏ chính mình để bảo vệ chánh pháp.

Trước hãy tự thành tựu lợi mình,
Sau đó mới làm lợi cho người,
Bỏ lợi mình làm lợi cho người,
Sau sẽ sinh buồn phiền hối tiếc,
Bỏ lợi mình làm lợi cho người,
Tự cho rằng là người trí tuệ,
Như vậy ở trong thế gian này,
Thật là hạng ngu si thứ nhất.

Đáp: Ở đời này, làm lợi cho kẻ khác, còn được khen là thiện, là có tâm vững chắc, huống là Bồ-tát đã làm mọi chuyện vượt qua thế gian, nếu lợi người thì chính là lợi mình. Như nói:

Bồ-tát đối với việc của người,
Tâm ý không hèn nhác yếu đuối,
Người phát tâm Bồ-đề cao cả,
Lợi cho người chính là lợi mình.

Nghĩa này đã nói rộng ở phần đầu, vì vậy lời ông vừa nói là không đúng.

Biết ơn sâu đền đáp gấp bội, là nếu ai làm chuyện tốt cho mình, thì Bồ-tát luôn báo đền trọng hậu. Lại nữa, biết được ơn sâu kia, thì đấy là người có tướng thiện. Lại nữa:

Người nghèo khó dùng của giúp đỡ,
Người sợ hãi giúp cho không sợ,

Những công đức tốt đẹp như vậy,
Luôn luôn giữ gìn thật vững chắc.

Ai nghèo thì cho của cải, là có kẻ đời trước không gieo trồng phước đức, cho nên đời này thiếu phương tiện sống mà sống thiếu hụt. Tùy năng lực của mình mà Bồ-tát xót thương chu cấp cho người ấy.

Cho điều không sợ hãi, là đối với mọi thứ sợ hãi, như sợ hãi vì oán thù, sợ hãi vì đói rét, nóng lạnh, cháy nhà, lụt lội... thì Bồ-tát khuyên nhủ dạy dỗ cho những người luôn luôn lo sợ ấy, khiến họ được an ổn vui vẻ, xua tan sợ hãi cho họ. Công đức như vậy thật vững chắc. Cuối cùng đối với những người mang nhiều lo âu, Bồ-tát xua tan lo âu cho họ. Kẻ thiếu năng lực, Bồ-tát giúp họ thực hành nhẫn nhục, xa lìa ngạo mạn ... Đối với ai được tôn kính, Bồ-tát làm tăng thêm sự cung kính. Đối với người học rộng, Bồ-tát luôn gần gũi, tiếp xúc. Đối với người trí tuệ, Bồ-tát luôn hỏi han thỉnh ý về điều thiện ác. Đối với những gì mà Bồ-tát thường tự làm, thì luôn làm với chánh kiến. Đối với những ai không có lòng quanh co dua nịnh, không có yêu mến giả dối, thì Bồ-tát cầu điều thiện ở họ, không chán nản mà cầu học rộng không cùng, giữ tâm vững chắc để thành tựu mọi chuyện làm bố thí. Thường cùng sống cùng làm theo người thiện. Đối với kẻ ác, Bồ-tát sinh tâm Đại Bi. Đối với hàng thiện tri thức hay không phải thiện tri thức, Bồ-tát đều giữ chắc ý tưởng của hàng thiện tri thức. Có tâm bình đẳng đối với chúng sinh, không keo kiệt trong việc nói các pháp yếu. Giảng nói hết cho người những gì mà mình hiểu biết, những ý nghĩa cao sâu của những pháp mà mình nghe. Bồ-tát có ý niệm về vô thường đối với mọi thú vui của năm dục. Đối với vợ con, Bồ-tát có ý niệm về cảnh địa ngục. Đối với tài sản riêng tư, Bồ-tát có ý niệm về bệnh khổ. Đối với công việc và sản nghiệp, Bồ-tát sinh ý niệm ưu phiền. Đối với mọi mong cầu, Bồ-tát có ý niệm như căn thiện bị phá hoại. Đối với sự sống ở nhà, Bồ-tát có ý niệm như lao ngục. Đối với thân tộc, tri thức, Bồ-tát có ý niệm như cai ngục. Ngày đêm suy nghĩ với ý niệm là được lợi gì? Với ý niệm là được thân bền chắc hay thân không bền chắc? Với ý niệm được của cải bền chắc hay của cải không bền chắc? Lại nữa:

Pháp của tại gia là năm giới,
Tâm thuận theo an trú vững vàng.

Bồ-tát tại gia lấy ba tự quy để thực hành công đức nói trên, và thuận theo an trú vững vàng vào năm giới. Năm giới là pháp chung của tại gia, phải xa lìa tâm giết hại, có lòng thương xót chúng sinh, tự biết đủ,

không tham đồ đạc của người khác, cho đến một cọng cỏ, người ta không cho thì cũng không lấy. Lìa khỏi tà dâm, chán ngán chuyện phòng the. Ngăn ngừa tránh xa các sắc bên ngoài, mắt không nhìn ngó tà vạy. Thường nhìn xét những cái xấu phơi bày để sinh ý niệm chán ngán xa lìa. Biết rõ năm dục cuối cùng đều là khổ. Nếu có ý niệm ham muốn với vợ thì cũng phải buông bỏ, thường xem đó là bất tịnh, tâm luôn luôn lo sợ, những trói buộc của kiết sử rất ngặt nghèo, lìa khỏi ham muốn, không mê đắm, luôn biết thế gian là khổ và vô ngã, thuận theo phát nguyện như vậy: Đến lúc nào ý niệm ham muốn ở trong tâm mình sẽ có thể không phát sinh? Vả lại, thân thực hành xa lìa nói dối, vui thích thực hành nói lời chân thật không lừa dối mọi người. Tâm và miệng tương ưng có ý niệm an ổn sáng suốt, như những điều thấy nghe hiểu biết mà giải thích cho người khác. Tự mình sống theo pháp, thậm chí mất mạng nhưng lời nói không gian trá lừa dối. Rượu là gốc của mọi điều phóng túng xấu xa, thường phải xa rời không để cho dính vào miệng, không cuồng loạn mê say, không nóng nảy, không kinh sợ, biết hổ thẹn, không bỡn cợt, thường tự mình lắng lòng suy nghĩ mọi điều tốt xấu. Bồ tát này có lúc thích buông xả tất cả mà dấy lên ý niệm như vậy. Người cần cái ăn thì cho ăn, người cần uống thì cho uống. Nếu đem rượu bố thí thì nên có ý niệm như vậy: Nay là lúc thực hành bố thí Ba-la-mật, tùy theo sự mong cầu mà giúp cho. Sau đó nên tìm cách khuyên nhủ khiến cho xa lìa rượu, có được ý niệm trí tuệ để không còn phóng túng. Tại vì sao? Bởi vì pháp bố thí Ba-la-mật là làm thỏa mãn mọi mong cầu của người khác. Bồ tát tại gia đem rượu bố thí cho người như vậy thì không có tội, dùng phước đức năm giới này hồi hướng cho quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hộ trì năm giới giống như bảo vệ vật báu vô giá, như bảo vệ thân mạng của mình.

Hỏi: Bồ-tát này chỉ cần phải hộ trì năm giới, còn các nghiệp thiện khác thì không hộ trì hay sao?

Đáp:

Bồ tát nên an trú vững vàng,
Trong tướng tổng quát của năm giới,
Còn những nghiệp của thân-miệng-ý,
Tất cả cũng cần phải thực hành.

Nói xong ý nghĩa của năm giới tại gia. Sau khi thọ năm giới này an trú vững chắc vào đó. Ba nghiệp thiện còn lại, cũng phải thực hành tu tập. Lại nữa, pháp mà Bồ-tát tại gia nên thực hành:

Tùy thuận làm lợi ích chúng sinh,
Thuyết pháp để giáo hóa mọi người.

Chúng sinh có những thiếu hụt gì thì Bồ-tát này đều giúp cho họ. Chúng sinh dù ở bất cứ nơi đâu trong nước, như trong thành ấp, xóm làng, bên rừng, dưới bóng cây, hễ thấy những gì có ích lợi thì Bồ-tát thuyết pháp giáo hóa họ. Ai chưa có lòng tin thì Bồ-tát nói pháp khiến họ tin pháp. Ai chưa có lòng cung kính thì nói cho họ biết sự kính lễ. Ai biết ít giáo pháp thì nói cho họ biết thêm nhiều giáo pháp. Ai tham lam keo kiệt thì nói pháp bố thí cho họ. Ai giận dữ thì nói pháp hòa hợp nhẫn nhục cho họ. Ai làm biếng thì nói pháp tinh tiến cho họ. Ai tâm ý rối loạn thì nói pháp Chánh niệm xứ cho họ. Ai ngu tối thì đem trí tuệ giảng giải cho họ. Lại nữa:

Tùy theo những người gặp thiếu thốn,
Cũng thuận lòng cung cấp đầy đủ.

Chúng sinh có những thiếu hụt gì thì Bồ-tát đều cấp đủ cho họ. Có người tuy giàu mà còn có điều chưa đủ, cho đến vua chúa cũng phải có điều thiếu thốn. Vì vậy, trước tuy nói là đem của cải bố thí cho người nghèo, nhưng nay lại nói là tùy theo những người gặp thiếu hụt mà cấp cho đủ. Lại nữa:

Có những chúng sinh đầy xấu xa,
Gây ra bao nhiêu chuyện buồn phiền,
Dua nịnh-kiêu căng và phóng túng,
Mắng nhiếc-khinh khi cùng lừa dối,
Vong ân bội nghĩa không đền đáp,
Ngu si bít chặt khó cảm hóa,
Tâm Bồ tát luôn thương xót họ,
Dũng mãnh tinh tiến tu hành thêm.

Những kẻ ác đem bao chuyện ác gây rắc rối cho Bồ-tát, nhưng tâm Bồ-tát vẫn không biếng trễ chán nản, không cần phải nghĩ như vậy: Kẻ hung dữ như thế, ai có thể điều phục họ được, ai có thể giáo hóa họ được, ai có thể khuyến khích họ được, khiến cho họ vượt qua sinh tử, cuối cùng tới Niết-bàn? Ai mà có thể qua lại sinh tử này với họ? Ai có thể cùng sống chung với họ trong hòa hợp. Mọi điều ác thật vô lý ai có thể chịu đựng nổi? Mình phải chấm dứt việc cứu vớt thôi, không thể cộng sự với họ nữa. Mình hoàn toàn xa rời, không cộng sự với họ, cũng không có thể hòa hợp nổi với họ. Những kẻ ác quá nhiều này, không hề suy nghĩ lại, những hạng

ấy làm sao có thể đi theo họ mãi được?

Bồ-tát thấy biết chúng sinh ác như vậy, nhưng không phải khó trừ, cho nên Bồ-tát lại nghĩ như vậy: Những hạng ác như vậy, không phải là ít, phải tinh tiến mới giúp mình trụ vững trong pháp lạc đã có. Bởi vì hạng ấy cho nên tâm mình phải tinh tiến, siêng năng hơn nữa, tinh tiến gấp trăm lần, để sau đó có sức mạnh to lớn mà giáo hóa họ. Hạng ác quá nhiều này, khó lay tỉnh này, Bồ-tát phải như thầy thuốc chịu khó gặp gỡ chúng sinh, dùng một nhân duyên nhỏ cũng có thể chữa trị bệnh nặng của họ. Bồ-tát diệt trừ bệnh phiền não của chúng sinh như vậy, khiến họ tùy ý vui sống trong công đức mà họ đã có. Đối với kẻ trọng tội, kẻ đại ác, mình cần phải phát khởi lòng Đại Bi sâu xa, thương xót họ gấp trăm ngàn lần. Như bậc lương y có lòng thương xót người, sẽ trị lành hẳn mọi căn bệnh, và đối với hạng người bệnh nặng, lương y lại càng thương xót sâu sắc, siêng năng tìm phương cách, tìm thuốc hay cho họ. Bồ-tát cũng như thế, đối với bệnh phiền não của chúng sinh, cần phải hết lòng xót thương sâu nặng. Đối với hạng hết sức ác, thì có nhiều phiền não nặng, Bồ-tát càng xót thương hơn, siêng năng tìm phương cách, gia tâm trị bệnh tốt hơn. Vì sao?

Tùy theo nơi Bồ tát cư trú,
Không giáo hóa dẫn dắt chúng sinh,
Để rơi vào trong ba đường ác,
Chư Phật quở trách thật sâu xa.

Bồ tát tùy theo nơi cư trú, hoặc ở bất cứ đất nước nào, trong thành ấp-thôn làng, dưới tán cây giữa núi rừng, đều đem hết năng lực của mình làm lợi ích mà giáo hóa chúng sinh, nhưng lại lười nhác chán nản, chê bai oán giận, tham đắm trong niềm vui của thế gian, không có năng lực dẫn dắt cảm hóa làm cho rơi vào đường ác, thì Bồ tát này bị Chư Phật hiện tại trong mười phương, chỉ trích rất sâu sắc thật đáng hổ thẹn: Tại sao chạy theo nhân duyên nhỏ mà buông bỏ việc lớn lao? Vì vậy Bồ tát không muốn bị Chư Phật quở trách, cho nên đối với các loại chúng sinh dua nịnh quanh co-xấu xa chồng chất, tâm mình không cần phải tránh né mà tùy theo năng lực làm cho có ích, phải dùng mọi phương tiện chịu khó quan tâm cảm hóa dẫn dắt; ví như mãnh tướng dẫn dắt quân lính làm cho nhà vui chịu nhiều tổn thất, thì bị nhà vui quở trách nặng nề, nhưng nếu vì những quân lính không có sự hiểu biết, thì nhà vua không thể quở trách vị tướng.

Phẩm 16: BIẾT NHỮNG TAI HỌA CỦA GIA ĐÌNH

Học tập như vậy cho nên Bồ-tát biết được những lỗi không tốt của đời sống gia đình. Vì sao? Vì biết những thói xấu như vậy thì dễ bỏ nhà đi học đạo. Hoặc chỉ cho người khác, khiến họ biết lỗi lầm của đời sống gia đình mà xuất gia học đạo.

Hỏi: Thế nào là những lỗi lầm của đời sống gia đình?

Đáp: Như kinh nói: "Phật bảo Úc-ca-la: Gia đình là nơi phá các căn thiện. Gia đình là rừng gai góc dày đặc khó mà tự mình thoát được. Gia đình là nơi phá hoại pháp thanh tịnh. Gia đình là chỗ ở của mọi giác quán xấu ác. Gia đình là chỗ xấu ác nhất, chỗ ở của phàm phu không điều phục. Gia đình là chỗ ở của hết thảy việc làm không tốt. Gia đình là nơi tụ hội của kẻ ác. Gia đình là chỗ ở của những tham dục, giận dữ, ngu si. Gia đình là chỗ ở của hết thảy phiền não đau khổ. Gia đình là nơi làm tiêu tan hết thảy mọi căn thiện từ đời trước.

Phàm phu ở trong gia đình này, điều không nên làm mà vẫn làm, điều không nên nói mà vẫn nói. Không nên làm mà vẫn làm, là ở trong phạm vi này người ta khinh mạn, cha mẹ và các bậc thầy dạy, không kính trọng các bậc phước điền tôn quý. Sa môn và Bà-la-môn. Gia đình là nhân duyên của mọi sự tham ái, buồn đau, khổ não tai hõa. Gia đình là trứ xứ của mọi điều mắng nhiếc thô lỗ hiểm ác, khổ nhục, dao gậy, trói buộc, đánh đập, cắt xẻ. Chưa gieo trồng thiện căn mà không gieo trồng, đã gieo trồng thì có thể bị hủy hoại. Gia đình luôn luôn làm cho phàm phu vì nhân duyên tham dục này mà rơi vào đường ác, vì nhân duyên sân giận-nhân duyên ngu si mà rơi vào đường ác, vì nhân duyên sợ hãi mà rơi vào đường ác. Gia đình là nơi không giữ gìn giới phẩm, rơi bỏ định phẩm, không thể có quán tuệ phẩm, không đạt được giải thoát phẩm, không phát sinh giải thoát tri kiến phẩm. Sống ở trong gia đình này, tình yêu của cha mẹ, anh em, vợ con quyến thuộc, ngựa xe, làm cho sự tham cầu tăng thêm không còn thỏa mãn được. Gia đình là nơi khó đầy đủ, như biển rộng chứa mọi dòng sông. Gia đình là nơi không còn có gì đầy đủ, như ngọn lữa đốt cháy củi khô. Gia đình là nơi không bao giờ chấm vọng tưởng, sự giác quán phân biệt nối tiếp nhau như gió giữa hư không. Gia đình là quả báo xấu ác của đời sau, như thức ăn ngon có chất độc. Gia đình là tính chất của khổ đau, như kẻ thù giả làm người thân. Gia đình là chướng ngại luôn luôn gây trở ngại cho Thánh đạo. Gia đình là nơi tranh chấp hỗn loạn, đủ các loại nhân duyên trái ngược dẫn nhau. Gia đình là nơi nhiều nóng giận, trách mắng, tốt xấu.

Gia đình là vô thường, tuy trải qua lâu dài nhưng cuối cùng phải tàn lụi điêu linh. Gia đình là nơi nhiều đau khổ, vì mong cầu cơm áo cùng mọi cách giữ gìn. Gia đình là nơi nhiều nghi ngờ, giống như kẻ thù. Gia đình là vô ngã mà điên đảo tham trước giả danh cho là có. Gia đình là người vũ nữ, tuy dùng các loại trang điểm nghiêm túc hiện rõ ra là người cao quý, nhưng trong chốc lát thì mọi thứ trang điểm trở lại làm cho hèn hạ. Gia đình là nơi những biến đổi lạ lùng, hội tụ nhất định phải ly tán. Gia đình như huyễn ảo giả dối, nhờ hòa hợp mà có chứ không có thật sự. Gia đình như giấc mộng, tất cả mọi sự giàu sang qua lâu dài thì vẫn mất đi. Gia đình như sương buổi sáng, trong thoáng chốc sẽ tan mất. Gia đình như giọt mật, mùi vị ấy thật ít ỏi. Gia đình như lùm gai, bị gai nhọn của mùi vị năm dục làm tổn thương mọi người. Gia đình là con sâu có miệng bằng sắt, giác quán bất thiện thường rúc rỉa ăn thịt người. Gia đình là nơi nhớp sạch lẫn lộn, đời sống có nhiều điều lừa gạt xấu xa. Gia đình là nơi ưu sầu làm cho tâm có nhiều điều hỗn loạn rối ren. Gia đình là nơi bị hủy hoại bởi vua quan-giặc cướp-nước-lửa-oán thân. Gia đình là nơi lắm tật, lắm những điều sai lầm. Như vậy trưởng giả là Bồ tát tại gia, cần phải biết rõ mọi tai họa của gia đình như vậy!" Lại nữa:

Bồ tát thích hợp nên biết rõ,
Sai lầm tai hại của gia đình,
Tự mình thường xuyên hành bố thí,
Trì giới tốt đẹp thường hoan hỷ,
Nếu trông thấy những người xin ăn,
Nên sinh khởi năm loại ba tưởng.

Bồ-tát tại gia nên biết rành những tai họa và lầm lỗi của gia đình như vậy. Phải thực hành bố thí, trì giới thật tốt đẹp. Bố thí là bỏ tâm tham. Trì giới là thân khẩu ý thanh tịnh. Thiện là khéo thâu nhiếp các căn. Thường hoan hỷ là tâm cùng hoan hỷ. Năm loại ba tưởng là khi thấy người xin ăn nên phát sinh năm loại ba tưởng. Ba tưởng đầu là ý tưởng về thiện tri thức, ý tưởng chuyển thân được giàu có ý tưởng hỗ trợ Bồ đề.

Lại có ba ý tưởng:

1. Ý tưởng loại trừ tánh tham lam keo kiệt.
2. Ý tưởng xả bỏ hết thảy.
3. Ý tưởng ham cầu có được hết thảy trí tuệ.

Lại có ba ý tưởng:

1. Ý tưởng làm theo lời Như Lai dạy bảo.

2. Ý tưởng không cầu quả báo.
3. Ý tưởng làm cho các ma phải khuất phục.

Lại có ba ý tưởng:

1. Ý tưởng nhìn người đến xin như quyến thuộc của mình.
2. Ý tưởng không buông bỏ nhiếp pháp.
3. Ý tưởng buông bỏ sự tiếp nhận tà vạy.

Lại có ba ý tưởng:

1. Ý tưởng xa lìa ham muốn.
2. Ý tưởng tu hành tâm Từ.
3. Ý tưởng không ngu si.

Nay sẽ giải thích về ba ý tưởng thứ năm:

1. Nhân có người đến xin, Bồ-tát chiết phục làm cho ba độc giảm đi, xả bỏ đồ vật đã đem bố thí, phát sinh ý tưởng lìa khỏi ham muốn.

2. Ai đến xin là nguyện nhân để giúp cho họ niềm vui, khiến tâm sân hận giảm đi, gọi là ý tưởng tu hạnh Từ.

3. Đem công đức thí này hồi hướng về đạo vô thượng thì tâm ngu si sẽ giảm đi, đó gọi là ý tưởng không ngu si.

Còn nghĩa của các ý tưởng khác, cũng nên biết như vậy. Lại nữa:

Bồ tát nhờ vào người cầu xin,
Thực hành đủ sáu Ba-la-mật,
Nhờ vào những nhân duyên như vậy,
Gặp người cầu xin rất hoan hỷ.

Sáu Ba-la-mật là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Bởi vì nhờ có người cầu xin mới có thể thực hành đủ Ba-la-mật, đó là ích lợi. Khi thấy kẻ xin từ xa đang đến, Bồ-tát sinh tâm cả mừng, nghĩ như vậy: Thực hành phước điền tự nhiên mà đến. Nhờ có người này, mình mới được đầy sáu Ba-la-mật. Vì sao? Vì khi đem vật giúp cho mà tâm không ham tiếc, đó mới gọi là Bố thí Ba-la-mật. Bố thí là vì quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là Trì giới Ba-la-mật. Nếu không nóng giận đối với kẻ ăn xin thì gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Đang khi bố thí mà tâm không lo lắng, không sợ thiếu hụt, không rút lui lẩn tránh, đó gọi là Tinh tiến Ba-la-mật. Nếu cho người xin như cho chính mình thì tâm chắc chắn không hối tiếc, đó gọi là Thiền định Ba-la-mật. Vì hết thảy pháp các không thể nắm bắt được mà làm việc bố thí, không cầu quả báo, như Hiền Thánh không vướng mắc, đem công đức bố thí hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là Trí tuệ Ba-la-mật. Lại nữa:

Quả báo nhờ bố thí mọi vật,
Các loại đều có thể biết được,
Người tại gia keo kiệt tiếc nuối,
Cũng biết rõ các loại lỗi lầm.

Những vật mà mình đem bố thí đều được công đức lợi vật. Người tại gia keo kiệt luyến tiếc, hết thảy lỗi xấu ấy, Bồ-tát đều biết rõ.

Hỏi: Bố thí thì được công đức gì? Người tại gia tiếc của, không bố thí thì mắc lỗi lầm gì?

Đáp: Bồ tát dùng trí tuệ chân thật biết như vậy: Vật đem cho rồi là vật của mình. Vật còn trong nhà không phải là của mình. Vật đã cho rồi mới bền chắc, vật còn trong nhà không bền chắc. Vật đã cho là niềm vui đời sau, vật trong nhà chỉ là cái niềm vui chốc lát. Vật đã cho thì không lo giữ, vật còn trong nhà phải lo giữ. Vật đã cho làm giảm đi tâm ái dục, vật còn trong nhà làm tăng thêm lòng ái dục. Vật đã cho rồi không còn ngã sở, vật còn trong nhà thì còn ngã sở. Vật đã cho không có nơi hệ thuộc, vật trong nhà còn có nơi hệ thuộc. Vật đã cho không có gì lo sợ, vật còn trong nhà gây nhiều lo sợ. Vật đã cho giúp đạo Bồ-đề, vật còn trong nhà giúp cho ma đạo. Vật đã cho thì không hết, vật còn trong nhà thì có cạn. Vật đã cho thì từ đó mà được niềm vui, vật còn trong nhà thì từ đó mà bị khổ. Bố thí rồi là buông bỏ phiền não, còn vật trong nhà thì tăng thêm phiền não. Vật đã cho thì được vui giàu có, vật còn trong nhà thì không được niềm vui giàu có. Bố thí rồi là nghiệp Đại nhân, còn trong nhà là nghiệp tiểu nhân. Đã thí thì chư Phật khen, còn trong nhà thì ngu si khen. Lại nữa:

Đối với vợ con và quyến thuộc,
Cùng với các bậc thiện tri thức,
Bố thí tiền bạc và súc sinh,
Nên phát sinh ý tưởng huyễn hóa,
Tất cả mọi hành động của nghiệp,
Đều là do huyễn sư làm ra.

Bồ tát tại gia đối với vợ con…, nên sinh ý tưởng huyễn hóa, như sự việc huyễn hóa chỉ lừa được mắt người hành nghiệp là chủ nhân huyễn hóa, mọi chuyện như vợ con… không mấy chốc sẽ phai mờ. Như kinh nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Các hành như huyễn hóa, lừa dối làm mê hoặc người ngu si, chứ không có thật sự. Nên biết rằng bởi vì nghiệp mà có, nghiệp hết thì diệt đi, vì vậy giống như trò huyễn hóa". Bồ tát dấy lên ý niệm như vậy.

Ngã không phải nó là vốn có,
Nó không phải là ngã vốn có,
Nó và Ngã đều thuộc về nghiệp,
Tùy theo nghiệp nhờ duyên mà có,
Tư duy thực sự đúng như vậy,
Không nên phát khởi những ác nghiệp.

Cha mẹ-vợ con-bà con-tri thức-tôi tớ trai gái hầu hạ…, không có thể làm nơi cứu giúp, làm nơi nương nhờ, làm nơi quay về cho mình được, chẳng phải Ngã-chẳng phải Ngã sở; năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới, hãy còn chẳng phải là Ngã-chẳng phải là Ngã sở, huống hồ cha mẹ-vợ con…? Mình cũng không có thể làm nơi cứu giúp, làm nơi nương nhờ, làm nơi quay về cho họ được; mình cũng thuộc về nghiệp, tùy theo nghiệp mà nhận lấy, họ cũng thuộc về nghiệp tùy theo nghiệp mà nhận lấy. Quả báo tốt xấu tùy theo ba loại như vậy:

1. Có nghĩa lý.
2. Thấy kinh nói.
3. Thấy sự việc hiện tại.

Không nên vì cha mẹ-vợ con… mà phát khởi mảy may ác nghiệp của thân-miệng-ý. Lại nữa:

Bồ tát đối với vợ của mình,
Nên có ba loại về ba tưởng,
Cũng còn có ba loại ba tưởng,
Lại có ba loại ba tưởng.

Bồ tát tại gia nên sinh ra các loại về ba tưởng. Vốn gọi là ba tưởng, đó là đối với vợ thì có ý tưởng về vô thường, ý tưởng về mất mát, ý tưởng về tan hoại.

Lại có ba tưởng: Là bạn cùng đùa chứ không phải là bạn của đời sau, là bạn cùng ăn chứ không phải là bạn cùng nhận lấy quả báo của nghiệp, là bạn lúc vui chứ không phải là bạn lúc khổ.

Lại có ba tưởng: Là tưởng về bất tịnh, tưởng về dơ bẩn hôi hám, tưởng về đáng chán ngán vô cùng.

Lại có ba tưởng: Là tưởng về oan gia, tưởng về sự não hại, tưởng về trái ngược nhau.

Lại có ba tưởng: Là tưởng về La sát, tưởng về quỷ Tỳ-xá-xà, tưởng về xấu xí khó coi.

Lại có ba tưởng: Là tưởng đi vào địa ngục, tưởng đi vào súc sinh, tưởng đi vào ngạ quỷ.

Lại có ba tưởng: Tưởng về gánh nặng, tưởng về giảm bớt, tưởng về hệ thuộc sợ hãi.

Lại có ba tưởng: Tưởng về không có Ngã, tưởng về hệ thuộc không chắc chắn, tưởng về giả tạm không thật.

Lại có ba tưởng: Tưởng về nhân tố khởi lên ác nghiệp của thân, tưởng về nhân tố khởi lên ác nghiệp của miệng, tưởng về nhân tố khởi lên ác nghiệp của ý.

Lại có ba tưởng: Tưởng về nơi cảm nhận ham muốn, tưởng về nơi cảm nhận giận dữ, tưởng về nơi cảm nhận buồn phiền.

Lại có ba tưởng: Tưởng về gông cùm, tưởng về xiềng xích, tưởng về trói buộc.

Lại có ba tưởng: Tưởng về ngăn cản trì giới, tưởng về ngăn cản thiền định, tưởng về ngăn cản trí tuệ.

Lại có ba tưởng: Tưởng về hầm hố, tưởng về lưới giăng, tưởng về bao vây khó thoát.

Lại có ba tưởng: Tưởng về tai hại, tưởng về bệnh tật, tưởng về suy sụp buồn phiền.

Lại có ba tưởng: Tưởng về tội lỗi, tưởng về thân đen thui, tưởng về tai họa mưa đá.

Lại có ba tưởng: Tưởng về bệnh, tưởng về già, tưởng về chết.

Lại có ba tưởng: Tưởng về ma, tưởng về nơi ở của ma, tưởng về sợ hãi.

Lại có ba tưởng: Tưởng về ưu sầu, tưởng về áo não, tưởng về khóc lóc nỉ non.

Lại có ba tưởng: Tưởng về loài sài lang lớn, tưởng về loài các Ma-kiệt lớn, tưởng về loài chồn cáo lớn.

Lại có ba tưởng: Tưởng về loài rắn độc đen thui, tưởng về loài cá Tầm trơn tuột, tưởng về thế lực cướp đoạt.

Lại có ba tưởng: Tưởng về không có sự cứu giúp, tưởng về không có nơi quy tụ, tưởng về không có xả bỏ.

Lại có ba tưởng: Tưởng về mất mát, tưởng về hủy bỏ, tưởng về mệt mỏi rã rời.

Lại có ba tưởng: Tưởng về giặc cướp, tưởng về cai ngục, tưởng về cai ngục dưới âm ty.

Lại có ba tưởng: Tưởng về giữ lại, tưởng về trói buộc, tưởng về thắt chặt.

Lại có ba tưởng: Tưởng về bùn lầy, tưởng về dòng chảy, tưởng về trôi nổi.

Lại có ba tưởng: Tưởng về xiềng xích, tưởng về gông cùm, tưởng về dính chặt.

Lại có ba tưởng: Tưởng về đống lửa cháy rừng, tưởng về vòng dao xoay tròn, tưởng về bó đuốc cỏ.

Lại có ba tưởng: Tưởng về không lợi ích gì, tưởng về gai nhọn, tưởng về sự ác độc.

Lại có ba tưởng: Tưởng về lấn át người trên, tưởng về che kính ánh sáng, về tham lam đắm trước.

Lại có ba tưởng: Tưởng về căm hận, tưởng về roi gậy, tưởng về gươm giáo nhọn sắc.

Lại có ba tưởng: Tưởng về giận dữ, tưởng về tranh cãi, tưởng về gậy đánh.

Lại có ba tưởng: Tưởng về oán ghét gặp nhau, tưởng về yêu thương chia lìa, tưởng về ồn náo loạn.

Nói tóm lại, là dùng ý tưởng về tất cả đều hôi hám xấu xa bất tịnh, ý tưởng về tất cả đều là suy sụp hỗn loạn, ý tưởng về tất cả đều là căn bất thiện. Vì vậy Bồ tát tại gia đối với vợ con nhìn thấy mọi ý tưởng như vậy, nên sinh tâm chán ngán rời xa mà xuất gia tưởng về thiện-hành thiện. Nếu không thể xuất gia được, thì không nên đối với vợ mình mà dấy khởi những ác nghiệp. Lại nữa:

Nếu đối với con cứ yêu thương,
Thì dùng sức trí tuệ rời bỏ,
Nhờ vào con mà hành bình đẳng,
Yêu thương tất cả mọi chúng sinh.

Bồ tát tại gia, nếu tự biết tâm mình yêu thương rất nhiều đối với con cái, thì dùng sức mạnh của trí tuệ mà tư duy lìa bỏ. Sức mạnh của trí tuệ thuận theo nghĩ như vậy: Tâm Bồ tát bình đẳng, mới có sự thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm phân biệt cao thấp thì không có Bồ đề. Đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác này, từ một tướng vô

tướng mà đạt được, chứ không đạt được từ những tướng phân biệt. Nay mình cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu đối với con cái mà tâm yêu quý quá nhiều thì có phân biệt cao thấp, không gọi là bình đẳng, tức là tướng sai khác chứ không phải là một tướng như nhau. Nếu như vậy thì cách ly với đại Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật là rất xa. Vì vậy mình không nên đối với con cái mà cứ sinh tâm yêu quý. Lúc bấy giờ đối với con cái cần phải phát sinh ba ý tưởng.

1. Đối với mình thì con cái là giặc, Đức Phật dạy yêu thương bình đẳng để phá tan tâm niệm không bình đẳng, vốn là tâm yêu quý thiên lệch quá nhiều.

2. Bị giặc làm hại nguyên nhân là con cái gây ra, làm cho tan tành các thiện căn, ngăn chặn mạng sống của chánh trí.

3. Mình do con cái mà đi trong con đường trái ngược chứ không đi theo con đường thuận lợi.

Ngay lập tức nhờ con cái mà thực hành tâm từ bình đẳng đối với mọi chúng sinh, nên dấy lên nghĩ như vậy: Con cái từ nơi khác đến, mình cũng từ nơi khác mà đến , con đến chỗ khác, mình đi chỗ khác, mình không biết chỗ con đi, con không biết chỗ mình đi, con không biết nơi mình đến, mình không biết nơi con đến, thì con cái không phải là mình vốn có, vì sao vô cớ sinh ra nhiều điều yêu quý mà chịu ràng buộc? Như nói:

Con và mình không quen biết nhau,
Nơi nào đến và đi về đâu,
Con và mình tại sao thân thiết,
Mà sinh ra tâm chấp của mình?

Vả lại, trong dòng sinh tử từ vô thỉ, tất cả chúng sinh đã từng làm con mình, mình cũng từng làm con của họ. Trong pháp hữu vi không có gì quyết định được đây là con mình-kia là con người khác. Tại vì sao? Bởi vì chúng sinh xoay vòng qua lại trong sáu đường cùng làm cha con lẫn nhau.

Như nói:

Vô minh che mờ mắt trí tuệ,
Liên tục nhiều đời trong sinh tử,
Qua lại đã tạo ra nhiều nghiệp,
Trải qua làm cha con lẫn nhau.
Tham đắm niềm vui của thế gian,
Không biết có việc làm tốt đẹp,
Oán thù cho rằng là quen biết,

Quen biết lại cho là kẻ thù.

Vì vậy mình phương tiện đừng sinh tâm yêu ghét, tại vì sao? Bởi vì nếu có thiện tri thức thì luôn luôn mong cầu các loại lợi ích, nếu có giặc thù thì luôn luôn nảy sinh các loại ý tưởng không ích lợi gì. Có tâm yêu ghét như vậy thì không có được ý tưởng thông suốt về các pháp bình đẳng. Tâm phân biệt cao thấp thì sau khi chết sẽ sinh vào nơi tà vạy, thực hành ngay thẳng thì sau khi chết sẽ sinh vào nơi thực hành ngay thẳng. Vì vậy mình không nên làm theo hạnh tà, mà thực hành bình đẳng đối với chúng sinh, thì sẽ đạt được trí Tát-bà-nhã bình đẳng.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 8

Phẩm 17: VÀO CHÙA

Như vậy, Bồ-tát tại gia xử sự mọi việc, không sử dụng tâm tham đắm, tâm ta và của ta. Vì sao? Vì duyên vào của cải mà sinh mê đắm thì khó buông bỏ, theo pháp thì nên bố thí. Nếu có khả năng bố thí thì sẽ loại bỏ được lỗi này. Nếu không có tâm tham đắm, bủn xỉn, luyến tiếc thì Bồ-tát mới có thể sống được ở nhà.

Hỏi: Nếu có người đến xin đồ đạc, mà Bồ-tát tại gia lại ham mê ưa thích luyến tiếc thứ ấy, thì phải làm sao?

Đáp:

Đối với vật mà mình tham trước,
Có người đến cầu xin vật ấy,
Nên tự khuyến khích với tâm mình,
Lập tức bố thí thì đừng tham tiếc.

Những đồ đạc mà Bồ-tát ưa thích, luyến tiếc, nếu có ai gấp gáp đến xin và bảo: Ông đưa cho tôi vật này sẽ mau chóng thành Phật.

Ngay khi ấy, Bồ-tát liền khuyến dỗ tâm mình mà bố thí ngay. Nên suy nghĩ như vậy: Nếu hôm nay mình không buông bỏ thứ này, thì những thứ ấy chắc chắn sẽ xa rời mình. Vả lại đến lúc chết, mình đâu đem nó theo được. Vật này là hình tướng của sự xa rời, nay mình bố thí vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, để bố thí Ba-la-mật được đầy đủ, sau này đến lúc chết tâm không hối hận gì. Như kinh nói: "Không có tâm hối hận thì chết rồi sẽ sinh vào nơi thiện". Được lợi lớn như vậy, tại sao không đem cho? Nếu tự khuyến nhủ mình như vậy mà lòng vẫn còn ham mê luyến tiếc thì tạ lỗi với người đến xin:

Nay tôi là người mới tưởng về học,
Thiện căn chưa đến nơi thành tựu,
Tâm chưa đạt được sức tự tại,
Nguyện sau này sẽ giúp cho nhau.

Bồ-tát nên tạ lỗi với người đến xin: Xin ông chớ giận hờn tôi, tôi mới

phát ý, căn thiện chưa đủ, chưa đủ thế mạnh của pháp hạnh Bồ-tát. Vì vậy, cho nên chưa có thể buông bỏ vật này. Sau khi được thế mạnh, căn thiện thành tựu, tâm được vững chãi, tôi sẽ đem nó cho ông. Lại nữa:

Nếu như mọi người không hòa hợp,
Gián đoạn việc thực hành kinh pháp,
Bồ tát nên tùy theo sức mình,
Phương tiện khiến cho không gián đoạn.

Vì nguyên nhân nào đó, chúng Tăng trái nhau mà tranh cãi, việc kinh pháp bị bỏ phế, thì Bồ-tát tại gia nên chịu khó tìm phương tiện, đối với bên này bên kia không thiên vị, hoặc dùng của cải hay dùng lời nói kính lạy cầu thỉnh hai bên hòa hợp lại. Hoặc có trường hợp do thiếu hụt áo cơm, hoặc có kẻ tà kiến làm cản trở, hoặc người thuyết pháp muốn cầu lợi dưỡng, hoặc người nghe pháp mà tâm không cung kính, thì Bồ-tát tại gia nên tìm phương tiện thích đáng, hoặc đem của hay dùng lời, khiêm nhường cầu thỉnh khiến cho pháp sự ấy không bị bỏ phế. Pháp sự không bị bỏ phế tức là đã thắp ngọn đèn pháp Phật, cúng dường ba đời mười phương chư Phật. Lại nữa:

Vào những ngày trai thọ tám giới,
Gần gũi người trì giới thanh tịnh,
Nhờ nhân duyên tốt lành của giới,
Tâm thực hành kính mến sâu sắc.

Ngày trai trong tháng là những ngày mồng tám-mười bốn-mười lăm-hăm ba-hăm chín và ba mươi; và ngăn chặn ba điều kiêng kỵ. Ba điều kiêng kỵ thì ngày mười lăm là ngày kiêng kỵ nhất. Từ Đông chí về sau bốn mươi lăm ngày, trong những ngày xấu ác này có nhiều quỷ thần xâm phạm tung hoành quấy nhiễm, người thế gian bởi vì giữ gìn sự yên ổn cho nên quá buổi trưa thì không ăn. Nhân đó Đức Phật dạy bảo khiến thọ giới một ngày, đã cảm được phước đức. Chư Thiên giáng trần quan sát thế gian, thấy vậy thì hoan hỷ mà nghĩ đến sự che chở. Bồ tát tại gia đối với những việc nhỏ hãy làm lợi ích thêm, huống là trước đây đã có những trai pháp này mà không tùy thuận hay sao? Vì vậy cần phải thực hành trai pháp một ngày, đã có được lợi ích cho mình mà cũng có thể lợi ích cho người.

Hỏi: Trai pháp như thế nào?

Đáp: Nên phát ra lời nói như vậy: Như các bậc Thánh nhân, thường xa rời sát sinh, vứt bỏ dao gậy thường không có giận dữ, có tâm tàm quý từ bi đối với chúng sinh, con tên họ là… nay trong một ngày một đêm xa lìa sát sinh, vứt bỏ dao gậy không có giận dữ, có tâm tàm quý từ bi đối với chúng

sinh.

Dùng pháp như vậy mà học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường xa rời trộm cắp, thân hành thanh tịnh mà thọ nhận biết vừa đủ nay con trong một ngày một đêm xa rời trộm cắp, cầu thọ nhận thanh tịnh tự sống. Dùng như vậy mà học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường đoạn trừ dâm dục, xa rời thú vui thế gian, nay con trong một ngày một đêm đoạn trừ dâm dục, xa rời thú vui thế gian, tưởng về hành phạm hạnh thanh tịnh. Dùng pháp như vậy mà học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường xa rời nói dối, luôn nói lời chân thật nói lời chính trực, nay con trong một ngày một đêm xa rời nói dối, mà nói lời chân thật, nói lời chính trực. Dùng pháp như vậy mà học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường xa rời uống rượu, rượu là nơi chốn của sự phóng túng, nay con trong một ngày một đêm xa rời đối với rượu. Dùng pháp như vậy mà học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường xa rời ca múa âm nhạc, và các loại hương hoa-chuỗi ngọc trang điểm thân hình, nay con trong một ngày một đêm xa rời ca múa âm nhạc, và các loại hương hoa chuỗi ngọc trang điểm thân hình. Dùng pháp như vậy mà học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường xa rời giường cao rộng to lớn, ở nơi giường nhỏ, lấy đệm cỏ làm chỗ ngồi, nay con trong một ngày một đêm xa rời giường cao rộng to lớn, ở giường nhỏ, lấy đệm cỏ làm chỗ ngồi. Dùng pháp như vậy mà học theo Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân, thường quá ngọ không ăn, xa lìa việc làm không đúng lúc-ăn không đúng lúc, nay con trong một ngày một đêm, quá ngọ không ăn, xa lìa việc làm không đúng lúc-ăn không đúng lúc. Dùng pháp như vậy mà học theo Thánh nhân. Như nói:

Sát-đạo-dâm dục và nói dối,
Uống rượu, trang điểm cùng ca múa,
Giường cao ghế rộng ăn quá ngọ,
Các bậc Thánh nhân đều rời bỏ,
Nay con cũng học theo như vậy,
Dùng nhân duyên của phước thiện này,
Hồi hướng tất cả cùng thành Phật.

Thân cận Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, là Bồ tát tại gia nên thân cận các Tỳ-kheo cố gắng hết lòng hộ trì cho giới cấm được thanh tịnh, thành tựu

công đức, phòng xa mọi điều ác. Nhờ vào nhân duyên tốt lành của giới, là còn cần phải thân cận Tỳ-kheo trì giới, nhờ vậy nghiệp của thân miệng thanh tịnh, tâm hạnh tốt lành thẳng thắn, không còn mọi điều ác. Tâm kính mến sâu sắc, là đối với Tỳ-kheo trì giới thực hành thiện pháp, tâm chất trực cao cả, thành tựu các công đức, thì nên sinh tâm yêu mến hết sức, cung kính vô cùng.

Hỏi: Bồ tát tại gia nếu đối với Tỳ-kheo trì giới, thành tựu công đức nên sinh tâm kính mến, còn đối với Tỳ-kheo phá giới thì nên sinh tâm khinh thường ghét bỏ chăng?

Đáp:

Nếu như thấy người nào phá giới,
Không cần phải khởi tâm khinh ghét.

Bồ-tát tại gia nếu thấy Tỳ-kheo phá giới có hành động tạp nhạp, mọi cử chỉ việc làm đều thiếu oai nghi, che giấu xấu ác, nhiều tỳ vết, không có phạm hạnh tự xưng là phạm hạnh, thì đối với hạng Tỳ-kheo ấy, cũng không nên sinh tâm khinh mạn hay giận dữ.

Hỏi: Nếu không sinh tâm sân hận thì phải sinh tâm như thế nào?

Đáp:

Nên sinh tâm thương xót cho họ,
Trách mắng các phiền não gây ra.

Nếu thấy Tỳ-kheo phá giới, Bồ-tát tại gia không nên sinh tâm khinh khi, giận dữ, thù hận, cho nên sinh lòng xót thương có ích lợi nghĩ như vậy: Ôi! Người này gặp được pháp cao siêu của Phật, được lìa khỏi địa ngục, ngạ quỷ-súc sinh, Sắc-Vô sắc giới, không sinh nơi biên địa, các căn đầy đủ, không điếc câm, không ngu độn. Được gặp pháp Phật cao siêu, biết rõ tốt xấu, tâm còn chánh kiến, thấu hiểu nghĩa lý, thân người khó được, như trong biển cả có con rùa một mắt đút đầu vào bộng cây, sinh trong cõi người còn khó bội phần, so với con rùa này. Đã nghe pháp Phật thì có khả năng tiêu diệt mọi điều ác, vượt qua mọi khổ não, được đến với chánh trí. Bỏ hết của cải ít nhiều có được trong đời sống. Vĩnh viễn cắt bỏ thân tộc, không còn gì vương vấn, lưu luyến. Hoặc sinh trong dân thường, hoặc sinh trong giòng họ cao đã, vì lòng tin Phật mà xuất gia, luôn nghe nói về tội phá giới, là tự hạ thấp đời mình, bị người trí quở trách, tiếng xấu truyền khắp nơi thường ôm lòng ngờ vực hối hận, chết rồi đọa vào ác đạo . Đã được nghe như vậy mà còn phá giới chăng?

Thực hành mười điều thiện mới được làm thân người, mà không thể nào đúng như pháp cố gắng sử dụng để tự lợi ích cho mình? Than ôi! Sức

mạnh của ba độc thật là dữ dằn, thường lấn át chúng sinh làm cho khó mà xa rời được. Chư Phật đã quở trách các loại phiền não là giặc hung ác-hành hung ác, thì có lý đúng như thật!

Tư duy như vậy thì không nên khinh chê người phá giới. Lại dấy lên nghĩ như vậy: Nếu mình không thể nào lìa bỏ mọi tâm lý giận dữ-khinh mạn, thì nên tự mình tư duy rằng Phật pháp vô lượng giống như biển rộng, hoặc có nơi khai thông mà mình không biết? Như trong kinh Đại thừa quyết định vương nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Hoặc có Tỳ-kheo căn cơ ám độn bít chặt, tâm tánh không sáng suốt, không hiểu được về tướng của các pháp, thường nghĩ đến trong pháp có tưởng-không có tưởng mà chọn lấy ý tưởng về có, phát sinh tưởng về nam nữ, sinh tưởng về tội lỗi chướng ngại, sinh tưởng về cấu nhiễm, sinh tưởng về thanh tịnh. Sinh những tưởng như vậy thì gọi là độn căn, tâm không sáng suốt tức là phát sinh tội lỗi. Này A-nan! Nếu như người ở trong tất cả các pháp mà không có thể khéo léo hiểu rõ thì gọi là không sáng suốt. Tất cả các pháp từ xưa đến nay, bản thể-tánh tướng thường không thể nào nắm bắt được, người này không biết sự việc như vậy, sinh ra các tưởng này thì cùng với ngoại đạo không có gì khác nhau. Này A-nan! Pháp mà Ta đã nói đều có khai thông thanh tịnh rõ ràng, trong các pháp này không có tội cũng không có người có tội. Này A-nan! Tội lỗi là nghi ngờ hối tiếc ngu si tối tăm, tội lỗi là sinh tưởng về chúng sinh-tưởng về ngã-tưởng về mạng-tưởng về người, đều do thân kiến mà gọi là tội lỗi. Ở trong pháp của Ta không có người như vậy. Nếu trong pháp của Ta nhất định thật có những thân kiến như Ngã-chúng sinh-mạng-người, thì không nói là pháp của Ta có khai mở, chứ không phải là không khai mở. Pháp của Ta từ xưa đến nay thường thanh tịnh rõ ràng.

Lại nữa, này A-nan! Nếu như quyết định có tội lỗi, có người nhận chịu tội lỗi, thì thân chính là thân ngã, tức là rơi vào Thường kiến thì không có Phật đạo. Nếu như thân khác với thần ngã thì rơi vào Đoạn kiến, cũng không có Phật đạo. Sáu mươi hai kiến chấp như vậy đều có thể là Bồ đề, nhưng điều này không phải như vậy. Vì thế cho nên, này A-nan! Ta ở giữa đại chúng làm bậc Sư tử Hống thuyết giảng mà không có lời nào sợ hãi: Pháp của Ta có khai mở chứ không phải là không có khai mở, từ xưa đến nay thường thanh tịnh rõ ràng. Này A-nan! Nếu tội lỗi chắc chắn là có, thì rốt cuộc không có Niết bàn, Ta sẽ không nói là pháp của Ta có khai mở.

Này A-nan! Pháp của Ta thật sự từ xưa đến nay vốn thanh tịnh rõ ràng, vì vậy đệ tử của Ta làm cho tâm thuần phục an ổn không có gì nghi

ngờ hối tiếc, không có những tội ác, thanh tịnh mà hành đạo".

Bồ tát nên tư duy như vậy chứ không nên giận hờn khinh chê người phá giới. Lại dấy lên suy nghĩ như vậy: Giới này nhất định là được an trú trong đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tại vì sao? Bởi vì đã từng nghe nhất định là Bồ tát có lúc phát khởi tội lỗi, như mười vạn kiếp trong quá khứ, có Bồ tát phỉ báng bậc A-la-hán lậu tận, gọi là A-la-hán. Lại nghe có Bồ tát trong phần vị Tất định ở ba mươi mốt kiếp trước đây, dùng giáo dài đâm vào vị Tu-đà-hoàn. Lại trong Hiền kiếp này, nghe có Bồ tát phỉ báng Đức Phật Câu Lâu Tôn rằng có người trọc đầu nào mà được đắc đạo? Những chúng sinh như vậy khó có thể biết được, vì vậy mình đối với sự việc này đâu cần phải biết làm gì? Được-mất-tốt-xấu họ tự làm thì họ tự chịu đâu can hệ gì đối với mình, nay mình nếu như muốn biết chính xác sự việc ấy, có lẽ tự làm tổn thương mình vì phân biệt chúng sinh, điều này Đức Phật vốn không cho phép, như trong kinh nói: "Đức Phật bảo A-nan: Nếu người nào phân biệt đối với người khác thì đã tự làm tổn thương mình, chỉ riêng mình có thể phân biệt suy xét chính mình, chúng sinh và mình đều bình đẳng thì cũng nên suy xét mà thực hành".

Như nói:

Có bình nắp đậy cũng không có,
Không có nắp cũng lại không có,
Có bình nắp đậy cũng đầy đủ,
Không có nắp cũng lại đầy đủ,
Nên biết rằng đối với thế gian,
Có đủ bốn loại người như vậy,
Oai nghi phạm hạnh và công đức,
Có hay không có cũng như vậy.
Nếu không phải là Nhất thiết trí,
Làm sao có thể suy xét người,
Lẽ nào có thể thấy oai nghi,
Mà biết được phẩm đức của người?
Trí tuệ chân chánh có thiện tâm,
Gọi là tướng của người đức hạnh,
Chỉ trông thấy oai nghi bên ngoài,
Dựa vào đâu biết được trong tâm?
Bên trong có công đức trí tuệ,
Ngoại hiện tướng không có uy đức,
Đi khắp mọi nơi không ai biết,
Như dùng tro phủ trên lửa đỏ.

Nếu lấy bề ngoài xét bên trong,
Mà sinh tâm khinh chê ngạo mạn,
Làm hại đến thân và thiện căn,
Mạng sống chấm dứt vào đường ác.
Bên ngoài giả hiện rõ oai nghi,
Đi khắp mọi nơi tựa Thánh Hiền,
Chỉ có miệng nói năng hùng hổ,
Như sấm động mà không có mưa.
Nơi hoạt động của các tâm sở,
Sai lầm khó có thể biết được,
Vì vậy cho nên các chúng sinh,
Không có thể suy xét tùy tiện.
Chỉ có đầy đủ Nhất thiết trí,
Biết rõ các tâm và tâm sở,
Nơi hoạt động tinh vi sâu kín,
Mới có năng lực xét chúng sinh.
Đức Phật dạy mình-người bình đẳng,
Mới có năng lực xét chúng sinh,
Nếu Đức Phật giảng dạy như vậy,
Ai có năng lực suy xét người?
Nếu như thấy oai nghi bên ngoài,
Mà xét đến phẩm đức bên trong,
Thì tự mình làm hỏng thiện căn,
Như nước vỗ tự làm bờ sụt.
Nếu như có những sai lầm này,
Thì gây ra nghiệp chướng to lớn,
Vì vậy đối với những người này,
Không nên khởi tâm ý khinh chê.

Bồ-tát tại gia không nên sinh tâm khinh mạn, giận dữ với người phá giới. Lại nữa, người giữ giới hay phá giới không ở chung với người bạch y, thì do đâu mà biết. Nếu mình muốn phân biệt làm sáng tỏ việc này, thì sẽ gây ra tội chướng, rồi do tội chướng ấy mà chịu khổ ngàn vạn kiếp.

Như trong kinh Vô Hành có nói, và trong kinh Đại thừa: "Phật bảo trưởng giả Úc-già-la: Như vậy Bồ tát tại gia nên sinh tâm xót thương Tỳ-kheo phá giới, dẫu cho người này có hạnh xấu, hạnh ác, hạnh nhơ. Vì sao? Vì người này mặc pháp y Thánh chúa tịch diệt tốt đẹp của Như Lai, nhưng không biết tự mềm mỏng, không có khả năng điều phục các căn mà làm nhiều hạnh bại hoại."

Lại nữa, trong kinh Phật cũng nói: "Không khinh chê người chưa học, vì không phải họ gây tội mà do phiền não gây tội. Kẻ ấy do phiền não phát sinh cho nên có những chuyện không tốt."

Lại nữa, pháp Phật có khai thông nên người này có thể tự bỏ lỗi của mình. Do nhân duyên chánh niệm mà được tiến vào pháp vị, hoặc bước vào Tất định thuộc về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, như Phật nói: Chỉ có trí tuệ mới phá tan phiền não. Không nên xét đoán người một cách tùy tiện. Nếu xét đoán như vậy thì tự làm hại mình. Chỉ có Phật đầy đủ trí tuệ mới biết rõ những việc như vậy, không phải là những điều mà mình hiểu biết, nghĩa là đối với người phá giới không sinh tâm giận dữ, khinh thường.

Lại nữa:

Nếu Bồ tát đi vào chùa tháp,
Nên thực hành đầy đủ oai nghi,
Tâm thành cung kính mà lễ bái
Cúng dường tôn trọng các Tỳ-kheo.

Như vậy Bồ tát tại gia nếu như đi vào chùa Chư Phật, lúc ban đầu sắp bước vào thì ở bên ngoài cổng chùa rạp lạy sát đất, nên phát khởi ý nghĩ như vậy: Đây là trú xứ của người thiện, là trú xứ của người tu hành pháp không, là trú xứ của người tu hành pháp vô tướng, là trú xứ của người tu hành pháp vô nguyện, đây là trú xứ thực hành Từ bi Hỷ Xả, đây là trú xứ của Chánh hạnh-Chánh niệm. Nếu gặp các Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi, nhìn an lành thư thái, y bát nghiêm trang cẩn thận, đi đứng ngồi nằm, nghỉ ngơi yên giấc, ăn uống nói năng, dung mạo oai nghi đi lại lặng yên, tất cả đáng quán sát, nếu thấy các Tỳ-kheo tu hành bốn niệm xứ thì đó là hạnh của bậc Thánh thực hành, cùng với trì giới thanh tịnh, đọc tụng kinh pháp, tinh tiến tư duy ngồi thiền yên lặng, thấy rồi tâm tư cung kính nghiêm trang lễ bái, gần gũi thăm hỏi, nên phát khởi ý niệm như vậy:

Nếu như trong hằng sa đời kiếp
Mình thường đến đền thờ Thiên thần,
Cúng dường rất nhiều không dừng bỏ,
Không bằng cúng dường người xuất gia.

Lúc bấy giờ Bồ tát này phát khởi ý niệm như vậy: Mình cầu mong tài vật đúng như pháp ở trong Hằng hà sa đời kiếp thường thực hành bố

thí rộng lớn, phước đức của những hạnh bố thí này hãy còn không bằng phát tâm xuất gia, huống gì là có thật. Tại vì sao? Bởi vì tại gia thì có vô lượng lỗi lầm xấu ác, xuất gia có năng lực thành tựu vô lượng công đức.

Tại gia thì ồn ào náo loạn, xuất gia thì thanh thản vắng lặng. Tại gia thì hệ thuộc cấu nhiễm, xuất gia thì không có gì hệ thuộc. Tại gia là nơi của việc ác, xuất gia là nơi của điều thiện. Tại gia thì nhiễm trước đủ loại bụi trần, xuất gia thì rời xa các loại bụi trần. Tại gia thì chìm trong bùn lầy năm dục, xuất gia thì ra khỏi bùn lầy năm dục. Tại gia khó có được mạng sống thanh tịnh xuất gia dễ có được mạng sống thanh tịnh. Tại gia thì nhiều kẻ thù, xuất gia thì không có kẻ thù. Tại gia thì nhiều buồn phiền trở ngại, xuất gia thì không có buồn phiền trở ngại. Tại gia là nơi buồn lo, xuất gia là nơi hoan hỷ. Tại gia là cửa vào đường ác, xuất gia là cửa vào lợi ích. Tại gia thì trói buộc, xuất gia thì giải thoát. Tại gia thì nhiều sợ hãi, xuất gia thì không có gì sợ hãi. Tại gia có gậy gộc roi vọt, xuất gia không có roi gậy gộc. Tại gia có gươm giáo, xuất gia không có gươm giáo. Tại gia có hối tiếc bứt rứt, xuất gia không có hối tiếc bứt rứt. Tại gia mong cầu nhiều mà khổ, xuất gia không mong cầu gì mà vui. Tại gia thì đùa cợt xúi giục, xuất gia thì yên lặng rỗng rang. Tại gia thì đáng thương xót, xuất gia không có gì đáng xót thương. Tại gia thì ưu sầu tiều tụy, xuất gia không có gì ưu sầu tiều tụy. Tại gia thì thấp kém, xuất gia thì cao quý. Tại gia thì hừng hực, xuất gia thì thanh thoát. Tại gia ít thế lực, xuất gia nhiều thế lực. Tại gia thì người khác làm cho, xuất gia thì tự mình làm. Tại gia tùy thuận cửa cấu nhiễm, xuất gia tùy thuận cửa thanh tịnh. Tại gia tăng thêm gai hóc, xuất gia phá bỏ gai góc. Tại gia thành tựu pháp nhỏ bé, xuất gia thành tựu pháp lớn lao. Tại gia làm điều bất thiện, xuất gia thì tu thiện hạnh. Tại gia thì có hối tiếc, xuất gia không có gì hối tiếc. Tại gia tăng thêm biển rộng của nước mắt-sữa và máu, xuất gia làm cạn khô biển rộng của nước mắt-sữa-máu. Tại gia thì bị Chư Phật, Bích-chi-Phật và Thanh văn chỉ trích, xuất gia thì được Chư Phật, Bích-chi-Phật và Thanh văn khen ngợi. Tại gia thì không biết vừa đủ, xuất gia thì biết vừa đủ. Tại gia thì ma vui, xuất gia thì ma buồn. Tại gia về sau có suy sụp, xuất gia về sau không có gì suy sụp. Tại gia thì dễ dàng sụp đổ, xuất gia thì khó mà sụp đổ. Tại gia thì dễ dàng sụp đổ, xuất gia thì khó mà sụp đổ. Tại gia là nô bộc, xuất gia thì làm chủ. Tại gia vĩnh viễn còn sinh tử, xuất gia cuối cùng đến Niết bàn. Tại gia thì rơi vào hầm hố, xuất gia thì thoát khỏi hầm hố. Tại gia thì tăm tối, xuất gia thì sáng tỏ. Tại gia không có năng lực làm cho các căn phải thuần phục, xuất gia thì có năng lực làm cho các căn phải thuần phục. Tại gia thì kiêu ngạo, xuất gia thì khiêm tốn. Tại gia thì dung tục, xuất gia thì tôn quý. Tại gia có lắm chuyện, xuất gia không có chuyện gì. Tại gia thì nhiều theo đuổi, xuất gia thì ít theo đuổi. Tại gia thì nhiều quả báo nhỏ bé, xuất gia thì quả báo to lớn. Tại gia thì dua nịnh quanh co, xuất gia thì chất trực. Tại gia thì nhiều

buồn lo, xuất gia thì nhiều vui vẻ. Tại gia như mũi tên còn trong thân, xuất gia như mũi tên rút ra khỏi thân. Tại gia thì có bệnh tật, xuất gia thì bệnh tật chữa lành. Tại gia làm điều ác cho nên mau già, xuất gia thực hành thiện pháp cho nên khỏe mạnh. Tại gia phóng túng mà dẫn đến cái chết, xuất gia thì có mạng sống của trí tuệ. Tại gia thì lừa dối, xuất gia thì chân thật. Tại gia thì mong cầu nhiều, xuất gia thì ít mong cầu. Tại gia thì uống các loại nước độc hại, xuất gia thì uống nước cam lộ. Tại gia có nhiều điều xâm phạm tổn hại, xuất gia không có gì xâm phạm tổn hại. Tại gia thì suy sụp hư hao, xuất gia không có gì suy sụp hư hao. Tại gia như quả của cây độc, xuất gia như quả cây ngon ngọt. Tại gia thì oán ghét hòa hợp, xuất gia thì xa rời nỗi khổ oán ghét gặp nhau. Tại gia gặp nỗi khổ yêu thương chia ly, xuất gia thì thân ái hòa hợp. Tại gia thì ngu si sâu dày, xuất gia thì ngu si mỏng cạn. Tại gia thì mất đi hạnh thanh tịnh, xuất gia thì có được hạnh thanh tịnh. Tại gia thì tâm sâu xa bị phá hủy, xuất gia thì tâm sâu xa được thành tựu. Tại gia thì không có cách cứu giúp, xuất gia thì có cách cứu giúp. Tại gia thì cô quạnh khốn cùng, xuất gia không cô quạnh khốn cùng. Tại gia thì không có nhà, xuất gia thì có nhà. Tại gia thì không có nơi quay về, xuất gia thì có chốn quay về. Tại gia thì nhiều sân hận, xuất gia thì nhiều Từ Bi. Tại gia thì phải gánh nặng, xuất gia thì bỏ gánh nặng. Tại gia thì công việckhông bao giờ hết, xuất gia thì không còn có công việc. Tại gia thì tội lỗi tụ hội, xuất gia thì phước thiện tập trung. Tại gia thì khổ não, xuất gia thì không có khổ não. Tại gia thì có nóng bức, xuất gia thì không có nóng bức. Tại gia thì có tranh chấp, xuất gia thì không có tranh chấp. Tại gia thì nhiễm trước, xuất gia không có nhiễm trước. Tại gia có ngã mạn, xuất gia không có ngã mạn. Tại gia coi trọng tiền bạc của cải, xuất gia coi trọng công đức. Tại gia có tai họa làm hại, xuất gia không còn tai họa làm hại. Tại gia thì giảm mất, xuất gia thì tăng thêm. Tại gia thì dễ được, xuất gia thì khó gặp, trải qua thời gian trong ngàn vạn kiếp mới gặp được một lần. Tại gia thì dễ làm, xuất gia thì khó thực hành. Tại gia thì thuận dòng, xuất gia thì ngược dòng. Tại gia thì trôi giạt bềnh bồng, xuất gia thì ngồi trên bè mảng. Tại gia thì bị phiền não đẩy đưa, xuất gia thì có cầu sống tự vượt qua. Tại gia là bờ bên này, xuất gia là

bờ bên kia. Tại gia thì bị ràng buộc, xuất gia lìa khỏi ràng buộc. Tại gia ôm nặng oán kết hận thù, xuất gia lìa xa oán kết hận thù. Tại gia thuận theo Vương pháp, xuất gia thuận theo Phật pháp. Tại gia có nhiều sự cố, xuất gia không có sự cố gì. Tại gia có quả báo khổ đau, xuất gia có quả báo vui sướng. Tại gia thì nóng nảy vội vàng, xuất gia thì oai nghi thận trọng. Tại gia làm bạn dễ được, xuất gia khó được làm bạn. Tại gia lấy vợ làm bạn,

xuất gia lấy tâm kiên cố làm bạn. Tại gia thì tiến vào vòng vây, xuất gia thì thoát khỏi vòng vây. Tại gia thì lấy sự xâm phạm não hại người khác làm quan trọng xuất gia thì lấy việc làm lợi ích cho người khác làm quan trọng. Tại gia thì coi trọng bố thí tiền của, xuất gia thì coi trọng bố thí giáo pháp. Tại gia thì giữ lấy cột cờ của ma, xuất gia thì giữ gìn cột cờ của Phật. Tại gia thì có nơi thuộc về, xuất gia phá hủy mọi nơi thuộc về. Tại gia thì nuôi lớn cho thân xuất gia thì xa rời thân. Tại gia đi sâu vào gai góc, xuất gia ra ngoài gai góc um tùm.

Lại nữa:

Đồng thời đối với người xuất gia,
Tâm cần phải ngưỡng mộ sâu sắc.

Bồ-tát tại gia này suy nghĩ công đức xuất gia như vậy, đối với người xuất gia nên đem lòng hâm mộ. Biết tới bao giờ mình mới được xuất gia, có được công đức như vậy? Biết đến bao giờ mình mới được xuất gia, để theo thứ tự thực hành pháp của bậc Sa-môn như: Thuyết giới, an cư, bố tát, tự tứ, ngồi theo thứ bậc. Biết bao giờ mình mới được mặc pháp y huân tu giới-định-tuệ-giải thoát-giải thoát tri kiến mà Thánh nhân đã mặc?

Biết bao giờ mình mới được mang hình dáng Thánh nhân? Biết bao giờ mình sẽ được sống nơi núi rừng thanh vắng?

Biết bao giờ mình mới được mang bình bát khất thực, được cho hay không được cho, nhiều ít, ngon dở, lạnh nóng, tuần tự mà tiếp nhận để nuôi thân, như bôi thuốc mỡ vào bánh xe?

Biết đến bao giờ mình mới rời được tám pháp thế gian để tâm mình không lo-mừng?

Biết đến bao giờ mình mới đóng được cửa ải sáu tình? Vì sáu tình này như chó, nai, cá, rắn, khỉ, chim. Chó thì ưa ở thôn xóm, nai thì ưa núi đầm, cá ưa sống ở ao hồ, rắn thì ưa ở hang, khỉ thì ưa rừng sâu, chim thì ưa bầu trời. Mắt-tai-mũi lưỡi-thân-ý thường ham sắc thanh hương vị xúc pháp. Kẻ phàm phu trí cạn, ý chí yếu đuối không thể hàng phục chúng được. Chỉ có bậc trí tuệ, kiên tâm, chánh niệm, mới có khả năng đè bẹp giặc sáu tình này, không cho nó gây tai họa, tự tại không sợ hãi.

Biết đến bao giờ mình mới vui sướng được tọa thiền, đọc tụng kinh pháp, vui sướng được đoạn trừ phiền não, tu những pháp thiện, ưa mặc áo xấu chỉ đủ để che thân? Nhớ lại xưa kia khi còn là tại gia, làm nhiều chuyện buông lung, nay được lợi mình và lợi người cho nên phải siêng năng tinh tiến?

Biết đến bao giờ mình mới tùy thuận theo đạo pháp mà Bồ-tát đã

làm?

Biết đến bao giờ mình mới được làm phước điền vô thượng cho thế gian?

Biết đến bao giờ mình mình sẽ được lìa xa kiếp nô lệ của ân ái? Biết đến bao giờ mình mới được ra khỏi địa ngục gia đình?

Như nói:

Cung kính lễ lạy các chùa tháp,
Nhờ vào Phật sinh khởi ba tâm.

Bồ-tát tại gia này đã tỏ lòng hâm mộ, kính ngưỡng người xuất gia. Nếu khi vào chùa tháp kính lễ Phật thì nên sinh khởi ba tâm. Những gì là ba? Đó là:

1. Biết đến khi nào mình mới được thọ nhận sự cúng dường của Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân.

2. Biết đến bao giờ mình mới có được thần lực như Xá-lợi rải khắp thế gian làm lợi ích cho chúng sinh?

3. Hôm nay mình phát tâm sâu xa, thực hành rất tinh tiến lớn, sẽ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành Phật rồi sẽ nhập Niết-bàn vô dư. Lại nữa:

Lúc đến nơi của các Tỳ-kheo,
Tùy theo công việc mà thực hành,
Im lặng nghe những lời dạy bảo,
Giúp đỡ mọi điều không hề tiếc.

Bồ tát tại gia này cung kính lễ tháp Phật xong, đi đến cầu học với các Tỳ-kheo là người thuyết pháp, người đã trì luật, người đọc Tu-đa-la, người đọc Ma-đa-la-ca, người đọc Bồ tát tạng, người sống trong A-luyện-nhã, người mặc y vá, người khất thực, người ăn một bữa, người thường ngồi, người quá ngọ không uống nước đặc, người chỉ có ba y, người mặc y vải thô, người tùy ý trải chỗ ngồi, người ở dưới tán cây, người ở giữa mồ mả, người ở nơi trống trải, người ít ham muốn, người biết vừa đủ, người tu hạnh viễn ly, người ngồi thiền, người khuyên bảo giáo hóa, tất cả nên thuận theo các Tỳ-kheo mà thực hành đúng như sự dạy bảo. Nếu đến nơi người đọc A-tỳ-đàm, thì thuận theo tánh tướng các pháp tương ưng hay không tương ưng… đã nói mà thưa hỏi những điều nghi ngờ. Hỏi rồi thì nên học tập thực hành. Nếu gặp người trì luật, thì nên thưa hỏi về nhân duyên phát khởi tội lỗi, tội nặng hay tội nhẹ, pháp diệt trừ tội lỗi và sự việc ví dụ. Hỏi rồi thì nên tu học thực hành. Nếu gặp người đọc Tu-đa-la, thì nên thưa hỏi về

nghĩa lý trong các Bộ kinh A-hàm để học hỏi thực hành hiểu biết nhiều hơn. Nếu gặp người đọc Ma đa la, các kinh Ứng Lợi, Ưu đà na Ba la diên Pháp Cú, thì nên học tập thực hành theo các kinh như vậy. Nếu gặp người đọc Bồ tát tạng, thì nên thưa hỏi về sáu Ba-la-mật và mọi điều phương tiện. Hỏi rồi thì nên tu học thực hành. Nếu gặp người sống trong A-luyện-nhã, thì nên học theo pháp hành viễn ly của họ. Nếu gặp người ngồi thiền, thì nên học theo pháp ngồi thiền của họ. Đối với các Tỳ-kheo khác thì cũng nên như vậy, tùy theo công hạnh của họ mà thưa hỏi, hỏi rồi thì nên tu học không có gì trái ngược. Thâu nhiếp giữ gìn khẩu nghiệp, khi đến chỗ các Tỳ-kheo nên cố gắng thâu nhiếp khẩu nghiệp, yên lặng thanh thản điềm tĩnh, quán xét thời gian-quán xét nơi chốn tùy theo sự việc mà tư duy, tâm không tán loạn sai sót, ít nói năng mà chỉ lắng nghe. Lại còn ở nơi có người thuyết pháp, đối với các Tỳ-kheo thì tùy theo những gì mà họ thiếu thốn, hoặc là y-bát-tọa cụ, hoặc vật dụng giúp đỡ cho sinh hoạt thường ngày, tùy sức của mình mà giúp đỡ không hề tiếc nuối. Vì sao như vậy? Bởi vì Bồ tát còn thuận lòng bố thí cho những người ác, huống hồ Tỳ-kheo là người có công đức hay sao? Thậm chí thân mạng hãy còn không tiếc, huống gì là vật ngoài thân, vốn là nhân duyên trợ đạo. Lại nữa:

Nếu như khi thực hành bố thí
Đừng làm người khác sinh phiền não.

BồTát khi thực hành bố thí nếu cho một người này, thì một người khác không được sẽ sinh sầu não. Do đó Bồ Tát nên khéo dự trù, lường tính mà thực hành bố thí, đừng để người khác phải sầu não. Vì sao?

Mong muốn giữ cho tâm phàm phu,
Cần phải hơn hẳn A-la-hán.

Bồ tát tại gia này, bố thí y phục-đồ ăn uống-thuốc thang-đồ nằm cho các Tỳ-kheo, đón đưa cúng dường gần gũi dễ kính, mong muốn giữ cho tâm phàm phu, cần phải hơn hẳn A-la-hán. Tại vì sao? Bởi vì các A-la-hán đối với lợi suy, khen chê, được mất, khổ vui thì tâm không còn có gì phân biệt. Phàm phu còn yêu-giận-tham-ganh cho nên có thể phát khởi nghiệp tội. Vì nghiệp tội này mà rơi vào địa ngục-ngạ quỷ-

súc sanh. Vì vậy cần phải hết sức giữ gìn cho phàm phu. Việc làm của Bồ tát, đều vì lợi ích cho tất cả chúng sinh mà bố thí, chứ không phải vì niềm vui sướng của mình, không vì tự mình cảm được quả báo ở đời sau, không phải là sự trao đổi như mua bán. Lại nữa:

Dựa vào sự bố thí tiền bạc,
Có thể thâu nhiếp cả pháp thí,

Tùy theo những mong muốn lợi ích,
Dạy cho phát tâm đạo vô thượng.

Bồ tát tại gia này vì tự lợi mình cho nên tùy theo những lợi ích, hoặc dùng y-bát bố thí cho các Tỳ-kheo, đủ các loại như vậy và bố thí tiền bạc-vật dụng khác nữa, nhưng các Tỳ-kheo như vậy không tiến vào pháp vị, không đạt được đại quả, thì nên khuyến khích khiến cho phát nguyện đối với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tại vì sao? Bởi vì dựa vào bố thí tiền của để thâu nhiếp cho nên có thể dùng pháp thí mà thâu nhiếp. Hoặc đối với những vật đã bố thí mà đàn việc có tâm kính mến làm cho các Tỳ-kheo tin nhận lời khuyên của họ. Lại nữa:

Vì mong muốn hộ trì giáo pháp,
Xả thân mạng mà không tiếc gì,
Chữa lành căn bệnh của Tỳ-kheo,
Thậm chí dùng thân mình bố thí.

Bồ tát tại gia này vì muốn hộ trì giáo pháp, thậm chí tự xả bỏ thân mạng, chịu khó thực hành tinh tiến phá trừ sáu mươi hai loại ngoại đạo và các chúng sinh ma quái thù ghét đối với Phật pháp. Trong hàng đệ tử Phật cũng có người tà hạnh giảo quyệt trái với Phật pháp. Người như vậy đúng như pháp mà phá trừ, đó gọi là hộ trì giáo pháp. Lại nên đối với những người đa văn thuyết pháp, tận tâm tin tưởng cung kính cúng dường bốn sự đầy đủ, cũng gọi là hộ trì giáo pháp. Nếu tự mình đọc tụng, giảng giải, viết chép ba tạng Kinh-Luật-Luận và Bồ tát tạng, thì cũng khuyên bảo chỉ bày cho người khác đọc tụng giảng giải biên chép. Nhờ nhân duyên này mà giáo pháp được tồn tại lâu dài làm lợi ích cho tất cả. Tại gia và xuất gia ca ngợi phát huy thuyết pháp, mong được tồn tại lâu dài làm lợi ích cho chúng sinh. Nếu giáo pháp mau chóng hủy diệt, thì đó là vì người thuyết giảng còn có những sai sót. Lại nghĩ rằng Như Lai từ lâu xa đến nay, thực hành Bồ tát đạo, thực hành những hạnh khó làm mới có được giáo pháp này. Vì nhân duyên này mà đối với những người tại gia và xuất gia, đem tâm chịu khó tinh tiến, chỉ bày hoan hỷ làm cho lợi ích, hoặc khiến đạt được đạo, hoặc khiến cho tiến vào A duy việt trí. Nói sơ lược về nhân duyên hộ pháp, khiến cho đạt được đầy đủ tất cả mọi niềm an lạc, lại cũng tự mình luôn luôn tu hành đúng như pháp, đều gọi là hộ trì giáo pháp. Vả lại, pháp của Bồ tát tại gia này, nếu có Tỳ-kheo bệnh tật cần phải được chữa trị, thì Bồ tát này thậm chí cả thân để chữa trị căn bệnh ấy mà không tiếc nuối gì, bởi vì điều này thật là quan trọng. Người xuất gia cần phải tìm đến người tại gia khi gặp điều quan trọng này, đó gọi là chính mình tự chăm sóc người gặp bệnh tật, cung cấp thuốc thang. Lại nữa:

Tâm quyết định thực hành bố thí,
Bố thí rồi không hối hận gì.

Bồ tát này, hoặc vì hộ trì Chánh pháp, hoặc vì chăm sóc người bệnh, thường xuyên cung cấp bố thí mà tâm không có gì hối tiếc, đó gọi là bố thí thanh tịnh. Không mong cầu quả báo, không phân biệt là đáng nhận, hay là không đáng nhận, chỉ vì tâm thương xót làm lợi ích mà bố thí, đó gọi là bố thí thanh tịnh. Như nói:

Nếu người bố thí với tâm từ,
Thì gọi là bố thí thanh tịnh,
Không nói đó chính là phước điền,
Không nói đó không phải phước điền.
Nếu như người thực hành bố thí,
Thì bố thí mà không mong cầu,
Nếu người vì quả báo bố thí,
Thì gọi là bố thí mong cầu.
Vì vậy nói đã bố thí rồi,
Tâm không điều gì hối hận,
Thậm chí có phước thiện nhỏ nhoi,
Cũng hồi hướng đạo Vô thượng.

Nhờ nhân duyên bố thí này mà có được phước đức, đều thuận theo hồi hướng cho đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không mong cầu lợi ích vui sướng của đời này hay đời sau, cũng không mong quả vị Tiểu thừa, chỉ vì chúng sinh mà cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như trước tôi nói là sẽ nói về những hạnh khác của Bồ tát tại gia, nay đã nói xong, tất cả đều thu thập trích ra từ trong các kinh Đại thừa, tùy thuận kinh pháp mà Bồ tát trú trong hạnh này mau chóng đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong địa thứ hai phần nhiều nói đến những hạnh của Bồ tát xuất gia. Hạnh chung cho Bồ tát xuất gia và Bồ tát tại gia, nay sẽ tiếp tục nói đến.

Phẩm 18: VIỆC LÀM CHUNG

Hỏi: Ông nói sẽ trình bày về pháp hành chung của Bồ tát xuất gia và Bồ tát tại gia, nay có thể nói điều ấy chăng?

Đáp: Pháp nhẫn nhục, pháp bố thí, pháp nhẫn tư duy không quanh co, pháp tôn trọng, pháp không ngăn cản, pháp cúng dường, tin hiểu tu tập pháp không, không tham ganh, thuận theo pháp đã nói mà thực hành, bố thí đèn sáng, bố thí âm nhạc, bố thí xe cộ, chánh nguyện nhiếp pháp suy nghĩ làm lợi ích an lạc cho chúng sinh, tâm bình đẳng đối với tất cả. Đây là

những pháp quan trọng mà Bồ tát xuất gia và Bồ tát tại gia cùng thực hành. Vì vậy kệ nói:

Thực hành nhẫn nhục thân đoan nghiêm,
Bố thí pháp biết được túc mạng,
Pháp nhẫn đạt được các tổng trì,
Tư duy được trí tuệ sáng suốt,
Đối với các pháp không quanh co,
Thường có được suy nghĩ chính đáng.

Thực hành nhẫn nhục thân đoan nghiêm, là có thể nhẫn chịu những lời nói hung ác, mắng nhiếc tệ hại, nguyền rủa trù yểm, trói cột-dao gậy, đòn roi tra khảo, nhưng tâm đều có thể chịu đựng tất cả chứ không dao động thay đổi. Nhờ thực hành nhẫn nhục như vậy mà cảm được quả báo, sinh trong loài người hoặc trên cõi trời thường được thân tướng đoan chánh, về sau đến lúc thành Phật đầy đủ tướng tốt không gì sánh kịp. Bố thí pháp biết được túc mạng, người thực hành bố thí pháp có năng lực biết được sự việc trong vô lượng kiếp quá khứ. Bố thí pháp có nghĩa là phân biệt rõ ràng các loại, giải thích về nghĩa lý của Thanh văn thừa, Bích-chi-Phật thừa và Phật thừa. Quả báo của bố thí pháp tuy là có ba mươi lăm loại, nhưng quan trọng là biết được túc mạng, nói về nhân duyên của pháp mà đoạn trừ mọi nghi ngờ của người khác, vì vậy cho nên biết được túc mạng rõ ràng. Pháp nhẫn đạt được các tổng trì, pháp là thích hợp với Không-Vô tướng-Vô nguyện, thích hợp với sáu Ba-la-mật của các địa Bồ tát, là pháp thực hành của tất cả Bồ tát. Hiểu biết rõ ràng, thông suốt tận cùng thì tâm có năng lực tiếp nhận giữ gìn, đó gọi là pháp nhẫn. Người thực hành pháp nhẫn này thì đạt được các tổng trì. Tổng trì có nghĩa là đúng như kinh pháp đã nghe đúng như kinh pháp đã đọc tụng, nghĩa lý trong đó thậm chí trải qua trăm ngàn vạn kiếp nhưng cuối cùng không quên mất. Tư duy được trí tuệ sáng suốt, tư duy có nghĩa là suy xét về nghĩa lý phân biệt của các pháp thiện,

vì vậy có năng lực đạt được lợi ích cho đời và cho đời này và đời sau. Tâm không quanh co được chánh niệm, không quanh co gọi là chất trực không dua nịnh, tu tập thực hành theo pháp này thì ở trong tất cả các pháp đạt được sự nhớ nghĩ kiên cố. Lại nữa:

Tôn trọng pháp thì pháp vững vàng,
Không chướng ngại thì được giữ gìn,
Cúng dường đúng pháp được gặp Phật,
Tin hiểu rời xa các tai nạn.

Tôn trọng pháp thì pháp vững vàng, nếu người tôn trọng cung kính đối với pháp thì pháp được kiên cố. Pháp kiên cố thì có nghĩa là pháp đã được thọ trì tu học luyện tập tự nhiên vững vàng không thể lay chuyển thay đổi. Về sau đến lúc thành Phật có nhiều đệ tử Thanh văn và Bồ tát, an trú trong pháp kiên cố này, không có ai có năng lực gây chướng ngại cho pháp mà mình đã tiếp nhận. Vả lại, kiên cố nghĩa pháp được tồn tại lâu dài. Không chướng ngại thì được giữ gìn, nếu người thuyết pháp và người nghe pháp không bất ngờ gây ra điều gì làm chướng ngại cho nhau. Sau này đến lúc thành Phật, chư Thiên và người thế gian cùng nhau hộ trì giáo pháp. Lúc chưa đạt được Phật đạo, thường tự mình hộ trì chánh pháp của Chư Phật, sau khi Chư Phật diệt độ thì giữ gìn giáo pháp để lại, mới có thể tồn tại đến Đức Phật thế hệ sau xuất hiện. Vì nhân duyên này mà Bồ tát Thanh văn đều cần phải tận tâm cố gắng giữ gìn pháp. Cúng dường đúng pháp được gặp Phật, cúng dường có nghĩa là cung kính các pháp, đối với pháp thí và pháp hội đem tâm cung kính cúng dường người thuyết pháp, bài trí pháp tòa, xây dựng Thiền phòng trang hoàng nghiêm túc nơi chốn thuyết giảng kinh pháp. Tâm quý trọng vui vẻ sâu sắc như vậy, nhờ vào nhân duyên cúng dường đúng pháp cho nên được gặp Chư Phật. Nhờ tin hiểu mà rời xa các tai nạn, tin nghĩa là đối với các pháp thiện sinh lòng mong muốn ưa thích sâu sắc, nhờ vào pháp này mà được lìa xa tám nạn. Hiểu là có năng lực diệt trừ các lỗi lầm, có thể ở trong các pháp thiện, dùng sức mạnh của tâm mà tùy ý hiểu rõ các pháp thiện, như mười Nhất thiết nhập tùy ý mà hiểu rõ. Nếu người có nhiều sức mạnh của tâm tin hiểu, thì có năng lực diệt trừ vô lượng tội ác sinh tử từ vô thỉ đến nay. Như trong phẩm sám hối tội lỗi trước đây đã nói. Lại nữa:

Tu pháp không thì không buông lung,
Không tham được thành tựu lợi ích,
Thuận theo pháp thuyết diệt phiền não,
Bố thí đèn sáng được Thiên nhãn.

Tu pháp không thì không buông lung, tu có hai loại là đạt được tu và thực hành tu. Nhờ sức mạnh tu tập pháp không, cho nên tin rằngpháp hữu vi đều là hư dối, cũng không trú vào không, bởi vì các phápkhông có gì chắc chắn. Vì vậy luôn luôn tự mình thâu nhiếp tâm niệmkhông để buông lung. Không tham được thành tựu lợi ích, tham cónghĩa là ở giữa đồ vật của người khác mà sinh tâm tham lam lấy làm của mình. Nếu loại bỏ điều này thì mọi sự mong cầu đều thành tựu, mọi nguyện ước đều thỏa mãn. Thuận theo pháp thuyết diệt phiền não, tùy theo những pháp đã nói thì tự mình lập tức thực để đoạn trừ phiền não, ở trong mọi việc đều thực

đúng như pháp đã nói, từ bao đời kiếp kiếp đến nay tập khí của các phiền não thường xông ướp trong tâm đều bị trừ diệt, làm cho tập khí xấu ác của các phiền não được thay đổi. Bố thí đèn sáng được Thiên nhãn, nếu người thắp đèn cúng dường Chư Phật, Thanh văn, Bích-chi-Phật và tháp-tượng-xá lợi, thì nhờ vào nhân duyên mà cảm được quả báo Thiên nhãn. Lại nữa:

Thích Bố thí cảm báo Thiên nhĩ,
Nhờ vào chánh nguyện sinh tịnh độ,
Bố thí xe cộ được thần túc,
Nhiếp pháp cảm được đầy đủ tăng.

Thích bố thí cảm được báo Thiên nhĩ, là ở trong Đại pháp hội dùng các loại âm nhạc cúng dường Chư Phật thì cảm được quả báo Thiên nhĩ. Bố thí xe cộ được thần túc là dùng các loại kiệu-xe-voi ngựa làm phương tiện đi lại mà Bố thí. Lại có người nói: Dùng các loại giày dép để Bố thí cũng cảm được quả báo thần túc. Nhờ vào chánh nguyện sinh Tịnh độ, tùy theo những tâm nguyện mà chọn lấy quốc độ thanh tịnh, như quốc độ thanh tịnh với vô lượng các thứ báu là vàng bạc, pha lê, san hô, hổ phách, xa xừ, mã não trang nghiêm vi diệu. Nhiếp pháp cảm được đầy đủ Tăng, nếu Bồ tát thực hành đầy đủ bốn nhiếp pháp, thì cảm được chúng Tăng đầy đủ, dùng Bố thí-ái ngữ-lợi ích-đồng sự để nhiếp thủ chúng sinh, về sau đến lúc thành Phật cảm được vô lượng Bồ tát Tăng và Thanh văn Tăng đầy đủ thanh tịnh. Như Đức Phật A-di-đà có hai loại Tăng thanh tịnh đầy đủ. Nguyện đầy đủ thì như trong phần mười nguyện trước đây đã nói. Lại nữa:

Vì làm lợi ích cho chúng sinh,
Tất cả chúng sinh đều kính mến,
Tâm bình đẳng không còn phân biệt,
Được trở thành người tốt đẹp nhất.

Nếu Bồ tát dùng nghiệp thân miệng ý phát sinh mọi việc làm, thì đều vì lợi ích và an lạc của chúng sinh, vì vậy chúng sinh thảy đều kính mến. Nếu Bồ tát đối với các chúng sinh, giữa những người oán-thân mà tâm luôn thực hành bình đẳng, không bỏ tất cả chúng sinh, thì nhờ nghiệp báo này mà được trở thành người tốt đẹp nhất. Tốt đẹp nhất, nghĩa là có năng lực chiến thắng tất cả mọi ác pháp phiền não của tham dục-sân hận-ngu si, cho nên gọi là Phật.

Hỏi: Con người đều có đủ mắt-tai-mũi-lưỡi-miệng, không có gì khác biệt, làm sao có thể biết được là Phật?

Đáp: Phật có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, người có tướng này nên biết chính là Phật. Tại gia và xuất gia nên phân biệt biết rõ ba

mươi hai tướng, tướng này nhờ pháp nào mà được? Pháp này nhờ nghiệp nào mà được? Tướng này và nghiệp này cũng cần phải biết. Tại vì sao? Bởi vì muốn có được công đức thì nên biết tướng này, muốn có được tướng này thì nên biết nghiệp này.

Hỏi: Sự việc như vậy làm sao có thể hiểu được?

Đáp:

Ở trong phẩm nói về pháp tướng,
Mỗi một tướng phân biệt thành ba.

Trong A-tỳ-đàm, phẩm Tam Thập Nhị Tướng có nói: Mỗi một tướng có ba loại phân biệt, tất cả nên biết.

Hỏi: Thế nào là mỗi một tướng có ba loại phân biệt?

Đáp:

1. Nói về Thể của tướng.
2. Nói về quả của tướng.
3. Nói về nghiệp cảm được tướng.

Các tướng xoắn ốc ở đầu ngón tay-ngón chân, trước đây đã nói. Chuyển luân Thánh vương cũng có tướng này. Các Bồ tát cũng có tướng này. Người bình thường cũng có, nhưng không giống như tướng xoắn ốc nơi tay chân của Phật. Trong lòng bàn tay-bàn chân có vòng tròn ngàn tia, đầy đủ rõ ràng như nét dấu ấn hiện bày. Chân đứng yên không nhúc nhích, gọi là tướng chân đứng yên. Giữa các ngón tay ngón chân có màng da mỏng và mềm mại giống như chân ngỗng chúa, hoa văn rõ ràng như chỉ tơ bằng vàng ròng, cho nên gọi là tướng màng lưới tay chân. Tay chân mềm mại giống như cây Đâu-la, mịn màng như thân thể trẻ thơ màu sắc hồng tươi hơn hẳn các phần khác trên thân, gọi là tướng tay chân mềm mại. Lòng bàn tay-dưới bàn chân-trên đỉnh đầu-hai nách, bảy chỗ này đều tròn đầy, cho nên gọi là tướng bảy chỗ đầy đặn. Ngón tay dài và thon , cho nên gọi là tướng ngón tay thon dài. Gót chân dài

và rộng, cho nên gọi là tướng gót chân dài rộng. Thân dài bảy khuỷu tay không cong, cho nên gọi là tướng thân thẳng và lớn. Mu bàn chân nổi lên, cho nên gọi là tướng mu bàn chân cao. Đầu sợi lông xoáy tròn hướng về bên phải, cho nên gọi là tướng đầu sợi lông xoáy tròn. Bắp đùi thon và to dần như bắp đùi của nai chúa Y-nê, cho nên gọi là tướng bắp đùi nai. Đứng thẳng thõng hai tay đến đầu gối, cho nên gọi là tướng cánh tay dài. Âm căn như ngựa quý-voi quý không hiện bày, cho nên gọi là tướng âm tàng. Ánh sáng màu vàng rực bậc nhất, cho nên gọi là tướng sắc vàng. Làn da mềm như vàng ròng tinh luyện không dính bụi bặm, cho nên gọi là

tướng da mỏng mịn màng. Mỗi một lỗ chân lông mọc một sợi lông, cho nên gọi là tướng mỗi lỗ chân lông một sợi lông. Lông trắng dài và nhỏ giữa chặng mày có ánh sáng như ngọc trắng, cho nên gọi là tướng lông trắng. Thân rộng dày rắn chắc như thân sư tử, cho nên gọi là tướng thân phía trên của sư tử. Vai tròn và rộng, cho nên gọi là tướng vai tròn rộng. Dưới nách đầy đặn bằng phẳng, cho nên gọi là tướng dưới nách đầy đặn bằng phẳng. Cuống lưỡi không bị gió lạnh-hơi nóng làm cho tổn hoại, cho nên khéo phân biệt rõ các vị, người khác không được như vậy, do đó gọi là tướng biết rõ các loại mùi vị. Thân ngang dọc bằng nhau như cây Ni-câu-lâu, cho nên gọi là tướng thân tròn. Nhục kế tròn trịa, tóc xoáy tròn về phía phải, cho nên gọi là tướng nhục kế. Lưỡi như hoa sen đỏ, dài rộng mà mỏng, cho nên gọi là tướng lưỡi dài rộng. Tiếng nói như tiếng của Phạm vương, như tiếng chim Ca-lăng-tần-già, cho nên gọi là tướng Phạm âm. Gò má tròn rộng như đài gương, cho nên gọi là tướng gò má sư tử. Răng trắng như ngọc tuyết như hoa Quân-chỉ, cho nên gọi là tướng răng trắng. Đều đặn không so le, cho nên gọi là tướng răng đều đặn. Răng dày khít không thưa, cho nên gọi là tướng răng đầy đủ. Răng hàm trên-hàm dưới như nhau, cho nên gọi là tướng răng bốn mươi chiếc. Tròng mắt đen-trắng rõ ràng trong veo không có gân máu đỏ, cho nên gọi là tướng mắt xanh trong. Lông mi không mọc lộn xộn, trên dưới bằng nhau, không dài không ngắn, cho nên gọi là tướng lông mi Ngưu Vương.

Đối với các bậc tôn túc đều cung kính đón đưa, ở trong chùa tháp, nơi pháp hội lớn, nơi thuyết pháp, cung cấp đầy đủ sức người-sức của, cho nên cảm được tướng xoắn ốc ở đầu ngón tay-ngón chân. Có người tướng này, thì tại gia làm Chuyển luân Thánh vương, có nhiều dân chúng; xuất gia học đạo thì có nhiều đồ chúng. Các pháp đã tiếp nhận kiên trì không bỏ, cho nên cảm được tướng chân đứng yên. Có được tướng này, cho nên không có gì có thể làm cho dao động nghiêng ngã. Thường

tu bốn nhiếp pháp là Bố thí-ái ngữ-lợi ích-đồng sự, cho nên cảm được tướng tay-chân có màng da. Có được tướng này, cho nên nhanh chóng thu phục được mọi người. Dùng các loại đồ ăn thức uống ngon lành thơm tho cung cấp giúp cho người, và cung cấp những vật cần thiết cho các bậc tôn túc, cho nên cảm được tướng tay chân mềm mại và tướng bảy chỗ đầy đặn. Có được tướng này, cho nên có được nhiều đồ ăn thức uống thơm ngọt ngon lành. Cứu được người thoát chết và tăng thêm thọ mạng còn thọ giới không giết hại, cho nên cảm được tướng ngón tay thon dài-tướng gót chân đầy đặn-tướng thân cao lớn. Có được tướng này, cho nên thọ mạng dài lâu. Thiện pháp đã tiếp nhận tăng thêm không mất, cho nên cảm

được tướng mu bàn chân nổi cao-tướng đầu sợi lông xoáy tròn về bên phải. Có được tướng mày, cho nên cảm được các công đức không giảm sút. Luôn luôn dùng các tài nghệ khéo léo và các loại kinh sách trao truyền hướng dẫn không tiếc, còn Bố thí các loại giày dép, cho nên cảm được tướng bắp đùi thon chắc như nai chúa Y-nê. Có được tướng này, cho nên những điều đã tu học mau chóng thành tựu như ý. Có người đến cầu xin thì không có gì tiếc nuối giữ lại, cho nên cảm được tướng cánh tay dài chấm gối. Có được tướng này, cho nên luôn luôn đạt được những thế mạnh có năng lực bố thí rộng rãi có năng lực dễ dàng điều phục mọi người không khiến cho bà con thân thích của chúng sinh gặp cảnh chia lìa. Nếu có sự chia lìa ngang trái thì vẫn làm cho hòa hợp, cho nên cảm được tướng âm tướng. Có được tướng này, cho nên có được nhiều đệ tử, dùng áo quần sạch sẽ tốt đẹp-đồ nằm-nhà cửa phòng ốc để Bố thí, cho nên áo quần sạch sẽ tốt đẹp-đồ nằm-nhà cửa phòng ốc, tùy theo sự thích hợp mà cúng dường cho Hòa thượng A-xà-lê, cha mẹ anh em và những người đáng tôn trọng. Có năng lực bảo vệ tốt lành, cho nên cảm được tướng mỗi một lỗ chân lông mọc một sợi lông-tướng đầu sợi lông xoáy tròn về bên phải-tướng lông trắng dài nhỏ và tướng khuôn mặt trang nghiêm. Có được tướng này, cho nên không có ai sánh bằng. Nói lời có tàm quý nói lời tùy thuận-nói lời thân ái, cho nên cảm được tướng phần thân trên như sư tử-tướng vai tròn và rộng. Có được tướng này, cho nên người thấy thì ưa nhìn không có chán ghét. Cung cấp đồ an thức uống, thuốc thang chữa trị bệnh tật, tự mình chăm sóc người bệnh, cho nên cảm được tướng dưới nách đầy đặn tướng biết được các mùi vị. Có được tướng này, cho nên thân ít bệnh tật. Bố thí vườn rừng-trái ngọt-cầu cống-cây tương-giếng hồ-đồ ăn thức uống-hương hoa chuỗi ngọc-nhà cửa-xây dựng chùa tháp-nhà tình thương… cho nên cảm được tướng như cây Ni-câu-lâu và tướng nhục kế. Có được tướng này, cho nên được sự tôn quý tự tại. Suốt đời tu tập thực hành lời nói chân thật và lời nói dịu dàng, cho nên cảm được tướng lưỡi rộng dài và tướng âm thanh của cõi Phạm. Có được tướng này, cho nên cảm được năm công đức của âm thanh. Năm công đức của âm thanh, đó là: Tiếng nói dễ hiểu, tiếng nói khiến cho người nghe không chán, tiếng nói sâu xa, tiếng nói nghe êm tai, tiếng nói không rời rạc. Suốt đời nói lời chân thật, không nói lời thêu dệt, cho nên cảm được tướng gò má như sư tử. Có được tướng này, cho nên nói ra điều gì thì mọi người nhất định tin nhận. Trước đã cúng dường, sau không khinh mạn, tùy theo ý muốn mà cung cấp cho nên cảm được tướng răng tướng muốt và tướng răng đều đặn. Có được tướng này, cho nên được thanh tịnh hòa thuận và quyến thuộc chung lòng vui vẻ. Suốt đời nói lời chân thật, không bao giờ

gièm pha phỉ báng, cho nên cảm được tướng đủ bốn mươi chiếc răng và tướng răng dày khít đều đặn. Có được tướng này, cho nên quyến thuộc hài hòa với nhau, không có thể ngăn trở làm hại. Tâm yêu thương sâu sắc, nết mặt hiền hòa nhìn chúng sinh, không còn ý niệm yêu-ghét si mê, cho nên cảm được tướng mắt trong veo xanh biếc và tướng lông mi như Ngưu vương. Có được tướng này, cho nên tất cả mọi người trông thấy đều sinh lòng kính mến.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 9

Phẩm 19: BỐN PHÁP

Như đã nói về các nghiệp cảm được ba mươi hai tướng, Bồ-tát nên một lòng tu tập. Tu tập nghiệp của ba mươi hai tướng như vậy, phải lấy trí tuệ làm gốc. Vì vậy:

Bốn pháp làm giảm sút trí tuệ,
Bồ tát phải luôn luôn rời xa,
Bốn pháp để đạt được trí tuệ,
Nên thường xuyên tu tập thực hành.

Có bốn pháp luôn luôn làm giảm sút trí tuệ, Bồ-tát nên lánh xa.

Lại có bốn pháp đạt được trí tuệ, phải luôn luôn tu tập.

Bốn pháp làm mất trí tuệ là:

1. Không cung kính đối với pháp và người thuyết pháp.
2. Giấu kín, keo kiệt đối với những pháp trọng yếu.
3. Gây trở ngại cho người thích giáo pháp, phá hoại tâm lắng nghe của họ.
4. Ôm lòng kiêu ngạo tự cao, khinh người. Bốn pháp có được trí tuệ là:

1. Cung kính đối với pháp và người thuyết pháp.
2. Như pháp đã nghe và đã đọc tụng mà giảng giải cho mọi người, tâm mình thanh tịnh không mong cầu lợi dưỡng.
3. Biết rõ là từ đa văn mà có được trí tuệ, cho nên chịu khó cầu học không ngừng, như cứu lửa cháy trên đầu.
4. Như pháp đã nghe mà thọ trì không quên, coi trọng thực hành đúng như pháp chứ không coi trọng lời nói.

Đây là bốn pháp, nếu người nào không làm hỏng các thiện căn, thì người này có năng lực rời bỏ bốn pháp làm mất trí tuệ, có năng lực thực hành bốn pháp đạt được trí tuệ. Vì vậy cho nên Bồ tát luôn mong cầu trí tuệ được tăng thêm. Như kệ nói:

Bốn pháp ăn mòn dần thiện căn,

Bồ tát phải luôn luôn rời xa,
Bốn pháp nuôi lớn thêm thiện căn,
Bồ tát luôn tu tập thực hành.

Thế nào là bốn pháp ăn mòn dần căn thiện?

1. Ôm lòng kiêu mạn, tham cầu chuyện thế gian,
2. Đắm theo lợi dưỡng, lui tới các nhà thí chủ.
3. Khởi tâm oán ghét, ganh tỵ mà bài báng các vị Bồ tát.
4. Không nghe kinh, hoặc nghe mà không tin nhận. Thế nào là bốn pháp nuôi lớn thêm thiện căn?

1. Những kinh nào chưa nghe thì mong nghe không chán, đó gọi là sáu pháp Ba-la-mật và Bồ tát tạng.

2. Trừ bỏ tâm lý kiêu mạn đối với chúng sinh, khiêm tốn đến mức thấp nhất.

3. Đúng như pháp có được tiền bạc, chỉ mong vừa đủ mà thôi, rời xa những việc làm tà vạy, thích thực hành công hạnh của bốn bậc Thánh.

4. Đối với lỗi lầm của người khác, hoặc là thật hay không thật cũng không có ý niệm châm chọc chê bai, không tìm khuyến điểm của người khác. Nếu ở trong pháp có điều gì không hiểu, thì tâm không trái ngược mà lấy Phật để chứng minh, Phật là bậc Nhất thiết trí, giáo pháp Ngài thuyết ra vô lượng, tùy theo sự thích hợp mà thuyết giảng, không phải là mình mà biết được. Bốn pháp tăng thêm thiện căn như vậy, không phải là người dua nịnh quanh co mà có thể thành tựu. Vì vậy:

Bồ tát phải luôn luôn rời xa,
Bốn pháp dua nịnh quanh co này,
Nên thường xuyên tu tập thực hành,
Bốn pháp theo tâm tư ngay thẳng.

Bồ-tát tại gia hay xuất gia cần phải lìa xa bốn pháp quanh co dua nịnh như cây cong trong rừng rậm khó có thể kéo nó ra được, như thế gian này có đệ tử Phật, dù đã bước vào pháp Phật nhưng không có năng lực thoát ra rừng sâu mù mịt của sinh tử.

Những gì là bốn pháp dua nịnh quanh co? đó là:

1. Đối với Phật pháp ôm lòng nghi ngờ không tin, không có tâm quyết định.
2. Kiêu mạn, sân hận đối với chúng sinh.
3. Tâm sinh tham lam ganh tỵ đối với lợi ích của người khác.
4. Hủy báng Bồ tát, tiếng xấu lan truyền khắp nơi. Những gì là bốn tướng của tâm ngay thẳng? Đó là:

1. Có lỗi lầm thì lập tức phát lộ không hề che giấu, hối hận trừ bỏ lỗi lầm, thực hành đúng pháp không ân hận.

2. Nếu vì nói thật mà mất đi địa vị vua chúa và các loại tiền bạc châu báu, hãy còn không nói dối, miệng chưa hề nói lời khinh khi người khác.

3. Nếu bị người mắng nhiếc hung ác thô bạo, khinh miệt chê bai phỉ báng giam cầm đòn roi đánh đập và vu cho nhiều tội lỗi, thì chỉ trách mình trước hết chứ không phải lỗi lầm của người khác, tin quả báo của nghiệp mà tâm không oán hận gì.

4. An trú trong công đức của niềm tin, pháp vi diệu của Chư Phật rất khó tin nhận, nhưng tâm thanh tịnh cho nên đều có thể tin nhận.

Bồ tát ba loại vì làm theo bốn pháp dua nịnh quanh co. Bồ tát điều hòa có bốn hạnh ngay thẳng. Vì vậy Bồ tát không nên làm theo tướng dua nịnh quanh co, mà cần phải thực hành theo tâm ngay thẳng. Như nói:

Cần phải rời xa bốn loại pháp,
Làm cho Bồ tát phải bại hoại,
Nên tu tập thực hành bốn pháp,
Làm cho Bồ tát được điều hòa.

Thế nào gọi là bốn pháp làm cho Bồ tát bại hoại? Đó là:

1. Nghe nhiều mà bỡn cợt, không thực hành theo chánh pháp,

2. Đối với sự giáo hóa mà sinh ra hý luận, không cung kính thuận theo lời dạy của Hòa thượng A-xà-lê.

3. Không có năng lực tiêu hóa sự tín thí của người, hủy hoại sự giữ gìn thanh tịnh mà nhận cúng dường.

4. Không cung kính nhu hòa tốt lành đối với Bồ tát, tâm chứa đầy kiêu mạn.

Thế nào gọi là bốn pháp làm cho Bồ tát điều hòa? Đó là:

1. Thường thích nghe pháp chưa được nghe, nghe rồi luôn luôn thực hành đúng như pháp đã nói, dựa vào pháp-dựa vào nghĩa-dựa vào đúng như thuyết mà thực hành.

2. Tùy thuận với nghĩa lý, không mê hoặc bởi ngôn từ, điều hòa dễ cảm hóa, ở trong sự hầu hạ thầy có dụng ý thực hành cúng dường.

3. Không làm mất giới-định, sống cuộc đời thanh tịnh.

4. Đối với các vị Bồ tát điều hòa sinh tâm cung kính, tùy thuận với tình cảm sâu nặng, phá bỏ tâm kiêu mạn, cầu được công đức như họ.

Lại nữa, Bồ tát có bốn loại sai lầm, thường ở trong này tìm tòi khuyết điểm của Bồ tát, đó gọi là Bồ tát bại hoại. Nếu luôn luôn gần gũi

với bốn loại thiện đạo, thì gọi là Bồ tát điều hòa.

Như kệ nói:

Bồ tát luôn luôn nên rời xa,
Bốn loại sai lầm của Bồ tát,
Bồ tát nên thực hành tu tập,
Bốn loại thiện đạo của Bồ tát.

Thế nào là bốn loại sai lầm của Bồ tát?

Đó là:

1. Đối với chúng sinh không có năng lực tiếp nhận mà nói về pháp rất sâu xa, đó gọi là sai lầm.
2. Người thích pháp Đại thừa sâu xa, lại nói pháp Tiểu thừa cho họ, đó gọi là sai lầm.
3. Đối với người hành đạo chân chánh, có thiện tâm trì giới, mà khinh mạn bất kính với họ, đó gọi là sai lầm.
4. Đối với người chưa thành tựu, chưa có thể tin mà lại đặt niềm tin vào họ, gần gũi với người phá giới tệ hại để làm nơi thân thiện, đó gọi là sai lầm.

Thế nào là bốn loại thiện đạo của Bồ tát? Đó là:

1. Thực hành tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh.
2. Dùng thiện pháp giáo hóa tất cả chúng sinh.
3. Bình đẳng thuyết pháp cho tất cả chúng sinh.
4. Nếu chánh hạnh thực hành đối với tất cả chúng sinh.

Nếu thường thực hành bốn loại sai lầm của Bồ tát, không thích tư duy về các pháp, không chịu khó tu tập thực hành pháp thiện, thì đó là Bồ tát chỉ có hình tướng mà thôi. Vì vậy?

Trong các pháp của hành Bồ tát,
Có bốn loại Bồ tát hình tướng,
Đức Phật nói rõ pháp như vậy,
Tất cả luôn luôn nên rời xa.

Những gì là bốn? Đó là:

1. Tham lam chú trọng lợi dưỡng, không coi trọng giáo pháp.
2. Chỉ vì danh tiếng chứ không cầu công đức.
3. Mong cầu vui thú riêng mình, không nghĩ đến chúng sinh.
4. Ham vui với quyến thuộc, không thích rời xa. Đây là bốn loại Bồ tát hình tướng.

Hỏi: Pháp của Bồ tát hình tướng làm thế nào có thể rời bỏ?

Đáp: Nếu Bồ tát thuận theo tu tập thực hành công đức đầu tiên của

hạnh Bồ tát, vậy là có thể rời xa pháp của Bồ tát hình tướng. Vì vậy Bồ tát, nếu muốn rời xa pháp của Bồ tát hình tướng, thì như kệ:

Đầu tiên thực hành bốn công đức
Chịu khó tinh tiến khiến được sinh,
Sinh rồi làm cho được tăng trưởng,
Tăng trưởng rồi cần phải giữ gìn.

Những gì là bốn công đức? Đó là:

1. Tin hiểu về pháp không cũng tin quả báo của nghiệp.
2. Vui với pháp vô ngã, mà sinh tâm Đại Bi đối với tất cả chúng sinh.
3. Tâm an trú Niết bàn mà công hạnh ở trong sinh tử.
4. Bố thí vì muốn thành tựu chúng sinh, chứ không cầu quả báo.

Nếu người nào muốn phát sinh bốn công đức thực hành đầu tiên

của Bồ tát, làm cho được tăng trưởng và giữ gìn tốt đẹp, thì nên gần gũi các bậc thiện tri thức. Như kệ nói:

Bồ tát luôn luôn nên gần gũi,
Bốn bậc thiện tri thức lợi ích,
Cũng luôn luôn cần phải rời xa,
Bốn loại ác tri thức làm hại.

Bồ tát yêu thích quý trọng đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì cần phải gần gũi cung kính cúng dường bốn bậc thiện tri thức, nên hết sức rời xa bốn loại ác tri thức. Như thế nào là bốn bậc thiện tri thức? Đó là:

1. Đối với người đến cầu xin, sinh ý tưởng coi như bạn hiền, bởi vì có thể giúp cho mình thành tựu đạo quả vô thượng.
2. Đối với người thuyết pháp, sinh ý tưởng coi như thiện tri thức, bởi vì luôn luôn giúp cho mình thành tựu trí tuệ đa văn.
3. Ca ngợi người xuất gia, sinh ý tưởng coi như thiện tri thức, bởi vì luôn luôn giúp cho mình thành tựu tất cả thiện căn.
4. Đối với Chư Phật Thế tôn, sinh ý tưởng như bậc thiện tri thức, bởi vì có năng lực giúp cho mình thành tựu tất cả Phật pháp.

Như thế nào là bốn loại ác tri thức? Đó là:

1. Tâm mong cầu Bích-chi-Phật thừa, vui với ham muốn ít-sự nghiệp ít.
2. Tỳ-kheo cầu mong Thanh văn thừa, vui với hạnh tọa thiền.
3. Người thích học theo kinh điển Lộ-già-da của ngoại đạo, trau chuốt văn chương kệ tụng khéo léo, chú trọng về khả năng hỏi đáp

tranh luận.

4. Người dựa vào sự gần gũi, có được lợi ích thế gian chứ không có được lợi ích của giáo pháp.

Vì vậy Bồ tát nên gần gũi bốn bậc thiện tri thức, rời xa bốn loại ác tri thức. Nếu Bồ tát luôn luôn rời xa bốn loại ác tri thức, gần gũi bốn bậc thiện tri thức thì có được bốn kho tạng rộng lớn, vượt qua tất cả mọi ma sự, có năng lực pháp sinh vô lượng phước đức, cuối cùng có năng lực thâu nhiếp giữ lấy tất cả các pháp thiện.

Hỏi: Như thế nào là tạng pháp rộng lớn của Bồ tát? Như thế nào là có năng lực vượt qua tất cả các ma sự? Như thế nào là có năng lực phát sinh vô lượng phước đức? Như thế nào là có năng lực thâu nhiếp giữ lấy mọi pháp thiện?

Đáp:

Các Bồ tát có bốn kho tạng,
Gồm đủ pháp vi diệu rộng lớn,
Bốn pháp thâu nhiếp các pháp thiện,
Lấy tâm Bồ đề làm đầu tiên.

Những gì là bốn? Đó là:

1. Được gặp Phật.
2. Được nghe sáu pháp Ba-la-mật.
3. Đối với người thuyết pháp, tâm không oán giận-không làm gì trở ngại.
4. Dùng tâm không buông lung thích ở nơi vắng lặng. Đó là bốn kho tạng to lớn.

Có năng lực vượt qua tất cả các ma, có bốn pháp. Bốn pháp như thế nào? Đó là:

1. Không buông bỏ tâm Bồ đề.
2. Tâm không sân hận, không gây trở ngại đối với hết thảy chúng sinh.
3. Nhận biết tất cả các kiến chấp.
4. Tâm không kiêu ngạo đối với các Bồ tát.

Pháp đạt được vô lượng phước đức, lại có bốn pháp. Những gì là bốn pháp? Đó là:

1. Không hề mong cầu gì đối với pháp thí.
2. Sinh lòng Đại Bi đối với người phá giới làm điều xấu xa.
3. Phát tâm Bồ đề vô thượng trong lúc giáo hóa chúng sinh.
4. Thực hành nhẫn nhục đối với chúng sinh thấp kém.

Thâu nhiếp tất cả các pháp thiện, có bốn pháp. Những gì là bốn?

Đó là:

1. Thường thực hành ở nơi vắng lặng, không hiện bày những điều lạ lùng kỳ dị.
2. Thực hành bốn nhiếp pháp không mong trả ơn.
3. Hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng.
4. Khi gieo trồng mọi căn thiện thì lấy tâm Bồ đề làm đầu tiên.

Mỗi một loại bốn pháp này đều cần phải giải thích rộng ra, đối với văn vừa nhiều vừa rối cho nên không nói rộng ra. Nay như Phật đã nói, dùng kệ giải thích sơ lược. Nếu Bồ tát muốn đạt được kho tạng của các Bồ tát, muốn vượt qua tất cả các ma sự, muốn thâu nhiếp tất cả các pháp thiện, thì đều nên xa lìa:

Hai hệ thuộc không-hai trói buộc,
Hai chướng ngại-hai pháp cấu trược,
Hai vết lở và hai hố sâu,
Hai pháp bùng cháy-hai căn bệnh.

Nếu Bồ tát muốn có được những kho tạng công đức của các Bồ tát thì cần phải rời xa các loại hai pháp này. Như thế nào là hai pháp hệ thuộc vào không? đó là:

1. Tham đắm thuận theo các kinh Lô-giá-da.
2. Dùng y bát làm vật trang điểm đẹp đẽ. Hai pháp trói buộc là:
1. Trói buộc vì chấp vào các kiến.
2. Trói buộc vì tham cầu danh lợi. Hai pháp chướng ngại là:
1. Gần gũi với hàng bạch y.
2. Lánh xa người lương thiện. Hai pháp cấu trược là:
1. Chấp nhận chuốc lấy các phiền não.
2. Thích quen biết với các đàn việt. Hai pháp lở loét là:
1. Tìm tòi lỗi lầm của người khác.
2. Tự che giấu lỗi lầm của mình. Hai pháp hầm hố là:
1. Hủy hoại chánh pháp.
2. Phá giới mà thọ nhận cúng dường. Hai pháp bùng cháy là:
1. Dùng tâm uế trược mà khoác ca sa.
2. Nhận sự cung cấp của người trì giới.

Người xuất gia có hai căn bệnh khó chữa trị, đó là:

1. Hạng người tăng thượng mạn tự cho rằng mình có năng lực làm cho tâm phải thuần phục.
2. Người cầu pháp Đại thừa mà ngăn cản làm hỏng ý nguyện của họ.

Nếu Bồ tát xa rời những pháp như vậy, lại có pháp nhanh chóng

đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì có thể nhanh chóng đạt được. Lại được Chư Phật, Bích-chi-Phật và A-la-hán cùng khen ngợi.

Hỏi: Những pháp nào là pháp nhanh chóng đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Như thế nào là được Chư Phật, Bích-chi-Phật và A-la-hán cùng khen ngợi?

Đáp:

Luôn luôn hành theo tướng bốn Đế,
Chóng đạt được quả Phật Bồ đề,
Và người thực hành đúng bốn pháp,
Thánh nhân ba Thừa cùng ngợi khen.

Như thế nào là tướng bốn đế? Đó là:

1. Mong cầu tất cả các pháp thiện cho nên chịu khó thực hành tinh tiến.

2. Nếu được nghe-đọc tụng kinh pháp thì thực hành đúng như pháp đã nói.

3. Chán ngán rời xa ba cõi giống như nơi giết chết con người, thường cầu được ra khỏi nơi ấy.

4. Làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh, vốn là tự lợi ích cho tâm mình.

Đế có nghĩa là chân thật không dối, đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho nên gọi là không hư giả.

Lại có bốn pháp, được Thánh nhân ba thừa ngợi khen. Những gì là bốn pháp? Đó là:

1. Thậm chí mất mạng cũng không làm điều ác.
2. Thường thực hành pháp thí.
3. Thọ pháp luôn luôn nhất tâm tiếp nhận.
4. Nếu sinh tâm nhiễm ô, thì lập tức có thể quán sát đúng đắn nhân duyên nhiễm ô làm cho tâm nhiễm ô phát khởi. Căn nhiễm ô này vì sao gọi là nhiễm ô? Điều gì là nhiễm ô? Đối với điều gì mà phát khởi? Từ đâu sinh ra nhiễm ô này? Nhớ nghĩ đúng đắn như vậy, biết là hư vọng không chân thật, không tồn tại. Quyết định tin hiểu các pháp vốn là không, pháp không hề vốn có. Quán sát đúng đắn về nhân duyên của

nhiễm ô như vậy, cho nên không khởi lên các ác nghiệp. Tất cả các phiền não khác cũng quán sát như vậy. Bồ tát được bậc Đại nhân khen ngợi như vậy, vốn là luôn xa rời các phiền não ác nghiệp, thì tâm được đầy

đủ. Tâm xả thì như nói:

Đầy đủ đối với tâm buông xả,
Cầu lợi thế gian-xuất thế gian,
Lúc cầu mong những lợi ích này,
Tâm không còn chán nản mệt mỏi.

Bồ tát này có đầy đủ pháp xả, mong muốn thực hành pháp thí, thực hành tài thí làm lợi ích cho chúng sinh. Nếu cầu mong những lợi ích thế gian và xuất thế giann, lúc chưa đạt được thì tâm không có gì mệt mỏi buông lơi. Lợi ích thế gian, là dẫn dàng hiểu rõ các loại kinh sách-kỹ năng tinh xảo-thuốc thang chữa trị-phương pháp khéo léo của thế gian. Lợi ích xuất thế gian, là nói về các pháp căn-lực-giác-đạo-đạo vô lậu. Như nói:

Mong cầu hai lợi ích như vậy,
Tâm không còn mệt mỏi buông lơi,
Bởi vì không mệt mỏi buông lơi,
Luôn đạt được các pháp sâu xa.
Nhờ vào sự tìm cầu kinh sách,
Mà có thể đạt được trí tuệ,
Hiểu biết đầy đủ về thế gian,
Pháp bậc nhất không gì sánh được.

Không mệt mỏi buông lơi, mệt mỏi buông lơi gọi là chán nản căm ghét, điều học hỏi nếu không có gì chán nản ghét bỏ thì tâm không có gì mệt mõi buông lơi. Nếu không có gì mệt mỏi buông lơi, thì cầu tìm học hỏi các loại kinh sách về kỹ nghệ-thuốc thang chữa trị-kỹ thuật tinh xảo-lễ nghi phép tắc, đều không có gì mệt mỏi. Vì không có gì mệt mỏi, cho nên đạt được trí tuệ, biết sâu xa đầy đủ về các pháp thích hợp với thế gian. Pháp thế gian là những pháp thích hợp với từng địa phương, từng phong tục thuận theo tâm thế gian, pháp sửa trị thế gian cũng đều có thể biết được. Vì vậy có năng lực biết được chúng sinh từ bậc thượng-trung cho đến bậc hạ, thuận theo điều kiện thích hợp mà dẫn dắt cho họ, khéo léo giải thích mọi việc thế gian làm cho họ sinh tâm tàm quý sâu sắc. Thuận theo điều kiện thích hợp mà dẫn dắt, là đối với người bậc thượng-trung-hạ đều có những sự thích hợp theo từng bậc. Tàm quý thì tự xấu hổ với điều đã làm, gọi là tàm; dựa vào người khác mà sinh lòng xấu hổ, gọi là quý. Có người vì mình tự làm mà xấu

hổ, thấy người khác làm mà thẹn. Trong pháp thế gian thì lấy sự xấu hổ làm công dụng trước hết. Như kinh nói: Hai pháp thanh tịnh trong sáng hộ trì thế gian, đó gọi là tàm và quý. Như kệ nói:

Tùy lúc người sinh lòng hổ thẹn,
Biết pháp-biết rõ tội và phước,
Không hổ thẹn lánh xa người tốt,
Không điều ác nào mà không làm.

Hỏi: Tại sao ân cần dạy cho Bồ tát khéo biết cách thích nghi với thế gian?

Đáp: Nếu Bồ tát biết rõ pháp thế gian, thì đối với chúng sinh dễ dàng vui vẻ hài hòa với nhau, dẫn dắt cảm hóa tâm tư khiến cho họ trú trong pháp Đại thừa. Nếu không biết pháp thế gian, thì ngay cả một người cũng không thể nào giáo hóa được. Vì vậy pháp thế gian, chính là con đường phương tiện để giáo hóa chúng sinh. Bồ tát biết pháp thế gian như vậy, thì tâm đầy đủ tàm quý. Như nói:

Người làm ác mà còn cúng dường,
Huống gì người làm lợi cho mình,
Có tâm hổ thẹn có cung kính,
Không khinh chê nhạo báng người thiện.

Bồ tát này vốn có tâm hổ thẹn, đối với những người ác hãy còn có thể cung kính cúng dường đón đưa thăm hỏi, huống gì mười thiện có công đức luôn luôn làm lợi ích cho mình? Bởi vì có tâm hổ thẹn và tâm cung kính, cho nên đối với những người hiền thiện ít hiểu biết mà không sinh lòng khinh mạn, dấy lên ý nghĩ như vậy. Người có công đức tự ẩn mình giữa cuộc đời, như tro phủ ngọn lửa, pháp thế gian thô lậu cạn cợt không nên khinh thường, nếu mình vì một nhân duyên nhỏ mà khinh rẻ họ, thì sẽ mang lấy tội lỗi. Lại nữa:

Tất cả việc gì mình đã làm,
Tuy khó nhưng có thể làm được,
Thì ở giữa thế gian lẫn lộn,
Cũng chính là người không lui sụt.

Tất cả những công việc mà Bồ tát này đã làm, hoặc xây dựng chùa tháp, hoặc tổ chức pháp hội to lớn, hoặc cứu giúp tội nhân… Tất cả các việc khó khăn như vậy trong thế gian mà tâm không lui sụt bỏ dở việc làm chưa thành tựu thì cần phải dùng các loại phương tiện, dùng sức mạnh của thân miệng và tâm khiến cho được thành tựu. Như vậy không những đối với Phật pháp có sức mạnh không thối chuyển mà trong công việc thế gian cũng có sức mạnh không thối chuyển.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà có thể thành tựu điều này?

Đáp: Người có sức mạnh nhẫn nại, chịu đựng được mọi gian lao thì có

năng lực đạt được kết quả. Như nói:

Có sức mạnh chịu đựng to lớn,
Dốc hết lòng cúng dường Chư Phật,
Thuận theo lời giáo hóa của Phật,
Tất cả đều có thể thọ trì.

Bồ tát có được sức mạnh chịu đựng, dùng sức mạnh này cúng dường cung kính đối với Chư Phật, tùy điều kiện thích hợp mà cung phụng các thức ăn uống-y phục… Đối với sự giáo hóa của Phật, hoặc trì giới thiền định, hoặc hàng phục tâm ý, hoặc chân thật quán xét các pháp, ở trong những việc này dùng sức mạnh có thể đảm nhận, như người có được dao sắc thì thích hợp để sử dụng trong việc có ích chư không sử dụng ở trong việc không có ích lợi gì. Như nói:

Nhờ vào Tín-Từ Bi và Xả,
Có thể tiếp nhận không mệt mỏi,
Lại có năng lực biết nghĩa lý,
Dẫn dắt cho tâm ý chúng sinh.
Hổ thẹn có sức mạnh chịu đựng,
Dốc hết lòng cúng dường Chư Phật,
Trú trong giáo pháp Phật đã thuyết,
Thực hành đúng đắn mười pháp này,
Luôn luôn thanh tịnh sửa Sơ địa,
Đó chính là hành đạo Bồ tát.

Nếu Bồ tát lấy Tín để làm đầu, về sau trú trong giáo pháp của Phật, thì có thể thanh tịnh mà sửa trị Sơ địa. Trong mười pháp này lấy Tín làm đầu tiên. Tín nghĩa là ở trong pháp nhân duyên của Chư Phật thì tâm có được quyết định, lại thêm niềm vui thích tốt đẹp. Tại vì sao? Bởi vì Bồ tát này với tâm tánh thanh tịnh cho nên có được Tín lực sâu xa, có tín lực cho nên ở giữa chúng sinh mà sinh tâm Bi, dấy lên ý niệm như vậy: Pháp của tất cả Chư Phật lấy Đại Bi làm gốc, nay mình nhất tâm ưa thích đối với Phật pháp, vì vậy ở giữa các chúng sinh nên phát sinh tâm Bi. Tâm Bi này dần tăng lên thì trở thành Đại Bi, có được Đại Bi cho nên ở giữa các chúng sinh thì phát sinh tâm Từ, dấy lên ý niệm như vậy: Mình nên tùy sức làm lợi ích cho chúng sinh. Bởi vì thành tựu tâm Bi chân thật mà thực hành tâm Từ. Lúc làm lợi ích cho chúng sinh thì luôn luôn thực hành tâm xả, tất cả trong ngoài đều có thể bố thí. Dấy lên ý niệm như vậy: Như vật này của mình. Vì muốn làm lợi ích an lạc cho chúng sinh mà thành tựu tâm từ chân thật, để cho chúng sinh tin nhận lời mình nói. Vì muốn thực hành tâm xả mà mong cầu tài vật có lợi cho chúng sinh, có thể chấp nhận

tất cả những điều khổ não. Dấy lên ý niệm như vậy: Nếu có sự mệt mỏi chán nản thì đối với các loại kinh sách-kỷ nghệ-ruộng vườn-canh tác-nghề nghiệp khéo léo ở thế gian, các nhân duyên mong cầu tài lợi sẽ không thu được kết quả gì. Vì vậy nên đối với các loại kinh sách-kỹ nghệ… của thế gian, không có gì mệt mỏi chán nản. Vì có thể chấp nhận cho nên có năng lực biết rõ nghĩa lý. Dấy lên ý niệm như vậy: Kinh sách thế gian lấy nghĩa lý làm ý vị, nếu người khéo biết nghĩa lý của kinh sách thì đối với pháp thế gian đều có thể thông suốt rõ ràng. Có thể thông suốt rõ ràng thì có năng lực dẫn dắt chúng sinh ở mọi trình độ thượng-trung-hạ. Dấy lên ý niệm như vậy: Nếu người không có tàm quý thì không thể nào làm cho chúng sinh được hoan hỷ. Vì làm cho chúng sinh được hoan hỷ, cho nên thực hành tàm quý. Dấy lên ý niệm như vậy: Nếu không có thể chấp nhận thì không thành tựu lợi ích thế gian và xuất thế gian, có khả năng chấp nhận thì có năng lực dẫn dắt tất cả chúng sinh, làm cho đều được hoan hỷ. Tâm hoan hỷ cho nên tin nhận lời mình nói. Vì tin nhận cho nên chịu khó thực hành phương tiện mà truyền bá dẫn dắt. Dấy lên ý niệm như vậy: Nếu chúng sinh cúng dường Chư Phật, thì có được nhiều lợi ích. Muốn khiến cho chúng sinh phát tâm cúng dường Chư Phật, cho nên lập tức tự mình nhất tâm cúng dường đối với Phật và hình tượng-xá lợi của Phật. Chúng sinh tin nhận thì thuận theo học hỏi để cúng dường đối với Phật gieo trồng nhân duyên của trời người, trú trong ba thừa. Bồ tát như vậy theo thứ tự thực hành mười pháp, thì có năng lực thanh tịnh để sửa trị Sơ địa.

Phẩm 20: NIỆM PHẬT

Bồ tát ở địa thứ nhất, suy xét tận cùng những điều đã làm, tự nhờ vào sức mạnh của thiện căn mà có thể thấy được Chư Phật và Bồ tát. Như vậy làm cho tâm mình phải thuần phục, hết sức yêu quý đạo, như đã nghe Bồ tát địa thứ nhất thực hành đầy đủ tất cả đến cùng. Tự nhờ vào sức mạnh của thiện căn phước đức mà có thể thấy được Chư Phật hiện tại khắp mười phương, đều ở trước mắt mình. Hỏi: Chỉ nhờ vào sức mạnh của thiện căn phước đức mà được thấy Chư Phật, hay là còn có pháp nào chăng?

Đáp:

Đức Phật vì Bạt-đà-bà-la,
Mà thuyết về Tam-muội quý báu này,
Có năng lực thấy được Chư Phật.

Bạt-đà-bà-la là Bồ tát tại gia, luôn luôn thực hành đầu đà, Đức Phật

vì Bồ tát này thuyết giảng về kinh Bát chu Tam-muội. Bát Chu Tam muội có nghĩa là thấy Chư Phật hiện rõ ở trước mắt. Bồ tát đạt được Tam muội vô cùng quý báu này, tuy chưa đạt được Thiên nhãn-Thiên nhĩ mà có thể thấy được Chư Phật mười phương, cũng nghe được kinh pháp do Chư Phật giảng thuyết.

Hỏi: Tam muội này nên dùng phương pháp nào để có thể đạt được?

Đáp:

Nên nghĩ đến hết thảy chư Phật,
Hiện tại ở giữa các đại chúng,
Đầy đủ ba mươi hai tướng tốt,
Tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân.

Người tu hành dùng Tam muội này nghĩ đến Chư Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thanh tịnh, các Tỳ-kheo thân cận có chư Thiên cúng dường, được các đại chúng cung kính vây quanh, chuyên tâm nhớ nghĩ giữ lấy hình tướng của Chư Phật như vậy. Lại nghĩ đến Chư Phật là bậc có Đại nguyện, thành tựu Đại Bi mà không đoạn tuyệt, đầy đủ Đại từ hết sức an lạc cho chúng sinh, thực hành Đại hỷ trọn vẹn tất cả nguyện cầu, thực hành tâm xả rời xa yêu-ghét mà không rời bỏ chúng sinh, thực hành ở phạm vi của Đế luôn luôn không giả dối, thực hành ở phạm vi của xả trừ sạch mọi vết bẩn tham keo, thực hành ở phạm vi của Thiện thì tâm tư vắng lặng tốt lành, thực hành ở phạm vi của Tuệ thì đạt được trí tuệ vĩ đại. Thực hành đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, làm người chủ Bố thí pháp. Thực hành đầy đủ Trì giới Ba-la-mật, là giới hạnh thanh tịnh. Thực hành đầy đủ Nhẫn nhục Ba-la-mật, là có năng lực nhẫn nại như mặt đất. Thực hành đầy đủ Tinh tiến Ba-la-mật, là tinh tiến vượt lên cao thật tuyệt vời. Thực hành đầy đủ Thiền định Ba-la-mật, là diệt sạch các chướng ngại cho định. Thực hành đầy đủ Trí tuệ Ba-la-mật, là phá tan chướng ngại cho trí tuệ.

Tướng xoắn ốc ở ngón tay-ngón chân là có năng lực chuyển pháp luân. Tướng chân đứng yên là an trú trong các pháp. Tướng màng da mỏng giữa các ngón tay-ngón chân là diệt trừ các phiền não. Tướng bảy chỗ đầy đặn là các công đức tròn đầy. Tướng tay chân mềm mại là thuyết pháp nhu hòa. Tướng ngón tay thon dài là suốt đời tu tập các

pháp thiện diệu. Tướng gót chân rộng là nhìn xa học rộng. Tướng thân thẳng cao lớn là thuyết về đạo pháp thẳng thắn rộng lớn tướng mu bàn chân nổi cao-tướng đầu các sợi lông cao và xoáy tròn, là luôn luôn làm cho

chúng sinh trú trong pháp vi diệu nhất. Tướng bắp đùi như nai chúa Y-nê thon thả to dần, tướng cánh tay dài quá đầu gối, tướng cánh tay như vàng ròng thẳng tắp, tướng âm mã tàng là có kho tạng của pháp quý báu. Tướng thân màu vàng ròng là có vô lượng sắc thân. Tướng da mịn màng và mỏng là thuyết pháp vi diệu sâu xa. Tướng mỗi lỗ chân lông có một sợi lông, là nêu rõ pháp chỉ cùng một tướng. Tướng lông trắng dài nhỏ trang nghiêm khuôn mặt, là thích ngắm khuôn mặt Đức Phật không chán. Tướng thân trên như sư tử, là như sư tử không sợ hãi gì. Tướng vai tròn và rộng, là khéo phân biệt năm ấm.

Tướng dưới nách đầy đặn, là đầy đủ thiện căn to lớn. Tướng cảm được tất cả các vị, là đầy đủ vị rỗng rang vắng lặng. Tướng thân vuông là phá tan cảnh giới sinh tử. Tướng nhục kế, là đầu chưa hề cúi xuống phục tụng điều gì. Tướng lưỡi rộng màu sắc như san hô chân thật có thể tự che kín mặt. Tướng phạm âm là tướng của thân lên đến cõi Phạm thiên. Tướng gò má sư tử-tướng vai rộng là có năng lực phá tan ngoại đạo. Tướng răng đều đặn là thực hành thiện hạnh thuần khiết sáng tỏ. Tướng răng bằng nhau là tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Tướng răng dày khít là lìa xa mọi sự tham đắm. Tướng đủ bốn mươi chiếc răng là đầy đủ bốn mươi pháp bất cọng. Tướng mắt trong xanh biếc là tâm Từ nhìn chúng sinh. Tướng lông mi Ngưu vương-mi dài không rối, là có được sắc tướng hiếm có, thích gặp mặt không chán.

Dùng ba mươi hai tướng này mà trang nghiêm thân, tám mươi vẻ đẹp xen lẫn với nhau phát ra ánh sáng rực rỡ. Phước đức đầy đủ, uy lực tuyệt trần, danh tiếng truyền bá khắp nơi: Dùng hương của Giới xoa ướp thân mình, pháp thế gian không làm cho lay động, các phiền não không vấy nhiễm được, lời thô ác không làm cho nhuốm bẩn. Đạo qua khắp nơi bằng các thần thông. Chư Phật đầy đủ uy lực mạnh mẽ như vậy, không có ai dám đối kháng. Dùng trí tuệ thuyết pháp như sư tử gầm vang tự tại như ý. Dùng sức mạnh tinh tiến phá tan mọi tăm tối si mê. Dùng ánh sáng vĩ đại chiếu rọi khắp trời đất. Trong những điều hỏi-đáp thì Phật là bậc nhất, không có ai cao hơn. Tất cả đều ngước lên chiêm ngưỡng, không có ai nhìn xuống. Luôn luôn dùng tâm Từ quán sát chúng sinh. Niệm như biển rộng. Định như núi Tu-di, nhẫn nhục như mặt đất. Nuôi lớn thêm phước đức của chúng sinh đã gieo trồng như làn nước tưới thấm mọi nơi. Có năng lực phát sinh sức mạnh của các thiện căn cho chúng sinh như làn gió tỏa ra. Thành tựu chúng sinh như lửa làm cho mọi vật chín muồi. Trí tuệ vô biên giống như cõi hư không. rưới làn mưa đại pháp khắp nơi như vầng mây dày đặc rộng lớn. Không vấy nhiễm theo pháp thế gian giống như hoa sen. Có năng lực

phá tan ngoại đạo tà sư giống như sư tử bắt hươu. Có năng lực nâng cao gánh nặng như voi chúa mạnh mẽ. Có năng lực dẫn dắt đại chúng như trâu chúa to lớn. Quyến thuộc thanh tịnh như chuyển luân Thánh vương. Cao nhất giữa thế gian như Đại Phạm vương. Đáng quý trọng-đáng yêu mến như vầng trăng vằng vặc giữa trời trong xanh. Chiếu sáng mọi nơi và có năng lực tốt cháy giống như vầng mặt trời sáng chói. Mang lại nhân duyên an lạc cho các chúng sinh, giống như người cha nhân hậu. Thương xót chúng sinh, tùy thuận chăm sóc bảo vệ giống như người mẹ hiền từ. Công hạnh thanh tịnh như vàng ròng cõi trời. Có thế lực to lớn như Thiên Đế Thích. Chịu khó làm lợi ích cho thế gian như người đứng đầu bảo vệ thế gian. Chữa trị căn bệnh phiền não giống như bậc Y vương. Cứu giúp mọi tai họa suy sụp giống như bà con thân thích. Tích lũy các công đức như kho tạng to lớn. Giới của Phật vô lượng. Định của Phật vô biên, Tuệ của Phật không thể nói hết, giải thoát không có gì sánh bằng. Giải thoát tri kiến không có gì có thể sánh bằng, đối với tất cả mọi điều thì Phật là cao nhất không có ai sánh được. Phật là vô thượng bậc nhất trong tất cả thế gian, cho nên gọi là người bậc nhất. Thành tựu. Đại pháp cho nên gọi là bậc đại nhân.

Như vậy Bồ tát dùng tướng của bậc đại nhân nghĩ nhớ và quán tưởng Chư Phật. Chư Phật trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức đời kiếp không thể nghĩ bàn-không thể tính đếm, tu tập công đức, luôn luôn cố gắng giữ gìn nghiệp thân miệng ý. Ở trong Quá khứ-vị lai-hiện tại thuận theo tự nhiên nói về năm pháp tạng, đoạn trừ hết mọi nghi ngờ. Trả lời chắc chắn trả lời rõ ràng, trả lời hỏi vặn trả lời gác lại, đối với bốn loại hỏi-đáp không có gì sai lầm. Khéo léo nói về ba mươi bảy pháp trợ đạo là Căn-lực-Giác-đạo-Niệm xứ-Chánh cần-Như ý. Có năng lực khéo léo phân biệt nhân quả của Vô minh-Hành-Thức-Danh sắc-Lục nhập-Xúc-Thọ-Ái-Thủ-Hữu-Sinh-Lão tử. Đối với Nhãn sắc-Nhĩ thanh-Tỷ hương-Thiệt vị-Thân xúc-Ý pháp, không có gì hệ thuộc vướng mắc. Khéo léo thuyết về chín bộ kinh pháp, đó là Tu-đa-la, Kỳ dạ, Thọ ký, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, Y-đế-mục-đa. Tỳ Phật lược-Vị tằng hữu. Không bị chi phối bởi các sử phiền não là tham dục, sân hận, mười, kiêu, mạn, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ và nghi. Không bị sự lấn át của các phiền não là không có niềm tin, không

có tàm quý, dục nịnh quanh co, đùa cợt xúi giục, phóng túng giải đãi, thụy miên, sân hận, keo kiệt, ganh tỵ. Biết rõ về thấy khổ-đoạn Tập-chứng Diệt-tu đạo. Những điều cần bỏ đã bỏ hết, những điều cần thấy đã thấy rồi, việc làm đã làm xong, phá hết mọi giặc thù, đầy đủ các hạnh nguyện, là bậc tôn quý giữa thế gian, là người cha của thế gian, là vị vua giữa thế gian,

là bậc xuất hiện khéo léo-ra đi khéo léo, tâm ý khéo léo-vắng lặng khéo léo-thanh tịnh khéo léo-giải thoát tuyệt vời. An trú ở trong vô lượng vô biên thế gian nhiều như cát sông Hằng khắp mười phương, như hiện rõ ở trước mắt của Bồ tát.

Lại nên dùng tám mươi vẻ đẹp để nghĩ nhớ và quán tưởng Chư Phật. Màu móng chân-tay đỏ tươi là thực hành pháp thanh tịnh rõ ràng. Móng chân-tay gồ lên mà lại to, là sinh vào nhà thuộc dòng họ lớn. Màu móng chân-tay sáng bóng, là rất yêu thương chúng sinh. Ngón tay tròn và thon dài, là công hạnh sâu xa. Thịt trên ngón tay đầy đặn, là thiện căn đầy đủ. Ngón tay theo thứ tự mà dài và thẳng, là theo thứ tự quy tập các pháp của Chư Phật. Gân mạch không hiện rõ, là không che đậy những hành nghiệp của thân miệng ý. Mạch máu không kết thành thô kệch, là phá trừ mọi kiết sử phiền não. Mắt cá chân bằng phẳng không hiện rõ, là không che giấu pháp tạng, chân không cong quẹo, là vượt qua mọi tà ma ngoại đạo. Đi như sư tử, là sư tử giữa loài người. Đi như voi chúa, là voi chúa giữa loài người. Đi như ngỗng chúa, là bay cao như chim Hồng. Đi như trâu chúa, là địa vị tôn quý nhất giữa loài người. Lúc đi xoay về phía phải, là khéo nói chánh đạo. Thân đi thẳng không cong xuống, là tâm không quanh co. thân vững chắc mà thẳng thắn, là ca ngợi giới hạnh kiên cố. Thân lớn dần theo thứ tự, là nói pháp theo thứ tự. Các phần thân thể lớn mà đoan nghiêm, là có năng lực khéo léo giải thích về công đức vi diệu to lớn. Thân tướng đầy đủ, là đầy đủ các pháp. Bước chân cách nhau đều đặn, là tâm bình đẳng đối với chúng sinh. Thân thể trong sáng thuần khiết, là ba nghiệp thanh tịnh. Da sẻ thân mình mịn màng mềm mại, là tâm tánh dịu dàng tự nhiên. Thân thể không dính bụi bặm, là khéo léo nhận thức xa rời cấu trược. Thân không co lại, là tâm luôn luôn không mất. Thân không có hạn lượng, là thiện căn vô lượng. Da thịt căng tròn đầy đặn, là vĩnh đoạn dứt thân đời sau. Các bộ phận trên thân thể rõ ràng, là khéo léo nói rõ ràng thứ tự của mười hai nhân duyên. Màu sắc trên thân không mờ tối, là sự thấy biết không mờ tối. Bụng tròn và đầy đặn, là đệ tử đầy đủ công hạnh. Bụng sạch và tươi sáng, là có năng lực khéo léo biết rõ ràng tai họa sai lầm của sinh tử. Bụng không nhô cao ra ngoài, là phá trừ tâm lý kiêu mạn. Bụng bằng phẳng không hiện rõ, là thuyết pháp bình đẳng. Rốn tròn mà sâu là thông suốt các pháp rất sâu xa. Nếp rốn xoay về phía phải, là đệ tử thuận theo giáo pháp. Toàn thân đoan nghiêm, là đệ tử hoàn toàn thanh tịnh. Oai nghi trong sáng thuần khiết, là tâm thanh tịnh không gì sánh được. Thân không có nốt ruồi, là pháp ấn không tối tăm. Tay mềm hơn lụa Đây-la, là người được giáo hóa cảm thấy thể nhẹ nhàng như mảy lông. Đường chỉ tay sâu là oai nghi rất cẩn

thận kỷ càng. Đường chỉ tay dài, là quán sát người tiếp nhận giáo pháp tôn thờ lâu dài về sau. Đường chỉ tay tươi sáng, là rời bỏ tình thân ái ích kỷ được ích lợi của đạo quả vĩ đại. Diện mạo không dài, là kết giới có khai thông. Môi đỏ như quả Tần-bà, là trông thấy tất cả thế gian. Lưỡi mềm mà mịn, là trước tiên dùng lời dịu dàng hóa độ tất cả chúng sinh. Lưỡi mỏng mà rộng, là công đức sâu dày thuần khiết. Lưỡi đỏ như nhuộm hồng, là tâm phàm phu khó hiểu Phật pháp thì làm cho hiểu rõ. Tiếng nói như sấm động, là không sợ gì tiếng sấm. Tiếng nói hài hòa dịu dàng, là thuyết pháp nhu hòa mềm mại. Bốn răng cửa tròn và thẳng, là to với đạo thẳng thắn. Bốn răng cửa đều sắc bén, là độ cho người lợi căn. Bốn răng cửa trắng sáng, là thanh tịnh trong sáng bậc nhất. Bốn răng cửa đều đặn như nhau, là an trú trong giới bình đẳng. Răng nhỏ dần theo thứ tự, là theo thứ tự thuyết về pháp bốn đế. Sống mũi gồ lên cao và thẳng, là an trú trong núi cao của trí tuệ. Trong lỗ mũi thanh tịnh, là đệ tử trong sáng tốt lành. Mắt to mà dài, là tuệ cao xa rộng lớn. Lông mi không thưa thớt, là dễ dàng tiếp nhận chúng sinh. Tròng mắt đen-trắng rõ ràng tươi sáng như cánh hoa sen xanh, là tất cả trời người-thể nữ vì thích đôi mắt mà lễ lạy cung kính. Chân mày cao mà dài, là danh tiếng lưu truyền khắp nơi. Lông mày sáng bóng, là khéo léo biết cách mềm mỏng. Vành tai bằng nhau, là người nghe pháp bình đẳng như nhau. Lỗ tai không hư hoại, là độ chúng sinh bằng tâm bất hoại. Vầng trán bằng phẳng mà đẹp, là khéo léo lìa xa những kiến chấp. Vầng trán rộng không có nếp ngăn, là phá tan tất cả ngoại đạo. Phần đầu đầy đủ hoàn thiện, là dễ dàng đầy đủ hạnh nguyện vĩ đại. Màu tóc như ong mật đen tuyền, là chuyển đổi năm thứ dục lạc. Tóc dày mà sợi mảnh, là kiết sử đã hết. Tóc đẹp và mềm mại, là trí tuệ sắc bén mềm mại có năng lực biết rõ pháp vị. Tóc không rối bồng lộn xộn, là lời nói luôn luôn không rối loạn. Tóc mướt mà sáng bóng, là luôn luôn không có lời nói thô thiển. Tóc có hương thơm, là dùng hương hoa của bảy giác ý tùy theo sự thích hợp mà cảm hóa dẫn dắt. Trong tóc có chữ Đức-chữ An-chữ Hỷ, giữa lòng bàn tay-bàn chân cũng có chữ Đức-chữ An-chữ Hỷ. Bồ tát nên nghĩ đến chư Phật như vậy.

Chư Phật an tọa trên tòa sư tử, ở giữa đại chúng thuyết giảng về chánh pháp. Tòa sư tử dùng lưu ly và các thứ báu làm chân, dùng san hô tịnh khiết và trân châu đỏ tuyệt vời để làm ghế dựa, vàng ròng dát mỏng làm màn che, các loại vải vóc cõi trời mềm mại trơn bóng dùng làm vật trải ghế ngồi. Có con sư tử quý báu dùng vàng ròng làm thân, hổ phách làm mắt, xa cừ làm đuôi, san hô làm lưỡi, kim cang trắng làm bốn răng nanh, bạc trắng tinh khiết làm bờm lông, lông và bờm dài rộng. Tòa ngồi đầy đủ đặt trên lưng bốn con sư tử như vậy. Ngà của voi chúa to lớn dùng làm ghế

tựa, chân ghế tựa ấy được làm thành từ các vật báu. Đức Phật an tọa trên tòa sư tử, được chư Thiên-Long thần, dạ-xoa, càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-na, Ma-hầu-la-già cùng lễ lạy cung kính. Chư Phật an tọa trên tòa sư tử như vậy, khoác y Kiệt-chi-nê-hoàn Tăng, không cao không thấp che phủ ba phần thân, vấn quanh tề chỉnh. Mang ca sa nhạt màu, số điều rõ ràng, không cao không thấp cũng không so le, Đức Phật an tọa giữa tám bộ Đại Thánh chúng trang nghiêm và toàn thể trời-người trong pháp hội, loài rồng và chim cánh vàng cùng đến nghe pháp và tâm không còn sân hận với nhau. Hết thảy đại chúng với tâm tàm quý sâu sắc, cung kính quý trọng đối với Đức Phật, đều chung lòng nhất tâm nghe những điều Đức Phật thuyết giảng, thọ trì tư duy và thực hành đúng như giáo pháp Ngài đã dạy. Nhờ chuyên tâm nghe nhận mà tâm được thanh tịnh, cho nên có năng lực ngăn chặn những kiết sử phiền não. Tất cả đại chúng chiêm ngưỡng Như Lai không còn có gì thỏa mãn, lông tóc đều dựng đứng với tâm niệm tha thiết mà tuôn trào nước mắt, hoặc là có tâm niệm vô cùng hoan hỷ. Có những tâm cảm như vậy, thì biết rằng tâm tư người ấy được thanh tịnh vắng lặng rất sâu xa như tiến vào thiền định, không còn yêu-ghét gì nữa, tâm không còn duyên gì khác, có tướng Đại Bi thương xót chúng sinh, muốn cứu giúp ta, tâm không dua nịnh quanh co, thanh tịnh vắng lặng phân biệt rõ ràng tốt xấu, có chí nguyện nguyện to lớn không ẩn chìm-không co lại, không cao-không thấp… Đức Phật đều nhìn thấy mọi tâm niệm phát sinh như vậy trong Đại chúng hiện tại.

Đức Phật thuyết pháp dễ hiểu dễ sáng tỏ, thích nghe mãi không chán. Âm thanh sâu lắng không rời rạc, dịu dàng nghe êm tai, từ rốn mà phát ra, đưa lên cổ họng-cuống lưỡi-mũi-trên trán rồi đến răng-môi, hơi thở dâng lên làm thay đổi phát thành câu nói dịu dàng nghe âm tai. Âm thanh phát ra như vầng mây dày đặc, như tiếng sấm vang vọng, như gió cuốn sóng trào giữa biển rộng, như âm thanh của Đại phạm Thiên

dẫn dắt có thể hóa độ chúng sinh. Xa rời mày-mắt và môi mà có thể nói pháp quở trách. Lời nói không thiếu sót cũng không rườm rà lắm. Những gì đã nói ra thì không nghi ngờ gì, nói nhất định phải có lợi ích. Không có lời lừa dối và lời có thể phá bỏ… xa rời những lỗi như vậy, gần xa nghe như nhau. Không khác. Bốn loại vấn nạn thì tùy ý luôn luôn giải đáp, khai thị về bốn Đế khiến cho đạt được bốn Quả, kiến lập nghĩa lý về đầu mối kết cấu của nhân duyên, ngôn ngữ phép tắc thảy đầy đủ. Các loại đã nói thì nghĩa lý của sự việc dễ dàng hiểu rõ. Lời đã nói ra rõ ràng không có gì ẩn giấu quanh co. Lời nói không nhanh quá cũng không chậm quá, trước sau tương xứng không có ai có thể chất vấn được. Dùng lời nói như vậy

để giảng giải rõ giáo pháp, đầu-giữa và cuối hợp với thiện, đều có ý nghĩa-có lợi ích, chỉ có pháp là đầy đủ, có năng lực làm cho chúng sinh cảm được quả báo của đời hiện tại. Không có thời gian có thể được thưởng thức để luôn luôn thỏa mãn ước nguyện của mình, người có trí tuệ tuyệt vời hết sức nhờ vào nội tâm có thể biết rõ. Pháp của Đức Phật đã thuyết, có năng lực dập tắt lửa dữ ba độc của chúng sinh, có năng lực loại trừ tất cả tội lỗi của thân miệng ý, có năng lực khéo léo khai thị về giới-định-tuệ phẩm. Đầu tiên dùng danh tự, sau mới làm cho biết nghĩa lý mà sinh tâm hoan hỷ, từ hoan hỷ phát sinh niềm vui, từ niềm vui phát sinh định lực, từ định lực phát sinh trí tuệ như thật, từ trí tuệ như thật phát sinh chán ngán lìa bỏ, từ chán ngán lìa bỏ mà diệt trừ kiết sử, diệt trừ kiết sử cho nên được giải thoát. Như vậy luôn luôn làm cho thực hành pháp này theo thứ tự, có năng lực khéo léo khai thị về bốn phạm vi của Đế-xả-Diệt-Tuệ, có năng lực chỉ bày cho chúng sinh khiến đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tiến, Thiền định và Trí tuệ. Có năng lực làm cho chúng sinh lần lượt đến được Hỷ địa-Tịnh địa-Minh địa-Diệm địa-Nan thắng-Hiện tiền-Thâm viễn-Bất động-Thiện tuệ và pháp vân địa. Có năng lực phân biệt rõ ràng về Thanh văn thừa, Bích-chi-Phật thừa và Đại thừa. Có năng lực khiến chứng được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Có năng lực khiến cho thành tựu tất cả mọi niệm vui sướng giàu có trong cõi người-trời. Đó là tất cả các kho tạng công đức lợi ích bậc nhất.

Như vậy chánh tâm nhớ nghĩ Chư Phật, ở nơi vắng lặng thanh tịnh loại trừ tham dục, sân hận, ngủ nghỉ, nghi ngờ, hối tiếc, đùa cợt vô ích mà chuyên chú tâm niệm không sinh ra chướng ngại làm cho tâm mất đi định lực. Dùng tâm như vậy chuyên chú nghĩ đến Chư Phật. Nếu tâm chìm xuống thì phải kéo lên, nếu tâm tán loạn thì phải thâu nhiếp. Đồng thời thấy Đại chúng thường xuyên như hiện ở trước mắt. Lúc chưa nhập định thì luôn luôn thuận theo sự việc mà ca ngợi về tướng tốt và vẻ đẹp của Đức Phật. Dùng kệ ca ngợi Đức Phật khiến cho tâm luyện tập thuần thục. Kệ nói như vậy.

Các tướng tốt của Đức Phật Thế tôn,
Nhân duyên của nghiệp nào cảm được?
Con dùng tướng tốt và hạnh nguyện,
Ca ngợi hướng về bậc đại Thánh.
Tướng chân có vòng tròn ngàn tia,
Hạnh bố thí quyến thuộc thanh tịnh,
Nhờ vào nhân duyên tốt đẹp này,
Cảm được chúng Thánh hiền vây quanh.
Tướng bàn chân an trú vững chắc,

Tiếp nhận thiện pháp giữ không mất,
Vì vậy cho nên các quân ma,
Không có năng lực hủy hoại được,
Màng lưới giữa các ngón tay-chân,
Tướng thân có sắc màu vàng tía,
Nhờ khéo léo thực hành nhiếp pháp,
Đại chúng tự nhiên đều quy phục.
Tay và chân vô cùng mềm mại, T
ướng bảy chỗ trên thân đầy đặn,
Bố thí thức ăn theo ý người,
Cảm được nhiều cúng dường tự nhiên.
Ngón tay dài-gót chân bằng rộng,
Tướng thân cao lớn và ngay thẳng,
Vốn xa lìa nhân duyên sát sinh,
Cảm được thọ mạng nhiều đời kiếp.
Đầu lông xoay tròn hướng bên phải,
Tướng mu bàn chân gồ lên cao,
Thường tinh tiến làm những điều thiện,
Cho nên cảm được pháp bất thối.
Tướng bắp đùi nai chúa Y-nê,
Thường ưa thích đọc tụng kinh pháp,
Nhờ giảng giải cho người khác hiểu,
Nhanh chóng đạt được đạo vô thượng,
Cánh tay dài xuống quá đầu gối,
Tất cả đồ vật mình có được,
Người cầu xin cho không tiếc nuối,
Tùy ý cảm hóa dẫn dắt người.
Âm mã tàng tích trữ công đức,
Vốn khéo hòa hợp sự ly tan,
Cảm được chúng trời-người đông đủ,
Tuệ nhãn thanh tịnh đều là con.
Làn da mỏng ánh vàng sáng chói,
Bố thí nhà cửa-áo quần đẹp,
Cho nên cảm được nhiều y phục,
Và lầu đài thanh tịnh tuyệt vời.
Mỗi lỗ chân lông một sợi lông,
Lông trắng dài nhỏ giữa chặng mày,
Thường làm người che chở cao nhất,

Cho nên tôn quý nhất ba cõi.
Phần thân trên như thân sư tử,
Hai vai tròn trịa mà đầy đặn,
Thường thực hành lời nói nhân ái,
Không có ai trái lời chống đối.
Tướng nách đầy đặn-biết mùi vị,
Bố thí thuốc thang giúp người bệnh,
Trời-người đều tôn kính quý trọng,
Thân không có những bệnh tật gì.
Tướng thân tròn trịa và nhục kế,
Phước Bố thí với tâm vui vẻ,
Khuyên nhủ cảm hóa người ngang bướng,
Bậc Pháp vương tự tại trong pháp.
Âm thanh như Ca-lăng-tần-già,
Lưỡi rộng mềm-tiếng như Phạm thiên,
Lời nói thường dịu dàng chân thật,
Cảm được tám âm bậc Đại Thánh.
Trước hết phải suy nghĩ chính xác,
Sau nói ra chắn chắn có thật,
Cho nên cảm được tướng sư tử,
Người thấy đều sinh tâm tin phục.
Tướng răng trắng-đều và dày khít,
Trước là người đã từng cúng dường,
Về sau thường không sinh ngạo mạn,
Cảm được tâm quyến thuộc hòa đồng,
Trên-dưới đủ bốn mươi chiếc răng,
Dày khít không thưa thớt hở hang,
Vì không gièm pha-không nói dối,
Cảm được đồ chúng không phá nổi.
Tròng mắt đen-trắng thật rõ ràng,
Tướng lông mi như mi trâu chúa,
Vốn là tâm từ nhìn hài hòa,
Người thấy không bao giờ thỏa mãn.
Tuy là bậc Chuyển luân Thánh vương,
Mẫu mực đứng đầu bốn thế giới,
Có đầy đủ những tướng tốt này,
Nhưng ánh sáng không bằng Đức Phật.
Con đã nói hết lời ca ngợi,

Đối với công đức những tướng tốt,
Nguyện làm cho tất cả mọi người,
Tâm thanh tịnh luôn luôn an lạc!

Bồ tát lại thuận theo dùng tám mươi vẻ đẹp để nghĩ đến Chư Phật, Kệ nói như vậy:

Chư Phật có tám mươi vẻ đẹp,
Tốt lành vi diệu trang nghiêm thân,
Tất cả mọi người nên hoan hỷ,
Nhất tâm lắng nghe tôi nói rõ!
Ngón tay Đức Thế Tôn thon tròn,
Móng tay có màu sắc hồng tía,
Gồ cao có thắm tươi sáng bóng,
Tất cả không có gì nghĩ được.
Đầu gối bằng-mắt cá không lộ,
Hai chân không có gì cong queo,
Bước đi giống như sư tử chúa,
Oai nghi nhìn không ai sánh được.
Lúc đi thân xoay về bên phải,
An lành có hình dáng thanh nhã,
Thân thể vuông vức theo thứ tự,
Đoan nghiêm đáng yêu quý ưa thích.
Thân rắn chắc và rất mềm mại,
Từng phần thân thể thật rõ ràng,
Lúc đi không uốn éo nghiêng ngã,
Tất cả các căn đều đầy đủ.
Da thịt thân thể rất mịn màng,
Tươi sáng và vô cùng thanh tịnh,
Thân hình rất đoan nghiêm thanh nhã,
Không có nơi nào có thể chê.
Bụng tròn trịa không nổi lên cao,
Rốn sâu mà không thấy có lỗ,
Nếp rốn xoay về phía bên phải,
Oai nghi tự tại thật thanh tịnh.
Thân không có một nốt ruồi nào,
Tay chân rất mềm mại mịn màng
Vân tay sâu đậm mà lại dài,
Nhỏ và thẳng có màu tươi thắm.
Lưỡi mỏng rộng-khuôn mặt không dài,

Răng trắng muốt tròn nhỏ sắc bén,
Môi đỏ thắm màu quả Tần-bà,
Âm thanh sâu như chim hồng chúa,
Sống mũi cao-mắt sáng trong xanh,
Lông mi dài mà không rối loạn,
Chặng mày cao và lông mềm mại,
Đầu thẳng tắp không hề cong queo.
Lông mày bằng nhau mà đều đặn,
Khéo léo biết lỗi lầm các pháp,
Lông mày có màu sắc tươi sáng,
Khéo léo độ chúng sinh thuần thục.
Vành tai đầy-dài mà bằng nhau,
Không hư hoại thật là đáng yêu,
Trán rộng mà bằng phẳng ngay ngắn,
Tướng phần đầu thảy đều đầy đủ.
Làn tóc mịn mà không hề rối,
Màu sắc như ong chúa đen tuyền,
Thanh tịnh mà thơm tho tinh khiết,
Trong tóc có ba tướng tốt lành.

Đây gọi là tám mươi vẻ đẹp, dùng tám mươi vẻ đẹp này xen lẫn nhau để trang nghiêm cho ba mươi hai tướng tốt. Nếu người nào không nghĩ đến ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp để ca ngợi thân Phật, vậy thì mãi mãi mất đi nhân duyên lợi lạc của đời này và đời sau.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 10

Phẩm 21: BỐN MƯƠI PHÁP BẤT CỘNG

Bồ-tát dùng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp như vậy để nghĩ đến sinh thân của Đức Phật rồi, bây giờ nên nghĩ đến các pháp công đức của Chư Phật. Đó là:

Lại thuận theo dùng bốn mươi pháp,
Bất cộng mà nghĩ đến Chư Phật,
Thân Chư Phật chính là pháp thân,
Chứ không phải chỉ là Nhục thân.

Chư Phật tuy có vô lượng các pháp, nhưng pháp không chung (bất cộng) với người khác thì có bốn mươi pháp. Nếu người nào nghĩ đến thì cảm được hoan hỷ. Tại vì sao? Bởi vì Chư Phật không phải là sắc thân, mà chính là pháp thân. Như kinh nói: "Ông không nên dùng sắc thân mà quán tưởng Phật, hãy dùng pháp thân để quán tưởng Phật". Bốn mươi pháp bất cộng là:

1. Phi hành tự tại.
2. Biến hóa vô lượng.
3. Thánh như ý vô biên.
4. Văn thanh tự tại.
5. Trí lực vô lượng biết rõ tâm người khác.
6. Tâm được tự tại.
7. Thường ở trong tuệ an ổn.
8. Thường không mắc sai lầm.
9. Đạt được sức mạnh của Tam muội Kim vang.
10. Khéo léo biết rõ sự việc bất định.
11. Khéo léo biết rõ sự việc của Vô sắc định.
12. Thông hiểu đầy đủ về những sự việc vĩnh viễn diệt trừ.
13. Khéo léo biết rõ tâm bất tương ưng với pháp vô sắc.
14. Có thế mạnh của Ba-la-mật.
15. Ba-la-mật vô ngại.

16. Tất cả hỏi đáp và thọ ký đều trả lời đầy đủ với Ba-la-mật.
17. Thuyết pháp đầy đủ ba huân.
18. Pháp đã thuyết không trống rỗng.
19. Pháp đã thuyết không có gì sai lầm.
20. Không có ai có thể làm hại.
21. Bậc Đại tướng giữa các Hiền Thánh. 22.23.24.25 Là bốn pháp không cần giữ gìn nữa. 26.27.28.29 Là bốn pháp không có gì sợ hãi. 30.31.32.33.34.35.36.37.38.39 là mười lực của Phật.
40. Giải thoát vô ngại.

Đây là bốn mươi pháp Bất cộng, nay sẽ nói rộng ra.

Phi hành tự tại, nghĩa là Chư Phật bay đi tự tại như ý, nhanh chóng đầy đủ như ý không tính toán, không ngăn ngại gì. Vì sao như vậy? Bởi vì nếu Phật muốn đi giữa hư không, thì đưa một chân lên trước, sau đó đưa tiếp một chân, liền được như ý. Hoặc muốn đưa chân đạp vào hư không mà đi, hoặc muốn đứng yên bất động mà đi, thì luôn luôn đi được. Hoặc ngồi xếp bằng tròn yên lặng mà đi, cũng có thể đi được. Hoặc muốn nằm an lành mà đi, lại cũng có thể đi được. Hoặc muốn có hoa sen với cuống lưu ly xanh-cánh san hô chân thật-vàng ròng làm tua, vô lượng đài ngọc như ý bao quanh như mặt trời mới mọc, thì hoa sen quý báu này xuất hiện khắp nơi giữa hư không, đặt chân lên mà đi. Hoặc muốn có cung điện như cung điện nhật nguyệt, cung điện đẹp đẽ của đế thích, cung điện của cõi trời Dạ-ma, cõi trời Đâu-suất-đà, cõi trời Hóa-lạc, cõi trời Tha-hóa-tự tại hay các cõi Phạm vương, thì đều tùy ý hóa làm cung điện như thế, an tọa trong cung điện ấy mà đi, tất cả luôn luôn thành tựu trong nháy mắt. Hoặc là dùng các loại nhân duyên khác, tùy ý có thể đi được. Vì vậy nói rằng: Thuận theo mọi tâm nguyện đều luôn luôn được đầy đủ. Vì vậy Chư Phật có năng lực đưa một bước chân, đi qua ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng. Có người nói: Phật có năng lực trong một ý niệm đi qua trăm ngàn cõi nước. Có người nói: Nếu biết Phật trong một ý niệm một bước có năng lực đi xa như vậy, thì có thể suy tính được. Trong kinh nói: Thần lực của Chư Phật là vô lượng. Vì vậy nên biết rằng Chư Phật phi hành tự tại giữa hư không, trải qua vô lượng vô biên cõi nước chẳng có gì ngăn ngại. Tại vì sao? Bởi vì nếu hàng Đại đệ tử Thanh văn có thần thông tự tại, trong khoảnh khắc một niệm thì có thể đi qua trăm ức cõi Diêm-phù-đề, Cù-đà-ni, Phất-bà-đề, Uất-đa-la-việt, cõi trời Tứ đại vương, cõi trời Đao lợi, cõi trời Dạ-ma, cõi trời Đâu-xuất-đà, cõi trời Hóa-lạc, cõi trời Tha-hóa tự tại, cõi trời Phạm. Trong một chớp mắt có bao nhiêu niệm đi qua, tích tụ những niệm này làm thành một ngày-bảy ngày, một tháng-một năm, thậm chí cả trăm

năm. Một ngày đi qua năm mươi ba ức hai trăm chín mươi sáu vạn sáu ngàn thế giới hệ gồm ba ngàn đại thiên. Người Thanh văn như vậy đã đi qua trong thời gian trăm năm, mà Đức Phật có năng lực đi qua chỉ trong một niệm.

Vả lại, giả sử cát trong sông Hằng cứ một hạt cát là một kiếp, có Đại Thanh văn thần thông tự tại, thọ mạng bậc nhất trải qua đại kiếp như những hạt cát trong sông Hằng như vậy, ở trong một niệm đi qua bao nhiêu thế giới, tích lũy những niệm như vậy để làm thành vô lượng ngày-tháng-năm, dùng sức tự tại đến hết số lượng những Đại kiếp này mà đi qua tất cả cõi nước, thì Đức Phật có năng lực đi qua trong thời gian một niệm mà thôi. Chư Phật phi hành tự tại nhanh chóng như vậy, đối với tất cả núi thiết vy, núi Thập bảo, cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Đao lợi, Dạ-ma, đâu-suất-đà, Hóa-lạc, Tha-hóa-tự-tại. Phạm thế, phạm chúng, đại phạm, Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Quảng quả, Vô tưởng, Bất quảng, Bất não, Hỷ kiến, Diệu kiến, A-ca-ni-tra, tất cả những cõi như vậy, cùng với kiếp nạn gió mạnh-nước lớn đến kiếp nạn lửa dữ…, và các hàng trời rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, các ma trời, sa môn và Bà-la-môn phạm hạnh, cho đến người đạt được những thần thông, không có gì có thể làm chướng ngại. Vì vậy nói là phi hành tự tại vô ngại.

Lại còn phi hành tự tại như ý mà biến hóa ẩn hiện ra vào trong lòng đất, có năng lực đi qua vách đá và tất cả những núi non chướng ngại…, Chư Phật đối với điều này thì hơn hẳn các bậc Thánh nhân. Chư Phật cũng có năng lực dùng thân bình thường đứng dậy cao đến cõi Phạm thiên, điều mà người Thanh văn không có thể sánh kịp. Có những sự khác biệt đều là như vậy.

Biến hóa tự tại, trong những việc biến hóa có vô lượng khả năng không thể nghĩ bàn được. Các bậc Thánh khác biến hóa có hạn lượng có phạm vi, Chư Phật biến hóa thì không còn có hạn lượng phạm vi gì cả, mà sự biến hóa của Chư Phật thật là không thể nghĩ bàn được. Các bậc Thánh khác ở trong một niệm biến hóa một thân, Chư Phật từ trong một niệm tùy ý biến hóa ra vô lượng sự việc. Như trong kinh Đại thần

thông nói: "Phật từ trong rốn biến hóa có hoa sen nở ra, trên hoa sen có Hóa Phật, theo thứ tự hiện thân đầy khắp nơi, lên đến cõi trời A-ca-ni-tra. Chư Phật biến hóa ra những sự việc, đủ loại cảnh sắc-đủ loại hình dạng, đều từ trong một niệm". Những người Thanh văn có thể biến hóa ở trong phạm vi một ngàn cõi nước, Chư Phật có năng lực biến hóa tự tại trong vô lượng vô

biên cõi nước, còn có năng lực gấp bội là do Chư Phật đạt được Tam muội biến hóa kiên cố. Vả lại, Chư Phật biến hóa có năng lực vượt quá Hằng sa thế giới, đều từ một thân mà sinh ra. Chư Phật có năng lực ở khắp vô lượng vô biên thế giới trong mười phương hiện tại thọ thân-sinh ra bước đi bảy bước, xuất gia họa đạo-phá tan quân đội của ma, đắc đạo và chuyển pháp luân. Những sự việc như vậy đều biến hóa từ trong một niệm, những hóa Phật ấy cũng đều có năng lực thực hành mọi Phật sự. Như vậy Chư Phật đã biến hóa vô lượng vô biên sự việc không thể nghĩ bàn được.

Lại ở trong Thánh như ý có vô lượng khả năng vi diệu. Thánh như ý, đó gọi là từ trên thân phát ra ánh sáng giống như lửa mạnh, và phát ra những làn mưa, biến hóa thọ mạng dài ngắn tùy ý. Ở trong một niệm có năng lực lên đến cõi Phạm thiên, có năng lực biến hiện các loại đồ vật, tự tại tùy ý có thể làm rung chuyển đất bằng, ánh sáng có năng lực chiếu rọi đến vô số thế giới mà không hề gián đoạn. Thánh như ý là không giống với hành phàm phu, không có hạn lượng, vượt quá mọi số lượng. Những hàng phàm phu tuy có thể biến hóa các đồ vật mà chỉ là ít ỏi nhỏ bé không đáng nói đến. Người Thanh văn có thể tách một ngàn cõi nước ra, rồi làm cho kết hợp lại; có thể làm cho thọ mạng hoặc kéo dài một kiếp, hoặc giảm bớt một kiếp, lại có thể làm cho ngắn hơn, ngắn rồi lại có thể làm cho dài ra, ở trong một niệm có thể đến thế giới cõi phạm của một ngàn cõi nước, có thể ở tại ngàn cõi nước tùy ý mà biến hóa, có thể làm lay động cả ngàn cõi nước, có thể trên thân phát ra ánh sáng chiếu rọi ngàn cõi nước liên tục không dứt. Giả sử thân diệt đi nhưng có thể để lại thần lực biến hóa như cũ đối với ngàn cõi nước. Tiểu Bích-chi-Phật có thể ở tại một vạn cõi nước biến hóa đủ loại. Trung Bích-chi-Phật có thể ở tại trăm vạn cõi nước biến hóa đủ các loại. Đại Bích-chi-Phật có thể ở tại ba ngàn đại thiên cõi nước biến hóa đủ các loại. Chư Phật Thế tôn có năng lực biến hóa thân với số lượng vượt quá các Hằng hà sa thế giới, phá ra nước-lửa có thể nghiền vụn các thân nhiều như Hằng hà sa thế giới làm thành bụi nhỏ, rồi có thể kết hợp lại làm một mà an trú. Thọ mạng với vô lượng kiếp số có năng lực làm cho ít lại, ít rồi lại có thể làm cho dài thêm, có năng

lực an trú trải qua vô lượng thời gian. Tùy ý biến hóa, có năng lực từ trong một niệm đến vô lượng vô biên Hằng hà sa thế giới, có năng lực dùng thân bình thường đứng lên đến cõi Phạm thế. Lại có năng lực biến hóa vô lượng vô biên A-tăng kỳ thế giới đều làm cho trở thành vàng, hoặc làm cho cho trở thành bạc, lưu ly, san hô, xa cừ, mã não… Nói tóm lại là có năng lực làm cho trở thành vô lượng vật báu, tùy theo ý muốn mà làm thành.

Lại còn có năng lực biến hóa nước trong biển rộng của Hằng hà sa thế giới, đều làm cho trở thành sữa-bơ-sữa đặc-mật ngọt, tùy theo ý muốn mà thành. Lại có năng lực từ trong một niệm biến hóa các núi non gò đồi đều trở thành vàng ròng, vượt quá mọi số lượng, tính đếm không thể nào được. Lại có năng lực làm chấn động vô lượng vô biên thế giới và tất cả các cung điện của hết thảy các trời cõi Dục-cõi sắc. Lại dùng một niệm có thể làm cho bao nhiêu ánh sáng sắc vàng rực soi chiếu khắp vô lượng thế giới như vậy, ánh sáng của mặt trăng-mặt trời và ánh sáng của cung điện các trời cõi Dục-cõi sắc đều làm cho lu mờ. Tuy rằng sau khi diệt độ rồi nhưng mà có năng lực ở trong các thế giới như vậy tùy ý luôn luôn tồn tại, thần lực lưu truyền khắp nơi hoặc lâu dài hoặc ngắn ngủi thường không bị gián đoạn.

Văn thanh tự tại, là Chư Phật tự tại tùy ý trong mọi âm thanh đã nghe, hoặc vô lượng trăm ngàn vạn ức loại âm nhạc cùng lúc đều trỗi lên, hoặc vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh cùng lúc cất tiếng nói, hoặc xa hoặc gần tùy ý mà nghe rõ. Giả sử tất cả chúng sinh trong ba ngàn Đại thiên thế giới như cát sông Hằng, cùng lúc đều trỗi lên bao nhiêu trăm ngàn vạn loại âm nhạc đầy khắp thế giới; lại có chúng sinh trong hằng hà sa thế giới, cùng lúc dùng Phạm âm cất lên đầy khắp tất cả các thế giới, Chư Phật nếu muốn nghe một âm thanh trong đó thì tùy ý nghe được, chứ không nghe êm thanh khác. Người Thanh văn nghe tiếng mình muốn nghe, nếu có Đại thần lực ngăn cản thì không thể nào nghe được. Âm thanh mà Chư Phật nghe tuy có Đại thần lực ngăn cản nhưng cũng có năng lực nghe được. Người Thanh văn có thể nghe âm thanh trong một ngàn cõi nước, âm thanh mà Chư Phật Thế tôn nghe được vượt quá vô lượng vô biên thế giới, âm thanh nhỏ nhất cũng đều nghe được. Thanh văn có Đại thần lực trú tại cõi Phạm thế, phát ra Đại âm thanh có thể đầy khắp trong một ngàn cõi nước. Chư Phật Thế tôn hoặc an trú nơi này, hoặc an trú ở cõi Phạm thế, hoặc an trú nơi khác, thì âm thanh có năng lực truyền khắp vô lượng vô biên thế giới, nếu muốn làm cho chúng sinh nghe được âm thanh nhỏ nhất qua vô lượng vô

biên thế giới, thì có năng lực khiến cho được nghe; muốn làm cho không nghe thì lập tức không nghe. Vì vậy chỉ có Chư Phật đạt được lực tự tại ở trong sự nghe được âm thanh tùy ý.

Lực tự tại vô lượng biết rõ tâm người khác, là Chư Phật Thế tôn đối với chúng sinh hiện tại trong vô lượng vô biên thế giới đều biết rõ tâm tư của họ, người khác chỉ thuận theo danh tướng mà biết, Chư Phật thì dùng

nghĩa của danh tướng mà biết. Vả lại, người khác không thể nào biết được những tâm tư của chúng sinh ở cõi vô sắc, nhưng Chư Phật thì có năng lực biết rõ. Người khác tuy có trí biết được tâm người khác, nhưng gặp thế lực lớn ngăn cản thì không thể biết được. Giả sử tất cả chúng sinh thành tựu Tha tâm thông, đều giống như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và hàng Bích-chi-Phật, dùng thần lực ngăn chặn tâm tư của một người, thì không làm sao biết được tâm của người ấy, nhưng Chư Phật có năng lực phá tan thần lực ấy mà biết được tâm tư của họ. Vả lại, Chư Phật dùng thần lực biết rõ tâm thanh tịnh-tâm cấu trược của chúng sinh bậc thượng-trung-hạ. Lại biết các tâm đều có những sở duyên, từ duyên này đến duyên này theo thứ tự, biết tất cả các duyên khắp nơi. Lại dùng thật tướng biết rõ tâm chúng sinh. Vì vậy Chư Phật dùng lực tự tại vô lượng biết rõ tâm người khác.

Thứ nhất là điều phục tâm Ba-la-mật, dễ dàng biết lúc trú-nhập-khởi của các thiền định Tam muội, giải thoát. Chư Phật hoặc lúc nhập định, hoặc lúc không nhập định, muốn giữ tâm vào trong một duyên, tùy theo ý muốn lâu mau đều có năng lực an trú như ý, từ trong duyên này lại trú vào duyên khác đều tùy ý có thể an trú. Nếu Phật an trú trong tâm bình thường, muốn làm cho người khác không biết thì không thể nào biết được. Giả sử tất cả chúng sinh, có trí biết được tâm người khác như Đại phạm vương, như Đại Thanh văn và Bích-chi-Phật, thành tựu trí tuệ biết được tâm người khác đem trí tuệ của những người này làm cho một người đạt được, người này muốn biết tâm bình thường của Phật, nếu Phật không đồng ý thì không thể nào biết được.

Như trong kinh Thất phương tiện nói: "Hành giả khéo léo biết rõ tướng định, khéo léo biết rõ tướng trú trong định, khéo léo biết rõ tướng rời khỏi định, khéo léo biết rõ tướng an ổn trong định, khéo léo biết rõ tướng hành xứ của định, khéo léo biết rõ tướng định phát sinh, khéo léo biết rõ về các pháp định thích hợp và các pháp định không thích hợp. Đó gọi là Chư Phật điều phục tâm Ba-la-mật đứng đầu.

Chư Phật thường an trú trong tuệ, Chư Phật an trú trong tuệ luôn luôn không lay động, niệm luôn luôn ở trong tâm. Tại vì sao? Bởi vì biết trước rồi sau mới thực hành, tùy ý an trú trong sở duyên mà thực hành không nghi ngờ gì, đoạn trừ tất cả phiền não, vượt qua khỏi sự xao động của tánh. Như Phật bảo với A-nan: "Phật vào đêm này được quả vị vô thượng Bồ đề, tất cả thế gian hoặc là Thiên-ma, sa môn và Bà la môn phạm hạnh, dùng tất cả đạo lý diệt khổ giáo hóa hoàn tất mà nhập Niết bàn vô dư. Ở trong thời gian ấy, Phật đối với những sự cảm thọ biết rõ về khởi-

trú-sinh-diệt, đối với các tướng-các xúc-các giác-các niệm cũng biết rõ về khởi-trú-sinh-diệt. Ác ma trong bảy năm suốt ngày đêm không nghỉ, thường đi theo Phật nhưng không tìm được khuyết điểm của Phật, không thấy niệm nào của Phật mà không ở trong niệm an ổn của tuệ. Đó gọi là Chư Phật thường an trú trong hành của trí tuệ".

Không quên mất pháp, bởi vì Chư Phật đạt được pháp bất thối, thông suốt năm tạng pháp, đạt được pháp Vô thượng. Chư Phật thường xuyên không quên mất, Chư Phật đã đạt được dưới cội Bồ đề, cho đến lúc nhập Niết bàn vô dư, hoặc là Thiên-ma, sa-môn và Bà-la-môn phạm hạnh, cùng với các Thánh nhân khác, không ai có năng lực làm cho Phật có điều gì quên mất. Như trong kinh Pháp Ấn nói: "Từ nơi đạo tràng mà đạt được thì gọi là chân thật đạt được, lại không có pháp nào hơn được". Như kinh Y mao Thụ nói: "Này Xá-lợi-phất! Nếu người nào nói lời chân thật thì có năng lực đối với pháp không quên mất, phải nói đó chính là Ta. Tại vì sao? Bởi vì chỉ một mình Ta là người không có gì quên mất". Đó gọi là Chư Phật đối với pháp không có gì quên mất.

Kim cang Tam muội, là Tam muội Kim cang của Chư Phật Thế tôn, là pháp Bất cọng, không ai có năng lực phá hoại được, đối với tất cả mọi nơi không có gì chướng ngại, đạt được Chánh biến tri cho nên phá hủy tất cả các pháp chướng ngại, xuyên suốt bình đẳng cho nên đạt được sức mạnh lợi ích của các công đức, tối thượng trong các thiền định cho nên không có năng lực nào phá hủy được. Vì vậy gọi là Kim cang Tam muội. Như vật báu Kim cang không có vật nào có thể phá hủy được, Tam muội này cũng như vậy, không có pháp nào có thể hủy hoại được, vì vậy cho nên gọi là Kim cang Tam muội.

Hỏi: Vì sao không thể hủy hoại được?

Đáp: Bởi vì tất cả mọi nơi không có gì chướng ngại, như Kim cang của Đế Thích không có nơi nào chướng ngại được, Tam muội này cũng như vậy.

Hỏi: Tam muội này vì sao nói là tất cả mọi nơi không chướng ngại được?

Đáp: Bởi vì đích thực thông suốt tất cả các pháp, Chư Phật trú

trong Tam muội này, đều có năng lực thông suốt Quá khứ-vị lai-hiện tại, thâu nhiếp năm tạng pháp vượt ra ngoài ba đời không thể diễn tả được, vì vậy gọi là tất cả mọi nơi không thể chướng ngại được. Nếu Chư Phật trú trong Tam muội này, mà các pháp vốn có nếu không thông suốt thì gọi là có chướng ngại, nhưng thật sự không phải như vậy, cho nên gọi là không có

gì chướng ngại.

Hỏi: Tại vì sao Tam muội này thông suốt tất cả các pháp?

Đáp: Bởi vì Tam muội này có năng lực khai thông tất cả các pháp làm chướng ngại, đó gọi là có năng lực khai thông chướng ngại của phiền não, chướng ngại của định, chướng ngại của trí, đây gọi là có năng lực thông suốt tất cả các pháp.

Hỏi: Tam muội này tại sao có năng lực khai thông tất cả chướng ngại, mà các Tam muội khác thì không có thể khai thông?

Đáp: Bởi vì Tam muội này dễ dàng xuyên suốt hai pháp như nhau, có năng lực phá hủy các núi phiền não làm cho không sót lại gì, đích thực thông suốt tất cả các pháp, khéo léo đạt được tâm giải thoát bất hoại, cho nên Tam muội này có năng lực khai thông tất cả chướng ngại.

Hỏi: Tam muội này vì sao xuyên suốt hai pháp như nhau?

Đáp: Bởi vì trú trong sức mạnh có được của Tam muội này, có năng lực đạt được tất cả các chúng sinh, các Tam muội khác không có sức mạnh như vậy, cho nên Tam muội này có năng lực xuyên suốt như nhau.

Hỏi: Vì sao trú trong Tam muội này có được sức mạnh, có năng lực đạt được tất cả các công đức?

Đáp: Bởi vì Tam muội này là bậc nhất trong các Định, vì vậy trú trong Tam muội này thì có năng lực đạt được các công đức.

Hỏi: Vì sao Tam muội này là bậc nhất trong các định?

Đáp: Bởi vì Tam muội này được thành tựu từ vô lượng vô biên thiện căn, cho nên là bậc nhất trong các định.

Hỏi: Tam muội này tại sao được thành tựu từ vô lượng vô biên thiện căn?

Đáp: Tam muội này chỉ riêng người Nhất thiết trí có được, người khác vốn không có được, vì vậy cho nên gọi là Kim cang Tam muội.

Phẩm 22: HỎI VẶN VỀ NGƯỜI NHẤT THIẾT TRÍ TRONG BỐN MƯƠI PHÁP BẤT CỘNG, Phần 1

Hỏi: Ông nói Kim cang Tam muội, chỉ riêng người Nhất thiết trí có được, người khác vốn không có được. Nếu Tam muội này chỉ riêng người Nhất thiết trí mới có, người khác không có được, thì Tam muội này không có. Tại vì sao? Bởi vì không có người Nhất thiết trí. Tại vì sao? Bởi vì pháp biết được là vô lượng vô biên, mà trí tuệ thì có hạn lượng-có phạm vi, dùng trí tuệ có hạn lượng-có phạm vi này, không thích hợp để biết về

sự việc vô lượng. Như bây giờ ở cõi Diêm-phù-đề này có chúng sinh dưới nước trên đất vượt quá mọi toán số, ba phẩm chúng sinh này, hoặc là năm-hoặc là nữ, hoặc phi nam phi nữ, ở trong thai-còn bé thơ-tuổi trẻ sức mạnh-tuổi già sức yếu, các pháp khổ vui, các tâm và âtm sở pháp Quá khứ-vị lai-hiện tại, cùng các nghiệp thiện-ác, đã tích tập-đang tích tập-sẽ tích tập, đã thọ báo-đang thọ báo-chưa thọ báo, vạn vật sinh diệt cho đến núi sông ao hồ cỏ cây rừng rậm, gốc thân cành lá hoa quả, tất cả mọi thứ trong cõi Diêm-phù-đề, những gì có thể biết thì không có giới hạn, ba thế giới khác cũng như vậy; như bốn thế giới này thì vạn vật trong ba ngàn Đại thiên thế giới cũng như vậy; như vạn vật trong ba ngàn đại thiên thế giới thì vạn vật có thể biết được trong tất cả các thế giới cũng như vậy. Nhưng số lượng thế gian hãy còn vô lượng vô biên khó có thể biết được, huống gì là chúng sinh-phi chúng sinh và mọi vật phân biệt theo phạm vi trong các thế gian, các cõi Diêm-phù-đề? Vì nhân duyên này nên biết rằng, những vật có thể biết được vốn là vô lượng vô biên, không có người Nhất thiết trí. Nếu cho rằng trí tuệ có năng lực to lớn, ở trong pháp đã biết không có gì chướng ngại, cho nên biết tất cả thì tất cả có thể biết. Pháp như hư không bao trùm ở trong tất cả các pháp, vì vậy nói là có người Nhất thiết trí, thì điều này không đúng. Trí tuệ có năng lực to lớn thì có thể như vậy, nhưng trí tuệ không thể nào tự biết được, như đầu ngón tay không tự chạm vào nó được. Vì vậy không có Nhất thiết trí. Nếu cho rằng lại có trí có năng lực biết được trí này, thì cũng không đúng. Tại vì sao? Bởi vì có điều vô cùng vượt qua trí ấy. Trí hoặc là tự mình biết, hoặc là biết nhờ vào nơi khác, cả hai đều không đúng. Nếu trí này có vô lượng năng lực, nhưng bởi vì không tự mình biết được, thì không thể nói là có vô lượng. Vì vậy không có trí nào có năng lực biết được tất cả các pháp không có trí biết được tất cả các pháp, thì không có người Nhất thiết trí. Tại vì sao? Bởi vì người Nhất thiết trí, là dùng trí để biết được tất cả các pháp.

Vả lại, pháp vốn biết được là vô lượng vô biên, nếu tổng hợp trăm ngàn vạn ức người trí lại, hãy còn không thể nào biết hết được, huống gì là một người? Vì vậy không có một người nào có năng lực biết được tất cả các pháp, không có người Nhất thiết trí. Nếu cho rằng không dùng cái biết bao trùm tất cả núi sông, chúng sinh-phi chúng sinh mà gọi là người Nhất thiết trí, chỉ dùng cái biết đầy đủ tất cả kinh sách mà gọi là người Nhất thiết trí, thì cũng không đúng. Tại vì sao? Bởi vì trong Phật pháp không nói về ý nghĩa của các loại kinh sách như vi đà… Nếu Phật là người Nhất thiết trí, thì phải sử dụng kinh sách Vi-đà…, nhưng thật sự thì không sử dụng, vì vậy Phật không phải là người Nhất thiết trí. Vả lại, bốn bộ kinh Vi-đà là có mức

lượng-có giới hạn, đời nay còn không có người nào có năng lực biết hết được, huống là có người biết hết tất cả kinh sách ư? Vì vậy không có người Nhất thiết trí. Vả lại, có kinh sách thì có thể tăng thêm tham dục, và các loại ca múa-âm nhạc… Nếu người Nhất thiết trí biết sự việc này thì sẽ có tham dục, kinh sách này là nhân duyên của tham dục. Nếu có nhân thì chắc chắn có quả. Nếu người Nhất thiết trí không biết sự việc này thì không gọi là người Nhất thiết trí. Vả lại, có những kinh sách có thể giúp cho con người nảy sinh sân hận-vui mừng-dối gạt, đó gọi là những loại kinh sách cao trị thế gian. Nếu biết sự việc này thì nảy sinh sân hận. Tại vì sao? Bởi vì có nhân thì chắc chắn có quả. Nếu không biết thì không gọi là người Nhất thiết trí. Vì vậy biết rằng không có người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật không nhất định phải biết tất cả mọi sự việc ở đời vị lai. Ví như bây giờ tôi hỏi vặn về người Nhất thiết trí, Phật không có kinh sách ghi nhận trước về người này có dòng họ như vậy-gia đình như vậy ở nơi chốn ấy, dùng sự việc hỏi vặn người Nhất thiết trí, nếu cho rằng Phật biết tất cả thì tại sao không nói đến việc này? Nếu nói về kinh thì trong kinh phải có đoạn không nói đến sự việc này. Vì vậy biết rằng không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, nếu Phật biết tất cả sự việc ở đời vị lai, thì phải biết trước là Điều-đạt xuất gia rồi sẽ phá hoại Tăng già. Nếu biết thì không nên cho phép xuất gia. Lại nữa, Phật không biết sự cố bắn tên xô đá, nếu Phật biết trước thì không nên kinh hành trong phạm vi đó.

Lại nữa, Phật không biết con gái Bà-la-môn là Chiên-già dùng sự dâm dục báng bổ Phật, nếu Phật biết trước thì phải nói cho các Tỳ-kheo biết là vị lai sẽ có sự việc này.

Lại nữa, có Phạm chí ganh ghét Phật cho nên ở nơi khác giết chết

con gái của phạm chí là Tôn-đà-la, đem chôn trong bờ hào tinh xá Kỳ Hoàn. Phật không biết sự việc này, nếu biết sự việc này thì nên đến chỗ các phạm chí để cứu mạng cô gái này. Thậm chí bị Điều-đạt xô đá xuống mà cũng không biết trước, thì nói gì đến sự cố của con gái Bà-la-môn hay con gái Phạm chí? Bởi vì không biết, cho nên biết rằng Phật không biết tất cả về đời vị lai. Vì vậy không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật đi vào thôn xóm Bà-la-môn khất thực mà ôm bát không đi xa, không thể nào biết trước thời gian ma quân làm thay đổi lòng dạ mọi người, thậm chí một bữa ăn cũng không có được. Nếu Phật biết điều này thì không nên đi vào thôn xóm Bà-la-môn. Vì vậy biết rằng Phật không biết tất cả sự việc của vị lai.

Lại nữa, vua A-xà-thế muốn làm hại Phật cho nên canh giữa tài sản mà thả voi say, Phật không biết mà đi vào thành vương-xá khất thực. Nếu biết trước điều này thì không nên đi vào thành. Vì vậy Phật không biết sự việc của vị lai. Vì không biết sự việc vị lai thì không phải là người Nhất thiết trí. Lại nữa, Phật không biết nhân duyên thỉnh cầu Phật của Ác Niết Đạt Đa, liền nhận sự thỉnh cầu ấy, dẫn các Tỳ-kheo đi đến nước Vi-la-xà, Bà-la-môn này quên mất sự thỉnh cầu trước đó, cho nên khiến Phật phải ăn lúa mạch của ngựa. Nếu Phật biết trước Bà-la-môn quên mất sự thỉnh cầu Phật và Tăng, thì không nên nhận lời thỉnh cầu để chịu cảnh căn lúa mạch của ngựa ba tháng trời. Vì vậy biết rằng Phật không biết sự việc của vị lai. Vì không biết sự việc vị lai cho nên không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật nhận Tu-niết-xoa-đa-la làm đệ tử, bởi vì Phật biết sự việc của vị lai. Người này tâm ác cố chấp ngang bướng khó thay đổi, không tin lời Phật dạy bảo. Nếu Phật biết điều này thì tại sao nhận làm đệ tử? Vì nhận làm đệ tử thì không biết sự việc của vị lai. Vì không biết sự việc vị lai cho nên không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, nếu Phật là người Nhất thiết trí thì cần phải ngăn ngừa và che chở cho người chưa có phạm vào lỗi lầm, nên biết giới cho họ. Bởi vì không biết trước nhân duyên kiết giới, có gây ra lỗi lầm rồi mới có thể kiết giới, là vì không biết sự việc của vị lai. Không biết sự việc vị lai cho nên không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật pháp chỉ lấy số năm xuất gia thọ giới, để phân định thứ tự lớn nhỏ mà thể hiện sự lễ lạy cung kính, chứ không vì tuổi cao-dòng họ sang trọng-những nhà công đức-trí tuệ đa văn-thiền định-quả đoạn hay thần thông tuyệt vời làm lớn. Nếu như là người Nhất thiết trí,

thì nên lấy tuổi cao, dòng họ cao quý, những người có công đức, trí tuệ đa văn, thiền định, quả-đoạn và thần thông tự tại làm lớn để cung kính cúng dường. Nếu như vậy thì gọi là khéo léo chế định. Số tuổi là số năm thọ giới. Như Đạo nhân năm tuổi lễ lạy người sáu tuổi. Dòng họ cao quý là ở thế gian có bốn đẳng cấp phân biệt chúng sinh, đó là Bà-la-môn, sát-lợi, Tỳ-xá và Thủ-đà-la. Đẳng cấp Thủ-đà-la phải cung kính đối với đẳng cấp Tỳ-xá, Sát-lợi và Bà-la-môn. Đẳng cấp Tỳ-xá phải cung kính đối với đẳng cấp Sát-lợi và Bà-la-môn. Đẳng cấp Sát-lợi phải cung kính đối với đẳng cấp Bà-la-môn. Các nhà là những người có tay nghề tinh xảo, người buôn bán, người tu tại gia, người hàng trưởng giả, người làm quan đại thần, người thân thích của vua chúa… Ở trong những nhà này, nhà có địa vị nhỏ phải cung kính đối với nhà có địa vị lớn. Như vậy người xuất gia ở trong gia đình nghèo

hèn phải cung kính đối với người xuất gia ở trong gia đình giàu sang.

Công đức thì người hủy phạm giới luật phải cung kính lễ lạy đối với người trì giới, người trì giới không nên lễ lạy người phá giới. Người không thực hành mười hai hạnh đầu đà, nên lễ lạy người thực hành mười hai hạnh đầu đà. Người không đầy đủ hạnh đầu đà, nên lễ lạy người đầy đủ hạnh đầu đà. Trí tuệ thì người không có trí tuệ nên lễ lạy cung kính người có trí tuệ. Đa văn thì người hiểu biết ít nên lễ lạy người hiểu biết nhiều. Người không học hành nhiều nên lễ lạy cung kính người học hành nhiều.

Quả thì người đạt quả Tu-đà-hoàn nên cung kính lễ lạy người đạt quả Tư-đà-hàm. Như vậy lần lượt nên lễ lạy người đạt quả A-la-hán. Tất cả phàm phu nên lễ lạy đối với đắc quả.

Đoạn thì người đoạn được phần ít kiết sử và người chưa đoạn được phần nào nên lễ lạy người đoạn được nhiều kiết sử.

Thần thông thì nếu người chưa có đủ thần thông nên lễ lạy người đầy đủ thần thông. Nếu là Phật theo thứ tự như vậy khéo léo nói về pháp cung kính cúng dường, thì đây là nói như trước đã trình bày, nhưng thật sự không phải như vậy. Vì vậy biết rằng không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật hãy còn không có thể biết được sự việc hiện tại. Nếu ông cho rằng tôi làm sao biết là Phật không biết được sự việc hiện tại, thì nay sẽ nói về điều đó.

Có chúng sinh là người giảm nhiều kiết sử, có người không còn nghiệp chướng, có người xa lìa tám nạn, có người có thể thực hành pháp sâu xa, có người có năng lực thành tựu chánh pháp, mà Phật không biết được. Phật thành đạo rồi, ban đầu muốn thuyết pháp, nảy sinh nghi ngờ như vậy: Ta đã đạt được giáo hóa rất sâu xa, mênh mông thăm thẳm, vi diệu tịch diệt, khó biết khó hiểu vô cùng chỉ có người trí mới có thể biết được bên trong, chúng sinh thế gian tham đắm mọi chuyện của cuộc đời, trong thế gian này mà đoạn trừ tất cả phiền não-diệt hết ái dục-chán ngán lìa xa là điều khó thấy bậc nhất, nếu Ta thuyết pháp mà chúng sinh không hiểu, thì chỉ tự làm vất vả cho mình mà thôi.

Nảy sinh nghi ngờ như vậy, mà thật sự chúng sinh thì có người giảm nhiều kiết sử, có người không còn nghiệp chướng, có người xa lìa tám nạn, có người có thể thực hành pháp sâu xa, có người có năng lực thành tựu chánh pháp, nhưng Phật không thể nào biết được chúng sinh như vậy. Vì vậy cho nên biết rằng Phật không biết được sự việc hiện tại.

Lại dấy lên ý niệm như vậy: Xưa Ta thực hành khổ hạnh, năm Tỳ-kheo

cúng dường, giữ gìn giúp đỡ Ta, cần phải được lợi ích trước hết, nhưng nay họ ở nơi nào? Dấy lên ý niệm này rồi, lúc ấy có Thiên thần nói cho biết: Nay đang ở trong vườn Lộc-dã thuộc thành Ba-la-nại.

Vì vậy cho nên biết rằng Phật không biết được sự hiện tại. Bởi vì không biết được sự việc hiển tại, thì không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật đắc đạo rồi nhận lời thỉnh cầu thuyết pháp mà dấy lên ý niệm như vậy: Nay Ta thuyết pháp thì ai là người nên nghe trước? Tức thì tiếp tục nghĩ rằng: Uất-đầu-lam-phất, người này lợi căn có thể dễ dàng khai ngộ.

Lúc bấy giờ người này đã mạng chung từ trước, mà Phật lại hỏi han tìm kiếm. Lúc ấy có Thiên thần nói cho biết rằng: Đã mạng chung từ hôm qua. Phật lại tư duy chuyển tâm muốn độ cho A-la-la. Thiên thần lại thưa rằng: Người này chết đã bảy ngày. Nếu Phật là người Nhất thiết trí thì trước tiên phải biết những người này đã mạng chung, nhưng thật sự thì không biết. Bởi vì không biết sự việc quá khứ, cho nên không gọi là người Nhất thiết trí. Người Nhất thiết trí theo pháp cần phải độ thì có thể độ, không đáng độ thì gác lại.

Lại nữa, Phật có lời nói hoài nghi khắp mọi nơi, như thành Ba-liên-phất, sự cố này sẽ hủy hoại vì ba nhân duyên, hoặc là nước-hoặc là lửa, hoặc là người bên trong âm mưu với người bên ngoài. Nếu Phật là người Nhất thiết trí thì không nên có lời nói trong sự nghi hoặc. Vì vậy biết rằng không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật hỏi Tỳ-kheo: Các ông tập trung lại để nói đến sự việc gì? Những câu hỏi như vậy, nếu là người Nhất thiết trí thì không cần phải hỏi những điều như vậy. Bởi vì hỏi người khác cho nên không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật tự khen mình mà chê bai người khác. Như trong kinh nói: "Đức Phật bảo A-nan: Chỉ một mình Ta là người bậc nhất, không có ai sánh bằng, không có ai ngang hàng với Ta". Phật lại bảo với các Tỳ-kheo: Những hạng Ni-kiền-tử là người xấu xa tệ hại, thành tựu năm pháp tà những hạng Ni-kiền-tử không có tín tâm, vô tàm-vô quý, ít học-lười nhác, kém suy nghĩ-trí cạn cợt. Còn nói Phạm chí. Ni-kiền-tử và đệ tử của các ngoại đạo cùng với những sự việc không thích hợp. Nếu tự khen ngợi mình mà chê bai người khác, thì người thế gian hãy còn hổ thẹn, huống gì là người Nhất thiết trí? Vì có điều này cho nên không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, kinh Phật thì trước-sau trái ngược nhau. Như trong kinh nói:

"Này các Tỳ-kheo! Ta mới đắc đạo". Lại nói: Ta được đắc đạo từ Chư Phật quá khứ. Người có trí ở thế gian hãy còn tránh xa sự trái ngược nhau đối với trước-sau, huống gì là người Nhất thiết trí xuất gia mà lại phát sinh trái ngược nhau ư? Bởi vì trước-sau trái ngược nhau, cho nên biết rằng không phải là người Nhất thiết trí. Vì vậy ông nói Kim cang Tam muội chỉ riêng người Nhất thiết trí mới đạt được thì điều này không đúng. Bởi vì không có người Nhất thiết trí, cho nên Tam muội Nhất thiết trí cũng không thành tựu.

Đáp: Ông đừng nói như vậy, Phật thật sự là người Nhất thiết trí. Tại vì sao? Bởi vì tất cả các pháp có năm tạng pháp, đó gọi là pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp ra khỏi ba đời và pháp không thể diễn tả. Chỉ có Phật đúng như thật biết rõ tất cả pháp nào. Như ông vặn hỏi trước đây là pháp biết được vô lượng vô biên cho nên không có người Nhất thiết trí, nay tôi sẽ trả lời. Nếu pháp biết được là vô lượng vô biên, thì trí cũng vô lượng vô biên, dùng trí vô lượng vô biên biết rõ pháp vô lượng vô biên thì không có gì sai lầm. Nếu cho rằng sự nhận biết này cũng phải dùng trí để nhận biết trí như người thế gian nói: Tôi là người trí, tôi là người không có trí, tôi là người trí cạn cợt, tôi là người trí sâu xa. Vì nhân duyên này mà dùng trí để nhận biết bởi vì nhận biết thì không có gì vượt qua được, không có gì cùng tận. Như dùng trí hiện tại nhận biết trí quá khứ, thì biết hết tất cả các pháp không còn gì sót lại. Lại nữa, như người đếm toàn thân của người khác là mười, thì sự nhận biết cũng như vậy. Tự biết mình cũng biết người khác thì không có gì sai lầm. Như ngọn đèn tự soi sáng mà cũng soi sáng vật khác.

Như ông đã nói tập hợp trăm ngàn vạn ức người trí, hãy còn không thể nào biết hết tất cả các pháp, huống gì là một người mà biết được, điều này không đúng. Tại vì sao? Bởi vì người có đầy đủ trí tuệ thì có năng lực nhận biết nhiều sự việc, tuy rằng rất nhiều người nhưng không có trí tuệ thì không thể nào có sự nhận biết. Như trăm ngàn người mù không có ai chịu làm người dẫn đường, một người có mắt sáng có thể đảm nhận làm người dẫn đường được. Vì vậy ông lấy một người để vặn hỏi, tuy là nhiều trí nhưng đối với Phật thì không có trí, điều này không đúng. Ông cho rằng Phật không nói các kinh sách khác như Vi-đà…, cho nên không phải là người Nhất thiết trí, nay sẽ trả lời. Trong kinh Vi-đà không có pháp tịch diệt thanh tịnh, chỉ có các loại sự việc hý luận tà vạy, Chư Phật đã thuyết kinh pháp đều là pháp tịch diệt thanh tịnh. Phật tuy biết các kinh như Vi-đà…, nhưng những loại ấy không có thể làm cho con người đạt được sự tịch diệt thanh tịnh, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Trong kinh Vi-đà cũng có nói đến giải thoát tịch diệt thanh tịnh, thế gian trước kia đều u ám, cũng không có gì cả, ban đầu có người to lớn xuất hiện như mặt trời, nếu có người trông thấy thì được khỏi nạn chết chóc. Lại có đạo khác cũng nói: Thân người nhỏ thì thần ngã nhỏ, thân người lớn thì thần ngã lớn. Thân là ngôi nhà mà thần ngã thường ở trong đó, nếu dùng trí tuệ cởi bỏ thông suốt sự trói buộc của thần ngã thì được giải thoát. Vì vậy cho nên biết rằng trong kinh Vi-đà có giải thoát tịch diệt.

Đáp: Không có sự việc này. Tại vì sao? Bởi vì trong kinh vi-đà có bốn thứ điên đảo. Thế gian vô thường mà nói là có một thế gian thường còn; như nói một lần làm đền thờ thiên thần thì đọa lạc, tiếp tục làm cũng bị đọa lạc, làm lần thứ ba thì không đọa lạc. Đó là Thường điên đảo trong vô thường. Thế gian đau khổ mà nói có nơi thường vui sướng, đó là vui sướng điên đảo trong đau khổ. Lại nói thần ngã chuyển đổi làm con, nguyện làm cho sống thọ trăm tuổi; con là thân khác so nói là Ngã? Đó là Ngã điên đảo trong vô ngã. Nói thân thanh tịnh bậc nhất không gì sánh được, vàng bạc châu báu không có gì sánh kịp với thân. Đó gọi là Tịnh điên đảo trong bất tịnh. Điên đảo thì không chân thật, không chân thật thì làm sao có tịch diệt vì vậy trong kinh vi-đà không có pháp tịch diệt thanh tịnh.

Hỏi: Trong kinh Vi-đà nói người có thể biết được Vi-đà thì được thanh tịnh an ổn, tại sao nói là không có pháp tịch diệt thanh tịnh?

Đáp: Người biết vi-đà tuy nói là an ổn nhưng không phải là giải thoát hoàn toàn, ở trong thân khác nảy sinh ý tưởng giải thoát, là nói đến nhân của cõi trời Trường thọ, mà cho là giải thoát. Vì vậy trong

vi-đà thật sự không có giải thoát. Lại nữa, trong vi-đà nói sơ lược có ba nghĩa:

1. Chú nguyện.
2. Ca ngợi.
3. Pháp tắc.

Chú nguyện có nghĩa là làm cho mình có được vợ con-trâu ngựa-vàng bạc châu báu. Ca ngợi có nghĩa là ông thờ thần lửa đầu đen-cổ đỏ-thân vàng thường ở trong năm đại của chúng sinh. Pháp tác có nghĩa là điều này nên làm, điều này không nên làm. Như bắt đầu từ sao mão tiếp nhận thờ lửa, nhưng thật sự thì chú nguyện-ca ngợi và pháp tắc không có gì là giải thoát tịch diệt cả. Tại vì sao? Bởi vì tham đắm thú vui thế gian mà thắp đèn chú nguyện chứ không có trí tuệ chân thật, không đoạn trừ phiền não thì làm sao có giải thoát?

Hỏi: Pháp Vi-đà là pháp đáng tin bậc nhất đã có từ xưa, ông nói là

không có tịch diệt thanh tịnh cho nên không đáng tin, điều này không đúng. Tại vì sao? Bởi vì Phật pháp gần đây mới xuất hiện ở thế gian, mà pháp vi-đà từ xa xưa luôn luôn tồn tại giữa thế gian, vì vậy pháp xa xưa là đáng tin mà pháp mới xuất hiện thì không đáng tin. Ông nói trong Vi-đà không có pháp tịch diệt thanh tịnh, điều này không đúng.

Đáp: Thời gian không đáng tin vô minh xuất hiện trước, chánh trí xuất hiện sau. Tà kiến xuất hiện trước, Chánh kiến xuất hiện sau. Không thể vì vô minh tà kiến xuất hiện trước mà đáng tin, còn Chánh trí-Chánh kiến xuất hiện sau thì không đáng tin. Như trước hết phải là bùn dơ, sau mới có hoa sen; trước có bệnh tật thì sau mới có thuốc chửa. Như vậy không thể vì xuất hiện trước mà cho là quan trọng, vì vậy pháp Vi-đà xuất hiện trước, Phật pháp xuất hiện sau, nói là không đáng tin điều này không đúng. Lại nữa, Chư Phật quá khứ như Phật Định Quang… đều xuất thế từ trước, pháp tắc của các Ngài xuất hiện từ xưa, pháp vi-đà sau này mới xuất hiện. Nếu ông lấy sự lâu dài trước tiên làm quý trọng, thì Chư Phật và pháp tắc này phải quý trọng hơn.

Hỏi: Pháp Vi-đà không có thể làm cho tịch diệt thanh tịnh, vì vậy trong Phật pháp không nói đến, nếu Phật biết là không thể làm cho tịch diệt thì đâu cần phải biết làm gì, nếu không biết thì không phải là người Nhất thiết trí, cả hai đều có sai lầm.

Đáp: Ông nói vậy không đúng. Phật biết trước là pháp Vi-đà không thể làm cho tịch diệt thanh tịnh, vì vậy không nói đến cũng không tu hành pháp ấy.

Hỏi: Nếu Phật biết pháp Vi-đà không có lợi ích cho nên nói là không tu tập thì đâu cần phải biết làm gì?

Đáp: Người Đại trí cần phải biết rõ ràng đây là Chánh đạo-là tà đạo, muốn làm cho vô lượng chúng sinh vượt qua con đường hiểm ác mà đi trên con đường chân chính. Ví như người dẫn đường khéo léo phân biệt đường cong-đường thẳng; thật cũng như vậy, đã tự mình thoát ra được con đường hiểm ác của sinh già bệnh chết, lại cũng muốn làm cho chúng sinh thoát ra, cho nên khéo léo biết rõ tám Thánh đạo thẳng thắn, cũng biết rõ những pháp vi-đà là đạo lý hiểm ác sai lạc. Vì xa lìa ác đạo tà vạy mà thực hành đối với Chánh đạo, cho nên chỉ biết mà không nói đến. Giống như người nông dân vì thóc lúa hoa màu mà gieo trồng, đến mùa Thu chín vàng thu hoạch cũng có được rơm và lúa. Phật cũng như vậy, vì đạo vô thượng cho nên chịu khó thực hành tinh tiến đạt được quả vị Bồ đề, cũng biết những pháp Vi-đà và các ngoại đạo, vì vậy không có gì sai lầm.

Như trước đây ông nói không có người nào có thể có đầy đủ sự nhận biết về bốn Vi-đà, vặn hỏi điều này không đúng. Người thế gian đều có khả năng nhớ nghĩ, có người một ngày có thể học thuộc năm bài kệ. Có người học thuộc một trăm bài kệ có người học thuộc hai trăm bài kệ. Nếu người nào một ngày không học thuộc mười bài kệ, thì cho rằng không có thể học thuộc trăm bài kệ hoặc hơn trăm bài kệ, điều này không phải là lời nói chân thật. Các ông không có thể biết hết, cho nên liền nói cũng không có người trí nào hết. Nếu người thấy một người không có thể vượt qua sông thì nói không có người nào có thể vượt qua sông. Người này không gọi là nói lời đúng đắn. Tại vì sao? Bởi vì tự nhiên có người nhiều sức lực khác có thể vượt qua, điều này cũng như vậy. Giả sử người khác không có thể biết hết, nhưng người Nhất thiết trí biết thì đâu có gì sai lầm? Lại nữa, Tiên nhân Tỳ-sa đều thuộc làu Vi-đà cũng phải trở thành Nhất thiết trí, nếu có người thuộc làu tất cả vi đà, thì sao nói là không có người Nhất thiết trí?

Nếu ông nói có kinh sách thì có thể phát sinh tham dục-sân giận, nay tôi sẽ trả lời. Nếu ông muốn sống lâu thì nên lìa xa nhân duyên chết chóc. Phật cũng như vậy, muốn đoạn trừ tất cả tham dục-sân giận của chúng sinh, thì cần phải nhân duyên của tham dục-sân giận. Lại nữa, như ông đã nói, có thể biết kinh sách là phát sinh tham dục-sân giận thì có người tham dục-sân giận nhiều hơn, điều này là vô lý. Phật tuy biết là không cần dùng-không thực hành nhưng không có gì sai lầm. Như người biết nhân duyên của cái chết thì không chết, nếu gây ra nhân duyên của cái chết thì phải chết, điều này cũng như vậy. Nếu ông nói không biết sự việc vị lai cho nên không gọi là người Nhất thiết trí. Nay tôi sẽ trả lời. Điều này thì vặn hỏi không đúng. Chúng ta cũng biết có vặn hỏi về người Nhất thiết trí, như trong kinh nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Phàm phu không có trí thì có ba tướng, đó là điều không nên suy nghĩ mà suy nghĩ, điều không nên nói ra mà nói ra, điều không nên làm mà cứ làm. Vì vậy đều đã nói tổng quát cho các ông. Phàm phu đời vị lai đều ở trong ba trường hợp đó, cho nên không cần phải phân biệt nói rõ về những danh tự của nó". Nếu cho rằng Phật biết có vặn hỏi mà không trả lời trước thì cũng không cần đến điều này. Nay trong bốn chúng hiện tại cũng có người khéo léo đoạn hết nghi ngờ thắc mắc, nay cũng có người có thể phá bỏ mọi câu hỏi vặn vẹo, thì đâu cần phải trả lời trước. Như ông hôm nay đang thấy trong các Tỳ-kheo có người có thể phá tan Bà-la-môn, vì vậy không cần phải trả lời trước. Vả lại lúc trước cũng có trả lời, phân tán ở trong các kinh, người không có thể biết đầy đủ về Phật pháp, cho nên không biết nằm nơi nào.

Nếu nói đến sự việc cho phép Điều-đạt xuất gia, thì nay tôi sẽ trả

lời. Nói là cho phép Điều-đạt xuất gia thì không phải là người Nhất thiết trí, nói như vậy không đúng, bởi vì Điều-đạt xuất gia không phải là Phật hóa độ.

Hỏi: Nếu người khác hóa độ thì Phật vì sao lại cho phép?

Đáp: Thiện ác đều có thời gian, không nhất định xuất gia mà ác. Sau khi Điều-đạt xuất gia có các công đức trì giới, vì vậy xuất gia không có gì sai lầm. Lại nữa, Điều-đạt ở trong mười hai năm trì giới thanh tịnh, tụng sáu vạn tạng pháp. Quả báo này trong đời vị lai không trống rỗng mà chắc chắn là có lợi ích. Ông nói Điều-đạt bắn tên xô đá, nay tôi sẽ nói. Chư Phật thành tựu pháp không sát sanh, cho nên tất cả thế gian không có ai có thể đoạt mất mạng sống của Phật.

Hỏi: nếu thành tựu pháp không sát sinh, thì tại sao đá bắn tung tóe mà đến làm tổn thương?

Đáp: Phật ở đời trước gieo nghiệp hủy hoại thân thì quả báo nhất định phải nhận lấy, chỉ rõ nghiệp báo của chúng sinh không thể rời bỏ, cho nên hiện tại nhận chịu, vì vậy tự nhiên mà đến. Ông nói sự cố của cô Chiên-già, Phật không nói trước, thì nay tôi trả lời. Bởi vì cô Chiên-già cố ý gièm pha Phật, không thể nào hủy hoại được nhân duyên của người Nhất thiết trí. Nếu Phật nói trước là cô Chiên-già sẽ đến phỉ báng Ta, thì cô Chiên-già sẽ không đến. Lại nữa, bởi vì nhân duyên nghiệp tội phỉ báng người khác ở đời trước của Phật, nay nhất định phải nhận chịu.

Ông nói vì sao Phật không ngăn chặn sự cố Tôn-đà-lợi đi vào tinh xá Kỳ-hoàn, nay tôi sẽ trả lời. Sự cố này không thể nào hủy hoại được nhân duyên của người Nhất thiết trí. Phật không có sức lực khiến cho tất cả chúng sinh đều làm người vui sướng. Vả lại, Chư Phật xa rời tất cả mọi điều tranh cãi, không tự đề cao mình, không chấp tướng trì giới, vì vậy cho nên không ngăn chặn. Lại nữa, bởi vì nghiệp đời trước của Phật đã chín muồi, nhất định phải nhận chịu phỉ báng suốt bảy ngày. Vả lại, chúng sinh thấy Phật nghe phỉ báng mà không buồn-được ca ngợi mà không vui, cho nên phát tâm đạo vô thượng, dấy lên lời nguyện như vậy: Chúng con cũng sẽ đạt được tâm thanh tịnh như vậy. Vì vậy không có gì sai lầm.

Trước đây ông nói Phật đi vào thôn xóm Bà-la-môn khất thực mà ôm bát không đi xa thì không phải là người Nhất thiết trí. Nay tôi sẽ trả lời. Phật không vì cơm ăn mà trước tiên phải quán xét tâm người, đi vào thôn xóm rồi thì ma quân làm thay đổi ý niệm của họ.

Hỏi: Sự việc này Phật nên biết trước, Ta đi vào thôn xóm thì ma quân sẽ làm thay đổi tâm người.

Đáp: Phật cũng biết trước sự việc này, nhưng vì lợi ích to lớn của chúng sinh, Chư Phật không chỉ vì tiếp nhận thức ăn của người, mà còn làm lợi ích độ thoát cho chúng sinh, có người dùng tâm thanh tịnh chào đón, lễ lạy cung kính, chiêm ngưỡng dung nhan từ hòa. Đây đều là lợi ích to lớn chứ đâu phải vì ăn uống. Dùng đủ loại phương tiện làm lợi ích cho chúng sinh, chứ không phải đi vào thôn xón một cách trống rỗng. Ông nói Phật bị voi say đón đường, nay tôi sẽ trả lời. Phật tuy biết sự việc này, nhưng bởi vì nhân duyên cho nên đi đến để voi say này chắc chắn sẽ được hóa độ. Vả lại, có thể ngăn được nghiệp tội làm hại Phật của nó. Lại nữa, con voi này thân như núi đen, mọi người thấy như núi đen, mọi người thấy nó cúi đầu lạy Phật đều khởi tâm cung kính. Vì nhân duyên này cho nên Phật cố ý đi đến chỗ nó. Lại nữa, Phật đi đến chỗ con voi này không có gì sai lầm, nếu có sự cố xấu xảy ra thì có thể vặn hỏi về Tùy-lan-nhã, là nhận chịu quả báo của nghiệp đời trước như vậy.

Ông nói nhận Tu-niết-xoa-đa-la làm đệ tử, thì nay tôi sẽ nói. Thân miệng ý và mạng sống của Phật không cần phải bảo vệ, không có gì sợ hãi cho nên đồng ý nhận làm đệ tử. Lại nữa, người này luôn luôn gần gũi Phật cho nên được thấy các loại thần lực to lớn, thấy chư Thiên-long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la…, và các vị vua đến cúng dường Phật, thưa hỏi đủ loại về pháp quan trọng rất sâu xa, tâm được thanh tịnh. Nhờ tâm

thanh tịnh cho nên cảm được nhân duyên lợi ích. Vì vậy tuy là người ác nhưng Phật đồng ý nhận làm đệ tử.

Hỏi: Người này phát sinh nhiều tâm ác đối với Phật, vì vậy không nên nhận làm đệ tử mới phải.

Đáp: Nếu không nhận làm đệ tử thì người này cũng phát sinh tâm ác, vì vậy nhận làm đệ tử nào có gì sai lầm? Ông nói trước lúc chưa gây ra tội lỗi tại sao không chế giới? Nay tôi sẽ trả lời. Trước khi Phật kiết giới, thuyết về tám Thánh đạo là Chánh kiến-Chánh tư duy-Chánh ngữ-Chánh nghiệp-Chánh mạng-Chánh tinh tiến-Chánh niệm và Chánh định, nói đây là con đường đến Niết bàn, đã nói đủ tất cả các giới trong đó.

Lại nữa, Phật thuyết về ba Học, đó là khéo học về Giới, khéo học về Tâm, khéo học về Tuệ, nên biết là đã nói đầy đủ tất cả các giới. Lại nữa, Phật bảo với các Tỳ-kheo: Tất cả điều ác nhất định không nên làm; đây không phải là kiết giới trước hay sao? Lại nữa, Phật thuyết về mười thiện đạo, là xa rời sát sinh-trộm cắp-dâm dục-nói hai lưỡi-nói thô ác-nói dối-nói thêu dệt-tham danh-sân giận và tà kiến, không phải là kiết giới trước hay sao? Trong mười hai năm trước tiên, Phật thuyết một bài kệ làm pháp Bồ

tát, đó là: Đừng làm tất cả những điều ác, hãy làm tất cả các điều thiện, tự giữ gìn tâm ý thanh tịnh, đó là lời Chư Phật dạy bảo. Vì vậy cho nên biết rằng trước tiên đã kiết giới rồi. Lại nữa, Phật thuyết về những nhân duyên ác nhỏ bé cũng cần phải rời xa. Như nói:

Xa lìa những ác hành của thân,
Xa lìa những ác hành của miệng,
Xa lìa những ác hành của ý,
Những ác hành khác đều xa lìa.

Nói như vậy thì nên biết rằng trước tiên đã kiết giới rồi. Lại nữa, trước đó Phật đã thuyết về các pháp giữ gìn. Như nói:

Giữ gìn thân là tốt lành thay,
Luôn giữ gìn miệng cũng tốt lành,
Giữ gìn ý là tốt lành thay,
Giữ gìn tất cả cũng tốt lành.
Tỳ-kheo luôn giữ gìn tất cả,
Được xa lìa mọi nỗi khổ đau.

Nói như vậy thì nên biết rằng trước tiên đã kiết giới rồi.

Lại nữa, trước đó Phật đã thuyết về tướng thiện. Như nói:

Tay chân đừng vi phạm bừa bãi,
Ít nói và cẩn thận hành vi,
Nên vui với ý giữ theo Định,
Đó gọi là thực sự Tỳ-kheo.

Nói như vậy thì nên biết rằng trước tiên đã kiết giới rồi. Lại nữa, nói về pháp của Sa-môn, nên biết rằng trước tiên đã kiết giới rồi. Sa môn có bốn pháp:

1. Đối với sân giận không trả thù.
2. Đối với mắng nhiếc không nói gì.
3. Roi gậy đánh đập có thể chấp nhận.
4. Người làm hại mà vẫn nhẫn nhịn bình thường.

Lại nữa, Phật thuyết về bốn Niệm xứ là quán thân-quán thọ-quán tâm và quán pháp, vốn là trú xứ của đạo của Niết bàn. Nên biết rằng trước tiên đã kiết giới rồi. Nếu là điều ác bé nhỏ thì hãy còn không chấp nhận, huống hồ ác nghiệp của thân miệng hay sao? Những nhân duyên như vậy, nên biết rằng trước tiên đã kiết giới rồi. Như vị vua thiết lập pháp tắc, không cho phép làm điều ác, sau đó có người vi phạm thì tùy theo sự việc nặng nhẹ mà xử, gây ra tội lỗi như vậy thì phải trừng trị như vậy. Phật cũng như vậy, trước tiên nói tổng quát về giới, sau này có người vi phạm thì nói về

tướng của tội ấy, như có người làm điều ác thì dạy cho họ cách sám hối, gây ra tội lỗi như vậy thì nên sám hối như vậy, không được xua đuôi-gạt bỏ hoặc không cư trú với nhau… Sự việc như vậy đã xảy ra, sau mới kiết giới.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 11

Phẩm 22: HỎI VẶN VỀ NGƯỜI NHẤT THIẾT TRÍ TRONG BỐN MƯƠI PHÁP BẤT CỘNG, Phần 2

Ông nói tuổi già-dòng dõi quý tộc… xuất gia thì phải làm Thượng tọa, nay tôi sẽ trả lời. Trong đạo pháp thì tuổi già hay dòng dõi quý tộc… xuất gia thì đối với đạo không ích lợi gì. Tại vì sao? Bởi vì sinh trong Phật pháp mới gọi là sinh trong gia đình tốt đẹp dòng dõi cao quý. Từ khi thọ Đại giới tính theo số năm ấy mới gọi là lớn tuổi. Ông nói người lớn tuổi phải được cúng dường, thì xuất gia thọ giới trước không phải là lớn hay sao? Vả lại, từ khi thọ giới trở về sau không còn có những dòng họ nào sai biệt; các Tỳ-kheo thọ Đại giới, gọi là sinh ở trong nhà Phật, vậy thì mất đi tên gọi-dòng họ lớn nhỏ trước đây, đều là người một nhà.

Ông nói về trì giới, xuất gia trì giới trước trải qua ngày tháng lâu dài hộ trì, nhiều năm tháng cho nên làm hàng thượng tọa, như trong kiết giới đã nói. Ông nói người trì giới không nên lễ lạy người phá giới, nay tôi sẽ trả lời. Người phá giới hãy còn không cho phép ở chung huống là lễ lạy cúng dường ư? Bởi vì họ tự nói mình là Tỳ-kheo, tùy theo lớn nhỏ để mà làm lễ với nhau, giống như lễ lạy cảnh tượng trời đất-gỗ đá, vốn nghĩ là Thiên chân mà thôi. Phật dạy người tuổi nhỏ nên lễ lạy hàng Thượng tọa, thuận theo lời Phật dạy mà thực hành thì cảm được phước.

Ông nói bởi vì hành hạnh đầu đà cho nên phải lễ lạy cung kính, nay sẽ trả lời. Nếu người hành hạnh đầu đà thì có năm loại vốn khó mà phân biệt được:

1. Ngu si không biết gì mà tham lam thọ pháp khó thực hành.
2. Căn tánh chậm chạp mà hy vọng được lợi ích.
3. Ý niệm xấu xa lừa dối mọi người.
4. Cuồng loạn.
5. Phát khởi ý niệm.

Pháp hành đầu đà được Chư Phật-Hiền Thánh cùng khen ngợi, bởi vì pháp đầu đà tùy thuận với đạo Niết bàn. Năm loại người này thực hành

theo pháp đầu đà, khó có thể phân biệt được. Tại vì sao? Bởi vì có người thích đạo cho nên nghe nhiều có người vì lợi dưỡng cho nên nghe nhiều. Nhiều loại như vậy cũng khó mà phân biệt được. Vả lại, Phật pháp quý trọng thực hành đúng như giáo pháp, chứ không coi trọng đọc nhiều-học nhiều. Lại như Phật dạy thực hành đúng một câu pháp có thể tự lợi ích cho mình mới gọi là nghe nhiều. Trí tuệ cũng như vậy, nếu không có thể thực hành như pháp đã nói thì đâu cần đến trí tuệ làm gì? Vì vậy không lấy trí tuệ mà nói là hàng Thượng tọa. Ví như quan hệ hiện tại giữa thế gian, người em tuy nghe nhiều-trí nhiều mà người anh không lễ lạy người em. Vì vậy không lấy trí tuệ làm đầu tiên để thọ nhận sự cúng dường lễ lạy. Như vậy tuy đa văn trí tuệ nhưng phải lễ lạy người thọ giới trước. Nếu cúng dường người đa văn trí tuệ trước thì làm cho tranh chấp rối loạn. Ngoài ra, người đắc quả Sa-môn, đoạn trừ kiết sử, đạt được thần thông, thật là khó biết người này đắc quả hay là không đắc quả, người này đoạn nhiều kiết sử hay là đoạn ít kiết sử, người này đạt được thần thông hay là không đạt được thần thông? Không thể nào dựa theo điều này mà làm Thượng tọa được. Nếu cùng đạt được đạo quả-đoạn trừ kiết sử-có được thần thông thì ai là Thượng tọa? Vì vậy thuận theo lời Phật dạy mà thực hành là cách tốt nhất.

Ông nói Phật sinh tâm nghi ngờ đối với pháp thuyết ra, nay sẽ trả lời. Phật đối với pháp sâu xa còn không có gì nghi ngờ, huống là trong pháp nên nói hay không nên nói mà có nghi ngờ hay sao? Phật không nói là Ta hoàn toàn không thuyết pháp, chỉ nói là tâm vui với sự vắng lặng không ham theo nhiều việc, sau đó ở trong pháp thuyết giảng không có gì sai lầm. Lại nữa, các ngoại đạo nói: Phật là bậc Đại Thánh vắng lặng, hoàn toàn không hý luận, đâu cần phải nuôi chúng mà giáo hóa làm gì? Giả sử có giáo hóa thì cũng không hết được, tựa như phân biệt đâu cần phải thuyết pháp, nuôi dưỡng đệ tử là tướng tham đắm vướng mắc. Vì vậy Phật sự tư duy: Pháp của Ta rất sâu xa, vô lượng vô biên phương tiện-trí tuệ, mà người đáng độ thì rất ít. Vì vậy tự nói rằng không bằng im lặng. Vả lại, phòng ngừa sự gièm pha bài báng của ngoại đạo, cho nên khiến Phạm thiên vương thỉnh cầu thuyết pháp. Ngay lúc ấy Phạm Thiên Vương cùng chư Thiên thưa với Phật rằng:

Chúng sinh đáng thương, trong đó có người căn tánh nhanh nhạy-kiết sử giảm nhiều dễ dàng hóa độ được. Vì vậy nhận lời thỉnh cầu của các Phạm Thiên vương, như người có được kho báu to lớn cần phải chỉ cho người khác biết. Như vậy các bậc Thánh tự có được lợi ích cũng cần phải làm lợi ích cho người.

Như ông đã nói Phật không biết A-la-ca-lan… đã mạng chung trước đó mà muốn thuyết pháp cho họ, nay sẽ trả lời. Phật không nghĩ rằng họ chết hay không chết, mà chỉ nghĩ đến những người này kiết sử giảm đi rất nhiều có thể tiếp nhận sự hóa độ nhanh chóng, thuận theo những niệm thì có trí phát sinh. Vì vậy trước tiên Phật tự nói với mình, sau đó Thiên thần thưa rõ lý lẽ, cho nên hoàn toàn thích hợp. Vả lại, trước đây Phật xuất gia, đến chỗ hai người này và đã dừng lại qua đêm, như Thiên và dân chúng có thể nghi ngờ là Phật tiếp nhận diệu pháp của họ đến nơi khác mà đắc đạo. Phật muốn đoạn hết sự nghi ngờ ấy, lập tức nói rõ ràng là người ấy già yếu như vậy, diệu pháp như thế nào thì họ chưa nghe thấy. Suy ra từ nghĩa lý như vậy, sự việc năm Tỳ-kheo lại cũng có thể biết được. Phật chỉ nghĩ đến nhân duyên đáng độ của họ, chứ không nghĩ đến họ cư trú nơi nào. Sau đó nghĩ đến trú xứ thì biết được rõ ràng. Vì vậy không cần phải phá bỏ về người Nhất thiết trí.

Ông nói là nghi ngờ về sự việc sụp đổ của thành Ba-liên-phất, nay sẽ trả lời. Nhân duyên sụp đổ của thành này không rõ ràng, nhân duyên không rõ ràng mà nói cả quyết, thì đó chính là sai lầm. Vả lại, trước đây tôi nói trong bốn mươi pháp Bất cộng, Chư Phật khéo biết rõ về Bất định, trả lời thì không thích hợp với câu hỏi vặn này.

Ông nói Phật hỏi, các Tỳ-kheo: Các ông tập trung lại để nói về điều gì? Nay sẽ trả lời. Phật sắp muốn thuyết giảng về pháp môn tu tập, cho nên hỏi như vậy: Hoặc là muốn kiết giới, cho nên hỏi để họ tự trình bày. Đủ cách thuyết pháp như vậy, cho nên hỏi mà không sai lầm gì. Thế gian cũng có lúc biết mà vẫn hỏi, như thế người ta đang ăn mà hỏi rằng: Ăn cơm ư? Như lúc trời lạnh mà hỏi rằng: Lạnh lẽo chăng? Phật cũng như vậy, biết mà vẫn hỏi thuận theo bình thường chứ không sai lầm gì.

Ông nói khen mình chê người không phải là người Nhất thiết trí, nay sẽ trả lời. Phật không tham bản thân, không tham cúng dường, không giận người khác, không tăng thượng mạn. Vì lẽ đó tự nói Ta là người bậc nhất ở thế gian. Có chúng sinh tin tưởng, các căn nhanh nhạy mạnh mẽ rời bỏ ác tri thức, lấy Ta làm thầy, thì người này luôn luôn sẽ được yên ổn. Vì vậy Phật tự khen ngợi chính mình. Lại nữa, có người cầu đạo an vui bậc nhất, mà có tâm lý lười nhác không thể nào tinh tiến, cho nên Phật nói có được lợi ích vô thượng thì không nên lười nhác, Ta là người dẫn đường bậc nhất cho thế gian khéo nói rõ chánh pháp, nên chịu khó tinh tiến thì có thể chứng được đạo quả. Những nhân duyên tự khen ngợi bản thân như vậy, không phải là tự coi trọng mình mà khinh rẻ người khác. Trách mắng người

ác là muốn làm cho họ trừ diệt những pháp ác, chứ không phải là giận ghét gì chúng sinh. Có người mong cầu lợi ích đúng như pháp, tâm họ chất trực thanh tịnh, mà hòa hợp với ác tri thức, vì muốn làm cho họ xa rời điều này, do đó phải trách mắng thức tỉnh họ. Lúc chưa thành tựu quả vị Phật, hãy còn dùng tủy não Bố thí cho người, huống gì thành Phật mà lại trách mắng sao đành?

Ông nói Phật pháp trước-sau trái ngược nhau, nay sẽ trả lời. Trong Phật pháp không có điều gì trước-sau trái ngược nhau, các ông không biết nghĩa lý của Phật pháp mà vội cho là trái ngược nhau. Đạo lý Niết bàn này, từ thời Phật Ca diếp độ đến nay, không còn người nào nói, cũng không có người đạt được. Vì vậy Phật nói Ta mới đắc đạo. Nơi khác Phật lại nói Ta đắc đạo vốn có. Đạo này là do Chư Phật quá khứ như Phật Định Quang đã chứng được, đó gọi là tám Thánh đạo có năng lực đưa đến Niết bàn. Vốn vó một đạo-một nhân duyên cho nên gọi là đạo vốn có. Vì vậy cho nên biết rằng Phật thành tựu Nhất thiết trí.

Hỏi: Đã nói về người Nhất thiết trí, thế nào gọi là Nhất thiết trí?

Vì biết tất cả cho nên gọi là Nhất thiết trí chăng?

Đáp: Nhất thiết trí là biết cái đáng biết, cái đáng biết là năm tạng pháp, được sử dụng Quá khứ-vị lai-hiện tại ra khỏi ba đời và không thể diễn tả biết năm tạng pháp này thì gọi là biết. Vì vậy biết và cái biết được gọi là tất cả (Nhất thiết).

Hỏi: Biết cái đáng biết thì gọi là tất cả, điều này không đúng. Tại vì sao? Bởi vì pháp này chỉ là một, cái đáng biết và biết cũng là cái đáng biết, như thế gian nói người này biết sắc sảo, người này biết vụng về.

Đáp: Nếu tất cả là một thì nóng lạnh trái ngược nhau đều phải là một, các sự việc trái ngược nhau như sáng-tối, khổ-vui cũng phải là một, nhưng điều này không phải như vậy, do đó không có thể nói rằng tất cả đều là một.

Hỏi: Cái chấp của ông cũng giống như lỗi này, nếu cái có thể biết là một, thì khổ vui… cũng phải là một, nhưng thật ra thì không phải là một.

Đáp: Tôi không nói tất cả những cái có thể biết là một, ông đã chấp tất cả đều là một, vì vậy không giống với lỗi của ông. Lại nữa, ông nói cùng có lỗi như nhau, tự ông có lỗi trong cái chấp của mình; nếu người tự nhận lỗi trong cái chấp của mình thì rơi vào phần thua, ông biết cái chấp của mình có lỗi, thì không nên nói thêm về lỗi của người khác. Vì vậy ông nói cùng có sai lầm, thì điều này không đúng. Vả lại, nếu cho rằng hai pháp là biết và đáng biết chỉ là một, thì nên dùng pháp đáng biết để biết các vật

như cái bình-chiếc áo…, mà thật ra thì dùng cái biết để nhận biết tất cả mọi vật. Nếu cho rằng cái bình-chiếc áo… đối với cái biết không có gì khác nhau, thì cái bình-chiếc áo… không có thể nhận biết được vật khác, tức là phải có khác nhau mà thật sự là dùng cái biết để biết tất cả mọi vật. Như vậy khắp nơi đều có lội cho nên không có thể nói tất cả đều là một. Lại nữa, biết và cái biết là hai tên gọi cho tất cả cái biết, vốn là tất cả các pháp. Gọi danh xưng của Như Lai là Nhất thiết trí, là người Nhất thiết trí nhờ Kim cang Tam muội, cho nên Kim cang Tam muội thành tựu. Trước đây ông nói Kim cang Tam muội không thành tựu thì Nhất thiết trí không thành tựu, điều này không đúng.

Phẩm 23: KHÉO BIẾT BẤT ĐỊNH TRONG BỐN MƯƠI PHÁP BẤT CỘNG

Khéo biết về pháp bất định, là các pháp chưa phát sinh, chưa xuất hiện, chưa thành tựu, chưa xác định, chưa phân biệt. Trong các pháp này trí tuệ của Như Lai có năng lực biết được. Như trong kinh Phật Phân Biệt Nghiệp nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Có người thân thực hành thiện nghiệp, miệng thực hành thiện nghiệp, ý thực hành thiện nghiệp, người này mạng chung lại rơi vào địa ngục. Có người thân làm ác nghiệp, miệng làm ác nghiệp, ý làm ác nghiệp người này mạng chung lại sinh lên cõi trời. A-nan thưa với Đức Phật: Tại sao như vậy? Đức Phật nói: Người này hoặc là nhân duyên tội phước của đời trước đã thành thục, mà nhân duyên tội phước của đời này chưa thành thục, hoặc là lúc sắp mạng chung sinh tâm chánh kiến-tà kiến hay thiện ác, tâm lúc sắp mạng chung có sức mạnh to lớn".

Còn trong kinh Thủ Ca nói: "Con của Bà-la-môn Thúc Ca thưa với Đức Phật: Thưa Đức Cù-đàm! Các Bà-la-môn bạch y tại gia, có năng lực phước đức thiện căn hơn hẳng người xuất gia, việc này thế nào? Đức Phật nói: Ta đối với điều này thì trả lời bất định, xuất gia nếu có người không tu thiện thì không bằng tại gia, tại gia có năng lực tu thiện thì hơn hẳn xuất gia."

Còn trong kinh Đại Niết bàn nói: "Thành trì Ba-liên-phất sẽ sụp đổ vì ba sự cố, hoặc lửa cháy-hoặc nước tràn, hoặc người trong âm mưu với người ngoài."

Còn vì phạm chí ba-lê-mạt, Đức Phật nói rằng: "Phạm chí Ba-lê-mạt lõa hình này, nếu không từ bỏ lời nói này, hoặc tâm này, hoặc tà kiến này mà đến trước mặt Ta thì điều ấy không hề có. Nếu cắt đứt dây da, hoặc

đoạn thân mạng, thì cuối cùng không đến được trước mặt Phật."

Còn trong kinh Phiệt Dụ nói: "Pháp rất sâu xa này của Ta, dùng phương tiện giảng giải làm cho đơn giản dễ hiểu, nếu người có tâm chất trực đúng như giáo hóa mà thực hành thì có được hai lợi ích, hoặc đời này không còn phiền não, hoặc phiền não không thể hết sạch nhưng sẽ đạt được đạo quả Bất hoàn".

Còn trong kinh Xá Ca Lê Tăng Nhất A-hàm nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Nếu người cố ý khởi nghiệp, thì không có ai không nhận chịu quả báo mà đắc đạo, quả báo hoặc là hiện tại nhận chịu hoặc đời sau nhận chịu, hoặc đời sau nữa sẽ nhận chịu."

Còn trong Kim Phù La-Tăng Nhất A Hàm nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Những người ác chết đi hoặc làm súc sinh, hoặc đọa địa ngục, người thiện sinh ra ở cõi trời hoặc là cõi người."

Còn trong kinh Vô Úy Vương Tử nói: "Vô Úy thưa với Đức Phật: Đức Phật có nói điều gì có thể làm cho người khác tức giận hay không? Đức Phật nói: Này vương tử! Điều này là bất định, Phật hoặc vì tâm thương xót, mà làm cho người khác tức giận để có thể gieo nhân duyên tốt lành, như mẹ vú dùng ngón tay móc lấy vật xấu ác trong miệng đứa bé ra, tuy làm xây xát mà không có tai họa gì."

Còn trong A Tỳ Đàm nói: "Chúng sinh có ba loại, từ chủng loại Bất định có lúc rơi vào chủng loại Tà định, có lúc rơi vào chủng loại Chánh định. Sự việc không nhất định trong bốn tạng pháp đều như vậy, kể ra ngàn vạn loại."

Hỏi: Nếu người trí tuệ bất định mà không có tâm quyết định, đối với sự việc hoặc là như vậy-hoặc không như vậy, thì không gọi là người Nhất thiết trí. Người Nhất thiết trí là người nói lời không khác nhau, nói lời quyết định, nói lời rõ ràng. Vì vậy khéo bất định, không có thể gọi là pháp Bất cộng của Phật.

Đáp: Sự việc bất định, hoặc như vậy-hoặc không như vậy, vốn là tùy thuộc vào nhiều nhân duyên, trong sự việc này không nên nói chắc chắn. Vả lại, nếu sự việc bất định mà trả lời một cách chắc chắn thì không gọi là người Nhất thiết trí. Vì vậy ở trong sự việc bất định thì chắc chắn phải dùng trí bất định, cho nên có pháp Bất cộng là trí Bất định. Lại nữa, nếu người đối với tất cả các pháp mà cho rằng quyết định biết hết, thì người này chắc chắn rơi vào trong tà luận. nếu tất cả các pháp là chắc chắn, thì tất cả mọi việc làm sẽ không cần đến công sức con người và phương tiện mà vẫn có được. Như nói:

Nếu như tốt-xấu đã quyết định,
Thì công người cần phải quyết định,
Không cần sử dụng những nhân duyên,
Mà tu tập không cần phương tiện.

Lại nữa, hiện tại thấy người không tự giữ gìn thân mình thì gặp nhiều đau khổ, nếu tự phòng hộ thân mình thì được an ổn lợi ích. Lại như trong các loại việc làm, phải chịu những nỗi vất vả mệt nhọc, sau mới có được các loại quả báo giàu có vui sướng. Hoặc lại có người trong đời này lặng lẽ cũng không làm điều gì, mà lại có được quả báo. Vì vậy có sự việc bất định này, bởi vì biết sự việc bất định này, cho nên biết là có trí bất định.

Hỏi: Ông giữ gìn hay không giữ gìn, thực hiện công việc hay không thực hiện công việc, mà cũng có sự việc bất định thành tựu, có người có thể tự phòng hộ mình mà gặp phải chịu khổ não, có người không thể tự phòng hộ mình nhưng không gặp điều gì khổ não; lại có người chịu khó tự mình vất vả cực khổ mà không được kết quả bù công sức, có người không chịu khó thực hiện công việc nhưng lại có được kết quả công lao, điều này bất định hay sao?

Đáp: Ông đã nói thì trở thành nghĩa bất định của tôi, nếu có sự việc bất định thì phải có trí bất định, tôi không nói là nếu người không tự phòng hộ mình thì đều nhận chịu khổ não, cũng không nói lìa xa công việc mà có quả báo. Có người tuy làm công việc nhưng vì tội chướng của đời trước cho nên không được nhận quả vui sướng, chứ không nói tất cả đều như vậy. Vì thế ông vặn hỏi không đúng. Đây gọi là Chư Phật ở trong sự việc bất định thì tự nhiên có đầy đủ trí bất định. Biết về cõi vô sắc, thì hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật, biết phần ít về pháp và chúng sinh vào cõi Vô sắc, Chư Phật Thế tôn đối với pháp và chúng sinh cõi Vô sắc thì đều biết đầy đủ.

Cõi Vô sắc này có bao nhiêu chúng sinh, sinh đến nơi này? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến nơi kia? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến xứ vô sắc định thứ nhất? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến xứ thứ hai? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến xứ thứ ha? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến xứ thứ tư? Bao nhiêu chúng sinh, sinh đến đây với thời gian như vậy? Bao nhiêu chúng sinh trải qua với thời gian như vậy rồi sẽ lui sụt? Bao nhiêu chúng sinh sống đến cuối cùng với thời gian như vậy? Bao nhiêu chúng sinh có thọ mạng chắc chắn đến cùng? Bao nhiêu chúng sinh có thọ mạng không chắc chắn đến cùng? Bao nhiêu chúng sinh từ cõi Dục mạng chúng sinh đến trong cõi này? Bao nhiêu chúng sinh từ cõi Sắc mạng chung sinh đến trong

cõi này? Bao nhiêu chúng sinh từ cõi Vô sắc mạng chung trở lại sinh trong cõi này? Bao nhiêu chúng sinh trong cõi người mạng chung liền sinh đến cõi này? Bao nhiêu chúng sinh trong cõi trời mạng chung liền sinh đến cõi này?

Những chúng sinh này mạng chung ở nơi này, hoặc sinh vào cõi Dục, hoặc sinh vào cõi Sắc, hoặc sinh vào cõi Vô sắc. Những chúng sinh này mạng chung trong cõi này, hoặc sinh vào loài trời, hoặc sinh vào loài người, hoặc sinh vào loài A-tu-la, hoặc sinh vào trong loài địa ngục-ngạ quỷ-súc sinh. Những chúng sinh này ở nơi ấy nhập Niết bàn. Bao nhiêu chúng sinh đều là phàm phu? Bao nhiêu chúng sinh là đệ tử Hiền Thánh-Phật? Bao nhiêu chúng sinh là đệ tử phàm phu? Bao nhiêu chúng sinh thành tựu Thanh văn thừa? Bao nhiêu chúng sinh thành tựu Bích-chi-Phật thừa? Bao nhiêu chúng sinh đều thành tựu Đại thừa? Bao nhiêu chúng sinh không thành tựu Thanh văn thừa? Bao nhiêu chúng sinh không thành tựu Bích-chi-Phật thừa? Bao nhiêu chúng sinh không thành tựu Đại thừa? Bao nhiêu chúng sinh là người hành diệt? Bao nhiêu chúng sinh là người không hành diệt? Bao nhiêu chúng sinh là hành bậc thượng? Bao nhiêu chúng sinh là đệ tử là của Đức Phật ấy?

Chư Phật còn biết định này cảm thọ ý vị, định này không cảm thọ ý vị, là thiện-là vô ký, trong định này đoạn trừ bao nhiêu kiết sử, định này là bậc thượng-trung-hạ? Nói tóm lại là các định Vô sắc, chỉ có Chư Phật dùng nhất thiết chủng trí đều có năng lực phân biệt rõ ràng về lớn-nhỏ, sâu-cạn, tâm tương ưng-tâm bất tương ưng, quả báo và không phải quả báo… Đó gọi là Chư Phật biết rõ tất cả và thông đạt về cõi Vô sắc định.

Diệt pháp là các Bích-chi-Phật, các A-la-hán quá khứ và hiện tại đã diệt độ, Chư Phật thông đạt như trong kinh nói: "Các Tỳ-kheo! Chín mươi mốt kiếp trước Hiền kiếp này, Phật Tỳ Bà Thi Xuất thế, đến kiếp ba mươi mốt có hai vị Phật xuất thế, một vị danh hiệu là Thi Khí, một vị danh hiệu là Tỳ Thức Bà. Trong Hiền kiếp này có Phật Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm Mâu Ni và Phật Ca diếp xuất thế.

Chư Phật quá khứ với tri kiến vĩ đại như vậy, thảy đều biết rõ." Trong kinh này cũng nói: "Và các đệ tử Thanh văn diệt độ nhập Niết bàn vô sư, cùng các Bích-chi-Phật, hiệu là Thành, hiệu là Hoa Tướng, hiệu là Kiến pháp, hiệu là Pháp khiếp, hiệu là Hỷ Kiến, hiệu là Vô cấu, hiệu là Vô Đắc. Các vị Bích-chi-Phật như vậy nhập Niết bàn Vô dư, Phật đều thông đạt tất cả."

Lại nữa, những người chưa diệt độ đang còn Niết bàn Hữu dư, sinh

duyên đã hết mà thông đạt việc này, cũng gọi là thông đạt biết rõ về diệt. Như kinh nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Ta đối với người này biết rõ không có chút gì mờ tối, người này cuối cùng chắc chắn đều là Nội pháp, người này mạng chung sẽ nhập Niết bàn, cũng gọi là biết rõ về diệt". Còn đối với người khác thông đạt về bốn Đế có năng lực biết rõ sự việc ấy, cũng gọi là biết về diệt. Như kinh nói: "Sao ta không phương tiện làm cho người này được lậu tận giải thoát ngay tại nơi này? "Như Đức Phật bảo với A-nan: Ông thích thiền định, thích đoạn trừ kiết sử, cũng gọi là thông đạt biết rõ về diệt. Như Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ta biết Niết bàn, biết con đường đến Niết bàn, biết chúng sinh đến Niết bàn. Các kinh đều như vậy, trong này nên nói: Đó gọi là Chư Phật thông đạt biết rõ về diệt.

Khéo biết về tâm bất tương ưng không phải là sắc pháp, giới-thiện căn-sử-thiện luật nghi-bất thiện luật nghi đều là những tâm bất tương ưng chứ không phải là sắc pháp. Thanh văn và Bích-chi-Phật không có năng lực thông đạt, Chư Phật khéo léo có năng lực thông đạt như hiện rõ trước mắt, bởi vì đối với tâm bất tương ưng trong các pháp, thành tựu được sức mạnh trí tuệ bậc nhất.

Hỏi: Giới-thiện luật nghi và bất thiện luật nghi là sắc pháp, vì sao nói không phải là sắc pháp?

Đáp: Giới-thiện luật nghi và bất thiện luật nghi có hai loại: Có tác và có vô tác. Tác là sắc, vô tác chẳng phải là sắc. Vô tác chẳng phải là sắc, cho nên Phật dùng khả năng bất cộng mà hiện rõ trước mắt có năng lực biết được, người khác dùng trí so sánh mới biết được.

Hỏi: Chư Phật chỉ khéo biết về tâm bất tương ưng không phải là sắc pháp, chứ không khéo biết về pháp tương ưng hay sao?

Đáp: Nếu thông đạt về pháp bất tương ưng, thì pháp tương ưng không có gì bàn luận nữa. Như người có năng lực bắn trúng sợi lông nhỏ bé, thì vật to hơn không bàn đến làm gì.

Lại nữa, trong bảy trăm pháp bất tương ưng, hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật dùng Thức thứ sáu có thể biết được bảy pháp:

1. Danh.
2. Tướng.
3. Nghĩa.
4. Vô thường.
5. Sinh.
6. Bất sinh.
7. Độ.

Chư Phật dùng Thức thứ sáu thì có năng lực biết rõ tất cả. Chư Phật biết tướng của bốn Đế và biết các pháp thế tục, vì vậy nói là Chư Phật khéo biết về tâm bất tương ưng và Vô sắc pháp. Thế lực của Ba-la-mật, là ở trong tất cả các pháp đã biết không còn sót gì, đạt được thế lực của Nhất thiết chủng trí và mười lực bốn vô sở úy-bốn xứ công đức hỗ trợ mà thành tựu, cũng khéo đạt được mười lực, cho nên Phật có năng lực thành tựu được thế lực của Ba-la-mật. Thế lực này được tăng thêm từ trong tâm thứ mười sáu, Nhất thiết trí thường ở trong thân Phật, cho đến Niết bàn Vô dư. Nhờ vào những điều này mà ở trong tất cả các pháp đạt được trí vô ngại. Trí vô ngại Ba-la-mật, là gồm pháp-nghĩa-từ và lạc thuyết vô ngại, đối với bốn pháp này có vô lượng thế lực mà thông đạt vô ngại.

Như trong kinh nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Bốn đệ tử của Như Lai thành tựu Niệm lực-Trí tuệ lực-Kham thọ lực bậc nhất, như người có sở trường bắn tên mà bắn lá cây thì trúng đích không khó khác gì, các đệ tử này dùng bốn Niệm xứ để vấn nạn, Ta thường không nghỉ ngơi, trừ ra khi ăn uống-vệ sinh và ngủ nghỉ, ở trong trăm năm Như Lai thường trả lời, lạc thuyết trí tuệ không có gì cùng tận".

Phật ở trong này dùng tướng thiểu dục tự luận bàn về trí tuệ, nếu tất cả Tứ thiên hạ trong ba ngàn Đại thiên thế giới chứa đầy bụi nhỏ trong ấy, tùy theo số bụi nhỏ như thế làm thành ba ngàn Đại thiên thế giới như số bụi nhỏ, trong đó chứa đầy chúng sinh đều như Xá-lợi-phất, như Bích-chi-Phật, thảy đều thành tựu lạc thuyết trí tuệ, có thọ mạng trải qua Đại kiếp như số bụi nhỏ nói trên, tất cả những người này dựa vào bốn Niệm xứ cho đến tận cùng thọ mạng để vấn vạn Như Lai, Như Lai vẫn dùng nghĩa của bốn Niệm xứ trả lời những câu hỏi của họ, nhưng ngôn từ và ý nghĩa không trùng lặp với năng lực lạc thuyết vô tận.

Pháp vô ngại, là có năng lực khéo léo phân biệt thông suốt vô ngại đối với tên gọi của các pháp.

Nghĩa vô ngại, là thông đạt vô ngại đối với nghĩa lý của các pháp.

Từ vô ngại, là tùy chủng loại chúng sinh mà dùng các ngôn từ khiến cho họ hiểu được nghĩa lý thông suốt vô ngại. Lạc thuyết vôngại, là lúc hỏi-đáp khéo léo vận dụng để thuyết pháp không có cùngtận.

Các Thánh Hiền khác không có thể suy xét tận cùng được, chỉ có Chư Phật mới có năng lực tận cùng giới hạn của các pháp. Vì vậy gọi là trí vô ngại Ba-la-mật.

Đáp đầy đủ Ba-la-mật, là trong tất cả các vấn nạn, Phật có năng lực

khéo léo trả lời đầy đủ. Tại vì sao? Bởi vì ở trong bốn loại hỏi-đáp không có gì sai sót rối loạn, vốn khéo léo biết rõ nghĩa lý, nghĩa Ba-la-mật đầy đủ không hư hoại, biết rất rõ niềm vui và ham muốn mà tánh của tất cả chúng sinh thường làm và thường thích. Như Xá-lợi-phất thưa với Đức Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Phật thuyết những thiện pháp cho mọi người, mà trong đó có nhiều chúng sinh được chứng ngộ rồi thì tâm không còn khát ái, không còn khát ái cho nên đối với thế gian không có gì thọ nhận, tâm đã không có gì thọ nhận thì nội tâm vắng lặng. Phật đối với sự việc vô thường trong các thiện pháp, biết tất cả không sót gì, lại không có ai hơn được".

Hỏi: Ông nói bốn hỏi-đáp, thế nào là bốn loại?

Đáp: Một là đáp quyết định, hai là đáp phân biệt, ba là đáp phản vấn, bốn là đáp gác lại.

Đáp bằng cách quyết định, như một Tỳ-kheo thưa hỏi Đức Phật: "Thưa Đức Thế Tôn! Có thể có sắc nào thường còn không bị biến dị hay không? thưa Đức Thế Tôn! Thọ-tưởng-hành-thức thường còn không bị biến dị chăng? Đức Phật đáp rằng: Này Tỳ-kheo! Không có sắc nào thường còn mà không bị biến dị, không có thọ-tưởng-hành-thức nào thường còn mà không bị biến dị". Như vậy đều gọi là đáp quyết định. Đáp bằng cách phân biệt, như "Phạm chí Bố-đa-lê-tử hỏi Sa-ma-đề. Có người cố ý gây ra nghiệp của thân miệng ý, thì nhận chịu quả báo như thế nào? Sa-ma-đề trả lời quyết định: Có người vì cố ý gây ra nghiệp của thân miệng ý thì nhận chịu quả báo khổ não. Câu hỏi này phải trả lời bằng cách phân biệt, sau đó Phạm chí này đến thưa hỏi Đức Phật về điều này. Đức Phật đáp rằng: Này Bố-đa-lê-tử! Nếu có người cố ý gây ra nghiệp của thân miệng ý, thì nghiệp này hoặc là nhận chịu quả báo khổ não, hoặc là cảm được quả báo vui sướng, hoặc là thọ báo không khổ không vui. Nếu gây ra nghiệp khổ thì thọ báo khổ, nghiệp vui thì thọ báo vui, nghiệp không khổ không vui thì thọ báo không khổ không vui". Như vậy trong các kinh đều đáp rằng cách phân biệt rõ ràng.

Đáp bằng cách hỏi ngược lại, như "Phạm chí Tiên Ni thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo: Ta hỏi lại ông, tùy ý ông trả lời. Này Tiên Ni! Ý ông nghĩ thế nào? Sắc là Như Lai chăng? Thọ-tưởng-hành-thức là Như Lai chăng? Đáp rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Không phải vậy. Lìa sắc, lìa thọ-tưởng-hành-thức là Như Lai chăng? Đáp rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Không phải vậy. "Các kinh như vậy thuận theo nói rộng ra, đó gọi là trả lời bằng cách hỏi ngược lại.

Đáp bằng cách lại không trả lời, chính là mười bốn loại tà kiến, họ cho rằng thế gian là thường, thế gian là vô thường, thế gian vừa vô thường, thế gian không phải thường-không phải vô thường, thế gian có giới hạn, thế gian không giới hạn, thế gian cũng có giới hạn-cũng không giới hạn, thế gian chẳng phải có giới hạn-chẳng phải không giới hạn, Như Lai có diệt hậu, Như Lai không có diệt hậu, Như Lai cũng có-cũng không có diệt hậu, Như Lai không phải là có-không phải không có diệt hậu, thân chính là thần (thần thức), thân khác-thần khác.

Tất cả chúng sinh như trên với trí tuệ lạc thuyết như Đại Bích-chi-Phật dùng bốn loại như vậy để hỏi Phật, Phật đều tùy thuận trả lời những câu hỏi của họ, không thừa không thiếu. Vì vậy cho nên nói Phật trả lời đầy đủ Ba-la-mật. Không có ai có năng lực làm hại, bởi vì Phật là bậc đạt được pháp không thể nào giết hại, không có năng lực nào đoạn được thân thể tay chân của Phật, mà Phật sống hay chết đều hoàn toàn tự tại. Như kinh nói: "Nếu người nào muốn tìm cách làm hại Phật, thì đều này không thể xảy ra."

Hỏi: Thọ mạng của Phật là hạn định hay không hạn định?

Đáp: Có người nói là không hạn định. Nếu thọ mạng của Phật có hạn định, thì đối với thọ mạng hạn định của người khác có gì sai biệt đâu? Nhưng thật ra thì thọ mạng của Phật là không hạn định, không có năng lực nào làm hại được, mới là hiếm có. Có người nói: Thọ mạng của Phật có hạn định. Thọ mạng của người khác tuy có hạn định, nhưng mà tay chân tai mũi có thể cắt đứt, Phật thì không có điều này xảy ra.

Hỏi: Vì sao không thể làm hại Phật, là do pháp bất cộng chăng?

Đáp: Chư Phật là không thể nghĩ bàn được, mượn thí dụ có thể biết. Giả sử tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới đều có thế lực, nếu như có một loại ma có thế lực như thế, trở lại làm cho mỗi một chúng sinh khắp mười phương có sức mạnh như ác ma, muốn cùng nhau làm hại Phật, hãy còn không thể nào lay động được một sợi lông của Phật, huống là có người nào làm hại được Phật ư?

Hỏi: Nếu như vậy thì Điều-đạt vì sao có thể làm Phật bị thương?

Đáp: Điều này trước đã trả lời. Phật muốn chỉ rõ về tướng ba độc của chúng sinh, Điều-đạt tuy trì giới tu thiện nhưng tham đắm lợi dưỡng mà gây ra điều tệ hại vô cùng. Lại khiến cho biết rằng tâm Phật đối với các hàng trời người không có gì khác, còn vì lòng yêu thương xót xa nhìn Điều-đạt và La-hầu-la như mắt trái-mắt phải của mình. Phật luôn luôn nói đến tâm bình đẳng, lúc này hiện rõ ra tính bình đẳng ấy, trời-người thấy như

vậy đều sinh tâm hiếm có càng thêm tin tưởng vui thích. Vả lại, trời Trường Thọ trông thấy đời trước Phật có gây ác nghiệp, nếu đời này không nhận chịu thì cho rằng làm đều ác không có báo ứng. Phật phải đoạn trừ tà kiến ấy cho nên thị hiện nhận chịu báo ứng này. Lại nữa, tâm Phật đối với khổ-vui không có gì khác, tâm không còn phân biệt mình và người, mà hoàn toàn rỗng lặng, các căn điều hòa thuận thục không thể thay đổi sai khác, không cần phải thực hành phương tiện để rời xa khổ-cảm nhận vui. Như trong Bồ tát Tạng nói: "Phật dùng phương tiện cho nên thị hiện nhận chịu điều này, cần phải biết rộng về điều này". Đó gọi là pháp bất cộng không thể giết hại được của Phật.

Thuyết pháp không trống rỗng. Tại vì sao? Bởi vì lúc Chư Phật chưa thuyết pháp, trước tiên quán xét tâm của chúng sinh đầu đuôi ở nơi nào, kiết sử dày hay mỏng, biết đời trước đã làm công đức, thấy căn tánh của họ có thế lực nhiều hay ít; biết nơi chốn-thời gian làm chướng ngại cho họ, nên dùng pháp mềm mỏng có thể hóa độ hay sự việc khổ đau để có thể hóa độ? Hoặc là nên dùng sự việc khổ đau mềm mỏng mà hóa độ, hoặc cần phải gợi mở đôi chút mà hóa độ hoặc phân biệt rộng ra để hóa độ. Có người dùng Ấm-Nhập-Giới và mười hai nhân duyên mà được độ. Có người dùng phần Tín, hoặc dùng phần Tuệ mà được tiến vào đạo. Người này là thuận theo Phật mà độ. Người này thuận theo Thanh văn mà độ. Người này nên dùng những duyên khác mà được độ. Người này nên thành tựu Thanh văn thừa. Người này thích hợp thành tựu Bích-chi-Phật thừa. Người này thích hợp thành tựu Đại thừa. Người này quen thói tham dục, quen thói sân giận, quen thói ngu si đã lâu. Người này quen thói tham dục-sân giận. Người này quen thói tham dục-ngu si. Tất cả các loại như vậy đều phân biệt rõ ràng.

Người này rơi vào Đoạn kiến. Người này rơi vào Thường kiến.

Người này huân tập nhiều thân kiến.

Người này huân tập nhiều biên kiến. Người này huân tập nhiều giới thủ kiến. Người này huân tập nhiều kiêu mạn. Người này huân tập nhiều tự ti mặc cảm-nịnh hót quanh co. người này tâm nhiều nghi ngờ hối tiếc. Người này ưa thích ngôn ngữ văn từ. Có người coi trọng nghĩa lý, có người thích nghĩa lý sâu xa, có người thích sự việc đơn giản. Người này đời trước tích tập các pháp trợ đạo. Người này đời này tích tập các pháp trợ đạo. Người này chỉ tích tập thiện căn phước báo. Người này chỉ tích tập thiện căn xuyên suốt. Người này sẽ nhanh chóng đắc đạo. Người này qua thời gian lâu dài mới đắc đạo.

Phật quán sát suy nghĩ trước mà thuận theo căn cơ để họ được độ, vì họ thuyết pháp để độ thoát cho họ. Vì vậy tất cả các pháp thuyết ra thảy đều lợi ích chứ không phải là trống rỗng. Như kinh nói: "Thế Tôn thấy biết trước mọi căn cơ thuyết pháp, chứ không phải là thuyết pháp mà không thấy biết rõ ràng."

Không sai lầm không thiếu sót, là Chư Phật thuyết pháp không có điều gì sai lầm thiếu sót. Không sai lầm là lời nói và nghĩa lý không trái ngược nhau, không thiếu sót là nghĩa lý không thiếu sót. Không mất đi nhân duyên của đạo, cho nên gọi là không thiếu sót, không sai lầm với nhân duyên của đạo quả, cho nên gọi là không sai lầm. Không thiếu cho nên gọi là không mất. Không thừa cho nên gọi là không sai lầm. Nhờ thông suốt bốn trí vô ngại, ý niệm thường điều hòa trong tuệ an ổn, cho nên lìa xa những kiến chấp về đoạn-thường-không có nhân-nhân tà vạy…, trong pháp đã thuyết ra không làm cho người ta có sự mê hoặc phiền muộn, lời đã nói thì trước sau không có gì trái ngược lầm lỗi, tùy theo nghĩa của kinh này mà giải thích rộng ý nghĩa trong kinh. Như kinh nói: "Này các Tỳ-kheo! Ta thuyết pháp cho các ông, đầu là thiện-giữa là thiện và sau cũng là thiện, lời nói thiện-nghĩa lý thiện, thuần nhất không có gì lẫn tạp, mà nói đầy đủ về phạm hạnh."

Dùng sự việc hy hữu mà thuyết pháp, là tùy theo sự giáo hóa liền đạt được đạo quả, đó gọi là hy hữu. Nếu có sự đối đáp, hoặc có sự thọ ký đều thật sự không khác, thì cũng là hy hữu. Phật có đã lý đã thuyết ra, đạo lý này không xen tạp phiền não mà có năng đoạn trừ phiền não, đó cũng là hy hữu. Phật có những giáo thuyết đều có lợi ích chứ hoàn toàn không phải là lời nói vô ích, đó cũng là hy hữu. Nếu như người ở trong Phật pháp dụng tâm chịu khó tinh tiến, có thể đoạn trừ pháp bất thiện, tăng thêm pháp thiện, đó cũng là hy hữu. Lại nữa, có ba loại hy hữu, là hiện bày thần thông hy hữu, nói trước tâm người khác hy hữu, giáo hóa hy hữu. Thuyết pháp bằng ba loại hy hữu này, gọi là dùng sự việc hy hữu mà thuyết pháp.

Bậc Đạo sư cao nhất trong các bậc Thánh, là Chư Phật biết rõ những việc làm-những ưa thích trong tâm của tất cả chúng sinh, kiết sử nông sâu-dày mỏng, các căn sắc bén-chậm chạp, trí tuệ bậc thượng-trung-hạ, bởi vì khéo léo biết rõ và thông suốt tất cả, cho nên Phật là bậc Đạo Sư cao nhất trong các bậc Thánh. Lại có năng lực khéo léo biết rõ tướng của bốn Đế khéo léo biết rõ tướng chung và tướng riêng của các pháp. Lại dùng nhân duyên thuyết pháp không trống rỗng, không sai lầm và không thiếu sót, cho nên Phật là bậc Đạo sư cao nhất trong các bậc Thánh.

Hỏi: Bốn chúng cũng có người có năng lực thuyết pháp phá tan ngoại đạo khiến cho tiếp và Phật pháp, vì sao chỉ tôn xưng Phật là bậc Đạo sư cao nhất?

Đáp: Nên dùng thí dụ để nói. Nếu thế lực trí tuệ của tất cả chúng sinh đều giống như Bích-chi-Phật, những chúng sinh này nếu không thuận theo ý Phật, mà muốn hóa độ một người, thì điều này không hề xảy ra, nếu lúc những người thuyết pháp, thậm chí không có năng lực đoạn trừ phần nhỏ kiết sử của cõi vô sắc. Nếu Phật muốn độ chúng sinh mà có những lời nói ra, cho đến ngoại đạo tà kiến và các loài rồng-Dạ xoa…, cùng những loài khác không hiểu lời Phật nói, thì đều làm cho hiểu được. Những loài này cũng có thể chuyển hóa được vô lượng chúng sinh, thậm chí hôm nay chúng Thanh văn khiến cho chúng sinh an trú trong bốn quả Sa môn, đều là tướng Đạo Sư cao nhất của Như Lai. Vì vậy cho nên Phật được tôn xưng là bậc Đạo Sư cao nhất, là pháp bất cộng ở trong các bậc Thánh. Bốn pháp không cần phải giữ gìn, là Chư Phật không cần giữ gìn nghiệp của thân, không cần giữ gìn nghiệp của miệng, không cần giữ gìn nghiệp của ý, không cần giữ gìn mọi thứ cung cấp cho đời sống. Tại vì sao? Bởi vì bốn điều này không cần giữ gìn đối với người khác, không dấy khởi ý niệm như vậy: Thân miệng ý và mạng sống của mình sợ rằng người khác biết rõ. Tại vì sao? Bởi vì trải qua thời gian lâu dài tu tập các loại nghiệp thanh tịnh, đều khéo léo thấy biết các pháp đoạn trừ tất cả mọi phiền não, thành tựu tất cả các thiện căn không gì sánh được, khéo léo thực hành những pháp đáng thực hành không có gì đáng chê trách, đầy đủ hạnh xả Ba-la-mật. Xả là mắt thấy sắc mà xả bỏ tâm lý buồn vui, cho đến ý-pháp cũng như vậy. Các kinh như Bà Ha Đề Tước Đa La…, trong ấy đã nói rõ về bốn pháp vô sở úy.

Hỏi: Một pháp gọi là Vô sở úy, tại vì sao lại có bốn pháp?

Đáp: Ở trong bốn sự việc không có gì nghi ngờ sợ hãi, cho nên có bốn pháp.

1. Như Phật bảo với các Tỳ-kheo: Ta tự mình nói lời chân thành, là người Nhất thiết trí, trong này nếu có sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên-ma-Phạm và người trí thế gian, như pháp chất vấn nói rằng Như Lai không biết pháp này. Ta ở trong này thậm chí không thấy có tướng nghi ngờ sợ hãi gì. Bởi vì không thấy tướng này, cho nên được an ổn không sợ hại gì. Đây là pháp Vô úy thứ nhất, vốn đúng như thật biết hết tất cả các pháp.

2. Tự nói lời chân thành rằng: Ta không còn tất cả các lậu hoặc phiền não. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên-Ma-Phạm, nói lậu hoặc phiền não của Như Lai không hết. Ta ở trong này thậm chí không thấy có tướng nghi ngờ sợ hãi gì. Bởi vì không thấy tướng này cho nên được an

ổn không sợ hãi gì. Đây là pháp Vô úy thứ hai, vốn khéo léo đoạn trừ các phiền não và đoạn trừ tập khí của phiền não.

3. Ta nói về pháp chướng đạo, trong này nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên-Ma-Phạm cùng với người trí thế gian, như pháp chất vấn rằng: Pháp này tuy sử dụng nhưng không có thể chướng ngại cho đạo. Ta ở trong này không thấy có tướng nghi ngờ sợ hãi gì. Bởi vì không thấy tướng này, cho nên được an ổn không có nghi ngờ sợ hãi gì. Đây là pháp vô úy thứ ba, vốn khéo léo biết rõ pháp chướng ngại cho đạo giải thoát.

4. Đạo lý Ta đã nói, thực hành đúng như pháp đã nói, thì đến được nơi không còn đau khổ. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên-Ma-Phạm cùng với người trí thế gian, như pháp chất vấn rằng: Như pháp này tuy thực hành đúng như thuyết nhưng không có thể đến được nơi không còn đau khổ. Ta ở trong này không có tướng nghi ngờ sợ hãi gì. Bởi vì không thấy tướng này, cho nên được an ổn không có gì nghi ngờ sợ hãi. Đây là pháp Vô úy thứ tư, vốn khéo léo biết rõ đạo lý đến nơi không còn đau khổ.

Bốn pháp Vô úy này đều vượt qua các tướng của tâm sợ hãi, kinh hoàng sởn gai ốc…, cho nên gọi là Vô úy. Lại bởi vì uy đức thù thắng so với Đại chúng, cho nên gọi là Vô úy. Lại bởi vì khéo léo biết rõ tất cả các điều hỏi-đáp, cho nên gọi là Vô úy. Chư Thiên tụ hội, trong kinh này cũng giải thích rộng ra.

Hỏi: Nếu Phật là người Nhất thiết trí, thì phải đối với tất cả các pháp đều là Vô úy, tại sao chỉ nói bốn pháp Vô úy?

Đáp: Sơ lược nêu ra những điều quan trọng nhất để khai thông đầu mối của sự việc, còn lại mọi pháp khác cũng như vậy.

Mười lực của Phật, lực có nghĩa là giúp đỡ, có khí thế không thể

cùng tận được, không có gì có năng lực ngăn trở phá hoại được. Tuy rằng có người tên gọi nhưng thật thì cùng chung một trí, duyên theo mười sự việc cho nên gọi là mười lực. Phật trí duyên vào tất cả mọi sự việc, thuận theo có vô lượng lực, bởi vì mười lực này đủ để hóa độ chúng sinh, cho nên nói chung về mười lực, chỉ khai mở về mười lực này, còn lại đều có thể biết.

Lực thứ nhất: Nhân và chẳng phải nhân của tất cả các pháp, trí không thông suốt một cách quyết định gọi là lực thứ nhất. Như Phật nói: "Nếu người điên này không bỏ lời nói này, không bỏ tà kiến, không bỏ tâm này mà đến ở trước mặt Phật, thì điều này không có". Như Phật bảo với A-

nan: "Thế gian có hai vị Phật cùng lúc xuất thế, điều này không hề xảy ra. Một vị Phật xuất thế, thì điều này là có. Điều này là nói đến thế giới của một vị Phật, nhưng thật thì trong các thế giới vô lượng vô biên khắp mười phương, có trăm ngàn vạn ức vô số Chư Phật cùng lúc xuất thế". Lại trong kinh nói: "Ác nghiệp của thân miệng ý mà có quả báo vi diệu tốt đẹp, thì điều này là vô lý. Nếu thiện nghiệp của thân miệng ý mà cảm được quả báo vi diệu tốt lành, thì điều này là có". Những điều như vậy thì các kinh trong năm Tạng cũng đã nói nhiều.

Lực thứ hai: Đối với các nghiệp và các pháp thọ nhận trong Quá khứ-vị lai-hiện tại, Phật phân biệt đúng như thật mà biết rõ nơi chốn, biết rõ sự việc, biết rõ quả báo. Nếu Phật muốn biết những nghiệp quá khứ-nghiệp báo quá khứ của tất cả chúng sinh, thì có thể biết rõ trong khoảnh khắc. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở hiện tại. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở vị lai. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở quá khứ. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở quá khứ và vị lai. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở quá khứ và hiện tại. Hoặc là nghiệp quá khứ mà báo ở vị lai-hiện tại. Hoặc là quá khứ mà báo ở quá khứ-vị lai và hiện tại. Hoặc là nghiệp hiện tại có báo ở hiện tại. Hoặc là nghiệp hiện tại có báo ở vị lai. Hoặc là nghiệp hiện tại có báo ở hiện tại và vị lai. Hoặc là nghiệp vị lai có báo ở vị lai. Có những sự phân biệt về pháp thọ nhận như vậy, gồm bốn pháp thọ nhận: Hiện tại thọ nhận vui sướng, đời sau nhận chịu đau khổ, hiện tại nhận chịu đau khổ, đời sau thọ nhận vui sướng; hiện tại thọ nhận vui sướng, đời sau cũng thọ nhận vui sướng; hiện tại nhận chịu đau khổ, đời sau cũng nhận chịu đau khổ.

Xứ là tùy theo nơi chốn-phương hướng-thời gian của nghiệp, cũng biết nơi nhận chịu báo ứng của nghiệp này. Sự là có lúc thuận theo nhân duyên, có lúc thuận theo ba căn bất thiện, hoặc phần nhiều tự mình gây ra, hoặc phần nhiều do người khác gây ra. Nhân duyên các nghiệp thiện

ác như vậy Phật đều biết rõ. Báo là biết tất cả các nghiệp đều có báo ứng của mỗi loại, nghiệp thiện hoặc là sanh vào xứ thiện hoặc đạt được Niết bàn, nghiệp ác thì sinh vào những xứ ác. Phật biết rõ nhân duyên gốc ngọn của các nghiệp này, biết rõ về bản thân mình và người khác, trong trí lực này không lui sụt cho nên gọi là lực.

Lực thứ ba: Phật biết đúng như thật về thiền định, giải thoát, Tam muội, tướng cấu nhiễm-thanh tịnh. Thiền là bốn thiền. Định là bốn định Vô sắc, bốn tâm Vô lượng… đều gọi là định. Giải thoát là tám giải thoát. Tam muội là ngoại trừ các thiền giải thoát, còn lại các định đều gọi là Tam muội.

Có người nói: Ba giải thoát môn và định có giác có quán, định không có giác-chỉ có quán, định không có giác-không có quán, gọi là Tam muội. Có người nói: Định là nhỏ, Tam muội là lớn. Vì vậy hết thảy Chư Phật và Bồ tát đã đạt được định, đều gọi là Tam muội. Bốn phạm vi này đều thâu nhiếp trong tất cả các thiền Ba-la-mật. Cấu nhiễm có nghĩa là cảm thọ ý vị, thanh tịnh có nghĩa là không cảm thọ ý vị. Lại nữa, cấu nhiễm gọi là định hữu lậu, thanh tịnh gọi là định vô lậu.

Tam muội và giải thoát đều phân biệt rõ ràng, thiền phân biệt như vậy biết rõ các căn thượng-hạ của người khác-chúng sinh khác, biết đúng như thật gọi là lực thứ tư.

Chúng sinh khác tức là phàm phu, người khác tức là các bậc Hiền Thánh như quả Tu-đà-hoàn… Hoặc có người nói: Chúng sinh có nghĩa là phàm phu, và những người học nhưng chưa hết phiền não; người khác là bậc không còn phiền não như quả A-la-hán… Hoặc có người nói: Chúng sinh và người cùng một tên gọi là nhưng có sai biệt về đẳng cấp.

Các căn là Tín-Tinh tiến-Niệm-Định-Tuệ chứ không phải là các căn như nhãn-nhĩ… Thượng có nghĩa là mạnh mẽ sắc bén có năng lực đắc đạo, hạ có nghĩa là tối tăm vụng về không có năng lực tiếp nhận đạo pháp. Phật đối với hai căn thượng-hạ này biết đúng như thậtkhông sai lầm. Tâm của chúng sinh khác-người khác đều có những vui thích, Phật đều biết đúng như thật, đó là lực thứ năm.

Những vui thích có nghĩa là coi trọng sự việc đã hướng đến, như có người coi trọng tài sản tiền bạc và niềm vui thế gian, hoặc có người quý trọng phước đức-thiện pháp, những điều này Phật biết đúng như thật. Các loại tánh-vô lượng tánh của thế gian, Phật đều biết đúng như thật, đó là lực thứ sáu.

Các loại tánh là rất nhiều tánh xen lẫn với nhau. Vô lượng tánh là đối với mỗi một tánh phát sinh vô lượng loại phân biệt sai khác. Tánh

ấy từ đời trước đến nay có tâm thường quen sử dụng, thường có niềm vui thực hành tu tập cho nên trở thành tánh. Hai tánh thiện -ác này, Phật biết đúng như thật, cho đến tất cả xứ sở của đạo thì Phật đều biết đúng như thật, đó là lực thứ bảy.

Đến tất cả xứ sở của đạo, là có năng lực đạt được tất cả các công đức, đạo này gọi là đến tất cả xứ sở của đạo, nghĩa là năm phần Tam muội, hoặc là năm trí Tam muội, hoặc chính là tám phần Thánh đạo, hoặc là Thánh đạo thâu nhiếp các pháp, hoặc là bốn như ý túc. Như kinh nói: "Tỳ-kheo có năng lực tu tập bốn Như ý túc thì không có lợi ích nào mà không đạt được".

Có người nói chính là bốn thiền. Như kinh nói: "Tỳ-kheo đạt được bốn thiền, tâm an trú một nơi thanh tịnh, trừ bỏ những phiền não, diệt hết mọi chướng ngại, điều hòa có thể sử dụng không còn động chuyển nữa, nếu quay lại hướng đến biết sự việc trong đời kiếp trước thì có năng lực biết được sự việc trong đời kiếp trược". Đó là lực thứ tám.

Nếu Phật muốn nhớ đến vô lượng vô biên đời kiếp trước của mình và tất cả chúng sinh, thì tất cả mọi việc đều biết rõ ràng, không có việc gì không biết dù trải qua hằng hà sa đời kiếp. Người này sinh nơi nào, họ tên-sang hèn, ăn uống-sinh hoạt, khổ sở-vui sướng, sự nghiệp đã làm, quả báo thọ, tâm hành như thế nào, vốn từ đâu đến đây…? Những sự việc như vậy, dùng Thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người thế gian, thấy chúng sinh trong sáu đường tùy theo nghiệp mà thọ thân, đó là lực thứ chín.

Đại lực Thanh văn dùng Thiên nhãn thấy được Tiểu thiên quốc độ, cũng thấy được chúng sinh trong đó qua những lúc sinh-lúc tử. Bích-chi-Phật ít năng lực thấy được một ngàn Tiểu thiên quốc độ, thấy được chúng sinh trong đó qua những lúc sinh-lúc tử. Bích-chi-Phật có năng lực trung bình thấy được trăm vạn Tiểu thiên quốc độ, thấy được chúng sinh trong đó qua những lúc sinh-lúc tử. Bích-chi-Phật có năng lực to lớn thấy được ba ngàn Đại thiên quốc độ, thấy được những nơi chốn sinh tử của chúng sinh trong đó hướng đến. Chư Phật Thế tôn trông thấy vô lượng vô biên thế gian không thể nghĩ bàn được, cũng thấy rõ lúc sinh-lúc tử của nhân duyên trong những thế gian này, đó là lực thứ mười.

Dục lậu-hữu lậu-vô minh lậu, tất cả các lậu không còn, các phiền não và tập khí cũng hết sạch, đó gọi là lực thứ mười.

Vô ngại giải thoát, giải thoát có ba loại:

1. Giải thoát đối với chướng ngại do phiền não.
2. Giải thoát đối với chướng ngại do Định.
3. Giải thoát đối với chướng ngại do tất cả các pháp.

Từ trong này đạt được Tuệ giải thoát của A-la-hán, đạt được giải thoát lìa xa chướng ngại của phiền não; cùng với giải thoát của A-la-hán và Bích-chi-Phật, đạt được giải thoát lìa xa chướng ngại của phiền não, đạt được giải thoát lìa xa chướng ngại của các thiền định. Chỉ có Chư Phật đầy đủ ba loại giải thoát, đó gọi là giải thoát chướng ngại của phiền não, giải thoát chướng ngại của các thiền định, giải thoát chướng ngại của tất cả các pháp. Nói tổng quát là ba loại giải thoát này, Phật gọi là vô ngại giải thoát, thường thuận theo tâm cùng sinh ra, cho đến Niết bàn vô dư thì dừng lại. Bốn mươi pháp Bất cộng này, sơ lược khai mở pháp môn của Phật khiến

cho chúng sinh được giải thoát, vì vậy mà nói ra. Những pháp không nói thì vô lượng vô biên. Đó là:

1. Thường không rời xa tuệ.
2. Biết thời cơ không sai.
3. Diệt trừ tất cả tập khí.
4. Đạt được Định Ba-la-mật.
5. Tất cả công đức đều thù thắng.
6. Thuận theo thích hợp mà thực hành Ba-la-mật.
7. Không ai có thể thấy đỉnh đầu.
8. Không có ai sánh bằng.
9. Không có ai có năng lực hơn được.
10. Cao nhất giữa thế gian.
11. Không từ người khác nghe mà đắc đạo.
12. Không ai chuyển được pháp.
13. Tự nói là Phật thì rốt cuộc không thể nào đến được trước Phật.
14. Người không lui sụt đối với pháp.
15. Người đạt được Đại Bi.
16. Người đạt được Đại Từ.
17. Người đáng tin nhận bậc nhất.
18. Người có danh tiếng và lợi dưỡng bậc nhất.

Cùng y chỉ với Phật nhưng các Sư không có ai sánh bằng Phật.

19. Các sư không có ai có được chúng đệ tử như Phật.
20. Đoan chánh bậc nhất, người thấy đều hoan hỷ.
21. Phật là người mà không ai có thể làm hại.
22. Phật muốn độ người nào thì không có ai làm tổn thương họ được.
23. Lúc mới sinh ra, tâm có năng lực đoạn trừ kiết sử do tư duy.
24. Chúng sinh đáng độ thì cuối cùng không bỏ lỡ thời cơ.
25. Trí thứ mười sáu chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.
26. Ruộng phước bậc nhất của thế gian.
27. Phát ra vô lượng ánh sáng.
28. Việc làm không giống như người khác.
29. Có nhiều tướng phước đức.
30. Vô lượng vô biên thiện căn.
31. Lúc nhập thai.
32. Lúc đản sinh.

33. Lúc chứng được quả vị Phật.

34. Lúc chuyển pháp luân.

35. Lúc xả mạng căn trường thọ.

36. Lúc nhập Niết bàn, luôn luôn làm chấn động ba ngàn Đại thiên thế giới.

37. Làm lay chuyển vô lượng vô biên cung điện của các ma khiến chúng không còn uy đức mà làm cho đều kinh sợ.

38. Các Thiên vương bảo vệ thế gian, Thích-đề-hoàn-nhân, Thiên vương Dạ-ma, Thiên vương Đâu-suất-đà, Thiên vương Hóa-lạc, Thiên vương Tự tại, Thiên vương cõi Phạm, chư Thiên cõi Tịnh cư… cùng lúc đến tập trung thỉnh Phật chuyển pháp luân.

39. Thân Phật kiên cố như thân Na-la-diên.

40. Chưa có kiết giới mà bắt đầu kiết giới.

41. Những việc làm có thế lực hơn người.

42. Bồ tát nhập thai thì mẹ không có tâm nhiễm trước đối với tất cả những người nam.

43. Có năng lực cứu độ tất cả chúng sinh.

Pháp bất cộng của Phật có vô lượng vô biên vô số những sự việc như vậy, bởi vì rất nhiều sự việc cho nên không thể nào nói rộng ra hết được. Pháp của Thanh văn tuy tựa như pháp của Phật, nhưng hơn-kém không giống nhau cho nên có sai biệt.

Vả lại, nói tổng quát tất cả các pháp của Chư Phật là vô lượng vô biên, hy hữu bậc nhất không thể nghĩ bàn được, tất cả chúng sinh vốn không thể nào có được. Giả sử ba ngàn Đại thiên thế giới khắp mười phương vượt quá số lượng tính đếm, tất cả chúng sinh trong đó đều có trí tuệ như Đại Phạm Thiên Vương, đều giống như Đại Bích-chi-Phật, đều giống như Xá-lợi-phất, tập hợp những trí tuệ này vào cho một người, mong muốn đạt được một phần nhỏ trong bốn mươi pháp bất cộng của Phật, thì điều này không thể có được. Hoặc không bằng một phần ở trong trăm ngàn vạn ức phần của một pháp. Chư Phật có sức mạnh công đức vô lượng vô biên như vậy, tại vì sao? Bởi vì từ vô số Đại kiếp an trú trong xứ sở của bốn công đức, thực hành sâu vào sáu pháp Ba-la-mật, có năng lực thuần thục đầy đủ tất cả các pháp của Bồ tát thực hành, không chung với tất cả chúng sinh, cho nên quả báo cũng không chung.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 12

Phẩm 24: KỆ KHEN PHẬT

Như vậy đã giải thích về bốn mươi pháp Bất cộng xong. Nên lấy tướng của bốn mươi pháp bất cộng này để nghĩ đến Phật, và nên dùng các kệ tán để ca ngợi Phật, giống như hiện tại đang đối diện cùng chuyện trò với Phật. Như vậy thì thành tựu Tam muội Niệm Phật, như kệ nói:

Bậc Thánh chúa vô cùng tinh tiến
Bốn mươi pháp chỉ một mình có,
Nay con hướng về trước Đức Phật,
Đem tâm cung kính để ca ngợi.
Phi hành tự tại và như ý,
Thần lực của Ngài thật vô biên,
Ở trong Thánh như ý tự tại,
Không có ai sánh được với Ngài.
Tự tại trong âm thanh nghe thấy,
Trí biết tâm người thật vô lượng,
Luôn luôn khéo léo điều phục tâm,
Thuận theo ý muốn mà thích hợp.
Tâm niệm của Ngài như biển rộng,
Sâu thẳm trong suốt luôn an ổn,
Thế gian không có một pháp nào,
Có thể làm nhiễu loạn được Ngài.
Được tất cả Chư Phật khen ngợi,
Pháp Tam muội Kim cang quý báu,
Cảm được ở ngay trong lòng mình,
Như Hiền Thánh giữ tâm ngay thẳng,
Khéo léo biết về pháp bất tịnh,
Mọi điều trong bốn định vô sắc,
Vi tế thật khó mà phân biệt,
Ngài biết rõ không sót điều gì.
Tất cả chúng sinh đã diệt đi,

Hoặc đang diệt và sẽ diệt đi,
Chỉ có một mình Đức Thế Tôn,
Trí tuệ có năng lực biết rõ.
Khéo léo biết tâm bất tương ưng,
Không phải sự việc trong sắc pháp,
Tất cả mọi người trên thế gian,
Đều không có năng lực biết rõ.
Uy lực Thế Tôn thật vĩ đại,
Công đức không thể suy lường nổi,
Trí tuệ không có gì giới hạn,
Cũng không có người nào sánh bằng.
Ở trong bốn cách hỏi và đáp,
Tuyệt vời không có ai bì kịp,
Chúng sinh có những điều chất vấn,
Tất cả đều trả lời dễ dàng.
Nếu như ở trong các thế gian,
Có người nào muốn làm hại Phật,
Việc này cũng không xảy ra được,
Bởi vì thành tựu pháp bất sát.
Hoặc là ở trong ba thời gian,
Tất cả các pháp Ngài thuyết ra,
Lời nói chắc chắn không hư dối,
Luôn luôn có quả báo to lớn.
Tất cả các pháp thuyết ra,
Đều là những pháp thật hiếm có,
Nghĩa lý hãy còn không sai lạc,
Huống gì là đối với ngôn từ?
Đối với Thánh đệ tử ba thừa,
Thượng-trung-hạ căn cơ sai khác,
Cùng những hành Tứ quả-Tứ hướng,
Ngài là Đại Đạo Sư bậc nhất.
Nghiệp thân miệng ý và mạng căn,
Suy cho cùng luôn luôn thanh tịnh,
Vì vậy ở trong những điều này,
Không có gì cần phải phòng hộ.
Tự nói là người Nhất thiết trí,
Tâm không có điều gì nghi ngại,
Nếu như người đến chất vấn Ta,

Sợ rằng có những điều không biết,
Tự nói tướng phiền não không còn,
Đến hết giới hạn không phiền não,
Tâm không có điều gì nghi ngại,
Dù phiền não có còn không hết.
Tự nói về những pháp chướng ngại,
Trong đó không có gì ngờ vực,
Tuy có sử dụng những pháp này,
Nhưng không thể nào bị chướng ngại.
Tám Thánh đạo Ngài thuyết ra,
Tâm không có điều gì nghi ngại,
Có người nói tám Thánh đạo này,
Không có năng lực đến giải thoát.
Ngài biết như thật đây là nhân,
Đây là quả cùng với chẳng phải,
Cho nên hiệu là Nhất thiết trí,
Danh tiếng lưu truyền khắp mọi nơi.
Tất cả các Nghiệp trong ba đời,
Những nghiệp nào vốn có định báo,
Và không có quả báo nhất định,
Các loại Ngài đều biết rõ ràng.
Những sự việc nông-sâu-thô-tế, T
rong tất cả các thiền Tam muội,
Ngài đều có năng lực biết rõ,
Trong thiền không có ai sánh kịp.
Trước biết rõ căn cơ chúng sinh,
Thượng-trung-hạ ba hạng sai khác,
Các loại ưa thích và tính tình,
Tùy theo thích hợp thuyết pháp.
Hành đạo đạt được những lợi ích,
Đều dùng để dẫn dắt mọi người,
Vì vậy tất cả các đệ tử,
Như thật cảm được lợi ích này.
Biết vô lượng mạng sống đời trước,
Thiên nhãn nhìn thấu suốt vô biên,
Tất cả mọi điều trong trời-người,
Không ai có thể biết giới hạn.
An trú trong Kim cang Tam muội,

Diệt trừ phiền não và tập khí,
Lại biết người không còn phiền não,
Cho nên gọi là lực lậu tận.
Chướng ngại do phiền não-các thiền,
Chướng ngại do tất cả các pháp,
Cả ba chướng ngại được giải thoát,
Tôn xưng là Vô ngại giải thoát.
Tất cả bốn mươi pháp bất cộng,
Công đức không thể suy lường được,
Không ai có thể nói rộng ra,
Con đã nói sơ lược tất cả.
Nếu Thế Tôn trải qua một kiếp,
Ca ngợi giải thích pháp của Phật,
Hãy còn không thể nào hết được,
Huống gì con không có trí này?
Bóng mây Đại Từ của Thế Tôn,
Quy tụ vô lượng những thiện nghiệp,
Vốn là xứ sở bốn công đức,
Đạt được vô lượng pháp của Phật.
Điều Thế Tôn ca ngợi giải thích,
Xứ sở bốn công đức tốt đẹp,
Nay con trở lại dùng điều này,
Ca ngợi đối với Đức Như Lai.
Đầy đủ ba mươi hai tướng tốt,
Mỗi tướng có đầy đủ phước đức,
Tám mươi vẻ đẹp thật tuyệt vời,
Ba cõi ai có thể có được?
Hết thảy phước thiện của chúng sinh,
Khắp ba ngàn Đại thiên thế giới,
Quả báo gấp trăm lần như vậy,
Tướng Phật có phước đức hơn hẳn,
Tất cả những phước đức như vậy,
Cùng với quả báo vốn có ấy,
Lại dùng gấp trăm lần hơn hẳn,
Làm thành một tướng tốt Bạch hào.
Mỗi một tướng trong ba mươi tướng,
Đầy đủ phước đức và quả báo,
Lại lấy gấp ngàn lần hơn hẳn,

Làm thành một tướng tốt Nhục
kế. Tất cả công đức của Thế Tôn,
Không thể nào lường tính hết được,
Như người dùng thước tấc hạn lượng,
Tính toán không hết được bầu trời.
Từ lúc mới phát tâm vĩ đại,
Vì hạnh nguyện cứu độ chúng sinh,
Tâm kiên cố qua vô lượng kiếp,
Vì vậy cho nên thành Phật đạo.
Tinh tiến cần mẫn mong thành tựu,
Đầy đủ những Đại nguyện như vậy,
Trải qua trong vô lượng kiếp số,
Thực hành những công hạnh khó hành.
Như Chư Phật quá khứ xa xưa,
Thuyết về xứ sở bốn công đức,
Qua vô lượng kiếp mới thành tựu,
Nay được an trú trong pháp ấy.
Vốn là vì giữ gìn Thật đế,
Xả thân và quyến thuộc yêu thương,
Những niềm vui giàu sang hoa lệ,
Cho nên được đầy đủ tất cả.
Trải qua trong vô lượng kiếp số,
Những pháp đã thấy nghe hiểu biết,
Trước hết đều cố gắng tư duy,
Sau đó mới giải thích cho người,
Nếu đối với những người không thấy,
Và ở trong đó có nghi ngờ,
Vẫn có thể như thật giải thích,
Làm cho lợi ích không kể xiết.
Không nói điều người ta giấu kín,
Không bài báng-chống đối ngang ngược,
Niệm luôn luôn an trú trong tuệ,
Tùy thuận cảm hóa khiến an ổn.
Diệu đế chân thật luôn đứng đầu,
Niết bàn thực sự là bậc nhất,
Các pháp còn lại đều hư vọng,
Thế Tôn có đầy đủ công đức.
Đồ ăn thức uống và chăn màn,

Nhà cửa lầu đài thật tuyệt vời,
Voi ngựa xe cộ đều tốt đẹp,
Những cung nữ đoan chánh trang nghiêm,
Vàng bạc cùng các loại châu báu,
Những thành ấp làng mạc thôn xóm,
Đất nước và địa vị vinh quang,
Cùng tất cả bốn châu thiên hạ;
Con thơ vợ hiền thật thân thương,
Tay chân và đầu mắt thân thể,
Cắt thịt lấy máu cùng xương tủy,
Cho đến toàn thân đều Bố thí.
Thương xót tất cả mọi chúng sinh,
Bố thí hết thảy không tiếc gì,
Vì cầu mong thoát khổ sinh tử,
Không vì cầu mình được vui sướng.
Muôn màn tinh tú giữa hư không,
Cát sỏi vốn có trên mặt đất,
Lúc Thế Tôn hành hạnh Bồ tát,
Bố thí vượt quá số lượng này.
Cuối cùng không dùng pháp sai trái,
Cầu mong tài sản mà Bố thí,
Bố thí không có gì không biết,
Bố thí không tổn hại đến nhưng.
Không ham tiếc đồ vật tốt đẹp,
Mà dùng vật xấu để cho người,
Bố thí không có tâm dua nịnh,
Không tiếc rẻ mà gượng Bố thí.
Tâm không giận dữ-không nghi ngờ,
Không tà vạy-không hề cười chê
Không chán nản-không hề bất tín,
Đầu mặt tay chân đều Bố thí.
Bố thí không có tâm phân biệt,
Đây nên cho-kia không đáng cho,
Chỉ dùng tâm thương xót bao la,
Bình đẳng mà hành hạnh Bố thí.
Không khinh rẻ đối với chúng sinh,
Cho rằng không phải là ruộng phước,
Gặp bậc Thánh đem lòng cung kính,

Thượng xót cho những người phá giới.
Không tự cao đối với chính mình,
Không hạ mình đối với người khác,
Cũng không vì được người khen ngợi,
Không cầu quả báo mà Bố thí.
Bố thí với tâm không hối tiếc,
Không ưu sầu-không ý xấu xa,
Tâm không đối đãi-vội-ân hận,
Không phép tắc cũng nên Bố thí.
Không Bố thí với tâm bất kính,
Bố thí không bỏ vật xuống đất,
Bố thí không buồn lòng người xin,
Bố thí không tranh theo hơn thua.
Không bỡn cợt đối với người xin,
Bố thí tự tay mình đưa đến,
Không xem thường đối với ít vật,
Vì Bố thí nhiều mà tự cao.
Bố thí không vì Thanh văn thừa,
Cũng không vì Bích-chi-Phật thừa,
Bố thí không giới hạn một đời,
Bố thí không có lúc đúng sai.
Thế Tôn trải qua vô số kiếp,
Thực hành những hạnh thí hiếm có,
Đều vì đạo Bồ đề vô thượng,
Không mong cầu niềm vui cho mình.
Ở trong các pháp của Chư Phật,
Xuất gia thực hành hạnh xa lìa,
Tu tập các pháp của Chư Phật,
Thuyết giảng cho tất cả trời-người.
Thuyết giảng về pháp thí như vậy,
Cao nhất trong các hạnh Bố thí,
Giống như ánh sáng của mặt trời,
Rực rỡ nhất giữa ánh trăng-sao.
Hành Bố thí thù thắng như vậy,
Vượt lên trên tất cả trời-người,
Cũng giống như Thế Tôn vĩ đại,
Cao nhất trong tất cả thế gian.
Vì vậy có năng lực đầy đủ,

Hành Bố thí thù thắng như vậy,
Danh tiếng trải qua vô lượng kiếp,
Lưu truyền khắp nơi không cùng tận.
Thế Tôn trải qua vô lượng kiếp,
Bảo vệ giữ gìn giới thanh tịnh,
Mở thông các cửa ngõ thiền định,
Để đến được xứ sở lặng yên.
Trước xa lìa đối với năm tướng,
Sau mới thực hành tám giải thoát,
Tiến vào ba Tam muội thanh tịnh,
Cũng an trú ba giải thoát môn.
Thế Tôn có năng lực phân biệt,
Sáu mươi lăm loại thiền rõ ràng,
Không có một loại thiền định nào,
Từ trước đến nay không phát sinh.
Ở trong tất cả các Định này,
Cũng không cảm thọ ý vị ấy,
Thế Tôn nhờ vào các thiền định,
Đạt đến được ba loại thần thông.
Dùng thần thông này độ chúng sinh,
Vì vậy cho nên hơn tất cả,
Thế Tôn trải qua vô lượng kiếp,
Tâm bình đẳng-từ bi cảm hóa,
Vô lượng vô số các chúng sinh,
Khiến an trú trong cõi Phạm Thế,
Luôn luôn dùng phương tiện khéo léo,
Cho nên dễ dàng nói thiền định.
Lúc Thế Tôn hành hạnh Bồ tát,
Thường ở trong vô lượng đời kiếp,
Không bị phiền não-tham ràng buộc,
Mà thường xuyên qua lại thế gian.
Trong quá khứ người được gặp Phật,
Sanh lên cõi trời nhiều vô số,
Các vị Bồ tát trong quá khứ,
Đều có thể thực hành tịch diệt.
Lúc Thế Tôn hành hạnh Bồ tát,
Cũng như nhau không có gì khác,
Vì vậy ở trong hành tịch diệt,

Nơi chốn tốt đẹp đều đầy đủ.
Lúc Thế Tôn hành hạnh Bồ tát,
Vốn có tất cả những trí tuệ,
Dùng trí tuệ cầu đạo Bồ đề,
Nay thành quả báo trí tuệ này.
Tất cả những vật dụng ăn uống,
Như người nhờ vào đất sinh sống,
Thế Tôn trải qua nhiều đời kiếp,
Rời bỏ mười ác đạo tối tăm,
Luôn luôn thực hành mười thiện đạo,
Nhờ vào sức lực trí tuệ này,
Rời bỏ năm dục và năm Cái,
Đạt được tất cả các thiền định.
Trải qua vô lượng vô số kiếp,
Không từ người khác mà tiếp nhận,
Tuyệt vời thay! Bậc Đại Thánh Tôn!
Tất cả là thế lực trí tuệ.
Chúng sinh nhờ vào Đức Thế Tôn,
Vô số sinh đến sáu cõi trời,
Cũng khiến cho đến cõi Phạm Thế,
Đều nhờ vào sức trí tuệ này.
Thế Tôn ở trong chốn sinh tử,
Mê muội buồn phiền do khổ vui,
Tâm Bồ đề không bao giờ mất,
Đều là sức lực trí tuệ này.
Thế Tôn ở trong chốn sinh tử,
Không vui thích mà luôn tồn tại,
Không giữ lấy niềm vui Niết bàn,
Đều là sức lực trí tuệ này.
Lúc an tọa giữa chốn đạo tràng,
Làm cho mọi ma quân khuất phục,
Độ thoát cho tất cả chúng sinh,
Đều là sức lực trí tuệ này.
Lúc ban đầu cầu đạo Bồ đề,
Tích tập vô lượng pháp trợ đạo,
Người nghe tướng mê mờ mệt mỏi,
Huống hồ có thể nhận thực hành?
Thế Tôn có năng lực kham nhẫn,

Đều là sức lực trí tuệ này.
Kinh sách và tất cả kỹ thuật,
Đời đời sinh ra tự mình biết,
Cũng có thể dạy cho người khác,
Đều là sức lực trí tuệ này.
Gần gũi với vô lượng Chư Phật,
Thấm nhuần những giáo pháp cam lộ,
Thưa hỏi-thỉnh cầu được nhiều loại,
Cũng thuận theo phân biệt rõ ràng.
Trong trí tuệ đối với kinh pháp,
Không hề có tiếc nuối điều gì,
Thậm chí với tôi tớ-trẻ nhỏ,
Cũng hỏi han tiếp nhận lời hay,
Thế Tôn nhờ nhân duyên như vậy,
Trí tuệ siêu việt khắp mọi nơi.
Thế Tôn ở trong đời kiếp trước,
Lúc cầu Bồ đề Vô thượng đạo,
Đối với tất cả mọi chúng sinh,
Thực hành tâm Từ Bi vĩ đại.
Dùng trí tuệ tuyệt vời bậc nhất,
Thường phát ra thế lực vô cùng,
Thực hiện vô lượng những sự việc,
Khó làm-hiếm có ở thế gian.
Ở trong tất cả các thế gian,
Cùng nhau trải qua vô lượng kiếp,
Giải thích không thể nào hết được,
Cũng không phải toán số sánh kịp.
Tất cả những sự việc như vậy,
Vượt lên trên đối với trời-người,
Ở trong tất cả các thế gian,
Kỳ diệu không có gì sánh được.
Do nghiệp vĩ đại mà được quả,
Đầy đủ trọn vẹn Nhất thiết trí,
Vị vua luôn phá tan sinh tử,
An trú trong xứ sở pháp vương.

Phẩm 25: TAM-MUỘI HỖ TRỢ NIỆM PHẬT

Bốn mươi pháp bất cộng của Phật,

Bồ tát nên dùng những pháp này,
Nghĩ đến pháp thân của Chư Phật,
Vì Phật không phải là Sắc thân.

Kệ này theo thứ tự giải thích tóm tắt về nghĩa trong sáu phẩm của bốn mươi pháp bất cộng. Vì vậy hành giả trước tiên nghĩ đến sắc thân của Phật, sau đó nghĩ đến pháp thân của Phật. Tại vì sao? Bởi vì Bồ tát mới phát tâm, nên dùng ba mươi tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp để nghĩ đến Phật, như trước đã nói. Dần dần đi vào đạt được thế lực bậc trung, nên dùng pháp thân để nghĩ đến Phật, tâm chuyển sang đi sâu vào đạt được thế lực bậc thượng, nên dùng Thật tướng để nghĩ đến Phật mà không tham đắm gì cả.

Không nhiễm trước đối với Sắc thân,
Cũng không nhiễm trước vào pháp thân,
Khéo biết rõ tất cả các pháp,
Luôn luôn vắng lặng như hư không.

Bồ tát này đạt được thế lực bậc thượng, không dùng sắc thân-Pháp thân mà tham đắm đối với Phật. Tại vì sao? Bởi vì tin và vui với Pháp không, biết các pháp giống như hư không, hư không thì không có gì chướng ngại. Nhân duyên chướng ngại là các núi Tu-di do mười núi báu như núi Càn-đà…, cùng các núi Thiết-vi, núi Đen, núi Đá… vây quanh. Nhân duyên chướng ngại vô lượng như vậy, tại vì sao? Bởi vì người này chưa đạt được Thiên nhãn, nghĩ đến Phật ở thế giới phương khác, thì có các núi chướng ngại tầm nhìn. Vì vậy Bồ tát mới phát tâm, nên dùng mười hiệu và tướng tốt để nghĩ đến Phật. Như nói:

Những vị Bồ tát mới phát tâm,
Dùng mười hiệu và tướng vi diệu,
Nghĩ đến Phật không sai lạc gì,
Giống như hình ảnh ở trong gương.

Mười hiệu và tướng tốt là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Không sai lạc gì, là sự việc quán sát rỗng rang giống như hư không, đối với pháp không có gì sai lạc. Tại vì sao? Bởi vì các pháp từ xưa đến nay luôn vắng lặng không có gì sinh khởi như vậy thì tất cả

các pháp cũng đều như vậy. Người này duyên theo danh hiệu mà tăng thêm pháp thiền thì có thể duyên vào tướng, lúc bấy giờ người này ngay nơi pháp thiền mà đạt được tướng. Đó gọi là thân cảm được sự thư thái thanh

thản rất kỳ lạ. Nên biết là thành tựu được Tam muội Bát chu. Tam muội thành tựu cho nên được thấy Chư Phật.

Giống như hình ảnh ở trong gương, là nếu Bồ tát thành tựu Tam muội này rồi, như gương sáng trong suốt tự trông thấy hình ảnh của mình, như nhìn thấy thân tướng của mình giữa làn nước trong veo. Lúc ban đầu tùy theo trước hết nghĩ đến Phật mà thấy sắc tượng của Phật, thấy sắc tượng này rồi, sau đó nếu muốn Chư Phật phương khác thì tùy theo sự nghĩ nhớ còn được thấy Chư Phật mà không có gì chướng ngại. Vì vậy người này:

Cho dù chưa có được thần thông,
Bay đi tùy ý đến mọi nơi,
Nhưng có thể thấy được Chư Phật,
Nghe pháp không có gì chướng ngại.

Bồ tát mới phát tâm này đối với các núi Tu-di cùng tất cả các núi khác, không có gì có thể làm cho chướng ngại, cũng chưa đạt được thần thông-thiên-nhã và thiên nhĩ, chưa có năng lực bay đi từ trước này đến nước khác, nhưng nhờ vào sức mạnh của Tam muội này, thì ở quốc độ này được thấy Chư Phật Thế tôn ở phương khác, nghe Chư Phật thuyết pháp và thường tu tập Tam muội này, cho nên được thấy Chư Phật chân thật khắp mười phương.

Hỏi: Đại Định như vậy nhờ vào pháp nào có thể phát sinh, làm sao có thể đạt được? Đáp:

Gần gũi các bậc thiện tri thức
Tinh tiến không lười nhác rút lui,
Trí tuệ thật vững vàng kiên định,
Sức mạnh niềm tin không lay chuyển.

Dùng bốn pháp này có thể phát sinh Tam muội này.

Gần gũi các bậc thiện tri thức, là người có năng lực dùng Tam muội này dạy bảo cho người khác, đó gọi là bậc thiện tri thức. Tâm thuận theo càng cung kính và thường xuyên gần gũi, không có tâm lý lười nhác bỏ dở hoặc xa rời, thì được nghe nghĩa lý sâu xa của Tam muội này, có được trí nhanh nhạy, trí thông suốt và trí không sai lạc, gọi là gốc rễ của niềm tin sâu dày vững chắc. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Thiên-Ma-Phạm và những người thế gian, cũng không có năng lực lay chuyển được, đó là sức mạnh niềm tin không thể lay chuyển. Bốn pháp như vậy, có thể phát sinh Tam muội. Lại nữa:

Hổ thẹn-yêu mến và cung kính,
Cúng dường đối với người thuyết pháp,

Giống như đối với các Thế tôn,
Có thể phát sinh Tam muội này.

Hổ thẹn-yêu mến và cung kính, là đối với người thuyết pháp phát sinh tâm hổ thẹn sâu sắc, yêu mến và cung kính cúng dường như đối với Phật. Bốn pháp như vậy có thể phát sinh Tam muội này. Lại nữa, bốn pháp đầu tiên là:

1. Suốt trong ba tháng không hề ngủ nghỉ, chỉ trừ ra lúc vệ sinh-ăn uống-đi lại đứng ngồi.

2. Suốt trong ba tháng thậm chí trong khoảnh khắc cũng không sinh khởi tâm chấp Ngã.

3. Suốt trong ba tháng thường kinh hành không nghỉ.

4. Suốt trong ba tháng đều thực hành pháp thí mà không cầu lợi dưỡng.

Lại có bốn pháp:

1. Luôn luôn được thấy Phật.

2. An ủi và khuyến khích người khác nghe Tam muội này.

3. Thường không tham ganh với người thực hành tâm Bồ đề.

4. Có năng lực tích tập đạo pháp thực hành của Bồ tát. Lại có bốn pháp:

1. Làm ra những hình tượng Đức Phật cho đến vẽ các hình tượng Chư Phật.

2. Nên cố gắng viết chép kinh điển Tam muội này, khiến cho người tin thích được dùng để đọc tụng.

3. Khuyên dạy người tăng thượng mạn khiến xa rời pháp tăng thượng mạn, để đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

4. Nên hộ trì chánh pháp của Chư Phật. Lại có bốn pháp:

1. Im lặng ít nói.

2. Tại gia và xuất gia không cùng ở với nhau.

3. Thường buộc tâm giữ lấy tướng của sở duyên.

4. Thích ở nơi vắng lặng trống trải, xa lìa mọi phiền tạp. Năm pháp đầu tiên là:

1. Vô sinh pháp nhẫn, chán ngán lìa xa tất cả các pháp hữu vi, không thích tất cả mọi nơi mà mình sinh ra, không tiếp nhận tất cả các pháp của ngoại đạo, chán ghét những dục lạc của tất cả các thế gian thậm chí không nghĩ đến, huống gì là tự mình gần gũi.

2. Tâm thường xuyên tu tập vô lượng các pháp Định, ở một nơi yên lặng, đối với các chúng sinh không có gì sân giận-ngăn ngại, tâm thường tùy thuận thực hành bốn nhiếp pháp.

3. Có năng lực thành tựu Từ Bi Hỷ Xả, không nói lỗi của người khác.

4. Có năng lực tích tập nhiều pháp do Phật thuyết ra, thực hành đúng như pháp đã nói.

5. Làm cho nghiệp thân-miệng-ý và cách nhìn được thanh tịnh.

Lại có năm pháp:

1. Vui vẻ như kinh đã khen ngợi về hạnh Bố thí, tâm không còn keo kiệt. Vui vẻ nói về pháp sâu xa, không có gì tiếc rẻ, cũng có năng lực tự mình an trú.

2. Nhẫn nhục nhu hòa hoan hỷ cùng người an trú, những sự mắng nhiếc dữ dằn-đòn roi-trói buộc…, chỉ suy ra từ nghiệp duyên chứ không oán giận người khác.

3. Thường thích nghe Tam muội này, đọc tụng thông suốt lưu loát, giải thích cho người khiến lưu truyền khắp nơi, chịu khó thực hành tu tập nhiều hơn.

4. Tâm không có gì ganh ghét, không đề cao chính mình-không hạ thấp người khác, trừ diệt sự chướng ngại do ngủ nghỉ.

5. Tín tâm thanh tịnh đối với Phật-Pháp-Tăng bảo, tâm hết sức cung kính cúng dường đối với các bậc thượng-trung-hạ tọa, người khác có ân dù nhỏ nhưng thường nhớ không quên, thường sống trong lời nói chân thật. Lại nữa:

Đối với các Bồ tát xuất gia,
Đã học pháp tu Tam muội này,
Hàng Bồ tát tại gia cũng vậy,
Pháp này thuận theo nên biết rõ.

Nếu Bồ tát tại gia muốn tu tập Tam muội này, thì:

1. Nên dùng tín tâm sâu sắc.
2. Không mong cầu quả báo của nghiệp.
3. Nên buông xả tất cả các vật trong ngoài.
4. Suốt đời quy y Tam bảo.
5. Giữ gìn năm giới thanh tịnh không có thiếu sót gì.
6. Thực hành đầy đủ mười thiện đạo, cũng làm cho người khác trú trong pháp này.
7. Đoạn trừ tâm dục.
8. Chỉ trích năm dục.
9. Không ganh tị.
10. Ở giữa vợ con không sinh tâm ái trước.
11. Tâm luôn luôn nguyện được xuất gia.

12. Thường xuyên thọ trì trai giới.
13. Tâm vui với đời sống nơi chùa miếu.
14. Đầy đủ tàm quý.
15. Khởi tâm cung kính đối với Tỳ-kheo giới hạnh thanh tịnh.
16. Không keo kiệt đối với pháp.
17. Tâm rất kính mến đối với người thuyết pháp.
18. Đối với người thuyết pháp phát sinh ý tưởng như cha mẹ, như bậc Đại sư.
19. Đối với người thuyết pháp đem tâm cung kính cúng dường những đồ vật ưa thích.
20. Biết ơn và mong đền ơn.

Như vậy Bồ tát tại gia, trú trong những công đức như vậy, thì có thể học Tam muội này. Bồ tát xuất gia tu tập pháp Tam muội này, đó là:

1. Đối với giới không khuyết điểm gì.
2. Trì giới không lẫn tạp.
3. Trì giới không hỗn loạn.
4. Giữ giới thanh tịnh.
5. Không làm tổn hại giới.
6. Không thủ giới.
7. Không chấp giới
8. Không đắc giới.
9. Không bỏ giới.
10. Trì giới mà bậc Thánh khen.
11. Trì giới mà người trí khen.
12. Theo giới Ba-la-đề-mộc-xoa.
13. Hành xử đầy đủ oai nghi.
14. Thậm chí lỗi lầm nhỏ bé nhưng tâm cũng rất sợ hãi.
15. Nghiệp thân-miệng-ý trong sạch.
16. Sống trong sạch.
17. Giới vốn có đều thọ trì.
18. Tin và vui với pháp rất xa.
19. Tâm có năng lực nhẫn nại đối với pháp không có gì đạt được, tâm không kinh sợ trong pháp không-Vô tướng-vô nguyện.
20. Thường xuyên khởi tinh tiến.
21. Niệm thường ở trước mặt.
22. Lòng tin kiên cố.
23. Đầy đủ hổ thẹn.
24. Không ham lợi dưỡng.

25. Không ganh tị.
26. Trú trong công đức đầu đà.
27. Trú trong pháp hành vi tế.
28. Không thích nói lời dung tục của thế gian.
29. Xa rời tụ tập bàn tán.
30. Biết đền đáp ân tình.
31. Biết người làm ơn và người báo đáp ân tình.

Sinh tâm cung kính, tránh làm khó đối với Hòa Thượng A-xà-lê.

32. Phá trừ ý niệm kiêu mạn.
33. Làm cho tâm chấp ngã phải thuần phục.
34. Thiện tri thức khó gặp cho nên tâm thường xuyên cung cấp giúp đỡ.
35. Từ nơi người nào được nghe pháp này, hoặc được quyển kinh, hoặc miệng tụng đọc, thì đối với người này nên nghĩ là cha mẹ sinh ra mình, nghĩ là bậc thiện tri thức, nghĩ là bậc Đại sư, nghĩ là mình thật hổ thẹn mà phải kính mến người ấy.
36. Thường thích nơi vắng vẻ yên lặng.
37. Không thích ở chốn đông người tụ tập.
38. Không tham đắm gia đình của đàn việt và thiện tri thức.
39. Không tiếc gì thân mạng.
40. Tâm thường nghĩ đến cái chết.
41. Không giữ ý niệm lợi dưỡng.
42. Ở giữa mọi vật tâm không nhiễm trước.
43. Không còn khát ái phiền não.
44. Bảo vệ chánh pháp.
45. Không đắm theo y bát.
46. Không tích góp để lại.
47. Chỉ muốn khất thực.
48. Theo thứ tự khất thực.
49. Thường biết hổ thẹn, tâm thường có hối hận.
50. Không cất giữ vàng bạc châu báu-tiền của tài sản, hối hận xa rời những điều bất thiện.
51. Tâm không bị nhơ bẩn trói buộc.
52. Thường thực hành tâm Từ.
53. Đoạn trừ sân hận
54. Thường thực hành Tâm Bi.
55. Đoạn trừ tham ái.
56. Thường cầu lợi ích an lành cho tất cả thế gian.

57. Thường xót thương hết thảy chúng sinh.
58. Thường vui thích kinh hành.
59. Trừ khử ham mê ngủ nghỉ.

Bồ tát xuất gia an trú trong những pháp như vậy, thì phải tu tập Tam muội này.

Lại nữa:

Ngoài pháp tu Tam muội này ra,
Cũng cần phải học hỏi như vậy.

Có thể phát sinh Tam muội Bát chu này, những pháp hỗ trợ khác cũng nên tu tập, là những pháp gì? Đó là:

1. Nhờ vào ân Phật thường khiến ở trước mắt.
2. Không để cho tâm tán loạn.
3. Giữ tâm ở trước mắt.
4. Giữ gìn các căn.
5. Ăn uống biết đủ, biết ngừng.
6. Đầu đêm và cuối đêm thường tu Tam muội.
7. Xa rời các chướng ngại do phiền não.
8. Phát sinh các thiền định.
9. Không cảm thọ ý vị trong thiền.
10. Rời bỏ sắc tướng hư hoại.
11. Biết được tướng bất tịnh.
12. Không tham giữ năm ấm.
13. Không đắm theo người tám giới.
14. Không vướng vào mười hai nhập.
15. Không cậy vào giòng họ.
16. Phá tan kiêu mạn.
17. Tâm thường rỗng lặng đối với tất cả các pháp.
18. Sinh ý tưởng bà con thân thuộc đối với các chúng sinh.
19. Không thủ chấp giới.
20. Không phân biệt định.
21. Cần phải chịu khó học nhiều.
22. Nhờ học nhiều mà biết rộng nhưng không kiêu mạn.
23. Đối với các pháp không nghi ngờ gì.
24. Không làm trái với Chư Phật.
25. Không ngược với pháp.
26. Không phá hoại Tăng.
27. Thường đến với các bậc Hiền Thánh.

28. Xa rời với hạng phàm phu.
29. Thích bàn luận về pháp xuất thế gian.
30. Tu sáu pháp hòa kính.
31. Thường tu tập năm lĩnh vực giải thoát.
32. Trừ bỏ chín điều sân hận buồn phiền.
33. Đoạn trừ tám pháp giải đãi.
34. Tu tập tám pháp tinh tiến.
35. Thường quán xét chín tướng.
36. Đạt được tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân.
37. Đầy đủ mọi thiền định Tam muội.
38. Đối với thiền định này không có gì tham đắm không có gì đạt được.
39. Chuyên tâm nghe pháp.
40. Hủy hoại tướng của năm ấm.
41. Không trú vào sự tướng.
42. Hết sức sợ hãi sinh tử.
43. Sinh ý tưởng giặc thù đối với năm ấm.
44. Ở trong các nhập. Sinh ý tưởng tụ tập trống không.
45. Ở trong bốn đại, sinh ý tưởng rắn độc.
46. Ở trong Niết bàn sinh ý tưởng vắng lặng, ý tưởng an ổn vui vẻ.
47. Ở trong dục sinh ý tưởng đàm dãi, tâm mong rời khỏi.
48. Không trái lời Phật dạy.
49. Không hề tranh cải đối với tất cả chúng sinh.

Giáo hóa chúng sinh khiến họ được an trú trong hết thảy công đức.

Lại nữa:

Quả báo của Tam muội như vậy,
Bồ tát cần phải biết rõ ràng.

Bồ tát thực hành Tam muội Bát chu này, quả báo đạt được cũng nên biết.

Hỏi: Tu tập Tam muội này cảm được quả báo gì?

Đáp: Đạt được quả báo không thối chuyển đối với đạo Vô thượng.

Lại nữa, như kinh giải thích về quả báo: "Đức Phật bảo với Bồ tát Bạt-đà-bà-la: Ví như có người có năng lực đập nát đất đá trong ba ngàn thế giới, tất cả đều thành bụi nhỏ, đồng thời cỏ cây hoa lá và hết thảy các vật vốn có trong ba ngàn Đại thiên thế giới đều làm thành bụi nhỏ. Này Bạt-đà-bà-la! Lấy một hạt bụi nhỏ làm một thế giới Phật, có tất cả thế giới như vậy

đều chứa đầy châu báu tuyệt diệu trong đó, lấy châu báu ấy để Bố thí. Này Bạt-đà-bà-la! Ý ông nghĩ thế nào? Người này nhờ vào nhân duyên Bố thí này, có được nhiều phước hay không? Bạt-đà-bà-la thưa: Rất nhiều: thưa Đức Thế Tôn! Đức Phật dạy: Này bạt-đà-bà-la! Nay Ta nói lời chân thật với ông, nếu có người thiện nam, được nghe Chư Phật hiện ở trước mắt thuyết về Tam muội, mà không kinh sợ thì phước ấy vô lượng; huống là tin nhận giữ gìn đọc tụng giải thích cho người khác, huống gì là định tâm tu tập, trong khoảng thời gian rất ngắn ư? Này Bạt-đà-bà-la! Ta nói phước đức của người này hãy còn không có giới hạn, huống là người có thể thành tựu Tam muội này ư? Đức Phật lại bảo với Bạt-đà-bà-la: Nếu có người thiện nam-người thiện nữ nào, thọ trì đọc tụng nói cho người khác biết, nếu lúc kiếp tận diệt giả sử vào lửa này thì ngọn lửa lập tức tắt ngậm. Này Bạt-đà-bà-la! Người trì Tam muội này, nếu xảy ra sự cố tai họa, hoặc gặp phải giặc thù, các loài sư tử-hổ lang-ác thú-rồng độc và các loài sâu độc…, hoặc gặp nạn Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-xà…, hoặc người ác và loài phi nhân…, mà hại đến thân, hoặc hại đến mạng, hoặc hủy phạm giới, thì không hề có điều này. Nếu đọc tụng giảng nói cho người thì cũng không có gì suy tổn buồn phiền, chỉ trừ ra nghiệp báo nhất định phải nhận chịu.

Lại nữa, này Bạt-đà-bà-la! Lúc Bồ tát thọ trì đọc tụng Tam muội này, nếu mắc phải bệnh mắt-tai-mũi-lưỡi-miệng-răng, bệnh vì giólạnh…, hoặc đủ loại những bệnh khác như vậy, bởi vì bệnh này màmất thọ mạng, thì không bao giờ có điều này, chỉ trừ ra nghiệp báonhất định phải nhận chịu. Lại nữa, này Bạt-đà-bà-la! Nếu người thọtrì đọc tụng Tam muội này, thì được chư Thiên bảo vệ, các loài rồng,Dạ-xoa, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân, Tứ thiên vương, Đế thích,Phạm Thiên Vương, Chư Phật Thế Tôn đều cùng hộ niệm.

Lại nữa, người này đều được chư Thiên cùng yêu mến, cho đến Chư Phật đều cùng yêu mến! Lại nữa, người này đều được chư Thiên cùng ca ngợi, cho đến Chư Phật cũng cùng ca ngợi, cho đến Chư Phật cũng cùng khen ngợi. Lại nữa, chư Thiên đều muốn gặp Bồ tát này mà đến trú xứ ấy, cho đến Chư Phật muốn thấy Bồ tát mà đến trú xứ của họ. Lại nữa, Bồ tát này thọ trì Tam muội này, thì kinh nào chưa được

nghe tự nhiên sẽ được nghe. Lại nữa, Bồ tát này đạt được Tam muội này, thậm chí trong mộng cũng có được những điều lợi ích như vậy.

Này Bạt-đà-bà-la! Nếu Ta trải qua một kiếp hoặc giảm một kiếp, nói về công đức của Bồ tát thọ trì độc tụng Tam muội này, thì cũng không thể nào hết được, huống gì là nói đến Bồ tát được thành Tam muội này?

Này Bạt-đà-bà-la! Như người ở trong trăm năm, thân thể sức lực nhanh nhẹn đi nhanh như gió, người này trăm năm đi không dừng nghỉ, thường xuyên đi đến các phương Đông-Tây-Nam-Bắc, bốn góc và trên dưới, ý ông nghĩ thế nào, mười phương mà người này đi qua có người nào có thể tính biết số dặm đường đi hay không? Bạt-đà-bà-la thưa: Không thể tính được, chỉ ngoại trừ Như Lai, Xá-lợi-phất và các vị A duy việt trí, người khác không có thể biết được.

Này Bạt-đà-bà-la! Nếu có người thiện nam-người thiện nữ nào, đem vàng ròng chứa đầy trong trú xứ sinh hoạt của người này mà Bố thí. Nếu có người chỉ nghe Tam muội này, dùng bốn loại tùy hỷ hồi hướng cho đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thường cầu nghe nhiều. Như Chư Phật quá khứ lúc thực hành Bồ tát đạo tùy hỷ với Tam muội này, mình cũng như vậy. Như Bồ tát hiện tại đang tùy hỷ với Tam muội này, mình cũng như vậy. Như Chư Phật vị lai lúc thực hành Bồ tát đạo tùy hỷ với Tam muội này, mình cũng như vậy. Như Tam muội mà Bồ tát Quá khứ-vị lai-hiện tại thực hành, mình cũng tùy hỷ; đều vì được nghe nhiều, mình cũng như vậy vì cầu nghe nhiều cho nên tùy hỷ với Tam muội này.

Này Bạt-đà-bà-la! Phước đức tùy hỷ này, thì phước đức Bố thí trên trăm phần không bằng một, trăm ngàn vạn ức phần không bằng một, thậm chí toán số thí dụ vốn không thể nào sánh kịp. Tam muội này đạt được quả báo vô lượng vô biên như vậy". Lại nữa:

Trú xứ thuộc về Tam muội này,
Có sai khác giữa ít-vừa-nhiều,
Đủ tất cả các tướng như vậy,
Đều cần phải luận bàn phân biệt.

Trú xứ của Tam muội này, có tướng ít-tướng vừa-tướng nhiều, các loại như vậy cần phải phân biệt, biết về điều này thì cần phải giải thích. Trú xứ, Tam muội này hoặc ở sơ thiền có thể đạt được, hoặc là thiền thứ hai-thiền thứ ba-thiền thứ tư có thể đạt được, hoặc là trung gian Sơ thiền đạt được thế lực, có thể phát sinh Tam muội này.

Hoặc là ít thì người ít thế lực cho nên gọi là ít, lại trú không bao

lâu cho nên gọi là ít, lại thấy một số thế giới của Phật cho nên gọi là ít. Vừa và nhiều cũng như vậy.

Nói về Tam muội này thì hoặc là có giác-có quán, hoặc là không có giác-chỉ có quán, hoặc là không có giác-không có quán; hoặc tương ưng với khổ, hoặc tương ưng với vui, hoặc tương ưng với không khổ-không vui. Hoặc có hơi thở ra vào, hoặc không có hơi thở ra vào; hoặc chắc chắn

là tánh thiện, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc; hoặc chẳng phải cõi Dục, hoặc chẳng phải cõi Sắc, hoặc chẳng hệ thuộc cõi Vô sắc. Tam muội này là tâm sở pháp, tâm tương ưng, pháp tùy tâm hành, pháp cùng tâm sinh, chẳng phải hiện có, năng duyên, chẳng phải nghiệp, nghiệp tương ưng, tùy nghiệp hành, chẳng phải báo của quả do nghiệp đời trước, ngoại trừ báo của nhân. Có thể tu-có thể biết-có thể chứng, cũng do thân mà chứng-cũng do tuệ mà chứng, hoặc có thể đoạn-hoặc không có thể đoạn, hữu lậu thì nên đoạn, vô lậu không có thể đoạn. Thấy-biết cũng như vậy, không hợp với bảy giác. Tất cả các nghĩa phân biệt về Tam muội như vậy, đều thuận theo đã nói trong này. Lại nữa, tu tập Tam muội này thì được thấy Chư Phật. Như nói:

Có thể trông thấy Chư Phật rồi,
Tâm thường xuyên cung kính cúng dường,
Thiện căn được dần dần tăng mạnh,
Có năng lực hóa độ chúng sinh.

Cúng dường gọi là tâm ý thanh tịnh, cung kính hoan hỷ nghĩ đến Phật có vô lượng công đức, dùng các loại ca ngợi, gọi là miệng chúng sinh; lễ lạy tôn kính-dâng cúng hoa hương…, gọi là thân cúng dường. Vì vậy phước đức ngày càng tăng thêm, như hạt giống nằm trong đất được mưa tưới thấm nảy mầm lớn lên; nhanh chóng giáo hóa khiến cho chúng sinh an trú trong ba Thừa. Như vậy Bồ tát được tăng trưởng thiện căn đầy đủ.

Dùng hai loại nhiếp pháp đầu tiên,
Thâu nhiếp tiếp nhận các chúng sinh,
Còn lại hai nhiếp pháp ở sau,
Chưa hết thì có thể tin nhận.

Hai nhiếp pháp đầu là Bố thí, Ái ngữ. Hai nhiếp pháp sau là Lợi ích, Đồng sự. Bồ tát ở địa thứ nhất, bởi vì không có thể hiểu hết được, cho nên chỉ có thể tin nhận.

Lúc bấy giờ đem các thiện căn,
Hồi hướng cho Phật đạo vô thượng,
Như quặng tinh luyện thành vàng ròng,
Thuần thục thì có thể sử dụng.

Được tinh luyện bằng ngọn lửa trí tuệ, cho nên ở trong mọi việc mà Bồ tát thực hành, thiện căn thành thục thì có thể sử dụng tốt đẹp hơn.

Phẩm 26: THÍ DỤ, Phần 1

Bồ tát này thuận theo nghe biết,
Tướng của địa đạt được quả tu,
Vì đạt được các phần của địa,
Cho nên chịu khó hành tinh tiến.

Tướng là tướng mạo, dựa vào tướng mạo để biết được. Đắc là thành tựu, nhờ vào pháp này cho nên gọi là thành tựu pháp này. Tu có nghĩa là cần phải tu và thực hành tu. Thường nghĩ đến quả, là từ trong nhân mà có sự thành tựu gọi là quả. Bồ tát này mong muốn đạt được công hạnh của mười địa, thuận theo cố gắng nghe về tướng đạt được quả tu tập. Nghe là được nghe mọi điều từ Chư Phật và Bồ tát, hơn hẳn những gì mà mình đã có.

Vì đạt được các phần của địa, là bởi vì đạt được phần vị của địa này, cho nên chịu khó thực hành tinh tiến. Tướng của địa thứ nhất trong này, như trước đã nói:

Bồ tát đang ở địa thứ nhất,
Có nhiều điều có thể tiếp nhận,
Không thích gì mọi điều tranh cãi,
Tâm tư quả thật là vui sướng.
Luôn luôn vui với lòng thanh tịnh,
Tâm Bi mẫn thương xót chúng sinh,
Không có tâm sân hận nóng này,
Thực hành nhiều về bảy điều này.

Bởi vì có thể tiếp nhận bảy pháp như không tranh cãi-vui sướng-thanh tịnh-tâm Bi mẫn-không sân hận…, cho nên thành tựu tướng mạo của địa thứ nhất. Có thể tiếp nhận bảy pháp như vậy, gọi là đạt được. Vả lại, có thể tiếp nhận tướng của bảy pháp, tức là đạt được địa thứ nhất. Như kệ nói:

Nếu gieo trồng thiện căn sâu dày,
Khéo thực hành đối với các hạnh,
Khéo gom mọi vật dụng sinh hoạt,
Luôn cung kính cúng dường Chư Phật,
Được hàng thiện tri thức bảo vệ,
Đầy đủ đối với tâm sâu sắc,
Tâm Bi mẫn nghĩ đến chúng sinh,
Tin hiểu đối với pháp vô thượng.
Có đủ tám pháp như vậy rồi,

Cần phải tự mình phát lời nguyện,
Con đã đạt được pháp tự độ,
Nên trở lại hóa độ chúng sinh.
Bởi vì đã đạt được mười lực,
Tiến vào trong phần vị Tất định,
Thì sanh vào nhà của Như Lai,
Không còn có những lỗi lầm gì.
Lập tức chuyển con đường thế gian,
Tiến vào con đường xuất thế gian,
Từ đây đạt được địa thứ nhất,
Địa này gọi là địa Hoan hỷ.

Vì vậy nên biết rằng, vì Bồ đề cho nên đạt được tâm quyết định, gọi là địa thứ nhất có được danh xưng tu tập. Từ lúc mới phát tâm cho đến lúc thành tựu Tam muội Chư Phật hiện tiền, ở trong thời gian ấy nói đầy đủ về các công đức của địa, có thể phát sinh những công đức này, phát sinh rồi tu tập làm cho tăng trưởng, gọi là địa thứ nhất.

Quả tu tập, trước đã nói khắp nơi, có được bao nhiêu phước đức, không hồi hướng cho địa Thanh văn và Bích-chi-Phật. Nay cần phải nói lại. Bồ tát đạt được quả của địa thứ nhất, có thể đạt được rất nhiều loại Định của Bồ tát. Phần vị của địa thứ nhất, là tất cả các pháp hợp lại làm thành địa thứ nhất, gọi là các phần. như men-gạo… trộn lẫn có thể làm thành rượu, gọi là nhân duyên của rượu. Tất cả các pháp có thể thành tựu địa thứ nhất, gọi là phần vị của địa thứ nhất. Đó là:

Tín lực ngày càng tăng mạnh hơn,
Thành tựu tâm Đại Bi vô thượng,
Từ mẫn đối với mọi chúng sinh,
Tu dưỡng thiện tâm không mỏi mệt,
Vui thích đối với pháp vi diệu,
Thường gần gũi hàng thiện tri thức,
Luôn luôn tàm quý và cung kính,
Tâm hài hòa mềm mỏng dịu dàng.
Thích quan sát pháp không chấp trước,
Dốc lòng mong cầu được nghe nhiều,
Không tham lam đối với lợi dưỡng,
Rời xa gian dối và dua nịnh.
Không làm bẩn ngôi nhà Chư Phật,
Không phá giới và lừa dối Phật,
Hết sức vui với Tát-bà-nhã,

Bất động như ngọn núi sừng sững,
Luôn luôn vui thực hành tu tập,
Pháp vi diệu ngày càng lên cao,
Vui với các pháp xuất thế gian,
Không vui với những pháp thế gian.
Tức là sửa trị địa Hoan Hỷ,
Khó trị mà có thể sửa trị,
Vì vậy cho nên thường nhất tâm,
Chịu khó thực hành những pháp này.
Bồ tát có năng lực thành tựu,
Pháp vi diệu trên cao như vậy,
Thì có thể tự nhiên an trú,
Trong địa thứ nhất của Bồ tát.

Hỏi: Bồ tát đâu cần phải nghe về những tướng của địa thứ nhất này làm gì?

Đáp: Bồ tát này đối với pháp trong những của địa thứ nhất, cần phải khéo léo biết rõ phương tiện, vì vậy cần phải nghe.

Hỏi: Bồ tát chỉ cần ở trong pháp này, khéo léo biết rõ phương tiện, hay là tiếp tục ở trong những pháp khác cũng khéo léo biết rõ phương tiện?

Đáp: Trong các pháp này cần phải khéo léo biết rõ phương tiện, cũng khéo léo biết rõ phương tiện đối với pháp khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì có thể giải thích sơ lược hay không? Đáp:

Có pháp có thể hỗ trợ địa,
Có pháp trái ngược đối với địa,
Có pháp có thể sinh trưởng địa,
Có pháp có thể hủy hoại địa.
Có tướng của quả thuộc các địa,
Có đạt được ở trong các địa
Phần vị thanh tịnh của các địa,
Từ địa này đến một địa khác.
Trú trong địa ngày càng tăng thêm,
Không có gì có thể làm lui sụt,
Từ địa thanh tịnh của Bồ tát,
Đến Phật địa vô lượng công đức.
Ở trong tất cả những điều này,
Nên khéo léo biết rõ phương tiện,
Thưa hỏi những người có thiện trí,

Trừ bỏ tất cả mọi kiêu mạn.

Pháp hỗ trợ cho địa thứ nhất, đó là Tín-Giới-Văn-Xả-Tinh tiến-Niệm-Tuệ… Những pháp như vậy và các pháp khác tùy thuận với địa thứ nhất, thì gọi là pháp hỗ trợ.

Pháp trái ngược là không tin-phá giới-ít nghe-tham keo-lười nhác-loạn niệm-không có trí tuệ…, và những pháp khác không tùy thuận, không có thể hỗ trợ cho địa thứ nhất.

Pháp hủy diệt địa, là pháp có thể làm cho địa này bị lui sụt, bị chướng ngại không hiện bày rõ ràng. Như lúc kiếp tận diệt thì vạn vật đều bị hủy diệt. Thế nào gọi là pháp có thể trộm mất tâm Bồ đề, điều này đã nói trước đây. Pháp sinh trưởng địa, là pháp có thể pháp sinh-có thể thành tựu địa thứ nhất, đó gọi là pháp không trộm mất tâm Bồ đề, điều này trước đây đã nói. Tướng của địa-đạt được quả-phần vị của địa, ở trên đã nói. Pháp thanh tịnh, là dùng pháp này có thể làm cho địa thứ nhất được thanh tịnh, đó là những pháp đã nói như trước. Bảy pháp trong địa thứ nhất:

Bồ tát đang ở địa thứ nhất,
Có nhiều điều có thể tiếp nhận,
Không thích gì mọi điều tranh cãi,
Tâm tư quả thật là vui sướng.
Luôn luôn vui với lòng thanh tịnh,
Tâm Bi mẫn thương xót chúng sinh,
Không có tâm sân hận nóng nảy,
Thực hành nhiều về bảy điều này.

Bảy pháp như vậy có thể sửa trị làm thanh tịnh cho địa thứ nhất.

Từ một địa đến một địa, như từ địa thứ nhất đến địa thứ hai đạt được mười tâm như không dua nịnh quanh co… Từ địa thứ hai đến địa thứ ba dạy được mười tâm như Tín-Lạc… Đạt được các loại tâm-các loại pháp như vậy, cho nên có thể từ một địa đến một địa.

Trú trong địa ngày càng tăng thêm, như trong địa thứ nhất thực hành Bố thí Ba-la-mật, trong địa thứ hai thực hành trì giới Ba-la-mật,

và các pháp như Tín-Lạc… ngày càng có được thế lực; trong địa thứ ba thì thực hành nghe nhiều, và Bố thí-Trì giới-Tín… ngày càng có được thế lực, trong các địa khác cũng như vậy.

Không gì có thể làm lui sụt, là trú trong địa này, hoặc Sa-môn hay Bà-la-môn, hoặc Thiên-Ma-Phạm và mọi loài khác trong các thế gian, không có gì có thể làm cho lay chuyển. Tại vì sao? Bởi vì đạt được sức mạnh của công đức to lớn, đi sâu vào tận cùng pháp tánh, tin hiểu vô cùng sâu sắc.

Từ địa thanh tịnh của Bồ tát đến vô lượng Phật địa, là nếu như Bồ tát đầy đủ tất cả các địa thanh tịnh rồi thì đến được Phật địa.

Ở trong tất cả những điều này, đều cần phải khéo léo biết rõ phương tiện. Thưa hỏi những người có thiện trí, có năng lực thành tựu chánh pháp cho nên gọi là người thiện trí. Chánh pháp thì nói tóm lược là Tín, Tinh tiến, Niệm, Định, tuệ, thân miệng ý luật nghi và không tham-không sân-không si.

Trừ bỏ tất cả mọi kiêu mạn, tự cho là mình hơn hẳn ở trong những người hơn hẳn, gọi là Đại mạn, ở trong những người tài giỏi như mình mà tâm tự cao, gọi là kiêu mạn; lớn không bằng người khác mà nói mình nhỏ bé không bằng người, gọi là Tiểu mạn.

Hỏi: Ông nói ở trong tất cả những pháp này cần phải khéo léo biết rõ phương tiện, thì có được phương tiện này dùng để làm gì?

Đáp:

Nếu Bồ tát khéo léo biết rõ,
Các loại Tướng-Đắc trong các địa,
Không thể nào thành tựu Phật đạo,
Cuối cùng không chuyển địa thứ nhất.

Tướng gọi là bảy pháp cùng hỗ trợ cho các địa; Đắc gọi là pháp trái ngược nhau, có tám loại như Diệt…, là tám pháp không nên thực hành. Nếu Bồ tát khéo léo biết rõ pháp này không đạt được Phật đạo, thì cuối cùng cũng không thối chuyển.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 13

Phẩm 26: THÍ DỤ, Phần 2

Hỏi: Khéo léo biết rõ những pháp này, không đạt được Phật đạo nhưng cuối cùng cũng không lui sụt, điều này nói rõ thế nào?

Đáp:

Như người dẫn đường nhiều tài năng,
Khéo léo biết rõ tướng đường tốt,
Nơi chốn này và nơi chốn kia,
Chuyển đổi đường đi cho thích hợp.
Lương thực và đồ dùng đi lại,
Tất cả đều chuẩn bị đầy đủ,
Ở trong con đường nguy hiểm ấy,
Làm cho mọi người được yên ổn,
Đến được chốn thành ấp rộng lớn,
Có thể khiến mọi người không lo,
Nhờ người dẫn đường tài giỏi này,
Có năng lực khéo biết đường đi.
Khéo léo biết chuyển đổi các địa,
Đầy đủ tất cả pháp trợ đạo,
Bồ tát khéo léo biết rõ đạo,
Nơi này nơi kia tốt hay xấu.
Từ vượt qua hiểm nạn sinh tử,
Còn dẫn dắt cho nhiều chúng sinh,
Khiến đến được nơi chốn yên ổn,
Vào khu thành Niết bàn vô vi.
Khiến cho xa lìa mọi khổ nạn,
Không còn gặp phải những đường ác,
Bồ tát dùng năng lực phương tiện,
Luôn luôn khéo léo biết đường đi.

Tướng đường tốt, là con đường có nhiều củi đun-đồng cỏ và nguồn

nước, không có giặc cướp-hổ lang-sư tử và các loài thuộc về thú dữ-sâu bọ độc hại, không lạnh lẽo-không nóng bức, không có núi cao-hang sâu, khe suối nguy hiểm-rừng rậm âm u-gai góc cản lối, cũng không có cao thấp mà bằng phẳng, thẳng tắp thông suốt ít có đường rẽ, rộng rãi thoáng đãng để cho nhiều người đi lại và nghỉ chân, đi mà không chán nản mệt mỏi, có nhiều hoa trái và những vật có thể ăn. Những điều như vậy gọi là tướng con đường tốt lành, ngược lại với tướng này thì gọi là tướng xấu ác. Nơi này gọi là nơi mọi người dừng lại nghỉ ngơi ăn uống. Nơi kia gọi là từ nơi này đến nơi khác, hoặc ở giữa hai nơi trú ngụ cũng gọi là nơi khác. Chuyển đường có nghĩa là thấy có đường rẽ. Đến khu thành rộng lớn, là nên đi đường này mà nên bỏ những đường khác. Từ lương là những thức ăn trên đường đi như bột rang trộn mật-bánh khô… Đại lực là thế lực mạnh mẽ, có nhiều tiền bạc của cải, hiểu thông thạo cách thức sửa trị. Chuẩn bị đầy đủ là có nhiều đồ ăn thức uống, không có gì thiếu hụt. An là không có những sự cố do giặc cướp làm cho sợ hãi. Ổn là không có bệnh tật-đau khổ-lo sợ suy sụp, khu thành rộng lớn là nơi chứa được nhiều người, có thể khiến cho nhiều người đến được khu thành rộng lớn, người dẫn đường hiểu thông thạo tướng trạng của con đường để chính mình không gặp hoạn nạn, cũng làm cho mọi người không xảy ra hoạn nạn gì. Vốn am hiểu thông thạo con đường, cho nên không có những tai họa do lạnh lẽo, nóng bức, đói ăn-khát uống, giặc cướp-kẻ thù, thú dữ-sâu độc, núi cao-sông sâu, hầm hố gai góc… làm cho tổn hại. Tại vì sao? Bởi vì biết thông thạo tướng trạng tốt xấu của con đường. Lấy điều này để dụ cho địa Hoan Hỷ cùng tất cả mười địa. Như người đi trên đường, đi mãi không dừng lại thì có thể đến được khu thành rộng lớn. Như vậy Bồ tát thực hành mười địa này, đến được pháp của Phật mà tiến vào khu thành Niết bàn rộng lớn. Như con đường tốt đẹp kia có nhiều củi đun-đồng cỏ và nguồn nước…, người đi trên đường ấy không thiếu thốn gì. Đồng cỏ-nguồn nước có nghĩa là như người cỡi ngựa đi đường xa, có nhiều cỏ ngon-nước mát làm cho sức ngựa mạnh mẽ thêm, công đức của đạo mười địa cũng như vậy. Đế-xả-Diệt-Tuệ là bốn thắng xứ, hỗ trợ các công đức cho nên gọi là cỏ. Tại vì sao? Bởi vì như người coi trọng đối với sự thật thì vui lòng thuận theo lời chân thật, nên gần gũi người nói lời chân thật, thấy thật sự có lợi ích mà vui lòng thuận theo sự thật; rất ghét nói dối mà rời xa nói dối, thấy lỗi lầm nói dối cho nên không muốn nghe. Những nhân duyên như vậy đạt được thắng xứ của Đế, ba thắng xứ của Xả-diệt-Tuệ cũng nên biết như vậy. Như con đường tốt đẹp kia cần phải có các loài voi-ngựa-trâu-lừa mới đến được khu thành rộng lớn nhờ vào cỏ trợ giúp thành tựu được sức mạnh của chúng. Bốn

thắng xứ là Đế-Xả-Diệt-Tuệ cũng như vậy, có năng lực khiến cho đến được pháp của Phật mà tiến vào khu thành rộng lớn của Niết bàn. Củi đun có nghĩa là nhiều Văn-Tư-Tu tuệ có năng lực đạt đến sự nghiệp trí tuệ vĩ đại, như củi đun có thể làm cho lửa cháy, cũng làm cho bừng cháy mạnh mẽ. Như vậy Văn-Tư-Tu tuệ có năng lực phát sinh trí tuệ vĩ đại, có năng lực làm cho tăng trưởng. Như ngọn lửa có thể đốt cháy, có thể đun nấu, có thể chiếu sáng; ngọn lửa trí tuệ cũng như vậy, đốt cháy những phiền não, thành thục những thiện căn, chiếu sáng bốn Thánh đế. Như ngọn lửa là trí tuệ, củi đun là các pháp có năng lực phát sinh trí tuệ. Nhiều nguồn nước có nghĩa là có nhiều dòng sông-khe suối rộng lớn, tùy ý lấy sử dụng đầy đủ cho mọi người, khe nhỏ-giếng hồ vốn không có thể như vậy.

Vả lại, nhiều nguồn nước thì giống như người đi thuyền thuận theo dòng nước mà đến được khu thành rộng lớn, nước của giếng hồ đầm ao thì không có thể được như vậy. Như kinh nói: "Niềm tin là sông lớn, phước đức là bờ sông. Như dòng sông trừ được nóng bức-trừ cơn cháy khát-trừ sạch dơ bẩn, luôn luôn phát sinh thế lực; niềm tin trong thiện pháp cũng như vậy, có năng lực diệt hết nóng bức của ba độc, trừ bỏ dơ bẩn của ba ác hạnh, trừ bỏ khát ái của ba cõi, là Niết bàn rỗng lặng". Ở trong thiện pháp có được thế lực, như con đường tốt đẹp kia có nhiều loại cỏ thuốc-cây mát thì người đi đường không thiếu thốn gì; đạo của mười địa cũng như vậy.

Căn có nghĩa là sự yêu quý sâu sắc trong tâm, như có gốc rễ thì sinh ra mầm non, lớn lên thành thân cành nhánh lá và các loại hoa trái. Tâm hết sức yêu quý đạo, phát sinh các công đức của chánh ức niệm-đại nguyện…

Cỏ thuốc có nghĩa là các Ba-la-mật, như cỏ thuốc có năng lực diệt trừ các độc tố, các Ba-la-mật là cỏ thuốc diệt trừ độc tố của tham-sân-si và các bệnh phiền não cũng lại như vậy.

Như con đường tốt đẹp kia không lạc mất phương hướng (Vi-bà-đà) thì đi đường được yên ổn. Vi-bà-đà thời Tần nói là Vô Đối Nghĩa, chính là dấu hiệu dẫn đường (Phù hịch). Như người đi đường không lạc mất dấu hiệu dẫn đường, thì nơi muốn đến không có gì chướng ngại; đạo của người địa cũng như vậy, không lạc mất phương hướng thì đến

được nơi chốn, đi qua các địa mà tích tụ thiện căn thì có thể tùy ý hỗ trợ thành tựu. Tăng trưởng thiện căn hiện tại, người ấy còn có năng lực giáo hóa cho chúng sinh thuộc đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-Phật và đạo chư Thiên cõi Dục-cõi Sắc, khiến được trú trong Phật đạo, hoặc là ma-hoặc ngoại đạo không có thể làm rối loạn được, đó gọi là không lạc mất phương hướng.

Như con đường tốt đẹp kia không có các loại ruồi muỗi-sâu bọ độc hại, đạo của mười địa cũng như vậy, không có tiếng khóc lóc ưu sầu.

Như con đường tốt đẹp kia không có nạn giặc cướp, đạo của mười địa cũng như vậy, không có giặc năm cái và các loại giặc phiền não xấu ác. Như Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: "Giặc cướp xóm làng, đó gọi là năm Cái. Như giặc cướp, trước tiên cướp đoạt đồ vật của người, sau đó mới làm hại mạng sống; giặc năm cái cũng như vậy, trước tiên chúng cướp đoạt thiện căn, sau mới đoạn mất tuệ mạng, sẽ bị rơi vào hố phóng dật mà chết.

Như giữa con đường không có sư tử-hổ báo và các loài thú dữ, đạo của mười địa cũng như vậy, không có sự sân hận-tranh chấp.

Như sư tử cùng các loài thú dữ thường làm não hại loài khác, sân hận cũng làm não hại người khác, chúng sinh vốn cũng lại như vậy. Như các loài thú dữ ăn thịt uống máu, sân hận cũng ăn thịt của tuệ đa văn-uống máu của tu tuệ…, cũng lại như vậy.

Như con đường tốt đẹp kia không có những tai họa xấu của hạnh lạnh lẽo-nóng bức, đạo của mười địa như vậy, không rơi vào địa ngục băng giá cho nên không có tai họa ác hiểm của lạnh lẽo, không rơi vào địa ngục lửa thiêu cho nên không có tai họa ác hiểm của nóng bức.

Như con đường tốt đẹp kia không có những hiểm nạn của hố sâu-hang tối…, đạo của mười địa cũng như vậy, không có những hiểm nạn khổ hạnh của các ngoại đạo đó là ngâm thân vào trong băng giá, nhổ râu tóc, ngày tắm ba lần, đứng co một chân, ngày ăn một bữa, hai ngày ăn một bữa, thậm chí một tháng ăn một bữa, im lặng đến chết, thường đưa một cánh tay lên cao, thường thực hành nhẫn nhục, nằm hơi nóng nướng thân, nằm trên gai nhọn, vào trong lửa, ngâm trong nước, từ trên núi cao lao xuống, đứng trong lò sâu dùng phân trâu đốt cháy thân thể, đi thẳng về một phía không tránh mọi tai nạn, thường mặc áo quần ướt, thường nằm trong nước…, làm cho thân tâm đau khổ vô cùng nhưng không đạt được chánh trí. Không có những điều như vậy cho nên gọi là không có hiểm nạn.

Như con đường không có ngã rẽ quanh co, đạo của mười địa cũng như vậy, không có ác nghiệp của thân miệng ý, cho nên gọi là không có ngã rẽ quanh co.

Như con đường không có gai góc, đạo của mười địa cũng như vậy, không có gai góc của các nghiệp chướng, cho nên gọi là không có gai góc. Như gai nhọn đâm vào chân thì đường đi bỏ dở nửa chừng, gai góc của nghiệp chướng làm trở ngại sự thực hành pháp Phật tiến vào cõi Niết bàn.

Như con đường thẳng tắp, đạo của mười địa cũng như vậy, không có tất cả mọi tâm lý dua nịnh lừa dối quanh co, cho nên gọi là thẳng tắp.

Như con đường ít ngã rẽ, đạo của mười địa cũng như vậy, rất ít có những đạo lý kỳ dị. Tại vì sao? Bởi vì phát tâm Đại thừa thì ít thực hành theo đạo lý của Thanh văn và Bích-chi-Phật, cho nên rất ít có những đạo lý kì dị. Hoặc có Bồ tát thực hành đạo lý của Nhị thừa, thì nên biết rằng chưa đến phạm vi của Bồ tát, chưa tiến vào phần vị chính thức, mà thực hành công hạnh gần phạm vi của Bồ tát.

Như con đường tốt đẹp kia không có những rừng rậm làm trở ngại, đạo của mười trú cũng như vậy, không có những rừng rậm của ác nghiệp và năm dục.

Hỏi: Tại sao không nói là cũng không có rừng rậm của năm dục, mà chỉ nói là không có rừng xấu ác?

Đáp: Người phát tâm Đại thừa, là nhân duyên phước đức có được năm dục bậc nhất, vì vậy không thể nói là không có, mà chỉ nói không có ác nghiệp thôi. Vả lại, như rừng rậm hun hút, khó tiến vào và khó vượt qua vì có nhiều tai họa làm chướng ngại, năm dục của Bồ tát thì không phải như vậy, không giống như phàm phu đối với năm dục sinh ra những lỗi lầm tai họa, như vậy cho nên chỉ nói là không có rừng rậm.

Như con đường rộng rãi thoáng đãng, chứa được nhiều người không làm trở ngại cho nhau, đạo của mười trú cũng như vậy, tiếp nhận được rất nhiều, vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh cùng phát tâm đạo vô thượng mà không làm trở ngại đến nhau. Trăm ngàn vạn ức chúng sinh này, hoặc tất cả chúng sinh cùng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng thực hành đạo lý này nhưng không làm trở ngại cho nhau.

Như con đường nhiều người đi lại, đạo của mười trú cũng như vậy, hằng hà sa số Chư Phật quá khứ và hiện tại, lúc thực hành Bồ tát đạo đều thực hành đạo lý này.

Như con đường tốt đẹp kia, người đi không mệt mỏi chán nản, đạo của mười trú cũng như vậy, có nhiều những niềm vui của nhân quả, đó gọi là nhiều đời thọ nhận quả báo trong đường trời-người, vui với sự ly dục cho nên thọ nhận niềm vui hoan hỷ-niềm vui thiền định-niềm vui vô hỷ-niềm vui hiện tại, có được những niềm vui này cho nên không có sự mệt mỏi chán nản.

Như con đường tốt đẹp kia có nhiều cây cối hoa trái, đạo của mười trú cũng như vậy, có nhiều cây cối hoa trái. Cây là ba thiện căn, hoa là đóa hoa của bảy giác. Như kinh nói: 'Bảy hoa chính là bảy giác ý". Trái chính là bốn

quả Sa-môn. Không có những lỗi lầm sai trái ở trên con đường tốt đẹp như vậy, cho nên gọi là xa lìa điều ác.

Như người dẫn đường biết rõ trong con đường, trong đoạn này nên ăn uống, nơi này nên dừng chân, chỗ kia cũng nên nghỉ qua đêm; Bồ tát thực hành mười địa cũng như vậy, biết nơi nào có thể nghỉ lại, nơi nào có thể ăn uống. Nơi có thể nghỉ lại gọi là nơi có Chư Phật hiện tại. Nơi có thể ăn uống gọi là nơi có thể tu tập thiện pháp. Như ăn uống luôn luôn có lợi ích cho các căn, cũng giúp cho thọ mạng tồn tại; các thiện pháp cũng như vậy, có năng lực làm lợi ích cho các căn như Tín…, và giúp cho tuệ mạng được thành tựu. Nơi khác cũng có thể nghỉ lại, nghĩa là từ trú xứ Đức Phật ấy đến trú xứ Đức Phật khác. Vả lại, giữa quốc độ của Đức Phật này và quốc độ của Đức Phật kia, cũng gọi là nơi khác. Khéo léo biết thay đổi con đường, như người dẫn đường ấy biết con đường không yên ổn thì lập tức chuyển sang đường khác; Bồ tát cũng như vậy, biết rành mạch là đạo này đến Thanh văn, đạo này đến Bích-chi-Phật, đạo này đến của Phật, biết như vậy rồi rời bỏ đạo Thanh văn và đạo Bích-chi-Phật, chỉ thực hành đạt đến Phật đạo.

Như con đường tốt đẹp kia có nhiều ăn thức uống; đạo của mười trú cũng như vậy, thực hành nhiều về Bố thí-trì giới-tu thiền. Như người dẫn đường kia dùng tiền bạc của cải, có năng lực thành thạo các pháp sửa trị, có thế lực to lớn; Bồ tát cũng như vậy, có tiền bạc của cải pháp sửa trị cho nên có thế lực to lớn. Tài vật là bảy loại tài sản, đó gọi là Tín-Giới-Tàm-Quý-Văn-Xả và Tuệ. Pháp sửa trị là tất cả các ma, các loại Sa-môn Bà-la-môn, luận sư ngoại đạo đều có năng lực phá tan làm cho phải khuất phục, đó chính là uy thế. Như khu thành rộng lớn kia không có giặc thù-tật bệnh-chết bất ngờ và các loại khổ não hư hoại, cho nên gọi là an ổn; khu thành Niết bàn rộng lớn cũng như vậy, không có các loại ma quân ngoại đạo, không có những dòng chảy của tham dục-sân hận-phóng dật-chết-ưu bi khổ não-than khóc nỉ non, cho nên gọi là an ổn. Như khu thành rộng lớn kia có nhiều đồ ăn thức uống cho

nên gọi là dồi dào đầy đủ; khu thành Niết bàn cũng như vậy, có nhiều pháp sâu xa là thiền định-giải thoát và Tam muội, cho nên gọi là dồi dào đầy đủ. Như khu thành rộng lớn kia tiếp nhận rất nhiều cho nên gọi là rộng lớn. Giả sử tất cả chúng sinh không tiếp nhận các pháp, đều tiến vào Niết bàn vô dư, mà tánh Niết bàn không tăng-không giảm.

Như người dẫn đường kia có năng lực dẫn dắt nhiều người, khiến cho tất cả được an ổn, bởi vì chỉ rõ con đường tốt đẹp cho nên gọi là

người dẫn đường; Bồ tát cũng như vậy, khéo léo dẫn dắt chúng sinh, chỉ rõ chánh pháp của Phật, chỉ rõ đạo quả Niết bàn, từ đường hiểm nạn của sinh tử đến được xứ sở Niết bàn, cho nên gọi là bậc Đại Đạo sư.

Như người dẫn đường kia biết thông thạo trạng thái của con đường, cho nên mình và những người khác đều không có gì xấu ác; Bồ tát cũng như vậy, tự mình không đi vào hố sâu của tham-sân-si, của các triền cái, của các ác nghiệp-khổ-hạnh-già chết, cũng không rơi vào địa ngục-ngạ quỷ đầy khổ đau của lạnh-nóng bức bách, cho nên gọi là chính mình không gặp phải điều ác mà người đi theo mình cũng không gặp phải điều ác. Vì vậy trong kệ nói: Khéo léo biết rõ tướng trạng của con đường, tự mình không gặp phải điều ác, người khác cũng không gặp điều ác.

Phẩm 27: NÓI GỌN VỀ HẠNH

Bồ tát thuộc về địa Hoan Hỷ,
Nay đã giải thích sơ lược rồi,
Bồ tát an trú trong địa này,
Nhiều đời làm vua cõi Diêm Phù.
Thường xa rời tham lam keo kiệt,
Không mất ý niệm về Tam Bảo,
Tâm luôn luôn nguyện được làm Phật,
Cứu độ cho tất cả chúng sinh.

Địa thứ nhất gọi là Hoan Hỷ, đã giải thích sơ lược rồi. Pháp của Chư Phật là vô lượng vô biên, đều lấy địa này làm gốc. Nếu giải thích rộng ra thì cũng vô lượng vô biên, vì vậy chỉ nói là giải thích sơ lược Bồ tát an trú trong địa này, nhiều đời làm chuyển luân vương có thế lực cai quản cõi Diêm-phù-đề, nhân duyên ở đời trước tu tập địa này, tin và thích Bố thí, không có tâm tham lam keo kiệt, thường cúng dường Tam bảo cho nên không mất ý niệm đối với Tam bảo, thường nghĩ đến làm

Phật để cứu độ cho các chúng sinh. Những ý niệm thiện như vậy luôn luôn ở trong tâm. Lại nữa.

Nếu như mong muốn được xuất gia,
Tâm chịu khó thực hành tinh tiến,
Có thể đạt được nhiều pháp định,
Được thấy rất nhiều Phật Thế Tôn,
Có thể chấn động nhiều thế giới,
Bay đi tự tại cũng như vậy.

Nếu như muốn phát ra ánh sáng,
Có thể soi chiếu mọi thế giới,
Giáo hóa hàng trăm loại chúng sinh,
Có thể trí thọ mạng trăm kiếp,
Có thể chọn lấy hàng trăm pháp,
Có thể biến hóa làm trăm thân,
Có thể biến hóa trăm Bồ tát,
Thị hiện làm quyến thuộc của mình,
Lợi căn vượt qua số lượng này,
Nhờ vào thần lực Chư Phật.
Đã nói về tướng của Sơ địa,
Quả-lực-tịnh và pháp đối trị,
Nay sẽ tiếp tục giải thích thêm,
Về địa thứ hai là Vô cấu.

Quả nghĩa là đạt được hàng trăm pháp định, được thấy hàng trăm Đức Phật… Thế lực, nghĩa là có thể giáo hóa hàng trăm loại chúng sinh. Nghĩa còn lại trong kệ đã giải thích ở trước, không cần phải giải thích phần kệ còn lại. Nay sẽ tiếp theo giải thích về địa thứ hai là Vô cấu.

Hỏi: Ông muốn giải thích rộng về pháp thực hành của Bồ tát, nghĩa của địa thứ nhất hãy còn nhiều, sợ rằng những người học vì chuyển sang rộng thêm thì sinh tâm lười nhác không có năng lực học thuộc lòng được, vì vậy nay ông nên giải thích sơ lược về các phápthực hành của Bồ tát cho những người không có năng lực học thuộclòng nhiều điều, được hay không?

Đáp:

Tất cả các pháp của Bồ tát,
Là pháp đều cần phải thực hành,
Tất cả điều ác nên từ bỏ,
Đây gọi là giải thích sơ lược.

Như trong các phẩm trên đây đã nói, pháp có năng lực phát sinh

và có năng lực tăng trưởng của các địa. Như trong các phẩm trên nói, hoặc ở nơi khác nói, đều cần phải làm cho phát sinh thiện căn của Bồ tát, những điều lầm lỗi xấu ác đều cần phải rời xa, đó gọi là nói sơ lược về pháp cần phải thực hành của Bồ tát. Như trong Pháp Cú nói: Đừng làm những điều ác, hãy làm mọi điều thiện, tự thanh tịnh tâm ý, là lời Chư Phật dạy. Có một pháp thâu nhiếp được Phật đạo Bồ tát nên thực hành. Thế nào là một? Đó gọi là ở trong pháp thiện nhất tâm không phóng dật. Như Đức

Phật bảo với A-nan: "Ta không phóng dật, cho nên đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Như nói:

Không phóng dật mà thành quả Phật,
Thế gian không có ai sánh bằng,
Nếu như luôn luôn không phóng dật,
Thì không có việc gì không thành.

Lại có hai pháp có thể thâu nhiếp Phật đạo:

1. Không phóng dật.
2. Trí tuệ. Như nói:

Trí tuệ, không bao giờ phóng dật,
Phật dạy là cửa ngỏ lợi ích,
Không thấy người nào không phóng dật,
Mà việc làm không được thành tựu.

Lại có ba pháp có thể thâu nhiếp Phật đạo:

1. Giới học thù thắng.
2. Tâm học thù thắng.
3. Tuệ học thù thắng. Như nói:

Giới phát sinh Tam muội trước tiên,
Tam muội phát sinh được trí tuệ,
Trí tuệ phá tan mọi phiền não,
Như gió thổi mây trôi bốn phía.

Lại có bốn pháp có thể thâu nhiếp Phật đạo:

1. Xứ sở của Đế.
2. Xứ sở của Xả.
3. Xứ sở của Diệt.
4. Xứ sở của Tuệ. Như nói:

Đế-xả và định đều đầy đủ,
Được trí tuệ sắc bén thanh tịnh,
Tinh tiến mong cầu đạo của Phật,
Nên tích tụ đủ bốn pháp này.

Lại có năm pháp có thể thâu nhiếp Phật đạo:

1. Tín căn.
2. Tinh tiến căn.
3. Niệm căn.
4. Định căn.
5. Tuệ căn. Như nói:

Tín căn-Tinh tiến căn-Niệm căn,
Định căn và Tuệ căn kiên cố,

Pháp này kết hợp với Đại Bi,
Cuối cùng không lui sụt Phật đạo.
Giống như người có được năm căn,
Có năng lực thông suốt năm trần,
Như có được các căn Tín-Tiến…,
Có thể thông hiểu tướng các pháp.

Lại có sáu pháp có thể thâu nhiếp Phật đạo. Đó là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tiến, Thiền định, Trí tuệ Ba-la-mật. Như nói:

Sáu độ như trước đã giải thích,
Làm cho các phiền não hàng phục,
Luôn luôn tăng trưởng các thiện căn,
Không bao lâu sẽ được thành Phật.

Lại có bảy pháp có thể thâu nhiếp Phật đạo. Đó là bảy chánh pháp: Tín, Tàm, Quý, Văn, Tinh tiến, Niệm Tuệ.

Như nói:

Muốn có được bảy pháp chân chính,
Nên vui với thiền định tinh tiến,
Loại bỏ hết bảy pháp tà vạy,
Luôn luôn biết rõ các công đức.
Người này có năng lực đạt được,
Quả vị Phật vô thượng Bồ đề,
Cứu người đang chìm trong sinh tử,
Đưa đến nơi bến bờ yên ổn.

Lại có tám pháp có thể thâu nhiếp Phật đạo. Đó là tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân: Ít ham muốn, biết vừa đủ, xa lìa, tinh tiến, niệm, định, tuệ, vui với không hý luận. Như nói:

Nếu người có tâm quyết định trú,
Trong tám điều giác bậc Đại nhân,
Vì mong cầu thành tựu Phật đạo,
Loại bỏ những giác quán xấu ác.
Người như vậy thì không bao lâu,
Nhanh chóng chứng được đạo Vô thượng,
Nếu như người thực hành điều thiện,
Chắc chắn cảm được quả tốt đẹp.

Lại có chín pháp có thể thâu nhiếp Phật đạo. Đó là Đại Nhẫn, Đại từ, Đại Bi, Tuệ, Niệm, Tâm kiên cố, không có tham, không có sân, không có si. Như nói:

Có đầy đủ đối với Đại Nhẫn,
Cùng với Đại Từ và Đại Bi,
Lại có năng lực trú vào Tuệ,
Trong Niệm và Tâm luôn kiên cố,
Tâm sâu xa hợp với thiện căn,
Không tham-không sân và không si,
Nếu người có năng lực như vậy,
Thì Phật đạo chắc chắn thành tựu.

Lại có mười pháp có thể thâu nhiếp Phật đạo. Đó là mười thiện đạo, tự mình không sát sinh, không bày người khác sát sinh, thấy sát sinh thì tâm không khen ngợi, thấy sát sinh thì tâm không vui, cho đến tà kiến cũng như vậy. Đem phước đức này hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như nói:

Không làm não hại với chúng sinh,
Cũng không làm ác nghiệp trộm cướp,
Không tà dâm xúc phạm vợ người,
Ba điều này là nghiệp của thân.
Không nói dối-không nói hai lưỡi,
Không nói thô ác-nói thêm bớt,
Không tham lam-sân hận-tà kiến,
Bảy điều này là nghiệp miệng-ý
Như vậy thì có thể mở toang,
Cửa ngõ của Phật đạo vô thượng,
Nếu người muốn chứng được quả Phật,
Nên thực hành pháp này đầu tiên.

Những pháp như vậy, Bồ tát nên làm cho phát sinh, phát sinh rồi thì nên giữ gìn, giữ gìn rồi nên làm cho tăng trưởng, đối với một điều thiện làm cho tăng thêm một điều, cũng cần phải biết! Người cầu Phật

đạo, đối với một pháp ác phải mau chóng lìa xa, đó là gọi là xa không phóng túng. Như nói:

Nếu người không có thể vượt qua,
Con đường hiểm ác của sinh tử,
Sự việc xấu xa tội lỗi này,
Là điều đáng bị chỉ trích nhất.
Tuy cầu mong niềm vui giàu có,
Mà sinh trong gia đình nghèo hèn,
Không có thể gieo trồng phước thiện,

Làm tôi tớ cho người sai khiến,
Nhân duyên đã dẫn đến khổ quả,
Đều bởi vì tự mình phóng túng,
Vì vậy cho nên người có trí,
Nhanh chóng rời xa như ác độc,
Nếu như chưa thành tựu Đại Bi,
Pháp nhẫn vô sinh và Bất thối,
Mà luôn luôn làm điều phóng túng,
Vậy thì gọi là đã chết rồi.

Lại có hai lỗi lầm phải nhanh chóng xa lìa:

1. Tham theo Thanh văn thừa.
2. Tham theo Bích-chi-Phật thừa. Như Đức Phật nói:

Nếu rơi vào phạm vi Thanh văn,
Và phạm vi của Bích-chi-Phật,
Thì gọi là Bồ tát đã chết,
Cũng gọi là mất đi tất cả.
Tuy rơi vào trong chốn địa ngục,
Nhưng không cần sinh lòng sợ hãi,
Nếu rơi vào phạm vi Nhị thừa,
Thì Bồ tát vô cùng sợ hãi.
Tuy rơi vào trong chốn địa ngục,
Nhưng không vĩnh viễn ngăn Phật đạo,
Nếu rơi vào phạm vi Nhị thừa,
Thì cuối cùng ngăn mất Phật đạo.
Đức Phật dạy người quý mạng sống,
Chặt đầu thì vô cùng sợ hãi,
Như vậy mong muốn được làm Phật,
Nên vô cùng sợ hãi Nhị thừa.

Lại có ba lỗi lầm phải nhanh chóng xa lìa:

1. Ghét các vị Bồ tát.
2. Ghét việc làm của Bồ tát.
3. Ghét kinh Đại thừa rất sâu sắc. Như nói:

Trí Tiểu thừa dùng duyên Tiểu thừa, Oán ghét đối với các Bồ tát,

Cũng oán ghét đạo của Bồ tát, Cũng oán ghét kinh điển Đại thừa. Vì không hiểu cho nên không tin, Rơi vào trong địa ngục muôn đời, Sợ hãi kêu gào rất thảm thiết,

Sự việc này cần phải lìa xa.

Lại có bốn lỗi lầm phải nhanh chóng xa lìa:

1. Nịnh hót.
2. Quanh co.
3. Tánh nóng nảy.
4. Không có lòng thương xót. Như nói:

Tự cho rằng mình là Bồ tát,
Nhưng tâm nhiều nịnh hót quanh co,
Tánh nóng nảy không hề tha thứ,
Không thực hành tâm thương xót ai,
Là gần bên địa ngục A-tỳ,
Rời bỏ Phật đạo rất xa xôi.

Lại có năm lỗi lầm phải nhanh chóng xa lìa:

1. Tham dục.
2. Sân hận.
3. Ngủ nghỉ.
4. Bỡn cợt.
5. Nghi ngờ.

Đây gọi là năm cái che kín tâm tư. Như nói:

Nếu như người làm điều phóng túng,
Thì các cái che kín tâm tư,
Sinh lên cõi trời hãy còn khó,
Huống gì mong chứng được đạo quả?
Nếu chịu khó thực hành tinh tiến,
Thì có thể xé toạc các cái,
Nếu có thể xé toạc các cái,
Thì tùy nguyện đều được thành tựu.

Lại có sáu lỗi lầm cùng với sáu Ba-la-mật trái ngược nhau, phải nhanh chóng xa lìa:

1. Tham lam keo kiệt.
2. Phá giới.
3. Sân hận.
4. Lười nhác.
5. Bỡn cợt.
6. Ngu si. Như nói:

Tâm tham lam keo kiệt dơ bẩn,
Phá giới mà lại còn lười nhác,
Như loài trâu-dê chẳng biết gì,
Dễ sân hận như loài rắn độc,

Tâm hỗn loạn như loài vượn khỉ,
Không có thể xa lìa các cái,
Sinh cõi trời thật là khó có,
Huống hồ mong chứng được Phật đạo?

Lại có bảy lỗi lầm phải nhanh chóng xa lìa:

1. Thích nhiều công việc.
2. Thích học thuộc nhiều thứ.
3. Ưa ngủ nghỉ.
4. Ưa nói chuyện.
5. Tham đắm lợi dưỡng.
6. Thường muốn làm cho người ta ưa thích.
7. Mê muội đối với đạo mà tâm thuận theo ái hành. Như nói:

Người kém cỏi ưa thích nhiều chuyện,
Thích học thuộc lòng nhiều kinh khác,
Người ngu si ưa thích ngủ nghỉ,
Thích cùng nhau tụ tập chuyện trò,
Tuy nguyện ước mong được làm Phật,
Mà vô cùng đắm say lợi dưỡng,
Thì làm tôi tớ cho ân ái,
Mê muội đối với đạo vô thượng,
Những hạng người xấu xa như vậy,
Tự cho rằng mình là Bồ tát.

Lại có tám lỗi lầm phải nhanh chóng xa lìa:

1. Tà kiến.
2. Tà tư duy.
3. Tà ngữ.
4. Tà nghiệp.
5. Tà mạng.
6. Tà phương tiện.
7. Tà niệm.
8. Tà định. Như nói:

Nếu như có người thật ngu si,
Thực hành đối với tám tà đạo,
Học theo các kinh pháp tà vạy,
Thích chạy theo những hạng thầy tà,
Lìa xa đối với tám Thánh đạo,
Những công đức hết sức vi diệu,
Cố chấp sâu trong những phiền não,

Mà lại nguyện thành tựu Bồ đề,
Những hạng người ngu si như vậy,
Mong muốn vượt qua được biển rộng,
Mà rời bỏ con thuyền vững chắc,
Ôm đá mong cầu vượt qua ư?

Lại có chín lỗi lầm phải nhanh chóng xa lìa:

1. Không nghe đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.
2. Nghe rồi nhưng không tin.
3. Nếu có tin mà không tiếp nhận.
4. Nếu có tiếp nhận nhưng không trì tụng.
5. Nếu có trì tụng nhưng không biết nghĩa lý.
6. Nếu có biết cũng không nói.
7. Nếu có nói mà không làm như lời nói.
8. Nếu có làm như lời nói mà không có thể làm thường xuyên.
9. Nếu có thể làm thường xuyên mà không có thể làm cho khéo léo.

Như nói:

Người ngu si không mong được nghe,
Đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác,
Nghe rồi không thể nào tin được,
Cũng không có năng lực tụng trì,
Không biết nghĩa lý cũng không nói,
Không thực hành như lời đã nói,
Không có thể thường xuyên khéo làm,
Không có ý niệm về an tuệ.
Những hạng người ngu si như vậy,
Không có thể chứng được đạo quả,
Giống như người có nhiều tội ác,
Không mong được sinh lên cõi trời.

Lại có mười lỗi lầm phải nhanh chóng xa lìa. Đó là mười bất thiện đạo. Như nói:

Người ngu si vào lúc tuổi trẻ,
Tham ái mê mờ theo năm dục,
Rời bỏ tất cả người thiện đạo,
Làm đủ mười nghiệp đạo bất thiện,
Niềm vui cõi trời nắm trong tay,
Mà tự mình lại vứt bỏ mất,

Như tham chút lợi của tiền bạc,
Mà bỏ cả kho báu to lớn.

Hỏi: Lúc ông nói về tướng của đạo vô thượng, đủ các loại nhân duyên trách mắng về Bồ tát phát nguyện suông, tự cho rằng mình là Bồ tát, chỉ có tên gọi Bồ tát hảo huyền. Nếu cả ba loại này không gọi là Bồ tát, thì thành tựu pháp nào mới gọi là Bồ tát thật sự?

Đáp:

Không những là phát nguyện hảo huyền,
Tự cho rằng mình là Bồ tát,
Ngay cả tên gọi là Bồ tát,
Nói sơ lược có thể thành tựu,
Thực hành đủ ba mươi hai pháp,
Mới gọi là Bồ tát thật sự.

Nếu người phát tâm mong cầu Phật đạo, tự cho rằng mình là Bồ tát, tiếp nhận danh hiệu trống rỗng chứ không thực hành những công đức, không có tâm Từ Bi, không đầy đủ các hạnh Ba-la-mật…, thì không gọi là Bồ tát, như khu thành bằng đất mà gọi là khu thành quý báu, thì chỉ tự lừa dối mình, cũng lừa dối Chư Phật, và cũng lừa dối chúng sinh ở thế gian. Nếu người có đầy đủ ba mươi hai pháp tuyệt diệu, cũng có năng lực phát nguyện, thì gọi là Bồ tát chân thật. Những gì là ba mươi pháp? Đó là:

1. Tận đáy lòng cầu mong mọi điều an lạc cho tất cả chúng sinh.
2. Có năng lực tiến vào trong trí của Chư Phật.
3. Tự biết tường tận là mình có thể được làm Phật hay không làm Phật.
4. Không ghét kẻ ác.
5. Đạo tâm kiên cố.
6. Không dựa vào tình thân ái mà kết bạn giả dối.
7. Thậm chí không nhập Niết bàn mà thường vì chúng sinh làm bạn thân.
8. Người thân kẻ sơ chung một tâm bình đẳng.
9. Đã hứa làm điều thiện thì tâm không thay đổi.
10. Không đoạn mất lòng Đại Từ đối với tất cả chúng sinh.
11. Không đoạn mất lòng Đại Bi đối với tất cả chúng sinh.
12. Tâm thường cầu chánh pháp mà không mỏi mệt uể oải.
13. Thường xuyên phát tâm tinh tiến không cảm thấy thỏa mãn.
14. Nghe nhiều mà hiểu rõ nghĩa lý.
15. Thường tự kiểm điểm sai lầm của mình.

16. Không gièm pha khuyết điểm của người.
17. Ở trong tất cả mọi điều thấy nghe luôn luôn tu tâm Bồ đề.
18. Bố thí không cầu đền đáp.
19. Trì giới không cầu tất cả mọi nơi sinh ra.
20. Nhẫn nhục không sân hận làm trở ngại đối với tất cả chúng sinh.
21. Có năng lực chịu khó tinh tiến tu tập tất cả thiện căn.
22. Không thuận theo định Vô sắc mà sinh ra.
23. Nhờ vào phương tiện mà thâu nhiếp trí tuệ.
24. Nhờ vào bốn nhiếp pháp mà thâu nhiếp phương tiện.
25. Trì giới và phá giới đều thương xót như nhau.
26. Một lòng nghe pháp.
27. Một lòng trụ nơi A-lan-nhã.
28. Không thích các loại sự việc tạp loạn của thế gian.
29. Không tham chấp Tiểu thừa.
30. Thấy lợi ích của Đại thừa là to lớn.
31. Lìa xa những hạng ác tri thức.
32. Gần gũi với bậc thiện tri thức.

Bồ tát trú trong ba mươi hai pháp này, có năng lực thành tựu bảy pháp, đó là: Bốn Vô lượng tâm, có năng lực du hý với năm loại thần thông thường dựa vào trí, thường không rời bỏ mọi chúng sinh dù thiện hay ác, nói những lời quyết định, nói ra chắc chắn đều là sự thật, tích tập tất cả các thiện pháp mà tâm không có gì thỏa mãn. Đây là ba mươi hai pháp, là bảy pháp quan trọng, Bồ tát thành tựu những pháp này, thì gọi là Bồ tát chân thật.

Phẩm 28: PHÂN BIỆT NGHIỆP ĐẠO CỦA ĐỊA THỨ HAI, Phần 1

Các vị Bồ tát đã có được,
Đầy đủ đối với địa thứ nhất,
Mong muốn đạt được địa thứ hai,
Trước hết phát sinh mười loại tâm.

Các Bồ tát đã đạt được địa thứ nhất là Hoan Hỷ, vì đạt được địa thứ hai cho nên phát sinh mười loại tâm, nhờ vào mười tâm này có thể đạt được địa thứ hai, như người muốn lên lầu cao thì phải nhờ vào bậc thang mà trèo lên.

Hỏi: Những gì là mười tâm làm phương tiện đạt được địa thứ hai?

Đáp:

Tâm thẳng thắn-tâm có thể dùng,
Tâm mềm mỏng-thuần phục-vắng lặng,
Chân diệu-không lẫn tạp không tham,
Tâm rộng rãi-vĩ đại là mười.

Các Bồ tát đã đầy đủ đối với địa thứ nhất, muốn đạt đến địa thứ hai, thì nên phát sinh mười tâm phương tiện này.

1. Tâm thẳng thắn.
2. Tâm có thể sử dụng.
3. Tâm mềm mỏng.
4. Tâm hàng phục.
5. Tâm vắng lặng.
6. Tâm chân diệu.
7. Tâm không xen tạp.
8. Tâm không tham.
9. Tâm rộng rãi.
10. Tâm Đại thừa.

Tâm thẳng thắn là xa lìa dua nịnh quanh co, lìa xa dua nịnh quanh co cho nên trở nên mềm mỏng. Mềm mỏng thì không ngang ngạnh, thô lỗ dữ dằn. Bồ tát có được tâm mềm mỏng này, thì phát sinh các loại thiền định, cũng tu tập những thiện pháp; quán sát thật tướng của các

pháp, thì tâm có thể sử dụng. Tâm có thể sử dụng cho nên phát sinh tâm thuần phục. Tâm thuần phục là có năng lực khéo léo làm cho các căn nhãn-nhĩ… phải hàng phục. Như kinh nói: "Thế nào là thiện đạo? Đó gọi là Tỳ-kheo hàng phục thì dễ dàng phát sinh tâm vắng lặng".

Tâm vắng lặng, có năng lực diệt trừ các phiền não của tham dục-sân hận-ngu si. Trước tiên tâm được thuần phục rồi, sau đó ngăn chặn khiến được vắng lặng.

Lại có người nói: Đạt được các thiền định thì gọi là tâm vắng lặng. Như kinh nói: "Nếu người khéo léo biết rõ tướng của thiền định, không tham đắm ý vị của nó, thì gọi là tâm vắng lặng, đạt được tâm vắng lặng rồi, thì tâm chân diệu chắc chắn phát sinh."

Tâm chân diệu là đối với mọi điều mong cầu từ trong thiền định dùng thần thông mà đạt được như ý, ví như vàng ròng tùy ý mà sử dụng. Hành giả đạt được tâm thẳng thắn cho đến tâm chân diệu rồi, vì giữ gìn tâm này cho nên vui mừng sinh tâm không lẫn tạp. Tâm không lẫn tạp là không làm theo tại gia hay là xuất gia. Người này dấy lên ý niệm như vậy: Mình có được

những tâm như vậy, đều nhờ vào sức mạnh của thiền định, dùng những tâm này sẽ đạt được địa thứ hai cùng với vô lượng lợi ích, nếu lẫn tạp cùng với nhiều người thì mất đi lợi ích này. Tại vì sao? Bởi vì nếu như người thực hành lẫn tạp cùng với nhiều người, thì cả sáu căn có lúc trở lại phát sinh các pháp bất thiện. Tại vì sao? Bởi vì gần gũi với pháp có thể vấy nhiễm-có thể sân hận-có thể ngu si, các căn phát động làm cho lửa phiền não bùng lên, vì lửa phiền não bùng lên cho nên sẽ mất đi lợi ích này. Thấy rõ những lỗi lầm như vậy cho nên sinh tâm không lẫn tạp, không nên thực hành lẫn tạp với người tại gia hoặc xuất gia. Người này có được tâm không lẫn tạp này rồi, sau đó sinh tâm không tham lam. Tâm không tham lam, là ở giữa những người tại gia hoặc xuất gia, đối với Cha mẹ-Anh em-Hòa thượng-thầy dạy như mọi người xưng hô, không sinh lòng tham đắm, dấy lên ý niệm như vậy: Nếu mình đối với tại gia hoặc xuất gia sinh lòng tham đắm, thì nhất định phải qua lại thăm hỏi, mình làm sao còn có tâm không lẫn tạp được? Vì vậy mình cần phải làm cho các thiền định đều có ích lợi mà trú trong tâm không lẫn tạp, nên rời bỏ tâm tham đắm đối với tại gia hoặc xuất gia.

Hỏi: Pháp của Bồ tát là không nên rời bỏ chúng sinh, không nên sinh tâm rời bỏ, như trong phẩm Trợ Bồ đề nói:

Bồ tát lúc ban đầu tinh tiến,
Vốn có sức mạnh của phương tiện,
Cần phải làm cho các chúng sinh,
An trú vào trong pháp Đại thừa.
Nếu người dạy hằng sa chúng sinh,
Đều an trú quả vị La-hán,
Không bằng dạy bảo cho một người,
Trú trong pháp Đại thừa thù thắng.
Nếu như người thế lực yếu kém,
Không có thể phát tâm Đại thừa,
Lần lượt nên dạy cho an trú,
Thanh văn và Bích-chi-Phật thừa.
Nếu người không có thể an trú,
Thanh văn và Bích-chi-Phật thừa,
Cần phải dạy cho chúng sinh này,
Khiến thực hành nhân duyên phước thiện.
Không có thể trú trong Tam thừa,
Không cảm được niềm vui trời-người,
Thường dùng sự việc ngay đời này,

Thuận theo làm lợi ích cho họ.
Nếu như lại có những chúng sinh,
Không nhận lợi ích của Bồ tát,
Đối với hạng này không nên bỏ,
Cần phải sinh tâm Đại Từ Bi.

Tại sao ông nói Bồ tát có được tâm không lẫn tạp mà sinh tâm không tham đắm, nếu Bồ tát không tham đắm chúng sinh thì rời bỏ họ, làm sao có thể hóa độ?

Đáp: Nên tùy thuận với đạo của Bồ tát mà thực hành tâm Xả. Tại vì sao? Bởi vì người này dựa vào tâm Xả mà sinh tâm rộng rãi bao la, dấy lên ý niệm như vậy: Nếu mình rời bỏ chốn đông đúc ồn náo này thì sẽ đạt được thiền định, nhờ vào thiền định mà sinh ra pháp rộng rãi tuyệt vời, đạt được pháp này rồi thì sau đó có thể làm lợi ích cho chúng sinh, tốt đẹp gấp ngàn vạn lần bấy giờ. Vì vậy, muốn làm nhiều lợi ích cho chúng sinh mà tâm Xả trong thời gian ngắn, tạm thời rời bỏ chốn đông đúc ồn náo, sẽ đạt được thiền định và năm loại thần thông, cùng làm lợi ích cho chúng sinh. Tại sao Bồ tát thực hiện phương tiện như vậy? Bởi vì Bồ tát mong đạt được tâm vĩ đại mà dấy lên ý niệm như vậy: Người vĩ đại vui với lợi ích vĩ đại cho nên không còn lợi ích nhỏ nhoi, vì vậy nay mình đang cầu pháp của người vĩ đại, thuận theo mà tu học, phải chịu khó tinh tiến như vậy vì sự lợi ích vĩ đại, đó là các thiền định-thần thông-diệt khổ và giải thoát… Vì vậy điều ông nói là không đúng.

Hỏi: Trong địa thứ nhất đã có các pháp như tâm thẳng thắn…, tại sao lại nói Bồ tát muốn đạt được địa thứ hai thì phải phát sinh mười tâm?

Đáp: Địa thứ nhất tuy có những pháp này, nhưng chưa đạt đến niềm vui sâu sắc, chưa có ý chí kiên cố; ở trong địa thứ hai, tâm luôn luôn vui thích trở nên sâu sắc kiên cố, có thể tùy ý thực hiện có tác dụng, vì vậy ông chất vấn không đúng.

Hỏi: Nếu niềm vui sâu sắc và kiên cố đối với pháp này, thì đạt được điều gì khác nữa? Đáp:

Nếu như trong một lúc đạt được,
Tâm kiên cố-niềm vui sâu sắc,
Thì không cần phải dụng công nữa,
Như kiết sử luôn luôn đi theo.

Như kiết sử trong một lúc phát sinh mà luôn luôn đi theo con người. Bồ tát trong cùng một lúc đạt được tâm kiên cố và niềm vui sâu sắc như vậy rồi, thì luôn luôn đi theo, không cần phải tiếp tục dụng công mà phát sinh,

hoặc dùng một chút nhân duyên thì phát sinh. Tại vì sao? Bởi vì gốc rễ ăn sâu trong lòng đất, cho nên cành nhánh cứ nối tiếp nhau mãi.

Hỏi: Nếu Bồ tát có được mười loại tâm này thì đạt được những quả gì? Đáp:

Nếu như có được những tâm này,
Chính thức trú trọng địa thứ hai,
Có đầy đủ ba loại ly cấu,
Rời mọi ác nghiệp và phiền não.

Nếu Bồ tát có được mười loại tâm này, thì gọi là trú trong địa Bồ tát thứ hai. Ly cấu thứ nhất, là tên gọi của địa. Ly cấu thứ hai, là ở trong địa này xa rời tội lỗi cấu trược của mười nghiệp đạo bất thiện. Ly cấu thứ ba, là xa rời các phiền não cấu trược như tham dục-sân hận-ngu si… Vì vậy gọi là Ly cấu. Vả lại, nghĩa của Ly cấu còn tiếp ở phần sau.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 14

Phẩm 28: PHÂN BIỆT NGHIỆP ĐẠO CỦA ĐỊA THỨ HAI, Phần 2

Bồ tát an trú trong địa này,
Tự nhiên không làm mọi điều ác,
Bởi vì rất vui thích pháp thiện,
Cho nên tự nhiên làm điều thiện.

Hỏi: Mười bất thiện đạo tự nhiên không làm, tự nhiên làm mười thiện đạo, hai loại nghiệp này, bao nhiêu là thân hành, bao nhiêu là khẩu hành, bao nhiêu là ý hành?

Đáp:

Thân và ý đều có ba loại,
Miệng có bốn thiện cũng như vậy,
Giải thích sơ lược thì như vậy,
Điều này phải phân biệt rõ ràng.

Hành bất thiện của thân có ba loại, đó là đoạt mạng sống kẻ khác-trộm cướp và tà dâm. Hành bất thiện của miệng có bốn loại, đó là nói dối-nói hai lưỡi-nói thô ác-nói tán loạn. Hành bất thiện của ý có ba loại, đó là tham lam-sân hận và tà kiến.

Hành thiện của thân cũng có ba loại, đó là không đoạt mạng sống kẻ khác-không trộm cướp và không tà dâm. Hành thiện của miệng cũng có bốn loại, đó là không nói dối-không nói hai lưỡi-không nói thô ác-không nói tán loạn. Hành thiện của ý có ba loại, đó là không tham lam-không sân hận và có chánh kiến.

Nghiệp đạo của thân miệng ý, là thiện hoặc bất thiện đều phải bàn luận làm cho người ta hiểu được rõ ràng.

Nghiệp đạo bất thiện đầu tiên là đoạt mạng sống, nghĩa là có chúng sinh khác biết chúng sinh này mà cố tình làm điều não hại, vì sự não hại này mà mất đi mạng sống, khởi lên thân nghiệp này thì gọi là nghiệp đạo bất thiện đoạt mạng sống kẻ khác. Rời xa việc này, cho nên gọi là hành thiện không đoạt mạng sống kẻ khác.

Trộm cướp, nghĩa là vật thuộc về người khác, biết vật này thuộc về người khác mà sinh tâm trộm cướp, tay cầm vật này đưa rời xa nơi ban đầu. Hoặc là cướp hay là trộm, cho là vật của mình mà sinh tâm của mình, thì gọi là trộm cướp. Rời xa việc này thì gọi là hành thiện không trộm cướp. Tà dâm, là tất cả người nữ, như được cha mẹ bảo vệ, bà con bảo vệ, cho hàng bảo vệ, pháp luật cuộc đời bảo vệ, giới luật đạo pháp bảo vệ, hoặc vợ người khác, biết có những chướng ngại do roi gậy não hại…, mà ở trong việc này sinh tâm tham dục, khởi lên thân nghiệp. Hoặc đối với thê thiếp của mình vốn có, trong thời kỳ hoặc đang thọ giới, hoặc đang mang thai, hoặc con nhỏ còn bú, hoặc không phải chỗ, thì gọi là tà dâm. Rời xa việc này thì gọi là hành thiện của thân.

Nói dối, là che tướng-che tâm-che cách nhìn-che chịu đựng-che ham muốn, biết tướng như vậy mà lại nói khác đi, thì gọi là nói dối. Rời xa việc này, thì gọi là hành thiện rời xa nói dối.

Nói hai lưỡi, là muốn làm cho người ta phải chia ly, đem chuyện người này đến nói với người kia, đem chuyện người kia đến nói với này, làm cho họ phải chia lìa tan tác. Người hòa hợp thì làm cho biệt ly, người biệt ly thì tùy thuận vui thích vì họ phải biệt ly, mừng vì họ phải biệt ly-thích vì họ phải biệt ly, đây gọi là nói hai lưỡi. Lìa bỏ sự việc như vậy, gọi là hành thiện rời xa nói hai lưỡi. Nói thô ác, là tất cả những lời xấu xa-lời tai hại-lời đau khổ-lời thô thiển-lời tệ hại của thế gian làm cho người khác tức giận buồn phiền, đó gọi là nói thô ác. Rời bỏ việc này, gọi là hành thiện rời xa nói thô ác.

Nói tán thán, là lời nói không đúng lúc, lời nói không có ích lợi, lời nói trái với pháp, lời nói không có đầu đuôi, lời nói không có nhân duyên, đó gọi là nói tán loạn. Rời bỏ việc này, gọi là hành thiện rời xa nói tán loạn.

Tham lam, là vật thuộc về người khác, vật mà người ta mong muốn, ruộng đất của người ta, tài sản đồ vật của người ta, mà tâm tham lam giữ lấy mong muốn có được, đó gọi là tham lam. Ở trong việc này, không tham lam-không ganh tỵ-không mong muốn có được, đó gọi là hành thiện không tham lam. Sân hận, là tâm sân hận-tâm chướng ngại, phát khởi sân hận đối với chúng sinh khác, dấy lên ý niệm như vậy: Sao không đánh đập, trói buộc, giết hại? Đây gọi là sân hận. Rời bỏ sự việc như vậy, thì gọi là hành thiện không sân hận.

Tà kiến, là nói không có Bố thí, không có ân đền đáp, thiện nghiệp-ác nghiệp không có quả báo, không có đời này-không có đờisau, không có cha mẹ-không có Sa-môn, không có Bà-la-môn, cóthể biết

đời này-đời sau, thông suốt rõ ràng tự mình làm người chứngthực, đó gọi là tà kiến. Chánh kiến, là cho rằng có Bố thí thì có ân đền đáp, có quả báo của nghiệp thiện-ác, có đời này và đời sau, thế gian có Sa-môn và Bà-la-môn, biết đời này và đời sau, thông suốt rõ ràng tự mình là người chứng thực, đây gọi là hành thiện có chánh kiến. Bồ tát này tiến vào thiện đạo chánh kiến như vậy.

Thiện nghiệp đạo-bất thiện nghiệp đạo,
Đều phân biệt thành hai mươi loại,
Biết từ những nơi nào khởi lên,
Làm thành mười hai loại phân biệt.

Bồ tát đối với các loại tướng riêng biệt của mười bất thiện đạo và mười thiện đạo, biết rõ hai mươi loại phân biệt. Lại đối với hai mươi loại phân biệt này, khéo léo biết rõ từ những nơi nào khởi lên mười hai loại phân biệt.

Ở trong mười bất thiện đạo này có hai mươi loại phân biệt, đó là không xa rời tội lỗi đoạt mạng sống loài khác:

1. Bất thiện.
2. Hệ thuộc cõi Dục.
3. Hữu lậu.
4. Không phải tâm sở pháp.
5. Tâm không tương ưng.
6. Không tùy theo tâm hành.
7. Hoặc cùng tâm sinh, hoặc không cùng tâm sinh.

Thế nào là cùng tâm sinh? Đó là thật có chúng sinh, biết là chúng sinh, dùng thân nghiệp mà đoạt mạng sống của chúng sinh ấy, thì gọi là cùng tâm sinh.

Thế nào là không cùng tâm sinh? Nếu người muốn giết chúng sinh mà bắt giữ-lôi kéo-đánh ngã xuống đất rồi, sau đó tự chúng sinh ấy chết đi, thì gọi là không cùng tâm sinh. Vả lại, thân không tác động-miệng không nói năng, chỉ sinh tâm là mình từ hôm nay sẽ làm nghề giết hại chúng sinh. Tội lỗi đoạt mạng sống loài khác như vậy, thì gọi là không cùng tâm sinh. Nhưng người này không xa rời ý niệm đoạt mạng sống loài khác, hoặc ngủ hay thức luôn luôn tích tập tăng trưởng, thì cũng gọi là không cùng tâm sinh.

8. Hoặc là sắc-hoặc là phi sắc, nghĩa là tội sát hại cùng tâm sinh thứ nhất là sắc, tội sát hại thứ hai-thứ ba-thứ tư không phải là sắc,

9. Hoặc là tác-hoặc là phi tác, nghĩa là có sắc là tác, còn lại là vô tác.

10. Hoặc là có duyên-hoặc là vô duyên, sắc là có duyên, còn lại là vô duyên.

Hỏi: Tâm này là có duyên hay là vô duyên? Đáp: Không phải là có duyên.

Hỏi: Nếu tâm không có duyên thì lúc thân không tác động-miệng không nói năng, nhưng tâm sinh ý niệm là mình từ hôm nay sẽ làm việc giết hại chúng sinh, nghiệp tội như vậy tại sao nói là không có duyên?

Đáp: Nếu tội sát hại là tâm thì phải có duyên, nhưng bây giờ thật sự thì tội sát hại không phải là tâm, nếu là tâm thì tội sát hại này chính là thân nghiệp, mà tâm thật ra thì không phải là thân nghiệp. Vì vậy tội sát sinh không nói là có duyên, nhưng tội sát sinh cùng tâm phát sinh ở trong thân, vì tâm này vô tác cho nên nói là không có duyên.

11. Nghiệp.
12. Chẳng phải nghiệp tương ưng.
13. Hành không tùy nghiệp.
14. Hoặc là cùng nghiệp sinh-hoặc là không cùng nghiệp sinh, như cùng tâm sinh không khác, chỉ trừ ra tâm và tư cùng sinh ra khác biệt;
15. Không phải là nghiệp báo của đời trước.
16. Không đáng tu tập.
17. Cần phải khéo léo nhận biết.
18. Cần phải dùng tuệ chứng chứ không dùng thân mà chứng.
19. Đáng bị đoạn trừ.
20. Đáng được thấy biết.

Trong tội không rời bỏ trộm cướp, tội không rời bỏ tà dâm, tội không rời bỏ nói dối, chỉ có:

1. Cùng tâm sinh.
2. Không cùng tâm sinh.

Hoặc

1. Có sắc.
2. Vô sắc.

Hoặc

1. Tác.
2. Vô tác.

Hay

1. Có duyên.
2. Vô duyên.

Còn lại như đã nói trong tội sát hại. Không rời bỏ tội nói hai lưỡi,

không rời bỏ tội nói thô ác cũng như vậy.

Tội không rời bỏ nói lời tán loạn, hoặc là bất thiện-hoặc là vô ký; từ tâm bất thiện phát sinh là bất thiện, từ tâm vô ký phát sinh là vô ký; hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc. Hệ thuộc cõi Dục, là dùng thân tâm cõi Dục, nói lời tán loạn thì hệ thuộc cõi Dục. Hệ thuộc cõi Sắc cũng như vậy. Còn lại như đã nói trong tội nói dối.

Tham lam hệ thuộc cõi Dục, là hữu lậu-tâm sở pháp, không phải tâm tương ưng, không phải tùy tâm hành, cùng tâm sinh, vô sắc-vô tác, có duyên, không phải nghiệp tương ưng, không phải tùy nghiệp hành, không phải cùng nghiệp sinh, không phải nghiệp báo của đời trước, trừ ra báo của nhân, không đáng tu tập, cần phải khéo léo nhận biết, cần phải dùng tuệ chứng-thân chứng, đáng đoạn trừ, đáng thấy biết.

Sân hận thì hoặc là tâm tương ưng, hoặc là tâm bất tương ưng. Do triền cái thâu nhiếp thì gọi là tâm tương ưng, do kiết sử thâu nhiếp thì gọi là tâm bất tương ưng.

Tùy tâm hành-không tùy tâm hành cũng như vậy.

Cùng tâm sinh-không cùng tâm sinh, chúng sinh có giác với tâm cùng sinh, chúng sinh vô giác thì không cùng với tâm cùng sinh.

Như tâm tương ưng; tùy tâm hành, cùng tâm sinh, nghiệp tương ưng, tùy nghiệp hành, cùng nghiệp sinh cũng như vậy.

Như tâm bất tương ưng; không tùy tâm hành, không cùng tâm sinh, nghiệp không tương ưng, không tùy nghiệp hành, không cùng với nghiệp cùng sinh cũng như vậy.

Còn lại phân biệt như đã nói trong tội tham lam. Như sân hận, tà kiến cũng như vậy.

Trong mười thiện đạo thì rời xa tội lỗi đoạt mạng sống loài khác là tánh thiện, hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là không hệ thuộc ba cõi. Hệ thuộc cõi Dục, là dùng thân cõi Dục rời xa tội lỗi đoạt mạng sống loài khác, là hệ thuộc cõi Dục, không hệ thuộc ba cõi, là người học và người vô học do tám Thánh đạo thâu nhiếp. Rời xa tội lỗi sát sinh là chánh nghiệp, thì hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Hệ thuộc cõi Dục là hữu lậu, không hệ thuộc ba cõi là vô lậu, không phải tâm sở pháp, không phải tâm tương ưng, không phải tùy tâm hành, hoặc là cùng tâm sinh-hoặc là không cùng tâm sinh. Như thế nào là cùng tâm sinh? Như người đi đường trông thấy sâu bọ mà dấy lên ý niệm như vậy: Thân nghiệp của mình nên xa lìa không làm tổn hại chúng. Đây gọi là hành thiện cùng tâm sinh xa rời tội lỗi đoạt mạng sống loài khác. Như thế nào là hành thiện không cùng tâm sinh xa lìa tội lỗi

sát sinh? Như có người thân không tác động-miệng không nói năng nhưng tâm nghĩ rằng từ hôm nay về sau mình không sát sinh. Đây gọi là hành thiện không cùng tâm sinh. Lại có người trước kia rời bỏ sát sinh, hoặc là ngủ hay là thức nhưng tâm duyên vào việc khác, ở trong từng ý niệm luôn nghĩ là không sát sinh, phước luôn luôn được tăng trưởng, cũng gọi là không cùng tâm sinh.

Hoặc là sắc-hoặc là phi sắc, một là sắc-hai là phi sắc, một là tác-hai là phi tác, một là có duyên-hai là vô duyên, là nghiệp-phi nghiệptương ưng, không tùy nghiệp hành; hoặc là cùng nghiệp sinh-hoặckhông cùng nghiệp sinh; như cùng tâm sinh-không cùng tâm sinh, trừra tâm và tư là khác biệt, không phải là nghiệp báo của đời trước, trừra báo của nhân, đáng tu tập-cần phải khéo léo nhận biết-cần phảidùng thân chứng, tuệ chứng thì hoặc là có thể đoạn trừ-hoặc là khôngthể đoạn trừ, hữu lậu thì có thể thì có thể đoạn trừ, vô lậu thì khôngthể đoạn trừ; đáng thấy biết cũng như vậy.

Xa rời trộm cướp, xa rời tà dâm, xa rời nói dối, xa rời nói hai lưỡi, xa rời nói thô ác cũng như vậy.

Xa rời nói lời tán loạn, hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc ba cõi. Hệ thuộc cõi Dục, là dùng thân tâm cõi Dục xa rời lỗi nói lời tán loạn. Hệ thuộc cõi Sắc cũng như vậy. Không hệ thuộc ba cõi, như đã nói trong phần không sát sinh. Hoặc là hữu lậu-hoặc là vô lậu, hữu lậu là hệ thuộc, vô lậu là không hệ thuộc, còn lại như đã nói trong phần xa rời lỗi nói dối.

Không tham lam là tánh thiện, hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là không hệ thuộc ba cõi. Hệ thuộc cõi Dục, là hành thiện không tham lam của phàm phu và Hiền Thánh cõi Dục, thì hệ thuộc cõi Dục. Không hệ thuộc ba cõi, là hành thiện vô lậu không tham lam của các bậc HiềnThánh, thì hoặc là hữu lậu-hoặc là vô lậu. Hệ thuộc cõi Dục là hữu lậu. Không hệ thuộc ba cõi là vô lậu, thì tâm sở pháp, tương ưng, tùy tâm hành, cùng tâm sinh, vô sắc-vô tác, có duyên, chẳng phải nghiệp,nghiệp tương ưng, tùy nghiệp hành, cùng nghiệp sinh, không phải là nghiệp báo của đời trước, trừ ra báo của nhân, đáng tu tập, cần phải khéo léo nhận biết, có thể dùng thân chứng, tuệ chứng thì hoặc là có thể đoạn trừ, hoặc là không thể đoạn trừ, hữu lậu thì có thể đoạn trừ, vô lậu thì không thể đoạn trừ, thấy biết cũng như vậy.

Xa rời sân hận là tánh thiện, hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc, hoặc là hệ thuộc cõi Vô Sắc, hoặc không hệ thuộc ba cõi.

Hệ thuộc cõi Dục là thiện căn không sân hận thuộc cõi Dục; hai cõi còn lại cũng như vậy. Không hệ thuộc, là không hệ thuộc những nơi khác thì hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Hệ thuộc ba cõi là hữu lậu, không hệ thuộc là vô lậu. Tâm sở pháp, hoặc là tâm tương ưng, hoặc là tâm bất tương ưng. Trái ngược với triền là thiện căn bất sân và tâm tương ưng. Trái ngược với sử là thiện căn bất sân và tâm bất tương ưng. Tùy tâm hành và cùng tâm sinh, cũng như vậy.

Vô sắc-vô tác thì hoặc là có duyên, hoặc là không có duyên. Tâm tương ưng là có duyên, tâm bất tương ưng là không có duyên. Không phải nghiệp thì hoặc là cùng với nghiệp tương ưng, hoặc là không tương ưng với nghiệp; hoặc là tùy nghiệp hành, hoặc là không tùy nghiệp hành; hoặc là cùng nghiệp sinh, hoặc là không cùng nghiệp sinh, cũng như tâm đã nói. Không phải nghiệp báo đời trước, trừ ra báo của nhân, có thể dùng thân chứng-dùng tuệ chứng, hoặc là có thể đoạn trừ-hoặc là không thể đoạn trừ, hữu lậu có thể đoạn trừ, vô lậu không thể đoạn trừ, có thể thấy biết, cũng như vậy.

Chánh kiến là tánh thiện, hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô Sắc, hoặc không hệ thuộc ba cõi. Hệ thuộc cõi Dục, là hoặc phàm phu-hoặc Hiền Thánh, niệm cõi Dục tương ưng với chánh kiến; cõi Sắc và cõi Vô Sắc cũng như vậy. Không hệ thuộc ba cõi, là chánh kiến vô lậu của Hiền Thánh, hoặc là hữu lậu-hoặc là vô lậu; hệ thuộc ba cõi là hữu lậu, không hệ thuộc là vô lậu. Tâm sở pháp, tâm tương ưng, tùy tâm hành, cùng tâm sinh vô sắc-vô tác, có duyên, chẳng phải nghiệp, tùy nghiệp hành, cùng nghiệp sinh, chẳng phải nghiệp báo đời trước, trừ ra báo của nhân, có thể dùng thân chứng-tuệ chứng, hoặc là có thể đoạn trừ-hoặc là không thể đoạn trừ, hữu lậu có thể đoạn trừ, vô lậu không thể đoạn trừ, có thể thấy-có thể biết, cũng như vậy.

Đây gọi là hai mươi loại phân biệt về thiện và bất thiện. Mười hai loại phân biệt như từ đâu phát khởi…?

1. Từ đâu phát khởi?
2. Phát khởi cái gì?
3. Từ nhân nào phát khởi?
4. Làm nhân cho cái gì?
5. Duyên vào đâu?
6. Làm duyên cho cái gì?
7. Sở duyên là gì?
8. Làm duyên cho cái gì?

9. Tăng thượng là gì?
10. Làm tăng thượng cho cái gì?
11. Mất cái gì?
12. Tội sát hại là quả gì?

- Từ đâu phát khởi? Từ ba căn bất thiện mà phát khởi, lại từ tà niệm mà phát khởi. Vả lại, tùy theo dùng tâm nào mà đoạt mạng của chúng sinh thì từ tâm ấy mà phát khởi.

- Phát khởi cái gì? Từ tất cả các pháp bên cạnh tội sát hại, đã sinh-đang sinh và sẽ sinh, thì nhân duyên cũng như vậy.

- Sở duyên là gì? Duyên vào chúng sinh. Lại dựa vào tâm nào mà đoạt mạng của chúng sinh? Cũng duyên vào tâm này.

- Làm duyên cho cái gì? Dựa vào tất cả các pháp bên cạnh tội sát hại, hoặc đã sinh-hoặc đang sinh-hoặc sẽ sinh, pháp này duyên với tội sát sinh.

- Mất cái gì? Đời này gặp phải tiếng xấu, bị mọi người không tin…

- Chịu quả gì? Rơi vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la… và những nơi xấu ác khác, nhận chịu quả báo đau khổ vô cùng.

- Tăng thượng và làm tăng thượng cho cái gì? Như đã nói trong loại từ nơi nào phát khởi.

Trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói lời tán loạn, tham lam, sân hận, tà kiến cũng như vậy, nhưng có khác nhau về sở duyên.

Tội trộm cướp duyên vào vật sử dụng. Tà dâm duyên vào chúng sinh. Nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói lời tán loạn duyên vào danh tự. Tham lam duyên vào vật sử dụng. Sân hận duyên vào chúng sinh. Tà kiến duyên vào danh tự. Còn lại cũng như trên đã nói.

Không sát sinh từ ba căn thiện mà phát khởi, lại từ chánh niệm mà phát khởi. Vả lại, tùy theo dùng tâm nào xa lìa sát sinh thì từ tâm ấy mà phát khởi.

- Phát khởi cái gì? Từ tất cả các pháp của pháp này, hoặc đã sinh-hoặc đang sinh-hoặc sẽ sinh, thì nhân duyên cũng như vậy.

- Sở duyên là duyên vào chúng sinh. Làm duyên cho cái gì? Dựa vào tất cả các pháp bên cạnh thiện nghiệp không sát sinh này, hoặc đã sinh-hoặc đang sinh-hoặc sẽ sinh, duyên với không sát sinh.

Tăng thượng là các thiện căn tăng thượng. Chánh niệm cũng tăng thượng, tùy theo dùng tâm nào không sát sinh, thì tâm ấy cũng tăng

thượng.

- Làm tăng thượng cho cái gì? Đối với tất cả các pháp bên cạnh thiện nghiệp không sát sinh này, hoặc đã sinh-hoặc đang sinh-hoặc sẽ sinh.

- Có lợi ích gì? Trái ngược nhau với tội sát sinh thì gọi là lợi ích.

Được quả gì? Trái ngược nhau với tội sát sinh thì gọi là quả.

Không trộm cướp, không tà tâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói thô ác, không nói lời tán loạn, không tham lam, không sân hận, có chánh kiến, cũng như vậy. Nhưng có khác nhau về sở duyên mà thôi.

Không trộm cướp duyên với vật sử dụng. Không tà dâm duyên với chúng sinh. Không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói thô ác, không nói lời tán loạn duyên với danh tự. Không tham lam duyên với vật sử dụng. Không sân hận duyên với chúng sinh. Chánh kiến duyên với danh tự, hoặc là duyên với nghĩa lý. Hữu lậu duyên với danh tự. Vô lậu duyên với nghĩa lý.

Bồ tát này đối với các loại thiện nghiệp-bất thiện nghiệp và người hai loại về phát khởi…, thực hành mười thiện nghiệp, cần phải phân biệt biết rõ như vậy. Lại biết:

Phạm vi của bảy loại bất thiện,
Vì tham-sân-si mà phát sinh,
Cùng với bốn phần phân biệt rõ,
Nghiệp chúng sinh đều có hai loại.

Bồ tát này biết rõ bảy loại bất thiện nghiệp từ tham-sân-si mà phát sinh, phân biệt rõ ràng ở thế gian. Lại biết rõ bốn phần phân biệt trong bảy loại bất thiện nghiệp, tội sát sinh này hoặc từ tham mà sinh ra, hoặc từ sân mà sinh ra, hoặc từ si mà sinh ra.

Từ tham mà sinh ra, như người thấy chúng sinh, sinh tâm tham đắm, thuận theo nhân duyên này, thích thọ dụng sắc-thanh-hương-vị-xúc, hoặc cần đến răng-sừng-lông-da-gân thịt-xương tùy…, người này sinh tâm tham như vậy mà đoạt mạng của loài khác, thì gọi là từ tham mà gây ra tội sát sinh.

Nếu người do tâm sân hận không vui mà giết hại chúng sinh, thì gọi là do sân mà gây ra.

Nếu người tà kiến không biết gì về nghiệp thiện-ác và đời sau giết hại chúng sinh, thì gọi là từ si mà gây ra tội sát sinh. Hoặc bởi vì làm điều phước đức, hoặc muốn làm cho vượt qua khổ đau mà giết, như nước An Tức ở Phương Tây… Lại có người chọn lấy nhân duyên phước đức mà giết,

dùng nhân duyên của nghiệp sát hại này, muốn được sinh lên cõi trời, như người vùng Đông Thiên Trúc sát sinh ở trong đền thờ Thiên thần. Dựa vào việc làm này mà mong được sinh lên cõi trời, thì gọi là từ si mà sinh khởi.

Lại có người vì tâm tham mà lấy vật của người khác, dấy lên ý niệm như vậy: vì mình phải tùy theo ý có được sắc-thanh-hương-vị-xúc tốt đẹp. Đây gọi là do tham mà sinh khởi.

Lại có người vì tâm sân hận không ưa người kia cho nên trộm cướp tài sản đồ vật của họ, muốn làm cho họ phải phiền muộn, thì gọi là do sân mà sinh khởi.

Lại có người tà kiến không biết gì về quả báo, trộm cướp đồ vật của người khác, thì gọi là do si mà sinh khởi. Như các Bà-la-môn cho rằng tài sản châu báu trên thế gian đều là vật của mình, vì sức mình yếu kém cho nên bị các hạng tiểu nhân lấy sử dụng một cách phi pháp, nếu mình lấy vật ấy thì chính là tự lấy vật của mình chứ không có tội lỗi gì. Dùng tâm như vậy mà trộm cướp vật của người khác, thì cũng là do si mà sinh khởi.

Nếu người vì nhân duyên tham đắm vào sắc mà tà dâm, thì gọi là do tham mà sinh khởi.

Nếu người sân hận không vui, dấy lên ý niệm như vậy; người này xâm phạm đến mẹ-vợ-và các chị-em gái của mình, mình cũng trả lại bằng sự dâm dục làm vấy bẩn đến mẹ-vợ-chị em gái của họ. Đây gọi là do sân mà sinh ra tà dâm.

Nếu người tà kiến không biết gì về quả báo mà cố ý phạm tội, thì gọi là do si mà sinh khởi.

Như có người nói: Trong loài người không có lỗi tà dâm, tại vì sao? Bởi vì người nữ đều vì người nam mà sinh ra, như những đồ vật sử dụng khác, đều có sự cần thiết của mỗi loại, nếu hành dâm với nhau thì không có tội tà dâm. Dùng tâm này làm chuyện dâm dục, thì gọi là do si mà sinh khởi.

Như tội trộm cướp, nói dối cũng như vậy. Vì tham tài sản cho nên nói dối, thì gọi là do tham mà sinh khởi. Vì muốn dối gạt người khác làm cho họ phải chịu khổ não, thì gọi là do sân mà sinh khởi. Tà kiến không biết quả báo của nghiệp cho nên nói dối, thì gọi là do si mà sinh khởi. Nói hai lưỡi, nói thô ác, nói lời tán loạn cũng như vậy.

Ba bất thiện nghiệp chính là căn ban, từ đây phân biệt sinh ra bảy loại quả báo của thân nghiệp và khẩu nghiệp.

Hỏi: Không xa rời sát sinh đều là tội sát sinh phải không? hay là tội sát sinh đều không xa rời sát sinh chăng?

Đáp: Có lúc không xa rời sát sinh thì chính là tội sát sinh, có lúc không xa rời sát sinh mà không phải là tội sát sinh. Thế nào là không xa rời sát sinh mà chính là tội sát sinh? Nghĩa là nếu có chúng sinh biết là chúng sinh mà khởi lên thân nghiệp sát hại đoạt mạng của chúng sinh, thì gọi là không xa lìa sát sinh mà cũng là tội sát sinh? Nghĩa là người này trước đó tuy gây ra nhân duyên sát hại mà chúng sinh không chết, đồng thời thân không tác động-miệng không nói năng, nhưng tâm nghĩ rằng từ hôm nay mình sẽ sát hại chúng sinh. Đây gọi là không xa rời sát sinh mà không phải là tội sát sinh. Hai phần này phân biệt, làm thành bốn loại phân biệt, đó là thiện và bất thiện đều có hai loại.

Không những thiện nghiệp-bất thiện nghiệp,
Mà hai loại nghiệp của thân-tâm,
Lại cũng cần phải biết rõ ràng,
Còn phân biệt có những loại khác.

Trừ ra thân gây tội sát sinh-trộm cướp-tà dâm, còn lại như đánh đập-trói cột-giam giữ-roi gậy-lôi kéo…, nhưng không làm cho chết mà thôi. Những thân nghiệp bất thiện như vậy thì không thuộc về tội đoạt mạng sống. Những thân nghiệp thiện như cung kính lễ lạy, chắp tay đón đưa, chào hỏi, tắm gội, vuốt ve, Bố thí…trong phạm vi thiện, không phải là thuộc về không sát sinh.

Trong ý nghiệp trừ ra tham lam-sân hận-tà kiến, còn lại tất cả các pháp như không giữ gìn tâm và các kiết sử…, đều là bất thiện. Nhưng trong ý nghiệp trừ ra không tham lam-không sân hận-có chánh kiến, còn lại các pháp như khéo giữ gìn tâm-tín-giới-văn-định-xả-tuệ…, đều là thiện.

Bảy nghiệp cũng chính là nghiệp đạo,
Ba nghiệp đạo chẳng phải là nghiệp.

Bảy loại như sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói lời tán loạn, là nghiệp mà cũng là nghiệp đạo. Tham lam-sân hận-tà kiến, là nghiệp đạo chứ không phải là nghiệp, ba loại này tương ưng với suy nghĩ chính là nghiệp.

Hỏi: Bảy loại trước vì sao cũng là nghiệp mà cũng là nghiệp đạo?

Đáp: Thói quen thực hành bảy loại này chuyển sang nhiều hơn, dẫn đến địa ngục-ngạ quỷ-súc sinh, vì vậy cho nên gọi là nghiệp đạo. Bảy loại này có thể gây ra, cho nên gọi là nghiệp. Ba loại là nghiệp đạo mà chẳng phải là nghiệp, nó chính là căn bản của bất thiện nghiệp, vì vậy cho nên gọi là ba nghiệp đạo chứ không phải là nghiệp. Trong

thiện cũng như vậy, có nghĩa là xa rời sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói lời tán loạn cũng là nghiệp mà cũng là nghiệp đạo. Còn lại ba loại không tham lam, không sân hận và có chánh kiến là nghiệp đạo chứ không phải là nghiệp, ba loại này tương ưng với suy nghĩ là nghiệp.

Hỏi: Bảy loại trước vì sao là nghiệp mà cũng là nghiệp đạo?

Đáp: Thường xuyên tu tập những loại này, cho nên có thể dẫn đến nơi tốt đẹp của trời-người thì gọi là đạo, bảy loại này có thể thựchiện cho nên gọi là nghiệp.

Hỏi: Ba loại còn lại vì sao chỉ là nghiệp đạo mà không phải là nghiệp?

Đáp: Ba loại này là căn bản của các thiện nghiệp, các thiện nghiệp thực hành từ trong này, cho nên gọi là nghiệp đạo mà khôngphải là nghiệp. Lại nữa:

Giới và pháp thì đều là nghiệp,
Nghiệp là giới hoặc chẳng phải giới,
Nghiệp cho đến đối với nghiệp đạo,
Có bốn loại phân biệt rõ ràng.

Thân nghiệp và khẩu nghiệp là giới, ý nghiệp là nghiệp mà chẳng phải là giới. Nghiệp cho đến đối với nghiệp đạo có bốn loại phân biệt, là có nghiệp mà chẳng phải nghiệp đạo, có nghiệp đạo mà chẳng phải nghiệp, có nghiệp cũng là nghiệp đạo, có chẳng phải nghiệp cũng chẳng phải nghiệp đạo.

Nghiệp chẳng phải nghiệp đạo, là ba loại thân nghiệp bất thiện, không thuộc về nghiệp đạo, đó là tay đấm-gậy đánh…, và ba loại thân nghiệp thiện, không thuộc về nghiệp đạo, đó là đón đưa-chào hỏi cung kính…, hai loại thiện nghiệp và bất thiện nghiệp này, không thuộc về nghiệp đạo. Hoặc có người nói: Cũng là nghiệp đạo. Tại vì sao? Bởi vì hai nghiệp này có lúc đưa đến nơi thiện-nơi ác, cho nên gọi là nghiệp đạo. Nhưng bởi vì bất định cho nên không nói là nghiệp đạo.

Nghiệp đạo mà chẳng phải nghiệp, là ba loại bất thiện và ba loại thiện sau thuộc về ý, là tánh phiền não cho nên chẳng phải là nghiệp, có thể phát khởi nghiệp hạnh cho nên gọi là nghiệp đạo; ba thiện là tánh của thiện căn cho nên không phải là nghiệp, có thể phát khởi thiện nghiệp cho nên gọi là nghiệp đạo.

Cũng là nghiệp-cũng là nghiệp đạo, đó là bảy loại như sát sinh và không sát sinh…

Chẳng phải nghiệp-chẳng phải nghiệp đạo, là các pháp còn lại.

Lại nữa:

Bồ tát đến gần địa thứ nhất,
Dùng ba loại thiện nghiệp thanh tịnh,
An trú trong mười thiện nghiệp đạo,
Tâm quyết định sẽ được phát sinh.

Bồ tát này ở trong địa thứ hai phân biệt biết rõ ràng về mười thiện và mười bất thiện đạo như vậy. Biết rồi dùng ba loại thanh tịnh an trú trong mười thiện đạo, đó là tự mình không sát sinh-không bày cho người khác sát sinh, tâm không vui vẻ gì đối với tội sát sinh, cho đến chánh kiến cũng như vậy.

Hỏi: Bồ tát trong địa thứ nhất đã an trú với mười thiện đạo, vì sao trong này còn nói?

Đáp: Trong địa thứ nhất, không phải là không an trú với mười thiện đạo, nhưng trong này chuyển sang tăng trưởng hơn hẳn, nhờ vào ba loại thanh tịnh. Trước đây trong Trú thứ nhất tuy làm vui cõi Diêm-phù-đề nhưng không có thể thực hành ba loại thanh tịnh này, vì vậy trong này nói đến ba loại thanh tịnh. Bồ tát an trú trong hai địa này, biết phân biệt các nghiệp như vậy, phát sinh quyết định.

Thế gian vốn có những ác đạo,
Đều do mười bất thiện sinh ra,
Thế gian vốn có những thiện đạo,
Nhờ vào mười thiện nghiệp sinh ra.

Thế gian vốn có những ác đạo, đó là ba loại ác đạo của địa ngục, là địa ngục nóng bức-địa ngục lạnh lẽo và địa ngục tối đen; ba loại ác đạo của súc sinh, là súc sinh ở trong nước-súc sinh ở trên đất liền và súc sinh ở giữa hư không. Nhiều loại ác đạo của ngạ quỷ, có loài quỷ đói ăn khát uống, có loài quỷ ăn đồ bất tịnh, có loại quỷ miệng phun lửa, A-tu-la và Dạ-xoa… Tất cả do hành nghiệp của người bất thiện đạo, vốn có nhân duyên thuộc loại thượng-trung và hạ. Xuất thế gian vốn có những thiện đạo, hoặc là trời-hoặc là người, đều do hành nghiệp của mười thiện đạo sinh ra, thuộc về ba cõi, loài trời có hai mươi tám cõi trời, loài người có người trong bốn châu thiên hạ.

Biết chắc chắn như vậy rồi, dấy lên ý niệm như vậy: Mình mong chính mình sinh đến nơi chốn tốt lành, cũng làm cho chúng sinh có thể sinh đến nơi chốn tốt lành.

Vì vậy mình cần phải tự mình,

An trú vào trong mười thiện đạo,
Cũng làm cho những chúng sinh khác,
Lập tức trú trong thiện đạo này.

Hoặc sinh đến đường thiện, hoặc sinh vào đường ác, đều do mười thiện đạo hoặc là mười bất thiện đạo, mình biết nhân duyên các nghiệp có và không có trên thế gian này, đều có quyết định của chính mình làm chủ. Vì vậy mình cần phải tự mình thực hành mười thiện đạo, sau đó làm cho các chúng sinh cũng trú trong mười thiện đạo.

Hỏi: Tại vì sao trước tiên phải tự mình trú trong mười thiện đạo, sau đó mới khiến cho người khác trú vào? Đáp:

Người thực hành đối với ác nghiệp,
Khiến người khác làm thiện không dễ,
Bởi vì chính mình không làm thiện,
Thì người khác không thể tin được.

Nếu người ác tự mình không làm điều thiện, mà muốn khiến cho người khác làm điều thiện thì thật là rất khó. Tại vì sao? Bởi vì người này tự mình không làm điều thiện, thì người khác không tin được lời nói của họ. Như kệ nói:

Nếu người tự mình không làm thiện,
Thì không thể khiến người làm thiện,
Nếu tự mình không vắng lặng được,
Thì không thể khiến người vắng lặng,
Vì vậy cho nên ông cần phải,
Tự mình làm thiện vắng lặng trước,
Sau đó mới bày cho người khác,
Khiến họ làm thiện và vắng lặng.

Bồ tát này nên thực hành pháp thiện như vậy.

Bắt đầu từ địa ngục A-tỳ,
Cho đến trên cõi trời Hữu đảnh,
Phân biệt rõ ràng mười nghiệp quả,
Cùng với chỗ nhận chịu báo ứng.

Nên biết đích thực như vậy, dưới từ địa ngục A-tỳ, trên đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng, đều là nơi nhận chịu quả báo của các loại nghiệp thiện và bất thiện. Trong đó, thói quen thực hành người bất thiện đạo thuộc bậc Thượng cho nên sinh vào địa ngục A-tỳ. Giảm ít lại thì sinh vào địa ngục Đại chích. Giảm ít lại thì sinh vào địa ngục Tiểu chích. Giảm ít lại thì sinh vào địa ngục Đại khiến hoán. Giảm ít lại thì sinh vào địa ngục Tăng-

già-đà. Giảm ít lại thì sinh vào địa ngục Đại mạch. Giảm ít lại thì sinh vào địa ngục Hắc thằng. Giảm ít lại thì sinh vào địa ngục Đẳng hoạt. Giảm ít lại thì sinh trong các địa ngục phụ thuộc nhỏ

như Đao sơn-kiếm thọ… Cũng cần phải phân biệt chuyển đổi ít lại như vậy, thực hành mười bất thiện đạo thuộc bậc Trung thì sinh trong loài súc sinh; trong loài súc sinh cũng cần phải phân biệt chuyển sang ít lại, thực hành mười bất thiện đạo thuộc bậc Hạ, thì sinh trong loài ngạ quỷ. Như vậy nói về tướng tổng quát, trong này cần phải phân biệt rộng về sự sai khác. Có các loại A-tu-la và Dạ-xoa sinh trong loài quỷ. Có các Long vương sinh trong loài súc sinh. Thọ nhận vui sướng hoặc cùng với chư Thiên như nhau, nhưng các chúng sinh này vì nhân duyên bất thiện mà sinh, sinh rồi thọ nhận quả báo của thiện nghiệp, thực hành mười thiện đạo thuộc loại thấp nhất thì sinh trong loài người cõi Diêm-phù-đề ở trong gia đình nghèo khổ hèn hạ, đó gọi là hạng Chiên-đà-la, người hèn hạ sống ở những vùng heo hút xa xôi… Chuyển sang tốt hơn thì sinh trong nhà Cư sĩ. Chuyển sang tốt hơn thì sinh trong nhà Bà-la-môn. Chuyển tốt hơn thì sinh trong nhà Sát-đế-lợi. Chuyển tốt hơn thì sinh trong nhà Đại thần. Chuyển tốt hơn thì sinh trong nhà Quốc vương. Đối với mười thiện đạo mà chuyển sang tốt hơn nữa thì sinh đến cõi Cù-đà-ni. Chuyển tốt hơn thì sinh đến cõi Phất-bà-đề. Chuyển tốt hơn thì sinh đến cõi Uất-đan-việt. Chuyển tốt hơn thì sinh lên cõi trời Tứ thiên vương. Chuyển tốt hơn thì sinh lên cõi trời Đao lợi, cõi trời Diệm-ma, cõi trời Đâu-suất-đà, cõi trời Hóa lạc. Luyện tập thực hành mười thiện đạo thuộc bậc thượng thì sinh lên cõi trời Tha hóa tự tại. Ở trong này cũng cần phải phân biệt các loại lớn nhỏ sai khác. Như trong loài người có Tiểu vương-Đại vương và Diêm-phù-đề vương, Chuyển luân Thánh vương. Cõi trời Tứ thiên vương thì có Tứ thiên vương. Trong cõi trời Đao-lợi thì có Thích-đề-hoàn-nhân. Trên cõi trời Diệm-ma thì có Thiên vương Tu-diệm-ma. Trên cõi trời Đâu-suất-đà thì có Thiên vương San-đâu-suất-đà. Trên cõi trời Hóa lạc thì có Thiên vương Thiện hóa. Trên cõi trời Tha hóa tự tại thì có Thiên vương Tha hóa tự tại. Vượt qua cõi này trở lên, cần phải thực hành thiền định tư duy mới có thể sinh lên cảnh giới phía trên.

Hỏi: Nếu dùng thiền định tư duy mới được sinh lên cảnh giới phía trên, thì tại vì sao nói là cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng đều nhờ vào mười thiện đạo mà được sinh đến?

Đáp: Tuy rằng tu thiền định sinh đến cõi Sắc và cõi Vô Sắc, nhưng trước tiên cần phải trú vững vàng trong mười thiện đạo, sau đó mới có thể

tu thiền định. Vì vậy cho nên ở cõi ấy dùng mười thiện nghiệp đạo làm lợi ích to lớn. Vì lý do này mới nói là cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng đều nhờ vào nhân duyên của mười thiện đạo mà được sinh.

Vì sao như vậy? Bởi vì trước tiên thực hành mười thiện đạo thanh tịnh xa rời dục vọng, tu tập Sơ thiền tư duy thuộc bậc Hạ được sinh đến cõi trời Phạm chúng, tu tập sơ thiền tư duy thuộc bậc trung thì sinh đến cõi trời Phạm Phụ, tu tập Sơ thiền tư duy thuộc bậc Thượng cho nên được sinh đến cõi trời Đại phạm.

Tu tập Nhị thiền tư duy thuộc bậc Hạ thì sinh đến cõi trời Thiểu Quang, tu tập Nhị thiền tư duy thuộc bậc Trung thì được sinh đến cõi trời Vô Lượng Quang, tu tập Nhị thiền tư duy thuộc bậc Thượng thì được sinh đến cõi trời Diệu Quang.

Tu tập Tam thiền tư duy thuộc bậc Hạ thì được sinh đến cõi trời Tiểu Tịnh, tu tập Tam thiền tư duy thuộc bậc trung cho nên được sinh đến cõi trời Vô Lượng Tịnh, tu tập Tam thiền tư duy thuộc bậc Thượng thì được sinh đến cõi trời Biến Tịnh.

Tu tập Tứ thiền tư duy thuộc bậc Hạ cho nên sinh đến cõi trời A Na Bà Già, tu tập Tứ thiền tư duy thuộc bậc Trung cho nên sinh đến cõi trời Phước sinh, tu tập Tứ thiền tư duy thuộc bậc Thượng cho nên sinh đến cõi trời Quảng Quả.

Tu tập Vô lượng định tư duy thuộc bậc trung thì được sinh đến cõi trời Vô tưởng, dùng vô lậu huân tu Tứ thiền tư duy thuộc bậc Hạ cho nên sinh đến cõi trời Bất Quảng, dùng vô lậu huân tu Tứ thiền tư duy hơn nữa bậc Hạ cho nên sinh đến cõi trời Bất Nhiệt, dùng vô lậu huân tu Tứ thiền tư duy hơn nữa cho nên sinh đến cõi trời Hỷ Nhiệt, dùng vô lậu huân tu Tứ thiền tư duy hơn nữa cho nên sinh đến cõi trời Hỷ Kiến, dùng vô lậu huân tu Tứ thiền tư duy hơn nữa cho nên sinh đến cõi trời Diệu Kiến, dùng vô lậu huân tu Tứ thiền tư duy cao nhất cho nên sinh đến cõi trời A Ca Nị Tra.

Tu tập không xứ định tương ưng với tư duy thì được sinh đến cõi trời không xứ. Tu tập Thức xứ định tương ưng với tư duy thì được sinh đến cõi trời Thức xứ. Tu tập vô sở hữu xứ định tương ưng với tư duy thì được đền cõi trời Vô sở hữu xứ. Tu tập Phi tưởng phi phi tưởng xứ định tương ưng với tư duy thì được sinh đến cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây gọi là nơi qua lại của chúng sinh trong thế gian sinh tử.

Phẩm 29: PHÂN BIỆT THANH VĂN BÍCH CHI PHẬT

Hỏi: Mười thiện nghiệp đạo này, chỉ là nhân duyên sinh trong cõi trời-người, lại có ích lợi gì khác chăng?

Đáp: Có.

Tất cả ba thừa là Thanh văn,
Bích-chi-Phật cho đến Đại thừa,
Đều dựa vào mười thiện nghiệp đạo,
Để làm thành lợi ích to lớn.

Tất cả nhân duyên thoát ra khỏi sinh tử thì chỉ có Tam thừa, đó là Thanh văn thừa, Bích-chi-Phật thừa và Đại thừa. Ba thừa này đều lấy mười thiện đạo để làm lợi ích to lớn. Tại vì sao? Bởi vì mười thiện đạo này có năng lực làm cho hành giả đến được địa vị Thanh văn, cũng có năng lực làm cho đến được địa vị Bích-chi-Phật, cũng có năng lực làm cho người đến được địa vị của Phật.

Hỏi: Mười thiện đạo này có năng lực làm cho những chúng sinh nào đến được địa vị Thanh văn?

Đáp:

Tùy người không có tâm Đại Bi,
Luôn sợ hãi đối với ba cõi,
Vui với phần công đức nhỏ bé,
Chí hướng của họ thật kém cỏi.
Tâm vui với chán ngán lìa xa,
Thường quán xét thế gian vô thường,
Và biết rõ tất cả các pháp,
Cũng hoàn toàn không có bản ngã.
Thậm chí chỉ trong một ý niệm,
Cũng không thích gì sự thọ sinh,
Thường không tin tưởng gì thế gian,
Lại có một pháp nào an ổn.
Quán xét bốn Đại như rắn độc,
Năm Ấm như giặc cướp vung dao,
Sáu Nhập như đám bọt rỗng không,
Không thích gì vui sướng thế gian.
Coi trọng đối với sự trì giới,
Kiên quyết phát sinh được thiền định,
Thường vui với thiền pháp an lành,
Tinh tiến tu tập các pháp thiện.

Chỉ quán sát hướng về Niết bàn,
Thật là nơi cứu hộ bậc nhất,
Thường mong cầu trí tuệ diệt khổ,
Vui tích tập hành hạnh giải thoát.
Chỉ coi trọng đối với tự lợi,
Tất cả đến nơi chốn tốt đẹp,
Thiện đạo khiến cho hạng người này,
Có thể đến địa vị Thanh văn.

Thuận theo âm thanh của người khác, là nghe những gì người khác đã nói mà tùy thuận thực hành, chứ không có năng lực tự mình phát sinh trí tuệ.

Hỏi: Mười thiện đạo có thể làm cho tất cả những người nghe được từ người khác đều trở thành Thanh văn hay sao?

Đáp: Không phải như vậy. Nếu không có tâm đại bi thì người thiện đạo có thể khiến cho người này đến địa vị Thanh văn. Nếu có Bồ tát nghe pháp từ Chư Phật, bởi vì có tâm Đại bi cho nên mười thiện đạo không có thể khiến cho đến địa vị Thanh văn được.

Hỏi: Tất cả những người không có tâm Đại Bi, thì mười thiện đạo đều có thể làm cho họ đến địa vị Thanh văn hay sao?

Đáp: Không phải như vậy. Người sợ hãi ba cõi thì mười thiện đạo có thể làm cho người này đến địa Thanh văn, người khác không sợ hãi thì khiến cho sinh vào nơi chốn tốt lành của trời-người, bởi vì họ thích ba cõi.

Hỏi: Tất cả những người sợ hãi ba cõi, thì mười thiện đạo đều có thể làm cho đến địa vị Thanh văn hay sao? Nếu như vậy thì Bồ tát cũng sợ hãi thọ thân trong ba cõi, lại vì chúng sinh mà chịu khó thực hành tinh tiến cầu mong Niết bàn. Như vậy mười thiện đạo, cũng phải làm cho đến địa vị Thanh văn hay sao?

Đáp: Không hẳn tất cả những người sợ hãi ba cõi đều rơi vào địa vị Thanh văn. Như thế nào là rơi vào? Đó là những người thích luyện tập thực hành phần ít công đức, ở trong sáu hạnh Ba-la-mật, mà Đức Phật giáo hóa, họ tiếp nhận thực hành phần ít, người như vậy sẽ rơi vào địa vị Thanh văn. Nếu người có thể chọn lấy công đức của Chư Phật mà học theo tất cả trí tuệ, thì mười thiện đạo nhất định làm cho người này đi thẳng đến Phật đạo. Người nghe và thuận theo người khác mà sợ hãi ba cõi, chọn lấy phần ít công đức, thì người này có hai loại tùy thuận mười thiện đạo, có thể làm cho đến địa vị Thanh văn và đến địa vị Bích-chi-Phật.

Hỏi: Người này vì sao chỉ nghe theo người khác mà sợ hãi ba cõi, chọn lấy phần ít công đức, để mười thiện đạo có thể làm cho đến địa vị

Thanh văn và địa vị Bích-chi-Phật?

Đáp: Người chí hướng yếu hèn thì làm A-la-hán, người ít kiên cố thì làm Bích-chi-Phật.

Hỏi: Mười thiện đạo khiến cho tất cả những người có chí hướng yếu hèn đến địa vị Thanh văn ư?

Đáp: Chán ngán rời xa sinh tử, chứ không chỉ là người yếu hèn không có tâm lý chán ngán rời xa.

Hỏi: Quán xét điều gì để biết được tâm vui với sự chán ngán rời xa?

Đáp: Quán xét pháp hữu vi là vô thường, tất cả các pháp là vô ngã, nên biết là chắc chắn vui với sự chán ngán rời xa.

Hỏi: Đã biết vui với sự chán ngán rời xa, Bồ tát cũng quán xét pháp hữu vi là vô thường-tất cả pháp là vô ngã như vậy, mười thiện đạo này sao có thể không làm cho người này rơi vào địa vị Thanh văn?

Đáp: Người này hết sức chán ngán rời xa, vốn rời xa đại bi, cho đến trong một ý niệm cũng không thích thọ sinh, không tin là thế gian có tướng nào an ổn được cả. Như trong kinh nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Ví như một chút phân mà hãy còn hôi thối dơ bẩn, huống gì là nhiều? Như vậy trong một niệm mà thọ sinh hãy còn khổ đau, huống gì là nhiều? Này các Tỳ-kheo! Nên học theo pháp đoạn dứt sinh khởi chứ đừng làm cho tiếp tục nhận! "Người Thanh văn tin nhận lời nói này, thậm chí trong một ý niệm cũng không thích thọ sinh, người này lại dấy lên nghĩ như vậy: Thế gian là vô thường, đối với những việc làm và mạng sống mà mình tiếp nhận cũng không có tướng an ổn gì, cái chết thường xuyên đi theo con người, ai có thể biết được lúc nào sẽ chết? Không biết lúc chết sẽ nhận lấy của quả báo của nghiệp gì? Vì tâm nào sinh khởi? Bởi vì trong mọi điều như vậy không hề an ổn, không đáng tin tưởng, hãy nhanh chóng cầu được hết khổ.

Bồ tát thì không như vậy, thọ sinh trải qua hằng hà sa vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, vì đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cứu độ cho các chúng sinh. Vì vậy trong kệ nói: Thậm chí chỉ trong một ý niệm, cũng không thích gì sự thọ sinh. Mười thiện đạo có thể làm cho người này đến được địa vị Thanh văn.

Hỏi: Người này thích tu tập pháp nào mà không thích thọ sinh?

Đáp: Người này quán xét bốn Đại là đất-nước-lửa-gió, vì vui mừng mà sinh sân hận, hôi thối dơ bẩn không biết ân nghĩa gì, cho nên sinh ý tưởng giống như rắn độc; năm Ấm là sắc-thọ-tưởng-hành-thức, vì luôn luôn đoạt mất mạng sống trí tuệ, cho nên sinh ý tưởng giống như giặc thù; sáu căn là

nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân-ý, vì tiến vào xa lìa thường xuyên xa lìa trạng thái Bất động-Bất biến-Bất hoại-Vô ngã-vô ngã sở, cho nên

sinh ý tưởng giống như đám bọt trống rỗng. Như người ở tại thế gian thì tất cả mọi sự thọ sinh và mọi điều kiện sinh sống vui vẻ đầy đủ, bởi vì vô thường giả dối không dừng lại trong chốc lát, cho nên không sinh tâm vui mừng. Người như vậy đối với tất cả mọi nơi sinh ra, sinh ý tưởng không có gì an ổn, chỉ một pháp Niết bàn là có thể làm nơi cứu hộ được mình. Như trong kinh nói: "Này các Tỳ-kheo! Thế gian đều là lửa cháy hừng hực, đó gọi là cháy do nhãn căn, cháy do sắc, cháy do nhãn thức, cháy do nhãn xúc, và nhân duyên thọ sinh của nhãn xúc cũng đều bốc cháy? Đó là do lửa tham dục-lửa sân hận-lửa ngu si, lửa của sinh-già-bệnh-chết-ưu bi khổ não mà cháy hừng hực. Nhĩ-tỷ-thiệt-thân-ý cũng như vậy. Quán xét tất cả các pháp hữu vi đều là lửa cháy hừng hực, chỉ có pháp Niết bàn vắng lặng mới có năng lực làm nơi cứu hộ được mình. Quý trọng chỉ một pháp Niết bàn cho nên buông bỏ tất cả mọi điều mà chịu khó luyện tập tọa thiền".

Hỏi: Nếu quán xét tất cả các pháp hữu vi đều là lửa cháy hừng hực, chỉ có pháp Niết bàn vắng lặng mới có năng lực làm nơi cứu hộ được, thì mười thiện đạo đều làm cho đi đến địa vị Thanh văn ư?

Đáp: Không phải như vậy. Đức Phật kiết giới, vì thiền định cho nên quý trọng giới này, có tâm quyết định mà không hủy phạm, buông bỏ tất cả mọi điều mà chỉ vui với tọa thiền, cầu trí tuệ diệt khổ mà luôn luôn chịu khó tu tập nhân duyên giải thoát. Ở trong đời trước hoặc đến từ một thắng xứ, hoặc đến từ hai thắng xứ, thì mười thiện đạo có thể làm cho người này đi đến địa vị Thanh văn. Tại vì sao? Bởi vì trì giới thanh tịnh thì tâm không hối tiếc, tâm không hối tiếc cho nên được hoan hỷ, tâm được hoan hỷ cho nên thân nhẹ nhàng, thân nhẹ nhàng cho nên tâm vui vẻ, tâm vui vẻ cho nên nhiếp tâm đạt được định, nhiếp tâm đạt được định cho nên phát sinh trí tuệ như thật, phát sinh trí tuệ như thật cho nên lập tức sinh ra chán ngán, thuận theo chán ngán mà sinh ra lìa xa, từ lìa xa mà được giải thoát.

Hoặc một thắng xứ, hoặc hai thắng xứ mà đến, như Tôn giả La-hầu-la đến từ thắng xứ của Đế, như Tôn giả Thi-viết-la đến từ thắng xứ của xả, như Tôn giả Ly-bạt-đa đến từ thắng xứ của Tịch diệt, như Tôn giả Xá-lợi-phất đến từ thắng xứ của Tuệ. Hoặc đến từ hai thắng xứ là Đế và xả, hoặc đến từ hai thắng xứ là Đế và Tịch diệt, hoặc đến từ hai thắng xứ là Đế và Tuệ, hoặc đến từ hai thắng xứ là Xả và Tịch diệt, hoặc đến từ hai thắng xứ là xả và Tuệ, hoặc đến từ hai thắng xứ là Tịch diệt và Tuệ. Như vậy mười thiện đạo, có năng lực làm cho đến được địa vị Thanh văn.

-oOo-

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 15

Phẩm 29: PHÂN BIỆT THANH VĂN VÀ BÍCH CHI PHẬT Phần 2

Hỏi: Mười thiện đạo làm cho những người nào đến được địa vị Bích-chi-Phật?

Đáp:

Đối với pháp hành của Thanh văn,
Mười thiện đạo chuyển sang tốt hơn,
Sâu vào thiền không theo người khác,
Luôn luôn vui với hạnh xa lìa.
Thường vui và khéo léo tu tập,
Pháp nhân duyên vô cùng sâu xa,
Xa lìa sức mạnh của phương tiện,
Và cũng xa lìa tâm Đại Bi.
Ít ham muốn và ít bận rộn,
Không thích chốn ồn ào lẫn tạp,
Thường vui với những nơi xa cách,
Người có uy đức rất sâu dày.
Vui làm nơi chốn của phước điền,
Thường quán xét với tánh xuất ly,
Thành tựu đầy đủ lý và sự,
Cung kính đối với Phật Thế Tôn.
Đã thành tựu giữ tâm một chỗ,
Biết tâm vốn duyên vào nơi nào,
Luôn luôn vui với hạnh thiền định,
Là người có thế lực bậc Trung.
Vui với các pháp của xuất gia,
Thiện tâm không co cụm chìm đi,
Người đạt được trí tuệ sáng suốt,
Hoặc đến từ trong hai thắng xứ,
Hoặc đến từ trong ba thắng xứ,

Nghiệp đạo của người thiện như vậy,
Có thể làm cho người như vậy,
Đến với địa vị của Duyên giác.

Đối với pháp hành của Thanh văn-mười thiện đạo chuyển sang tốt hơn, là mười thiện đạo vượt qua sở hành của người Thanh văn, nhưng không bằng sở hành của Bồ tát dấy lên nghĩ như vậy: Người Thanh văn phải tùy theo người khác để nghe mà hành đạo, sau đó mới có thể tự mình chứng được trí tuệ, mình thì không như vậy, không thích tùy theo người khác, vì lý do này, mình phải làm cho mười thiện đạo chuyển sang tốt hơn, vì nhân duyên này cho nên mình không thích tùy theo người khác, mà mười thiện đạo sẽ làm cho mình đến được địa vị Bích-chi-Phật. Tư duy như vậy rồi thường vui với sự xa lìa, dấy lên nghĩ như vậy: Nếu mình thường thích sự ồn ào náo nhiệt thì sẽ làm cho các pháp bất thiện tai hại quy tụ, bởi vì tiếp cận những điều có thể vấy nhiễm-có thể sân hận-có thể ngu si. Thế là trong sự lìa xa thuận theo tu tập các pháp nhân duyên vô cùng sâu xa. Lại dấy lên nghĩ như vậy: Nếu mình không tu tập các pháp nhân duyên rất sâu xa thì không có thể không thuận theo trí của người khác, nay tại sao mình không thường xuyên tu tập nhân duyên rất sâu xa, sau đó có thể đạt được trí không thuận theo người khác?

Rất sâu xa, là khó đến được nơi tận cùng, không có thể thông suốt được. Tất cả phàm phu từ vô thỉ chìm trong sinh tử, hết thảy kinh sách và mọi thứ kỹ năng khéo léo đều có thể đạt được đến chỗ tận cùng mọi điều, nhưng chỉ riêng nhân duyên rất sâu xa thì không thể đến được tận cùng, như các loài sâu bọ nhỏ bé không thể nào đến được đáy sâu của biển rộng. Nếu người có tâm Đại Bi làm phương tiện và tu tập nhân duyên rất sâu xa, thì đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu rời bỏ hai điều này mà tu tập về trí nhân duyên sâu xa, thì trở thành Bích-chi-Phật.

Phương tiện có nghĩa là từ trong sự thành tựu giáo hóa chúng sinh, tư duy đủ cách mà không sai lầm, cũng đối với pháp rất sâu xa không chấp lấy tướng. Đại Bi có nghĩa là hết sức thương xót chúng sinh, hơn hẳn hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật, huống gì là phàm phu.

Ít ham muốn và ít bận rộn-không thích chốn ồn ào lẫn tạp, như

vậy thì đến được địa vị của Bích-chi-Phật. Nếu nhiều ham muốn và nhiều công việc, thích tu tập đông người, được sự bảo vệ của lòng Đại Bi và phương tiện, thì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ dễ dàng đạt được. Tại vì sao? Bởi vì người cầu địa vị Bích-chi-Phật, ít ham muốn thì dấy lên ý nghĩ là chỉ tự cứu độ chính mình, ít bận rộn thì chỉ tự

thành tựu thiện căn của mình chứ không nghĩ đến người khác. Người này rời bỏ sự nghiệp giáo hóa chúng sinh cho nên không gần gũi với chúng sinh.

Bồ tát nhiều ham muốn-nhiều công việc, dấy lên ý niệm như vậy: Mình cần phải cứu độ tất cả chúng sinh. Bởi vì nhân duyên ham muốn vĩ đại này cho nên phải làm công việc vĩ đại là giáo hóa chúng sinh. Giáo hóa chúng sinh thì điều này không phải là chuyện nhỏ nhặt, nếu chán ghét những điều ồn ào náo nhiệt tai hại thì không làm được công việc này. Vì vậy Bồ tát vào trong chốn ồn ào náo nhiệt cũng dùng những lời ồn ào náo nhiệt, nhưng không hề vướng mắc điều gì.

Vả lại, che lấp công đức chân thật, cho nên gọi là ít ham muốn. ít theo đuổi sự nghiệp cho nên gọi là ít bận rộn. Chán ghét nơi ồn náo nhiệt tai hại, gọi là ít ham muốn. thích ở một mình cho nên gọi là ít bận rộn. Người như vậy, ít ham muốn-ít bận rộn, không thích nơi không thích nơi đông người ồn ào náo nhiệt, thích gần gũi những nơi sâu xa heo hút, lìa xa những nơi đáng sợ, tâm tư vô cùng rộng lớn. Người này dấy lên ý niệm như vậy: Nếu mình ở những nơi sâu xa heo hút, lìa xa nơi đáng sợ thì người khác không đến được. Bởi vì ở những nơi xa cách, cho nên tâm tư cũng sâu xa. Nếu người tự mình không sâu xa mà thích đùa cợt, thì người khác qua lại tiếp xúc cũng không có gì là khó. Người như vậy không hòa hợp với chúng sinh, tuy rời bỏ chúng sinh mà cũng muốn làm cho chúng sinh gieo trồng các thiện căn làm lợi ích to lớn, dấy lên ý niệm như vậy: Tại sao mình không hòa hợp với chúng sinh để cũng có thể làm lợi ích cho chúng sinh? Tư duy biết như vậy rồi, mình nên vì chúng sinh làm lợi ích của phước điền mà thọ nhận sự cúng dường của họ. Như vậy, tuy không hòa hợp với chúng sinh, nhưng mà có thể làm lợi ích to lớn. Người này lại tư duy: Mình làm thế nào để đạt được địa vị của phước điền? Tức là sự thấy biết của mình. Nếu mình rất thích làm mảnh đất của phước điền, thì thường xuyên quán xét vượt ra ngoài tánh, sau đó pháp của mảnh đất phước điền tự nhiên mà xuất hiện, ngay cả pháp vượt ra ngoài tánh cũng tự nhiên mà xuất hiện, đó gọi là trì giới-thiền định-trí tuệ…

Lại dấy lên ý niệm như vậy: Mình nên làm thế nào để nhanh

chóng đến được mảnh đất phước điền và pháp vượt ra ngoài tánh? Mình nên thực hành chánh quán thì ở trong các sự việc và nghĩa lý hiện có thảy đều thành tựu đầy đủ, cung kính cúng dường Chư Phật Thế tôn, như vậy mảnh đất phước điền và pháp vượt ra ngoài tánh, không bao lâu sẽ nhanh chóng đạt được. Tại vì sao? Bởi vì mình sẽ thành tựu đầy đủ sự

việc có nghĩa lý, chánh quán các pháp có thể đạt được trí không tùy thuộc người khác, lại cung kính cúng dường Chư Phật Thế Tôn cho nên khiến thiện căn được sâu dày hơn. Thiện căn tăng trưởng mạnh mẽ cho nên trí tuệ được sâu dày. Trí tuệ sâu dày cho nên có thể thông suốt được sự thật. Có thể thông suốt được sự thật cho nên có thể sinh ra chán ngán, từ chán ngán sẽ sinh ra xa rời, từ xa rời mà được giải thoát, được giải thoát cho nên thiện căn tích tập từ trước đến sau nhất định trở thành phước điền, sau đó có thể chứng được pháp vượt ra ngoài tánh. Lúc gieo trồng các thiện căn này là nhân duyên lớn nhất.

Người này lại tư duy: Mình làm thế nào để có thể nhanh chóng thành tựu sự việc có nghĩa lý? Người này liền tự mình thấy biết. Nếu mình tập trung buộc tâm lại một chỗ thì biết được sở duyên của tâm, thường vui với thiền định. Người này luôn luôn buộc tâm lại một chỗ thì có thể đạt được Tam muội, đạt được Tam muội cho nên sự việc có nghĩa lý đều có thể thành tựu đầy đủ. Như trong kinh nói: "Đạt được thiền định có thể biết đúng như thật-thấy đúng như thật".

Nếu người đã thực hành buộc tâm lại một chỗ thì nhanh chóng tiến vào Tam muội. Nhanh chóng tiến vào Tam muội cho nên gọi là thiền định, gọi là thường định. Nếu có thể tu tập các pháp như vậy thì chính là cung kính cúng dường Chư Phật. Nếu người dùng hương hoa và bốn sự cúng dường Chư Phật thì không gọi là cúng dường Chư Phật. Nếu có thể nhất tâm không phóng túng, gần gũi tu tập Thánh đạo thì gọi là cung kính cúng dường Chư Phật.

Như kinh nói: "Lúc nhập Niết bàn, Đức Phật bảo với A-nan: Trời rải hoa Mạn-đà-la và bột hương Chiên-đàn, trỗi các loại âm nhạc cõi trời, cũng không gọi là chúng sinh cúng dường Như Lai. Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nhất tâm không phóng túng, gần gũi tu tập Thánh pháp, thì gọi là thật sự cúng dường Phật. Vì vậy, này A-nan! Ông nên tu học thật sự cúng dường Phật".

Các công đức như vậy, đều là thế lực thuộc bậc Trung. Người vui với đời sống xuất gia, thiện tâm không co cụm chìm mất, là thế lực tối thượng có thể được thành Phật. Thế lực thuộc bậc hạ thì làm Thanh văn, vì vậy cho nên người có thế lực bậc Trung thì làm Bích-chi-Phật. Vui

với đời sống xuất gia cho nên có năng lực thành tựu những công đức. Tại vì sao? Bởi vì nếu là tại gia thì không thể nào ít ham muốn-ít bận rộn, thân tâm không thể nào xa lìa ràng buộc, cũng không thể nào thiền định được. Nếu tâm co cụm chìm mất và không thanh tịnh, thì không thể nào

thành tựu đầy đủ mọi công việc, không thể nào biết được pháp nhân duyên rất sâu xa, không thể nào chứng được tánh vượt ra ngoài, không thể nào đúng như pháp thật sự cúng dường Chư Phật.

Chúng sinh có thế lực thuộc bậc trung như vậy, dấy lên ý niệm như vậy: Mình là người có thế lực thuộc bậc Trung, thường thích xuất gia, tâm không bị co cụm chìm mất, những việc làm-những công đức-hạnh nguyện đều tự nhiên phát sinh. Lại dấy lên tư duy như vậy: Thế lực bậc Trung này vui vì đạt được quả gì? Lập tức biết là sẽ đạt được quả trí tuệ. Tại vì sao? Bởi vì trí tuệ luôn luôn là ánh sáng chiếu rọi. Như trong kinh nói: "Này các Tỳ-kheo! Ánh sáng trí tuệ là hơn hẳn trong tất cả các loại ánh sáng".

Lại dấy lên ý niệm như vậy: Ánh sáng trí tuệ mà mình thích, làm thế nào để đạt được? Liền biết hoặc là từ hai thắng xứ mà có, hoặc là từ ba thắng xứ mà có.

Hai thắng xứ thì đã nói trước đây. Ba thắng xứ, đó gọi là Đế-Xả và Tịch diệt, hoặc là Đế-Xả và Tuệ, hoặc là Đế-Tịch diệt và Tuệ. Vì vậy cho nên mình phải tu tập những thắng xứ như vậy, mình tu tập vậy rồi đạt được ánh sáng trí tuệ, thì trí tuệ mà mình mong muốn tự nhiên phát sinh.

Pháp trợ đạo có tướng như vậy-tu tập như vậy, thì mười thiện đạo có năng lực đưa đến địa vị Bích-chi-Phật.

Phẩm 30: ĐẠI THỪA

Hỏi: Như Nhân giả đã nói, mười thiện đạo có năng lực làm cho người tu tập đến được địa vị Thanh văn và Bích-chi-Phật; mười thiện nghiệp đạo, lại làm cho những chúng sinh nào đến được địa vị Phật?

Đáp:

Thực hành đầy đủ mười thiện đạo,
Hơn hẳn đối với hai loại người,
Tu tập vô lượng pháp hiếm có,
Hơn hẳn tất cả các thế gian.
Phát nguyện kiên cố và thiện niệm,
Thành tựu tâm Đại Bi vô ngại,
Khéo tiếp nhận thực hành phương tiện,
Nhẫn chịu tất cả mọi khổ não.
Không rời bỏ tất cả chúng sinh,
Rất yêu quý trí tuệ Chư Phật,
Đối với Phật lực luôn tự tại,

Vui mừng vì không còn biến hành.
Có năng lực phá mọi tà kiến,
Bảo vệ được chánh pháp của Phật,
Dũng mãnh tiếp nhận luôn tinh tiến,
Tâm kiên cố giáo hóa chúng sinh.
Không tham đắm niềm vui riêng mình,
Trong vô lượng thân mạng trải qua,
Cao nhất trong tất cả mọi việc,
Thực hành không có gì sai lầm.
Tất cả các chủng loại thanh tịnh,
Tất cả các thắng xứ phát sinh,
Mười thiện đạo làm cho người này,
Đến được mười lực của Thế tôn.

Tu tập thực hành mười thiện đạo hơn hẳn hai loại người, là Bồ tát tu mười thiện đạo thì đối với người cầu địa vị Thanh văn và Bích-chi-Phật, càng trở nên hơn hẳn. Càng trở nên hơn hẳn, là nhất tâm tu hành và luôn luôn tu hành, vì lợi ích cho mình mà tu hành, vì lợi ích cho người mà tu hành, tu hành hết sức thanh tịnh.

Nhất tâm tu hành là vận dụng tâm ý để tu hành. Luôn luôn tu hành là không dừng lại nửa chừng. Vì lợi ích cho mình mà tu hành, là nhân duyên sinh trong đường trời-người, là nhân duyên của Niết bàn. Vì lợi

ích cho người mà tu hành, là Bồ tát tu hành người thiện đạo, hồi hướng làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, vì nhân duyên này mà có thể cứu độ chúng sinh vượt quá số lượng tính toán. Tu hành thanh tịnh, là công hạnh không hủy hoại, công hạnh không có gì lẫn tạp, công hạnh không ô trược, công hạnh luôn tự tại, công hạnh luôn đầy đủ, không tham đắm đối với công hạnh, công hạnh được người trí khen ngợi.

Hủy hoại là có lúc thực hành-có lúc không thực hành, ngược lại với điều này thì gọi là công hạnh không hủy hoại. Lẫn tạp là tự mình không làm mà khiến người khác làm, ngược lại với điều này thì gọi là công hạnh không lẫn tạp. Ô trược là việc làm phù hợp với nghiệp tội và phiền não, ngược lại với điều này thì gọi là công hạnh không ô trược. Tự tại, người phá giới bị gia nghiệp-ruộng vườn-vợ con-tài sản ràng buộc mà không được tự tại, người trì giới thì không có những điều như vậy, tùy ý tự tại không có gì ràng buộc. Đầy đủ là thực hành đầy đủ tất cả các giới lớn-nhỏ-nặng-nhẹ, ngăn lại các phiền não, thường nhớ đến và luôn giữ gìn, làm nhân duyên cho thiền định, hồi hướng Phật đạo có năng lực làm cho giống

như pháp tánh chân thật, đây gọi là đầy đủ. Không tham đắm là không hướng về thế gian, không giữ lấy giới tướng, tự cho mình cao xa mà coi rẻ người khác. Được người trí khen ngợi, là trong pháp Thanh văn không thuận theo sinh tử, chỉ vì Niết bàn cho nên nói là được người trí khen ngợi. Trong pháp Đại thừa này, hãy còn không quay lại hướng về Thanh văn và Bích-chi-Phật, huống là sinh tử? Chỉ một mực hướng đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên nói là được người trí khen ngợi tu hành mười thiện đạo.

Hỏi: Tu có tướng trạng gì gọi là khéo léo tu tập?

Đáp: Dùng vô lượng pháp hiếm có để tu tập mười thiện đạo, hơn hẳn tất cả các thế gian, đây gọi là khéo léo tu tập.

Hỏi: Vì sao Bồ tát dùng pháp tu tập này mà hơn hẳn tất cả các thế gian?

Đáp: Các Bồ tát dùng năm sự việc để tu tập, cho nên hơn hẳn tất cả các thế gian. Đó là:

Hạnh nguyện.
Tâm kiên cố.
Tâm sâu xa.
Khéo léo thanh tịnh.
Phương tiện.

Hạnh nguyện là nguyện thực hành của Bồ tát, mà tất cả người phàm phu và người Thanh văn,Bích-chi-Phật không có. vì vậy cho nên

nguyện thực hành của Bồ tát hơn hẳn tất cả các thế gian. Như trong phần Tỳ-Ma-la-đạt-đa-nữ vấn của kinh Đại trí: "Đức Phật vì Mục-kiền-liên mà giải thích: Bồ tát từ lúc mới phát nguyện cho đến lúc an tọa nơi đạo tràng, có năng lực làm phước điền cho tất cả trời và người trong mọi thế gian, còn hơn hẳn tất cả các hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật". Lại như trong Tịnh Tỳ Ni: "Ma-ha-ca-diếp hướng đến trước Đức Phật thưa rằng: Đức Thế Tôn khéo léo giảng thuyết về pháp hiếm có, đó gọi là Bồ tát lúc mới phát nguyện đã hơn hẳn tất cả các hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật".

Lại như trong kệ nói:

Bồ tát từ lúc mới phát tâm,
Phù hợp với tâm Đại Từ Bi,
Vì hướng về đạo vô thượng,
Chính tâm này trở thành hơn hẳn,
Vì vậy cho nên dùng nguyện này,

An trú trong tất cả thế gian.

Tâm kiên cố, là Bồ tát ở trong những nơi khổ não, đó là địa ngục đẳng hoạt, địa ngục Hắc thằng, địa ngục Hợp hội, địa ngục Tiểu khiếu hoán, địa ngục Đại khiếu hoán, địa ngục Tiểu chích, địa ngục Đại Chích, địa ngục A-tỳ, địa ngục Phí thỉ, địa ngục kiếm lâm, địa ngục Khôi hà, địa ngục A-phù-đà, địa ngục Ni-la-phù-đà, địa ngục A-ba-bá, địa ngục A-la-la, địa ngục Hưu hưu, địa ngục Uất-bát-la, địa ngục Câu-vật-đà, địa ngục Tu-man-na, địa ngục Phân-đà-lợi, địa ngục Bát-đầu-ma, địa ngục Hàn nhiệt… Đủ các loại tra khảo tàn khốc, khổ não như vậy. Ở trong loài súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la, người-trời, cùng ăn nuốt lẫn nhau, dọa dẫm sợ hãi lẫn nhau, đói kém thóc lúa còn quý hơn vàng. Từ loài trời sụt xuống, thì keo kiệt-ganh-tỵ-sân hận-não hại, ân ái mà phải chia ly, oán ghét mà phải hội tụ, sinh-già-chết, ưu sầu-đau thương-buồn phiền… Trong sáu đường này, hết thảy mọi nỗi khổ đau hoặc thấy-hoặc nghe-hoặc nhận chịu, tu mười thiện đạo luôn luôn vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà tâm hoàn toàn không hư hoại. Vì vậy cho nên Bồ tát này dùng tâm kiên cố để tu tập mười thiện đạo, hơn hẳn tất cả thế gian.

Như nói:

Đường địa ngục và đường súc sinh,
Đường ngạ quỷ-đường A-tu-la,
Đường trời-người gồm sáu đường khổ,
Không thể nào lay động tâm tư.
Vì vậy cho nên các Bồ tát,
Dùng tâm vô cùng kiên cố này,
Tu tập thực hành mười thiện đạo,
Hơn hẳn tất cả mọi thế gian.

Tâm sâu xa, là tâm vĩ đại-tâm sử dụng-tâm yêu quý-tâm nhớ nghĩ. Các Bồ tát sử dụng những tâm như vậy để tu tập mười thiện đạo, hơn hẳn tất cả mọi thế gian, trừ ra Chư Phật Thế tôn và Bồ tát thực hành đã lâu.

Như nói:

Tâm sâu xa và tâm sử dụng,
Tâm làm lợi ích cho thế gian,
Bồ tát dùng những tâm niệm này,
Hơn hẳn tất cả mọi thế gian.

Khéo léo thanh tịnh, là Bồ tát tu tập mười thiện đạo có đầy đủ ba loại thanh tịnh, mà người khác không có được. Vì vậy cho nên hơn hẳn tất cả mọi thế gian.

Như nói:

Bồ tát quý nhất giữa loài người,
Có tâm sâu xa-tâm thanh tịnh,
Dùng sức mạnh của thiện pháp này,
Thế gian không có ai sánh kịp.

Phương tiện, là Bồ tát dùng sức mạnh của phương tiện để tu tập đối với thiện pháp, mà người khác không ai có được, cho nên hơn hẳn tất cả mọi thế gian.

Tu vô lượng và Bồ tát dùng năm loại nhân duyên để tu tập, cho nên gọi là tu vô lượng, đó là:

Thế gian vô lượng.
Thiện căn vô lượng.
Duyên vô lượng.
Cứu cánh vô lượng.
Hồi hướng vô lượng.

Thế gian vô lượng, nghĩa là các Bồ tát tu tập thực hành thiện nghiệp đạo trải qua vô lượng thế gian. Trải qua vô lượng thế gian, cho nên sự tu tập thực hành thiện nghiệp đạo cũng vô lượng, vì vậy hơn hẳn tất cả mọi thế gian.

Như nói:

Các bậc Bồ tát là sư tử,
Tu tập thực hành thiện nghiệp đạo,
Thế gian vượt quá mọi toán số,
Cho nên tu thiện nghiệp tốt thắng.

Thiện căn vô lượng, nghĩa là các Bồ tát có vô lượng vô biên thiện căn, thuận theo thiện căn này mà tu tập thiện nghiệp đạo cũng vô lượng. Vì vậy hơn hẳn tất cả mọi thế gian. Như kinh Tịnh Tỳ Ni trong pháp Đại thừa nói: "Đức Phật bảo với Ca-diếp: Ví như vị Sinh tố đầy tràn trong bốn biển rộng, tư lương thiện căn hữu vi của Bồ tát cũng như vậy. Hồi hướng phước đức này cho trí tuệ vô vi là làm lợi ích to lớn cho tất cả chúng sinh. Vì vậy Bồ tát tuy ở trong pháp hữu vi mà có năng lực hơn hẳn tất cả mọi thế gian".

Như nói:

Bồ tát vì tất cả chúng sinh,
Và mong cầu Phật đạo vô thượng,
Cho nên thiện căn là vô lượng,
Vì vậy hơn hẳn mọi thế gian.

Duyên vô lượng nghĩa là Bồ tát không duyên vào chúng sinh có hạn lượng mà tu tập thiện căn, nhưng mà sự tu tập thiện căn không nói là làm lợi ích bao nhiêu chúng sinh, hoặc không làm lợi ích cho bao nhiêu chúng sinh. Bồ tát chỉ duyên vào tất cả chúng sinh mà tu tập thiện căn. Vì vậy Bồ tát duyên vào vô lượng chúng sinh, mà tu tập thiện nghiệp đạo cũng vô lượng, hơn hẳn tất cả mọi thế gian. Như trong kinh Tịnh Tỳ Ni nói: "Đức Phật bảo với các Thiên tử: Như đại Bồ tát có tâm Từ Bi mỏng manh cầu mong làm lợi ích cho người, thì tâm này có năng lực làm cho vô lượng chúng sinh cảm được lợi ích an lạc. Bồ tát phát tâm sâu sắc, chịu khó thực hành tinh tiến cũng như vậy, có năng lực giáo hóa vô lượng A-tăng-kỳ chúng sinh khiến cho cảm được niềm vui Niết bàn".

Như nói:

Bồ tát có vô lượng thiện căn,
Công đức tự trang nghiêm cho mình,
Đều vì cứu độ các chúng sinh,
Thoát khỏi vô lượng điều khổ đau.

Cứu cánh vô lượng, nghĩa là trong địa thứ nhất vốn giúp cho sự phát nguyện, đã nói về mười loại cứu cánh. Cứu cánh này vô lượng, cho nên sự tu tập thiện nghiệp đạo của Bồ tát cũng vô lượng, vì vậy hơn hẳn tất cả mọi thế gian.

Như nói:

Bồ tát tu tập thiện nghiệp đạo,
Từ mười loại cứu cánh phát sinh,
Vì vậy hơn tất cả thế gian,
Không ai có năng lực hủy hoại.

Hồi hướng vô lượng, như trong địa thứ nhất đã nói, Bồ tát hồi hướng vô lượng quả báo. Dùng vô lượng quả báo này hồi hướng mà tu tập thiện nghiệp cũng vô lượng, cho nên hơn hẳn tất cả mọi thế gian.

Như nói:

Bồ tát dùng vô lượng nhân duyên,
Tu tập đối với thiện nghiệp đạo,
Hồi hướng tất cả đến Phật thừa,
Vì vậy thành tựu quả Tối thượng.

Hy hữu là các Bồ tát tu tập thiện đạo, dùng năm loại nhân duyên mà gọi là hy hữu, đó là:

1. Có thể tiếp nhận.
2. Tinh tiến.

3. Tâm kiên cố.
4. Trí tuệ.
5. Quả báo.

Có thể tiếp nhận là nghĩ rằng mình sẽ làm người đầy đủ tất cả trí tuệ và tôn quý giữ chốn trời-người. Có năng lực có thể tiếp nhận như vậy, thì gọi là hy hữu. Nếu người dùng ngón tay nhấc bổng ba ngàn Đại thiên thế giới, đưa vào giữa hư không làm cho đứng yên qua trăm ngàn vạn kiếp sự việc này có thể làm được, không đủ để cho là khó. Nếu phát nguyện rằng tôi sẽ làm Phật, thì điều này là hy hữu, rất khó có.

Như nói:

Bồ tát vì vô lượng Phật pháp,
Lập thệ nguyện mình sẽ làm Phật,
Người này không có ai sánh kịp,
Huống hồ có người nào hơn được?

Tinh tiến, có nhiều người có thể tiếp nhận sự phát tâm đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng không có năng lực tinh tiến thực hành sáu hạnh Ba-la-mật. Nếu người đã có thể tiếp nhận sự phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại có năng lực tinh tiến thực hành sáu hạnh Ba-la-mật, thì gọi là thật sự có thể tiếp nhận vô lượng công đức. Bởi vì tinh tiến hiếm có, cho nên sự tu tập thiện nghiệp cũng hiếm có.

Như nói:

Vô cùng tinh tiến thật hiếm có,
Người phàm trần nghĩ đến đã sợ,
Bồ tát thật sự hành tinh tiến,
Sao có thể không phải hiếm có?

Tâm kiên cố, có người phát tâm tinh tiến tu tập Phật đạo, nếu có chướng ngại mà tâm không kiên cố thì không thể nào thành tựu được. Vì vậy phát tâm tinh tiến an trú hiếm có, trong tâm kiên có thì sự việc ấy được thành tựu, phá hủy mọi chướng ngại, đây là vị Bồ tát tu tập thiện nghiệp đạo hiếm có vào bậc nhất. Như nói:

Nếu người không có tâm kiên cố,
Việc nhỏ còn không thể thành tựu,
Huống hồ muốn thành tựu Phật đạo,
Là bậc vô thượng giữa thế gian?

Trí tuệ, thì có thể tiếp nhận-tinh tiến và tâm kiên cố đều lấy trí tuệ làm căn bản, vì vậy trí tuệ của Bồ tát là hiếm có bậc nhất. Có năng lực phát sinh tâm kiên cố-tinh tiến và có thể tiếp nhận như vậy, bởi vì trí tuệ là hiếm

có. vì trí tuệ là hiếm có, cho nên sự tu tập thiện nghiệp cũng hiếm có.

Như nói:

Như có người có thể tiếp nhận,
Mong muốn đạt được pháp của Phật,
Tinh tiến có được tâm kiên cố,
Đều lấy trí tuệ làm căn bản.

Quả báo, nghĩa là tu tập thiện nghiệp cho nên đạt được vô lượng vô biên giáo pháp của chúng sinh, cho nên Phật là hiếm có. Như nói:

Thực hành thiện nghiệp này đắc đạo, Có sức mạnh vô lượng công đức, Làm bậc thầy của mọi chúng sinh,

Ai nghe mà không muốn thực hành?

Nguyện kiên cố, Bồ tát bởi vì năm nhân duyên cho nên gọi là nguyện kiên cố. Đó là:

1. Tâm không chuyển đối với Thanh văn thừa.
2. Tâm không chuyển đối với Bích-chi-Phật thừa.
3. Tâm không chuyển đối với mọi sự việc của ngoại đạo.
4. Tâm không chuyển đối với mọi sự việc của ma quân.
5. Tâm không chuyển vì không có nhân duyên. Như nói:

Nghe hàng Nhị thừa được giải thoát,
Đâu có thể không tu đạo này?
Nếu như chưa tiến vào phần vị,
Thì sẽ mất đi đạo Bồ tát;
Lại ham sự sự của ngoại đạo,
Hoặc bị ma quân làm hư hoại,
Hoặc là không có nhân duyên gì,
Tự mình rời bỏ đạo Bồ tát.

Nguyện thiện, Bồ tát nhờ vào năm nhân duyên cho nên gọi là nguyện thiện. Đó là:

1. Trước hết phải suy tính cẩn thận được-mất điều gì.
2. Biết rõ về đạo.
3. Biết rõ quả của đạo.
4. Không tham tiếc niềm vui riêng mình.
5. Mong muốn diệt trừ mọi nỗi khổ cho chúng sinh. Phát nguyện như thế gọi là nguyện thiện. Như nói:

Trước hết thấy tai họa thế gian,
Phật đạo là lợi ích to lớn,
Biết rõ thực hành đạo vô thượng,

Cùng với quả vô lượng công đức.
Bỏ niềm vui vắng lặng riêng mình,
Muốn trừ đau khổ cho chúng sinh,
Phát nguyện không gì sánh kịp này,
Được Chư Phật mười phương khen ngợi.

Đại Bi vô ngại, là dựa vào năm nhân duyên cho nên biết Bồ tát có tâm đại Bi. Đó là:

1. Vì lợi ích an vui cho vô lượng chúng sinh, đối với mọi vật cung cấp trong cuộc sống không hề sinh tâm tham tiếc.
2. Không tiếc thân thể.
3. Không tiếc mạng sống.
4. Không nghĩ đến thế gian lâu xa.
5. Mong muốn làm lợi ích với tâm bình đẳng giữa mọi người thân và kẻ thù.

Như nói:

Đối với vật yêu quý trong-ngoài,
Buông xả không có gì tham đắm,
Bởi vì lợi ích cho chúng sinh,
Ngay cả thân mạng cũng xả bỏ,
Sinh tử trải qua vô lượng kiếp,
Giống như khoảng thời gian nháy mắt,
Bình đẳng giữa người thân-kẻ thù,
Gọi là tâm Bồ tát đại bi.

Vô ngại, Bồ tát bởi vì năm nhân duyên mà tâm Bi có chướng ngại.

Đó là:

1. Bởi vì khổ đau của địa ngục.
2. Bởi vì khổ đau của súc sinh.
3. Bởi vì khổ đau của ngạ quỷ.
4. Bởi vì người ác không có gì thay đổi.
5. Bởi vì lỗi lầm tai hại của sinh tử.

Nếu năm sự việc này không chướng ngại đến tâm của Bồ tát, thì gọi là Đại Bi vô ngại.

Như nói:

Khổ của địa ngục là đứng đầu,
Súc sinh-ngạ quỷ cũng khổ đau,
Khổ vì người ác và sinh tử,
Không chướng ngại gọi là Đại Bi,

Bồ tát có năng lực như vậy,
Đức Phật bảo là Bi vô ngại.

Khéo tiếp nhận thực hành phương tiện, Bồ tát dựa vào năm nhân duyên, gọi là khéo tiếp nhận thực hành phương tiện. Đó là:

1. Biết thế gian phương hướng.
2. Biết sự ưa thích trong tâm người khác.
3. Biết chuyển hướng đi vào đạo.
4. Biết sự việc theo thứ tự.
5. Biết dẫn dắt cho mọi chúng sinh.

Biết thế gian phương hướng là biết xứ sở địa phương này, cần phải dùng cách thuyết pháp như vậy; biết trong thế gian này, cần phải dùng cách thuyết pháp như vậy. Biết xứ sở địa phương này, cần phải dùng nhân duyên như vậy để hóa độ chúng sinh; biết trong thế gian này, cần phải dùng nhân duyên như vậy để hóa độ chúng sinh. Bồ tát biết trước sự việc này rồi tùy thuận của thực hành.

Như nói:

Nếu thuận theo ý của Thế tôn,
Giảng giải cho người khác hiểu rõ,
Trước tiên cần phải biết hai điều,
Sau tùy lúc và nơi mà nói.
Nếu không biết thế gian-xứ sở,
Mà muốn giảng giải ý của Phật,
Thì không có được lợi ích gì,
Mà lại phát sinh những sai lầm.

Biết sự ưa thích trong tâm người khác, là biết trong tâm người khác đang hướng về điều gì, đang ưa thích điều gì? Bồ tát biết trước rồi, thuận theo sự hiểu biết và niềm vui thích của chúng sinh, tùy thuận phát khởi phương tiện để độ thoát cho họ. Như vậy thì không uổng phí công sức mà còn mang lại lợi ích to lớn.

Như nói:

Bồ tát biết tâm ý chúng sinh,
Sâu xa và khó suy lường được,
Trước tiên biết tâm ý họ rồi,
Dần dần khiến trú vào ý Phật.
Biết tất cả mọi chuyện thế gian,
Tự lợi mình cũng lợi cho người,
Nếu người có năng lực như vậy,

Thì gọi là khéo léo phương tiện.

Biết chuyển hướng đi vào đạo, là có năng lực chuyển hóa ý niệm của phàm phu ngoại đạo khiến cho tiến vào Phật đạo, cũng chuyển hóa chúng sinh làm điều ác khiến cho an trú trong mọi điều thiện, cũng biết cách chuyển hóa pháp tu của Thanh văn và Bích-chi-Phật khiến cho tiến vào trong Đại thừa, những người đã ở trong Phật pháp thì không làm cho họ đi vào ngoại đạo. Trước tiên biết rõ sự việc này rồi tùy thuận mà tu hành.

Như nói:

Nếu như người làm cho chúng sinh,
Rời xa các pháp của ngoại đạo,
Và rời xa những pháp bất thiện,
Tiến vào trong Phật pháp vắng lặng,
Nếu biết rõ tâm các chúng sinh,
Đầy đủ ba loại Thượng-Trung-Hạ,
Biết rồi có năng lực dẫn dắt,
Thì gọi là khéo léo phương tiện.

Biết sự việc theo thứ tự, là như trong Thanh văn thừa, đầu tiên nói về Bố thí, tiếp theo là trì giới, tiếp theo là sinh cõi trời; tiếp theo là tai họa của năm dục, tiếp theo là khổ não của tại gia, tiếp theo là lợi lạc của xuất gia; tiếp theo nói về khổ đế, tiếp theo là Tập đế, tiếp theo là Diệt đế, tiếp theo là Đạo đế; tiếp theo là quả Tu-đà-hoàn, tiếp theo là quả Tư-đà-hàm, tiếp theo là quả A-na-hàm, tiếp theo là quả A-la-hán, tiếp theo là giải thoát bất hoại, tiếp theo nói về những điều vô ngại.

Trong Bích-chi-Phật thừa cũng nói theo thứ tự, vật mà có ngã-ngã sở thì có nhiều tai họa, rời bỏ vật tai họa này thì có được nhiều lợi ích, tại gia làm cho tai họa, xuất gia làm cho lợi ích; tiếp theo là chốn ồn ào náo nhiệt nói cười hỗn loạn làm cho tai họa, đi lại một mình thì làm cho lợi ích tốt đẹp, làng xóm tụ cư làm cho tai họa, ở nơi vắng vẻ yên lặng làm cho lợi ích tốt đẹp; nhàm chán rời xa nhiều ham muốn-nhiều bận rộn, vui với đời sống ít ham muốn-ít bận rộn; giữ gìn các căn, ăn uống biết điều độ, đầu đêm-cuối đêm luôn luôn giác ngộ, quán xét các duyên chọn lấy hình tướng; vui với sự an trú trong nhà trống rỗng, coi trong thực hành trì giới-thiền định-trí tuệ, không hiện bày hình dáng kỳ dị; làm cho người khác hoan hỷ, chỉ tự lợi ích cho mình, vui với pháp sâu xa, không thuận theo trí của người khác.

Biết thứ tự trong Đại thừa, đầu tiên nói về Bố thí Ba-la-mật, tiếp theo

là trì giới Ba-la-mật, tiếp theo là nhẫn nhục Ba-la-mật, tiếp theo là Tinh tiến Ba-la-mật, tiếp theo là thiền định Ba-la-mật, tiếp theo là Trí tuệ Ba-la-mật. Đầu tiên nói về thắng xứ của Đế, tiếp theo nói về thắng xứ của Xả-thắng xứ của Diệt và thắng xứ của Tuệ. Lại nữa, đầu tiên là ca ngợi phát tâm Bồ đề, tiếp theo là mười loại Nguyện, tiếp theo là mười Cứu cánh; tiếp theo là ca ngợi pháp xa lìa sự thối thất của tâm Bồ đề, tiếp theo là pháp tu tập không thối thất tâm Bồ đề, tiếp theo là tâm kiên cố tinh tiến, tiếp theo là kiên cố có thể tiếp nhận, tiếp theo là thệ nguyện kiên cố. Lại nữa, đầu tiên là nói về pháp có năng lực đạt được các địa, tiếp theo nói về pháp có năng lực an trú các địa tiếp theo nói về pháp có năng lực đạt đến tận cùng các địa, tiếp theo nói về pháp xa lìa cấu trược của các địa, tiếp theo nói về pháp có năng lực làm thanh tịnh các địa, tiếp theo nói về pháp an trú lâu dài của các địa, tiếp theo nói về pháp có năng lực đến gần các địa, tiếp theo nói về pháp có năng lực làm cho không thối thất của các địa, tiếp theo nói về quả của các địa, tiếp theo nói về thế lực của quả trong các địa. Lại nữa, hoặc là đầu tiên nói về địa Hoan Hỷ, tiếp theo nói về địa Ly Cấu, tiếp theo nói về địa Minh, tiếp theo nói về Địa Diệm, tiếp theo nói về địa Nan Thắng, tiếp theo nói về địa Hiện Tiền, tiếp theo nói về địa Thâm viễn, tiếp theo nói về địa Bất Động, tiếp theo nói về địa Thiện Tuệ, tiếp theo nói về địa Pháp vân.

Như nói:

Đầu tiên Bố thí-tiếp trì giới,
Quả báo được sinh lên cõi trời,
Thế gian vô thường lỗi tại gia,
Xuất gia là lợi ích to lớn.
Tiếp theo bốn đế là vô thường,
Đoạn kiết-chứng bốn quả Sa-môn,
Phương tiện thuận theo thứ tự này,
Khiến cho người trú vào sơ quả.
Đầu tiên nói về họa sinh tử,
Tiếp theo nói lợi ích Niết bàn,
Khéo léo giữ gìn được các căn,
Trì giới thanh tịnh và thiền định;
Không tùy thuộc trí tuệ của người,
Thích ở một mình làm công đức,
Tự dựa mình-không dựa người khác,
Thích mong cầu niềm vui tự lợi;
Cũng không rời bỏ những người khác,
Thực hành sâu sắc pháp Đầu-đà,

Là người mong cầu pháp Trung thừa,
Tướng của giáo pháp ấy như vậy.
Nhờ vào bốn mươi pháp Bất cộng,
Nói về đức vô lượng của Phật,
Cũng nói về tất cả pháp hành,
Lúc thực hành công hạnh Bồ tát;
Vì làm lợi ích cho chúng sinh,
Theo thứ tự nói những pháp này,
Tự lợi mình và lợi cho người,
Nói tường tận các loại công đức;
Cũng nói đến các đệ tử Phật,
Ưa thích tu tập với mười địa,
Người mong cầu giáo pháp Đại thừa,
Theo thứ tự như vậy vượt qua.

Dẫn dắt là thuận theo những pháp môn mà chúng sinh ưa thích, biết pháp môn này rồi, dùng pháp môn này để dẫn dắt chúng sinh, tùy theo sự ưa thích của họ, dựa vào thế lực của họ mà khiến cho họ được độ thoát.

Như nói:

Hoặc là có những hạng chúng sinh,
Đáng dùng đến kinh sách sâu xa,
Những việc khó làm và tinh xảo,
Dùng ái ngữ cùng với chú thuật,
Khéo léo giải thích và giúp đỡ,
Bố thí-trì giới-định và tuệ,
Suy nghĩ tính toán như vậy rồi,
Dẫn dắt để tiến vào Đại thừa.
Hoặc có lúc hiện thân người nữ,
Dẫn dắt cho tất cả người nam,
Lại có lúc hiện thân người nam,
Dẫn dắt cho rất nhiều người nữ,
Thị hiện niềm vui của năm dục,
Sau đó nói rõ lỗi của dục,
Để làm cho tất cả mọi người,
Được xa lìa đối với năm dục.

Khéo léo thực hành năm điều này, thì gọi là Bồ tát khéo léo tiếp nhận thực hành phương tiện. Có năng lực chịu đựng mọi khổ não, nghĩa là nếu có người ở trong sinh tử vượt quá kiếp số tính toán có năng lực chịu đựng

mọi nỗi khổ não, thì mười thiện nghiệp đạo có thể làm cho người này trú trong đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Tất cả mọi người đều ưa vui sướng-ghét khổ đau, tại sao người này có thể chịu đựng mọi nỗi khổ não?

Đáp: Nhờ vào năm nhân duyên. Đó là:

1. Vui với Vô Ngã.
2. Tin tưởng và vui với không.
3. Suy nghĩ rõ ràng đối với pháp thế gian.
4. Quán xét quả báo của nghiệp.
5. Nghĩ đến vô lượng đời kiếp trước qua đã nhận chịu khổ não một cách oan uổng.

Như nói:

Vui với pháp Vô ngã và không,
Lại biết rõ quả báo của nghiệp,
Đối với tám pháp lợi-suy-hủy…
Xử thế chắc chắn phải nhận chịu,
Cũng nghĩ đến đời kiếp quá khứ,
Nhận chịu oan uổng mọi khổ đau,
Huống gì là đối với Phật đạo,
Mà không đáng nhận chịu hay sao?

Không rời bỏ đối với tất cả, nghĩa là hoặc có chúng sinh tệ hại xấu xa bậc nhất, không có công đức gì, không đáng làm cho lợi ích, nhưng Bồ tát đối với hạng này hoàn toàn không sinh tâm rời bỏ.

Hỏi: Nếu như là người ác không đáng được cứu độ, thì tại sao không rời bỏ?

Đáp: Bởi vì năm nhân duyên, đó là:

1. Bởi vì coi rẻ pháp của hạng tiểu nhân.
2. Vốn coi trọng pháp của bậc Đại nhân.
3. Vốn sợ lừa dối Chư Phật.
4. Vốn biết rõ ân đức.
5. Vì sự việc của thế gian này cho nên tu pháp xuất thế gian.

Như nói:

Bởi vì muốn cứu độ chúng sinh,
Phát tâm đón nhận những gánh nặng,
Ở giữa mọi giặc thù xấu ác,
Tâm luôn luôn không nên rời bỏ.
Khinh tiểu nhân-coi trọng Đại nhân,

Chính là sự phân biệt Đại-Tiểu,
Không thích hợp ở giữa chúng sinh,
Tâm xót thương hãy còn ngừng bỏ.
Ở trong những hoạn nạn cấp bách,
Không việc gì mà luôn lợi ích,
Luôn luôn đón nhận mọi gánh nặng,
Nhưng không lười nhác bỏ giữa chừng.
Nếu phát tâm Bồ đề vô thượng,
Hoặc có lúc rời bỏ chúng sinh,
Hoặc tâm mình vất vả mệt mỏi,
Và bị người xấu ác làm hại;
Chính là tự mình đã lừa dối,
Chư Phật ba đời khắp mười phương.
Chư Phật tôn quý giữa thế gian,
Vì lợi ích cho mọi chúng sinh,
Thực hành đủ các loại khổ hạnh,
Tu tập mong đạt được Phật đạo,
Chư Phật trải qua hằng sa kiếp,
Bỏ niềm vui để làm phước nghiệp;
Nếu rời bỏ một người xấu ác,
Thì làm trái ân đức Chư Phật,
Vì vậy đối với chúng sinh ác,
Không nên nửa chừng rời bỏ họ,
Nếu người trải qua trong vô lượng,
Vô biên a-tăng-kỳ-kiếp số,
Tự tu tập hướng về Phật đạo,
Lấy tâm Đại Bi làm căn bản;
Nếu như khởi lên tâm tham dục,
Và tâm sân hận-tâm sợ hãi,
Rời bỏ một người đáng cứu độ,
Thì đoạn mất gốc rễ Phật đạo.

Vì vậy cho nên thiện nghiệp đạo có năng lực làm cho Bồ tát không rời bỏ chúng sinh cho đến lúc đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hết sức vui với trí tuệ của Phật, nghĩa là nếu như người rất ưa thích đối với trí tuệ của Phật, thì nhanh chóng đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhờ vào năm nhân duyên cho nên rất ưa thích đối với trí tuệ của Phật, đó là:

1. Trí tuệ của Phật siêu việt không có gì sánh được.
2. Trí tuệ của Phật có năng lực khiến cho người trở thành bậc tôn quý giữa thế gian.
3. Phật dùng trí tuệ của Phật để tự mình cứu độ chính mình.
4. Trí tuệ của Phật cũng cứu độ cho người khác.
5. Trí tuệ của Phật là trú xứ của tất cả mọi công đức. Như nói:

Trí tuệ siêu việt của Chư Phật,
Trên cõi trời và giữa thế gian,
Tất cả không có gì sánh kịp,
Huống hồ có điều gì hơn được?
Chư Phật nhờ vào trí tuệ này,
Được chư Thiên A-tu-la,
Tất cả loài người giữa thế gian,
Đều cung kính lễ lạy tôn thờ.
Phật dùng trí tuệ tự độ mình,
Cũng cứu độ cho mọi người khác,
Nếu có được trí tuệ của Phật,
Thì có được kho tạng công đức.

Đối với uy lực của Chư Phật và trong pháp tự tại cảm được tự tại cảm được niềm vui không còn Biến hành. Biến hành có nghĩa là tập khí lâu xa, sức mạnh của tất cả các hạnh, gọi là sức mạnh của mười loại trí; tự tại có nghĩa là tùy ý làm những gì mình muốn làm. Nếu người rất vui với mười lực của Phật và trong pháp tự tại không còn Biến hành, thì

người như vậy không bao lâu sẽ đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhờ vào năm nhân duyên mà vui với niềm vui không còn biến hành, đó là:

1. Tôn trọng lời dạy bảo của Chư Phật.
2. Bởi vì Chư Phật có Đại đệ tử.
3. Bởi vì tự mình chứng được tất cả các pháp.
4. Nhiếp thủ những chúng sinh đọa lạc.
5. Chúng sinh đã bị đọa lạc thì có năng lực cứu giúp họ. Như nói:

Tôn trọng lời Phật không gì bằng,
Phật tử có Tứ quả-Bát bối,
Và đầy đủ Tam minh-Lục thông,
Có thể làm thầy của chư thiên.
Dùng ánh mắt trí tuệ của Phật,
Thấy các pháp hiện rõ trước mắt,
Hạng ác nghịch đoạn mất thiện căn,

Cho đến những chúng sinh phá giới…
Những hạng người đọa lạc như vậy,
Nhiếp thủ mà cứu độ cho họ.
Nếu như người đối với Phật lực,
Trong pháp tự tại với Biến hành,
Thì Niết bàn và phước cõi trời,
Luôn luôn ở trong tay người này.

Ở trong này, Chư Phật dùng uy lực của Phật có năng lực thực hiện năm sự việc:

1. Khiến cho chúng sinh học theo Thanh văn thừa.
2. Khiến cho chúng sinh học theo Bích-chi-Phật thừa.
3. Khiến cho chúng sinh học theo pháp Đại thừa.
4. Người có năng lực đầy đủ thì khiến cho được giải thoát.
5. Người năng lực kém cỏi thì khiến cho trú vào niềm vui thế gian.

Như nói:

Chư Phật dùng uy lực của Phật,
Khiến chúng sinh chán ngán lìa xa,
Hoặc khiến học theo pháp Tiểu thừa,
Học theo Trung thừa và Đại thừa;
Nếu người có năng lực đầy đủ,
Thì khiến cho họ được giải thoát,
Người không có đầy đủ năng lực,
Thì sinh cõi trời vui thế gian.

Tự tại có nghĩa là Chư Phật tự tại đối với năm sự việc, đó là:

Các loại thần thông tự tại.
Tự trong tâm mình được tự tại.
Trong sự diệt tận được tự tại.
Trong Thánh như ý được tự tại.
Trong thọ mạng được tự tại. Như nói:
Thần thông phi hành được tự tại,
Tự trong tâm mình được tự tại,
Ở trong cảnh thiền định vắng lặng,
Như ra vào ngôi nhà của mình.
Tất cả thanh tịnh hoặc bất tịnh,
Tùy tâm mà có thể chuyển hóa,
Mạng không bị người khác làm hại,

Duyên vào chính mình cũng vô tận.
Những sự việc tự tại như vậy,
Tất cả các pháp cũng như vậy,
Cho nên gọi là bậc Tự tại,
Sư tử chúa ở giữa trời-người.

Có năng lực phá tan những ý niệm xấu ác, đó gọi là những hạng chúng sinh xa rời chánh đạo, tức là phàm phu và chín mươi sáu loại ngoại đạo… Nói sơ lược về những ý niệm xấu ác, thì phàm phu-ngoại đạo nói năm Ấm là Ngã, hoặc nói trong Ngã có năm Ấm có Ngã.

Như nói:

Nếu như năm ấm chính là ngã,
Tức là rơi vào kiến đoạn diệt,
Thì mất đi nhân duyên của nghiệp,
Không có công lao mà giải thoát.
Còn lại vó bốn loại kiến chấp,
Ấm sai khác-không hề có tướng,
Không có tướng-không hề có pháp,
Đều thuận theo phá bỏ như vậy.

Lại nữa, năm tà kiến gọi là những ý niệm xấu ác, đó là tà Kiến-thân kiến-Biên kiến-Kiến thủ và Giới thủ. Như nói:

Phá tà kiến bác không nhân quả,
Hai mươi loại tà chấp thân kiến,
Chấp vào có và chấp không có,
Điều thấp kém cho là cao nhất,
Chỉ dùng năng lực của giữ giới,
Mà có thể đạt đến giải thoát;
Như trước phá bỏ một và khác,
Kiến chấp này phá bỏ như vậy,
Chánh ý dựa theo tám Thánh đạo,
Nói rõ nghĩa là được giải thoát.

Giữ gìn chánh pháp của Chư Phật, nghĩa là nếu người có năng lực giữ gìn những giáo pháp của Chư Phật, đó gọi là mười hai bộ kinh, dùng tâm tư của mình luôn luôn tin tưởng và luôn luôn tiếp nhận, thì mười thiện nghiệp đạo có năng lực làm cho người này đạt đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhờ vào năm nhân duyên cho nên thuận theo tiếp nhận giữ gìn chánh pháp:

1. Biết đền đáp ân đức của Chư Phật.

2. Làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài.
3. Dùng pháp cúng dường tối thượng để cúng dường Chư Phật.
4. Làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh.
5. Chánh pháp là điều khó gặp bậc Nhất.

Như nói:

Nếu người nào mong muốn thực hành,
Những điều tiếp nhận từ Chư Phật,
Cũng làm cho giáo pháp trường tồn,
Là cách cúng dường Phật cao nhất.
Vì muốn chữa lành những bệnh nặng,
Mang lại lợi ích cho chúng sinh,
Cũng biết rõ các Đức Thế Tôn,
Đạt được pháp này trong gian khổ.
Bởi vì những nhân duyên như vậy,
Biết rõ chánh pháp là khó gặp,
Vì vậy cho nên người có trí,
Phải yêu quý giữ gìn chánh pháp.

Ở trong này, bởi vì năm nhân duyên mà gọi là yêu quý giữ gìn chánh pháp:

1. Thực hành như giáo pháp đã dạy.
2. Khiến cho người khác thực hành đúng như pháp.
3. Phá trừ những hạng bài báng Phật pháp.
4. Xa rời bốn dấu ấn bất tịnh.
5. Thực hành bốn pháp ấn vĩ đại. Như nói:

Tự mình an trú trong pháp Phật,
Như giáo pháp Chư Phật đã dạy,
Tâm Bi chẳng keo kiệt giáo pháp,
Cũng khiến cho người được an trú.
Còn phá trừ các loại ma quân,
Cùng với luận sư của ngoại đạo,
Nếu như người căm ghét Phật pháp,
Dùng tâm không sân để phá trừ.
Xa rời bốn dấu ấn bất tịnh,
Tiếp nhận thực hành bốn Đại ấn,
Như vậy thì gọi là yêu quý,
Giữ gìn chánh pháp của Chư Phật.

Dũng mãnh, có nghĩa là Bồ tát nhờ vào năm nhân duyên mà gọi là

dũng mãnh:

1. Phá trừ ma quân.
2. Phá trừ giặc ngoại đạo.
3. Phá trừ giặc phiền não.
4. Phá trừ giặc của các căn.
5. Phá trừ giặc của năm ấm. Như nói:

Ác ma phát khởi nhiều quân lính,
Phá hoại cây đạo muốn hại Phật,
Thường tìm cơ hội phỉ báng Phật,
Làm não loạn tâm ý người nghe.
Mặt trời Phật soi sáng thế gian,
Ma cầu thỉnh Phật nhập Niết bàn,
Thường quấy nhiễu người chịu tu học,
Phá hoại đối với đạo giải thoát.
Thậm chí cho đến tận hôm nay,
Tâm phá hoại hãy còn không dứt,
Căm ghét người hướng về Niết bàn,
Là kẻ giặc lớn của người thiện.
Cần phải dựa vào Giới-Định-Tuệ,
Đập tan sức mạnh của ma oán!
Tự cho mình là có trí tuệ,
Thường khinh mạn đối với Chư Phật,
Dùng tất cả các loại nhân duyên,
Hủy diệt Phật pháp mà xuất hiện,
Thường căm ghét đệ tử của Phật,
Tự mình sai bày người sai theo,
Những hạng tà ma ngoại đạo này,
Là kẻ giặc lớn của thế gian.
Nên dùng tâm niệm không sân hận,
Thuận theo dùng trí tuệ đa văn,
Và dùng sức mạnh tâm vĩ đại,
Đập tan đám giặc thù ngoại đạo.
Sức mạnh phiền não dấy khởi nghiệp,
Xoay vòng qua lại trong đường ác,
Sức mạnh phiền não làm chướng ngại,
Không thể nào thực hành Đại đạo,
Bởi vì sức mạnh của phiền não,
Mà rơi vào các loại tà kiến,

Bởi vì sức mạnh của phiền não,
Mà không thực hành đạo cam lộ.
Bởi vì những nhân duyên như vậy,
Phiền não là đám giặc lớn nhất,
Dùng chánh niệm-chánh định-chánh tuệ,
Phá tan đám giặc phiền não này.
Nếu bị giặc các căn lội kéo,
Khiến cho người rơi vào đường ác,
Lại rơi vào trong chốn trời-người,
Không thể nào đến được Niết bàn.
Nay đối với giặc các căn này,
Sao không nhờ vào tâm tàm quý,
Chánh niệm và thiền định-trí tuệ,
Để phá tan đám giặc các căn?
Ví như con người ở thế gian,
Dùng lời nói dịu dàng lừa dối,
Tiền của đồ vật và gươm giáo,
Dùng bốn loại này trừ giặc cướp.
Bởi vì năm ấm giả tạo này,
Mà nhận chịu sinh-già-bệnh-chết,
Cũng rơi vào nỗi sợ vô cùng,
Nhận lấy những khổ não thúc bách.
Bởi vì nhân duyên của năm ấm,
Mà ưu sầu đau xót khóc than,
Bởi vì nhân duyên của năm ấm,
Mà nhận chịu đủ loại khổ đau.
Vì vậy ông hãy tự mình biết,
Thuận theo dùng các pháp thấy-biết,
Phá tan nhân duyên năm ấm này,
Giống như phá tan đám giặc thù.

Có thể tiếp nhận nghĩa là tâm chí mạnh mẽ có tướng của bậc Đại nhân, nhìn nhận sự việc một cách sâu xa. Nhờ vào năm nhân duyên, cho nên gọi là có thể tiếp nhận:

1. Việc thành tựu như mong cầu mà tâm tư không cao ngạo.
2. Mong cầu mà không thành tựu thì tâm chí cũng không giảm xuống.
3. Khổ não giày vò bản thân mà tâm chí không dao động.
4. Thân có thêm điều vui sướng mà tâm cũng không thay đổi.

5. Tâm tư sâu thẳm, hoặc sân hận-hoặc hoan hỷ cũng khó có thể biết được.

Như nói:

Thân-tâm dù gặp điều cay đắng,
Mà ý chí cũng không lay động,
Tùy ý vui với sự việc đến,
Tâm bậc Đại trí không thay đổi,
Hoặc sân hận-hoan hỷ-sợ hãi,
Người khác không thể nào đoán được,
Tâm và tướng sâu xa như vậy,
Nói là người có thể tiếp nhận.

Chịu khó tinh tiến, nghĩa là chịu khó thực hành tinh tiến đối với năm sự việc:

1. Pháp ác chưa sinh làm cho không sinh, vì vậy chịu khó thực hành tinh tiến.

2. Pháp ác đã sinh làm cho đoạn diệt không còn, vì vậy chịu khó thực hành tinh tiến.

3. Pháp thiện chưa sinh làm cho phát sinh, vì vậy chịu khó thực hành tinh tiến.

4. Pháp thiện đã sinh làm cho tăng trưởng tốt hơn, vì vậy chịu khó thực hành tinh tiến.

5. Ở trong sự việc thế gian có những việc làm không có gì làm chướng ngại được, vì vậy chịu khó thực hành tinh tiến.

Như nói:

Đoạn trừ pháp ác đã sinh ra,
Giống như loại trừ con rắn độc,
Đoạn trừ pháp ác chưa sinh ra,
Như chặn trước dòng chảy hung hãn,
Pháp thiện đã sinh làm tăng trưởng,
Như van tưới cây thêm quả ngọt,
Pháp thiện chưa sinh làm cho sinh,
Như kéo cây phát ra ngọn lửa.
Trong mọi điều thiện ở thế gian,
Tinh tiến không có gì chướng ngại,
Chư Phật khen ngợi người như vậy,
Gọi là chịu khó hành tinh tiến.

Tâm kiên cố giáo hóa chúng sinh, nghĩa là nếu Bồ tát ở trong năm

Thừa luôn luôn giáo hóa chúng sinh, tâm chí không chuyển đổi trong những sự việc như cúng dường-khinh mạn-yêu ghét-sợ hãi-khổ vui-vất vả mệt mỏi…, thì gọi là tâm kiên cố giáo hóa chúng sinh. Năm thừa là:

1. Phật thừa.
2. Bích-chi-Phật thừa.
3. Thanh văn thừa.
4. Thiên thừa.
5. Nhân thừa. Như nói:

Như vậy thuận theo dùng nhất tâm,
Tất cả mọi thế mạnh vốn có,
Dựa vào đủ các loại phương tiện,
Xa rời đối với tâm yêu-ghét,
Giáo hóa cho tất cả chúng sinh,
Lìa tâm cấu trược được thanh tịnh,
Khiến cho đạt được Vô thượng Thừa,
Vô lượng đời kiếp khó có được.
Nếu tiến vào không có thế lực,
Không có thể trú trong Đại thừa,
Thì dẫn dắt vào Bích-chi-Phật,
Thanh văn thừa-Thiên thừa-Nhân thừa.

Không tham niềm vui riêng mình, nghĩa là không tham đắm tất cả mọi niềm vui. Bồ tát nhờ vào năm nhân duyên mà không tham niềm vui riêng mình:

1. Vui là vô thường, giống như bọt nước mong mang.
2. Niềm vui của thế gian trở thành đau khổ.
3. Vốn từ các duyên mà sinh ra.
4. Vốn từ khát ái mà dấy lên.
5. Niềm vui ít ỏi như giọt mật nhỏ nhoi. Như nói:

Niềm vui mỏng manh như bọt nước,
Trở thành đau khổ như chất độc,
Căn-cảnh-thức hòa hợp với xúc,
Có tham dục-ngu si mà sinh.
Nếu xa rời đối với tham ái,
Lại không có niềm vui nào khác,
Thì như giống khô và giọt mật,
Niềm vui ít mà đau khổ nhiều.
Người làm lợi ích cho chúng sinh,
Không nên có tâm niệm tham đắm.

Trải qua vô lượng thân mạng, nghĩa là Bồ tát vì năm nhân duyên cho nên không tham tiếc thân mạng:

1. Thân không từ đời trước mà đến.
2. Không đi đến đời sau.
3. Không chắc chắn.
4. Thân này vô ngã.
5. Không có ngã sở. Như nói:

Thân ông tích tụ mọi dơ bẩn,
Đầy dẫn mọi nơi đều bất tịnh,
Không từ đời trước mà xuất hiện,
Không duy trì đến được đời sau;
Tuy cung dưỡng mọi điều tốt đẹp,
Nhưng phá bỏ tất cả ân lớn,
Thân này chẳng có gì kiên cố,
Như bọt nước vỡ trong chốc lát.
Duyên sinh chẳng có tánh nhất định,
Không có tánh thì không tự tại.
Vì vậy cho nên hãy biết rằng:
Chẳng có ngã-chẳng có ngã sở,
Thân này biết bao điều tai họa,
Không nên có tâm niệm tham tiếc.

Bồ tát vì năm nhân duyên cho nên không tham tiếc thọ mạng:

1. Vui với tuệ mạng.
2. Sợ hãi đối với tội lỗi.
3. Nghĩ đến vô lượng lần chết trong vô thỉ sinh tử đến nay.
4. Cùng nhận chịu mọi điều với tất cả chúng sinh.
5. Vốn không thể tránh được. Như nói:

Thuận theo đa văn và chánh luận,
Sinh tâm tham đối với tuệ mạng.
Luôn luôn sợ hãi vì mất mạng,
Mà dấy khởi biết bao tội ác,
Lại thấy tất cả người thế gian,
Không có ai thoát được tử sinh,
Không thể dùng tiền của-mưu-trí,
Sức phương tiện mà tránh thoát được.
Người tu tập thực hành pháp thiện,
Sao có thể tiếc mạng sống này?

Cao nhất trong tất cả mọi việc, nghĩa là như người có làm điều gì thì

nhất định có thể làm đến cuối cùng, đó gọi là người bậc Thượng. Bồ tát dùng năm sự việc mà phát khởi thì nhất định đạt đến kết quả cuối cùng, đó là:

1. Tài sản vật dụng.
2. Bố thí.
3. Trì giới.
4. Tu định.
5. Đạo đức. Như nói:

Chịu khó tích tụ nhiều tiền của, Tha thiết thực hành hạnh Bố thí, Theo thứ tự trì giới thanh tịnh, Tinh tiến mong cầu tu thiền định,

Thực hành đủ các loại phương tiện, Phát sinh tám đạo được giải thoát, Đó gọi là người thuộc bậc thượng, Cao nhất trong tất cả mọi việc.

Thực hành không có gì sai lầm, nghĩa là Bồ tát này làm mọi việc mà người trí không quở trách. Nhờ vào năm nhân duyên mà thực hành

không có gì sai lầm, không bị người trí quở trách, đó là:

1. Làm điều đáng làm.
2. Đạt được lợi ích của quả to lớn.
3. Không hủy hoại pháp.
4. Tiếp về sau không có sai lầm.
5. Danh tiếng lưu truyền mọi nơi.

Như nói:

Trước hết phải suy tính mọi điều,
Tự mình làm công việc dễ làm
Thuận theo việc này mà đạt được,
Vô lượng lợi ích của Đại quả.
Không trở ngại đối với thiện pháp,
Làm rồi không có gì sai sót,
Được người hiền thiện cùng ca ngợi,
Tiếng tốt truyền đến khắp mọi nơi.
Việc làm do người trí phát khởi,
Gọi là không có gì lầm lỗi,
Việc đáng làm và việc dễ làm,
Tự nhiên tùy thuộc vào chính mình.
Vô lượng công đức thật lớn lao,
Nhanh chóng đạt được quả lợi ích,
Người trí biết rõ ràng như vậy,
Về sau không có gì lầm lỗi,

Thuận lòng thêm chịu khó tinh tiến,
Mà thực hành việc làm như vậy.

Tất cả các chủng loại thanh tịnh và tất cả các thắng xứ phát sinh, nghĩa là nhờ vào năm nhân duyên mà các thắng xứ và tất cả các chủng loại đều được thanh tịnh. Đó là:

1. Thân tâm thanh tịnh.
2. Hồi hướng thanh tịnh.
3. Tự thực hành thắng xứ đúng như giáo thuyết.
4. Khiến cho người khác thực hành.
5. Xa rời các pháp trái ngược với các thắng xứ, đó gọi là nói dối-tham lam keo kiệt-bỡn cợt xúi giục-ngu si.

Như nói:

Tâm Bồ tát thanh tịnh sâu xa,
Rời xa mọi nịnh hót quanh co,
Cũng đem tất cả bốn thắng xứ,
Hồi hướng cho Phật đạo Bồ đề.
Trước hết tự mình tu pháp thiện,
Sau khiến cho người khác thực hành,
Bồ tát luôn thực hành như vậy,
Bốn thắng xứ đầy đủ thanh tịnh.

Mười thiện đạo có năng lực làm cho đến được mười lực của Thế Tôn, nghĩa là tu tập mười thiện nghiệp đạo như vậy, có năng lực khiến cho người thực hành đạt đến mười lực. Mười lực ấy có nghĩa là chánh biến tri. Chánh biến tri thì chính là Phật. Nhờ vào năm nhân duyên cho nên gọi là Thế Tôn:

1. Đoạn trừ nghi ngờ của đời quá khứ.
2. Đoạn trừ nghi ngờ của đời vị lai.
3. Đoạn trừ nghi ngờ của đời hiện tại.
4. Đoạn trừ nghi ngờ của pháp vượt qua ba đời.
5. Đoạn trừ nghi ngờ về pháp không thể diễn tả được.

Như nói:

Vô thỉ đời kiếp trong quá khứ,
Thông suốt không có gì nghi ngờ,
Vô biên đời kiếp thuộc vị lai,
Biết thông suốt không nghi ngờ gì;
Mười phương bao la không giới hạn,
Tất cả đời kiếp thuộc hiện tại,

Pháp vi diệu-vô vi tối thượng,
Vượt ra ngoài giới hạn ba đời;
Mười bốn pháp không thể diễn tả,
Cũng thông suốt không có nghi ngờ.
Vốn có công đức tạng như vậy,
Chư Phật xưng gọi là Thế Tôn.

Công đức thành tựu như vậy là mười thiện nghiệp đạo có năng lực làm cho Bồ tát đạt đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy cho nên người cầu Phật đạo, cần phải tu tập mười thiện nghiệp đạo như vậy.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 16

Phẩm 31: HỘ GIỚI

Bồ tát này tu tập thực hành các thiện đạo như vậy:

Đối với Tổng tướng và biệt tướng,

Thiện nghiệp đạo-bất thiện nghiệp đạo,

Mỗi loại có hai loại quả báo,

Tất cả đều phân biệt biết rõ.

Tổng tướng về quả báo của mười thiện nghiệp đạo, hoặc sinh lên cõi trời, hoặc sinh trong loài người. Biệt tướng về quả báo: Thiện hạnh xa rời sát sinh, có hai loại quả báo:

1. Sống lâu.
2. ít bệnh.

Thiện hạnh xa rời trộm cắp, có hai loại quả báo:

1. Rất giàu có.
2. Chỉ một mình mình có của cải

Thiện hạnh xa rời tà dâm, có hai loại quả báo:

1. Người vợ trinh tiết hiền lành.
2. Không bị người khác làm hại.

Thiện hạnh xa rời nói dối, có hai loại quả báo:

1. Không bị người khác phỉ báng.
2. Không bị người khác lừa dối.

Thiện hạnh xa rời hai lưỡi, có hai loại quả báo:

1. Cảm được quyến thuộc tốt đẹp.
2. Không bị người khác phá hoại.

Thiện hạnh xa rời nói thô ác, có hai loại quả báo:

1. Tùy ý nghe được những âm thanh mà mình ưa thích.
2. Không có tranh chấp.

Thiện hạnh xa rời nói lời tán loạn, có hai loại quả báo:

1. Mọi người tin nhận những lời mình nói.

2. Lời nói ra thật chắc chắn.

Thiện hạnh xa rời tham lam, có hai loại quả báo:

1. Biết vừa đủ.
2. Ít ham muốn.

Thiện hạnh xa rời sân hận, có hai loại quả báo:

1. Ở nơi mình sinh sống thường cầu mong điều tốt đẹp cho người.
2. không ưa làm não chúng sinh.

Thiện hạnh chánh kiến, có hai loại quả báo:

1. Xa rời nịnh hót quanh co.
2. Thấy những điều thanh tịnh.

Mười bất thiện nghiệp đạo cũng như vậy. Tổng tướng về quả báo, hành bất thiện bậc thượng thì rơi vào địa ngục, hành bất thiện bậc Trung thì rơi vào súc sinh, hành bất thiện bậc hạ thì rơi vào ngạ quỷ. Biệt tướng về quả báo:

Bất thiện hạnh sát sinh, có hai loại quả báo:

1. Đoản mạng.
2. Nhiều bệnh.

Bất thiện hạnh trộm cướp, có hai loại quả báo:

1. Bần cùng.
2. Mất mát tiền của.

Bất thiện hạnh tà dâm, có hai loại quả báo:

1. Gặp phải người vợ xấu ác lại không trinh tiết lương thiện.
2. Người khác làm hại.

Bất thiện hạnh nói dối, có hai loại quả báo:

1. Bị người khác phỉ báng.
2. Bị người khác lừa dối.

Bất thiện hạnh nói hai lưỡi, có hai loại quả báo:

1. Gặp phải quyến thuộc xấu xa.
2. Quyến thuộc nhất định phá hoại.

Bất thiện hạnh nói thô ác, có hai loại quả báo:

1. Tai nghe tiếng dữ dằn.
2. Thường xảy ra tranh chấp.

Bất thiện hạnh nói lời tán loạn, có hai loại quả:

1. Lời nói không đáng tin nhận.
2. Nói không có đầu đuôi.

Bất thiện hạnh tham lam, có hai loại quả báo:

1. Tâm không biết vừa đủ.

2. Ham muốn nhiều không thỏa mãn. Bất thiện hạnh sân hận, có hai loại quả báo:

1. Tánh hung ác.

2. Ưa làm hại chúng sinh.

Bất thiện hạnh tà kiến, có hai loại quả báo:

1. Tâm niệm nịnh hót quanh co.

2. Rơi vào trong tà kiến.

Biết rồi yêu quý vui với pháp,
Tâm không lay động đối với pháp,
Ở giữa tất cả các chúng sinh,
Tâm từ bi trở nên rộng lớn.

Yêu quý pháp, nghĩa là chỉ yêu quý đối với pháp, lại không có điều gì hơn được. Pháp nói trong này, tức là trước tiên nói đến mười thiện nghiệp đạo. Vui với pháp, nghĩa là chỉ vui thích đối với pháp, lại không có điều gì khác nữa. Tâm không lay động đối với pháp, nghĩa là thậm chí mất mạng nhưng cuối cùng vẫn không rời bỏ pháp. Bồ tát thực hành theo pháp như vậy, ở giữa chúng sinh thì tâm Từ Bi trở nên rộng lớn hơn. Trong địa thứ nhất tuy có Từ Bi nhưng không bằng ở địa này, bởi vì thông suốt nhân duyên-nghiệp báo tội phước, chúng sinh đáng thương đều bởi vì nghiệp mà không thể nào tự tại được, vì vậy tâm không có ý niệm sân hận oán ghét đối với chúng sinh. Thực hành như vậy cho nên Từ Bi trở nên rộng lớn, dấy lên ý niệm như vậy:

Kỳ quái làm sao các chúng sinh!
Rơi vào trong hố sâu tà kiến
Mình cần phải nói rõ chánh kiến,
Khiến họ được tiến vào chánh đạo.

Bồ tát thông suốt về nhân duyên-nghiệp báo tội phước, thực hành Từ Bi sâu sắc đối với các chúng sinh, dấy lên ý niệm như vậy: Chúng sinh đáng thương, bởi vì không biết thật tướng của các pháp, phát sinh nhiều vọng tưởng, sinh ra những tà kiến; bởi vì tà kiến mà dấy lên các phiền não, bởi vì phiền não mà khởi lên các nghiệp, nhân duyên khởi nghiệp mà luân chuyển trong sinh tử. Trước kia mình phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì cứu độ chúng sinh cho nên hãy nói rõ chánh kiến, những chúng sinh này là mình phải cứu độ, nay hãy nói rõ chánh kiến cho họ để họ tiến vào chánh đạo khiến được độ thoát.

Nghĩ như vậy, biết các chúng sinh có đủ loại phiền não, đó gọi là:

Quán sát do phiền não dấy khởi,
Và cấu trược của các phiền não,
Đủ các loại ác nghiệp bất tịnh,
Nhận chịu đủ mọi điều khổ não.
Nghĩ thương xót cho các chúng sinh,
Có biết bao nhiêu điều thiếu sót,
Quán sát đủ các loại như vậy,
Đều giống như mình có tất cả.
Ngay lập tức dùng tâm Bi mẫn,
Phát Đại nguyện vận dụng phương tiện,
Làm thế nào khiến cho chúng sinh,
Diệt trừ được những khổ đau này?

Phiền não và cấu trược của phiền não, do Sử thâu nhiếp thì gọi là phiền não, do Triền thâu nhiếp thì gọi là cấu trược của phiền não. Phiền não do Sử thâu nhiếp, đó là tham-sân-mạn-vô minh-thân kiến-biên kiến-kiến thủ-giới thủ-tà kiến và nghi. Mười loại căn bản này tùy theo kiến đế và tư duy của ba cõi mà đoạn, phân biệt thì vốn gọi là chín mươi tám Sử. Không do Sử thâu nhiếp, đó là không tin-không có tàm-không có quý-nịnh hót quanh co-bỡn cợt-hối tiếc-cố chấp-lười nhác-lui sụt-ngủ nghỉ-giận dữ-keo kiệt-ganh tỵ-kiêu ngạo-không nhẫn nhịn-tham ăn-không biết vừa đủ, cũng do kiến đế và tư duy của ba cõi làm đoạn, phân biệt thì vốn có một trăm chín mươi sáu loại Triền cấu.

Có người nói: Phiền não ở sâu trong tâm, cấu thì ở bên ngoài tâm. Có người nói: Các chướng che lấp gọi là Triền cấu, còn những loại khác đều gọi là phiền não.

Ác nghiệp bất thiện, chính là bảy bất thiện nghiệp đạo, và tham lam sân hận-tà kiến tương ưng với tư, có thể phát sinh khổ báo.

Đủ mọi điều khổ não, nghĩa là các loại ác sự trong thân gọi là khổ, các loại ác sự trong tâm gọi là não. Vả lại, khổ của đời hiện tại gọi là khổ, đời sau rơi vào đường ác thì gọi là não. Có nhiều điều thiếu sót, hoặc là các căn trên thân thể, hoặc là những nhu cầu cung cấp cho đời sống, hoặc là những công đức như Tín-Giới…, không đầy đủ cho nên gọi là thiếu sót. Những câu còn lại dễ hiểu, như trong kệ đã nói, không cần phải giải thích nữa. Tư duy như vậy rồi, Bồ tát thấy chúng sinh thật đáng thương xót, rơi vào trong Nhị thừa, mình nên vì họ mà phát nguyện làm cho họ trú trong Đại thừa.

Sự việc này thì trong kinh Thập địa, Bồ tát Kim Cang Tạng tự

mình nói như vậy: "Bồ tát này xa rời mười bất thiện nghiệp đạo, cũng làm cho chúng sinh trú trong mười thiện nghiệp đạo, vì chúng sinh mà tha thiết mong cầu tâm thù thắng-tâm tốt đẹp-tâm vui thích-tâm thương xót-tâm Từ Bi-tâm lợi ích-tâm giữ gìn-tâm mình vốn có-tâm Đại Sư-tâm thâu nhiếp-tâm tiếp nhận. Dấy lên ý niệm như vậy: Những chúng sinh này thật đáng thương xót, rơi vào trong các loại tà ý-tà kiến và đi theo con đường tà vạy nguy hiểm, nay mình phải làm cho họ trú vào trong con đường chánh kiến chân thật. Những chúng sinh này vì chủng loại khác nhau mà tranh chấp lẫn nhau, thường ôm lòng căm thù, lửa sân hận bốc cháy rừng rực, mình nên làm cho họ trú trong niệm Đại Từ Vô thượng. Những chúng sinh này không có gì thỏa mãn, tham cầu lợi ích của người khác, tự nuôi sống bản thân bằng phương tiện tà vạy, mình nên làm cho họ trú trong nghiệp thân-nghiệp-ý thanh tịnh. Những chúng sinh này ở giữa nhân duyên của tham dục-sân hận-ngu si, thường dấy lên đủ loại kiết sử phiền não mà không tìm kiếm phương cách mong được tự mình thoát ra, mình nên diệt trừ những điều khổ não ấy làm cho họ trú vào nơi không có khổ não. Những chúng sinh này bị vô minh che phủ mà đi vào rừng rậm tối đen, không thể nào tự mình thoát ra được, xa rời ánh sáng trí tuệ mà đi vào trong con đường hiểm ác của các kiến chấp, mình cần phải cứu giúp khiến cho họ có được ánh mắt trí tuệ vô ngại, dùng ánh mắt trí tuệ này mà không đi theo người khác, đối với tất cả các pháp biết đúng như thật tướng của nó. Những chúng sinh này rơi vào sông dài của sinh tử, sắp rơi vào hố hầm của địa ngục-súc sinh-ngạ quỷ và a-tu-la, tiến vào trong mạng lưới quanh co tà vạy, bị các loại cỏ độc của phiền não che lấp, không có người dẫn đường-không sinh được tâm thiện, đạo nói là không phải đạo, không phải đạo nói là đạo, ma quân-giặc thù thường cùng nhau đuổi theo, không có bậc thầy khéo léo dẫn dắt, tùy thuận ý ma xa lìa Phật pháp; chúng sinh như vậy thì mình cần phải làm cho họ vượt qua những con đường hiểm ác của sinh tử này, được trú trong khu thành của tất cả trí tuệ, không còn sợ hãi-không còn suy sụp gì nữa. Những chúng sinh này bị trôi nổi dòng chảy của Dục-dòng chảy của Hữu-dòng chảy của kiến-dòng chảy của Vô minh; bị các loại sóng gió của nghiệp tội nhấn chìm trong sông Ái, trôi theo sóng nước của sinh tử, bị dòng nước xoáy làm cho xoay tròn không thể nào tự thoát ra được; bởi vì chìm ngập trong dòng nước mặn của cảm giác về Dục-cảm giác về Sân-cảm giác về não, cho nên bị La sát thân kiến nắm giữ; đi vào rừng rậm của năm Dục bị sự vui mừng ô nhiễm làm cho vướng mắc, thổi vào vùng đất của Ngã mạn, thật là đáng thương xót! Không có bến bờ nương tựa, không có ai cứu giúp được. Ở giữa thôn làng trống rỗng của sáu Nhập không có năng

lực để phát động, không có người khéo léo cứu giúp. Chúng sinh như vậy thì nay mình nên dùng con thuyền trí tuệ vững chắc của lòng Đại Bi chở đến những bến bờ Nhất thiết trí yên ổn không có gì sợ hãi. Những chúng sinh này nhiều đau khổ đáng thương, bị giam hãm trong lao ngục sầu bi khổ não của sinh tử, lòng đầy tham giận yêu ghét, rơi vào bốn loại điên đảo, bị rắn độc bốn Đại làm hại, bị kẻ thù năm Ấm tàn sát, bị giặc cướp gian trá vui mừng ô nhiễm hãm hại, ở trong thôn làng trống rỗng của sáu Nhập nhận chịu vô lượng khổ não. Mình cần phải phá tan lao ngục sinh tử ấy khiến cho đạt được sự yên ổn vui sướng của Niết bàn vô ngại tự tại. Những chúng sinh này thật đáng thương xót, tâm nhỏ bé hạn hẹp chỉ vui với lợi ích nhỏ nhoi, co cụm chìm đắm chứ không có tâm Nhất thiết trí, giả sử mong cầu thoát ra thì lại vui với Thanh văn thừa Bích-chi-Phật thừa, mình cần phải làm cho họ đạt được tâm rộng lớn khiến cho vui với pháp rộng lớn của Phật".

Bồ tát thực hành pháp như vậy,
Sẽ có được sức mạnh trì giới,
Dễ dàng biết phát khởi thiện nghiệp,
Khiến cho được tăng trưởng tốt hơn,
Như vậy chính là đệ tử Phật,
Đi sâu vào địa vị Ly cấu.

Sức mạnh trì giới là nhất tâm thanh tịnh đầy đủ mười thiện đạo. Giới thì đạt được sức mạnh phước đức của sự tu tập. Có năng lực phát khởi thiện nghiệp là khéo léo biết tự mình phát sinh và tăng trưởng thiện đạo, cũng làm cho chúng sinh khác đi sâu vào, mọi công hạnh trở nên xa hơn đến tận cùng giới hạn của thiện đạo. Phật tử là có năng lực thuận theo pháp thực hành, đó gọi là Phật tử. Ở địa thứ nhất bắt đầu phát sinh, đến địa thứ hai thì tăng trưởng, là Bồ tát thì cần phải chịu khó thực hành tinh tiến như vậy.

Nếu như Bồ tát có thể đến,
Phạm vi của địa vị Ly cấu,
Lúc bấy giờ sẽ được trông thấy,
Trăm ngàn vị Phật ở mười phương.

Trong địa thứ nhất đã nói, Bát chu Tam-muội là pháp thấy Phật hiện tại hỗ trợ cho Tam muội đó gọi là dùng ba mươi hai tướng tốt-tám mươi vẻ đẹp và bốn mươi pháp bất cộng để nghĩ đến Phật, không hề tham trước đối với tất cả các pháp; cũng nói về lợi ích của Tam muội,

có thể thành tựu thế lực của quả báo.

Hỏi: Nếu Bồ tát ở trong địa thứ nhất đã đến được phạm vi của địa thì có thể thấy được Chư Phật, mới bước vào địa thứ hai, lập tức sẽ thấy Chư Phật, tại sao nói cho đến phạm vi của địa thứ hai mới thấy Chư Phật? Nếu như vậy thì trong lúc ban đầu tiến vào địa thứ hai phải mất Tam muội này, về sau mới có được chăng?

Đáp: Ban đầu tiến vào trong địa thứ hai cũng thấy Chư Phật, cũng không mất đi Tam muội này. Ông không có năng lực khéo léo hiểu được nghĩa của kệ cho nên chấp vấn như vậy. Ban đầu trong địa thứ hai, chỉ thấy trăm vị Phật, cho đến phạm vi của địa ấy thì thấy được trăm vị Phật-ngàn vị Phật. Thấy Chư Phật rồi thì tâm rất hoan hỷ, vì muốn đạt được Phật pháp cho nên chịu khó thực hành tinh tiến hơn.

Lập tức có thể dùng bốn sự,
Cúng dường đối với chư Như Lai,
Tự mình hướng về nơi Chư Phật,
Tiếp tục nhận lấy mười thiện đạo.

Tứ sự là y phục, ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, những nghĩa khác thì có thể biết.

Thực hiện công hạnh như vậy rồi,
Theo Phật nhận lấy những thiện đạo,
Cho đến trăm ngàn vạn đời kiếp,
Không hủy hoại cũng không mất đi.

Không hủy hoại là không làm cho giới bị thiếu sót; hoặc nhờ sự việc thanh tịnh cho nên gọi là không hủy hoại, cũng không tiếp tục thực hành cho nên gọi là không mất đi. Bồ tát này như vậy, vượt qua địa thứ nhất tiến vào địa thứ hai rồi.

Như nói:

Khéo xa rời vết bẩn tham keo,
Vui thực hành Bố thí thanh tịnh,
Khéo xa rời vết bẩn tham keo,
Rất quý trọng trì giới thanh tịnh.

Thanh tịnh nghĩa là chỉ dùng thiện tâm thực hành Bố thí, không lẫn tạp những phiền não. Rất quý trọng nghĩa là an trú vững chắc trong đó, cuối cùng không buông bỏ. Vết bẩn tham keo, vết bẩn phá giới trong địa này không có gì sót lại, vì vậy cho nên địa này tên gọi là Ly cấu. Bồ tát như vậy không còn tâm tham keo và phá giới, ở trong bốn nhiếp pháp thì ái ngữ chú trọng đến lợi ích, trong sáu Ba-la-mật thì giới độ chú trọng về lợi ích. Lợi ích có nghĩa là thực hành nhiều thì thế lực càng sâu dày hơn.

Hỏi: Nếu trong địa thứ hai, trì giới Ba-la-mật đã có được thế lực, thì nay trong địa này cần phải giải thích về sự sai biệt giữa Sinh-Lực-Tịnh của phần trì giới Ba-la-mật chăng? Đáp:

Nói sơ lược về độ Thi-la
Tất cả có sáu mươi lăm phần,
Sinh-Lực-Tịnh cùng với Sai biệt,
Trong luận đã giải thích khắp nơi.

Thi-la Ba-la-mật có vô lượng vô biên, nhưng nói tóm lược thì có sáu mươi lăm phần, còn lại giới về Sinh-giới về Lực-giới về Tịnh và giới về Sai biệt, thì trong luận lần lượt khắp nơi giải thích về tướng, như trong phẩm Hòa hợp Phật pháp trong kinh Bảo Đảnh, Bồ tát Vô Tận ý ở trước Đức Phật nói về sáu mươi lăm loại thuộc phần Thi-la Ba-la-mật. "Thi-la có nghĩa là không buồn phiền. Tất cả chúng sinh ở giữa vật của người khác không có ý tưởng trộm cướp, không đắm theo ngoại sắc, không lừa dối chúng sinh, quyến thuộc đầy đủ cho nên không nói hai lưỡi. Chịu đựng nhiều lời tệ hại, cho nên không có lời nói thô ác. Thường tư duy đắn đo lời nói lợi ích cho nên không nói lời tán loạn. Vui mừng vì người khác sung sướng, cho nên tâm không còn tham lam giữ lấy. Chịu đựng những khổ đau, cho nên không có gì sân não. Không khen ngợi tà sư, cho nên gọi là chánh kiến. Tâm tin tưởng thanh tịnh, cho nên tin Phật. Biết pháp chân thật, cho nên tin pháp. Vui với sự tôn trọng cung kính chúng Hiền Thánh, cho nên tin tăng. Nghĩ đến Phật mà rạp lạy sát đất để cung kính cúng dường. Ngay cả giới nhỏ bé mà tâm hết sức sợ hãi, cho nên giới không suy kém. Không dựa theo Thừa khác, cho nên giới không hủy phạm. Lìa bỏ tà hạnh, cho nên giới không thiếu sót. Không khởi lên phiền não xấu ác, cho nên gọi là giới không lẫn tạp. Cuối cùng thường vui với sự tăng trưởng thiện pháp, cho nên gọi là giới không vẩn đục. Tùy ý thực hành, cho nên gọi là giới tự tại. Không bị người trí quở trách, cho nên gọi là giới được bậc Thánh kheo ngợi. Thường ở trong niệm tuệ an ổn, cho nên gọi là giới dễ dàng thực hành. Tất cả không lỗi lầm, cho nên gọi là giới không đáng quở trách. Giữ gìn các căn, cho nên gọi là giới khéo bảo vệ. Được Chư Phật nghĩ đến, cho nên gọi là giới tiếng tốt vang xa. Có được đồ vật đúng như pháp, biết hạn lượng tiếp nhận, cho nên gọi là giới ít ham muốn. đoạn trừ tham keo, cho nên gọi là giới biết vừa đủ. Thân tâm xa lìa, cho nên gọi là giới xa lìa. Rời xa những nơi ồn ào náo nhiệt, cho nên gọi là giới A-lan-nhã. Không nhìn sắc diện người khác để mong có sự lợi ích, cho nên gọi là giới đầy đủ Thánh chủng. Thuộc về thiện căn, cho nên gọi là giới tế hạnh đầu đà. Sinh trong đường trời và người, cho nên gọi là giới tùy thuyết thực hành, cứu

giúp tất cả chúng sinh, cho nên gọi là giới của Từ. Nhận chịu tất cả khổ đau, cho nên gọi là giới của Bi. Tâm không lui sụt, cho nên gọi là giới của Hỷ. Rời xa yêu-ghét, cho nên gọi là giới của xả. Tâm hàng phục, cho nên gọi là giới tự mình thấy lỗi lầm. Tâm che chở người khác, cho nên gọi là giới không sai lầm. Khéo giữ gìn giới, cho nên gọi là giới khéo thâu nhiếp. Thành thục chúng sinh cho nên gọi là giới Bố thí. Không mong cầu gì, cho nên gọi là giới nhẫn nhục. Không lười nhác rút lui, cho nên gọi là giới tinh tiến. Tập trung hỗ trợ thiền pháp, cho nên gọi là giới thiền định. Thiện căn đa văn không hề thỏa mãn, cho nên gọi là giới trí Tuệ. Từ đa văn có được trí tuệ, cho nên gọi là giới mong cầu đa văn. Tập trung hỗ trợ bảy giác pháp, cho nên gọi là giới thân cận thiện tri thức. Rời bỏ tà kiến đạo, cho nên gọi là giới lìa xa ác tri thức. Quán xét vô thường, cho nên gọi là giới không tham thân mạng. Chịu khó tích góp thiện căn, cho nên gọi là giới không tin theo số mạng. Tâm hết sức thanh tịnh, cho nên gọi là giới không hối tiếc. Hành nghiệp thanh tịnh, cho nên gọi là giới không giả dối. Tâm sâu xa vô cấu, cho nên gọi là giới không có nóng bức. Khéo phát khởi hành nghiệp, cho nên gọi là giới không có buồn lo. Không tự cao, cho nên gọi là giới không có ngạo mạn. Rời xa nhiễm dục, cho nên gọi là giới không nhạo báng xúi giục. Tâm chất trực, cho nên gọi là giới không tự cao. Tâm điều hòa, cho nên gọi là giới có hổ thẹn. Tâm ác không phát khởi, cho nên gọi là giới điều hòa tốt lành. Diệt trừ những phiền não, cho nên gọi là giới tịch diệt. Thực hành đúng như lời nói, cho nên gọi là giới tùy thuận lời Phật dạy. Thực hành bốn nhiếp pháp, cho nên gọi là giới giáo hóa chúng sinh. Không làm mất pháp của mình, cho nên gọi là giới hộ trì giáo pháp. Xưa nay thanh tịnh, cho nên gọi là giới đầy đủ tất cả các nguyện. Hồi hướng về đạo vô thượng, cho nên gọi là giới đến được Phật pháp. Tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh, cho nên gọi là giới đạt được tam-muội của Phật.

Này đại đức Xá-lợi-phất! Đây là sáu mươi lăm phần Thi-la Ba-la-mật. Giới thanh tịnh của các Bồ-tát thì vô cùng vô tận".

Sinh giới thì giải thích khắp mọi nơi. Nói sơ lược thì có tám loại Sinh giới, bốn loại phát sinh từ thân, bốn loại phát sinh từ miệng. Phát sinh từ thân là rời xa đoạt mạng chúng sinh, rời xa việc làm khổ não cho chúng sinh, rời xa trộm cướp, rời xa tà dâm. Phát sinh từ miệng là rời xa nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói lời tán loạn. Đây gọi là tám loại. Tám loại giới này phát sinh từ cảm thọ. Pháp cảm thọ này, hoặc dùng thân-hoặc dùng miệng-hoặc dùng tâm cảm thọ hòa hợp làm thành hai mươi bốn giáo. Người khác cảm thọ cũng có hai mươi bốn loại, tùy hỷ cảm thọ cũng có hai mươi bốn loại, lúc tu tập thực hành cũng có hai mươi bốn loại, hợp lại thành

chín mười sáu loại, đều là hệ thuộc cõi Dục, từ đây ngày đêm liên tục phát sinh. Tại vì sao? Bởi vì tâm cảm thọ ban đầu đã diệt, tâm thứ hai này thường xuyên phát sinh. Vận dụng phước đức cũng như vậy. Nguyện cớ thế nào? Bởi vì tâm Bố thí ban đầu diệt rồi, từ tâm thứ hai về sau, lúc vận dụng thì sẽ phát sinh, đây gọi là nghiệp thiện của thân. Có mười thiện nghiệp đạo thâu nhiếp và có loại không thâu nhiếp, là do hệ thuộc cõi Dục như vậy. Hệ thuộc cõi Sắc có hai loại, một loại phát sinh từ thân, một loại phát sinh từ miệng. Phát sinh từ thân là rời xa mười bất thiện đạo, vốn không thuộc về tội lỗi. Phát sinh từ miệng là lời nói tán loạn. Giới này dùng thân cảm thọ-miệng cảm thọ và tâm cảm thọ, hai loại đều có ba thì trở thành sáu. Giáo hóa người khác cũng có sáu, tùy hỷ cũng có sáu, lúc tu tập thực hành cũng có sáu, bốn loại có sáu thì trở thành hai mươi bốn. Trước đã nói chín mươi sáu loại, cùng với hai mươi bốn loại này làm thành một trăm hai mươi loại. Như vậy từ hành nghiệp phát sinh giới. Lại có lúc chứng đạo phát sinh giới, lúc lui sụt đạo phát sinh giới, lúc mới sinh ra phát sinh giới, vì sự việc rất nhiều cho nên nay chỉ nói tóm lược.

Giới lực là tăng trưởng thuận theo Ba-la-mật, giới chuyển biến có được sức mạnh, thuận theo phần vị đạt được mà giới cũng kiên cố có được sức mạnh.

Giới định là không hủy hoại-thiếu kém… như trước đã nói. Vả lại, tướng tịnh và bất tịnh của giới, trong bảy pháp phạm hạnh đã nói. Như kinh nói: "Bởi vì bảy loại dâm dục, cho nên gọi là giới bất tịnh. Đó là:

1. Tuy đoạn dâm dục nhưng vì tâm ô nhiễm cảm thọ người nữ tắm rửa-xoa bóp.

2. Dùng tâm ô nhiễm ngửi mùi hương của người nữ cùng nhau chuyện trò cười đùa.

3. Dùng tâm ô nhiễm mà mắt cùng nhìn nhau.

4. Tuy có chướng ngại nhưng dùng tâm ô nhiễm nghe âm thanh của người nữ.

5. Trước cùng với người nữ nói cười, sau tuy cách xa nhau nhưng nhớ mãi không quên.

6. Tự hạn định thời gian như vậy sẽ đoạn trừ dâm dục, nhưng sau đó vẫn thực hiện dâm dục.

7. Mong mỏi sinh lên cõi trời hưởng thụ niềm vui cùng thiên nữ và thân đời sau được giàu có sung sướng, vì vậy đoạn trừ dâm dục. Đây gọi là bất tịnh. Rời xa bảy điều này thì gọi là giới thanh tịnh".

Giới sai biệt, có hai loại:

1. Hữu lậu.

2. Vô lậu.

Ba loại: Hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, không hệ thuộc. Bốn loại thì chánh mạng thâu nhiếp hai loại chánh ngữ-chánh nghiệp, chánh mạng không thâu nhiếp cũng là hai loại chánh ngữ-chánh nghiệp. Năm loại là giới phàm phu, giới Bồ-tát, giới Thanh văn, giới Bích-chi-Phật, giới Phật vô thượng. Sáu loại: Chánh mạng cõi Dục thâu nhiếp thân-miệng là một; chánh mạng vốn không thâu nhiếp là hai: chánh mạng hệ thuộc cõi Sắc thâu nhiếp nghiệp của thân-miệng là ba; chánh mạng vốn không thâu nhiếp là bốn; chánh mạng vô lậu thâu nhiếp thân-miệng là năm; chánh mạng vốn không thâu nhiếp là sáu. Bảy loại là bảy thiện nghiệp đạo. Tám loại là như trước đã nói, thân có bốn loại và miệng có bốn loại. Chín loại là bảy loại hệ thuộc cõi Dục, bảy thiện nghiệp đạo và hai loại như trước đã nói. Mười loại thì Đạo giới có ba loại, đối trị giới có ba loại, chỉ riêng giới có ba loại, chín loại này cọng thêm giới vô lậu và giới hữu lậu làm thành mười loại. Như vậy đều là các loại phân biệt về giới sai biệt.

Hỏi: Trong Thanh văn Thừa, nói thân nghiệp và khẩu nghiệp gọi là Thi-la. Hai thiện nghiệp này gọi là tốt, hai bất thiện nghiệp gọi là xấu. Thân nghiệp và khẩu nghiệp thiện này gọi là Thi-la trong luận này cũng lấy điều này làm Thi-la, hay là còn có Thi-la khác?

Đáp:

Không những thân nghiệp và khẩu nghiệp,
Mới có thể gọi là Thi-la,
Mà tu tập-thân cận-lạc hành,
Tất cả cũng gọi là Thi-la.

Ba việc này cùng một nghĩa, đó gọi là tu tập-thân cận và vui với thực hành.

Hỏi: Nếu lấy sự tu tập-thân cận và vui với thực hành, gọi đó là Thi-la, thì tất cả các pháp đều phải gọi là Thi-la. Tại vì sao? Bởi vì thường xuyên tu tập-thân cận và vui với thực hành, cho nên nay ông phải nói về sự tu tập Thi-la thù thắng nhất chăng?

Đáp:

Nếu như vô ngã-vô ngã sở,
Xa lìa tất cả mọi hý luận,
Tất cả không có gì đạt được,
Thì gọi là Thi-la cao nhất.

Nếu không biết Thật tướng của nội pháp và ngoại pháp, thì sẽ Thi-la mà phát sinh tham trước và kiêu mạn, mở trong các cửa ngõ tội lỗi. Vì

vậy nếu đối với nội pháp không thấy có Ngã, ở giữa ngoại pháp không có được Ngã sở biết nội pháp và ngoại pháp hoàn toàn trống rỗng chứ không có gì đạt được, cũng không giữ lấy tướng hý luận đối với hoàn toàn trống rỗng, thì đó gọi là Thi-la thù thắng nhất. Tại vì sao? Bởi vì trong Thi-la như vậy hãy còn không có tâm sai lầm, huống gì là thân-miệng sai lầm! Vì vậy Chư Phật và Bồ-tát là những bậc có năng lực thực hành Thi-la bậc nhất, đối với tất cả các pháp không có gì đạt được, cho nên gọi là Thi-la cao nhất.

Như trong Kinh Ca diếp nói: "Đức Phật bảo với Ca-diếp Thi-la gọi là không có ngã-không phải không có ngã, không tạo tác-không có gì tạo tác, không có tác giả, không có hành-không phải không có hành, không có danh-không có sắc-không có tướng-không phải không có tướng, không có thiện-không phải không có thiện, không có tịch diệt-không phải không có tịch diệt, không có lấy-không có bỏ, không có chúng sinh-không có nhân duyên chúng sinh, không có thân-không có miệng-không có tâm, không có thế gian-không có pháp thế gian-không dựa vào thế gian. Không vì Thi-la mà tự cao, không và Thi-la mà hạ thấp người, không vì Thi-la mà khởi lên tăng thượng mạn, không vì Thi-la mà phân biệt đôi bên. Này Ca-diếp! Đây gọi là Thi-la của các bậc Hiền Thánh, lìa xa ba cõi, vô lậu và không có gì hệ thuộc."

Như trong phẩm Thi-la, Bồ-tát vô tận Ý nói với Xá-lợi-phất: "Thi-la có nghĩa là không phân biệt chúng sinh-không nói là ngã, không nói là thọ giả-mạng giả, không nói là người, không nói là người dưỡng dục, không nói là sắc ấm, thọ-tưởng-hành-thức ấm, không nói là địa chủng, thủy-hỏa-phong chủng. Thi-la có nghĩa là không phân biệt tướng mắt, không phân biệt đây là tướng sắc, không phân biệt đây là tướng tai-tướng thanh-tướng mũi-tướng hương-tướng lưỡi-tướng vị-tướng thân-tướng xúc-tướng ý-tướng pháp. Thi-la có nghĩa là không phân biệt đây là thân-là miệng-là tâm. Thi-la có nghĩa là thâu nhiếp tâm, bởi vì đây là tướng nhất tâm, lựa chọn các pháp vốn là tướng của tuệ. Thi-la có nghĩa là đạt đến không, đi đến phạm vi của vô tướng, không lẫn tạp với ba cõi, không có tạo tác-không có dấy khởi, chính là vô sinh nhẫn. Thi-la có nghĩa là không từ phạm vi trước mà đến, không đi về phạm vi sau, cũng không dừng lại phạm vi trung gian. Thi-la có nghĩa là không dừng

lại, tâm-ý-thức không hòa hợp cùng với niệm. Thi-la có nghĩa là không dựa vào cõi Dục, không dựa vào cõi Sắc, không dựa vào cõi Vô sắc. Thi-la có nghĩa là rời xa tham trần cảnh-loại trừ cấu nhiễm sân hận-diệt

hết bóng tối vô minh, chẳng phải thường-chẳng phải đoạn không trái với các tướng duyên sinh. Thi-la có nghĩa là rời xa tâm ngã, buông bỏ tâm ngã sở, không bám vào thân kiến. Thi-la có nghĩa là không tham trước danh tướng, không hòa hợp cùng với sắc tướng. Thi-la có nghĩa là không bị chi phối bởi kiết sử, không bị che phủ bởi các triền, không ở trong chướng ngại của nghi ngờ-hối tiếc. Thi-la có nghĩa là không ở trong căn bất thiện tham, vượt qua căn bất thiện sân, đoạn trừ căn bất thiện si. Thi-la có nghĩa là không vội vàng-không nóng nảy mà dựa vào tâm thư thái vui vẻ. Thi-la có nghĩa là không đoạn mất chủng tử Chư Phật cho nên không phá hoại pháp thân, không phân biệt pháp tánh cho nên không đoạn mất chủng tử của pháp, tướng thuận theo tự nhiên cho nên không đoạn mất chủng tử của Tăng. Này Xá-lợi-phất! Đây gọi là Thi-la vô thượng tối thắng của các Bồ-tát. Thi-la như vậy thì không thể cùng tận, chỉ trừ ra Thi-la của Chư Phật, còn lại đều là Thi-la có cùng tận. Đó

Bắt đầu từ Thi-la phàm phu,
Sau đến Thi-la Bích-chi-Phật,
Tất cả đều có tướng cùng tận,
Thi-la Bồ-tát thì vô tận.

Bắt đầu từ phàm phu đến tất cả Thi-la vốn có, tuy thọ nhận quả báo lâu dài nhưng rốt cuộc cũng trở về cùng tận. Thi-la vốn có của các A-la-hán và Bích-chi-Phật cũng đều có cùng tận. Thi-la của Bồ-tát là vô ngã-vô ngã sở, xa rời tất cả mọi sở đắc, diệt hết những hý luận, cho nên không có cùng tận.

Như trong phẩm Thi-la, Bồ-tát Vô tận Ý nói: "Thi-la của các phàm phu tùy theo nơi sinh ra, nơi sinh ra kết thúc thì Thi-la sẽ kết thúc. Ngoại đạo đến lúc thối chuyển năm thần thông, vì năm thần thông kết thúc cho nên Thi-la sẽ kết thúc. Con người vì mười thiện nghiệp đạo kết thúc, cho nên Thi-la sẽ kết thúc. Chư Thiên cõi Dục không còn phước đức, thì Thi-la sẽ không còn. Chư Thiên cõi Sắc không còn bốn thiền-bốn vô lượng thì Thi-la sẽ không còn. Chư Thiên cõi vô sắc tùy theo định nơi sinh ra chấm dứt, Thi-la sẽ chấm dứt. Những người học-vô học nhập Niết-bàn, bởi vì kết thúc cho nên Thi-la cũng kết thúc. Các vị Bích-chi-Phật không có lòng Đại bi, vì vậy Thi-la sẽ chấm dứt. Này Đại đức Xá-lợi-phất! Chỉ riêng Thi-la của các Bồ-tát thì không có

chấm dứt. Tại vì sao? Bởi vì từ Thi-la của Bồ-tát phát sinh các Thi-la sai biệt, nhân vô tận cho nên quả cũng vô tận. Thi-la của Bồ-tát là vô tận. Thi-la của Như lai cũng vô tận, vì vậy Thi-la của các bậc Đại nhân gọi

là vô tận.”

Hỏi: Lúc ông giải thích sơ lược về Thi-la, nói đến sáu mươi lăm loại Thi-la, trong Thanh văn có tám loại Thi-la, bốn loại phát sinh từ thân, bốn loại phát sinh từ miệng, sự việc như vậy làm sao có thể không trái ngược với nhau?

Đáp: Không hề trái ngược nhau.

Tại vì sao?

Bởi vì:

Tuy chẳng phải Thể của Thi-la,
Nhưng lợi ích nên gọi là phần,
Tám loại gồm thân nghiệp-khẩu nghiệp,
Đó chính là Thể của Thi-la.

Tuy sáu mươi lăm loại phần không phải là Thể của Thi-la nhưng lợi ích cho tám loại Thi-la thô thiển của thân-miệng, cho nên gọi là Thi-la phần. Tất cả điều gì có thể có những lợi ích thì đều gọi là phần, như voi-ngựa-tàng lọng-cờ quạt gọi là phần của nhà vua. Vì vậy thiền-trí tuệ… tuy là chẳng phải Thể của Thi-la, nhưng bởi vì lợi ích cho Thi-la, do đó cũng gọi là Thi-la phần.

Phẩm 32: GIẢI THÍCH VỀ ĐẦU ĐÀ, Phần 1

Thấy mười lợi ích cần phải khoác,
Hai pháp gồm có sáu loại y,
Cũng bởi vì thấy mười lợi ích
Cho nên suốt đời đi khất thực.

Tỳ-kheo muốn hành trì đầy đủ giới phẩm, cần phải khoác hai loại gồm có sáu thứ y, bởi vì thấy được mười lợi ích. Những gì là mười? Đó là:

1. Bởi vì tàm quý.

Bởi vì ngăn ngừa nóng-lạnh do thời tiết và ruồi muỗi trùng độc.

2. Bởi vì biểu hiện rõ ràng oai nghi pháp tắc của Sa-môn.

3. Bởi vì tất cả trời-người trông thấy pháp y thì cung kính-tôn quý giống như chùa tháp.

4. Bởi vì tâm chán ngán lìa xa mà khoác y hoại sắc chứ không phải vì tham cái đẹp.

5. Bởi vì tùy thuận tịch diệt chứ không phải là vì phiền não hừng hực.

6. Bởi vì khoác pháp y thì có điều xấu ác xảy ra sẽ dễ dàng nhận thấy.

7. Bởi vì khoác pháp y thì không cần đến đồ vật trang nghiêm gì khác.

8. Bởi vì khoác pháp y cho nên tùy thuận tu tập tám Thánh đạo.

9. Mình nên tinh tiến hành đạo chứ không để tâm nhiễm ô dù chỉ trong chốc lát, vì vậy mà khoác pháp y hoại sắc.

Bởi vì thấy được mười lợi ích này, cho nên cần phải khoác hai loại y:

1. Y cư sĩ.

2. Y phấn tảo. Sáu loại là:

1. Kiếp cụ.

2. Sô-ma.

3. Kiêu-xa-da.

4. Y lông thú.

5. Y vải gai đỏ.

6. Y vải gai trắng.

Thấy có mười lợi ích cho nên suốt đời đi khất thực:

1. Những vật dùng để nuôi sống thân mạng, tùy thuộc vào mình chứ không tùy thuộc người khác.

2. Chúng sinh Bố thí thức ăn cho mình, thì khiến cho họ trú vào Tam bảo rồi sau đó mới ăn.

3. Nếu có người Bố thí thức ăn cho mình thì nên phát sinh tâm Bi, mình nên chịu khó thực hành tinh tiến làm cho họ dễ dàng trú trong hạnh Bố thí, thực hiện xong mới ăn.

4. Tùy thuận thực hành theo lời dạy của Phật.

5. Dễ đầy đủ và dễ nuôi sống.

6. Thực hành phương pháp phá trừ kiêu mạn.

7. Không thấy đỉnh cao của thiện căn.

8. Thấy mình khất thực thì người khác có tu pháp thiện cũng sẽ học theo mình.

9. Không có những nhân duyên quan hệ với nam nữ lớn nhỏ.

10. Khất thực theo thứ tự, sinh tâm bình đẳng ở giữa chúng sinh, chính là chủng tử hỗ trợ cho Nhất thiết chủng trí.

Tuy Phật cho phép xin thức ăn,

Nhưng phải vì tự lợi mình xong,

Cũng làm lợi ích cho người khác;

Không vậy thì không được xin ăn.

Tự lợi là có năng lực đầy đủ các Ba-la-mật. Lợi tha là giáo hóa chúng sinh khiến họ trú trong Tam bảo. Thực hành như vậy chính là vừa lợi cho mình vừa lợi cho người.

Bởi vì thấy có người lợi ích,

Thường không rời bỏ nơi thanh vắng,

Thăm hỏi bệnh tật và nghe pháp,

Giáo hóa tùy thuận mới đến chùa.

Tỳ-kheo được ở chốn A-lan-nhã, tuy tăng trưởng các loại công đức, nhưng nói sơ lược thì thấy có mười lợi ích, cho nên suốt đời không nên rời bỏ. Những gì là mười? Đó là:

1. Đến đi tự tại.
2. Vô ngã và vô ngã sở.
3. Tùy ý mà an trú chứ không có gì chướng ngại.
4. Tâm càng vui với thói quen ở chốn A-lan-nhã.
5. Ở chốn ít ham muốn và ít quan hệ.
6. Không tiếc thân mạng, bởi vì đầy đủ công đức.
7. Xa lìa những nơi ồn náo loạn.
8. Tuy làm công đức nhưng không cầu đến ân.
9. Tùy thuận thiền định dễ đạt được nhất tâm.
10. Ở chốn vắng vẻ dễ dàng phát sinh ý tưởng không có chướng ngại gì, thăm hỏi bệnh tật cùng những người đi đến chùa học hỏi giáp pháp.

Nếu như có nhân duyên quan hệ,

Đến cư trú ở trong chùa tháp,

Ở giữa tất cả mọi sự việc,

Không rời bỏ ý tưởng vắng lặng.

Tỳ-kheo tuy thọ pháp suốt đời ở chốn A-la-nhã, nhưng có nhân duyên quan hệ xảy ra thì vào trong chùa tháp. Phật pháp có mở thông-có ngăn chặn, chứ không giống như A-lan-nhã của ngoại đạo, gọi là thường vui với nơi chốn yên lặng vắng vẻ, không rời bỏ ý tưởng không đối với tất cả các pháp, bởi vì Thể của tất cả các pháp cuối cùng đều là không.

Hỏi: Có nhân duyên gì mà đến nơi chùa tháp? Đáp:

1. Cung cấp cho người bệnh.
2. Cầu tìm dụng cụ thuốc thang chữa trị cho người bệnh.
3. Cầu tìm người khám bệnh cho người bệnh.

4. Thuyết pháp cho những Tỳ-kheo khác.
6. Nghe pháp giáo hóa.
7. Cung kính cúng dường các bậc Đại đức.
8. Để cung cấp cho Thánh chúng.
9. Để đọc tụng kinh điển sâu xa.
10. Dạy cho người khác khiến họ đọc tụng kinh điển sâu xa.

Có những nhân duyên như vậy cho nên đi đến nơi chùa tháp.

Tinh tiến thực hành các giác quán,
Tùy thuận pháp tu A-lan-nhã,
Tỳ-kheo đã an trú thuần thục,
Ở trong trú xứ A-lan-nhã,
Thường thuận theo tinh tiến phát sinh,
Tăng trưởng tất cả các thiện pháp,
Tâm can đảm quán tưởng vô ngã,
Diệt trừ hết mọi nỗi sợ hãi.

Tinh tiến trong chốn A-lan-nhã, nếu Tỳ-kheo đoạn trừ tâm tham, không tiếc gì thân mạng và lợi dưỡng, ngày đêm thường tinh tiến như cứu lửa cháy trên đầu, thân mạng nương theo trú xứ vắng lặng nơi A-lan-nhã.

Giác là các giác quán về thiện pháp như giác quán xuất ly-giác quán không sân hận-giác quán không não hại… Vả lại, nghĩ đến Phật là bậc Chánh Biến Tri, là đấng tôn quý giữa chúng sinh. Phật pháp là giải thích về thiện pháp, chúng đệ tử tùy thuận để thực hành đúng đắn. Lại nữa, các giác tùy thuận không-tùy thuận vô tướng-tùy thuận vô nguyện, gọi là giác tùy thuận A-lan-nhã. Lại nữa, các giác tùy thuận bốn thắng xứ, tùy thuận sáu Ba-la-mật thì gọi là giác tùy thuận A-lan-nhã.

Lại nữa, như Phật thuyết về hạnh Bồ-tát tại gia và xuất gia cho Trưởng giả Úc-già: "Nếu Bồ-tát xuất gia thọ pháp A-lan-nhã, thì nên tư duy như vậy: Vì sao mình ở chốn A-lan-nhã? Mình không chỉ ở chốn A-lan-nhã mà gọi là Sa môn. Nhưng chốn A-la-nhã có nhiều chúng sinh, nhiều xấu xa bất thiện, không giữ gìn các căn, không tinh tiến, không tu tập thiện pháp, họ giống như hươu nai-vượn khỉ-chim chóc-giặc ác-Chiên đà la hèn hạ…, không gọi là Tỳ-kheo. Nay mình vì điều gì mà ở chốn A-la-nhã? Cần phải lo liệu cho được sự việc ấy.

Này Trưởng giả! Những gi là sự việc? Đó là:

1. Ý niệm không tán loạn.
2. Đạt được các pháp Đà-la-ni.
3. Thực hành tâm Từ.

4. Thực hành tâm Bi.
5. An trú tự tại trong năm thần thông.
6. Đầy đủ sáu Ba-la-mật.
7. Không rời bỏ tâm Nhất thiết trí.
8. Tu tập trí phương tiện.
9. Nhiếp thủ mọi chúng sinh.
10. Thành tựu chúng sinh.
11. Không rời bỏ bốn nhiếp pháp.
12. Thường nghĩ đến sáu ý niệm tư duy.
13. Vì đa văn cho nên không rời bỏ tinh tiến.
14. Chánh quán lựa chọn các pháp.
15. Thuận theo chánh giải thoát.
16. Biết được quả báo.
17. Trú vào chánh vị.
18. Bảo vệ Phật pháp.
19. Tin vào nghiệp và quả báo cho nên gọi là chánh kiến.
20. Rời xa tất cả ý tưởng phân biệt tư duy cho nên gọi là Chánh tư duy.
21. Thuận theo niềm tin và sự ưa thích của chúng sinh để thuyết pháp cho nên gọi là Chánh ngữ.
22. Diệt trừ các nghiệp cũ mà phát khởi nghiệp mới cho nên gọi là chánh nghiệp.
23. Phá bỏ tập khí phiền não cho nên gọi là chánh mạng.
24. Đạt được đạo vô thượng cho nên gọi là chánh tinh tiến.
25. Quán pháp không hư vọng cho nên gọi là chánh niệm.
26. Đạt được tất cả các trí tuệ cho nên gọi là chánh định.
27. Đối với không chẳng sợ hãi.
28. Đối với vô tướng không lo sợ.
29. Đối với vô nguyện không chìm mất.
30. Vốn dùng trí để thọ thân.
31. Dựa vào nghĩa chứ không dựa vào từ ngữ.
32. Dựa vào trí chứ không dựa vào thức.
33. Dựa vào kinh liễu nghĩa chứ không dựa vào kinh bất liễu nghĩa.
34. Dựa vào pháp chứ không dựa vào người.

Này Trưởng giả! Như vậy đều gọi là Tỳ-kheo Bồ-tát xuất gia, sự việc lợi ích tùy theo mà sinh".

Tùy thuận pháp A-la-nhã, đó gọi là bốn thiền-bốn vô lượng tâm, các

thần thông như thiên nhãn-thiên nhĩ-tha tâm trí-túc mạng trí…

Diệt trừ mọi nỗi sợ hãi, người này dùng ba nhân duyên có năng lực diệt trừ sợ hãi:

1. Thấy pháp tướng không có ngã và ngã sở, cho nên có năng lực loại trừ sợ hãi.
2. Dùng sức mạnh của phương tiện.
3. Dùng sức mạnh can đảm của tâm cho nên có năng lực loại trừ sợ hãi.

Thấy không có ngã và ngã sở, như đã nói trong địa thứ nhất, là trừ diệt năm loại sợ hãi bằng sức mạnh của phương tiện.

Trong luận này, niệm là chánh tư duy về nghiệp và quả báo, cho nên gọi là lực phương tiện. Cần phải dấy lên ý niệm này: Các Đại quốc vương ở trong cung điện sâu hút, có voi ngựa xe cộ và binh lính bảo vệ cẩn mật, nhưng nhân duyên của nghiệp chấm dứt thì cũng nhận chịu đủ loại những sự việc suy sụp buồn phiền. Vả lại, giữ gìn nhân duyên của nghiệp, thì tuy đi trong con đường nguy hiểm, vào trong nước biển mênh mông, ở giữa chiến trận các liệt mà cũng yên ổn không tai họa gì. Nhân duyên nghiệp lực đời trước của mình, nếu ở thôn làng, hoặc ở chốn A-lan-nhã, do nhân duyên của nghiệp thì nhất định phải nhận lấy quả báo ấy. Tư duy như vậy rồi trừ diệt mọi nỗi sợ hãi.

Lại dấy lên ý niệm như vậy: Nếu mình vì giữ gìn thân, đi vào thành ấp thôn làng, rời bỏ trú xứ A-lan-nhã, thì không còn có năng lực hơn được người giữ gìn thiện nghiệp của thân-thiện nghiệp của miệng-thiện nghiệp của ý. Như Đức Phật bảo với vua Ba-tư-nặc: "Nếu người thực hành thiện nghiệp của thân, thực hành thiện nghiệp của miệng, thực hành thiện nghiệp của ý, thì gọi là người khéo tự mình giữ gìn. Nếu người này nói mình khéo tự giữ cho mình, thì đây là nói chân thật. Này Đại vương! Người này tuy không có bốn loại quân lính hộ vệ, nhưng cũng có thể gọi là khéo giữ gìn tốt đẹp. Tại vì sao? Bởi vì giữ gìn như vậy gọi là giữ gìn bên trong chứ không phải là giữ gìn bên ngoài. Vì vậy Ta lấy thiện hạnh của thân nghiệp, thiện hạnh của khẩu nghiệp, thiện hạnh của ý nghiệp mà gọi là khéo tự mình giữ gìn".

Lại dấy lên ý niệm như vậy: Các loài chim thú-rắn rít-côn trùng này ở chốn A-lan-nhã, thân không thực hành thiện nghiệp không thực hành thiện nghiệp, ý không thực hành thiện nghiệp, vì ở cách xa thôn làng cho nên không có gì sợ hãi, tâm trí của mình lẽ ra không bằng những loài chim thú này ư? Tư duy như vậy mà loại trừ những nỗi sợ hãi.

Lại nhờ nghĩ đến Phật, cho nên ở chốn A-lan-nhã có năng lực phá tan tất cả những điều lo sợ. Như kinh nói: "Tỳ-kheo các ông ở chốn A-lan-nhã, hoặc ở dưới tán cây, hoặc ở trong nhà trống, có lẽ sinh ra sợ hãi, tâm chìm mất sởn gai ốc, thì các ông nên nghĩ mình là Như lai-Ứng cúng-Chánh Biến Tri-Minh Hạnh Túc-Thiện Thệ-Thế Gian Giải-Vô Thượng Sĩ-Điều Ngự Trượng Phu-Thiên Nhân Sư-Phật-Thế Tôn.

Lúc nghĩ như vậy thì sợ hãi không còn.

Đại đảm có nghĩa là tâm không khiếp nhược mà quyết định cầu đạo. Như nói:

Tỳ-kheo ở nơi chốn vắng lặng,
Nên dùng sức mạnh tâm can đảm,
Trừ diệt tất cả mọi lo sợ,
Nghĩ đến Phật không còn sợ hãi.
Nếu như người tự mình khởi nghiệp,
Lo sợ không thể nào thoát được,
Không lo sợ cũng không trừ bỏ,
Sợ thì mất lợi ích chính đáng.
Như vậy biết không thể tránh khỏi,
Mà lại phá bỏ lợi ích khác,
Thì làm sự việc của tiểu nhân,
Không thích hợp đối với Tỳ-kheo.
Nếu như có điều gì sợ hãi,
Thì nên sợ đối với sinh tử,
Trong tất cả mọi điều sợ hãi,
Đều do sinh tử làm nguồn gốc.
Vì vậy cho nên người hành đạo,
Mong muốn thoát ra chốn sinh tử,
Cũng cứu giúp cho những người khác,
Không cần phải sinh lòng sợ hãi.

Như trong kinh Phật Ly Bố Úy nói về hiện tượng sợ hãi: "Có Sa môn hoặc bà-la-môn ở chốn A-lan-nhã, cần phải suy nghĩ như vậy: Vì thân nghiệp bất tịnh, vì khẩu nghiệp bất tịnh, vì ý nghiệp bất tịnh, vì suy nghĩ không thanh tịnh, vì tự cao mà khinh rẻ người, vì tâm lười nhác, vì nhớ nghĩ xằng bậy, vì tâm bất định, vì ngu si mà sợ hãi. Trái lại với điều này, thân nghiệp thanh tịnh… thì không có gì sợ hãi". Và Phật giải thích cho Trưởng giả Úc-già: "Bồ-tát xuất gia ở chốn A-lan-nhã, nên dấy lên suy nghĩ như vậy: Vì sao mình ở nơi này? Ngay lập tức tự mình biết rõ, vì muốn rời xa sợ hãi cho nên đến ở nơi này. Sợ hãi đối với điều gì? Sợ chốn đông đúc

ồn ào, sợ chốn đông người nói năng sợ tham dục-sân hận-ngu si, sợ kiêu mạng-hận thù-ganh tỵ lợi dưỡng của người khác, sợ sắc-thanh-hương-vị-xúc, sợ ma năm ấm, sợ những điều ngu si chướng ngại, sợ nói không đúng lúc, sợ không thấy mà nói thấy, sợ không nghe mà nói nghe, sợ không hiểu mà nói hiểu, sợ không biết mà nói biết, sợ các Sa môn tệ hại, ngạ quỷ-súc sinh và các chốn hiểm nạn. Nói tóm lược là sợ tất cả các pháp bất thiện xấu ác, cho nên đến ở nơi này. Nếu người tại gia thích ở chốn đông đúc ồn áo mà không tu tập hành đạo, trú trong tà niệm thì không thể nào rời xa được những sự sợ hãi như vậy.

Tất cả các vị Bồ-tát trong quá khứ, đều ở chốn A-lan-nhã, xa lìa những sợ hãi mà đạt được xứ sở không sợ hãi gì, đạt được tất cả các trí tuệ. Tất cả các vị Bồ-tát trong vị lai, cũng ở chốn A-lan-nhã, xa lìa mọi sợ hãi, đạt được tất cả các trí tuệ. Nay các vị Bồ-tát hiện tại, trú nơi A-lan-nhã, xa lìa mọi sợ hãi, đạt được xứ sỡ không sợ hãi gì, thành tựu tất cả mọi trí tuệ. Vì vậy cho nên mình sợ hãi tất cả mọi điều ác vượt qua mọi sợ hãi, cần phải ở trong chốn A-lan-nhã.

Lại nữa, tất cả mọi sự sợ hãi đều từ đắm trước bản ngã mà phát sinh, vì tham trước bản ngã, vì yêu quý bản ngã, vì sinh ý tưởng về ngã, vì thấy có ngã, vì quý trọng bản ngã, vì phân biệt bản ngã, vì bảo vệ bản ngã. Nếu mình trú nơi A-lan-nhã mà không rời bỏ tham trước bản ngã, thì trở thành sống uổng ở chốn A-lan-nhã.

Lại nữa, này Trưởng giả! Người thấy có sở đắc, thì không trú nơi A-lan-nhã. Người trú trong tâm chấp ngã và ngã sở, thì không trú nơi A-lan-nhã. Người trú trong điên đảo, thì không trú nơi A-lan-nhã. Này Trưởng giả! Ngay cả người phát sinh ý tưởng Niết-bàn, còn không thể trú nơi A-lan-nhã, huống gì là người dấy khởi ý tưởng phiền não. Này Trưởng giả! Ví như cỏ cây chốn A-lan-nhã, không có gì kinh sợ. Như vậy Bồ-tát trú nơi A-lan-nhã, cần phải phát sinh ý tưởng cỏ cây-ý tưởng gạch đá-ý tưởng hình ảnh trong nước-ý tưởng cảnh tượng trong gương. Đối với ngôn ngữ phát sinh ý tưởng tiếng vang, đối với tâm phát sinh ý tưởng huyễn ảo, trong này ai kinh hãi-ai lo sợ? Lúc bấy giờ Bồ-tát sẽ chánh quán về thân, không có ngã-không có ngã sở, không có chúng sinh-không có thọ giả-không có mạng giả, không có người dưỡng dục, không có nam-không có nữ, không có người biết-người thấy. Sợ hãi gọi là phân biệt hư vọng, mình thì không nên thuận theo sự phân biệt hư vọng. Bồ-tát như vậy thuận theo như cỏ cây sống nơi A-lan-nhã. Lại biết tất cả các pháp cũng đều như vậy. Đoạn dứt đến đấu tranh gọi là xứ A-lan-nhã. Không có ngã-không có ngã sở-

không có gì lệ thuộc, gọi là xứ sở A-lan-nhã. Không nên vui với trú xứ đông đúc ồn ào của tại gia và xuất gia. Chư Phật không cho phép Tỳ-kheo sống với A-lan-nhã hòa hợp với người tại gia và xuất gia."

Hỏi: Đức Phật không cho phép hòa hợp với tất cả người chăng? Đáp: Không phải như vậy.

Phật cho phép bốn chúng hòa hợp,
Ngoài ra thì không thể cho phép,
Vì vậy thuận theo nên gần gũi,
Người khác thì cần phải xa lìa.

Bồ-tát ở chốn A-lan-nhã, cho phép hòa hợp với bốn chúng, đó gọi là vào trong chúng nghe pháp, giáo hóa chúng sinh, cúng dường Chư Phật, tâm hòa hợp không rời xa nhất thiết trí. Vì vậy chỉ cho phép hòa hợp trong bốn sự việc này, ngoài ra thì không nên gần gũi.

Vả lại, Bồ-tát nên dấy lên ý niệm như vậy: Vì sao chư Phật cho phép? Trú xứ A-lan-nhã, mình nên gần gũi, có lúc mình không phải là trú xứ A-lan-nhã, mà nói là ở chốn A-lan-nhã, có lẽ có sai lầm?

Hỏi: Như thế nào là trú xứ A-lan-nhã, Bồ-tát cần phải hòa hợp?

Đáp: Trong kinh Đức Phật tự nói về trú xứ A-lan-nhã, có nghĩa là không trú vào tất cả các pháp, không duyên theo các trần cảnh, không chấp lấy tướng của tất cả các pháp, không tham đắm vào sắc-thanh-hương-vị-xúc. Tất cả các pháp đều bình đẳng, không trú vào nơi nào, đó gọi là trú xứ A-lan-nhã. Tự tâm vốn là thiện, trú xứ không trái nhau, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Rời bỏ tất cả mọi gánh nặng, trú vào niệm an lạc, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Loại bỏ tất cả phiền não, trú trong niệm không có gì sợ hãi, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Trú trong niệm vượt qua các dòng chảy, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Trú trong dòng Thánh, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Trú xứ trong niệm hướng về nơi biết vừa đủ, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Trú trong niệm dễ đầy đủ-dễ nuôi dưỡng-ít ham muốn, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Trú trong trí tuệ đầy đủ, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Trú trong chánh hạnh đa văn, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Không-vô tướng-vô nguyện giải thoát môn hiện ở trước mắt, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Trú trong niệm đoạn dứt mọi ràng buộc mà được giải thoát, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Thuận theo mười hai nhân duyên, tùy thuận mà trú, gọi là trú xứ A-lan-nhã. Trú trong niệm hoàn toàn vắng lặng, những việc làm đã làm xong, gọi là trú xứ A-lan-nhã.

Trú xứ A-lan-nhã là tùy thuận giới phẩm-hỗ trợ Định phẩm-lợi ích cho Tuệ phẩm-dễ dàng đạt được giải thoát phẩm và dễ dàng đạt được giải thoát tri kiến phẩm, dễ dàng thực hành các pháp hỗ trợ Bồ-đề, có năng lực thâu

nhiếp các công đức Đầu-đà. Trú xứ A-lan-nhã thông đạt các Đế, trú xứ A-lan-nhã thấy biết các Ấm, trú xứ A-lan-nhã thấy các tánh cùng làm thành pháp tánh, trú xứ A-lan-nhã rời khỏi mười hai Nhập, trú xứ A-lan-nhã không quên mất tâm Bồ đề, trú xứ A-lan-nhã quán xét không mà không sợ hãi, trú xứ A-lan-nhã có năng lực bảo vệ Phật pháp, trú xứ A-lan-nhã cầu giải thoát thì không mất công đức, trúxứ A-lan-nhã có năng lực đạt được Nhất thiết trí thì có năng lực lợi íchthêm cho trú xứ A-lan-nhã. Bồ-tát thực hành như vậy, nhanh chóngđạt được đầy đủ sáu độ. Tại vì sao? Bởi vì nếu Bồ-tát ở trong trú xứ A-lan-nhã, không tham tiếc thân mạng thì gọi là hành Bố thí Ba-la-mật.Ba loại thiện nghiệp thanh tịnh, phù hợp với pháp hành Đầu-đà vi tếthì gọi là Trì giới Ba-la-mật. Tâm không sân hận, tâm Từ phủ khắpđến mọi chúng sinh, chỉ nhẫn nại vui với Phật thừa mà không hướngvề Thừa nào khác, đó gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Tự lập thệ nguyệnở nơi trú xứ A-lan-nhã không đạt được chánh pháp thì chấp nhận suốtđời không rời bỏ nơi này, đó gọi là Tinh tiến Ba-la-mật. Đạt được thiền định cho nên không quán xét nơi sinh ra, chỉ dốc lòng tu tập thiện căn, đó gọi là Thiền định Ba-la-mật. Như thân, A-lan-nhã cũng như vậy. Như thân, Bồ đề cũng như vậy. Trong pháp đúng như thật, không có gì sai biệt, đó gọi là Trí tuệ Ba-la-mật.

Đức Phật cho phép có bốn pháp,
Ở trong trú xứ A-lan-nhã.

Những gì là bốn? Như Đức Phật bảo với Trưởng giả:

1. Đa văn.
2. Khéo biết rõ nghĩa lý quyết định.
3. Vui với sự tu tập chánh niệm.
4. Tùy thuận thực hành như giáo thuyết.

Người như vậy thích hợp với trú xứ A-lan-nhã. Lại có Bồ-tát còn nhiều phiền não, người này nếu ở nơi đông đúc ồn ào thì phát sinh phiền não, cần phải ở trong trú xứ A-lan-nhã làm cho phiền não phải hàng phục.

Lại nữa, Bồ-tát đạt được năm thần thông, người này muốn giáo hóa thành tựu các hàng Thiên-Long-Dạ xoa-Càn thát bà, thì cần phải ở trong trú xứ A-lan-nhã. Lại có Bồ-tát dấy lên ý niệm như vậy: Chư Phật đã khen ngợi và cho phép cư trú, chính là trú xứ A-lan-nhã. Vả lại, trú xứ A-lan-nhã giúp cho đầy đủ tất cả các thiện pháp và tăng trưởng thiện căn, sau đó đi vào thôn làng thuyết pháp cho chúng sinh. Thành tựu công đức như vậy mới có thể ở trong trú xứ A-lan-nhã. Lại nữa:

Ở trong kinh Quyết Định Vương,

Đức Phật giải thích cho A-nan,
Tỳ-kheo thực hành A-lan-nhã,
Nên trú trong bốn loại bốn pháp.

Bồ-tát ở trong trú xứ A-lan-nhã là:

1. Xa lìa hàng tại gia và xuất gia.
2. Cần phải đọc tụng kinh điển sâu xa.
3. Dẫn dắt chúng sinh khiến cho đạt được công đức của trú xứ A-lan-nhã.
4. Ngày đêm không rời bỏ niệm Phật. Lại có bốn pháp:

1. Ở giữa chúng sinh không sinh tâm sân hận dù trong khoảnh khắc.
2. không nên làm cho tâm bị che phủ vì ngủ nghỉ dù trong chốc lát.
3. Không nên phát sinh ý tưởng chúng sinh dù trong một niệm.
4. Không nên quên mất tâm Bồ đề dù trong một ý niệm. Lại có bốn pháp:

1. Luôn luôn thuận theo ngồi nơi vắng lặng, không nên tụ tập đông người.
2. Thường vui với kinh hành.
3. Thường quán các pháp với ý tưởng không có gì mới-cũ.
4. Không nên rời xa pháp sâu sắc của Không-Vô tướng-Vô nguyện.

Lại có bốn pháp:

1. Thực hành bốn thiền chứ không thực hành thiền của thế gian, thực hành bốn vô lượng tâm duyên với chúng sinh phát sinh tâm Bi mà không chấp lấy tướng chúng sinh.
2. Tuy thực hành tâm Từ mà không duyên với chúng sinh, tuy thực hành tâm Hỷ mà không tham đắm vui sướng, tuy thực hành tâm xả mà không rời bỏ chúng sinh.
3. Tự thấy mình có bốn hạnh của Thánh chủng mà không tự cao-khinh thường người khác.
4. Tự thực hành đa văn và thực hành như điều đã nghe. Đây là bốn loại bốn pháp.

Lại nữa.

Không có trí cũng không tinh tiến,
Mà ở trong trú xứ vắng lặng,
Thì mắc phải bốn pháp sai lầm,
Lại mắc phải bốn lầm lỗi,

Lại còn mắc phải ba sự việc,

Đức Phật đã giải thích như vậy.

Tỳ-kheo trú xứ A-lan-nhã ở trong các công đức cần phải chịu khó tu tập. Tại vì sao? Bởi vì trong công đức A-lan-nhã, thì trí tuệ và tinh tiến có năng lực phát sinh các công đức. Nếu Tỳ-kheo ngu si và lười nhác ở trong trú xứ A-lan-nhã thì mắc phải bốn pháp lỗi lầm:

1. Ngủ nghỉ nhiều.
2. Tham nhiều lợi dưỡng.
3. Dùng nhân duyên hiện bày tướng trạng kỳ dị.
4. Hiện rõ tướng trạng không thích trú xứ A-lan-nhã. Lại có bốn pháp:

1. Tăng thượng mạn, chưa đạt được mà nói là đạt được.
2. Lòng dạ oán ghét đối với kinh pháp sâu xa.
3. Hủy hoại pháp không-vô tướng-vô nguyện.
4. Tâm sinh sân hận đối với người thọ trì kinh pháp sâu xa. Lại có ba sự việc:

1. Nếu ở trong trú xứ A-lan-nhã mà không tinh tiến-không có trí tuệ, thì có lúc gặp người nữ sẽ rơi vào pháp sai trái.
2. Hoặc mắc vào tội tăng tàn, hoặc mắc phải tội nặng.
3. Hoặc là phá giới-hoàn tục.

Đây là ba sự việc sai lầm. Lại nữa:

Giải thích rộng về pháp vắng lặng,
Cho đến cùng với pháp khất thực,
Còn lại mười công đức Đầu-đà,
Cũng đều cần phải nói rộng ra.

Mười hai pháp Đầu-đà, trên đây đã giải thích rộng về hai pháp, còn lại công đức của mười pháp Đầu-đà cũng nên biết như vậy. Tại vì sao? Bởi vì hai pháp này chính là pháp khai mở mười môn Đầu-đà, mười pháp còn lại thì dễ dàng hiểu được.

Mười hạnh Đầu-đà:

1. Khoác y phấn tảo.
2. Ngồi ăn một lần.
3. Thường ngồi.
4. Sau bữa ăn không nhận đồ ăn thức uống phi thời.
5. Chỉ có ba y.
6. Y bằng lông thú.
7. Tùy nơi trải chỗ ngồi.

8. Ở dưới tán cây.
9. Ở nơi trống trải.
10. Ở giữa bãi tha ma.

Y phấn tảo, là vải khâm liệm mà người ta vứt bỏ, nhận lấy để may lại mà mặc. Nhận lấy là tâm nảy sinh, hoặc là miệng nói ra. Ngồi ăn một lần, là trước ở nơi ấy nhận thức ăn rồi, sau đó không ăn nữa. Thường ngồi là đêm luôn luôn không nằm. Sau bữa ăn không uống nước đặc, là sau bữa ăn không nhận thức uống phi thời, những vậy có thể an như đường-mật… Chỉ có ba y là chỉ nhận ba y chứ không cất giữ y nào khác nữa. Y bằng lông thú, là y thô làm thành từ lông chim-thú như y yết-chiên, y khâm-bà-la… Tùy nơi trải chỗ ngồi, là tùy nơi mà có thể ngồi chứ không làm cho người khác phải đứng dậy. Ở dưới tán cây, là thích ở dưới tán câu chứ không đi vào chỗ che khuất ở nơi trống trải, là dừng lại ở nơi trống vắng hoang vu. Ở giữa bãi tha ma, là tùy thuận tâm niệm chán ngán lìa xa, thường ngủ đêm trong bãi tha ma lạnh lẽo. Đây gọi là mười hai hạnh Đầu-đà, làm cho giới được thanh tịnh.

Y phấn tảo có mười lợi ích:

1. Không vì y áo mà hòa hợp với người tại gia.
2. Không vì y áo mà hiện rõ tướng xin ý.
3. Cũng không tìm cách nói để có được y cho mình.
4. Không vì y áo mà cầu tìm khắp nơi.
5. Nếu không có được y thì cũng không buồn.
6. Có được y cũng không mừng.
7. Vật hèn mọn dễ có được nhưng không có tai họa gì.

Không trái mà thuận theo thực hành pháp Tứ Y tiếp nhận ban đầu.

8. Phù hợp ở trong số y xấu.
9. Không bị người ta tham trước.

Ngồi ăn một lần cũng có mười lợi ích:

1. Không có sự vất vả khổ sở vì cầu được ăn bữa thứ hai.
2. Đơn giản đối với sự thọ nhận.
3. Không có sự vất vả khổ sở bởi sử dụng.
4. Trước khi ăn không có gì vất vả khổ sở.
5. Cách ăn phù hợp với tế hạnh;
6. Thức ăn tiêu hóa sau khi ăn.
7. Ít tai họa gây trở ngại.
8. Ít bệnh tật.
9. Thân thể nhẹ nhàng.

10. Thân thư thái vui vẻ.

Thường ngồi cũng có mười lợi ích:

1. Không tham sự vui sướng của thân.
2. Không tham niềm vui ngủ nghỉ.
3. Không tham niềm vui của đồ nằm.
4. Không có nỗi khổ vì nằm thì hông dính chiếu.
5. Không thuận theo ham muốn của thân.
6. Dễ dàng ngồi thiền được.
7. Dễ dàng đọc tụng kinh pháp.
8. Ít ngủ nghỉ.
9. Thân nhẹ nhàng dễ đứng lên.
10. Tâm chẳng mong cầu y phục và vật ngồi nằm.

Sau bữa ăn không nhận đồ ăn thức uống phi thời cũng có mười lợi ích:

1. Không ăn nhiều.
2. Không ăn no.
3. Không tham vị ngon.
4. Ít những ham muốn.
5. Ít tai họa gây trở ngại.
6. Ít bệnh tật.
7. Dễ đầy đủ.
8. Dễ nuôi sống.
9. Biết vừa đủ.
10. Ngồi thiền đọc kinh thân thể không mệt mỏi uể oải.

Chỉ có ba y cũng có mười lợi ích:

1. Ngoài ba y ra không còn vất vả mong cầu thọ nhận gì.
2. Không có sự vất vả khổ sở vì phải giữ gìn.
3. Ít vật cất giữ.
4. Chỉ có cái mặc trên thân là đủ.
5. Giới hạnh tinh tế.
6. Đi lại không có gì vướng bậc.
7. Thân thể nhẹ nhàng.
8. Tùy thuận ở trong trú xứ A-lan-nhã.
9. Mọi nơi mình cứ trú không có gì tiếc nuối.
10. Tùy thuận đạo hạnh.

Nhận y bằng lông thú cũng có mười lợi ích:

1. Thuộc về số y xấu.

2. Ít những sự cầu tìm.
3. Tùy ý có thể ngồi.
4. Tùy ý có thể nằm.
5. Giặt giũ sẽ dễ dàng.
6. Lúc nhuộm cũng dễ dàng.
7. Ít có sâu bọ phá hoại.
8. Khó hư hoại.
9. Không nhận thêm y khác.
10. Cầu đạo không lui sụt.

Tùy nơi trải chỗ ngồi cũng có mười lợi ích:

1. Không vất vả khổ sở mong cầu ở trong chùa chiền tốt đẹp.
2. Không vất vả khổ sở vì mong cầu đồ nằm-đồ ngồi tốt đẹp.
3. Không làm phiền lòng hàng Thượng tọa.
4. Không làm cho hàng hạ tọa phải sầu não.
5. Ít ham muốn.
6. Ít quan hệ.
7. Mong có được mà dùng.
8. Ít sử dụng thì ít theo đuổi.
9. Không dấy khởi nhân duyên tranh cãi.
10. Không giành lấy vật dụng của người khác.

Ngồi dưới tán cây cũng có mười lợi ích:

1. Không có sự vất vả khổ sở vì mong cầu phòng ốc nhà cửa.
2. Không có sự vất vả khổ sở vì mong cầu đồ dùng ngồi-nằm.
3. Không có sự vất vả khổ sở vì những vật yêu quý.
4. Không có sự vất vả khổ sở vì phải tiếp nhận sử dụng.
5. Không mưu cầu danh tiếng.
6. Không có điều gì tranh chấp.
7. Tùy thuận với pháp Tứ y.
8. Ít mà dễ dàng có được, không mắc sai lầm gì.
9. Tùy thuận với sự tu đạo.
10. Không có người qua lại ồn ào.

Ở giữ bãi tha ma cũng có mười lợi ích:

1. Thường có được ý tưởng về Vô thường.
2. Thường có được ý tưởng về cái chết.
3. Thường có được ý tưởng về bất tịnh.
4. Thường có được ý tưởng về thế gian không có gì đáng vui.
5. Thường được xa lìa tất cả những người thương yêu.

6. Thường có được tâm Bi.
7. Xa lìa những sự bỡn cợt hý luận.
8. Tâm thường chán ngán lìa xa.
9. Chịu khó thực hành tinh tiến.
10. Có năng lực loại trừ sợ hãi.

Ở nơi trống trải cũng có mười lợi ích:

1. Không mong cầu ở dưới tán cây.
2. Xa lìa mọi thứ mình vốn có.
3. Không có sự tranh chấp.
4. Nếu đi nơi khác thì không có gì luyến tiếc.
5. Ít bỡn cợt hý luận.
6. Có thể chịu đựng gió mưa-nóng lạnh-ruồi muỗi trùng độc….
7. Không bị những âm thanh chói tai làm cho phiền não.
8. Không làm cho chúng sinh sân hận.
9. Tự mình cũng không có gì sầu hận.
10. Không có nhiều người qua lại ồn ào.

**

LUẬN THẬP TRỤ TỲ BÀ SA

QUYỂN 17

Phẩm 32: GIẢI THÍCH VỀ ĐẦU ĐÀ, Phần 2

Như giải thích năm loại thanh vắng,

Những công đức khác cũng như vậy,

Tự mình đọc tụng-dạy cho người,

Có thể rời khỏi nơi thanh vắng.

Tỳ-kheo A-la-nhã phân biệt có năm loại:

1. Dùng ý xấu xa để mong cầu lợi dưỡng.
2. Độn căn ngu si mà thực hành tu hạnh A-la-nhã.
3. Cuồng si thất chí cho nên tìm đến chốn A-la-nhã.

Bởi vì thực hành công hạnh Đầu-đà cho nên ở trong chốn A-la- nhã.

4. Bởi vì được chư Phật Bồ-tát và các bậc Hiền Thánh khen ngợi cho nên ở trong chốn A-la-nhã.

Ở trong năm loại A-la-nhã này, thì bởi vì thực hành công hạnh Đầu-đà cho nên ở trong chốn A-la-nhã và bởi vì được chư Phật Bồ-tát cùng các bậc Hiền Thánh khen ngợi cho nên ở trong chốn A-la-nhã, hai hạnh này là hạnh thiện, ba loại còn lại thì đáng chê trách. Như pháp A-la-nhã phân biệt có năm loại, mười một hạnh Đầu-đà còn lại cũng phân biệt như vậy, cần phải nhận biết!

Hỏi: Đức Phật dạy rằng nếu đã thọ pháp A-la-nhã thì suốt đời không nên buông bỏ, nếu có nhân duyên thì có thể rời bỏ được không?

Đáp:

Nếu nhân duyên đọc tụng kinh pháp,
Thì được rời xa A-la-nhã.

Nếu Tỳ-kheo muốn đi theo người khác thọ trì đọc tụng kinh pháp, hoặc muốn dạy cho người khác đọc tụng, thì cần phải từ trú xứ A-la-nhã đi vào chùa tháp. Vì nhân duyên này thì có thể rời xa được.

Lúc dạy cho người khác đọc tụng,
Không nên mong cầu được cung cấp,

Luôn luôn cần phải nghĩ đến Phật,
Đức Phật thường có những việc làm.

Tỳ-kheo A-la-nhã từ nơi thanh vắng ra đi, dạy cho người khác đọc tụng, không nên mong cầu sự cung kính cúng dường, mà tâm cần phải nghĩ đến Phật, Phật hãy còn có những việc tự mình thực hành, huống gì là đối với mình. Nghĩ đến Phật, Phật là đấng Đa Đà A Già Đà Tam Miệu Tam Phật Đà, tất cả chư Thiên, Long thần, càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thích-đề-hoàn-nhân, Tứ thiên vương, loài người và loài Phi nhân đều cung kính cúng dường. Phật là phước điền vô thượng của tất cả chúng sinh, nhưng Phật còn không mong cầu người khác cúng dường mà tự mình làm những công việc của chính mình. Nay mình chưa có hiểu biết gì, mới bắt đầu mong cầu học hỏi, tại sao lại nhận sự cung cấp từ người khác? Lại nên dấy lên ý niệm như vậy:

Mình cần phải cố gắng cung cấp,
Lợi ích cho tất cả chúng sinh,
Không mong họ cung cấp cho mình,
Mà vì lợi mình và lợi người.

Thế nào là tự lợi? Nếu coi trọng sự cung cấp thì mất đi công đức của pháp thí. Nếu không coi trọng sự cung cấp thì có được công đức của pháp thí. Thế nào là lợi tha? Nếu coi trọng sự cung cấp của người khác mà dạy cho họ đọc tụng, thì người ấy sinh tâm nghĩ rằng vị Thầy chắc chắn vì lợi dưỡng thế gian mà dạy bảo cho mình chứ không phải vì giáp pháp. Người này nếu dùng tâm này cung cấp cho vị thầy, thì không có được lợi ích to lớn. Nếu chỉ vì cung kính giáo hóa mà tôn trọng vị Thầy, thì có được lợi ích to lớn. Đó gọi là lợi tha.

Thuận theo người khác cầu trí tuệ,
Ngay cả thân mạng cũng không tiếc.

Nếu hành giả mong muốn thuận theo người khác để cầu trí tuệ thì cầu phải xem nhẹ thân mạng. Xem nhẹ thân mạng là vì trí tuệ, tâm chịu khó tinh tiến, cung kính đối với Thầy mà không tiếc thân mạng.

Hỏi: tại vì sao phải vì trí tuệ mà cung kính Thầy ngay cả thân mạng cũng không tiếc? Đáp:

Nếu như nhất tâm học một chữ,
Lấy đây làm thời gian kiếp số,
Cung kính đối với Thầy dạy mình,
Người có thể giải thích luận này;
Xa rời những tâm niệm quanh co,

Hết sức yêu quý mà cung kính,
Ngày đêm không lúc nào dừng lại,
Tận cùng đời kiếp cũng như vậy.

Thuận với số chữ nghĩa bàn luận mà Thầy đã dạy và tâm niệm của mình như vậy, nếu tâm người tiếp nhận giáo pháp không có gì dua nịnh quanh co và không tiếc gì thân mạng, thì ngày đêm cung kính, trước sau không sai khác. Tuy có thể như vậy mà hãy còn không đền đáp được ân đức của Thầy dạy cho mình được trí tuệ luận bàn. Vì vậy cho nên đệ tử cần phải rời xa tâm dua nịnh quanh co, rời bỏ ý niệm tham tiếc thân mạng, phá trừ mọi sự kiêu mạn. Nếu vị Thầy khinh miệt thì mình vẫn dùng tâm kính mến tôn trọng chứ không có gì thay đổi, nên sinh tâm yêu quý sâu sắc, tâm cung kính bậc nhất. Cần phải sinh tâm như cha mẹ, phải sinh tâm như bậc Đại sư, phải sinh ý tưởng như bậc thiện tri thức, phải sinh ý tưởng có năng lực làm điều khó làm, phải sinh tâm khó đền đáp nổi. Nếu thầy cho phép thì tiếp nhận mà luôn luôn thực hành làm việc, không đợi đến lúc Thầy sai bảo; những việc gì khác thì tự mình nhận mà luôn luôn thực hành làm việc, không đợi đến lúc Thầy sai bảo; những việc gì khác thì tự mình biết ý thầy tùy theo sự việc mà thực hành. Những gì được thầy quý trọng, tùy thuận mà quý trọng như Thầy. Không nên dựa vào Thầy để cầu mong lợi dưỡng thế gian. Không mong được thầy khen ngợi. Không mong cầu danh tiếng, chỉ mong cầu pháp quý báu là trí tuệ. Thầy có sai lầm gì, thường thuận theo mà che giấu. Nếu Thầy bị người khích bác hoặc có sai lầm lộ rõ, thì nên tìm cách che giấu giúp thầy. Thầy có công đức thì nên ca ngợi truyền bá khắp nơi, tâm hết sức yêu thích thuận theo thọ trì giải thích rõ ràng, tư duy về nghĩa lý và thực hành đúng như giáo thuyết. Cầu mong lợi mình và lợi người, thì đừng làm hạng đệ tử lỗi lầm, đừng làm hạng đệ tử tai họa, đừng làm hạng đệ tử dơ bẩn, đừng làm hạng đệ tử suy nhược, đừng làm hạng đệ tử không ích lợi gì. Không có những lỗi lầm như vậy, chỉ trú trong pháp của hàng đệ tử khéo léo mà cung cấp đối với Thầy.

Như trong kinh bát Chu nói: "Đức Phật bảo với Bạt-đà-bà-la: Nếu Bồ-tát muốn đạt được Tam-muội này, thì phải chịu khó tinh tiến mà phát sinh tâm tôn trọng-tâm khó gặp đối với các vị Thầy. Nếu được nghe từ miệng, hoặc có được từ nơi quyển kinh, thì đối với vị Thầy này nên dùng tâm hết sức cung kính mà sinh tâm như cha mẹ, tâm như bậc thiện tri thức, tâm như bậc Đại sư, bởi vì bậc Thầy là người có năng lực giải thích về pháp như vậy, để giúp cho đạo Bồ-đề.

Này Bạt-đà-bà-la! Nếu người cầu đạo Bồ-tát, hoặc người cầu

Thanh văn mà theo Thầy đọc tụng giáo pháp này, nhưng không sinh tâm cung kính sâu sắc-tâm như cha mẹ-tâm như bậc thiện tri thức-tâm như bậc Đại sư, có thể thông suốt được pháp này khiến cho không quên mất và tồn tại không diệt đi, thì điều này không hề có. Tại vì sao? Này Bạt-đà-bà-la! Bởi vì nhân duyên không cung kính, cho nên Phật pháp sẽ hủy diệt. Vì vậy, này Bạt-đà-bà-la! Nếu người cầu đạo Bồ-tát, hoặc người cầu Thanh văn, đối với điều mà mình nghe được, đọc tụng-viết chép giáo pháp này, sinh tâm cung kính sâu sắc, tâm như cha mẹ-tâm như bậc thiện tri thức-tâm như bậc đại sư, thì đối với sự đọc tụng-viết chép chưa được sẽ khiến cho được, đã được sẽ làm tồn tại lâu dài, điều này thật sự là có. Tại vì sao? Bởi vì tâm cung kính cho nên Phật pháp không hủy diệt. Vì vậy, này Bạt-đà-bà-la! Nay Ta bảo với ông, đối với vị Thầy này mà thuận theo sinh tâm cung kính sâu sắc, tâm như cha mẹ-tâm như bậc thiện tri thức-tâm như bậc Đại sư. Vậy là thuận theo lời Ta đã nói".

Phẩm 33: QUẢ HỖ TRỢ CHO THI LA

Bồ-tát như vậy, vì cầu đa văn và biết nghĩa của đa văn rồi thuận theo giáo thuyết mà thực hành, có năng lực làm cho Thi la được thanh tịnh, pháp làm thanh tịnh cho Thi-la thì cần phải tu hành. Hỏi: Những pháp nào có thể làm cho Thi-la được thanh tịnh? Đáp:

Giữ gìn nghiệp của thân-miệng-ý cũng không được giữ gìn với pháp, Chung quy không phát sinh ngã kiến, và loại trừ kiến chấp lẫn tạp, hồi hướng cho trí Tát-bà-nhã, bốn pháp này thanh tịnh Thi-la. Hành giả tu tập bốn pháp này, thì Thi-la tự nhiên được thanh tịnh.

Giữ gìn nghiệp của thân-miệng và ý, là luôn luôn cần phải chánh niệm về nghiệp của thân-miệng-ý, cho đến lỗi nhỏ cũng không làm, cho nên ở trong Đệ nhất nghĩa nhưng cũng không cần phải bảo vệ pháp của ba nghiệp. Có người tuy thấy pháp, không nhưng nói là biết cái không còn tồn tại. Vì vậy, cho nên nói là không lẫn tạp kiến chấp về Ngã-kiến chấp về chúng sinh-kiến chấp về Nhân-kiến chấp về Thọ giả-kiến chấp về Mạng giả… hồi hướng cho trí Tát-bà-nhã, là quả báo trì giới không mong cầu phước đức gì khác, chỉ vì cứu độ tất cả chúng sinh mà mong cầu Phật đạo. Đây là bốn pháp làm thanh tịnh cho Thi la. Lại có bốn pháp, có năng lực làm cho Thi la được thanh tịnh. Đó gọi là:

Không có tâm chấp ngã-ngã sở,
Cũng không có Đoạn kiến-Thường kiến,

Phù hợp với pháp từ các duyên,
Thì có thể thanh tịnh Thi la.

Không có tâm chấp ngã-ngã sở, là tâm không tham trước đối với ngã-ngã sở, chỉ biết tâm này điên đảo hư vọng chứ không có pháp nào là ngã. Không có đoạn kiến-thường kiến, bởi vì Đoạn kiến và Thường kiến thật là sai lầm. Phù hợp với pháp từ các duyên, biết các pháp từ các duyên mà sinh chứ không có tánh cố định, cho nên thực hành theo lý Trung đạo. Bốn pháp như vậy có năng lực làm cho Thi la được thanh tịnh. Lại có bốn pháp có năng lực làm cho Thi-la được thanh tịnh. Đó gọi là:

Thực hành theo bốn hạnh Thánh chủng,
Cùng với mười hai hạnh Đầu-đà,
Cũng không thích ồn ào đông đúc,
Suy nghĩ vì sao mà xuất gia?

Bốn Thánh chủng, đó gọi là chỉ muốn có được y phục vừa đủ, chỉ muốn có được đồ ăn thức uống vừa đủ, chỉ muốn có được vật dụng ngồi-nằm vừa đủ, vui với đoạn trừ dục lạc mà tu hành.

Mười hai hạnh Đầu-đà, đó gọi là thọ pháp A-la-nhã, thọ pháp khất thực, khoác y phấn tảo, ngồi ăn một lần, thường ngồi, sau bữa ăn không nhận đồ ăn thức uống phi thời, chỉ có ba y, y bằng lông thú, tùy nơi trải chỗ ngồi, ở dưới tán cây, ở nơi trống trải, ở giữa bãi tha ma.

Cũng không thích ồn ào đông đúc, là không hòa hợp với người tại gia hay xuất gia. Có người tuy thực hành theo pháp A-la-nhã, nhưng biết nhiều-hiểu nhiều cho nên qua lại với nhiều người. Vì vậy nói là không thích ồn ào đông đúc. Nếu đến chỗ khác thì dường như tâm không hòa hợp với mọi người.

Suy nghĩ vì sao mà xuất gia? Người thực hành Thi-la dấy lên ý niệm như vậy: Vì sao mà mình xuất gia? Suy nghĩ rồi thuận theo sự nghiệp xuất gia mà mong muốn thành tựu thực hành đúng như giáo thuyết. Đây là bốn pháp làm cho Thi-la thanh tịnh. Lại có bốn pháp có năng lực làm cho Thi-la được thanh tịnh. Đó gọi là:

Năm ấm không hề có sinh-diệt,
Sáu tánh đều giống như pháp tánh,
Thấy sáu tình cũng hoàn toàn không,
Không đắm theo ngôn ngữ thế tục,
Thực hành bốn pháp đúng như vậy,
Cũng có thể thanh tịnh Thi-la.

Năm ấm không hề có sinh-diệt, là bởi vì tư duy về năm ấm từ gốc đến

ngọn. Thấy năm ấm không có gì sinh-diệt, là thấy sáu tánh của đất-nước… giống như pháp tánh, như pháp tánh không thể nào đạt được thì sáu tánh cũng không thể nào đạt được. Biết sáu tình tuy là khổ-vui…, nhưng tâm-tâm sở là pháp nhân duyên, dùng chánh trí truy xét tìm hiểu, cũng biết đều là không, hiểu thấu suốt cả ba loại đều biết rõ là không, có hành giả tham đắm vào không thì trở lại gây chướng ngại cho đạo, vì vậy nói là đừng tham đắm vào không, thuận theo thế tục mà nói đến tên gọi của không. Pháp như vậy thì có năng lực làm thanh tịnh Thi-la.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao nói đến các pháp năm ấm?

Đáp: Bởi vì không các pháp năm ấm đều không; cuối cùng nói đừng đắm vào không, là đối với cái không cũng cần phải buông bỏ. Như vậy không có pháp nghi ngờ tà vạy nào làm trở ngại đến Thi-la.

Hỏi: Các pháp năm ấm, bởi vì có tướng thích hợp với tướng, cho nên quyết định là có. Như nói sắc là tướng khổ não, cảm giác khổ-vui là tướng thọ. Hiện có các tướng thuộc loại như vậy, tại sao nói là chẳng phải không-chẳng phải không thể không? Đáp:

Khổ não hư hoại là tướng sắc
Như thế nào là tướng sắc này?
Nếu như khổ não là tướng sắc,
Rời xa tướng không thể có tướng,
Thì tướng này thuộc về nơi nào
Không có tướng không thể có tướng?
Thế giới này chung quy không có,
Không có tướng-có thể có tướng,
Tướng cùng với có thể có tướng,
Chẳng phải hợp-chẳng phải không hợp.
Nó đến không có mới bắt đầu,
Ra đi cũng không có nơi đến,
Nếu như có hợp và không hợp,
Thì trở thành tướng hợp với tướng.
Như vậy, thì làm cho sai lạc,
Tướng của tướng và hợp với tướng,
Vì tướng trở thành hợp với tướng
Tướng cũng không tự mình thành tựu.
Tướng tự nó không thể thành tựu,
Làm sao trở thành hợp với tướng?
Thế giới này thật là đáng buồn,

Phân biệt tướng và hợp với tướng,
Những nẻo đã làm cho mê hoặc,
Bị tà sư thường xuyên lừa gạt.
Tướng hợp với tướng thì như vậy,
Không có tướng-không thể có tướng,
Mắt trông thấy sự việc như vậy,
Như thế nào là không thể biết?
Hễ chấp vào tướng hợp với tướng,
Phát sinh những hý luận như vậy,
Tùy theo lúc khởi lên hý luận,
Thì rơi vào xứ sở phiền não.

Vả lại hành giả dùng pháp môn không đến-không đi để quán sát tánh của các ấm phù hợp với không. Như nói:

Các pháp của sinh-lão-bệnh-tử,
Lúc sinh không có nơi nào đến,
Các pháp của sinh-lão-bệnh-tử,
Lúc diệt không có nơi đi về.
Tánh của các ấm giới và nhập,
Lúc sinh không từ nơi nào đến,
Lúc diệt không có nơi đi về,
Nghĩa lý của Phật pháp như vậy.
Như lửa cháy chẳng phải công người,
Cũng không thuộc về cọ xát cây,
Trong hòa hợp cũng không có gì,
Nhưng nhờ vào hòa hợp mà có.
Củi cháy hết thì lửa sẽ tắt,
Tắt rồi không có nơi đi về,
Các duyên hòa hợp cho nên có,
Duyên phân tán thì đều là không.
Nhãn thức cũng hoàn toàn như vậy,
Nó không tồn tại ở trong mắt,
Nó không tồn tại ở trong sắc,
Cũng không tồn tại ở khoảng giữa.
Không tồn tại ở trong hòa hợp,
Cũng không thể xa rời hòa hợp,
Cũng không từ nơi khác mà đến,
Nhưng nhờ vào hòa hợp mà có.
Hòa hợp phân tán thì không có,

Các pháp cũng hoàn toàn như vậy,
Lúc sinh không từ nơi nào đến,
Lúc diệt không có nơi đi về,
Như tâm lực của loài rồng kia,
Mà có mây âm u xuất hiện,
Không từ nơi thân rồng xuất hiện,
Cũng không từ nơi khác mà đến.
Nhưng mây âm u rộng lớn này,
Tuôn mưa đầy khắp nơi thế giới,
Sau đó cũng đến lúc ngừng hẳn,
Cũng không có nơi nào đi về.
Như mây không có đến và đi,
Các pháp cũng hoàn toàn như vậy,
Lúc sinh không từ nơi nào đến,
Lúc diệt không có nơi đi về.
Như hình người vẽ trên bức tường,
Không thuộc về mỗi một đường nét,
Cũng không tồn tại trong hòa hợp,
Giữa bức tường lại cũng không có.
Nơi người thợ vẽ cũng không có,
Trong bút họa vẽ cũng không có,
Không từ nơi chốn khác mà đến,
Nhưng nhờ vào hòa hợp mà có.
Hòa hợp phân tán thì không có,
Các pháp cũng hoàn toàn như vậy,
Lúc có không từ nơi nào đến,
Lúc không chẳng có nơi đi về.
Đèn tỏa sáng không thuộc về dầu,
Cũng không xuất hiện từ bấc đèn,
Cũng không từ nơi khác mà đến,
Mà nhờ vào dầu-bấc đèn cháy.
Nhân duyên không còn thì diệt mất,
Lúc diệt không có nơi đi về,
Tướng đến và đi của các pháp,
Lại cũng đều hoàn toàn như vậy,

Lại có bốn pháp, có năng lực làm cho Thi-la thanh tịnh. Đó gọi là:

Luôn luôn tự suy nghĩ về mình,

Không tự cao-hạ thấp người khác,
Hai điều này không hề đạt được,
Tâm nhờ đó không còn kiêu mạn,
Quán xét các pháp đều bình đẳng,
Bốn pháp này thanh tịnh Thi-la.

Luôn luôn tự suy nghĩ về mình, hành giả dấy lên ý niệm như vậy:

Thân mình là tướng bất tịnh-vô thường-chết chóc, nào có gì đáng giá? Suy nghĩ như vậy rồi, thì không tự cao-hạ thấp người khác, tin và hiểu thân mình cùng với người khác không có ngã-ngã sở, vốn không có gì đạt được.

Nương tựa là đạt được pháp như vậy, cho nên tâm tư thanh thản nhẹ nhàng có thể tiếp nhận được pháp. Từ đây dựa vào tâm vui vẻ không còn tự cao.

Quán xét các pháp đều bình đẳng, dùng lý không để quán xét tất cả các pháp hữu vi-vô vi thảy đều bình đẳng chứ không có Thượng-Trung-Hạ sai biệt. Như nói:

Nếu như phải dựa vào bậc Hạ,
Mà phát sinh bậc Trung-bậc Thượng,
Thì bậc Hạ không làm Trung-Thượng,
Tại sao dựa vào Hạ mà có?
Bậc Hạ tự làm thành bậc Hạ,
Trung-Thượng trước kia quyết định có.
Nếu như phải dựa vào bậc Trung,
Mà phát sinh bậc Hạ-bậc Thượng,
Thì bậc Trung không làm Hạ-Thượng,
Tại sao dựa vào Trung mà có?
Bậc Trung tự làm thành bậc Trung,
Hạ-Thượng trước kia nhất định có.
Nếu như phải dựa vào bậc thượng,
Mà phát sinh bậc Trung-bậc Hạ,
Thì bậc Thượng không làm Trung-Hạ,
Tại sao dựa vào Thượng mà có?
Bậc Thượng tự làm thành bậc Thượng,
Trung-Hạ trước kia nhất định có.
Dựa vào bậc Hạ không làm được,
Không dựa vào cũng không có được,
Nếu như trước kia nhất định có,

Thì không cần dựa vào bậc Hạ.
Nếu trước kia nhất định không có,
Thì tại sao trở thành Trung-Thượng?
Dựa vào bậc Trung không làm được,
Không dựa vào cũng không có được,
Nếu như trước kia nhất định có,
Thì không cần dựa vào bậc Trung.
Nếu trước kia nhất định không có,
Thì tại sao trở thành Hạ-Thượng?
Dựa vào bậc Thượng không làm được,
Không dựa vào cũng không có được,
Nếu như trước kia nhất định có,
Thì không cần dựa vào bậc Thượng.
Nếu trước kia nhất định không có,
Thì tại sao trở thành Trung-Hạ?

Vả lại, dùng một tướng không để quán xét các pháp đều bình đẳng, chúng sinh cũng như vậy.

Người trí ở trong lý pháp không,
Chẳng hề nói đến tướng phân biệt,
Lý không chỉ một mà không khác,
Luôn luôn thấy lý không như vậy.
Đó gọi là được thấy Đức Phật,
Bởi vì Phật chẳng khác với không,
Giải thích rằng chư Phật là một,
Tất cả chúng sinh đều là một.
Tất cả các pháp cùng một pháp,
Không hề phân biệt Thượng-Trung-Hạ,
Hết thảy mười phương Phật Thế tôn,
Lìa xa tự tánh và tha tánh.
Hết thảy các chúng sinh mười phương,
Cũng lìa xa tự tánh-tha tánh,
Tất cả các pháp cũng như vậy,
Lìa xa tự tánh và tha tánh.
Bởi vì có nhân duyên như vậy,
Cho nên gọi là cùng một tướng,
Có chư Phật thì trở thành sai,
Không có chư Phật cũng là sai.
Có các chúng sinh trở thành sai,

Không có các chúng sinh là sai,
Có các pháp thì trở thành sai,
Không có các pháp cũng là sai.
Lìa xa đối với có và không,
Cho nên gọi là bình đẳng,
Hết thảy mười phương Phật Thế tôn,
Hết thảy chúng sinh và các pháp;
Tất cả không thể nào chấp lấy,
Đó gọi là các pháp bình đẳng,
Hết thảy chư Phật và chúng sinh,
Cùng các pháp không hề sai biệt.
Bởi vì không thể nào phân biệt,
Cho nên gọi đó là bình đẳng,
Chư Phật cùng với các chúng sinh,
Cho đến cùng tất cả các pháp;
Hòa vào trong sinh-trú-dị-diệt,
Vắng lặng hoàn toàn không hề có,
Cũng không từ nơi nào mà đến,
Lại cũng không có nơi đi về.
Bởi vì không có đến và đi,
Cho nên gọi đó là bình đẳng,
Chư Phật cùng với các chúng sinh,
Cho đến cùng tất cả các pháp;
Hết thảy đều không hề vốn có,
Vượt qua tất cả pháp hữu vi,
Ba pháp này không phải bình đẳng,
Lại cũng không phải không bình đẳng.
Không bình đẳng mà đều bình đẳng,
Đều bình đẳng nhưng không bình đẳng,
Như vậy giải thích về các pháp,
Đều bình đẳng không hề sai biệt.

Lại có bốn pháp, có năng lực làm cho Thi-la thanh tịnh. Như nói:

Khéo có thể tin hiểu lý không,
Không kinh sợ với pháp vô tướng,
Đại Bi đối với các chúng sinh,
Có năng lực chấp nhận vô ngã,
Thực hành bốn pháp đúng như vậy,
Cũng có thể thanh tịnh Thi-la.

Hành giả hiểu rõ ràng các pháp không có tự tánh-không có tha tánh, cho nên gọi là tin hiểu lý không. Như nói:

Đối với tất cả pháp vốn có,
Chung quy không sinh từ tự tánh,
Nếu như sinh ra từ các duyên,
Thì cần phải có từ nơi khác.
Không từ tự tánh mà sinh ra,
Làm sao từ nơi khác sinh ra,
Tự tánh đã không thể thành tựu,
Tha tánh lại cũng không có gì.
Nếu như lìa tự tánh mà sinh,
Thì không có gì là tự tánh,
Nếu như lìa xa với tự tánh,
Thì không có gì là tự tướng.
Tự tánh và tướng của tự tánh,
Không bởi vì hòa hợp mà có,
Không bởi vì phân tán mà không,
Hai nhất định có thì không có.
Tha tánh không thể sinh ra pháp,
Tự tánh cũng không thể phát sinh
Tự tánh-tha tánh cũng không thể,
Lìa bỏ cả hai cũng không sinh.
Nếu như không hề có tự tánh,
Thì tại sao từ nơi khác sinh,
Bởi vì lìa xa pháp thế tục,
Thì không có tự tánh-tha tánh.
Nếu tha tánh từ nơi khác sinh,
Thì tha tánh chẳng có tự thể,
Không có thể thì chẳng phải có,
Lấy vật gì mà sinh tha tánh?
Bởi vì không hề có tự Thể,
Nơi khác sinh lại cũng không có,
Bởi vì bốn loại đều là không,
Chẳng pháp nào quyết định sinh diệt.

Không kinh sợ đối với pháp vô tướng, là bởi vì tin và vui với sự xa lìa các tướng, cho nên không có gì kinh sợ. Như nói:

Nếu như tất cả là vô tướng,
Thì tất cả chính là có tướng,

Pháp tịch diệt đều là vô tướng,
Thì pháp này trở thành pháp có.
Nếu như quán pháp là vô tướng,
Thì vô tướng chính là có tướng,
Nếu như nói tu pháp vô tướng,
Thì không phải là tu vô tướng.
Nếu như buông bỏ những chấp trước,
Thì đó gọi là tu vô tướng,
Chấp vào tướng buông bỏ chấp trước,
Thì trở thành chẳng giải thoát gì.
Tất cả bởi vì có chấp lấy,
Vì chấp lấy mà có buông bỏ,
Lìa chấp lấy-chấp lấy điều gì,
Thì đó gọi là buông bỏ.
Chấp lấy mà vận dụng chấp lấy,
Cùng với pháp có thể chấp lấy,
Tất cả rời xa đều không có,
Thì đó đều gọi là tịch diệt.
Nếu pháp dựa nhau mà thành tựu,
Thì pháp này sẽ không có tướng.
Nếu như pháp không hề có tánh,
Thì pháp này chính là vô tướng,
Tại sao nói pháp là vô tánh,
Thì pháp ấy gọi là vô tướng?
Nếu như bởi vì có và không,
Thì cũng ngăn chặn-cũng thuận theo,
Tuy nói rằng tâm không chấp trước,
Nhưng thật ra thì không có lỗi.
Nơi nào trước kia vốn có pháp,
Mà sau đó không thể diệt mất?
Nơi nào trước kia có như vậy,
Mà sau đó lại có diệt đi?
Đây là có tướng của tịch diệt,
Và không có tướng của tịch diệt,
Vì vậy cho nên nói tịch diệt,
Vì vậy cho nên nói tịch diệt,
Cùng với ngôn ngữ của tịch diệt.
Từ trước đến nay chẳng tịch diệt,

Cũng không phải là không tịch diệt,
Cũng chẳng tịch diệt-không tịch diệt,
Đều là tịch diệt-không tịch diệt.

Đại bi đối với các chúng sinh, bởi vì chúng sinh là vô lượng vô biên, cho nên tâm Bi cũng rộng lớn bao la. Vả lại, pháp của chư Phật là vô lượng vô biên, vô tận giống như hư không, tâm Bi là pháp căn bản của chư Phật, có năng lựa đạt được Đại pháp nên gọi là Đại Bi. Người vĩ đại nhất trong tất cả chúng sinh, cho nên tôn xưng là Phật. Công hạnh của Phật vận dụng gọi là Đại bi.

Chấp nhận với pháp vô ngã, là bởi vì tin và vui với pháp chân thật, chư Phật đều chung một đạo quả Niết-bàn, gọi là pháp vô ngã. Nếu như tiến vào trong pháp này mà tâm không thể chấp nhận, thì giống như cọng cỏ nhỏ bé đưa vào ngọn lửa sẽ bị cháy hết. Nếu như vàng ròng đưa vào ngọn lửa, có thể chịu được sức nóng thì không có sự tổn thất như vậy. Nếu người phàm phu không tu tập thiện căn mà tiến vào trong pháp vô ngã, không có năng lực chịu đựng nổi thì sẽ nảy sinh tà kiến nghi ngờ. Bồ-tát thì từ vô lượng đời kiếp đến nay tu tập thiện căn, có trí tuệ sắc bén được chư Phật gia hộ, tuy chưa đoạn kiết sử nhưng tiến vào trong pháp vô ngã mà tâm có năng lực tiếp nhận và chịu đựng được. Pháp vô ngã chính là các pháp như Ấm-Giới-Nhập và mười hai nhân duyên… Nhân duyên phá chấp ngã như trước đã nói. Vì vậy muốn làm cho Thi-la được thanh tịnh thì nên thực hành bốn pháp này. Lại nữa:

Có bốn loại phá hỏng Thi-la,
Nhưng tựa như giữ gìn Thi-la,
Người thực hành cần phải tinh tiến,
Tự chế ngự cẩn thận đừng làm!

Trong phẩm Ca Diếp-kinh Bảo Đảnh nói: "Đức Phật bảo với Ca-diếp: Có bốn loại Tỳ-kheo phá giới nhưng tựa như Tỳ-kheo trì giới. Những gì là bốn loại? Này Ca-diếp! Có Tỳ-kheo ở trong kinh giới đều có năng lực thực hành đầy đủ mà nói là có ngã. Này Ca-diếp! Đó gọi là phá giới mà tựa như trì giới. Lại nữa, này Ca-diếp! Có Tỳ-kheo trì tụng kinh luật giữ gìn giới hạnh, ở trong thân kiến không lay động-không lìa bỏ, đó gọi là phá giới mà tựa như trì giới. Lại nữa, này Ca-diếp! Có Tỳ-kheo thực hành đầy đủ mười hai hạnh Đầu-đà, nhưng thấy các pháp

chắc chắn là có, đó gọi là phá giới mà tựa như trì giới. Lại nữa, này Ca-diếp! Có Tỳ-kheo duyên với chúng sinh mà thực hành tâm từ, nghe các hành không có tướng sinh thì tâm kinh sợ. Đó gọi là phá giới mà tựa như

trì giới. Này Ca-diếp! Đây là bốn loại người phá giới mà tựa như trì giới. Lại nữa:

Giáo thuyết mà Thế Tôn giảng dạy,
Sa-môn có bốn loại phân biệt,
Nên làm Sa-môn loại thứ tư,
Xa lìa ba loại Sa-môn trước.

Trong phẩm Ca-diếp nói: "Bốn loại Tỳ-kheo, thì nên học theo loại Sa-môn thứ tư, không nên học theo ba loại trước. Những gì là bốn? Đức Phật bảo với Ca-diếp: Có bốn loại Sa-môn, một là Sa-môn hình dáng sắc tướng, hai là Sa-môn oai nghi kỳ lạ, ba là Sa-môn tham cầu danh lợi, bốn là Sa-môn công hạnh chân thật. Tại sao gọi là Sa-môn hình dáng sắc tướng? Bởi vì có hình dáng Sa-môn sắc tướng của Sa-môn. Đó gọi là khoác y Tăng-già-lê, cạo bỏ râu tóc, ôm giữ bình bát đen, mà thực hành thân nghiệp bất tịnh-khẩu nghiệp bất tịnh-ý nghiệp bất tịnh, không mong cầu vắng lặng, không mong cầu thiện pháp, tham lam bỏn xẻn-lười nhác mà làm những điều ác-phá giới chứ không thích tu đạo. Đó gọi là Sa-môn hình dáng sắc tướng. Thế nào là Sa-môn oai nghi kỳ lạ? Có Sa-môn đầy đủ oai nghi, suy xét tường tận-thanh thản yên lành mong có được cơm áo, thực hành công hạnh bậc Thánh, không hòa hợp với người tại gia-xuất gia, ít chuyện trò nói năng. Dùng những công hạnh này, mong cảm được ý người với tâm không thanh tịnh. Oai nghi như vậy không vì thiện pháp, không vì vắng lặng mà thấy các pháp chắc chắn là có, đối với pháp không chẳng hề vốn có thì sợ như rơi xuống hố sâu, thấy người nói lý không thì sinh ý tưởng như kẻ thù. Đó gọi là Sa-môn oai nghi kỳ lạ.

Thế nào là Sa-môn tham cầu danh lợi? Có Sa-môn tuy gắng gượng có thể trì giới, nhưng dấy lên ý niệm như vậy: Làm sao để người ta biết mình trì giới? Gắng gượng cầu đa văn, làm sao để người ta biết mình có đa văn? Gắng gượng thực hành theo pháp A-lan-nhã, làm sao để người ta biết mình là hành pháp A-la-nhã? Gắng gượng thực hành công hạnh xa lìa-ít ham muốn-biết vừa đủ, làm sao để người ta biết mình ít ham muốn-biết vừa đủ và thực hành theo pháp xa lìa? Bởi vì không phải là tâm chán ngán lìa xa, bởi vì không phải là diệt trừ phiền não, bởi vì không phải là cầu tiến thẳng vào Thánh đạo, bởi vì không phải là Niết-bàn, bởi vì không phải là cứu độ tất cả chúng sinh, cho nên đó gọi là

Sa-môn tham cầu danh lợi.

Thế nào là Sa-môn công hạnh chân thật? Có Sa-môn đối với thân mạng hãy còn không tham tiếc, huống gì là tiếc nuối danh lợi. Nghe các

pháp không chẳng hề vốn có thì tâm vô cùng hoan hỷ, thuận rõ lý không hãy còn không chấp trước, huống gì là chấp trước, huống gì là chấp trước Ngã-Nhân-chúng sinh_thọ giả-Mạng giả-Tri giả-Kiến giả? Ở trong các phiền não mà cầu giải thoát chứ không ở bên ngoài để mong cầu, quán xét tất cả các pháp xưa nay vốn thanh tịnh-không cấu nhiễm. Người này chỉ dựa vào chính mình chứ không dựa vào nơi nào khác. Vì thật tướng của các pháp mà Pháp thân hãy còn không tham, huống gì là sắc thân? Thấy pháp lìa xa tướng mà không dùng đến ngôn từ diễn đạt, Thánh chúng vô vi hãy còn không phân biệt, huống gì là chúng hội phàm phu? Không vì đoạn trừ-không vì tu tập cho nên không ghét sinh tử-không thích Niết-bàn, chẳng có gì trói buộc-chẳng có gì cởi bỏ. Biết rõ pháp của chư Phật không có tướng quyết định, biết rồi không qua lại trong sinh tử, lại cũng không diệt mất. Này Ca-diếp! Đó gọi là Sa-môn thuận theo công hạnh chân thật. Này Ca-diếp! Các ông nên chịu khó thực hành công hạnh chân thật của Sa-môn, đừng bị tên gọi làm cho tổn hại! Lại nữa:

Không vì pháp luật của vua chúa,
Mà giữ gìn đối với Thi-la,
Cũng không dựa vào những nơi sinh,
Mà giữ gìn đối với Thi-la.

Hành giả muốn làm cho Thi-la thanh tịnh, không cần phải vì pháp luật của hàng vua chúa. Pháp luật của hàng vua chúa, như Đức Phật thuyết giảng cho Lực sĩ Tịnh đức: "Này người thiện nam! Thi-la của Bồ-tát thì ngay cả nhân duyên mất mạng mà vẫn không phá giới. Không mong làm Quốc Vương mà trì giới, không mong sinh lên cõi trời mà trì giới; không mong làm Thích Đề Hoàn Nhân, không mong làm Phạm Thiên Vương, không vì giàu có vui sướng tự tại mà trì giới. Không vì danh tiếng ca ngợi mà trì giới. Không vì lợi dưỡng mà trì giới. Không vì thọ mạng mà trì giới. Không vì ăn uống-áo quần-đồ nằm-thuốc thang và vật dụng cung cấp cho đời sống mà trì giới.

Không dựa vào pháp của những nơi sinh, là không vì sinh trong trời-người mà trì giới, không dựa vào mình mà trì giới, không dựa vào người khác mà trì giới, không dựa vào đời này mà trì giới, không dựa vào đời sau mà trì giới. Không dựa vào sắc-thọ-tưởng-hành-thức mà trì giới. Không dựa vào nhãn, không dựa vào nhập, không dựa vào nhĩ-tỷ-

thiệt-thân-ý mà trì giới. Không dựa vào cõi Dục-cõi Sắc-cõi Vô Sắc mà trì giới. Không vì được thoát khỏi đường ác của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la mà trì giới. Không vì nỗi sợ nghèo thiếu trong cõi trời mà trì

giới. Không vì nỗi sợ nghèo thiếu trong cõi người mà trì giới. Không vì nỗi sợ nghèo thiếu của loài Dạ-xoa mà trì giới".

Hỏi: Nếu không vì những pháp như vậy, thì vì pháp gì mà trì giới?

Đáp:

Vì mong muốn làm cho Tam bảo,
Tồn tại lâu dài mà trì giới,
Vì mong muốn có được đủ loại,
Lợi ích cho người mà trì giới.

Tam bảo tồn tại lâu dài, là vì không đoạn dứt dòng dõi của Phật

cho nên trì giới, vì chuyển pháp luân cho nên trì giới, vì thâu nhiếp Thánh chúng cho nên trì giới, vì thoát khỏi sinh-lão-bệnh-tử-ưu bi khổ não cho nên trì giới, vì cứu độ tất cả chúng sinh cho nên trì giới, vì làm cho tất cả chúng sinh được an lạc cho nên trì giới, vì làm cho chúng sinh đến được nơi an lạc cho nên trì giới, vì tu thiền định cho nên trì giới, vì trí tuệ giải thoát-giải thoát tri kiến cho nên trì giới. Sự việc này nói rộng ra như trong kinh Tịnh Đức.

Bồ-tát có năng lực như vậy,
Thì thành tựu đối với Thi-la,
Không mất đi mười điều lợi ích,
Cùng với các loại lợi ích khác.
Lại cũng không còn sợ rơi vào,
Bốn nơi hiểm nạn và tà đạo,
Không gặp phải bốn pháp mất mát,
Không gặp phải bốn pháp hư hoại.
Nhưng có được pháp không lừa dối,
Bốn pháp bình đẳng với chư Phật,
Có năng lực vượt qua địa ngục,
Và mười sự việc luôn sợ hãi.

Không mất đi mười điều lợi ích, là không mất lợi ích thường làm Chuyển luân Thánh vương, thường ở trong đó không mất đi tâm không phóng túng, không mất lợi ích thường làm Thích Đề Hoàn Nhân thường ở trong đó không mất đi tâm không phóng túng thường không mất tâm cầu đạo của chư Phật, thường không mất sự nghiệp giáo hóa của các Bồ-tát, thường không mất năng lực lạc thuyết biện tài, thường không mất sở nguyện gieo trồng các thiện căn-phước đức đầy đủ, thường không mất

lợi ích được chư Phật Bồ-tát Thánh hiền khen ngợi, thường không mất lợi ích nhanh chóng có năng lực đầy đủ tất cả trí tuệ. Đây là mười điều

lợi ích.

Các loại lợi ích, là đối với các loại công đức không hề lui sụt. Như trong kinh nói: "Bồ-tát khéo léo giữ giới, thường được chư Thiên khen ngợi, các Long vương khéo bảo vệ, mọi người đều cúng dường thường được chư Phật gia hộ, thường làm bậc Đại sư của thế gian, nghĩ đến chúng sinh với tâm Từ Bi".

Không rơi vào bốn nơi hiểm nạn cùng với tà đạo, là Bồ-tát có năng lực thành tựu Thi-la như vậy, thì không rơi vào bốn hiểm nạn:

1. Không sinh vào nơi không có Phật.
2. không sinh vào nhà tà kiến.
3. Không sinh vào cõi trời Trường thọ.
4. Không rơi vào tất cả các đường dữ. Có được bốn pháp không mất:

1. Không mất tâm Bồ đề.
2. Không mất ý niệm về Phật.
3. Không mất tâm thường cầu đa văn.
4. Không mất ý niệm về sự việc của vô lượng đời kiếp. Không gặp phải bốn pháp hư hoại:

1. Không gặp pháp hư hoại.
2. Không gặp chiến tranh.
3. Không gặp điều ác độc.
4. Không gặp nạn đói kém.

Có được bốn pháp không lừa dối:

1. Không lừa dối chư Phật mười phương.
2. không lừa dối chư Thiên thiện thần.
3. Không lừa dối chúng sinh.
4. Không tự lừa dối mình.

Lại vượt qua mười điều sợ hãi, Bồ-tát trì giới thanh tịnh như vậy, có năng lực vượt qua mười điều sợ hãi như rơi vào địa ngục… Những gì là mười? Đó là:

1. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của địa ngục.
2. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của súc sinh.
3. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của ngạ quỷ.
4. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của sự nghèo khổ.
5. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hại của sự phỉ báng-chỉ trích và tiếng xấu.
6. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi bị các phiền não che phủ.

7. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi rơi vào phạm vi của Thanh văn và Bích-chi-Phật.

8. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của trời-người, rồng, thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già.

9. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi bị chiến tranh-chất độc-lụt lội-hỏa hoạn-sư tử-hổ lang-người khác làm hại.

10. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của tà kiến.

Bồ-tát trì giới thanh tịnh như vậy, thì có năng lực trú trong pháp của chư Phật, đó gọi là bốn mươi pháp bất cọng, có thể trở thành bậc pháp khí để duy trì Tam bảo.

Phẩm 34: CA NGỢI GIỚI

Bồ-tát trì Thi-la thanh tịnh như vậy, có năng lực thâu nhiếp mọi ích lợi của loại công đức, như Bồ-tát Vô Tận Ý trình bày. Vả lại, sơ lược ca ngợi một phần ít của Thi-la. Thi-la là niềm vui sướng bậc nhất của người xuất gia, như tuổi trẻ giàu sang đáng vui sướng. Có năng lực tăng trưởng thiện pháp, như mẹ hiền nuôi nấng con thơ. Có năng lực phòng hộ tai họa suy tổn, như người cha mẹ che chở cho con. Thi-la có năng lực thành tựu tất cả lợi ích to lớn cho những người xuất gia, như vậy hàng bạch y nhiều tiền của. Thi-la có năng lực cứu giúp tất cả khổ não, như công hạnh chính đáng thuận với đạo lý. Thi-la được người thiện kính trọng, như pháp báo ân. Thi-la được mọi người quý trọng, giống như thọ mạng. Thi-la được người trí coi trọng, như trí tuệ. Người cầu giải thoát khéo giữ gìn thi-la, như Đại thần giữ gìn sự việc bí mật của nhà vua. Người vui với lợi ích của đạo thì quý trọng Thi-la, như vui với Niết-bàn thì quý trọng Phật pháp. Người trí tuệ khéo giữ gìn Thi-la, như người tiếc mạng sống giữ gìn pháp an thân cứu thoát cái chết trong lúc cấp bách. Thi-la là cao nhất, như gặp phải hoạn nạn nguy cấp mà có được bậc thiện tri thức. Thi-la thanh tịnh trang nghiêm cho người đức hạnh, như con gái gia đình cao quý hổ thẹn không có gì sai sót. Thi-la chính là cửa đầu tiên của công đức, như không dua nịnh quanh co mở thông những lợi ích tốt lành. Thi-la là gốc bậc nhất của phạm hạnh, như tâm thẳng thắn là căn bản của chánh kiến. Các pháp của bậc Đại nhân lấy Thi-la làm căn bản, như cầu quả vị cao quý lấy tâm thẳng thắn làm căn bản.

Thi-la chính là kho báu của công đức, như không phóng túng, cũng như chánh niệm có năng lực phát sinh mọi lợi ích; cũng như bạn hiền thì

đầu-giữa-sau tốt lành. Người học theo chánh pháp không vượt quá được, như biển luôn luôn có giới hạn.

Thi-la chính là trú xứ của công đức, cũng như mặt đất là nơi nương tựa của vạn vật. Thi-la tưới thấm thêm cho các công đức thiện, cũng như trời mưa tưới thấm thêm cho hạt giống. Thi-la có năng lực thành tựu năm căn, như lửa làm chín muồi mọi vật. Thi-la có năng lực sinh ra những lợi ích, như gió thành tựu thân. Thi-la có năng lực tiếp nhận tất cả đạo quả, cũng như hư không dung nạp vạn vật, cũng như chiếc bình may mắn tùy theo nguyện ước đều đạt được, cũng như bữa cơm ngon có lợi ích cho các căn.

Thi-la có năng lực dễ dàng thông suốt các đạo lý, có năng lực làm cho các căn thanh tịnh vô ngại. Thọ mạng của trí tuệ lấy Thi-la làm căn bản, giống như mạng sống của thân lấy hơi thở làm căn bản. Thi-la chính là nơi nương tựa tối thượng, như dân chúng nương tựa nhà vua. Thi-la chính là chúa tể của mọi công đức, như đức tướng giữa ba quân. Thi-la được nhiều điều vui sướng như người vợ tùy ý luôn luôn xứng với tâm người chồng. Nếu cầu Niết-bàn và sinh lên cõi trời, thì Thi-la chính là vật dụng giúp đỡ cho người học đạo, như người đi xa nhất định phải mang theo áo quần lương thực. Thi-la dẫn đưa người khiến cho đến được nơi tốt lành, như đi qua con đường hiểm trở có được người dẫn đường khéo léo. Thi-la đưa người vượt qua từ sinh tử, giống như con tàu vững chắc có năng lực vượt qua biển rộng. Thi-la có năng lực diệt trừ tai họa của các phiền não, giống như vị thuốc tốt có năng lực tiêu trừ mọi căn bệnh. Thi-la là vũ khí có năng lực chế ngự giặc ma, như binh khí sắc bén có năng lực chống trả quân thù giữa trận chiến. Thi-la dẫn đưa người thoát khỏi những sự suy hoại khổ não và thuận theo che chở không rời, như che chở người thân yêu trải qua hoạn nạn không rời xa. Thi-la có năng lực soi sáng sự ngu si tối tăm của đời sau, như ngọn đèn lớn có năng lực trừ diệt u ám tối tăm. Thi-la đưa người ra khỏi những đường ác, như vượt qua sông sâu có được cây cầu tốt lành. Thi-la có năng lực trừ diệt phiền não nóng bức, như căn nhà mát lành có năng lực loại trừ nắng nóng hiểm ác. Thi-la có năng lực cứu người sắp rơi vào đường dữ, như dũng sĩ cầm gươm cứu giúp người đang sợ hãi.

Người phàm phu cần phải hết sức quý trọng Thi-la, như các Bồ-tát học theo thắng xứ của Đế. Người thực hành khéo léo hành trì Thi-la, như các Bồ-tát thực hành thắng xứ của xả. Người đạt được quả vị khéo

léo tu trì Thi-la, cũng như Bồ-tát tu trì thắng xứ của Diệt; hộ trì Thi-la khiến cho người đạt được quả vị, cũng như Bồ-tát tu tập thắng xứ của

Tuệ.

Người không phá hoại pháp có năng lực làm cho Thi-la thanh tịnh, như các Bồ-tát thanh tịnh vô cấu. Những hạng người ác rời bỏ Thi-la, như hạng dua nịnh quanh co rời bỏ tâm ngay thẳng. Người phóng túng không thực hành Thi-la, như người tham lam keo kiệt không thực hành Bố thí. Người phóng túng rời bỏ Thi-la, như người hý luận rời xa pháp vắng lặng. Người ngu si không có Thi-la, giống như người mù không trông thấy màu sắc rực rỡ. Người không có tư duy cách xa Thi-la, như rời bỏ tám Thánh đạo cách xa Niết-bàn. Người thiện yêu quý thân mình rất thích Thi-la, như A-la-hán hết sức yêu thích đối với pháp.

Thi-la có năng lực làm cho không còn phiền não, thiện pháp nối tiếp nhau không đoạn dứt, như Phật xuất thế thực hành mọi điều thiện không chấm dứt. Thi-la có năng lực làm cho các đạo quả tồn tại, như thần lực của Phật làm cho giáo pháp tồn tại lâu dài. Thi-la như Phật tự lợi mình và làm lợi ích cho người. Thi-la khéo léo giữ gìn mọi công đức thiện căn, như vị vua biết thời thế có năng lực bảo vệ được lãnh thổ quốc gia. Thi-la làm yên lòng người thực hành, như quả Tu-đà-hoàn, đúng lúc phát khởi việc làm về sau không có gì hối tiếc. Thi-la đến cuối cùng chắc chắn đạt được Niết-bàn, như Bồ-tát nguyện đến kết quả cuối cùng được thành Phật. Thi-la cũng như thửa ruộng tốt-ao đầm thuận lợi, tìm đến để gieo trồng thì hạt giống nhanh chóng được tăng trưởng. Thi-la là nhân của các hạnh, như biết thời cơ-phương pháp… là nhân tố thành tựu mọi việc, như người đoan nghiêm có phước đức trí tuệ được mọi người tôn quý. Thi-la như vậy thì mình và người đều tôn kính, như lúc phước đức thành thục thì tâm được yên ổn.

Thi-la có năng lực làm cho tâm được yên ổn tiếp nhận những quả báo lợi ích. Thi-la có năng lực làm cho người thực hành hoan hỷ, giống như con cái tốt lành làm cho tâm cha mẹ vui sướng. Thi-la là pháp vô úy không có gì sai lầm, như người không có lỗi lầm thì tâm không có gì sợ hãi. Thi la làm cho người ở này hay đời sau không còn có sợ hãi, không có những tội ác. Cúng dường ca ngợi người trì Thi-la thì người khác cũng vui theo, tự biết mình có phần. Thi-la thân ái với chúng sinh, như tu định Từ. Thi-la diệt trừ đau khổ, như tu định Bi. Thi-la mang lại niềm vui, như tu định Hỷ. Thi-la không yêu không ghét, như tu xả. Thi-la được người tin tưởng như bốn cách nói thân thiện có năng lực làm cho người ta tin tưởng. Thi-la vui với thực hành, như tâm luôn luôn hoan hỷ

trong pháp thế gian. Thi-la là nhân tương ưng của lời nói và việc làm

như nghe nhiều là nhân của lạc thuyết biện tài. Thi-la là nhân của vô úy, như biện tài không sợ hãi gì. Thi-la là nhân của danh tiếng, như thông suốt các kinh luận thì có danh xưng tốt đẹp. Thi-la là pháp có năng lực cứu giúp, như người dễ dàng các kinh luận thì có danh xưng tốt đẹp. Thi-la là pháp có năng lực cứu giúp, như người dễ dàng trò chuyện với nhau được người cứu giúp. Thi-la có năng lực thực hành thành tựu pháp giải thoát rõ ràng, như thực hành theo pháp giảng dạy. Thi-la là tướng của chư Phật, như đạo của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thi-la là pháp hỗ trợ tu đạo, như Định hỗ trợ cho Tuệ. Thi-la khiến cho người gặp nạn không còn sợ hãi gì, như ý chí và lòng can đảm to lớn không có gì sợ hãi. Thi-la là nơi tích tụ các công đức, giống như vật báu trong núi Tuyết, tích tụ công đức của Tín-Niệm…, nơi có thể nương tựa của những sự việc hy hữu. Thi-la giống như biển rộng có nhiều điều kỳ lạ vô cùng, cũng như quả ngọt nhờ vào cây tốt. Thi-la mang đến cho người những kết quả tùy theo sự ưa thích, như tùy theo người có trí tuệ đúng đắn thực hành sẽ đạt được. Thi-la gọi là không có nước mà trong sạch. Thi-la là mùi hương tuyệt diệu vô cùng, không sinh ra từ trong gốc thân cành lá hoa quả. Thi-la trang nghiêm vượt quá các loại châu báu trang sức, thường ở trên thân mình nhưng không có thể cướp được. Thi-la là niềm vui to lớn không phát sinh từ năm dục đời sau cũng có những quả báo vui sướng tuyệt vời. Thi-la là sự ca ngợi của tất cả trời-người-Ma-Phạm, Sa-môn, bà-la-môn ở thế gian. Thi-la là niềm vui sướng tự tại ở trong thân chứ không có được từ người khác. Thi-la là phương tiện tốt lành để sinh lên cõi trời và đến cảnh giới Niết-bàn. Thi-la là dòng sông của niềm tin thực sự có ích, không có bùn lầy-gạch đá-gai góc, tùy ý có thể bước vào và dễ dàng vượt qua không ngăn ngại gì. Thi-la là tiền của châu báu không có những sự suy tổn khổ sở. Thi-la là con đường sạch sẽ không ai năng lực phá hoại, giống như con đường bằng phẳng mọi người qua lại không có gì khó khăn. Thi-la là thửa ruộng tốt không gieo hạt-không gặt hái mà tự nhiên có được kết quả. Thi-la là quả ngọt cam lộ, không sinh ra từ cây cỏ nhưng có mùi hương và vị ngọt không gì sánh được. Thi-la là đóa hoa đẹp không sinh ra từ nước hay đất, nhưng luôn luôn tươi thắm chứ không kéo tàn hư hoại. Thi-la diệt trừ sự nóng bức của phiền não, như tắm gội giữa làn nước mát lạnh. Thi-la giữ gìn tốt đẹp hẳn các loại vũ khí sắc bén. Người thực hành Thi-la không làm cho người ta sợ hãi mà được cung kính. Thi-la là chốn tự tại không có sự tranh chấp đua. Thi-la là vật báu tốt đẹp không sinh ra từ núi cao, không sinh ra từ biển rộng, mà giá trị của vật báu này là vô lượng. Thi-la có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi không sống được-sợ hãi vào giữa mọi người-sợ hãi tra khảo đáng đập-sợ hãi rơi vào ác

đạo. Thi-la thường đi theo con người, đời này đến đời sau như bóng đi theo hình.

Phẩm 35: QUẢ BÁO CỦA GIỚI

Bồ-tát thuộc về địa Ly cấu,
Đã nói đầy đủ về thanh tịnh,
Bồ-tát an trú trong địa này,
Thường làm bậc Chuyển luân Thánh vương.

Địa thứ hai ở trong mười địa có tên gọi là Ly Cấu, bởi vì mười điều ác căn bản như tham lam keo kiệt… vĩnh viễn không còn, cho nên gọi là Ly cấu.

Bồ-tát ở trong địa này thực hành sâu vào Thi-la Ba-la-mật, Bồ-tát này nếu chưa lìa dục, nhưng vốn có nhân duyên quả báo của địa này, thì làm bậc Chuyển luân Thánh vương cai quản Tứ thiên hạ, được trang nghiêm bằng vành xe vàng ngàn tia và các loại châu báu. Vành bánh xe ấy dùng chân lưu ly làm ổ cốt xe, vòng tròn xung quanh rộng mười lăm dặm, được trăm loại thần Dạ-xoa cùng nhau bảo vệ, có năng lực bay đi giữa hư không, dẫn dắt bốn loại binh lính, nhẹ nhàng nhanh chóng như chim chúa cánh vàng, như gió thoảng-như ý nghĩ, nơi nào đi đến thì diệt mọi sự hoạn nạn suy tổn, làm cho giặc thù phải hàng phục, tất cả các Tiểu vương đều đến quy thuận phục tùng, thân tộc và nhân dân thảy đều kính mến, tài năng soi sáng khắp nơi. Dòng họ Thánh vương có các loại hoa đẹp và chuỗi ngọc trang hoàng xen lẫn với nhau, có năm loại kỹ nhạc luôn luôn đi theo, dùng tàn lọng quý báu kỳ diệu che phủ phía trên. Lúc đi có các loại hoa hương-bột hương-bột chiên đàn thường rải xuống cúng dường, đốt các loại hương Chân hắc trầm thủy-Ngưu đầu-Chiên đàn-Hoàng chiên đàn để xông ướp trên thân. Hai bên vành xe có Thiên nữ cầm phất trần trắng đứng hầu, các loại châu báu dùng làm tàn che. Vành bánh xe ấy có các loại sự việc hy hữu dùng để trang nghiêm. Đó gọi là Kim luân bảo cụ túc.

Tướng của tất cả các voi, thân lớn mà trắng như núi bạc ròng sản sinh ra từ đỉnh núi thần. Trong những voi lớn có năng lực bay đi giữa hư không, thì những voi chúa to lớn như Y-la-bà-na, An-xà-na, Vương-ma-na… đều có năng lực quật ngã mọi thứ. Đó gọi là Bạch tượng bảo cụ túc.

Tướng của ngựa có màu sắc như cổ chim khổng tước, thân thể nhẹ nhàng nhanh chóng như chim chúa cánh vàng bay đi không có gì ngăn ngại. Đó gọi là Mã bảo.

Sinh ra trong gia đình cao quý, thân không có bệnh tật gì, có thế lực to lớn, hình hài thân thể sáng suốt sạch sẽ, nhớ nghĩ sâu xa, tâm ngay thẳng dịu dàng, trì giới kiên cố, rất kính mến nhà vua, có năng lực thông hiểu các loại kinh sách-kỹ thuật. Đó gọi là Chủ binh thần bảo.

Như Thiên Vương làm chủ tài sản, tướng giàu có đầy đủ, ngàn vạn ức loại vật báu ẩn giấu kín đáo thường đi theo bên cạnh, ngàn vạn ức loại quyến thuộc của các thần Dạ-xoa cùng đi theo, đều là quả báo của hành nghiệp đời trước, khéo biết phân biệt các loại vật báu như vàng, bạc, đế thanh, đại thanh, kim cang, ma-la-kiệt, xa cừ mã não, san hô, pha lê, ma ni, trân châu, lưu ly… tất cả mọi vật báu ấy đều có năng lực khéo biết rõ đưa ra-thu vào nhiều ít, tùy sự thích hợp có thể sử dụng luôn luôn thỏa mãn ý nguyện của nhà vua. Đó gọi là Cư sĩ bảo.

Ánh sáng như mặt trời-mặt trăng soi chiếu mười sáu do-tuần, thân hình như trống lớn, có năng lực diệt trừ các loại trùng độc-khí độc-bệnh tật khổ đau, trời và người nhìn thấy không có ai không quý mến. Hoa đẹp và chuỗi ngọc dùng để trang nghiêm, ở tại đài cao tỏa ánh sáng uy nghiêm kỳ lạ, có năng lực làm cho chúng sinh phát tâm hy hữu, nảy sinh niềm hoan hỷ vô cùng. Đó gọi là Châu bảo.

Móng tay móng chân đỏ hồng mà mỏng, hình dáng thẳng thắn cao lớn, mịn màng trơn láng chứ không mập không ốm, thịt trên thân sắp xếp theo thứ tự dày dặn và chặt chẽ, da mỏng không chịu được những điều vất vả, thân yên ổn vững chãi như cây Đa-la. Khắp nơi trên thân đều có chữ cát rõ ràng, đường nét chữ Cát nổi lên trang nghiêm cho thân. Những nét vẽ như voi chúa-trâu chúa-ngựa chúa, nét vẽ phan cái-nét vẽ cá rùa-nét vẽ vườn rừng… hiện rõ trên thân nhà vua. Mắt cá chân bằng phẳng không hiện ra, mu bàn chân như lưng rùa, hai bên bàn chân đều đỏ, gót chân tròn và rộng, bắp chân mềm mại, đầu gối tròn không hiện ra, bắp vế như cột vàng-như cây chuối, như vòi voi chúa mềm mại sáng bóng. Bụng tròn mà thẳng, có ba đường ngang vùng bụng nhưng không hiện rõ. Bốn tròn mà sâu, xương sống bằng và thẳng. Vú như trái tần-bà, như đôi chim uyên ương tròn đầy nhô lên, không thòng xuống mà lại mềm mại tươi sáng. Còn cánh tay thon nhỏ, tròn mà lại dài, các lóng ngón tay không hiện rõ. Mũi thẳng thắn không nghiêng, hiện rõ ra không to không nhỏ, lỗ mũi che kín không lộ ra. Hai gò má không lõm sâu,

bằng phẳng không gồ cao, hai bên đều đầy đặn. Trán bằng phẳng mà dài, có đường nét của chữ Cát, tai mềm mà buông xuống , đeo vòng báu vô giá. Răng như chuỗi trân châu, như vầng trăng mới mọc, trắng như tuyết-

sáng như ngọc. Môi như ráng chiều đỏ ửng, như trái tần-bà, trên dưới tương xứng không dày không mỏng, như chuỗi trân châu đỏ tươi. Hai tròng mắt đen trắng rõ ràng, dài rộng trang nghiêm có ánh sáng vô cùng thanh tịnh. Lông mi đen tuyền, dày và dài nhưng không rối. Lông mày không dày-không mỏng-không cao-không thấp, như vầng trăng mới mọc, cao-cong mà dài, hai bên giống nhau. Tóc mềm mà mịn, sáng bóng không rối. Thân thể nhà vua thơm ngát thường tỏa ra mùi hương, như mở các loại hộp chúa hương thơm vi diệu bậc nhất. Những lỗ chân lông trên thân thường tỏa ra mùi chiên đàn vô cùng tuyệt diệu, có thể làm vui lòng người. Trong miệng thường có mùi hương của hoa sen xanh. Thân thể mềm mại như Già-lăng-già. Y phục trời mềm mại trơn láng, tất cả đều cung cấp đầy đủ.

Tâm không dua nịnh quanh co, luôn luôn tin tưởng và có lòng hổ thẹn, rất kính mến nhà vua, biết thời cơ-biết nơi chốn, có phương tiện khéo léo thâu nhiếp được tâm nhà vua, đứng-ngồi-nói chuyện có thể cảm được ý nhà vua, thuận theo ý nhà vua để thực hành, thường phát ra lời nói yêu mến, như con gái đức hạnh giữa chốn nhân gian đầy đủ mọi vẻ đẹp, sắc diện giống như con gái cõi trời Đề-lô-đa-ma, thanh tịnh rõ ràng. Xinh đẹp như đường nét vầng trăng đêm rằm hiện ra sáng rực, diễm lệ như phu nhân Xá-chỉ của Đế thích, mặc có cõi trời-đeo tràng hoa cõi trời-xoa ướp hương thơm cõi trời, dùng nhiều ánh sáng cõi trời và vàng-ngọc ma ni để trang điểm thân mình. Khéo léo biết mọi điều về ca múa-đánh đàn-vui đùa cười nói. Có phương tiện khéo léo tùy ý có thể làm cho nhà vua sinh niềm hoan hỷ. Trong tất cả những cô con gái thì cô gái này là bậc nhất. Đó gọi là Ngọc nữ bảo.

Vả lại, Chuyển luân Thánh vương có bốn đức như ý:

1. Sắc diện tướng mạo đoan nghiêm, bậc nhất trong Tứ thiên hạ không có ai sánh bằng.
2. Không có bệnh tật khổ sở.
3. Nhân dân hết sức yêu quý.
4. Thọ mạng lâu dài.

Giáo hóa dạy dỗ chúng sinh bằng mười thiện nghiệp, có năng lực làm cho cung điện của chư Thiên đầy đủ, có năng lực giảm bớt dân chúng của A-tu-la, có năng lực trừ bớt những đường ác-tăng thêm nẻo thiện, có năng lực vì chúng sinh cầu nhiều điều lợi ích mà phát sinh

những việc làm tốt đẹp, không sử dụng vũ khí-quân binh mà dùng pháp đối trị để cảm hóa làm cho chư Thiên được an lạc, bên ngoài không có nỗi sợ hãi vì các nước thù địch-bên trong không có nỗi lo sợ vì những

âm mưu đen tối. Vả lại, trong đất nước ấy không có xảy ra dịch bệnh và các tai họa suy tổn khổ não ngang trái. Tất cả các vua lân cận đều thuận lòng quy phục, có nhiều quyến thuộc

Có năng lực nhanh chóng thâu nhiếp mọi người, lại không có ai có năng lực xâm hại lãnh thổ của quốc gia. Bốn loại binh lính của nhà vua có đầy đủ thế lực, các bà-la-môn, cư sĩ và dân chúng đều cùng nhau kính mến, đồ ăn thức uống thơm ngon tốt lành tự nhiên mà có. Lãnh thổ của quốc gia ngày càng tăng thêm chứ không có gì giảm bớt, nhà vua có năng lực khéo léo thông hiểu kinh sách-kỹ nghệ-toán số-chú thuật, tất cả đều thọ trì thành tựu. Nhà vua có thể khéo léo bàn luận, phân biệt rõ ràng nghĩa lý, quần thần đều có đầy đủ uy đức, thường thực hành Bố thí không ai có thể sánh kịp. Ngàn người con đoan nghiêm như các Thiên tử, uy đức dũng mãnh có năng lực phá tan quân địch hùng mạnh, nơi ở của họ là những cung điện lầu đài tráng lệ như cung điện tuyệt diệu của Thiên Vương-Đế Thích. Nhà vua dạy dỗ họ thì không có ai có thể hư hỏng. Ở trong Tứ thiên hạ, chỉ có vị vua này đầy đủ uy đức tướng tốt, cho nên không có ai có thể sánh bằng. Âm thanh của nhà vua sâu xa, dễ hiểu, không phân tán cũng không rối loạn, như tiếng chim Ca-lăng-tần-già thánh thót hòa nhã khiến cho người nghe êm tai. Quyến thuộc của nhà vua đồng tâm không ai có thể làm cho ngăn ngại, nơi ở của họ dù trên mặt đất, dưới nước hay giữa hư không cũng chẳng có gì chướng ngại, họ có uy lực mạnh mẽ có thể đảm nhận việc lớn. Nghĩ và hỏi han những người già cả, không hề lừa dối người khác. Tâm họ không có gì ganh tỵ, không chấp nhận điều gì sai trái, không có gì sân hận, oai nghi khoan thai chứ không tùy tiện nóng nảy. Họ nói lời thành thật chứ không hề nói hai lời, thực Bố thí trì giới, thường tu dưỡng tâm thiện, đi đứng biết rõ thời gian không làm mất phương tiện. Thần sắc hai hòa vui vẻ, nói chuyện luôn luôn mỉm cười, không hề chau mày nhìn người khác với ánh mắt dữ dằn. Người giảm mất lợi ích cho họ, người đã có lợi ích thì làm cho họ biết sâu sắc để đền đáp. Tâm luôn hổ thẹn, có nhiều trí tuệ, uy đức tôn nghiêm mà luôn luôn nhẫn nhục. Tướng Đại trượng phu thì tánh họ rất nghiêm khắc, những việc họ làm có thể nhanh chóng được thành tựu, trước phải suy nghĩ đúng đắn rồi sau đó mới thực hiện. Nhà vua có pháp nhãn để làm những việc thù thắng, người khéo suy nghĩ mới làm việc cùng với nhà vua. Nếu điều gì không đảm đương nổi thì tiếp tục cầu người có tài đức và sáng suốt, có gắng tích góp phước đức và tài vật, có năng lực tự mình giữ gìn thanh tịnh chứ không phá hủy giới cấm.

Nhà vua có nhiều tiền bạc châu báu như Tỳ-Sa-môn thiên vương, có thế lực to lớn như Thiên Đế Thích, đoan nghiêm đáng yêu giống như trăng

tròn, có năng lực nhẫn nhục như mặt đất, tâm sâu thẳm như biển rộng, không bị khổ vui làm cho dao động, như núi chúa Tu-di không thể nào lay chuyển vì sóng gió, trú xứ của những điều kỳ diệu quý báu, nơi nương tựa của mọi phước đức thiện căn, là thân tộc đối với tất cả thế gian, là nơi quay về của những người còn khổ não. Ai không có nơi quay về thì làm nơi quay về cho họ, ai không có nhà cửa thì làm nhà cửa cho họ, ai có nỗi sợ hãi thì luôn luôn trừ diệt sợ hãi giúp họ. Chuyển luân Thánh vương có những tướng như vậy, đều nhờ vào nhân duyên quả báo của địa thứ hai.

Có thể chuyển hóa hạng phá giới,
Khiến cho họ trú vào thiện pháp,
Còn lại những sự việc đã làm,
Như trong địa thứ nhất giải thích.

Chuyển hóa hạng phá giới, là có năng lực làm cho chúng sinh bỏ điều ác-làm điều thiện có được niềm an lạc. Khiến cho họ trú vào thiện pháp, là có năng lực chuyển hóa nghiệp thân-miệng-ý bất thiện của chúng sinh, khiến cho họ thực hành nghiệp thiện của thân-miệng-ý. Điều này như giải thích trong địa thứ nhất, đó gọi là thấy chư Phật và đạt được những tam-muội, nhưng địa kia thấy số trăm-địa này thấy số ngàn, lấy đó làm sai biệt vậy.

**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 87

LUẬN THẬP ĐỊA KINH

SỐ 1522

(QUYỂN 1 → 12)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1522

LUẬN THẬP ĐỊA KINH

Tác giả: Bồ-tát Thiên Thân.
Hán dịch: Đời Hậu Ngụy, Tam Tạng
Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi

QUYỂN 1

Địa 1: ĐỊA HOAN HỶ, Phần 1

Người nói pháp môn này,
Và các pháp khuyến thỉnh,
Người phân biệt nghĩa tạng,
Vâng giữ truyền bá ra.
Các pháp môn tối thắng,
Đảnh lễ giải diệu nghĩa,
Khiến pháp tồn tại lâu
Lợi mình và lợi người.

Pháp môn của mười địa, sơ địa (Địa thứ nhất) gồm tám phần:

1. Phần Tự (Mở đầu).
2. Phần Tam-muội.
3. Phần Gia hộ.
4. Phần Phát khởi.
5. Phần Căn bản.
6. Phần Thỉnh cầu.
7. Phần Thuyết giảng.
8. Phần Đối chiếu chỗ thù thắng.

Kinh: "Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Bà-già-bà thành đạo chưa lâu, đến ngày thứ mười bốn, tại điện Ma Ni Bảo Tạng, ở vương cung Tự Tại thiên, thuộc cõi trời Tha-hóa-tự-tại, cùng với chúng Đại Bồ-tát hiện diện đông đủ, hết thảy đều là bậc không còn thối chuyển, còn một đời nữa sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đều từ thế giới của các vị Phật khác vân tập đến pháp hội này. Các vị Bồ-tát ấy đều được tự tại trong cảnh giới trí tuệ của tất cả Bồ-tát, đều có thể bước vào cảnh giới trí tuệ

của hết thảy Như lai, đều siêng năng tu tập không dừng nghỉ, khéo có thể giáo hóa mọi thế gian, tùy lúc hiện bày hết thảy các sự việc về thần thông, trong một sát na đều làm xong mọi chuyện, không bỏ sót một đại nguyện nào của hàng Bồ-tát đã phát khởi, luôn tu tập mọi hạnh của các bậc Bồ-tát ở bất cứ đời nào, kiếp nào, cõi nước nào, đầy đủ phước đức trí tuệ của hàng Bồ-tát, được thần túc như ý không bao giờ cùng tận, có khả năng đem ích lợi cho tất cả chúng sinh, sử dụng được phương tiện trí tuệ của hết thảy Bồ-tát để đạt tới bờ kia, có thể khiến cho chúng sinh quay lưng với nẻo thế gian mà hướng đến cửa Niết-bàn, không làm đứt mất mọi việc Bồ-tát đã hành trì, giỏi đi vào cảnh giới thiền định, Tam-muội giải thoát, thần thông, minh tuệ của tất cả Bồ-tát, đối với mọi việc cần làm đều khéo có thể thị hiện, đạt tự tại vô tác của bậc Bồ-tát, thảy đều chứng đắc mọi như ý thần túc, trong khoảnh khắc một niệm, có thể đi tới dự đại hội của chư Phật trong mười phương để khuyến phát, thưa thỉnh cách thọ trì pháp luân của hết thảy chư Phật, thường đem tâm rộng lớn cúng dường chư Phật, luôn tu tập theo sự nghiệp hành hóa của hàng Đại Bồ-tát, có thể hiện thân ở, vô lượng thế giới, tiếng nói vang xa, không đâu là không nghe thấy, tâm ý thông suốt, thấy rõ ba đời, tu tập đầy đủ mọi công đức hiện có của hết thảy Bồ-tát. Công đức của Bồ-tát Ma-ha-tát vô lượng vô biên như vậy, trong vô số kiếp nêu bày không bao giờ hết. Danh hiệu của chư vị là:

Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Thắng Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Thắng Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng,Bồ-tát Nguyệt Tạng, Bồ-tát Tịnh Nguyệt Tạng, Bồ-tát Chiếu NhấtThiết Thế Gian Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Trí Tuệ Phổ Chiếu MinhTạng, Bồ-tát Diệu Thắng Tạng, Bồ-tát Chiên Đàn Thắng Tạng, Bồ-tát Hoa Thắng Tạng, Bồ-tát Câu Tố Ma Thắng Tạng, Bồ-tát Ưu BátLa Hoa Thắng Tạng, Bồ-tát Thiên Thắng Tạng, Bồ-tát Phước ĐứcThắng Tạng, Bồ-tát Vô Ngại Thanh Tịnh Trí Tạng, Bồ-tát Công ĐứcTạng, Bồ-tát Na La Diên Đức Tạng, Bồ-tát Vô Cấu Tạng, Bồ-tát Ly Cấu Tạng, Bồ-tát Chủng Chủng Lạc Thuyết Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Đại Quang Minh Võng Chiếu Tạng, Bồ-tát Tịnh Minh Thắng Chiếu Uy Đức Vương Tạng, Bồ-tát Đại Kim Sơn Tịnh Quang Minh Uy Đức Vương Tạng, Bồ-tát Nhất Thiết Tướng Trang Nghiêm Tịnh Thắng Tạng, Bồ-tát Kim Cang Diệm Thắng Hung Tướng Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Diệm Xí Tạng, Bồ-tát Túc Vương Quang Chiếu Tạng, Bồ-tát Hư Không Khố Vô Ngại Trí Tạng, Bồ-tát Vô Ngại Diệu Âm Viễn Tạng, Bồ-tát Đà La Ni Công Đức Trì Nhất Thiết Thế Gian Nguyện Tạng, Bồ-tát Hải Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Tu Di Thắng Tạng, Bồ-tát Tịnh Nhất Thiết Công Đức Tạng, Bồ-tát Như Lai Tạng, Bồ-tát Phật Thắng

Tạng, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt.

Những Bồ-tát Ma-ha-tát như vậy vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, không thể nghĩ bàn, không thể nêu xưng, không thể lường tính, không có hạn lượng, từ vô số cõi nước của chư Phật vân tập tới đây, số lượng không thể nêu bày, không thể nói hết, Bồ-tát Kim Cang Tạng là bậc thượng thủ".

Luận: So sánh về thời (thời gian) xứ (nơi chốn) để làm sáng tỏ sự vượt hơn. Pháp này là thù thắng cho nên được giảng nói vào lúc đầu, tại nơi chốn thù thắng. Cung điện của nơi ấy là hơn hết. Đó là nơi chốn thù thắng. Tại sao Phật không giảng nói pháp ở cõi Sắc? Ấy là quả được cảm ứng ở nơi chốn đó.

Vì sao Phật không giảng nói pháp vào bảy ngày đầu? Do Phật đang còn tư duy về việc làm, tư duy về nhân duyên của việc làm, vì căn bản của sự thành đạo là lợi tha.

Vì sao trong bảy ngày đầu, Phật chỉ tư duy mà không nói pháp? Vì Ngài nhằm chỉ rõ là mình đang hưởng nguồn vui của pháp lớn lao.

Tại sao chỉ rõ nguồn vui pháp nơi chính mình? Vì muốn khiến cho chúng sinh ở chỗ của Như Lai, tâm cung kính của họ được tăng lên.

Lại nữa, ra khỏi pháp lạc vi diệu như vậy để giảng nói pháp cho chúng sinh vì Ngài có lòng thương xót họ.

Do đâu Ngài chỉ nghĩ về việc làm nhân duyên hành hóa? Vì nhân duyên hành hóa ấy là sự hiển bày pháp Bất cộng.

Tại sao Bồ-tát nói pháp môn này? Vì muốn khiến diệu lực của các Bồ-tát được tăng trưởng.

Do đâu chỉ nói Kim Cang Tạng? Do tất cả phiền não là khó hủy hoại. Pháp môn này có khả năng phá trừ phiền não, vì căn thiện cứng chắc như kim cang, cho nên không nói tên khác.

Vì sao gọi là Kim Cang Tạng? Tạng có nghĩa là cứng chắc, như

cây bám rễ sâu trong lòng đất, như mầm nụ tàng ẩn bên trong. Do vậy, gọi là cứng như Kim Cang, như Kim Cang Tạng. Những căn thiện này, đối với hết thảy các căn thiện khác, chúng có sức mạnh tối thượng như kim cang, cũng có khả năng phát sinh và thành tựu đạo hạnh của hàng trời, người. Mọi căn thiện khác không thể phá hoại, cho nên gọi là Kim Cang Tạng.

Đã nói xong phần Tự. Tiếp theo là phần Tam-muội.

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Kim Cang Tạng vâng theo oai thần

của Phật, nhập vào Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát".

Luận: Nhập vào Tam-muội tức là chỉ rõ pháp này không phải là cảnh giới suy lường.

Nói xong phần Tam-muội. Kế tiếp là nói phần Gia hộ.

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nhập vào Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát này, tức thì ông đã vượt qua các thế giới của chư Phật nhiều như số vi trần trong mười ức cõi Phật nơi mười phương, rồi trước số lượng chư Phật nhiều như số vi trần trong mười ức cõi Phật, ông đều hiện thân, đều gọi là Kim Cang Tạng, được chư Phật ấy khen ngợi: Hay lắm! Hay lắm! Chỉ có Kim Cang Tạng mới có thể nhập vào Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Chư Phật nhiều như số vi trần nơi mười ức cõi Phật trong mười phương như vậy đều cùng một hiệu, tăng thêm oai thần cho ông. Đó là diệu lực từ bản nguyện của Phật Lô-xá na gia hộ".

Luận: Tại sao có nhiều Phật gia hộ như vậy? Đó là chỉ rõ sự tăng trưởng tâm cung kính đối với pháp và Pháp sư.

Do đâu cùng một tên là Kim Cang Tạng? Do diệu lực của bản nguyện gia hộ.

Vì sao Như lai phát nguyện như vậy? Là nhằm chỉ rõ nhiều Phật. Tam-muội này là Thể của pháp. Bản hạnh khi làm Bồ-tát đều tên là Kim Cang Tạng, cùng nói pháp này, nay thành Chánh giác, cũng gọi là Kim Cang Tạng cho nên không gia hộ tên gì khác.

Lại nữa, do nghe các Đức Như Lai cùng tên với mình, cho nên Bồ-tát này càng thêm vui thích phấn khích.

Tại sao không nói vượt qua vô lượng thế giới? Là dùng phương tiện để hiển bày về nhiều Phật.

Vì sao nói cố định là mười ức cõi Phật? Là vì giảng nói về mười địa. Kinh này phần nhiều nói về số mười như vậy. Đức Phật kia từ trước đã phát nguyện này, nay lại tự gia hộ. Sau có Phật khác gia hộ mà nói

là diệu lực từ bản nguyện của Phật Lô-xá-na, cho nên gia hộ. Vì sao gia hộ? Vì giảng nói pháp này cho nên mới gia hộ. Lại nữa, gia hộ như vậy nào?

Kinh: "Lại nữa, hết thảy Bồ-tát là không thể nghĩ bàn. Pháp của chư Phật được nêu bày rõ, khiến họ bước vào Địa trí tuệ, nhằm thâu nhiếp mọi căn thiện, để khéo phân biệt lựa chọn hết thảy pháp của Phật, để hiểu rộng các pháp, để khéo quyết định giảng nói các pháp, để trí không

phân biệt được thanh tịnh, không xen tạp, để không bị nhiễm nơi pháp của các thứ ma, để cho căn thiện của pháp xuất thế gian được trong sạch, để đạt được cảnh giới của trí không thể nghĩ bàn, cho đến đạt được cảnh giới của trí nơi bậc Nhất thiết trí. Lại nữa, để được đầu cuối nơi mười địa của Bồ-tát, để giảng nói đúng như thật về phương tiện khác nhau nơi mười địa của Bồ-tát, để nhớ nghĩ tùy thuận nơi hết thảy pháp Phật, để quán xét phân biệt thấu đạt pháp vô lậu, để giỏi lựa chọn phương tiện của đại trí tuệ quang minh, để khiến bước vào cửa trí tuệ đầy đủ, để giúp tùy theo chỗ an trú chính thức giảng nói, làm rõ về biện tài, không sợ hãi, để được bậc trí vô ngại lớn lao, để luôn nhớ nghĩ không quên mất tâm Bồ-đề, nhằm giáo hóa, thành tựu hết thảy cảnh giới của chúng sinh, để thông suốt, phân biệt hết thảy lĩnh vực của pháp".

Luận: Hai mươi câu trên đây là dựa vào hạnh lợi mình, lợi người của Bồ-tát mà gia hộ. Như vậy, mười câu đầu là dựa vào hạnh lợi mình, mười câu sau là dựa vào hạnh lợi người.

Hết thảy Bồ-tát trong này là trú ở bậc Tín hạnh.Pháp của chư Phật không thể nghĩ bàn vì nó là đạo phẩm xuất thế gian.Minh (rõ) là thấy trí được chứng đắc. Nêu bày (thuyết) là biết phân biệt ở trong đó. Nhập là tin ưa chỗ được chứng đắc. Trí tuệ địa là trí của mười địa.

Như trong phần căn bản nói, đây là sự hội nhập căn bản, như kinh đã nói: "Lại nữa, hết thảy Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, pháp của chư Phật nêu bày rõ khiến hội nhập vào Trí tuệ địa".

Trong Tu-đa-la này nói: Nương vào chỗ căn bản để hội nhập, có chín loại nhập:

1. Nhiếp nhập (Hội nhập thâu nhiếp): Mọi căn thiện thâu nhiếp vào Văn tuệ, như Kinh: Thâu nhiếp tất cả căn thiện.

2. Tư nghị nhập (Hội nhập nghĩ bàn): Tư tuệ là trí phương tiện ở trong hết thảy các đạo phẩm, như Kinh: Khéo phân biệt, lựa chọn hết thảy pháp Phật.

3. Pháp tướng nhập (Hội nhập pháp tướng): Là vô lượng các loại

nhận biết trong ý nghĩa của hai loại nhập trên, như Kinh: Biết rộng các pháp.

4. Giáo hóa nhập (Hội nhập giáo hóa): Là theo sự nghĩ bàn về danh tự đầy đủ mà khéo giảng nói pháp, như Kinh: Khéo quyết định giảng nói các pháp.

5. Chứng nhập (Hội nhập chứng đắc): Là ở trong tất cả pháp bình đẳng, lúc trí đạt Kiến đạo khéo làm thanh tịnh, như Kinh: Trí không

phân biệt được thanh tịnh không xen tạp. Bồ-tát giáo hóa chúng sinh tức là tự thành tựu pháp Phật, cho nên lợi tha cũng gọi là tự lợi.

6. Bất phóng dật nhập (Hội nhập không buông lung): Là ở trong khi đạt Tu đạo, xa lìa tất cả phiền não chướng, như Kinh: Hết thảy pháp của ma không hề bị cấu nhiễm.

7. Địa địa chuyển nhập (hội nhập chuyển theo từng địa): Là trong đạo phẩm xuất thế gian, các căn thiện như không tham ... đều thanh tịnh, như Kinh: Căn thiện của pháp xuất thế gian đều thanh tịnh. Lại có căn thiện có thể làm nhân cho đạo phẩm xuất thế gian.

8. Bồ-tát tận nhập (Hội nhập tận cùng của Bồ-tát): Là ở trong Địa thứ mười, hội nhập nơi trí bí mật của tất cả Như Lai, như Kinh: Đạt được cảnh giới của trí không thể nghĩ bàn.

9. Phật tận nhập (Hội nhập tận cùng của Phật): Là trí hội nhập nơi Nhất thiết trí, như Kinh: Cho đến đạt được cảnh giới của trí nơi bậc Nhất thiết trí.

Những nhập nêu trên đây là sự đối chiếu về nghĩa sai biệt nơi trí, lần lượt chuyển lên tốt hơn, chứ không phải là nhập căn bản. Hết thảy chỗ nêu trong mười câu trên, đều có sáu loại tướng môn sai biệt. Đây gọi là giải thích, nên biết là nhằm dứt trừ sự việc.

Việc đó là ấm, giới, nhập. Sáu loại tướng là: Tổng tướng, Biệt tướng, Đồng tướng, Dị tướng, Thành tướng, Hoại tướng.

Tổng tướng là nhập căn bản. Biệt tướng là chín loại nhập kia. Biệt tướng nương dựa vào căn bản (nhập căn bản) làm viên mãn phần căn bản kia (thành tướng).

Tướng đồng (đồng tướng) là nhập. Tướng khác (dị tướng) là tướng thêm lên.

Tướng thành (thành tướng) là nói tóm lược. Tướng hoại diệt (hoại tướng) là nói rộng. Như chuyện thành hoại trong thế giới phần, còn lại trong tất cả mười câu thì theo nghĩa, loại mà hiểu.

Câu thứ hai mươi gọi là đạt được trọn vẹn nơi mười địa của Bồ-tát. Đầu-cuối căn bản này, trong đó đầu là tin tưởng muốn gần gũi. Cuối

có nghĩa là nhớ nghĩ giữ lấy các địa. Lại có A-hàm và chứng đắc. Như vậy, theo thứ tự nương vào tướng ban đầu, cho nên biết đó là nương vào đầu-cuối căn bản. Có mười loại đầu-cuối (thủy chung):

1. Thủy chung thâu nhiếp: Là trí của Tư tuệ theo nghĩa đã nghe mà thọ trì, giảng nói. Như Kinh: Như thật giảng nói về phương tiện khác nhau nơi mười địa của Bồ-tát.

2. Thủy chung về dục (mong muốn): Là khiến chứng đắc hết thảy pháp Phật. Như Kinh: Nhớ nghĩ tùy thuận nơi tất cả pháp Phật.

3. Thủy chung về hành: Là trong khi quán chiếu từng phần về đạo phẩm vô lậu, biết phân biệt tu tập cùng giác ngộ. Như Kinh: Quán chiếu thấu suốt, phân biệt pháp vô lậu.

4. Thủy chung về chứng đắc: Là phương tiện của trí vô ngã thấy pháp trong khi kiến đạo. Như Kinh: Khéo lựa chọn phương tiện sáng tỏ của đại trí tuệ quang minh, trong đó khéo lựa chọn là tối thắng nơi sự lựa chọn. Tối thắng là trí nhận biết pháp vô ngã. Đại trí tuệ là vượt khỏi Tiểu thừa. Quang minh (sáng tỏ) là đối trị với vô minh. Trong việc này, nơi thời gian khác đều khéo nhận biết.

5. Thủy chung về tu đạo: Là trí lực của trí xuất thế gian hội nhập nơi nghĩa của pháp. Như Kinh: Khiến nhập vào cửa trí ấy một cách đầy đủ.

Ở đây Bồ-tát đối với Bồ-đề có năm loại chướng:

1. Chướng ngại do không thể phá trừ tà luận: Mình cho là chánh nghĩa, nhưng người khác nói là có thể hủy hoại. Lại nữa như quyến thuộc ly tán.

2. Chướng ngại vì không thể trả lời nổi các vấn nạn: Những gì người khác hỏi thì mờ mịt không giải đáp nổi. Nếu có nói điều gì thì người ta cũng không tin nhận.

3. Chướng ngại vì tham vướng Tiểu thừa: Chính mình không đủ khả năng đạt được đại Bồ-đề, mà còn từ bỏ việc làm ích lợi cho chúng sinh.

4. Chướng ngại do biếng trễ nơi việc giáo hóa chúng sinh: Trong đó đã bỏ hạnh lợi tha, không trợ giúp điều thiện cho kẻ khác, lại khiến cho căn thiện của mình không phát triển.

5. Chướng ngại vì không có trí phương tiện: Không thể khéo giáo hóa chúng sinh, cho nên hạnh Bồ-đề của mình không được đầy đủ.

Để đối trị năm chướng ngại này, có năm loại thủy chung :

1. Thủy chung có khả năng phá trừ chướng ngại của tà luận. Tùy theo những vướng mắc của họ mà làm sáng tỏ ý nghĩa chính đáng của

mình. Không lo sợ khi đối trị nơi tà chấp, có biện tài tánh không tối tăm. Như Kinh: Tùy nơi chốn an trú mà nói chánh pháp, không lo sợ, biện tài sáng tỏ.

2. Thủy chung có khả năng trả lời những vấn nạn: Do chứng được đại trí địa vô ngại. Như Kinh: Đạt được đại trí địa vô ngại.

3. Thủy chung đối trị sự tham chấp Tiểu thừa: Do không lãng quên

nguyện đại Bồ-đề, niệm đại Bồ-đề. Như Kinh: Luôn nghĩ nhớ, không quên mất tâm Bồ-đề.

4. Thủy chung đối trị sự biếng trễ nơi việc giáo hóa chúng sinh: Do không hề mỏi mệt khi làm lợi ích cho chúng sinh. Như Kinh: Giáo hóa thành tựu cho hết thảy chúng sinh giới.

5. Thủy chung đối trị chỗ không có trí phương tiện: Do phân biệt thông suốt được lĩnh vực năm minh. Như Kinh: Thông suốt, phân biệt hết thảy các lĩnh vực của pháp.

Đã nói tại sao phải gia hộ? Lại nói gia hộ như vậy nào? Nghĩa là gia hộ nơi thân khẩu ý. Thế nào là gia hộ nơi miệng (khẩu)?

Kinh: "Lại nữa, thiện nam! Ông hãy biện luận để giảng nói về cách sử dụng phương tiện khác nhau của pháp môn này. Nhờ vào thần lực của chư Phật, trí sáng của Như lai gia hộ, cho nên căn thiện của mình thanh tịnh thì pháp giới thanh tịnh, làm lợi ích cho mọi cõi chúng sinh. Có Pháp thân, Trí thân, chánh thọ hết thảy quả vị Phật, đạt được thân hết sức cao lớn hơn hết trong tất cả thế gian, vượt qua hết thảy đạo thế gian, đạo thanh tịnh là pháp xuất thế gian, có được đầy đủ trí của bậc Nhất thiết trí".

Luận: Trong mười câu này, biện tài theo chỗ đạt được nghĩa của pháp, luôn nhớ nghĩ giữ gìn không quên mà nói.

Các pháp môn là pháp của mười địa.

Sai khác là mọi thứ danh-tướng. Pháp này là thành tựu khéo léo, cho nên gọi là phương tiện. Nương vào biện tài căn bản có hai loại biện tài:

1. Biện tài do sức của người khác.
2. Biện tài do chính khả năng của mình.

Biện tài do sức của người khác là nhờ vào thần lực của Phật. Thế nào là nương nhờ vào thần lực của Phật? Là trí lực của Như lai gia hộ một cách rõ ràng. Như Kinh: Vâng theo thần lực của chư Phật, được trí sáng của Như lai gia hộ.

Biện tài do chính khả năng của mình có bốn loại:

1. Biện tài làm thanh tịnh pháp thiện. Như Kinh: Do căn thiện của chính mình thanh tịnh.

2. Biện tài làm thanh tịnh pháp vô tác. Như Kinh: Pháp giới thanh tịnh.

3. Biện tài làm thanh tịnh việc giáo hóa chúng sinh. Như kinh nêu: Làm lợi ích cho mọi cõi chúng sinh.

4. Biện tài làm thanh tịnh tự thân: Nơi thân thanh tịnh ấy hiện bày ba loại tận cùng: Một là tận cùng của Bồ-tát có hai loại lợi ích. Hai là sự

tận cùng không đồng với hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật. Ba là tận cùng của Phật.

Tận cùng của Bồ-tát tức là Pháp thân rời khỏi tâm-ý-thức, chỉ nương tựa vào trí. Như Kinh: Pháp thân, Trí thân.

Hai loại lợi ích: Một là lợi ích của quả báo hiện tại, nhận lấy quả vị Phật. Hai là lợi ích của quả báo về sau. Sinh về nơi trí của Ma-hê-thủ-la. Như Kinh: Chánh thọ hết thảy quả vị Phật, đạt được thân to cao bậc nhất trong thế gian thế gian.

Sự tận cùng không đồng với hàng Nhị thừa là lúc độ năm đường, là làm thanh tịnh nẻo Niết-bàn. Như Kinh: Vì vượt qua hết thảy nẻo thế gian, cho nên con đường của pháp xuất tất cả là thanh tịnh.

Sự tận cùng của Phật là nhập vào trí Nhất thiết trí viên mãn. Như Kinh: Đạt được đầy đủ trí của bậc Nhất thiết trí.

Biện tài từ lực của chính mình là đối chiếu chuyển theo nẻo càng cao hơn, thù thắng hơn.

Đã nói xong việc gia hộ cho miệng. Thế nào là gia hộ cho ý?

Kinh: "Bấy giờ chư Phật ban cho Bồ-tát Kim Cang Tạng thân chân thật không còn sợ hãi.

Ban cho biện tài giảng nói pháp không bị chướng ngại.

Ban cho sự hội nhập khéo làm thanh tịnh mọi sai biệt của trí. Ban cho sự gia hộ khéo nhớ nghĩ không quên mất.

Ban cho phương tiện khéo quyết định về ý thức. Ban cho Nhất thiết trí bao trùm khắp mọi nơi chốn. Ban cho diệu lực không hủy hoại của chư Phật.

Ban cho sự không lo sợ, không khiếp nhược của Như Lai.

Ban cho chánh kiến phân biệt pháp, không bị trở ngại nơi trí của bậc Nhất thiết trí.

Ban cho sự khéo phân biệt về thân khẩu ý phát khởi trang nghiêm của hết thảy Như Lai".

Luận: Mười câu nói về sự gia hộ cho ý này, thì thân không sợ hãi có hai loại:

Một là ban cho thân oai đức tối thắng không ai hơn, như vua ở giữa đám đông cư xử tự tại, không hề sợ hãi.

Hai là ban cho thân biện tài không sợ hãi. Sắc thân trước hơn sắc thân sau cho nên gọi là Thân vượt hơn. Gọi là thân ấy có chín loại:

Một là biện tài không vướng mắc: Là thuyết pháp không bị đứt

đoạn, không vấp váp. Như Kinh: Ban cho biện tài ưa thuyết giảng không chướng ngại.

Hai là biện tài gắng nhận: Là khéo làm thanh tịnh trí kham nhận, có bốn loại là Duyên-Pháp-Tạo tác và Thành tựu.

Giỏi nhận biết, biết tướng thành hay không thành của nghĩa ấy. Như Kinh: Ban cho sự khéo hội nhập vào chỗ khác nhau của trí thanh tịnh.

Ba là biện tài buông mở: Là thuyết giảng không theo thứ tự ngôn từ không đứt đoạn, nơi nơi đều hợp ý không quên mất danh nghĩa. Như Kinh: Ban cho khả năng giỏi nhớ nghĩ, gia hộ khiến không quên mất. Sự gia hộ không quên này là gia hộ về ý lực.

Bốn là biện tài có thể nêu bày: Là tùy chỗ cho nên hóa độ, dùng nhiều loại thí dụ để có thể đoạn trừ nghi ngờ. Như Kinh: Ban cho phương tiện để khéo quyết định về ý.

Năm là biện tài không lẫn lộn: Là ba loại đồng tướng, mà trí thường hiện diện. Như Kinh: Ban cho Nhất thiết trí bao trùm khắp mọi nơi chốn.

Sáu là biện tài giáo hóa xuất ly: Là đạt được mười lực không hư hoại của Phật đối với kẻ đáng hóa độ thì giúp họ dứt trừ phiền não. Như Kinh: Ban cho diệu lực không hư hoại của chư Phật.

Bảy là biện tài không sợ hãi: Là đạt được quyết định không sợ hãi của Phật đối với ngôn thuyết của kẻ khác không hề khiếp nhược. Như Kinh: Ban cho sự không sợ hãi, không khiếp nhược của Như Lai.

Tám là biện tài vô lượng: Đối với Nhất thiết trí, tùy thuận để giảng nói các pháp nơi Tu-đa-la như sáu loại chánh kiến ... Như Kinh: Ban cho chánh kiến để phân biệt pháp không chướng ngại nơi trí của bậc Nhất thiết trí.

Chín là biện tài đồng hóa: Là đạt được thân vô úy của tất cả chư Phật, cùng với ba loại giáo hóa tùy chỗ đáng hóa độ mà hiển bày ba nghiệp thù thắng để thần hóa. Như Kinh: Ban cho sự phát khởi trang nghiêm của thân khẩu ý để khéo phân biệt của hết thảy Như Lai.

Lại nữa, chư Phật có diệu lực, có từ bi, vì sao dùng mười loại thân không sợ hãi, chỉ gia hộ cho Bồ-tát Kim Cang Tạng mà không gia hộ cho vị khác?

Kinh: "Tại sao? Do đạt được pháp Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát, cũng là dấy khởi bản nguyện của Bồ-tát, do khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa, khéo làm thanh tịnh trí viên mãn, khéo tích tập pháp trợ đạo, do khéo

tu hành bản nghiệp, do nhớ nghĩ, giữ gìn vô lượng pháp, do tin hiểu pháp thanh tịnh quang minh, do khéo đạt được Đà-la-ni môn bất hoại, do pháp giới ấn chứng, pháp thiện và trí tuệ".

Luận: Vì Bồ-tát này được pháp Tam-muội Đại thừa quang minh, còn những vị khác thì không đạt được.

Được pháp Tam-muội có hai loại:

1. Bản nguyện được thành tựu ngay đây, như Kinh: Cũng là dấy khởi bản nguyện của Bồ-tát.

2. Thân Tam-muội gồm thâu mọi công đức. Thân Tam-muội gồm thâu mọi công đức này có tám loại , nương vào tự lợi, lợi tha:

Một là Nhân thanh tịnh: Tâm sâu xa hướng đến Bồ-tát địa cho nên hết sức thanh tịnh. Như Kinh: Khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa. Tâm sâu xa là tin tưởng, vui thích. Lại là căn bản của mọi pháp thiện.

Hai là Trí thanh tịnh: Là hướng đến chỗ tận cùng của Bồ-tát địa với trí quán chân như của bậc tu đạo. Như Kinh: Khéo làm thanh tịnh trí viên mãn. Quán chân như này là nội trí viên mãn, soi sáng khắp pháp giới cũng như ánh sáng của vầng mặt trời chiếu tỏa cùng khắp.

Ba là Thân chuyển thanh tịnh: Là đời đời chuyển hơn, khéo hành trì cho nên thành tựu viên mãn. Như Kinh: Khéo gom góp pháp trợ đạo.

Bốn là Tâm điều phục thanh tịnh: Là khéo đoạn trừ tập khí phiền não. Như Kinh: Khéo tu hành theo bản nghiệp.

Năm là Lãnh hội thâu nhiếp thanh tịnh: Là có thể gánh vác, thọ nhận, giữ gìn hết thảy pháp bí mật do Như Lai giảng nói. Như Kinh: Nhớ giữ lấy vô lượng pháp.

Sáu là Thần thông thanh tịnh: Là đạt được thần thông thù thắng tự tại. Như Kinh: Tin hiểu pháp quang minh thanh tịnh, đem tín lực quyết định để giữ lấy thần thông.

Bảy là Biện tài thanh tịnh: Là khéo nhận biết về môn Đà-la-ni không trái nhau. Như Kinh: Khéo đạt được môn Đà-la-ni bất hoại. Trong này, chữ nơi chương đầu hiện có là môn Đà-la-ni. Mỗi mỗi tự môn thâu nhiếp vô lượng danh cú-tự thân.

Không hư hoại là trước sau không trái nhau.

Tám là Lìa kiêu mạn thanh tịnh: Là trí chân thật dạy bảo truyền trao không có gì khác nhau. Như Kinh: Pháp giới đã ấn chứng về pháp thiện và trí tuệ. Ở đây, thân Tam-muội gồm thâu công đức có bốn loại, dựa vào nhân tự lợi: Khéo làm thanh tịnh thâm tâm. Khéo làm thanh tịnh trí viên mãn.

Khéo gom góp các pháp trợ đạo. Khéo tu trì theo bản nghiệp.

Bốn câu trong phần Tu-đa-la này, theo thứ tự nêu bày là: Nhân tinh tiến, nhân không quên mất, nhân uy lực và nhân không bị cấu nhiễm.

Lại nữa, dựa vào nhân lợi tha cũng có bốn loại: Nhớ giữ vô lượng pháp là nhân đoạn trừ nghi hoặc.

Tin hiểu pháp quang minh thanh tịnh là nhân của sự tôn kính.

Dùng sức thần thông thị hiện chỗ chẳng thể nghĩ bàn, khiến những ai trông thấy đều phát sinh sự quyết định tin tưởng, hội nhập khéo đạt được môn Đà-la-ni bất hoại là nhân để chuyển diệu lý của pháp.

Khi chánh pháp hoại diệt, nhờ vào sự tôn trọng pháp còn lại cho nên vẫn đọc tụng, giữ gìn pháp giới ấn chứng về pháp thiện, trí tuệ là nhân của sự giáo hóa truyền trao pháp xuất ly.

Giáo hóa như vậy, chính mình được lợi, không quên mất.

Đã nói xong sự gia hộ về ý. Thế nào là gia hộ về thân? Là xoa nơi đỉnh đầu tạo sự hiểu biết.

Kinh: "Bấy giờ, mười phương chư Phật không rời bổn xứ, đều dùng sức thần thông, đưa tay bên phải sờ vào đỉnh đầu của Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng".

Luận: Không ra khỏi bản xứ mà xoa đầu ở đây, là thị hiện rõ thần lực thù thắng. Nếu tới nơi này mà xoa đầu thì không phải là điều kỳ lạ. Như vậy, thần thông như ý này không phải như các thứ thần thông khác.

Đã nói xong phần Gia hộ. Thế nào là phần Phát khởi?

Kinh: "Sau khi chư Phật xoa đầu Bồ-tát Kim Cang Tạng rồi, bấy giờ Bồ-tát Kim Cang Tạng liền từ Tam-muội đứng lên".

Luận: Liền từ Tam-muội đứng lên nghĩa là do hành Tam-muội đã xong, lại được lực thù thắng, khi giảng nói, lại đạt đến định không còn nói năng.

Đã nói xong phần Phát khởi. Thế nào là phần căn bản?

Kinh: "Sau khi đứng lên ra khỏi Tam-muội, liền nói với các Bồ-tát: Này các Phật tử! Thệ nguyện của các Bồ-tát ấy là khéo quyết định, không xen tạp, không thể thấy, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, che chở cho hết thảy cảnh giới chúng sinh suốt tận đời vị lai.

Này các Phật tử! Các Bồ-tát ấy mới có thể bước vào trí địa của chư Phật quá khứ, mới có thể bước vào trí địa của chư Phật vị lai, mới có thể bước vào trí địa của chư Phật hiện tại. Này các Phật tử! Mười địa của Bồ-tát này là chư Phật trong quá khứ-vị lai và hiện tại đã giảng nói, đang giảng nói, sẽ

giảng nói. Ta nhân nơi sự việc ấy mà giảng nói như vậy. Những gì là mười địa? Địa Hoan hỷ. Địa Ly cấu. Địa Minh. Địa Diệm. Địa Nan thắng. Địa Hiện tiền. Địa Viễn hành. Địa Bất động. Địa Thiện tuệ. Địa Pháp vân.

Này các Phật tử! Mười địa của Bồ-tát này, chư Phật thời quá khứ-vị lai-hiện tại đã giảng nói, đang giảng nói, sẽ giảng nói. Này các Phật tử! Ta không thấy có thế giới của chư Phật nào với các Đấng Như Lai ở nơi đó, lại không khen ngợi việc giảng nói mười địa của Bồ-tát này. Vì sao? Vì đây là pháp thắng diệu tăng thượng của Đại Bồ-tát, cũng là pháp môn quang minh của Bồ-tát, nghĩa là phân biệt sự việc của mười địa.

Này các Phật tử! Sự việc này là không thể nghĩ bàn. Đó là trí tuệ của các Bồ-tát nơi các địa".

Luận: Tại sao không thỉnh cầu mà giảng nói? Vì nếu không giảng nói thì đại chúng không biết là giảng nói hay không giảng nói. Lại nữa, không biết là định giảng nói pháp gì.

"Thệ nguyện khéo quyết định" là như phần địa thứ nhất nói về việc phát tâm Bồ-đề, tức là thệ nguyện trong phần căn bản này, nên biết!

Khéo quyết định là trí chân thật thâu nhiếp. Khéo quyết định là giỏi quyết định. Người này đã bước vào địa thứ nhất, không phải thuộc về Tín địa. Sự giỏi quyết định này có sáu loại:

1. Giỏi quyết định quán tướng: Là quán chân như với tướng một vị. Như Kinh: Không xen tạp.

2. Giỏi quyết định chân thật: Tức không phải là cảnh giới của tất cả thế gian hay xuất thế gian. Như Kinh: Không thể trông thấy.

3. Giỏi quyết định thù thắng: Là đại pháp giới, là căn bản của hết thảy Phật. Như Kinh: Rộng lớn như pháp giới. To lớn, cao rộng hơn hẳn là cùng một Thể nhưng với tên gọi khác, là nghĩa của pháp tướng. Là pháp như nhiên nơi hết thảy pháp. Lại nữa, quán về đại chân như của pháp giới là vượt hơn trí của hàng phàm phu, nhị thừa là pháp như nhiên của pháp tịnh. Lại nữa, phương tiện lớn của pháp giới tập hợp các địa, nghĩa là nói về pháp như nhiên của pháp Đại thừa. Thêm nữa, là pháp như nhiên của pháp thiện nơi pháp giới, của pháp đại bạch nơi pháp giới.

4. Giỏi quyết định về nhân có hai loại:

Giỏi quyết định về nhân của quả ái thành vô thường. Nhân này như hư không, nương vào đó mọi sắc phát sinh, cho nên sắc không cùng tận. Như Kinh: Rốt ráo như hư không.

Giỏi quyết định về nhân của quả thường, đạt được đạo Niết-bàn.

Như Kinh: cùng tận đến đời vị lai.

5. Giỏi quyết định về sự lớn lao: Là tùy thuận làm việc lợi người. Như Kinh: Che chở cứu giúp cho cảnh giới của tất cả chúng sinh. Kế đến là giỏi quyết định như trước, vì nguyện này không một mực chấp vào Niết-bàn hay thế gian.

6. Giỏi quyết định không khiếp nhược: Là hội nhập nơi trí địa của hết thảy chư Phật, không khiếp nhược. Như Kinh: Này Phật tử! Các vị Bồ-tát ấy chính là vào đến trí địa của chư Phật hiện tại.

Lại nữa, mười địa này đã sinh khởi, thành tựu, giữ vững trí Phật. Như Kinh: Này chư Phật tử! Mười địa của Bồ-tát này là chư Phật quá khứ-vị lai-hiện tại đã giảng nói, đang giảng nói, sẽ giảng nói.

Giỏi quyết định ở đây là Tổng tướng, phần còn lại là Biệt tướng.

Đồng tướng là giỏi quyết định. Dị tướng là Biệt tướng. Thành tướng là nói tóm lược. Hoại tướng là nói rộng, như sự thành hoại của thế giới.

Tại sao quyết định giảng nói về mười địa của Bồ-tát?

Là để đối trị mười loại chướng ngại. Những gì là mười loại chướng ngại?

1. Chướng ngại chấp về ngã tướng của hàng phàm phu.
2. Chướng ngại của thân chúng sinh theo hành tà.
3. Chướng ngại do quên mất, u tối đối với các pháp văn-tư-tu.
4. Chướng ngại do kiêu mạn đối với việc lãnh hội pháp.
5. Chướng ngại do ngã mạn đối với thân thanh tịnh.
6. Chướng ngại do tập khí của phiền não vi tế.
7. Chướng ngại do tướng tập khí tinh vi.
8. Chướng ngại do chấp có hành đối với vô tướng.
9. Chướng ngại do không thể tạo lợi ích cho chúng sinh.
10. Chướng ngại do không được tự tại trong các pháp.

Tại sao nơi mười địa, phần đầu gọi là Hoan hỷ, cho đến địa thứ mười gọi là Pháp vân? Do thành tựu hạnh tự lợi-lợi tha vô thượng, phần đầu là chứng được cõi Thánh, sinh nhiều vui mừng, cho nên gọi là địa Hoan hỷ.

Lìa bỏ mọi thứ cấu uế của phiền não, phạm giới có thể dấy khởi tâm sai lầm, giới pháp thanh tịnh đầy đủ cho nên gọi là địa Ly cấu.

Theo văn-tư-tu, làm cho pháp sáng chói hiển hiện cho nên gọi là địa Minh.

Lửa trí tuệ không quên thiêu rụi mọi củi phiền não cho nên gọi là địa Diệm.

Đạt được trí xuất thế gian với phương tiện thiện xảo, có thể hóa độ kẻ khó độ cho nên gọi là địa Nan thắng.

Thực hành Bát nhã Ba-la-mật theo thời gian đại trí tuệ hiện tiền cho nên gọi là địa Hiện tiền.

Khéo tu hạnh vô tướng, công dụng rốt ráo, có khả năng vượt khỏi thế gian hàng Nhị thừa và đạo xuất thế gian cho nên gọi là địa Viễn hành.

Quả báo nơi hành đã thuần thục, vô tướng, không gián đoạn, cho nên gọi là địa Bất động.

Diệu lực vô ngại, giảng nói pháp thành tựu hạnh lợi tha cho nên gọi là địa Thiện tuệ.

Đạt được đại pháp thân đầy đủ tự tại, cho nên gọi là địa Pháp vân.

Như vậy là nhận lãnh quả vị Pháp vương, như Thái tử được tự tại đối với các vương tử. Ở đây vẫn còn một chút chướng ngại đối với trí, cho nên không hoàn toàn tự tại. Đối trị chướng ngại này cho nên nói Phật địa. Lại như ở trong thai tạng, mười địa của Bồ-tát cũng lại như vậy. Do các địa có chướng ngại cho nên như lúc sinh con, lúc thành Phật cũng như vậy, tức là đã làm xong hết mọi việc. Lại nữa, như khi sinh ra, các căn đều nhận biết. Phật cũng như vậy, đối với tất cả cảnh giới, trí đều thông tỏ.

Tạng có mười thời kỳ:

1. Thời gian mang thân Đà-la-bà.
2. Thời gian mang thân Áp-la-bà.
3. Thời gian mang thân Thi-la-tha.
4. Thời gian thân cứng chắc.
5. Thời gian hình vóc giống với sắc thân.
6. Thời gian tính giống với thân.
7. Thời gian thân nghiệp động.
8. Thời gian thân đầy đủ. Trong đó có ba: Thời gian các căn đầy đủ. Thời gian tướng nam nữ khác nhau đầy đủ. Thời gian các tướng dài rộng đầy đủ.

Với mười chặng thời gian như vậy, các địa đều giống nhau.

"Này các Phật tử! Ta không thấy có thế giới của chư Phật với các bậc Như Lai ở đó, lại không khen ngợi việc nêu giảng mười địa của Bồ-tát này":

Làm sáng tỏ pháp thù thắng ấy, là nhằm khiến cho đại chúng lúc ấy tăng thêm khát vọng chiêm ngưỡng.

Thế giới của Phật là ở nơi đó đã thành tựu Phật đạo. Dụ như ruộng lúa. Đến đó làm việc Phật, cũng gọi là thế giới của Phật.

Khen ngợi việc thuyết giảng: Ở đây có hai loại là

1. Thuyết giảng về nghĩa A-hàm.
2. Nghĩa chứng nhập.

Ma-ha-tát có ba loại lớn:

1. Nguyện lớn.
2. Hành động lớn.
3. Làm lợi ích cho chúng sinh lớn.

Pháp thắng diệu là pháp môn này thù thắng tột bậc trong các pháp môn.

Quang minh là pháp Đại thừa này chiếu sáng cho hết thảy pháp môn khác.

Pháp môn tức là pháp.

Phân biệt sự việc của mười địa là hiển bày, chỉ rõ về pháp đã được nhận biết của trí thế gian. Việc này là không thể nghĩ bàn.

Đó là trí tuệ nơi các địa của Đại Bồ-tát: Tức là chỉ rõ về trí xuất thế gian, đây không phải là sự phân biệt của thế gian về trí địa có thể thành lập được đạo thanh tịnh của Bồ-tát.

Đã nói xong phần Căn bản. Thế nào là phần Thỉnh cầu?

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng, sau khi giảng nói xong về tên gọi nơi mười địa của Bồ-tát, thì lặng yên an trú, không phân biệt nữa. Khi đó, hết thảy chúng Bồ-tát nghe nói về tên gọi nơi mười địa của Bồ-tát rồi, tất cả đều khao khát muốn được nghe giảng nói, giải thích thêm, cùng suy nghĩ như vậy: Do nhân duyên gì, Bồ-tát Kim Cang Tạng này giảng nói về tên gọi nơi mười địa của Bồ-tát rồi thì lặng yên an trú không giải thích thêm?

Lúc ấy, trong chúng Đại Bồ-tát có Bồ-tát tên là Giải Thoát Nguyệt, nhận biết tâm niệm của các Bồ-tát có điều nghi hoặc, liền dùng kệ hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng:

Tại sao người tịnh giác,
Niệm-trí-công đức đủ,
Nói các địa thượng diệu,
Có sức không giải thích?
Quyết định hết thảy đây,
Bồ-tát tên tuổi lớn,

Sao nói tên các Địa,
Nhưng không giảng rộng nghĩa?
Chúng đây đều thích nghe,
Phật tử trí không sợ,
Nghĩa của các Địa ấy,
Xin phân biệt nêu bày.
Chúng đây đều thanh tịnh,
Nghiêm tịnh không lười nhác,
An trú trong vững bền,
Công đức, trí đầy đủ.
Nối nhau, đứng chiêm ngưỡng,
Hết thảy đều cung kính,
Như ong cầu mật ngon,
Như khát nghĩ cam lồ".

Luận: Tại sao an trú trong im lặng? Là muốn cho đại chúng khát ngưỡng thỉnh cầu giảng nói. Lại làm tăng thêm lòng tôn kính pháp của Bồ-tát.

Tại sao Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt thưa thỉnh trước? Vì Bồ-tát là thượng thủ trong đại chúng. Bồ-tát hỏi trước để ngăn chận những câu hỏi khác dễ gây cảnh rối loạn.

Vì sao dùng kệ tụng để thỉnh? Là do ít chữ mà thâu nhiếp nhiều nghĩa. Những lời khen ngợi đa phần dùng thể kệ tụng.

Năm bài kệ vừa nói có những ý nghĩa gì? Chúng làm sáng tỏ, chỉ rõ là người giảng nói và người nghe không có các lỗi lầm. Nếu có lỗi thì không nên nói. Ở đây là hiển bày nêu rõ người giảng nói hoàn toàn thanh tịnh nhận biết, không lỗi gì. Lại cũng làm sáng tỏ người nghe đều có chung pháp quyết định và ưa thích nghe.

Lại nữa, chỉ rõ về số còn lại tâm đều thanh tịnh, cũng hiển bày đại chúng này đều đủ khả năng nghe pháp, cho nên lời kệ nói: Nối nhau đứng chiêm ngưỡng.

Thế nào là tán thán sự thuyết giảng? Kệ nói:

Tại sao người tịnh giác,
Niệm-trí-công đức đủ,
Nói các địa thượng diệu,
Có sức không giải thích?

Do đâu chỉ khen sự tỉnh giác thanh tịnh? Vì tỉnh giác thanh tịnh là nói về nhân.

Giác là giác quán, là lời nói, việc làm đều thanh tịnh, tức là nói về nhân.

Tại sao không nói? Khen ngợi sự giác quán thanh tịnh có hai loại:

1. Thâu nhiếp để đối trị.
2. Lìa hết các lỗi lầm.

Trong đó, niệm-trí đủ là thâu nhiếp để đối trị. Sự đối trị có hai loại:

1. Giác quán xen tạp.
2. Nhân của giác quán bị xen tạp do nhớ tưởng phân biệt. Niệm là bốn niệm xứ, đối trị với giác quán xen tạp.

Trí là trí chân như vô tướng, đối trị với nhân giác quán xen tạp do những nhớ tưởng phân biệt. Phần còn lại là chỉ rõ việc lìa mọi lỗi lầm. Lỗi lầm ấy có ba loại. Nếu có ba lỗi ấy thì không thể giảng nói. Những gì là ba?

1. Keo kiệt, ganh tị.
2. Lười biếng giảng nói pháp.
3. Không ưa thích giảng nói pháp. Keo kiệt là tâm tiếc lẫn đối với pháp.

Ganh tị là ghét người khác có trí tuệ hơn mình.

Công đức đầy đủ là đủ các công đức như không sân hận... chỉ rõ là không có lỗi lầm đầu. Nói địa thượng diệu là chỉ rõ cho biết không có lỗi thứ hai. Có lực là bảo cho biết không có lỗi thứ ba.

Hai loại như vậy là giác quán thanh tịnh.

Đã nói xong phần Khen ngợi người giảng nói. Tiếp theo là phần Khen người nghe. Kệ nêu:

Quyết định hết thảy đây,
Bồ-tát tên tuổi lớn,
Sao nói tên các Địa,
Nhưng không giảng rộng nghĩa?

Quyết định là thông tuệ luôn thấu tỏ. Quyết định có ba loại:

1. Quyết định trên hết là nguyện đại Bồ-đề.
2. Quyết định danh văn là khéo kính trọng người khác.
3. Quyết định thâu nhận là người giảng nói pháp đã khéo nhận biết. Kệ nói: Bồ-tát có tên tuổi lớn, nói tên của các địa. Thứ tự như vậy cho nên biết. Tuy có quyết định, có thể thọ nhận là pháp khí, nhưng tâm

không muốn nghe thì cũng không được nêu giảng. Kệ nói:

Chúng đây đều thích nghe,
Phật tử, trí không sợ,

Nghĩa của các Địa ấy,
Xin phân biệt nêu bày.

Quyết định là ở đây có quyết định về A-hàm, không phải là quyết định chứng đắc. Có quyết định hiện tiền và quyết định không hiện tiền. Quyết định như vậy là pháp khí không đầy đủ cho nên không thể nghe nhận. Chỉ rõ đại chúng hiện có ở đây là quyết định đầy đủ, cho nên có thể nghe nhận. Kệ nói: "Phật tử trí không sợ". Trí có hai loại:

1. Chứng pháp.
2. Hiện thọ.

Như vậy là khéo nhận biết về pháp khí đầy đủ cho nên mới thỉnh cầu Kim Cang Tạng. Nghĩa của các địa như vậy, cho nên nguyện là phân biệt mà nói.

Đã khen ngợi về chúng đồng pháp, quyết định ưa thích nghe về công đức. Sau đây là khen ngợi chúng khác. Kệ nói:

Chúng đây đều thanh tịnh,
Nghiêm tịnh không lười nhác,
An trú trong vững bền,
Công đức, trí đầy đủ.

Thanh tịnh là không đục-cấu. Đục, cấu có sáu loại. Lìa khỏi những loại đục-cấu này cho nên gọi là thanh tịnh. Những gì là sáu loại ?

1. Đục cấu của sự không mong muốn.
2. Đục cấu về oai nghi.
3. Đục cấu của triền cái (những thứ buộc, che).
4. Đục cấu vì tưởng nghĩ khác: Tâm ganh ghét kẻ hơn, tâm phá hoại.
5. Đục cấu vì không đủ công đức, tức là căn thiện nhỏ kém, cho nên đối với lời nói của Bồ-tát, tâm không ưa an trú.
6. Đục cấu vì ngu si, là ngu tối.

Đối trị với sáu loại đục, cấu này, có sáu loại không đục cấu:

1. An trú nơi kiên cố: Là tu hành kiên cố theo pháp đã giảng nói. Như vậy, thứ tự cùng đối trị. Xa lìa biếng nhác là để đối trị đục cấu không mong muốn.
2. Nghiêm là để đối trị đục cấu về oai nghi.
3. Thanh tịnh là để đối trị với đục cấu của triền-cái (Những thứ buộc trói, ngăn che).
4. Kiên cố là đối trị với đục cấu nghĩ tưởng khác lạ.
5. Công đức đầy đủ đối trị với đục cấu không đủ công đức.

6. Trí đầy đủ là đối trị với đục cấu do ngu si.

Sáu câu ấy nêu bày nơi hai kệ kia, làm rõ về chúng đồng sinh thanh tịnh. Kệ kế tiếp là hiển bày chúng dị sinh thanh tịnh. Một kệ sau là chỉ rõ về hai chúng thanh tịnh. Kệ nói:

Nối nhau đứng chiêm ngưỡng,
Hết thảy đều cung kính,
Như ong hút mật ngon,
Như khát nghĩ cam lồ.

Nối nhau cùng chiêm ngưỡng là chỉ bày không có tâm tạp nhiễm. Đều cung kính là chỉ sự kính trọng pháp, không phải là tâm ganh ghét. Nửa kệ sau là dụ về sự kính pháp càng trở cho nên sâu xa. Kệ này, câu: "Nối nhau cùng chiêm ngưỡng" là Tổng tướng. Hết thảy cùng cung kính là Biệt tướng.

Như vậy, những kệ còn lại, câu đầu là Tổng tướng, những câu khác là Biệt tướng. Các tướng Đồng-Dị-Thành-Hoại thì như trên đã nói. Kệ nói:

Trí lớn không sợ hãi,
Kim Cang Tạng nghe rồi,
Muốn đại chúng vui vẻ,
Tức thì nói kệ tụng.
Hiếm có khó bậc nhất,
Bồ-tát nêu hành hóa,
Trước phân biệt việc địa,
Căn bản của chư Phật.
Lìa niệm tinh khó thấy,
Phi tâm địa khó đạt,
Cảnh giới trí vô lậu,
Nếu nghe thì mịt mờ.
Giữ tâm như kim cang,
Tin sâu trí tuệ Phật,
Tâm địa trí vô ngã,
Vi tế trí nghe được.
Như vẽ vào hư không,
Như tướng gió cõi không,
Trí phân biệt như vậy,
Khó thấy Phật vô lậu.
Ta nghĩ trí tuệ Phật,
Khó biết nhất trong đời,

Pháp hy hữu, khó tin,
Vì vậy Ta im lặng.

Luận: Nơi kệ thứ nhất, câu: "Muốn đại chúng vui vẻ" là câu trả lời theo tướng chung. Có hai cách đáp lại:

1. Có thể đáp lại.
2. Đáp lại không khiếp nhược, tức là kệ nói: "Trí lớn không sợ hãi".

Lìa việc không thể đáp lại. Lìa việc đáp lại không chính đáng. Hai điều này chứng tỏ mình và người không ai có lỗi. Thế nào là tướng đáp lại chính đáng? Do pháp này khó giảng nói và khó nghe. Thế nào là khó giảng nói? Kệ nói:

Hiếm có khó bậc nhất,
Bồ-tát nêu hành hóa,
Trước phân biệt việc địa,
Căn bản của chư Phật.

Khó là khó đạt được. Có hai loại khó:

1. Rất khó.
2. Khó vì chưa từng có.

Kệ nói: Hiếm có cho nên khó bậc nhất. Hai điều này chỉ ra chỗ khó giảng nói. Thế nào là khó? Kệ nói: Bồ-tát chỗ hành trì chỉ rõ trước là phân biệt việc của địa. Bồ-tát hành trì là trí xuất thế gian. Chỉ rõ là chỉ bày, làm sáng tỏ. Việc của địa là việc làm của Bồ-tát ở các địa. Trước hết là phân biệt, tức là nói về sự thù thắng. Bồ-tát làm những gì? Kệ nói: Căn bản của chư Phật. Phật là giác ngộ về trí Phật.

Đã nói là khó nói, lại nói lý do của cái khó. Những gì là khó? Là nghĩa trú của việc Bồ-tát làm thì không thể giảng nói như vậy. Nghĩa trú là gì? Kệ nói:

Lìa niệm tinh khó thấy,
Phi tâm địa khó đạt,
Cảnh giới trí vô lậu,
Nếu nghe thì mịt mờ.

Trong kệ này, câu khó đạt là nêu chung, còn những câu khác là nêu riêng. Khó đạt là khó chứng đắc. Có bốn loại khó đạt:

1. Do quá vi tế cho nên khó đạt.
2. Khó thấy cho nên khó đạt.
3. Lìa niệm cho nên khó đạt.
4. Không phải là cõi tâm cho nên khó đạt.

Do quá vi tế cho nên khó đạt không phải là cảnh giới của Văn tuệ.

Những việc thô thiển thì không cần tư duy.

Khó thấy cho nên khó đạt, không phải là cảnh giới của Tư tuệ.

Lìa niệm cho nên khó đạt, không phải là cảnh giới của Tu tuệ thế gian. Điều này chỉ rõ sự phân biệt về tâm, tâm số pháp trong ba cõi, không phải là cảnh giới của trí tu đạo thế gian.

Không phải là cõi tâm cho nên khó đạt được, là chỉ rõ việc sinh khởi điều thiện nơi hiện báo, không phải là cảnh giới của trí tu đạo.

Đây là nêu bày về cảnh giới của tâm, tức là cõi tâm. Cảnh giới của cái gì? Kệ nói: Cảnh giới của trí. Thế nào là trí? Là thấy được nghĩa thật.

Tại sao không phải là cảnh giới khác? Vì đó là vô lậu. Vô lậu có nghĩa là xuất thế gian. Nghĩa này không ở trong lĩnh vực của trí thế gian, mà là nghĩa hết mực thâm diệu cho nên không thể hiểu, không thể giảng nói.

"Nếu nghe thì mịt mờ": Thế nào là mịt mờ? Là tùy theo chỗ nghe rồi chấp giữ điều ấy. Người nghe là đã nghe, chẳng phải là không nghe. Đã biện luận xong phần khó giảng nói, tiếp theo là nói về nghĩa khó nghe (lãnh hội). Kệ nói:

Giữ tâm như kim cang
Tin sâu trí tuệ Phật,
Tâm địa trí vô ngã,
Trí vi tế nghe được.

"Như kim cang" là cứng chắc như kim cang. Có hai loại cứng chắc:

1. Cứng chắc của sự quyết định tin tưởng.
2. Cứng chắc của sự chứng đắc.

Ba câu này nêu bày sự cứng chắc là tổng. Phần còn lại là biệt. Thế nào là tin sâu trí tuệ Phật? Vì chỉ là sự nhận biết của Phật, không phải là cảnh giới của mình. Sự giác ngộ của Phật là vô biên. Khi giáo hóa chúng sinh, Phật giảng nói nhiều pháp môn, nhiều thứ để tin.

Tâm địa ấy là gì? Thế nào là trí vô ngã?

Tâm địa là tùy theo tâm mà nhận lấy quả báo trong ba cõi. Lại nữa, hết thảy cảnh giới tùy theo nẻo hành của tâm cũng gọi là Tâm địa.

Trí vô ngã có hai loại: Là Ngã không và Pháp không, là nhận biết đúng như thật.

"Vi tế trí nghe được" là khó nhận biết. Vi tế như vậy, ở trước đã nói.

Có thể lấy ví dụ để làm sáng tỏ nghĩa vi tế. Kệ nói:

Như vẽ vào hư không,
Tướng gió thổi cõi không,
Trí phân biệt như thế,
Khó thấy Phật vô lậu.

Kệ này nêu bày việc vẽ hình sắc vào hư không, hư không như bức tường, trong đó không trú cho nên không thể thấy. Như gió thổi qua hư không thì hư không như cây lá, trong ấy không trú cho nên không thể thấy. Nhưng về động tác thì không phải là không có hai việc ấy trong hư không. Sự việc xảy ra trong hư không như vậy là không thể nói về nơi chốn. Việc gió thổi, vẽ hoa ấy như đã nói, do chúng không có tự tánh cho nên không thể thấy được, vì chúng không trú vào đâu do sự dung nạp kia. Lời nói này không chứa ở đâu trong hư không. Trí Phật cũng như vậy. Nếu lấy lời nói để hiển bày về cảnh giới phân biệt phần thù thắng, thì khó thấy. Vẽ là dụ cho danh tự-cú thân. Vì sao? Vì dựa vào tướng mà nêu bày. Gió là dụ cho âm thanh. Nêu bày (Nói) là dùng hai thứ ấy để nói. Nghe cũng nhờ hai thứ ấy để nghe. Nếu như vậy thì có thể giảng nói, có thể nghe (lãnh hội). Như vậy là khó thấy.

Ta nghĩ tới trí Phật,
Khó biết nhất trong đời,
Pháp hy hữu khó tin,
Vì vậy Ta im lặng.

Khó biết là khó chứng đắc. Khó tin là khó sinh tâm quyết định. Kệ này chỉ rõ là có chứng đắc có tin, có thể giảng nói, có thể nghe (lãnh hội), nhưng do thế gian khó có thể chứng-tin, cho nên Ta không nói.

Kinh: "Bấy giờ, sau khi nghe nói như vậy rồi, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt mới thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng: Thưa Phật tử! Các Bồ-tát này khéo làm thanh tịnh chúng hội, khéo làm thanh tịnh thâm tâm, khéo làm thanh tịnh các niệm, khéo gom chứa các hạnh, phần đông đều thân cận chư Phật, khéo tích tập các pháp trợ đạo, đầy đủ vô lượng công đức, lìa bỏ ngu si-nghi ngờ-hối tiếc, không còn cấu nhiễm, giỏi an trú nơi thâm tâm, tin theo pháp Phật, không theo giáo pháp nào khác. Lành thay Phật tử! Xin diễn nói nghĩa này. Pháp sâu thẳm như vậy, các Bồ-tát này đều có khả năng nhận biết, chứng đắc".

Luận: Tại sao Thánh giả Giải Thoát Nguyệt lại khen ngợi chúng này? Như trên vừa nói: Thế gian tin, chứng là khó đạt được, vì vậy chỉ rõ đại chúng này có thể thọ nhận, lãnh hội.

Khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa (thâm tâm) là tổng. Khéo làm thanh tịnh thâm tâm ấy có hai loại:

1. A-hàm thanh tịnh.
2. Chứng đắc thanh tịnh.

- A-hàm thanh tịnh có năm loại:

1. Mong muốn thanh tịnh: Tùy ở chỗ nhớ nghĩ nơi A-hàm mà được phương tiện niệm giác thanh tịnh. Như Kinh: Khéo làm thanh tịnh các niệm.

2. Cầu đạt thanh tịnh: Là có thể tùy thuận nơi hành cung kính của thân, miệng. Như Kinh: Khéo gom chứa các hạnh.

3. Thọ trì thanh tịnh: Là học rộng ghi nhớ vâng giữ không lầm lẫn, trải qua vô lượng đời. Như Kinh: Phần nhiều đều thân cận chư Phật.

4. Nơi sinh được thanh tịnh: Là nguyện đươc sinh lên cảnh giới ở trên thù thắng, tâm niệm tốt hơn. Như Kinh: Khéo tích tập các pháp trợ đạo.

5. Hành thanh tịnh: Là mong giỏi chứng đắc pháp, sống quen với thiểu dục, đầu đà... thành tựu nhiều công đức. Như Kinh: Đầy đủ vô lượng công đức.

- Chứng đắc thanh tịnh có bốn loại:

1. Đắc thanh tịnh: Là trí hiện tại khéo quyết định. Như Kinh: Lìa ngu si-nghi ngờ-hối tiếc.

2. Bất hành thanh tịnh: Là trong tu đạo, mọi thứ phiền não không hiện hành. Như Kinh: Không có cấu nhiễm.

3. Không nhàm chán thanh tịnh: Là không ham thích Tiểu thừa, đạt được tâm hy vọng tối thắng. Như Kinh: An trú nơi tâm sâu xa tin tưởng. Tâm sâu xa là hy vọng, mong muốn. Tin là quyết định. Lại còn nhớ nghĩ giữ gìn mọi công đức.

4. Không theo giáo pháp khác thanh tịnh: Là hướng đến tận cùng nơi đạo pháp, với chánh hạnh của mình. Như Kinh: Chỉ ở trong pháp Phật, không theo giáo pháp khác.

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Phật tử: Tuy chúng Bồ-tát này đã khéo làm thanh tịnh tâm tin sâu xa, khéo làm thanh tịnh các niệm, khéo gom chứa các hạnh, phần đông đều thân cận với chư Phật, giỏi tích tập các pháp trợ đạo, đầy đủ vô lượng công đức, lìa bỏ ngu si-nghi ngờ-hối tiếc, không có cấu nhiễm, giỏi an trú nơi tâm sâu xa tin tưởng, chỉ ở trong pháp Phật, không theo giáo pháp khác. Ngoài ra, ai ưa thích pháp nhỏ, khi nghe nói đến sự việc hết sức thâm diệu khó nghĩ bàn này, phần nhiều sinh ra nghi hoặc, thì những kẻ ấy chịu mọi bất lợi lâu dài, cùng với

suy tổn khổ não. Ta xót thương những trường hợp đó cho nên im lặng".

Luận: Thánh giả Kim cang Tạng đã lãnh hội những lời khen ngợi về chúng công đức thanh tịnh do Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói, nhưng ở trong chỗ thuyết pháp, nếu không thấy có pháp khí thì nghe chỉ tăng thêm nghi hoặc, cho nên không nói.

Đối với một pháp, có hai lỗi: Nghi có nghĩa là do dự, trái với chánh hạnh. Hoặc nghĩa là tâm mê muội, có thể hủy hoại pháp thiện, xa rời pháp thiện. Như vậy, chỉ rõ là không thọ nhận nhân thực hành, mà thọ nhận nhân làm thối chuyển.

Kinh: "Khi đó, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng: Hay thay Phật tử! Một lần nữa xin thỉnh cầu việc này. Mong vâng theo thần lực của Phật khéo phân biệt về pháp không thể nghĩ bàn này, đã được Phật hộ niệm, khiến cho mọi người dễ tin hiểu. Vì sao? Vì khéo giảng nói về nghĩa của mười địa, chư Phật trong mười phương theo pháp mà hộ niệm, hết thảy Bồ-tát giữ gìn Trí địa này với phương tiện đều siêng năng thực hành. Tại sao vậy? Đây là việc đầu tiên Bồ-tát phải hành trì để thành tựu tất cả pháp của chư Phật.

Thưa Phật tử! Ví như hết thảy thư-chữ-số-ngôn thuyết đều bao gồm trong chương đầu, vì chương đầu là căn bản. Không có việc nêu bày thư-chữ-số-lời nói mà không đưa vào chương đầu. Như vậy, thưa Phật tử! Mười địa này là phần căn bản của hết thảy pháp Phật. Bồ-tát nào thực hành đầy đủ mười địa này thì có khả khả năng được tất cả trí tuệ. Do vậy, kính xin Phật tử giảng nói nghĩa đó. Chư Phật hộ niệm sẽ tăng thêm thần lực khiến người tin, nhận, không thể bị phá hoại".

Luận: Tại sao Thánh giả Giải Thoát Nguyệt lại thưa thỉnh một lần nữa? Đó là chỉ rõ nghi hoặc đối với nơi trường hợp này là khó tránh. Nếu không giảng nói thì mắc nhiều lỗi, hết thảy pháp Phật không thể thành tựu. Do ý nghĩa đó, cho nên thưa thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng một lần nữa. Nếu chư Phật có diệu lực thì có thể khiến phát sinh lòng tin. Tại sao chúng sinh ở trong pháp ấy còn khởi ý hủy báng? Có hai loại quyết định:

1. Quyết định do chiêu cảm từ quả báo.
2. Quyết định do tạo nghiệp.

Có hai loại quyết định này thì oai lực của chư Phật không thể chuyển được.

Những việc phải làm đầu tiên: Tức là phải nương vào A-hàm để hành trì.

Thành tựu hết thảy pháp Phật là chứng đắc trí tuệ. Viết ra (Thư) là

hình tướng của chữ, như hình chữ Tư, hình tướng sư tử... Chữ là âm a, á... Số là danh từ, câu văn, hai yếu tố này là nghĩa của Số. Nói là ngôn ngữ. Tất cả thư-chữ-số-lời nói là phần căn bản của chương đầu.

Kinh: "Bấy giờ, chúng Bồ-tát cùng lúc đồng thanh dùng kệ để thưa thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng:

Trí thượng diệu sạch cấu,
Biện giải vô lượng nghĩa,
Diễn nói êm-hay-đẹp ,
Tương ưng nghĩa chân thật.
Niệm vững-tuệ thanh tịnh,
Là mười lực tâm tịnh,
Phân biệt nghĩa không ngại,
Nói pháp mười địa này.
Định-giới-ý chính sâu,
Lìa ngã mạn-vọng kiến,
Chúng đây không tâm nghi,
Mong được nghe khéo nói.
Như khát nghĩ nước mát,
Như đói nghĩ món ngon,
Như bệnh nghĩ thuốc hay,
Như ong cần mật ngọt.
Chúng tôi cũng như vậy,
Nguyện nghe pháp cam lồ,
Lành thay! Trí thanh tịnh,
Nói địa hơn không cấu,
Đủ mười lực không ngại,
Nói hết đạo Thiện Thệ".

Luận: Kệ thứ nhất khen ngợi việc chứng đắc lực, thành tựu biện tài. Kệ thứ hai, câu đầu là khen ngợi diệu lực của A-hàm, thành tựu biện tài. Do chứng đắc lực là diệu lực của A-hàm lực cho nên có thể giảng nói. Vì vậy mà tán thán. Chữ Trên (Thượng) là tổng. Lại nữa, chữ Trên là chỉ rõ chứng đắc lực, biện tài thù thắng. Tán thán về biện tài có ba loại:

1. Trí chân thật.
2. Thể tánh.
3. Quả.

Trí chân thật: Là trí vô lậu, hơn hẳn trí của hàng Thanh văn, Duyên giác. Cho nên kệ nói: Trí thượng diệu sạch cấu.

Thể tánh: Là thành tựu biện tài vô lượng nghĩa. Kệ nói: Biện giải vô lượng nghĩa.

Quả: Là chữ-nghĩa được thành tựu, lại là thành tựu nghĩa của chữ, nêu bày lưu loát, hơn hẳn. Kệ nói: Diễn nói lời hay đẹp, tương ưng nghĩa chân thật. Câu trên của kệ thứ hai là khen ngợi diệu lực của A-hàm. Kệ viết:

Niệm vững-tuệ thanh tịnh,
Là mười lực, tâm tịnh,
Phân biệt nghĩa không ngại,
Nói pháp mười địa này.

Niệm vững là thọ nhận-giữ gìn, hiển bày sự thuyết giảng. Bồ-tát này ở trong A-hàm có trí tuệ thanh tịnh vô ngại. Như vậy là khen ngợi về diệu lực chứng ngộ và diệu lực của A-hàm xong.

Kế tiếp là khiến người nghe đi vào sự chứng nhập nơi A-hàm, cho nên cầu giảng nói. Thế nào là đi vào chỗ chứng đắc? Là người đã đi vào địa thì khiến họ có được Phật lực. Ai chưa đi vào địa, thì giúp họ bước vào địa. Kệ nói: Là mười lực, tâm thanh tịnh.

Thế nào là chứng nhập nơi A-hàm? Nghĩa là phân biệt vô ngại khiến thọ trì pháp của mười địa.

Như vậy là đã khen ngợi sự thuyết giảng, thành tựu diệu lực chứng nhập, diệu lực của A-hàm xong. Tiếp theo là khen ngợi chúng hội có thể lãnh thọ A-hàm và diệu lực chứng nhập. Kệ nói:

Định-giới-ý chính sâu,
Lìa ngã mạn-vọng kiến,
Chúng đây không tâm nghi,
Nguyện được nghe khéo nói.

Trong kệ này, chữ Duy nguyện là tổng. Duy nguyện có hai loại :

1. Cầu A-hàm.
2. Cầu chánh chứng.

Có hai loại vọng tưởng, không thể nghe được A-hàm: Một là ngã; Hai là mạn. Do ngã mạn cho nên không sinh tâm tôn kính pháp và Pháp sư.

Lại có hai loại vọng tưởng cho nên không thể chứng đắc: Một là kiến; Hai là nghi. Kiến là nhận thức điên đảo. Nghi là không phát sinh lòng tin đối với việc không thể nghĩ bàn. Vọng là vọng tưởng trong nhận thức giống như kiết sử.

Có hai loại đối trị để có thể nghe A-hàm:

1. Định.

2. Giới. Định là tâm được điều phục.

Giới là khéo an trú trong oai nghi.

Lại nữa, có hai loại đối trị để có thể chứng nhập:

1. Chánh kiến.
2. Chánh ý.

Chánh kiến là khéo suy niệm về ý nghĩa. Chánh ý là đạt được hoan hỷ. Sâu là ý vi tế, khéo tư duy. Lại dùng các ví dụ để chỉ rõ sự cầu pháp của đại chúng càng sâu. Kệ nói:

Như khát nghĩ nước mát,
Như đói nghĩ món ngon,
Như bệnh, nghĩ thuốc hay,
Như ong cần mật ngọt.
Chúng tôi cũng như vậy
Nguyện nghe pháp cam lồ.

Bốn ví dụ này, dụ cho bốn loại ý nghĩa, chỉ rõ sự lãnh thọ chân chánh nơi nghĩa Bồ-tát giảng nói. Những gì là bốn?

1. Thọ trì.
2. Trợ lực.
3. Xa lìa.
4. An lạc hạnh.

Nghĩa này là thế nào? Như nước thì không thể nhai nhưng theo chỗ được mà uống. Như vậy về Văn tuệ bắt đầu nghe thì theo đó mà nghe và thọ trì. Như khi ăn thì nhai nuốt, sức nơi thân được hỗ trợ mới thành. Như vậy Tư tuệ thâu nạp chỗ pháp được nghe, trí lực được hỗ trợ để thành. Như uống thuốc hay, thuốc hoạt động sẽ dứt trừ bệnh. Như vậy, đủ Văn-Tư tuệ, thuận theo nghĩa chánh mà tu hành đúng pháp. Xa lìa hết thảy tai họa của tập khí phiền não. Như bầy ong nương vào mật, vui sống nơi trú xứ. Như vậy, Văn-Tư Tu tuệ là nơi nương tựa của quả Thánh. Yêu thích vị của hiện pháp, thọ nhận an lạc để hành trì. Như vậy là khen ngợi người giảng nói, người nghe và thỉnh cầu giảng nói pháp xong.

Sau đó là tán thán ích lợi của pháp được giảng nói, thảy cùng cầu thỉnh. Kệ nói:

Lành thay! Trí thanh tịnh,
Nói địa hơn-không cấu,
Đủ mười lực không ngại,
Nói hết đạo Thiện Thệ.

Lành thay: Là nơi pháp được giảng nói đã khéo đầy đủ. Lành thay có

ba thứ:

1. Nơi nương tựa.
2. Thể tánh.
3. Quả.

- *Nơi nương tựa*: Là tuệ thanh tịnh.
- *Thể tánh*: Là giảng nói về các địa là pháp chưa từng giảng nói thù thắng, là so sánh chỗ hơn của địa.

Vô cấu: Là giảng nói nghĩa không trái ngược. Nói nghĩa trái ngược có ba thứ cấu uế:

1. Nói đảo lộn.
2. Hủy báng Như Lai.
3. Dối gạt người nghe.

- *Quả:* Là đủ mười lực không chướng ngại, là quả của Bồ-đề.

Đã thỉnh cầu như vậy rồi, nhưng Bồ-tát vẫn chối từ không giảng nói. Tại sao không nói? Do sự thỉnh cầu chưa đầy đủ.

**

LUẬN THẬP ĐỊA KINH

QUYỂN 2

Địa 1: ĐỊA HOAN HỶ, Phần 2

Luận: Bồ-tát này, trước thỉnh với tư cách là bậc thượng thủ trong chúng Đồng sinh. Kế đó, thỉnh vì đại chúng. Lại nữa, nhờ vào sự gia hộ của chư Phật Pháp vương để thỉnh. Vì sao? Là nhằm tăng thêm sự kính trọng pháp.

Kinh: "Bấy giờ, Phật Thích-ca Mâu-ni, từ tướng bạch hào giữa hai chân mày, phóng ra ánh sáng rạng rỡ của Bồ-tát lực, với vô số vô lượng ánh sáng dùng làm quyến thuộc. Phóng hào quang như vậy khiến chiếu tỏa khắp mười phương thế giới của chư Phật, không đâu là không phủ trùm. Chiếu xong, ánh sáng trở về trú nơi bản xứ. Mọi khổ não trong ba đường dữ đều ngừng nghỉ. Hết thảy cung điện của ma đều bị che khuất, không hiện bày. Hào quang ấy tỏa sáng đến chúng hội của chư Phật trong mười phương, hiện rõ diệu lực không thể nghĩ bàn nơi cảnh giới của Như Lai. Ánh sáng đó chiếu khắp mười phương thế giới, gia hộ cho trú xứ của hết thảy Như Lai, gia hộ cho người giảng nói pháp và các chúng Bồ-tát. Trên không trung, ánh sáng kia kết thành đài lưới mây rực rỡ đứng yên. Chư Phật mười phương kia lại cũng hiện bày như vậy. Từ tướng bạch hào nơi giữa hai chân mày phóng ra ánh sáng rạng rỡ của Bồ-tát lực, với vô số vô lượng ánh sáng khác làm quyến thuộc. Phóng hào quang như vậy khiến chiếu tỏa khắp mười phương thế giới của chư Phật, không đâu là không phủ trùm. Chiếu xong, ánh sáng trở về trú nơi bản xứ. Mọi khổ não trong ba đường dữ đều ngừng nghỉ. Hết thảy cung điện của ma đều bị che khuất, không hiện bày. Hào quang ấy tỏa sáng đến chúng hội của chư Phật trong mười phương, hiện rõ diệu lực không thể nghĩ bàn nơi cảnh giới của Như Lai. Ánh sáng đó chiếu khắp mười phương thế giới, gia hộ cho trú xứ của tất cả Như Lai, gia hộ cho người giảng nói pháp và các chúng Bồ-tát. Hiển hiện cảnh giới của Như Lai với diệu lực không thể nghĩ bàn, chiếu tới chúng hội lớn của Phật Thích-ca Mâu-ni và thân của Bồ-tát Kim Cang Tạng. Trên không trung, ánh sáng kia cũng kết thành đài lưới mây rực rỡ, đứng yên.

Khi đó, Phật Thích-ca Mâu-ni, từ khoảng giữa hai chân mày, phóng ra hào quang sáng trắng, chiếu đến chúng hội lớn của chư Phật trong mười phương thế giới, tỏa sáng tới thân của các Bồ-tát và tòa sư tử. Đại chúng nơi ấy đều thấy rõ, chư Phật trong mười phương thế giới đều phóng hào quang từ khoảng giữa hai chân mày, chiếu sáng khắp ba ngàn đại thiên thế giới, tới chúng hội lớn của Phật Thích-ca Mâu-ni ở cõi Ta-bà, tới thân của Bồ-tát Kim Cang Tạng và tòa sư tử. Đại chúng ở đây thảy đều thấy rõ.

Bấy giờ, do thần lực của chư Phật, trong đài lưới mây rực rỡ kia, phát ra kệ tụng…".

Luận: Tại sao Đức Như Lai hiện bày diệu lực thần thông bằng cách phóng hào quang để cùng thỉnh? Vì Như Lai này, trước đã gia hộ cho ý, chưa gia hộ cho thân, miệng, không giống với các Phật khác. Vì thế, cho nên nay muốn gia hộ đầy đủ cho thân-miệng.

Tại sao Như Lai không dùng miệng thường, thân thường để gia hộ? Là vì tôn trọng pháp, không xem thường thân mình.

Hào quang này có tám loại nghiệp, hai loại thân. Tám nghiệp là:

1. Nghiệp giác: Là hào quang ấy chiếu sáng nơi thân các Bồ-tát rồi khiến họ tự biết sự gia hộ từ diệu lực của Như Lai. Như Kinh: Phóng ra ánh sáng rạng rỡ của Bồ-tát lực.

2. Nghiệp nhân: Là vô số hào quang đều có vô lượng ánh sáng làm quyến thuộc. Như Kinh: Vô số vô lượng ánh sáng dùng làm quyến thuộc.

3. Nghiệp thâu mở: Mở ra thì hào quang chiếu khắp A-tăng-kỳ vô lượng thế giới. Thâu lại thì trở về nhập vào ánh sáng bình thường. Như Kinh: Phóng ra hào quang này rồi, khiến tỏa chiếu khắp thế giới của chư Phật nơi mười phương, không đâu là không trùm phủ. Chiếu rồi trở về an trú nơi bản xứ.

4. Nghiệp ngừng dứt: Là trừ diệt hết thảy vô số khổ não trong ba đường ác. Như Kinh: Mọi khổ não trong ba đường ác đều được ngừng nghỉ.

5. Nghiệp hàng phục: Là khiến cho ánh sáng, uy thế của tất cả cung ma đều không hiện bày. Chúng thấy rồi vô cùng kinh hoàng khiếp

hãi, không còn quấy loạn thì các chúng sinh có thể giáo hóa. Như Kinh: Hết thảy cung ma đều bị che khuất, không còn hiện bày.

6. Nghiệp cung kính: Là hiện bày thần lực không thể nghĩ bàn của Phật. Như Kinh: Chiếu đến chúng hội của chư Phật trong mười phương thế giới, hiển hiện diệu lực không thể nghĩ bàn nơi cảnh giới của Như

Lai.

7. Nghiệp thị hiện: Là gia hộ cho trú xứ của chư Phật trong mười phương thế giới. Gia hộ cho chúng hội Bồ-tát, khiến chúng này đều trông thấy. Như Kinh: Ánh sáng này chiếu trùm khắp các thế giới trong mười phương, gia hộ cho trú xứ của tất cả Như Lai, gia hộ cho người giảng nói pháp và chúng Bồ-tát.

8. Nghiệp thỉnh cầu: Là phát ra âm thanh nói kệ. Như Kinh: Lúc ấy, nhờ thần lực của chư Phật, từ trong đài lưới mây rực rỡ kia phát ra lời kệ…

Hai thân là gì?

1. Thân như sao chuyển động, đi đến những thế giới của phương khác.

2. Thân như mặt trời ở giữa hư không. Như Kinh: Trên hư không, ánh sáng ấy tạo thành đài lưới mây rực rỡ, đứng yên. Nơi tất cả xứ, cùng lúc được soi chiếu khắp. Như thế, hết thảy chúng sinh nơi này xứ nọ đều cùng trông thấy nhau, như cùng nghe pháp trong một hội. Đó gọi là gia hộ cho thân. Còn gia hộ cho miệng thì sao? Kệ nói:

Chư Phật không ai sánh,
Công đức như hư không,
Mười lực không sợ hãi,
Đứng đầu vô lượng chúng.
Họ Thích-ca pháp sinh,
Gia hộ trên trời -người,
Vâng thần lực chư Phật,
Mở bày tạng Pháp vương.
Hành các địa thượng diệu,
Trí phân biệt nghĩa địa,
Các Như Lai gia hộ,
Hộ niệm các Bồ-tát.
Người này luôn nghe giữ,
Pháp vi diệu như thế,
Các địa tịnh không cấu,
Thứ tự đạt đầy đủ.
Chứng mười loại lực Phật,
Thành Bồ-đề Vô thượng,
Dù ở trong biển cả,
Hay kiếp tận lửa cháy.
Quyết định tin không nghi,

Tất được nghe kinh này,
Trí đạo thắng các địa,
Lần hồi trú nơi địa,
Thứ tự mà giảng nói,
Cảnh giới vô lượng hạnh.

Luận: Hai kệ rưỡi đầu (mười câu) là hiển bày chủ thể gia hộ (Phật) cùng phạm vi được gia hộ. Hai sự gia hộ này chỉ rõ do ý nghĩa nào mà gia hộ. Nếu cầu thỉnh bậc không tôn quý, không phải pháp thù thắng, thì Thánh giả không giảng nói.

Vì sao kệ đầu hiển bày chủ thể gia hộ? Kệ nói: "Gia hộ trên trời-người ". Thế nào là trên trời, người? Là các Đức Phật, Như Lai. Ở đây có nghĩa gì? Có nghĩa là bậc Pháp vương.

Làm sao biết vị ấy là Pháp vương? Do vị ấy thành tựu bốn loại thù thắng:

1. Tự tại thù thắng.
2. Diệu lực thù thắng.
3. Quyến thuộc thù thắng.
4. Chủng tánh thù thắng.

- Thế nào là Tự tại thù thắng của chư Phật? Là giải thoát tự tại khỏi phiền não chướng và trí chướng (sở tri chướng). Tâm trí các Ngài không còn bị chướng ngại, tùy ý nhận lấy nguồn an lạc vô thượng. Làm sao nhận biết? Kệ nói: "Chư Phật không ai sánh" tức là bậc Nhất thiết trí. Lại như hư không, mọi pháp thế gian không thể làm cấu nhiễm.

Mọi vô minh, phiền não, tập khí đều diệt trừ hết.

Vô đẳng là chư Phật so với chúng sinh khác thì các Ngài không có ai sánh bằng. Bằng là Pháp thân của chư Phật và chúng sinh bằng nhau. Tại sao không chỉ nói Vô đẳng? Đây là nêu rõ Đẳng chánh giác.

- Vì sao diệu lực của chư Phật là thù thắng? Do đầy đủ mười lực cho nên có khả năng hàng phục mọi trí tà, phá tan mọi ma oán. Làm sao nhận biết? Kệ nói: Mười lực, bốn vô úy.

- Thế nào là quyến thuộc thù thắng của chư Phật? Là thâu nhiếp đủ cả các chúng Thanh văn, Bồ-tát. Làm sao nhận biết? Kệ nói: "Đứng đầu vô lượng chúng". Các Bồ-tát kia là chúng đứng đầu. Vô lượng là

A-tăng-kỳ. Đứng đầu các chúng, thì Phật là tối thượng trong thế gian.

-Thế nào là chủng tánh thù thắng của chư Phật? Là gia tộc họ hàng thù thắng. Làm sao nhận biết? Kệ nói: Họ Thích-ca pháp sinh. Tại sao chỉ

khen ngợi chủng tánh của Phật này? Là do hiện thấy. Lại nữa, Ngài lấy pháp làm nhà, chứ không phải chỉ là nhà sinh ra.

Nhà pháp là an trú trong pháp như.

Tạo sự gia hộ là Tổng tướng. Gia hộ có hai loại:

1. Gia hộ cho thân đầy đủ: Là nương vào Pháp thân.
2. Gia hộ cho quả đầy đủ: Là chứng đắc quả vị Phật.

Trên hàng trời, người là cũng Tổng, cũng Biệt. Phần còn lại chỉ là biệt. Vì sao kệ thứ hai hiển bày phạm vi được gia hộ? Vì đây là Bồ-tát, còn kia là pháp vương của chư Phật. Vì mở bày nghĩa của Pháp tạng hiện tại cho nên gia hộ. Kệ nói:

Nhận thần lực chư Phật,
Mở bày tạng Pháp vương,
Hành các Địa thượng diệu,
Trí phân biệt nghĩa địa.

Khen ngợi Pháp tạng này có hai loại:

1. Thành tựu về nghĩa tạng.
2. Thành tựu về tự tạng.

- Thế nào là nghĩa tạng? Kệ nói: "Hành các địa thượng diệu". Hành là việc làm của các Bồ-tát. Đó là pháp trợ đạo. Diệu là trí chân thật. Thượng là thần lực vượt hơn hết. Như thế là hiển bày sự thâm điệu tối thắng.

- Thế nào là tự tạng? Kệ nói: "Trí phân biệt nghĩa địa". Phân biệt là nói về chỗ sai khác của mười địa. Tại sao trong kệ này nêu rõ: Là vâng theo thần lực của Phật để giảng nói? Là vì có chúng sinh nảy sinh ý tưởng khinh mạn đối với Như Lai, tự mình không thể thỉnh cầu người khác giảng nói pháp. Đây là ngăn chận ý vừa nói.

Như vậy là đã nói xong phần thỉnh cầu nói pháp. Tiếp theo là hiển bày việc nói pháp lợi người. Có ba khoảng thời gian lợi ích, trong đó có ba kệ. Ba thời gian lợi ích là:

1. Lợi ích lúc nghe pháp.
2. Lợi ích khi tu hành.
3. Lợi ích khi chuyển sinh.

- Thế nào là lợi ích lúc nghe pháp? Kệ nói:

Chư Như Lai gia hộ,
Hộ niệm các Bồ-tát,
Người này nghe thọ trì,
Pháp vi diệu như vậy.

Bồ-tát nghe, thọ trì: Là Phật lực gia hộ. Đó gọi là lợi ích lúc nghe pháp.

Thế nào là lợi ích khi tu hành? Kệ nói:

Các địa tịnh không cấu,
Thứ tự đạt đầy đủ,
Chứng mười loại lực Phật,
Thành Bồ-đề Vô thượng.

Thứ tự đạt được mười địa, tự thân có được mười lực của Phật, thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó là lợi ích khi tu hành.

Thế nào là lợi ích khi chuyển sinh? Kệ nói:

Dù ở nơi biển cả,
Hay kiếp tận, lửa cháy,
Quyết định tin không nghi,
Tất được nghe kinh này.

Dù sinh vào đường lành, đường dữ, nơi có các nạn vẫn được nghe kinh pháp. Thế giới loài rồng, cõi trời Trường Thọ sống lâu cũng được nghe kinh này. Kệ nói: "Dù ở nơi biển cả". Dù ở cõi trời Quang Âm... thuộc Sắc giới cũng được nghe kinh này. Kệ nói: "Hay kiếp tận, lửa cháy".

Người nghe pháp này là đều được lợi ích. Có người không được lợi ích chăng? Không có. Vì sao? Vì có thể đạt được quyết định không nghi.

Ai tin nơi pháp này thì kẻ ấy có thể được lợi ích. Kệ nói: "Quyết định tin không nghi. Tất được nghe kinh này". Như vậy là đã hiển bày xong về lợi ích của việc thỉnh cầu thuyết pháp.

Trên nói: "Trí phân biệt nghĩa địa", là nói pháp được thuyết giảng ở đây có ba loại theo thứ tự.

Kệ thứ sáu phân biệt chỉ rõ về việc này. Kệ nói:

Trí đạo thắng các địa,
Lần lượt trú nơi địa,
Thứ tự mà giảng nói,
Cảnh giới vô lượng hạnh.
Ba loại theo thứ tự là gì?
Theo thứ tự quán.
Theo thứ tự chứng đắc.
Theo thứ tự tu hành.

Câu một, hai, ba đều nói về theo thứ tự. Trí đạo thù thắng là trí đạo thù thắng của mười địa. Giảng nói về mười địa này, hoặc quán xét, hoặc nương dựa đều có thể phát sinh trí các địa. Nhập là bước vào địa. Trú là

chưa chuyển hướng qua địa khác.

Lần lượt là từ địa này chuyển lên địa kia với các trú xứ đó. Hành là thành tựu sự nhập trú lần lượt ấy. Cảnh giới là cảnh giới của hành có vô số khác biệt với hành ấy. Tiệm là theo thứ tự. Giảng nói là trao cho. Như vậy là chỉ dạy về nghĩa gì? Là chỉ rõ hết thảy nhân mà Như Lai có thể giảng nói, làm phát sinh lòng tin chân chánh sau này.

Kinh: "Lúc ấy, Bồ-tát Ma-ha-tát Kim Cang Tạng quán sát mười phương, muốn khiến cho đại chúng vui mừng hơn nữa, phát sinh chánh tín cho nên dùng kệ nói:

Đạo Thánh diệu khó biết,
Không phân biệt lìa niệm,
Khó đạt-vô cấu trược,
Người trí hành theo trí.
Tự tánh thường vắng lặng,
Không diệt cũng không sinh,
Tự thể xưa nay Không,
Có không hai-không cùng.
Xa lìa nơi các cõi,
Cùng đồng tướng Niết-bàn,
Không phải đầu-giữa-sau,
Không ngôn từ, giảng nói.
Vượt ra ngoài ba đời,
Tướng ấy như hư không,
Định diệt, Phật đã hành,
Ngôn thuyết không diễn hết.
Hành địa cũng như vậy,
Khó nói lại khó nghe,
Lìa niệm và nẻo tâm,
Trí khởi cảnh giới Phật.
Không ấm-giới-nhập nêu,
Tâm ý không đuổi kịp,
Như dấu chim không trung,
Khó nói khó thể thấy.
Nghĩa mười địa như vậy,
Nói-nghe không thể đạt,
Ta chỉ nêu một phần,
Từ bi và nguyện lực.
Thứ tự chẳng tâm cảnh,

Trí đủ như tâm tịnh,
Cảnh giới đó khó thấy,
Khó nói tự tâm biết.
Ta vâng Phật lực nói,
Đều cung kính lắng nghe,
Trí vào hành như vậy,
Ức kiếp nói không cùng.
Nay lược nói như thế,
Như thật trú đầy đủ,
Nhất tâm cung kính đợi,
Nhờ Phật lực khéo nói.
Nêu pháp âm thượng diệu,
Dụ tương ưng chữ thiện.
Ngôn thuyết ấy rất khó,
Thần lực Phật vô lượng.
Ánh sáng vào thân Ta,
Nhờ lực ấy, Ta nói".

Luận: Tại sao quán sát mười phương? Là chỉ rõ không còn ngã mạn, không còn tâm thiên vị. Muốn khiến đại chúng vui mừng phấn khích hơn nữa, phát sinh chánh tánh thêm sâu, cho nên nói kệ chỉ cho biết là nói về các địa, tăng thêm ích lợi cho người nghe, đủ sức nhận lãnh ý nghĩa. Vui mừng phấn khích là tâm thanh tịnh không cấu đục. Vui mừng phấn khích có hai loại:

1. Nghĩa lớn lao vui mừng hết mực vì đạt được nghĩa.

2. Vui mừng hết mực vì nói lớn, nhân đây nói lớn là có thể đạt được nghĩa ấy.

Ở đây, năm kệ trước chỉ rõ sự vui mừng hết mực vì ý nghĩa lớn. Thế nào là ý nghĩa lớn? Là nghĩa sâu xa. Thế nào là nghĩa sâu xa? Kệ nói:

Đạo Thánh diệu khó biết
Không phân biệt lìa niệm…

Kệ này dựa vào nghĩa gì để nói? Nương vào trí địa. Làm sao biết là nương vào trí địa? Vì trên đây đã giảng nói là đều nương vào trí địa cả. Càng về sau này có giảng nói, cũng lại nương vào trí địa.

Kệ thứ tư nói: "Trí khởi cảnh giới Phật…" Vi diệu là sao?

Kệ nói: "Khó nhận biết Thánh đạo". Thế nào là khó nhận biết?

Là khi nói khó nhận biết. Lại vì sao khó nhận biết?

Do đạo của bậc Đại Thánh khó nhận biết.

Đại Thánh là chư Phật. Cho nên gọi là vi diệu. Đạo là nhân. Tu hành đạo này thì có thể đi tới chỗ Thánh. Nói khó nhận biết đạo Thánh thì sự vi diệu ấy có hai:

1. Khi giảng nói hết sức vi diệu.
2. Khi chứng đắc cũng rất vi diệu.

Theo thứ tự như vậy, tại sao nói khó nhận biết? Kệ nói: "Không phân biệt lìa niệm… "Không phân biệt là lìa cảnh giới phân biệt. Lìa niệm là tự thể vô niệm. Thánh đạo như vậy gọi là rất vi diệu. Tại sao khó đạt được? Khó đạt được là khó chứng đắc, đó gọi là rất vi diệu. Vì sao lại rất khó đạt được? Kệ nói:

Khó đạt-vô cấu trược,
Người trí hành nơi trí,
Tự tánh thường vắng lặng,
Không diệt cũng không sinh.

Không cấu đục là trong trí không còn vô minh. Có vô minh xen tạp trong trí thì đó là cấu trược.

Người trí hành nơi trí, là chính mình chứng biết. Tự chứng biết là nương vào trí đó phát sinh. Trí ở đây là thấy được nghĩa Thật đế. Lại càng khéo hiểu pháp thì càng khéo đạt được vắng lặng. Lại có trí thế gian tùy theo chỗ nghe mà hiểu biết sáng tỏ.

"Tự tánh thường vắng lặng" là tự tánh lìa khỏi phiền não.

Không phải trước có cấu nhiễm rồi thời gian sau mới lìa bỏ.

Không diệt là không phải một lần chết là mất luôn, vì không buông bỏ việc làm lợi ích cho chúng sinh.

Không sinh là xuất thế gian. Như vậy trí này không an trú trong Niết-bàn cũng như thế gian.

Như thế, do hành quán hết sức vi diệu, chỗ nương tựa hết sức vi diệu, sự thanh tịnh hết sức vi diệu, công đức hết sức vi diệu, gọi là rất khó đạt được.

Trong ấy, sự vi diệu thứ nhất (Hành quán) không giống như Tam-muội của thế gian. Còn các vi diệu thứ hai, thứ ba (chỗ nương dựa, sự thanh tịnh) thì không giống với ngoại đạo tự cho là tôn quý. Vi diệu thứ tư (công đức) thì không đồng với Thanh văn, Phật-bích-chi.

Nơi kệ này, vi diệu là Tổng. Hai loại vi diệu còn lại là Biệt. Lại hiển bày về chỗ khó được. Khi đạt được rất vi diệu là Tổng, bốn loại rất vi diệu còn lại là Biệt. Trí rất vi diệu này có tướng ra sao? Kệ nói:

Tự thể xưa nay Không

Có không hai-không cùng,
Xa lìa nơi các cõi,
Cùng đồng tướng Niết-bàn.
Không phải đầu-giữa-sau,
Không ngôn từ giảng nói,
Vượt ra ngoài ba đời,
Tướng ấy như hư không.

Tướng của trí ấy có hai loại: Là Đồng tướng và Không đồng tướng. Trong phần Đồng tướng, thế nào là tướng, là tướng của trí ấy? Kệ nói: "Tự thể xưa nay Không". Trí tự nó là Không.

Tại sao là Đồng tướng? Vì hết thảy các pháp như đã nói, tự thể của chúng là Không. Tự thể là Không thì nên nhận lấy như thế nào? Như sừng thỏ chăng? Không phải.

Như thế có thể nhận lấy khác với cái Không ấy, trí lại có một cái không khác nữa chăng? Không phải.

Như vậy có thể lãnh hội tự thể của Không kia và Không này, rồi cả hai cùng chuyển biến diệt mất chăng? Không phải.

Làm thế nào để lãnh hội cái tự thể Không ấy? Vì có không hai không tận, cho nên lãnh hội như vậy. Câu này chỉ rõ là lìa khỏi ba loại thâu nhiếp của Không:

1. Lìa sự thâu nhiếp của chê bai.
2. Lìa sự thâu nhiếp của khác biệt.
3. Lìa sự thâu nhiếp của tận diệt.

Có hai loại tụng: Tụng một: "Có không hai, không tận". Tụng hai: "Định không hai, không tận".

Tụng này tuy khác, nhưng cùng làm rõ là thật có. Nếu không thật có thì không thể nói định. Định này là gì? Định này là có thể diệt trừ mọi phiền não, cho nên gọi là Đồng tướng. Không đồng tướng là sao? Nghĩa là tướng thanh tịnh giải thoát. Tướng này lại có hai loại:

1. Được giải thoát ở nơi nào?
2. Giải thoát như thế nào?

Được giải thoát ở nơi nào?. Kệ nói: "Xa lìa nơi các cõi". Ở đây nêu rõ: Các cõi được giải thoát là xa lìa mọi sinh khởi của phiền não và nghiệp.

Giải thoát như thế nào. Kệ nói: "Cùng đồng tướng Niết-bàn". Vì thế gian và Niết-bàn bình đẳng cùng thâu nhiếp nhau, không phải như Thanh văn toàn bộ đều quay lưng với thế gian.

Trí này diệt trừ sạch lậu, là trí ban đầu đoạn trừ hay trí ở giữa, ở sau đoạn trừ? Không phải là trí ban đầu đoạn trừ, cũng không phải trí ở giữa hay trí ở sau đoạn trừ.

Kệ nói: "Không phải đầu-giữa-sau."

Đoạn trừ như thế nào? Như ngọn đèn cháy sáng, không phải chỉ có ban đầu-chặng giữa, hay sau cùng, do chấp giữ cho nên nói có trước-giữa-sau.

Như vậy, giải thoát có thể đồng với sự quán âm thanh khác chăng? Không phải. Thế nào là quán? Kệ nói: "Không ngôn từ giảng nói". Tức là lìa ngôn ngữ. Vậy có thể cho là đồng với trí thế gian, nương tựa vào thế gian chăng? Không phải.

Thế nào là nương tựa? Kệ nói: "Vượt ra khỏi ba đời". Chuyển đổi, nương tựa, mà nương tựa vào thân thường hằng, không phải như ý thức vô thường. Trí nương tựa vào pháp nhân duyên vô thường. Như trong Tu-đa-la (Kinh) nói quyết định nêu bày về giải thoát này, có thể đồng với sự giải thoát của hàng Thanh văn và Duyên giác, trí của họ có chướng ngại đối với sự giải thoát, vậy có thể giải thoát chăng? Không phải. Thế nào là giải thoát? Kệ nói: "Tướng ấy như hư không" tức là không bị tất cả các thứ phiền não gây chướng ngại.

Trí quán như vậy, đoạn trừ phiền não như vậy, quán trên quán như vậy, nương tựa trên nương tựa như vậy, giải thoát như vậy và được giải thoát, như thế đã nói xong.

Trong đó, tự thể Không là Tổng, ba loại Không là Biệt. Giải thoát là Tổng, năm loại giải thoát là Biệt. Kệ nói:

Định-diệt -Phật đã hành,
Ngôn thuyết không diễn hết
Hành địa cũng như vậy,
Khó nói lại khó nghe.

Kệ này, tại sao dùng phương tiện hiển bày trí kia mà làm lu mờ Niết-bàn? Tức là chỉ rõ về Niết-bàn tánh tịnh cho nên kệ nói: Định-diệt.

Định là thành đồng tướng với Niết-bàn, vì tự tánh của nó là vắng lặng.

Diệt là thành không đồng tướng với Niết-bàn mà là phương tiện

phá bỏ chấp về Niết-bàn, chỉ rõ trí duyên nơi diệt. Ai chứng trí này? Kệ nói: Phật đã thực hành.

Ai nói pháp, ai nghe pháp? Không nói, không nghe. Kệ nói: "Ngôn

thuyết không thể đạt."

Ngôn thuyết là dùng ngôn âm để dẫn dắt, tức là danh cú-tự thân.

Tại sao không chỉ nói là vô ngôn?

Vì chỉ ra việc dựa vào lời nói cầu sự hiểu biết.

Trí kia đã như vậy, còn việc làm của địa thì hành tướng như thế nào?

Kệ nói: "Hành địa cũng như vậy, khó nói lại khó nghe."

Địa là cảnh giới. Hành quán là quyến thuộc của trí. Quyến thuộc của trí là đồng hành. Đồng hành là các Ba-la-mật như Đàn Ba-la-mật (Bố thí Ba-la-mật)... Tại sao khó nói lại khó nghe? Kệ nói:

Lìa niệm và nẻo tâm,
Trí khởi cảnh giới Phật,
Không ấm-giới-nhập nêu,
Tâm ý không đuổi kịp.

Kệ này chỉ rõ về Tư tuệ và thức, trí sinh từ quả báo, đó là điều có thể nói. Nhưng trí này không phải là cảnh giới kia vì không giống nhau. Kệ nói: "Trí khởi cảnh giới Phật."

Như ấm-giới-nhập thì có thể nói, còn trí này thì không phải vậy, vì nó lìa văn tự, cho nên không thể nêu bày. Kệ nói: Không ấm-giới-nhập nêu. "Tức là không phải sự nhận biết của nhĩ thức, không phải là ý thức có thể suy lường, do vậy mà không thể nghe. Kệ nói: "Tâm ý không đuổi kịp".

Trí là địa. Trí dấy khởi thì dùng gì để quán sát? Lấy gì làm đồng hành để có thể khởi trí ấy? Vì sao có thể chứng mà không thể nói, không thể nghe? Nay lại dùng ví dụ để làm sáng tỏ nghĩa này. Kệ nói:

Như dấu chim không trung,
Khó nói không thể thấy,
Nghĩa mười địa như vậy,
Nói-nghe không thể được.

Kệ này nêu bày nghĩa gì? Như chim bay nơi không trung, dấu vết của nó không thể nói, tướng cũng không thể thấy. Vì sao? Tướng của hư không và dấu chim đều không thể phân biệt được., chẳng phải là không có dấu vết bay qua bầu trời. Như vậy, chỗ ở của dấu chim gọi là trú xứ của danh-cú-tự thân.

Chỗ thâu nhiếp trí chứng đắc của Bồ-tát địa là không thể nói được, không thể nghe được. Vì sao? Vì nó không phải như tánh của âm thanh, không phải là không có danh cú tự thân của trí địa. Nghĩa sâu xa ở

đây được chỉ ra khiến cho đại chúng vui mừng hết mực. Tại sao Ta lại nói như vậy? Các vị không nên theo như âm thanh mà chấp giữ lấy

nghĩa. Bám theo tiếng mà hiểu nghĩa thì mắc năm lỗi:

1. Không chánh tín.
2. Dũng mãnh bị thoái chuyển.
3. Dối gạt kẻ khác.
4. Hủy báng Phật.
5. Khinh rẻ pháp.

Đại chúng tự biết là không mắc năm lỗi này cho nên mới nói nghĩa sâu xa. Lại hiển bày việc giảng nói điều lớn lao khiến sinh chánh tín. Tiếp theo là nói năm kệ:

Ta chỉ nói một phần,
Từ bi và nguyện lực,
Thứ tự chẳng tâm cảnh,
Trí đủ như tâm tịnh.
Cảnh giới ấy khó thấy,
Khó nói tự tâm biết,
Ta vâng Phật lực nói,
Đều cung kính lắng nghe.
Trí vào hành như vậy,
Ức kiếp nói không cùng,
Nay lược nói như thế,
Như thật trú đầy đủ.
Nhất tâm cung kính đợi,
Vâng Phật lực khéo nói,
Nêu pháp âm thượng diệu,
Dụ tương ưng chữ thiện.
Ngôn thuyết ấy rất khó,
Thần lực Phật vô lượng,
Ánh sáng vào thân Ta,
Nhờ lực ấy Ta nói.

Nghĩa của mười địa, trước nói là không thể nói được, nghe được, nay bảo là: Ta chỉ nói một phần. Lời này có nghĩa gì? Có hai loại thuộc về địa này: Là phần nhân và phần quả.

Nói tức là giải thích. Một phần là phần nhân nơi phần quả, cho nên bảo: Ta chỉ nói một phần. Ở đây, nói về sự lớn lao có ba loại:

1. Nhân thành tựu lớn.

2. Nhân thứ tự thành tựu lớn.

3. Giáo hóa, nói pháp, tu tập, thành tựu lớn.

Thế nào là nhân thành tựu lớn? Kệ nói: "Từ bi và nguyện lực". Từ

là cùng ban cho nhân quả vui mừng. Bi là cùng cứu khỏi nhân quả khổ não. Nguyện là phát tâm mong đạt đại Bồ-đề. Từ bi và nguyện lực này, sự siêng năng tu tập lâu dài, khác với hàng Nhị thừa.

Thế nào là nhân thứ tự thành tựu lớn? Kệ nói: Thứ tự. Thứ tự là nói về văn-tư-tuệ đều theo thứ tự, cho đến khi có thể phát sinh nhân của trí xuất thế gian.

Thế nào là giáo hóa-nói pháp-tu tập được thành tựu lớn?

Có hai loại:

1. Tu đầy đủ.

2. Tu quán.

Tu đầy đủ, như kệ nói: "Không phải là tâm cảnh". Câu này chỉ rõ Văn-Tư tuệ là cảnh giới của tâm, chính là nhân của trí có thể phát sinh trí xuất thế gian. Nhưng trí này không đầy đủ như trí xuất thế gian của các địa kia. Kệ nói: "Trí đủ như tâm tịnh". Như tâm tịnh là như tâm xuất thế gian thanh tịnh, có thể làm đầy đủ cho trí nơi các địa kia. Còn tu quán? Như kệ nói:

Cảnh giới ấy khó thấy,
Khó nói tự tâm biết,
Ta vâng Phật lực nói,
Đều cung kính lắng nghe.

Kệ này hiển bày nghĩa gì? Cảnh giới ấy khó thấy. Tự tâm thanh tịnh thì có thể thấy. Cảnh giới ấy không thể nói. Giáo hóa-nói pháp-tu tập thành tựu như vậy là xong. Trong thuyết pháp, không thể chứng đắc được là do có hai lỗi: Lỗi của người nói và lỗi của kẻ nghe.

Lỗi của người nói có hai loại:

1. Nói pháp không được Phật tùy hỷ.

2. Thuyết pháp không bình đẳng. Kẻ nghe cũng có hai loại lỗi:

1. Lỗi của kiến chấp, sinh tranh cãi, cho pháp của mình là đúng, pháp của kẻ khác là sai. Chấp trước vào những loại nhận thức như vậy.

2. Không cung kính đối với người nói pháp, ở đây chỉ rõ người giảng nói không mắc lỗi gì.

Người nói tự bảo: Ta nói đây là được chư Phật tùy hỷ. Kệ nêu:

Vâng Phật lực Ta nói, hãy cùng lắng nghe. Tiếp đến là khuyên bảo người nghe để đề phòng hai lỗi ấy. Kệ nói: "Đều cung kính lắng nghe". Lần lượt hứa nói như vậy, nhưng đại chúng chưa biết nói rộng hay nói lược. Không thể nói rộng mà chỉ hứa là nói lược thôi, nhưng ý nghĩa của địa vẫn đầy đủ. Như kệ thứ ba nói:

Trí vào hành như vậy,
Ức kiếp nói không cùng,
Nay nói lược như thế,
Như thật trú đầy đủ.

Trí vào hành tức là chỗ nêu giảng về pháp của các địa, chúng sinh dùng trí để hội nhập. Thế nào là hội nhập? Là thâu nhiếp như thật một cách đầy đủ. Hội nhập rồi theo như hành mà tu tập đầy đủ, chỉ rõ chỗ thâu nhiếp nghĩa nói rộng kia

An trú là quyết định ở yên trong nhà của Như Lai. Trước đây, ta nói đều cung kính lắng nghe là vậy. Nếu thiếu điều ấy thì không nói. Cung kính như thế nào? Kệ nói:

Nhất tâm cung kính đợi,
Vâng Phật lực khéo nói,
Nêu pháp âm thượng diệu,
Dụ tương ưng chữ thiện.

Nhất tâm cung kính đợi có hai loại:

1. Thân chính thức cung kính đợi: Trú yên với oai nghi, đủ khả năng nhận lãnh pháp giảng nói.

2. Tâm chính thức cung kính đợi: Như tâm quyết định có thể nhận lãnh nhớ giữ. Câu này khuyên bảo hai loại cung kính đợi là thân và tâm.

Khéo nói là chỉ rõ mình không dua nịnh, không kiêu mạn.

Vâng theo Phật lực là chỉ rõ mình không có tăng thương mạn. Nửa kệ sau nói: Pháp âm thượng diệu dụ cho sự tương ưng với chữ thiện. Câu này chỉ rõ về việc gì? Nhờ vào việc gì? Việc ấy như thế nào? Nương tựa vào việc gì?

Chỉ rõ về việc gì, tức là nói pháp tối thượng.

Nhờ vào việc gì, tức là nhờ vào âm thanh vi diệu.

Việc ấy như thế nào? Là ví dụ tương ưng.

Nương tựa vào việc gì, là nương tựa vào chữ thiện.

Tất cả ta đều khéo giảng nói. Lại, tương ưng là thí dụ cùng tương ưng. Chữ thiện (khéo) có hai loại tướng:

1. Khéo tùy thuận theo âm của phương ngôn.

2. Chữ-câu đều viên mãn, không thêm không bớt, tương ưng với lý, cho nên gọi là chữ thiện. Trước nói vâng theo thần lực của Phật, nhưng chưa nêu rõ lực ấy như thế nào. Kệ thứ năm chỉ rõ các việc nơi thần lực của Phật. Kệ nói:

Ngôn thuyết ấy rất khó,
Thần lực Phật vô lượng,
Ánh sáng vào thân ta,
Nhờ lực ấy Ta nói.

Đã nói xong phần Thỉnh cầu. Từ đây trở xuống là chính thức nói về Địa thứ nhất. Nơi phần Thuyết giảng này, nêu bày về những việc gì? Phân biệt có ba loại: Trú, Giải thích tên gọi và An trú. Trú có bốn loại: Nương tựa vào thân nào? Vì nghĩa gì? Do nhân gì? Có tướng gì? Khi Bồ-tát phát sinh tâm kia tức là trú ở Địa thứ nhất, đó gọi là trú. Trong đó, các Phật tử khéo tích tập căn thiện.

Như vậy, bốn mươi câu là nói về việc của trú này. Đầu tiên là nói nương vào thân nào để sinh tâm như thế?

Kinh: "Này các Phật tử! Nếu chúng sinh có thể phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người ấy phải:

"Tích tập sâu dày mọi căn thiện. Khéo tích tập các hành động lành. Khéo tập hợp các hành Tam-muội. Khéo cúng dường chư Phật. Khéo gom góp các pháp thanh tịnh. Được bậc thiện tri thức khéo hộ niệm. Giỏi làm thanh tịnh tâm ý. Hội nhập vào tâm rộng sâu. Tin ưa pháp lớn, thích cầu đạt trí tuệ Phật. Hiện bày đại từ bi".

Luận: Mười câu như thế là nói nương tựa vào thân nào? Sự tích tập ấy có chín loại:

1. Công việc tích tập điều thiện làm quyến thuộc cho trì giới. Như Kinh: Khéo tích tập các hạnh thiện.

2. Dùng định tập hợp các điều thiện làm quyến thuộc cho Tam-muội. Như Kinh: Khéo tập hợp các hành Tam-muội. Hành Tam-muội thì hành quán tăng thêm.

3. Thân cận tu tập, khéo tu tập trí văn tuệ. Như Kinh: Khéo cúng dường chư Phật.

4. Tích tập trí tư tuệ, khéo suy nghĩ về các pháp thiện như các Ba-la-mật. Như Kinh: Khéo tích tập pháp thanh tịnh.

5. Giữ, chứa tu hành, thực chứng, khéo được dạy trao. Như Kinh: Được bậc thiện tri thức khéo hộ niệm.

6. Tâm thanh tịnh tập hợp được chánh trí xuất thế gian. Như Kinh: Khéo làm thanh tịnh tâm.

7. Tích tập tâm sâu xa để làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh. Như Kinh: Đi vào tâm rộng sâu.

8. Tập hợp tín tâm cầu trí Nhất thiết trí. Như Kinh: Tin ưa pháp Đại thừa, dốc cầu trí tuệ Phật.

9. Hiện tích tập nhiều hạnh từ bi. Như Kinh: Hiện bày đại từ bi. Trong đó, Từ nhớ nghĩ, dựa vào khổ khổ và hoại khổ, còn Bi thì dựa vào hành khổ. Ở đây, hai loại tích tập đầu là chỉ rõ về Giới học tăng thượng, Định học tăng thượng, thực hành tích tập điều thiện để làm quyến thuộc cho trì giới. Định tích tập các điều thiện để làm quyến thuộc cho Tam-muội. Tiếp theo có bốn tích tập là chỉ rõ về tuệ học tăng thượng. Thân cận tích tập điều thiện là tu tập trí Văn tuệ. Tích tập trí Tư tuệ là khéo suy nghĩ về các pháp thiện như các Ba-la-mật. Giữ gìn tích tập, tu hành, thực chứng là khéo được dạy truyền. Tâm tịnh tích tập để được trí xuất thế gian.

Ba tích tập sau là chỉ rõ sự vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật. Tập hợp tâm sâu xa là để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tích tập lòng tin để cầu trí Nhất thiết trí, hiện rõ tích tập nhiều hạnh từ bi.

Trong mười câu này, dày công tích tập mọi căn thiện là Tổng, chín loại còn lại là Biệt. Tích tập là Đồng tướng, còn Biệt là Dị tướng. Thành là nói lược, Hoại là nói rộng.

Đã nói xong phần dựa vào thân nào để phát sinh tâm như vậy.

Tiếp theo là nói vì ý nghĩa gì mà phát sinh tâm như vậy.

Kinh: "Bồ-tát Ma-ha-tát sinh tâm như vậy là để: Đạt được trí của Phật. Được sức mạnh của mười lực. Được hoàn toàn không sợ hãi. Được pháp bình đẳng của Phật. Được cứu độ hết thảy thế gian. Làm thanh tịnh tâm đại từ bi. Được trí trọn vẹn về mười phương.

Được trí thanh tịnh, không bị mọi thứ trong thế gian làm chướng ngại.

Được chỉ trong một niệm biết rõ việc của ba đời. Được chuyển đại pháp luân, dứt mọi sự sợ hãi".

Luận: Trí Phật nói ở đây là Trí vô thượng, đầy đủ biết (khổ) đoạn (tập) chứng (diệt) tu (đạo). Trí Phật này có chín loại nghiệp khác nhau. Vì mong cầu trí ấy cho nên sinh tâm như vậy.

1. Nghiệp hỏi ghi của trí Phật lực: Đây là trí lực hỏi ghi của Như Lai về thị xứ phi xứ, như trong Tu-đa-la đã nêu. Như kinh này nói: Đạt được sức mạnh của mười lực.

2. Nghiệp phá trừ tà thuyết của trí Phật vô úy. Như Kinh: Đạt được sự vô úy lớn lao.

3. Nghiệp đạt được người-pháp vô ngã dạy trao cho chúng sinh chứng nhập của trí Phật bình đẳng. Như Kinh: Vì đạt được pháp bình đẳng của Phật.

4. Nghiệp dùng bốn nhiếp pháp giáo hóa chúng sinh của trí Phật cứu độ. Như Kinh: Để cứu độ hết thảy thế gian.

5. Nghiệp làm thanh tịnh là nhân cứu độ giáo hóa của trí Phật thanh tịnh. Như Kinh: Làm thanh tịnh tâm đại từ bi.

6. Nghiệp dùng Phật nhãn quán xét chúng sinh nơi thế gian của trí Phật trọn vẹn. Như Kinh: Đạt được trí trọn vẹn về mười phương.

7. Nghiệp tạo cho tất cả thế giới không chướng ngại, không cấu nhiễm, ứng hóa tự nhiên khiến tin tưởng của trí Phật không nhiễm. Như Kinh: Được trí thanh tịnh, hết thảy thế giới không bị chướng ngại.

8. Nghiệp ở trong một niệm nhận biết tâm, nẻo hành tâm của chúng sinh ba đời của trí Phật tỉnh giác. Như Kinh: Đạt được trong một niệm biết rõ các sự việc ba đời.

9. Nghiệp tạo phương tiện thiện xảo, đạt giải thoát của trí Phật chuyển pháp luân. Cùng một lúc chuyển pháp luân lớn trong trăm ức cõi Diêm-phù-đề. Như Kinh: Được chuyển pháp luân lớn, không còn mọi sợ hãi.

Phát sinh tâm như vậy thì chính là trong phần căn bản nói: Này chư Phật tử! Bồ-tát này nguyện khéo quyết định… Vì sao chỉ nói sinh tâm mà không nói sinh trí cùng với các pháp tâm số khác? Vì trong tâm đã thâu nhiếp đầy đủ tri-đoạn-chứng-tu và hết thảy pháp trợ đạo.

Đã nói xong phần vì ý nghĩa gì mà phát sinh tâm như vậy. Tiếp theo là nói do nhân gì mà sinh tâm như vậy.

Kinh: "Tâm ấy dùng đại bi làm đầu, lấy trí tuệ với phương tiện thiện xảo tăng thượng làm chỗ thâu nhiếp, tâm ngay thẳng sâu xa hoàn toàn tinh thuần, oai lực vô lượng của Như Lai, trí lực khéo quyết định lực của chúng sinh, tùy thuận trí tự nhiên có thể thọ nhận hết thảy pháp Phật, dùng trí tuệ để giáo hóa, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, cho đến tận cùng đời vị lai".

Luận: Dùng đại bi làm đầu, Bi có chín loại lớn lao:

1. Lớn về tăng thượng: Khổ càng vi tế thì trí càng tăng thượng sinh khởi. Như Kinh: Trí tuệ tăng thượng. Trí là quán xét về nhân, quả thuận, nghịch, nhiễm, tịnh. Tuệ là quán xét sự khác biệt của tự tướng,

đồng tướng.

2. Lớn về thâu nhiếp: Cứu khổ chúng sinh, thâu nhiếp bằng phương tiện thiện xảo. Như Kinh: Dùng phương tiện thiện xảo làm chỗ thâu nhiếp.

3. Lớn về sự tinh thuần: Lúc hướng đến chấp thuận cho tới tận cùng cảnh giới của chúng sinh, luôn tạo lợi ích cho muôn loài với tâm Bi tăng thượng. Như Kinh: Trực tâm, thâm tâm đều hết mực tinh thuần.

4. Lớn về vô lượng: Thâu nhiếp vô lượng diệu lực của Như Lai. Như Kinh: Diệu lực của Như Lai là vô lượng.

5. Lớn về quyết định: Quyết định thượng diệu, tin vào trí sâu xa, vào sự đối trị thù thắng. Như Kinh: Khéo quyết định về trí lực, về lực của chúng sinh.

6. Lớn về tùy thuận: Là tùy thuận vào chánh giác Bồ-đề. Như Kinh: Tùy thuận trí tự nhiên.

7. Lớn về chánh thọ: Có khả năng nhận lấy chánh pháp lớn lao thù thắng để dạy bảo trao truyền cho chúng sinh. Như Kinh: Có khả năng nhận lãnh hết thảy pháp Phật, dùng trí tuệ giáo hóa chúng sinh.

8. Lớn về chỗ vi diệu tột bậc: Tức thâu nhận mọi công đức thù thắng vi diệu. Như Kinh: Rộng lớn như pháp giới.

9. Lớn về sự an trú cùng tận: Tức là đạt được vô lượng quả yêu thích, là nhân đạt đến cảnh giới Niết-bàn. Như Kinh: Rốt ráo như hư không, cùng tận đến đời vị lai.

Đã nói xong về phần do nhân nào mà phát sinh tâm như vậy. Tiếp đến là nói khi tâm ấy phát sinh thì có những tướng gì.

Kinh: "Bồ-tát phát sinh tâm như vậy, lập tức vượt qua hàng phàm phu, bước vào quả vị Bồ-tát, sinh vào nhà Phật, thuộc tộc họ tôn quý, không thể chê trách. Vượt qua hết thảy nẻo thế gian, bước vào đạo xuất thế gian, an trú trong pháp của Bồ-tát, ở tại chánh xứ của Bồ-tát, hội nhập nơi pháp chân như của ba đời, trong chủng tánh của Như Lai, nhất định đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn vẹn.

Bồ-tát an trú trong pháp như vậy, gọi là trú nơi địa Hoan hỷ của Bồ-tát, vì đây là pháp bất động".

Luận: Vượt qua hàng phàm phu, do vượt qua hàng phàm phu, tức là chỉ rõ chứng được Thánh đạo xuất thế gian. Có tám loại vượt qua:

1. Vượt qua sự bước vào quả vị đầu tiên là thành tựu tâm xuất thế gian, như mới trú thai là pháp tương tợ. Như Kinh: Bước vào quả vị Bồ-tát.

2. Vượt qua nhà: Nhà được sinh ra là pháp tương tợ. Như Kinh: Sinh vào nhà Phật.

3. Vượt qua về chủng tánh: Pháp tương tợ như con cho nên phát sinh hạnh Đại thừa. Như Kinh: Chủng tánh tôn quý không bị chê trách.

4. Vượt qua đạo: Thâu nhiếp toàn bộ đạo thế gian và xuất thế gian không thâu nhiếp được. Đạo khác phát sinh là pháp tương tợ. Như Kinh: Vượt qua hết thảy đạo thế gian, bước vào đạo xuất thế gian.

5. Vượt qua Thể của pháp: Lấy đại Bi làm Thể, khi làm việc cho kẻ khác tức là việc của mình. Thể của tự thân là pháp tương tợ. Như Kinh: An trú trong pháp của Bồ-tát.

6. Vượt qua nơi chốn: Không bỏ thế gian, theo phương tiện không cấu nhiễm cho nên khéo léo an trú. Trú xứ là pháp tương tợ. Như Kinh: Trú vào chánh xứ của Bồ-tát.

7. Vượt qua nghiệp: Thuận với không của Thánh trí, vì sinh mạng là pháp tượng tợ. Như Kinh: Nhập vào pháp chân như của ba đời.

8. Vượt qua tất định: Tức là Phật chủng không bị dứt mất rốt cùng là đạt đạo Niết-bàn, thành tựu là pháp tương tợ. Như Kinh: Trong chủng tánh của Như Lai, nhất định đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng một cách trọn vẹn.

Như thế, thị hiện đời sống của hàng phàm phu, đời sống của Bồ-tát, nhập thai không giống nhau. Có phiền não, không phiền não, thứ tự về nhà như vậy là không giống nhau. Chủng tánh không giống nhau, đạo không giống nhau, Thể không giống nhau, nơi chốn không giống nhau, nghiệp của đời sống không giống nhau, thành tựu không giống nhau. Như thế là đã nói về trú trong địa này, đó gọi là trú. Như Kinh: Bồ-tát trú pháp như vậy gọi là trú địa Hoan hỷ của Bồ-tát, vì đây là pháp Bất động.

Đã nói xong về nghĩa trú. Tiếp đến giải thích về tên gọi. Thế nào là nói nhiều về hoan hỷ mà mang tên là hoan hỷ? Hoan hỷ do cái gì? Trong địa này Bồ-tát hoan hỷ lại phải dùng niệm nào? Trước nói mười câu, sau nói hai mươi câu.

Kinh: "Chư Phật tử! Bồ-tát này trú trong địa Hoan hỷ của Bồ-tát thành tựu nhiều hoan hỷ, nhiều tin kính, nhiều niệm yêu mến, nhiều vui mừng, nhiều thuận hợp, nhiều phấn khích, nhiều khả năng nhận lãnh, nhiều điều không hủy hoại ý kẻ khác, nhiều điều không não hại chúng sinh, nhiều điều không sân hận".

Luận: Hoan hỷ là Tâm hỷ, Thể hỷ, Căn hỷ. Hoan hỷ này có chín loại:

1. Hoan hỷ vì tôn kính: Là tôn kính đối với Tam bảo. Như Kinh: Nhiều tin kính.

2. Hoan hỷ vì yêu mến: Là ưa thích quán chiếu về pháp chân như. Như Kinh: Có nhiều niệm yêu mến.

3. Hoan hỷ vì chúc mừng: Là tự biết những điều mình đã chứng đắc, thấy nó là thù thắng. Như Kinh: Có nhiều vui mừng.

4. Hoan hỷ vì thuận hợp: Là tự thân tâm tràn ngập sự thành tựu. Như Kinh: Có nhiều thuận hợp.

5. Hoan hỷ vì phấn khích: Là tự thân tràn ngập sự đầy đủ tăng thượng. Như Kinh: Có nhiều phấn khích.

6. Hoan hỷ vì đủ sức nhận lãnh: Là tự thấy mình đến gần Bồ-đề. Như Kinh: Có nhiều khả năng nhận lãnh.

7. Hoan hỷ vì không bị hủy hoại: Tức là khi luận bàn, giải thích, tự tâm điều phục, tâm không bị loạn động. Như Kinh: Có nhiều điều không hủy hoại ý kẻ khác.

8. Hoan hỷ vì không não hại: Là khi thâu nhiếp giáo hóa chúng sinh, luôn lấy từ bi tạo sự thuận hợp, hòa dịu. Như Kinh: Có nhiều điều không não hại chúng sinh.

9. Hoan hỷ vì không sân hận: Là khi thấy các chúng sinh có oai nghi bất chính, không theo như chỗ giảng nói để tu hành, nhưng Bồ-tát vẫn nhẫn chịu không nổi giận. Như Kinh: Có nhiều điều không sân hận.

Đã nói xong về phần nhiều hoan hỷ.

Tiếp nói: Do niệm (nhớ nghĩ) gì mà thành hoan hỷ? Sẽ nói đến trong câu thứ hai mươi và ba mươi. Niệm này có hai loại: Niệm sẽ đạt được và niệm hiện đạt được. Thế nào là niệm sẽ đạt được?

Kinh: "Chư Phật tử! Bồ-tát trú ở địa Hoan hỷ này: Phát sinh tâm hoan hỷ vì nhớ (niệm) chư Phật.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì nhớ các pháp của chư Phật. Phát sinh tâm hoan hỷ vì nhớ các Đại Bồ-tát.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì nhớ những việc làm của Bồ-tát.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì nhớ tướng thanh tịnh của các Ba-la-mật.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì nhớ nghĩ về địa của các Bồ-tát đối chiếu thấy rõ sự thù thắng.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì nhớ về diệu lực của Bồ-tát không thoái chuyển.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì nhớ pháp giáo hóa của Như Lai.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì nhớ có thể tạo lợi ích cho chúng sinh. Phát sinh tâm hoan hỷ vì nhớ về sự hội nhập trí hành của hết thảy

Như Lai".

Luận: Thế nào là niệm? Là nghĩ rằng mình cũng sẽ đạt được như Phật đã đạt được. Nhớ (niệm) đến Phật như vậy có chín loại:

1. Nhớ pháp của Phật. Như Kinh: Nhớ pháp của chư Phật cho nên sinh tâm hoan hỷ.
2. Nhớ đến Bồ-tát của Phật. Như Kinh: Nhớ Đại Bồ-tát cho nên sinh tâm hoan hỷ.
3. Nhớ sự hành hóa của Phật. Như Kinh: Nhớ việc làm của Bồ-tát, cho nên sinh tâm hoan hỷ.
4. Nhớ sự thanh tịnh của Phật. Như Kinh: Nhớ tướng thanh tịnh các Ba-la-mật cho nên sinh tâm hoan hỷ.
5. Nhớ sự thù thắng của Phật. Như Kinh: Nhớ về địa của các Bồ-tát đối chiếu thấy rõ sự thù thắng cho nên sinh tâm hoan hỷ.
6. Nhớ sự không thoái chuyển của Phật. Như Kinh: Nhớ diệu lực của Bồ-tát không thoái chuyển cho nên sinh tâm hoan hỷ.
7. Nhớ sự giáo hóa của Phật. Như Kinh: Nhớ pháp giáo hóa của các Đức Như Lai cho nên sinh tâm hoan hỷ.
8. Nhớ Phật đem lại ích lợi. Như Kinh: Nhớ về việc có thể tạo ích lợi cho chúng sinh cho nên sinh tâm hoan hỷ.
9. Nhớ đến sự hội nhập nơi Phật. Như Kinh: Nhớ việc hội nhập nơi trí hành của hết thảy Như Lai cho nên sinh tâm hoan hỷ.

Ở đây hai niệm đầu là cùng nhớ về Phật: Nghĩ rằng mình sẽ chứng đạt được như Phật. Nhớ đến pháp của Phật là nhớ nghĩ về pháp của chư Phật. Phật và pháp của Phật là hai niệm. Nhớ đến Bồ-tát của Phật và nhớ đến các Bồ-tát là hai niệm. Nhớ đến việc làm của Phật, nhớ đến việc làm của Bồ-tát. Thứ tự như vậy có sáu câu.

Nhớ Phật thanh tịnh: Nhớ tướng thanh tịnh của các Ba-la-mật. Nhớ đến sự thù thắng của Phật. Nhớ tới địa của các Bồ-tát đối chiếu thấy rõ sự hơn hẳn. Nhớ sự không thoái chuyển của Phật. Nhớ diệu lực của Bồ-tát không thoái chuyển. Nhớ sự giáo hóa của Phật. Nhớ pháp giáo hóa của các Như Lai. Nhớ Phật tạo ích lợi. Nhớ tới việc có thể tạo ích lợi cho chúng sinh. Nhớ đến sự hội nhập của Phật. Nhớ tới sự hội nhập nơi trí hành của hết thảy Như Lai. Tùy theo chỗ mà làm sáng tỏ hạnh của Bồ-tát. Dùng cái gì để làm sáng tỏ? Các niệm như vậy đều cho nên biết.

Lại nữa, lấy gì để làm sáng tỏ các pháp Ba-la-mật kia là thanh

tịnh? Làm sáng tỏ như thế nào để hiển bày hành nơi địa Bồ-tát, để so sánh chỗ hơn hẳn chuyển lên cao hơn do đã đi tới địa cuối cùng. Phần còn lại ở đây là được pháp giáo hóa, làm lợi ích cho chúng sinh, hành không giả dối bước vào địa hành của Như Lai.

Nơi phần này nhớ đến sự hành hóa của Phật vừa là Tổng vừa là Biệt. Đã nói về phần niệm sẽ đạt được cho nên sinh tâm hoan hỷ. Tiếp theo nói về niệm hiện đang đạt được cho nên sinh tâm hoan hỷ.

Kinh: "Chư Phật tử! Bồ-tát lại nghĩ như vậy:

Phát sinh tâm hoan hỷ vì mình chuyển lìa khỏi mọi cảnh giới của thế gian.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì gần bước vào trú xứ của Như Lai. Phát sinh tâm hoan hỷ vì xa lìa khỏi hàng phàm phu.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì tới gần bên cõi trí tuệ. Phát sinh tâm hoan hỷ vì đoạn trừ hết các đường ác.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì làm nơi nương tựa cho tất cả chúng sinh.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì gần thấy hết thảy chư Phật.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì được sinh vào cảnh giới của chư Phật. Phát sinh tâm hoan hỷ vì hội nhập vào pháp chân như của tất cả Bồ-tát.

Phát sinh tâm hoan hỷ vì mình xua tan mọi chuyện kinh hãi".

Luận: Mình chuyển lìa khỏi mọi cảnh giới của thế gian là chuyển lìa khỏi các việc chấp giữ của hàng phàm phu. Sự chuyển lìa này có chín loại:

1. Chuyển lìa để hội nhập. Như Kinh: Bước vào gần với trú xứ của Như Lai cho nên sinh tâm hoan hỷ.
2. Chuyển lìa vì cách xa. Như Kinh: Xa lìa hàng phàm phu cho nên sinh tâm hoan hỷ.
3. Chuyển lìa vì gần tới nơi. Như Kinh: Đến gần cõi trí tuệ cho nên sinh tâm hoan hỷ.
4. Chuyển lìa vì đoạn trừ. Như Kinh: Đoạn trừ hết thảy mọi đường ác, cho nên sinh tâm hoan hỷ.
5. Chuyển lìa vì nương tựa. Như Kinh: Làm nơi nương tựa cho tất cả chúng sinh cho nên sinh tâm hoan hỷ.
6. Chuyển lìa vì thấy gần. Như Kinh: Thấy gần hết thảy chư Phật cho nên sinh tâm hoan hỷ.
7. Chuyển lìa vì được sinh. Như Kinh: Sinh vào cảnh giới chư Phật cho nên sinh tâm hoan hỷ.

8. Chuyển lìa vì bình đẳng. Như Kinh: Bước vào pháp chân như của hết thảy Bồ-tát, cho nên sinh tâm hoan hỷ.

9. Chuyển lìa vì xả bỏ. Như Kinh: Mình lìa khỏi mọi sự sợ hãi khủng khiếp cho nên sinh tâm hoan hỷ.

Trong này, chuyển lìa để hội nhập là chỉ rõ sự không giống nhau. Chuyển lìa vì cách xa, chuyển lìa vì tới gần là chỉ rõ về tự thân không giống nhau. Sáu câu còn lại là: Chuyển lìa vì đoạn trừ, chuyển lìa vì nương tựa, chuyển lìa vì thấy gần, chuyển lìa vì được sinh, chuyển lìa vì bình đẳng, chuyển lìa vì xả bỏ. Thứ tự làm như vậy là hành không giống nhau, cùng đắp đổi nương tựa không giống nhau, tha lực không giống

nhau, nơi chốn không giống nhau, sinh nghiệp không giống nhau, thành tựu không giống nhau.

Sợ hãi là không yêu thích, nghi ngờ, lo lắng, ưu phiền, các tưởng ấy tương ưng với tâm. Lại nữa, tướng thân khác nhau như việc lông tóc dựng đứng ... Tiếp theo nói thế nào là sợ hãi. Đâu là nhân của sợ hãi? Xa lìa nhân ấy thì không còn sợ hãi.

Kinh: "Tại sao vậy? Bồ-tát Ma-ha-tát này được địa Hoan hỷ rồi, thì hết thảy mọi thứ sợ hãi hiện có đều xa lìa. Đó là sợ hãi không sống nổi, sợ hãi tiếng tăm xấu ác, sợ hãi cái chết, sợ hãi đọa vào đường ác, sợ hãi uy đức của đại chúng. Bồ-tát lìa tất cả các thứ sợ hãi như thế. Vì sao? Vì Bồ-tát này đã lìa hết tướng ngã, thân hãy còn không tham tiếc huống nữa là mọi việc cần dùng, vì vậy cho nên không còn sợ hãi, không sống nổi. Tâm không mong cầu được cung kính cúng dường: Ta phải cúng dường cho hết thảy chúng sinh, cung cấp cho họ mọi thứ cần dùng, vì thế không sợ hãi về tiếng tăm xấu ác. Vì xa lìa ngã kiến, không có tướng ngã cho nên không sợ hãi cái chết. Bồ-tát lại nghĩ như vậy: Nếu mình chết rồi sinh ra thì không rời chư Phật, Bồ-tát, vì vậy không sợ hãi bị đọa vào đường ác. Nơi chốn mà mình vui thích, thân tâm của mọi người nơi thế gian đều không sánh bằng, huống nữa là có ai vượt hơn, vì vậy không sợ hãi uy đức của đại chúng. Này chư Phật tử! Bồ-tát hoàn toàn lìa khỏi mọi chuyện lo sợ khủng khiếp như vậy".

Luận: Năm nỗi sợ hãi này là chướng ngại của địa thứ nhất, nhưng cũng trình bày những lợi ích thù thắng của địa.

Trong năm nỗi sợ hãi này thì điều một-hai-năm là dựa vào thân-miệng-ý. Điều ba-bốn dựa vào thân.

Dựa vào thân nghĩa là nương vào thân mà có được hay từ bỏ yêu ghét về đường thiện, đường ác.

Tại sao chỉ nói năm nỗi sợ hãi thôi? Vì mọi sự sợ hãi khác như bị trói cột, đánh đập... đều nằm trong năm điều sợ hãi này. Nhân của sự sợ hãi này lược nói có hai loại:

1. Trí hiểu biết sai lầm, bám vào những vọng tưởng tạo ra yêu mến, chấp trước.

2. Do căn thiện quá mỏng, ít.

Đối trị những sợ hãi này, như Kinh: Lìa ngã tướng, thân hãy còn không tham tiếc… cho đến… không sợ hãi trước uy đức của đại chúng, không còn những sự sợ hãi khủng khiếp.

Tại sao nói hai nơi? Trước nói thân sợ hãi, sau nói thân khác sợ hãi?

Kinh: "Chư Phật tử! Do lấy Đại Bi làm đầu, tâm sâu lớn kiên cố, cho nên Bồ-tát này siêng năng tu tập và thành tựu hết thảy các căn thiện".

Luận: Tâm sâu lớn kiên cố thì phiền não và Tiểu thừa không thể hủy hoại pháp quán này.

Càng siêng năng tu tập và thành tựu hết thảy căn thiện: Là tất cả những căn thiện được nói đến đều thâu nhận trong địa này. Thế nào là siêng tu? Trong ấy có ba loại thành tựu:

1. Thành tựu tâm tin tưởng.
2. Thành tựu tu hành.
3. Thành tựu hồi hướng.

Có ba mươi câu chỉ rõ, mười câu đầu nói về thành tựu tâm tin tưởng.

Kinh: "Đó là tâm tin tưởng tăng thượng, nhiều cung kính, tin thanh tịnh, phần nhiều lấy sự tin để phân biệt. Khởi tâm Bi thương xót, thành tựu Đại Từ. Tâm không mệt mỏi biếng trễ. Lấy hổ thẹn để trang nghiêm, thành tựu mọi an lạc của nhẫn nhục, kính thuận giáo pháp của Phật, tin tưởng quý trọng, tôn kính.

Luận: Tâm tin tưởng tăng thượng là tùy thuộc vào công việc hiện có, trong đó tâm tin tưởng tăng thượng thành tựu. Tin tưởng tăng thượngnày có chín loại:

1. Tin tưởng tăng thượng của tôn kính: Tức là tôn kính Tam bảo. Như Kinh: Có nhiều cung kính.

2. Tin tưởng tăng thượng do thanh tịnh: Tức là tự chứng trí chân tịnh. Như Kinh: Tin thanh tịnh.

3. Tin tưởng tăng thượng của phân biệt: Tức là giúp kẻ khác chứng trí thanh tịnh. Như Kinh: Phần nhiều dùng tin tưởng để phân biệt.

4. Tin tưởng tăng thượng của tâm Bi.

5. Tin tưởng tăng thượng của tâm Từ: Tức là giáo hóa chúng sinh. Như Kinh: Khởi tâm bi thương xót, thành tựu Đại Từ. Bi là dứt trừ tướng khổ, quyết định cứu độ chúng sinh. Từ là ban cho tướng an vui. Mãi ban cho vô lượng an lạc. Khởi là chuyển đổi để thành hiện tiền.

6. Tin tưởng tăng thượng do không mỏi mệt: Là ở lâu trong thế gian để giáo hóa chúng sinh vô lượng, đem lại ích lợi cho họ. Như Kinh: Tâm không mệt mỏi biếng trễ.

7. Tin tưởng tăng thượng do hổ thẹn: Tức là không tham đắm thế gian. Đối với các loại làm chướng ngại Ba-la-mật như keo kiệt ... luôn hết sức hổ thẹn. Như Kinh: Dùng hổ thẹn để trang nghiêm.

8. Tin tưởng tăng thượng do an lạc: Tức là đối với người cùng pháp, không gây não loạn. Như Kinh: Thành tựu mọi an lạc của nhẫn nhục.

9. Tin tưởng tăng thượng do kính pháp: Là cùng tăng tâm kính tin thù thắng. Như Kinh: Kính thuận theo giáo pháp của chư Phật cho nên tin tưởng càng tôn quý.

Ba câu sau, chỉ cho biết tu những hạnh gì? Đó là tu hạnh Ba-la-mật. Ai là bạn mình? Ấy là những đồng sự an lạc. Đi vào pháp nào? Đó là giáo pháp của chư Phật. Như thế là thành tựu tâm tin tưởng. Thế nào là thành tựu tu hành?

Kinh: "Ngày đêm tu tập căn thiện không biết chán đủ. Phải thân cận thiện tri thức. Thường yêu thích vui với pháp. Cầu học rộng không hề chán. Lấy pháp nghe được để hành quán. Tâm không tham đắm. Không để mình vướng mắc vào lợi dưỡng, tiếng khen, sự cung kính. Không cầu tìm mọi của cải cần dùng cho đời sống. Thường sinh tâm như thật, không thấy chán đủ".

Luận: Mười câu trên đây là nói về thành tựu tu hành. Thế nào là thành tựu tu hành? Tức là tích tập các căn thiện không ngừng nghỉ. Như Kinh: Ngày đêm tu tập căn thiện không biết chán đủ. Sự tích tập này có tám loại:

1. Tích tập do thân cận: Không quên các pháp. Như Kinh: Thân cận thiện tri thức.

2. Tích tập do yêu mến pháp: Đối với những hỏi đáp, luận bàn, giải thích, tâm luôn vui thích. Như Kinh: Thường yêu thích pháp.

3. Tích tập do đa văn. Như Kinh: Tìm cầu học rộng không hề biết chán.

4. Tích tập do chánh quán. Như Kinh: Những pháp nghe được đều

phải chánh quán.

5. Tích tập do không vướng mắc. Như Kinh: Tâm không tham chấp.

Ba câu vừa nói về tích tập do đa văn, đó là Văn-Tư-Tu tuệ theo thứ tự như vậy. Không chấp là không tham vướng vào Tam-muội.

6. Tích tập do không tham.

7. Tích tập do không mong cầu: Là đối với mọi lợi dưỡng đã đạt được thì không ham. Lợi dưỡng chưa đạt được thì không cầu. Nếu không thì giới hạnh của Bồ-tát bị cản trở, bị thoái chuyển. Như Kinh: Không vướng mắc vào lợi dưỡng, tiếng khen, sự cung kính, không cầu hết thảy của cải cần dùng cho đời sống.

8. Tích tập do tâm như thật: Là tâm xuất thế gian, khiến nó luôn hiện tiền trong từng niệm nối nhau. Như Kinh: Thường sinh tâm như thật, không thấy chán đủ.

Như thế là thành tựu tu hành. Thế nào là thành tựu hồi hướng?

Kinh: "Chư Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát muốn thành tựu pháp tịnh trị nơi địa như thế, gọi là an trú nơi địa Hoan hỷ của Bồ-tát, thì phải:

Cầu đạt bậc Nhất thiết trí.

Cầu đạt các pháp bất cộng, vô sở úy, mười lực của Phật.

Cầu đạt các pháp Ba-la-mật không chấp trước.

Lìa xa mọi thứ dua nịnh quanh co.

Như lời dạy có thể hành trì.

Thường hộ trì lời nói chân thật.

Không làm cấu nhiễm nhà của chư Phật.

Không lìa bỏ giới Bồ-tát.

Bất động như đại sơn vương, sinh tâm cầu

Nhất thiết chủng trí.

Không buông bỏ mọi chuyện trong thế gian mà vẫn thành tựu đạo xuất thế gian.

Thường xuyên tích tập các pháp trợ Bồ-đề phần.

Luôn dốc lòng cầu đạo thù thắng tối thượng".

Luận: Cầu quả vị Nhất thiết trí ... là nói những việc gì? Đó là chỉ rõ về thành tựu hồi hướng. Cầu quả vị Nhất thiết trí là Tổng. Cầu mười lực... Như Lai đối với quả vị Nhất thiết trí là Biệt.

1. Cầu quả vị Nhất thiết trí bằng quán chiếu.
2. Cầu quả vị Nhất thiết trí do không chướng ngại.

3. Cầu quả vị Nhất thiết trí do xa lìa.
4. Cầu quả vị Nhất thiết trí do thực hành đúng theo lời chỉ dạy.
5. Cầu quả vị Nhất thiết trí do sự hộ trì.
6. Cầu quả vị Nhất thiết trí do không cấu nhiễm.
7. Cầu quả vị Nhất thiết trí do không xả bỏ.
8. Cầu quả vị Nhất thiết trí do bất động.
9. Cầu quả vị Nhất thiết trí do thành tựu hạnh bất xả.
10. Cầu quả vị Nhất thiết trí do tích tập.
11. Cầu quả vị Nhất thiết trí do luôn dốc lòng cầu đạt.

Ở đây, mong cầu những sự việc gì? Là cầu đạt quả vị Nhất thiết trí. Dùng quán gì để cầu? Là quán về mười lực, không sợ hãi, pháp bất cộng của chư Phật.

Cầu như thế nào? Cầu pháp Ba-la-mật không vướng mắc. Ba sự mong cầu ấy là nhà này nương vào nhà kia, không có gì trở ngại để cầu.

Chấp trước vào chỗ dị biệt để cầu cho nên trong Đàn Ba-la-mật (Bố thí Ba-la-mật) có hai loại cấu uế:

1. Dua nịnh, quanh co khi thấy kẻ đến cầu xin, hứa nêu phương tiện nhưng không có tâm thuận cho.
2. Không giữ lời hứa trước vì vậy không cho.

Đối trị hai cấu uế này, như Kinh: Lìa bỏ dua nịnh quanh co, đúng như lời giảng nói để thực hành.

Trì giới Ba-la-mật có một thứ cấu uế là không giữ lời chân thật. Trái với những gì mình đã thọ nhận. Đã phạm còn che giấu. Đối trị cấu uế này, như Kinh: Luôn giữ gìn lời chân thật.

Nhẫn nhục Ba-la-mật có một cấu uế là làm vấy bẩn nhà Như Lai. Thế nào là Bồ-tát làm vấy bẩn nhà Như Lai? Đó là làm não loạn nghiệp của người khác. Nhà Như Lai là làm ích lợi cho người khác, vì thế Bồ-tát sinh trong nhà này, gây não loạn cho đời sống của kẻ khác là làm chuyện không tốt. Đối trị cấu uế ấy, như Kinh: Không làm cấu nhiễm nhà Như Lai.

Tinh tiến Ba-la-mật có một cấu uế là sinh tâm thoái chuyển đối với giới Bồ-tát khó làm, khó giữ trải qua vô lượng kiếp lâu dài. Đối trị cấu uế này, như Kinh: Không buông bỏ giới Bồ-tát.

Thiền định Ba-la-mật có hai loại cấu uế:

1. Tâm loạn động.
2. Không có khả năng điều phục những nghĩ tưởng phân biệt.

Đối trị cấu uế này, Kinh: Bất động như đại sơn vương, sinh tâm cầu Nhất thiết chủng trí.

Bát nhã Ba-la-mật có ba loại cấu uế:

1. Không có phương tiện thiện xảo cho nên Niết-bàn của thế gian đáng lẽ hiện bày nhưng hoàn toàn không hiện ra.

2. Không tu tập đạo xuất thế gian.

3. Tâm nguyện và sự mong muốn còn mỏng đối với pháp chứng đắc thù thắng.

Thứ tự đối trị ba cấu uế đó, như Kinh: Không bỏ tất cả sự việc nơi thế gian nhưng vẫn thành tựu đạo xuất thế gian. Tích tập các pháp trợ Bồ-đề phần không hề thấy chán đủ. Thường cầu đạo thù thắng tối thượng.

Như vậy là thành tựu hồi hướng. Gọi là siêng năng hành trì thành tựu đầy đủ. Siêng năng hành trì này có bốn loại:

1. Tin tưởng.
2. Mong muốn.
3. Tinh tiến.
4. Phương tiện.

Mười câu đầu là chỉ rõ tin tưởng tăng thượng thành tựu. Tin tưởng tăng thượng ấy bao gồm sự mong muốn. Câu thứ hai mươi: Đêm ngày tu tập căn thiện không thấy chán đủ, là chỉ rõ về tinh tiến. Câu ba mươi: Cầu quả vị Nhất thiết trí, là chỉ rõ về phương tiện. Đó gọi là nêu bày phần an trú nơi địa này. Tại sao? Như Kinh: Chư Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu pháp trị địa thanh tịnh như vậy, gọi là an trú nơi địa Hoan hỷ của Bồ-tát. Đã nói xong phần thuyết giảng.

**

LUẬN THẬP ĐỊA KINH

QUYỂN 3

Địa 1: ĐỊA HOAN HỶ, Phần 3

Luận: Đã nói rõ phần Thuyết giảng. Tiếp theo là nói về phần Đối chiếu chỗ thù thắng. Thế nào là đối chiếu chỗ thù thắng? Ở trong địa này, Bồ-tát đã vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật. Đối chiếu về chỗ thù thắng ấy có ba loại:

1. Nguyện thù thắng.
2. Tu hành thù thắng.
3. Lợi ích của quả thù thắng.

Thế nào là nguyện thù thắng? Đó là mười đại nguyện.

Kinh: "Bồ-tát an trú trong địa Hoan hỷ của Bồ-tát như vậy, phát các đại nguyện, đại phương tiện như vậy. Thành tựu đại hạnh như vậy. Đó là đối với toàn bộ tất cả chư Phật, hết thảy đều cung kính cúng dường. Đầy đủ hết thảy mọi thứ, lòng tin thanh tịnh, sâu xa tột bậc. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thảy mọi kiếp, hết thảy số lượng Phật thành đạo, đều cung kính cúng dường lớn lao, không ngừng nghỉ".

Luận: Đại nguyện thứ nhất là không còn sót ấy có ba loại:

1. Hết thảy Phật không còn sót.
2. Hết thảy cúng dường không còn sót.
3. Hết thảy cung kính không còn sót.

- Hết thảy Phật có ba thân Phật:

1. Ứng thân Phật.
2. Báo thân Phật.
3. Pháp thân Phật.

- Có ba loại hết thảy cúng dường:

1. Cúng dường các thứ lợi dưỡng, như cúng dường y phục, ngọa cụ...
2. Cúng dường cung kính như hương hoa, cờ phướn...
3. Cúng dường tu hành là tu hành tin nơi giới hạnh ...

- Cung kính hết thảy có ba loại cung kính:

1. Cung kính cung cấp hầu hạ.
2. Cung kính đón đưa.
3. Cung kính tu hành.

Vì vậy khởi nguyện cung kính cúng dường. Như Kinh: Đó là đối với toàn bộ tất cả chư Phật, hết thảy đều cung kính, cúng dường.

Tất cả các thứ đều đầy đủ: Tức là trong vô lượng chủng loại, loại nào tốt hơn thì đem cúng dường.

Lòng tin thanh tịnh sâu xa tối thượng là sự kính trọng tăng thượng, quyết định tin tưởng, nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề.

Rộng lớn như pháp giới: Là trong tất cả mọi căn thiện còn lại thì điều ấy là hơn hết. Rốt ráo như hư không là không thọ nhận quả ái của vô lượng nhân tố.

Tận cùng đời vị lai là nhân này đạt được quả thường hằng Niết-bàn.

Hết thảy kiếp số, hết thảy số lượng Phật thành đạo đều cung kính cúng dường lớn lao, không ngừng nghỉ.

Trong nguyện đầu ấy có sáu loại lớn, gọi là đại nguyện:

1. Phước điền lớn. Như Kinh: Đó là tất cả chư Phật không sót đều hết thảy cung kính, hết thảy cúng dường.
2. Cung cấp lớn. Như Kinh: Tất cả mọi thứ đều đầy đủ.
3. Tâm lớn. Như Kinh: Lòng tin thanh tịnh sâu xa tối thượng.
4. Thâu nhiếp công đức lớn. Như Kinh: Rộng lớn như pháp giới.
5. Nhân lớn. Như Kinh: Rốt ráo như hư không.
6. Thời gian lớn. Như Kinh: Tận cùng đời vị lai.

Kinh: "Lại phát đại nguyện, đó là đều có thể thọ trì hết thảy pháp của chư Phật giảng nói. Thâu nhận tất cả đạo quả Bồ-đề của Phật. Hộ trì hết thảy pháp của Phật giáo hóa. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, tất cả kiếp số, tất cả số lượng Phật thành đạo đều thâu nhiếp bảo vệ chánh pháp, không hề ngừng nghỉ".

Luận: Đại nguyện thứ hai có ba loại pháp. Thọ trì hết thảy pháp luân của chư Phật giảng nói: Là giáo pháp nơi Tu-đa-la ... viết chép, cúng dường, đọc tụng, thọ trì, giảng nói cho kẻ khác.

Thâu nhận tất cả đạo quả Bồ-đề của Phật: Tức là chứng pháp, chứng ba loại pháp Bồ-đề của Phật. Thâu nhận tất cả pháp chứng đắc

này rồi đem chỉ dạy truyền trao. Hộ trì hết thảy pháp của chư Phật giáo hóa là tu hành. Khi tu hành các pháp có những chướng ngại cần phải

thâu nhiếp cứu giúp. Còn gọi là ba loại thành tựu.

1. Thành tựu việc không làm đứt mất pháp luân của chư Phật giảng nói nơi những Tu-đa-la như A-hàm ... theo thứ tự.

2. Thành tựu sự chứng đắc tức là chứng ba loại chánh giác.

3. Thành tựu chánh giác tức là tu hành cho đến tu hành đúng như thật.

Ba loại Bồ-đề của Phật thì Thanh văn và Bích-chi-Phật cũng gọi là Phật.

Kinh: "Lại phát đại nguyện, đó là tất cả thành Phật trọn vẹn, tất cả trú xứ của thế giới. Từ cõi trời Đâu-suất giáng trần, vào thai, ở trong thai, sinh ra, xuất gia, thành Phật, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn. Bấy giờ, mình đối với các sự việc ấy đều đi đến khắp để cúng dường, thâu nhiếp các pháp làm hàng đầu. Bất cứ nơi nào, mọi việc đều chuyển biến thành tựu trong cùng một lúc. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thảy kiếp số, hết thảy số lượng Phật thành đạo, đem đến khắp nơi thâu nhiếp các pháp không có ngừng nghỉ".

Luận: Đại nguyện thứ ba là tất cả thành Phật trọn vẹn, tất cả trú xứ của thế giới: Nghĩa là hết thảy ứng thân Phật là vô biên, đầy khắp mọi trú xứ của thế giới. Tùy theo trú xứ của chư Phật ở thế giới nào, có nhân duyên cảm ứng thuận hợp thì chúng sinh đều trông thấy cả.

Từ cõi trời Đâu-suất hạ sinh, cho đến thị hiện nhập đại Niết-bàn, bấy giờ mình đối với các sự kiện ấy đều đến khắp để cúng dường.

Thâu nhiếp các pháp làm hàng đầu: Tùy theo các chúng sinh kia dùng phương tiện cúng dường Phật, dùng phương tiện để thâu nhiếp các pháp do Như Lai thuyết giảng, tích tập công đức trí tuệ và các pháp trợ Bồ-đề.

Bất cứ nơi đâu, mọi việc đều chuyển biến, thành tựu trong cùng một lúc: Là chỉ rõ không có trước-sau.

Tại sao Phật thị hiện ở trú xứ kia? Vì Ngài không trú nơi cõi Sắc, Vô sắc. Nếu từ các chốn khổ nạn ấy đến, không vì mình thì họ sẽ khởi tâm khinh thường, không sinh tâm cung kính, cho nên phải ngăn chận việc đó. Tại sao Như Lai không trú cõi trời Tha-hóa-tự-tại? Như Lai đầy đủ thần lực cho nên có thể sinh vào nơi chốn thù thắng. Nhưng từ bỏ không sinh ở nơi đó là vì nghĩ tới chúng sinh, cho nên hạ sinh từ cõi trời Đâu-suất, khiến chúng sinh phát sinh tâm đại cung kính. Tại sao bỏ thú vui nơi cõi Thiên thượng mà sinh trong loài người? Vì Như Lai thương xót chúng ta, sinh trong loài người này để làm cho con người sinh tâm cung kính thêm lên. Do đâu ở trong thai? Là thị hiện cùng sinh, làm tăng trưởng sức lực. Tại sao

Như Lai tự mình thành tựu chánh giác? Tức là chỉ rõ không phải do Phật khác giáo hóa, hiện bày sức mạnh của bậc trượng phu, thành tựu đạo quả Bồ-đề không phải nhờ người khác mà được.

Do đâu thị hiện nhập Niết-bàn? Là khiến cho các chúng sinh biếng trễ phải siêng năng tu tập.

Kinh: "Lại phát đại nguyện, đó là hết thảy việc làm của Bồ-tát rộng lớn vô lượng, không xen tạp, đều thâu nhiếp trong các pháp Ba-la-mật. Những chốn thanh tịnh của các địa phát sinh các pháp trợ đạo đủ mọi tổng tướng, biệt tướng, đồng-dị-thành-hoại tướng.

Nêu bày mọi việc làm của Bồ-tát là đạo như thật nơi địa, và các phương tiện tạo tác của các pháp Ba-la-mật, là giáo hóa chúng sinh, khiến mọi người đều nhận lãnh và thực hành, làm cho tâm được tăng trưởng, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thảy số kiếp, số lượng công hạnh tăng lên mãi, không có ngừng nghỉ".

Luận: Đại nguyện thứ tư là tâm được tăng trưởng. Dùng những hành gì làm cho tâm tăng trưởng? Là hết thảy việc hành trì giáo hóa của Bồ-tát khiến tất cả đều thọ nhận, thực hành, làm cho tâm tăng trưởng. Hành của Bồ-tát có bốn loại: Một là chủng chủng, hai là thể, ba là nghiệp, bốn là phương tiện. Giáo hóa theo bốn loại đó, giúp cho chúng sinh nhận lãnh và thực hành.

Những gì là hành của Bồ-tát? Là vô số việc làm ở thế gian. Có ba loại: Rộng là từ sơ địa đến địa thứ sáu. Lớn là địa thứ bảy. Vô lượng là từ địa thứ tám cho đến địa thứ mười.

Không xen tạp là pháp bình đẳng, vô ngã, trí quán xét xuất thế gian. Như Kinh: Hết thảy các việc làm của Bồ-tát là rộng lớn, vô lượng, không xen tạp.

Thể là như Kinh: Đều thâu nhiếp trong các pháp Ba-la-mật. Nghiệp là như Kinh: Địa thanh tịnh phát sinh các pháp trợ đạo. Phương tiện là như Kinh: Tổng tướng, biệt tướng, dị-đồng-thành-hoại tướng. Nói tất cả việc làm của Bồ-tát là đạo như thật ở các địa cùng các nghiệp của phương tiện Ba-la-mật.

Kinh: "Lại phát đại nguyện, đó là tất cả cảnh giới của chúng sinh đầy đủ có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, không phải là không

tưởng, phi tưởng phi phi tưởng, cho đến noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, mọi hệ thuộc trong ba cõi, xen lẫn vào sáu đường, tất cả chốn sinh thâu nhiếp trong danh sắc, đều giáo hóa thành tựu, khiến hết thảy chúng sinh có lòng tin, đi vào pháp của chư Phật, đoạn trừ tất cả các nẻo của

thế gian, khiến trú vào trí Nhất thiết trí, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thảy kiếp số, hết thảy cảnh giới của chúng sinh, giáo hóa trọn vẹn không ngừng nghỉ".

Luận: Đại nguyện thứ năm là giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh là gì? Có nghĩa gì? Giáo hóa hết thảy chúng sinh có sáu loại khác nhau:

Khác nhau về tế và thô.

Khác nhau về nơi sinh ra và nương tựa.

Khác nhau về nơi chốn sạch-không sạch.

Khác nhau về khổ-vui.

Khác nhau về tự nghiệp.

Khác nhau về tự thể.

- Thế nào là khác nhau về tế và thô? Thô là có sắc, vi tế là không có sắc. Trong sắc thô là có tưởng. Vi tế thì không có tưởng. Trong vô sắc, thô không phải là không có tưởng. Vi tế là phi tưởng phi phi tưởng. Đó gọi là sự khác nhau giữa thô và tế.

Như Kinh: Có sắc, không sắc. Có tưởng, không có tưởng. Không phải là không có tưởng, phi tưởng phi phi tưởng.

- Khác nhau về nơi sinh ra và nương tựa như Kinh: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh. Hóa sinh nương vào đâu? Nó nương vào nghiệp sinh.

- Khác nhau về nơi chốn sạch-không sạch. Như Kinh: Hệ thuộc vào ba cõi.

- Khác nhau về khổ vui là do có nhiều thứ thân, như Kinh: Xen lẫn vào sáu đường.

- Khác nhau về tự nghiệp, như Kinh: Tất cả nơi chốn sinh ra.

- Khác nhau về tự thể. Như Kinh: Thâu nhiếp trong danh sắc. Đó gọi là chúng sinh. Giáo hóa nghĩa là sao? Có ba nghĩa:

1. Khiến họ có lòng tin, tiến vào pháp của chư Phật thuyết giảng. Như Kinh: Vì giáo hóa thành tựu hết thảy cõi chúng sinh, khiến tin và tiến vào giáo pháp của chư Phật.

2. Những ai đã đi vào pháp Phật rồi thì khiến họ nhập vào Bồ-đề của Nhị thừa. Như Kinh: Đoạn trừ hết thảy các đạo của thế gian.

3. Đã vào Bồ-đề của Nhị thừa thì giúp họ tiến vào Bồ-đề Vô thượng. Như Kinh: Khiến an trú nơi trí Nhất thiết trí.

Kinh: "Lại phát đại nguyện, đó là toàn bộ tất cả thế giới rộng lớn vô lượng, bao gồm thô-tế-trú loạn-trú điên đảo-trú chánh đáng với vô số sai khác như lưới của Đế thích. Mười phương thế giới với vô lượng dị biệt đều

hội nhập, đều nhận biết ngay trước mặt. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thảy kiếp số, hết thảy số lượng thế giới đều tin tưởng tiến vào không ngừng nghỉ".

Luận: Đại nguyện thứ sáu là toàn bộ hết thảy thế giới, tức là gồm có ba loại tướng tùy theo trí hội nhập thế giới như thế đều nhận biết nơi hiện tiền.

1. Tướng hết thảy.
2. Tướng của nghĩa chân thật.
3. Tướng vô lượng.

Tướng hết thảy là như Kinh: Rộng lớn vô lượng cho đến chánh trú.

Rộng lớn vô lượng tức là một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới.

Tế là tùy thuộc vào ý thức thân của thế giới nào đó. Thô là tùy thuộc vào ý sắc thân của thế giới nào đó.

Loạn trú (Trú loạn) là ở không có thứ tự. Đảo trú (Trú điên đảo) là ở không tạo ra nhà cửa gì hết. Chánh trú (Trú chánh đáng) là ở có nhà cửa. Đó gọi là hết thảy tướng.

Khác nhau như lưới trời Đế thích là tướng của nghĩa chân thật, như nghiệp tạo ra mọi thứ huyền ảo. Tướng vô lượng là đi vào mười phương thế giới với vô lượng sai biệt, tức là tướng của chúng vô lượng. Tướng của nghĩa chân thật là chỉ có trí mới có thể nhận biết. Tướng còn lại thì có thể thấy rõ.

Kinh: "Lại phát đại nguyện, đó là tất cả cõi Phật là một cõi Phật, một cõi Phật là tất cả cõi Phật, hết thảy cõi nước đều thanh tịnh bình đẳng. Tất cả cõi Phật đều trang nghiêm bằng uy lực thần thông chiếu sáng đầy đủ. Lìa hết mọi thứ phiền não, thành tựu đạo thanh tịnh. Chúng sinh ở trong đó đều đầy đủ vô lượng trí tuệ, đều hội nhập cảnh giới bình đẳng thượng diệu của Phật. Tùy sự ưa thích nơi tâm niệm của các chúng sinh mà Như Lai thị hiện. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, tận cùng hết thảy kiếp số và số lượng cõi Phật, đều làm thanh tịnh tất cả cõi Phật không ngừng nghỉ".

Luận: Đại nguyện thứ bảy là làm thanh tịnh cõi Phật. Có bảy loại tướng:

1. Đồng thể tịnh (Thanh tịnh do đồng thể tánh). Như Kinh: Hết thảy cõi Phật là một cõi Phật. Một cõi Phật là hết thảy cõi Phật.

2. Tự tại tịnh (Thanh tịnh do tự tại). Như Kinh: Hết thảy cõi nước đều thanh tịnh bình đẳng.

3. Trang nghiêm tịnh (Thanh tịnh do trang nghiêm). Như Kinh: Hết thảy cõi Phật đều trang nghiêm bằng thần thông sáng chói đầy đủ. Trang nghiêm bằng ánh sáng và bằng mọi thứ châu báu.

4. Thọ dụng tịnh (Thanh tịnh do thọ dụng). Như Kinh: Lìa mọi thứ phiền não, thành tựu đạo thanh tịnh.

5. Trú xứ chúng sinh tịnh (Thanh tịnh do chúng sinh trú xứ). Như Kinh: Chúng sinh ở trong đó đều có vô lượng trí tuệ.

6. Nhân tịnh (Thanh tịnh do nhân). Như Kinh: Nhập vào cảnh giới bình đẳng thượng diệu của Phật.

7. Quả tịnh (Thanh tịnh do quả). Như Kinh: Theo sự ưa thích nơi tâm của các chúng sinh mà Như Lai thị hiện, làm sáng tỏ thần lực của trí.

Kinh: "Lại phát đại nguyện, đó là tất cả Bồ-tát đồng tâm đồng hành cùng gom góp căn thiện, không đố kỵ. Hết thảy Bồ-tát đều bình đẳng xem cùng là một. Thường thân cận chư Phật, Bồ-tát, không lìa bỏ. Tùy theo ý có thể hóa hiện thân Phật. Từ trong tâm đều có thể hiểu biết thần lực, trí lực của Phật. Được pháp không thối chuyển, tùy ý hiện thần thông. Đều có khả năng du hành tới mọi thế giới. Hiện thân tướng khắp các pháp hội của chư Phật. Có khả năng hóa sinh vào bất cứ nơi chốn nào, thành tựu pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn, hành trì hạnh Bồ-tát đầy đủ. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thảy kiếp số, hết thảy số lượng hành hóa đều tiến vào pháp Đại thừa không ngừng nghỉ".

Luận: Đại nguyện thứ tám là không nghĩ tới Thừa khác. Như Kinh: Hết thảy Bồ-tát đồng tâm đồng hành. Hạnh Bồ-tát có mười loại:

1. Cùng gom góp căn thiện, không ganh ghét nhau.
2. Hết thảy Bồ-tát đều bình đẳng như một.
3. Thường thân cận chư Phật, Bồ-tát, không rời bỏ.
4. Tùy ý có thể hiện thân Phật.
5. Tự trong tâm có thể hiểu biết hết thảy trí lực, thần lực của Phật.
6. Được pháp bất thối chuyển, tùy ý hiện bày thần thông.
7. Có khả năng du hành tới mọi thế giới.
8. Có thể hiện thân tướng vào chúng hội của hết thảy Phật.
9. Có thể sinh vào bất cứ nơi chốn nào.
10. Thành tựu pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn. Đó là hành trì đầy đủ các hạnh của Bồ-tát.

Trong ấy, câu đầu là làm sáng tỏ về hạnh công đức. Câu hai là trú trong quán chiếu bình đẳng tịch tĩnh. Câu ba là tụ hội, giảng giải, luận bàn về pháp Phật. Câu bốn là tùy tâm thị hiện thành Phật.

Câu năm là tự phát tâm thù thắng nhớ tới Pháp thân của Như Lai.

Câu sáu là luôn được thần thông không thối chuyển. Bốn câu còn lại là do nghiệp chung mà được tên gọi.

1. Đi tới các thế giới khác.
2. Thị hiện từ nơi thân khác.
3. Cùng sinh đến một nơi.
4. Nhập vào pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn.

Kinh: "Lại phát đại nguyện đó là: Nương vào pháp luân không thối chuyển, hành trì hạnh Bồ-tát. Nghiệp do thân-miệng-ý tạo tác thì chẳng hư rỗng. Nếu chúng sinh trông thấy thì nhất định đạt được pháp Phật. Nghe tiếng mình giảng nói liền được trí tuệ chân thật. Tâm vui mừng cung kính liền đứt hết phiền não. Được thân như Dược thọ vương. Được thân như ngọc báu Như ý. Hành hóa hạnh của Đại Bồ-tát. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thảy kiếp số, hết thảy số lượng việc làm đều tạo ích lợi chân thật không ngừng nghỉ".

Luận: Đại nguyện thứ chín là làm sáng tỏ việc hành trì chân thật nơi hạnh của Bồ-tát. Lại nữa, hành trì hạnh của Bồ-tát là làm sáng tỏ nương vào giáo pháp không thối chuyển để hành hạnh Bồ-tát. Hành trì hạnh Bồ-tát không hư giả có hai loại:

1. Không hư giả do tác nghiệp nhất định: Là nghiệp thân-khẩu-ý làm ra không hư rỗng. Ba câu nêu ra theo trình tự như vậy, cho nên biết. Chúng sinh trông thấy thì nhất định đạt được pháp Phật là nêu rõ về thân nghiệp không hư giả. Nghe lời mình giảng nói liền được trí tuệ chân thật, là chứng tỏ khẩu nghiệp không hư giả. Tâm hoan hỷ cung kính thì phiền não được dứt hết, là chứng tỏ ý nghiệp không hư giả.

2. Không hư giả do tạo lợi ích:

Hết thảy chúng sinh có hai loại khổ:

1. Vô số các thứ khổ
2. Khổ vì bần cùng. Đối trị hai loại này, như Kinh: Như được thân Dược thọ vương, được thân như ngọc báu Như ý.

Kinh: "Lại phát đại nguyện đó là ở trong hết thảy mọi thế giới, đều thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Ở trong một cõi phàm phu, vẫn không lìa tất cả các cõi phàm phu.

Đức Như Lai đã thị hiện thân sơ sinh, tọa đạo tràng, thành Phật đạo, chuyển pháp luân hóa độ chúng sinh, nhập Niết-bàn. Hiện bày trí lực đại thần thông nơi cảnh giới của chư Phật. Theo cảnh giới của tất cả chúng sinh cần được hóa độ, thì ở trong niệm niệm thị hiện đạt được Phật đạo, hóa độ các chúng sinh, diệt trừ khổ não. Dùng một trong ba Bồ-đề nhận biết khắp cả mọi pháp, như tánh của Niết-bàn. Dùng một âm thanh nêu giảng khiến hết thảy chúng sinh đều vui mừng. Thị hiện đại Niết-bàn nhưng không làm dứt mất con đường hành hóa của Bồ-tát. Thị hiện cảnh giới đại trí tuệ, phát khởi mọi pháp, thần thông pháp trí, thần thông như ý, thần thông như huyễn trùm khắp tất cả thế giới. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, tận cùng mọi kiếp số, số lượng thành tựu ba pháp Bồ-đề, cầu được đại trí tuệ, đại thần thông... không ngừng nghỉ.

Chư Phật tử! Bồ-tát an trú nơi địa Hoan hỷ của Bồ-tát như vậy, phát khởi các đại nguyện, phát khởi phương tiện lớn như vậy, đại hạnh như vậy, lấy mười môn nguyện làm đầu ... đầy đủ từ mười-trăm-ngàn-vạn A-tăng-kỳ đại nguyện. Bồ-tát an trú nơi địa Hoan hỷ của Bồ-tát phát khởi các nguyện như vậy".

Luận: Đại nguyện thứ mười là phát khởi hạnh Đại thừa. Thế nào là đại Bồ-đề? Thế nào là tác nghiệp?

Đại Bồ-đề là như Kinh: Thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tác nghiệp có bảy loại:

1. Nghiệp chỉ rõ về chánh giác.
2. Nghiệp nêu bày thật đế.
3. Nghiệp làm rõ sự giáo hóa.
4. Nghiệp giảng nói nhiều loại pháp.
5. Nghiệp không làm đứt mất chủng tánh Phật.
6. Nghiệp khiến pháp luân còn tồn tại.
7. Nghiệp tự tại.

Nghiệp đầu là sống trong một cõi phàm phu vẫn không lìa bỏ tất cả các cõi phàm phu khác… cho đến… thị hiện đại Niết-bàn.

Một cõi phàm phu là như cõi Diêm-phù-đề. Cõi phàm phu Diêm-phù-đề là chúng sinh nơi đây có thể hóa độ được, gọi là cõi phàm phu. Nghiệp thứ hai là hiện bày trí lực đại thần thông nơi cảnh giới của

chư Phật. Tùy theo hết thảy chúng sinh trong các cõi, đáng hóa độ thì trong từng niệm thị hiện cảnh Phật thành đạo hóa độ tất cả chúng sinh, dập tắt mọi khổ não. Tùy theo các thế giới, thì tất cả có thể giáo hóa theo tâm

thị hiện thân Phật. Thị hiện thân Phật nghĩa là ngoại trừ các xứ nạn, thân Phật kia sẽ sinh vào các xứ sở thù thắng, để thị hiện quá trình trừ khổ-đoạn tập-chứng diệt-tu đạo.

Nghiệp thứ ba là dùng một trong ba Bồ-đề quán pháp vô ngã, vì mọi pháp tánh đều là Niết-bàn thanh tịnh, khiến chúng sinh tin, hiểu.

Nghiệp thứ tư là dùng một âm thanh tùy theo vô số chúng sinh tin hiểu có thể giáo hóa, cùng lúc đều khiến cho tâm hoan hỷ.

Nghiệp thứ năm là thị hiện đại Niết-bàn, nhưng vẫn không làm dứt mất diệu lực nơi nẻo hành hóa của các Bồ-tát.

Nghiệp thứ sáu là tiếp tục dùng trí địa của Phật với các pháp được nêu giảng nơi hết thảy Tu-đa-la đều khiến không bị mất.

Nghiệp thứ bảy là Pháp trí thông quán hết thảy các pháp không có tánh-tướng. Như ý thần thông là tự thân thị hiện sinh-trú diệt, dài ngắn tùy tâm tự tại. Huyễn thần thông là làm mọi việc bên ngoài khiến nó chuyển đổi tùy ý. Thần thông pháp trí thứ nhất không trú ở thế gian. Còn Thần thông như ý, Thần thông huyễn thì không trú ở Niết-bàn.

Tại sao chỉ nói mười đại nguyện này?

Nguyện đầu là hạnh công đức đầy đủ. Nguyện thứ hai là hạnh trí tuệ đầy đủ. Năm nguyện tiếp theo là giáo hóa chúng sinh.

1. Dùng thân nào?
2. Dùng tâm nào?
3. Chúng sinh nào?
4. Chúng sinh ở nơi nào?
5. Tự thân sống nơi đâu để có thể giáo hóa chúng sinh? Ba nguyện sau là làm sáng tỏ tự thân:

1. Được trú địa rồi còn đối chiếu chỗ thù thắng.
2. Được địa Bồ-tát rồi, đối chiếu tận cùng chỗ thù thắng.
3. Đạt được tất cả các địa trọn vẹn, rốt ráo.

Ba điều này chỉ rõ việc giáo hóa chúng sinh đúng như thật. Phát các đại nguyện là tùy theo tâm cầu đạt nghĩa.

Khởi đại phương tiện như vậy là thành tựu chỗ tạo tác phương tiện dũng mãnh kia.

Đại hạnh như vậy là thành tựu chỗ tạo tác các hành. Bồ-tát an trú ở địa này, cần phải lần lượt tu tập lâu dài mới mong phát khởi ba công hạnh ấy, chứ không phải một lúc mà có được. Tại sao? Vì mười đại

nguyện này, trong mỗi mỗi nguyện đều có trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ đại nguyện làm quyến thuộc. Như Kinh: Chư Phật tử! Bồ-tát an trú nơi

địa Hoan hỷ của Bồ-tát như vậy, phát các đại nguyện, khởi đại phương tiện như vậy, khởi đại hạnh như vậy, dùng mười môn nguyện làm đầu, sinh đầy đủ mười, trăm, ngàn, vạn, A-tăng-kỳ đại nguyện như vậy. Bồ-tát này trú ở địa Hoan hỷ của Bồ-tát, phát khởi nguyện như thế... Thế nào gọi là đại nguyện? Do căn thiện sáng tỏ chuyển biến vượt hơn, tăng trưởng rộng lớn. Sự đối chiếu về nguyện thù thắng của Bồ-tát ấy có hai loại vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật:

1. Thường siêng năng tu tập vô lượng hạnh.
2. Đồng hành cùng với tất cả chúng sinh.

Đồng hành này nơi mười câu nói về tận cùng đã chỉ rõ.

Kinh: "Dùng mười câu nói về tận cùng để tạo thành các đại nguyện. Những gì là mười? Đó là:

1. Tận cùng cảnh giới của chúng sinh.
2. Tận cùng thế giới.
3. Tận cùng cõi hư không.
4. Tận cùng pháp giới.
5. Tận cùng cảnh giới Niết-bàn.
6. Tận cùng thế giới Phật xuất hiện.
7. Tận cùng cảnh giới trí tuệ của Như Lai.
8. Tận cùng cảnh giới mà tâm duyên vào.
9. Tận cùng cõi hội nhập của trí nơi cảnh giới của Phật.
10. Tận cùng cõi trí chuyển nơi chuyển pháp luân của thế gian. Nếu cảnh giới của chúng sinh hết thì nguyện của mình mới hết. Nếu thế giới hết, nếu cảnh giới hư không hết, như pháp giới hết, nếu cảnh giới Niết-bàn hết, nếu thế giới của Phật ra đời hết, nếu cảnh giới của trí Phật hết, nếu cảnh giới duyên của tâm hết, nếu cõi trí hội nhập nơi cảnh giới của Phật hết, như cõi trí chuyển nơi chuyển pháp luân của thế gian hết, nếu các cảnh giới kia hết thì nguyện của mình mới hết.

Như vậy, cảnh giới của chúng sinh có hết hay không hết, căn thiện này của mình vẫn không thể hết. Thế giới hết hay không hết, cảnh giới hư không hết hay không hết, pháp giới hết hay không hết, cảnh giới Niết-bàn hết hay không hết, thế giới của Phật ra đời hết hay không hết, cõi trí hội nhập nơi cảnh giới của Phật hết hay không hết, cảnh giới duyên của tâm hết hay không hết, cảnh giới nơi trí của Như Lai hết hay không hết, cõi trí chuyển nơi chuyển pháp luân của thế gian hết hay không hết thì căn thiện nơi các nguyện này vẫn không thể hết".

Luận: Trong này, cảnh giới của chúng sinh tận cùng là Tổng, thế

giới tận cùng… cho đến cõi trí chuyển tận cùng là Biệt.

Những gì là cảnh giới của chúng sinh, cảnh giới của chúng sinh cùng tận? Thế giới tận cùng sẽ trú ở đâu? Cảnh giới hư không hiện có và cảnh giới hư không tận cùng. Giảng nói pháp gì để giáo hóa tận cùng pháp giới? Tùy thuận giáo hóa chúng sinh đặt ở đâu? Đặt ở tận cùng cảnh giới Niết-bàn, Phật ra đời nơi thế giới tận cùng, dùng phương tiện thiện xảo gì? Đó là tận cùng cảnh giới trí tuệ của Như Lai, tùy theo chỗ tận cùng cảnh giới duyên của tâm. Lại tùy theo chỗ dùng cảnh giới nào? Đó là tận cùng cõi trí hội nhập nơi cảnh giới của Phật. Các sự việc ấy đã nêu ra.

Tận cùng là chỉ rõ không dứt hết, không phải là niệm niệm dứt hết. Chín loại tận cùng này, nói gọn là có ba loại. Ba chuyển biến chỉ rõ diệu lực tăng thượng nơi mười câu nói về tận cùng ấy. Dùng diệu lực này, chư Phật thường tạo ích lợi cho chúng sinh.

Như vậy là đã nói về phần so sánh để thấy nguyện thù thắng. Thế nào là so sánh để thấy hạnh thù thắng?

Kinh: "Chư Phật tử! Sau khi quyết định phát khởi các đại nguyện như vậy rồi, Bồ-tát được tâm điều thuận, tâm hòa dịu. Như vậy là lòng tin đã thành tựu, tin các Đức Phật Như Lai vốn đã từng thực hành chứng nhập, tích tập các pháp Ba-la-mật luôn được tăng trưởng. Khéo thành tựu các địa, đầy đủ các pháp không sợ hãi, mười lực, các pháp bất cộng của Phật không hư hoại. Pháp Phật là không thể nghĩ bàn, không có chặng giữa, không biên vực. Cảnh giới của Như Lai khởi vô lượng hạnh môn là cảnh giới hội nhập của các Như Lai, là tin nơi quả thành tựu.

Nói tóm lại, tin nơi hạnh của hết thảy Bồ-tát, cho đến khi được trí lực của Như Lai cũng nêu bày về chỗ hơn".

Luận: Phát các đại nguyện như vậy rồi thì được tâm điều thuận; tức là đạt được tự tại thù thắng trong mọi căn thiện kia. Tâm hòa dịu là đạt được hạnh an vui hơn hết. Như thế tức là lòng tin thành tựu: Nghĩa là ở trong bản hạnh. Chứng nhập là từ chỗ hội nhập hạnh Bồ-tát, cho đến khi thành tựu đạo quả Bồ-đề, trong ấy tin vào chỗ thâu nhiếp của hạnh Bồ-tát. Hội nhập của bản hạnh có hai loại tướng:

1. Thế nào là hạnh Bồ-tát?
2. Thế nào là thứ tự thành tựu?

Như Kinh: Tích tập các Ba-la-mật luôn được tăng trưởng. Khéo thành tựu các địa.

Hội nhập của bản hạnh là chỗ thâu nhiếp của Bồ-đề ấy có sáu loại thù thắng. Do đó tin là hơn hết.

1. Thù thắng do đối trị các thứ ma oán, ngoại đạo cùng hàng Nhị thừa. Như Kinh: Đầy đủ các pháp vô úy, mười lực, pháp bất cộng của Phật, không hư hoại.

2. Thù thắng vì diệu lực thần thông là hơn hết, là không thể nghĩ bàn. Như Kinh: Pháp Phật là không thể nghĩ bàn.

3. Thù thắng vì không tạp nhiễm. Như Kinh: Cảnh giới của Như Lai hiện khởi là không chặng giữa, không biên vực.

4. Thù thắng do Nhất thiết chủng trí. Như Kinh: Vô lượng môn hành đều nhập vào cảnh giới của Như Lai.

5. Thù thắng vì xa lìa, tức là luôn xa lìa tất cả phiền não tập khí. Như Kinh: Tin nơi quả thành tựu.

6. Lại lược nói về chỗ thị hiện hội nhập nơi bản hạnh của Bồ-tát kia. Như Kinh: Tóm lại, tin nơi tất cả hạnh Bồ-tát, cho đến đạt được trí địa của Như Lai cũng nêu bày về chỗ hơn (thù thắng). Nêu bày là chỗ thuyết giảng. Hơn là chỗ chứng đắc. Bồ-tát này có ba loại quán cho nên đối với chúng sinh khởi tâm Đại Từ Bi: Xa lìa an lạc đệ nhất nghĩa tối thượng. Gồm đủ các khổ. Đối với hai loại điên đảo kia, thế nào là lìa bỏ sự an lạc đệ nhất nghĩa đối thượng?

Kinh: "Chư Phật tử! Bồ-tát đó suy nghĩ như vậy: Chánh pháp của chư Phật hết mực thâm diệu như thế, tịch tĩnh như thế, vắng lặng như thế, Không như thế, Vô tướng như thế, Vô nguyện như thế, vô nhiễm như thế, vô lượng như thế, tối thượng như thế, pháp của chư Phật như thế thì rất khó đạt được".

Luận: Chánh pháp của chư Phật hết mực thâm diệu như thế, có chín loại:

1. Hết mực thâm diệu do tĩnh lặng.
2. Hết mực thâm diệu do tịch diệt.
3. Hết mực thâm diệu do Không.
4. Hết mực thâm diệu do Vô tướng.
5. Hết mực thâm diệu do Vô nguyện.
6. Hết mực thâm diệu do vô nhiễm.
7. Hết mực thâm diệu do vô lượng.
8. Hết mực thâm diệu do tối thượng.
9. Hết mực thâm diệu do khó đạt được.

Tịch tĩnh là lìa bỏ những vọng chấp về thật có. Vọng cho là có mà giữ lấy.

Tịch diệt là định nơi nghĩa của pháp.

Không, Vô tướng, Vô nguyện là quán về cửa giải thoát để đối trị ba chướng. Thế nào là ba chướng? Đó là phân biệt, tướng và chấp giữ. Ba chướng đó làm cho bỏ nguyện.

Vô nhiễm là quán pháp, lìa bỏ tạp nhiễm.

Vô lượng là không thể tính toán về số lượng, là quán căn thiện sinh khởi không thể suy lường.

Tối thượng là trí quán nương vào tự lợi-lợi tha tăng thượng.

Khó đạt được là quán về sự chứng trí trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp. Thế nào là gồm đủ các khổ?

Kinh: "Nhưng tâm của các phàm phu rơi vào tà kiến, bị vô minh tối tăm che phủ ý thức họ, khiến luôn tạo lập trú kiêu mạn, rơi vào niệm ham muốn, rớt trong lưới khát ái, thuận theo rừng dua nịnh tà vạy, thường ôm lòng ganh ghét, tất cả nhân duyên của nơi chốn sinh ra thân sau. Tích tập nhiều tham dục, sân hận, ngu si, dấy khởi lên các hành nghiệp giận, ghét, như gió dữ thổi suốt, tâm tội như lửa khiến luôn bốc cháy hừng hực, mọi chỗ tạo nghiệp đều tương ưng với điên đảo, cuốn theo dục lậu-hữu lậu-vô minh lậu, nối tiếp để tạo cho nên chủng tử của tâm ý thức".

Luận: Nhưng tâm của các phàm phu rơi vào tà kiến. Tà kiến có chín loại:

1. Tà kiến che lấy ý. Như Kinh: Bị vô minh tối tăm che lấp ý thức họ.
2. Tà kiến do kiêu mạn. Như Kinh: Thường tạo lập trú kiêu mạn.
3. Tà kiến do niệm ái. Như Kinh: Rơi vào niệm dục, rớt trong lưới khát ái.
4. Tà kiến do tâm dua nịnh, quanh co. Như Kinh: Xuôi theo rừng dua nịnh tà vạy.
5. Tà kiến do hành động đố kỵ. Như Kinh: Thường ôm lòng đố kỵ làm nhân duyên cho mọi chốn sinh ra thân sau.
6. Tà kiến do tích tập các nghiệp. Như Kinh: Tích tập nhiều tham dục, sân hận, ngu si, dấy khởi các hành nghiệp.
7. Tà kiến do tâm dục luôn cháy bùng. Như Kinh: Ghét-giận như gió dữ thổi suốt, tâm tội như lửa luôn khiến cháy bùng.
8. Tà kiến do khởi lên các nghiệp. Như Kinh: Chỗ tạo nghiệp đều tương ưng với điên đảo.
9. Tà kiến do chủng tử của tâm, ý thức. Như Kinh: Cuốn theo dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, nối tiếp để sinh chủng tử của tâm ý thức.

Ba loại tà kiến: Tà kiến che lấp ý thức, tà kiến do kiêu mạn, tà kiến

do niệm ái, đều dựa vào chỗ vọng chấp của nghĩa pháp theo thứ tự như vậy. Còn tà kiến do tâm dua nịnh, quanh co; tà kiến do hành động đố kỵ, hai loại này sinh khởi do lúc theo đuổi, tìm cầu, tâm tạo lỗi lầm. Tật (Ganh)-Đố (Ghét) là đối với tài sản của người khác. Do vậy, đời đời sinh vào nơi hèn kém, thân hình xấu xí, của cải ít ỏi.

Tà kiến thứ sáu do tích tập các nghiệp: Tức là khi nhận lãnh các thọ thì yêu-ghét đối với hai cảnh giới điên đảo kia.

Tà kiến thứ bảy: Tức là lúc oán hận cùng đuổi theo niệm dục mà dấy khởi quả báo của ác nghiệp.

Tà kiến thứ tám là khi làm ác, cùng mưu hại lẫn nhau.

Tà kiến thứ chín là khi tạo nghiệp thiện như bố thí, trì giới, tu hành các căn thiện thì đều là hữu lậu.

Kinh: "Ở trong cảnh giới của ba cõi, lại có mầm phát sinh, đó là danh-sắc cùng sinh. Sự tăng trưởng không lìa khỏi danh-sắc này và trở thành nơi tụ hợp của sáu nhập. Sáu nhập đã thành rồi thì trong ngoài cùng đối nhau mà phát sinh xúc. Xúc làm nhân duyên cho nên sinh ra thọ. Thọ lạc sâu xa cho nên sinh ra khát ái. Khát ái tăng trưởng cho nên sinh ra thủ. Thủ tăng trưởng cho nên lại khởi hậu hữu (đời sau). Hữu làm nhân duyên cho nên có sinh lão tử ưu bi khổ não. Chúng sinh như vậy sinh trưởng trong đau khổ, trong đó đều là Không, rời xa ngã và ngã sở, chúng vô tri-vô giác như cây cỏ-đá gạch, lại cũng như tiếng vang. Nhưng các chúng sinh không hiểu, không biết mà nhận chịu khổ não".

Luận: Ở đây nhân duyên có ba loại:

1. Theo tự tướng lại có mầm sinh… cho đến Hữu.
2. Đồng tướng, tức là lỗi lầm của sinh lão bệnh tử.
3. Điên đảo cùng tách rời ngã và ngã sở. Tự tướng có ba loại:

1. Báo tướng là danh-sắc sinh cùng với thức A-lại-da. Như Kinh: Cảnh giới của ba cõi lại có mầm sinh. Đó là danh-sắc cùng sinh. Danh-sắc cùng sinh tức danh-sắc cùng sinh với thức A-lại-da.

2. Nhân tướng kia là danh-sắc này không lìa thức kia, mà dựa vào đó để cùng sinh. Như Kinh: Không lìa nhau.

3. Tướng thứ tự của quả kia: Sáu nhập cho đến Hữu. Như Kinh: Danh-sắc này tăng trưởng rồi, thành nơi tụ hợp của nhập. Sáu nhập đã thành rồi thì trong ngoài cùng đối nhau mà phát sinh Xúc. Xúc làm nhân duyên sinh ra Thọ. Thọ lạc sâu xa cho nên sinh ra Khát ái. Khát ái tăng trưởng cho nên sinh ra Thủ. Thủ tăng trưởng cho nên lại khởi hậu hữu

(thân sau). Hữu làm nhân duyên cho nên có sinh lão tử-ưu bi-khổ

não. Chúng sinh sinh trưởng trong đau khổ.

Ở đây lìa ngã và ngã sở: Hai loại này chỉ rõ là Không. Vô tri vô giác: Tức là tự thể là vô ngã. Vô tri vô giác này chỉ rõ không phải là số lượng của chúng sinh động hay không động. Như Kinh: Như cây cỏ-vách đá, lại cũng như tiếng vang. Nhân duyên tương tợ là pháp cùng loại. Thế nào là đối với hai loại điên đảo kia? Như Kinh: Nhưng vì các chúng sinh không biết, không hiểu mà thọ nhận khổ đau.

Kinh: "Thấy các chúng sinh không lìa khỏi khổ khổ như vậy, Bồ-tát liền sinh trí tuệ Đại Bi, nghĩ: Đây là các chúng sinh mình cần phải giáo hóa, khiến họ trú vào nguồn an vui rốt ráo của Niết-bàn. Vì thế, liền sinh khởi trí tuệ Đại Bi".

Luận: Thế nào là gồm đủ các thứ đau khổ? Thế nào là xa lìa sự an lạc đệ nhất nghĩa tối thượng? Các điều ấy ở trước đã nói nơi phần thị hiện Đại Từ Bi.

Kinh: "Chư Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát tùy thuận pháp Đại Từ Bi như vậy, an trú nơi địa thứ nhất. Do tâm thâm diệu, mà đối với tất cả vật không hề luyến tiếc, dùng pháp để cầu trí vi diệu lớn lao của Phật. Tu pháp Đại Xả, những gì có thể bố thí thảy đều đem cho cả. Nào là tiền của, xe cộ, kho tàng đều cho hết. Hoặc đem vàng bạc, ma ni, trân châu, xa cừ, mã não, kha bối, lưu ly, sinh kim ... để bố thí. Hoặc đem những dụng cụ trang nghiêm bằng các vật báu như chuỗi anh lạc để bố thí. Hoặc đem voi, ngựa, xe tải, kiệu khiêng mà bố thí. Hoặc đem chùa, nhà, vườn, ruộng, rừng, lầu gác, suối nước, ao tắm để bố thí. Hoặc đem tôi tớ, gia nhân để bố thí. Hoặc đem đất nước, xóm làng, thành ấp, vương đô ban cho. Hoặc đem vợ con nam nữ thí cho. Hoặc đem hết thảy sự việc rất ưa thích đều có thể bố thí. Hoặc dùng hết thảy các chi phần nơi thân thể như đầu, mắt, tai, mũi, tay, chân để bố thí. Bồ-tát bố thí hết thảy mọi vật dụng như vậy không hề tham tiếc, chỉ mong cầu đạt được trí tuệ vô thượng của Phật mà hành trì bố thí.

Bồ-tát Ma-ha-tát an trú nơi địa thứ nhất như thế, có thể thành tựu hạnh xả thí lớn lao".

Luận: Những gì hiện tại có thể bố thí đều đem thí ngay: Là bởi vì cầu trí vi diệu lớn lao vô thượng của Phật. Tất cả các vật, lược nêu có hai loại: Vật bên ngoài, vật bên trong.

Vật bên ngoài lại có hai loại: Vật đang dùng, vật dự trữ. Như Kinh: Đó là tất cả của cải, lúa thóc kho tàng.

Theo thứ tự như thế, trong ấy, nêu rộng có tám loại: Từ vàng bạc

cho đến các vật dụng mình ưa thích.

Vật bên trong là thuộc về thân mình, coi nó như vật dụng bên ngoài có thể xả thí.

Bố thí thứ nhất là Tổng. Chín loại còn lại là Biệt. Nương vào hai loại vui mừng:

1. Vui mừng do thâu nhiếp.
2. Vui mừng do lợi ích.

- Vui mừng do thâu nhiếp: Như vàng bạc ...
- Vui mừng vì lợi ích có tám loại:

1. Vui mừng vì lợi ích do được trang sức, tức là dùng các thứ báu trang sức.

2. Vui mừng vì lợi ích do thay cho đi bộ, tức là các loại voi-ngựa...

3. Vui mừng vì lợi ích do được vui chơi, tức là như vườn rừng, lầu gác.

4. Vui mừng vì lợi ích do thay cho sự khó nhọc, tức là có các tôi tớ, nô tỳ.

5. Vui mừng vì lợi ích do được tự tại, tức là có đất nước. thôn xóm...

6. Vui mừng vì lợi ích do có quyến thuộc, tức là như vợ con...

7. Vui mừng vì lợi ích do chắc chắn, tức là như tất cả vật dụng được ưa thích.

8. Vui mừng vì lợi ích do xứng hợp với ý. Tức như đầu-mắt-tai...

Kinh: "Dùng tâm đại thí cứu giúp tất cả chúng sinh như vậy, Bồ-tát dần dần suy tìm các việc thù thắng tạo lợi ích thế gian và xuất thế gian. Khi làm công việc ấy thì tâm không mỏi mệt. Do đó, Bồ-tát thành tựu tâm không mệt mỏi. Tâm ấy được thành tựu rồi, đối với tất cả kinh luận, tâm không hề khiếp nhược. Đó gọi là thành tựu trí nhất thiết kinh luận. Trí đó đã được thành tựu, khéo có thể lường tính các việc nên làm hay không nên làm. Đối với các chúng sinh thượng-trung-hạ luôn tùy chỗ thích hợp mà hành hóa, tùy theo sức và tùy theo chỗ cảm nhận. Vì thế, Bồ-tát thành tựu trí thế gian. Đạt được trí ấy thì biết thời gian, số lượng, biết hổ thẹn để tự trang nghiêm, tu tập các đạo tự lợi lợi tha. Cho nên Bồ-tát tạo được sự trang nghiêm do hổ thẹn. Như thế, trong sự hành trì luôn siêng năng tinh tiến tu tập đạt được diệu lực không thối chuyển, vậy là Bồ-tát đã thành tựu diệu lực kiên cố, nhờ đó càng dốc lòng tu hành, cúng dường chư Phật, theo những pháp đã lãnh hội để tu hành.

Chư Phật tử! Bồ-tát hiểu biết hết pháp thanh tịnh nơi các địa sinh

khởi như vậy. Đó là những pháp tin tưởng, từ bi, xả thí không mệt mỏi, biết các kinh luận, khéo lý giải pháp thế gian, biết hổ thẹn, diệu lực kiên cố cúng dường chư Phật, như pháp tu hành".

Luận: Trong này, nương vào trí thế gian ấy để hành hóa thích hợp. Như trong luận nói là tùy theo sức mình, tùy khả năng thọ nhận của kẻ kia. Dựa vào sự hổ thẹn để biết số lượng, biết thời gian. Tức là chỉ rõ có ba loại thời:

1. Thời gian của nhớ nghĩ.
2. Thời gian của đêm-ngày.
3. Thời gian của sự tạo tác, cần phải đạt được không gián đoạn.

Dựa vào diệu lực kiên cố trong sự hành hóa như vậy của Bồ-tát,

tức là như trên đã nói về tin tưởng ... Siêng năng tu hành có hai loại:

1. Tu hành không xả bỏ diệu lực bất thối chuyển.
2. Tu hành với diệu lực không chuyển đổi, tinh tiến không dứt.

Cúng dường chư Phật, như pháp tu hành: Có hai loại:

1. Cúng dường lợi dưỡng.
2. Cúng dường tu hành.

Mười loại hạnh này chỉ rõ hai loại thành tựu thù thắng là:

1. Thành tựu tâm sâu xa là tin tưởng-từ bi...
2. Thành tựu sự tu hành là bố thí không mệt mỏi. Hiểu hết về các kinh luận, khéo lãnh hội pháp thế gian, biết hổ thẹn, có sức kiên cố, cúng dường chư Phật, như pháp tu hành...

Trong đó, nương vào tự lợi để hành trì là lòng tin, có thể tin nơi hạnh Bồ-tát cùng pháp của chư Phật, cầu nhất định đạt kết quả mong muốn.

Nương vào lợi tha để hành trì là tâm Từ Bi có năng lực làm cho nên yên ổn và mang lại niềm vui. Xả là đem tiền của nơi mình để trợ giúp việc làm cho kẻ khác, không mệt mỏi là tự thâu nhiếp các pháp để hành hóa.

Hiểu kinh luận, khéo lãnh hội pháp thế gian là dùng pháp để hỗ trợ việc làm cho kẻ khác. Ngoài ra còn ba hành thâu nhiếp giúp cho lòng tin là:

1. Hành không vướng mắc: Dùng hổ thẹn để đối trị chướng ngại, không vướng mắc vào việc làm tin tưởng ...

2. Hành bất động: Có diệu lực kiên cố để tin ... không gì có thể làm lay động.

3. Hành tu tập: Tức là mọi sự cấu uế kia đều trở cho nên thanh

tịnh khi biết nương vào hành cúng dường chư Phật. Thâu nhiếp lòng tin nơi căn thiện... Ở đây nương vào hai loại cúng dường cho nên được hai loại thân:

1. Thân vi diệu tối thượng: Là thân khiến người trông thấy đều sinh tâm cung kính, lợi ích không hư giả.

2. Tâm thuận hợp: Là thành tựu căn thiện của tự tánh cho nên ưa thích hành trì pháp.

Trước nói ba mươi câu, từ lòng tin tăng thượng... cho đến thường cầu đạo thù thắng tối thượng, là pháp của địa thanh tịnh. Nay trong mười câu này từ Tin tưởng… cho đến cúng dường chư Phật đều là những pháp làm thanh tịnh các chướng ngại nơi địa. Đó gọi là tu hành, đối chiếu chỗ thù thắng. Thế nào là đối chiếu chỗ thù thắng nơi lợi ích của quả?

Kinh: "Chư Phật tử! Sau khi an trú ở địa Hoan hỷ của Bồ-tát rồi, Bồ-tát này thường thấy chư Phật, nhờ vận dụng diệu lực của đại thần thông, diệu lực của đại nguyện, thấy nhiều Phật từ trăm, ngàn cho đến hàng trăm ngàn Phật, trăm ngàn na-do-tha Phật, nhiều ức Phật, trăm ức Phật, ngàn ức Phật, trăm ngàn ức Phật, trăm ngàn ức na-do-tha Phật, do vận dụng diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện. Khi Bồ-tát này thấy chư Phật, thì đem tâm vô thượng, tâm sâu xa cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi, phụng hiến y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc thang hết thảy đều đầy đủ. Rồi dùng các vật dụng tạo an lạc thượng diệu của các Bồ-tát cúng dường cho chúng Tăng, đem hết căn thiện này hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề tối thượng. Nhân việc cúng dường chư Phật này, Bồ-tát ấy đã thành tựu pháp giáo hóa tạo ích lợi cho chúng sinh. Bồ-tát ấy thường dùng hai nhiếp pháp để thâu nhiếp chúng sinh là bố thí và ái ngữ. Hai nhiếp pháp sau (trong bốn nhiếp) chỉ dùng sức tin hiểu để hành trì, do chưa khéo thông đạt. Bồ-tát này trong mười pháp Ba-la-mật coi trọng hơn hết về Đàn Ba-la-mật. Còn các Ba-la-mật khác, không phải là không tu tập. Tùy sức, tùy phần, Bồ-tát ấy theo chỗ cúng dường chư Phật, luôn giáo hóa chúng sinh, đều có thể nhận lãnh và hành trì pháp thanh tịnh của địa. Bao nhiêu căn thiện như vậy, đều nguyện hồi hướng về đạo quả Nhất thiết chủng trí. Dần dần trở cho nên sáng sạch mà thành tựu thuận hợp, tùy ý sử dụng.

Này chư Phật tử! Ví như thợ kim hoàn khéo léo luyện vàng luôn tiếp cận với lửa, cứ như vậy mãi thì có được vàng sạch-sáng mà thành tựu thuận hợp, tùy ý sử dụng. Chư Phật tử! Bồ-tát cũng lại như vậy. Cứ như thế, như thế, cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sinh, đều có thể tu hành pháp thanh tịnh của địa. Tu hành chính đáng rồi, được tất cả các căn thiện ấy, đều

đem hồi hướng đến quả vị Nhất thiết chủng trí. Dần dần tâm ý sáng-sạch mà thành tựu thuận hợp, tùy ý sử dụng".

Luận: Đối chiếu chỗ thù thắng nơi lợi ích của quả có bốn loại:

1. Thù thắng do lợi ích của quả thuận hợp.
2. Thù thắng do lợi ích của quả phát thú.
3. Thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo.
4. Thù thắng do lợi ích của quả nguyện trí.

Thù thắng do lợi ích của quả thuận hợp: Giống như cách luyện vàng. Tín... cùng với các pháp thiện giống như vàng thật nhiều lần vào trong lửa.

Có ba loại vào là:

1. Vào nơi công đức, cúng dường Phật, Tăng.
2. Vào tâm Bi để giáo hóa chúng sinh.
3. Vào nơi quả vô thượng, nguyện hồi hướng tới đạo quả đại Bồ-đề.

Dùng diệu lực của đại thần thông thấy chư Phật: Là dùng lực đại thần thông thù thắng thấy sắc thân Phật.

Đại nguyện lực là dùng nguyện lực chân chánh bên trong của mình để thấy Pháp thân Phật. Thấy nhiều trăm Phật, cho đến trăm ngàn ức na-do-tha Phật: Là dùng phương tiện thiện xảo thị hiện nhiều Phật, hiển bày số lượng nhiều.

Cúng dường có ba loại là:

1. Cúng dường cung kính: Là tán thán làm sáng tỏ công đức của Phật.
2. Cúng dường tôn trọng: Là lễ bái...
3. Cúng dường phụng thí: Là hiến cúng những hương hoa, hương xoa, hương bột, cờ phướn, lọng báu...

Đem các vật dụng tạo an lạc thượng diệu của các Bồ-tát: Các Bồ-tát này hiện có các vật dụng mà thế gian không thể cung cấp, đều phụng thí cho hết thảy chúng Tăng.

Thế nào là thù thắng do lợi ích của quả phát thú?

Kinh: "Lại nữa, chư Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát trú ở địa Hoan hỷ của Bồ-tát này, ở trong địa thứ nhất có những tướng đạt quả, thuận theo chư Phật, Bồ-tát, và thiện tri thức để suy tìm, thỉnh hỏi những pháp thành tựu các địa, không hề biết chán đủ. Bồ-tát an trú trong địa thứ nhất như vậy phải luôn tìm hiểu thỉnh hỏi từ chư Phật, Bồ-tát và thiện tri thức.

Trong địa thứ hai đến địa thứ mười cũng hành trì như vậy, thành tựu pháp của mười địa không hề chán đủ. Bồ-tát ấy khéo nhận biết cách đối trị chướng ngại của các địa. Khéo nhận biết địa thành hoại. Khéo nhận biết tướng của địa. Khéo nhận biết quả tu chứng của địa. Khéo nhận biết phần thanh tịnh của địa. Khéo nhận biết việc chuyển từ địa này lên địa khác. Khéo nhận biết trú xứ của từng địa. Khéo nhận biết đối chiếu trí thù thắng của từng địa. Khéo nhận biết chỗ đạt được không thối chuyển của địa. Khéo nhận biết hết thảy Bồ-tát địa chuyển nhập thanh tịnh vào trí địa của Như Lai.

Chư Phật tử! Bồ-tát khéo dấy khởi tướng địa như vậy, phát ý không trú vào địa thứ nhất, mà chuyển lên địa thứ mười không bị chướng ngại. Do được mười địa cho nên trí tuệ càng sáng tỏ, có thể đạt được ánh sáng nơi trí tuệ của chư Phật. Chư Phật tử! Ví như mười dẫn đường giỏi, dẫn đám đông đi vào kinh thành lớn kia, khi chưa lên đường, trước tiên cần phải hỏi những lợi ích tốt đẹp ... trên đường sẽ đi, hỏi trên đường đó có những trở ngại hiểm nạn nào. Ông lo liệu về lương thực đầy đủ, thưa hỏi cái gì cần làm, suy tính hết từ đầu đến cuối mọi điều, rồi mới phát khởi lên đường, cuối cùng tới thành phố lớn kia sau khi trải qua nhiều đoạn đường nguy hiểm, nhưng mọi người đều an toàn. Này các Phật tử! Đại Bồ-tát là bậc Đạo sư thiện xảo cũng lại như vậy. Trú nơi địa thứ nhất, khéo nhận biết cách đối trị các chướng ngại của địa, cho đến khéo nhận biết hết thảy Bồ-tát ở địa thanh tịnh, chuyển vào trí địa của Như Lai.

Bấy giờ, Bồ-tát có đủ phước đức lớn làm hành trang trợ đạo, khéo lựa chọn trợ đạo trí tuệ, mong dẫn dắt chúng sinh đến đại thành Nhất thiết chủng trí. Lúc chưa lên đường, trước tiên phải hỏi về nẻo công đức của địa, biết đâu là chỗ lùi bước của các địa. Lại hỏi chuyện tốt đẹp nơi đường đi của địa. Hỏi về nỗi lo thối chuyển ở giữa đường của địa. Phải có đủ đại công đức, hành trang của trí tuệ, những gì cần làm, đều phải thỉnh hỏi từ Phật, Bồ-tát và thiện tri thức. Biết cách đối trị mọi chướng ngại. Bồ-tát biết rõ đường tới đại thành Nhất thiết trí, ngay từ điểm chưa xuất phát, đến đó bằng cách hành trì đầy đủ đại công đức, hành trang của trí tuệ, giáo hóa tất cả chúng sinh vượt qua mọi chặng đường hiểm nạn của thế gian, khiến họ an trú trong đại thành Nhất thiết trí, không còn bị nhiễm trong hiểm họa sinh tử ở đời, thân mình và chúng sinh không còn các suy tổn khổ não. Chư Phật tử! Do đó, Bồ-tát Ma-ha-tát này thường hiện bày tâm không mỏi mệt, luôn siêng tu tập nghiệp của các địa với trí thù thắng nơi bản hạnh.

Chư Phật tử! Đó gọi là lược nói về Bồ-tát Ma-ha-tát hội nhập nơi cửa

địa Hoan hỷ của Bồ-tát. Nói rộng thì có trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ sự việc".

Luận: Các tướng là những chướng ngại và tướng đối trị hiện có trong các địa, đạt được là chứng đắc trí xuất thế gian. Quả là nhờ chứng trí lực mà đạt được trí thế gian và xuất thế gian.

Các pháp thành tựu của địa là sự tin tưởng... nơi các địa đều có đủ.

Có năm loại phương tiện:

1. Phương tiện về quán chiếu.
2. Phương tiện để chứng đắc.
3. Phương tiện về tăng thượng.
4. Phương tiện không thối chuyển.
5. Phương tiện để đạt tới tận cùng.

Phương tiện về quán chiếu: Là khéo léo đối trị chướng ngại và biết rõ sự thành hoại. Như Kinh: Bồ-tát này khéo nhận biết đối trị chướng ngại của các địa. Khéo nhận biết sự thành hoại của địa. Đối trị chướng ngại của mười địa có mười loại, gọi là mười địa như đã nói trong phần Căn bản ở trước. Thứ tự như vậy tích tập cho nên thành, tan lìa cho nên hoại. Được phương tiện là nhằm tiến vào phương tiện, đã hội nhập phương tiện rồi thì theo đó mà tăng tiến, thành tựu. Như Kinh: Khéo nhận biết tướng của địa. Khéo nhận biết quả tu của địa. Khéo nhận phần thanh tịnh của địa.

Phương tiện tăng thượng: Là địa này chuyển lên địa khác, trú xứ của mỗi địa, sự tăng trưởng của mỗi địa, hết thảy đều nhận biết một cách khéo léo. Như Kinh: Khéo nhận biết sự chuyển địa này lên địa khác. Khéo nhận biết chỗ ở của các địa. Khéo nhận biết trí thù thắng của các địa qua đối chiếu.

Phương tiện không thối chuyển. Như Kinh: Khéo nhận biết địa đạt được pháp không thối chuyển.

Phương tiện đạt tới tận cùng: Là Bồ-tát hành trì xong địa Bồ-tát thì khéo léo hội nhập nơi địa của Như Lai. Như Kinh: Khéo nhận biết tất cả địa Bồ-tát thanh tịnh, chuyển nhập trong trí địa của Như Lai.

Chư Phật tử! Ví như người dẫn đường khéo léo, đưa đám đông đến thành phố lớn kia, muốn đi tới một cách chắc chắn thì người dẫn đường phải có hai loại phương tiện: Một là phương tiện không lầm đường. Ông ta đều khéo nhận biết về đường sá nơi nào là lợi, nơi nào là bất trắc, mọi nơi chốn trên đường đi, chốn nào là thuận hợp, nơi nào là là xấu-hiểm. Như Kinh: Trước phải hỏi chuyện ích lợi trong đường ấy như thế nào. Hỏi có những hiểm nạn gì khiến lùi bước, có gì hay, giữa đường có những trở ngại

gì khiến phải rút lui…

Hai là phương tiện của lợi ích nơi vật cần dùng. Như Kinh: Gồm đủ hành trang cái gì cho nên làm ...

Thế nào là thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo ?

Kinh: "Bồ-tát Ma-ha-tát trú ở địa thứ nhất này, phần nhiều làm vua nơi cõi Diêm-phù-đề, giàu sang tự tại, thường hộ trì chánh pháp, thâu nhiếp các chúng sinh bằng những pháp đại bố thí, khéo dứt trừ mọi cấu uế của chúng sinh là tánh tham lam-keo kiệt-đố kỵ. Luôn hành hóa đại xả không bao giờ cạn. Các việc làm đều là thiện như bố thí-ái ngữ-lợi hành-đồng sự. Những phước đức ấy đều nhờ không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, không lìa niệm các Bồ-tát, cùng những việc làm của Bồ-tát, không lìa niệm về các Ba-la-mật, không lìa niệm về mười địa, không lìa niệm về diệu lực bất hoại, không lìa niệm về pháp vô úy, không lìa niệm về các pháp bất cộng, cho đến không lìa niệm về trí Nhất thiết trí, nhận biết đầy đủ về mọi chủng loại. Thường sinh tâm như vầy: Đối với tất cả chúng sinh, mình sẽ là thượng thủ, là thù thắng, là lớn lao, vi diệu, tối thượng, vô thượng, tôn quý, là bậc Đạo sư, là vị tướng soái, cho đến là bậc Nhất thiết trí, là nơi nương dựa của mọi chúng sinh.

Chư Phật tử! Đại Bồ-tát này nếu muốn lìa bỏ nhà cửa siêng năng hành trì tinh tiến đối với pháp Phật, liền có thể xả bỏ năm dục lạc đối với gia đình, vợ con. Được xuất gia rồi, thì càng tinh tiến, trong khoảnh khắc đạt được trăm Tam-muội, thấy trăm Phật, nhận biết thần lực của trăm Phật, có thể làm chuyển động thế giới của trăm Phật, có khả năng hội nhập thế giới của trăm Phật, có thể chiếu sáng hàng trăm thế giới Phật, giáo hóa chúng sinh nơi thế giới của hàng trăm Phật, trú thọ trong trăm kiếp, nhận biết sự việc của các đời quá khứ, vị lai hàng trăm kiếp, có thể khéo đi vào hàng trăm pháp môn, biến hóa hàng trăm thân, từ mỗi mỗi thân đó, thị hiện ra hàng trăm Bồ-tát làm quyến thuộc".

Luận: Thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo có hai loại: Quả báo tại gia và quả báo xuất gia. Quả báo tại gia lại có hai loại: Một là thân thượng thắng như làm vua cõi Diêm-phù-đề. Như Kinh: Bồ-tát Ma-ha-tát trú nơi địa thứ nhất này, phần nhiều làm vua cõi Diêm-phù-đề, giàu sang tự tại, thường hộ trì chánh pháp. Hai là quả thượng thắng: Tức là khéo léo chế ngự mọi thứ tham lam-keo kiệt-ganh ghét. Như Kinh: Có thể dùng pháp bố thí lớn để thâu nhiếp chúng sinh, khéo diệt trừ tánh tham lam-keo kiệt-ganh ghét của chúng sinh. Có thể thâu nhiếp chúng sinh bằng đại thí là chính mình làm việc bố thí, rồi khéo khuyên kẻ khác bố thí. Thâu nhiếp

chúng sinh, khéo chuyển hóa mọi cấu uế của keo kiệt-ganh ghét nơi họ, dùng phương tiện thiện xảo với bốn Nhiếp pháp để thâu nhiếp chúng sinh.

Không lìa niệm Phật... là chỉ rõ không lìa các sự việc tự lợi. Các niệm như thế, hành trì đầy đủ là thành tựu đại cung kính, xua tan mọi vọng tưởng. Niệm ấy, nói tóm lược có bốn loại:

1. Niệm tối thượng: Là nhớ nghĩ về Tam bảo.
2. Niệm đồng pháp: Là nhớ nghĩ về các Bồ-tát.
3. Niệm công đức: Là nhớ nghĩ về thân mình, thân người, việc làm của Bồ-tát, tự thể chuyển biến thù thắng.
4. Niệm cầu nghĩa: Là nhớ nghĩ về các lực, vì đó là cứu cánh chân thật.

Niệm tối thượng là gì? Là nhớ nghĩ về Phật, nhớ nghĩ về pháp của Phật... Đối với người cho, kẻ nhận, vật cho và Bồ-đề, không sinh tâm phân biệt, không chấp giữ. Như vậy trong tất cả chỗ tạo tác, người làm không chấp trước, cảnh giới không chấp trước, việc làm không chấp trước, quả báo không chấp trước. Đem hết thảy sự hành trì này nguyện hồi hướng về đạo quả đại Bồ-đề.

Bậc thượng thủ có hai loại:

1. Thượng thủ thù thắng, là bậc có công đức chói sáng.
2. Thượng thủ lớn lao, Là không còn ai hơn. Thù thắng có hai loại:

1. Thù thắng tự tại do trí tuệ vi diệu.
2. Thù thắng tự tại do lìa bỏ tất cả phiền não. Lớn lao có hai loại:

1. Ở trên là không ai sánh bằng.
2. Vô thượng là không ai có thể vượt hơn.

Như vậy là làm sáng tỏ công đức của tự thể. Dẫn đường là ở trong A-hàm (kinh điển) phân biệt nghĩa pháp thuyết giảng đúng đắn. Bậc tướng nghĩa là giúp kẻ khác chứng đắc diệu nghĩa, diệt trừ các thứ phiền não. Bậc thầy là dạy bảo truyền trao, khiến hội nhập chánh đạo. Cho đến làm chỗ nương dựa hết thảy trí Nhất thiết trí, là dùng đạo đại Bồ-đề để giáo hóa. Đó gọi là sự thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo nơi Bồ-tát tại gia.

Lại nữa, Bồ-tát xuất gia với nghiệp thù thắng do thiền định. Nghiệp thù thắng có hai loại:

1. Thù thắng do Tam-muội, là trong một niệm đạt được hàng trăm Tam-muội, đạt được diệu lực tự tại của Tam-muội.
2. Thù thắng do sự tạo tác của Tam-muội, tức là thấy được hàng trăm Phật. Do đạt được diệu lực của Tam-muội ấy, cho nên đối với chư

Phật trong mười phương đều được gia hộ. Nơi trú xứ của các Bồ-tát, tu tập trí tuệ. Có khả năng làm chuyển động thế giới của hàng trăm Phật, tức là khiến chúng sinh có thể giáo hóa để phát sinh chánh tín. Có khả năng tiến vào thế giới của hàng trăm Phật, chiếu sáng hàng trăm thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi hàng trăm thế giới Phật; là đi tới các nơi chốn đó cùng thấy và chính thức giáo hóa chúng sinh.

Có thể sống lâu hàng trăm kiếp; là thâu nhiếp sự sống thù thắng. Có khả năng nhận biết sự việc về quá khứ, vị lai trong trăm kiếp; là hóa độ các chúng sinh hành trì việc đứng đầu là lìa ác, thuyết giảng về con đường tạo nghiệp thiện-ác. Có thể tiến vào trăm pháp môn; là tăng trưởng trí tuệ của mình, suy tư về diệu nghĩa của vô số pháp môn. Có năng lực biến một thân ra trăm thân, rồi nơi mỗi mỗi thân biến ra trăm Bồ-tát làm quyến thuộc; là hành trì mau chóng để tạo nhiều lợi ích.

Thế nào là sự thù thắng do lợi ích của quả nguyện trí?

Kinh: "Nếu so với nguyện lực tự tại thắng thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát thị hiện sẽ vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện nhiều loại thần thông, hoặc về thân, hoặc ánh sáng, hoặc thần thông, hoặc về mắt, về cảnh giới, về âm thanh, về hành, về trang nghiêm, về gia hộ, về tin tưởng, về nghiệp, những thần thông như vậy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, không thể tính biết được".

Luận: Ở đây thân là nơi nương tựa căn bản cho mọi hành hóa của Bồ-tát. Nương vào thân ấy cho nên có ánh sáng, thần thông. Dựa vào ánh sáng này cho nên có thiên nhãn. Do có thiên nhãn cho nên mới trông thấy cảnh giới trước mắt.

Tất cả mắt (nhãn) có năm loại cho nên biết. Dựa vào các thần thông cho nên có âm thanh cùng sự hành trì trang nghiêm, gia hộ. Âm thanh là sự ứng hợp với lời nói. Hành trì là đi đến khắp mười phương. Trang nghiêm là thực hiện vô số sự ứng hiện. Gia hộ là dùng thần lực gia hộ cho Bồ-tát. Tin là nương tựa vào môn Tam-muội, hiện thần thông lực, tùy theo chỗ tin của các chúng sinh mà lợi ích được thành tựu. Nghiệp là nương vào mắt tuệ để thâu nhiếp môn Đà-la-ni, thị hiện giảng nói pháp.

Lược nêu về hết thảy các địa, mỗi địa đều có Thể của nhân và tướng của quả, nên biết.

**

LUẬN THẬP ĐỊA KINH

QUYỂN 4

Địa 2: ĐỊA LY CẤU

Luận: Như thế là Bồ-tát đã chứng đắc chánh vị, nương nơi đạo xuất thế gian, nhờ vào giới thanh tịnh để nói về địa Ly cấu, là Địa thứ hai của bậc Bồ-tát. Giới thanh tịnh này có hai loại thanh tịnh:

1. Thanh tịnh phát khởi.
2. Thanh tịnh tự thể.

Thanh tịnh phát khởi là nói về mười thứ tâm chánh trực.

Kinh: "Bấy giờ, đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Các Phật tử! Nếu Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ Địa thứ nhất, muốn đạt được Địa thứ hai thì cho nên phát khởi mười loại tâm chánh trực. Những gì là mười? Đó là:

1. Tâm chánh trực.
2. Tâm mềm dịu.
3. Tâm thuận hợp.
4. Tâm thiện.
5. Tâm vắng lặng.
6. Tâm chân thật.
7. Tâm không xen tạp.
8. Tâm không mong cầu.
9. Tâm thù thắng.
10. Tâm lớn lao.

Bồ-tát sinh khởi mười tâm ấy thì hội nhập nơi địa Ly cấu, là Địa thứ hai của bậc Bồ-tát".

Luận: Mười loại tâm chánh trực là dựa vào giới thanh tịnh để thành tựu giới tánh của tâm chánh trực, tùy chỗ cho nên tạo tác mà hành hóa tự nhiên. Tâm chánh trực lại có chín loại:

1. Tâm chánh trực mềm dịu; tức là cùng với ý vui mừng thực hành trì giới.

2. Tâm chánh trực thuận hợp; là diệu lực tự tại, cho nên tánh khéo trì giới không xen lẫn phiền não.

3. Tâm chánh trực thiện; tức là giữ gìn các căn, không để lầm lạc phạm giới, cũng như ngựa hay, tánh đã được điều phục.

4. Tâm chánh trực vắng lặng; là tâm đã được chế ngự, trở cho nên hòa dịu, không cao ngạo.

5. Tâm chánh trực chân thật; tức là có thể nhẫn chịu mọi thứ não hại, như vàng ròng.

6. Tâm chánh trực không xen tạp; tức là đối với mọi công đức đã đạt được không sinh chán đủ, dựa vào giới thanh tịnh để cầu đạt giới thù thắng, ưa thích tịch tĩnh.

7. Tâm chánh trực không mong cầu; là tâm không mong đạt những thế lực tự tại nơi các cõi.

8. Tâm chánh trực thù thắng; là vì tạo lợi ích cho chúng sinh cho nên không dứt bỏ các nguyện hữu lậu.

9. Tâm chánh trực lớn lao; tức là tâm tuỳ thuận nơi quả của các cõi mà không đắm nhiễm.

"Thanh tịnh tự thể" có ba loại giới:

1. Giới thanh tịnh do xa lìa.
2. Giới thanh tịnh do thâu nhiếp pháp thiện.
3. Giới thanh tịnh do đem lại lợi ích cho chúng sinh.

- Giới thanh tịnh do xa lìa; tức là mười thiện đạo nghiệp. Từ lìa bỏ sát sinh cho đến chánh kiến, cũng gọi là thọ trì giới thanh tịnh.

- Giới thanh tịnh do thâu nhiếp pháp thiện; tức là đối với giới thanh tịnh do xa lìa làm đầu. Từ câu: "Bồ-tát tư duy: Chúng sinh bị đọa nơi các cõi ác đều do nhân duyên tập khởi là mười bất thiện nghiệp đạo" đến câu: "Vì vậy mình nên hành trì mười bất thiện đạo nghiệp với tất cả các loại thanh tịnh".

- Giới thanh tịnh do đem lại lợi ích cho chúng sinh; tức là đối với giới thâu nhiếp pháp thiện làm đầu, từ câu: "Bồ-tát lại suy nghĩ: Mình xa lìa mười bất thiện nghiệp đạo, ưa thích pháp hành" cho đến: "Sinh tâm tôn kính ...".

Kinh: "Này các Phật tử! Bồ-tát trú nơi địa Ly cấu của Bồ-tát tự tánh thành tựu mười thiện nghiệp đạo, xa lìa hết thảy việc sát sinh, dứt bỏ đao gậy, không có tâm sân hận, có hổ có thẹn, đầy đủ tâm thương xót đối với tất cả chúng sinh, sinh khởi tâm an ổn, tâm Từ. Bồ-tát ấy hãy còn không có tâm xấu ác, gây não hại các chúng sinh, huống là đối

với các chúng sinh kia mà khởi tưởng về chúng sinh, khởi tâm thô nặng, thân gây thêm não hại".

Luận: Nói "Mười thiện nghiệp đạo, xa lìa hết thảy việc sát sinh", là thị hiện chỗ hơn hết nơi lợi ích thù thắng của sự xa lìa. Dựa vào việc xa lìa sát sinh có ba loại lìa:

1. Lìa nhân. Như Kinh nói: "Dứt bỏ đao gậy, không có tâm sân hận, có hổ có thẹn, đầy đủ sự thương xót…".

2. Lìa bằng cách đối trị. Như Kinh nói: "Đối với tất cả chúng sinh sinh khởi tâm an ổn, tâm Từ".

3. Lìa do hành quả. Như Kinh nói: "Hãy còn không có tâm xấu ác, não hại chúng sinh, huống chi là đối với các chúng sinh khác…".

- Ở đây, sát sinh có hai loại nhân:

1. Nhân chứa nhóm.
2. Nhân phát khởi.

Nhân chứa nhóm có hai loại là đao-gậy. Đao là tạo việc chém, chặt. Gậy là tạo việc đánh, đập. Như Kinh nói: "Dứt bỏ đao, gậy, cho đến chú thuật, các thứ thuốc, những vật dụng có thể giết hại, thảy đều xa lìa".

Nhân phát khởi có hai loại là tham, sân, vì tài sản-lợi dưỡng mà tạo các nghiệp ác, cho đến mất mạng, tâm không xấu hổ, hối hận. Đối trị chúng, như Kinh: "Có hổ có thẹn". Vì tham mà chúng sinh bắt bớ, nuôi dưỡng, cột nhốt nơi lồng, khiến sinh khổ não. Đối trị những điều ấy, như Kinh: "Đầy đủ sự thương xót". Lìa hai loại đó cho nên gọi là lìa nhân.

- Lìa bằng cách đối trị có hai loại:

1. Tâm an ổn; đối với hết thảy chúng sinh luôn tạo lợi ích, dùng pháp thiện giáo hóa khiến họ trú nơi nẻo thiện, là nhân của Niết-bàn.

2. Tâm Từ, khiến cho các chúng sinh kia đạt được phước báo của hàng trời, người, dẫn đến quả an lạc của Niết-bàn. Như Kinh nói: "Đối với tất cả chúng sinh, sinh khởi tâm an ổn, tâm Từ". Như vậy, ở trong nhân quả không cầu tìm điên đảo. Lìa tâm ngu si sát sinh để cúng tế… Đối trị các điều ấy thì gọi là lìa, cho nên gọi là lìa bằng cách đối trị. Bồ-tát là chủ thể lìa.

Nói chúng sinh; là chỉ rõ các chúng sinh, không phải thường, không phải đoạn, tùy theo nhân duyên của mạng căn, cho đến có được thọ mạng, trú ở đời. Chết thì dựa vào lực của nghiệp-phiền não, sinh trở lại vào đời vị lai.

- Lìa do hành quả có hai loại:

1. Vi tế: Như tâm niệm làm não hại.
2. Thô trọng: Như thân hành làm não hại.

Như Kinh nói: "Bồ-tát ấy hãy còn không có tâm xấu ác não hại các

chúng sinh, huống là đối với các chúng sinh khác…". Ở đây, hành thô trọng có năm loại:

1. Thân: Như Kinh nói: "Khác".
2. Sự: Như Kinh nói: "Chúng sinh".
3. Tưởng: Như Kinh nói: "Tưởng về chúng sinh".
4. Hành: Như Kinh nói: "Nên khởi tâm thô trọng".
5. Thể: Như Kinh nói: "Thân gây thêm não hại".

Kinh: "Lìa bỏ đối với việc trộm cướp vật dụng cần cho đời sống, thường tự cho là đầy đủ. Không huỷ hoại tài sản của kẻ khác. Nếu vật thuộc về người khác mà họ được sử dụng và có ý tưởng giữ gìn thì mình không sinh tâm trộm cắp. Bồ-tát ấy cho đến cọng cỏ-chiếc lá, không cho thì không lấy, huống chi là đối với các vật dụng, của cải khác".

Luận: Dựa vào việc lìa trộm cướp, có ba loại lìa:

1. Lìa nhân.
2. Lìa bằng cách đối trị.
3. Lìa do hành quả.

- Lìa nhân: Của cải mà chính mình không đủ. Đối trị điều ấy, như Kinh: "Các vật dụng-của cải thường tự cho là đầy đủ".
- Lìa bằng cách đối trị: Đó là bố thí. Đối với của cải mà chính mình có, xả bỏ không vướng mắc, do không tham. Không huỷ hoại của cải thuộc vị lai, như Kinh: "Không huỷ hoại tài sản của kẻ khác".
- Lìa do hành quả, có hai loại:

1. Vật vi tế không cho, không lấy.
2. Vật thô trọng không cho, không lấy. Ở đây, chỉ rõ có năm loại:

1. Thân: Như Kinh nói: "Nếu vật thuộc về kẻ khác".
2. Sự: Như Kinh nói: "Sự việc kẻ khác thọ dụng".
3. Tưởng: Như Kinh nói: "Kẻ khác có ý tưởng giữ gìn".
4. Hành; tức là tâm trộm cắp. Như Kinh nói: "Không sinh tâm trộm cắp".
5. Thể; tức là tính chất vi tế, thô trọng. Như kinh nói: "Cho đến cọng cỏ-chiếc lá, không cho thì không lấy, huống là…".

Kinh: "Lìa bỏ tà dâm, tự cho là đủ đối với nhan sắc của vợ mình, không cầu tìm vợ kẻ khác, cầu tìm người nữ do người khác giữ gìn cùng vợ của kẻ khác. Mà bà con thân thuộc của họ luôn giữ gìn, hoặc có giới

pháp che chở. Bồ-tát ấy cho đến không sinh tâm nhớ nghĩ để tham cầu, huống là cùng với người nữ làm việc tà dâm, hoặc lại hành sự không đúng chỗ".

Luận: Dựa vào việc lìa tà dâm, có ba loại lìa:

1. Lìa nhân.
2. Lìa bằng cách đối trị.
3. Lìa do hành quả.

- Lìa nhân: Như đối với vợ mình chưa đủ. Đối trị việc này, như Kinh: "Tự biết đủ về nhan sắc của vợ mình".

- Lìa bằng cách đối trị: Phạm hạnh hiện tại thanh tịnh, không cầu nhan sắc của vợ thuộc vị lai. Như Kinh nói: "Không cầu tìm vợ người khác".

- Lìa do hành quả; có hai loại:

1. Vi tế; đó là trong tâm.
2. Thô trọng, tức là thân tướng. Thân tướng ở đây có ba loại:

1. Không chánh đáng.
2. Trái thời.
3. Không đúng chỗ.

- Không chánh đáng (Bất chánh) là đối với người nữ được kẻ khác giữ gìn mà ở chung hoặc không ở chung. Ở chung; là do người khác giữ gìn. Không ở chung; là vợ của kẻ khác. Như Kinh nói: "Người nữ do người khác giữ gìn cho đến là vợ của kẻ khác".

Bà con thân thuộc của họ luôn giữ gìn; tức là cha mẹ, người thân trong tộc họ giữ gìn, che chở. Trường hợp đã gả cho người khác thì họ có ý thức gìn giữ. Như Kinh nói: "Bà con thân thuộc của họ luôn giữ gìn".

Người nữ; tức là chỉ rõ việc xa lìa, tên gọi người nữ thuộc không phải loại số chúng sinh (phi chúng sinh số).

- Trái thời; tức là chỉ rõ vào thời gian tu phạm hạnh. Như Kinh nói: "Giới pháp che chở".

- Không đúng chỗ (Phi xứ); tức là hành dâm không đúng nơi. Như Kinh nói: "Hoặc lại hành sự không đúng chỗ".

Vi tế-thô trọng; tức là ý nghiệp và thân nghiệp, cả hai loại này đều xa lìa. Như Kinh nói: "Cho đến không sinh tâm nhớ nghĩ để tham cầu, huống là cùng với người nữ làm việc tà dâm".

Kinh: "Lìa bỏ vọng ngữ, thường nói lời chân thật, chắc chắn, hợp thời đúng lúc. Bồ-tát ấy, cho đến trong mộng cũng không khởi ý che giấu sợ người khác thấy (Phú kiến) mà chấp nhận để người khác thấy

(Nhẫn kiến), không có tâm muốn làm cho người khác nói lời dối trá, huống là cố ý nói dối".

Luận: Dựa vào việc lìa vọng ngữ (nói dối), có hai loại lìa:

1. Lìa bằng cách đối trị.

2. Lìa do hành quả.

- Lìa bằng cách đối trị; tức là lìa nhân. Vì sao? Vì thân nghiệp kia có hai loại lìa. Còn trong nói dối thì không có sự việc bên ngoài, lại không có nhân khác. Như trong việc lìa sát sinh thì nơi nhân chứa nhóm có hai loại đao-gậy, là sự việc bên ngoài, như trong trường hợp đó đã nói lìa bỏ cả đao, gậy. Trong việc lìa bỏ nói dối thì không có hai loại sự việc bên ngoài của thân nghiệp kia.

- Không có nhân khác; tức là nhân của sát sinh như tham-sân-si...

- Nhân của nói dối; là tâm dối gạt kẻ khác cần phải xa lìa, thì nói lời chân thật, xác nhận lời nói chân thật như thế là đối trị tâm dối gạt kẻ khác, tức là lìa nhân. Dựa vào kia để sinh đây, cho nên nói là không có nhân khác. Như vậy, lìa bằng cách đối trị chính là lìa nhân.

Lại nữa, lìa bằng cách đối trị có ba loại:

1. Nói lời thuận với tưởng. Như Kinh nói: "Thường nói lời chân thật.

2. Khéo suy xét; là nói với đúng như sự việc. Như Kinh nói: Nói lời chắc chắn.

3. Nói lời biết thời; tức là không khởi ý làm suy não thân mình và thân người khác. Như Kinh nói: "Nói lời hợp thời đúng lúc."

- Lìa do hành quả:

1. Vi tế.

2. Thô trọng.

Như Kinh nói: "Bồ-tát ấy, cho đến trong mộng cũng không khởi ý che giấu sợ người khác thấy mà chấp nhận để người khác thấy, không có tâm muốn làm cho người khác nói lời dối trá, huống là cố ý nói dối." Trong giấc mộng; là vi tế. Tạo cho nên; là thô trọng.

Che giấu sợ kẻ khác thấy… : Dễ hiểu. Trí kiến gọi là kiến.

Kinh: "Lìa bỏ nói hai lưỡi, là không có tâm phá hoại, không có tâm gây sợ hãi không có tâm gây não loạn. Nghe người này nói, không hướng tới kẻ kia nói lại để phá hoại người này. Nghe kẻ kia nói, không hướng tới người này nói lại để phá hoại kẻ kia. Không phá bỏ sự đồng ý. Đã phá hoại thì không khiến cho tăng trưởng. Không có tâm mừng về sự ly biệt. Không có tâm vui vì sự ly biệt. Không thích nói lời làm ly biệt. Không tạo ra lời nói ly biệt, hoặc thật hoặc chẳng thật".

Luận: Dựa vào việc lìa nói hai lưỡi, có hai loại lìa:

1. Lìa bằng cách đối trị.

2. Lìa do hành quả.

Lìa bằng cách đối trị; tức là không làm điều phá hoại. Gồm hai: Một là Tâm, hai là Sự sai biệt. Tùy điều đã nghe ở đây, đi đến nơi khác mà nói. Hai loại này nêu rõ tâm tiếp nhận ghi nhớ mà khẩu nghiệp nói năng do tâm phá hoại. Như Kinh nói: "Nghe người này nói, không hướng tới kẻ kia nói lại để phá hoại người này. Nghe kẻ kia nói, không hướng tới người này nói lại để phá hoại kẻ kia".

Sự sai biệt có ba loại:

1. Thân phá hoại.
2. Tâm phá hoại.
3. Nghiệp phá hoại.

Thân phá hoại có hai loại: Một là chưa phá hoại, hai là đã phá hoại. Đối trị việc này, như Kinh: "Không phá hoại sự đồng ý. Đã phá hoại thì không khiến cho tăng trưởng".

Tâm phá hoại cũng có hai loại: Một là chưa phá hoại thì muốn phá hoại, hai là đã phá hoại thì tuỳ hỷ. Đối trị việc này, như Kinh: "Không có tâm mừng về sự ly biệt. Không có tâm vui vì sự ly biệt".

Nghiệp phá hoại cũng có hai loại: Một là vi tế, hai là thô trọng. Cả về lời nói thật và chẳng thật. Đối trị việc này, như Kinh: "Không thích nói lời làm ly biệt. Không gây ra lời nói làm ly biệt, hoặc thật hoặc chẳng thật.

Kinh: "Lìa bỏ lời nói thô ác đối với mọi lời nói. Đó là lời nói xâm hại, lời nói thô bạo, lời nói làm khổ kẻ khác, lời nói khiến kẻ khác sân hận, lời nói hiện tiền, lời nói không hiện tiền, lời nói bỉ ổi, lời nói dai dẳng, lời nói khiến người khác không thích nghe, lời nói khiến người nghe không vừa lòng, lời nói gây giận dữ bực bội, lời nói khiến lửa nơi tâm bốc cháy có thể thiêu đốt, lời nói khiến tâm nóng bức, lời nói không hòa ái, lời nói không vui thích, lời nói bất thiện, tự hoại thân mình mà cũng huỷ hoại thân kẻ khác. Những lời nói như vậy thảy đều lìa bỏ. Tất cả nói tuyệt vời vui tai. Đó là; lời nói đằm thắm, lời nói mềm mỏng, lời nói vi diệu, lời nói vui mừng khi nghe, lời nói ưa thích nghe, lời nói đi vào tâm can, lời nói thuận lý, lời nói được nhiều người yêu mến, lời nói được nhiều người vui mừng, lời nói hòa ái, lời nói khiến tâm hoàn toàn hoan hỷ, lời nói có thể làm cho tâm mình và tâm kẻ khác sinh niềm hoan hỷ kính tin. Thường nói những lời nói tuyệt vời như vậy".

Luận: Dựa vào sự lìa bỏ lời nói thô ác, có hai loại lìa:

1. Lìa do hành quả.
2. Lìa bằng cách đối trị.

- Lìa do hành quả; tức là những lời nói gây tổn hại cho kẻ khác, có

thể khiến cho kẻ khác giận dữ. Như Kinh nói: "Lời nói xâm hại, lời nói thô bạo, lời nói làm khổ kẻ khác, lời nói khiến kẻ khác sân hận". Cả đoạn này, theo thứ tự, dùng phần sau giải thích phần trước. Những loại ấy, nghĩa là một nhưng tên gọi thì khác. Lại có: Lời nói đối mặt nhau, lời nói không đối mặt nhau, lời nói thô ác thường hiện hành. Như Kinh nói: "Lời nói hiện tiền, lời nói không hiện tiền, lời nói bỉ ổi, lời nói dai dẳng". Ở đây: Lời nói hiện tiền: Thô mà không dứt. Lời nói không hiện tiền là tế mà có gián đoạn.

Nói như vậy thì trái ngược với giới, có thể gây đau khổ cho kẻ khác, khiến kẻ khác sân hận. Như Kinh nói: "Lời nói khiến người khác không thích nghe, lời nói khiến người nghe không vui lòng".

Gây ra lời nói không lợi ích là bởi vì tâm sân hận, ganh ghét dấy khởi, khiến mâu thuẫn với giới của kẻ khác. Như Kinh nói: "Lời nói gây giận dữ, bực bội".

Khiến kẻ khác giận dữ, bực bội, có hai loại sự việc không lợi ích:

1. Chưa dấy khởi giận dữ thì có thể khiến sinh giận dữ, khi nghe-khi nhớ cũng không thích-không vui trong lòng bế tắc. Như Kinh nói: "Lời nói khiến lửa nơi tâm bốc cháy có thể thiêu đốt, lời nói khiến tâm nóng bức, lời nói không hòa ái, lời nói không vui thích".

2. Đã có thì niềm vui trong tâm ý của mình bị mất hẳn, khiến kẻ khác cũng mất hẳn. Như Kinh nói: "Lời nói bất thiện tự hoại thân mình mà cũng huỷ hoại thân kẻ khác ". Lìa bỏ những lời nói thô ác như vậy, gọi là Lìa do hành quả.

- Lìa bằng cách đối trị; tức là nói lời nói đằm thắm. Ở đây có hai loại: Một là lời nói không thô-không vội, hai là lời nói đáng vui thích. Như Kinh nói: "Lời nói mềm mỏng, lời nói vi diệu". Trong đó:

Không thô, không vội; tức là thuộc về giới phần, thọ hành không dứt.

Vui mừng; tức là đáng vui thích.

Đáng vui thích có hai loại: Một là vui vẻ đáng vui thích, hai là an ổn đáng vui thích. Vui vẻ (lạc) là thuận theo hàng trời, người. An ổn là thuận theo thành Niết-bàn. Như Kinh nói: "Lời nói vui mừng khi nghe, lời nói ưa thích nghe, lời nói đi vào tâm can, lời nói thuận lý".

Lại nữa, người trong chỗ oán-thân, khi nghe-khi nhớ lại có thể sinh niềm hoan hỷ. Như Kinh nói: "Lời nói khiến nhiều người yêu mến,

lời nói được nhiều người vui thích". Những lời nói như vậy có thể phát sinh hai loại lợi ích: Một là; người khác chưa sinh sân hận thì khiến họ không sinh, mà sinh hoan hỷ, lại có thể sinh khởi Tam-muội; hai là chưa

sinh tâm bạn thân thì khiến phát sinh, tự mình đang làm, khiến người khác cũng hiện làm. Như Kinh nói: "Lời nói khiến tâm hòa ái, thích thú, lời nói khiến tâm hoàn toàn hoan hỷ, lời nói có thể làm cho tâm mình và tâm người khác sinh niềm hoan hỷ kính tin…".

Kinh: "Lìa bỏ lời nói thêu dệt, thường dùng lời nói khéo tư duy, lời nói đúng lúc, lời nói chân thật, lời nói có ý nghĩa, lời nói đúng pháp, lời nói thuận đạo, lời nói đúng giới luật, lời nói trù tính theo thời gian, lời nói khéo nhận biết niềm vui thích của tâm. Bồ-tát ấy cho đến đối với vui đùa hãy còn không nói lời thêu dệt, huống hồ cố ý nói lời thêu dệt".

Luận: Dựa nơi việc lìa lời nói thêu dệt, có hai loại lìa:

1. Lìa bằng cách đối trị.
2. Lìa do hành quả.

- Lìa bằng cách đối trị; tức là khéo nhận biết khi nói năng. Dựa vào lời nói đây kia, khuyên phát khởi nhớ nghĩ. Lúc tu tập nếu thấy các chúng sinh hành xử bất thiện thì khiến họ xả bỏ mà an trú nơi pháp thiện, tuỳ hoàn cảnh để nói lời giáo hóa. Như Kinh nói: "Lời nói luôn khéo tư duy, lời nói đúng lúc".

Lại, lời nói không điên đảo, là dựa vào sự giảng dạy lần lượt, tuỳ thuận khi tu hành, nói năng đúng nghĩa đúng pháp. Như Kinh nói: "Lời nói chân thật, lời nói có ý nghĩa, lời nói đúng pháp".

Lại dựa vào sự cử tội lần lượt, diệt trừ sự tranh chấp, lúc tu học, hành trì, lời nói đúng như pháp, lời nói đúng như kinh điển. Như Kinh nói: "Lời nói thuận đạo, lời nói đúng giới luật".

Lại dựa vào lời nói thâu nhận, thuyết giảng pháp để thâu nhận, khi tu hành, lời nói đúng như oai nghi an trú, lời nói nêu ví dụ thuận theo nghĩa. Như kinh nói: "Lời nói trù tính theo thời gian, lời nói khéo nhận biết niềm vui thích của tâm".

- Lìa do hành quả; có hai loại:

1. Vi tế.
2. Thô trọng.

Xa lìa hai loại ấy, gọi là Lìa do hành quả.

Vi tế-thô trọng như Kinh nói: "Bồ-tát ấy, cho đến đối với vui đùa hãy còn không nói lời thêu dệt…".

Kinh: "Lìa bỏ tâm tham. Đối với tất cả tài sản vật dụng hiện có

của kẻ khác, do kẻ khác thọ dụng, thì mình không sinh tâm tham. Không cầu, không mong cho nên không sinh tâm tham".

Luận: Dựa vào tâm không tham, có ba loại:

1. Sự.
2. Thể.
3. Sai biệt.

- Sự; là thuộc về phần thọ dụng. Ở đây có hai loại: Một là đã thâu nhiếp thọ dụng, hai là nghĩa đến thâu nhiếp thọ dụng. Như Kinh nói: "Đối với tất cả tài sản vật dụng vốn có của kẻ khác…".

- Thể; có hai loại: Một là những điều kiện sử dụng như vàng-bạc… hai là sự việc thọ dụng cho đời sống; như thức ăn uống-y phục... Như Kinh nói: "Của cải do kẻ khác thọ dụng".

Tánh không tham; là đối trị tâm tham. Như Kinh nói: "Không sinh tâm tham".

- Sai biệt ở đây đối trị ba loại tham. Ba loại tham là:

1. Hành theo nẻo mong muốn.
2. Hành theo nẻo đạt được.
3. Hành theo nẻo chiếm đoạt.

Đối trị những thứ ấy, như Kinh: "Không cầu, không mong, cho nên không sinh tâm tham". Trong đó, hai loại đầu là vi tế, thứ ba là thô trọng.

Kinh: "Lìa bỏ tâm sân hận, đối với hết thảy chúng sinh thường khởi tâm Từ, tâm an ổn, tâm thương xót, tâm an vui, tâm lợi lạc, tâm thâu nhiếp làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Mọi vọng tưởng cấu uế vốn có như sân hận-ganh ghét-não hại thảy đều xa lìa. Tất cả các hạnh vốn có đều tuỳ thuận Từ Bi, khéo tu tập để thành tựu mọi công hạnh".

Luận: Dựa vào việc lìa bỏ tâm sân, đối trị chướng ngại, là vì năm loại chúng sinh mà nói.

1. Đối với loại oán thù; Nên sinh khởi tâm Từ bi. Như Kinh nói: "Thường khởi tâm Từ".

2. Đối với các chúng sinh làm ác: Như Kinh nói: "Sinh tâm an ổn".

3. Đối với các chúng sinh bần cùng, xin ăn, khổ sở, Như Kinh nói: "Sinh tâm thương xót, tâm đem lại an vui".

4. Đối với các chúng sinh ưa thích, đắm nhiễm nơi phiền não: Như Kinh nói: "Khởi tâm tạo lợi lạc".

5. Đối với các chúng sinh phát tâm Bồ-đề, Bồ-tát càng siêng năng chịu khó nhọc vất vả trong việc hành trì vô lượng lợi ích. Như Kinh nói: "Khởi tâm thâu nhiếp làm lợi ích cho tất cả chúng sinh".

Tâm Từ ấy... có sáu loại chướng ngại. Ở đây không phân biệt,

cũng không mỗi mỗi đối chiếu. Đối với trường hợp chưa sinh oán thù thì có thể phát sinh. Đã sinh rồi thì tùy thuận làm cho tăng trưởng. Trường hợp chưa sinh thân thiện thì khiến cho chẳng sinh. Đã sinh rồi thì khiến không tăng trưởng. Nơi tự thân, pháp thiện chưa sinh thì khiến cho chẳng sinh. Đã sinh rồi thì khiến cho diệt mất. Đối với pháp bất thiện, chưa sinh thì khiến có thể sinh. Đã sinh rồi thì khiến cho tăng trưởng. Nơi thân người khác, sự việc không yêu thích chưa sinh thìkhiến cho đã phát sinh. Đã sinh rồi thì khiến cho tăng trưởng. Sự việc yêu thích chưa sinh thì khiến cho không sinh. Đã sinh rồi thì làm cho tuỳ thuận. Như kinh nói: "Mọi thứ vọng tưởng cấu uế... vốn có như sânhận-ganh ghét-não hại thảy đều xa lìa".

Nơi kinh này, theo thứ tự của câu văn đã nói đến vô lượng hành ác căn bản như sân hận… này cho nên nói đều cùng lìa bỏ những thứ ấy. Phần còn lại tuỳ theo chỗ nhớ nghĩ, tất cả đều dùng tâm Từ làm lợi ích. Như Kinh nói: "Hết thảy các hạnh vốn có đều thuận theo Từ Bi, khéo tu tập để thành tựu mọi công hạnh".

Kinh: "Lìa bỏ tà kiến, thuận theo chánh đạo, trừ bỏ các loại xem tướng đoán chuyện lành dữ. Lìa giới kiến xấu ác, tu tập theo kiến chấp đúng đắn. Không gian dối, không dua nịnh, quanh co. Quyết định tin tưởng hoàn toàn đối với Tam bảo: Phật-Pháp-Tăng. Bồ-tát ngày đêm thường giữ gìn mười thiện nghiệp đạo như vậy".

Luận: Dựa vào chánh kiến, có bảy loại kiến chấp cần đối trị.

Những gì là bảy loại kiến chấp? Đó là

1. Kiến chấp bởi Thừa khác: Đối trị điều này, như Kinh: "Thuận theo chánh đạo".

2. Kiến chấp do phân biệt hư vọng.

3. Kiến chấp do "Giới cấm thủ" cho là thanh tịnh: Đối trị điều ấy, như Kinh: "Trừ bỏ các loại xem tướng đoán việc lành dữ. Xa lìa kiến chấp của giới ác".

Kiến chấp của giới xấu ác. Kiến chấp của giới xấu ác, là tự chấp lấy cái thấy của mình.

4. Tự cho là chánh kiến, đối trị điều này, như Kinh: "Tu tập theo kiến chấp đúng đắn".

5. Kiến chấp do che giấu.

6. Kiến chấp vì trá hiện không thật. Đối trị điều này, như Kinh: "Không gian dối, không dua nịnh, quanh co".

7. Kiến chấp vì không thanh tịnh; tức là kiến chấp của thế gian. Đối

trị điều này, như Kinh: "Quyết định tin tưởng hoàn toàn đối với Tam bảo: Phật-Pháp-Tăng".

Như vậy là đã nói về giới lìa bỏ tất cả các thứ.

Lại nói về giới do xa lìa, khiến cho thanh tịnh tăng trưởng, không gián đoạn, không thiếu sót, luôn hộ trì, như Kinh: "Bồ-tát ngày đêm thường giữ gìn mười thiện đạo như vậy. Như vậy đầy đủ tất cả các thứ cần xa lìa, thành tựu giới tánh. Lại chỉ rõ sự không gián đoạn, không thiếu sót, vì vậy tiếp theo nói về giới thanh tịnh do thâu nhiếp pháp thiện. Nghĩa là Bồ-tát suy nghĩ ... như kinh theo thứ tự trình bày.

Kinh: "Bồ-tát suy nghĩ: Hết thảy chúng sinh rơi vào các cõi ác, đều do không xa lìa nhân duyên tập khởi của mười loại bất thiện nghiệp đạo. Do vậy, mình trước hết cho nên trú vào pháp thiện, cũng khiến cho người khác trú vào pháp thiện. Vì sao? Nếu người tự mình không hành thiện thì không có đủ hạnh thiện, vì người khác thuyết pháp khiến họ trú vào hạnh thiện, là điều không thể có".

Luận: Rơi vào các cõi ác, có ba loại nghĩa:

1. Dựa vào hành ác mà đi đến.
2. Dựa vào nơi tự thân, có thể sinh ra khổ não.
3. Thường rơi vào chốn có vô số tướng khổ.

Vì sao nói mười bất thiện nghiệp đạo? Tức là do thâu nhiếp đủ số lượng của tất cả các quả xấu ác, cho nên gọi là mười bất thiện nghiệp đạo. Thâu nhiếp đủ số lượng của tất cả các quả xấu ác, là nói về mười bất thiện nghiệp đạo.

Số là chỉ thâu nhiếp chọn lấy mười tên gọi.

Ác; là bất thiện. Quả là chịu rơi vào địa ngục-ngạ quỷ-súc sinh…, luôn luôn bị phá hoại.

Quả; là bị đọa nơi ba cõi ác (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh), thật đáng thương.

Đáo là đủ, tức là thâu nhiếp dẫn đến nghiệp. Tập nhân là nhân tích tập, tức là thọ hành.

Bồ-tát xa lìa không có nhân điên đảo như vậy, nhờ đó dễ dàng hiểu rõ chúng sinh tự hành nghiệp ác, trú nơi chốn phi pháp, không thể xa lìa. Bồ-tát tư duy, có được sự tịch tĩnh sâu xa, muốn cứu độ các chúng sinh kia, tự nhận biết là có khả năng thực hiện được. Lại quán xét về chướng ngại, và sự đối trị với bất thiện nghiệp đạo cùng quả báo, thiện nghiệp đạo và quả báo, cùng sự thanh tịnh tối thượng để phát khởi tâm tăng thượng cầu học, tu tập, hành trì giới thanh tịnh do thâu nhiếp pháp thiện.

Kinh: "Bồ-tát ấy lại tư duy sâu xa: Do nhân duyên tập khởi mà hành mười bất thiện nghiệp đạo, nên bị rơi ba cõi ác. Do nhân duyên tập khởi mà hành mười thiện nghiệp đạo, cho nên được sinh trong cõi người, cho đến sinh nơi cõi Hữu Đảnh. Lại, trên mười thiện nghiệp này, cùng với trí tuệ quán xét, hòa hợp tu hành, nhưng do tâm hạn hẹp, tâm chán sợ ba cõi, do xa lìa Đại Bi, theo người khác nghe âm thanh mà thông đạt, nghe âm thanh mà ý hiểu rõ, thành thừa Thanh văn".

Luận:

- Trí tuệ quán xét; là quán xét về Thật tướng. Cõi ác là Khổ. Bất thiện nghiệp đạo là Tập. Xa lìa bất thiện là Diệt. Đối trị bất thiện là Đạo. Lại nữa, cõi thiện là Khổ. Thiện nghiệp đạo là Tập. Lìa các sử kia là Diệt. Đối trị các sử là Đạo. Trí tuệ cùng quán xét, tu hành không phân biệt.

- Thanh văn có năm loại tướng:

1. Tập nhân.
2. Sợ khổ.
3. Bỏ tâm.
4. Nương tựa.
5. Quán xét.

Tính chất hạn hẹp... như vậy là tâm Thanh văn.

Tập nhân; tức là tu hành căn thiện còn ít và mỏng, chỉ dựa vào lợi ích của tự thân. Như Kinh nói: "Tâm ấy hạn hẹp".

Sợ khổ; Như Kinh nói: "Tâm chán sợ ba cõi".

Bỏ tâm; là bỏ các chúng sinh. Như Kinh nói: "Xa lìa Đại Bi". Nương tựa; là nương vào sự giảng dạy trao truyền của thầy. Quán xét; là nhớ nghĩ về âm thanh.

Thế nào là âm thanh? Tức là ngã và chúng sinh chỉ có tên gọi. Như vậy ngã và chúng sinh kia theo âm thanh mà lãnh hội. Hội nhập nơi chúng sinh vô ngã mà không phải là pháp vô ngã. Như Kinh nói: "Theo người khác nghe âm thanh mà thông đạt…".

Kinh: "Lại trên mười thiện nghiệp đạo, thanh tịnh này, không nghe theo người khác, tự mình giác ngộ chánh pháp, không thể đầy đủ phương tiện Đại Bi, mà có thể thông đạt pháp nhân duyên sâu xa, thành Thừa Bích-chi-Phật".

Luận: Bích-chi-Phật có ba loại tướng:

1. Tự giác.
2. Không thể thuyết pháp.

3. Quán phần ít cảnh giới.

- Không nhờ Phật và các Bồ-tát thuyết pháp mà chỉ tự giác ngộ, như Kinh: "Không theo người khác mà nghe, tự mình giác ngộ chánh pháp".

- Không khởi tâm nêu giảng, không kham nổi việc thuyết pháp, như Kinh: "Không thể đầy đủ phương tiện Đại Bi".

- Quán xét các hành nơi cảnh giới của nhân duyên vi tế, như Kinh: "Nhưng có thể thông đạt pháp nhân duyên sâu xa, thành thừa Bích-chi-Phật".

Tập nhân, sợ khổ, xả bỏ chúng sinh, Bích-chi-Phật cũng có pháp ấy. Các sự việc thù thắng vốn có, trong đó đã nêu bày.

Kinh: "Lại trên mười thiện nghiệp đạo thanh tịnh tối thượng này đã đầy đủ tâm rộng lớn vô lượng, cho nên đối trị các chúng sinh khởi tâm thương xót, phương tiện mà thâu nhiếp, cho nên khéo phát khởi đại nguyện, không bỏ hết thảy chúng sinh, quán xét trí tuệ Phật rộng lớn. Địa Bồ-tát thanh tịnh. Ba-la-mật thanh tịnh, thành tựu việc hội nhập vào các hành sâu rộng".

Luận: Bồ-tát có bốn loại tướng:

1. Tập nhân.
2. Dụng.
3. Diệu lực.
4. Chỗ dựa của địa (cảnh giới).

- Tất cả căn thiện được phát khởi mà hành trì, dựa vào tất cả chúng sinh để làm lợi ích, tâm Đại thừa rộng lớn vô lượng. Đây là tích tập về nhân. Như Kinh nói: "Lại trên mười thiện nghiệp đạo thanh tịnh tối thượng này đã đầy đủ tâm rộng lớn vô lượng".

- Thấy các chúng sinh tạo tác nhân khổ và khi thọ quả khổ mà khởi tâm thương xót, dựa vào các chúng sinh ấy để làm lợi ích, đó là Dụng của Bồ-tát. Như Kinh nói: "Đối với các chúng sinh khởi tâm thương xót".

- Diệu lực; tức là bốn Nhiếp pháp. Như Kinh nói: "Phương tiện mà thâu nhiếp".

- Địa (cảnh giới) có ba loại: Một là, cảnh giới của tâm sâu xa thanh tịnh, được mang tên của mười đại nguyện. Như Kinh nói: "Khéo phát khởi đại nguyện", hai là: Cảnh giới không thối chuyển, đạt được hạnh vắng lặng rồi nhưng không xả bỏ việc giải thoát cho chúng sinh. Như Kinh nói: "Không xả bỏ tất cả chúng sinh". Ba là, cảnh giới thọ nhận quả

vị lớn, vì vậy cần chứng đắc trí tuệ rộng lớn của Phật. Như kinh nói:

"Quán xét trí tuệ Phật rộng lớn".

Địa Bồ-tát thanh tịnh, Ba-la-mật thanh tịnh, thành tựu việc hội nhập với các hành sâu rộng. Trong này chỉ nói địa Bồ-tát rộng lớn, thành tựu đầy đủ các phương tiện. Vì sao lại nói địa thanh tịnh, Ba-la-mật thanh tịnh? Là vì có sự thanh tịnh hơn hết mà trên hết, là pháp thanh tịnh bậc nhất. Hiển bày chỗ thành tựu hạnh sâu rộng của Bồ-tát.

Đệ nhất nghĩa; là nghĩa của Ba-la-mật.

Kinh: "Lại trên mười nghiệp đạo thanh tịnh cao nhất này, là Nhất thiết chủng thanh tịnh là diệu lực của mười lực, tích tập tất cả pháp Phật khiến được thành tựu. Vì vậy mình phải cùng thực hành mười thiện nghiệp đạo, tu tập Nhất thiết chủng khiến đầy đủ thanh tịnh".

Luận:

- Thượng thượng: Có bốn loại nghĩa làm rõ tính chất "Thượng thượng":

1. Diệt trừ.
2. Xả bỏ.
3. Phương tiện.
4. Không chán đủ.

Bất thiện nghiệp đạo cùng tập khí được diệt trừ, cho nên nghiệp thiện thành tựu, tự tại.

Xả bỏ là đối với Thừa Thanh văn và Bích-chi-Phật.

Phương tiện; là tính chất thiện xảo nơi thừa Bồ-tát, không chán đủ đối với các thứ còn lại trong Nhất thiết trí mà đạt trí tự tại. Nhất thiết chủng khiến càng thanh tịnh. Như Kinh nói: "Lại trên mười thiệnnghiệp đạo thanh tịnh cao nhất này, là Nhất thiết chủng thanh tịnh, là diệu lực của mười lực, tích tập tất cả pháp Phật khiến được thành tựu. Vì vậy mình phải cùng thực hành mười thiện nghiệp đạo tu tập nhất thiết chủng khiến đầy đủ thanh tịnh".

Hàng phục các thứ ma oán, làm tăng thượng cho hàng Tiểu thừa, hiển bày diệu lực của pháp Phật, nên biết. Tiếp theo trên là dựa vào tâm Đại Bi làm lợi ích cho chúng sinh, với giới tăng thượng. Có năm loại nghĩa:

1. Trí.
2. Nguyện.
3. Tu hành.
4. Tích tập.

5. Tích tập quả.

- Trí có ba loại tướng:

1. Sai biệt của thời.
2. Sai biệt của quả báo.
3. Sai biệt của quả do tập khí.

Kinh: "Bồ-tát ấy lại tư duy: Mười bất thiện nghiệp đạo này, kẻ tạo tác thuộc hạng nặng, là nhân duyên của Địa ngục, hạng trung bình là nhân duyên của Súc sinh, hạng nhẹ là nhân duyên của Ngạ quỷ. Trong đó, tội sát sinh có thể khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường dữ, nếu sinh nơi cõi người thì bị hai loại quả báo: Một là thọ mạng ngắn ngủi, hai là nhiều bệnh tật. Tội trộm cắp cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác, nếu sinh vào cõi người thì có hai loại quả báo: Một là bần cùng, hai là có của cải chung không được tự tại. Tội tà dâm cũng khiến cho chúng sinh bị đọa vào ba đường ác, nếu sinh nơi cõi người thì bị hai loại quả báo: Một là vợ không trinh thuận, hai là vợ cùng tranh chấp chứ không theo tâm ý mình. Tội nói dối cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác, nếu sinh vào cõi người thì bị hai loại quả báo: Một là bị nhiều người phỉ báng, hai là luôn bị nhiều kẻ dối gạt. Tội nói hai lưỡi cũng khiến cho chúng sinh bị đọa vào ba cõi ác, nếu sinh làm người thì bị hai loại quả báo: Một là bị hàng thân thuộc phá hoại, hai là hàng thân thuộc đều là kẻ xấu ác thậm tệ. Tội nói lời thô ác cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba cõi ác, nếu sinh vào cõi người thì bị hai loại quả báo: Một là thường nghe các âm thanh xấu ác, hai là mọi nẻo nói năng luôn có sự tranh chấp kiện tụng. Tội nói lời thêu dệt cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba cõi ác, nếu sinh vào cõi người thì bị hai loại quả báo: Một là giảng điều chân chánh mà người nghe không tin nhận, hai là mọi ngôn thuyết vốn có đều không thể biện giải. Tội tham dục cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác, nếu sinh vào cõi người thì bị hai loại quả báo: Một là tham muốn về của cải không biết chán đủ, hai là nhiều mong cầu luôn không theo ý. Tội sân hận cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác, nếu sinh vào cõi người thì bị hai loại quả báo: Một là luôn bị kẻ khác tìm kiếm soi mói về chỗ hơn kém của mình, hai là thường bị kẻ khác gây não hại. Tội tà kiến cũng khiến cho chúng sinh bị đọa vào ba đường dữ, nếu sinh làm người thì bị hai loại quả báo: Một là thường sinh vào gia đình theo tà kiến, hai là tâm luôn quanh co, dua nịnh.

Này các Phật tử! Mười bất thiện nghiệp đạo như thế, đều là nhân duyên to lớn của mọi khổ đau

Luận:

- Sai biệt của thời; là dựa vào sự sai biệt về thượng-trung-hạ nơi nhân quả của bất thiện nghiệp đạo. Như Kinh nói: "Bồ-tát ấy lại tư duy: Mười bất thiện nghiệp đạo này, kẻ tạo tác thuộc hạng nặng, là nhân duyên của địa ngục…".

Trước đã xét chung về nhân của bất thiện nghiệp đạo. Nay, xét riêng về quả báo của tất cả các chốn ác. Như Kinh nói: "Tội sát sinh có thể khiến cho chúng sinh bị đọa vào ba cõi ác… cho đến tội tà kiến cũng khiến cho chúng sinh…".

- Quả của Tập khí; tức là nơi con người mỗi mỗi đều có hai loại quả. Như Kinh nói: "Nếu sinh nơi cõi người thì bị hai loại quả báo: Một là thọ mạng ngắn ngủi, hai là nhiều bệnh tật". Cho đến "Nếu sinh vào cõi người thì bị hai loại quả báo: Một là thường sinh vào nhà tà kiến, hai là tâm luôn quanh co dua nịnh".

- Ở đây, sai biệt của quả báo theo thời gian là chỉ rõ sự khổ não sâu nặng. Chỉ rõ như thế nào? Thấp nhất là trong cõi Ngạ quỷ, là sâu. Hạng giữa lại càng thêm sâu. Hạng trên là càng sâu nặng hơn nữa.

- Sai biệt của quả do tập khí, tuỳ thuận đến trong cõi thiện. Hợp quán chung riêng về vô lượng khổ lớn trong cõi ác. Như Kinh nói: "Các Phật tử! Mười bất thiện nghiệp đạo như thế đều là nhân duyên to lớn của mọi khổ đau". Thế nào là nguyện?

Kinh: "Bồ-tát lại suy niệm: Mình phải xa lìa mười bất thiện nghiệp đạo, vui với sự thích hành pháp hành".

Luận: Nguyện: là vẫn vui với sự thực hành pháp Đại thừa, làm lợi ích cho chúng sinh, thâu nhiếp pháp thiện. Như Kinh nói: "Bồ-tát lại suy niệm" cho đến "vui thực hành pháp hành". Thế nào là tu hành?

Kinh: "Bồ-tát xa lìa mười bất thiện nghiệp đạo, an trú nơi mười thiện nghiệp đạo, cũng khiến người khác an trú nơi mười thiện nghiệp đạo".

Luận: Tu hành: là tự an trú nơi pháp thiện, xa lìa mọi chướng ngại kia. Tu hành đối trị thì cũng khiến cho chúng sinh trú nơi pháp thiện. Như Kinh nói: "Bồ-tát xa lìa mười bất thiện nghiệp đạo" cho đến "cũng khiến người khác trú nơi mười thiện nghiệp đạo". Thế nào là tích tập?

Kinh: "Bồ-tát ấy, lại ở trong tất cả chúng sinh khởi tâm an ổn, tâm đem lại an lạc, tâm Từ, tâm bi, tâm thương xót, tâm làm lợi ích, tâm giữ gìn, tâm ngã, tâm sư, tâm sinh tôn kính".

Luận:

- Tích tập: là dựa vào tâm Bi tăng thượng. Lại vì nhớ nghĩ đến chúng sinh cho nên sinh khởi mười loại Tâm. Lại nữa, tâm này là vì tám

loại chúng sinh cho nên sinh khởi:

1. Đối với chúng sinh hành ác; muốn khiến họ trú nơi hành thiện. Như Kinh nói: "Sinh tâm an ổn".

2. Đối với chúng sinh khổ não; muốn khiến họ có đủ an lạc không cùng tận. Như Kinh nói: "khởi tâm đem lại an lạc".

3. Đối với chúng sinh oán ghét; không nghĩ đến việc gia tăng trả thù. Như Kinh nói: "khởi tâm Từ".

4. Đối với chúng sinh bần cùng; muốn khiến xa lìa các thứ khổ ấy. Như Kinh nói: "Khởi tâm Bi".

5. Đối với chúng sinh nhiều hoan lạc; muốn khiến họ không buông lung. Như Kinh nói: "Khởi tâm thương xót".

6. Đối với các chúng sinh thuộc ngoại đạo; muốn khiến họ hiện tại tin tưởng với pháp Phật. Như Kinh nói: "Khởi tâm làm lợi ích".

7. Đối với các chúng sinh đồng hành; muốn giúp họ không thối chuyển. Như Kinh nói: "Khởi tâm giữ gìn".

8. Đối với hết thảy chúng sinh đã phát nguyện thâu nhiếp đạo quả Bồ-đề thì xem như là thân mình. Các chúng sinh ấy tức là thân mình. Như Kinh nói: "khởi tâm ngã", nhờ vào nơi đạo Đại thừa, tiến tới tích tập đầy đủ công đức. Như Kinh nói: "Khởi tâm sư, tâm sinh tôn kính".

- Tích tập quả; là thâu tóm của tâm Bi thù thắng mong càng thù thắng.

Lại nữa, dựa vào điên đảo tăng thượng" làm "người đứng đầu" đối với ba loại chúng sinh:

1. Cầu Dục.
2. Cầu Hữu.
3. Cầu Phạm hạnh.

- Chúng sinh cầu Dục có hai loại:

1. Lúc thọ dụng.
2. Lúc theo đuổi tìm cầu. Thọ dụng có ba loại:

1. Thọ dụng của cải không chung.
2. Thọ dụng của cải không chán đủ.
3. Thọ dụng của cải tích trữ. Theo đuổi tìm cầu có hai loại:

1. Theo đuổi tìm cầu quả báo hiện tại, quen theo các hành ác.
2. Theo đuổi tìm cầu quả báo về sau, quen theo các hành thiện.

- Chúng sinh cầu Hữu cũng có hai loại:

1. Sai biệt về đạo.
2. Sai biệt về cảnh giới.

- Chúng sinh cầu Phạm hạnh cũng có hai loại:

1. Tà kiến, như các ngoại đạo.
2. Chánh kiến, như hàng Tiểu thừa, đồng pháp...

Các chúng sinh kia hướng tới đạo như thế, tuỳ thuận nhằm đối trị khiến họ an trú nơi chốn ứng hợp.

Thế nào là điên đảo bậc nhất?

Kinh: "Bồ-tát lại suy nghĩ như vậy: Các chúng sinh ấy rơi vào rừng rậm tà kiến, ý ác tâm ác, hành theo đạo ác. Mình nên khiến họ hành theo đạo chân thật, trú trong pháp như thật của đạo chánh kiến".

Luận:

- Tà kiến, tức là bốn điên đảo. Điên đảo này, hai loại gọi là Ý ác, chuyên nghĩ về Hành. Hai loại gọi là Tâm ác, không chuyên nghĩ về Hành, tức là tưởng chấp về ngã tịnh. Vì đó không phải là chánh đạo, mà là nhân nơi hành của rừng rậm.
- Không phải là chánh đạo; là các thứ phiền não.
- Rừng rậm, là phiền não-kiết sử. Như Kinh nói: "Bồ-tát lại suy nghĩ: Các chúng sinh ấy rơi vào rừng rậm tà kiến, ý ác, tâm ác, hành theo đạo ác..."

Các chúng sinh kia nên tuỳ thuận dùng diệu pháp để đối trị theo nẻo chánh niệm, chánh kiến của pháp xuất thế gian. Như Kinh nói: "Mình nên khiến cho các chúng sinh kia hành theo đạo chân thật, trú trong pháp như thật của đạo chánh kiến".

Kinh: "Các chúng sinh đều cùng phá hoại lẫn nhau, phân biệt ta, người, luôn tranh giành, đấu đá, ngày đêm sân hận bùng phát không dứt. Mình nên khiến họ an trú trong pháp Đại Từ vô thượng".

Luận:

-Thọ dụng của cải không chung; là cùng phá hoại lẫn nhau. Phá hoại có hai loại:

1. Đối oán ở trong tâm.
2. Tranh giành, đấu đá trong lời nói.

Sự phá hoại như thế khiến luôn nhớ nghĩ, tạo báo thù, làm tăng trưởng các hành động hung dữ. Như Kinh nói: "Các chúng sinh ấy cùng phá hoại lẫn nhau" cho đến "Ngày đêm sân hận bùng phát không dứt".

Đối oán ở trong tâm, phân biệt ta-người: Câu này chỉ rõ sự tranh giành đấu đá ở trong lời nói.

Thường cùng tranh giành, đấu đá: Câu này chỉ rõ việc nhớ nghĩ, tạo thù, làm tăng trưởng các hành động hung dữ.

Ngày đêm sân hận bùng phát không dứt: Câu này chỉ rõ các chúng sinh kia nên tùy thuận, đem tâm Đại Từ tạo lợi ích để đối trị. Như Kinh nói: "Mình nên khiến cho các chúng sinh kia trú trong pháp Đại Từ vô thượng".

Thế nào là thọ dụng của cải không chán đủ?

Kinh: "Các chúng sinh ấy tâm không biết chán đủ, luôn tìm cầu tài sản của kẻ khác, sinh sống theo tà mạng. Mình nên khiến cho các chúng sinh đó an trú trong ba nghiệp thân-khẩu-ý thanh tịnh của pháp chánh mạng".

Luận:

-Thọ dụng của cải không biết chán đủ, có hai loại:

1. Tham lam ở trong tâm.

2. Ở nơi thân-miệng, dùng các phương tiện như cân-đong, nói dối để chiếm đoạt. Như Kinh nói: "Các chúng sinh ấy tâm không biết chán đủ, thường mong cầu tài sản của người khác…".

Các chúng sinh kia cho nên tuỳ thuận để đối trị khiến ba nghiệp thân-khẩu-ý thanh tịnh, tự sinh sống theo chánh mạng. Như Kinh nói: "Mình nên khiến cho các chúng sinh đó an trú trong…".

Thế nào là thọ dụng của cải tích trữ?

Kinh: "Các chúng sinh ấy chạy theo tham dục-sân hận-ngu si cho nên luôn bị vô số các thứ phiền não bùng cháy thiêu đốt, không thể dốc cầu phương tiện để giải thoát. Mình nên khiến họ diệt trừ tất cả lửa dữ phiền não, ở yên nơi chốn mát mẻ không sợ hãi".

Luận:

Thọ dụng của cải tích trữ; bởi vì Thể của tham... vượt quá sự nhiễm đắm kia, cho nên đối với chỗ thọ dụng bị mất mát thì khởi tâm giận dữ.

Trong sự thọ dụng các thứ quý báu kia, phần nhiều ưa thích về cảnh giới cho nên luôn bị lửa phiền não đốt cháy dữ dội. Do không thấy lỗi lầm ấy cho nên không có ý cầu xuất ly. Như Kinh nói: "Các chúng sinh ấy do chạy theo tham dục-sân hận-ngu si…".

Các chúng sinh đó cho nên tuỳ thuận để đối trị, dứt trừ tất cả phiền não đạt đến nơi chốn mát mẻ. Như Kinh nói: "Mình nên khiến các chúng sinh kia diệt trừ hết thảy lửa dữ phiền não…".

Thế nào là theo đuổi tìm cầu quả báo hiện tại, quen theo các hành ác?

Kinh: "Các chúng sinh ấy thường bị ngu si tối tăm, vọng kiến phủ dày, vô minh đen ngòm che lấp, cho nên đi vào nẻo rừng rậm phiền não

mờ mịt, xa lìa ánh sáng trí tuệ, rơi vào chốn tăm tối, tùy theo chỗ thấy biết mà đã lần đến vô số đường hiểm ác. Mình nên khiến họ đạt được mắt tuệ thanh tịnh không chướng ngại, dùng mắt ấy để nhận biết về tướng như thật của tất cả pháp, đạt được trí nhận biết tất cả như thật không chướng ngại không theo kẻ khác".

Luận:

- Theo đuổi tìm cầu quả báo hiện tại, đi theo các hành ác. Đã có ngu si tối tăm, vọng kiến phủ dày, vô minh đen ngòm che lấp, vượt quá vọng kiến về lạc, cho nên không thấy lỗi lầm của quả báo thật có nơi vị lai, cũng không thấy lỗi lầm của quả báo thật có nơi hiện tại. Như Kinh nói: "Các chúng sinh ấy thường bị ngu si tối tăm…".
- Ngu si; tức là tối tăm, mờ mịt.
- Vọng kiến; tức là ưa thích kiến chấp điên đảo.
- Phủ dày; là không thấy lỗi lầm của quả báo thật có nơi vị lai.
- Tăm tối (hắc ám); là không thấy lỗi lầm nơi quả báo thật của hiện tại.

Ngu si ấy, do tràn đầy mà khiến việc làm trở thành lỗi lầm và xa lìa nơi chốn của Trí vô lậu. Chúng gây chướng ngại cho hành thiện, thuận theo hành bất thiện. Như Kinh nói: "Đi vào nẻo rừng rậm phiền não hết sức tối tăm, xa lìa ánh sáng trí tuệ…".

- Rừng rậm; là nhân khiến cho ngu si.
- Lớn (Đại); là đầy khắp, cho nên thọ nhận lỗi lầm đáp lại hết sức lớn. Như Kinh nói: "Rơi vào chốn tăm tối mênh mông". Ở đây, "Đáp lại" là chỉ rõ về sự tăm tối. Như người đi trong tối tăm thì nơi nơi bị chướng ngại. Pháp tương tợ như thế.

Thọ nhận các sự việc đáp lại lớn chính là đi đến các cõi ác. Vì thế gọi là rơi vào chốn gây tạo nhiều nhân tội lỗi. Vào lúc lâm chung thấy rõ tướng ác báo, tâm sinh hối hận, thấy biết lỗi lầm. Như Kinh nói: "Tùy theo chỗ thấy biết mà đã đi đến vô số đường hiểm".

- Thấy biết đường hiểm; tức là hối hận, nhận biết. Thấy biết về tướng của tội vốn có nhưng không thể tích tập để đối trị chúng theo chánh kiến.
- Tùy theo chỗ thấy biết kia; tức là vào lúc sắp qua đời, các chúng sinh kia thuận theo sự đối trị, nhờ vào pháp như thật khiến đạt được mắt tuệ thanh tịnh không chướng ngại. Như Kinh nói: "Mình nên khiến các chúng sinh kia đạt được mắt tuệ thanh tịnh không chướng ngại, dùng mắt tuệ ấy để nhận biết tướng như thật của tất cả pháp, đạt được Trí

nhận biết tất cả như thật không chướng ngại, không theo kẻ khác".

Thế nào là theo đuổi tìm cầu quả báo về sau, quen theo các hành thiện?

Kinh: "Các chúng sinh ấy thuận theo đường hiểm sinh tử nơi thế gian, mà bị rơi vào hầm sâu của ba cõi ác, bị cuốn vào lưới ác kiến, bị đủ thứ rừng rậm ngu si che lấp, chạy theo nẻo hư vọng tạo các hành điên đảo, luôn bị mù lòa cho nên xa lìa bậc Đạo sư có trí tuệ. Không phải là nơi chốn của đạo giải thoát mà tưởng là giải thoát, lầm lạc nơi cõi ma, bị các thứ giặc oán nắm giữ, xa lìa bậc đạo sư thiện xảo, đi vào chốn gai gốc của ý ma, lìa bỏ ý Phật. Mình nên cứu vớt họ với vô số các khổ, vượt khỏi mọi nẻo mạn của nơi thế gian, đặt yên họ ở chốn không sợ hãi, khiến an trú nơi thành lớn Nhất thiết trí".

Luận:

Theo đuổi tìm cầu quả báo về sau, quen theo các hành thiện; là thuận theo lỗi lầm nơi đường hiểm. Như Kinh nói: "Các chúng sinh ấy thuận theo đường hiểm sinh tử nơi thế gian…".

Đường hiểm kia có ba loại:

1. Tự thể.
2. Chướng ngại.
3. Tổn thất.

Tự thể; tức là thiếu hụt căn thiện của thế gian.

- Chướng ngại; có tám loại:

1. Cầu ra khỏi, nhưng lại thuận theo thế gian, bị đọa vào ba cõi ác. Như Kinh nói: "Bị rơi vào hầm sâu của ba cõi ác".

2. Bị cuốn vào lưới; ở trong quả khổ mà vọng sinh an lạc. Như Kinh nói: "Bị cuốn vào trong lưới ác kiến".

3. Bị các thứ rừng rậm tối tăm che phủ; bởi vì ngu si kia cho nên khiến bị che phủ. Vì họ nêu giảng về nhân của khổ mà không nhận biết. Như Kinh nói: "Bị vô số các thứ rừng rậm ngu si che phủ".

4. Hành theo đường điên đảo, xả bỏ sự an lạc chân thật, vọng theo đạo tà. Như Kinh nói: "Chạy theo nẻo hư vọng, tạo các hành điên đảo".

5. Chịu quả mù tối, tham đắm chỗ mù lòa của ái dục. Như Kinh nói: "Luôn bị mù lòa".

6. Xa lìa bậc thầy dẫn đường, sinh trong cõi ác, và tạo các lỗi lầm như phóng dật..., tuy gặp đời có Phật mà không thấy không nghe. Như Kinh nói: "Xa lìa bậc Đạo sư có trí tuệ".

7. Mong cầu Niết-bàn mà lại hướng tới nơi chốn khác; tức là đối với Phạm thiên ... các hàng phạm hạnh nơi thế gian, cho là chánh kiến

xuất thế gian. Như Kinh nói: "Không phải là nơi chốn của đạo giải thoát mà tưởng chấp là giải thoát".

8. Đi theo cảnh giới của ma, giặc oán, tham đắm các dục, cướp hết công đức, khiến không tích tập. Như Kinh nói: "Lầm lạc theo cõi ma, bị các giặc oán nắm giữ".

- Tổn thất; có ba loại:

1. Lìa bậc Đạo sư thiện, dựa vào cõi bất thiện. Như Kinh nói: "Xa lìa bậc Đạo sư thiện xảo".

2. Nương dựa cảnh giới oán.Như Kinh nói: "Đi vào vùng rừng rậm của ý ma".

3. Xa lìa nơi tạo ra thiện tri thức. Như Kinh nói: "Xa lìa ý Phật". Các chúng sinh này cần phải tùy thuận để đối trị. Dùng pháp như thật, khiến ra khỏi thế gian, an trú nơi cõi Nhất thiết trí. Như Kinh nói: "Mình nên cứu vớt các chúng sinh kia đang bị vô số các khổ não, thoát khỏi mọi nẻo hiểm nạn của thế gian…".

Thế nào là sai biệt về đạo?

Kinh: "Các chúng sinh đó bị sóng dữ của dòng thác lớn nhận chìm. Bị trôi nổi theo bốn dòng chảy: Dòng chảy của dục, dòng chảy của hữu, dòng chảy của kiến chấp và dòng chảy của vô minh. Bị cuốn theo nẻo chìm nổi của thế gian, đắm nơi sông lớn ái dục, quanh quẩn nơi dòng xoáy dữ dội, không thể quan sát đúng đắn. Luôn có những nhận biết xấu ác (dục, sân, não), hành ác càng rộng, mà bị La-sát nắm giữ trong biển nước Ái kiến, đã vào rừng dục, trở lại tìm cầu dục cho nên càng tham ái, đắm chấp sâu dày. Cõi đất ngã mạn đã thiêu đốt cháy khô họ, không ai có thể cứu giúp. Ở nơi xóm làng sáu nhập không thể khởi động. Tự lìa hành thiện, không người cứu độ chân chánh. Mình nên, đối với các chúng sinh kia khởi tâm Đại Bi, dùng diệu lực của căn thiện để cứu vớt họ, khiến có được tâm vô úy, vắng lặng không cấu nhiễm, lìa mọi sợ hãi, an trú nơi cõi báu của Nhất thiết trí".

Luận:

Sai biệt về đạo của chúng sinh cầu Hữu; tức là chìm đắm nơi sông lớn lỗi lầm. Như Kinh nói: "Các chúng sinh ấy bị sóng dữ của dòng thác lớn nhận chìm". Sóng dữ nơi dòng thác lớn kia có ba loại:

1. Tự thể.
2. Khó ra khỏi.

3. Mất mát. (Tổn thất).

- Tự thể có năm loại tướng:

1. Nước sâu vô lượng. Như Kinh nói: "Bị trôi nổi theo bốn dòng chảy (dục, hữu, kiến, vô minh)."

2. Trôi theo dòng chảy nơi thế gian, trôi mãi không dứt. Như Kinh nói: "Bị cuốn theo nẻo chìm nổi của thế gian".

3. Bị chìm nơi biển nước Ái. Như Kinh nói: "Đắm nơi sông lớn ái dục".

4. Trôi nổi bồng bềnh; niệm niệm không dừng cho nên không thấy bờ. Như Kinh nói: "Ở nơi dòng nước xiết, không thể quán xét đúng đắn".

5. Rộng lớn; xuôi theo tham dục... nhớ nghĩ-nhận biết xấu ác (ác giác) càng rộng lớn. Như Kinh nói: "Luôn có những nhận biết xấu ác như dục-sân-não hại khiến hành ác càng rộng.

- Khó ra khỏi có bốn loại:

1. Chấp trước vào ngã-ngã sở như nhà ở, kho chứa, không thể lay động, lìa bỏ. Như Kinh nói: "Bị La-sát cầm giữ trong biển nước Ái kiến".

2. Vào trở lại: Trước đã lìa bỏ dục, lại trở vào nẻo ấy, tăng lên trong sự nhớ nghĩ về dục. Như Kinh nói: "Đã vào rừng dục, trở lại cầu tìm dục".

3. Bị vướng mắc; vào lúc thọ dụng, cầu tìm dục... luôn ưa thích, chấp trước. Như Kinh nói: "Cầu tìm trong sự thọ dụng dục, mà càng tham ái đắm chấp sâu dày".

4. Ở nơi cồn-bãi; đối với sự thọ dụng, hành xử, cho ngã là hơn hết, như ba loại ngã mạn, tự cao, khinh chê kẻ khác. Như Kinh nói: "Cõi đất ngã mạn đã thiêu đốt cháy khô họ".

- Mất mát (Tổn thất) có ba loại:

1. Tổn thất vì không ai cứu độ. Tức là ở trong cõi ác không có người cứu vớt.

2. Tổn thất vì không có ý ra khỏi. Ở trong cõi thiện không có tâm xuất ly. Như Kinh nói: "Ở nơi xóm làng của sáu nhập không thể khởi động".

3. Tổn thất do đi đến xứ khác. Sinh vào các xứ nạn không gặp Phật ở đời. Như Kinh nói: "Tự lìa hành thiện, không có người hóa độ chân chánh".

Các chúng sinh kia cần phải tùy thuận để đối trị, dùng pháp như thật khiến trú nơi cõi Nhất thiết trí. Như Kinh nói: "Mình nên, đối với các chúng

sinh kia khởi tâm Đại Bi…”.

Thế nào là sai biệt về cảnh giới của chúng sinh cầu Hữu?

Kinh: “Các chúng sinh ấy bị giam giữ nơi lao ngục của thế gian, bị nhiều thứ khổ nạn, sầu não, vọng tưởng về yêu ghét trói buộc, lo buồn cùng hành, vòng khóa ái cột trói, vào nơi ba cõi, bị rừng rậm vô minh che phủ. Mình nên khiến các chúng sinh kia xa lìa hết thảy mọi thứ vướng mắc nơi ba cõi, giúp họ an trú nơi Niết-bàn vô ngại, lìa tướng”.

Luận:

Sai biệt về cảnh giới của chúng sinh cầu Hữu; tức là bị giam cầm nơi lao ngục lỗi lầm. Như Kinh nói: “Các chúng sinh ấy bị giam giữ nơi lao ngục của thế gian”.

Lao ngục lỗi lầm này có năm loại theo đuổi, cho nên biết:

1. Sự khổ.
2. Của cải hết.
3. Yêu thương ly biệt.
4. Trói buộc.
5. Chướng ngại.

Ở đây chỉ rõ về năm loại sai biệt của khó khăn.

1. Khó khăn về không bệnh. Tức là có nhiều thứ bệnh khổ, vọng tưởng sầu não. Như Kinh nói: “Bị nhiều thứ khổ nạn, sầu não, vọng tưởng”.

2. Khó khăn về cuộc sống. Ở trong sự việc yêu thích không yêu thích-luôn bị yêu ghét trói buộc. Như Kinh nói: “Yêu ghét trói buộc”.

3. Khó khăn về người thân. Người thân yêu ly tán, hoại diệt cho nên lo buồn càng tăng trưởng. Như Kinh nói: “Lo buồn cùng hành”.

4. Khó khăn về giới. Tuy sinh trong cõi Sắc-Vô sắc, tạm lìa xa phạm giới, nhưng không tránh khỏi giới và hành trái nhau, cùng bị ái dục sai khiến, trói buộc. Như Kinh nói: “Bị vòng khóa ái cột trói”.

5. Khó khăn về kiến chấp: Đạt được Trí thế gian, nhưng mâu thuẫn với sự che phủ, sai khiến của vô minh. Như Kinh nói: “Vào nơi ba cõi, bị rừng rậm vô minh che lấp”.

Các chúng sinh này cần phải tùy thuận để đối trị, dùng pháp như thật khiến họ an trú Niết-bàn vô ngại, lìa tướng. Như Kinh nói: “Mình nên khiến các chúng sinh kia xa lìa hết thảy mọi thứ vướng mắc nơi ba cõi…”.

Thế nào là tà kiến như các ngoại đạo?

Kinh: “Các chúng sinh ấy chấp trước sâu vào tướng ngã. Ở nơi hang ổ của năm ấm không thể tự ra khỏi. Hành bốn điên đảo, dựa vào sáu

nhập làng xóm trống không, luôn bị bốn loại rắn độc là bốn đại xâm phạm-bức não, bị giặc oán năm ấm sát hại, mà nhận lấy vô lượng khổ não. Mình phải khiến cho các chúng sinh đó xa lìa hết thảy mọi chướng

ngại, giúp họ an trú nơi trí đạo về Không-Vô ngã, tức là Niết-bàn diệt trừ tất cả chướng ngại".

Luận:

Phạm hạnh tà như các ngoại đạo; tức là chấp giữ lỗi lầm của tướng ngã. Đây là kiến chấp căn bản của các kiến chấp khác. Như Kinh nói: "Các chúng sinh ấy chấp trước sâu vào tướng ngã".

Những chúng sinh này muốn đến thành Niết-bàn, nhưng vì có ngã ở nơi ngôi nhà năm ấm không thể khởi động ra khỏi. Như Kinh nói: "Ở nơi hang ổ của năm ấm, không thể tự ra khỏi".

Muốn hành đạo chánh, nhưng do điên đảo mà đi theo nẻo tà. Như Kinh nói: "Hành bốn điên đảo".

Trú nơi làng xóm là sáu nhập, theo ngã kiến hư vọng. Như Kinh nói: "Dựa vào sáu nhập là xóm làng trống vắng". Thọ nhận các khổ của sinh-lão-bệnh-tử. Ý muốn xa lìa mà không thể lìa được, luôn tùy thuộc nơi tự thân. Như Kinh nói: "Thường bị bốn loại rắn độc là bốn đại xâm phạm, bức não". Kẻ oán là ấm mãi theo đuổi mà không buông bỏ. Như Kinh nói: "Bị giặc oán năm ấm sát hại".

Luôn bị vô số các khổ đeo bám. Như Kinh nói: "Thọ nhận vô lượng các thứ khổ não ấy".

Các chúng sinh kia cần phải tùy thuận để đối trị. Dùng pháp như thật, xa lìa hết thảy chướng ngại, khiến an trú nơi Niết-bàn. Như Kinh nói: "Mình nên khiến cho các chúng sinh kia…".

Thế nào là phạm hạnh chân chánh như Tiểu thừa đồng pháp?

Kinh: "Các chúng sinh đó, do tâm nhỏ-hẹp-thấp mà không cầu Đại thừa. Tâm ấy xa lìa trí Nhất thiết trí vô thượng, cùng có xuất hành nhưng ưa thích Thừa Thanh văn và Bích-chi-Phật. Mình nên khiến cho các chúng sinh kia an trú nơi pháp Phật vô thượng, vi diệu, với ý nghĩa rộng lớn, sâu xa. Này các Phật tử! Bồ-tát thuận theo diệu lực của sự trì giới như vậy, cho nên khéo có thể phát khởi nhiều phương tiện hành hóa".

Luận:

Phạm hạnh chánh hành; là cầu đạt Tiểu thừa với những lỗi lầm. Ý của Tiểu thừa này có hai loại:

1. Tâm nhỏ: Pháp Phật vi diệu, rộng lớn vô lượng, nhưng tâm ấy

thối chuyển mà không thể chứng đắc.

2. Tâm hẹp: Đối với vô lượng chúng sinh, biếng nhác đối với việc tạo lợi ích. Như Kinh nói: "Các chúng sinh đó, tâm nhỏ-hẹp-thấp mà không cầu pháp Đại thừa".

Lại dựa vào lỗi lầm của tâm nguyện Tiểu thừa, là nguyện nơi Tiểu thừa. Như Kinh nói: "Tâm ấy xa lìa trí Nhất thiết trí vô thượng, cho nên tu hành có lỗi lầm. Chúng sinh nơi tụ bất định thật sự có pháp Đại thừa xuất sinh, nhưng tu hành theo Tiểu thừa. Như Kinh nói: "Cùng có xuất hành (Hành trì để giải thoát) nhưng ưa thích Thừa Thanh văn, Bích-chi-Phật".

Các chúng sinh này cần phải tùy thuận để đối trị, dùng pháp như thật khiến trú nơi pháp Phật vô thượng, vi diệu, với tâm rộng lớn. Như Kinh nói: "Mình nên khiến cho các chúng sinh kia…".

Dựa vào trì giới để hành hóa, đạt được diệu lực của giới ấy, cho nên có thể tạo ra các pháp thiện, khéo léo dấy khởi các hành thiện. Như Kinh nói: "Này các Phật tử! Bồ-tát thuận theo diệu lực của việc trì giới như vậy, cho nên khéo có thể phát khởi nhiều phương tiện hành hóa".

Kinh: "Này các Phật tử! Bồ-tát ấy trú nơi địa Ly cấu của Bồ-tát xong, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông, diệu lực của đại nguyện, cho nên được thấy nhiều đến hàng trăm Đức Phật-hàng ngàn Đức Phật, hàng trăm ngàn-hàng trăm ngàn na-do-tha Phật, hàng ức Phật-hàng trăm ức, hàng trăm ngàn ức-hàng trăm ngàn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông-đại nguyện, Bồ-tát ấy khi thấy chư Phật, đều dùng tâm trên hết, tâm sâu xa, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, tất cả mọi vật cung cấp đều để phụng thí, dùng các thứ vật dụng tạo an lạc thượng diệu của Bồ-tát cúng dường chúng Tăng, đem căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nơi trú xứ của chư Phật, sinh tâm cung kính trên hết, lại thọ nhận mười pháp thiện. Thọ nhận pháp thiện rồi, cho đến khi chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong quá trình hành trì ấy hoàn toàn không thối thất.

Bồ-tát ấy, ở trong vô lượng kiếp, vô lượng trăm kiếp, vô lượng ngàn kiếp, vô lượng trăm ngàn kiếp, vô lượng ức kiếp, vô lượng trăm-ngàn, vô lượng trăm ngàn ức kiếp, vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, xa lìa tâm keo kiệt-ganh ghét-phá giới-cấu nhiễm, thực hành bố thí, trì giới thanh tịnh. Này các Phật tử! Ví như đem vàng thật đã được luyện xong trong phàn thạch, đun nóng, tách lìa mọi cáu bẩn, khiến vàng trở cho nên sáng sạch. Này các Phật tử! Bồ-tát trú trong địa Ly cấu này cũng lại

như vậy. Ở trong vô lượng kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp luôn xa lìa tâm keo kiệt-ganh ghét-phá giới-cấu nhiễm, thành tựu bố thí, trì giới thanh tịnh. Bấy giờ, Bồ-tát ở trong bốn

Nhiếp pháp, chú trọng nhiều về ái ngữ, trong mười Ba-la-mật, dốc sức tăng trưởng giới Ba-la-mật, các Ba-la-mật còn lại đều tu tập đầy đủ, tùy sức và tùy phần. Này các Phật tử! Đó gọi là nói tóm lược về địa Ly cấu, là Địa thứ hai của đại Bồ-tát. Bồ-tát trú trong địa này, nhiều lần làm Chuyển luân Thánh vương, được pháp tự tại, bảy báu đầy đủ, có diệu lực tự tại, có khả năng dứt trừ cấu uế như phá giới của hết thảy chúng sinh, dùng phương tiện thiện xảo khiến các chúng sinh tu hành mười thiện nghiệp đạo. Hành trì nghiệp thiện thuộc bố thí-ái ngữ-lợi ích-đồng sự, các phước đức ấy không lìa niệm Phật-niệm Pháp-niệm Tăng và niệm Bồ-tát, niệm về hạnh của Bồ-tát-niệm Ba-la-mật, mười địa-lực không hoại-vô úy và pháp bất cộng của Phật, cho đến không lìa niệm đầy đủ về trí Nhất thiết trí, trí Nhất thiết chủng trí. Luôn sinh khởi tâm này: Mình phải đối với tất cả chúng sinh, là người đứng đầu-hơn hẳn-lớn lao-diệu-vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, vị thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí. Này các Phật tử! Bồ-tát này, nếu muốn lìa bỏ gia đình, siêng năng hành trì tinh tấn, thì ở trong pháp Phật liền có thể xả bỏ nhà cửa, vợ con, năm dục, được xuất gia rồi thì siêng năng, tinh tấn tu tập, trong khoảng một niệm đạt được ngàn Tam-muội, được thấy ngàn Phật, nhận biết ngàn thần lực của Phật, có thể làm chuyển động ngàn thế giới Phật, có thể đi vào ngàn thế giới Phật, có khả năng soi chiếu ngàn thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi ngàn thế giới Phật, có thể thọ mạng ngàn kiếp, có thể nhận biết sự việc trong ngàn kiếp nơi đời quá khứ-vị lai, có thể khéo hội nhập ngàn pháp môn, có thể biến thân thành ngàn thân, nơi mỗi mỗi thân có thể hiện bày ngàn Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại tối thắng, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy, thị hiện vô số thần thông, hoặc thân tướng, hoặc ánh sáng, hoặc thần thông, hoặc nơi mắt, hoặc cảnh giới, hoặc âm thanh, hoặc hành trì, hoặc trang nghiêm, hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thứ thần thông ấy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết".

Luận:

- Ở đây, lợi ích của quả, đối chiếu về sự việc thù thắng, như nơi Địa thứ nhất đã nêu, địa này cũng như vậy. Chỗ có cùng chỗ không, cho nên biết.

- Sự việc thù thắng được nêu trong này; tức là từ vô lượng kiếp xa

lìa tâm cấu uế của keo kiệt, ganh ghét, phá giới, thành tựu bố thí, trì giới thanh tịnh, cùng các sự việc thù thắng.

Nơi Địa thứ nhất, giới chưa thanh tịnh, thí cũng chưa thanh tịnh. Như vậy tại sao trong Địa thứ nhất nói về Bố thí Ba-la-mật tăng thượng, còn các Ba-la-mật khác thì không bằng? Rõ ràng là Bố thí Ba-la-mật kia, so với Địa thứ hai này, thì đã chuyển biến và thanh tịnh hơn, do đã lìa các thứ cấu uế như keo kiệt-ganh ghét-phá giới ... Vì vậy địa này, tên gọi được giải thích là Lìa cấu uế. Trong Địa thứ nhất, vàng chỉ dùng lửa để luyện, loại trừ các cáu bẩn thô trọng bên ngoài như tham ..., gọi là vàng luyện thanh tịnh. Nay ở tại địa này lại đặt vàng đã luyện trong phàn thạch, đun nóng để loại trừ cáu bẩn, làm sáng rõ tự thể, là tự tánh thanh tịnh đích thật, cho nên gọi là nghĩa giới tánh thanh tịnh.

**

LUẬN THẬP ĐỊA KINH

QUYỂN 5

Địa 3: ĐỊA MINH

Luận: Dựa vào chỗ sai biệt của Địa thứ ba là Minh, có bốn phần:

1. Phần khởi hành nhàm chán.
2. Phần hành nhàm chán.
3. Phần sự nhàm chán.
4. Phần quả nhàm chán.

- Khởi hành nhàm chán; là do mười loại tâm niệm sâu xa.
- Hành nhàm chán; là quán xét tất cả hành là vô thường, cho đến chưa nhập thiền.
- Nhàm chán; là bốn thiền, bốn Không và Tam-ma-bạt-đề.
- Quả nhàm chán; là bốn vô lượng cùng với tâm sâu xa thanh tịnh, cho nên biết.

Kinh: "Này các Phật tử! Bồ-tát khéo làm thanh tịnh tâm, hành trí Địa thứ hai xong, muốn đạt được Địa thứ ba của Bồ-tát, phải dấy khởi mười loại tâm niệm sâu xa. Những gì là mười? Đó là:

1. Tâm thanh tịnh.
2. Tâm không động.
3. Tâm nhàm chán.
4. Tâm lìa dục.
5. Tâm không thối chuyển.
6. Tâm kiên cố.
7. Tâm sáng tỏ.
8. Tâm thuần hậu.
9. Tâm hứng thú.
10. Tâm lớn lao.

Bồ-tát dùng mười loại tâm niệm sâu xa này để đi vào Địa thứ ba".

Luận: Mười loại tâm niệm sâu xa ở đây:

1. Dựa vào sự thành tựu của Địa thứ hai để khởi tâm niệm sâu xa thanh tịnh, như kinh nói: "Khởi tâm thanh tịnh".

2. Dựa vào chỗ không xả bỏ Thừa của mình, như kinh nói: "Khởi tâm không động".

3. Ý chí cầu đạt pháp thù thắng, dấy khởi phương tiện thiện xảo, vì vậy có thể chán bỏ tham dục nơi vị lai.

4. Dựa vào sự không tham cầu nơi dục hiện tại, như kinh nói: "Khởi tâm nhàm chán, tâm lìa dục".

5. Dựa vào chỗ không bỏ nẻo tăng tiến nơi Thừa của mình, như kinh nói: "Khởi tâm không thối chuyển".

6. Dựa vào địa của mình, phiền não không thể hủy hoại, như kinh nói: "Khởi tâm kiên cố".

7. Dựa vào tính chất tự tại của Tam-ma-bạt-đề (Định), như kinh nói: "Khởi tâm sáng tỏ".

8. Dựa vào lực dụng tự tại của Thiền định, tuy sinh vào cõi dưới nhưng không thối thất, như kinh nói: "Khởi tâm thuần hậu".

9. Dựa vào chỗ phiền não phát sinh kia không thể làm cho nhiễm ô, như kinh nói: "Khởi tâm hứng thú".

10. Dựa vào việc làm lợi ích cho chúng sinh, không dứt bỏ các cõi, như kinh nói: "Khởi tâm lớn lao".

Đã nói xong phần "Khởi hành nhàm chán", tiếp theo là nói về phần "Hành nhàm chán". Hành nhàm chán có ba loại:

1. Hành tu tập ngăn chận phiền não.
2. Hành tu tập ngăn chận Tiểu thừa.
3. Hành tu tập dùng phương tiện thâu nhiếp.

-Hành tu tập ngăn chận phiền não; là quán xét hết thảy các hành vô thường, không có kẻ cứu độ. Hai mươi câu này chỉ rõ: Thế nào là quán tất cả hành vô thường?

Kinh: "Này các Phật tử! Bồ-tát ấy an trú nơi địa Bồ-tát thứ ba rồi, quán xét đúng đắn về pháp hữu vi, với tất cả hành vô thường, khổ-bất tịnh-vô thường, tan hoại không trú lâu, niệm niệm sinh diệt, không từ đời trước đến không đi đến đời sau, hiện tại thì không dừng. Quán xét đúng đắn về tất cả hành như vậy".

Luận: Ở đây, nẻo hành của thọ mạng không dừng, là nêu rõ chung về quán vô thường. Như kinh nói: "Quán xét đúng đắn về pháp hữu vi…".

Vô thường này thế nào? Cái gì là vô thường? Quán xét đúng đắn như vậy.

-Vô thường này thế nào? Dựa vào thời gian chuyển biến của thân sức, sinh ra ba loại khổ. Như kinh nói: "Là khổ".

Dựa sức ăn uống, hình sắc có tăng-giảm... Như kinh nói: "Là bất tịnh".

Dựa sức không thể ngăn giữ các điều ác, làm cho nên thọ mạng ngắn ngủi. Như kinh nói: "Là vô thường".

Dựa vào sức của thế giới thành trú, diệt hoại. Như kinh nói: "Là tan hoại".

Đời sống dựa vào chủ không có lực cố định, không dừng ở một nơi.

Như kinh nói: "Không trú lâu".

- Cái gì là vô thường? Vô thường có hai loại:

1. Khi còn trẻ. Như Kinh nói: "Niệm niệm sinh diệt".

2. Tự tánh chẳng thành: Thật sự trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai là không sinh, không chuyển, không trú. Như kinh nói: "Không từ đời trước đến, không đi đến đời sau, hiện tại thì không dừng".

- Quán xét đúng đắn về tất cả các hành như vậy, quán xét hết thảy pháp hữu vi như vậy, trong hành vô thường không có người cứu độ.

Kinh: "Bồ-tát ấy quán xét chân thật như vậy, thấy rõ tất cả hành không có người cứu độ, không nơi chốn nương dựa, cùng lo, cùng buồn, cùng bị bức bách, bị yêu ghét trói buộc, sầu não càng nhiều, không hề dừng lâu, luôn bị lửa tham sân si thiêu đốt, thấy rõ thân có vô lượng bệnh khổ tăng trưởng".

Luận:

Bồ-tát ấy quán xét chân thật như vậy, thấy rõ tất cả hành không có người cứu độ. Mười câu thứ hai này, nói về Không cứu độ, có chín loại:

1. Ở nơi vô thường chưa đến; không có chỗ nương, báo cho biết. Như kinh nói: "Không nơi chốn nương tựa".

2. Vô thường đã đến; không ai có thể cứu độ. Vì vô thường đến cho nên phần nhiều cùng lo, khổ. Như kinh nói: "Cùng lo".

3. Khoảng giữa cùng buồn. Như kinh nói: "Cùng buồn".

4. Trong sự việc cùng khổ não thì lo, buồn luôn đeo đuổi. Vì sức lực yếu kém cho nên càng thêm bực bội, bức bách. Như kinh nói: "Cùng bị bức bách".

5. Lúc theo đuổi, cầu tìm vật dụng cho đời sống, mong muốn điều yêu thích chứ không mong điều không yêu thích. Như vậy, luôn bị vọng tưởng về yêu-ghét trói buộc. Như kinh nói: "Bị yêu ghét trói buộc".

6. Trong khi thọ dụng thì vui ít, khổ nhiều. Như kinh nói: "Sầu não càng tăng nhiều".

7. Vào lúc thân già yếu thì sắc lực tráng kiện của thời trẻ không thể

tích tập trở lại. Như kinh nói: "Không thể dừng lâu".

8. Khi còn trẻ-mạnh, có đủ ba loại thọ nhận, thường bị tâm tham thiêu đốt. Như kinh nói: "Luôn bị lửa tham-sân-si đốt cháy".

9. Lúc già yếu, vô lượng bệnh khổ tăng trưởng. Như kinh nói: "Thấy rõ thân có vô lượng bệnh khổ tăng trưởng".

Ba câu sau đều nêu rõ về các việc khổ hoạn nơi thân. Vì sao không nêu ở phần đầu? Bởi vì chỉ rõ thân luôn luôn có sự lo lắng, hoạn nạn.

Thế nào là hành tu tập ngăn chận Tiểu thừa?

Kinh: "Bồ-tát ấy thấy rõ như vậy rồi, đối với hết thảy Hành càng thêm chán lìa, hướng tới trí tuệ của Như Lai. Bồ-tát này thấy rõ trí tuệ của Như Lai là không thể nghĩ bàn, là không gì hơn, là vô lượng, là khó chứng đắc, không xen tạp, không phiền, không lo, có thể dẫn đến thành lớn an ổn, không sợ hãi, không còn phải trở lại, thấy rõ là có thể cứu độ vô lượng chúng sinh khổ não".

Luận:

- Tu hành ngăn chận Tiểu thừa; tức là đối với tất cả các hành hữu vi, sinh chán lìa rồi, dốc lòng hướng tới trí tuệ Phật. Dựa vào trí của Như Lai có hai loại lớn:

1. Lớn do thâu nhiếp các công đức.
2. Lớn do thanh tịnh.

- Lớn do thâu nhiếp các công đức; có năm loại:

1. Lớn do thâu nhiếp các công đức từ thần lực. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy thấy rõ trí tuệ của Như Lai là không thể nghĩ bàn".

2. Lớn do thâu nhiếp các công đức không gì sánh, bởi vì không có người đối xứng. Như kinh nói: "Không gì bằng".

3. Lớn do thâu nhiếp các công đức có ý nghĩa vĩ đại; bởi vì có thể làm lợi ích rộng khắp cho vô lượng chúng sinh. Như kinh nói: "Vô lượng".

4. Lớn do thâu nhiếp các công đức không bị chê trách; bởi vì ít có, khó đạt được. Như kinh nói: "Khó chứng đắc".

5. Lớn do thâu nhiếp các công đức khác thường; bởi vì các ngoại đạo không thể làm lẫn lộn. Như kinh nói: "Không xen tạp".

- Lớn do thanh tịnh; là xa lìa phiền não sử-khổ, đạt được Niết-bàn.

Xa lìa phiền não sử; tức là xa lìa phiền não dựa theo vô minh, không bị xen tạp. Như kinh nói: "Không phiền não".

Lìa khổ; tức là mọi khổ căn bản dứt hết, các thứ lo buồn tùy thuộc

cũng hết. Như kinh nói: "Không lo buồn".

Đạt được Niết-bàn. Như kinh nói: "Có thể dẫn đến thành lớn an ổn, không sợ hãi".

Bồ-tát đến thành Niết-bàn rồi, không còn thối chuyển trở lại, mà có thể làm lợi ích cho chúng sinh khiến họ đạt được các sự việc thù thắng của Niết-bàn thế gian và xuất thế gian. Như kinh nói:"Không còn thối chuyển trở lại".

Thấy có thể cứu độ vô lượng chúng sinh khổ não, là dựa vào các chúng sinh không có người cứu độ, phát khởi mười loại tâm thù thắng.

Kinh: "Bồ-tát thấy rõ trí tuệ của Như Lai vô lượng như vậy, thấy rõ hết thảy hành hữu vi có vô lượng khổ não, lại đối với tất cả chúng sinh mà chuyển sinh mười loại tâm thù thắng. Những gì là mười? Đó là Bồ-tát khởi tâm thù thắng đối với mười loại chúng sinh:

1. Chúng sinh đáng thương xót vì cô độc, không có người cứu độ.
2. Luôn luôn bần cùng.
3. Bị lửa của ba độc thiêu đốt không dứt.
4. Bị giam trong lao ngục kiên cố của ba cõi.
5. Thường bị các thứ rừng rậm xấu ác của phiền não che phủ.
6. Không có sức lực để quán xét đúng đắn.
7. Xa lìa pháp thiện, tâm không có gì vui sướng.
8. Mất pháp diệu của chư Phật.
9. Luôn bị cuốn theo dòng chảy của thế gian.
10. Mất phương tiện đạt tới Niết-bàn".

Luận:

Ở đây, không có người cứu bởi vì cô độc. Cô độc không có người cứu, có chín loại:

1. Cô độc không có người cứu vì luôn luôn bần cùng.
2. Cô độc không có người cứu vì bị lửa của ba độc thiêu đốt không dứt.
3. Cô độc không có người cứu vì bị giam trong lao ngục kiên cố của ba cõi.
4. Cô độc không có người cứu vì thường bị các thứ rừng rậm xấu ác của phiền não che phủ.
5. Cô độc không có người cứu vì không có sức lực để quán xét đúng đắn.
6. Cô độc không có người cứu vì xa lìa pháp thiện, tâm không có gì vui sướng.

7. Cô độc không có người cứu vì làm mất pháp diệu của Phật.

8. Cô độc không có người cứu vì luôn bị cuốn theo dòng chảy của thế gian.

9. Cô độc không có người cứu vì mất phương tiện đạt tới Niết-bàn.

- Dựa vào chúng sinh cầu Dục mà tâm không biết chán đủ, đối với tài sản của kẻ khác luôn mong cầu không biết dừng nghỉ, hai loại mà nên biết. Như kinh nói: "Đối với chúng sinh luôn mãi bần cùng, khởi tâm thù thắng. Đối với chúng sinh bị lửa của ba độc thiêu đốt không dứt, khởi tâm thù thắng".

- Dựa vào các chúng sinh cầu Hữu (cõi) luân chuyển trong sáu cõi thế gian, các chúng sinh kia do bị phiền não che lấp, thường sinh vào các chốn nạn. Ba câu như vậy, theo thứ tự nên biết, như kinh nói: "Đối với các chúng sinh bị giam trong lao ngục kiên cố của ba cõi, khởi tâm thù thắng. Đối với các chúng sinh thường bị các thứ rừng rậm xấu ác của phiền não che phủ, khởi tâm thù thắng. Đối với các chúng sinh không có sức lực để quán xét đúng đắn, khởi tâm thù thắng".

- Dựa vào các chúng sinh cầu phạm hạnh không phát khởi ý niệm thù thắng, mang tâm kiêu mạn tăng thượng, tâm không muốn vào Niết-bàn, tâm vọng hành theo ngoại đạo. Bốn câu như vậy, theo thứ tự nên biết, như kinh nói: "Đối với các chúng sinh:

1. Xa lìa pháp thiện, tâm không có gì vui sướng.
2. Làm mất pháp diệu của Phật.
3. Thường bị cuốn theo dòng chảy của thế gian.
4. Mất phương tiện đạt đến Niết-bàn. Bồ-tát khởi tâm thù thắng".

Tiếp theo là nói về Bồ-tát hành tinh tiến, phát mười loại tâm bày để cứu độ chúng sinh.

Kinh: "Bồ-tát ấy thấy rõ cảnh giới của các chúng sinh đều nhận chịu vô số các thứ khổ não như vậy, đã phát khởi hạnh tinh tiến lớn: Các chúng sinh này mình nên cứu độ, nên giải thoát, nên khiến cho họ được thanh tịnh, nên khiến họ được thoát khỏi, nên dẫn dắt họ đi đến nơi thiện, nên khiến họ an trú, cho nên khiến họ hoan hỷ, nên biết rõ chỗ thích hợp, nên khiến cho họ được vượt qua, nên khiến họ đạt đến Niết-bàn".

Luận: Cứu độ những nơi chốn nào? Dùng những gì để cứu độ? Làm sao cứu độ thành tựu? Phần này làm rõ chỗ sai biệt của việc cứu độ chúng sinh.

- Cứu độ những nơi chốn nào? Ở trong vọng tưởng về nghiệp,

vọng tưởng về phiền não, vọng tưởng về sinh tồn. Như kinh nói: "Mình nên giải cứu, nên khiến cho họ được thanh tịnh, cho nên khiến họ được thoát khỏi". Thứ tự như vậy, mình nên cứu độ.

- Dùng những gì để cứu độ? Trao cho ba Học để thâu nhiếp, khuyên ở yên nơi chốn trì giới, khuyến khích trú nơi chốn định-tuệ. Như kinh nói: "Cho nên dẫn dắt họ đi đến chốn thiện. Cho nên khiến an trú".

Thứ tự về cảnh giới Tam-muội như vậy là định-tuệ hợp nêu. Lại khuyên ở yên nơi chốn trì giới có hai loại:

1. Dứt trừ lưới nghi khiến tin tưởng vào giới. Như kinh nói: "Nên khiến họ hoan hỷ".

2. Người đã vào giới; khiến tâm vui thích, an trú kiên cố, không động. Như kinh nói: Nên biết rõ chỗ thích hợp".

Lại khuyên trú vào định-tuệ, diệt trừ các thứ tuỳ phiền não sai khiến như Trạo cử, Hôn trầm. Như kinh nói: "Nên khiến cho họ được vượt qua".

- Làm sao cứu độ thành tựu? Tức là khiến đạt được hai loại cảnh giới Niết-bàn. Như kinh nói: "Nên khiến cho họ đạt đến Niết-bàn".

Đó gọi là Hành tu tập ngăn chận nẻo Tiểu thừa.

Thế nào là Hành tu tập dùng phương tiện để thâu nhiếp?

Kinh: "Bồ-tát khéo chán lìa tất cả hành hữu vi như vậy rồi, nhớ nghĩ sâu về hết thảy cảnh giới chúng sinh, hướng tới trí Nhất thiết trí, làm vô lượng lợi ích, ngay lúc ấy dựa vào trí tuệ của Như Lai để cứu độ chúng sinh, tư duy như vậy: Các chúng sinh này rơi vào trong nghiệp-phiền não nhiều khổ đau, dùng phương tiện hành hóa gì để cứu vớt, khiến họ an trú nơi Niết-bàn an lạc trọn vẹn?".

Luận:

Ở đây, chán lìa-nhớ nghĩ sâu-tạo lợi ích, chỉ rõ về ba loại nhân:

1. Nhân xa lìa vọng tưởng; khéo chán lìa hết thảy hành hữu vi.

2. Nhân không xả bỏ thế gian; nhớ nghĩ sâu về tất cả cảnh giới chúng sinh.

3. Nhân phát khởi tinh tiến; hướng tới trí Nhất thiết trí, làm vô lượng lợi ích.

- Hướng tới nơi chốn lợi ích; là có thể tu hành chánh đạo.
- Nhớ nghĩ sâu xa; là có thể khéo hóa độ chúng sinh.
- Dựa vào trí tuệ của Như Lai để cứu độ chúng sinh. Câu này chỉ

rõ về hành phát khởi phương tiện để thâu nhiếp. Như kinh nói: "Bồ-tát tư duy: Các chúng sinh này rơi vào trong…".

- Rơi vào trong nghiệp-phiền não khổ đau: Khổ là vọng tưởng về sinh tồn. Phiền não là vọng tưởng về phiền não. Nghiệp là vọng tưởng về nghiệp.
- Niết-bàn an lạc trọn vẹn; là Niết-bàn vô thượng.
- Trong ấy, phương tiện hành hóa để thâu nhiếp có ba loại:

1. Chứng đắc rốt ráo tận cùng.
2. Phát khởi chứng đắc rốt ráo tận cùng bậc nhất.
3. Phát khởi hành nương tựa.

Kinh: "Bồ-tát ấy suy nghĩ: Không lìa bỏ nơi chốn của trí giải thoát không chướng ngại. Nhờ vào nơi chốn của trí kia cho nên không lìa bỏ sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp. Nhờ vào sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp kia cho nên không lìa trí tuệ hành vô sinh vô hành. Do ánh sáng của trí tuệ như vậy cho nên không lìa phương tiện của thiền, quyết định quán trí tuệ. Nhờ vào phương tiện của thiền, quyết định quán trí tuệ kia cho nên không lìa phương tiện của văn tuệ".

Luận:

- Chứng đắc rốt ráo tận cùng; là an trú trong trí giải thoát không chướng ngại. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy suy nghĩ: Không lìa bỏ nơi chốn của trí giải thoát không chướng ngại".

Bồ-tát hoàn toàn dựa vào tất cả pháp do Như Lai nêu giảng, tùy thuận để phát khởi sự nhận biết đúng như thật. Nhờ sự nhận biết đúng như thật đó mà sinh trí giải thoát không chướng ngại kia. Như kinh nói: "Nhờ vào nơi chốn của trí giải thoát không chướng ngại kia, cho nên không lìa sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp".

Đây là hành tuệ không phân biệt tự tướng, đồng tướng. Như kinh nói: "Nhờ vào sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp kia cho nên không lìa tuệ hành vô sinh-vô hành. Do ánh sáng của trí trí tuệ như vậy cho nên không lìa phương tiện của thiền…".

Trí tuệ kia, ở đây gọi là Ánh sáng rạng rỡ. Dựa vào ánh sáng đó cho nên gọi là địa Minh (Địa thứ ba). Bồ-tát ấy, ở trong thiền định, dùng phương tiện quyết định quán trí tuệ. Như kinh nói: "Nhờ vào phương tiện của thiền kia quyết định quán trí tuệ cho nên không lìa phương tiện của Văn tuệ".

- Phương tiện của thiền; là đạt được thiền thắng tiến.
- Quyết định; tức là quyết định đối với các việc khác.
- Quán trí tuệ; là dùng trí tuệ của chính mình để quán xét. Đó gọi là phát khởi sự chứng đắc rốt ráo tận cùng bậc nhất.

Bồ-tát quán trí tuệ như vậy là dựa vào phương tiện của Văn tuệ mà đạt được. Đây là Bồ-tát phát khởi hành nương dựa. Phương tiện của văn tuệ là chỗ nương dựa của sự phát khởi. Vì thế, tu hành được gọi là Bồ-tát dấy khởi hành nương dựa, trong đó, hành giả ngày đêm cầu pháp, nghe pháp. Thứ tự dựa vào giáo-nghĩa như vậy.

Kinh: "Bồ-tát quán xét đúng đắn nhận biết như vậy rồi, lại càng thêm siêng năng tu tập, hành trì cầu đạt chánh pháp, ngày đêm luôn cầu nghe pháp, thích pháp, vui với pháp, dựa vào pháp, thuận theo pháp, làm tăng trưởng pháp, tư duy pháp, đạt tới chỗ rốt ráo của pháp, quy kính pháp, tuỳ thuận pháp để hành hóa".

Luận:

- Ở đây, hành trì cầu đạt chánh pháp; là dựa vào kinh giáo, dựa vào diệu nghĩa, như trước đã nói.
- Ngày đêm luôn cầu, nghe pháp-thích pháp-vui với pháp; là không có tâm kiêu mạn, không có tâm ganh ghét, không có tâm khuất phục kẻ khác, để hỏi nghĩa.
- Dựa vào pháp; là dựa vào giáo pháp Đại thừa, tự thấy rõ là đúng để giữ lấy, không quên mất.
- Theo pháp, làm tăng trưởng pháp-tư duy về pháp; là dựa vào sự đọc tụng, dựa vào việc vì người khác mà nêu giảng, dựa vào nơi chốn tịch tĩnh để tư duy về ý nghĩa.
- Đạt tới chỗ rốt ráo của pháp; là dựa vào định để tu hành.
- Quy kính pháp; là dựa vào trí xuất thế gian.
- Tùy thuận pháp để hành hóa; là dựa vào giải thoát, đối với pháp giải thoát của chư Phật luôn tùy thuận mà hành trì.

Trong đoạn này, hành trì cầu đạt chánh pháp, luôn cầu nghe pháp: Hai câu này chỉ rõ việc luôn siêng năng hành trì. Thích pháp... gồm chín câu chỉ rõ về sự tu hành chân chánh. Bồ-tát kia thường siêng năng hành trì, lấy gì làm nhân? Chỉ rõ là sự cung kính, tôn trọng pháp, hết mực đầy đủ trọn vẹn. Bồ-tát kia được tài sản bậc nhất, ở trong chốn nhiều của cải châu báu cùng ngôi vị vua chúa, hoặc sinh nơi cõi trời, sinh trong thế gian thanh tịnh, tự thân luôn tôn trọng chánh pháp.

Kinh: "Bồ-tát dùng phương tiện như vậy để cầu đạt pháp Phật, không có các thứ tiền của, kho đụn vật báu nào mà không thể xả bỏ. Đối với các vật ấy không sinh ý tưởng khó có, chỉ đối với người thuyết giảng chánh pháp sinh tưởng là khó gặp. Bồ-tát này, vì cầu pháp Phật, không có các thứ tài sản bên ngoài được thọ dụng nào mà không thể xả

bỏ, cũng không có các thứ tài sản bên trong nào mà không thể từ bỏ. Không có chỗ tạo ra các vật dụng để cung cấp, tôn kính nào mà không thể làm. Không có các thứ kiêu mạn-ngã mạn-đại mạn nào mà không thể trừ bỏ. Ngay thẳng-chân chất-dịu dàng-mềm mỏng, cho nên không có thân khổ nào mà không thể thọ nhận. Bồ-tát ấy thành tựu được "Tâm thắng tài. Nếu nghe một câu pháp chưa từng nghe, thì cho là hơn có được châu báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ-tát này, nếu được nghe một bài kệ về chánh pháp, thì sinh ý tưởng cho là tài sản bậc nhất, hơn có được ngôi vị Chuyển luân Thánh vương. Lại nữa, đạt được Tâm thắng tài, nếu được pháp chưa từng nghe, có thể làm thanh tịnh cho hạnh Bồ-tát, thì cho là hơn có được mạng sống vô lượng kiếp nơi chốn của Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương. Bồ-tát này, nếu có người đến nói như vậy: Tôi sẽ trao cho ông một câu pháp do Phật thuyết giảng, có thể làm thanh tịnh cho hạnh Bồ-tát, nếu như nay ông có thể nhảy vào hầm lửa lớn đang cháy rực, chịu khổ não dữ dội, như vậy thì ông sẽ nhận được câu pháp kia. Bồ-tát ấy liền tư duy: Mình nhận được một câu pháp do Phật thuyết giảng, có thể làm thanh tịnh cho hạnh Bồ-tát, thì đối với lửa dữ đầy khắp trong ba ngàn đại thiên thế giới, hãy còn từ cõi Phạm thiên nhảy xuống, huống là bước vào hầm lửa nhỏ này! Mình chờ đợi pháp, thì dù phải thọ nhận hết mọi thứ khổ nơi địa ngục, vẫn làm được để cầu pháp, huống là các khổ não nhỏ trong cõi người!

Bồ-tát phát khởi hạnh tinh tiến như vậy, tu tập chánh pháp, theo pháp đã được nghe, ở chốn tịch tĩnh, đều có thể quán xét đúng đắn".

Luận:

Bồ-tát kia, vì quý trọng pháp cho nên có thể xả bỏ tất cả tài sản vật dụng. Như kinh nói: "Bồ-tát dùng phương tiện như vậy để cầu đạt pháp Phật…". Cho đến: "Chỉ đối với người thuyết giảng chánh pháp sinh ý tưởng khó gặp".

Đối với các thứ tài sản bên ngoài-bên trong, Bồ-tát đều có thể xả bỏ để cầu đạt pháp Phật, như kinh đã nói rõ.

Thân hành cung kính, phụng dâng... Như kinh nói: "Không có chỗ tạo ra các vật dụng để cung cấp tôn kính nào mà không thể làm…".

Các thứ tâm ý cao ngạo, tự đại cũng có thể dứt bỏ. Như kinh nói: "Không có các thứ kiêu mạn-ngã mạn-đại mạn nào…".

Những nơi chốn cần giữ gìn, Bồ-tát cũng có thể xả bỏ.

Vô số các thứ khổ nơi thân đều có thể nhận chịu… Đối với các thứ tài sản, châu báu quý giá, thù thắng có được nhưng Bồ-tát không yêu thích,

vì đã thành tựu tâm quý trọng pháp. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy

thành tựu được Tâm thắng tài…" cho đến "cho là hơn có được châu báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới". Đó gọi là đối với của cải đã thắng được chúng.

Thế nào gọi là thắng đối với ngôi vị vua...? Bồ-tát ấy đạt được pháp, càng sinh tâm hoan hỷ và thành tựu tâm ấy, còn hơn có được ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, Đế thích, Phạm vương. Như kinh nói: "Bồ-tát này được nghe một bài kệ về chánh pháp, sinh ý tưởng cho là tài sản bậc nhất…".

Vì cầu pháp, cho nên Bồ-tát có thể buông thân nhảy vào lửa dữ cháy tràn khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến ở rất lâu nơi địa ngục nhận chịu bao thứ khổ não. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nếu có người đến nói như vậy…".

- Ở đây, nghe một câu pháp; tức là nghe câu chữ về pháp.
- Được nghe một bài kệ về pháp; là nghe kệ nói về chánh pháp.
- Có thể làm thanh tịnh cho hạnh Bồ-tát; tức là lãnh hội về ý nghĩa.

Sự tu hành chân chánh ấy dùng gì để làm nhân? Tức là chỉ rõ dựa vào chốn tịch tĩnh để tư duy quán xét đúng đắn. Như kinh nói: "Bồ-tát phát khởi hạnh tinh tiến như vậy…".

Thế nào là phần nhàm chán? (Phần ba trong bốn phần nơi Địa thứ ba).

Bồ-tát ấy lãnh hội các pháp rồi, nhận biết phải tu hành đúng theo lời giảng nói mới chứng đạt pháp Phật. Nhập thiền vô sắc với vô lượng thần thông, nhưng đó không phải là chốn an lạc, cho nên ở trong đó quyết định không đắm nhiễm.

Kinh: "Bồ-tát ấy nghe các pháp rồi, tự hàng phục tâm mình, ở nơi chốn thanh vắng, tâm suy nghĩ: Phải hành trì đúng như lời giảng nói mới chứng đắc pháp Phật, không thể chỉ dùng những ngôn thuyết từ nơi miệng mà đạt được thanh tịnh. Bồ-tát ấy, trú nơi địa Minh này, dựa vào lời thuyết giảng để hành trì, liền lìa các pháp ác, bất thiện của dục nơi có giác có quán, hỷ lạc sinh do lìa, nhập vào nẻo hành của Thiền thứ nhất. Bồ-tát ấy diệt bỏ giác-quán, bên trong tâm thanh tịnh, toàn chốn không giác-không quán, hỷ lạc sinh do định nhập vào nẻo hành của Thiền thứ hai. Bồ-tát này lìa hỷ, hành xả, nghĩ về tuệ an ổn, thân thọ nhận lạc như các bậc Hiền Thánh đã có thể nêu bày, có thể xả bỏ, nghĩ về sự thọ nhận an lạc, nhập vào nẻo hành của Thiền thứ ba. Bồ-tát ấy dứt hẳn mọi khổ-vui, trước hết là dứt bỏ ưa-hỷ, không khổ không vui, niệm xả thanh tịnh nhập vào nẻo hành của

Thiền thứ tư. Bồ-tát này vượt quá hết thảy tưởng của sắc, dứt bỏ tất cả tưởng hữu đối, không nghĩ về tất cả tưởng dị biệt, nhận biết về Hư không vô biên, liền nhập vào nẻo hành của xứ Hư không vô biên. Bồ-tát này đã vượt qua tất cả tưởng của Hư không vô biên, nhận biết Thức vô biên, liền nhập vào nẻo hành của xứ Thức vô biên. Bồ-tát này lại vượt quá tất cả tưởng của Thức vô biên, nhận biết về Vô sở hữu, liền nhập vào nẻo hành của xứ Vô sở hữu. Bồ-tát ấy lại vượt quá tất cả xứ Vô sở hữu, nhận biết nơi an ổn của Phi hữu tưởng phi vô tưởng, liền nhập vào nẻo hành của xứ Phi hữu tưởng phi vô tưởng, chỉ tùy thuận pháp hành mà không ham thích, vướng chấp".

Luận:

- Do ý nghĩa gì mà nhập thiền Vô sắc với vô lượng thần thông? Vì năm loại chúng sinh:

1. Vì các chúng sinh kiêu mạn nơi thiền lạc cho nên nhập các thiền.

2. Vì giải thoát cho các chúng sinh kiêu mạn nơi Vô sắc cho nên nhập định vô sắc.

3. Vì các chúng sinh khổ não, khiến an trú nơi xứ thiện, trao cho an lạc vĩnh viễn, cần giải cứu các thứ khổ kia, khiến họ không còn nhận chịu nữa, cho nên nhập vô lượng Từ Bi.

4. Vì các chúng sinh được giải thoát, cho nên nhập vô lượng Hỷ Xả.

5. Vì các chúng sinh quy y nơi nẻo tà, cho nên nhập thần thông lực thù thắng, khiến họ có được chánh tín đối với ý nghĩa.

- Địa này đạt được thiền không thối chuyển, cho nên gọi là địa Tam-muội. Địa trước không phải là không có Tam-muội, nhưng địa này vượt hơn. Ở đây, sự sai biệt của thiền cõi Sắc có bốn loại:

1. Lìa chướng ngại.
2. Tu hành đối trị.
3. Tu hành làm lợi ích.
4. Hai loại kia (2, 3) đều nương vào Tam-muội. Trong thiền thứ nhất này:

- Lìa các pháp ác, bất thiện của dục; đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: "Tức lìa các pháp ác, bất thiện của dục".

- Có giác có quán; đó gọi là Tu hành đối trị. Như kinh nói: "Nơi có giác có quán".

- Hỷ lạc; đó gọi là tu hành làm lợi ích. Như kinh nói: "Hỷ lạc sinh do lìa".

- Nhập vào nẻo hành của thiền thứ nhất; đó gọi là hai loại kia đều

nương vào Tam-muội. Như kinh nói: "Nhập vào nẻo hành của thiền thứ nhất".

Trong thiền thứ hai:

- Diệt bỏ giác-quán; đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: "Diệt bỏ giác-quán".
- Bên trong thanh tịnh; đó gọi là tu hành đối trị, diệt bỏ chướng ngại là giác-quán. Như kinh nói: "Bên trong, tâm thanh tịnh, toàn xứ đều không giác không quán". Tâm một xứ; là tu tập Tam-muội vô lậu không gián đoạn, hành một cảnh.
- Hỷ lạc do định sinh; đó gọi là tu hành làm lợi ích. Như kinh nói: "Hỷ lạc do định sinh".
- Nhập vào nẻo hành của thiền thứ hai; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội. Như kinh nói: "Nhập vào nẻo hành của thiền thứ hai".

Trong thiền thứ ba:

- Lìa hỷ; đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: "Lìa hỷ".
- Hành xả-nghĩ về tuệ an ổn; đó gọi là tu hành đối trị. Như kinh nói: "Hành xả, nghĩ về tuệ an ổn".
- Thân thọ nhận lạc; đó gọi là tu hành làm lợi ích. Như kinh nói: "Thân thọ nhận lạc".
- Nhập vào nẻo hành của thiền thứ ba; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội. Như kinh nói: "Nhập vào nẻo hành của thiền thứ ba".

Trong thiền thứ tư:

- Đoạn trừ khổ-lạc, trước hết là dứt bỏ ưu-hỷ; đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: "Đoạn trừ khổ-lạc…".
- Niệm xả thanh tịnh; đó gọi là tu hành đối trị. Như kinh nói: "Niệm xả thanh tịnh".
- Không khổ-không lạc; đó gọi là tu hành làm lợi ích. Như kinh nói: "Không khổ-không vui".
- Nhập vào nẻo hành của thiền thứ tư; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội. Như kinh nói: "Nhập vào nẻo hành của thiền thứ tư".

Tam-ma-bạt-đề (Định) vô sắc cũng có bốn loại:

1. Lìa chướng ngại.
2. Tu hành đối trị.
3. Tu hành làm lợi ích.

4. Hai loại kia (2, 3) đều nương vào Tam-muội.

Vượt quá tất cả tưởng của sắc; là vượt quá tưởng của nhãn thức.

- Diệt bỏ hết thảy tưởng của hữu đối; tức là tưởng hòa hợp của nhĩ thức-tỷ thức-thiệt thức-thân thức, được diệt trừ.

- Không nghĩ về tất cả tưởng dị biệt; là không nghĩ về tưởng hòa hợp của ý thức. Do ý thức phân biệt đối với tất cả pháp, cho nên gọi là tưởng dị biệt. Cả ba trường hợp trên gọi là lìa chướng ngại.

- Như vậy, đối trị vượt quá tưởng của sắc và cảnh giới, không phân biệt sắc và cảnh giới, thấy rõ vô ngã. Đó gọi là tu hành đối trị.

- Nhận biết về Hư không vô biên; đó gọi là tu hành làm lợi ích.

- Liền nhập vào nẻo hành của Hư không vô biên; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội.

Vượt quá tất cả tưởng của Hư không vô biên; đó gọi là lìa chướng ngại.

- Đối trị như vậy, vượt quá Hư không vô biên kia, thấy rõ niệm thô bên ngoài, phân biệt chỗ lỗi lầm trở ngại; đó gọi là tu hành đối trị.

- Nhận biết về Thức vô biên; đó gọi là tu hành làm lợi ích.

- Liền nhập vào nẻo hành của Thức vô biên; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội.

Vượt quá tất cả tưởng của Thức vô biên; đó gọi là lìa chướng ngại.

- Đối trị như vậy; vượt quá Thức vô biên kia, thấy rõ niệm về sự thô, phân biệt chỗ lỗi lầm, trở ngại; đó gọi là tu hành đối trị.

- Nhận biết về Vô sở hữu; đó gọi là tu hành làm lợi ích.

- Liền nhập vào nẻo hành của Vô sở hữu; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội.

Vượt quá tất cả tưởng của Vô sở hữu; đó gọi là lìa chướng ngại.

- Đối trị như vậy: Vượt quá cảnh giới Vô sở hữu, thấy rõ niệm thô, phân biệt chỗ lỗi lầm, trở ngại; đó gọi là tu hành đối trị.

- Nhận biết chỗ an ổn của Phi hữu tưởng phi vô tưởng; đó gọi là tu hành làm lợi ích.

- Liền nhập vào nẻo hành của Phi hữu tưởng phi vô tưởng; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội.

Phần Nhàm chán đã trình bày xong.

Thế nào là Quả nhàm chán? (Phần bốn của Địa thứ ba) Đó là bốn vô lượng, năm thần thông... Những gì là bốn vô lượng?

Kinh: "Bồ-tát này với tâm Từ tùy thuận rộng lớn vô lượng, không hai.

Tâm ấy không sân hận, không đối, không chướng, không não hại. Tâm ấy hiện bày đến tất cả xứ của thế gian, pháp giới, hư không giới rốt

ráo tột cùng của thế gian. Tâm ấy trùm khắp tất cả hành của thế gian. Như vậy, Bồ-tát với tâm Bi tùy thuận, tâm Hỷ tùy thuận, tâm Xả tùy thuận rộng lớn vô lượng, không hai. Ba tâm này (Bi, Hỷ, Xả) không sân hận, không đối, không chướng, không não hại. Tâm ấy hiện bày đến tất cả xứ của thế gian, pháp giới, hư không giới rốt ráo tột cùng của thế gian, trùm khắp tất cả hành của thế gian".

Luận:

Vô lượng có ba loại:

1. Nhớ nghĩ về chúng sinh.
2. Nhớ nghĩ về pháp.
3. Vô niệm.

Nhớ nghĩ về chúng sinh có bốn loại tướng sai biệt:

1. Ban cho an lạc.
2. Đối trị chướng ngại.
3. Thanh tịnh.
4. Thâu nhiếp quả.

- Thế nào là ban cho an lạc? Tức là ban cho ba loại an lạc. Một là; ban cho an lạc nơi cõi Dục. Hai là; ban cho đồng hỷ-lạc nơi cõi Sắc; ba là; ban cho hỷ-lạc chẳng đồng, vì ở đây là lìa khổ, lìa hỷ.

Không hai (Bất nhị); cũng là rộng lớn vô lượng. Như kinh nói: "Bồ-tát này với tâm Từ tùy thuận rộng lớn vô lượng, không hai".

- Thế nào là đối trị chướng ngại? Ban cho không tham ái là trao cho sự đối trị chướng ngại do ái này. Như kinh nói: "Không sân hận, không đối".

- Thế nào là thanh tịnh? Thân tâm chánh đoạn, không cười đùa, không có các Cái (che lấp) như thùy miên, trạo cử, hối... Như kinh nói: "Không chướng ngại".

- Thế nào là thâu nhiếp quả? Trong cõi Dục, cõi Sắc thọ nhận chánh quả, tập quả, không có sự khổ. Như kinh nói: "Không não hại".

Thế nào là nhớ nghĩ về pháp? Hiện bày khắp tất cả xứ, tất cả hàng phàm phu hiện có nơi ba cõi, các hàng chúng sinh hữu học-vô học cùng pháp và chúng sinh phân biệt tạo tác hiện có, đều có thể nhớ nghĩ, nhận biết. Như kinh nói: "Hiện bày đến tất cả xứ của thế gian".

Vô niệm có hai loại:

1. Vô niệm tự tướng; là quán pháp vô ngã tột cùng trong thế gian.

Như kinh nói: "Pháp giới, tột cùng của thế gian".

2. Quán xét khắp đến vô tận. Như kinh nói: "Hư không giới rốt ráo".

- Hết thảy thế gian; là hành rộng lớn của tất cả thế giới. Như kinh nói: "Bao trùm khắp hành của tất cả thế gian".

- Các thần thông; là bốn thần thông thuộc về Minh trí. Thần thông thứ năm thuộc về Minh kiến.

1. Một thần thông nơi thân nghiệp thanh tịnh.

2. Thiên nhĩ-Tha tâm trí là hai thần thông nơi khẩu nghiệp thanh tịnh.

3. Túc mạng-Sinh tử trí là hai thần thông nơi ý nghiệp thanh tịnh. Một thần thông nơi thân có thể đi đến mọi nơi chốn của chúng

sinh. Hai thần thông Thiên nhĩ-Tha tâm có thể nhận biết ý nghĩa của âm thanh thuyết pháp. Do nhận biết về tâm kẻ khác, tuỳ theo các loại ngôn âm mà đều có thể nhận biết. Dựa vào nghĩa này có đủ loại tên gọi khác được nêu bày, tùy theo nẻo dụng của chúng sinh. Hai thần thông khứ, lại nhận biết các chúng sinh quá khứ-vị lai, với chỗ cần thọ nhận sự hóa độ. Thế nào là thần thông nơi thân?

Kinh: "Bồ-tát này hiện bày vô lượng thần thông lực, có thể làm chuyển động đại địa. Một thân hiện làm nhiều thân. Nhiều thân biến thành một thân. Hiện mất đi rồi có trở lại. Mọi thứ chướng ngại như tường đá, vách núi đều có thể xuyên qua, như đi giữa hư không. Ở trong hư không ngồi kiết già mà đi giống như chim bay. Vào-ra nơi đất như ra vào nơi nước không khác. Đi trên nước như đi trên đất. Thân tuôn ra lửa khói như khối lửa lớn. Nơi thân phóng ra nước cũng như đám mây lớn. Mặt trời, mặt trăng có thần đức lớn, uy lực lớn, nhưng Bồ-tát có thể dùng tay sờ, chạm vào, xoa mạnh. Thân lực tự tại cho đến cõi Phạm Thế. Bồ-tát này dùng cảnh giới của thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn con người, nghe được hai loại âm thanh của hàng trời-người, hoặc gần hoặc xa, cho đến âm thanh của các loài vật nhỏ như ruồi-muỗi-nhặng... cũng đều nghe được. Bồ-tát này vận dụng Tha tâm trí nhận biết đúng như thật về tâm và tâm sở pháp của chúng sinh khác. Có tâm tham thì biết như thật là có tâm tham. Lìa tâm tham thì biết đúng như thật là lìa tâm tham. Biết đúng như thật là có tâm sân-lìa tâm sân, có tâm si-lìa tâm si. Biết đúng như thật là có tâm nhiễm-lìa tâm nhiễm, tâm nhỏ, tâm rộng, tâm lớn, tâm vô lượng, tâm thâu nhiếp, tâm không thâu nhiếp, tâm trú định, tâm không trú định, tâm giải thoát, tâm không giải thoát, tâm mong cầu, tâm không mong cầu. Tâm hướng thượng thì biết đúng như thật là tâm hướng thượng. Tâm không hướng

thượng, thì biết đúng như thật là tâm không hướng thượng. Bồ-tát này cũng nhớ biết đúng như thật về vô lượng thọ mạng nơi đời trước, các nơi chốn sinh ra cũng có thể nhớ biết. Nhớ biết về một đời, hai-ba-bốn-năm cho đến mười-hai mươi-ba mươi-bốn mươi-năm mươi đời. Cũng có thể nhớ biết về một trăm đời, nhớ biết về vô lượng trăm đời, vô lượng ngàn đời, vô lượng trăm ngàn đời. Nhớ biết về kiếp thành, kiếp hoại và kiếp thành hoại, vô lượng kiếp thành hoại. Cho đến nhớ biết về trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, ức kiếp, trăm ức kiếp, ngàn ức kiếp, trăm ngàn ức kiếp. Nhớ biết cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp… Mình vốn ở nơi ấy với, tên gọi-họ-đời sống-hình sắc, sự ăn uống-thọ mạng-đã trú lâu như vậy, thọ nhận khổ vui như vậy. Mình ở nơi kia chết đi, sinh ra tại nơi này. Ở nơi này chết đi, sinh ra ở nơi kia. Như vậy, về đời quá khứ với vô số tướng mạo-tánh tướng... được nêu bày, đều có thể nhớ biết.

Bồ-tát này, vận dụng cảnh giới của thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn con người, thấy rõ các chúng sinh, hoặc sống hoặc chết, hình sắc tốt xấu, hành thiện-hành bất thiện, nghèo hèn-giàu sang, các chúng sinh đó tùy theo chỗ tạo nghiệp, đều nhận biết đúng như thật. Các chúng sinh đó gây tạo nghiệp ác nơi thân, nơi miệng, nơi ý, huỷ báng các bậc Hiền Thánh, hành theo tà kiến và nhân duyên của nghiệp tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đọa vào cõi ác, sinh trong địa ngục. Các chúng sinh đó, thành tựu nghiệp thiện nơi thân, nơi miệng, nơi ý, không huỷ báng Hiền Thánh, thành tựu chánh kiến, cùng nhân duyên của nghiệp thiện chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sinh nơi cõi thiện và trong các cõi trời. Như vậy, Bồ-tát với cảnh giới thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn con người … đều nhận biết đúng như thật về các chúng sinh theo nghiệp thọ báo.

Bồ-tát này, đối với Tam-ma-bạt-đề, Tam-muội, Thiền giải thoát đều có thể nhập-xuất, nhưng không lệ thuộc vào lực sinh của Thiền giải thoát. Theo sự nhận thức có thể thực hành đầy đủ các pháp phần Bồ-đề, nhờ nguyện lực cho nên sinh trong ấy".

Luận:

Thần thông nơi thân; là đạt được tự tại thù thắng, cho nên biết. Tự tại có ba loại:

1. Tự tại đối với thế giới; tức là có thể làm chuyển động đại địa. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, hiện bày vô lượng thần thông lực…".

2. Tự tại đối với thân: Bồ-tát có thể ẩn, hiện, tan hợp. Như kinh nói: "Một thân hiện làm nhiều thân…".

3. Tự tại đối với tác nghiệp; tác nghiệp có tám loại:

- Bàng hành vô ngại (Đi đứng xung quanh không bị ngần ngại). Như Kinh nói: "Tường đá, vách núi... đều có thể xuyên qua, như đi giữa hư không".

- Đi trên cao. Như Kinh nói: "Ở trong hư không ngồi kiết già mà đi giống như chim bay".

- Đi trên, dưới. Như Kinh nói: "Vào ra nơi đất như ra vào nơi nước không khác".

- Lội qua nước không bị chìm. Như kinh nói: "Đi trên nước như đi trên đất".

- Nơi thân có lửa cháy bùng. Như kinh nói: "Thân tuôn ra lửa khói…".

- Thân có thể tuôn ra nước. Như kinh nói: "Nơi thân tuôn ra nước giống như đám mây lớn".

- Thân có thể sờ, chạm. Như kinh nói: "Mặt trời mặt trăng…".

- Tự tại. Cho đến cõi Phạm Thế, cũng như đối với khí thế gian, tùy ý chuyển biến luôn được tự tại. Như kinh nói: "Thân lực tự tại…"

Thiên nhĩ thông; tùy theo khả năng nghe và điều đã nghe mà thị hiện đúng như thật về sự lắng nghe thanh tịnh.

Hơn hẳn con người; tức là nghe xa cho nên vượt quá con người. Âm thanh thì thấp cho đến âm thanh nơi địa ngục A-tỳ..., đều có thể nghe được. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, dùng cảnh giới của thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá con người". Tùy chỗ tạo âm thanh của hàng trời-người, hiện tại đều nghe biết rõ ràng, cho đến âm thanh rất nhỏ của các loài ruồi-nhặng ... cũng có thể nghe rõ. Như kinh nói: "Nghe được hai loại âm thanh của hàng trời-người, hoặc gần hoặc xa, cho đến âm thanh của các loài ruồi-muỗi-nhặng…".

Tha tâm thông; là chỗ sai biệt nơi tâm kẻ khác, có tám loại:

1. Tùy thuộc phiền não.
2. Sử.
3. Sinh.
4. Học hành trì Tam-muội.
5. Đạt Tam-muội.
6. Đạt giải thoát.
7. Hành vọng, hành chánh.
8. Các phàm phu tăng thượng mạn khác.

- Tùy thuộc phiền não; tức là kết hợp với tham-sân-si... Như kinh

nói: "Bồ-tát ấy dùng Tha tâm trí nhận biết đúng như thật về tâm và tâm số pháp của chúng sinh khác…".

- Sử; tức là có phiền não, lìa phiền não... Như kinh nói: "Nhận biết đúng như thật về tâm có nhiễm, tâm lìa nhiễm".
- Sinh: trong cõi người là nhỏ, trong cõi trời thuộc cõi Dục là rộng, trong cõi trời thuộc cõi Sắc là lớn, trong hai cõi giải thoát của Vô sắc là vô lượng. Như kinh nói: "Tâm nhỏ, tâm rộng, tâm lớn, tâm vô lượng".
- Học hành trì Tam-muội; tức là tâm tán loạn, tâm không tán loạn. Như kinh nói: "Tâm thâu nhiếp, tâm không thâu nhiếp".
- Đạt Tam-muội; khi nhập định-không nhập định và lúc xuất định. Như kinh nói: "Tâm trú định, tâm không trú định".
- Đạt giải thoát; tức là có trói buộc và không trói buộc. Như kinh nói: "Tâm giải thoát, tâm không giải thoát".
- Hành vọng, hành chánh; là đối với tiếng tăm hiện khởi hy vọng, thuận hợp hoặc không thuận hợp. Như kinh nói: "Tâm cầu mong, tâm không cầu mong".
- Hàng phàm phu tăng thượng mạn khác; tức là tập hành thô-tế. Như kinh nói: "Tâm hướng thượng nhận biết đúng như thật…".

Túc mạng trí thông; là người có thể nhớ nghĩ và trí có thể nhớ nghĩ. Như kinh nói: "Bồ-tát này nhớ biết đúng như thật về vô lượng thọ mạng của đời trước…".

Nhớ biết về những sự việc gì? Như kinh nói: "Cũng có thể nhớ biết về một đời cho đến…".

Thế nào là chỗ dựa vào của trí nhớ biết? Đó là:

- Sai biệt về danh tự. Như Kinh nói: "Mình vốn ở nơi ấy với tên như vậy."
- Sai biệt về gia đình. Như Kinh nói: "Họ như vậy".
- Sai biệt về sang hèn. Như Kinh nói: "Đời sống như vậy".
- Sai biệt về đẹp xấu. Như Kinh nói: "Hình sắc như vậy".
- Sai biệt về ăn uống. Như Kinh nói: "Sự ăn uống như vậy".
- Sai biệt về hành nghiệp. Như Kinh nói: "Thọ mạng như vậy, sống lâu như vậy".
- Sai biệt chỗ hơn kém thành hoại. Như Kinh nói: "Thọ nhận khổ vui. Mình ở nơi kia chết đi…". Trong đó:
- Sai biệt về gia đình; tức là sai biệt về cha, mẹ.
- Sai biệt về sang hèn; tức là sai biệt về Sát-lợi, Bà-la-môn...
- Sai biệt về hành nghiệp; là sai biệt về thọ mạng, chết đúng lúc-

không đúng lúc. Ở đây:

Vô số tướng mạo; là sai biệt về tất cả hình tướng. Như kinh nói: "Vô số các tướng mạo".

Nêu bày; là danh xưng. Như kinh nói: "Được nêu ra".

Tánh tướng; là họ của gia đình. Như kinh nói: "Tánh tướng... đều có thể nhớ biết".

Lại có nghĩa khác; cũng có thể nhớ biết về một đời, hai đời, như vậy... gọi là tướng mạo.

Nêu bày; là tên gọi ...

Tướng; Mình ở nơi kia chết đi, sinh ở nơi này. Như vậy... đều có thể nhớ biết.

Sinh tử trí thông thì ai có thể thấy được? Dùng thiên nhãn để thấy.

Thanh tịnh; là thấy kỹ càng, đầy đủ.

Vượt hơn con người; là thấy xa. Như kinh nói: "Bồ-tát này dùng cảnh giới của thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn con người…".

Thấy những sự việc gì? Tức là các sự việc sống-chết của chúng sinh. Như kinh nói: "Thấy các chúng sinh, hoặc sống, hoặc chết…".

Thấy như vậy nào? Như kinh nói: "Các chúng sinh đó gây tạo nghiệp ác nơi thân…".

Phần khác; thì như trong hai địa trước đã nói.

Nghiệp báo thiện ác, ở đây cũng như vậy, cho nên biết. Trong đoạn này:

- Thiền; là bốn thiền.
- Giải thoát; là bốn định Vô sắc.
- Tam-muội; là bốn vô lượng.
- Tam-ma-bạt-đề; là năm thần thông.
- Có thể vào-có thể ra; tức là khi tâm sinh, thì tùy theo lực dụng của tâm nơi hiện tiền.
- Nhưng không lệ thuộc vào lực sinh của thiền giải thoát; tức là tâm niệm sâu xa thuần hậu kia, ở đây chỉ rõ sự thành tựu.
- Theo chỗ thấy biết, có thể làm viên mãn nơi chốn của pháp phần Bồ-đề; tức là cùng với đại Bồ-đề của chư Phật cùng sinh một xứ. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, đối với thiền giải thoát…".

Kinh: "Bồ-tát này, an trú nơi địa Minh của Bồ-tát rồi, được thấy nhiều chư Phật, do diệu lực của đại thần thông-đại nguyện, cho nên thấy nhiều trăm Phật, nhiều ngàn Phật, nhiều trăm ngàn Phật, trăm ngàn na-do-

tha Phật, nhiều ức Phật, trăm ức, ngàn ức, trăm ngàn ức, trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông-đại nguyện, cho nên Bồ-tát này, khi thấy chư Phật, đều đem tâm hướng thượng, tâm sâu xa cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, tất cả vật dụng cung cấp đều dùng để phụng thí. Dùng các thứ vật dụng tạo an lạc thượng diệu của Bồ-tát để cúng

dường chúng Tăng, đem những căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Tại trú xứ của chư Phật khởi tâm cung kính tột bậc, chuyên tâm nghe pháp, nghe rồi thọ trì, theo đúng như lời dạy mà hành trì. Bồ-tát ấy quán xét tất cả pháp không sinh-không diệt, do nhân duyên mà có".

Luận:

Tất cả pháp không sinh-không diệt; tức là ở trong pháp thanh tịnh không thấy có tăng, ở trong vọng tưởng phiền não không thấy có giảm. Do nhân duyên làm nhân sinh, cho nên trong sự thanh tịnh kia, không một pháp nào có thể tăng, trong vọng tưởng phiền não kia, không một pháp nào có thể giảm. Nhưng dựa vào nhân duyên đối trị, lìa bỏ vọng tưởng, phiền não thì càng trở nên thanh tịnh thù thắng, trí tuệ hiện tiền. Như kinh nói: "Quán xét tất cả pháp không sinh, không diệt, do nhân duyên mà có".

Kinh: "Bồ-tát này, tất cả sự trói buộc của Dục đã chuyển biến trở nên mỏng, ít. Tất cả sự trói buộc của Sắc, của Hữu, của Vô minh thảy đều trở nên mỏng, ít. Sự trói buộc của kiến, trước đó đã trừ diệt. Bồ-tát này, an trú nơi địa Minh của bậc Bồ-tát rồi, trong vô lượng trăm kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, không còn hiện trở lại sự tích tập để đoạn trừ vọng tham-vọng sân-vọng si. Bồ-tát này, chuyển tăng các căn thiện đã có kia khiến càng trở nên sáng sạch. Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu được người thợ kim hoàn khéo léo tôi luyện phù hợp với cân-lượng, càng trở nên sáng đẹp bội phần. Này các Phật tử! Bồ-tát này cũng lại như vậy… Bồ-tát ấy tâm nhẫn nhục an lạc càng trở nên sáng sạch. Các thứ tâm: Tâm cùng hòa hợp, tâm mềm mỏng, tâm không sân, tâm không động, tâm không ô trược, tâm không cao thấp nơi ngã, tâm không mong cầu đối với những việc chúng sinh đã làm, tâm đối với những việc đã thực hành không mong báo đáp, tâm không dua nịnh quanh co, tâm không rơi vào rừng rậm phiền não, thảy đều chuyển sang thanh tịnh. Bồ-tát ấy, trong bốn Nhiếp pháp thì lợi hành càng tăng thượng, trong mười Ba-la-mật thì Nhẫn nhục Ba-la-mật tăng thượng. Các Ba-la-mật còn lại không phải là không tu tập, nhưng tùy theo lực-theo phần. Này các Phật tử! Đó gọi là

lược nêu về địa Minh, là Địa thứ ba của bậc Bồ-tát".

Luận:

Tất cả sự trói buộc của Dục đã chuyển biến trở nên mỏng-ít; là do tu đạo, đoạn trừ tất cả phiền não hiện có nơi ba cõi và nhân của chúng, cùng tập khí vô minh thảy đều mỏng, ít, do xa lìa.

Sự trói buộc của các kiến; ở trong địa thứ nhất, khi đạt kiến đạo đã đoạn trừ. Như kinh nói: "Sự trói buộc của các kiến, trước đó đã trừ diệt".

Không còn hiện trở lại sự tích tập để đoạn trừ vọng tham...; tức là đoạn trừ căn bất thiện, sử, hành của tập khí, không đoạn trừ phiền não thô trọng, vì các phiền não thô trọng ấy nơi địa trước đã đoạn. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, an trú nơi địa Minh của bậc Bồ-tát rồi, trong vô lượng trăm ngàn kiếp…".

Dụ về vàng ròng; là chỉ rõ sự an trú xứng hợp không giảm. Bồ-tát trú nơi địa Minh, sự chán lìa thế gian hơn hẳn so với địa trước, tự tại không mất. Như kinh nói: "Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu…".

Bồ-tát ấy, tâm nhẫn nhục an lạc càng trở nên sáng sạch; tức là nếu kẻ khác gia tăng tâm xấu ác. Bồ-tát đều có thể nhẫn chịu, lại khéo hộ trì tâm kẻ khác. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy tâm nhẫn nhục an lạc…".

Kẻ gia tăng ác không sửa đổi, lại khéo hộ trì tâm của họ, tức là phân biệt chỉ rõ những việc làm ác và tâm hoài nghi nơi họ, hiện bày cùng là bạn bè, dùng ái ngữ để khuyên-dẫn. Như kinh nói: "Tâm cùng hòa hợp, tâm mềm mỏng-dịu dàng".

Gia tăng điều ác nhưng Bồ-tát không giận dữ, nghe lời mắng nhiếc không đáp trả, không sinh lo buồn. Như kinh nói: "Tâm không sân hận, tâm không động, tâm không ô trược".

Quá khứ không kiêu mạn, luôn tự hiện bày lời nói thiện. Như kinh nói: "Tâm không cao ngạo về ngã".

Tâm không mong cầu được kẻ khác cung kính. Như Kinh nói: "Tâm không mong cầu đối với những việc làm của chúng sinh".

Đối với những việc đã làm, tâm không mong cầu báo đáp. Như Kinh nói: "Tâm đối với những việc đã làm không mong cầu báo đáp".

Tâm không phải là không thật sự làm điều lợi ích, và tâm không thiên lệch... khi làm lợi ích. Như kinh nói: "Tâm không dua nịnh quanh co".

Những thứ cấu uế vi tế, ẩn giấu nơi tâm thảy đều xa lìa. Như kinh nói: "Tâm không rơi vào rừng rậm phiền não, thảy đều chuyển sang thanh tịnh".

Kinh: "Bồ-tát trú trong địa này, nhiều lần làm vua cõi trời Đao Lợi, được tự tại nơi pháp, có thể dứt trừ các thứ phiền não cấu uế như tham dục... của chúng sinh. Dùng diệu lực của phương tiện thiện xảo để cứu vớt các chúng sinh nơi bùn lầy tham dục. Các nghiệp thiện đã làm

như bố thí-ái ngữ-lợi hành-đồng sự, những thứ phước đức ấy đều không lìa niệm Phật-niệm Pháp-niệm Tăng-niệm Bồ-tát-niệm hạnh của Bồ-tát-niệm Ba-la-mật-niệm mười địa-niệm lực không hoại-niệm vô úy, niệm pháp bất cộng của Phật, cho đến không lìa niệm đầy đủ về trí Nhất thiết chủng trí, trí Nhất thiết trí. Bồ-tát ấy thường khởi tâm này: Đối với tất cả chúng sinh, mình phải là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn lao, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là vị thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ niệm ấy phát khởi hành tinh tiến. Do diệu lực của tinh tiến, cho nên ở trong khoảng một niệm đạt được trăm ngàn Tam-muội, được thấy trăm ngàn Phật, nhận biết trăm ngàn thần lực của Phật, làm chuyển động trăm ngàn thế giới Phật, có thể đi vào trăm ngàn thế giới Phật, có thể soi chiếu trăm ngàn thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi trăm ngàn thế giới Phật, có thể trú thọ trăm ngàn kiếp, có thể nhận biết sự việc trong ngàn kiếp nơi đời quá khứ-vị lai, có thể khéo hội nhập nơi trăm ngàn pháp môn, có thể biến hóa thân làm trăm ngàn thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện trăm ngàn Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Hoặc dùng nguyện lực thắng thượng tự tại, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện vô số diệu lực thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc thần thông, hoặc nơi mắt, hoặc cảnh giới, hoặc âm thanh, hoặc nẻo hành, hoặc sự trang nghiêm, hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thứ thần thông ấy, cho đến trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết".

Luận: Địa này thâu nhiếp quả báo nơi quả của nguyện trí lực, như trong địa thứ nhất đã giải thích.

**

LUẬN THẬP ĐỊA KINH

QUYỂN 6

Địa 4: ĐỊA DIỆM

Luận:

Địa thứ tư của bậc Bồ-tát là địa Diệm, tức là dựa vào Tam-muội thanh tịnh của Bồ-tát kia, hiển bày sự lãnh hội, hành trì đúng như thật nơi Trí thanh tịnh. Sự sai biệt của địa này có bốn phần:

1. Phần nêu nhân tăng trưởng của sự tu hành đối trị đạt thanh tịnh.
2. Phần nêu sự thanh tịnh.
3. Phần nêu sự tu hành đối trị tăng trưởng.
4. Phần nêu quả.

Nhân tăng trưởng của sự tu hành đối trị thanh tịnh; là mười pháp Minh nhập.

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát đạt được Địa thứ ba của bậc Bồ-tát, đầy đủ ánh sáng thanh tịnh rồi, muốn chứng đắc Địa thứ tư của bậc Bồ-tát thì phải dùng mười pháp Minh nhập để hội nhập Địa thứ tư. Những gì là mười? Đó là:

1. Lượng xét về cảnh giới của chúng sinh để minh nhập.
2. Lượng xét về thế giới để minh nhập.
3. Lượng xét về Pháp giới để minh nhập.
4. Lượng xét về Hư không giới để minh nhập.
5. Lượng xét về Thức giới để minh nhập.
6. Lượng xét về Dục giới để minh nhập.
7. Lượng xét về Sắc giới để minh nhập.
8. Lượng xét về Vô sắc giới để minh nhập.
9. Lượng xét về cảnh giới của tâm thù thắng quyết định tin tưởng để minh nhập.
10. Lượng xét về cảnh giới của tâm lớn lao quyết định tin tưởng để minh nhập.

Bồ-tát do mười pháp Minh nhập này mà được tiến vào Địa thứ

tư".

Luận:

Pháp Minh nhập: là chứng đắc ánh sáng của trí địa, dựa vào ánh

sáng của Trí ấy để hội nhập trong giáo pháp do Như Lai thuyết giảng. Trí ấy gọi là Pháp Minh nhập. Pháp do Phật nêu giảng, Bồ-tát dùng chánh quán để lượng xét, nhận biết đúng như thật, hai xứ đều thuận hành. Sự lượng xét ấy có mười loại sai khác:

1. Sai khác do lượng xét phân biệt về cảnh giới chúng sinh là giả danh. Như kinh nói: "Lượng xét về cảnh giới chúng sinh để minh nhập".

2. Phân biệt do y trú. Như kinh nói: "Lượng xét về thế giới để minh nhập".

3. Phân biệt do nhiễm. Như Kinh nói: "Lượng xét về pháp giới để minh nhập".

4. Phân biệt do vô tận. Như Kinh nói: "Lượng xét về hư không giới để minh nhập".

5. Phân biệt do nương dựa vào nhiễm tịnh. Như Kinh nói: "Lượng xét về thức giới để minh nhập".

6. Phân biệt do phiền não-sử cấu nhiễm. Như Kinh nói: "Lượng xét về Dục giới để minh nhập. Lượng xét về Sắc giới để minh nhập (7). Lượng xét về Vô sắc giới để minh nhập (8)".

9. Phân biệt do thanh tịnh. Như Kinh nói: "Lượng xét về cảnh giới của tâm thù thắng quyết định tin tưởng để minh nhập. Lượng xét về cảnh giới của tâm lốn lao quyết định tin tưởng để minh nhập (10)". Trong đoạn này:

- Phiền não, sử cấu nhiễm; tức là chỉ cho ba cõi.
- Thanh tịnh: Nơi hai câu sau (9, 10): Một là dựa vào phiền não nhưng không nhiễm, hai là dựa vào nghĩa đồng và chẳng đồng; không xả bỏ chúng sinh và hàng Thanh văn ...

Thế nào là Phần thanh tịnh? Tức là ở nơi nhà của Như Lai chuyển sang có uy lực.

Kinh: "Này các Phật tử! Bồ-tát ấy đạt được địa Diệm của bậc Bồ-tát, tức ở nơi nhà của Như Lai chuyển sang có uy lực, đạt pháp bên trong kia, dùng mười loại pháp trí để giáo hóa thành tựu đầy đủ. Những gì là mười? Đó là:

1. Tâm không thối chuyển.
2. Đối với Tam bảo quyết định hoàn toàn cung kính, trọn vẹn.

3. Phân biệt quán xét về hành sinh diệt.
4. Phân biệt quán xét về tự tánh của các pháp chẳng sinh.
5. Phân biệt quán xét về sự thành hoại của thế gian.
6. Phân biệt quán xét về chỗ hữu sinh của nghiệp.
7. Phân biệt quán xét về thế gian, Niết-bàn.
8. Phân biệt quán xét về sự sai biệt nơi nghiệp và thế giới chúng sinh.
9. Phân biệt quán xét về sự sai biệt nơi phạm vi trước, sau.
10. Phân biệt quán xét về chỗ tận cùng của vô sở hữu.

Các Phật tử! Bồ-tát như vậy, với mười loại pháp trí giáo hóa thành thục, tức là ở nơi nhà của Như Lai chuyển sang có uy lực, đạt được pháp bên trong kia".

Luận:

Thế nào là ở nơi nhà của Như Lai chuyển sang có uy lực? Tức là nương vào trí đa văn rốt ráo, trừ diệt mọi chướng ngại của trí, thâu nhiếp chỗ thù thắng. Ở đây, nhà của Như Lai thanh tịnh thù thắng như vậy, do đó gọi là đạt được pháp bên trong kia. Tự thân của Như Lai hiện có các pháp, do các pháp ấy hiển bày về Như Lai, tức là mười loại pháp trí giáo hóa thành thục. Pháp minh nhập ấy đồng thời đạt được, nên biết.

Bồ-tát lại có bốn loại trí để giáo hóa, gọi là pháp trí giáo hóa thành thục. Bốn loại trí là:

1. Trí tự trú xứ rốt ráo. Như kinh nói: "Tâm không thối chuyển".
2. Trí đồng kính Tam bảo rốt ráo. Như kinh nói: "Đối với Tam bảo quyết định hoàn toàn cung kính trọn vẹn".
3. Trí chân như. Như kinh nói: "Phân biệt quán xét về hành sinh diệt. Phân biệt quán xét về tự tánh của các pháp chẳng sinh".
4. Trí phân biệt điều đã thuyết giảng. Như kinh nói: "Phân biệt quán xét về sự thành hoại của thế gian. Phân biệt quán xét về sự hữu sinh của nghiệp. Phân biệt quán xét về thế gian, Niết-bàn…".

Tự trú xứ của Bồ-tát; là pháp Đại thừa.

Hai pháp đầu ở đây: Tâm không thối chuyển tâm đối với Tam bảo quyết định hoàn toàn cung kính trọn vẹn. Hai trí đầu tiên này là trí tự trú xứ rốt ráo và trí đồng kính Tam bảo rốt ráo, để giáo hóa thành thục.

Hai pháp tiếp theo là phân biệt quán xét về các hành sinh diệt. Phân biệt quán xét về tự tánh của các pháp chẳng sinh, là trí chân như. Nghĩa là quán về chúng sinh và pháp đều vô ngã. Thứ tự phân biệt như vậy nên biết.

Phần còn lại; là trí phân biệt điều đã thuyết giảng.

Bồ-tát lại dựa vào chỗ nhiễm-tịnh của phiền não. Theo chỗ nhiễm của phiền não, thì do phiền não nào mà nhiễm? Tịnh vốn có thì tùy theo mà tịnh.

Thế nào là theo chỗ nhiễm của phiền não? Tức là thuận với khí thế gian. Như kinh nói: "Phân biệt quán xét về sự thành hoại của thế gian".

Chúng sinh-thế gian sinh-cùng nhân thọ sinh. Như kinh nói: "Phân biệt quán xét về chỗ hữu sinh của nghiệp".

Thế nào là phiền não cấu nhiễm? Tức là thế gian.

Thế nào là tịnh vốn có? Tức là Niết-bàn. Như kinh nói: "Phân biệt quán xét về thế gian, Niết-bàn".

Thế nào là tùy theo mà tịnh? Là trong thế giới của chư Phật, giáo hóa chúng sinh thành thục về tự nghiệp. Như kinh nói: "Phân biệt quán xét về sự sai biệt nơi chúng sinh-thế giới-nghiệp". Phiền não nhiễm và tịnh, tức là phạm vi trước và phạm vi sau. Như kinh nói: "Phân biệt quán xét về sự sai biệt nơi phạm vi trước-sau". Phạm vi trước-sau kia không giảm không tăng. Như kinh nói: "Phân biệt quán xét về chỗ tận cùng của vô sở hữu".

Ở trong pháp nhiễm, không thấy một pháp có thể giảm. Ở trong pháp tịnh không thấy một pháp có thể tăng.

Thế nào là đối trị? Là tu hành tăng trưởng, có hai loại:

1. Tu hành ngăn chận phiền não cấu nhiễm.
2. Tu hành ngăn chận Tiểu thừa.

Thế nào là ngăn chận phiền não cấu nhiễm? Là tu hành các pháp phần Bồ-đề.

Kinh: "Bồ-tát ấy, an trú nơi địa Diệm của bậc Bồ-tát này rồi, quán về nội thân theo thân mà quán xét, tinh tiến, nhất tâm dứt trừ mọi tham-ưu của thế gian. Quán ngoại thân, theo thân mà quán xét, tinh tiến, nhất tâm diệt trừ mọi tham ưu-của thế gian. Quán nội-ngoại thân theo thân mà quán xét, siêng năng tinh tiến, nhất tâm, dứt trừ mọi tham ái, lo buồn của thế gian. Quán nội thọ-ngoại thọ-nội ngoại thọ như vậy. Quán nội tâm-ngoại tâm-nội ngoại tâm như vậy. Quán nội pháp theo pháp mà quán xét như vậy, siêng năng tinh tiến nhất tâm trừ bỏ tham-ưu của thế gian. Quán ngoại pháp, theo pháp mà quán xét, tinh tiến, nhất tâm dứt trừ mọi tham, ưu của thế gian. Quán nội ngoại pháp theo pháp mà quán xét, tinh tiến, nhất tâm dứt trừ mọi tham ái-lo buồn của thế gian.

Bồ-tát ấy, đối với các pháp ác, bất thiện chưa sinh thì làm cho chúng không sinh. Chúng sắp sinh thì siêng năng tinh tấn phát tâm chánh đoạn. Đối với các pháp ác, bất thiện đã sinh thì đoạn trừ. Chúng sắp sinh nữa thì siêng năng tinh tiến phát tâm chánh đoạn. Đối với các pháp

thiện chưa sinh thì khiến cho sinh. Chúng sắp sinh thì siêng năng tinh tiến phát tâm chánh hành. Đối với các pháp thiện đã sinh, thì khiến cho chúng an trú, không mất, tu tập đầy đủ, làm tăng trưởng rộng khắp. Chúng sắp sinh nữa thì siêng năng tinh tiến phát tâm chánh hành. Bồ-tát ấy, tu hành bốn như ý phần. Thành tựu dục định đoạn hành, tu như ý phần, dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự xa lìa, dựa vào sự diệt trừ, hồi hướng về Xả. Thành tựu tinh tiến định đoạn hành, tu như ý phần, dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự xa lìa, dựa vào sự diệt trừ, hồi hướng về Xả. Thành tựu tâm định đoạn hành, tu như ý phần, dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự xa lìa, dựa vào sự diệt trừ, hồi hướng về Xả. Thành tựu tư duy định đoạn hành, tu như ý phần, dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự xa lìa, dựa vào diệt trừ hồi hướng về Xả.

Bồ-tát ấy, tu hành tín căn, dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự xa lìa, dựa vào sự diệt trừ, hồi hướng về Xả. Tu hành tinh tiến căn, dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự xa lìa, dựa vào sự diệt trừ, hồi hướng về Xả. Tu hành niệm căn định căn-tuệ căn dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự xa lìa, dựa vào sự diệt trừ, hồi hướng về Xả.

Bồ-tát ấy, tu hành về năm lực (Tín-tinh tiến-niệm-định-tuệ) đều dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự xa lìa, dựa vào sự diệt trừ, hồi hướng về Xả.

Bồ-tát này, tu hành về bảy giác phần (Niệm-trạch pháp-tinh tiến-hỷ-khinh an-định-xả) đều dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự xa lìa, dựa vào sự diệt trừ, hồi hướng về Xả.

Bồ-tát ấy, tu hành về tám đạo (Chánh kiến-chánh tư duy-chánh ngữ-chánh nghiệp-chánh mạng-chánh tinh tiến-chánh niệm-chánh định) đều dựa vào sự nhàm chán, dựa vào sự xa lìa, dựa vào sự diệt trừ, hồi hướng về Xả".

Luận:

Thế nào là tu hành ngăn chận Tiểu thừa? Là không xả bỏ tất cả chúng sinh, mà tu hành pháp trợ Bồ-đề phần.

Kinh: "Bồ-tát này, do tâm không xả bỏ tất cả chúng sinh cho nên hành trì. Do bản nguyện phát khởi đã thuần thục trọn vẹn, cho nên dùng Đại Bi làm đầu, thành tựu tâm Đại Từ, quán xét trí Nhất thiết trí, để dấy khởi việc làm trang nghiêm cõi Phật, vì để đầy đủ các pháp vô úy-mười

lực-mười tám pháp bất cộng, các tướng tốt trang nghiêm của Phật, đầy đủ âm thanh vi diệu, để cầu hạnh thù thắng tối thượng, để tùy thuận mà lãnh hội pháp Phật hết mực sâu xa và giải thoát, để tư duy về phương tiện lớn, cho nên hành trì".

Luận:

Tâm không xả bỏ tất cả chúng sinh. Tâm không xả bỏ chúng sinh ấy có bốn loại:

1. Khởi đầu.
2. Lợi ích.
3. Mong cầu.
4. Hành trì.

- Khởi đầu, tức là bản nguyện. Như kinh nói: "Bản nguyện phát khởi đã thành thục trọn vẹn".
- Lợi ích, là thương xót. Như kinh nói: "Lấy Đại Bi làm đầu, thành tựu tâm Đại Từ".
- Mong cầu, là cầu đạt trí Phật. Như kinh nói: "Quán xét trí Nhất thiết trí".
- Hành trì, là tu hành. Tu hành có năm thứ.

1. Tu hành nơi cõi tịnh. Như kinh nói: "Để phát khởi việc làm trang nghiêm cõi Phật".

2. Tu hành dấy khởi pháp Phật. Như kinh nói: "Để đầy đủ các pháp vô úy-mười lực-mười tám pháp bất cộng, các tướng tốt trang nghiêm của Phật, đầy đủ âm thanh vi diệu". Âm thanh vi diệu; là tiếng loa pháp.

3. Tu hành theo phương tiện của địa kia không hề chán đủ. Như kinh nói: "Để cầu đạt hạnh thù thắng tối thượng".

4. Tu hành hội nhập nơi địa không thối chuyển. Như kinh nói: "Tùy thuận mà lãnh hội pháp Phật hết mực sâu xa và giải thoát".

5. Tu hành giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: "Để tư duy về phương tiện lớn cho nên hành trì".

Đó gọi là phần Tu hành đối trị tăng trưởng.

Thế nào là phần quả của sự tu hành đối trị tăng trưởng?

Kinh: "Bồ-tát ấy, đối với thân kiến hiện có, được xem là đứng đầu, đối với ngã-nhân-chúng sinh-thọ mạng-ấm-giới-nhập-ngã mạn, các sự việc như vậy dấy khởi hiện ra hay ẩn mất, tư duy, và quán xét nhiều, vì đối trị, vì ngã, vì giữ gìn, vì nơi tham trước. Các sự việc như vậy, Bồ-tát ấy thảy đều đoạn trừ".

Luận:

Quả của sự tu hành đối trị tăng trưởng; là trí của ngã, trí lớn, ngã

tu hành, là sự tu tập của ngã. Như vậy, cùng với các sự việc hiện ra-ẩn mất... thảy đều diệt trừ.

Hiện ra, là nghĩa của Tam-muội phát khởi. Ẩn giấu, là nghĩa của

Tam-muội dứt mất.

Chỗ thảy đều diệt trừ của Bồ-tát, lại có năm thứ:

1. Gốc.
2. Dấy khởi.
3. Hành.
4. Giữ gìn.
5. Lỗi lầm.

- Gốc; tức là dựa vào thân kiến làm gốc. Ngã mạn với chúng sinh, ngã mạn với pháp có sai biệt như vậy. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, đối với thân kiến hiện có, được xem là đứng đầu…".

- Dấy khởi, là khởi tư duy không chân chánh. Như kinh nói: "Tư duy".

- Hành, là khiến cho kẻ khác nhận biết. Như kinh nói: "Quán xét nhiều".

- Giữ gìn, là luôn luôn quán xét, dấy khởi ngã tưởng và thọ trì. Như kinh nói: "Vì đối trị, vì ngã, vì giữ gìn."

- Lỗi lầm, là các sự việc như chốn an ổn của tâm. Như kinh nói: Vì nơi tham trước".

Các việc hiện ra-ẩn mất... trong sự việc học-hành như vậy thảy đều xa lìa. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, đối với các sự việc như vậy thảy đều đoạn trừ". Đây là dựa vào phiền não cấu nhiễm mà sinh quả xa lìa.

Kinh: "Bồ-tát ấy, đối với nghiệp không thể tạo tác hiện có, đối với các thứ phiền não cấu nhiễm bị Như Lai quở trách, tất cả đều không hành trì. Đối với nghiệp có thể tạo tác hiện có, thuận theo hạnh Bồ-tát, được Như Lai tán thán, tất cả đều tu hành đúng đắn".

Luận:

Nghiệp không thể tạo tác hiện có; có hai loại sự việc vốn không nên làm:

1. Không tôn kính Như Lai, Phật không tán thán.
2. Sợ tiếng tăm xấu, sinh phiền não. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, đối với nghiệp không thể tạo tác…".

Nghiệp có thể tạo tác hiện có; có hai loại sự việc, do đó nên làm:

1. Thấy rõ không có danh lợi xấu ác, thuận theo hạnh Bồ-tát.
2. Tôn kính Như Lai, được Phật tán thán. Như kinh nói: "Đối với nghiệp có thể tạo tác hiện có…".

Đây là dựa vào nghiệp cấu nhiễm, sinh quả xa lìa.

"Bồ-tát ấy lại chuyển đổi, tùy từng chỗ, từng nơi, với trí phương tiện

phát khởi tu tập trợ đạo phần. Như vậy và như vậy, thành tựu tâm Nhuận ích", bốn mươi câu như vậy... hiển bày bốn loại quả:

1. Ở trong công đức thù thắng, sinh tâm mong muốn tăng thượng.
2. Trong sự tôn kính người thuyết pháp kia, khởi hành báo ân.
3. Trong hành phương tiện kia, phát khởi siêng năng tinh tiến.
4. Nơi sự mong muốn tăng thượng kia, cảnh giới của tâm gốc luôn đầy đủ.

Thế nào là ở trong công đức thù thắng, sinh tâm mong muốn tăng thượng?

Kinh: "Bồ-tát ấy lại chuyển đổi, tùy chỗ tùy nơi với trí phương tiện và phát khởi tu hành trợ đạo phần. Như vậy và như vậy, thành tựu tâm nhuận ích, tâm mềm dịu, tâm thuận hợp, tâm an ổn vui thích, tâm không nhiễm, tâm chuyển sang cầu đạt hạnh thù thắng tối thượng, tâm chuyển sang cầu đạt thắng trí, tâm cứu độ tất cả thế gian, tâm cung kính các bậc Thầy và tùy thuận thọ giáo, tâm thuận theo pháp được nghe mà tu hành".

Luận:

Nơi đoạn này:

Tùy chỗ tùy nơi với trí phương tiện mà phát khởi tu hành; là tu hành không xả bỏ tất cả chúng sinh, như trước đã nói.

Trợ đạo phần: là tất cả chi đạo của pháp Bồ-đề phần.

Như vậy và như vậy, thành tựu tâm nhuận ích; là yêu kính và mong muốn sâu xa. Tâm nhuận ích ấy có ba loại tướng:

1. Thù thắng do ưa thích hành trì. Như kinh nói: "Tâm mềm dịu".
2. Thù thắng do Tam-muội tự tại. Như kinh nói: "Tâm thuận hợp".
3. Thù thắng do đối trị lìa lỗi lầm. Như kinh nói: "Tâm an ổn vui vẻ".

Lỗi lầm kia lại có sáu loại:

1. Lỗi lầm về ăn uống. Hoặc lỗi lầm do có tâm ganh ghét trong sự thuyết pháp. Đối trị việc này, như kinh nói: "Tâm không cấu nhiễm".
2. Lỗi lầm do ít mong muốn về công đức. Không ưa thích hành trì nhiều bố thí, đầu đà. Đối trị việc này, như kinh nói: "Tâm chuyển sang cầu đạt hạnh thù thắng, tối thắng".
3. Lỗi lầm do ít mong muốn trí tuệ, không thích cầu đạt thắng trí. Đối trị việc này, như kinh nói: "Tâm chuyển sang cầu đạt thắng trí".
4. Lỗi lầm do biếng trễ, không siêng năng giáo hóa chúng sinh. Đối trị việc này như kinh nói: "Tâm cứu độ tất cả thế gian".

5. Lỗi lầm do tự kiến thủ, đối với giáo pháp tôn quý, tâm không tùy thuận. Đối trị việc này như kinh nói: "Tâm cung kính các bậc thầy và tùy thuận thọ giáo".

6. Lỗi lầm do xả bỏ hết, không theo lời giảng nói để hành trì. Đối trị việc này như kinh nói: "Tâm thuận theo pháp được nghe, mà tu hành".

"Như vậy, thành tựu tâm nhuận ích…": Mười câu này gọi là Quả ở trong công đức thù thắng, sinh tâm mong muốn tăng thượng.

Thế nào là trong sự tôn kính người thuyết pháp kia, khởi hành báo ân?

Kinh: "Bồ-tát ấy thành tựu tâm biết ân, tâm biết báo ân như vậy,

chuyển sang nhu hòa, cùng trú nơi an lạc. Thành tựu tâm chánh trực, tâm mềm dịu, không có hành theo rừng rậm phiền não, không có dua nịnh, không có ngã mạn, khéo thọ nhận sự chỉ dạy, đạt được ý của người thuyết giảng, thành tựu tâm thiện như vậy, thành tựu tâm tịch diệt như vậy, thành tựu tâm hoàn toàn tịch diệt như vậy".

Luận:

Trong sự tôn kính người thuyết pháp kia, phát khởi hành báo ân, tâm biết ân kia… Mười câu thứ hai (đợt 2) này đã chỉ rõ về điều ấy. Ở đây:

Thành tựu tâm biết ân; là hành báo ân của hành tùy thuận. Hành báo ân có chín loại:

1. Dựa vào sự tôn kính khởi tâm báo ân. Như kinh nói: "Tâm biết báo ân". Dựa vào đồng pháp, khởi tâm dẫn dắt, giúp đỡ. Như kinh nói: "Tâm chuyển sang nhu hòa, cùng trú nơi an lạc".

2. Dựa vào nẻo hành pháp mà tùy thuận thọ nhận sự giáo hóa phát khởi khả năng nhẫn chịu các việc. Như kinh nói: "Tâm chánh trực, tâm mềm dịu".

3. Dựa vào sự thọ dụng ăn uống, ở chỗ thí chủ, không che giấu lỗi lầm của mình, không khoe khoang đức độ của mình. Như kinh nói: "Không có hành theo rừng rậm phiền não, không có dua nịnh quanh co".

4. Dựa vào công đức thù thắng của mình, không khởi tâm cao ngạo. Như kinh nói: "Không có ngã mạn".

5. Dựa vào sự giáo hóa, thọ nhận đúng đắn lời giảng nói. Như kinh nói: "Khéo thọ nhận sự chỉ dạy".

6. Dựa vào sự chỉ dạy, thọ nhận không điên đảo. Như kinh nói: "Đạt được ý của người thuyết giảng".

Bồ-tát như vậy ở nơi bậc tôn kính kia mà tu tập hành báo ân.

7. Thành tựu tâm thiện như vậy; là tu hành đối trị tăng trưởng.

8. Thành tựu tâm tịch diệt như vậy; là diệu lực thứ nhất của sự tu hành đối trị tăng trưởng.

9. Thành tựu tâm hoàn toàn tịch diệt như vậy; là nói về quả nơi hai câu trước đã hiển bày.

Đó gọi là Quả thứ hai, của "Trong sự tôn kính người thuyết pháp kia, phát khởi hành báo ân.

Thế nào là trong hành phương tiện kia, phát khởi sự siêng năng tinh tiến?

Kinh: "Bồ-tát ấy, thành tựu tinh tiến không ngừng nghỉ như vậy, thành tựu tinh tiến không tạp nhiễm, tinh tiến không thối chuyển, tinh tiến rộng khắp, tinh tiến vô biên, tinh tiến sáng tỏ, tinh tiến không gì sánh bằng, tinh tiến không hoại, tinh tiến giáo hóa tất cả chúng sinh, tinh tiến khéo phân biệt đạo đúng đạo không đúng".

Luận:

Ở trong hành phương tiện kia, phát khởi sự siêng năng tinh tiến thành tựu tinh tiến không ngừng nghỉ… Mười câu thứ ba (đợt 3) này chỉ rõ về Tinh tiến không ngừng nghỉ. Tinh tiến này có chín loại:

1. Tinh tiến ấy được thể hiện một cách thuần nhất bình đẳng. Như Kinh nói: "Tinh tiến không tạp nhiễm". Tạp nhiễm là chỉ cho vừa lười biếng vừa cấu nhiễm, hoặc thái quá hoặc bất cập.

2. Đối với Thừa của mình không động. Như Kinh nói: "Tinh tiến không thối chuyển".

3. Nhớ nghĩ rộng khắp. Như Kinh nói: "Tinh tiến rộng khắp".

4. Vì vô lượng chúng sinh mà làm lợi ích, nguyện thâu nhiếp và dẫn dắt. Như Kinh nói: "Tinh tiến vô biên".

5. Luôn chí tâm hành trì thuận hợp. Như Kinh nói: "Tinh tiến sáng tỏ".

6. Tu tập vượt hơn các loại tinh tiến khác. Như Kinh nói: "Tinh tiến không gì sánh bằng".

7. Mọi hành của ma phiền não không thể phá hoại. Như Kinh nói: "Tinh tiến không hoại".

8. Thâu nhiếp và dẫn dắt. Như Kinh nói: "Tinh tiến giáo hóa hết thảy chúng sinh".

9. Có thể đoạn trừ nghi hoặc, hàng phục ngôn thuyết của kẻ khác, tu tập chân chánh. Như kinh nói: "Tinh tiến khéo phân biệt đạo chánh tà".

Đó gọi là Quả trong hành phương tiện kia phát khởi sự siêng năng tinh tiến".

Thế nào là cảnh giới của tâm gốc kia luôn đầy đủ?

Kinh: "Bồ-tát ấy, nơi cảnh giới của tâm sâu xa chuyển sang thanh tịnh. Cảnh giới của tâm sâu xa không mất. Lĩnh vực tin hiểu chuyển sang sáng tỏ thông suốt, căn thiện đã sinh càng tăng trưởng, xa lìa mọi thứ uế trược của thế gian, đoạn trừ các tâm nghi, không có lưới nghi, hiện tiền đầy đủ, thành tựu hỷ lạc, được Như Lai hiện tiền gia hộ, thanh tựu tâm sâu xa vô lượng hiện tiền".

Luận:

Mười câu thứ tư (đợt 4). Tức là đoạn kinh gồm bốn mươi câu, nói bốn loại quả chỉ rõ về cảnh giới của tâm kia chuyển sang thanh tịnh.

Cảnh giới của tâm; là tâm dựa vào Bồ-đề phần, như câu đầu đã chỉ rõ. Cảnh giới của tâm thanh tịnh có chín loại:

1. Tâm đạo kia tu hành tăng tiến. Như Kinh nói: "Cảnh giới của tâm sâu xa không mất".

2. Ở trong chỗ chứng đắc thắng thượng, chuyển sinh tâm quyết định. Như kinh nói: "Lĩnh vực tin hiểu chuyển sang sáng tỏ, thông suốt".

3. Nhân đối trị tăng trưởng. Như Kinh nói: "Căn thiện đã sinh càng tăng trưởng".

4. Diệt trừ các chướng ngại. Như Kinh nói: "Xa lìa mọi thứ uế trược của thế gian".

5. Đoạn trừ các sự nghi ngờ ẩn kín đối với địa này. Như Kinh nói: "Đoạn trừ các tâm nghi".

6. Do đoạn trừ nghi cho nên đối với các xứ khác luôn quyết định. Như kinh nói: "Hiện tiền đầy đủ, không có lưới nghi".

7. Dựa vào hành an lạc thù thắng. Như Kinh nói: "Thành tựu hỷ-lạc".

8. Dựa vào diệu lực để giáo hóa chúng sinh. Như Kinh nói: "Như Lai hiện tiền gia hộ".

9. Dựa vào tâm Tam-muội vô lượng hiện có, mọi chướng ngại của trí đều được thanh tịnh. Như Kinh nói: "Thành tựu tâm sâu xa vô lượng hiện tiền".

Đó gọi là Quả cảnh giới của tâm gốc luôn đầy đủ.

Kinh: "Bồ-tát ấy, trú nơi địa Diệm của bậc Bồ-tát rồi, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông-đại nguyện, cho nên

được thấy nhiều trăm Phật cho đến nhiều trăm ngàn na-do-tha Phật, được thấy nhiều ức Phật cho đến nhiều trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông-đại nguyện, cho nên Bồ-tát này, khi gặp Phật đều đem tâm hướng thượng, tâm sâu xa tôn trọng, cung kính, tán thán, cúng dường y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, tất cả mọi vật dụng cúng dường thảy đều phụng thí, dùng các thứ các loại tạo nên an lạc thượng diệu của bậc Bồ-tát cúng dường cho chúng Tăng, đem các căn thiện này, đều nguyện hồi hướng về đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ở nơi trú xứ của chư Phật, sinh tâm cung kính tột bậc, một lòng lắng nghe chánh pháp, nghe rồi họ trì, tùy sức tu tập, ở trong pháp của chư Phật xuất gia học đạo. Bồ-tát ấy, với tâm sâu xa quyết định tin hiểu, càng trở nên sáng tỏ, thanh tịnh.

Bồ-tát ấy, trú nơi địa Diệm của bậc Bồ-tát, ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, tâm sâu xa luôn quyết định tin hiểu, thanh tịnh bình đẳng. Các căn thiện kia luôn chuyển sang sáng sạch, thù thắng. Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu được các thợ kim hoàn khéo léo luyện, sửa, tạo ra những vật dụng trang sức đẹp đẽ thành tựu không mất. Những vật dụng không phải là trang sức khác, đối với vàng ròng vốn không thể sánh kịp.

Này các Phật tử! Bồ-tát kia cũng như vậy, trú nơi địa Diệm của bậc Bồ-tát này, những căn thiện kia thành tựu không thối chuyển, căn thiện của địa dưới không thể sánh kịp.

Này các Phật tử! Ví như ngọc báu ma ni phát sinh ánh sáng, vầng ánh sáng thanh tịnh có thể phóng ra ánh sáng, thành tựu không mất. Ánh sáng của những vật báu khác không thể xâm đoạt. Hết thảy mọi trường hợp gió giật, mưa dồn, nước tưới, ánh sáng kia cũng không tắt. Này các Phật tử! Như vậy, Bồ-tát an trú nơi địa Diệm của bậc Bồ-tát này, những Bồ-tát ở địa dưới không thể theo kịp. Tất cả các thứ ma cùng các loại phiền não đều không thể phá hoại. Bồ-tát ấy, trong bốn Nhiếp pháp, thì đồng sự là hơn hẳn, trong mười Ba-la-mật thì Tinh tiến Ba-la-mật là tăng thượng, các Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng tùy theo sức, theo phần.

Này các Phật tử! Đó gọi là lược nêu về địa Diệm, là Địa thứ tư của bậc Bồ-tát. Chư Bồ-tát trú trong địa này, nhiều lần làm Thiên vương cõi trời Tu-dạ-ma, mọi sự tạo tác đều tự tại, diệt trừ các thứ kiến chấp về thân của chúng sinh. Dùng phương tiện thiện xảo, khiến cho các chúng sinh an trú trong chánh kiến, những nghiệp thiện đã làm như bố thí-ái ngữ-lợi hành-đồng sự, các phước đức ấy đều không lìa niệm Phật niệm

Pháp niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm hạnh của Bồ-tát, niệm Ba-la-mật, niệm mười địa, niệm diệu lực không hoại, niệm vô úy, niệm pháp bất cộng của Phật. Cho đến không lìa niệm đầy đủ về trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, luôn sinh tâm này: Mình nên đối với hết thảy chúng sinh, là người đứng đầu, là hơn hẳn, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí.

Bồ-tát lại từ niệm ấy phát khởi hành tinh tiến, do diệu lực của tinh tiến, cho nên trong khoảng một niệm, đạt được ức Tam-muội, có thể thấy ức Phật, có thể nhận biết ức thần lực của Phật, có thể làm chuyển động ức thế giới của Phật, có thể đi vào ức thế giới của Phật, có thể soi chiếu ức thế giới của Phật, có thể hóa độ chúng sinh nơi ức thế giới của Phật, có thể trú trong ức kiếp, có thể biết rõ về sự việc nơi ức kiếp của đời quá khứ-vị lai, có thể khéo hội nhập nơi ức pháp môn, có thể biến hóa thân làm ức thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện ức Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại thắng thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Bồ-tát thị hiện đủ các loại thần thông, hoặc nơi thân, hoặc ánh sáng, hoặc thần thông, hoặc nơi mắt, hoặc cảnh giới, hoặc âm thanh, hoặc hành hóa, hoặc làm trang nghiêm, hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo nghiệp. Các thần thông ấy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết".

Luận:

Bồ-tát ấy với tâm sâu xa quyết định tin hiểu thanh tịnh, bình đẳng, các căn thiện kia càng trở nên sáng sạch thù thắng, như các Bồ-tát nơi địa thanh tịnh khác.

Dụ về vàng ròng tạo ra các vật dụng trang sức; là dụ cho A-hàm (Pháp không gì sánh) nơi Trí hiện tác chứng trang nghiêm, chỉ rõ về Trí chứng đắc. Như kinh nói: "Ví như vàng ròng từ ban đầu…".

Dụ về ngọc báu ma ni phát sinh ánh sáng; là ánh sáng pháp nơi trí chứng đắc của Bồ-tát, như ánh sáng nơi ngọc báu ma ni, phóng ra ánh sáng của pháp không gì sánh, nhập vào vô lượng pháp môn, chỉ rõ nghĩa Ánh sáng nơi cảnh giới của Trí soi chiếu khắp. Do ý nghĩa ấy cho nên địa này được gọi là Diệm (Ánh lửa). Như kinh nói: "Này các Phật tử! Ví như ngọc báu ma ni phát sinh ánh sáng…".

Phát sinh ánh sáng: là có đầy đủ ánh sáng.

Vầng ánh sáng thanh tịnh; là ánh sáng viên mãn, không cấu nhiễm.

Mọi tạo tác đều tự tại: tức là phá trừ thân kiến của các chúng sinh. Trong đó tạo tác là chỗ tạo tác, tự tại là năng lực. Phần còn lại như trước đã nói, nên biết.

**

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 7

Địa 5: ĐỊA NAN THẮNG

Luận:

Trong địa này, phân biệt có ba phần:

1. Thắng do đối trị mạn.
2. Thắng do hành đạo không trú.
3. Thắng của quả ấy.

Thế nào là thắng do đối trị mạn?

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát đạt được Địa thứ tư của bậc Bồ-tát, khéo thực hiện đủ các hành rồi, muốn bước vào Địa thứ năm cho nên dùng mười loại tâm thanh tịnh, sâu xa, bình đẳng để hội nhập nơi địa ấy. Những gì là mười? Đó là:

1. Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với pháp Phật quá khứ.
2. Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với pháp Phật vị lai.
3. Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với pháp Phật hiện tại.
4. Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với giới tịnh.
5. Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với tâm tịnh.
6. Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với việc dứt trừ kiến-nghi-hối, đạt thanh tịnh.
7. Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với trí đạo phi đạo thanh tịnh.
8. Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với trí hành đoạn thanh tịnh.
9. Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với việc lượng xét về tất cả pháp phần Bồ-đề thanh tịnh tối thượng.
10. Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với việc hóa độ tất cả chúng sinh đạt thanh tịnh.

Này các Phật tử! Bồ-tát dùng mười loại tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng ấy cho nên có thể đi vào Địa thứ năm của bậc Bồ-tát".

Luận:

Đối trị mạn thắng; tức là mười loại tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng, cùng niệm về tâm không thối chuyển. Trước đã nói về việc đối trị mạn

với lãnh hội pháp. Nay trong địa này nói về đối trị mạn nơi phân biệt thanh tịnh. Trong đó:

- Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng; là ở trong sự bình đẳng, tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sâu xa ấy phân biệt có mười loại.

- Mười loại tâm thanh tịnh sâu xa; là pháp của chư Phật cùng sự tùy thuận nơi pháp của chư Phật. Sự phân biệt ấy, nên biết.

Thế nào là pháp của chư Phật? Tức là diệu lực... của ba đời, như kinh nói: "Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với pháp Phật quá khứ-vị lai-hiện tại". Như vậy, diệu lực của pháp Phật nơi ba đời đã nêu bày. Tiếp theo là nói về sự tuỳ thuận với pháp của chư Phật.

Pháp của chư Phật kia do đâu mà được thành? Tức là dựa vào giới-định-trí cùng việc hóa độ chúng sinh, trong ấy: Dựa vào giới thanh tịnh. Như kinh nói: "Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với giới thanh tịnh".

Dựa vào định thanh tịnh. Như kinh nói: "Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với tâm định".

Dựa vào trí thanh tịnh. Như kinh nói: "Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với việc dứt trừ kiến-nghi-hối-đạt thanh tịnh…".

Ở đây: Trí hành đoạn; là lượng xét về tất cả pháp phần Bồ-đề chuyển sang thù thắng tối thượng, dựa vào sự giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: "Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng với việc hóa độ tất cả chúng sinh đạt thanh tịnh".

Kinh: "Này các Phật tử! Bồ-tát ấy an trú nơi Địa thứ năm của bậc Bồ-tát rồi, khéo tu hành pháp phần Bồ-đề, khéo thành tựu tâm thanh tịnh sâu xa, chuyên cầu đạt hành thượng thắng, tùy thuận hành như đạo, đạt nguyện lực lớn, do tâm từ bi, không xả bỏ tất cả chúng sinh, tu tập hành công đức trí tuệ, các hành không ngừng nghỉ, dấy khởi phương tiện thiện xảo, soi chiếu, thấy rõ địa tối thượng, chính thức thọ nhận sự gia hộ của Như Lai, đạt được trí lực niệm ý khứ, thành tựu tâm không thối chuyển".

Luận:

Trong đoạn này:

- "Khéo tu hành pháp phần Bồ-đề", cho đến "Tùy thuận hành như đạo"; đều là chính thức tu tập các hành.

- Khéo tu hành pháp phần Bồ-đề; trong Địa thứ tư của bậc Bồ-tát tu tập pháp phần Bồ-đề, khéo đạt tâm sâu xa thanh tịnh. Còn tâm thanh tịnh sâu xa kia thì cùng cầu đạt hạnh thù thắng. Như vậy mà hành đạo không trú, hơn hẳn để phá trừ các mạn.

- Tùy thuận hành như đạo; là tâm thanh tịnh sâu xa, tâm không

thối chuyển, trong sự bình đẳng kia hiện bày thành tựu, tùy theo sự bình đẳng ấy, trú nơi pháp thanh tịnh. Như vậy, tâm sâu xa của Bồ-tát an trú gọi là tùy thuận hành như đạo.

Tùy thuận hành như đạo, có tám loại:

1. Tu tập tâm Bồ-đề. Như kinh nói: "Đạt được nguyện lực lớn".
2. Không mệt mỏi. Như kinh nói: "Do tâm Từ Bi cho nên không xả bỏ tất cả chúng sinh".
3. Đạt được diệu lực của căn thiện. Như kinh nói: "Tu tập hạnh công đức, trí tuệ".
4. Không bỏ các hành. Như kinh nói: "Các hành không ngừng nghỉ".
5. Tu hành chân chánh. Như kinh nói: "Phát khởi phương tiện thiện xảo".
6. Không chán đủ. Như kinh nói: "Soi chiếu thấy rõ địa tối thượng".
7. Đạt được lực thù thắng của kẻ khác. Như kinh nói: "Chính thức thọ nhận sự gia hộ của Như Lai".
8. Tự thân đạt được diệu lực thù thắng, niệm thù thắng của ba tuệ. Như kinh nói: "Đạt được trí lực niệm ý khứ, thành tựu tâm không thối chuyển". Khứ là quán tu tuệ, có nghĩa là không bị chướng ngại.

Thế nào là sự thù thắng của hành đạo không trú?

Thù thắng của hành đạo không trú có hai loại quán:

1. Thù thắng của trí thanh tịnh trong pháp đã được nhận biết.
2. Thù thắng của phương tiện siêng năng làm lợi ích cho chúng sinh.

Do hai pháp ấy, cho nên không trú nơi thế gian, không trú nơi

Niết-bàn. Thế nào là sự thù thắng của trí thanh tịnh trong pháp đã được nhận biết?

Kinh: "Bồ-tát ấy nhận biết đúng như thật về: Khổ Thánh đế, Khổ Tập đế, Khổ Diệt đế. Nhận biết đúng như thật về Đạo Thánh đế diệt trừ hết mọi khổ. Bồ-tát ấy, khéo nhận biết về thế gian đế, khéo nhận biết về Đệ nhất nghĩa đế, khéo nhận biết về:

1. Đế tướng.
2. Đế sai biệt.
3. Đế thuyết thành.
4. Đế sự.
5. Đế sinh.
6. Đế tận vô sinh trí.

7. Đế khiến nhập đạo trí.
8. Đế thứ tự thành tựu tất cả địa của bậc Bồ-tát.
9. Đế tập Như Lai trí.

Bồ-tát này thuận theo tâm ý của chúng sinh khiến họ hoan hỷ. Khéo nhận biết về thế gian đế, cho nên thông đạt về một tướng của tất cả pháp. Khéo nhận biết về đế đệ nhất nghĩa, cho nên biết rõ tự tướng, đồng tướng của pháp. Khéo nhận biết về đế tướng, cho nên biết rõ chỗ sai biệt của các pháp. Khéo nhận biết về đế sai biệt, cho nên biết phân biệt về ấm-giới-nhập. Khéo nhận biết về đế thuyết thành, cho nên biết rõ về thân tâm khổ não. Khéo nhận biết về đế sự, cho nên biết rõ về các nẻo sinh tương tục. Khéo nhận biết về đế sinh cho nên diệt trừ hoàn toàn mọi thứ nhiệt não. Khéo nhận biết về đế tận vô sinh trí cho nên phát khởi hành bất nhị. Khéo nhận biết về đế khiến nhập đạo trí, cho nên biết đúng đắn về tướng của tất cả các pháp. Khéo nhận biết về đế thứ tự thành tựu hết thảy địa của bậc Bồ-tát, và khéo nhận biết về đế tập Như Lai trí, do diệu lực tin hiểu, cho nên biết rõ chỗ nhận thức của trí phi đắc nhất thiết cứu cánh".

Luận:

Sự thù thắng của trí thanh tịnh trong pháp đã được nhận biết, có hai loại:

1. Phân biệt pháp thật, nhận biết đúng như thật về bốn đế. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về Khổ Thánh đế".

2. Chỗ sai biệt của phương tiện hóa độ chúng sinh, dựa vào trí phương tiện sai biệt của mười đế. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy khéo nhận biết về thế gian đế, cho đến: "Cùng khéo nhận biết về đế tập Như Lai trí". Trong ấy:

- Phân biệt pháp thật: tức là dù có Phật hay không có Phật, thì hai đế khổ-tập với quả nhân sai biệt, Thể của chúng là vọng tưởng cấu nhiễm. Hai đế diệt-đạo với quả nhân sai biệt, Thể của chúng là pháp thanh tịnh.

- Chỗ sai biệt của phương tiện hóa độ chúng sinh; là sự sai biệt của chúng sinh được hóa độ. Phương tiện sai biệt cho nên nhận biết! Chúng sinh nơi đối tượng được hóa độ có bảy loại. Hàng Tiểu thừa có thể hóa độ có sáu loại:

1. Vì chúng sinh căn cơ chưa thuần thục, cho nên biết rõ phương tiện của thế gian đế.

2. Vì chúng sinh căn cơ thuần thục, cho nên biết rõ phương tiện của đế đệ nhất nghĩa.

3. Vì các chúng sinh nghi hoặc đối với pháp thâm diệu, cho nên biết rõ phương tiện của đế tướng.

4. Vì các chúng sinh hiểu sai lạc, mê lầm đối với pháp thâm diệu cho nên biết rõ phương tiện của đế sai biệt.

5. Vì các chúng sinh lìa chánh niệm, cho nên biết rõ phương tiện của đế thuyết thành.

6. Vì các chúng sinh có chánh kiến cho nên nhận biết phương tiện của đế sự, nhận biết phương tiện của đế sinh, đế tận vô sinh trí, đế khiến nhập đạo trí.

Bốn đế như đế sự... là thuộc về khổ đế...

7. Là hàng Đại thừa có thể hóa độ chúng sinh, cho nên khéo nhận biết phương tiện của đế thứ tự thành tựu tất cả địa của bậc Bồ-tát, và khéo nhận biết về phương tiện của đế tập Như Lai trí. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, tùy thuận tâm ý của chúng sinh, khiến họ hoan hỷ, khéo nhận biết về thế gian đế…". Trong đoạn này:

- Thứ tự của địa Bồ-tát là khoảng giữa của từng địa, như từ địa của mình thứ tự mà hội nhập, thuận theo biết tất cả sinh xứ, thân tâm thọ nhận khổ não.

Khổ: tức là mọi sự thọ nhận hiện có đều là sự khổ.

- Phát khởi hành bất nhị; tức là một hành.
- Nhận biết đúng đắn về tất cả các tướng: là xứ luận của năm minh đều khéo léo nhận biết, là lực dụng của tin, hiểu.
- Nhận biết: là trí lực của quán xét hình tượng trong gương, trí lực của sự quán xét không thành tựu.

Như vậy là đã nói xong phần thù thắng của trí thanh tịnh trong pháp đã được nhận biết.

Thế nào là thù thắng của phương tiện siêng năng làm lợi ích cho chúng sinh? Do nhận biết tướng hư vọng của tất cả pháp hữu vi, cho nên dấy khởi niệm thương xót chúng sinh.

Kinh: "Bồ-tát ấy đã khéo phát khởi trí của các đế như vậy rồi, nhận biết đúng như thật về tất cả hành hữu vi đều là hư vọng, dối gạt, làm mê hoặc hàng phàm phu. Bồ-tát bấy giờ, lại ở giữa chúng sinh, tâm Đại Bi chuyển sang trội bật, luôn hiện tiền cùng phát khởi tâm Đại Từ sáng tỏ".

Luận:

- "Bồ-tát ấy đã khéo phát khởi trí của các Đế như vậy rồi", cho đến "Cùng phát khởi tâm Đại Từ sáng tỏ": Trong đó, vọng tưởng về

thường... là vì chẳng giống với không hoàn toàn (vô) cho nên là

hư. Luôn tạo ra các sự việc kiêu mạn, tưởng chấp về ngã, cho nên là vọng. Pháp thế gian hoàn toàn hư hoại cho nên là dối. Pháp thế gian lôi kéo, trói buộc hàng phàm phu ngu si cho nên là trá…

- Phàm phu: là dựa vào chấp giữ về thân mà dấy khởi ngã mạn.
- Đại Bi, Đại Từ: là thương xót chúng sinh.

Lợi ích thù thắng là chỉ rõ chỗ hơn so với địa trước về Bi, cho nên nói Đại Bi thù thắng hành đạo không trú. Thành tựu trí phương tiện để cứu độ chúng sinh, cho nên gọi là tâm Đại Từ sáng tỏ.

Kinh: "Bồ-tát ấy đạt được diệu lực của trí tuệ như vậy, không xả bỏ tất cả chúng sinh, luôn cầu đạt trí tuệ Phật. Quán xét đúng như thật về hết thảy hành hữu vi, đối với thời gian trước-thời gian sau nhận biết các chúng sinh từ thời gian trước bởi vì vô minh-hữu ái mà sinh, lưu chuyển trong thế gian, quay về ngôi nhà năm ấm, không thể hành động tự tại mà khổ ấm càng tăng trưởng. Trong đó, không có ngã, không có thọ mạng, không có chúng sinh, lìa ngã, ngã sở, Bồ-tát đều nhận biết đúng như thật. Thời gian sau cũng như vậy. Ở đây, không thật có mà do tham chấp hư vọng về phần đoạn, tất cả đều sinh ra có không, Bồ-tát đều nhận biết đúng như thật".

Luận:

- Bồ-tát ấy đạt được diệu lực của trí tuệ như vậy: tức là như trước đã nêu.
- Không xả bỏ tất cả chúng sinh: tức là tâm Đại Bi, Đại Từ sáng tỏ cũng như trước đã nói.
- Cầu đạt trí tuệ Phật: là nghĩa về cứu độ tất cả chúng sinh.
- Quán xét đúng như thật về hết thảy hành hữu vi đối với thời gian trước-sau: tức là tùy theo quán Đại Bi kia chỉ rõ hai loại tướng:

1. Quán như thật về nhân duyên của khổ là tập. Như kinh nói: "Nhận biết các chúng sinh, từ thời gian trước bởi vì vô minh-hữu ái mà sinh…". Ở đây, từ thời gian trước bởi vì vô minh-hữu ái mà sinh"; tức là hiển bày về phàm phu sinh chứ không phải là Bồ-tát sinh. Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo để sinh. Vì sao không nói các phần nhân duyên khác? Vì vô minh, hữu ái là gốc rễ của phần Hữu.

Phàm phu sinh, tức là nói có ba loại chúng sinh: Chúng sinh cầu dục, chúng sinh cầu phạm hạnh không thật, chúng sinh cầu hữu. Cho đến dựa vào cõi trời Hữu Đảnh thì nỗi khổ của năm ấm cũng là vô ngã, trong ấy, tự thân vô ngã và vô ngã của chúng sinh thuộc đệ nhất nghĩa, cho nên là không có. Nhưng vô ngã của chúng sinh là dựa vào sức của

mạng căn mà trú, luôn luôn thọ sinh, thân tâm của chúng sinh

tương tục, không phải thường, không phải đoạn, mà cho là có thọ mạng và có chúng sinh. Phá trừ ý chấp giữ kiêu mạn kia, cho nên nói là không có thọ mạng-không có chúng sinh. Xa lìa ý ngã mạn của chủ thể chấp giữ, đối tượng chấp giữ, cho nên gọi là lìa ngã và ngã sở. Đối với thời gian trước, do nhân duyên gì mà tùy theo chúng sinh hiện có, tuỳ theo hành khổ hiện có? Bồ-tát quán xét đúng đắn rồi, đối với thời gian sau cũng như vậy. Tùy theo nhân của khổ kia là vô minh-ái dứt hẳn, đó gọi là diệt, hơn hẳn diệt của thế gian. "Ra khỏi" là đạo. "Không" cũng nhận biết đúng như thật. "Có" cũng nhận biết đúng như thật. Đó gọi là một thứ Đại Bi quán đúng đắn về nhân duyên tập, nhớ nghĩ đúng như thật về khổ.

2. Tiếp theo là nói đến Đại Bi thứ hai: Quán đúng đắn về các khổ sâu nặng mãi đeo đuổi nơi vô lượng đời cùng các loại khổ.

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát suy nghĩ: Các kẻ phàm phu ấy thật hết sức kỳ dị. Ngu si, không có trí cho nên thọ nhận vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thân, đã diệt, đang diệt và sẽ diệt. Luôn diệt như vậy, nhưng không thể đối với thân sinh tưởng chán lìa, lại càng làm tăng trưởng những yếu tố chính nơi thân khổ, luôn bị cuốn trôi theo dòng chảy của thế gian mà không thể lội ngược lại, chỉ quay về ngôi nhà năm ấm chứ không sao lìa bỏ được, chẳng sợ rắn độc bốn đại, không sao nhổ bỏ mũi tên kiến chấp-ngã mạn, không thể diệt trừ lửa tham sân si, không thể phá bỏ được vùng vô minh tối tăm, không thể làm khô cạn dòng sông lớn của ái chấp, không cầu đạt mười lực của bậc Đại Thánh-bậc Đạo sư, thường đi vào rừng rậm của ý ma, ở trong biển sinh tử luôn bị các thứ giác quán xấu ác xoay chuyển".

Luận:

Đại Bi, quán xét đúng đắn về các khổ sâu nặng: là trong vô lượng đời luôn bị cuốn theo đủ thứ khổ.

Có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thân diệt: là bị cuốn theo trong vô lượng đời.

Thế nào là quán xét về vô số thứ khổ? Như quán về sinh khổ, nhân của khổ ấy, lìa nhân khổ kia là diệt, đạo. Cũng vậy, quán về già-bệnh-chết khổ, nhân của khổ kia, lìa nhân khổ là diệt, đạo. Nơi đoạn này:

- Thân ấy dựa vào nhân duyên, có đủ yếu tố chính về thân khổ; là chỉ rõ về sinh khổ.
- Thường bị cuốn trôi theo dòng chảy của thế gian mà không thể lội ngược lại; là chỉ rõ về ái của tập (nguyên nhân).
- Quay về nơi ngôi nhà năm ấm chứ không sao lìa bỏ được: là chỉ rõ về diệt, đạo, lìa nhân khổ.

- Không sợ rắn độc bốn đại: là bệnh khổ nơi nhân kia phát sinh tăng-giảm.

- Chúng sinh cầu phạm hạnh hư vọng, chúng sinh cầu dục, thọ nhận dục, hành hạnh ác, chúng sinh cầu hữu: Tức là chỉ rõ không thể nhổ bỏ mũi tên kiến chấp-ngã mạn. Không thể diệt trừ lửa tham sân si, không thể phá bỏ vùng vô minh tối tăm, không thể làm khô cạn dòng sông lớn của ái chấp. Thứ tự như vậy, chỉ rõ về nguyên nhân của khổ kia cầu hướng tới nơi chốn vô úy.

- Không cầu đạt mười lực của bậc Đại Thánh-bậc Đạo sư: là chỉ rõ việc xa lìa sự diệt khổ kia.

- Luôn đi vào rừng rậm của ý ma: là chỉ rõ việc thuận theo đạo ác, xa lìa đạo diệt khổ kia.

- Ở trong biển sinh tử luôn bị các thứ giác quán xấu ác xoay chuyển, tức là tướng của tất cả tâm, tâm số pháp nơi ba cõi đều là phân biệt hư vọng, cho nên biết.

Kinh: "Bồ-tát thấy rõ các chúng sinh kia thọ nhận khổ não như vậy, cô độc không ai cứu độ, không nơi nương dựa, không có nhà cửa, không có bến bãi, không có nẻo cứu cánh, mù lòa không mắt, bị màng tối vô minh che chắn trói buộc, ngu si trùm phủ. Vì các chúng sinh ấy, Bồ-tát phát tâm như vậy: Chỉ mỗi mình ta đơn độc không bè bạn sánh cùng, tu tập công đức trí tuệ trợ đạo, dùng công đức trí tuệ trợ đạo ấy làm hành trang, khiến cho hết thảy chúng sinh được an trú nơi chốn thanh tịnh trọn vẹn, cho đến khiến họ đạt được mười lực và trí hoàn toàn không chướng ngại của Phật".

Luận:

- Các chúng sinh thọ nhận khổ não như vậy. Như trước đã nói.

- Cô độc: tức là ở trong khổ não không ai cứu vớt. Lại nữa, cô độc là đối với việc đã thọ nhận khổ, chưa thọ nhận khổ mà nói.

- Không người cứu độ, không nơi nương dựa: là xa lìa thiện tri thức.

- Không có nhà cửa: tức là lìa việc được nghe chánh pháp.

- Không có bến bãi: là lìa bỏ tư duy tịch tĩnh.

- Không nẻo cứu cánh: là lìa bỏ chánh kiến.

- Mù lòa không mắt: tức là chỉ cho chướng ngại nơi các phiền não vốn có cùng với phiền não của khách trần, luôn khởi tà niệm, không nghe chánh pháp.

- Bị màng tối vô minh che chắn, trói buộc, ngu si trùm phủ, chỉ

mỗi mình ta, đơn độc không bạn bè cùng sánh. Hiển bày sự việc dũng mãnh, thù thắng.

- Tu tập công đức, trí tuệ trợ đạo: là làm sáng tỏ việc tu hành tăng trưởng, dựa vào đó để giáo hóa chúng sinh, làm nhân của hàng trời, người, cho đến nhân của Niết-bàn.
- Thanh tịnh trọn vẹn: là sự thanh tịnh hơn hẳn thế gian.
- Đạt được mười lực của Phật: là hàng phục các thứ ma oán.
- Trí hoàn toàn không chướng ngại; là trí thanh tịnh của Phật hơn hẳn hàng Nhị thừa.

Kinh: "Bồ-tát khéo quán xét như vậy, khởi diệu lực của trí tuệ mà tu các thiện pháp, phát nguyện vì cứu độ tất cả chúng sinh, vì làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh, vì đem lại an lạc cho mọi chúng sinh, thương xót nhớ nghĩ đến muôn loài, vì khiến cho họ không còn khổ não, khiến họ đạt được giải thoát, vì thâu nhiếp dẫn dắt hết thảy chúng sinh, vì khiến cho tâm của tất cả chúng sinh được thanh tịnh, vì điều phục hết thảy các loài, cho nên Bồ-tát phát nguyện hóa độ khiến họ hội nhập nơi Đại Niết-bàn".

Luận:

Trong đoạn này:

Khéo quán xét-khởi diệu lực của trí tuệ; là dùng trí quan sát đúng đắn để điều phục dẫn dắt chúng sinh.

Đều vì cứu độ tất cả chúng sinh; tức là nhổ sạch mọi thứ khổ não.

Cứu độ có chín loại:

1. Đối với chúng sinh trú trong bất thiện; khiến cho họ trú vào pháp thiện. Như kinh nói: "Vì tất cả chúng sinh mà làm lợi ích".
2. Chúng sinh trú nơi pháp thiện; khiến cho họ đạt được quả an lạc. Như kinh nói: "Vì khiến cho hết thảy chúng sinh đạt được an lạc".
3. Chúng sinh sống cảnh bần cùng thiếu thốn, thì ban cho họ tất cả vật dụng sinh sống. Như kinh nói: "Thương xót nhớ nghĩ đến hết thảy các loài".
4. Chúng sinh bị bệnh khổ cùng các ngoại duyên não hại; đều khiến cho họ dứt trừ. Như kinh nói: "Vì khiến cho hết thảy chúng sinh không còn khổ não".
5. Chúng sinh bị trói buộc nơi thế gian; khiến họ đều được lìa khỏi. Như kinh nói: "Vì khiến cho mọi chúng sinh đều được giải thoát". Ở đây có bốn loại tướng.
6. Khiến các ngoại đạo tin hiểu chánh pháp. Như kinh nói: "Vì

thâu nhiếp, dẫn dắt hết thảy chúng sinh".

7. Chúng sinh nghi hoặc thì khiến họ khéo quyết định dứt trừ nghi. Như kinh nói: "Vì khiến cho tâm tất cả chúng sinh được thanh tịnh".

8. Chúng sinh đã trú nơi quyết định; thì khuyến khích họ tụ tập ba Học. Như kinh nói: "Vì điều phục hết thảy các chúng sinh".

9. Chúng sinh đã trú nơi ba Học; thì khiến cho họ đạt được Niết-bàn. Như kinh nói: "Phát nguyện vì tất cả chúng sinh khiến họ hội nhập nơi Đại Niết-bàn".

Trong chín loại cứu khổ này thì hai câu đầu là cứu độ đời vị lai, các câu còn lại là cứu độ hiện tại và cũng cứu độ vị lai. Đó gọi là thù thắng do tu hành đạo không trú. (Phần hai)

Tiếp theo là nói về Quả của sự tu hành ấy (Phần ba). Có bốn loại tướng:

1. Thù thắng do thâu nhiếp công đức.
2. Thù thắng do tu tập, hành trì.
3. Thù thắng do giáo hóa chúng sinh.
4. Thù thắng do khởi trí tùy thuận thế gian.

Thế nào là thù thắng do thâu nhiếp công đức? Là thù thắng do thâu nhiếp Văn-Giới-Trí.

Kinh: "Bồ-tát ấy an trú nơi địa Nan thắng, là Địa thứ năm của bậc Bồ-tát rồi, được gọi là Niệm, vì không quên các pháp. Gọi là Ý vì trí tuệ khéo quyết định. Gọi là Khứ vì nhận biết thứ tự, ý nghĩa của kinh sách. Gọi là có Hổ thẹn vì tự giữ gìn và giữ gìn cho chúng sinh. Gọi là Tâm kiên cố vì không rời bỏ thực hành trì giới. Gọi là Giác vì khéo tư duy về xứ đúng và xứ không đúng. Gọi là Theo trí vì không tùy thuộc kẻ khác. Gọi là Theo tuệ vì khéo phân biệt về nghĩa đúng không đúng nơi chương câu của các pháp. Gọi là Đạt thần thông vì khéo tu tập thiền định. Gọi là Phương tiện thiện xảo vì tùy thuận hành pháp thế gian".

Luận:

Thù thắng do thâu nhiếp Văn: là thù thắng do thâu nhiếp ba tuệ: Văn-Tư-Tu. Thế nào là thù thắng của tuệ? Như kinh nói: "Gọi là Niệm vì không quên các pháp. Gọi là Ý, vì trí tuệ khéo quyết định. Gọi là Khứ vì nhận biết thứ tự, ý nghĩa của kinh sách". Ở đây, Niệm là thù thắng của Văn tuệ. Ý là thù thắng của Tư tuệ. Khứ là thù thắng của Tu tuệ.

Thứ tự của các câu ấy lại có cách giải thích khác:

Nghe và hành trì thù thắng cho nên gọi là Niệm. Pháp trí thâm diệu thù thắng cho nên gọi là Ý. Trí thâm diệu của ý thù thắng cho nên gọi là

Khứ. Đây là lược nêu về hai loại thiện xảo: Pháp thiện xảo và nghĩa thiện xảo thành tựu.

- Thù thắng do thâu nhiếp Giới; có hai loại là nhẫn nhục nhu hòa và thù thắng do giới không thiếu sót. Như kinh nói: "Gọi là có Hổ thẹn vì tự giữ gìn và giữ gìn cho chúng sinh. Gọi là Tâm kiên cố vì không rời bỏ thực hành trì giới".

- Thù thắng do thâu nhiếp Trí, có năm loại:

1. Trí nhân duyên tập, không có nhân của điên đảo và đối trị nhân của tà kiến. Như kinh nói: "Gọi là Giác, vì khéo tư duy về xứ đúng-xứ không đúng".

2. Trí chứng đắc, đối trị ma sự. Như kinh nói: "Gọi là Theo trí vì không tùy thuộc kẻ khác".

3. Trí nhận biết ngôn thuyết sai lạc và đối trị dị thuyết. Khéo nhận biết về câu nghĩa đúng, câu nghĩa không đúng, câu nghĩa xen tạp. Như kinh nói: "Gọi là Theo tuệ, vì khéo phân biệt nghĩa đúng-nghĩa không đúng nơi chương câu của các pháp".

4. Trí thần lực, đối trị quy y tà vạy. Như kinh nói: "Gọi là Đạt thần thông vì khéo tu tập thiền định".

5. Trí hóa độ chúng sinh, dùng phương tiện để thâu nhiếp. Như kinh nói: "Gọi là Phương tiện thiện xảo vì tùy thuận hành pháp thế gian".

Đó gọi là thù thắng do thâu nhiếp công đức. Thế nào là thù thắng do tu tập hành trì?

Kinh: "Gọi là Không chán đủ vì khéo tích tập công đức, hành trợ đạo. Gọi là Tinh tiến không ngừng nghỉ vì thường cầu đạt trí tuệ,hành trợ đạo. Gọi là Không mệt mỏi vì tích tập Đại Từ Bi, hành trợđạo. Gọi là Thường niệm pháp Phật, vì luôn cầu đạt mười lực, bốnvô sở úy, mười tám pháp bất cộng của Phật. Gọi là Khéo nhớ nghĩtu hành vì khởi phát việc làm trang nghiêm cõi Phật. Gọi là Tu hànhđầy đủ các loại nghiệp thiện vì tích tập ba mươi hai tướng tốt và támmươi vẻ đẹp. Gọi là Thường hành tinh tiến vì luôn cầu thân, khẩu-ýPhật trang nghiêm. Gọi là Ưa thích cung kính đại pháp vì luôn thâncận cúng dường hết thảy chư Bồ-tát cùng Pháp sư. Gọi là Khéo dấykhởi nguyện tự tại vì có phương tiện lớn để khéo hội nhập thế gian.Gọi là Ngày đêm xa lìa tâm khác, vì thường ưa thích giáo hóa hết thảychúng sinh".

Luận: Ở đây, nêu sự thù thắng do tu hành có mười loại:

1. Hành tăng trưởng nhân. Như kinh nói: "Gọi là Không chán đủ vì

khéo tích tập công đức, hành trợ đạo".

2. Hành nương vào nhân. Như kinh nói: "Gọi là Tinh tiến không ngừng nghỉ vì luôn cầu đạt trí tuệ, hành trợ đạo".

3. Hành hóa độ chúng sinh không hề mệt mỏi. Như kinh nói: "Gọi là Không mệt mỏi vì tích tập Đại Từ Bi, hành trợ đạo".

4. Hành hưng khởi pháp Phật. Như kinh nói: "Gọi là thường niệm pháp Phật vì dốc cầu đạt mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng của Phật".

5. Hành phát khởi việc làm thanh tịnh cõi Phật. Như kinh nói: "Gọi là Khéo nhớ nghĩ tu hành, vì khởi phát việc làm thanh tịnh cõi Phật". Thế nào là trang nghiêm? Tức là chúng sinh trú nơi cõi đó không có phiền não cấu uế, đạt trí tuệ kiên cố, cùng pháp Phật luôn trang nghiêm.

6. Hành dựa vào pháp Phật để phát khởi. Như kinh nói: "Gọi là Tu hành đầy đủ các loại nghiệp thiện, vì tích tập ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp".

7. Hành dựa vào nẻo hành hóa của Phật để phát khởi. Như kinh nói: "Thường hành tinh tiến vì luôn cầu thân-khẩu-ý Phật trang nghiêm".

8. Hành kính trọng pháp. Như kinh nói: "Ưa thích cung kính đại pháp vì luôn thân cận cúng dường hết thảy chư Bồ-tát và Pháp sư".

9. Hành nguyện đạt được đầy đủ. Như kinh nói: "Gọi là Khéo dấy khởi nguyện tự tại vì có phương tiện lớn để khéo hội nhập thế gian".

10. Hành lìa bỏ tâm Tiểu thừa. Như kinh nói: "Gọi là Ngày đêm xa lìa tâm khác vì thường ưa thích giáo hóa hết thảy chúng sinh".

Đó gọi là sự thù thắng do tu hành.

Thế nào là thù thắng do giáo hóa chúng sinh?

Kinh: "Bồ-tát ấy, khi thành tựu hành như vậy, dùng bố thí để giáo hóa chúng sinh. Lại dùng ái ngữ-lợi hành-đồng sự để giáo hóa chúng sinh. Lại dùng việc thị hiện sắc thân để giáo hóa chúng sinh. Lại dùng việc thuyết pháp để giáo hóa chúng sinh. Lại thị hiện nhiều sự việc về thần không và hạnh của Bồ-tát để giáo hóa chúng sinh. Lại nói về đại sự của chư Phật để giáo hóa chúng sinh. Lại thị hiện sự xấu ác lỗi lầm của thế gian để giáo hóa chúng sinh. Lại nói về lợi ích nơi trí tuệ của chư Phật để giáo hóa chúng sinh. Lại hiện bày tướng trang nghiêm của đại thần thông, cũng giảng nói về vô số hành để giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát ấy, giáo hóa chúng sinh như vậy, thành tựu phương tiện, thân tâm luôn hướng tới trí Phật mà không hề thối thất các hành của căn thiện, luôn siêng năng tu tập chuyển sang đạo thù thắng".

Luận:

Ở đây, sự thù thắng do giáo hóa chúng sinh đã dùng bốn Nhiếp pháp để giáo hóa. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, khi thành tựu hành như vậy, dùng bố thí để giáo hóa chúng sinh…".

- Vì đồng sự là tùy thuận chúng sinh, cho nên Bồ-tát ứng hóa tự tại. Như kinh nói: "Lại dùng viện thị hiện sắc thân để giáo hóa chúng sinh".
- Vì các chúng sinh nghi hoặc, cho nên có thể thuyết pháp thành tựu. Như kinh nói: "Lại dùng việc thuyết pháp để giáo hóa chúng sinh".
- Vì các chúng sinh không có phương tiện đối với Bồ-đề. Như kinh nói: "Lại thị hiện nhiều sự việc về thần thông và hạnh của Bồ-tát để giáo hóa chúng sinh".
- Vì các chúng sinh đối với pháp Đại thừa tỏ ra mỏi mệt. Như kinh nói: "Lại nói về đại sự của chư Phật để giáo hóa chúng sinh".
- Vì các chúng sinh ham thích nơi thế gian. Như kinh nói: "Lại thị hiện sự xấu ác lỗi lầm của thế gian để giáo hóa chúng sinh".
- Vì các chúng sinh không tin pháp Đại thừa. Như kinh nói: "Lại nói về lợi ích nơi trí tuệ của chư Phật để giáo hóa chúng sinh".
- Vì các chúng sinh không có trí tuệ; Bồ-tát hiện bày thần thông trang nghiêm, thị hiện vô số các hành, dùng một thân thị hiện vô lượng thân. Các sự việc như vậy đều khiến cho chúng sinh quyết định tin tưởng. Như kinh nói: "Lại hiện bày tướng trang nghiêm của đại thần thông, cũng giảng nói về vô số hành để giáo hóa chúng sinh".
- Bồ-tát ấy, giáo hóa chúng sinh như vậy, thành tựu phương tiện: Như trước đã nói.
- Thân tâm luôn hướng tới trí Phật; là cầu đạt diệu lực thù thắng để giáo hóa chúng sinh.
- Nhưng các hành của căn thiện không hề thối thất; tức là tùy theo công đức-trí tuệ đã đạt được đều không thối thất.
- Luôn siêng năng tu tập chuyển sang đạo thù thắng; tức là mọi chỗ tu tập các hành đều muốn khiến cho tăng trưởng tốt đẹp.

Đó gọi là sự thù thắng do giáo hóa chúng sinh.

Thế nào là thù thắng do khởi trí tùy thuận thế gian, đối trị các thứ chướng-nhiễm?

Kinh: "Bồ-tát ấy, vì làm lợi ích cho chúng sinh, mà khéo nhận biết về mọi thứ hiện có nơi thế gian như sách vở-luận thuyết-in ấn-toán số, các

luận như Thạch tánh... các phương thức chữa trị các bệnh, các thứ làm tổn hại chúng sinh. Bồ-tát thảy đều có thể chữa trị, tạo luận, kinh sách, các loại nhạc hay, các sự việc đem lại vui thích. Khéo nhận biết về đất nước, thành ấp, xóm làng, nhà cửa, sông suối, ao hồ, vườn hoa, lầu gác, thảo dược, rừng núi... các loại vật báu như vàng, bạc, lưu ly, ngọc báu ma ni, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não... với những tính chất của chúng. Khéo nhận biết về; mặt trời, mặt trăng, tinh tú, động đất, mộng tưởng lành dữ, với các tướng trạng ảnh hưởng tới thân mạng. Bồ-tát trì giới, hành xử thiền định, thần thông, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tất cả những sự việc không gây não hại chúng sinh, có thể đem lại lợi ích, an lạc cho chúng sinh, vì thương xót chúng sinh cho nên hiện ra, dần dần khiến họ tin vào pháp Phật vô thượng".

Luận:

Trí thuận theo thế gian; là đối trị chướng, nhiễm. Như kinh nói: "Bồ-tát này, vì làm lợi ích cho chúng sinh, mà khéo nhận biết về mọi thứ hiện có nơi thế gian như sách vở, luận thuyết...".

Trong đó về sách vở có bốn loại chướng ngại cần đối trị:

1. Chướng ngại do quên đối với việc sử dụng là chọn lấy, trao cho, nhờ vào, giao phó, nghe pháp, nghĩ bàn, làm việc, không làm việc, việc đã làm, chưa làm, việc cho nên làm, không cho nên làm. Đối trị điều này cho nên viết sách.

2. Chướng ngại do trí yếu kém đối với tà kiến: Như dùng Nhân luận, Thanh luận. Đối trị hai loại này cho nên tạo Luận.

3. Chướng ngại do dùng vật không thể giữ gìn: Đối trị điều này cho nên có in ấn.

4. Chướng ngại do lấy-trao mà sinh nghi. Đối trị điều này cho nên có toán, số. Số như các phép cộng-trừ... Toán như một dọc mười ngang.

Các Luận như Thạch tánh... Đối trị chướng ngại do bần cùng.

Những phương thức chữa trị các bệnh; là đối trị chướng ngại các bệnh do bốn đại không điều hòa, chúng sinh bị tướng độc…

Mặt trời, mặt trăng, tinh tú... Trong đó, chỉ có tướng của mặt trời-mặt trăng... là thấy được, vì mặt trời, mặt trăng... là thuộc về ánh sáng. Nhập là nhập vào tám loại quả nghiệp. Các thứ tướng trạng ảnh hưởng tới thân mạng; là hành của quả yêu thích và không yêu thích.

Trì giới, hành xử thiền định, thần thông… Thứ tự như vậy là vì đối trị các thứ cấu nhiễm do:

1. Phá giới.
2. Tham dục.
3. Quy y theo nẻo tà.
4. Hành sai lầm về công đức.
5. Tu tập sai lạc về giải thoát. Như kinh đã nêu.

Tạo luận, sách, nhạc hay, các sự việc đem lại vui thích... là đối trị chướng ngại do buồn sầu, khổ não.

Đất nước, thành ấp, cho đến thảo dược, rừng núi... Đây là đối trị chướng ngại do không vui thích.

Các thứ vật báu như vàng, bạc, lưu ly... Ở đây là đối trị chướng ngại do bị trói buộc, giam giữ.

Mặt trời, mặt trăng, tinh tú… Ở đây là đối trị chướng ngại do chỗ thọ nhận quả báo vì gây lỗi lầm, tạo nhân ác.

Trì giới, hành xử thiền định… là đối trị năm loại cấu nhiễm. Đó là cấu nhiễm do phá giới, cho đến cấu nhiễm do tu tập sai lạc về giải thoát.

Khởi trí thuận theo thế gian ấy có đủ bốn loại tướng:

1. Không có chướng ngại trong chướng khác. Như kinh nói: "Tất cả những sự việc không gây não hại cho chúng sinh".

2. Ban sự an lạc không lỗi lầm. Như kinh nói: "Có thể đem lại lợi ích an lạc cho chúng sinh".

3. Phát khởi thanh tịnh. Như kinh nói: "Thương xót chúng sinh cho nên hiện ra".

4. Chỗ thọ dụng thanh tịnh. Như kinh nói: "Dần dần khiến họ tin vào pháp Phật vô thượng".

Kinh: "Này các Phật tử! Bồ-tát ấy, an trú nơi địa Nan thắng của bậc Bồ-tát rồi, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông-đại nguyện, cho nên được thấy nhiều trăm Phật cho đến nhiều trăm ngàn na-do-tha Phật, nhiều ức Phật, cho đến nhiều trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông-đại nguyện, Bồ-tát ấy khi gặp chư Phật, đều dùng tâm sâu xa, tối thượng mà cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, mọi thứ vật dụng cúng dường thảy đều phụng thí, dùng các vật dụng tạo an lạc thượng diệu của bậc Bồ-tát để cúng dường chúng Tăng, đem các căn thiện này, đều nguyện hồi hướng về đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nơi trú xứ của chư Phật luôn khởi tâm cung kính tột bậc, hết lòng nghe pháp, nghe rồi thọ trì tùy sức tu hành, ở trong pháp Phật xuất gia, xuất gia rồi thì luôn có mặt nơi trú xứ của Phật, nghe nhận kinh pháp, làm vị pháp sư, thuyết pháp làm

lợi ích, chuyển được pháp Đà-la-ni đa văn, thành tựu bậc pháp sư. Bấy giờ, Bồ-tát ấy, trú trong địa Nan thắng của bậc Bồ-tát, trải qua vô lượng trăm kiếp, các căn thiện kia càng trở cho nên thanh tịnh, sáng tỏ thù thắng. Trải qua vô lượng ngàn kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, các căn thiện kia càng chuyển sang, sáng sạch, thù diệu. Bồ-tát ấy đã thành tựu pháp giáo hóa chúng sinh như vậy. Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu, dùng xa cừ để mài bóng thì màu sắc ánh sáng càng trở cho nên sáng đẹp hơn hết. Này các Phật tử! Bồ-tát này, trú nơi địa Nan thắng của bậc Bồ-tát, những căn thiện kia nhờ diệu lực của trí phương tiện suy xét, cho nên càng chuyển sang, trở cho nên sáng, sạch hơn hết. Căn thiện được trí tuệ kia suy xét đã thành tựu, không thối chuyển, cho nên càng thù thắng, căn thiện của địa dưới không thể sánh kịp.

Này các Phật tử! Ví như vầng sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cung điện của chư thiên, ánh sáng ấy đều thành tựu viên mãn, không bị hủy hoại, gió không thể lay động. Cũng vậy, Bồ-tát ấy, an trú trong địa Nan thắng của bậc Bồ-tát, các căn thiện kia, nhờ diệu lực của trí phương tiện suy xét, cho nên thành tựu không thối chuyển hết thảy căn thiện của thế gian, của hàng Nhị thừa đều không thể sánh kịp. Bồ-tát ấy, trong mười Ba-la-mật thì Thiền Ba-la-mật tăng thượng, các pháp Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng tùy theo sức và tùy phần. Này các Phật tử! Đó gọi là lược nêu về địa Nan thắng, là Địa thứ năm của bậc Bồ-tát.

Bồ-tát an trú trong địa này, nhiều lần làm Thiên vương của cõi trời Đâu-suất-đà, mọi nẻo hành hóa đều tự tại, hàng phục các thứ tà kiến của hết thảy ngoại đạo, có thể khiến cho chúng sinh trú trong Thật đế, các nghiệp thiện đã làm như bố thí-ái ngữ-lợi hành-đồng sự, các phước đức ấy đều không lìa niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm hành của Bồ-tát… cho đến không lìa niệm trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí mà thường khởi tâm này: Mình nên ở trong tất cả chúng sinh, là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn, là diệu, là vi diệu, là bậc trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ ý niệm này, phát khởi hành tinh tiến, nhờ diệu lực của tinh tiến, cho nên trong khoảng một niệm, đạt được ngàn ức Tam-muội, được thấy ngàn ức Phật … có thể khéo hội nhập ngàn ức pháp môn, có thể biến hóa thân thành ngàn ức thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện ngàn ức Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại thù thắng, tối thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện đủ các loại thần thông, hoặc nơi thân, hoặc ánh sáng, hoặc thần thông nơi mắt, hoặc nơi cảnh giới, hoặc âm thanh, hoặc hành hóa, hoặc trang nghiêm,

hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo nghiệp. Các thần thông biến hóa, cho đến trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết".

Luận:

Đạt được Đà-la-ni đa văn càng trở cho nên thù thắng, thành tựu bậc Pháp sư: Không phải là đạt được nghĩa nơi Đà-la-ni, mà do tâm thanh tịnh bình đẳng hết sức khó đạt. Lại ưa thích trí xuất thế gian, hiện bày trí thế gian là vô cùng khó. Do đạt được Đà-la-ni văn và trì, cho nên ánh sáng của Trí -Địa này là chỉ rõ về "Sự chân như". Như kinh nói: "Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu… cho đến căn thiện của địa dưới không thể sánh kịp".

Vầng sáng của mặt trời, mặt trăng; là dựa vào pháp thù thắng làm tăng trưởng ánh sáng của trí tuệ, hơn hẳn trí của địa trước. Như kinh nói: "Này các Phật tử! Ví như mặt trời, mặt trăng, tinh tú … cho đến căn thiện của thế gian đều không thể sánh kịp".

**

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 8

Địa 6: ĐỊA HIỆN TIỀN

Luận:

Như trong Địa thứ năm, có ba phần sai biệt:

1. Phần thắng do đối trị mạn.
2. Phần thắng do hành đạo không trú.
3. Phần thắng của quả ấy.

Địa thứ sáu cũng như vậy, nên biết là thắng ấy đã chuyển sang.

Thế nào là thắng? Trong Địa thứ tư đã nói về ngã mạn của chúng sinh, lãnh hội pháp để đối trị mạn. Nơi Địa thứ năm đã nói về phân biệt thân thanh tịnh, đối trị mạn. Nay Địa thứ sáu là nói về: Phân biệt dùng pháp nhiễm-tịnh để đối trị mạn, do mười pháp bình đẳng.

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát đã khéo hành trì đầy đủ đạo của Địa thứ năm, muốn đi vào Địa thứ sáu của bậc Bồ-tát thì phải dùng mười pháp bình đẳng. Những gì là mười? Đó là:

1. Bình đẳng với tất cả pháp vô tướng.
2. Bình đẳng với tất cả pháp vô tưởng.
3. Bình đẳng với tất cả pháp vô sinh.
4. Bình đẳng với tất cả pháp không thành.
5. Bình đẳng với tất cả pháp tịch tĩnh.
6. Bình đẳng với tất cả pháp bản tịnh.
7. Bình đẳng với tất cả pháp không hý luận.
8. Bình đẳng với tất cả pháp không lấy-bỏ.
9. Bình đẳng với tất cả pháp như huyễn, mộng, ảnh, tiếng vang, trăng trong nước, bóng nơi gương, dợn nắng.
10. Bình đẳng với tất cả pháp có-không mà không hai.

Bồ-tát ấy, quán xét tướng của hết thảy các pháp như vậy, dứt trừ mọi cấu nhiễm, tùy thuận, không phân biệt, cho nên được tiến vào địa Hiện tiền là Địa thứ sáu của bậc Bồ-tát, đạt được Nhẫn thuận sáng tỏ thông suốt,

chưa đạt được pháp Nhẫn vô sinh".

Luận:

Phân biệt dùng pháp nhiễm-tịnh để đối trị mạn; tức là mười pháp bình đẳng. Trong đó, tất cả pháp vô tướng cho đến tất cả pháp có không, không hai đều bình đẳng, là mười hai nhập thuộc tự tánh của tất cả pháp vô tướng bình đẳng.

Lại nữa, phân biệt tướng đối trị có chín loại:

1. Tưởng của tự tướng nơi mười hai nhập. Như kinh nói: "Tất cả pháp vô tưởng, bình đẳng".

2. Hành tướng của thứ tự Niệm. Như kinh nói: "Tất cả pháp vô sinh, bình đẳng".

3. Hành tướng của thứ tự Sinh. Như kinh nói: "Tất cả pháp không thành, bình đẳng".

4. Tướng nhiễm. Như kinh nói: "Tất cả pháp tịch tĩnh, bình đẳng".

5. Tướng tịnh. Như kinh nói: "Tất cả pháp bản tịnh, bình đẳng".

6. Tướng phân biệt. Như kinh nói: "Tất cả pháp không hý luận, bình đẳng".

7. Tướng hiện, ẩn. Như kinh nói: "Tất cả pháp không lấy bỏ, bình đẳng".

8. Tướng ngã không phải có. Như kinh nói: "Tất cả pháp như huyễn, mộng, ảnh, tiếng vang, trăng trong nước, bóng trong gương, dợn nắng, đều bình đẳng".

9. Tướng thành hoại. Như kinh nói: "Tất cả pháp có-không và không hai, đều bình đẳng".

- Dứt trừ cấu uế: là xa lìa cấu nhiễm chướng ngại.
- Tùy thuận: là thuận theo pháp chân như bình đẳng.
- Không phân biệt: tức là không sinh ý tưởng phân biệt.
- Sáng tỏ thông suốt: là đối trị các mạn vi tế. Trong hai địa trước thì đối trị mạn trong phần thô.
- Đạt được Nhẫn thuận trong sự mềm dịu: là thuận theo pháp Nhẫn vô sinh.
- Chưa đạt được pháp Nhẫn vô sinh: Nhẫn này thuận với Nhẫn vô sinh mà không phải là Nhẫn vô sinh.

Đó gọi là Phân biệt dùng pháp nhiễm-tịnh để đối trị mạn. Thế nào là thù thắng do hành đạo không trú?

Kinh: "Bồ-tát ấy, quán xét về tướng của tất cả pháp như vậy, tùy thuận để đạt đến, lại dùng Đại Bi thù thắng làm đầu, tâm Đại Bi tăng

thượng, khiến cho Đại Bi đầy đủ, quán xét sự sinh-diệt của thế gian".

Luận:

Bồ-tát ấy quán xét về tướng của tất cả pháp như vậy, tùy thuận để đạt đến là đạt đến chỗ thù thắng do hành đạo không trú.

Thù thắng do hành đạo không trú là sự thù thắng do tâm Đại Bi thâu nhiếp, không bỏ tất cả chúng sinh trong ba đời. Là trí thanh tịnh trong tất cả pháp đã được nhận thức. Là quán về hết thảy các loại nhân duyên vi tế tích tập, là không trú vào thế gian và Niết-bàn. Như kinh nói: "Lại dùng tâm Đại Bi thù thắng làm đầu… cho đến quán xét sự sinh diệt của thế gian".

Kinh: "Bồ-tát ấy quán xét về sự sinh diệt của thế gian rồi, dấy lên ý niệm: Mọi sự sai biệt về thọ thân và sinh xứ hiện có nơi thế gian đều do tham chấp về ngã. Nếu lìa chấp ngã thì không còn sinh xứ nơi thế gian.

Bồ-tát lại khởi suy nghĩ: Các phàm phu này, do ngu si làm mù lòa cho nên tham chấp vào ngã, do không có trí cho nên bị tối tăm, chướng ngại, luôn cầu tìm có-không, thường theo niệm tà, hành sai lạc nơi đạo tà, tập khởi hành vọng, hành tội, hành phước, hành bất động. Vì các hành đó, nên khởi chủng tử của tâm, khởi tưởng hữu lậu, hữu thủ, khởi thân sinh-bệnh-lão-tử nơi vị lai, lại sinh thân mạng đời sau, nghiệp là mảnh đất, bị vô minh che phủ, nước ái tưới nhuần làm cho tâm ngã tràn đầy, các loại màng lưới kiến chấp làm cho được tăng trưởng, sinh ra mầm danh-sắc, sinh rồi lớn dần. Danh, sắc tăng trưởng mà thành các căn. Các căn thành hình rồi thì lần lượt cùng đối nhau mà sinh Xúc. Xúc cùng đối nhau sinh Thọ. Chỗ mong cầu về sau của Thọ sinh Ái. Do có Ái mà sinh Thủ. Thủ thêm lớn thì sinh Hữu. Hữu thành rồi sinh thân năm Ấm. Thân năm Ấm tăng trưởng, nên ở trong năm đường dần dần suy biến, gọi là Lão. Lão suy biến và diệt gọi là Tử. Tử rồi, sinh các thứ nhiệt não, bởi vì nhiệt não cho nên sinh ra tất cả mọi nỗi ưu bi khổ não. Nhân duyên của tập này, không có tập mà tự nhiên tích tập, không có diệt mà tự nhiên hoại diệt. Bồ-tát ấy, tùy thuận quán xét như vậy về sự tích tập của nhân duyên".

Luận:

Ở đây, mọi sự sai biệt về thọ thân và sinh xứ hiện có nơi thế gian tức là trong năm đường vốn có mọi thứ sai biệt về sinh tử, gọi là sự sai biệt hiện có của thế gian. Nhân duyên tập này có ba loại môn quán, nên biết:

1. Sai biệt của tướng thành đáp.
2. Sai biệt của đệ nhất nghĩa Đế.
3. Sai biệt của thế gian Đế.

Thế nào là sai biệt của Thành? Đầu tiên là nêu rõ về nhân duyên của

tập để giải thích về nghĩa của vô ngã, xác nhận tất cả sự thọ thân và sinh xứ hiện có của thế gian, đều do tham chấp vào ngã. Nếu lìa chấp ngã thì không có sinh xứ của thế gian, là thành tựu nghĩa vô ngã. Nếu trong Đệ nhất nghĩa thật sự có tướng ngã, thì tâm chấp ngã tức là trí của Đệ nhất nghĩa, không nên ở nơi thế gian thọ thân, sinh tại sinh xứ. Lại nữa, nếu trong Đệ nhất nghĩa thật sự có tướng ngã, nếu lìa chấp ngã thì phải thường sinh nơi thế gian. Hiển bày về nghĩa này, như kinh nói: "Mọi sự sai biệt về thọ thân và sinh xứ hiện có nơi thế gian đều do tham chấp về ngã…".

Thế nào là sai biệt của Đáp? Nếu thật sự vô ngã thì vì sao mà chấp ngã? Ở đây, phải có vấn nạn này, thì tự mình đáp lại: Do ngu si làm cho mù lòa mà tham chấp vào ngã. Đó là chỉ rõ, như kinh nói: "Bồ-tát lại khởi suy nghĩ. Các phàm phu này do ngu si làm mù lòa cho nên tham chấp vào ngã…". Như vậy thật sự không có ngã, theo thứ tự nào mà tham chấp vào ngã, có được sinh xứ-thọ thân và thời gian sống? Thành ở đây chỉ rõ, như kinh nói: "Do không có trí, bị tối tăm chướng ngại, luôn cầu tìm có-không". Như vậy là đáp lại vấn nạn về sai biệt. Trong này:

- Không có trí… có-không; là mong cầu về thường-đoạn. Ở đây chỉ rõ vô minh-hữu ái là hai Hữu chi căn bản, luôn theo niệm tà, hành sai lạc nơi đạo tà, tập khởi hành vọng, hành tội, hành phước…
- Luôn theo niệm tà chỉ rõ về nhân của vô minh.
- Hành sai lạc nơi đạo tà chỉ rõ về hành không chân chánh đối với nơi chốn giải thoát.
- Tập khởi hành vọng chỉ rõ nghĩa thù thắng của Bồ-tát. Bồ-tát tuy hành nơi Hữu nhưng không gọi là hành vọng. Do hành này cho nên khởi chủng tử của tâm, khởi tưởng hữu lậu, hữu thủ, cho đến tùy thuận quán xét về nhân duyên của tập. Trong này:

Khởi chủng tử của tâm: Tức chỉ rõ thể tánh của sinh-lão-tử.

Lại sinh thân mạng của đời sau là tùy thuận thâu nhiếp mà làm thành các hành tội, phước, nghiệp là mảnh đất. Trước nói do không có trí, bị tối tăm chướng ngại, vô minh che phủ, luôn cầu tìm có-không, nước ái tưới nhuần. Luôn luôn như vậy, sinh tâm như vậy, ngã là ngã sở, ngã tướng là mạn ngã sinh hay chẳng sinh với đủ loại màng lưới của kiến chấp như vậy.

Tự nhiên mà diệt; là tánh tự diệt chứ chẳng phải là duyên của trí diệt.

Như vậy thì đáp lại vấn nạn về nhân duyên của tập, giải thích của về nghĩa vô ngã xong. Thế nào là tướng sai biệt? Nếu nhân duyên là vô ngã thì vì tướng gì mà trú nơi hành nhân duyên của tập?

Kinh: "Bồ-tát ấy lại khởi suy nghĩ: Không nhận biết đúng như thật về Đệ nhất nghĩa của các Đế, cho nên gọi là Vô minh. Vô minh đã tạo ra nghiệp quả thì đó gọi là Hành. Dựa vào Hành có Tâm thức ban đầu và Thức cùng sinh có bốn Thọ Ấm gọi là Danh sắc. Danh sắc tăng trưởng mà có sáu Nhập. Căn-Trần-Thức là ba loại hòa hợp sinh ra Xúc hữu lậu. Xúc cùng sinh nên có thọ. Thọ nhiễm chấp cho nên gọi là Ái. Ái tăng trưởng cho nên gọi là Thủ. Từ Thủ dấy khởi nghiệp hữu lậu, gọi là Hữu. Nghiệp Hữu có quả báo gọi là Sinh. Sinh Ấm tăng trưởng, suy kém, biến đổi gọi là Lão. Lão rồi thì Ấm hoại gọi là Tử. Lúc Tử biệt ly thì người ngu với tâm tham chấp cháy bùng lên gọi là Ưu, phát ra tiếng gào khóc gọi là Bi. Năm căn cùng đối nhau gọi là Khổ. Ý căn cùng đối gọi là Ưu. Ưu khổ càng nhiều thì gọi là Não. Như vậy, chỉ có cây khổ tăng trưởng chứ không có người tạo ra. Bồ-tát dấy khởi ý niệm: Nếu có người tạo thì có sự việc được tạo. Nếu không có người tạo tác thì không có sự việc được tạo ra. Trong Đệ nhất nghĩa, không có người tạo, không có sự việc được tạo".

Luận:

Trong đoạn này:

Vô minh tạo ra nghiệp quả; tức là Danh sắc. Trong ấy, Thức dựa vào Danh sắc. Danh sắc và Thức cùng sinh. Thức mà Danh sắc lần lượt cùng dựa vào nhau.

Nếu không có người tạo tác thì trong đó, phân biệt về sự việc được tạo tác cũng không. Đây là nói về phần nhân duyên tích tập mà có.

Tự thể không có sự việc được tạo tác, đó gọi là phần Hữu, quán về thứ tự của nhân duyên tích tập.

Thế nào là sai biệt của đệ nhất nghĩa Đế? (Môn Quán thứ hai về nhân duyên tập) Như vậy, chứng đắc về đệ nhất nghĩa Đế thì được giải thoát khỏi quán xét kia.

Kinh: "Bồ-tát ấy khởi lên suy nghĩ: Ba cõi đều hư vọng, chỉ là một tâm tạo".

Luận:

Chỉ là một tâm tạo; tức là tất cả ba cõi chỉ do tâm chuyển biến. Thế nào là sai biệt của thế gian Đế? (Môn quán thứ ba…) Tùy

thuận quán về thế gian Đế tức là hội nhập với đệ nhất nghĩa Đế. Quán này có sáu loại:

1. Quán thế nào là nhiễm? Là chỗ nương dựa của nhiễm?
2. Quán về nhân.
3. Quán chỗ thâu nhiếp lỗi lầm.

4. Quán chỗ ngăn chận lỗi lầm.
5. Quán chỗ nhàm chán không nhàm chán.
6. Quán phần sâu xa.

Ở đây, quán về chỗ nương dựa của nhiễm là phần Hữu của nhân duyên dựa vào một tâm.

Kinh: "Như Lai thuyết giảng về phần mười hai nhân duyên đều dựa vào một Tâm. Vì sao? Vì tùy theo tham dục cùng Tâm sinh, tức là Thức, là Hành. Hành lừa dối Tâm cho nên gọi là Vô minh. Vô minh cùng Tâm sinh gọi là Danh sắc. Danh sắc tăng trưởng gọi là Sáu nhập. Sáu nhập từng phần gọi là Xúc. Xúc cùng sinh gọi là Thọ. Thọ rồi không biết chán đủ gọi là Ái. Ái thâu nhiếp không bỏ gọi là Thủ. Ở đây có phần hòa hợp sinh Hữu. Hữu dấy khởi gọi là Sinh. Sinh biến đổi, chín muồi gọi là Lão. Lão hủy hoại gọi là Tử ".

Luận: Đây là sự sai biệt của hai Đế. Một tâm tạp nhiễm, hòa hợp nơi nhân duyên tích tập, nên quán về điều ấy. Quán về nhân có hai loại:

1. Quán về nhân của kẻ khác.
2. Quán về nhân của chính mình.

Thế nào là quán về nhân của kẻ khác?

Kinh: "Trong ấy, Vô minh có hai loại tạo tác:

1. Si trong duyên khiến cho chúng sinh mê lầm.
2. Làm nhân cho Hành.

Hành cũng có hai loại tạo tác:

1. Sinh quả báo của đời vị lai.
2. Làm nhân cho Thức.

Thức cũng có hai loại tạo tác:

1. Có thể khiến cho có sự tương tục.
2. Làm nhân cho Danh sắc.

Danh sắc cũng có hai loại tạo tác:

1. Hỗ trợ để thành tựu lẫn nhau.
2. Làm nhân cho sáu Nhập.

Sáu nhập cũng có hai loại tạo tác:

1. Chủ thể duyên với sáu Trần.
2. Làm nhân cho Xúc.

Xúc cũng có hai loại tạo tác:

1. Chủ thể xúc chạm nơi được duyên.
2. Làm nhân cho Thọ.

Thọ cũng có hai loại tạo tác:

1. Nhận biết về các việc yêu-ghét.

2. Làm nhân cho Ái.

Ái cũng có hai loại tạo tác:

1. Ở trong chỗ có thể nhiễm mà sinh tâm tham.
2. Làm nhân cho Thủ.

Thủ cũng có hai loại tạo tác:

1. Làm tăng trưởng phiền não cấu nhiễm, trói buộc.
2. Làm nhân cho Hữu.

Hữu cũng có hai loại tạo tác:

1. Có thể sinh ở trong các cõi khác.
2. Làm nhân cho Sinh.

Sinh cũng có hai loại tạo tác:

1. Làm tăng trưởng năm Ấm.
2. Làm nhân cho Lão.

Lão cũng có hai loại tạo tác:

1. Khiến cho các căn chín muồi.
2. Làm nhân cho Tử.

Tử cũng có hai loại tạo tác:

1. Huỷ hoại thân năm Ấm.
2. Do không thấy biết mà khiến cho sự tương tục không dứt.

Luận:

Ở đây, hủy hoại thân năm ấm, do không thấy biết mà khiến cho

sự tương tục không dứt: Hoại năm ấm, có thể làm nhân cho đời sau. Do không thấy biết cho nên có thể làm nhân của đời sau. Đó gọi là quán về nhân của kẻ khác.

Thế nào là quán về nhân của chính mình? Vô minh... là từ nhân mà sinh nhân, cho nên quán về sự việc của duyên. Thế nào là nhân của vô minh duyên hành không gián đoạn, hỗ trợ thành?

Kinh: "Trong đó, Vô minh duyên Hành là nhân của Vô minh duyên vào khiến cho Hành không đoạn mà hỗ trợ để thành Hành.

Hành duyên Thức là nhân của Hành duyên vào khiến cho Thức không đoạn mà hỗ trợ thành Thức.

Thức duyên Danh sắc là nhân của Thức duyên vào khiến cho Danh sắc không đoạn, hỗ trợ thành Danh sắc.

Danh sắc duyên sáu Nhập là nhân của Danh sắc duyên vào khiến cho sáu Nhập không đoạn, hỗ trợ thành sáu Nhập.

Sáu Nhập duyên Xúc… cho đến Sinh duyên Lão, Tử; là nhân của Sinh duyên vào khiến cho Lão-Tử không mà đoạn hỗ trợ thành Lão, Tử.

Vô minh diệt thì Hành diệt; là nhân duyên của Vô minh đã không, nên Hành diệt, không hỗ trợ thành… cho đến Sinh diệt thì Lão, Tử diệt; là nhân duyên của Sinh đã không, cho nên Lão-Tử diệt mà không hỗ trợ thành".

Luận:

Vô minh duyên Hành: là nhân của Vô minh duyên vào khiến cho Hành không đoạn, hỗ trợ thành Hành. Vô minh có hai loại:

1. Lúc còn là chủng tử.
2. Lúc đã kết thành quả.

Ở đây, lúc còn là chủng tử, khiến cho Hành không đoạn có hai loại nghĩa, chỉ rõ về việc Duyên. Như vậy, các nhân duyên khác, từng phần tự sinh nhân, có hai loại nghĩa về việc Duyên, nên biết.

Quán về nhân của chính mình: là quán không lìa bỏ lẫn nhau. Quán nếu lìa chi trước thì không có chi sau. Quán không lìa Vô minh thì thành Hành. Nếu không lìa Vô minh mà có Hành thì không nên nói là Vô minh duyên Hành. Nếu lìa Vô minh mà có Hành, thành tựu, thì sai khác mà không thành. Vì vậy kệ nói:

Pháp do các duyên sinh,
Vậy thì chẳng là nhân,
Cũng lại chẳng nhân khác,
Không đoạn cũng không thường.

Quán nhân duyên tự sinh, như trước đã nói. Vô minh có hai loại:

1. Lúc còn là chủng tử.
2. Lúc đã kết thành quả.

Hành cho đến Lão-Tử cũng như vậy. Thời gian trước và thời gian sau diệt đi, thì thời gian giữa cũng không có, vì vậy không nói đến.

Thế nào là Quán về chỗ thâu nhiếp lỗi lầm? Đó là ba nẻo thâu nhiếp nhân khổ quả khổ.

Kinh: "Ở đây, ba phần Vô minh-Ái-Thủ không đoạn là nẻo của phiền não. Hai phần Hành, Hữu không đoạn là nẻo của nghiệp. Các phần Nhân duyên còn lại, không đoạn là nẻo của khổ.

Thời gian trước-sau tương tục không đoạn, cho nên ba nẻo ấy không đoạn. Như vậy, ba nẻo ấy lìa ngã, ngã sở, chỉ có sinh diệt, cho nên giống như bó trúc".

Luận:

Thế nào là Quán chỗ ngăn chận lỗi lầm? Nếu nói nhân duyên sinh thì phân biệt có ba loại lỗi lầm:

1. Lỗi về tất cả thân cùng sinh một lúc.
   Vì sao? Vì không có nhân khác.
2. Lỗi về tự nghiệp không thọ báo.
   Vì sao? Vì không có người tạo.
3. Lỗi do mất nghiệp. Vì sao? Vì chưa thọ nhận quả mà nghiệp đã diệt.

Ba loại lỗi này dùng sự nhận thức về nhân khác của đời quá khứ để đáp, cho nên quả báo của sự thọ sinh có sai biệt.

Kinh: "Vô minh duyên Hành là thấy sự việc của đời quá khứ. Thức-Danh sắc-sáu Nhập-Xúc-Thọ là thấy sự việc của đời hiện tại. Ái-Thủ-Hữu-Sinh-Lão Tử là thấy sự việc của đời vị lai. Đối với điều này thấy có sự chuyển biến của ba đời. Vô minh diệt cho nên các Hành diệt, gọi là giải thích về sự đoạn dứt của nhân duyên tương tục.

Luận:

Vô minh duyên Hành tức là thấy sự việc đời quá khứ; tức là sinh của hiện tại là sự tạo tác từ quá khứ. Quả của hiện tại tức là sinh của vị lai, là nghĩa về thấy nhân của đời quá khứ.

Thức cho đến Thọ là thấy sự việc đời hiện tại; tức là trong đời quá khứ, tùy theo nghiệp vốn có, nghiệp ấy nhận lấy quả báo của Thức... nơi hiện tại. Lại có thể nhận lấy quả báo của vị lai.

Ái-Thủ-Hữu… là thấy sự việc đời vị lai; lại có sinh, toàn bộ được định rõ.

Đối với điều này thấy có sự chuyển biến của ba đời; lại có sự chuyển sinh của đời sau.

Nói như vậy có nghĩa gì? Có ba loại nghĩa. Nghiệp quá khứ không thọ báo, hoặc có lúc chưa làm hoặc đã làm mà chưa thọ báo, hoặc được đối trị đoạn trừ. Trong ấy, Vô minh duyên Hành là chỉ rõ về sự tạo tác. Hành duyên Thức cho đến Xúc-Thọ, tức chỉ rõ sự tạo tác ấy đã thọ nhận báo. Ái-Thủ-Hữu không đoạn, ở đây là chỉ rõ về không được đối trị. Nếu đoạn Ái-Thủ, tuy có tạo nghiệp, thì Vô minh duyên Hành không thể sinh Hữu. Vì thế các nghiệp, có trường hợp đã tạo, chưa tạo,

có trường hợp thọ nhận quả, chưa thọ nhận quả, có trường hợp đã đoạn-chưa đoạn. Nếu như vậy thì không có lỗi về tất cả thân cùng sinh một lúc. Như vậy, chẳng phải là hết thảy các nghiệp thì thọ nhận quả đương lai, cũng chẳng phải là không thọ, cũng không phải là một lúc. Nếu tự tạo nghiệp thì quả báo không mất, chẳng phải là thân người khác thọ. Như vậy thì không có lỗi về tự nghiệp không thọ nhận báo, vì người khác không

tạo. Lìa ba sự nơi nghiệp nhất định thọ nhận quả, không mất. Nếu như vậy thì không có lỗi do mất nghiệp. Đó gọi là chỉ rõ về chỗ ngăn chận ba loại lỗi.

Thế nào là quán về nhàm chán-không nhàm chán? Tức là phân biệt, nhàm chán về vô số các khổ vi tế. Mọi thọ nhận hiện có đều là khổ, nên cùng nhàm chán vô số các khổ thô trọng.

Kinh: "Mười hai phần Nhân duyên gọi là ba khổ. Trong đó, Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, sáu nhập gọi là Hành khổ. Xúc-Thọ gọi là Khổ khổ. Các phần Nhân duyên còn lại gọi là Hoại khổ. Vô minh diệt cho nên Hành diệt, cho đến Sinh diệt mà Lão Tử diệt, gọi là nói về việc đoạn trừ ba khổ tương tục".

Luận:

Thế nào là quán sâu xa?

Kinh: "Nhân của Vô minh duyên Hành sinh thì nhân duyên có thể sinh Hành. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt, Hành diệt thì Hành không còn. Phần còn lại cũng như vậy. Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về Sinh bị trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt thì Hành diệt là nói về diệt bỏ trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy. Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về tùy thuận quán Hữu. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt thì Hành diệt là nói về tùy thuận quán tận cùng Vô sở hữu. Phần còn lại cũng như vậy".

Luận:

Quán sâu xa có bốn loại:

1. Phần Hữu, không phải kẻ khác tạo mà từ nhân sinh ra.

2. Chẳng phải là tự tạo tác mà do duyên sinh. Như kinh nói: "Nhân của Vô minh duyên Hành sinh thì nhân duyên có thể sinh Hành. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt thì Hành diệt…".

3. Chẳng phải cả hai tạo tác mà chỉ tùy thuận sinh. Vì không nhận biết cho nên khi tạo tác chẳng trú. Như kinh nói: "Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về sinh bị trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt thì Hành diệt là nói về trói buộc được diệt trừ. Phần còn lại cũng như vậy".

4. Không phải là không có nhân tạo tác mà tùy thuận nên có. Như kinh nói: "Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về tùy thuận quán

Hữu. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt thì Hành diệt là nói về tùy thuận quán tận cùng Vô sở hữu. Phần còn lại cũng như vậy".

Nếu không có nhân sinh thì sinh phải thường sinh chứ, không phải là

không sinh, bởi vì không có nhân nhất định cho nên cũng có thể luôn luôn không sinh. Vì sao? Vì không có nhân sinh. Đây chẳng phải là điều ưa thích của pháp Phật. Nếu như vậy, tùy thuận quán hữu thì có nhân chứ, không phải là không có nhân. Nếu không có nhân thì không thể nói là tùy thuận có. Đó gọi là mười loại quán về nhân duyên tích tập, quán về chỗ sai biệt của đế tướng đã nói.

Kinh: "Bồ-tát ấy đã quán mười loại nghịch thuận về pháp nhân duyên tích tập như vậy, đó là thứ tự của phần nhân duyên, là chỗ thâu nhiếp của nhất tâm, là tự nghiệp thành tựu, là không lìa bỏ lẫn nhau là ba nẻo không đoạn, là quán về thời gian trước sau, là ba khổ tích tập, là nhân duyên sinh, là nhân duyên sinh diệt trừ trói buộc, là tùy thuận quán tận cùng về Hữu".

Luận:

Lại có hai loại quán khác:

1. Quán Đại Bi tùy thuận.
2. Quán phân biệt trí Nhất thiết tướng. Quán Đại Bi tùy thuận có bốn loại:

1. Ngu si điên đảo.
2. Ở xứ khác cầu giải thoát.
3. Dị đạo cầu giải thoát.
4. Cầu giải thoát khác.

- Thế nào là ngu si, điên đảo? Tức là tùy theo nơi chốn chấp trước, quán xét các sự việc ngu si, điên đảo, do chấp trước vào ngã, mà tất cả xứ thọ sinh xa lìa thì không có sinh.

Thế nào là ngu si vô minh tăm tối? Như kinh nói: "Bồ-tát ấy quán xét về sự sinh diệt của thế gian rồi, dấy lên ý niệm: Mọi sự sai biệt về sinh thọ thân và sinh xứ hiện có nơi thế gian, đều do tham chấp về ngã…".

Ngu si làm mù lòa cho nên tham chấp vào ngã, điên đảo cùng với điên đảo nghi hoặc trong chi tướng Hữu như vậy. Như kinh nói: "Bồ-tát lại khởi suy nghĩ: Các phàm phu này do ngu si làm mù loà…".

- Thế nào là ở xứ khác cầu giải thoát? Tức là các phàm phu ấy, do ngu si điên đảo như vậy, nên thường ở trong thức A-lê-da và thức A-đà-na mà cầu giải thoát, chính là ở trong ngã-ngã sở của xứ khác mà cầu giải thoát. Đối trị điều này, như kinh nói: "Bồ-tát ấy khởi lên suy nghĩ: Ba cõi đều hư vọng, chỉ là một tâm tạo…".

- Thế nào là dị đạo cầu giải thoát? Tức là ở trong nhân điên đảo mà cầu giải thoát. Nhân điên đảo có ba loại: Nhân của tánh. Nhân của cõi Tự Tại Thiên. Nhân của khổ hạnh và không có nhân. Không nên cầu

như vậy. Vì sao? Vì chi Hữu của nhân duyên có hai loại nghiệp có thể dấy khởi các nhân duyên. Như kinh nói: "Trong đó, Vô minh có hai loại tạo tác: Một là si trong duyên khiến cho chúng sinh mê lầm, hai là làm nhân cho Hành…". Nhân tự sinh. Như kinh nói: "Trong đó, Vô minh duyên Hành là nhân của Vô minh duyên vào khiến cho Hành không đoạn mà hỗ trợ để thành Hành…". Nhân của nghiệp-phiền não vọng tưởng, chẳng phải là nhân an lạc. Như kinh nói: "Trong đó, ba phần Vô minh-Ái-Thủ không đoạn là Nẻo phiền não". Như vậy... là nhân của thời gian trước-giữa, và nhân của thời gian giữa-sau, thời gian giữa của hai thời gian trước sau. Như kinh nói: "Trong đó, nhân Vô minh duyên Hành là thấy rõ sự việc của đời quá khứ". Nếu không có các sự việc như vậy thì các loại chúng sinh cũng không có.

- Thế nào là cầu giải thoát khác? Giải thoát chân chánh có bốn loại tướng:

1. Tướng lìa tất cả khổ.
2. Tướng vô vi.
3. Tướng xa lìa cấu nhiễm.
4. Tướng xuất thế gian.

Giải thoát kia vẫn còn bị các hành khổ theo đuổi, kể cả cõi Vô sắc cũng còn bị trói buộc. Như kinh nói: "Mười hai phần Nhân duyên gọi là ba khổ. Vô minh-Hành cho đến sáu Nhập gọi là Hành khổ". Nhân duyên sinh như vậy, như kinh nói: "Trong đó, nhân duyên của Vô minh, nhân duyên của Hành có thể sinh Hành. Các phần khác cũng vậy". Như vậy, lại nhiễm mà sinh trói buộc, như kinh nói: "Trong đó, Vô minh duyên Hành là nói về Sinh bị trói buộc. Các phần khác cũng như vậy". Như vậy, tùy thuận Hữu, cầu giải thoát nơi cõi Vô sắc. Như kinh nói: "Nhân của Vô minh duyên với Hành là nói về tùy thuận quán Hữu. Phần khác cũng như vậy".

Như vậy đã nói về quán Đại Bi tùy thuận với nhân duyên tích tập.

Quán phân biệt về trí Nhất thiết tướng. Có chín loại:

1. Quán phân biệt về nhiễm, tịnh; tức là các thứ nhiễm, tịnh như

chấp ngã mạn, lìa ngã mạn. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy quán về thế gian sinh diệt rồi, khởi suy niệm: Mọi sự sai biệt về thọ thân và sinh xứ hiện có nơi thế gian, đều do tham chấp vào ngã…".

2. Quán về sự nương dựa; tức là quán nhân duyên tích tập ấy dựa vào những pháp gì? Như kinh nói: "Bồ-tát này lại suy niệm: Không nhận biết đúng như thật về Đệ nhất nghĩa của các Đế cho nên gọi là Vô minh…".

3. Quán về phương tiện; tức là quán về chi Hữu của nhân duyên có hai loại nghiệp có thể khởi các nhân duyên. Như kinh nói: "Trong đó, vô minh có hai loại tạo tác…".

4. Quán về tướng nhân duyên; tức là như chi Hữu không tạo tác. Như kinh nói: "Trong đó, Vô minh duyên Hành là nhân của Vô minh duyên vào khiến cho Hành không đoạn…".

5. Quán về nhập đế: Tức như quán về Tập đế của ba nẻo khổ (Nghiệp, Phiền não, Khổ). Như kinh nói: "Trong đó, Vô minh-Ái-Thủ,ba phần không đoạn là Nẻo của phiền não…".

6. Quán về chỗ tin nhập nương dựa của có lực và không lực; là như quán chỗ thù thắng của sự hóa độ trong thời gian trước-giữa-sau. Như kinh nói: "Vô minh duyên Hành là thấy rõ việc của đời quá khứ…".

7. Quán về chỗ tin, nhập của Mạn tăng thượng và không Mạn tăng thượng; tức là như quán vì không nhận biết đúng như thật về khổ, ngã mạn, vi tế. Như kinh nói: "Trong đó, Vô minh-Hành, cho đến sáu Nhập gọi là Hành khổ…".

8. Quán không có khởi đầu như thời gian giữa có nhân duyên sinh thì thời gian sau sinh, tùy thuận vào trói buộc. Như kinh nói: "Nhân duyên của Vô minh, nhân duyên của Hành… Nhân của vô minh duyên Hành là nói về Sinh bị trói buộc…".

9. Quán về các loại; là quán tùy thuận Hữu đối với Ái của ba cõi. Như kinh nói: "Nhân Vô minh duyên Hành là nói về quán tùy thuận Hữu. Phần khác cũng như vậy".

Như vậy đã nói về sự thù thắng của việc hành đạo không trú (Phần hai). Tiếp theo là nói về Quả thù thắng ấy (Phần ba). Có năm thứ tướng:

1. Thù thắng do đạt được Hành đối trị cùng thù thắng do lìa chướng.
2. Thù thắng do tu hành, chứng đắc.
3. Thù thắng do đạt được Tam-muội.
4. Thù thắng do đạt được tâm bất hoại.
5. Thù thắng do đạt được diệu lực tự tại.

Thế nào là thù thắng do đạt được Hành đối trị? Tức là ba môn giải thoát.

Kinh: "Bồ-tát ấy, hành mười loại quán về nhân duyên tích tập rồi, thấy rõ là không có ngã, không có thọ mạng, không có chúng sinh, tự tánh là Không, lìa mọi sự tạo tác-thọ nhận. Khi quán xét như vậy, thì môn giải thoát Không sinh khởi hiện tiền. Bồ-tát ấy, quán về chi Hữu kia là tự tánh

diệt cho nên giải thoát luôn hiện tiền, thấy rõ nơi chốn của nhân duyên không một tướng của pháp nào có thể sinh. Như vậy, không thấy tướng của pháp cho nên môn giải thoát Vô tướng sinh khởi hiện tiền. Bồ-tát ấy, như vậy hội nhập với Không và Vô tướng, không sinh nguyện ưa thích, chỉ dùng Đại Bi làm đầu để giáo hóa chúng sinh. Như vậy, môn giải thoát Vô nguyện sinh khởi, hiện tiền. Bồ-tát này, tu hành ba môn giải thoát ấy, lìa tướng ta-người, lìa bỏ tướng tạo tác-thọ nhận, lìa bỏ tướng có, không".

Luận:

Môn giải thoát Không ở đây, nói có ba loại tướng:

1. Thấy chúng sinh là vô ngã.
2. Thấy pháp là vô ngã.
3. Đối với hai loại ấy (Chúng sinh, pháp) đều trở thành vô kiến, vô tác. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, hành mười loại quán về nhân duyên tích tập rồi, thấy rõ không có ngã, không có thọ mạng, không có chúng sinh, tự tánh là Không…".

Thấy chúng sinh là vô ngã là không có ngã, không có thọ mạng, không có chúng sinh. Câu này chỉ rõ về thấy pháp là vô ngã.

Tự tánh là Không, câu này chỉ rõ: Đối với hai loại kia đều trở thành vô kiến, vô tác. Thấy chúng sinh và pháp không có sự tạo tác, vì không có người tạo tác, cho nên sự việc tạo tác cũng không.

Không thấy sự tạo tác-lìa tạo tác-thọ nhận; câu này chỉ rõ về môn giải thoát Vô tướng, cũng có ba loại tướng:

1. Diệt trừ chướng.
2. Đạt được đối trị.
3. Niệm tướng không hành.

Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, quán về chi Hữu kia là tự tánh diệt cho nên giải thoát luôn hiện tiền, thấy rõ nơi chốn của nhân duyên không có tướng của một pháp nào có thể sinh…".

Diệt trừ chướng là quán về chi Hữu kia là tự tánh diệt. Câu này chỉ rõ về "Đạt được đối trị". Nên giải thoát luôn hiện tiền. Câu này chỉ rõ về "Niệm tướng không hành".

Thấy rõ nơi chốn của nhân duyên… Câu này chỉ rõ về môn giải thoát Vô nguyện, cũng nói có ba loại tướng:

1. Nương dựa.
2. Thể tánh.
3. Thù thắng.

Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, như vậy hội nhập với Không và Vô

tướng, không sinh nguyện ưa thích, chỉ lấy Đại Bi làm đầu…". Trong đó, hội nhập với Không, với Vô tướng thì gọi là Nương dựa. Nhờ nương dựa như vậy cho nên có thể thành tựu Vô nguyện, không sinh nguyện ưa thích. Không sinh nguyện ưa thích, gọi là Thể của Vô nguyện. Đại Bi làm đầu để giáo hóa chúng sinh, đó là sự thù thắng. Hàng Thanh văn cũng có "Không sinh nguyện ưa thích", nhưng đối với Thể của Vô nguyện lại xa lìa Đại Bi, không ưa thích giáo hóa chúng sinh.

Thù thắng của diệt trừ chướng; là lìa ba loại tướng. Như kinh nói: "Bồ-tát tu hành ba môn giải thoát ấy, lìa bỏ tướng ta-người, lìa bỏ tướng tạo tác-thọ nhận, lìa bỏ tướng có, không".

Thứ tự như vậy, ở trong năm địa, tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng xa lìa. Ở trong bốn địa xa lìa các tướng hiện-ẩn và trong sáu địa này là pháp bình đẳng xa lìa.

Kinh: "Bồ-tát ấy, tâm Đại Bi chuyển sang, do quý trọng Đại Bi, siêng năng hành trì tinh tấn, chưa viên mãn các pháp trợ Bồ-đề phần thì mong khiến đạt đầy đủ. Bồ-tát khởi lên suy nghĩ: Hữu vi hòa hợp, hành lìa hòa hợp, không hành với các duyên đầy đủ, hành không đầy đủ cho nên không hành. Chỉ riêng mình nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm, không nên hòa hợp đủ các nhân duyên, cũng không dứt bỏ hoàn toàn pháp hữu vi, vì lợi ích giáo hóa chúng sinh.

Này các Phật tử! Bồ-tát nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm như vậy, lìa tự tánh mà quán tự tánh không sinh-không diệt. Bồ-tát ấy hành quán như vậy rồi, khởi tâm Đại Bi, không xả bỏ tất cả chúng sinh, tức thì đạt được môn trí không chướng ngại, hiện tiền, gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật sáng tỏ, hiện tiền. Bồ-tát này thành tựu hành Bát nhã Ba-la-mật sáng tỏ hiện tiền, soi chiếu như vậy rồi, làm nhân duyên viên mãn pháp trợ Bồ-đề phần nhưng không cùng trú với pháp hữu vi, quán tướng tịch diệt nơi tánh của pháp hữu vi, cũng không trú trong đó, chỉ muốn đầy đủ pháp phần Bồ-đề vô thượng".

Luận:

Thù thắng do tu hành chứng đắc, có hai loại tu hành:

1. Tu hành do phát khởi dũng mãnh.
2. Tu hành do khởi chí trượng phu.

Tu hành do phát khởi dũng mãnh; tức là nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm, xa lìa chỗ tạo nghiệp phiền não cùng mọi sự trói buộc, tạo lợi ích thù thắng cho chúng sinh. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, tâm Đại Bi chuyển sang".

Tu hành do khởi chí trượng phu; tức là quán đối chiếu sự nhàm chán, quán thấy rõ nhiều lỗi lầm, mà diệt trừ đối. Quán tự tánh cùng tướng đều không. Như kinh nói: "Này các Phật tử! Bồ-tát nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm như vậy…".

Thù thắng do tu hành; tức là thù thắng do trí và tâm Đại Bi tùy thuận. Dựa vào đạo không trú, hành theo môn trí không chướng ngại luôn hiện tiền, hành Bát nhã Ba-la-mật sáng tỏ hiện tiền, chứng biết pháp hữu vi và Niết-bàn bình đẳng, Bồ-tát không trú cả hai, vì đối với các pháp phần trợ đạo, Bồ-tát hành trì chưa đầy đủ. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, hành quán như vậy rồi, khởi tâm Đại Bi, không xả bỏ tất cả chúng sinh…".

Trí không chướng ngại; tức là trí của Như Lai. Nhưng ở đây vì chưa thành tựu, cho nên gọi là "Sáng tỏ, hiện tiền".

Thế nào là thù thắng do đạt được Tam-muội? Đó là có mười môn Tam-muội không đều là hàng đầu, cùng với quyến thuộc của mình.

Kinh: "Bồ-tát ấy, an trú trong địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát, đạt được các loại Tam-muội:

1. Tín Không.
2. Tánh Không.
3. Đệ nhất nghĩa Không.
4. Đệ nhất Không.
5. Đại Không.
6. Hợp Không.
7. Khởi Không.
8. Như thật bất phân biệt Không.
9. Bất xả Không.
10. Đắc lìa-chẳng lìa Không.

Bồ-tát ấy, đạt được mười môn Tam-muội Không hàng đầu như vậy, với trăm ngàn vạn môn Tam-muội Không luôn hiện tiền. Đạt được mười môn Tam-muội Vô tướng hàng đầu như vậy, với trăm ngàn vạn môn Tam-muội Vô tướng luôn hiện tiền. Đạt được mười môn Tam-muội Vô nguyện hàng đầu như vậy, cùng với trăm ngàn vạn môn Tam-muội Vô nguyện luôn hiện tiền".

Luận:

Tam-muội Không này có bốn loại sai biệt:

1. Quán.
2. Không buông lung.
3. Được tăng thượng.

4. Làm nhân.

Trừ Tam-muội thứ tư (Đệ nhất không) có năm Tam-muội được gọi là Quán:

1. Quán chúng sinh vô ngã. Như kinh nói: "Đạt Tam-muội Tín Không".

2. Quán pháp vô ngã. Như kinh nói: "Đạt Tam-muội Tánh Không".

3. Quán chọn lấy không kia. Như kinh nói: "Đạt Tam-muội Đệ nhất nghĩa Không".

4. Quán dựa vào Thức A-lê-da. Như kinh nói: "Đạt Tam-muội Đại Không".

5. Quán Thức chuyển. Như kinh nói: "Đạt Tam-muội Hợp Không".

Không buông lung là Tam-muội thứ tư, phân biệt, khéo tu hành, tu hành không chán đủ. Như kinh nói: "Đạt Tam-muội Đệ nhất Không".

Được tăng thượng: Tam-muội thứ bảy (Khởi Không) đạt được công đức tăng thượng. Như kinh nói: "Đạt Tam-muội Khởi Không".

Làm nhân là ba loại Tam-muội còn lại. Nhân làm thanh tịnh chướng ngại của trí, như kinh nói: "Đạt được Tam-muội Như thật bất phân biệt Không". Nhân của việc giáo hóa chúng sinh, như kinh nói: "Đạt được Tam-muội Bất xả không" là nhân của việc chọn lấy cõi. Như kinh nói: "Đạt được Tam-muội Đắc lìa chẳng lìa không". Nguyện chọn lấy cõi như vậy, xa lìa phiền não cấu uế mà tùy thuận nơi các cõi, nên gọi là "Lìa, chẳng lìa".

Thế nào là thù thắng do đạt được Tâm bất hoại?

Kinh: "Bồ-tát ấy, an trú trong địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát, lại chuyển sang, thành tựu đầy đủ các Tâm:

1. Bất hoại.
2. Quyết định.
3. Chân thật.
4. Sâu xa.
5. Không thoái chuyển.
6. Không ngừng nghỉ.
7. Thanh tịnh.
8. Vô biên.
9. Cầu trí.
10. Đầy đủ phương tiện trí hành".

Luận:

Tâm bất hoại là kiên cố, không thoái chuyển. Tâm bất hoại này có

chín loại:

1. Bất hoại do tin quán. Như kinh nói: "Tâm quyết định".

2. Bất hoại do gắng sức thọ nhận, thuận hợp. Như kinh nói: "Tâm chân thật".

3. Bất hoại do ở nơi chốn sâu xa không kinh sợ. Như kinh nói: "Tâm sâu xa".

4. Bất hoại do ở nơi thừa của mình không động. Như kinh nói: "Tâm không thoái chuyển".

5. Bất hoại do phát khởi tinh tấn. Như kinh nói: "Tâm không ngừng nghỉ".

6. Bất hoại do lìa cấu nhiễm của tâm ý ganh ghét, phá giới. Như kinh nói: "Tâm thanh tịnh".

7. Bất hoại do tạo lợi ích rộng khắp cho chúng sinh. Như kinh nói: "Tâm vô biên".

8. Bất hoại do cầu đạt giải thoát thù thắng tối thượng. Như kinh nói: "Tâm cầu đạt trí".

9. Bất hoại do hành hóa cứu độ chúng sinh. Như kinh nói: "Tâm đầy đủ phương tiện trí hành".

Thế nào là thù thắng do đạt được diệu lực tự tại?

Kinh: "Bồ-tát ấy, như tâm của các bậc Bồ-tát, tùy thuận thành tựu, dốc lòng hướng tới đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Tinh tấn khôngthoái chuyển, thành tựu việc khiến cho tất cả dị luận của ngoại đạođều không thể khuynh động. Thành tựu tùy thuận hội nhập cảnh giớicác trí. Thành tựu xa lìa, làm xoay chuyển cảnh giới hàng Nhị thừa.Thành tựu quyết định toàn bộ hướng đến trí Phật. Thành tựu khôngthoái thất, khiến hết thảy các thứ ma phiền não không thể phá hoại.Thành tựu sự an trú vững chắc, khéo trú nơi trí tuệ sáng tỏ bậc Bồ-tát. Thành tựu sự an trú chính đáng, khéo tu tập hành trì các phápKhông-Vô tướng-Vô nguyện. Thành tựu sự hỗ trợ hành chân chánhcủa trí phương tiện quán xét. Thành tựu hành không bỏ tích tập cácpháp trợ phần Bồ-đề. Bồ-tát ấy, trú trong địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát, hành Bát nhã Ba-la-mật tăng thượng, thành tựu, đạt được thôngsuốt Nhẫn thứ ba là Thuận nhẫn, tùy thuận pháp như thật, không cóchống trái".

Luận:

Bồ-tát ấy, như tâm của các bậc Bồ-tát… dốc lòng hướng tới đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Tức là đạt được diệu lực thù thắng của hành Bát nhã Ba-la-mật, cho nên có thể hội nhập sâu xa, trong đó, diệu lực thù thắng có

chín loại:

1. Diệu lực có khả năng hàng phục kẻ khác. Như kinh nói: "Tinh tấn không thoái chuyển…".

2. Diệu lực có thể đoạn trừ các nghi. Như kinh nói: "Thành tựu tùy thuận hội nhập cảnh giới các trí".

3. Diệu lực của tự Thừa không động. Như kinh nói: "Thành tựu xa lìa, làm xoay chuyển cảnh giới của hàng Nhị thừa".

4. Diệu lực ở nơi chốn sâu xa quyết định tin tưởng. Như kinh nói: "Thành tựu quyết định toàn bộ hướng đến trí Phật".

5. Diệu lực không tan hoại. Như kinh nói: "Thành tựu không thoái thất khiến các thứ ma phiền não không thể phá hoại".

6. Diệu lực kiên cố, dựa vào sự đối trị các chướng phiền não được thanh tịnh. Như kinh nói: "Thành tựu sự an trú vững chắc".

7. Diệu lực do đối trị rộng khắp. Như kinh nói: "Thành tựu sự an trú chánh đáng, khéo tu tập".

8. Diệu lực do hóa độ chúng sinh.

Như kinh nói: "Thành tựu sự hỗ trợ hành chân chánh của trí phương tiện quán xét".

Diệu lực làm thanh tịnh mọi chướng ngại của trí.

Như kinh nói: "Thành tựu hành không xả bỏ…".

Các pháp ấy như trên đã nói, đều thuộc về diệu lực thù thắng.

Kinh: Này các Phật tử! Bồ-tát ấy an trú nơi địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát rồi, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, Bồ-tát ấy được thấy nhiều trăm Phật… cho đến nhiều trăm ngàn na-do-tha Phật, được thấy nhiều ức Phật… cho đến nhiều trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, Bồ-tát ấy khi gặp chư Phật đều đem tâm hướng thượng, tâm sâu xa, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men… Dùng căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở nơi trú xứ của chư Phật sinh tâm cung kính tột bậc, một lòng nghe pháp, lãnh hội rồi thọ trì, lãnh hội-thọ trì xong thì đạt được Tam-muội Như thật, trí tuệ tỏa sáng, tùy thuận tu tập, hành trì rồi ghi nhớ, giữ gìn, trí tuệ càng trở nên thù thắng, lại đạt được tạng Pháp của chư Phật.

Bồ-tát ấy, an trú trong địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát, ở nơi vô lượng trăm kiếp… vô lượng ngàn kiếp, vô lượng trăm ngàn kiếp, vô lượng trăm ngàn na-do-tha kiếp, vô lượng ức kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-

tha kiếp, các căn thiện kia luôn chuyển đổi, càng trở nên sáng, sạch thù thắng.

Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu, dùng lưu ly mài bóng thì ánh sáng màu sắc càng trở nên sáng, đẹp. Bồ-tát này cũng như vậy, trú trong địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát ấy, các căn thiện kia với trí phương tiện quán xét, càng trở nên thanh tịnh, sáng tỏ hơn hết, dần dần vắng lặng, thành tựu bất hoại. Ví như vầng sáng của mặt trăng tỏa chiếu nơi thân chúng sinh, khiến được mát mẻ, bốn loại gió thổi cũng không thể hủy hoại.

Này các Phật tử! Bồ-tát này cũng thế, trú nơi địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát, các căn thiện kia có thể diệt trừ lửa phiền não của vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh, bốn loại đạo ma đều không thể phá hoại. Bồ-tát ấy, trong mười Ba-la-mật thì Bát nhã Ba-la-mật là tăng thượng, các pháp Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng mà tùy theo phần-theo sức.

Này các Phật tử! Đó gọi là lược nói về địa Hiện tiền, là Địa thứ sáu của bậc Bồ-tát. Nếu Bồ-tát trú trong địa này nhiều lần làm Thiên vương cõi trời Hóa-lạc, mọi sự tạo tác hành hóa đều tự tại, khéo léo diệt trừ tâm ngã mạn của chúng sinh, khéo dùng pháp để xoay chuyển tâm ngã mạn ấy, các nghiệp thiện đã làm như bố thí-ái ngữ-lợi hành-đồng sự, các phước đức ấy đều không lìa niệm Phật-niệm Pháp niệm Tăng, niệm Bồ-tát và niệm hành của Bồ-tát… cho đến không lìa niệm về trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, luôn khởi tâm này: Mình nên ở trong hết thảy chúng sinh, là người đứng đầu, là hơn, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô lượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ niệm này mà phát khởi hành tinh tấn, do diệu lực của tinh tấn, cho nên trong khoảng một niệm, đạt được trăm ngàn ức Tam-muội, thấy trăm ngàn ức Phật, nhận biết trăm ngàn ức thần lực của Phật, có thể làm chuyển động trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể đi vào trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể soi chiếu trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể trú thọ trăm ngàn ức kiếp, có thể nhận biết sự việc trong trăm ngàn ức kiếp nơi đời quá khứ-vị lai, có thể khéo hội nhập trăm ngàn ức pháp môn, có thể biến hóa thân làm trăm ngàn ức thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện trăm ngàn ức Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại thù thắng tối

thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện vô số thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng… cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết".

Luận:

Lãnh hội, thọ trì rồi, đạt được Tam-muội Như thật, tùy thuận tu hành là đạt được nghĩa Đà-la-ni. Câu này chỉ rõ, là nhờ vào sự việc kia, cho nên nói, dựa vào Tam-muội thù thắng, đạt được các pháp Chỉ-Quán sáng tỏ, với nẻo hành trì hơn hẳn.

Hành rồi ghi nhớ, giữ gìn. Tức là có thể giữ gìn hành ấy.

Bồ-tát này trí tuệ càng trở nên thù thắng, cho đến. Các căn thiện kia càng được sáng, sạch là giải thoát khỏi mọi chướng ngại, chứng đắc diệu nghĩa kia.

Dụ về dùng lưu ly mài bóng vàng ròng; là chỉ rõ, trong địa này, trí xuất thế gian tăng thượng, ánh sáng của trí càng trở nên hơn hẳn. Như kinh nói: "Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu…". Do trí không có chướng ngại hiện tiền, cho nên hành Bát nhã Ba-la-mật sáng tỏ hiện tiền. Vì vậy gọi là địa Hiện tiền.

Trí phương tiện quán xét; là trí sáng tỏ do hành hóa đạo không trú.

Dụ về vầng sáng của mặt trăng; là chỉ rõ chỗ hơn so với trí của địa trước. Vầng nhỏ nhưng ánh sáng lớn. Như kinh nói: "Này các Phật tử! Ví như vầng ánh sáng của mặt trăng… cho đến bốn loại đạo ma cũng không thể phá hoại".

Đạo ma là thuận theo sự việc của ma, hành của ma. Các phần khác như trước đã nêu.

**

LUẬN THẬP ĐỊA KINH

QUYỂN 9

Địa 7: ĐỊA VIỄN HÀNH

Luận:

Trong Địa thứ bảy, có năm loại tướng sai biệt:

1. Sai biệt về đối trị sự ưa thích hành vô tác.
2. Sai biệt về đối trị chướng ngại của điều ấy.
3. Sai biệt do cả hai cùng hành.
4. Sai biệt do sự thù thắng của địa trên, trước.
5. Sai biệt về quả của địa ấy.

Thế nào là đối trị sự ưa thích hành vô tác?

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Các Phật tử! Nếu Bồ-tát đã khéo hành trì đầy đủ Địa thứ sáu, muốn đi vào Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, thì Bồ-tát ấy phải dùng mười loại trí phương tiện phát khởi hành thù thắng để hội nhập. Những gì là mười? Đó là:

1. Khéo tu tập các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, tích tập nhiều công đức trợ đạo.

2. Hội nhập các pháp không có ngã, không có thọ mạng, không có chúng sinh nhưng không xả bỏ việc dấy khởi bốn vô lượng.

3. Phát khởi pháp công đức làm tăng thượng cho hành Ba-la-mật, mà không chấp giữ nơi pháp nào.

4. Phải xa lìa ba cõi nhưng có thể ứng hóa, dấy khởi hành làm trang nghiêm ba cõi.

5. Làm vắng lặng hoàn toàn mọi thứ lửa phiền não, nhưng có thể vì hết thảy chúng sinh, phát khởi hành động trừ diệt lửa dữ của phiền não như tham-sân-si.

6. Thuận theo các pháp như huyễn, mộng, ảnh, tiếng vang, ánh trăng trong nước, bóng noi gương, tự tánh không hai mà khởi tạo nghiệp với tâm vô lượng sai biệt.

7. Khéo nhận biết về tất cả cõi nước, các cõi như hư không, mà khởi hành làm trang nghiêm, thanh tịnh cõi Phật.

8. Nhận biết rõ Pháp thân của chư Phật tự tánh là không có thân, mà khởi hiện sắc thân với tướng hảo trang nghiêm đầy đủ.

9. Biết rõ âm thanh của chư Phật là vô thanh, xưa nay vốn tịch diệt không thể nêu bày về tướng, mà tùy thuận hết thảy chúng sinh, khởi vô số âm thanh trang nghiêm sai biệt để hành hóa.

10. Hội nhập chư Phật, trong khoảng một niệm thông đạt sự việc của ba đời, mà có thể phân biệt về vô số tướng nơi kiếp số để tu tập, thuận theo tâm của tất cả chúng sinh, quán xét sự sai biệt.

Này các Phật tử! Bồ-tát ấy, với mười loại trí phương tiện, phát khởi hành thù thắng, hành trì đầy đủ nơi sáu địa rồi được hội nhập Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát. Này các Phật tử! Bồ-tát ấy từ mười loại trí phương tiện này phát khởi hành thù thắng, hành hiện tiền, gọi là đi vào Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát".

Luận:

Đối trị sự ưa thích hành vô tác; tức là trí phương tiện phát khởi mười loại hành thù thắng. Như kinh nói: "Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát đã khéo hành trì đầy đủ Địa thứ sáu rồi…".

Bồ-tát kia với trí không có chướng ngại hiện tiền, khi hành Bát nhã Ba-la-mật hiện tiền, liền ở nơi hành vô tác sinh tâm ưa thích mà không khởi hành tăng thượng. Đối trị với sự ưa thích đó, ở đây đã chỉ rõ về mười loại pháp sai biệt.

Trí phương tiện; là sự đối trị của trí không bỏ chúng sinh và pháp vô ngã, thâu nhiếp hành tăng thượng, phát khởi hành thù thắng. Hành thù thắng này, đối với thế gian và xuất thế gian là hành tăng thượng, lại không gì hơn, do có bốn loại công đức:

1. Làm nhân thù thắng cho tài sản và thân mạng: Theo chỗ, theo ý đạt được tài sản cùng thân mạng thù thắng do công đức tích tập làm nhân. Như kinh nói: "Đó là khéo tu tập các pháp Không-Vô tướng-Vô nguyện, tích tập nhiều công đức trợ đạo".

2. Làm nhân ngăn chận hành ác: Đạt được vô lượng sự tu tập thù thắng như vậy, cho nên đối với tất cả chúng sinh không khởi hành sai lạc. Như kinh nói: "Hội nhập các pháp không có ngã, không có thọ mạng, không có chúng sinh…".

3. Làm nhân giữ gìn căn thiện: Đạt được nhân thù thắng tăng thượng, cho nên pháp công đức làm hành tăng thượng, do hành Ba-la-mật. Như kinh nói: "Khởi pháp công đức làm cho hành Ba-la-mật tăng thượng…".

4. Làm nhân để thâu nhiếp chúng sinh: Ở đây có bảy môn:

1. Nguyện lực lấy sự sống làm hàng đầu, giáo hóa các chúng sinh khác. "Hàng đầu"; là chỉ cho sự gắn bó với chúng sinh. Như kinh nói: "Phải xa lìa ba cõi, nhưng có thể ứng hóa…".

2. Nêu bày sự đối trị: Vì diệt trừ mọi phiền não cấu nhiễm cùng các thứ tùy phiền não, các kiết sử, luôn tự làm vắng lặng. Như kinh nói: "Làm vắng lặng hoàn toàn mọi thứ lửa phiền não…".

3. Vì diệt trừ các chướng: Chướng có bốn loại như trong Địa thứ năm đã nói. Như kinh nói: "Thuận theo các pháp như huyễn, mộng…".

4. Quy tập chúng hội của đại pháp. Như kinh nói: "Khéo nhận biết về tất cả cõi nước, các cõi…".

5. Hiểu biết, thân cận cúng dường, tu hành sinh phước đức. Như kinh nói: "Nhận biết Pháp thân của chư Phật tự tánh là không có thân…".

6. Chuyển pháp luân. Như kinh nói: "Nhận biết âm thanh của chư Phật là vô thanh, xưa nay vốn tịch diệt…".

7. Theo chỗ vấn nạn, khéo giải thích đầy đủ. Như kinh nói: "Hội nhập chư Phật, trong khoảng một niệm thông đạt sự việc của ba đời…".

Mười loại hành thù thắng được phát khởi này, cùng thâu nhiếp để đối trị, kết hợp, khéo tu tập các hành Không-Vô tướng-Vô nguyện, hội nhập tất cả pháp không có ngã, không có thọ mạng, không có chúng sinh, thứ tự như vậy, cho nên biết. Mười loại pháp này hiện tiền, cho nên được trú nơi Địa thứ bảy. Như kinh nói: "Này các Phật tử! Bồ-tát ấy, với mười loại trí phương tiện này…".

Như vậy là đã nói về sự sai biệt do đối trị ưa thích hành vô tác nơi Địa thứ bảy (Phần một). Tiếp theo là nói về Phần đối trị chướng (Phần hai) Có hai loại tướng:

1. Tu hành vô lượng chủng loại.

2. Tu hành với hành không dụng công.

Kinh: "Bồ-tát ấy, an trú trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, hội nhận vô lượng cảnh giới của chúng sinh. Hội nhận vô lượng nẻo tạo tác của chư Phật để giáo hóa chúng sinh. Hội nhận vô lượng lưới thế giới. Hội nhận vô lượng cõi nước thanh tịnh của chư Phật. Hội nhận vô lượng các pháp sai biệt. Hội nhận vô lượng trí của chư Phật, chứng đắc đạo vô lượng. Hội nhận vô lượng kiếp số. Hội nhận vô lượng sự thông đạt các việc trong ba đời của chư Phật. Hội nhận vô lượng nẻo sai biệt của chúng sinh tin và thích việc thù thắng. Hội nhận vô lượng danh hiệu, sắc

thân của chư Phật với vô số sự thị hiện. Hội nhận vô lượng tâm hành,

căn tín của chúng sinh với đủ thứ loại sai biệt. Hội nhận vô lượng âm thanh, ngôn ngữ của chư Phật, khiến chúng sinh hoan hỷ. Hội nhận vô lượng tâm và nẻo hành nơi tâm của chúng sinh với vô số sự sai biệt. Hội nhận vô lượng hành tùy trí tuệ của chư Phật. Hội nhập dựa vào vô lượng sự tin hiểu của thừa Thanh văn. Hội nhận vô lượng sự thuyết giảng đạo của chư Phật, khiến chúng sinh tin hiểu. Hội nhận vô lượng sự tập thành của thừa Bích-chi-Phật. Hội nhận vô lượng môn trí tuệ sâu xa của chư Phật đã thuyết giảng. Hội nhận vô lượng nẻo hành đạo của các Bồ-tát. Hội nhận vô lượng sự tập thành pháp Đại thừa được chư Phật thuyết giảng, khiến Bồ-tát được hội nhập".

Luận:

Tu hành vô lượng chủng loại; tức là là tùy chỗ làm lợi ích cho những chúng sinh nào? Chúng sinh ở nơi chốn nào? Dùng những trí tuệ nào? Dùng những tâm nào? Dùng những hành nào? Đưa đến những Thừa nào? Do những sai biệt ấy, cho nên có mười loại tu hành:

Trong đó, tùy chỗ làm lợi ích cho những chúng sinh nào: Đối với vô lượng chúng sinh, dùng vô lượng nghiệp để giáo hóa. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, an trú trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, hội nhận vô lượng cảnh giới của chúng sinh…".

Chúng sinh ở nơi chốn nào? Ở trong vô lượng thế giới, khiến nương vào cõi Phật thanh tịnh. Như kinh nói: "Hội nhận vô lượng thế giới. Hội nhận vô lượng cõi nước thanh tịnh của chư Phật".

Dùng những trí tuệ gì? Vô lượng chủng loại trí tuệ giác ngộ về pháp giới. Như kinh nói: "Hội nhận vô lượng các pháp sai biệt. Hội nhận vô lượng trí tuệ của chư Phật, đạt đạo Vô thượng".

Vô lượng kiếp số, thông đạt về ba đời, cùng hội nhập trí tuệ giác ngộ. Như kinh nói: "Hội nhập vô lượng kiếp số. Hội nhận vô lượng sự thông đạt các sự việc trong ba đời của chư Phật".

Dùng những tâm gì? Có ba loại sự việc:

1. Có các chúng sinh tin vào vô số thân tướng chư Thiên, tâm tùy đồng hành, thuận theo niềm tin ấy mà thuyết giảng. Như kinh nói: "Hội nhận vô lượng nẻo sai biệt của chúng sinh tin ưa sự việc thù thắng".

2. Nhận biết tâm quá khứ, tùy theo căn trí mà nêu giảng ứng hợp. Như kinh nói: "Hội nhận vô lượng tâm hành căn tín của chúng sinh với đủ loại sai biệt. Hội nhận vô lượng âm thanh, ngôn ngữ của chư Phật…".

3. Dùng những hành gì? Tùy theo tâm của chúng sinh mà nêu bày

sự đối trị. Như kinh nói: "Hội nhận vô lượng tâm, nẻo hành nơi tâm chúng sinh với vô số sai biệt…".

Đưa đến những Thừa nào? Ở trong ba Thừa thì đưa đến thừa Thanh văn. Như kinh nói: "Hội nhập dựa vào vô lượng sự tin hiểu của Thừa Thanh văn. Hội nhận vô lượng sự thuyết giảng đạo của chư Phật, khiến chúng sinh tin hiểu".

Đưa đến Thừa Bích-chi-Phật. Như kinh nói: "Hội nhận vô lượng sự tập thành của thừa Bích-chi-Phật. Hội nhận vô lượng môn trí tuệ sâu xa của chư Phật đã thuyết giảng".

Đưa đến Đại thừa. Như kinh nói: "Hội nhận vô lượng nẻo hành đạo của các Bồ-tát. Hội nhận vô lượng sự tập thành pháp Đại thừa được chư Phật thuyết giảng, khiến Bồ-tát được hội nhập". Như vậy đã nói về tu hành mười loại, với vô số sai biệt của phần đối trị chướng.

Tiếp theo là nói về: Tu hành với hành không dụng công.

Kinh: "Bồ-tát ấy, khởi niệm như vậy: Chư Phật Thế Tôn có vô lượng vô biên cảnh giới. Cảnh giới đó không thể dùng bao nhiêu thời gian như trăm ức kiếp, ngàn ức kiếp, trăm ngàn ức kiếp, cho đến vượt hơn số lượng ấy như vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính toán được. Cảnh giới của chư Phật như vậy, mình đều cần phải tập hợp, tự nhiên không phân biệt mà được thành tựu. Vì không phân biệt, không chấp giữ tướng cho nên thành tựu. Bồ-tát ấy khéo quán xét như vậy cho nên trí thông tỏ, ngày đêm luôn tu tập trí phương tiện, dốc sức phát khởi hành thù thắng, khéo an trú kiên cố bởi vì pháp bất động".

Luận:

Trong đoạn này:

Tự nhiên là tự tánh thù thắng, không phân biệt. Như kinh nói: "Tự nhiên không vì phân biệt mà được thành tựu…". Câu này đã chỉ rõ điều ấy.

Bồ-tát này khéo quán xét như vậy…: là đối trị về chướng kia.

Như vậy đã nói về phần thứ hai của địa này: Phần đối trị chướng. Phần thứ ba: Cùng hành cả hai. Phần này có bốn loại tướng:

1. Hai hành cùng hành không gián đoạn.
2. Tin tưởng thù thắng.
3. Có thể làm nghĩa lớn.
4. Sai biệt của pháp Bồ-đề phần.

Kinh: "Bồ-tát ấy, khi phát khởi đạo, một niệm tâm cũng không rời bỏ. Bồ-tát này tu hành trí tuệ, khi đến cũng khởi, lúc đi cũng khởi, khi đứng cũng khởi, lúc ngồi-nằm cũng khởi, cho đến khi ngủ nghỉ-nằm

mộng đều có thể phát khởi đạo. Lìa mọi thứ ngăn che, an trú vào các oai nghi, luôn không lìa tướng niệm như vậy. Bồ-tát ấy, ở trong từng niệm đều hành trì đầy đủ mười pháp Ba-la-mật của bậc Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát khởi tất cả tâm như vậy, ở trong từng mỗi niệm, dùng Đại Bi làm đầu, tu tập hết thảy pháp Phật, đều hồi hướng đến trí của Như Lai. Bồ-tát ấy, lúc cầu đạt Phật đạo, mọi căn thiện được tu tập đều ban cho tất cả chúng sinh, là Bố thí Ba-la-mật. Có thể diệt trừ hết thảy mọi thứ phiền não thiêu đốt là Trì giới Ba-la-mật. Từ Bi làm hàng đầu, có thể nhẫn đối với hết thảy chúng sinh, là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Cầu căn thiện chuyển thắng, tâm không hề chán đủ, là Tinh tấn Ba-la-mật. Chỗ tu tập các hành tâm không dong ruổi, tán loạn, luôn hướng tới trí Nhất thiết trí, là Thiền định Ba-la-mật. Hiện tại nhận biết các pháp, tự tánh chẳng sinh, là Bát nhã Ba-la-mật. Có thể dấy khởi vô lượng môn trí, là Phương tiện Ba-la-mật. Mong đạt trí thù thắng tối thượng là Nguyện Ba-la-mật. Hết thảy tà luận của ngoại đạo cùng các chúng ma đều không thể phá hoại đạo Bồ-tát, là Lực Ba-la-mật. Quán xét đúng như thật, nhận biết về tướng của tất cả các pháp, là Trí Ba-la-mật.

Này các Phật tử! Như vậy, Bồ-tát ấy an trú trong địa Viễn hành của bậc Bồ-tát, niệm niệm đều hành trì đầy đủ mười pháp Ba-la-mật, cũng hành trì đầy đủ bốn Nhiếp pháp, cũng hành trì đầy đủ bốn Gia, ba mươi bảy pháp Trợ Bồ-đề phần, ba môn giải thoát, lược nói cho đến hết thảy pháp Trợ Bồ-đề phần, thảy đều hành trì đầy đủ".

Luận:

Ở đây, trong một niệm, hai hành Xa-ma-tha (Chỉ) Tỳ-bát-xá-na (Quán) đều cùng hiện tiền (Là hai hành cùng hành không gián đoạn).

Trú vào các oai nghi; tức là trong tất cả hành, Bồ-tát lúc tu tập, hành trì đều không gián đoạn, không ngừng nghỉ. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, lúc phát khởi đạo, một niệm tâm cũng không bỏ…".

Tin tưởng thù thắng; là Bồ-tát, trong Trí vô lượng, với nghĩa đặc biệt, tướng trang nghiêm, chuyên niệm để hiện tiền. Như kinh nói: "Luôn không lìa tướng niệm như vậy".

Có thể làm ra nghĩa lớn; niệm niệm đều hành trì đầy đủ mọi nghĩa lớn của mười Ba-la-mật. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, ở trong từng niệm hành trì đầy đủ mười pháp Ba-la-mật của bậc Bồ-tát, cho đến Trí Ba-la-mật". Ở đây:

- Phương tiện Ba-la-mật là khởi vô lượng trí sự, dựa vào trí ấy mà khởi vô lượng hạnh nguyện như Bố thí... dùng diệu lực để thâu nhiếp.

- Nguyện Ba-la-mật là phát khởi trí tối thượng, do nơi trí ấy, cho nên khởi các hành tối thượng như Bố thí... làm sinh trưởng, thâu nhiếp mọi thứ thù thắng.

- Lực Ba-la-mật: hết thảy Dị luận cùng các thứ ma không thể phá hoại nẻo hành của Bồ-tát. Dựa vào hành ấy, cho nên xa lìa mọi chướng ngại nơi Bố thí...

- Trí Ba-la-mật: quán xét đúng như thật, nhận biết về tướng của tất cả các pháp. Dựa vào trí ấy, mà đối với các pháp Bố thí... và hết thảy mọi thứ sai biệt đều nhận biết, để hóa độ chúng sinh.

Sai biệt của pháp Bồ-đề phần. Có bốn loại tướng:

1. Dựa vào pháp Đại thừa, hành Ba-la-mật. Như kinh nói: "Này các Phật tử! Như vậy, Bồ-tát ấy an trú trong Địa Viễn hành của bậc Bồ-tát, niệm niệm đều hành trì đầy đủ mười pháp Ba-la-mật".

2. Dựa vào sự giáo hóa chúng sinh, hành bốn Nhiếp pháp. Như kinh nói: "Cũng hành trì đầy đủ bốn Nhiếp pháp".

3. Dựa vào phiền não chướng, đã được thanh tịnh tăng thượng: Gia, Bồ-đề phần, môn giải thoát; là trú ở nơi chốn nào, dùng những môn gì, để tu hành đạt được thanh tịnh. Như kinh nói: "Cũng hành trì đầy đủ bốn Gia, ba mươi bảy pháp phần Trợ đạo, ba môn giải thoát". Bốn gia là: Bát nhã gia, Đế gia, Xả phiền não gia, Khổ thanh tịnh gia.

4. Dựa vào trí chướng đã thanh tịnh. Như kinh nói: "Lược nói về tất cả pháp phần Trợ Bồ-đề, ở trong mỗi mỗi niệm thảy đều hành trì đầy đủ".

Như vậy đã nói về phần thứ ba: Sai biệt do cả hai cùng hành. Tiếp đến là nói về phần thứ tư: Sai biệt do sự thù thắng nơi địa trên-trước. Địa dưới phương tiện tăng thượng, hành trì đầy đủ, trong Địa thứ bảy nói rõ.

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng: Thưa Phật tử! Bồ-tát, chỉ ở trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát mới hành trì đầy đủ tất cả pháp phần Trợ Bồ-đề, hay là hết thảy Bồ-tát trong các địa, cũng đều hành trì đầy đủ?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Phật tử! Bồ-tát ở trong mười địa của bậc Bồ-tát, thảy đều hành trì đầy đủ tất cả pháp phần Trợ Bồ-đề, nhưng Địa thứ bảy thì hơn hẳn cho nên được mang tên. Vì sao? Này Phật tử! Vì Bồ-tát ấy, ở trong địa của bậc Bồ-tát này, đã hành trì đầy đủ mọi phương tiện, được hội nhập với hành trí tuệ-thần thông. Này Phật tử! Bồ-tát, ở trong Địa thứ nhất phát nguyện, quán xét tất cả pháp Phật, gồm đủ pháp phần Trợ Bồ-đề. Trong Địa thứ hai, diệt trừ mọi thứ cấu uế xấu ác của tâm, gồm

đủ pháp phần Trợ Bồ-đề. Trong Địa thứ ba,

nguyện chuyển sang tăng trưởng, đạt được pháp sáng tỏ, gồm đủ pháp phần Trợ Bồ-đề. Trong Địa thứ tư, hội nhập đạo, gồm đủ pháp phần Trợ Bồ-đề. Trong Địa thứ năm, tùy thuận hành pháp thế gian, hành đầy đủ pháp phần Trợ Bồ-đề. Nơi Địa thứ sáu, hội nhập pháp môn thâm diệu, cho nên hành đầy đủ pháp phần Trợ Bồ-đề, và trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát này, phát khởi hết thảy pháp Phật, hành trì đầy đủ pháp phần Trợ Bồ-đề".

Luận:

Thế nào là các địa dưới phương tiện tăng thượng, hành trì đầy đủ? Do đầy đủ cho nên hội nhập hành đại trí thông. Như kinh nói: "Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Này Phật tử! Bồ-tát ở trong mười địa của bậc Bồ-tát thảy đều hành trì đầy đủ tất cả pháp phần Bồ-đề…". Ở đây, Thông là năm thần thông, Trí; như trước đã nói.

Vì sao trong địa này, hành phương tiện đầy đủ? Vì Bồ-tát, trong hành thế gian, xuất thế gian khác lại càng thực hành thù thắng. Do đó, trong Địa thứ bảy này khởi tất cả pháp Phật, có thể hành trì đầy đủ các pháp phần Trợ Bồ-đề. Như kinh nói: "Bồ-tát ở trong Địa thứ nhất, phát nguyện quán xét tất cả pháp Phật…".

Như vậy đã nói về các địa dưới phương tiện tăng thượng, hành trì đầy đủ, thuộc phần thứ tư.

Thế nào là địa trên, tu hành tăng thượng trí tuệ phương tiện đối với pháp phần Bồ-đề? Là hành công dụng đã đầy đủ.

Kinh: "Vì sao? Này Phật tử! Bồ-tát từ Địa thứ nhất trở đi, cho đến bảy Địa, đạt được các trí tuệ, hành hóa đạo. Nhờ vào diệu lực ấy, cho nên từ Địa thứ tám của bậc Bồ-tát cho đến Địa thứ mười, là hành không dụng công, tự nhiên đầy đủ.

Này Phật tử! Ví như có hai thế giới: Một là thế giới nhiễm tịnh. Hai là thế giới thuần tịnh. Ở giữa hai thế giới ấy khó có thể vượt qua được. Muốn vượt qua cảnh giới này phải dùng diệu lực của đại thần thông. Phật tử! Bồ-tát cũng vậy, hành hóa nơi đạo Bồ-tát nhiễm tịnh, khó có thể vượt qua được. Phải dùng diệu lực của đại nguyện, của trí phương tiện lớn, của thần thông lớn mới có thể vượt qua được.

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi: Phật tử! Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát là hành nhiễm hay là hành tịnh?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Này Phật tử! Từ Địa thứ nhất trở đi, Bồ-tát hành trì đều xa lìa nghiệp phiền não nhiễm. Vì sao? Vì đều hồi hướng đến đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tùy theo các đạo mà

hành hóa, như phần hành đạo bình đẳng, cho nên không gọi là

đã vượt qua hành phiền não của bảy địa. Này Phật tử! Ví như Chuyển luân Thánh vương cỡi voi báu du hành khắp bốn cõi thiên hạ, nhận biết có những kẻ bần cùng khốn khổ, cấu nhiễm, lỗi lầm, nhưng không bị những lỗi lầm kia làm cho ô nhiễm. Vì vua chưa thoát khỏi thân người. Nếu bỏ thân người, sinh đến cõi trời Phạm Thế, trú tại cung điện của Phạm Thiên, thấy rõ hàng ngàn thế giới, thị hiện uy lực, ánh sáng của bậc Phạm vương, bấy giờ không còn gọi là người. Này Phật tử! Bồ-tát cũng như vậy. Từ Địa thứ nhất trở đi, cỡi trên cỗ xe là các pháp Ba-la-mật, hành hóa nơi tất cả thế gian, cũng nhận biết mọi thứ phiền não cấu nhiễm, lỗi lầm của thế gian, nhưng không bị những thứ ấy làm cho ô nhiễm, vì đã hành trì chánh đạo, mà không gọi là đã vượt quá phiền não cấu nhiễm của bảy địa. Nếu Bồ-tát xả bỏ hết thảy hành công dụng, từ bảy Địa nhập vào Địa thứ tám, bấy giờ gọi là đi trên cỗ xe Bồ-tát thanh tịnh, hành hóa nơi tất cả thế gian, nhận biết đúng như thật về hết thảy các thứ phiền não cấu uế, lỗi lầm, nhưng không bị chúng làm cho ô nhiễm, do đã được vượt qua.

Phật tử! Bồ-tát an trú nơi Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát này, vượt qua phần lớn các thứ phiền não như tham dục... Bồ-tát ấy, trú trong địa Viễn hành của bậc Bồ-tát này, không gọi là người có phiền não, cũng không gọi là người không phiền não. Vì sao? Vì tất cả phiền não không hiện hành, cho nên không gọi là có phiền não. Vì còn tham cầu trí tuệ của Như Lai hiện tại chưa đầy đủ, cho nên không gọi là không có phiền não".

Luận:

Thế nào là Địa trên, trí tuệ phương tiện tăng thượng hành Bồ-đề phần? Tức là công dụng đầy đủ. Như kinh nói: "Vì sao? Này Phật tử! Bồ-tát từ Địa thứ nhất trở đi, cho đến Địa thứ bảy, đạt được các trí tuệ…". Tức là chỉ rõ từ Địa thứ nhất trở đi, luôn xa lìa các thứ phiền não như vậy. Địa này gọi là nhiễm tịnh, chẳng phải là hành nhiễm, như phần Hành đạo bình đẳng.

Bồ-tát ấy, ở trong địa này, tùy nơi phần lực, xả bỏ nẻo công dụng, như ví dụ về Chuyển luân Thánh vương. Trong Địa thứ tám, tự nhiên đạt được hạnh báo vượt quá mọi thứ phiền não cấu nhiễm, lỗi lầm, chỉ rõ như sinh nơi cõi trời Phạm Thế, xả bỏ thân người của Chuyển luân Thánh vương. Như kinh nói: "Phật tử! Ví như Chuyển luân Thánh vương…".

Phật tử! Bồ-tát an trú nơi Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, vượt qua phần lớn các thứ phiền não như tham dục; tức là là chưa đạt đến Địa

báo. Vì thế Địa này không gọi là hành lìa phiền não, là vì còn có dụng

công. "Bồ-tát trú trong địa Viễn hành này không gọi là có phiền não", cho đến: "Chưa đầy đủ, cho nên không gọi là không có phiền não".

Như vậy là đã nói về phần sai biệt do sự thù thắng nơi địa trên-trước. (Phần thứ tư). Tiếp theo là nói về Phần thứ năm: Sai biệt về quả do song hành. Phần này có bốn loại tướng:

1. Nghiệp thanh tịnh.
2. Đạt được Tam-muội thù thắng.
3. Quá địa (chỗ vượt hơn nơi địa).
4. Đạt được hành thù thắng.

Kinh: "Bồ-tát ấy an trú trong địa Viễn hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, thành tựu trọn vẹn thân nghiệp thanh tịnh sâu xa, thành tựu trọn vẹn khẩu nghiệp thanh tịnh sâu xa, thành tựu trọn vẹn ý nghiệp thanh tịnh sâu xa. Bồ-tát ấy, đối với các nẻo nghiệp bất thiện hiện có, luôn bị chư Phật quở trách, đều đã lìa bỏ. Đối với các nẻo nghiệp thiện hiện có, luôn được chư Phật khen ngợi, đều luôn hành trì. Mọi thứ kinh sách, kỹ thuật hiện có nơi thế gian, như đã nói trong năm địa, tự nhiên mà hành. Bồ-tát ấy, ở trong Tam thiên đại thiên thế giới, được xem là bậc Đại sư. Chỉ trừ chư Phật và Bồ-tát nơi tám địa, không có chúng sinh nào, mà tâm sâu xa, hành vi diệu có thể sánh kịp. Bồ-tát này, hết thảy các thứ thiền định, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, thần thông, giải thoát đều hiện tiền. Trong môn tu hành, không phải là đã khéo thành tựu lực báo như Địa thứ tám của bậc Bồ-tát. Bồ-tát ấy, trú nơi địa Viễn hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, ở trong mỗi mỗi niệm, tu tập đầy đủ diệu lực của trí phương tiện cùng tất cả pháp phần Trợ Bồ-đề, luôn chuyển biến, thù thắng viên mãn".

Luận:

Nghiệp thanh tịnh: có bốn loại tướng:

1. Tịnh giới thù thắng. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy trú nơi địa Viễn hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, thành tựu trọn vẹn thân nghiệp thanh tịnh sâu xa…".

2. Trí thế gian thanh tịnh thù thắng. Như kinh nói: "Mọi thứ kinh, sách, kỹ thuật hiện có của thế gian…".

3. Đạt tự thân thù thắng; tâm hành bình đẳng, không ai sánh kịp. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, ở trong Tam thiên đại thiên thế giới…".

4. Đạt được diệu lực thù thắng, các thứ thiền định... luôn hiện tiền, thù thắng. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, hết thảy các thứ thiền định, Tam-muội... hiện có…".

Ở đây, dựa vào Thiền mà khởi Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, Thần

thông, Giải thoát, là giáo hóa chúng sinh, là ưa thích hành tịch diệt, là diệt định Tam-ma-bạt-đề, thứ tự như vậy.

Đã nói xong tướng thứ nhất của phần thứ năm.

Tiếp theo là nói về tướng thứ hai: Đạt được Tam-muội thù thắng.

Kinh: "Bồ-tát ấy, an trú trong địa Viễn hành này, hội nhập với các Tam-muội:

- Thiện trạch trí Bồ-tát.
- Thiện tư nghĩa.
- Ích ý.
- Phân biệt nghĩa tạng.
- Trạch nhất thiết nghĩa.
- Thiện trú kiên căn.
- Trí thần thông môn.
- Pháp giới nghiệp.
- Như Lai lợi ích.
- Nhập vào Tam-muội mang tên Bồ-tát chủng chủng nghĩa tạng, thế gian Niết-bàn môn.

Bồ-tát ấy, ở nơi môn đại trí thông như vậy, đầy đủ mười Tam-muội hàng đầu, cho nên có thể nhập vào trăm ngàn môn Tam-muội của bậc Bồ-tát, làm thanh tịnh địa này".

Luận:

Đạt được Tam-muội thù thắng có mười loại tướng:

1. Dựa vào nghĩa chưa quán.
2. Dựa vào nghĩa đã quán.

Như kinh nói: "Bồ-tát ấy an trú trong địa Viễn hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, nhập Tam-muội gọi là Bồ-tát thiện trạch trí…".

3. Dựa vào một câu với vô lượng nghĩa thù thắng. Như kinh nói: "Tam-muội Thiện tư nghĩa".

4. Dựa vào một nghĩa để nói về vô lượng tên gọi. Như kinh nói: "Tam-muội Ích ý. Tam-muội Phân biệt nghĩa tạng".

5. Dựa vào trí thông tỏ tất cả xứ của năm Minh. Như kinh nói: "Tam-muội Trạch nhất thiết nghĩa".

6. Dựa vào chướng phiền não đã được thanh tịnh, quán chân như với căn kiên định. Như kinh nói: "Tam-muội Thiện trú kiên căn".

7. Dựa vào chướng ngại của trí đã được thanh tịnh. Có bốn loại chướng đã được thanh tịnh:

1. Chướng ngại đối với công đức thù thắng. Đối trị chướng này,

như kinh nói: "Tam-muội Trí thần thông môn".

2. Chướng ngại nơi trí không có chướng ngại: Đối trị chướng này, như kinh nói: "Tam-muội Pháp giới nghiệp".

3. Chướng ngại do khiếp sợ đối với pháp Phật sâu xa tối thượng. Đối trị chướng này, như kinh nói: "Tam-muội Như Lai lợi ích".

4. Chướng ngại đối với hành không trú. Đối trị chướng này, như kinh nói: "Nhập vào Tam-muội gọi là chủng chủng nghĩa tạng…".

Chủng chủng nghĩa tạng; là vô số các loại căn thiện.

Như vậy, nơi môn đại trí thông, Bồ-tát đã hành trì đầy đủ mười Tam-muội hàng đầu, cho nên có thể hội nhập trăm ngàn vạn môn Tam-muội của bậc Bồ-tát, làm thanh tịnh địa này.

Đã nói xong về phần Đạt Tam-muội thù thắng. Tiếp đến là nói về phần quá địa (chỗ vượt hơn nơi địa).

Kinh: "Bồ-tát ấy, đạt được Tam-muội như vậy, trí tuệ phương tiện hoàn toàn thanh tịnh, đạt diệu lực của Đại Bi, cho nên vượt hơn cảnh giới của hàng Nhị thừa, hiện tiền tư duy, suy xét, hướng đến cảnh giới trí tuệ".

Luận:

Vượt hơn cảnh giới của hàng Nhị thừa. Có hai loại tướng:

1. Diệu lực của trí phương tiện tu hành.
2. Diệu lực của tâm Đại Bi.

Hiện tiền tức là có thể hội nhập dòng với chảy của đạo pháp. Lượng xét, hướng tới cảnh giới trí tuệ tức là trí tuệ của tám địa.

Chỉ quán với Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na mà mọi xứ ấy đều thành tựu. Lại nữa, chỗ vượt hơn là nẻo hành hóa thù thắng, cho nên chỉ rõ.

Kinh: "Bồ-tát ấy an trú trong địa Viễn hành, là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, nơi vô lượng thân nghiệp hành vô tướng, nơi vô lượng khẩu nghiệp-ý nghiệp đều hành vô tướng. Bồ-tát này, khéo hành thanh tịnh cho nên đạt được pháp Nhẫn vô sinh sáng tỏ.

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói: Này Phật tử! Bồ-tát trú nơi Địa thứ nhất của bậc Bồ-tát, có vô lượng thân nghiệp, vô lượng khẩu nghiệp, vô lượng ý nghiệp, đã vượt hơn tất cả hành của hàng Nhị thừa chăng?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Này Phật tử! Quán xét về pháp lớn cho nên vượt hơn. Không phải là hành lực của tự trí. Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát này, đạt được quán với hành lực của tự trí, cho nên hết thảy mọi nẻo hành của hàng Nhị thừa đều không thể sánh kịp.

Này Phật tử! Ví như Vương tử sinh nơi Vương gia, đầy đủ vương

tướng hơn hẳn tất cả các bề tôi, là do uy lực của chốn quyền quý, chẳng phải là do hành lực của tự trí. Về sau, thân tướng trưởng thành tự đầy đủ trí lực, mọi sự việc tạo tác đều thành tựu, mới đích thực vượt hơn tất cả các bề tôi. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã vượt hơn tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật, do tâm sâu xa lớn lao. Nay trú trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, tự trí hành trú, cho nên vượt hơn mọi hành của hàng Nhị thừa".

Luận:

Vô lượng ba nghiệp hành vô tướng; là nhập định, xa lìa mọi tướng. Vô lượng ấy thì hàng Thanh văn, Duyên giác cũng có nghiệp thanh tịnh xa lìa tướng, nhưng không phải là vô lượng tướng, vì không thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Lại nữa, vô lượng ấy hơn hẳn sự việc của các địa dưới.

Khéo hành thanh tịnh là tu tập các hành phương tiện đầy đủ. Pháp Nhẫn vô sinh sáng tỏ là tướng hiện tiền của pháp Nhẫn ấy.

Dụ về vương tử là chỉ rõ sự thù thắng, vượt hơn trong địa này, do tu hành phương tiện đầy đủ.

Tự trí hành trú; là hành phương tiện xong, niệm quán để an trú. Như kinh nói: "Phật tử! Ví như vương tử sinh tại Vương gia… "cho đến": Tự trí hành trú cho nên hơn hẳn…".

Vô lượng nghiệp thù thắng như thân nghiệp... đã nói, không chỉ là có nhiều thần lực vô lượng mà cũng chỉ rõ về vô lượng nghĩa thù thắng.

Kinh: "Này các Phật tử! Bồ-tát ấy an trú nơi địa Viễn hành này, đạt được nẻo vô hành, xa lìa hết mực sâu xa. Ba nghiệp thân-khẩu-ý đều chuyển biến, cầu đạt hành thù thắng nhưng không lìa bỏ".

Luận:

- Hết mực sâu xa; là tiến vào nơi xa.
- Xa lìa: tức là các chướng ngại được diệt trừ.
- Vô hành: là chỉ cho các địa thế gian xuất thế gian còn lại đều không thể hành trì.
- Ba nghiệp chuyển biến, cầu đạt hành thù thắng mà không lìa bỏ; tức là chỉ cho hàng Nhị thừa, tuy lìa tướng nghiệp kia, nhưng chẳng như vậy, mới đạt một ít đã cho là đủ, không cầu đạt hành vô thượng.

Như vậy đã nói về tướng thứ ba: Chỗ vượt hơn nơi địa (Vượt hơn cảnh giới của hàng Nhị thừa).

Thế nào là đạt được hành thù thắng? (Tướng thứ tư)

Kinh: "Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi: Này Phật tử! Bồ-tát từ địa nào

trở đi mới có thể hội nhập vào định Tịch diệt?

Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này Phật tử! Bồ-tát từ Địa thứ sáu trở đi, có thể hội nhập định Tịch diệt. Nay trú nơi Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, trong mỗi mỗi niệm đều có thể nhập nơi định ấy, nhưng không thủ chứng. Bồ-tát ấy đã thành tựu trọn vẹn về ba nghiệp thân-khẩu-ý không thể nghĩ bàn. Này Phật tử! Đó là hành của các Bồ-tát hành hóa nơi thật tế mà không chứng đắc định Tịch diệt.

Phật tử! Ví như có người dùng thuyền lớn đi vào biển cả, khéo biết cách sử dụng thuyền, khéo nhận biết tướng trạng của nước, không bị nạn nước của biển lớn làm hại. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trú trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát này, đi trên thuyền của các pháp Ba-la-mật, hành hóa nơi thật tế mà không chứng đắc định Tịch diệt".

Luận:

Hành hóa nơi thật tế mà không chứng đắc định Tịch diệt; bởi vì không xả bỏ Hữu. Như kinh nói: "Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Đại Bồ-tát, từ nơi Địa thứ sáu trở đi…".

Đã nói về phần hành thù thắng nơi Tam-ma-bạt-đề. Tiếp theo là nói về việc phát khởi hành thù thắng.

Kinh: Bồ-tát là thông đạt về trí lực của Tam-muội như vậy, tu tập khởi trí lực của phương tiện lớn, hiện thân nơi nẻo thế gian mà tâm sâu xa là Niết-bàn. Tuy quyến thuộc vây quanh nhưng tâm thường xa lìa. Dùng nguyện lực thọ sinh nơi ba cõi, nhưng không bị thế gian làm ô nhiễm. Tâm thường vắng lặng, nhờ diệu lực của phương tiện mà trở lại tỏa sáng, tỏa sáng nhưng không bùng cháy. Tùy thuận trí Phật, xoay chuyển cảnh giới của hàng Nhị thừa, thông đạt cảnh giới ẩn giấu của chư Phật, hiện bày cảnh giới của ma, vượt qua bốn cõi ma, hiện hành cảnh giới ma. Hiện bày nẻo hành của các ngoại đạo, nhưng tâm sâu xa không xả bỏ nẻo Phật. Thông tỏ tất cả sự việc nơi thế gian, nhưng tâm luôn ở nơi đạo pháp xuất thế gian. Tất cả mọi điều trang nghiêm, hơn hẳn các chúng chư Thiên, Long, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân, bốn Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương, mà không xả bỏ sự nhớ nghĩ về pháp an lạc".

Luận:

Phát khởi hành thù thắng, có tám loại hành cùng thâu nhiếp của đối trị:

1. Hành công đức phát khởi tùy thuận nẻo thế gian. Như kinh nói: "Bồ-tát thông đạt về trí lực của tam-muội như vậy…".

2. Hành đứng đầu thâu nhiếp các thứ khác. Như kinh nói: "Tuy quyến thuộc vây quanh…".

3. Hành nguyện chọn lấy cõi. Như kinh nói: "Dùng nguyện lực thọ sinh nơi ba cõi…".

4. Hành không đoạn bỏ gia đình; xa lìa tham dục và các tùy phiền não-kiết sử, nhưng thị hiện các sự việc hành tham dục. Như kinh nói: "Tâm thường vắng lặng, nhờ diệu lực của phương tiện…".

5. Hành hội nhập. Như kinh nói: "Tùy thuận trí Phật…".

6. Hành nơi đời sống; ăn uống, ngủ nghỉ, nằm mộng... như cảnh giới của ma. Như kinh nói: "Thông tỏ cảnh giới ẩn giấu của chư Phật…".

7. Hành thoái chuyển; thị hiện già-bệnh-chết là ba cảnh giới của ma. Như kinh nói: "Vượt qua bốn cõi ma, hiện hành cảnh giới ma".

8. Hành xoay chuyển. Có ba loại xoay chuyển:

1. Xoay chuyển tham chấp. Như kinh nói: "Hiện bày nẻo hành của các ngoại đạo, nhưng tâm sâu xa…".

2. Xoay chuyển chướng ngại. Như kinh nói: "Thông tỏ tất cả sự việc nơi thế gian…".

3. Xoay chuyển tâm tham; đối với các chúng Trời, Rồng... tâm tôn trọng, thâu nhiếp để xoay chuyển tâm tham của họ. Như kinh nói: "Tất cả mọi điều trang nghiêm…".

Kinh: "Bồ-tát thành tựu trí tuệ như vậy, an trú nơi địa Viễn hành của bậc Bồ-tát này rồi, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, cho nên thấy nhiều trăm Phật… cho đến nhiều trăm ngàn na-do-tha Phật, thấy nhiều ức Phật cho đến nhiều trăm ngàn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, cho nên Bồ-tát ấy khi gặp chư Phật đều đem tâm sâu xa, tâm hướng thượng, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men… Dùng các căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nơi trú xứ của chư Phật, sinh tâm cung kính tột bậc, hết lòng nghe pháp, lãnh hội rồi thọ trì, thọ trì xong đạt được Tam-muội như thật, trí tuệ tỏa sáng, tùy thuận tu tập, hành hóa, nhớ giữ, hộ trí chánh pháp của chư Phật, hết thảy trí tuệ của hàng Nhị thừa nêu bày vấn nạn đều không thể gây trở ngại. Bồ-tát ấy lại có thể làm lợi ích cho chúng sinh, cho nên pháp Nhẫn càng trở nên thanh tịnh. Bồ-tát này, trú trong địa Viễn hành của bậc Bồ-tát ấy, trải qua vô lượng kiếp, các thứ căn thiện kia, càng trở cho nên sáng, sạch, thù thắng, thành tựu thuận hợp, lại chuyển sang thành tựu tột cùng. Trải qua vô lượng trăm kiếp, vô lượng ngàn kiếp… cho đến vô lượng trăm ngàn na-do-tha kiếp, vô lượng ức kiếp… cho đến vô

lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, các thứ căn thiện kia càng trở nên, sáng sạch thù thắng, thành tựu thuận hợp, lại chuyển sang thành tựu trọn vẹn.

Này Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu dùng tất cả các thứ vật báu để trang nghiêm đầy đủ, thì ánh sáng, màu sắc càng trở cho nên sáng đẹp thù thắng, các vật dụng trang sức khác đều không thể sánh kịp. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trú trong địa Viễn hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát ấy, thì các căn thiện kia, theo trí phương tiện, lại càng trở cho nên sáng, sạch, thù thắng, hết thảy hàng Nhị thừa đều không thể làm trở ngại. Này Phật tử! Ví như ánh sáng của mặt trời, thì tất cả ánh sáng của tinh tú, mặt trăng đều không thể hủy hoại, mọi vũng nước bùn lầy vốn có trong cõi Diêm-phù-đề, do ánh sáng của mặt trời cho nên đều có thể khô cạn. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trú trong địa Viễn hành này, các căn thiện kia thì tất cả hàng Nhị thừa đều không thể hủy hoại mà lại có thể làm khô cạn mọi vũng bùn đọng của phiền não nơi tất cả chúng sinh. Bồ-tát ấy, trong mười pháp Ba-la-mật thì Phương tiện Ba-la-mật là tăng thượng, các pháp Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng mà tùy lực-tùy phần. Này các Phật tử! Đó gọi là lược nói về địa Viễn hành, là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát. Nếu Bồ-tát trú trong địa này thì nhiều lần làm Thiên vương cõi Trời Tha-hóa-tự-tại, mọi nẻo tạo tác đều tự tại, khéo khiến cho chúng sinh phát sinh chánh trí, cũng khiến cho mọi chúng sinh vượt qua biển phiền não, mọi nghiệp thiện đã tạo như bố thí-ái ngữ-đồng sự-lợi hành, các thứ phước đức ấy, đều không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Bồ-tát và niệm hành của Bồ-tát… cho đến không lìa niệm trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, luôn khởi tâm này: Mình phải ở trong tất cả chúng sinh, là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ nương dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ suy nghĩ ấy mà phát khởi hành tinh tấn. Do diệu lực của tinh tấn, cho nên trong một niệm đạt được trăm ngàn ức na-do-tha Tam-muội, thấy trăm ngàn ức na-do-tha Phật, nhận biết trăm ngàn ức na-do-tha thần lực của Phật, có thể làm chuyển động trăm ngàn ức na-do-tha thế giới Phật, có thể đi vào trăm ngàn ức na-do-tha thế giới Phật, có thể soi chiếu trăm ngàn ức na-do-tha thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi trăm ngàn ức na-do-tha thế giới Phật, có thể trú thọ qua trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, có thể nhận biết sự việc trong trăm ngàn ức na-do-tha kiếp của đời quá khứ, vị lai, có thể khéo hội nhập trăm ngàn ức na-do-tha pháp môn, có thể biến hóa thân làm trăm ngàn ức na-do-tha thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện trăm ngàn ức na-do-tha Bồ-tát dùng làm quyến

thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại, thắng thượng thì diệu lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy, thị hiện vô số các loại thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc nơi mắt, hoặc nơi cảnh giới, hoặc nơi âm thanh… Các thứ thần thông đó, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết".

Luận:

Hộ trì chánh pháp của chư Phật là ở trong Tam thiên đại thiên thế giới cần phải làm bậc Đại sư, tu tập hành phương tiện đầy đủ, lấy việc hộ trì pháp làm đầu, làm lợi ích cho chúng sinh, cho nên pháp nhẫn càng hiển hiện.

Về giải thích tên gọi của địa này, cho nên biết. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, lại có thể làm lợi ích cho chúng sinh, cho nên pháp Nhẫn càng trở cho nên thanh tịnh". Tu hành công đức đạt đến tận cùng cho nên gọi là địa Viễn hành, hết thảy các thứ báu đều đầy đủ, trang nghiêm.

Về vàng ròng là chỉ rõ về tất cả pháp phần Bồ-đề với hành phương tiện, công dụng đầy đủ, cho nên trong địa này, các căn thiện đều trở cho nên sáng sạch thù thắng tuyệt vời. Như kinh nói: "Ví như vàng ròng từ ban đầu…cho đến: "Hết thảy hàng Nhị thừa đều không thể hủy hoại".

Dụ về ánh sáng mặt trời; như trong địa trước đã nói, nhưng địa này hơn hẳn. Như kinh nói: "Này Phật tử! Ví như ánh sáng mặt trời…" cho đến: "Lại có thể làm khô cạn mọi vũng bùn đọng của phiền não nơi hết thảy chúng sinh". Những phần còn lại như trước đã giải thích.

**

LUẬN THẬP ĐỊA KINH

QUYỂN 10

Địa 8: ĐỊA BẤT ĐỘNG

Luận: Trong Địa thứ tám có bảy loại tướng sai biệt:

1. Phân nêu rõ chung về phương tiện tác tập địa.
2. Phần đạt được Nhẫn thanh tịnh.
3. Phần đạt được hành thù thắng.
4. Phần làm thanh tịnh cõi Phật.
5. Phần đạt được tự tại.
6. Phần đạt được thù thắng lớn.
7. Phần giải thích tên gọi.

Thế nào là Phần nêu rõ chung về phương tiện tác tập địa?

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát ở trong bảy địa, khéo tích tập tuệ phương tiện, khéo làm thanh tịnh các hành, khéo tập hợp pháp trợ đạo, khéo phát khởi đại nguyện lực, khéo làm tăng sự gia hộ của diệu lực Như Lai, thì từ lực dụng của căn thiện đạt được diệu lực, thường nhớ nghĩ tùy thuận với mười tám pháp bất cộng của Phật, mười lực và bốn vô uý của Như Lai, khéo làm thanh tịnh tâm nhận biết sâu xa, thành tựu phước đức-trí lực, Đại Từ Bi bình đẳng không xả bỏ nẻo hành của tất cả chúng sinh, thông đạt vô lượng trí đạo".

Luận:

Phần nêu rõ chung về phương tiện tác tập địa: Do chung cho bảy địa nên có Đồng tướng và Biệt tướng.

- Thế nào là Đồng tướng? Đồng tướng có ba loại:

1. Chứng đắc cao nhất về hai loại Vô ngã.
2. Đạo không trú thanh tịnh.
3. Trí phương tiện của hành thâu nhiếp đầy đủ các pháp phần Trợ Bồ-đề. Như kinh nói: "Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát ở trong bảy địa…".

- Thế nào là Biệt tướng? Tức là khéo phát khởi đại nguyện lực, đồng với Địa thứ nhất và đồng với các địa. Như kinh nói: "Khéo phát

khởi đại nguyện lực".

Trong Địa thứ hai: "Vì vậy mình nên bình đẳng thực hành mười thiện nghiệp đạo, tu tập nhất thiết chủng, khiến đạt được thanh tịnh, đầy đủ diệu lực của Như Lai nơi xứ kia". Như kinh nói: "Khéo làm tăng thêm lực gia hộ của Như Lai".

Trong Địa thứ ba: "Nhàm chán, đạt được thiền định không thối chuyển, từ lực dụng của căn thiện mà có thể thông đạt". Như kinh nói: "Từ lực dụng nơi căn thiện đạt được diệu lực".

Trong Địa thứ tư: "Pháp được thuyết giảng khiến mọi chướng ngại nơi trí giáo hóa và trí phân biệt đều được thanh tịnh, suy niệm hơn hẳn, thông đạt pháp Phật". Như kinh nói: "Thường nhớ nghĩ, tùy thuận với mười tám pháp bất cộng, bốn vô úy, mười lực của Như Lai".

Trong Địa thứ năm: "Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng, khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa…". Như kinh nói: "Khéo làm thanh tịnh tâm nhận biết sâu xa".

Trong Địa thứ sáu: "Đại Bi tự tại đứng đầu, tăng thượng về quán nhân duyên tích tập, thành tựu phước đức-trí lực". Như kinh nói: "Thành tựu phước đức-trí lực".

Trong Địa thứ bảy: "Trí tuệ phương tiện, phát khởi đạo thù thắng, không xả bỏ nẻo hành của tất cả chúng sinh". Như kinh nói: "Đại Từ Bi bình đẳng không xả bỏ nẻo hành của tất cả chúng sinh". Dùng vô lượng cảnh giới chúng sinh mà hội nhập với vô lượng trí đạo. Như kinh nói: "Thông đạt vô lượng trí đạo".

Như vậy Địa thứ tám đã nêu rõ chung về phương tiện tập hợp địa.

Đã nói xong phần thứ nhất.

Thế nào là Phần đạt được Nhẫn thanh tịnh? (Phần thứ hai) Tức là đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Nên biết Bồ-tát ấy đạt thanh tịnh, tự nhiên hành không dụng công.

Kinh: "Hội nhập với tất cả pháp xưa nay không có sinh, không có thành, không có tướng, không có xuất, không mất, vô tận, không hành, không phải là có tánh Có, đầu-giữa-sau đều bình đẳng. Chân như không phân biệt, hội nhập với trí Nhất thiết trí. Bồ-tát ấy xa lìa hết thảy mọi tâm-ý-thức, nhớ tưởng phân biệt, không còn gì tham chấp, bình đẳng như hư không, hội nhập với tất cả pháp, tánh như hư không. Đó gọi là đạt được pháp Nhẫn vô sinh".

Luận: Lại nữa, Nhẫn ấy, ở trong bốn loại Vô sinh, nên biết. Bốn loại

Vô sinh là:

1. Sự vô sinh.
2. Tự tánh vô sinh.
3. Số lượng sai biệt vô sinh.
4. Tác nghiệp sai biệt vô sinh.

- Sự vô sinh: là thật có bảy loại sự.

1. Trong phần tịnh của pháp vốn có thật. Đối trị điều này, như kinh nói: "Hội nhập với tất cả pháp xưa nay không có sinh".

2. Mỗi lượt mới sinh là có thật. Đối trị điều này, như kinh nói: "Các pháp xưa nay là không có thành".

3. Tướng là thật. Đối trị điều này, như kinh nói: "Các pháp xưa nay là không có tướng".

4. Thời gian sau là thật. Đối trị điều này, như kinh nói: "Các pháp xưa nay là không có xuất".

5. Thời gian trước là thật; là chướng phiền não trong phần nhiễm. Đối trị điều này, như kinh nói: "Các pháp xưa nay không mất".

6. Cùng tận là thật, như các chúng sinh. Đối trị điều này, như kinh nói: "Các pháp xưa nay là vô tận".

7. Tạp nhiễm là thật, như trong phần tịnh. Đối trị điều này, như kinh nói: "Các pháp xưa nay là không hành".

- Tự tánh vô sinh: là pháp này vô ngã, pháp kia vô ngã, tự Thể là vô tánh. Như kinh nói: "Chẳng phải là có tánh Có". Bồ-tát quán xét về sự, đây là pháp Nhẫn vô sinh cho nên không thể cho là quán không thật có, vì tướng của pháp và của ngã đều không có.

- Số lượng sai biệt vô sinh: tức là ở trong ba thời, pháp nhiễm tịnh không tăng giảm. Như kinh nói: "Đầu giữa sau đều bình đẳng".

- Tạo nghiệp sai biệt vô sinh; tức là ở trong Chân như, trí Phật không phân biệt mà hoàn toàn thanh tịnh. Như kinh nói: "Chân như không phân biệt, hội nhập với trí Nhất thiết trí".

Như vậy là chỉ rõ về quán pháp Nhẫn vô sinh.

Tiếp theo là chỉ rõ về hành xa lìa báo, tưởng về cảnh giới phân biệt, tưởng về tánh thâu nhiếp phân biệt. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy xa lìa mọi sự nhớ tưởng, phân biệt của Tâm-ý-thức".

Tưởng là xa lìa tưởng về chướng ngại pháp chứ không phải là tưởng về pháp không có đối trị. Bồ-tát đối trị tưởng ở trong địa sau có ba loại sự thù thắng:

1. Hành tự nhiên chứ không dụng công. Như kinh nói: "Không có

gì tham chấp".

2. Hiện bày khắp nơi tướng của tất cả pháp. Như kinh nói: "Bình đẳng như hư không".

3. Hành tự nhiên mà hội nhập với Chân như bất động. Như kinh nói: "Hội nhập với tất cả pháp, tánh như hư không".

Đó gọi là đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Như vậy đã nói về phần thứ hai của Địa thứ tám: Phần đạt được Nhẫn thanh tịnh. Tiếp đến là phần thứ ba: Đạt được hành thù thắng.

Kinh: "Lại nữa, này Phật tử! Thành tựu pháp Nhẫn như vậy, Bồ-tát lập tức đạt đến địa Bất động, là Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, được gọi là Bồ-tát hành trì sâu xa khó có thể nhận biết, không thể phân biệt, vì lìa tất cả tướng, lìa hết thảy tưởng và hết thảy tham chấp, vô lượng vô biên, tất cả hàng Nhị thừa đều không thể hủy hoại, tịch tĩnh và tất cả đều tịch tĩnh mà luôn hiện tiền.

Này Phật tử! Ví như Tỳ-kheo chứng đắc đầy đủ thần thông, tâm được tự tại, thứ tự nhập định Diệt tận, tất cả mọi thứ nhớ tưởng, phân biệt của tâm động thảy đều dứt hết. Phật tử! Bồ-tát cũng như vậy, an trú nơi địa Bất động, là Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, thì lìa hết thảy hành có dụng công cùng các thứ nhớ nghĩ, đạt được pháp không dụng công, lìa mọi tạo tác của thân-khẩu-ý, an trú nơi hành báo. Phật tử! Ví như có người, trong mộng thấy thân bị rơi xuống dòng sông lớn. Người ấy bấy giờ phát khởi sự dũng mãnh lớn, hiện bày đại phương tiện muốn ra khỏi sông sâu. Lúc phát khởi sự dũng mãnh, bỗng nhiên thức giấc, thức giấc rồi người ấy liền lìa mọi sự việc phương tiện dũng mãnh đã dựa vào.

Này Phật tử! Bồ-tát cũng như vậy. Từ lúc mới phát tâm trở đi, thấy các chúng sinh rơi vào bốn sông lớn, phát khởi sức tinh tiến lớn, dốc sức tu hành đạo đến địa Bất động, liền lìa tất cả tưởng của hành có dụng công. Bồ-tát ấy, tất cả đều không hành hai tâm, các nẻo nhớ tưởng không còn hiện tiền nữa. Này Phật tử! Ví như sinh tại cõi Phạm thiên, thì tất cả phiền não của cõi Dục đều không hiện hành. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trú nơi địa Bất động ấy, hết thảy tâm-ý-thức đều không hiện hành, hết thảy tâm Phật, tâm Bồ-đề, tâm Bồ-tát, tâm Niết-bàn đều không hành, huống hồ là hành tâm thế gian".

Luận:

Ở đây, đạt được hành thù thắng; tức là đạt được hành sâu xa. Hành sâu xa có bảy loại:

1. Sâu xa do khó hội nhập. Như kinh nói: "Lại nữa, này Phật tử!

Thành tựu pháp Nhẫn như vậy… cho đến: khó có thể nhận biết".

2. Sâu xa do đồng hành: tức là với các địa thanh tịnh, Bồ-tát đồng hành. Như kinh nói: "Không thể phân biệt".

3. Sâu xa của cảnh giới: là điều được chọn lấy và có thể chọn lấy đều không hiện tiền. Như kinh nói: "Lìa tất cả tướng…". Ngăn chận tất cả tưởng về chướng, cho nên gọi là lìa mọi tham chấp.

4. Sâu xa của sự tu hành: là hành tự lợi-lợi tha. Như kinh nói: "Vô lượng vô biên".

5. Sâu xa do không thối chuyển. Như kinh nói: "Tất cả hàng Nhị thừa đều không thể hủy hoại".

6. Sâu xa do lìa chướng ngại. Như kinh nói: "Tịch tĩnh".

7. Sâu xa do đối trị, hiện tiền. Như kinh nói: "Tất cả đều tịch tĩnh mà luôn hiện tiền". Chân như cho nên hết thảy tịch tĩnh.

Dụ về định Diệt tận: là chỉ rõ về hành tịch diệt kia. Như kinh nói: "Này Phật tử! Ví như Tỳ-kheo… cho đến: "Lìa mọi tạo tác của thân-khẩu-ý, an trú nơi hành báo thành tựu".

Hết thảy mọi thứ nhớ tưởng phân biệt của tâm động thảy đều dứt sạch; tức là không còn nơi chốn nương dựa.

Lìa tất cả hành có dụng công; là vượt quá cảnh giới của hành dụng công.

Đạt pháp không dụng công: tức là đạt pháp đối trị của hành kia. Do đạt được pháp không dụng công, cho nên hành trì tự nhiên. An trú nơi hành báo là chỉ rõ chỗ đạt được pháp trái với hành có dụng công.

Lại an trú nơi hành báo thành tựu: tức là khéo trú vào thức A-lê-da trong pháp Chân như.

Dụ về nằm mộng thức giấc: là chỉ rõ trong hành này có sự ngăn chận tưởng lỗi lầm, vì có tưởng chánh trí, vì hành ấy là tịch diệt. Như kinh nói: "Này Phật tử! Ví như có người trong mộng…". Ở đây, dựa vào Niết-bàn, thế gian thanh tịnh cho nên hai tâm không hiện hành. Dựa vào cảnh giới thọ dụng cho nên niệm tưởng không hiện hành.

Dụ về sinh nơi cõi Phạm thiên: là đối với địa dưới, tâm hoàn toàn không hiện hành để đạt được phần báo nơi địa. Ở đây là nói về chỗ thù thắng do xa lìa. Như kinh nói: "Phật tử! Ví như sinh nơi cõi trời Phạm thiên… " cho đến: "Huống là hành tâm thế gian".

Ở đây, hai phần hành thuận-hành không thuận là tâm cùng với Phật đều không hiện hành, vì Đại thừa và Tiểu thừa có sai biệt. Trong Đại thừa-Tiểu thừa, chúng sinh và pháp có sai biệt, hữu học và vô học có sai biệt,

Phật cùng Niết-bàn có sai biệt. Mọi sự nêu bày như vậy, nên biết.

Trong ấy, hành thuận: là trong phần hành thuận, tâm đều không hiện hành. Như kinh nói: "Hết thảy tâm ý thức đều không hiện hành". Hành không thuận: là trong phần hành không thuận, Phật cũng không hiện hành. Như kinh nói: "Tâm Phật, cho đến tâm Niết-bàn, đều không hiện hành".

Đại thừa và Tiểu thừa có sai biệt. Sai biệt trong Đại thừa: là sai biệt về Phật, Bồ-tát, Niết-bàn. Sai biệt trong Tiểu thừa; là sai biệt về A-la-hán, Niết-bàn, Thanh văn.

Trong Đại thừa-Tiểu thừa, chúng sinh và pháp có sai biệt: là sai biệt về Phật và Bồ-tát. Pháp sai biệt; là sai biệt về Bồ-đề và Niết-bàn.

Trong Tiểu thừa, hữu học-vô học và chúng sinh có sai biệt. Pháp sai biệt: là sai biệt về Niết-bàn. Vô học sai biệt, là sai biệt về A-la-hán. Hữu học sai biệt; là sai biệt về A-na-hàm ...

Các hành như vậy thảy đều không hành.

Kinh: "Này Phật tử! Bồ-tát này, đạt được địa Bất động ấy rồi, an trú trong diệu lực của bản nguyện. Bấy giờ, chư Phật, trong dòng chảy của nẻo pháp, đã ban cho trí tuệ của Như Lai, lại nói; lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông đã đạt được pháp Nhẫn rốt ráo ấy, thuận với pháp của tất cả chư Phật. Này thiện nam! Chúng ta đã thành tựu mười tám pháp Bất cộng của Phật, bốn Vô sở úy, mười Lực hiện có. Ông nay chưa đạt được, thì nên làm cho thành tựu pháp của chư Phật, siêng năng, tinh tiến cầu đạt, cũng chớ xả bỏ môn Nhẫn này".

Luận:

Ở đây, ban cho lực trí tuệ của Như Lai: là chuyển biến trong hành sâu xa kia ưa thích tâm đầy đủ, tán thán chỗ đạt pháp tối thượng, không thủ đắc đối với sự tu hành-dẫn dạy-trao truyền. Nếu không xả bỏ pháp Nhẫn này mà hành không thủ đắc, thì mới thành tựu tất cả pháp Phật, vì dựa vào pháp Nhẫn ấy mới có năng lực để có thể tạo tác. Như kinh nói: "Này Phật tử! Bồ-tát ấy đạt được địa Bất động này rồi, an trú nơi diệu lực của bản nguyện…" cho đến: "Cũng chớ xả bỏ môn Nhẫn ấy".

Kinh: "Lại nữa, này thiện nam! Ông tuy đạt được pháp Giải thoát vắng lặng ấy, nhưng các chúng sinh phàm phu ở đây là không thiện, không vắng lặng, luôn ở trong vô số các thứ phiền não được tích tập, bị đủ các loại giác quán của dị niệm làm hại. Ông phải thương xót, nhớ nghĩ đến các chúng sinh như vậy".

Luận:

Dựa vào các chúng sinh như vậy, họ không có được lợi ích lớn, do hiện khởi phiền não-kiết sử trong hai phần tại gia-xuất gia, tham chấp sâu vào phiền não. Các chúng sinh ấy cần được xoay chuyển. Như kinh nói: "Này thiện nam! Ông tuy đạt được…".

Không thiện: là hiện khởi phiền não cấu nhiễm. Không vắng lặng: là không xa lìa các thứ kiết sử kia.

Luôn ở trong vô số các thứ phiền não được tích tập: là ở trong phần tại gia.

Bị đủ các loại giác quán của dị niệm làm hại; là ở trong phần xuất gia.

Kinh: "Lại nữa, này thiện nam! Ông nên nhớ nghĩ về sở nguyện từ xưa là mong làm lợi ích lớn cho chúng sinh, là mong đạt được môn trí tuệ không thể nghĩ bàn".

Luận: Dựa vào bản nguyện là mong giáo hóa chúng sinh, trí hành hóa rộng khắp, cho nên có thể xoay chuyển. Như kinh nói: "Lại nữa, này thiện nam! Ông nên nhớ nghĩ…".

Kinh: "Lại nữa, này thiện nam! Pháp tánh trong tất cả pháp ấy, dù có Phật hay không Phật thì pháp giới vẫn thường trú. Chư Như Lai do không thủ đắc pháp ấy, cho nên gọi là Phật. Hàng Nhị thừa cũng đạt được pháp không phân biệt này".

Luận: Dựa vào nghĩa bất cộng. Cần xoay chuyển chỗ cấu nhiễm do công hạnh đã mệt mỏi nơi hàng Nhị thừa. Như kinh nói: "Lại nữa, này thiện nam! Pháp tánh trong tất cả pháp ấy…"

Kinh: "Lại nữa, này thiện nam! Ông quán xét nơi chúng ta có vô lượng thân thanh tịnh, vô lượng trí tuệ, vô lượng cõi nước Phật, vô lượng hào quang, vô lượng trí khởi, vô lượng âm thanh thanh tịnh. Ông nay nên phát khởi các sự việc như vậy".

Luận:

Vô lượng thân thanh tịnh … là chỉ rõ sự thành tựu diệu lực hiện có nơi pháp Phật, dựa vào việc làm lợi ích cho chúng sinh. Công việc làm lợi ích cho chúng sinh này, là thân nên dùng sự việc gì? Như kinh nói: "Lại nữa, này thiện nam! Ông quán xét nơi chúng ta có vô lượng thân thanh tịnh".

- Dùng những trí gì? Là trí của thế gian Đế, trí của đệ nhất Đế nghĩa. Như kinh nói: "Vô lượng trí tuệ".
- Do những cõi nước thanh tịnh nào? Như kinh nói: "Vô lượng cõi nước Phật".

- Dùng những gì để nhiếp phục? Như kinh nói: "Vô lượng hào quang".

Tùy những chúng sinh nên độ mà trí tuệ hành hóa. Như kinh nói: "Vô lượng trí phát khởi".

Tùy theo ngôn thuyết thuận hợp. Như kinh nói: "Vô lượng âm thanh thanh tịnh".

Tất cả là chỉ rõ: "Ông nay nên phát khởi các sự việc như vậy".

Kinh: "Lại nữa, này thiện nam! Ông nay vừa đạt được một pháp Minh ấy, đó là pháp Minh của tất cả các pháp vắng lặng, không phân biệt. Như vậy, này thiện nam! Pháp Minh của Như Lai, với vô lượng hội nhập, vô lượng tạo tác, vô lượng chuyển biến. Ông vì đã đạt được pháp Minh kia, cho nên hãy phát khởi pháp này".

Luận: Lại chỉ rõ về vô lượng hành thù thắng của chư Phật. Như kinh nói: "Lại nữa, này thiện nam! Ông nay vừa đạt được một pháp Minh ấy…".

- Vô lượng hội nhập: là các pháp môn sai biệt.
- Vô lượng tạo tác: là làm sự việc sai biệt.
- Vô lượng chuyển biến: là sự sai biệt đối với hành không gián đoạn cao nhất.

Kinh: "Lại nữa, này thiện nam! Ông quán xét về vô lượng cõi nước, vô lượng chúng sinh, vô lượng pháp sai biệt trong mười phương. Ông nên thông đạt tận cùng các sự việc như vậy. Này Phật tử! Như vậy thì chư Phật đã ban cho Bồ-tát ấy vô lượng vô biên môn trí tuệ hiện khởi như vậy. Nhờ vô lượng môn trí tuệ đó, cho nên Bồ-tát này có thể phát khởi vô lượng nghiệp sai biệt, thảy đều thành tựu".

Luận: Hiện tại, sự tạo tác của Bồ-tát còn ít. Theo chỗ nhận thấy về sự sai biệt giữa vô lượng thế giới, chúng sinh và các pháp, chỉ cần quán một phần ít thì có thể thành tựu sự xoay chuyển. Như kinh nói: "Lại nữa, này thiện nam…".

Kinh: "Bồ-tát Kim Cang Tạng nói với Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt: Này Phật tử! Nếu chư Phật không ban cho Bồ-tát này môn trí hiện khởi như vậy, thì bấy giờ, Bồ-tát ấy, liền nhập Niết-bàn, từ bỏ việc làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Do chư Phật đã ban cho Bồ-tát vô lượng vô biên môn trí hiện khởi, cho nên ở trong một niệm đã dấy khởi nghiệp trí, so với Bồ-tát từ lúc mới phát tâm trở đi, cho đến hết Địa thứ bảy, thì toàn bộ nghiệp trí có được ấy, trăm phần không bằng một, ngàn phần-trăm ngàn phần-trăm ngàn na-do-tha phần, ức phần-trăm ức phần, ngàn ức phần-trăm ngàn ức phần-trăm

ngàn ức na-do-tha phần, không bằng một phần. Cho đến vô lượng vô biên A-tăng-kỳ phần, cũng không bằng một, thậm chí không thể dùng toán số-thí dụ để đạt được. Vì sao? Này

Phật tử! Vì trước kia chỉ một thân phát khởi hành khởi. Nay trong Địa thứ tám của bậc Bồ-tát này, đã đạt được vô lượng thân sai biệt của bậc Bồ-tát, tập hợp vô lượng hành lực, vô lượng âm thanh hiện khởi, vô lượng trí tuệ hiện khởi, vô lượng đời hiện khởi, vô lượng cõi nước thanh tịnh, giáo hóa vô lượng chúng sinh, cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, tùy thuận nhận biết vô lượng pháp, đạt được vô lượng thần thông lực hiện khởi, vô lượng chúng hội sai biệt, vô lượng nghiệp thân-khẩu-ý tích tập hành lực của tất cả Bồ-tát, nhờ pháp bất động.

Này Phật tử! Ví như đi thuyền muốn vào biển cả, thời gian chưa đến nơi thì dùng nhiều công sức. Nếu đã tới biển cả thì không còn dùng sức nữa, chỉ nhờ vào sức gió đưa thuyền đi. Như vậy, một ngày đi được nơi biển lớn vào lúc này, so với công sức chèo chống trước đây, thì cho đến trăm năm cũng không thể bằng. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát khéo tập hợp các căn thiện làm hành trang, đi trên thuyền Đại thừa, đến chốn hành hóa của Bồ-tát là biển lớn trí tuệ, trong khoảng một niệm mà trí không dụng công có thể hội nhập cảnh giới của trí Nhất thiết trí, thì đối với hành công đức vốn có, hoặc một kiếp, hoặc trăm ngàn vạn kiếp cũng không thể bằng được".

Luận:

Ở đây, liền nhập Niết-bàn: tức là chỉ rõ việc ban cho trí tuệ. Như kinh nói: "Chư Phật đã ban cho Bồ-tát ấy vô lượng vô biên môn trí hiện khởi…" cho đến: "Do pháp bất động".

Do chư Phật đã ban cho Bồ-tát ấy vô lượng vô biên môn trí hiện khởi: tức là trong sự hành hóa của Bồ-tát đã thâu nhiếp nhân của công đức thù thắng, cùng thực hành giáo hóa nêu giảng trao truyền. Cho đến toán số... thứ tự đã giải thích, nên biết.

Số phần: tức là là tính toán, như một cộng một bằng hai… Các thí dụ như vậy cũng không bằng một, tức là sự việc ấy không thể dùng dụ để so sánh.

Vô lượng thân sai biệt; là tất cả thân của Bồ-tát, tin hiểu như tự thân. Vô lượng âm thanh hiện khởi như vậy... cũng là vô lượng, nên biết. Mười câu này, dựa vào sự giáo hóa chúng sinh, dựa vào sự tập hợp hành trợ đạo, dựa vào chướng ngại đã được thanh tịnh, nên biết. Tùy nơi thân trú, tùy chỗ nêu giảng, tùy việc dựa vào trí, tùy chỗ chọn lấy đời sống, tùy theo cõi nước nào có thể giáo hóa chúng sinh, tùy sự tập hợp công đức trợ đạo, tập

hợp trí tuệ trợ đạo, cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, tùy thuận nhận biết vô lượng pháp, tùy theo chướng ngại của thần thông, chướng ngại của chánh giác đã được thanh tịnh. Tất cả nơi chốn này, tùy thuận với vô lượng nghiệp thân-khẩu-ý, nên biết.

Nhờ pháp bất động: tức là sự tích tập không gián đoạn.

Ví như đi thuyền… cho đến: Trăm ngàn vạn kiếp không thể bằng được: "Thuyền là dụ cho sự đi lại mau chóng của Bồ-tát, chỉ rõ sự nhận biết về nhân thù thắng.

Khéo tập hợp căn thiện làm hành trang: là ở trong bảy địa tu tập hạnh Bồ-tát.

Đi trên thuyền Đại thừa, đến chốn hành hóa của Bồ-tát là biển lớn trí tuệ: là biển trí tuệ của tám địa, nên biết.

Như vậy đã nói về phần thứ tư; làm thanh tịnh cõi Phật. Việc làm thanh tịnh cõi Phật này có ba loại hành tự tại:

1. Hành tự tại của khí thế gian.
2. Hành tự tại của thế gian chúng sinh.
3. Hành tự tại của trí chánh giác. Thế nào là Hành tự tại của khí thế gian?

Kinh: "Này Phật tử! Bồ-tát ấy, đạt được Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, từ tuệ phương tiện lớn, khởi tâm không dụng công, ở nơi đạo Bồ-tát, quán xét diệu lực của trí Nhất thiết trí. Đó là quán thế gian thành, quán thế gian hoại. Bồ-tát này, tùy theo thế gian thành, đều nhận biết đúng như thật, tùy theo thế gian hoại, đều nhận biết đúng như thật. Tùy theo nhân duyên của nghiệp tích tập, mà thế gian thành, Bồ-tát cũng nhận biết. Tùy theo nhân duyên của nghiệp đã hết, mà thế gian hoại, Bồ-tát cũng nhận biết. Tùy theo gian của thế gian thành, Bồ-tát cũng nhận biết. Tùy theo thời gian của thế gian hoại, Bồ-tát cũng nhận biết. Tùy theo gian của thế gian thành trú, Bồ-tát cũng nhận biết. Tùy theo gian của thế gian hoại trú, Bồ-tát cũng nhận biết. Bồ-tát ấy nhận biết về tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng sai biệt của Địa giới. Bồ-tát ấy nhận biết về tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng sai biệt của Thủy giới-Hỏa giới-Phong giới. Bồ-tát ấy nhận biết về tướng vi tế, tướng thô, tướng vô lượng, tướng sai biệt của vi trần. Tùy trong thế giới nào mọi vi trần hợp, tan hiện có, vi trần sai biệt, thảy đều có thể nhận biết. Tùy trong thế giới nào, bao nhiêu vi trần hiện có nơi Địa giới, Thủy giới-Hỏa giới-Phong giới, thảy đều có thể nhận biết. Bao nhiêu vi trần hiện có nơi thân chúng sinh, nơi thân cõi nước, thảy đều có thể nhận biết. Bồ-tát ấy nhận biết về sự sai biệt nơi thân thô thân vi tế của

các chúng sinh, với từng ấy vi trần để thành tựu. Nhận biết về thân địa ngục, thân súc sinh, thân ngạ quỷ, dựa vào từng ấy vi trần để thành tựu. Nhận biết về thân A-tu-la, thân trời, thân người, dựa vào từng ấy vi trần để thành tựu. Bồ-tát ấy dùng trí để thông đạt, hội nhập phân biệt về vi trần như vậy rồi, nhận biết về sự thành-hoại của ba cõi Dục-Sắc-Vô sắc. Nhận biết về tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng sai biệt của ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc, hội nhập trong trí lượng xét về ba cõi như vậy. Bồ-tát ấy lại khéo dấy khởi trí sáng, khéo nhận biết về thân chúng sinh sai biệt, khéo nhận biết, phân biệt về thân chúng sinh,khéo quán xét về nơi chốn phải sinh. Bồ-tát ấy, tùy theo chốn sinh của chúng sinh, tùy theo nghiệp tập hợp nơi thân chúng sinh, vì họ mà thọ thân để giáo hóa và dẫn dắt. Bồ-tát này, hiện thân đủ khắp nơi ba ngàn đại thiên thế giới, thuận theo thân chúng sinh, mỗi mỗi đều sai biệt, như vậy tùy thuận nơi sinh, khởi ánh sáng hiện tiền, hoặc trong hai-ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ba-bốn-năm-hoặc mười-hai mươi-ba mươi-bốn mươi-năm mươi-hoặc một trăm ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ngàn-hoặc vạn, hoặc trăm vạn, hoặc ngàn vạn, hoặc trăm ngàn vạn, hoặc ức vạn, hoặc trăm ngàn vạn ức na-do-tha, cho đến vô lượng vô biên không thể nói, không thể nói hết số ba ngàn đại thiên thế giới, hiện thân đủ khắp trong ấy, thuận theo tự thân của chúng sinh, với sự tin tưởng sai biệt, với chốn sinh như vậy, khởi trí ánh sáng hiện tiền mà tùy thuận. Bồ-tát ấy thành tựu trí tuệ như vậy, ở nơi một cõi Phật thân không dao động, cho đến ở nơi vô lượng cõi nước của chư Phật không thể nói hết, tại các chúng hội đều khởi ánh sáng hiện tiền".

Luận:

Hành tự tại của khí thế gian, có năm loại tự tại:

1. Tùy theo sự mong muốn của tâm, Bồ-tát có thể hiện-không hiện thân.
2. Tùy theo sự mong muốn nào đó, Bồ-tát có thể hiện thân.
3. Tùy theo lúc mong muốn, Bồ-tát tức thời hiện thân.
4. Tùy theo sự mong muốn rộng-hẹp, Bồ-tát có thể hiện thân.
5. Tùy theo tâm có bao nhiêu mong muốn, Bồ-tát có thể hiện thân.

Như kinh nói: "Này Phật tử! Bồ-tát ấy, đạt được Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, từ tuệ phương tiện lớn, khởi tâm không dụng công…" cho đến: "Tùy theo thế gian hoại, Bồ-tát đều nhận biết đúng như thật". Sự thành-hoại... của thế gian này, đầu tiên trong hành tự tại của khí thế gian, tùy theo sự mong muốn của tâm, Bồ-tát có thể hiện thân hay không hiện thân.

Tùy theo nhân duyên của nghiệp tích tập mà thế gian thành, Bồ-tát cũng nhận biết; tùy theo nhân duyên của nghiệp đã hết, mà thế gian hoại, Bồ-tát cũng nhận biết; đây là trí nghiệp tập tận. Thứ hai, tùy theo sự mong muốn nào đó, Bồ-tát có thể hiện thân. Tùy theo thời gian của thế gian thành, cho đến câu thứ tư: Tùy theo thời gian của thế gian hoại-trú, Bồ-tát cũng nhận biết; đây là trí tùy theo thời gian của thế gian thành ...". Thứ ba, tùy theo lúc mong muốn, Bồ-tát tức thời hiện thân. Bồ-tát ấy, nhận biết về tướng nhỏ của Địa giới, cho đến nhận biết về thân người, dựa vào từng ấy vi trần để thành tựu; là trí nhận biết tướng sai biệt của địa giới... Thứ tư, tùy theo sự mong muốn rộng hẹp, Bồ-tát có thể hiện thân. Bồ-tát ấy, hội nhập với trí phân biệt vi trần như vậy, cho đến ánh sáng hiện tiền, là trí thành hoại, cho đến ở nơi một cõi Phật, thân không dao động. Thứ năm, tùy theo tâm có bao nhiêu mong muốn, Bồ-tát có thể hiện thân. Trong đó, thứ tự của Địa giới... là trí cảnh giới và trí tướng.

- Thế nào là trí cảnh giới?

Cảnh giới của Thức, chẳng phải là báo của định địa, gọi là tướng nhỏ. Cảnh giới của Thức nơi định địa, gọi là tướng lớn. Cảnh giới của Như Lai gọi là tướng vô lượng.

- Thế nào là trí tướng? Tự tướng và đồng tướng, gọi là tướng sai biệt.

Thân thô-tế: là các chúng sinh nơi cõi Sắc, Vô sắc.

Thứ tự như vậy với tướng cảnh giới và tướng trí của cõi Dục…

Nơi cõi Dục cảnh giới của loài người gọi là tướng nhỏ, cảnh giới của chư Thiên gọi là tướng lớn. Nơi cõi Sắc; cảnh giới giác quán là tướng nhỏ, cảnh giới không giác, không quán là tướng lớn. Cõi Vô sắc, cảnh giới của phàm phu trong pháp Phật là tướng nhỏ, cảnh giới của hàng Thanh văn, Bồ-tát là tướng lớn, cảnh giới của tất cả Như Lai là tướng vô lượng.

Khéo nhận biết về thân chúng sinh sai biệt. Khéo nhận biết và phân biệt về thân chúng sinh; tức là khéo nhận biết về phương tiện chẳng đồng nơi thân, về đồng sinh-dị sinh sai biệt nên biết.

Cõi nước của chư Phật, nơi các chúng hội, dấy khởi ánh sáng hiện tiền; là chỉ rõ Thể của Pháp thân nơi xứ xứ kia.

Đã nói về phần hành tự tại của khí thế gian, làm thanh tịnh cõi Phật như vậy.

-Thế nào là Hành tự tại của thế gian chúng sinh?

Kinh: "Bồ-tát ấy, tùy theo thân chúng sinh với sự tin tưởng sai

biệt, tùy theo quyết định tin sai biệt, trong cõi nước của tất cả Đức Phật trong chúng hội của các Đức Phật, như vậy và như vậy và tự thân thị hiện. Bồ-tát ấy, hoặc ở trong chúng Sa-môn thị hiện hình tướng Sa-môn,

trong chúng Bà-la-môn, chúng Sát-đế-lợi, chúng Tỳ-xá, chúng Thủ-đà, chúng Cư sĩ, chúng Trưởng giả, thị hiện hình tướng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, Cư sĩ, Trưởng giả. Trong chúng Tứ Thiên vương, chúng Đế thích, thị hiện hình tướng Tứ Thiên vương, Đế thích. Như vậy, trong chúng Diệm-ma, chúng Đâu-suất, chúng Hóa-lạc, chúng Tha-hóa-tự-tại, chúng Ma, chúng Phạm thiên, thị hiện hình sắc Phạm thiên, cho đến trong chúng nơi cõi trời A-ca-nị-trá thị hiện hình sắc trời A-ca-nị-trá. Bồ-tát ấy, đối với chúng sinh nên dùng thân Thanh văn để hóa độ thì thị hiện hình sắc Thanh văn nên dùng thân Bích-chi-Phật để hóa độ thì thị hiện hình sắc Bích-chi-Phật, nên dùng thân Bồ-tát để hóa độ, thì thị hiện hình sắc Bồ-tát, nên dùng thân Phật để hóa độ thì thị hiện hình sắc thân Phật. Này Phật tử! Như vậy, trong cõi nước của chư Phật hiện có nhiều không thể nói hết, tùy theo sự tin ưa sai biệt của thân chúng sinh, trong cõi nước của các Đức Phật tự thân Bồ-tát thị hiện mọi sự sai biệt như vậy".

Luận: Hành tự tại của thế gian chúng sinh; là Bồ-tát tự tại điều phục, chỉ rõ Bồ-tát hành hóa nơi thân chúng sinh, tâm tự đồng sự với phần thân tâm của chính mình. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, tùy theo thân chúng sinh với sự tin tưởng sai biệt… cho đến trong cõi nước của tất cả Đức Phật …".

Đã nói về phần: Hành tự tại của thế gian chúng sinh.

Thế nào là Hành tự tại của trí chánh giác? Là trí của thế gian Đế, trí của đệ nhất nghĩa Đế.

Kinh: "Bồ-tát ấy, xa lìa tất cả sự phân biệt về thân tướng, đạt thân bình đẳng. Bồ-tát ấy, nhận biết về thân chúng sinh, thân cõi nước, thân nghiệp báo, nhận biết về thân Thanh văn, thân Bích-chi-Phật, thân Bồ-tát, thân Như Lai, nhận biết về thân trí, thân pháp, thân hư không. Bồ-tát ấy, nhận biết về tâm sâu xa của chúng sinh hiện khởi ưa thích như vậy, hoặc dùng thân chúng sinh làm tự thân. Như vậy, cũng lấy thân cõi nước… cho đến thân hư không mà làm tự thân. Bồ-tát ấy, nhận biết về tâm sâu xa của chúng sinh hiện khởi ưa thích như vậy, hoặc dùng tự thân làm thân chúng sinh, như vậy cũng dùng thân cõi nước… cho đến thân hư không mà làm thân chúng sinh. Bồ-tát ấy, nhận biết về tâm sâu xa của chúng sinh hiện khởi ưa thích như vậy, thì trong những thân nào, nơi những thân nào có thể tạo tác tự tại? Bồ-tát ấy, nhận biết về thân chúng sinh, thân tập nghiệp, thân

báo, thân phiền não, thân sắc, thân vô sắc. Bồ-tát ấy, nhận biết về thân cõi nước với tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng cấu, tướng tịnh, tướng rộng, tướng loạn trú, tướng đảo trú, tướng bình đẳng. Nhận biết về tướng mạng lưới nơi chốn sai biệt. Nhận biết về sự giả danh sai biệt của thân nghiệp báo, thân Thanh văn, thân Bích-chi-Phật, thân Phật, thân Bồ-tát. Bồ-tát ấy nhận biết về thân Như Lai, thân Bồ-đề, thân nguyện, thân hóa, thân thọ thần lực, thân tướng hảo trang nghiêm, thân quang minh, thân ý sinh, thân công đức, thân pháp, thân trí. Bồ-tát ấy khéo nhận biết về thân trí với tướng khéo lượng xét, tướng khéo quán như thật, tướng quả hành thâu nhiếp, tướng thế gian-xuất thế gian sai biệt, tướng ba Thừa sai biệt, tướng cộng-bất cộng, tướng Thừa-chẳng-thừa, tướng hữu học-vô học. Bồ-tát ấy nhận biết về tướng pháp thân bình đẳng, nhận biết về tướng chẳng hoại, nhận biết về tướng chuyển thời giả danh sai biệt, tướng chúng sinh phi chúng sinh pháp sai biệt, nhận biết về tướng pháp Phật pháp Thánh tăng sai biệt. Bồ-tát này nhận biết về thân hư không với tướng vô lượng, tướng biến hiện khắp, tướng vô hình, tướng chẳng khác, tướng vô biên. Nhận biết về thân hiển sắc với tướng dị biệt".

Luận:

Trí của đệ nhất nghĩa Đế: là xa lìa tất cả sự phân biệt về thân tướng, chỉ rõ chỗ đạt được thân bình đẳng, không phân biệt tự thân-tha thân. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy xa lìa tất cả… đạt được thân bình đẳng". Đây là chỗ không đồng với hàng Nhị thừa.

Trí đệ nhất nghĩa chỉ rõ về trí của thế gian Đế: tức là khéo nhận biết về thân chúng sinh với phần nhiễm, phần tịnh, phần không hai, đều khéo phân biệt nhận biết. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy nhận biết về thân chúng sinh… cho đến: Nhận biết về thân hư không". Trong đó, thế gian chúng sinh và khí thế gian, hai loại ấy là sinh nghiệp nhân, phiền não là phần nhiễm, ba Thừa là phần tịnh. Ba Thừa này tùy theo trí nào, tùy theo pháp nào. Phần tịnh kia hiển bày hư không là phần không hai.

Bồ-tát ấy nhận biết tâm sâu xa của chúng sinh hiện khởi ưa thích như vậy, hoặc dùng thân chúng sinh làm tự thân, cho đến: dùng thân hư không mà làm tự thân... Bồ-tát ấy nhận biết về tâm sâu xa của chúng sinh… cho đến dùng thân hư không mà làm thân chúng sinh:

Ở đây, dùng thân chúng sinh làm tự thân: là chỉ rõ mọi tạo tác, thâu nhiếp, hành hóa vô số của Bồ-tát trong sự tự tại.

Thân chúng sinh: là nghiệp sinh phiền não, vọng tưởng cấu nhiễm sai biệt.

Sự sai biệt của Sắc giới-Vô sắc giới đều nhận biết đúng như thật. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy nhận biết về thân chúng sinh, thân tậpnghiệp…".

Thân cõi nước: là sự sai biệt của hàng ngàn... thế giới, nên biết. Sự sai biệt của thế giới tịnh, bất tịnh, đều khéo phân biệt-nhận biết.

Sự sai biệt của thế giới rộng... đều khéo phân biệt-nhận biết. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy nhận biết về thân cõi nước… cho đến: Nhận biết về tướng mạng lưới nơi chốn sai biệt".

Các câu nói về tướng rộng... nghĩa như đã nói ở Địa thứ nhất.

- Sự sai biệt về giả danh nơi thân nghiệp báo, thân Thanh văn, thân Bích-chi-Phật, thân Bồ-tát: là tự tướng, đồng tướng giả danh sai biệt, phân biệt là không có ngã-nhân. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy nhận biết về sự giả danh sai biệt của thân nghiệp báo… cho đến: Nhận biết về sự giả danh sai biệt của thân Bồ-tát".

- Bồ-tát ấy nhận biết về thân Như Lai; là chỉ rõ về sự thành tựu chánh giác là Bồ-đề. Là nguyện sinh nơi cõi trời Đâu-suất. Là mọi ứng hóa của Phật hiện có. Là trú trì, Xá-lợi của tự thân. Là thân thật báo hiện có. Là ánh sáng hiện có để nhiếp phục chúng sinh. Là tâm đồng chẳng đồng với thế gian-xuất thế gian hiện có, đạt được giải thoát tự tại. Là pháp bất cộng hiện có, có thể làm nhân của lợi ích rộng lớn. Là cảnh giới vô lậu của Như Lai hiện có. Là trí không chướng ngại hiện có. Vì thế, trí ấy có thể tạo tác tất cả sự việc, và mọi sự việc sai biệt kia thảy đều có thể nhận biết. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy nhận biết về thân Như Lai, thân Bồ-đề… cho đến: Nhận biết về thân trí".

- Bồ-tát ấy nhận biết về thân trí: tức là mọi thứ sai biệt nơi các trí văn tư, trí tu, trí hành quả, trí thế gian xuất thế gian, đều nhận biết đúng như thật. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy khéo nhận biết về thân trí… cho đến: Nhận biết về tướng hữu học vô học".

- Bồ-tát ấy nhận biết về tướng pháp thân bình đẳng: là vô lượng pháp môn sáng tỏ cùng với một pháp thân. Như lãnh hội-chọn lấy, là tùy theo sự giáo hóa chúng sinh, căn tánh tương ưng khi nêu giảng sai biệt. Tướng sai biệt về có căn, không căn, tướng đệ nhất sai biệt, Bồ-tát thảy đều có thể nhận biết. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy nhận biết về tướng pháp thân bình đẳng… cho đến: Nhận biết về tướng sai biệt nơi pháp Phật pháp Thánh tăng".

- Bồ-tát ấy nhận biết về thân hư không: là nhận biết về tướng vô tận, tướng hiện bày khắp, tướng không thể thấy, tướng không chướng ngại, tướng vô vi. Có thể thông tỏ sự thọ nhận sắc tướng, dựa vào sắc để phân biệt, Bồ-tát thảy đều có thể nhận biết. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy,

nhận biết về thân hư không với tướng vô lượng… cho đến: Nhận biết về thân hiển sắc với tướng dị biệt".

Như vậy nói xong về ba hành tự tại nơi phần; làm thanh tịnh cõi Phật (Phần thứ tư) của Địa thứ tám.

Tiếp theo là nói về phần Đạt mười tự tại (Phần thứ năm).

Kinh: "Bồ-tát ấy khéo nhận biết việc hiện khởi các thân như vậy, thì đạt được Mạng tự tại, thân mạng trú trì trong số lượng kiếp không thể nói và không thể nói. Đạt được Tâm tự tại, vô lượng A-tăng-kỳ Tam-muội hội nhập với trí. Đạt được Vật tự tại, thị hiện sự trú trì nơi tất cả thế giới với vô lượng sự trang nghiêm đẹp đẽ. Đạt được Nghiệp tự tại, thị hiện sự trú trì của nghiệp báo như đời này và đời sau. Đạt được Sinh tự tại, thị hiện việc sinh trong tất cả thế giới. Đạt được Nguyện tự tại, tùy theo sự mong muốn của tâm, chỉ rõ khi thành tựu ba Bồ-đề nơi cõi Phật. Đạt được Tín giải tự tại, thị hiện Phật đầy khắp trong hết thảy thế giới. Đạt được Như ý tự tại, thị hiện việc tạo mọi biến hóa như ý trong cõi nước của tất cả chư Phật. Đạt được Pháp tự tại, thị hiện vô biên vô tận các pháp môn sáng tỏ. Đạt được Trí tự tại, thị hiện về lực, vô uý-pháp bất cộng-tướng hảo trang nghiêm và ba Bồ-đề của Như Lai".

Luận:

Đạt được tự tại: tức là Bồ-tát ấy, tu hành như vậy, đối với khí thế gian, thế gian chúng sinh, thế gian của trí chánh giác, ba loại ấy đều hành hóa tự tại, cho nên đạt được mười tự tại. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy khéo nhận biết việc hiện khởi các thân như vậy…". Mười loại tự tại này đối trị mười loại sợ hãi, thứ tự như vậy nên biết.

Những gì là mười thứ sợ hãi:

1. Sợ hãi về chết.
2. Sợ hãi về phiền não cấu uế.
3. Sợ hãi về bần cùng.
4. Sợ hãi về nghiệp ác.
5. Sợ hãi về cõi Ác.
6. Sợ hãi về cầu không đạt.
7. Sợ hãi về nghiệp tội hủy báng pháp.
8. Sợ hãi về lúc theo đuổi cầu tìm bị trói buộc không thể sống.
9. Sợ hãi về vì sao nghi ngờ.
10. Sợ hãi về uy đức của đại chúng.

Đã nói xong phần thứ năm: Đạt được mười tự tại. Tiếp theo là nói về phần thứ sáu: Đạt thù thắng lớn.

Kinh: "Bồ-tát ấy, đạt được mười tự tại của bậc Bồ-tát này rồi, tức thì được gọi là bậc Trí không thể nghĩ bàn, là bậc Trí vô lượng, là bậc Trí rộng khắp, là bậc Trí không thể hủy hoại. Bồ-tát đạt được trọn vẹn như vậy, thành tựu trí như vậy, luôn tập khởi ba nghiệp thân-khẩu-ý thanh tịnh, trí tuệ làm đầu, trí tùy thuận chuyển biến, Bát nhã Ba-la-mật tăng thượng, Đại Bi làm đầu, dùng phương tiện thiện xảo cho nên có thể khéo phân biệt, tự khởi nguyện lực, khéo làm tăng thêm sự gia hộ của chư Phật, thường không xả bỏ hạnh làm lợi ích cho chúng sinh, nhận biết khắp mọi sự việc sai biệt trong vô biên thế giới.

Này Phật tử! Lược nói về Bồ-tát chứng đạt địa Bất động của bậc Bồ-tát này, mọi tạo tác của ba nghiệp thân-khẩu-ý đều có thể tập khởi tất cả pháp Phật. Bồ-tát ấy đạt được địa Bất động của bậc Bồ-tát, khéo an trú trong diệu lực của tâm thanh tịnh, lìa bỏ tất cả phiền não tích tập. Khéo an trú trong diệu lực của tâm sâu xa, luôn không lìa bỏ đạo. Khéo an trú trong diệu lực của Đại Bi, không xả bỏ việc làm lợi ích cho chúng sinh. Khéo an trú trong diệu lực của đại từ, cứu độ tất cả thế gian. Khéo an trú trong lực dụng của Đà-la-ni, không hề quên pháp. Khéo an trú trong lực dụng của biện tài, trí tuệ khéo léo phân biệt về hết thảy pháp Phật. Khéo an trú trong lực dụng của thần thông, hành hóa khắp vô biên thế giới sai biệt. Khéo an trú trong nguyện lực, không rời tất cả nẻo hành trì của bậc Bồ-tát. Khéo an trú trong lực dụng của Ba-la-mật, tu tập hết thảy pháp Phật. Khéo an trú trong diệu lực gia hộ của Như Lai, trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí luôn hiện tiền. Bồ-tát ấy, đạt được trí lực như vậy, chỉ rõ trong tất cả sự tạo tác hành hóa đều không có lỗi lầm".

Luận:

Đạt được thù thắng lớn. Có ba loại lớn:

1. Trí lớn.
2. Nghiệp lớn.
3. Hai loại kia an trú trong công đức lớn.

- Thế nào là trí lớn? Là trí không thể nghĩ bàn, không trú vào thế gian, chẳng trú vào Niết-bàn. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy đạt được mười tự tại của bậc Bồ-tát này rồi, tức thì được gọi là bậc Trí không thể nghĩ bàn". Không thể nghĩ bàn ấy, có ba loại nên biết:

1. Không thể nghĩ bàn do tu hành trọn vẹn tận cùng.
2. Không thể nghĩ bàn do điều đã được nhận biết.
3. Không thể nghĩ bàn do trí được dứt trừ chướng ngại.

Như kinh nói: "Bậc Trí vô lượng, Trí rộng khắp, Trí không thể hủy

hoại". Đó gọi là trí lớn.

Bồ-tát đạt được đầy đủ như vậy… cho đến: Tập khởi tất cả pháp Phật.

Bồ-tát ấy đạt được đầy đủ như vậy; như trên đã nói. Thành tựu trí như vậy; cũng như trên đã nói.

Thường tập khởi ba nghiệp thanh tịnh. Đây là nghiệp lớn. Nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát có bốn loại tướng:

1. Tạo mọi phát khởi đồng thời. Như kinh nói: "Trí tuệ làm đầu, trí tùy thuận chuyển biến".

2. Trí thâu nhiếp không nhiễm, hạnh làm lợi ích cho chúng sinh. Như kinh nói: "Bát nhã Ba-la-mật tăng thượng, Đại Bi làm đầu, dùng phương tiện thiện xảo cho nên có thể khéo phân biệt".

3. Nhân thâu nhiếp nhân của tự hành-tha hành. Như kinh nói: "Khéo phát khởi nguyện lực, khéo làm tăng thêm sự gia hộ của chư Phật".

4. Tạo nghiệp, phát khởi lợi ích cho chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật, thành tựu tất cả pháp Phật. Như kinh nói: "Thường không xả bỏ hạnh làm lợi ích cho chúng sinh… cho đến: Đạt được địa Bất động của bậc Bồ-tát, mọi tạo tác của ba nghiệp thân-khẩu-ý đều có thể tập khởi hết thảy pháp Phật". Đó gọi là Nghiệp lớn.

Hai loại kia an trú trong công đức lớn: là khéo an trú trong diệu lực của tâm thanh tịnh, chỉ rõ dựa vào bảy loại công đức:

1. Công đức do khéo an trú trong đạo. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy đạt được địa Bất động của bậc Bồ-tát, khéo an trú trong diệu lực của tâm thanh tịnh". Lại, công đức do khéo an trú trong đạo, hai câu đầu là xa lìa chướng, đối trị là sự kiên cố; hai câu tiếp theo là không xả bỏ chúng sinh.

2. Công đức do không quên. Như kinh nói: "Khéo an trú trong lực dụng của Đà-la-ni, không hề quên pháp".

3. Công đức do thành tựu khẩu nghiệp. Như kinh nói: "Khéo an trú trong lực dụng của biện tài…".

4. Công đức do thành tựu tâm tự tại. Như kinh nói: "Khéo an trú trong lực dụng của thần thông, hành hóa khắp vô biên thế giới sai biệt".

5. Công đức do nguyện lực thành tựu. Như kinh nói: "Khéo an trú trong nguyện lực, không rời tất cả nẻo hành trì của bậc Bồ-tát".

6. Công đức do tu hành thành tựu. Như kinh nói: "Khéo an trú trong lực dụng của Ba-la-mật, tu tập hết thảy pháp Phật".

7. Công đức do được ban cho trí. Như kinh nói: "Khéo an trú trong diệu lực gia hộ của Như Lai, trí Nhất thiết trí, nhất thiết chủng luôn hiện tiền".

Bồ-tát ấy, đạt được trí lực như vậy, chỉ rõ trong tất cả mọi sự tạo tác; là Bồ-tát tạo nghiệp bình đẳng, không yêu ghét, không phân biệt chúng sinh có phiền não, không phiền não.

Trong hết thảy các sự việc không có lỗi lầm; tức là nhờ đạt được bảy loại công đức ấy.

Đã nói xong phần Đạt được thù thắng lớn (Phần thứ sáu). Tiếp theo là nói về phần thứ bảy: Giải thích tên gọi.

Kinh: "Này Phật tử! Trí địa của bậc Bồ-tát này, gọi là địa Bất động, vì không thể hủy hoại. Gọi là địa Bất chuyển, vì trí tuệ không thối chuyển. Gọi là địa Nan đắc, vì tất cả thế gian khó nhận biết. Gọi là địa Vương tử, vì không có lỗi lầm của nơi chốn. Gọi là địa Sinh, vì tùy ý tự tại. Gọi là địa Thành, vì không còn tạo tác nữa. Gọi là địa Cứu cánh, vì trí tuệ khéo phân biệt. Gọi là địa Niết-bàn, vì khéo phát khởi nguyện lực lớn. Gọi là địa Gia, vì kẻ khác không thể làm cho động. Gọi là địa Không dụng công, vì khéo dấy khởi đạo trước tiên".

Luận:

Giải thích tên gọi có hai loại:

1. Giải thích tên gọi của Địa.
2. Giải thích tên gọi của Trí.

+ Giải thích tên gọi của địa có sáu loại tướng:

1. Đối trị nhiễm: Nhiễm ấy có hai loại:

1. Hành có dụng công của địa là theo nguyện của Tiểu thừa và các nghiệp ma.

2. Tập hành của phiền não. Đối trị điều này, như kinh nói: "Phật tử! Trí địa của bậc Bồ-tát này gọi là địa Bất động…".

2. Đạt được sự thâm diệu. Như kinh nói: "Gọi là địa Nan đắc…".

3. Phát khởi hành thanh tịnh. Như kinh nói: "Gọi là địa Vương tử…".

Phát khởi thanh tịnh; tức là như Vương tử, hết thảy việc làm đều không lỗi lầm.

Hành thanh tịnh; tức là trú trong địa Sinh, mọi sự mong muốn đều thành tựu tự tại.

4. Mọi tạo tác đối với thế gian-xuất thế gian đều thanh tịnh thù thắng. Như kinh nói: "Gọi là địa Thành…".

Sự tạo tác của xuất thế gian thanh tịnh thù thắng; nhờ trí tuệ khéo phân biệt, cho nên mọi chướng ngại của trí đều thanh tịnh.

5. Hai loại vô tác của Bồ-tát thanh tịnh thù thắng. Như kinh nói:

"Gọi là địa Niết-bàn vì khéo phát khởi nguyện lực lớn".

Vô tác thanh tịnh thù thắng; là nhờ diệu lực của bản nguyện nên không bỏ hạnh làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

6. Địa Bồ-tát thù thắng. Như kinh nói: "Gọi là địa Gia, vì kẻ khác không thể làm động. Gọi là địa Không dụng công, vì khéo dấy khởi đạo trước tiên".

Lại nữa, địa Bồ-tát thù thắng; là hơn hẳn sáu địa, bảy địa.

Hơn hẳn sáu địa: Sáu địa phát khởi hành thù thắng, còn nhớ nghĩ về sự việc khác thì vẫn còn động. Hơn hẳn bảy địa: Bảy địa còn có dụng công. Trong tám địa thì khéo phát khởi đạo trước tiên, hành tự nhiên không hề dụng công.

- Giải thích tên gọi của Trí: bởi vì từ nghĩa nào, Bồ-tát gọi là đạt được bậc Bồ-tát bất động? Nay nói về việc này, nên biết.

Kinh: "Này Phật tử! Bồ-tát thành tựu trí tuệ như vậy, gọi là được hội nhập với Phật tánh, gọi là công đức của Phật tự tỏa sáng, gọi là thuận theo hành uy nghi của Phật, gọi là cảnh giới của Phật hiện tiền. Ngày đêm luôn khéo làm tăng thêm sự gia hộ của chư Phật. Thường được Tứ Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương... cungkính nghênh tiếp. Luôn được thần Kim cang Mật Tích hầu cận, bảo vệ. Không lìa lực dụng của Tam-muội, luôn hiện bày vô lượng các thân sai biệt. Trong hết thảy thân hành, uy lực đều thành tựu. Thành tựu quả báo lớn về thần thông. Ở trong vô biên Tam-muội luôn được tự tại, có thể thọ nhận vô lượng ký biệt, tùy thuận hóa độ thế gian, thị hiện thành chánh giác. Bồ-tát ấy, thông đạt hội nhập với các nẻo trí tuệ của Đại thừa, khéo lượng xét về thông lực của pháp Đại thừa, ngày đêm luôn phóng ra ánh sáng rực rỡ của trí, nhập vào cõi Pháp giới không gì chướng ngại. Khéo nhận biết về sự sai biệt của các thế giới, có thể hiện bày hết thảy tướng công đức, tùy ý tự tại. Khéo hiểu rõ về mọi thời gian trước, sau, thông tỏ tất cả sự xoay chuyển theo trí nơi cõi Ma, đi vào cảnh giới trí tuệ của Như Lai, có thể ở trong vô biên thế giới hành đạo Bồ-tát, diệu lực không thối chuyển. Do đó, Bồ-tát được gọi là chứng đắc bậc Bồ-tát bất động".

Luận: Lại có hai loại nghĩa, gọi là đạt được bậc Bồ-tát bất động:

1. Bất động của toàn bộ.
2. Bất động của một Thể.

Tùy thuận nhân của Phật tánh. Như kinh nói: "Này Phật tử! Bồ-tát thành tựu trí tuệ như vậy, gọi là được nhập với Phật tánh…".

- Phật tánh: là chỉ cho sự thù thắng của cảnh giới đầy đủ.
- Tùy thuận nhân: tức là chỉ rõ về ba loại tướng:

1. Thâu nhiếp công đức.
2. Hành.
3. Thân cận.

Như kinh nói: "Gọi là công đức của Phật tự tỏa sáng. Gọi là thuận theo hành uy nghi của Phật. Gọi là cảnh giới của Phật hiện tiền".

- Tự tỏa sáng: là nghĩa khéo làm thanh tịnh.
- Hành uy nghi: gọi là chánh hành.
- Hiện tiền: là tiếp cận cảnh giới Phật.
- Bất động của toàn bộ. Như kinh nói: "Ngày đêm luôn khéo làm tăng thêm sự gia hộ của chư Phật". Lại dựa vào năm công đức nên biết!

1. Công đức của sự cúng dường. Như kinh nói: "Thường được Tứ Thiên Vương…".

2. Công đức của sự hộ trì. Như kinh nói: "Luôn được thần Kim cang Mật Tích…".

3. Công đức của sự nương dựa. Như kinh nói: "Không lìa lực dụng của Tam-muội".

4. Công đức của cõi nước thanh tịnh. Như kinh nói: "Luôn hiện bày vô lượng các thân sai biệt".

5. Công đức của việc giáo hóa chúng sinh. Công đức thứ năm này có năm loại thị hiện:

1. Nguyện chọn lấy các cõi thọ sinh. Như kinh nói: "Tất cả thân hành, uy lực đều thành tựu".

2. Tâm vốn có điều khiển trí lực. Như kinh nói: "Thành tựu quả báo lớn về thần thông".

3. Chuyển pháp luân với vô lượng pháp lực. Như kinh nói: "Ở trong vô biên Tam-muội luôn được tự tại".

4. Thọ nhận diệu lực. Như kinh nói: "Có thể thọ nhận vô lượng ký biệt".

5. Nêu bày về lực. Như kinh nói: "Tùy thuận hóa độ thế gian, thị hiện thành chánh giác".

- Bồ-tát ấy thông đạt như vậy: tức là là bất động toàn bộ.
- Bất động của một Thể: là hội nhập các nẻo trí tuệ của Đại thừa. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, thông tỏ, hội nhập với các nẻo trí tuệ của Đại

thừa như vậy".

- Hội nhập với các nẻo trí tuệ của Đại thừa: gọi là nghĩa không thể hủy hoại. Ở đây có chín loại:

1. Trí không hoại. Như kinh nói: "Khéo lượng xét về thông lực của pháp Đại thừa".

2. Thuyết giảng không hoại. Như kinh nói: "Ngày đêm luôn phóng ra ánh sáng rực rỡ của trí".

3. Giải thoát không hoại. Như kinh nói: "Nhập vào cõi Pháp giới không chướng ngại".

4. Cõi Phật thanh tịnh không hoại. Như kinh nói: "Khéo nhận biết về sự sai biệt của các thế giới".

5. Vào nơi Đại thừa, không hoại. Như kinh nói: "Có thể hiện bày hết thảy tướng công đức".

6. Thần thông không hoại. Như kinh nói: "Tùy ý tự tại".

7. Nghĩa có thể giải thích, không hoại. Như kinh nói: "Khéo hiểu rõ về các thời gian trước sau".

8. Ngồi nơi đạo tràng, không hoại. Như kinh nói: "Thông tỏ tất cả sự xoay chuyển theo trí nơi cõi ma".

9. Chánh giác không hoại. Như kinh nói: "Đi vào cảnh giới trí tuệ của Như Lai, nên có thể ở trong vô biên thế giới hành đạo Bồ-tát".

- Diệu lực không thối chuyển: là hành không chướng ngại, không đoạn tuyệt. Do ý nghĩa của hành không chướng ngại-không đoạn tuyệt, cho nên gọi là đạt được bậc Bồ-tát bất động.

Kinh: " Bồ-tát đạt được địa Bất động của bậc Bồ-tát, thường không lìa việc được thấy vô lượng chư Phật, khéo hành trì lực dụng Tam-muội cùng với đại nguyện lực. Lúc thấy chư Phật luôn hiện bày sự cung kính cúng dường. Bồ-tát ấy, ở trong mỗi mỗi kiếp, trong mỗi mỗi thế giới, được thấy vô lượng Phật, vô lượng trăm Phật cho đến vô lượng trăm ngàn na-do-tha Phật, vô lượng ức Phật cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông và của đại nguyện, cho nên khi thấy chư Phật, Bồ-tát đều dùng tâm hướng thượng, tâm sâu xa, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men… Dùng các căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thân cận chư Phật, theo chư Phật thọ nhận các pháp Minh trong sự sai biệt của thế giới vốn có. Bồ-tát ấy chuyển sang tiến vào sâu trong tạng pháp của Như Lai, thỉnh vấn về các sự việc sai biệt của thế giới, không ai có thể đạt tới tận cùng. Bồ-tát này, với các căn thiện của mình, trong vô lượng kiếp luôn chuyển biến, càng trở nên sáng sạch thù thắng.

Trong vô lượng trăm kiếp… vô lượng trăm ngàn na-do-tha, vô lượng ức kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, các căn thiện kia luôn chuyển biến, càng trở nên sáng tỏ, thanh tịnh, thù thắng.

Này Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu được các thợ kim hoàn khéo tay làm ra các vật dụng trang sức đẹp đẽ cho vương gia cõi Diêm-phù-đề dùng đeo nơi cổ hoặc phía trước hoặc phía sau. Các thứ trang sức bằng vật báu khác của người cõi Diêm-phù-đề, đều không thể hơn được. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát an trú trong địa Bất động ấy, với các căn thiện hiện có, thì tất cả hàng Nhị thừa, kể cả Bồ-tát nơi bảy địa đều không thể hủy hoại. Bồ-tát chứng đạt địa này thì trí lớn tỏa sáng, diệt trừ mọi thứ phiền não tối tăm ngăn ngại của chúng sinh, nhờ khéo phân biệt về môn Trí. Này Phật tử! Ví như Đại Phạm Thiên vương, chủ của ngàn thế giới, có thể trong một lúc ban phát tâm từ cho khắp ngàn thế giới, cũng có thể phóng ra ánh sáng tỏa chiếu khắp trong các cõi ấy. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát an trú trong địa Bất động của bậc Bồ-tát ấy, có thể phóng ra ánh sáng nơi thân tỏa chiếu khắp mười ngàn vạn Tam thiên đại thiên thế giới, dần dần có thể diệt trừ mọi ngọn lửa phiền não của chúng sinh trong vô số vô lượng thế giới, khiến họ đều được mát mẻ. Bồ-tát này, trong mười Ba-la-mật thì Nguyện Ba-la-mật luôn tăng thượng, các Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng mà theo sức-tùy phần. Này Phật tử! Đó gọi là lược nêu bày về Bồ-tát chứng đạt địa Bất động, là Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, nếu nói rộng thì trong vô lượng kiếp cũng không thể hết.

Bồ-tát trú trong địa này, nhiều lần làm Đại Phạm Thiên vương, chủ của ngàn thế giới, tự tại tột bậc, ban cho các chúng sinh và hàng Nhị thừa về đạo Ba-la-mật của bậc Bồ-tát mà không cùng tận, thuyết giảng về tánh của thế gian trong sự sai biệt mà không gì có thể hủy hoại. Những nghiệp thiện đã làm như bố thí-ái ngữ-đồng sự, lợi hành, các loại phước đức ấy đều không lìa niệm Phật-niệm Pháp-niệm Tăng, niệm Bồ-tát và niệm hành của Bồ-tát và niệm Ba-la-mật, niệm mười Địa, niệm diệu lực không hoại, niệm vô úy, niệm pháp bất cộng của Phật, cho đến không lìa niệm về trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, thường khởi tâm như vậy: Mình phải ở trong tất cả chúng sinh, là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là kẻ dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ nương dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ niệm ấy mà phát khởi hành tinh tiến, nhờ diệu lực của tinh tiến, cho nên trong khoảng một niệm, đạt được các pháp Tam-muội nhiều như số vi trần trong trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới, được thấy chư Phật nhiều như số vi trần trong trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới, có thể nhận biết về thần lực của Phật,

có thể làm chuyển động thế giới Phật, có thể nhập vào thế giới Phật, có thể soi chiếu đến thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh trong thế giới Phật, có thể trú thọ với số lượng kiếp, có thể nhận biết các sự việc của đời quá khứ vị lai, có thể khéo hội nhập với các pháp môn…, hết thảy đều nhiều như số vi trần trong trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới. Có thể biến hóa thân thành số thân nhiều như số vi trần trong trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới, nơi mỗi mỗi thân, có thể thị hiện cũng từng ấy số Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại thù thắng tối thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy, thị hiện trong vô số các loại thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc nơi mắt, hoặc nơi cảnh giới, hoặc nơi âm thanh, hoặc nơi hành, hoặc nơi sự trang nghiêm, hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thần thông này, cho đến trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết".

Luận:

Theo chư Phật thọ nhận các pháp minh… là nói về tướng nhân của Bồ-tát.

Dụ về vàng ròng làm ra các vật dụng trang sức đẹp đẽ cho vương gia cõi Diêm-phù-đề; là nói về việc đạt được thân tâm thù thắng trong địa thanh tịnh. Chỉ rõ về căn thiện sáng tỏ kia lại càng trở nên sáng sạch. Như kinh nói: "Này Phật tử! Ví như Đại Phạm Thiên vương, chủ của ngàn thế giới… cho đến: Khiến họ đều được mát mẻ".

Các phần còn lại như trước đã giải thích.

**

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 11

Địa 9: ĐỊA THIỆN TUỆ

Luận: Trong Địa thứ chín có bốn phần sai biệt:

1. Thành tựu phương tiện của pháp sư.
2. Thành tựu về trí.
3. Thành tựu về nhập hành.
4. Thành tựu về thuyết giảng.

Trong Địa thứ tám chỉ làm thanh tịnh cõi Phật và giáo hóa chúng sinh. Trong Địa thứ chín này, nhờ diệu lực của biện tài cho nên có thể giáo hóa chúng sinh, thành tựu tất cả tướng, có thể giáo hóa cho nên địa này vượt hơn địa trước. Thế nào là thành tựu phương tiện của Pháp sư?

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này Phật tử! Bồ-tát dùng trí vô lượng, trí khéo lượng xét như vậy, lại cầu chuyển biến để đạt sự giải thoát tịch diệt, sâu xa thù thắng. Lại chuyển sang cầu đạt trí tuệ rốt ráo của Như Lai, nhập vào trong pháp sâu kín của Như Lai, tư duy chọn lựa Đại trí tuệ không thể nghĩ bàn, chọn lấy các pháp Tam-muội, Đà-la-ni và trí, đều làm cho thanh tịnh, hiện bày các thần thông với các hành rộng lớn, thông đạt nẻo hành sai biệt trong thế giới, tu tập các pháp bất cộng của Phật, các lực-vô úy của Như Lai không gì chướng ngại mà luôn thuận hợp, thấu tỏ sự việc chuyển pháp luân trang nghiêm của Như Lai, không rời bỏ đại nguyện lực của Đại Bi, được tiến vào Địa thứ chín của bậc Bồ-tát".

Luận:

Ở đây, thành tựu phương tiện của Pháp sư; tức là dựa vào tự lợi và lợi tha, mỗi một hành (tự-tha) có năm câu và ba câu nêu rõ.

Dựa vào Vô Sắc, đạt được tướng giải thoát, có thể hóa độ chúng sinh, làm lợi ích. Như kinh nói: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói:

Phật tử! Bồ-tát dùng trí vô lượng, trí khéo lượng xét như vậy…".

Dựa vào chỗ chưa đạt được trí rốt ráo của Phật, đem lại lợi ích cho chính mình. Như kinh nói: "Lại chuyển cầu đạt trí tuệ rốt ráo của Như Lai".

Dựa vào căn đã thành thục của Bồ-tát.

Dựa vào chúng sinh hành theo tà niệm mà có thể giáo hóa.

Dựa vào chúng sinh chưa hiểu biết pháp, chuyển pháp luân khiến cho họ được hiểu biết.

Dựa vào chúng sinh quy y theo tà đạo. Dựa vào chúng sinh tin sinh lên cõi trời.

Thứ tự năm câu như vậy chỉ rõ về hành lợi tha. Như kinh nói: "Nhập vào trong pháp sâu kín của Như Lai, tư duy, chọn lựa Đại trí tuệ không thể nghĩ bàn, chọn lấy các pháp Đà-la-ni, Tam-muội và trí đều làm cho thanh tịnh, hiện bày các thần thông với các hành rộng lớn, thông đạt nẻo hành sai biệt trong thế giới…".

Nêu rõ cõi nước thanh tịnh, chuyển hóa chúng sinh tin tưởng sinh lên cõi trời khiến cho họ tiến vào Phật pháp.

Dựa vào chánh giác, dựa vào chuyển pháp luân, dựa vào Niết-bàn: Thứ tự ba câu như vậy chỉ rõ về hành tự lợi, như kinh nói: "Tu tập các lực-vô úy của Như Lai và các pháp bất cộng của Phật…".

Không xả bỏ việc làm lợi ích cho chúng sinh; là chỉ rõ về Đại Niết-bàn, nhờ đạt được việc không lìa bỏ đại nguyện lực về Đại Bi, nên biết. Như đã nói về phần thành tựu phương tiện của Pháp sư trong Địa thứ chín.

Thế nào là thành tựu về trí?

Kinh: "Bồ-tát ấy, an trú trong địa Thiện tuệ của bậc Bồ-tát, nhận biết đúng như thật về pháp hành thiện-bất thiện-vô ký; về pháp hành hữu lậu vô lậu; về pháp hành thế gian-xuất thế gian; về pháp hành nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn; về pháp hành định không định; về pháp hành của hàng Nhị thừa; về pháp hành của hạnh Bồ-tát; về pháp hành của địa Như Lai; về pháp hành của pháp hữu vi-vô vi".

Luận:

Thành tựu về trí; là dựa vào những pháp nào để thuyết giảng? Nên biết pháp tịnh-nhiễm kia là không hai. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, an trú trong địa Thiện tuệ của bậc Bồ-tát, nhận biết đúng như thật…".

Ở trong pháp tịnh có hữu lậu-vô lậu. Như kinh nói: "Pháp hành hữu lậu vô lậu".

Lại trong pháp vô lậu có pháp hành thế gian-xuất thế gian. Như kinh nói: "Pháp hành thế gian xuất thế gian".

Lại trong pháp ấy có nghĩ bàn-không thể nghĩ bàn. Như kinh nói: "Pháp hành nghĩ bàn-không thể nghĩ bàn".

Trong pháp nghĩ bàn, lại có định, không định. Như kinh nói: "Pháp hành định-không định".

Pháp kia lại ở trong ba Thừa. Như kinh nói: "Pháp hành của hàng Nhị thừa. Pháp hành của hạnh Bồ-tát. Pháp hành của địa Như Lai…".

Lại, trong pháp của ba Thừa, chỉ rõ về hữu vi-vô vi dựa vào hành thuận hợp. Như * Kinh: "Pháp hành hữu vi, pháp hành vô vi, đều nhận biết đúng như thật".

Như vậy đã nói phần thành tựu về trí trong Địa thứ chín. Thế nào là thành tựu về nhập hành?

Kinh: "Bồ-tát ấy, tùy thuận trí tuệ như vậy, nhận biết đúng như thật về vùng rừng rậm trong:

- Tâm hành của chúng sinh.
- Nẻo hành của phiền não.
- Nẻo hành của nghiệp.
- Nẻo hành của căn.
- Nẻo hành của tín.
- Nẻo hành của tánh.
- Nẻo hành của tâm sâu xa.
- Nẻo hành của sử.
- Nẻo hành của sinh.
- Nẻo hành của tập khí.
- Nẻo hành sai biệt của ba Tụ.

Tất cả đều nhận biết đúng như thật".

Luận:

Thành tựu về nhập hành; là nương vào chỗ dựa chung của nghiệp phiền não sinh khởi và cấu nhiễm, cùng với phiền não nhiễm-tịnh... Dựa vào lúc định, không định... Như kinh nói: "Bồ-tát ấy tùy thuận trí tuệ như vậy…".

Sự tùy thuận kia lại có lúc định-không định thuộc về căn... thứ tự của căn... tương tự như tín... Như kinh nói: "Rừng rậm trong nẻo hành của căn. Rừng rậm trong nẻo hành của tín. Rừng rậm trong nẻo hành của tánh. Rừng rậm trong nẻo hành của tâm sâu xa. Rừng rậm trong nẻo hành của sử….".

Trù lâm (Rừng rậm): nghĩa là rất nhiều, nghĩa là khó nhận biết. Hành: là nghĩa không có chánh tín.

Thế nào là sự sai biệt của vùng rừng rậm trong tâm hành?

Kinh: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về vô số các loại tướng trong các tâm của chúng sinh:

- Tướng xen tạp của tâm.
- Tướng chuyển biến, sinh chẳng sinh của tâm.
- Tướng vô hình của tâm.
- Tướng hiện bày tất cả chốn, vô số, vô biên của tâm.
- Tướng thanh tịnh của tâm của tâm.
- Tướng nhiễm-không nhiễm của tâm.
- Tướng trói buộc-giải thoát của tâm.
- Tướng huyễn khởi của tâm.
- Tướng tùy cõi sinh của tâm

Cho đến vô lượng trăm ngàn chủng loại tướng sai biệt của tâm, đều nhận biết đúng như thật".

Luận:

Sự sai biệt trong rừng rậm tâm hành; tức là vô số các loại sai biệt, dị biệt của tâm. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật…". Vô số các loại tướng của tâm có tám loại:

1. Tướng sai biệt; tức là như sáu loại sai biệt của tâm-ý-thức. Như kinh nói: "Tướng xen tạp của tâm".

2. Tướng hành; là các hành trú dị sinh diệt. Như kinh nói: "Tướng chuyển biến sinh chẳng sinh của tâm".

3. Tướng đệ nhất nghĩa; quán xét tâm ấy, lìa tâm thì tâm-thân không thể thủ đắc. Như kinh nói: "Tướng vô hình của tâm".

4. Tự tướng; hành thuận theo vô lượng cảnh giới để chọn lấy. Như kinh nói: "Tướng hiện bày tất cả xứ, vô số vô biên của tâm".

5. Tướng tự tánh không nhiễm. Như kinh nói: "Tướng thanh tịnh của tâm".

6. Tướng đồng với phiền não không đồng với phiền não. Như kinh nói: "Tướng nhiễm-chẳng nhiễm của tâm".

7. Tướng đồng với sử-không đồng với sử. Như kinh nói: "Tướng trói buộc, giải thoát của tâm".

8. Tướng nhân, các Bồ-tát do nguyện lực mà thọ sinh, còn các chúng sinh thì do nghiệp lực của chính mình mà sinh. Như kinh nói: "Tướng huyễn khởi của tâm. Tướng tùy cõi sinh của tâm. Cho đến vô lượng trăm ngàn chủng loại tướng sai biệt của tâm đều nhận biết đúng như thật". Bởi vì tự tánh của tâm là thanh tịnh.

Hai câu thứ sáu-thứ bảy: là tâm nhiễm-chẳng nhiễm, tâm trói

buộc, giải thoát, hai câu này chỉ rõ về phiền não nhiễm. Câu thứ tám; là tâm tùy cõi sinh chỉ rõ về sinh nhiễm.

Thế nào là sự sai biệt trong rừng rậm của hành phiền não?

Kinh: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng thâm nhập của các phiền não:

- Tướng hành vô biên.
- Tướng cùng sinh chẳng lìa.
- Tướng phiền não-sử cùng một nghĩa.
- Tướng tương ưng không tương ưng với tâm.
- Tướng tùy theo sinh xứ mà nhận chịu quả báo.
- Tướng sai biệt trong ba cõi.
- Tướng lỗi lầm lớn của mũi tên độc là kiến-vô minh-ái.
- Tướng không đoạn nhân của ba loại nghiệp.

Lược nói, cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của hành phiền não".

Luận:

Sự sai biệt trong rừng rậm của hành phiền não; chỉ rõ về ba loại sự việc:

1. Nhập từ xa cho đến cõi Hữu đảnh. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng thâm nhập của các phiền não".

2. Khó nhận biết về vô lượng căn thiện cùng hành tu tập. Như kinh nói: "Tướng hành vô biên".

3. Nhiễm của nghiệp phiền não mà sinh nhiễm.

Ở đây, tùy theo sự trói buộc, bởi vì những gì trói buộc và sự việc trói buộc. Giải thích về điều này là chỉ rõ việc cấu nhiễm của phiền não ô nhiễm. Như kinh nói: "Tướng cùng sinh không lìa. Tướng phiền não và sử cùng một nghĩa. Tướng tương ưng không-tương ưng với tâm". Trong đó:

Tùy theo sự trói buộc: là lần lượt cùng đồng sự, lần lượt cùng dựa vào nhau, cùng sinh không lìa.

Bởi vì những gì trói buộc? Tức là sử. Vì có sử mà không được giải thoát, vì sử và phiền não cùng một nghĩa.

Sự việc đã trói buộc: tức là tâm. Tâm tương ưng-không tương ưng.

Không tương ưng; là chỉ rõ được giải thoát.

Thân hành sự làm nhân cho cảnh giới là chỉ rõ về việc sinh phiền não cấu nhiễm. Như kinh nói: "Tướng tùy theo sinh xứ mà nhận chịu quả báo.

Tướng sai biệt trong ba cõi".

Ở trong ba phần, thì nhân của nghiệp làm chướng ngại cho giải thoát, nghiệp thân-khẩu-ý thuận theo thế gian, không đoạn trừ việc dấy khởi nhân, chỉ rõ về vọng tưởng của nghiệp, phiền não cấu nhiễm. Như kinh nói: "Tướng lỗi lầm lớn của mũi tên độc là kiến-vô minh-ái. Tướng không đoạn nhân của ba thứ nghiệp căn bản. Cho đến, nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của hành phiền não".

Ba phần: Một là chúng sinh yêu thích hành dục. Hai là chúng sinh không có giới. Ba là chúng sinh ngoại đạo.

Thế nào là sự sai biệt trong rừng rậm của hành nghiệp?

Kinh: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng của các nghiệp thiện-bất thiện-vô ký:

- Tướng có tạo tác-chưa tạo tác.
- Tướng của tâm cùng sinh không lìa.
- Tướng dựa vào tự tánh đến tận cùng tập quả không sai thứ tự.
- Tướng có báo không có báo.
- Tướng sai biệt trong việc chính thức thọ nhận các nghiệp; đen-trắng-đen trắng, chẳng đen chẳng trắng.
- Tướng vô lượng nhân của nghiệp.
- Tướng sai biệt về thế gian-Thánh nhân.
- Tướng của hiện báo-sinh báo-hậu báo.
- Tướng Thừa không phải Thừa và định-không-định. Cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các nghiệp".

Luận:

Sai biệt trong rừng rậm của hành nghiệp; là chỉ rõ về nhân sai biệt của các cõi. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về…".

Tự tánh sai biệt. Như kinh nói: "Tướng có tạo tác-chưa có tạo tác".

Phương tiện sai biệt. Như kinh nói: "Tướng của tâm cùng sinh, không lìa".

Tận cùng tập quả sai biệt. Như kinh nói: "Tướng dựa vào tự tánh đến tận cùng tập quả không sai thứ tự".

Sai biệt về đã thọ nhận quả-chưa thọ nhận quả. Như kinh nói: "Tướng có báo-không báo".

Đối sai biệt. Như kinh nói: "Tướng sai biệt trong việc chính thức thọ

nhận các nghiệp; đen-trắng...".

Nhân duyên sai biệt. Như kinh nói: "Tướng vô lượng nhân của nghiệp".

Sai biệt do chưa tích tập đã tích tập. Như kinh nói: "Tướng sai biệt về thế gian-bậc Thánh".

Sai biệt về báo định và bất định. Như kinh nói: "Tướng hiện báo-sinh báo-hậu báo… Cho đến, nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các nghiệp".

Ở đây, tự tánh sai biệt có hai loại nghiệp: Một là; thời gian trù lượng, hai là thời gian tạo nghiệp.

Phương tiện sai biệt; là tâm cùng sinh huân tập tâm sinh quả không khác.

Tận cùng tập quả sai biệt; tức là từ thời vô thỉ, nghiệp tự nhiên gây tạo, niệm niệm diệt hoại, tích tập không mất, mà các pháp hữu vi làm nhân của nghiệp được tích tập trọn vẹn.

Sai biệt về đã thọ nhận quả-chưa thọ nhận quả; là thọ nhận-không thọ nhận về sinh báo-hậu báo.

Đối sai biệt; tức là nghiệp đen đối với nghiệp trắng. Nghiệp trắng đối với nghiệp đen. Nghiệp chẳng đen chẳng trắng đối với hai nghiệp. Hai nghiệp đối với nghiệp chẳng đen chẳng trắng. Nghiệp tích tập tạo thành sự sai biệt, nên biết.

Sai biệt về định và bất định; tức là ba thời gian định-chẳng định, ba Thừa định-chẳng định.

Chẳng phải thừa; là thế gian định-chẳng định. Nên biết! Thế nào là sai biệt trong rừng rậm của hành căn?

Kinh: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt của các căn bậc hạ-bậc trung-bậc thượng:

- Tướng dị biệt-không dị biệt của thời gian trước-sau.
- Tướng thượng-trung-hạ.
- Tướng phiền não cùng sinh không lìa.
- Tướng Thừa-không phải Thừa-định chẳng định.
- Tướng định thuần thục.
- Tướng tùy theo lưới căn chuyển biến-hủy hoại-chấp giữ tướng.
- Tướng căn tăng thượng không hoại.
- Tướng sai biệt của căn chuyển-không chuyển.
- Tướng thâm nhập cùng sinh với vô số sai biệt.

Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các căn. Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng tin tưởng bậc hạ của chúng sinh, lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng tin tưởng sai biệt. Bồ-tát ấy nhận biết đúng như thật về tướng của các tánh bậc hạ-bậc trung-bậc thượng lược

nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các tánh. Bồ-tát ấy nhận biết đúng như thật về tướng của tâm bậc hạ-bậc trung-bậc thượng, lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của tâm".

Luận:

Sự sai biệt trong rừng rậm của hành căn. Có chín loại:

1. Sai biệt về các năng lực. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt của các căn bậc hạ-bậc trung-bậc thượng".

2. Sai biệt về căn chuyển biến. Như kinh nói: "Tướng dị biệt-không dị biệt của thời gian trước-sau".

3. Sai biệt về tánh. Như kinh nói: "Tướng thượng-trung-hạ".

4. Sai biệt về phiền não cấu nhiễm. Như kinh nói: "Tướng phiền não cùng sinh không lìa".

5. Sai biệt về định không định. Như kinh nói: "Tướng Thừa chẳng phải Thừa, định-chẳng định. Tướng định thuần thục".

6. Sai biệt về thuận hành. Như kinh nói: "Tướng tùy theo lưới căn chuyển biến-hoại diệt-chấp giữ tướng".

7. Sai biệt về Thanh văn thanh tịnh. Như kinh nói: "Tướng căn tăng thượng không hoại".

8. Sai biệt về Bồ-tát thanh tịnh. Như kinh nói: "Tướng sai biệt của căn chuyển không-chuyển".

9. Sai biệt về chỗ thâu nhiếp của tất cả các căn. Như kinh nói: "Tướng thâm nhập cùng sinh với vô số sai biệt. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các căn".

Ở đây:

Sai biệt về căn chuyển biến; tức là căn trước-sau. Căn trước thấp tăng lên bằng nhau.

Sai biệt về tánh; tức là tánh sai biệt ở trong ba Thừa.

Sai biệt về phiền não cấu nhiễm; các căn như hỷ-lạc... tùy theo phiền não tập khí làm cho cấu nhiễm.

Sai biệt về định-không định; ở trong ba Thừa ở trong thế gian, định-chẳng định, thuần thục chẳng thuần thục. Trong đó, chúng sinh căn bất

định theo Tiểu thừa, Bồ-tát khiến cho chuyển hướng về Đại thừa. Còn căn định, Bồ-tát khiến cho vượt qua hai Thừa, đạt đầy đủ sự giải thoát.

Sai biệt về thuận hành. Có ba loại thuận hành:

1. Thuận hành theo chỗ dựa của thân; tức là lần lượt theo thứ tự cùng bị ràng buộc trong sáu Nhập.

2. Thuận hành theo sinh diệt; tức là tính chất trôi nổi, hoại diệt.

3. Quán các hành, chấp giữ tướng.

Sai biệt về Thanh văn thanh tịnh: có nghĩa là có thể thành tựu hành tăng thượng thì chướng ngại được diệt trừ.

Sai biệt về Bồ-tát thanh tịnh: là sự sai biệt của địa chuyển không chuyển.

Sai biệt về chỗ thâu nhiếp của tất cả các căn: là sự sai biệt về báo giữa phương tiện mới thực hành và căn đã thành thục. Vô lượng tướng sai biệt về tín-tánh-tâm thuộc bậc hạ-bậc trung-bậc thượng... đều nhận biết đúng như thật. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng tin tưởng của chúng sinh bậc hạ-bậc trung-bậc thượng, cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của tâm".

Như vậy về tánh nhập, nên biết. Thế nào là sai biệt trong rừng rậm của hành sử?

Kinh: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng của các sử sâu xa cùng sinh với tâm cùng sinh:

- Tướng không lìa tâm tương ưng-chẳng tương ưng.
- Tướng nhập từ xa.
- Tướng từ vô thỉ đến nay không sợ hãi.
- Tướng tương phản với việc tu tập chân chánh về tất cả thiền định, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề giải thoát, thần thông.
- Tướng trói buộc kiên cố nơi ba cõi.
- Tướng tích tập nối tiếp của tâm từ vô thỉ đến nay.
- Tướng tích tập mở ra các nẻo Nhập.
- Tướng có thể đối trị sự thật.
- Tướng tùy thuận-không tùy thuận với Nhập của địa.
- Tướng không khác với Thánh đạo diệt bỏ nẻo động.

Lược nói, cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của vô số các thứ sử".

Luận:

Ở đây, sử; tức là nghĩa theo đuổi, trói buộc.

Sự sai biệt trong rừng rậm của hành sử này; tức là theo đuổi nơi nào?

Vì sao mà để theo đuổi? Nêu rõ sự sâu xa cùng sinh với tâm cùng sinh.

Nơi chốn nào để theo đuổi? Tức tâm có báo hay không báo. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy nhận biết đúng như thật về tướng kết hợp sâu xa để sinh tâm cùng sinh của sử".

Tâm không lìa sự việc hiện có, cõi Dục-Sắc-Vô sắc có sự sai biệt về thượng-trung-hạ. Như kinh nói: "Tướng không lìa tâm tương ưng, chẳng tương ưng".

Theo đuổi cho đến cõi Hữu Đảnh, như kinh nói: "Tướng nhập xa". Vô biên thế giới chỉ có trí sợ hãi, xem như giặc oán, chưa từng có trí Văn Tư Tu, do đó không mất. Như kinh nói: "Tướng từ vô thỉ đến nay không sợ hãi".

Thiền định... của thế gian không thể diệt trừ được tâm hành thuận theo. Như kinh nói: "Tướng tương phản với việc tu tập chân chánh về tất cả thiền định…".

Vì sao mà theo đuổi? Có sáu loại theo đuổi. Sáu loại theo đuổi là sáu câu được nêu ra:

1. Theo đuổi vì không đoạn Hữu. Vì tướng không đoạn Hữu, giống như sử làm cho trói buộc. Như kinh nói: "Tướng trói buộc kiên cố nơi ba cõi".

2. Theo đuổi từ lâu xa. Như kinh nói: "Tướng tích tập, nối tiếp của tâm từ vô thỉ đến nay".

3. Theo đuổi nơi thân một đời. Các nhập như nhãn… có sáu loại phát sinh và tích tập Thức cùng sinh mà theo đuổi, và bởi vì A-lê-da huân tập mà theo đuổi. Như kinh nói: "Tướng tích tập mở ra các nẻo Nhập".

4. Theo đuổi không thật; tức là nghĩa đối trị với thật. Như kinh nói: "Tướng có thể đối trị sự thật".

5. Theo đuổi vi tế; Ở trong chín địa, phiền não của sáu Nhập xứ theo đuổi nơi thân. Như kinh nói: "Tướng tùy thuận không tùy thuận với Nhập của địa".

6. Theo đuổi về lìa khổ; chỉ có hành xuất thế gian, các hành khác không thể lìa bỏ. Như kinh nói: "Tướng không khác với Thánh đạo diệt bỏ nẻo động".

Thế nào là sự sai biệt trong rừng rậm của hành sinh?

Kinh: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt của các hành sinh:

- Tướng theo nghiệp sinh.

- Tướng sai biệt của chúng sinh trong sáu đường.
- Tướng sai biệt của chúng sinh có sắc-không có sắc.
- Tướng sai biệt của chúng sinh có tưởng-không có tưởng.
- Tướng nhận biết: Nghiệp là ruộng đất, Ái là nước, Vô minh là tối tăm, Thức là hạt giống, Thân sau là mầm sinh.
- Tướng Danh sắc cùng sinh mà không lìa.
- Tướng có si cầu ái tương tục.

Tướng dục thọ dục sinh, ưa thích chúng sinh, nối tiếp không giới hạn.

- Tướng tham đắm ba cõi cùng hiện bày… Thảy đều nhận biết đúng như thật".

Luận:

Sai biệt trong rừng rậm của hành sinh. Có tám loại:

1. Thân đủ loại. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt của các hành sinh".
2. Nghiệp đủ loại. Như kinh nói: "Tướng theo nghiệp sinh".
3. Trú xứ đủ loại. Như kinh nói: "Tướng sai biệt của các chúng sinh trong sáu đường".
4. Vô số thứ loại sắc tướng cao thấp. Như kinh nói: "Tướng sai biệt của chúng sinh có sắc-không có sắc, có tưởng-không có tưởng".
5. Vô số các loại về nhân của ngoại sắc giống nhau. Như kinh nói: "Tướng nhận biết Nghiệp là ruộng đất, Ái là nước…".
6. Vô số các loại tự tướng. Như kinh nói: "Tướng Danh sắc cùng sinh mà không lìa".
7. Vô số các loại về nhân vốn thuận sinh. Như kinh nói: "Tướng có si cầu ái tương tục."
8. Chỉ rõ về vô số sai biệt của Tập Khổ đế. Như kinh nói: "Tướng dục thọ dục sinh, ưa thích chúng sinh, nối tiếp không giới hạn. Tướng tham đắm ba cõi cùng hiện bày… đều nhận biết đúng như thật".

Ở đây, dục thọ; là ưa thích tham lam cùng nắm giữ, chốn chốn cầu tìm.

Dục sinh, lại có chúng sinh ưa thích các cõi, yêu mến thân mình, thân kẻ khác, tâm đắm theo tướng, qua lại các cõi trên dưới, càng chấp giữ tham đắm. Vô lượng lớn nhỏ, không có tưởng cùng hiện bày, là chỉ rõ sai biệt về sự xoay vòng lần lượt của các cõi trong Khổ đế.

Thế nào là sai biệt trong rừng rậm của hành tập khí?

Kinh: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt trong hành-không hành của tập khí:

- Tập khí do thuận theo chốn sinh của cõi huân tập mà có.
- Tập khí do thuận theo cùng chúng sinh hành mà có.
- Tập khí do thuận theo phiền não-nghiệp mà có.
- Tập khí do thuận theo các pháp thiện-bất thiện-vô ký mà có.
- Tập khí do thân sau mà có.
- Tập khí do thứ tự theo đuổi mà có.
- Tập khí do vào sâu, không đoạn trừ phiền não lôi kéo mà có.
- Tập khí do có thật-chẳng thật mà có.
- Tập khí của hành Nhị thừa, Bồ-tát, Như Lai, do thấy-nghe-gần gũi huân tập mà có.

Thảy đều nhận biết đúng như thật".

Luận:

Sai biệt trong rừng rậm của hành tập khí có mười loại:

1. Sai biệt về quả hiện tại, không hiện tại. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt trong hành-không hành của tập khí".

2. Sai biệt do cõi huân tập. Như kinh nói: "Tập khí do thuận theo chốn sinh của cõi huân tập mà có".

3. Sai biệt do gần gũi chúng sinh mà huân tập. Như kinh nói: "Tập khí do thuận theo cùng chúng sinh hành mà có".

4. Sai biệt do sức huân tập của phiền não-nghiệp. Như kinh nói: "Tập khí do thuận theo phiền não-nghiệp mà có".

5. Sai biệt do nghiệp thiện... huân tập. Như kinh nói: "Tập khí do thuận theo pháp thiện-bất thiện-vô ký mà có".

6. Sai biệt do trung ấm huân tập. Như kinh nói: "Tập khí do thân sau mà có".

7. Sai biệt do cùng với thứ tự của quả huân tập. Như kinh nói: "Tập khí do thứ tự theo đuổi mà có".

8. Sai biệt do nhân của thiền lìa thế gian huân tập: Huân tập do nhập từ xa, không đoạn trừ phiền não cùng sự lôi kéo của chúng. Như kinh nói: "Tập khí do vào sâu, không đoạn trừ phiền não lôi kéo mà có".

9. Sai biệt do sự huân tập từ hành giải thoát của đồng pháp dị đạo. Như kinh nói: "Tập khí do có thật-không thật mà có".

10. Sai biệt do sự huân tập của Thừa. Như kinh nói: "Tập khí của các hàng Nhị thừa, Bồ-tát…, thảy đều nhận biết đúng như thật".

Thế nào là sai biệt trong rừng rậm của hành ba Tụ?

Kinh: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về ba Tụ chúng sinh với các tướng:

- Tướng chánh định-tướng tà định.
- Tướng bất định lìa cả hai loại.
- Tướng chánh kiến-chánh định.
- Tướng tà kiến-tà định.
- Tướng bất định lìa cả hai loại.
- Tướng năm nghịch tà định.
- Tướng năm căn chánh định.
- Tướng bất định lìa cả hai loại.
- Tướng tám tà-tà định.
- Tướng chánh vị-chánh định.
- Tướng bất định, lại không tạo tác cho nên lìa cả hai loại.
- Tướng tà định với hành ác keo kiệt, ganh ghét không chuyển.
- Tướng chánh định tu tập Thánh đạo vô thượng.

Tướng bất định lìa cả hai loại, Bồ-tát đều nhận biết đúng như thật.

Này Phật tử! Bồ-tát tùy thuận với trí như vậy, gọi là an trú trong địa Thiện tuệ của bậc Bồ-tát".

Luận:

Sai biệt trong rừng rậm của hành ba Tụ chúng sinh, có năm loại:

1. Sai biệt về pháp có Niết-bàn và pháp không có Niết-bàn trong ba Thừa luôn luôn xác định. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về ba Tụ chúng sinh với các tướng…".

2. Sai biệt do nhân quả của hành thiện-ác. Như kinh nói: "Tướng chánh kiến-chánh định. Tướng tà kiến tà định. Tướng bất định lìa cả hai loại".

3. Sai biệt do nhân của cõi Thiện-cõi Ác. Như kinh nói: "Tướng năm nghịch tà định. Tướng năm căn chánh định. Tướng bất định lìa cả hai loại".

4. Sai biệt do nhân của hàng Nhị thừa, ngoại đạo. Như kinh nói: "Tướng tám tà-tà định. Tướng chánh vị chánh định. Tướng bất định lại không tạo tác cho nên lìa cả hai loại".

5. Sai biệt do sự thị hiện của Bồ-tát. Như kinh nói: "Tướng tà định với hành ác keo kiệt, ganh ghét không chuyển. Tướng chánh định tu tập đạo Thánh vô thượng. Tướng bất định lìa cả hai loại".

- Xả bỏ các chúng sinh có thể giáo hóa, gọi là ganh ghét đố kỵ.
- Không vui thích bố thí của cải cho kẻ khác, gọi là keo kiệt.

- Có thể gây đau khổ cho kẻ khác là hành ác không chuyển. Các pháp Ba-la-mật của Bồ-tát trái với tà định. Bồ-tát đạt được như vậy gọi là thành tựu phương tiện của Pháp sư, thành tựu về trí, thành tựu về nhập hành. Thành tựu ba sự việc ấy, là khéo an trú trong địa này. Như kinh nói: "Này Phật tử! Bồ-tát tùy thuận với trí như vậy gọi là an trú trong địa Thiện tuệ của bậc Bồ-tát".

Thế nào là thành tựu về thuyết giảng, ban cho chúng sinh phương tiện giải thoát?

Kinh nói: "Bồ-tát ấy, an trú trong địa Thiện tuệ của bậc Bồ-tát này rồi, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt trong các hành của chúng sinh như vậy, tùy theo sự giải thoát mà trao cho họ nhân duyên. Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về các pháp:

- Giáo hóa chúng sinh.
- Cứu độ chúng sinh.
- Thuyết giảng về Thừa Thanh văn.
- Thuyết giảng về Thừa Bích-chi-Phật.
- Thuyết giảng về Thừa Bồ-tát.
- Thuyết giảng về địa của Như Lai.

Bồ-tát ấy, nhận biết như vậy rồi, đúng như thật, vì chúng sinh thuyết pháp khiến cho họ được giải thoát. Tùy theo sự sai biệt của tâm, của sử, của căn, của lòng tin, của cảnh giới, vô số hành của tập khí, tùy thuận với trí của hết thảy cảnh giới, tùy thuận với vô số hành tánh, tùy theo tập khí của phiền não-nghiệp sinh khởi, chuyển biến, tùy theo sự sai biệt của các Tụ, tùy theo niềm tin với Thừa, đều vì tất cả mà thuyết pháp khiến cho được giải thoát".

Luận:

Thành tựu về thuyết giảng; là tùy vào sự giải thoát mà ban cho họ nhân duyên. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy an trú trong địa Thiện tuệ…".

Thành tựu về thuyết giảng, lại có ba loại tướng chỉ rõ:

1. Thành tựu về trí.
2. Thành tựu về khẩu nghiệp.
3. Thành tựu về Pháp sư.

- Thành tựu về trí: Tùy theo những gì được nhận biết, những gì được nương dựa mà thuyết giảng về ấy, nên biết.

Thế nào là tùy theo những gì được nhận biết để thuyết giảng? Tức là năng lực giải thoát được thành thục. Thể giải thoát đúng lúc được hóa độ. Sai biệt của sự giải thoát là do sự sai biệt của ba Thừa. Như kinh nói: "Bồ-tát

ấy, nhận biết đúng như thật về pháp giáo hóa chúng sinh, cho đến nhận biết đúng như thật pháp thuyết giảng về địa của Như Lai".

Thế nào là tùy theo những gì được nương dựa để thuyết giảng? Tức là pháp được thuyết giảng luôn phù hợp với năng lực thọ nhận của căn cơ, tùy theo căn cơ phải hóa độ, để trao cho pháp đối trị, nghĩa này được nói đến trong hai câu. Thành tựu năng lực thọ nhận pháp đã thuyết giảng, tùy theo căn trí, tùy theo sự tin tưởng, mà vì họ thuyết giảng pháp, nghĩa này cũng có hai câu nói rõ. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết như vậy rồi đúng như thật, vì chúng sinh thuyết giảng chánh pháp, khiến cho họ được giải thoát. Tùy theo sự sai biệt của tâm, của sử, của căn, của lòng tin…".

Theo thí dụ để hiểu về năng lực thọ nhận giáo pháp, như kinh nói: "Tùy theo cảnh giới sai biệt, tùy theo vô số hành của tập khí".

Tùy theo vô số hành khác của năng lực thọ nhận, như kinh nói: "Tùy thuận với trí của hết thảy cảnh giới".

Cho đến có thể thành tựu năng lực thọ nhận giáo pháp, như kinh nói: "Tùy thuận với vô số hành tánh".

Tùy theo sự biện giải về ngôn từ của năng lực thọ nhận, từ đó phiền não của nghiệp sinh khởi huân tập cùng hành. Như kinh nói: "Tùy theo tập khí của phiền não-nghiệp sinh khởi và chuyển biến".

Tùy theo căn định, bất định chuyển biến của năng lực thọ nhận, như kinh nói: "Tùy theo sự sai biệt của các Tụ".

Tùy theo nhân của Thừa có thể hiện bày sự hành hóa của năng lực thọ nhận, như kinh nói: "Tùy theo niềm tin với Thừa khiến cho được giải thoát, mà vì họ thuyết giảng giáo pháp".

Thế nào là thành tựu trí nghiệp?

Kinh: "Bồ-tát ấy, trú trong địa Thiện tuệ của bậc Bồ-tát, lược nói về việc làm đại Pháp sư, trú trong nghĩa thâm diệu của bậc đại Pháp sư, giữ gìn pháp tạng của chư Phật".

Luận: Ở đây, sự thuyết giảng, sự thọ trì, được chỉ rõ trong hai câu:

Trú trong nghĩa thâm diệu của bậc đại Pháp sư; có hai mươi loại có thể làm sự việc của bậc Pháp sư. Một là thời. Hai là ý chân chánh. Ba là nhanh chóng. Bốn là tương tục. Năm là dần dần. Sáu là thứ tự. Bảy là câu nghĩa theo đúng thứ tự. Tám là chỉ rõ. Chín là vui mừng. Mười là khuyến khích. Mười một là đầy đủ các đức. Mười hai là không chê bai. Mười ba là không loạn động. Mười bốn là như pháp. Mười lăm là thuận

theo đại chúng. Mười sáu là có tâm Từ. Mười bảy là tâm an ổn. Mười tám là có tâm thương xót. Mười chín là không đắm theo lợi dưỡng và danh tiếng. Hai mươi là không tự tán dương mình, chê bai kẻ khác.

Thời: là không có tám nạn. Như kệ nói:

Như lòng vua buồn phiền,
Bệnh giận theo các dục,
Hiểm xứ không thị vệ,
Nịnh thần chẳng trung lương.
Tám nạn luôn như vậy,
Trì thần không nên nói,
Tâm vua cũng như vậy,
Trái thời không nên nói.

Ý chân chánh: tức là an trú oai nghi chính đáng, không phải là trú không chính đáng. Nghĩa này như vậy nào? Mình đứng người ta ngồi thì không nên vì họ mà thuyết pháp. Các sự việc như vậy, trong Giới kinh đã nêu giảng rộng khắp. Vì sao? Vì chư Phật Bồ-tát luôn kính trọng pháp. Do kính trọng pháp nên khiến cho người khác sinh tâm tôn trọng. Khi nghe pháp phải cung kính thâu nhiếp tâm tư lắng nghe.

Nhanh chóng (Đốn): là ý chân chánh của Bồ-tát, vì tất cả chúng mà thuyết tất cả pháp, lìa bỏ cấu nhiễm do keo kiệt trong việc giảng pháp.

Tương tục: thuyết giảng không ngừng nghỉ, xả bỏ tâm ý đố kỵ trong các pháp.

Dần dần: tức là theo như thứ tự của câu chữ mà giảng.

Thứ tự: tức là theo thứ tự trong nghĩa của câu chữ để thuyết giảng.

Câu nghĩa theo đúng thứ tự: là giảng pháp đồng nghĩa chứ không giảng pháp không đồng nghĩa.

Chỉ rõ: tức là chỉ rõ những điều cần phải chỉ rõ. Vui mừng: tức là vui mừng với điều nên vui mừng.

Khuyến khích: nghĩa là đối với các chúng sinh khiếp nhược thì hỗ trợ khiến cho họ được dũng mãnh.

Đầy đủ các đức: tức là hiện trí-tỷ trí, sự chứng đắc về pháp vô tỷ đều trình bày đầy đủ.

Không chê bai: tức là tùy thuận đạo thiện để thuyết giảng.

Không loạn động: là không động, không lẫn lộn, chính thức hội nhập trong chốn thích hợp.

Như pháp: là giảng đầy đủ về bốn Thánh đế.

Thuận theo đại chúng: tức là đối với bốn chúng, tám bộ, tùy theo những gì cần nghe để mà thuyết pháp thích hợp.

Mười lăm loại tướng như vậy, Bồ-tát tùy thuận để làm lợi ích cho kẻ khác mà thuyết giảng tất cả pháp.

Tâm từ: là đối với các chúng sinh oán ghét, dấy khởi tâm Từ mà thuyết giảng pháp.

Tâm an ổn: là ở trong chỗ ác với chúng sinh hành ác, khởi tâm làm lợi ích để giảng pháp.

Tâm thương xót: là đối với các chúng sinh thọ khổ-vui, khởi tâm thương xót, làm lợi lạc, vì họ mà thuyết pháp.

Không đắm theo lợi dưỡng và danh tiếng: tức là tâm không mong cầu mà luôn hành xa lìa.

Không tự tán dương mình-chê bai kẻ khác: tức là lìa bỏ ngã mạn, các thứ tùy phiền não như ganh ghét, vì chúng sinh mà giảng nói pháp.

Năm loại tướng như vậy, Bồ-tát làm thanh tịnh cho tự tâm. Đầy đủ hai mươi sự việc ấy thì có thể làm Pháp sư. Đó gọi là an trú trong nghĩa thâm diệu của bậc đại Pháp sư.

Như vậy đã nói về thành tựu trí trong sự thành tựu về thuyết giảng.

Thế nào là thành tựu về khẩu nghiệp?

Kinh: "Thông đạt về phương tiện của vô lượng trí, bốn Trí vô ngại, dấy khởi ngôn từ của Bồ-tát để giảng pháp. Bồ-tát ấy ngày đêm luôn phát huy bốn Trí vô ngại. Những gì là bốn? Đó là Pháp vô ngại, Nghĩa vô ngại, Từ vô ngại và Lạc thuyết vô ngại".

Luận:

Thành tựu về khẩu nghiệp; tức là Bồ-tát dùng bốn loại ngôn từ-âm thanh vô ngại để thuyết pháp. Như kinh nói: "Thông đạt về phương tiện của vô lượng trí…" cho đến "Lạc thuyết vô ngại".

Không hoại (phát huy); tức là không động. Cảnh giới của bốn vô ngại là:

1. Thể của pháp.
2. Thể cảnh giới của pháp.
3. Chính thức đạt được để ban cho chúng sinh.
4. Chính thức cầu đạt cùng với vô lượng môn.

Thể của pháp: tức là xa lìa hai phía thuộc về sinh-pháp, như tướng

ngăn ngại của sắc...

Thể cảnh giới của pháp: tức là Bồ-tát, trong việc lìa xa hai phía thuộc về sinh-pháp, trí nhận biết đúng như thật về cảnh giới. Bồ-tát ở trong cảnh giới của trí như vậy mà nhận biết chỗ thâu nhiếp của sinh-pháp-trú như sắc. Thế nào là sắc? Là những phân biệt hư vọng của nhẫn sắc...

Chính thức đạt được để ban cho chúng sinh: tức là ở trong cảnh giới của trí như thật kia, tùy theo người khác mà hoan hỷ thuyết giảng, biết chính xác tùy theo người khác mà thuyết giảng, biết chính xác mà trao cho họ.

Chính thức cầu đạt cùng với vô lượng môn: là Bồ-tát, tùy theo người khác mà hoan hỷ nói năng, biết chính xác vô lượng các loại ngữ nghĩa, tùy theo sự nhận biết mà trao cho họ.

Bốn trí vô ngại này có mười loại sai biệt:

1. Dựa vào tự tướng.
2. Dựa vào đồng tướng.
3. Tướng hành.
4. Tướng thuyết.
5. Tướng trí.
6. Tướng không có ngã mạn.
7. Tướng Tiểu thừa-Đại thừa.
8. Tướng của địa Bồ-tát.
9. Tướng của địa Như Lai.
10. Tướng làm trú trì.

Năm tướng sau là tướng tịnh. Thế nào là tự tướng?

Kinh: "Bồ-tát ấy, dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về tự tướng của các pháp. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết về tướng sai biệt của các pháp. Dùng trí của Từ vô ngại để nhận biết về việc thuyết các pháp không hoại. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại để nhận biết về việc thuyết giảng thứ tự các pháp theo thứ tự không gián đoạn".

Luận:

Tự tướng; có bốn loại:

1. Tự tướng của sinh pháp.
2. Tự tướng sai biệt.
3. Tự tướng kiên cố của tưởng.
4. Tự tướng sai biệt của tưởng kia.

Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, dùng trí của Pháp vô ngại…".

Thuyết không hoại; là tùy theo sự biết rõ về các tướng, tùy theo các chúng sinh kia mà thuyết giảng vô số các loại pháp.

Thuyết thứ tự không gián đoạn; tức là thứ tự không dứt, số lượng hết sức nhiều, với tên gọi khác là kiên cố theo nghĩa kia.

Thế nào là đồng tướng?

Kinh: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về các pháp là không có Thể tánh. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết về tướng sinh diệt của các pháp. Dùng trí của Từ vô ngại để nhận biết về các pháp là giả danh, nhưng thuyết pháp không đoạn trừ giả danh. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, tùy theo giả danh mà nêu giảng không hoại vô biên pháp".

Luận:

Ở đây, đồng tướng có bốn loại:

1. Đồng tướng của tất cả pháp.
2. Đồng tướng của tất cả pháp hữu vi.
3. Đồng tướng của tất cả pháp giả danh.
4. Đồng tướng giả danh của giả danh.

Như kinh nói: "Lại nữa, dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết các pháp là không có Thể tánh… cho đến: dùng trí của lạc thuyết vô ngại, tùy theo giả danh nêu giảng không hoại vô biên pháp mà". Trong đó, môn vô thường nhập vào trong nghĩa Vô ngã, đồng tướng thứ hai là thành tựu cảnh giới của trí thứ nhất.

Nhận biết các pháp là giả danh nhưng thuyết pháp không đoạn trừ giả danh; tức là pháp giả danh thì dùng những pháp giả danh khác để nêu giảng.

Tùy theo giả danh, không hoại vô biên pháp: Tức là không hoại giả danh trước, mà có thể nêu giảng về giả danh khác.

Thế nào là tướng hành?

Kinh: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về sự sai biệt trong các pháp hiện tại. Dùng trí của nghĩa vô ngại để nhận biết về sự sai biệt trong các pháp quá khứ vị lai. Dùng trí của Từ vô ngại để nhận biết về các pháp quá khứ-hiện tại-vị lai, mà thuyết pháp không hoại. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại trong mỗi mỗi đời đạt được vô lượng pháp sáng cho nên thuyết pháp".

Luận:

Tướng hành có bốn loại:

1. Tướng hành sinh.

2. Tướng hành đã sinh-chưa sinh.
3. Tướng hành của vật giả danh.
4. Tướng hành nói về sự.

Như kinh nói: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại…". Mỗi mỗi đời trong đời hiện tại-quá khứ-vị lai, tất cả đều do thế gian thâu nhiếp, nên biết. Thấy đời quá khứ-vị lai, nhận biết về đời hiện tại. Như vậy Bồ-tát ấy đã thành tựu về cảnh giới của trí. Tướng của hành sự không ra ngoài ba đời, nên biết.

Vô lượng pháp sáng; là pháp sáng sai khác rất nhiều chủng loại, nên biết.

Thế nào là tướng thuyết giảng?

Kinh: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về các pháp sai biệt. Dùng trí của nghĩa vô ngại để nhận biết về nghĩa sai biệt

của các pháp. Dùng trí của Từ vô ngại, tùy theo các loại ngôn từ-âm thanh, vì chúng sinh mà giảng nói pháp. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, tùy theo sự ưa thích hiểu biết, vì họ mà giảng pháp".

Luận:

Tướng thuyết giảng; có bốn loại:

1. Tướng thuyết giảng kinh.
2. Tướng thuyết giảng giải thích kinh.
3. Tướng tùy thuận thuyết giảng.
4. Tướng thuyết giảng tương tự.

Như kinh nói: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về các pháp sai biệt…".

- Ở đây, tùy theo các loại ngôn từ-âm thanh mà thuyết giảng: tức là tùy theo ngôn ngữ-âm thanh của các chúng sinh kia mà giảng.
- Tùy theo sự ưa thích hiểu biết mà thuyết giảng: là tùy theo tâm niệm hiện có của các chúng sinh, cho đến tùy theo vô số thí dụ hiện có mà thuyết giảng.

Thế nào là tướng trí?

Kinh: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại, dùng Pháp trí để nhận biết các pháp sai biệt không hủy hoại phương tiện. Dùng trí của Nghĩa vô ngại, dùng trí so sánh để nhận biết đúng như thật về các pháp sai biệt. Dùng trí của Từ vô ngại, dùng chánh kiến của trí thế gian để thuyết pháp. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, dùng phương tiện của trí đệ nhất nghĩa mà thuyết pháp".

Luận:

Tướng trí: có bốn loại:

1. Trí hiện thấy.
2. Trí so sánh.
3. Trí muốn đạt được phương tiện.
4. Trí đạt được.

Như kinh nói: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại, dùng Pháp trí để nhận biết các pháp sai biệt không hủy hoại phương tiện…".

- Ở đây, Pháp trí: tức là nhận biết về đế sai biệt, không khác với phương tiện. Pháp trí sai biệt không hủy hoại phương tiện.

- Trí so sánh: như sự phân biệt đúng như thật ở đây, thì các trường hợp khác cũng như vậy. Trí so sánh nhận biết đúng như thật về đế sai biệt.

- Phương tiện của trí đệ nhất nghĩa: tức là không phải dị thuyết điên đảo nên biết!

Thế nào là tướng không có ngã mạn?

Kinh: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về một tướng không hoại của các pháp. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết về phương tiện tích tập nhân duyên của ấm-giới-nhập-đế. Dùng trí của Từ vô ngại để nhận biết về chỗ quy kính của tất cả thế gian đối với âm thanh-câu chữ thiện diệu mà thuyết pháp. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại mà thuyết về vô lượng pháp minh càng trở nên thù thắng để thuyết pháp."

Luận:

Tướng không có ngã mạn; có bốn loại:

1. Tướng không có ngã mạn của Đệ nhất nghĩa đế.
2. Tướng không có ngã mạn của Thế đế.
3. Tướng không có ngã mạn nói về sự tốt đẹp.
4. Tướng không có ngã mạn nói về vô thượng.

Như kinh nói: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về một tướng không hoại của các pháp…".

Một tướng không hoại: tức là Vô ngã không hoại. Ngã nhận biết về Vô ngã. Ngã chứng đắc về vô ngã. Như vậy, hủy hoại các ấm đều là phương tiện tiến vào vô ngã. Vì vậy, Bồ-tát ấy đã thành tựu cảnh giới của trí.

1. Tích tụ về chấp ngã.
2. Chấp về nhân khác.
3. Chấp vào dục.
4. Chấp vào tạo tác.

Đối trị các điều này theo thứ tự như vậy, đều là ấm cùng phương tiện

nên biết!

Thế nào là tướng của Tiểu thừa-Đại thừa?

Kinh: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về các pháp không có sai biệt, thâu nhiếp trong một Thừa. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết và phân biệt các môn sai biệt của các Thừa. Dùng trí của Từ vô ngại để có thể nói về các Thừa không hoại. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, đối với mỗi mỗi Thừa giảng về vô lượng pháp sáng".

Luận: Tướng của Tiểu thừa-Đại thừa: có bốn loại:

1. Tướng quán.
2. Tướng tánh.
3. Tướng giải thoát.
4. Tướng niệm.

Như kinh nói: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về các pháp không có sai biệt, thâu nhiếp trong một Thừa…".

Nhận biết các pháp không có sai biệt, thâu nhiếp trong một Thừa; tức là nhất quán không khác, nên biết.

Có thể giảng về các Thừa không hoại; tức là dựa vào chỗ đồng giải thoát, dứt mọi sợ hãi.

Nêu bày về vô lượng pháp sáng; tức là vô số các thứ pháp sáng, phân biệt nêu giảng, tùy theo chúng sinh có thể hóa độ, dựa vào vô số niệm hành mà thuận theo giải thoát.

Thế nào là tướng của Địa Bồ-tát?

Kinh: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về pháp hành-trí hành, tùy theo trí hành nhập của tất cả Bồ-tát. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết và phân biệt nói về nẻo nhập sai biệt trong nghĩa của mười địa. Dùng trí của Từ vô ngại để nói về chỗ tùy thuận các địa không hoại. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại để nói về vô lượng tướng của mỗi mỗi địa".

Luận:

Tướng của địa Bồ-tát: có bốn loại:

1. Tướng trí.
2. Tướng thuyết giảng.
3. Tướng cùng với phương tiện.
4. Tướng nhập vào vô lượng môn.

Như kinh nói: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về pháp hành-trí hành, tùy theo trí hành nhập của tất cả Bồ-tát…".

Hành của tất cả Bồ-tát: tức là chỉ rõ về pháp hành-trí hành và trí quán.

Mười địa sai biệt: là tâm nêu bày, miệng nói, nên biết!

Nêu bày không hoại và tùy thuận các địa: là sự chỉ dạy trao truyền không điên đảo.

Thế nào là tướng của địa Như Lai?

Kinh: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về tất cả Phật, trong khoảng một niệm, chứng đắc chánh giác. Dùng trí của Nghĩa vô ngại, nhận biết về chỗ sai biệt trong sự tướng của vô số thời. Dùng trí của Từ vô ngại, tùy theo sự sai biệt của chánh giác mà giảng. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, đối với mỗi mỗi câu pháp, thuyết giảng trong vô lượng kiếp mà không cùng tận".

Luận:

Tướng của địa Như Lai: có bốn loại:

1. Tướng pháp thân.
2. Tướng sắc thân.
3. Tướng chánh giác.
4. Tướng thuyết giảng.

Như kinh nói: "Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về tất cả Phật, trong khoảng một niệm, chứng đắc chánh giác…".

Thời: tức là tùy theo trong những kiếp nào, thành tựu những Phật sự gì, tùy theo những cõi Phật nào, tùy theo thân tướng của những vị Phật nào, tùy theo danh hiệu được thọ ký mà có thể thấy nghe.

Tùy theo chánh giác: tức là dựa vào mười hiệu Phật như chánh giác, nên biết.

Thế nào là tướng làm trú trì?

Kinh: "Lại nữa, dùng trí của Pháp vô ngại, nhận biết về ngôn ngữ-lực-vô úy-pháp bất cộng của Phật, Đại Bi-trí hành vô ngại-chuyển pháp luân của tất cả chư Phật tùy thuận với trí Nhất thiết trí. Dùng trí của Nghĩa vô ngại, nhận biết về pháp tùy thuận trong âm thanh của Như Lai hiện bày tám vạn bốn ngàn loại, tùy theo chỗ sai biệt về tâm, căn, sự tin tưởng của chúng sinh. Dùng trí của từ vô ngại, nhận biết về nẻo hành của hết thảy chúng sinh, dùng âm thanh bất hoại của Như lai thuyết giảng. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, dùng trí hành thần thông viên mãn của chư Phật, tùy theo sự tin tưởng mà thuyết pháp".

Luận:

Tướng làm trú trì: có bốn loại:

1. Tướng giác ngộ.
2. Tướng sai biệt.
3. Tướng thuyết giảng.
4. Tướng vô lượng.

Như kinh nói: "Lại nữa, dùng trí của Pháp vô ngại, nhận biết về ngôn ngữ-lực-vô úy-pháp bất cộng của Phật…".

Ngôn ngữ của Phật: tức là khả năng thuyết pháp. Lực: tức là khả năng phá trừ chúng sinh kiêu mạn. Vô úy: là khả năng hàng phục các ngoại đạo.

Pháp bất cộng của Phật: tức là pháp không đồng với hàng Nhị thừa của Phật.

Đại Bi: tức là luôn có thể thuyết pháp.

Trí hành vô ngại: tức là dựa vào chúng sinh để thuyết pháp của Bồ-tát.

Chuyển pháp luân: là tùy thuận thuyết pháp.

Tất cả sự việc ấy thì trí Nhất thiết trí đều nhận biết, thông tỏ.

Tùy tâm: là tùy theo tâm tánh, nên biết!

Trí hành thần thông viên mãn của chư Phật; tức là Pháp thân của chư Phật với hành này làm lợi ích cho chúng sinh, mà hành không thể hoại. Nói viên mãn là tùy theo sự tin tưởng của chúng sinh, chỉ rõ sự Lạc thuyết vô tận của Bồ-tát.

Như vậy đã nói xong về phần thành tựu khẩu nghiệp.

Thế nào là thành tựu sự tự tại của bậc Pháp sư? Hiện rõ trong bốn việc:

1. Thành tựu về tổng trì.
2. Thành tựu về thuyết giảng.
3. Thành tựu về hỏi-đáp.
4. Thành tựu về thọ trì.

Thế nào là thành tựu về Tổng trì?

Kinh: "Này Phật tử! Bồ-tát khéo nhận biết về trí vô ngại như vậy, an trú trong Địa thứ chín của bậc Bồ-tát, gọi là đạt được tạng pháp của chư Phật, có thể làm đại Pháp sư, chứng đắc các Đà-la-ni Nghĩa, các Đà-la-ni Pháp, khởi Đà-la-ni Trí, Đà-la-ni Quang minh, Đà-la-ni Thiện ý, Đà-la-ni Chúng tài, Đà-la-ni Uy đức, Đà-la-ni vô chướng ngại môn, Đà-la-ni Vô lượng, Đà-la-ni Đắc chủng chủng nghĩa. Chứng đắc các môn Đà-la-ni, đầy đủ mười A-tăng-kỳ trăm ngàn môn Đà-la-ni như vậy, đầy đủ mười A-tăng-kỳ trăm ngàn phương tiện âm thanh như vậy, gồm đủ mười A-tăng-

kỳ trăm ngàn vô lượng môn Tín-lạc, thuyết pháp sai biệt như vậy, Bồ-tát ấy chứng đắc mười A-tăng-kỳ trăm ngàn vô lượng môn Đà-la-ni như vậy, có thể ở tại trú xứ của vô lượng chư Phật mà nghe pháp, nghe rồi không quên, như pháp đã nghe, có thể dùng vô lượng môn sai biệt, vì mọi người mà diễn nói".

Luận:

Thành tựu về Tổng trì: có mười loại Đà-la-ni:

1. Đà-la-ni Nghĩa. Như kinh nói: "Chứng đắc các Đà-la-ni Nghĩa".
2. Đà-la-ni Nghe pháp. Như kinh nói: "Chứng đắc các Đà-la-ni Pháp".
3. Đà-la-ni Trí. Như kinh nói: " Khởi Đà-la-ni Trí".
4. Đà-la-ni Phóng quang. Như kinh nói: "Đà-la-ni Quang minh".
5. Đà-la-ni hàng phục kẻ khác. Như kinh nói: "Đà-la-ni Thiện ý".
6. Đà-la-ni cúng dường Như Lai, bố thí để thâu nhiếp dẫn dắt các chúng sinh bần cùng. Như kinh nói: "Chứng đắc Đà-la-ni Chúng tài".
7. Đà-la-ni ở trong pháp Đại thừa, đối với các chúng sinh thấp kém, chỉ dạy làm lợi ích. Như kinh nói: "Đà-la-ni Uy đức".
8. Đà-la-ni Biện tài không đoạn. Như kinh nói: "Chứng đắc Đà-la-ni Vô chướng ngại môn."
9. Đà-la-ni lạc thuyết vô tận. Như kinh nói: "Chứng đắc Đà-la-ni Vô lượng".
10. Đà-la-ni lạc thuyết vô số loại nghĩa. Như kinh nói: "Đạt được Đà-la-ni Đắc chủng chủng nghĩa… cho đến. Như pháp đã nghe, có thể dùng vô lượng môn sai biệt vì mọi người mà diễn nói".

Phần văn kinh còn lại đã nói về:

- Thành tựu về thuyết giảng.
- Thành tựu về hỏi đáp.
- Thành tựu về thọ trì. Như trong kinh nói, nên biết!

Vì dễ hiểu cho nên không giải thích. Các phần khác như trước đã nói.

Kinh: "Bồ-tát ấy, đối với một Đức Phật, dùng mười A-tăng-kỳ trăm ngàn môn Đà-la-ni để nghe-nhận giáo pháp. Như từ một vị Phật, nhận nghe giáo pháp, đối với vô lượng vô biên chư Phật khác cũng lại như vậy. Bồ-tát ấy, vào lúc lễ kính Phật, mà nghe về môn pháp minh thì có thể tiếp nhận, không phải như hàng Thanh văn học nhiều, đạt được diệu lực của đại Đà-la-ni, ở trong mười vạn kiếp mà có thể thọ trì, hành hóa. Bồ-tát ấy, đạt được diệu lực của Đà-la-ni, diệu lực của trí vô ngại nhạo thuyết như vậy để giảng nói giáo pháp. Khi thuyết pháp, ở tại pháp tòa, hiện khắp hết thảy

ba ngàn đại thiên thế giới, tùy theo sự sai biệt trong tâm của chúng sinh mà giảng nói. Pháp tòa của Bồ-tát ấy, chỉ trừ chư Phật và Bồ-tát được thọ ký, thì đối với tất cả thật là thù thắng tột bật, nhờ đạt được vô lượng pháp minh. Bồ-tát ấy, ở tại pháp tòa, hoặc dùng một âm thanh để giảng nói, khiến cho hết thảy đại chúng đều có thể hiểu rõ, liền được hiểu rõ. Hoặc dùng các loại âm thanh để thuyết giảng, khiến cho tất cả đại chúng đều có thể mở bày thông tỏ, liền được mở bày thông tỏ. Hoặc chỉ phóng ra ánh sáng để thuyết giảng, khiến cho hết thảy đại chúng đều có thể hiểu pháp, liền được hiểu pháp. Hoặc dùng tất cả lỗ chân lông nơi thân đều phát ra pháp âm. Hoặc dùng mọi thứ sắc, vật hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới cùng phát ra pháp âm. Hoặc dùng một âm thanh hiện khắp hết thảy pháp giới đều khiến cho được hiểu. Hoặc dùng tất cả âm thanh làm pháp thanh trú trì. Hoặc đối với hết thảy âm thanh của âm nhạc ca vịnh trong mọi thế giới, đều phát ra pháp âm. Hoặc ở trong âm thanh của một chữ phát ra âm thanh của câu chữ của tất cả pháp, mọi sự sai biệt đều được nêu giảng. Hoặc ở trong thế giới không thể nói hết, với vô lượng vi trần vi tế sai biệt tích tụ khắp bốn đại địa-thủy-hỏa-phong, trong mỗi mỗi vi trần, có các pháp môn không thể nói hết, Bồ-tát thảy đều có thể nêu giảng. Bồ-tát ấy, đối với mọi chúng sinh hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới, trong một niệm, cùng lúc nêu vấn nạn, mỗi mỗi chúng sinh kia dùng vô lượng âm thanh sai biệt để nêu vấn nạn, như một người thưa hỏi, những người còn lại đều thưa hỏi việc khác. Bồ-tát ấy, trong khoảng một niệm, đều tiếp nhận các thứ vấn nạn như vậy, chỉ dùng một âm thanh đều khiến cho họ thông tỏ. Như vậy, hai ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ba-bốn-năm, hoặc mười-hai mươi-ba mươi-bốn mươi-năm mươi, hoặc một trăm ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc một ngàn ba ngàn đại thiên thế giới. Hoặc một vạn, mười vạn, một trăm vạn, hoặc một ức ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc mười ức-trăm ngàn vạn ức na-do-tha, cho đến vô lượng vô biên ba ngàn đại thiên thế giới không thể nói hết-không thể nêu bày hết, chúng sinh đầy ắp trong ấy, trong một niệm cùng lúc nêu bày vấn nạn, mỗi mỗi chúng sinh kia dùng vô lượng âm thanh sai biệt để nêu vấn nạn, như một người thưa hỏi, những người còn lại đều thưa hỏi việc khác. Bồ-tát đó, trong một niệm đều tiếp nhận các loại vấn nạn như vậy, chỉ dùng một âm thanh để giải thích đều khiến cho mọi người hiểu rõ. Bồ-tát ấy, ở trong số lượng thế giới không thể nói-không thể bày, luôn thị hiện đầy đủ trong đó, tùy theo tâm ý, tùy theo căn trí, tùy theo sự tin tưởng, vì các chúng sinh mà nêu giảng pháp, chứng đắc pháp minh, cầu đạt mười Lực của Như Lai, hoàn thành các Phật sự, cùng với hết thảy chúng sinh làm nơi nương dựa. Bồ-tát ấy, càng thêm tinh tiến gấp bội, thâu nhiếp

được trí sáng như vậy, hoặc ở tại mỗi mỗi đầu sợi lông nơi thân tướng, đều có đại hội của Như Lai nhiều như số vi trần thế giới không thể nêu bày-không thể nói hết, Đức Phật ở trong các đại hội ấy, vì chúng sinh mà giảng thuyết giáo pháp. Mỗi mỗi đức Như Lai, vì số lượng chúng sinh nhiều như số vi trần thế giới, không thể nói hết-không thể nêu bày hết, mà nói pháp. Trong tâm của mỗi mỗi chúng sinh, đều có đức Như Lai từ tâm sinh, nhiều như số vi trần thế giới không thể nói-không thể nêu bày, tùy theo tâm niệm của chúng sinh như vậy mà trao cho pháp môn. Như một Đức Phật, tất cả Phật nơi đầu mỗi mỗi sợi lông cũng lại như vậy. Như vậy, trong hết thảy pháp giới, từ trong đó sinh khởi lực dụng to lớn của sự nhớ nghĩ, trong khoảng một niệm, từ trú xứ của tất cả Phật, Bồ-tát thọ nhận hết thảy pháp minh mà không hề mất một câu, huống là việc thuyết giảng cho chúng sinh trong tất cả thế giới.

Bồ-tát ấy, an trú trong địa Thiện tuệ của bậc Bồ-tát, càng chuyển sang, thù thắng, ngày đêm không còn có ý niệm nào khác ý ngoài niệm hội nhập cảnh giới Phật, luôn được gần gũi tất cả chư Phật, thông tỏ sự giải thoát thâm diệu của bậc Bồ-tát.

Bồ-tát ấy, tùy thuận với trí như vậy, thường nhập Tam-muội, thân cận không lìa chư Phật. Ở trong mỗi mỗi kiếp được thấy vô lượng Phật, vô lượng trăm Phật, vô lượng ngàn Phật, vô lượng trăm ngàn Phật, vô lượng trăm ngàn na-do-tha Phật, vô lượng ức Phật, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha Phật, dùng các vật cúng dường thượng diệu để cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán, gần gũi chư Phật, ở tại trú xứ của chư Phật, thông đạt vô số vấn nạn, vô số Đà-la-ni thuyết pháp. Bồ-tát ấy, nơi các căn thiện của mình càng chuyển sang thanh tịnh sáng tỏ. Này Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu làm ra các vật dụng trang sức cho bậc Chuyển luân Thánh vương, hoặc đeo trên cổ-cài trên đầu, thì hết thảy vật dụng trang sức hiện có của các hàng Tiểu vương trong bốn cõi thiên hạ đều không thể sánh kịp. Này Phật Tử! Như vậy, Bồ-tát trú trong địa Thiện tuệ của bậc Bồ-tát này, các căn thiện hiện có đã chuyển biến càng thêm sáng sạch, hàng Nhị thừa và các Bồ-tát địa dưới đều không thể hủy hoại.

Bồ-tát ấy, căn thiện càng trở nên sáng rực, có thể soi chiếu vùng rừng rậm trong tâm phiền não của chúng sinh, soi chiếu rồi trở lại thâu nhiếp dẫn dắt. Ví như Đại Phạm Vương, trong hai ngàn thế giới, với tất cả những chốn sâu rộng, đông đúc, thảy đều có thể soi chiếu. Này Phật tử! Như vậy, Bồ-tát trú trong địa Thiện tuệ của bậc Bồ-tát này, các căn thiện hiện có đều sáng tỏ, soi chiếu vùng rừng rậm trong tâm phiền não của chúng sinh, soi chiếu

thì trở lại thâu nhiếp. Bồ-tát này, trong mười Ba-la-mật, thì Lực Ba-la-mật được tăng thượng, các Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng mà theo sức-theo phần.

Này Phật tử! Đó là lược nói về địa Thiện tuệ, là Địa thứ chín của bậc Bồ-tát. Nếu nói rộng, thì ở trong vô lượng kiếp cũng không thể nói hết. Bồ-tát trú trong địa này, nhiều lần làm Đại Phạm Thiên vương, đạt uy lực lớn, làm chủ hai ngàn thế giới, trong mọi tự tại mà đạt được tự tại, hiểu biết chân chánh đúng như thật là thù thắng bậc nhất khéo có thể nói rõ về hành Ba-la-mật của bậc Bồ-tát, hàng Nhị thừa và chúng sinh vấn nạn thì thuyết giảng không thể cùng tận. Các nghiệp thiện đã làm như bố trí-ái ngữ-đồng sự-lợi hành, những phước đức ấy đều không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Bồ-tát và niệm hành của Bồ-tát… cho đến không lìa niệm trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, thường khởi tâm này: Mình phải ở trong tất cả chúng sinh là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ nương dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ niệm ấy mà phát khởi hành tinh tiến. Nhờ vào lực của tinh tiến ở trong một niệm, chứng đắc các Tam-muội nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Thấy chư Phật nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Nhận biết thần lực của Phật nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể làm chuyển động các thế giới nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể đi vào các thế giới nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có khả năng soi chiếu các thế giới nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể giáo hóa các chúng sinh nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể trú thọ với số lượng kiếp nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể nhận biết các sự việc trong các đời quá khứ-vị lai, với số lượng kiếp mỗi đời nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể khéo hội nhập với các pháp môn nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể biến hóa thân nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Mỗi mỗi thân có thể thị hiện các Bồ-tát nhiều như số vi trần trong mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật, dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại thù thắng hơn hết, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện vô số các thứ thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc nơi mắt, hoặc nơi cảnh giới, hoặc nơi âm thanh, nơi sự hành hóa, sự trang nghiêm, sự gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thần thông ấy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-

tha kiếp cũng không thể tính biết hết".

**

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 12

Địa 10: ĐỊA PHÁP VÂN

Luận:

Bồ-tát ở trong chín địa đã làm thanh tịnh cõi Phật và giáo hóa chúng sinh. Trong Địa thứ mười là tu hành khiến cho trí giác viên mãn, đây là điều hơn hẳn. Trong địa này có tám phần sai biệt:

1. Phần phương tiện tạo tác viên mãn của địa.
2. Phần Tam-muội đầy đủ.
3. Phần được tiếp nhận quả vị.
4. Phần nhập đại tận.
5. Phần giải thích tên gọi của địa.
6. Phần diệu lực thần thông hữu thượng-vô thượng.
7. Phần ảnh tượng của địa.
8. Phần lợi ích của địa.

Thế nào là phần phương tiện tạo tác viên mãn nơi địa?

Kinh: "Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này Phật tử! Nếu Bồ-tát đạt được trí vô lượng, trí khéo quán xét như vậy, cho đến trí khéo chọn lựa trong Địa thứ chín của bậc Bồ-tát, khéo hành đầy đủ pháp thanh tịnh, tích tập vô lượng pháp trợ đạo, khéo thâu nhiếp trí tuệ-đại công đức, hành rộng khắp theo tâm Đại Bi tăng thượng, nhận biết khắp về thế giới sai biệt, vào sâu vô số nẻo hành trong cảnh giới của chúng sinh, nhớ nghĩ và tùy thuận hội nhập trong cảnh giới hành của Như Lai, thâm nhập, hướng tới mười Lực-bốn Vô sở úy của Như Lai, mười tám pháp Bất cộng của Phật, gọi là đạt đến Trí nhất thiết chủng-Nhất thiết trí, tiếp nhận quả vị nơi địa".

Luận:

Phần phương tiện tạo tác viên mãn của địa: tức là từ Địa thứ nhất đến Địa thứ chín với trí khéo lựa chọn về hành động, nên biết. Như kinh nói: "Phật tử! Nếu Bồ-tát đạt được trí vô lượng, trí khéo quán xét như vậy… cho đến; trí khéo lựa chọn trong Địa thứ chín của bậc Bồ-tát".

Trí khéo lựa chọn này có bảy loại tướng:

1. Khéo tu hành: Có ba câu. Như kinh nói: "Khéo hành đầy đủ pháp thanh tịnh…". Các câu ấy thứ tự cùng giải thích, nên biết.

2. Tùy thuận đủ khắp về tự lợi-lợi tha. Như kinh nói: "Hành rộng khắp theo tâm Đại Bi tăng thượng".

3. Khiến cõi Phật thanh tịnh. Như kinh nói: "Nhận biết khắp về thế giới sai biệt".

4. Giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: "Vào sâu vô số nẻo hành trong cảnh giới của chúng sinh".

5. Khéo thông tỏ. Như kinh nói: "Nhớ nghĩ và tùy thuận hội nhập trong cảnh giới hành của Như lai". Cảnh giới của Như lai, chính là pháp chân như

6. Không chán đủ. Như kinh nói: "Thâm nhập hướng tới mười Lực-bốn Vô sở úy của Như Lai, mười tám pháp Bất cộng của Phật…".

7. Sự hội nhập tận cùng của địa. Như kinh nói: "Gọi là đạt đến trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, tiếp nhận quả vị của địa".

Như vậy đã nói về phần phương tiện tạo tác viên mãn của địa. Thế nào là Phần chứng đắc Tam-muội đầy đủ?

Kinh: "Này Phật tử! Bồ-tát tùy thuận hành với trí như vậy, được tiến vào tiếp nhận quả vị của địa thì Bồ-tát đạt được Tam-muội, tên gọi Tam-muội Ly cấu luôn luôn hiện tiền, tên gọi Tam-muội Ly cấu của bậc Bồ-tát luôn hiện tiền, tên gọi Tam-muội Nhập pháp giới sai biệt, tên gọi Tam-muội Trang nghiêm đạo tràng, tên gọi Tam-muội Nhất thiết chủng hoa quang, tên gọi Tam-muội Hải tạng, tên gọi Tam-muội Hải thành tựu, tên gọi Tam-muội Hư không giới quảng, tên gọi Tam-muội Thiện trạch nhất thiết pháp tánh, tên gọi Tam-muội Tùy nhất thiết chúng sinh tâm hành, tên gọi Tam-muội Hiện nhất thiết chư Phật hiện tiền trú Bồ-tát… tất cả đều hiện tiền. Mười A-tăng-kỳ trăm ngàn các môn Tam-muội thượng thủ như vậy, luôn hiện tiền. Bồ-tát ấy thảy đều hội nhập vào tất cả Tam-muội đó, khéo nhận biết về phương tiện của Tam-muội, cho đến nơi hành trì chánh thọ của Tam-muội. Bồ-tát này, cho đến mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Tam-muội, Tam-muội cuối cùng đến gọi là Tam-muội Nhất thiết trí trí thọ thắng vị Bồ-tát luôn luôn hiện tiền".

Luận:

- Chứng đắc Tam-muội đầy đủ: tức là Tam-muội Ly cấu... cùng với quyến thuộc hiện tiền.
- Tam-muội Ly cấu: là lìa cấu nhiễm của phiền não.
- Mà luôn hiện tiền: tức là không còn tăng thêm dụng công mà tự nhiên hiện tiền.

Tam-muội Ly cấu này lại có chín loại Tam-muội, lìa tám thứ cấu nhiễm, nên biết.

1. Hội nhập nẻo sâu kín không cấu nhiễm. Như kinh nói: "Tên gọi Tam-muội Nhập pháp giới sai biệt".

2. Tiếp cận không cấu nhiễm. Như kinh nói: "Tên gọi Tam-muội Trang nghiêm đạo tràng".

3. Phóng quang không cấu nhiễm. Như kinh nói: "Tên gọi Tam-muội Nhất thiết chủng hoa quang".

4. Đà-la-ni không cấu nhiễm. Như kinh nói: "Tên gọi Tam-muội Hải tạng".

5. Khởi thần thông không cấu nhiễm. Như kinh nói: "Tên gọi Tam-muội Hải thành tựu".

6. Cõi Phật thanh tịnh, không cấu nhiễm; có hai câu nói về vô lượng chánh quán. Như kinh nói: "Tên gọi Tam-muội Hư không giới quảng. Tên gọi Tam-muội Thiện trạch nhất thiết pháp tánh".

7. Hóa độ chúng sinh không cấu nhiễm. Như kinh nói: "Tên gọi Tam-muội Tùy nhất thiết chúng sinh tâm hành".

8. Chánh giác không cấu nhiễm; khi thành tựu đạo quả Bồ-đề, hết thảy chư Phật lần lượt cùng hiện tiền, nhận biết. Như kinh nói: "Tên gọi Tam-muội Hiện nhất thiết chư Phật hiện tiền trú Bồ-tát, mà luôn hiện tiền".

- Cho đến tên gọi Tam-muội Nhất thiết trí trí thọ thắng vị Bồ-tát, mà luôn hiện tiền: tức là trí Nhất thiết trí không phân biệt, trí Nhất thiết trí bình đẳng tiếp nhận quả vị.

- Khéo nhận biết về phương tiện của Tam-muội, cho đến nơi hành trì chánh thọ của Tam-muội: tức là chỉ rõ việc hành trì đầy đủ các sự việc của Tam-muội.

Như vậy đã nói xong phần chứng đắc Tam-muội đầy đủ. Thế nào là phần được tiếp nhận quả vị?

Kinh: "Khi các Tam-muội này hiện tiền, liền có Hoa sen chúa báu lớn xuất hiện, chu vi bằng mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Tam thiên đại thiên thế giới, hết thảy các thứ báu đều đan xen để trang nghiêm, hơn hẳn hết thảy mọi cảnh giới của tất cả thế gian, sinh ra từ căn thiện của xuất thế gian, thành tựu từ cảnh giới của hành các pháp với tánh như huyễn, ánh sáng tỏa chiếu khắp hết thảy pháp giới, vượt quá mọi cảnh giới hiện có của chư Thiên. Ma ni báu đại lưu ly làm thân, chiên đàn vương không thể lường tính làm đài, báu đại mã não làm nhị, vàng Diêm-phù-đàn làm cánh hoa, thân hoa có vô lượng ánh sáng. Tất cả các thứ báu đan xen bên trong, vô

lượng màng lưới báu giăng phủ khắp phía trên, dùng số lượng hoa sen nhiều như số vi trần đầy trong mười Tam thiên đại thiên thế giới làm quyến thuộc.

Thành tựu đầy đủ các tướng như vậy rồi, bấy giờ thân tướng của Bồ-tát thù thắng vi diệu tương xứng với tai họa. Bồ-tát ấy, đạt được diệu lực của Tam-muội Nhất thiết trí trí thọ thắng vị, ngay lập tức thân an tọa ở trên tòa hoa sen chúa báu lớn. Lúc Bồ-tát này an tọa ở trên tòa hoa sen chúa báu lớn, bấy giờ trên các tòa hoa sen quyến thuộc của hoa sen chúa báu lớn đều có Bồ-tát, mỗi một Bồ-tát đều an tọa trên tòa hoa sen, vây quanh Bồ-tát ấy. Tất cả Bồ-tát đều đạt được mười-mười trăm ngàn Tam-muội, đều nhất tâm cung kính chiêm ngưỡng vị Đại Bồ-tát."

Luận:

Được tiếp nhận quả vị; tức là tùy theo những tòa thế nào, tùy theo thân lượng thế nào, tùy theo những quyến thuộc nào, tùy theo những hình tướng nào, tùy theo nơi chốn xuất hiện thế nào, tùy theo quả vị đã đạt được. Tùy theo thuyết giảng như vậy, có sáu sự việc, nên biết.

Ở đây, tòa xứ (Nơi chốn của tòa ngồi) có mười loại tướng:

1. Tướng sinh khởi. Như kinh nói: "Khi các Tam-muội này hiện tiền, liền có hoa sen chúa báu lớn xuất hiện".

2. Tướng dung lượng. Như kinh nói: "Chu vi bằng mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Tam thiên đại thiên thế giới".

3. Tướng thù thắng. Như kinh nói: "Hết thảy các thứ báu đều đan xen để trang nghiêm".

4. Tướng của địa. Như kinh nói: "Hơn hẳn hết thảy mọi cảnh của tất cả thế gian".

5. Tướng nhân. Như kinh nói: "Sinh ra từ căn thiện của xuất thế gian".

6. Tướng hành. Như kinh nói: "Thành tựu từ cảnh giới của hành các pháp với tánh như huyễn."

7. Tướng Đệ nhất nghĩa. Như kinh nói: "Ánh sáng tỏa chiếu khắp tất cả pháp giới. "Do khéo tỏa chiếu cho nên gọi là chánh quán".

8. Tướng công đức; hơn hẳn hết thảy chư Thiên. Như kinh nói: "Vượt quá mọi cảnh giới hiện có của chư Thiên".

9. Tướng thể: tức là thân, đài hoa... Như kinh nói: "Báu ma ni đại lưu ly làm thân...".

10. Tướng trang nghiêm đầy đủ. Như kinh nói: "Thân hoa có vô lượng ánh sáng…".

Tùy theo thân lượng thế nào; tức là thân tương xứng với tòa hoa.

Như kinh nói: "Bấy giờ, thân tướng của Bồ-tát…".

Tùy theo những quyến thuộc nào. Nơi tòa ngồi này, có các tòa quyến thuộc của Hoa sen chúa báu lớn, với các Bồ-tát quyến thuộc trú ở trong ấy. Bấy giờ trên các tòa hoa sen quyến thuộc…".

Kinh: "Bồ-tát ấy, bước lên tòa hoa sen chúa báu lớn, cùng với các Bồ-tát quyến thuộc an tọa trên tòa hoa sen, nhập Tam-muội rồi. Bấy giờ, tất cả thế giới trong mười phương đều chấn động lớn, tất cả cõi Ác thảy đều dừng lại, ánh sáng tỏa chiếu khắp tất cả pháp giới, tất cả thế giới thảy đều thanh tịnh trang nghiêm, đều được thấy-nghe tất cả đại hội của chư Phật. Vì sao? Này Phật tử! Vì lúc Bồ-tát ấy an tọa trên tòa hoa sen chúa báu lớn, lập tức từ phía dưới hai chân phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi tỏa chiếu khắp vô lượng địa ngục A-tỳ trong mười phương, diệt trừ mọi khổ não của chúng sinh. Từ hai đầu gối phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi tỏa chiếu khắp vô lượng cõi Súc sinh trong mười phương, trừ diệt mọi thứ khổ não. Từ vùng rốn phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi tỏa chiếu khắp vô lượng cõi Ngạ quỷ trong mười phương, diệt trừ mọi thứ khổ não. Từ hai bên hông phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi tỏa chiếu khắp vô lượng thân người trong mười phương, diệt trừ mọi thứ khổ não. Từ hai tay phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi tỏa chiếu khắp vô lượng cung điện của chư Thiên A-tu-la trong mười phương. Từ hai vai, phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi tỏa chiếu khắp vô lượng bậc Thanh văn nơi mười phương. Từ cổ-lưng phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi tỏa chiếu khắp vô lượng thân Bích-chi-Phật trong mười phương. Từ diện môn, phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi tỏa chiếu đến vô lượng Bồ-tát trong mười phương từ hàng mới phát tâm cho đến bậc đạt được Địa thứ chín. Từ tướng bạch hào phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi tỏa chiếu đến vô lượng thân tướng của Bồ-tát đạt được quả vị trong mười phương, trú nơi thân ấy khiến cho hết thảy cung Ma đều bị che khuất không còn hiện bày. Từ trong đỉnh đầu phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng nhiều như số vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới, xuất hiện rồi tỏa chiếu tất cả đại hội của chư Phật trong mười phương, vòng quanh hết thảy thế giới mười vòng, trú giữa hư không, làm thành đài tròn tỏa ánh sáng lớn, gọi là Ánh sáng cao lớn, thực hiện sự cúng dường lớn để cúng dường chư Phật. Như vậy, sự cúng dường Bồ-tát từ hàng mới phát tâm cho đến bậc đạt được chín địa, so với việc cúng dường chư Phật, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một,

trăm ngàn phần không bằng một, trăm ngàn na-do-tha phần không bằng một, ức phần không bằng một, trăm ức phần không bằng một, ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức na-do-tha phần không bằng một, cho đến đúng toán số, thí dụ cũng không thể đạt tới. Đài tròn tỏa ánh sáng lớn này hơn hẳn mọi thứ vật dụng cúng dường hiện có trong mười phương thế giới như hoa hương, hương bột, hương đốt, hương xoa, hương tán, vòng hoa, y phục, lọng báu, cờ phướn, các thứ báu, chuỗi anh lạc, ngọc báu ma ni, vượt quá tất cả cảnh giới thế gian, bởi vì sinh ra từ căn thiện xuất thế gian. Trên mỗi mỗi đại hội của Phật đều rưới xuống các thứ báu, giống như cơn mưa lớn. Nếu có chúng sinh nào hiểu rõ việc cúng dường như vậy, thì nên biết chúng sinh ấy đều nhất định không thối chuyển đối với đại đạo vô thượng. Các thứ ánh sáng rưới xuống để cúng dường lớn như vậy rồi, tỏa chiếu đến tất cả đại hội của chư Phật trong mười phương, vòng quanh hết thảy các thế giới mười vòng rồi nhập vào dưới chân của chư Phật. Bấy giờ, chư Phật cùng các đại Bồ-tát nơi ấy, đều nhận biết trong thế giới đó có Bồ-tát danh hiệu là…, đã hành đạo Bồ-tát như vậy, đến lúc thành tựu quả vị của địa Bồ-tát. Này Phật tử! Lập tức vô lượng vô biên Bồ-tát trong mười phương, cho đến các Bồ-tát trú trong chín địa, đều đến vây xung quanh, thiết lễ cúng dường lớn, nhất tâm chiêm ngưỡng, tất cả đều đạt được mười-mười trăm ngàn Tam-muội. Các Bồ-tát chứng đắc quả vị của địa, từ nơi công đức trang nghiêm là chữ Vạn bằng kim cương ở ngực, hiện ra một vầng ánh sáng lớn, gọi là Hoại ma oán, có mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng dùng làm quyến thuộc, xuất hiện rồi tỏa chiếu đến vô lượng thế giới trong mười phương, hiện rõ vô lượng thần lực, cũng đến nhập vào chữ Vạn bằng kim cương ở ngực, là chốn công đức trang nghiêm của đại Bồ-tát ấy. Ánh sáng này tắt rồi, Bồ-tát ấy lập tức đạt được trăm ngàn Đại uy lực tăng thượng và công đức trí tuệ luôn luôn hiện tiền".

Luận:

Tùy theo những hình tướng nào? Tức là tướng làm chuyển động tất cả thế giới. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy bước lên tòa hoa sen chúa báu lớn… cho đến: Đều được thấy nghe tất cả đại hội của chư Phật".

Tùy theo nơi chốn xuất hiện thế nào? Tức là do xuất hiện ánh sáng. Lại nữa, ánh sáng ấy có ba loại tạo tác, nên biết:

1. Tạo tác đem lại lợi ích.
2. Tạo tác hiện bày sự hiểu biết.
3. Tạo tác để thâu nhiếp điều phục.

Như kinh nói: "Vì sao? Này Phật tử! Bồ-tát ấy an tọa trên tòa hoa sen chúa báu lớn, lập tức từ phía dưới hai chân phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng… cho đến: Công đức trí tuệ luôn luôn hiện tiền".

Nhất định không thối chuyển đối với đại đạo vô thượng; là nghĩa quyết định ở trong địa. Lại có nghĩa khác là quyết định không phóng dật, mọi sự tạo tác đều do tâm quyết định.

Nơi công đức trang nghiêm là chữ Vạn bằng kim cương ở ngực; tức là giữa ngực của Bồ-tát có chữ Vạn là tướng công đức trang nghiêm kim cương, gọi là Vô tỉ (không gì có thể so sánh).

Kinh: "Như vậy, này Phật tử! Bấy giờ, chư Phật từ tướng bạch hào giữa chặng mày phóng ra ánh sáng tên là "Ích Nhất Thiết Trí Thông", có A-tăng-kỳ ánh sáng làm quyến thuộc, tỏa chiếu hết thảy thế giới nơi mười phương, không còn sót một chốn nào, vòng quanh tất cả thế giới mười vòng, thị hiện diệu lực nơi đại thần thông của chư Phật, khuyến phát vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật, hết thảy cõi nước của chư Phật khắp mười phương hiện bày sáu loại chấn động, diệt trừ khổ não của tất cả cõi Ác, hết thảy cung điện của Ma đều bị che khuất, không còn hiện hữu, thị hiện tất cả chư Phật đạt được trú xứ Bồ-đề, thị hiện sự việc thần thông trang nghiêm trong đại hội của tất cả chư Phật, chiếu sáng phạm vi của tất cả pháp giới, tất cả hư không giới, tận cùng mọi thế giới rồi quy tụ trở lại, vòng quanh vây tròn ở phía trên đại hội của tất cả Bồ-tát, thì hiện các sự việc trang nghiêm của ánh sáng đại thần thông. Ánh sáng này nhập vào đỉnh đầu của đại Bồ-tát ấy các ánh sáng quyến thuộc ấy nhập vào đỉnh đầu của các Bồ-tát an tọa trên các tòa hoa sen quyến thuộc. Lúc ánh sáng nhập vào thân tướng của Bồ-tát này các vị Bồ-tát kia đều đạt được mười, mười trăm ngàn Tam-muội mà trước đây chưa đạt. Lúc các ánh sáng kia trong một lúc nhập vào đảnh đầu của Bồ-tát ấy thì Bồ-tát ấy gọi là chứng đắc quả vị, hội nhập cảnh giới của chư Phật, đầy đủ mười Lực của Như Lai, thuộc về số lượng của Phật.

Này Phật tử! Ví như Trưởng tử của Chuyển luân Thánh vương, do Ngọc nữ báu sinh ra, đầy đủ vương tướng. Chuyển luân Thánh Vương đưa con đặt trên tòa ngồi bằng vàng Diêm-phù-đàn trên lưng bạch tượng báu, lấy nước trong bốn biển lớn, phía trên giăng các màng lưới, lọng báu, phướn báu, cờ hoa, vô số các thứ trang nghiêm, tay cầm chum vàng đựng đầy nước thơm, rưới lên đỉnh đầu con trai, thì gọi là phép Quán đảnh đưa vào số của Sát Lợi vương, chuyển hóa đầy đủ bằng mười thiện đạo, cho nên được gọi là Chuyển luân Thánh vương. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, được

tiếp nhận quả vị từ các đức Như Lai rồi, gọi là đạt được quả vị của trí, đầy đủ mười lực, thuộc về số lượng Phật.

Này Phật tử! Đó gọi là quả vị Đại thừa trong địa của Bồ-tát. Bồ-tát vì quả vị này mà tiếp nhận thực hành vô lượng trăm ngàn vạn ức sự việc gian khổ và khó làm. Bồ-tát này đạt được quả vị này rồi, vô lượng công đức trí tuệ đầu chuyển tăng, gọi là an trú trong địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát".

Luận:

Tùy theo quả vị đã được; tức là ánh sáng của Như Lai, Bồ-tát kia lần lượt cùng nhận biết và thâu nhiếp bình đẳng. Như kinh nói: "Như vậy, này Phật tử! Bấy giờ chư Phật từ tướng bạch hào giữa chặng mày, phóng ra ánh sáng tên là Ích Nhất Thiết Trí Thông…". Thế nào là đạt được ngôi vị như Trưởng tử của Chuyển luân Thánh vương? Như kinh nói: "Ví như trưởng tử của Chuyển luân Thánh vương…".

Bồ-tát này cùng đạt được quả vị, gọi là khéo an trú trong địa này, như kinh nói: "Bồ-tát này đạt được quả vị đó rồi, vô lượng công đức trí tuệ đều chuyển tăng…".

Như vậy đã nói về Phần được tiếp nhận quả vị.

Thế nào là Phần nhập đại tận? Phần này có năm loại:

1. Trí lớn (Đại).
2. Giải thoát lớn.
3. Tam-muội lớn.
4. Đà-la-ni lớn.
5. Thần thông lớn.

Sự việc này dựa vào năm loại nghĩa để phân biệt:

1. Dựa vào nghĩa về chánh giác thật trí.
2. Dựa vào nghĩa tâm tự tại.
3. Dựa vào nghĩa về phát tâm liền thành tựu tất cả sự việc.
4. Dựa vào nghĩa thuận theo việc làm lợi ích cho chúng sinh trong tất cả thế gian.
5. Dựa vào nghĩa có thể có năng lực để hóa độ chúng sinh. Thế nào là thành tựu về trí?

Kinh: "Này Phật tử! Bồ-tát ấy, trú trong địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát, nhận biết đúng như thật về Tập của ba cõi Dục-Sắc-Vô sắc. Nhận biết đúng như thật về Tập của Chúng sinh giới, Thức giới-Hữu vi giới, Vô vi giới, Hư không giới-Pháp giới. Nhận biết đúng như thật về Tập của Niết-bàn giới. Nhận biết đúng như thật về Tập trong cảnh giới của các phiền não-tà kiến, Tập của thế giới thành-hoại; Tập trong hành của hàng Nhị thừa; Tập

trong hành của Bồ-tát; Tập của pháp thân-sắc thân Phật, mười Lực-bốn Vô sở úy-mười tám pháp Bất cộng của Phật; Tập của trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, Tập của việc chứng đắc Bồ-đề, chuyển pháp luân và thị hiện diệt độ. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về Tập của sự hội nhập tất cả pháp thành tựu trí sai biệt. Bồ-tát ấy, dùng trí như vậy thông đạt tuệ thù thắng, nhận biết đúng như thật về sự chuyển hóa của nghiệp chúng sinh, của phiền não, của kiến giải, của thế giới, của pháp giới, của hàng Nhị thừa, của Bồ-tát, của Như Lai. Nhận biết đúng như thật về sự chuyển hóa của tất cả phân biệt-không phân biệt. Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về sự duy trì của Phật lực, của Pháp-Tăng, nghiệp-phiền não-thời, nguyện-cúng dường, hành-kiếp. Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập vi tế hiện có của chư Phật, đó là trí nhập vi tế của hành, trí nhập vi tế thối chuyển, trí nhập vi tế vào thai-sinh ra, phát tâm xuất gia, chứng đắc Bồ-đề, chuyển pháp luân, trì thọ mạng, thị hiện Bát Niết-bàn. Nhận biết đúng như thật về trí nhập vi tế của pháp trú lâu dài. Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về mật xứ hiện có của chư Phật, đó là mật xứ của thân-khẩu-ý, mật xứ của sự trù lượng đúng thời, phi thời, mật xứ của việc thọ ký cho Bồ-tát, mật xứ của việc nhiếp phục dẫn dắt chúng sinh, mật xứ của các loại Thừa, mật xứ của tất cả căn hành sai biệt, mật xứ của tất cả niềm tin đúng như thật mà thực hiện. Nhận biết đúng như thật về mật xứ của sự hành trì chứng đắc Bồ-đề. Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập kiếp hiện có của chư Phật, đó là một kiếp nhập vào A-tăng-kỳ kiếp, A-tăng-kỳ kiếp nhập vào một kiếp; Hữu số kiếp nhập vào Vô số kiếp, Vô số kiếp nhập vào Hữu số kiếp, một niệm kiếp nhập vào vô lượng kiếp, vô lượng kiếp nhập vào một niệm kiếp; kiếp nhập vào phi kiếp, phi kiếp nhập vào kiếp; kiếp có Phật nhập vào kiếp không Phật, kiếp không Phật nhập vào kiếp có Phật; kiếp có Phật nhập vào kiếp có Phật, kiếp không Phật nhập vào kiếp không Phật; kiếp quá khứ vị lai nhập vào kiếp hiện tại, kiếp hiện tại nhập vào kiếp quá khứ vị lai; kiếp vị lai quá khứ nhập vào kiếp hiện tại, kiếp hiện tại nhập vào kiếp vị lai quá khứ; kiếp dài nhập vào kiếp ngắn, kiếp ngắn nhập vào kiếp dài; kiếp ngắn nhập vào kiếp ngắn, kiếp dài nhập vào kiếp dài, tướng của tất cả kiếp cùng nhập. Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập hiện có của chư Phật, đó là: Trí nhập vào nẻo phàm phu, trí nhập vào vi trần, trí Bồ-đề nhập vào thân cõi nước, trí Bồ-đề nhập vào thân tâm chúng sinh, trí Bồ-đề nhập vào tất cả xứ tùy thuộc, trí thị hiện nhập vào hành loạn động, trí thị hiện nhập vào hành thuận hợp, trí thị hiện nhập vào hành nghịch đối, trí nhập vào nghĩ bàn không nghĩ bàn, trí nhập vào thế gian xuất thế gian, trí hành thị hiện, trí nhập vào Thanh văn, trí nhập vào Bích-chi-

Phật, trí Bồ-tát, trí Như Lai hành trí. Này Phật tử! Trí tuệ của chư Phật rộng lớn vô lượng vô biên như vậy, Bồ-tát trú trong địa này thì có thể được nhập vào trí tuệ như vậy".

Luận:

Về trí lớn lại có bảy loại:

1. Trí tập lớn.
2. Trí ứng hóa lớn.
3. Trí gia trì lớn.
4. Trí nhập vi tế lớn.
5. Trí mật xứ lớn.
6. Trí nhập kiếp lớn.
7. Trí nhập đạo lớn. Trong đó:

- Thứ nhất: Dựa vào diệu lực có thể đoạn trừ nghi. Nên biết!
- Thứ hai: Dựa vào diệu lực phát khởi thân ấy.
- Thứ ba: Dựa vào diệu lực của hành chuyển như vậy-như vậy.
- Thứ tư: Dựa vào sự tạo tác của trí bất nhị khéo tích tập-gia trì và ứng hóa của Bồ-tát.
- Thứ năm: Dựa vào sự hộ trì chúng sinh căn tánh chưa thành thục không khiến cho kinh sợ.
- Thứ sáu: Dựa vào sự gia trì hành mạng với ý xả bỏ tự tại.
- Thứ bảy: Dựa vào ý đối trị để giảng giải. Trong này:

Trí tập: là trí tích tập nhân duyên.

Trí ấy lại tùy theo phần nhiễm hiện có, hoặc tịnh, hoặc vắng lặng. Tùy theo nơi chốn của ba cõi hiện có. Tùy theo chúng sinh hiện có. Tùy theo tâm nhiễm-tịnh... Tùy theo pháp hữu vi-pháp vô vi hiện có, nhận biết và không nhận biết. Tùy theo xứ-hư không hiện có. Tùy theo pháp thuyết giảng đúng-không đúng. Tùy theo sự chứng đắc-không chứng đắc, tức là đối với Niết-bàn. Tùy theo tà kiến vượt quá những ngoại đạo khác mà không thể chứng đạt. Tùy theo khí thế gian thành-hoại hiện có. Tùy theo ba Thừa hiện có. Trí ấy tích tập mọi sai biệt, nên biết! Như kinh nói: "Này Phật tử! Bồ-tát ấy, trú trong địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát này, nhận biết đúng như thật về Tập của cõi Dục…".

Trí ứng hóa: tức là sự sai biệt tùy theo chúng sinh mà ứng hóa.

Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, dùng trí như vậy thông đạt tuệ thù thắng".

Nẻo hóa của phiền não tạo tác kiến chấp; tức là thị hiện sự ứng hóa phiền não cấu nhiễm tạo kiến chấp.

Pháp giới hóa; tức là nẻo hành của giáo pháp được giảng nói. Sự ứng

hóa về tất cả thứ phân biệt không phân biệt, đều nhận biết đúng như thật.

Trí gia trì. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy nhận biết đúng như thật về sự duy trì của Phật lực… cho đến: Nhận biết đúng như thật về trí trì".

Trí trì: tức là trí Nhất thiết trí. Trí này có thể tạo ra tất cả sự việc.

Trí nhập vi tế. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập vi tế hiện có của chư Phật…".

Phấn tiến; tức là hiện hành bảy bước đi.

Trí mật xứ. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về mật xứ hiện có của chư Phật…".

Trí nhập kiếp; đó là vào kiếp. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập kiếp hiện có của chư Phật".

Nhập; tức là bình đẳng giải thoát trong tất cả kiếp, lần lượt cùng hội nhập.

Trí nhập đạo; tức là dựa vào hàng phàm phu, dựa vào kẻ hành ngã mạn, dựa vào người tin cầu sinh Thiên, dựa vào giác quán. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập hiện có của chư Phật…".

Như vậy là đã nói về bảy loại trí lớn. Thế nào giải thoát lớn?

Kinh: "Này Phật tử! Bồ-tát ấy, thông đạt về nảo hành của địa này như vậy được gọi là Bồ-tát đạt môn giải thoát không thể nghĩbàn, giải thoát không chướng ngại, giải thoát của trí thanh tịnh saibiệt, giải thoát của ánh sáng tỏa khắp chốn, giải thoát của Như Laitạng, giải thoát tùy thuận luân không thối chuyển, giải thoát nơi sựhội nhập thông đạt về ba đời, giải thoát của pháp giới tạng, giải thoátcủa quang luân giải thoát, gọi là Bồ-tát đạt được giải thoát trọn vẹntrong tất cả cảnh giới.

Này Phật tử! Bồ-tát ấy là vị đứng đầu trong mười môn giải thoát của bậc Bồ-tát, chứng đắc vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ môn giải thoát của bậc Bồ-tát như vậy, đều ở trong Địa thứ mười của bậc Bồ-tát mà đạt được, như vậy cho đến vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ Tam-muội, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ Đà-la-ni, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ thần thông, cũng lại như vậy".

Luận:

Giải thoát lớn: có mười loại:

1. Dựa vào cảnh giới của thần thông. Như kinh nói: "Phật tử! Bồ-tát ấy, thông đạt về nẻo hành của địa này như vậy…".

2. Có thể đi đến vô lượng thế giới với nguyện-trí vô ngại. Như kinh nói: "Giải thoát không chướng ngại".

3. Nhận biết về các bậc Hữu học-Vô học thế gian-xuất thế gian, các bậc thuộc hàng Nhị thừa, Bồ-tát, Như Lai với trí giải thoát. Như kinh nói: "Giải thoát của trí thanh tịnh sai biệt".

4. Theo ý chuyển sự. Như kinh nói: "Giải thoát của ánh sáng tỏa khắp chốn".

5. Đà-la-ni về pháp. Như kinh nói: "Giải thoát của Như Lai tạng".

6. Có thể phá trừ ngôn thuyết của kẻ khác. Như kinh nói: "Giải thoát tùy thuận luân không thối chuyển".

7. Tùy ý trú trì với kiếp trong ba đời. Như kinh nói: "Giải thoát của sự hội nhập thông đạt về ba đời".

8. Đạt trí tích tập nhân duyên trong tất cả pháp, tất cả chủng loại. Như kinh nói: "Giải thoát của pháp giới tạng".

9. Ánh sáng không lìa thân mà có thể tỏa chiếu khắp. Như kinh nói: "Giải thoát quả quang luân giải thoát".

10. Dựa vào năng lực trong một lúc nhận biết tâm niệm của các chúng sinh vô lượng thế giới. Như kinh nói: "Gọi là Bồ-tát đạt được giải thoát trọn vẹn trong tất cả cảnh giới". Ở đây:

Tam-muội lớn. Như kinh nói: "Như vậy, cho đến vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ Tam-muội".

Đà-la-ni lớn. Như kinh nói: "Vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ Đà-la-ni".

Thần thông lớn. Như kinh nói: "Vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ thần thông cũng lại như vậy".

Như vậy là đã nói xong Phần nhập đại tận của Thập địa. Thế nào là Phần giải thích tên gọi của địa?

Kinh: "Bồ-tát ấy, thông trí tuệ đạt, tùy thuận Bồ-đề như vậy, thành

tựu trọn vẹn phương tiện của vô lượng niệm lực. Bồ-tát ấy, ở trong vô lượng trú xứ của Phật khắp mười phương, trong vô lượng pháp minh lớn, nơi vô lượng pháp tỏa chiếu lớn, trong vô lượng pháp rưới mưa lớn, trong khoảng một niệm đều có thể tiếp nhận-gánh vác-tư duy-gìn giữ được tất cả.

Này Phật tử! Ví như mây Sa Già La rưới xuống trận mưa lớn, thì lượng nước ấy các vùng đất khác không thể tiếp nhận-dung nạp-tư duy-gìn giữ, chỉ trừ ra biển cả. Như vậy, này Phật tử! Tất cả nơi chốn bí mật của Như Lai, đó là Pháp minh lớn, Pháp tỏa chiếu lớn, Pháp rưới mưa lớn, thì hết thảy chúng sinh kia, hết thảy hàng Nhị thừa đều không thể tiếp nhận-gánh vác-tư duy-gìn giữ được . Bồ-tát từ địa thứ nhất cho đến địa thứ chín,

cũng không thể nào tiếp nhận-gánh vác-tư duy-gìn giữ được. Chỉ có Bồ-tát trí trong địa Pháp Vân này mới có thể hoàn thành các sự việc trên.

Này Phật tử! Ví như của biển cả, một đại Long vương dấy lên mây lớn, rưới mưa, thì lượng nước ấy, biển cả thảy đều có thể tiếp nhận-dung nạp, suy xét, giữ gìn. Nếu hai, hoặc ba-bốn-năm, hoặc mười-hai mươi-ba mươi-bốn mươi-năm mươi, hoặc một trăm Long vương, hoặc ngàn-vạn-ức, hoặc trăm ức-ngàn ức-trăm ngàn ức na-do-tha Long vương, cho đến vô lượng vô biên không thể nêu bày hết, số lượng đại Long vương như vậy, cùng dấy khởi mây lớn, rưới mưa, trong một niệm, cùng một lúc tuôn nước xuống, thì biển cả thảy đều có thể tiếp nhận-dung nạp-suy xét-gìn giữ được. Vì sao? Vì biển cả là vật chứa rộng lớn vô lượng. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát an trú trong địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát này, trong trú xứ của một Đức Phật, với các pháp minh lớn, pháp tỏa chiếu lớn, pháp rưới mưa lớn, thảy đều có khả năng tiếp nhận-gánh vác-tư duy-gìn giữ được tất cả. Hoặc hai-ba-bốn-năm, hoặc mười-hai mươi-ba mươi-bốn mươi-năm mươi, hoặc một trăm chư Phật, hoặc ngàn, hoặc vạn ức-trăm ức-ngàn ức, trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật, cho đến vô lượng vô biên trú xứ của chư Phật không thể tính kể, với các pháp minh lớn, pháp tỏa chiếu lớn, pháp rưới mưa lớn, trong khoảng một niệm, Bồ-tát trí trong địa Pháp Vân thảy đều có thể tiếp nhận-gánh vác-tư duy-gìn giữ được tất cả. Vì vậy, địa này gọi là địa Pháp Vân.

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói:

Này Phật tử! Bồ-tát trí trong địa Pháp Vân này, ở trong bao nhiêu trú xứ của Phật, với các pháp minh lớn, pháp tỏa chiếu lớn, pháp rưới mưa lớn, trong khoảng một niệm, thảy đều có thể tiếp nhận-gánh vác-tư duy-gìn giữ?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp:

Này Phật tử! Bồ-tát trí trong địa Pháp Vân này, ở trong trú xứ của Phật không thể tính, không thể nêu bày, với các pháp minh lớn, pháp tỏa chiếu lớn, pháp rưới mưa lớn, trong khoảng một niệm, thảy đều có thể tiếp nhận-gánh vác-tư duy-gìn giữ.

Này Phật tử! Ví như mười phương vốn có trăm ngàn vạn ức na-do-tha cõi Phật nhiều như số vi trần không thể nói hết, trong các thế giới ấy vốn vô lượng vô số chúng sinh, trong số chúng sinh ấy có một chúng sinh đạt được pháp Đà-la-ni văn trì, là người giữ Phật pháp không sót điều gì, đó là bậc Thanh văn vĩ đại nhất đạt được pháp Đà-la-ni văn trì bậc nhất. Ví như Đức Phật Kim Cang Liên Hoa Thượng, có vị Tỳ-kheo tên là Đại Thắng, là người đạt được pháp Đà-la-ni Văn trì bậc nhất. Một chúng sinh kia thành

tựu diệu lực của pháp Đà-la-ni Văn trì như vậy, như một chúng sinh ấy, hết thảy chúng sinh trong tất cả thế giới còn lại cũng đều thành tựu diệu lực Đà-la-ni Văn trì như vậy. Một người đã tiếp nhận pháp, người thứ hai tiếp nhận pháp không trùng lặp. Như vậy, tất cả mỗi mỗi chúng sinh đều tiếp nhận pháp không giống nhau. Này Phật tử! Ý ông nghĩ sao? Hết thảy các chúng sinh kia, đã tiếp nhận diệu lực của Đà-la-ni Văn trì, nên xem là nhiều chăng?

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt đáp:

Thưa Phật tử! Tất cả chúng sinh ấy đã tiếp nhận diệu lực của Đà-la-ni Văn trì thật là nhiều vô lượng.

Bồ-tát Kim Cang Tạng nói:

Này Phật tử! Tôi nay sẽ vì ông mà nói rõ. Bồ-tát ấy an trí trong địa Pháp Vân này, trong khoảng một niệm ở tại trú xứ của một Đức Phật hiệu là Tam Thế Pháp Giới Tạng, với các pháp minh lớn, pháp tỏa chiếu lớn, pháp rưới mưa lớn, thảy đều có thể tiếp nhận-gánh vác-tư duy-gìn giữ. Pháp minh lớn, pháp tỏa chiếu lớn, pháp rưới mưa lớn kia, đều làm phương tiện thọ trì như trên đã nói. Hết thảy chúng sinh đạt được diệu lực của pháp Đà-la-ni văn trì, so với Bồ-tát này thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một, trăm ngàn na-do-tha phần không bằng một. Ức phần không bằng một, trăm ức phần không bằng một, ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức na-do-tha phần không bằng một, cho đến dùng toán số-thí dụ cũng không thể nói hết.

Như một trú xứ của Phật đã nói trên, trú xứ của chư Phật nhiều như số vi trần trong mười phương thế giới. Lại vượt qua số lượng ấy, là vô lượng vô biên trú xứ của chư Phật, gọi là Tam Thế Pháp Giới Tạng, với

các pháp minh lớn, pháp tỏa chiếu lớn, pháp rưới mưa lớn, trong khoảng một niệm Bồ-tát ấy thảy đều có thể tiếp nhận-gánh vác-tư duy-gìn giữ. Vì vậy, địa này gọi là địa Pháp Vân.

Lại nữa, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trí trong địa Pháp Vân này, theo nguyện lực của chính mình, khởi áng mây Từ Bi lớn, làm chấn động với tiếng sấm pháp lớn, lấy sự thông sáng, vô úy làm ánh chớp rực rỡ, dùng ánh sáng của trí tuệ lớn làm gió thổi nhanh, dùng căn thiện của phước đức lớn làm đám mây dày đặc, hiện bày vô số thứ sắc thân làm vầng mây nhiều màu sắc, thuyết giảng về chánh pháp rưới mưa, phá trừ các thứ ma oán, trong khoảng một niệm như trước đã nói, số lượng vi trần hiện có trong các thế giới, trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới như vậy thảy đều phủ khắp.

Lại vượt qua số lượng ấy vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới cũng đều phủ khắp, tuôn xuống trận mưa pháp cam lồ lớn là căn thiện, diệt trừ mọi thứ lửa trong tâm chúng sinh vì đã vui với vô minh mà dấy khởi phiền não bụi bặm. Vì vậy, địa này gọi là địa Pháp Vân.

Lại nữa, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trí trong địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát này, ở trong một thế giới, từ cõi trời Đâu-suất đi xuống, vào thai, ở trong thai, sinh ra, xuất gia, chứng đắc Phật đạo, thỉnh chuyển pháp luân, thị hiện Đại Niết-bàn, tất cả Phật sự tùy theo sự hóa độ chúng sinh mà đạt được trí tự tại. Hoặc trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến như trước đã nói về các thế giới nhiều như số vi trần. Lại vượt qua số lượng ấy trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ thế giới, từ cõi trời Đâu-suất bước xuống, cho đến thị hiện Đại Niết-bàn, tất cả Phật sự đều tùy theo sự hóa độ chúng sinh mà đạt được trí tự tại".

Luận:

Ở đây, giải thích tên gọi của địa, có ba loại:

1. Pháp tương tự như mây; bởi vì giăng phủ khắp. Trong địa này, nghe pháp tương tự, như thân hư không trùm khắp.

2. Pháp tương tự như diệt trừ bụi bặm cấu uế; pháp này có thể diệt trừ phiền não cấu nhiễm của chúng sinh.

3. Hóa độ chúng sinh, từ cõi trời Đâu-suất bước xuống, cho đến thị hiện Đại Niết-bàn. Dần dần hóa độ chúng sinh, như đám mây lớn rưới mưa, sinh thành tất cả mầm non cho cây cỏ sự vật.

Thành tựu rốt ráo phương tiện của vô lượng niệm lực; là nói gần với nghĩa của sự thọ trì. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, thông đạt trí tuệ tùy thuận Bồ-đề như vậy, thành tựu trọn vẹn phương tiện của vô lượng niệm lực".

Lại có thể thọ trì rất nhiều sự vi diệu bí mật, thọ trì nhanh chóng. Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, ở trong vô lượng trú xứ của Phật khắp mười phương, trong vô lượng pháp minh lớn…".

Vô lượng trú xứ của Phật, vô lượng pháp minh lớn: là nói về số lượng rất nhiều trong việc hội nhập xứ bí mật vi diệu của Như Lai.

Trong khoảng một niệm; là tiếp nhận nhanh chóng.

Nghe pháp: tức là chỉ rõ về hai sự việc; là tánh, là tạo tác. Thế nào là tánh? Tức là ánh sáng của pháp lớn, trí Văn-Tự thâu nhận. Pháp tỏa chiếu lớn thì trí Tu tuệ thâu nhận. Thế nào là tạo tác? Tức là pháp rưới mưa lớn. Như đám mây lớn cùng với trận mưa pháp lớn khác, phát khởi sự tin tưởng từ trong đó.

Nói tiếp nhận: là tiếp nhận về câu chữ đã được thuyết giảng. Nói gánh

vác (kham): là có khả năng chọn lấy nghĩa.

Nói tư duy: là Bồ-tát thâu nhận hai sự việc trên không để mất. Nói giữ gìn: tức là cũng như biển cả, do không ô trược.

Nói tiếp nhận: là có khả năng tiếp nhận tất cả nước.

Nói gánh vác: tức là các thứ nước khác luôn chảy vào đều mất tên gọi vốn có.

Nói tư duy: là dùng không thể hết.

Nói giữ gìn: nên biết! như kinh nói: "Gọi là Tam Thế Pháp Giới Tạng, với các pháp minh lớn, pháp tỏa chiếu lớn, pháp rưới mưa lớn, thảy đều có thể tiếp nhận-gánh vác-tư duy-gìn giữ… cho đến: Vì vậy địa này gọi là địa Pháp Vân".

Gọi là Tam Thế Pháp Giới Tạng; tức là ở trong pháp giới, thâu nhiếp ba loại sự việc. Các thí dụ về mây, sấm, chớp, đối chiếu với pháp tương tự nên biết. Như kinh nói: "Lại nữa, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trí trong địa Pháp Vân này, theo nguyện lực của chính mình… cho đến: Vì thế địa này gọi là địa Pháp Vân".

Ánh sáng của trí tuệ lớn dùng làm ngọn gió thổi nhanh: là pháp tương tự nơi gió.

Hiện bày vô số sắc thân: là tùy theo thế gian với vô số các loại thân xoay chuyển, là pháp tương tự với mây nhiều màu sắc.

Thuyết giảng về trận mưa chánh pháp phá trừ ma oán: là pháp tương tự với mưa.

Như vậy đã nói xong về Phần giải thích tên gọi của địa.

Thế nào là Phần nói về diệu lực của thần thông hữu thượng-vô thượng?

Kinh: "Bồ-tát ấy, trú tại địa này, ở trong trí tuệ, đạt được diệu lực tự tại hơn hết, khéo chọn lấy đại trí thông, tùy theo sự nhớ nghĩ của tâm, hoặc lấy cõi nước hẹp làm rộng, cõi nước rộng làm hẹp. Lại tùy theo suy niệm của tâm, hoặc lấy cõi nước cấu uế làm thanh tịnh, cõi nước thanh tịnh làm cấu uế. Trong vô lượng tất cả thế giới loạn trú, đảo trú, chánh trú rộng lớn như vậy, nhờ diệu lực tự tại, nên vô số các loại ấy đều có thể thành tựu. Bồ-tát ấy, lại tùy theo tâm niệm, hoặc ở trong một vi trần thị hiện một thế giới, có đủ hết thảy núi Thiết-vi..., nhưng vi trần kia vẫn không tăng trưởng.

Hoặc hai, ba, bốn, năm, hoặc mười-hai mươi-ba mươi-bốn mươi-năm mươi, hoặc trăm-ngàn-vạn-ức, hoặc trăm ức-ngàn ức, hoặc trăm ngàn ức, hoặc trăm ngàn ức na-do-tha thế giới, cho đến số lượng thế giới không

thể nói, không thể nêu bày hết, đều có đủ tất cả núi Thiết-vi... đều nhập vào trong một vi trần, nhưng vi trần đó cũng không tăng trưởng.

Bồ-tát ấy, lại tùy theo tâm niệm, hoặc dùng sự việc của một thế giới trang nghiêm mà thị hiện hai thế giới. Lại tùy theo tâm niệm, hoặc dùng sự việc của một thế giới trang nghiêm, cho đến thị hiện vô lượng thế giới không thể nêu bày-không thể nói hết. Lại tùy theo tâm niệm, hoặc dùng sự việc của hai thế giới trang nghiêm, thị hiện một thế giới, cho đến hoặc dùng sự việc của vô lượng thế giới trang nghiêm không thể nói-không thể nêu hết, thị hiện một thế giới. Lại tùy theo tâm niệm, cho đến hoặc đem số lượng chúng sinh trong vô lượng thế giới không thể nói không thể nêu, đặt vào trong một thế giới, nhưng các chúng sinh đều không sợ hãi, không biết không hay.

Lại tùy theo tâm niệm, hoặc đem chúng sinh trong một thế giới, cho đến đặt trong vô lượng thế giới không thể nêu không thể nói, mà các chúng sinh đó cũng không sợ hãi, không biết không hay. Lại tùy theo tâm niệm, hoặc đầu một sợi lông thị hiện sự việc của tất cả cảnh giới Phật trang nghiêm. Lại tùy theo tâm niệm, cho đến hoặc dùng sự việc của vô lượng tất cả cảnh giới Phật trang nghiêm không thể nêu-không thể nói hết, thị hiện nơi một sợi lông.

Lại tùy theo tâm niệm, trong khoảng một niệm, thị hiện số lượng thân nhiều như số vi trần trong vô lượng thế giới không thể nêu, không thế nói. Trong mỗi mỗi thân thị hiện số lượng tay nhiều như số vi trần, dùng các tay này với tâm ân cần cúng dường chư Phật khắp mười phương. Dùng mỗi mỗi tay cầm lấy hằng hà sa số các giỏ hoa tung rải cúng dường chư Phật. Giỏ hoa như vậy, tràng hoa như vậy, hương bột, hương xoa, hương xông, y phục, lọng báu, cờ hoa, phướn hoa cùng tất cả mọi sự trang nghiêm cũng lại như vậy.

Nơi mỗi mỗi thân thị hiện các đầu nhiều như số vi trần đã nói, trong mỗi mỗi đầu thị hiện các lưỡi nhiều như số vi trần đã nói. Dùng các lưỡi ấy, tán thán về công đức của chư Phật. Các sự việc như vậy, ở trong mỗi mỗi niệm, đều hiện bày đủ khắp mười phương. Ở trong mỗi mỗi niệm thị hiện vô lượng thế giới đạt được Bồ-đề, cho đến thị hiện Đại Niết-bàn, trú trì trang nghiêm.

Ở trong ba đời, thị hiện vô lượng thân, trong tự thân thị hiện có vô lượng chư Phật, thị hiện sự việc của vô lượng thế giới Phật trangnghiêm, cũng thị hiện sự việc của thế giới thành, hoại. Hoặc ở trongmột lỗ chân lông của tự thân phát ra tất cả Phong tai, nhưng khônglàm não hại chúng

sinh. Lại tùy theo tâm niệm, hoặc dùng vô lượngvô biên thế giới làm nước của một biển. Trong nước của biển này, làmra hoa sen lớn, ánh sáng trang nghiêm trùm khắp vô lượng vô biênthế giới, trong đó, thị hiện cây Bồ-đề lớn với sự việc trang nghiêm vidiệu, cho đến thị hiện trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí.

Hoặc nơi tự thân thị hiện ngọc báu ma ni, ánh sáng tỏa khắp mười phương, cùng với ánh sáng của sấm chớp, mặt trời, mặt trăng, tinh tú..., cho đến các thứ ánh sáng của tất cả thế giới, đều từ trong thân mà hiện bày. Dùng miệng hà hơi, có thể làm chuyển động vô lượng thế giới trong mười phương, nhưng không khiến cho chúng sinh có ý tưởng sợ hãi. Thị hiện thế giới khắp mười phương với kiếp tận phong tai, đến kiếp tận hỏa tai và kiếp tận thủy tai. Tùy theo vô số các loại tâm niệm của tất cả chúng sinh mà ứng hiện sắc thân trang nghiêm thành tựu. Hoặc dùng tự thân làm thành thân Như Lai, dùng thân Như Lai làm thành tự thân. Dùng thân Như Lai làm thành cõi Phật của chính mình, dùng cõi Phật của chính mình tạo làm thành Như Lai.

Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trú trong địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát này, hiện bày thần biến như vậy. Lại vượt qua ở đây, còn có vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha thần thông, thị hiện sự trang nghiêm, tự tại".

Luận: Diệu lực thần thông hữu thượng vô thượng; có sáu loại tướng, nên biết!

1. Dựa vào bên trong.
2. Dựa vào bên ngoài.
3. Tự tướng.
4. Làm trú trì.
5. Khiến hoan hỷ.
6. Thù thắng lớn.

Diệu lực thần thông vô thượng; là so sánh với thần thông lực của chúng sinh khác.

Diệu lực thần thông hữu thượng; là so sánh đối với diệu lực nơi thần thông của Như Lai.

Dựa vào bên trong; có bốn loại:

1. Giải thoát không nghĩ bàn.
2. Tam-muội.
3. Khởi trí Đà-la-ni.
4. Thần thông. Như đã nói ở trước.

Dựa vào bên ngoài; là sự việc bên ngoài của địa. Lại có sự việc bên ngoài của tự thân-tha thân.

Tự tướng: có hai loại:

1. Chuyển nơi sự việc bên ngoài.
2. Tự thân ứng hóa ...

- Chuyển; lại có ba loại:

1. Chuyển lược, rộng.
2. Chuyển biến sự việc khác lạ.
3. Chuyển tự tại, có thể làm ra vô số trang nghiêm cho tất cả chúng sinh.

Thế nào là chuyển lược, rộng? Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, trú tại địa này, ở trong trí tuệ, đạt được diệu lực tự tại hơn hết, khéo chọn lấy đại trí thông, tùy theo sự nhớ nghĩ của tâm, hoặc lấy cõi nước hẹp làm rộng, cõi nước rộng làm hẹp".

Thế nào là chuyển biến sự việc khác lạ? Như kinh nói: "Lại tùy theo tâm niệm, hoặc dùng cõi nước cấu uế làm thanh tịnh…".

Thế nào là chuyển tự tại? Như kinh nói: "Bồ-tát ấy, lại tùy theo tâm niệm, ở trong một vi trần thị hiện một thế giới…".

Thế nào là tự thân ứng hóa? Như kinh nói: "Lại tùy theo tâm niệm, hoặc đầu một sợi lông thị hiện sự việc của tất cả cảnh giới Phật trang nghiêm…".

Làm trú trì: tức là là thành tựu các môn cúng dường, tích tập các pháp trợ Bồ-đề. Như kinh nói: "Lại tùy theo tâm niệm, trong một niệm thị hiện các thân tướng nhiều như số vi trần trong vô lượng thế giới không thể nêu không thể nói…".

Thế nào là khiến hoan hỷ?

Kinh: "Bấy giờ trong pháp hội, tất cả chúng Bồ-tát, cùng hết thảy tám bộ chúng hộ pháp, Tứ Thiên Vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la chủ cõi trời Tịnh Cư... đều suy nghĩ: Nếu thần thông và trí lực của Bồ-tát có thể như vậy, thì vô lượng vô biên Phật lại như vậy nào?

Khi ấy, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, nhận biết tâm niệm của các đại chúng rồi, bèn hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng:

Thưa Phật tử! Hiện nay các đại chúng, nghe nói về trí lực-thần thông của Bồ-tát ấy, đều rơi vào mạng lưới nghi hoặc. Vì đoạn trừ tâm nghi ngờ này, xin thị hiện một ít sự việc vi diệu trang nghiêm bằng diệu lực thần

thông của Bồ-tát.

Bồ-tát Kim Cang Tạng, lúc này, liền nhập Tam-muội Nhất Thiết Phật Quốc Thể Tánh Bồ-tát. Khi Bồ-tát Kim Cang Tạng nhập Tam-muội ấy, thì hết thảy chúng Bồ-tát kia cùng tất cả tám bộ chúng hộ pháp, Tứ Thiên Vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la chủ cõi trời Tịnh Cư... đều tự thấy thân mình nhập vào trong thân Bồ-tát Kim Cang Tạng. Ở trong thân ấy thấy rõ cõi nước của Phật. Trong cõi nước đó đầy đủ các hình tướng trang nghiêm, các sự việc kỳ diệu, dù trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp nêu bày cũng không thể hết. Trong đó có cây đạo tràng, thân cây chu vi mười vạn Tam thiên đại thiên thế giới, cao trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới, che phủ khắp ba ngàn ức Tam thiên đại thiên thế giới. Xứng hợp với sự cao rộng của cây, có tòa sư tử. Trên tòa ấy có Phật hiệu là Như Lai Nhất thiết trí Thông Vương, tất cả đại chúng đều cùng trông thấy. Đức Phật an tọa trên tòa sư tử ở dưới tán cây đạo tràng. Trong đó có các hình tướng trang nghiêm, các sự việc kỳ diệu, dù trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp cũng không thể nói hết.

Bồ-tát Kim Cang Tạng thị hiện đại thần lực như vậy rồi, lại khiến cho hết thảy các chúng Bồ-tát, tám bộ chúng hộ pháp, chư vị Tứ Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la chủ cõi trời Tịnh Cư... đều trở lại chỗ cũ. Bấy giờ, tất cả đại chúng đều vô cùng hoan hỷ, sinh ý tưởng hy hữu, im lặng mà an trú và nhìn về Bồ-tát Kim Cang Tạng. Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói với Bồ-tát Kim Cang Tạng:

Này Phật tử! Thật là hết sức hy hữu! Tam-muội này với thần thông trang nghiêm có uy lực vô cùng. Này Phật tử! Tam-muội này tên gọi là gì?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp:

Này Phật tử! Tam-muội này gọi là Nhất Thiết Phật Quốc Thể Tánh.

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng:

Thưa Phật tử! Cảnh giới của Tam-muội này trang nghiêm với thần thông, các sự việc kỳ diệu như vậy thì ngang mức độ nào?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp:

Này Phật tử! Nếu Bồ-tát, tùy theo sự nhớ nghĩ của tâm, khéo tu tập thành tựu diệu lực của Tam-muội ấy, thì có thể thị hiện vô số, vô lượng cõi Phật như vậy. Cõi nước của chư Phật từ trong thân hiện bày, lại vượt qua số lượng ấy. Này Phật tử! Bồ-tát trí trong địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát này, đạt được vô lượng trăm ngàn Tam-muội của bậc Bồ-tát như vậy. Do ý

nghĩa ấy, cho nên Bồ-tát này, đạt được quả vị và Bồ-tát đạt vị, Bồ-tát trí trong địa Thiện tuệ (Địa thứ chín), cũng không thể lường biết. Hoặc nơi thân thì thân nghiệp khó có thể lường biết. Hoặc nơi khẩu thì khẩu nghiệp khó có thể lường biết. Hoặc nơi ý thì ý nghiệp, khó có thể lường biết. Hoặc nơi sự việc thần thông, hoặc nơi trí quán ba đời, hoặc hội nhập cảnh giới Tam-muội, hoặc cảnh giới của trí, hoặc diệu dụng của các giải thoát, hoặc những việc làm về ứng hóa, gia trì, hiện bày thần lực, cho đến những động tác đưa chân lên-hạ chân xuống thảy đều khó có thể lường biết. Hàng Bồ-tát đạt được quả vị và Bồ-tát trí trong địa Thiện tuệ cũng không thể lường biết được.

Này Phật tử! Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát vô lượng như vậy, nay đã lược nói, nếu nói rộng thì trong vô lượng trăm ngàn A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng trăm ngàn vạn, vô lượng trăm ngàn ức A-tăng-kỳ kiếp cũng không thể nói hết được.

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng:

Thưa Phật tử! Nếu diệu lực trong cảnh giới thần thông hành của Bồ-tát là vô lượng như vậy, thì diệu lực trong cảnh giới thần thông hành của chư Phật lại như vậy nào?

Bồ-tát Kim Cang Tạng nói:

Này Phật tử! Ví như có người lấy hai-ba hòn đất nhỏ trong bốn cõi thiên hạ, dấy lên nói như vậy: Đất trong vô biên thế giới là nhiều hơn đất ở đây chăng? Điều mà ông đã hỏi thì tôi nói là như vậy. Trí tuệ vô lượng của Như Lai, làm sao lấy trí tuệ của Bồ-tát để lường xét? Này Phật tử! Như người lấy một chút đất trong bốn cõi thiên hạ, đất còn lại thì nhiều vô cùng. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trong địa Pháp Vân, ở trong vô lượng kiếp nêu bày thì chỉ nói được một phần, huống hồ là địa Như Lai.

Bồ-tát Kim Cang Tạng nói với Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt:

Này Phật tử! Chư Như Lai chứng biết cho lời tôi nói. Giả sử trong mỗi mỗi phương khắp mười phương có cõi nước chư Phật nhiều như số vi trần của vô lượng thế giới, Bồ-tát mười địa đều hiện hữu đầy trong các cõi nước kia, ví như vô số các thứ mía, tre, lau, lúa, mè. Các vị Bồ-tát này, trong vô lượng kiếp, tu tập hành trì công đức trí tuệ, thì so với diệu lực công đức trí tuệ của Như Lai, trăm phần của các vị Bồ-tát kia không bằng một, ngàn phần không bằng một … trăm ngàn ức na-do-tha phần không bằng một, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể đạt tới. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trí tuệ thông đạt như vậy, thuận theo ba nghiệp thân, khẩu, ý của Như Lai, không rời bỏ lực dụng Tam-muội của bậc Bồ-

tát, thì có thể thấy chư Phật, dốc tâm cúng dường, ở trong mỗi mỗi kiếp, dùng tất cả vật dụng cúng dường tối thượng, cúng dường vô lượng chư Phật, mới có thể tiếp nhận đầy đủ thần lực gia hộ của chư Phật, càng trở nên sáng tỏ, thù thắng.

Bồ-tát ấy, ở trong pháp giới, mọi thứ vấn nạn hiện có, không ai có thể thắng. Trong vô lượng trăm kiếp, vô lượng ngàn kiếp, vô lượng trăm ngàn kiếp…, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như người thợ kim hoàn thiện xảo, khéo sửa sang loại vàng này làm các vật dụng trang sức, lại dùng ngọc báu ma ni vô thượng gắn xen lẫn trong ấy, để cho Tự Tại Thiên vương, đeo ở trên cổ hoặc cài trên đầu, thì những vật dụng trang sức của các Thiên vương khác đều không thể sánh bằng. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, an trú trong địa Pháp Vân, là địa thứ mười của bậc Bồ-tát, thì trí hành của Bồ-tát kia không thể nghĩ bàn, tất cả chúng sinh, tất cả hàng Nhị thừa, các Bồ-tát từ Địa thứ nhất cho đến trí trong địa thứ chín, đều không thể sánh bằng.

Bồ-tát ấy, trú trong địa này, ánh sáng của trí lớn tỏa chiếu, có thể khiến cho hết thảy chúng sinh, cho đến trú trong trí Nhất thiết trí. Mọi ánh sáng của các thứ trí tuệ khác đều không thể phá hoại được.

Này Phật tử! Ví như ánh sáng của Thiên vương Ma-hê-thủ-la vượt qua tất cả sinh xứ của chúng sinh, ánh sáng ấy có thể khiến cho thân tâm chúng sinh mát mẻ. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trú trong địa Pháp Vân, là Địa thứ mười của bậc Bồ-tát, thì ánh sáng trong trí tuệ của Bồ-tát đó, tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật, các Bồ-tát từ Địa thứ nhất, cho đến trí trong địa thứ chín, đều không thể sánh kịp.

Bồ-tát ấy, trí trong địa này, có thể khiến cho hết thảy chúng sinh trú trong pháp của trí Nhất thiết trí.

Này Phật tử! Bồ-tát ấy, tùy thuận nơi trí tuệ như vậy, chư Phật nơi mười phương, vì Bồ-tát đó mà nói về trí tuệ, khiến thông đạt mọi nẻo hành của ba đời, nhận biết đúng về pháp giới sai biệt, trùm khắp tất cả cảnh giới thế gian, soi chiếu hết thảy cảnh giới thế gian, khiến cho tất cả chúng sinh giới có thể chứng đắc pháp. Lược nói, cho đến tùy thuận đạt được trí Nhất thiết trí. Bồ-tát ấy, trong mười Ba-la-mật, thì Trí Ba-la-mật luôn tăng thượng.

Này Phật tử! Đó gọi là trình bày tóm lược về địa Pháp Vân, là Địa thứ mười của bậc Bồ-tát. Nếu nói rộng, thì trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp cũng không thể cùng tận.

Bồ-tát trí trong địa này, nhiều lần làm Thiên vương Ma-hê-thủ-la, tự tại đầy đủ, khéo trao truyền các hành Ba-la-mật cho chúng sinh và hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật, Bồ-tát. Ở trong pháp giới, có người vấn nạn, không ai có năng lực làm cho tận cùng. Mọi nghiệp thiện đã làm như bố thí-ái ngữ-đồng sự-lợi hành, thì các phước đức ấy đều không lìa niệm Phật-niệm Pháp-niệm Tăng, niệm Bồ-tát và niệm hành của Bồ-tát, niệm Ba-la-mật… cho đến không lìa niệm đầy đủ với trí Nhất thiết chủng-Nhất thiết trí. Luôn sinh tâm niệm này: Mình phải ở trong hết thảy chúng sinh, là người đứng đầu, là hơn hẳn, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là nơi nương dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ tâm niệm ấy, phát khởi hành tinh tiến, nhờ lực dụng của tinh tiến cho nên trong khoảng một niệm, đạt được các pháp Tam-muội nhiều như số vi trần bằng mười lần không thể nêu bày trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới Phật. Được thấy các Đức Phật nhiều như số vi trần bằng mười lần không thể nêu bày trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới Phật. Có thể nhận biết về thần lực của Phật nhiều như số vi trần bằng mười lần không thể nêu bày trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới Phật. Có thể làm chuyển động các thế giới nhiều như số vi trần bằng mười lần không thể nêu bày trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới Phật. Có thể đi vào các thế giới nhiều như số vi trần… có thể soi chiếu khắp các thế giới nhiều như số vi trần…

Có thể giáo hóa chúng sinh trong các thế giới nhiều như số vi trần… Có thể trú thọ trong số lượng kiếp nhiều như số vi trần… Có thể nhận biết các sự việc trong đời quá khứ-vị lai, mỗi đời với số lượng kiếp nhiều như số vi trần…

Có thể khéo hội nhập với các pháp môn nhiều như số vi trần… Có thể biến hóa thân thành số lượng thân nhiều như số vi trần… Nơi mỗi mỗi thân thị hiện các vị Bồ-tát nhiều như số vi trần…, dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại, thì nguyện lực của Bồ-tát còn hơn hẳn, vượt qua số lượng trên, thị hiện vô số các loại thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc nơi mắt, hoặc nơi cảnh giới, hoặc nơi âm thanh, hoặc nơi hành, hoặc sự trang nghiêm, hoặc sự gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thần thông ấy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, cũng không thể tính biết".

Luận:

Khiến hoan hỷ: tức là có thể đoạn trừ nghi hoặc. Đoạn trừ nghi có hai loại:

1. Thị hiện diệu lực thần thông của chính mình.
2. Thuyết giảng tất cả pháp.

Thế nào là thị hiện diệu lực thần thông của chính mình? Như kinh nói: "Bấy giờ, trong pháp hội, tất cả chúng Bồ-tát, cùng với hết thảy tám bộ chúng hộ pháp…". Như vậy tự mình thị hiện diệu lực, đoạn trừ nghi hoặc của chúng sinh, khiến cho họ hoan hỷ.

Thế nào là thuyết giảng tất cả pháp? Như kinh nói: "Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trí tuệ thông đạt như vậy, thuận theo thân-khẩu nghiệp của Như Lai, cho đến: Càng thêm sáng tỏ thù thắng. Bồ-tát ấy, ở trong pháp giới, mọi thứ vấn nạn hiện có, không ai có thể thắng…".

Thù thắng lớn, có hai loại:

1. Diệu lực thần thông thù thắng.
2. Toán số thù thắng.

Hai loại này đều hơn hẳn so với tất cả các địa trước. Như kinh đã nói, nên biết!

Thông đạt mọi nẻo hành của ba đời: tức là là thông tỏ ba loại hành:

1. Hành có thể đoạn trừ nghi. Như kinh nói: "Này Phật tử! Bồ-tát ấy trú trong địa này, tùy thuận với trí như vậy, được chư Phật trong mười phương thuyết giảng về trí tuệ, khiến cho thông đạt về nẻo hành của ba đời". Hành của ba đời; là nghĩa về thông tỏ, nên biết.

2. Hành của thần thông nhanh chóng. nghe giảng nói về pháp bí mật của Như Lai. Như kinh nói: "Nhận biết đúng về pháp giới sai biệt".

3. Hành hỗ trợ tạo tác bình đẳng. Hành này có ba loại, nên biết!

1. Bình đẳng làm thanh tịnh cõi Phật, vì hóa độ chúng sinh.
2. Bình đẳng làm pháp minh.
3. Bình đẳng làm chánh giác.

Như kinh nói: "Trùm khắp tất cả cảnh giới thế gian. Soi chiếu tất cả cảnh giới thế gian…".

Như vậy đã nói xong Phần thứ sáu: Diệu lực thần thông vô thượng hữu thượng. Tiếp theo là nói về Phần ảnh tượng của địa.

Ảnh tượng của địa: có bốn loại:

1. Ao.
2. Núi.
3. Biển.
4. Ngọc báu ma ni.

Để so sánh với bốn loại công đức:

1. Công đức tu hành.
2. Công đức thắng thượng.
3. Công đức của quả lớn, có thể hóa độ các chúng sinh khó hóa độ.
4. Công đức kiên cố chuyển tận. Thế nào là công đức tu hành?

Kinh: "Này Phật tử! Bồ-tát mười địa này, thứ tự thuận theo hành, hướng tới trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí. Này Phật tử! Ví như từ nơi ao lớn A Nậu, xuất phát bốn con sông, làm sung mãn khắp cõi Diêm-phù-đề, không thể cùng tận, lại càng tăng trưởng, cho đến sung mãn trong biển cả. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát từ trong tâm Bồ-đề, xuất phát dòng nước của đại nguyện căn thiện, dùng bốn Nhiếp pháp làm sung mãn cảnh giới chúng sinh, không hề cùng tận, lại càng tăng trưởng cho đến chứng đạt trọn vẹn trí Nhất thiết chủng-Nhất thiết trí".

Luận:

Công đức tu hành: là dựa vào lực dụng của bản nguyện để tu hành. Dùng bốn Nhiếp pháp làm lợi ích, là hành lợi tha. Căn thiện của chính mình tăng trưởng, cho nên đạt được Bồ-đề, là hành tự lợi, nên biết. Như kinh nói: "Này Phật tử! Ví như từ trong ao lớn A Nậu, xuất phát bốn con sông… cho đến, chứng đạt trọn vẹn trí Nhất thiết chủng-Nhất thiết trí". Thế nào là công đức thắng thượng.

Kinh: "Này Phật tử! Bồ-tát mười địa ấy, nhờ vào trí Phật mà có sai biệt. Ví như dựa vào đại địa, cho nên có mười ngọn núi chúa lớn sai biệt. Những gì là mười? Đó là:

1. Núi chúa Tuyết.
2. Núi chúa Hương.
3. Núi chúa Tỳ-đà-lược.
4. Núi chúa Tiên Thánh.
5. Núi chúa Do-càn-đà-la.
6. Núi chúa Mã Nhĩ.
7. Núi chúa Ni-dân-đà-la.
8. Núi chúa Chước-ca-bà-la.
9. Núi chúa Chúng Tướng.
10. Núi chúa Tu-di.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Tuyết, hết thảy các loại cỏ thuốc đều tập trung ở nơi ấy, các loại cỏ thuốc đó dùng không thể hết. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trú trong địa Hoan hỷ của bậc Bồ-tát, hết thảy các loại sách vở, luận thuyết, kỹ nghệ, văn tụng, chú thuật của thế gian đều tập hợp trong

đó, những thứ đó đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Hương, tất cả các loại hương đều tập trung ở nơi ấy, các loại hương đều dùng không thể hết. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trí trong địa Ly Cấu của bậc Bồ-tát, hết thảy các loại hương nơi hành trì giới, chánh thọ của Bồ-tát đều tập hợp trong đó, tất cả những thứ hương đó đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Tỳ-đà-lược, tánh báu thuần tịnh, tất cả các thứ báu đều tập trung trong đó, các thứ báu ấy dùng không thể hết. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát an trú trong địa Minh của bậc Bồ-tát, tất cả các thứ thiền định, thần thông, giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề của thế gian đều tập hợp trong đó, tất cả các thứ ấy hỏi đáp không thể cùng tận được.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Tiên Thánh, tánh báu thuần tịnh, Thánh nhân đạt được năm thông tập trung trong đó, Thánh nhân đạt được năm thông không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trú trong địa Diệm của bậc Bồ-tát, trí hành thù thắng trong tất cả các hành đều tập hợp trong đó, hết thảy các hành đó với vô số vấn nạn đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Do-càn-đà-la, tánh báu thuần tịnh, tất cả Dạ xoa, các quỷ thần lớn đều tập trung trong đó, hết thảy các loại đó đều không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trí trong địa Nan Thắng của bậc Bồ-tát, tất cả thần thông như ý tự tại, biến hóa trang nghiêm đều tập hợp trong đó, hết thảy các thứ ấy hỏi đáp không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Mã Nhĩ, tánh báu thuần tịnh, tất cả các quả đều tập trung trong đó, tất cả các quả ấy dùng không thể hết. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trí trong địa Hiện Tiền của bậc Bồ-tát, nói về quán nhập nhân duyên tích tập đều tập hợp trong đó, việc giảng nói đó, hỏi đáp về chứng quả Thanh văn đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Ni-dân-đà-la, tánh báu thuần tịnh, tất cả Long thần đại lực đều tập hợp trong đó, hết thảy Long thần đại lực đó đều không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trí trong địa Viễn Hành của bậc Bồ-tát, vô số các loại trí phương tiện đều tập trung trong đó, vô số trí ấy nêu bày chỗ hỏi đáp về sự chứng quả của Bích-chi-Phật đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Chước-ca-bà-la, tánh báu thuần tịnh, chúng đạt được tự tại tập hợp trong đó, chúng đạt được tự tại đều không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trí trong địa Bất Động của bậc Bồ-tát, phát khởi tất cả nẻo tự tại của bậc Bồ-tát đều tập hợp trong đó, sự việc

phát khởi này, nói về tất cả cảnh giới thế gian sai biệt, hỏi đáp đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Chúng Tướng, tánh báu thuần tịnh, đại chúng A-tu-la tập hợp trong đó, các đại chúng A-tu-la đó đều không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trí trong địa Thiện tuệ của bậc Bồ-tát, sự nhận biết về hành thuận nghịch của tất cả chúng sinh đều tập hợp trong đó, sự nhận biết đó nói về tất cả tướng sinh diệt của thế gian, hỏi đáp đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Tu-di, tánh báu thuần tịnh, đại chúng chư Thiên tập hợp trong đó, các chúng chư Thiên đó đều không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trí trong địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát, các lực, vô úy của Như Lai, mười tám pháp Bất cộng của Phật đều tập hợp trong đó, các lực-vô úy… thị hiện Phật sự, hỏi đáp không thể cùng tận.

Này Phật tử! Mười núi chúa báu lớn này cùng ở nơi biển cả, dựa vào biển cả mà được mang tên. Như vậy, này Phật tử! Mười địa Bồ-tát cùng ở trong Nhất thiết trí, dựa vào Nhất thiết trí mà được mang tên".

Luận:

Công đức thắng thượng; tức là dựa vào Nhất thiết trí tăng thượng, hành trì mười địa. Như kinh nói: "Này Phật tử! Bồ-tát mười địa ấy, nhờ vào trí Phật mà có sai biệt. Ví như dựa vào đại địa cho nên có mười ngọn núi chúa lớn sai biệt…".

Dụ về các núi báu thuần tịnh; là dụ cho tám chủng địa, yếm địa khéo thanh tịnh. Lại nữa, các núi chúa không phải thuộc về số lượng chúng sinh, mà là chỗ dựa của phần thuộc về số lượng chúng sinh.

Không phải thuộc về số lượng chúng sinh; có hai loại:

1. Sự vật thọ dụng.
2. Sự vật quý báu được tích tụ, gìn giữ.

Sự vật thọ dụng có hai loại:

1. Bốn đại của chúng sinh đối trị tăng giảm.
2. Nuôi lớn chúng sinh.

Dựa vào núi Tuyết, núi Hương, núi Tỳ-đà-lược, núi Mã Nhĩ. Bốn núi này chẳng phải là chỗ dựa của phần thuộc về số lượng chúng sinh. Cỏ thuốc, các thứ hương, các loại báu, tất cả quả tập hợp trong những nơi ấy. Tất cả quả là phần thuộc về số lượng chúng sinh trong núi chúa thứ sáu. Lại có sáu loại nạn cần đối trị. Sáu loại nạn là:

1. Nạn vì nghèo.
2. Nạn vì chết.

3. Nạn vì thiếu thốn.
4. Nạn do không được điều phục.
5. Nạn vì nghiệp ác.
6. Nạn vì oán địch.

Trong núi chúa thứ tư, phước điền của năm thông đối trị nạn vì nghèo. Trong núi chúa thứ năm, đại thần thông biến hóa của Dạ xoa đối trị nạn vì chết. Trong núi chúa thứ bảy, các đại Long vương đối trị nạn vì thiếu thốn. Trong núi chúa thứ tám, chúng đạt được tự tại, đối trị nạn do không được điều phục. Nơi núi chúa thứ chín, A-tu-la nói chú, đối trị nạn vì nghiệp ác. Trong núi chúa thứ mười, bốn Thiên Vương tự tại, đối trị nạn vì oán địch.

Tất cả các núi chúa này, các sự vật được tập hợp trong đó, như sự việc được nêu bày, có thể sinh tất cả vật.

Tập hợp trong đó, không thể cùng tận; tức là hành thuận hợp, không dứt mất, không ngừng nghỉ. Mười núi lớn kia dựa vào biển cả mà được mang tên. Biển cả cũng dựa vào núi lớn mà được mang tên. Mười địa của Bồ-tát cũng lại như vậy. Cùng ở trong Nhất thiết trí, dựa vào Nhất thiết trí mà được gọi tên, tức là nhân quả cùng hiển bày. Như kinh nói: "Này Phật tử! Mười núi chúa báu lớn ấy, cùng ở giữa biển cả…".

Thế nào là công đức của quả lớn; có thể hóa độ các chúng sinh khó hóa độ?

Kinh: "Này Phật tử! Ví như biển cả, do mười tướng cho nên luôn được gọi là biển cả, không gì có thể hủy hoại. Những gì là mười?

1. Lần lượt sâu dần.
2. Không tiếp nhận thây chết.
3. Các dòng nước khác chảy vào đều mất tên gọi vốn có.
4. Đồng một vị.
5. Có vô lượng vật báu tích tụ.
6. Hết mực sâu xa khó lường tính.
7. Rộng lớn vô lượng.
8. Có nhiều chúng sinh thân tướng lớn sinh sống.
9. Thủy triều lên xuống không sai thời hạn.
10. Có thể tiếp nhận tất cả mưa lớn, không hề thỏa mãn.

Như vậy, này Phật tử! Hạnh Bồ-tát cũng do mười tướng cho nên luôn gọi là hạnh Bồ-tát, không gì có thể hủy hoại. Những gì là mười tướng? Đó là:

1. Bồ-tát trong địa Hoan Hỷ, lần lượt phát khởi đại nguyện.

2. Bồ-tát trong địa Ly Cấu, không cùng trú với tử thi là kẻ phá giới.

3. Bồ-tát trong địa Minh (địa Phát Quang), xả bỏ các thứ giả danh của thế gian.

4. Bồ-tát trong địa Diệm, luôn cung kính Tam bảo, đạt được nhất vị (Pháp vị duy nhất) không hủy hoại.

5. Bồ-tát trong địa Nan Thắng, với vô lượng trí phương tiện khởi tạo các thứ báu của thế gian.

6. Bồ-tát nơi địa Hiện Tiền, quán xét pháp nhân duyên tích tập vô cùng sâu xa.

7. Bồ-tát nơi địa Viễn Hành, dùng vô lượng trí phương tiện, khéo chọn lấy các pháp.

8. Bồ-tát ở trong địa Bất Động, thị hiện dấy khởi các sự việc trang nghiêm lớn.

9. Bồ-tát trí trong địa Thiện Tuệ, đạt được giải thoát thâm diệu, thông tỏ các hành của thế gian, chứng đắc đúng như thật, không vượt quá giới hạn.

10. Bồ-tát trong địa Pháp Vân, có thể tiếp nhận tất cả các pháp minh lớn, pháp rưới mưa lớn của chư Phật, không có gì chán đủ".

Luận:

Công đức của quả lớn; có thể hóa độ các chúng sinh khó hóa độ: Tức là nhân quả cùng thuận hợp. Mười địa như biển cả, có thể hóa độ các trường hợp khó hóa độ, đạt được quả đại Bồ-đề.

Biển cả có tám loại công đức, nên biết!

1. Công đức dễ đi vào. Như kinh nói: "Lần lượt sâu dần".

2. Công đức thanh tịnh. Như kinh nói: "Không tiếp nhận thây chết".

3. Công đức bình đẳng. Như kinh nói: "Các dòng nước khác đổ vào đều mất tên gọi vốn có".

4. Công đức che chở. Như kinh nói: "Đồng một vị".

Công đức làm lợi ích. Như kinh nói: "Vô lượng các vật báu tích tụ".

5. Công đức không khô cạn; tức là là sâu rộng. Như kinh nói: "Hết mực sâu xa khó lường tính, rộng lớn vô lượng".

6. Công đức về trú xứ; tức là có các chúng sinh thân lớn nương tựa. Như kinh nói: "Có nhiều chúng sinh thân tướng lớn sinh sống".

7. Công đức hộ trì thế gian: Thủy triều không sai thời hạn, dung chứa nước không chán đủ. Như kinh nói: "Thủy triều lên xuống không sai thời hạn. Có thể tiếp nhận tất cả mưa lớn, không hề thỏa mãn".

Pháp tương tự với biển cả, hành trong mười địa của Bồ-tát, cũng có mười loại tương ưng, như kinh nói: "Như vậy, này Phật tử! Hạnh Bồ-tát cũng do mười tướng cho nên luôn gọi là hạnh Bồ-tát, không gì có thể hủy hoại".

Thế nào là công đức kiên cố chuyển tận?

Kinh: "Này Phật tử! Ví như ngọc báu ma ni vượt qua mười tánh báu:

1. Sinh ra từ biển cả.
2. Thợ khéo tay sửa sang tốt đẹp.
3. Khéo léo càng đẹp đẽ kỳ diệu.
4. Hết sức thanh tịnh.
5. Hết sức trong sáng rực rỡ.
6. Dễ dàng xuyên thủng.
7. Dùng sợi quý báu luồn qua.
8. Đặt ở cột cao bằng lưu ly.
9. Phóng ra tất cả ánh sáng.
10. Tùy theo ý của vua, mưa xuống các vật báu, có thể ban cho hết thảy chúng sinh tất cả vật báu.

Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát phát tâm Nhất thiết trí, vượt qua mười tánh Thánh:

1. Đầu tiên là phát tâm bố thí, lìa keo kiệt.

2 Khéo tu tập trì giới, hành chân chánh sáng tỏ thanh tịnh.

3. Khéo tu các pháp thiền định, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, khiến cho càng trở nên tinh, diệu.

4. Các pháp Bồ-đề phần hết sức thanh tịnh.

5. Phương tiện thần thông hết sức trong sáng rạng rỡ.

6. Quán xét nhân duyên tích tập dễ dàng xuyên suốt.

7. Vô số trí phương tiện, khéo dùng sợi tơ nối liền.

8. Đặt ở trên cột cao của thần thông tự tại.

9. Quán xét hành của chúng sinh, phóng ra ánh sáng trí tuệ đa văn.

10. Chư Phật trao cho địa vị trí tuệ, lúc bấy giờ có năng lực vì tất cả chúng sinh mà thị hiện làm những Phật sự, thì gọi là đạt được Nhất thiết trí".

Luận:

Công đức kiên cố chuyển tận; là dụ về báu đại ma ni. Như kinh nói: "Này Phật tử! Ví như ngọc báu ma ni…".

Vượt quá mười tánh báu; tức là ngọc báu ma ni vượt qua các thứ như

tỳ lưu ly..., do vì sinh ra cho nên được chọn lấy, cho đến; phóng ra tất cả ánh sáng là chỉ rõ về báu này có tám loại công đức thâu nhiếp. Đó là:

1. Công đức xuất phát; tức là chọn lựa mà lấy, nhờ vào sự khéo léo quán xét.
2. Công đức màu sắc; người thợ khéo tay sửa sang tốt đẹp.
3. Công đức hình tướng; Khéo léo càng đẹp đẽ kỳ diệu.
4. Công đức không cấu uế; tức là hết sức thanh tịnh.
5. Công đức sáng, sạch; tức là hết sức trong sáng rực rỡ.
6. Công đức phát khởi hành; là dễ dàng xuyên thủng, dùng sợi quý báu luồn qua, đặt ở cột cao bằng lưu ly ba câu này đã chỉ rõ.
7. Công đức do thần lực; phóng ra tất cả ánh sáng, soi chiếu khắp mọi nơi chốn.
8. Công đức không giữ lấy; tức là tùy theo ý vua, mưa xuống các vật báu, có thể ban cho tất cả chúng sinh hết thảy vật báu. Tiếp nhận quả vị chánh trí, bởi vì chung một tạng thiện căn với tất cả chúng sinh.

Vượt quá mười tánh Thánh; tức là vượt quá tánh của hàng Nhị thừa. Hàng Thanh văn có tám chủng tánh: Bốn hành-bốn quả sai biệt. Hàng Bích-chi-Phật chỉ có hai chủng tánh: Một hành-một quả sai biệt.

Như vậy đã nói xong Phần ảnh tượng của mười địa. Thế nào là Phần lợi ích của địa?

Kinh: "Này Phật tử! Bồ-tát ấy hành hóa, khéo tích tập công đức của trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, tích tập nhiều thứ pháp môn. Nếu chúng sinh nào không gieo trồng căn lành sâu xa, thì không thể nào nghe được.

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi:

Thưa Phật tử! Đối với sự khéo tích tập công đức của trí Nhất thiết chủng-Nhất thiết trí, tích tập nhiều loại pháp môn ấy, nếu người được nghe thì người ấy thành tựu được bao nhiêu công đức?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp:

Này Phật tử! Tùy theo sự thâu nhiếp của trí Nhất thiết trí, quán xét tập hợp các công đức, thì sự tích tập công đức của trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, tích tập các pháp môn cũng lại như vậy. Người này được nghe pháp môn này thì công đức đạt được cũng lại như vậy. Vì sao? Này Phật tử! Vì nếu chẳng phải là Bồ-tát thì không nghe được sự tích tập các pháp môn, tích tập công đức của trí Nhất thiết chủng-Nhất thiết trí, huống là có thể tin, có thể thọ trì, có thể tu tập đúng đắn hay sao?

Khi thuyết giảng kinh này, nhờ thần lực của Phật, nhờ đạt được diệu lực của pháp, thế giới của chư Phật nhiều như vi trần trong mười ức

cõi Phật khắp mười phương thế giới, xuất hiện sáu loại chấn động với mười tám tướng, đó là: Chấn động khắp nơi-chấn động bằng nhau-tất cả cùng chấn động, vọt lên khắp nơi-vọt lên bằng nhau-tất cả cùng vọt lên; hiểu rõ khắp nơi-hiểu rõ như nhau-tất cả cùng hiểu rõ, tung lên khắp nơi-tung lên như nhau-tất cả cùng tung lên; rung chuyển khắp nơi-rung chuyển như nhau-tất cả cùng rung chuyển; gầm lên khắp nơi-gầm lên như nhau-tất cả cùng gầm lên. Nhờ thần lực của Phật, nhờ đạt được diệu lực của pháp, cho nên mưa xuống các loại hoa trời, như làn mây từ từ hạ thấp, mưa xuống các thứ y phục-vật báu-đồ dùng trang nghiêm-tán che-cờ phướn-kỹ nhạc-âm thanh, tất cả đều là vật dụng của cõi trời, để tán thán địa Nhất thiết trí và tán thán những sự việc thù thắng trong mười địa.

Như bốn cõi thiên hạ thuộc thế giới này, trong cung điện Ma Ni Bảo Tạng của Tự Tại Thiên Vương ở cõi trời Tha-hóa-tự-tại, thuyết giảng về pháp của mười địa. Như vậy, tất cả thế giới khắp mười phương, đều thuyết giảng về pháp của mười địa này. Nhờ thần lực của Phật, các thế giới nhiều như số vi trần trong mười ức cõi Phật khắp mười phương, có các Bồ-tát nhiều như số vi trần trong mười ức cõi Phật đến quy tụ đầy khắp mười phương hư không. Đến rồi đều nói lời như vậy: Lành thay! Lành thay! Này Phật tử! Ông đã khéo thuyết giảng về tướng của Bồ-tát trú trong các địa. Này Phật tử! Tất cả chúng tôi cũng tên là Kim Cang Tạng, từ thế giới Kim Cang Thắng, trú xứ của Đức Phật Kim Cang Tràng đến đây. Tất cả các thế giới ấy đều nhờ vào thần lực của Phật, đều thuyết giảng về pháp môn này, các chúng hội cũng như vậy, câu chữ cũng người, giải thích tên gọi cũng như vậy, nghĩa lý cũng như vậy chứ không tăng-không giảm.

Này Phật từ! Vì vậy chúng tôi vâng theo thần lực của Phật, đi đến chúng hội này để chứng minh đúng như pháp. Này Phật tử! Như chúng tôi đã đến tại pháp hội này, như vậy tất cả thế giới khắp mười phương, trong mỗi một thế giới có bốn cõi thiên hạ, trong cung điện Ma Ni Bảo Tạng của Tự Tại Thiên Vương trên cõi trời Tha-hóa-tự-tại, cũng có các Bồ-tát nhiều như số vi trần trong mười ức cõi Phật, đều đến để làm chứng.

Lúc bấy giờ Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng vâng theo thần lực của Phật, khi thuyết giảng kinh này được Như lai tùy hỷ. Tất cả các chúng Bồ-tát ấy và tám bộ chúng hộ pháp, Tứ Thiên Vương, Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm Thiên Vương, Ma-hê-thù-la cùng chúng cõi trời Tịnh Cư đều vô cùng hoan hỷ.

Đức Phật sau khi thành đạo chưa lâu, vào ngày thứ mười bốn tại cung điện Ma-Ni Bảo Tạng của Tự Tại Thiên Vương trong cõi trời Tha-Hóa-tự

tại, thuyết cho Bồ-tát Kim Cang Tạng hoan hỷ phụng hành".

Luận: Lợi ích của địa, có hai loại:

1. Công đức phát sinh niềm tin.
2. Công đức cúng dường.

Lại nữa, trong pháp môn này, chỉ rõ việc quyết định tin tưởng, nói về ý nghĩa của lợi ích to lớn. Như Kinh nói: "Này Phật tử! Bồ-tát ấy hành hóa, khéo tích tập công đức của trí Nhất thiết chủng-Nhất thiết trí, tích tập nhiều loại pháp môn… Bồ-tát Giải thoát Nguyệt hỏi… Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp…"

Bởi vì từ trong kinh này, phát sinh niềm tin đạt được công đức. Lại có công đức phát sinh niềm tin, là nghĩa của duyên sinh này, nhờ thần lực của Phật, nhờ đạt được diệu lực của pháp…"

Sáu loại chấn động:

1. Chấn động.
2. Vọt lên.
3. Tung lên.
4. Phát khởi.
5. Tung xuống.
6. Gầm thét.

Mười tám tướng là tướng trạng của sáu loại chấn động này, hiện bày theo thứ tự hạ-trung-thượng như vậy.

Trong khí thế gian, dựa vào bốn loại chúng sinh tu:

1. Dựa vào chúng sinh bất thiện.
2. Dựa vào chúng sinh tin theo các loại trời.
3. Dựa vào chúng sinh .

Vì sự sai biệt theo thứ tự hạ-trung-thượng của các chúng sinh này, mà có các loại chấn động từ chấn động cho đến gầm thét. Mười tám câu với nghĩa khác nhau như vậy, nên biết!

Như vậy đã nói về công đức phát sinh niềm tin và nghĩa của duyên sinh.

Công đức cúng dường. Như kinh nói: "Mưa xuống các loại hoa trời…"

Tất cả các thế giới đều thuyết giảng về pháp môn này là chỉ rõ về vô lượng pháp môn, về mọi việc làm lợi ích cho tất cả chúng sinh mà thị hiện. Như kinh nói: "Như bốn cõi thiên hạ thuộc thế giới này…"

Những phần còn lại thì dễ dàng hiểu được.

**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 87

LUẬN ĐẠI BẢO TÍCH KINH

SỐ 1523

(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1523

LUẬN KINH ĐẠI BẢO TÍCH

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy,
Tam Tạng Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi.

QUYỂN 1

Quy mạng đấng cứu đời,
Vượt biển khổ bờ kia,
Đại bi hàng ma oán,
Con giải kinh Bảo Tích.
Mười sáu thứ trang nghiêm,
Nghĩa chân thật vi diệu,
Muốn pháp tồn tại lâu,
Để lợi mình, lợi người.

Hỏi: Muốn giải thích kinh Bảo Tích, trước hết ông nên giải thích điều nầy: Do nghĩa gì mà gọi là Bảo Tích?

Đáp: Trong pháp báu của Đại thừa, hết thảy nghĩa sai biệt, tướng sai biệt của tất cả các pháp đều gồm thâu trong kinh nầy, cho nên gọi là Bảo Tích. Bảo Tích có nghĩa là tụ tập, gom góp, che mát, hòa hợp. Tên khác nhưng nghĩa chỉ có một.

Hết thảy pháp Đại thừa trong đó, Như Lai vì các Bồ-tát mà nói mười sáu loại tướng sai biệt. Đó là:

1. Tướng hành tà pháp: Bồ-tát nào đã hành tà hạnh như vậy, gọi là tướng hành tà pháp.
2. Tướng chánh hạnh: Là những Bồ-tát đã hành chánh hạnh, nên gọi là tướng chánh hạnh.
3. Tướng lợi ích hành chánh hạnh: Bồ-tát đã trụ vào chánh hạnh, thì gọi là khéo hành hạnh bình đẳng pháp hạnh.
4. Các tướng sai biệt của việc thực hành các pháp hạnh.
5. Ở chỗ các Bồ-tát sinh tướng tâm từ, vì làm cho tâm sinh kính trọng, mà có tướng hành thuyết.
6. Bồ-tát trụ trong chánh hạnh mà học giới tướng.

7. Ở trong giới của Thanh văn và giới của Bồ-tát mà nói tướng hơn kém.

8. Tướng sai biệt của Bồ-tát đã khéo học giới Bồ-tát có thể bình đẳng với trí thế gian, mà làm lợi ích cho người khác.

9. Tướng sai biệt khi thọ nhận tạng Bồ-tát nầy được dạy tu tập giới của Thanh văn.

10. Tướng sai biệt của Sa-môn không khéo học.

11. Tướng sai biệt của Sa môn không học.

12. Tướng sai biệt của việc trụ vào danh tiếng, hành động giả tạo.

13. Tướng sai biệt của việc trụ vào sự chân thật tu hành.

14. Tướng sai biệt của Như Lai phương tiện hóa độ chúng sinh.

15. Tướng sai biệt của việc nói ra những lời bí mật, vi diệu.

16. Tướng sai biệt của việc đã được dạy bảo ở trong tạng Bồ-tát, khéo léo tin là có ích.

Trong kinh Đại thừa, Như Lai đã vì các Bồ-tát mà nói mười sáu loại tướng sai biệt như vậy. Trong pháp môn đó, tất cả các tướng kia hiện đang được nói đến.

Trong kinh Đại thừa pháp báu nầy, tất cả mọi tướng nói đến đều được gồm thâu vào trong đó. Cho nên pháp môn mầu nhiệm nầy mới gọi là Bảo Tích.

Hỏi: Vì sao tất cả các tướng trong kinh báu Đại thừa chánh pháp lại được gồm thâu hết trong pháp môn nầy?

Đáp: "Ca-diếp! Có bốn pháp làm trí tuệ thoái mất. (...)" Như thế... là nói tám loại bốn câu thuộc về nhóm bạn xấu, gọi là tướng sai biệt của tà hạnh. Này Ca-diếp Bồ Tát có được bốn kho tàng lớn để ẩn giấu (...)". Như thế... là nói sáu loại bốn câu thuộc về tướng sai biệt của chánh hạnh lợi ích. Như vậy, hai mươi hai loại bốn câu đủ để nói các việc nhiễm, tịnh, thoái lui và lợi ích.

"Nầy Ca-diếp! Gọi là Bồ-tát chẳng phải đó chỉ là cái tên để gọi là Bồ-tát, (...)". Như thế... nên biết đó là ba mươi hai loại tướng sai biệt .

"Nầy Ca-diếp! Công đức của Bồ-tát là vô lượng vô biên, Ta sẽ dùng thí dụ để diễn nói (...)". Như thế... nên biết là nói rõ các tướng khác nhau đó. "Nầy Ca-diếp! Nên biết, Bồ-tát muốn học kinh Đại Bảo Tích nầy", cho đến "khi như đèn thắp sáng, ấy là cái rễ của Thánh tuệ, còn sự tối tăm chính là các nghiệp kiết sử vậy (...)". Đó được gọi là tướng sai biệt thuộc về trụ vào chánh hạnh, thâu nhiếp các giới. "Nầy Ca-diếp! Ví như trồng cây trong hư không, thì không thể sinh trưởng, từ xưa đến nay chưa có việc

đó". Cho đến "có khả năng xuất sinh vô lượng trăm ngàn Thanh văn, Bích-chi Phật (...)". Như thế... là nói thí dụ về giới của Thanh văn và tướng sai biệt hơn kém trong giới của Bồ-tát.

"Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Ca-diếp": Cho đến "từ trước cho đến nay hoàn toàn trong sạch (...)",là nói tướng sai biệt gồm thâu cả trí thế gian và xuất thế gian mà hành sự lợi ích cho người khác, nên biết.

Nầy Ca-diếp! Các ông nên quan sát cái bên trong chớ chạy theo bên ngoài, ngay như người xuất gia cũng còn mang hai chứng bệnh: Một là ôm giữ tánh tăng thượng mạn mà tự điều phục tâm mình. Hai là phá hoại sự phát tâm Đại thừa của người khác.

Khi thọ nhận tạng Bồ-tát, phải bình đẳng gồm thâu như vậy, phải dạy bảo sự tu tập về giới tướng sai biệt của hàng Thanh văn.

Nầy Ca-diếp! Nên biết, Sa-môn là do nghĩa gì mà gọi là Sa-môn? Với lại, thế nào là Sa-môn? Nầy Ca-diếp! Có bốn loại Sa-môn. Cho đến câu: "Như vậy này Phổ Minh đó là Bồ-tát thông đạt pháp mau le". Như vậy... là gồm thâu cả ba hạng Sa-môn trước. Nên biết, là nói tường sai biệt của loại Sa-môn không khéo học.

Bấy giờ, Ma ha Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Kinh Đại Bảo Tích nầy đối với người tu hành Đại thừa thật là có ích, nếu mà đọc tụng, thọ trì, sao chép kinh nầy, thì người đó chính là đã cúng dường chư Phật. Bồ-tát đã được truyền thụ như vậy rồi, nên biết, là họ sẽ gồm thâu những tướng hữu ích sai biệt để khéo léo có niềm tin. Trong Đại thừa như đã thuyết, là gồm thâu mười sáu loại pháp tướng sai biệt. Do vậy mà pháp môn nầy giảng gọi là Bảo Tích.

Đức Phật đang ở đại thành Vương-xá.

Hỏi: Vì sao trước phải nói rõ trú xứ của Phật?

Đáp: Nói chỗ ở của Phật, là muốn cho chúng sinh kính trọng nơi Phật cư ngụ. Chúng sinh biết quý trọng phước đức mà tỏ lòng tôn kính nơi nầy, thì căn thiện của họ sẽ lớn mạnh thêm. Vì vậy mà trước hết phải nói rõ trú xứ của Phật.

Hỏi: Tại sao pháp nầy chỉ nói ở thành Vương-xá mà không phải là thành ấp khác?

Đáp: Vì giải thích pháp môn nầy phải là chỗ ở của pháp vương, mà Vương-xá là chỗ ở của vua, nên phải nói rõ là Vương-xá. Đại pháp môn nầy cũng vậy, trú xứ của pháp vương, do nghĩa nầy mà giải thích, nên nói là trụ ở thành Vương-xá.

Hỏi: Vì sao chỉ nói núi Kỳ-xà-quật mà không phải địa phương khác?

Đáp: Đức Phật nói pháp Đại thừa nầy với nghĩa lý có cao hơn so với thừa Thanh văn, Duyên giác. Cao hơn vì hạnh lợi mình, lợi người. Đồng thời còn có tám ngàn Đại Tỳ-kheo, một vạn sáu ngàn Bồ-tát cùng tập hợp.

Hỏi: Đã vì Bồ-tát mà nói rõ pháp môn nầy. Nên đại chúng nầy được gọi chung là Bồ-tát. Sau còn nói chúng Thanh văn là có nghĩa gì?

Đáp: Nói là chúng Thanh văn, vì có Thanh văn ở trong pháp Đại thừa còn có tâm nghi ngờ, nói vậy là để cho họ dẹp bỏ nghi đó. Hoặc có Thanh văn còn bất định, muốn giúp đỡ họ có chánh tín. Hoặc có người tự cho mình đã được thanh tịnh, muốn họ xả bỏ tâm thanh tịnh đó. Hoặc có Thanh văn cho mình đã biết các kiết sử, nên trong pháp Phật chẳng còn gì để tu. Nghĩa là đã dập tắt những chướng ngại của phiền não, tâm nảy sinh mình đã được lợi ích, vì muốn làm xa lìa tâm ngạo mạn ấy, nên trong pháp môn nầy, vì các Bồ-tát mà nói về pháp dập tắt các phiền não chướng. Vì phiền não chướng và diệt trí chướng mới nói pháp môn nầy, chứ không có mục đích nào khác. Nó vượt lên trên cả quả báo cao tột nhất của Thanh văn, Duyên giác.

Hỏi: Chúng Thanh văn và Bồ-tát nầy từ đâu đến?

Đáp: Trong đời vị lai có kẻ nghi hoặc, vì muốn dẹp bỏ nghi hoặc đó, trong kinh có nói: Từ cõi nước của chư Phật ở phương khác họ tập hợp về đây.

Hỏi: Vì sao nói họ đều đạt được bất thoái chuyển?

Đáp: Đạt được không thoái chuyển là đã đầy đủ bốn nhẫn. Người chứng đắc một đời, nghe thuyết về pháp sâu xa nầy đều có thể dùng làm pháp khí.

Hỏi: Các Bồ-tát nầy từ cõi nước chư Phật phương khác đến, vậy thì cõi nước nầy có lợi ích gì? Trong thế giới đó, mỗi Như Lai đều đã giảng nói pháp.

Đáp: Vì lợi ích chúng sinh. Trong thế giới nầy cũng có chúng sinh, mà các Bồ-tát kia vốn đã nhận giáo hóa. Đã thấy vốn là đồng tu các hạnh, đó là lạc kiến vậy. Pháp giáo hóa của các Bồ-tát xưa kia là ở sự nhận lãnh hạnh nầy. Các phương khác cũng có vô lượng chư Phật, nhưng vì muốn cho chúng sinh sinh tâm khát ngưỡng, cung kính, tôn trọng, hỏi han, thân cận, nên nói là vô lượng Phật. Cũng vì muốn cho chúng sinh phát khởi tâm dũng mãnh, tinh tấn, không mỏi mệt.

Hơn nữa, Đức Thích-ca Như Lai xưa kia đã từng giáo hóa, các Bồ-tát

nhớ lại việc hóa độ ngày xưa và việc tu tập các hạnh nguyện, nên đã từ phương khác đến để được gần gũi với Như Lai.

Hỏi: Vì sao Đức Phật nói nhiều về Bồ-tát, mà ít thấy nói đến Thanh văn?

Đáp: Sở dĩ Đức Phật nói nhiều cho chúng Bồ-tát là vì Ngài muốn biện minh các hạnh Bồ-tát trong pháp môn nầy. Ngài đã thấy cùng tận nguyên nhân nên nói cho các Bồ-tát.

Hỏi: Tại sao trước hết Phật lại nói cho chúng Thanh văn?

Đáp: Vì Ngài muốn cho chúng Thanh văn gia tăng khả năng vâng giữ pháp mà Ngài đã giảng nói.

Hỏi: Tại sao gọi các Bồ-tát từ phương khác đến, tập hợp nơi đây đều đã được "Nhất sinh"?

Đáp: Nói vậy để cho sự lười biếng, ngã mạn không khởi lên. Họ đến là để cầu chánh pháp, đối trị với hoạn nạn. Nói vậy để họ tự thấy mình ưa thích chánh pháp, nên mới từ phương xa đến tham dự, chứ không phải tùy thuận theo tâm của người khác.

Đức Thích-ca thành đạo từ xa xưa, ở trong thế giới của chư Phật. Các Bồ-tát nầy đã chứng quả vị Phật, còn vì pháp mà đến, huống chi là những người khác sao lại không đến?

Hỏi: Vì lẽ gì Như Lai chỉ nói pháp nầy với Bồ-tát Ca-diếp mà không nói với Bồ-tát khác?

Đáp: Khi Như Lai dạy bảo Bồ-tát Ca-diếp, là Như Lai đã biết trước Bồ-tát Ca-diếp có đủ khả năng nhận lãnh, nên mới chọn, chỉ có điều Bồ-tát Ca-diếp chưa biết điều ấy, lại chưa chánh tín. Đức Thích-ca khi thành đạo đã tri giác sâu xa, chánh tín với nghĩa lý Đại thừa, trong đó tà hạnh cũng đã được gồm thâu.

Về tám loại bốn câu, các tướng từ trên sẽ lần lượt giải thích:

1. Bốn câu đầu: Nói về việc tướng tà hạnh làm thoái lui trí tuệ.

2. Bốn câu thứ hai: Nói về trí tuệ mà đã mất rồi, thì chánh niệm cũng lãng quên.

3. Bốn câu thứ ba: Chánh niệm mất rồi thì bạch pháp cũng diệt mất.

4. Bốn câu thứ tư: Bạch pháp mà diệt rồi thì chẳng còn là hạnh Bồ-tát, mà tợ như tướng của tâm ác.

5. Bốn câu thứ năm: Đã hành theo tướng tâm ác thì khó điều phục.

6. Bốn câu thứ sáu: Đã khéo điều phục thì hành động đều là tà

đạo.

7. Bốn câu thứ bảy: Đã hành tà đạo rồi, thì không nên thân cận mà lại hay thân cận.

8. Bốn câu thứ tám: Không đáng thân cận mà đã thân cận rồi, thì sẽ không hỗ trợ được gì cho hạnh Bồ-tát, mà trở thành tà hạnh.

Để đối trị với tà hạnh nầy, chánh hạnh cũng gồm thâu tám loại bốn câu, các tướng ở trên sẽ lần lượt giải thích:

1. Bốn câu đầu: Nói về trí hỗ trợ đạo đầy đủ sẽ khiến không lãng quên chánh niệm.

2. Bốn câu thứ hai: Đã khiến chánh niệm không lãng quên, nên trí trợ đạo càng tăng trưởng.

3. Bốn câu thứ ba: Chánh niệm không quên mất thì bạch pháp tăng trưởng.

4. Bốn câu thứ tư: Bạch pháp tăng trưởng rồi, thì hành tương tợ hạnh tâm tưởng Bồ-tát.

5. Bốn câu thứ năm: Tâm hành không ác thì sẽ khéo điều phục.

6. Bốn câu thứ sáu: Đã khéo điều phục rồi thì sẽ hành chánh đạo.

7. Bốn câu thứ bảy: Đã hành theo chánh đạo rồi, thì người nên thân cận, tìm cách thân cận.

8. Bốn câu thứ tám: Người nên thân cận đã thân cận được rồi, thì tùy theo các hạnh mà Bồ-tát đã hành, làm theo để thành chánh hạnh.

Trước đã nói về lợi ích của chánh hạnh. Lại có sáu loại bốn câu.

Các tướng trên đó sẽ lần lượt giải thích:

1. Bốn câu đầu: Bồ-tát đã hành nhiều chánh hạnh rồi, thì nên tu tập để thành tựu phước đức trí tuệ.

2. Bốn câu thứ hai: Dựa vào công đức, trí tuệ đã tu tập được, xua tan chướng ngại để được trong sạch.

3. Bốn câu thứ ba: Dựa vào chướng ngại đã sạch, làm cho hết thảy pháp môn hỗ trợ việc tu tập cho thông đạt một pháp môn.

4. Bốn câu thứ tư: Dựa vào sự tu tập hết thảy bạch pháp môn, hết thảy tướng, hết thảy loại, vì lợi ích của hết thảy chúng sinh, lại tiếp tục tu hành vô lượng công đức.

5. Bốn câu thứ năm: Đã tu hành vô lượng công đức, sẽ khiến vượt qua trụ địa vô minh.

6. Bốn câu thứ sáu: Dựa vào việc đã vượt qua trụ vào địa vô minh, sẽ làm cho họ đạt được địa vô chướng ngại.

Trên đây đã lần lượt nói hai mươi hai loại bốn câu. Từ đây về sau sẽ theo trình tự trở lại giải thích bốn câu trước đó, nên biết.

Kinh nói: Nầy Ca-diếp! Có bốn pháp làm thoái lui trí tuệ của Bồ-tát.

Hỏi: Vì nghĩa gì mà thốt ra lời nầy?

Đáp: Người tu hành Đại thừa thì đạt được phương tiện Bồ-đề vô thượng. Kẻ ngu si thì sẽ giúp họ sự chỉ bày. Kẻ phóng dật thì khiến họ siêng năng, tinh tấn. Kẻ yếu hèn có tâm niệm nhỏ hẹp, thì khuyên bảo hỗ trợ họ, an ủi khuyến dụ, khiến họ phát khởi ý rộng lớn. Người hành chánh hạnh thì vì họ mà khen ngợi.

Hỏi: Rõ ràng bốn pháp, về số là không có nghĩa, mà sao lại nói tự thể sáng suốt?

Đáp: Về toán số là bốn. Nói theo nghĩa gồm thâu, chớ nó rộng không cùng tận, phòng hờ người nghe không ham nghe nhiều, phải gồm thâu bằng số mới khiến họ nhớ dễ dàng, như sợi dây xỏ các hoa không làm cho nó rời rạc.

Hỏi: Vì sao chỉ nhất định có bốn mà không nhiều cũng không ít? Đáp: Để ngăn ngừa những câu hỏi không cùng tận và vô nghĩa.

Lại có thí dụ cho là để giúp cho kẻ bị lùi mất ba thứ trí có thể gồm thâu trí lại. Vì thế nên nói bốn pháp.

Lại có ý khác cho là nói giản lược thì có ba thứ trí tuệ: Văn, Tư, Tu. Trong đấy, ba pháp trước, đa số đều chỉ rõ việc mất hết trí tuệ, về Văn (Văn tuệ). Pháp thứ tư đa số đều chỉ rõ mất hết trí tuệ về tư duy, tu tập (Tư tuệ, Tu tuệ) v.v... Vì thế, nên nói có bốn pháp.

Thứ đến là chỉ ra tướng gần trong các pháp, lần lượt giải thích về nghĩa khác nhau.

Khi Phật bảo Ca-diếp là nhằm khuyên bảo thính chúng, kể cả đồ đệ của thính chúng, phải nhất tâm lắng nghe, không nghĩ đến chuyện gì khác.

Vì pháp là xả bỏ đối với người, cho nên nói là "nghe pháp". Nếu không nói là pháp thì sẽ có người sinh nghi: Phật vì nói pháp hay là nói về người?

Hỏi: Trước đây có nói đến Bồ-tát. Vì nghĩa gì nên gọi là Bồ-tát? Đáp: Là người tu hành Đại thừa. Tên gọi Bồ-tát được gồm thâu

nhiều nghĩa. Nay nói giản lược có ba nghĩa, nên biết: Đức tin, Tu hành, Chứng ngộ.

Thế nào là đức tin? Vì giác ngộ nên được trí tuệ rất sâu xa, để có khả

năng khuyên bảo người khác cùng giác ngộ như mình.

Thế nào là tu hành? Vì nguyên nhân là đem lại lợi ích cho mình và lợi ích cho người, thường thực hành Bồ-đề vô thượng.

Thế nào là chứng ngộ? Là dùng năng lực trí tuệ khiến đạt được đạo Bồ-đề vô thượng.

Lại mất trí tuệ là chứng tỏ trong hai thời có hai điều mất mát:

1. Mất cái đã được.
2. Mất cái sẽ được.

Vì sao lùi lại, sao là mất? Mất ở trong pháp vô lậu là mất cái sẽ được. Còn mất cái đã được là ở thế gian. Hai thời đều cùng mất, vì không biết phân biệt hơn kém nên nói là lùi mất trí tuệ.

Hỏi: Pháp vô lậu cũng mất chăng?

Đáp: Nếu giải thích thì không phải thế. Nói lùi mất trí tuệ là vì muốn nói rõ không buông lung. Vì muốn cho biết các pháp tạo tác (tác pháp) trong những việc đã làm, nên nói lùi mất trí tuệ. Vì sao? Vì trí hữu lậu là nhân trợ đạo cho trí vô lậu. Trí hữu lậu nầy đã được mà mất thì trí vô lậu chưa được cũng mất. Cho nên cả hai đều mất là vậy. Trí vô lậu mất là do không được. Đã chứng ngộ thì trí vô lậu không có sự lui mất. Hỏi: Vì sao không tôn trọng pháp khiến Bồ Tát bị lui mất trí tuệ?

Đáp: Vì giận ghét pháp, nên không kính pháp. Vì không kính pháp nên không chịu lắng nghe. Vì không lắng nghe nên không hiểu biết. Vì không hiểu biết sáng suốt, tức là tỏ dấu lùi mất trí tuệ.

Keo kiệt với các pháp: Đối với các pháp đã thọ nhận lại giấu kín không nói hết, nên người ta không lắng nghe. Vì không lắng nghe nên các điều kiện sẽ không đầy đủ trong đời vị lai, nhân duyên không đủ nên lùi mất trí tuệ. Với người ưa chuộng chánh pháp mà gây khó khăn cho họ, nói nhiều những chuyện gây hư hỏng tâm trí họ, tức là nói có lời lẽ nói khác đi. Ai phạm tội che giấu không thể sám hối lỗi mình v.v... Cho nên,mắc phải quả báo làm chướng ngại nghe pháp. Vì mắc phải quả báo làm chướng ngại pháp đã nghe, nên nhận lấy nhân ngu si. Thế nên đời vị lai nhất định ngu si. Do ngu si, nên trí tuệ bị đẩy lùi. Tâm kiêu căng, tự cao, tự khen mình, chê người, rồi gây thù hận với người. Vì đã có oán hận với người, nên nói ngược ngạo với họ. Vì đã ăn nói ngược ngạo, nên sẽ mắc phải ngược ngạo trong đời vị lai. Vì mắc phải ngược ngạo, nên đã lùi mất trí tuệ.

Hỏi: Lùi mất trí tuệ từ lúc nào?

Đáp: Trong hai thời tức là hiện tại và vị lai.

Hỏi: Như các pháp bố thí v.v... cũng là lùi mất, vì có kẻ keo kiệt v.v... với các pháp. Tại sao chỉ nói nguyên nhân lùi mất trí tuệ mà không nói nguyên nhân lùi mất bố thí v.v...?

Đáp: Vì trí tuệ dễ mất, nên nói trước. Vì Bồ-đề là thể tánh của trí. Còn các Ba-la-mật khác thì phát sinh từ trí kia và dựa vào trí. Bồ-tát ở trong trí mà đã có tà hạnh thì không được gọi là chánh hạnh đối với Bồ-đề và pháp hỗ trợ Bồ-đề. Do vậy chỉ nói đến nguyên nhân lùi mất trí tuệ mà không nói nguyên nhân lùi mất bố thí v.v...

Như thế, không kính trọng pháp v.v... bốn câu nói về là nguyên nhân lùi mất trí tuệ, nói rõ bốn pháp không thích nghe v.v...

Trong đấy, không cung kính, tôn trọng là nói rõ vì không ưa nghe, nên keo kiệt pháp. Vì không nghe, nên chướng ngại pháp của người khác, sẽ mắc phải quả báo chướng ngại không nghe. Vì ngã mạn, vì tâm niệm ganh ghét, nên nói ngược ngạo. Như thế, trí không thể hỗ trợ cho nghe v.v... nên lùi mất trí tuệ.

Bốn pháp nầy, còn muốn nói đến tướng trí khác, có nghĩa là sống với bốn pháp ăn năn trong hiện tại và vị lai. Bốn pháp đó là:

1. Không có khả năng sinh hiểu biết.
2. Các duyên không đủ.
3. Giúp thêm phước báo cho ngu si.
4. Và bị ngược ngạo.

Vì dựa vào không lắng nghe pháp, nên trong pháp hiện tại không phát sinh hiểu biết đúng đắn. Do không lắng nghe pháp, nên trong đời vị lai, các duyên sẽ không đầy đủ. Do nghe chướng ngại, nên sẽ nhận lấy báo ngu si trong đời vị lai. Do tâm ganh ghét mà ăn nói ngược ngạo, nên trong đời vị lai sẽ nhận lấy quả báo điên đảo.

Hỏi: Không tôn trọng, cung kính pháp và không kính trọng Pháp sư, hai câu nầy được lặp lại là có ý nghĩa gì?

Đáp: Cách nói trùng hợp trong hai câu nầy là chỉ rõ đầy đủ ý nghĩa không ưa nghe. Nếu người nào giận dữ, chê bai, thì họ không kính trọng pháp, nên không nghe pháp đó. Kính trọng Pháp sư thì ưa lắng nghe pháp. Còn kẻ giận hờn thì không kính trọng Pháp sư, nên không lắng nghe pháp. Cũng có số người giận hờn, nhưng còn biết kính trọng pháp, số người đó còn có thể lắng nghe pháp. Nếu có đủ sự giận dữ, chê bai, không kính trọng, thì những chúng sinh đó không còn cách gì để lắng nghe pháp. Thế nên, hai câu nầy được nói lặp lại nhằm chỉ rõ đầy đủ ý nghĩa không ưa nghe pháp.

Hỏi: Keo kiệt với các pháp đã hiểu, giữ các pháp bí mật không nói hết, thì hai câu nầy có ý nghĩa gì?

Đáp: Keo kiệt với các pháp là thấy mình hiểu biết hơn những gì mà người khác biết, nên giữ bí mật không chịu nói hết chánh pháp. Giữ bí mật là để đề phòng về sau sẽ có kẻ không kính trọng và sợ họ sẽ giỏi hơn mình. Hoặc còn có nghĩa nữa là dù có thỉnh cầu hay không thỉnh cầu, một mực vẫn không nói pháp. Do bỏn xẻn tiếc pháp, hoặc do có mục đích, hoặc lại không nói được, hoặc vì tánh keo kiệt mà hủy bỏ chánh pháp. Từ bỏ chánh pháp, chính là làm hư hỏng tâm mình. Còn hiểu pháp mà cố giữ bí mật không nói hết vì keo kiệt, thì đó là hạnh xấu.

Có người ưa pháp mà lại gây khó khăn cho họ nghe những chuyện rắc rối là có ý phá hư tâm họ. Hoặc bảo là có lời nói khác: Người nào đã phạm tội che giấu thì không thể sám hối lỗi mình. Những câu nói như thế còn có nghĩa nào khác? Người ưa pháp mà lại bị gây khó khăn bằng cách nói là có lời lẽ nói khác.

Hỏi: Ưa pháp mà bị gây khó khăn là sao?

Đáp: Là nói những chuyện làm bại hoại tâm niệm người ta, hay quở trách, nói là có người nói: Người nào phạm tội che giấu thì không thể ăn năn sám hối tội lỗi của mình. Thế nào là làm hư hoại pháp trong lòng người do nói cho họ nghe chuyện xấu ác? Hết thảy pháp là từ người ham nghe. Chánh pháp kia với con người ưa nghe đó, thế mà đã không nói thật, nói vô nghĩa, mà lại còn bảo: Ta có khả năng nói đủ thứ thì nói cách đó sẽ là khiến người ta không còn ham nghe.

Hỏi: Nói các lý do quở trách v.v... là thế nào?

Đáp: Là đã nói không đúng đắn, lời nói lại không hạn chế. Hoặc đối với kẻ còn ưa nghe pháp, lại hỏi họ những câu gút mắc, khó khăn. Khi nghe những câu hỏi rắc rối đó thì họ không nghe pháp nữa, cũng không còn thích nghe.

Hỏi: Thế nào là không thể nói lời giáo huấn người khác?

Đáp: Là được thỉnh mà không nhận. Có người ưa chánh pháp đến xin hỏi việc nói pháp, nhưng vì mình vốn đã keo kiệt pháp, nên không nói cho họ. Vả lại, cũng không chỉ cho người ta thỉnh cầu Pháp sư khác v.v... Và nếu người đó có ý muốn thỉnh hỏi Pháp sư khác, thì mình lại tỏ vẻ không bằng lòng cho phép.

Hỏi: Che giấu là gì?

Đáp: Nói với người nghe pháp, quở trách chúng đang nghe pháp

và với pháp thì lại nói: Các ông là những người không có trí, mà pháp

nầy rất sâu xa, các ông không thể nào nhận biết một cách thông suốt được... Vì đã nói với chúng nghe pháp, đã che giấu chánh pháp, lý do cản trở pháp như thế, sẽ dẫn đến quả báo nạn xứ (bát Nạn). Tâm kiêu ngạo, tự cao, khen mình, chê người thấp kém. Những câu như thế có ý nghĩa gì? Sự kiêu căng, ngạo mạn được nói trong câu đầu, thì kiêu căng, ngạo mạn là thế nào? Là tự khen mình tốt đẹp, rồi chê bai mọi người.

Thế nào là khen mình tốt đẹp? Nghĩa là những điều mình nói đều không tốt, việc tu hành không chân chánh, nhưng khi thấy những gì mà người khác nói là tốt, tu hành chân chánh, thế trong đó để lộ tâm ngạo mạn, ganh ghét.

Thế nào là chê bai người khác? Đối với người khéo nói pháp, khéo tu hành, thì nảy sinh ý nghĩ không tốt, nói họ tu hành không tốt, luôn có tư tưởng kiêu căng, ngạo mạn, tâm ganh ghét. Do vậy họ không có khả năng chứng được trí tuệ chánh giác. Trí chứng nầy gồm thâu hết mọi pháp.

Nói tóm lại:

1. Chỉ bị lùi mất.
2. Lùi mất như thế nào?
3. Do thời gian nào lùi mất?
4. Hết thảy pháp đã có được đều lùi mất. Bốn lý do vừa nêu là đã chỉ rõ.

Lùi mất ở nơi nào? Đó là ở trong trí tuệ. Còn lùi mất như thế nào?

Do tư tưởng nào mà lùi mất? Thì đã giải thích ở trước.

Thời gian nào lùi mất trí tuệ? Là hiện tại và vị lai. Pháp đã có mà lùi mất là làm sáng tỏ bốn pháp không kính trọng v.v... Đã có bốn pháp không kính trọng nầy, thì có thể làm cho trí tuệ bị lùi mất, làm chướng ngại chánh pháp.

Nói về bốn pháp đối trị. "Lại nữa, nầy Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp thành tựu đại trí tuệ là cung kính, tôn trọng pháp, kính trọng các Pháp sư..." Tùy thuận thực hành sự cung kính nầy là nhân pháp, tạo được nhân đại trí tuệ. Bốn thứ trí tuệ sẽ phát sinh là:

1. Khởi đầu.
2. Thành thục.
3. Trợ đạo đầy đủ.
4. Có khả năng thành tựu Bồ-đề.

Nhưng sự cung kính đó phải có ưa chuộng nghe pháp. Đã được nghe pháp rồi thì trí tuệ sẽ phát sinh. "Theo các pháp đã nghe mà đọc

tụng, ghi nhớ, đem tâm niệm trong sạch giảng nói cho mọi người

mà không mong cầu một mảy may danh vọng, lợi dưỡng, cung kính nào v.v...” Là làm cho được giáo hóa cho mọi người để thành thục được tâm trí của mình”. Khéo biết trí tuệ từ đa văn sinh ra gắng sức tu hành tinh tấn, không lười biếng, như chữa lửa cháy trên đầu. Nghe pháp đọc tụng, ghi nhớ, ưa thực hành đúng theo lời Phật đã nói, nhưng không lệ thuộc vào lời nói”. Là thường mong muốn nghe nhiều (đa văn). Vì khi được nghe pháp nhiều, thì nhớ chắc không quên, đầy đủ trí trợ đạo. Khi thực hành không tùy thuộc vào lời nói và âm thanh, mà chỉ chú trọng ở chỗ chân thật mà hành, mới có thể đạt được trí tuệ Bồ-đề.

Sự kính trọng pháp và kính trọng Pháp sư ở đây là để đối trị với kẻ không kính trọng pháp, nên biết.

Theo các pháp được nghe mà đọc tụng, thọ trì, nhớ chắc, thì nghe là do nhĩ thức; đọc tụng, vâng giữ, ghi nhớ là do ý thức. Hoặc nghe là văn tuệ, đọc tụng, vâng giữ là tư tuệ.

Kinh nói: “Đem tâm trong sạch giảng nói rộng rãi cho mọi người” là để mình từ bỏ tâm keo kiệt, ganh ghét. “Không mong cầu tất cả danh vọng, lợi dưỡng, cung kính v.v...” Là nguyên nhân khởi bỏn xẻn pháp.

Lợi dưỡng là y phục v.v..., cung kính là lễ bái v.v..., tiếng đồn là những lời khen ngợi, tán dương các công đức. Dùng đa văn làm trí cần trợ cho văn tuệ phát sinh.

Đã như cứu lửa đang cháy trên đầu, đó là việc phải tu hành để cầu văn tuệ. Vì cầu văn tuệ sẽ khuyến khích sự chuyển biến sáng suốt để tu tuệ. Như có người bị cháy đầu, cháy áo, thì họ phải bỏ mọi chuyện để lo cứu đầu, áo. Bồ-tát cũng như vậy. Biết văn tuệ là nhân của trí, trí nầy cũng có khả năng là nhân để được Nhất thiết trí. Chuyên cần siêng năng mong cầu nghe nhiều là vì lợi ích mình và người. Tùy pháp đã được nghe mà đọc tụng, vâng giữ và hành đúng theo lời Phật đã nói. Hoặc do nghe pháp mà hiểu được nghĩa, đó là thuận hành nên có khả năng phát sinh trí như thuận. Không phải chỉ có âm thanh và lời nói, không phải chỉ mong cầu được nghe, không phải chỉ nghe miệng nói, vì có khi lời nói vô nghĩa, hoặc lời họ đã nói không có lợi ích xuất thế gian. Tùy theo trình tự giải thích, không cung kính tôn trọng pháp và thuận theo pháp mà hành pháp, thì trở thành keo kiệt với các pháp. Do keo kiệt với pháp rồi, nên đối với người ưa mong cầu chánh pháp sẽ gây rắc rối, giữ bí mật, không nói cho người ta. Ba yếu tố đó đã làm nhân cho sự mất trí tuệ. Đã không có trí thì kiêu ngạo khởi lên. Sẽ được đối trị bằng pháp trắng: Tôn kính pháp là tu hành đúng với chánh pháp và

pháp kế là từ bỏ tâm keo kiệt, sẻn tiếc pháp. Phải theo pháp được nghe mà giảng nói rộng cho mọi người. Vì ham chánh pháp nên mong cầu được nghe nhiều, học rộng, được nghe nhiều học rộng tức là có thể thực hành hạnh lợi mình, lợi người. Theo lời dạy mà tu hành để không vướng mắc ở ngôn ngữ.

Tâm Bồ-đề chỉ là trí căn bản. Nhất thiết trí chỉ lấy tâm Bồ-đề làm gốc. Do vậy không quên mất tâm Bồ-đề. Dù quên mất tâm Bồ-đề nhưng không quên nguyên nhân của các pháp.

Đức Phật bảo Ca-diếp: Bồ-tát có bốn pháp quên mất tâm Bồ-đề.

Bốn pháp đó là: Khi dễ, lừa dối A-xà-lê v.v...

Hỏi: Vì sao chỉ nói có bốn pháp có khả năng quên mất tâm Bồ-đề mà không nhiều, không ít ?

Đáp: Vì sự quên mất nầy có bốn thứ. Nói gọn là:

1. Tà tín nên quên mất tâm Bồ-đề.
2. Tin điên đảo nên quên mất tâm Bồ-đề, nhận thấy có lỗi đối với tâm Bồ-đề.
3. Các pháp lãnh thọ đều là giả danh của tâm, nên quên mất tâm Bồ-đề.
4. Đạt được pháp thể tâm nên quên mất tâm Bồ-đề.

Trong bốn thứ quên mất nầy, có bốn thứ nguyên nhân đối trị theo thứ lớp như thế, nên biết. Khinh khi, lừa dối A-xà-lê, Sư trưởng v.v... là nói dối trước mặt Sư trưởng, đã phạm tội mà không phát lộ sám hối, lại lừa gạt, nói dối, nên trở thành khinh khi lừa dối Sư trưởng.

A-xà-lê là người có thể can gián và khuyên răn, trao truyền. Chiếu theo giới điều mà người kia đã vi phạm để khuyên răn họ nên phát lộ sám hối, bảo với họ việc nầy không nên làm. Trước đây phạm tội họ muốn sám hối để tiêu tội, thì A-xà-lê nói các phương tiện: Ông nên nghĩ như thế nầy: Sư trưởng là người có thể giúp lợi ích, dùng lời hiểu dụ của Thánh, dù không phải là Sư trưởng, nhưng vì người đó đã có các công đức, thương xót và ưa khuyến khích dứt bỏ ác, tu thiện. Vì đã phạm tội, nên khiến người kia nói dối và quên mất. Do nghĩa đó, nên càng làm cho nghiệp báo của họ phát triển thêm lên, trở thành kẻ tà tín và quên mất tâm Bồ-đề, nên biết. Nếu người đó không có khả năng làm cho quên mất tâm Bồ-đề, nhưng vì người đó đã tập thói nói dối và làm chướng ngại cho việc thành tựu giới nên đã quên mất tâm Bồ-đề. Đó gọi là nguyên nhân ban đầu. Khiến cho kẻ không hoài nghi hối tiếc lại sinh tâm ngờ vực, hối tiếc. Khiến người đồng tu phạm hạnh không nghi ngờ mà sinh điên đảo, nghi ngờ. Khiến

người tu hành giới hạnh chân chánh trong phạm hạnh khởi tâm nghi hoặc giới cấm.

Như vậy, người đồng phạm hạnh kia không chí tâm cung kính mà với tâm niệm quanh co dua nịnh, sinh nghi hoặc đối với giới luật, từ đó phát sinh nghiệp chướng sâu nặng. Vì lẽ đó tâm Bồ-đề của họ bị đảo ngược, không chánh tín, không thấy lỗi. Cho nên thì mất tâm Bồ-đề. Nếu người đó không thể làm cho người khác nghi hoặc thì tìm cách chê bai việc nói pháp, làm cho người ta mất tâm Bồ-đề. Đấy gọi là nguyên nhân thứ hai.

"Quở mắng, chê bai, bêu xấu người tu đại thừa". Nghĩa là đối với người ưa tu học chánh pháp tùy theo pháp nào có lợi ích đều khiến cho họ đi ngược lại sự ích lợi của chánh pháp. Còn nếu ai tin ưa tu tập Đại thừa, thì phá hoại họ bằng cách quở mắng, chê trách, bêu xấu, nói lên lời không tốt đẹp, thốt ra lời nói phá hoại, không lợi ích.

Lời nói không lợi ích ở đây là lời nói không tốt lành. Bêu xấu là vạch lỗi lầm của người ta, bảo người ta là phá giới, người ta thốt ra lời nói cho là ác. Vạch khuyết điểm của mọi người bằng cách bảo đó là phi phạm hạnh, người nói phân biệt là không xứng công đức, tùy thuộc vào lời nói cụ thể mà cho là xấu. Do có những việc như thế, nên người kia đem những chuyện như thế nhắm vào Bồ-tát để nói lời không lợi ích, rạch ròi, bêu xấu.

Người muốn tu tập Đại thừa như vậy dễ thoái lui và bị mê hoặc. Người ấy nhắm thẳng Bồ-tát với tâm không cung kính, nên dù Bồ-tát được bao nhiêu công đức, thì họ cũng đều che giấu. Do vậy, sự ác độc và nghiệp chướng của họ càng sâu nặng hơn. Và cũng do vậy, nên những gì mà tâm đã tu tập giới trước đây đều bị diệt hết. Trường hợp không che giấu được công đức chân thật của Bồ-tát, thì giới của người đó bị chướng ngại, tâm bị lùi mất. Đấy gọi là nguyên nhân thứ ba.

Đem lòng quanh co dua nịnh sống với người không có lòng chân thật. Những ai muốn các Pháp sư vạch rõ các việc bí mật thì họ lại làm tâm kẻ đó mê hoặc.

Dua nịnh ở đây là dối trá, không có tâm chân thật mà sống với người khác. Quanh co là tâm nịnh hót, lừa dối, không có tâm chân thật cùng tùy thuận với người. Họ nhờ các Pháp sư chỉ bày từng chương thực hành các việc bí mật. Họ theo các Pháp sư để được lắng nghe pháp sâu xa vi diệu. Nghe được rồi mà hễ có ai tu hành Đại thừa, thì họ chê bai người ta. Từ ý nghĩa đó mà nghiệp ác thêm sâu khôn lường. Đáng lẽ được tâm thuận pháp, nhưng do nghiệp chướng đó mà trở thành xa pháp, tâm lùi mất. Nếu không có khả năng chê bai sự xa lìa thì người đó cũng bị u tối

trong giới cấm, tâm cũng bị lùi mất.

Nói tóm lại, lùi mất cái gì? Tâm lùi mất lúc nào? Sẽ hành động ra sao trong pháp hiện tại, đã qua, sẽ đến? Có những tướng gì biểu lộ không cung kính, bất chánh với các thầy và bậc tôn trưởng? Đủ bốn pháp đó. Đây tiếp nói rõ bốn pháp thiện đối trị bốn pháp vừa nói.

Kinh nói: "Cho dù phải bỏ mạng, Bồ-tát vẫn không cố ý nói dối". Đó là bảo vệ nắm chắc lời nói thật. Vì bảo vệ lời nói thật cho nên không tiếc thân mạng. "Huống gì nói đùa giỡn". Ấy là đối với tội dù rất nhẹ và nhỏ, Bồ-tát vẫn cảm thấy rất sợ hãi. "Bồ-tát thường sống chân thật đối với người tòng sự", ấy là do từ bỏ tâm dua nịnh, vô ngã. Lòng chân thật là tâm thật, vì luôn tùy thuận, thân cận, lìa khỏi tai họa của Vô ngã. Bồ-tát thân cận như thật, không thể hiện hành độngdanh tiếng giả tạo, xa lìa dua nịnh, quanh co, xa lìa cái tâm không điều phục niệm ác. "Đối với tất cả Bồ-tát luôn nảy sinh tư tưởng họ là Thế Tôn, nên vì các Bồ-tát mà trong bốn phương luôn ca ngợi công đức" là tùy theo những lợi ích có được từ các pháp do Bồ-tát mà khen ngợi. "Chính Bồ-tát không yêu thích các pháp của Tiểu thừa. tùy theo từng chúng sinh mà có sự giáo hóa, khiến chúng sinh đều được đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng". Nghĩa là Bồ tát không ưa Tiểu thừa hạn hẹp, nó làm cho mình hèn yếu đi. Bồ-tát đã tu hành từ những nghĩa thù thắng, phải nắm lấy ý muốn gồm thâu chúng sinh để giáo hóa. (Các câu nầy sẽ được lần lượt giải thích lại sau)

Khinh khi lừa dối A-xà-lê v.v... là không cúng dường, cung kính A-xà-lê, Sư trưởng v.v... Trong giới pháp không nảy sinh ý thức nhanh chóng ân cần, tôn trọng, bản thân không biết hổ thẹn, ăn năn tội lỗi, thấy người khác có tánh hổ thẹn, ăn năn tội lỗi, thì lại làm cho họ sầu não, càng khiến tâm họ không được yên vui, càng làm cho họ buồn rầu thêm.

Mình đã không biết hổ thẹn mà đi khuyên bảo kẻ khác ăn năn tội lỗi công khai. Đối với người tu học Đại thừa, thì nói các việc xấu ác là nhằm chê bai người mới phát tâm Bồ-đề. Vì không có tâm niệm đem lợi ích cho người khác, nên sống với người bằng tâm niệm quanh co, dua nịnh chứ không phải với tấm lòng thật thà chân thật.

Lại có các câu "không mất" sẽ lần lượt giải thích kỹ. Dùng lời nói thật là tích tập nhân tố không quên tâm Bồ-đề, không mất tâm Bồ-đề, là đã phát khởi tâm làm lợi ích cho chúng sinh. Trong tự thân Bồ-tát có vô lượng các pháp hy hữu, biết rồi thì kính trọng tâm Bồ-đề và nguyên nhân của Nhất thiết trí. Đối với tâm Bồ-đề, tất cả Bồ-tát đã nảy sinh tư tưởng họ là Thế Tôn rồi. Vì kính trọng tâm Bồ-đề, nên đã giáo hóa chúng sinh, và Bồ-tát

khuyến khích tất cả chúng sinh đồng hướng về quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Không ưa thích mong cầu thực hành pháp hẹp hòi, yếu kém của Tiểu thừa. Tâm Bồ-đề là đúng nghĩa của Bồ-tát.

Hỏi: Nếu là Bồ-tát mới phát tâm: Ta sẽ thành tựu quả vị Chánh giác, thì tâm Bồ-tát có tánh gì? Còn có tướng gì? Có những nhớ nghĩ gì? Có công đức gì? Có việc thù thắng nào? Do đâu được gồm thâu? Vì ai làm căn bản? Cái gì là nguyên nhân chí khí hiện tại? Nương tựa vào đâu?

Đáp: Câu hỏi đầu thì Bồ-tát lấy chánh nguyện làm tánh. Chả lẽ vì mong cầu tướng Bồ-đề mà tưởng niệm và nhớ nghĩ chúng sinh. Vì nhân của Nhất thiết trí là vô lượng công đức, nên lập nguyện trên cả thế gian, Thanh văn và Duyên giác. Vì thắng tín địa đã gồm thâu căn bản của Bồ-đề vô thượng.

Từ bi là nhân của chí khí trong hiện tại, là giới mà Bồ-tát dựa vào.

Nhưng phát tâm Bồ-đề này, nói tóm lại gồm có hai thứ:

1. Nhân xuất thế gian.
2. Nhân không xuất thế gian.

Trong nhân xuất thế gian nếu đã phát tâm Bồ-đề rồi, thì vĩnh viễn không quên. Đấy gọi là nhân xuất thế gian.

Nhân không xuất thế, nếu tâm không vĩnh viễn trong sự thỏa mãn thì quên mất tâm đó. Lùi lại cũng có hai thứ:

1. Vĩnh viễn lùi lại.
2. Không vĩnh viễn lùi lại.

Trong vĩnh viễn lùi lại cũng có một số người lùi lại (nản lòng) nhưng vẫn còn khả năng phát sinh. Không vĩnh viễn lùi lại, hoặc có người vừa lùi lại xong, phát sinh ngay. Tuy nhiên, tâm người đó phải do bốn thứ nhân, bốn thứ duyên và bốn thứ năng lực mới có thể phát sinh.

Bốn thứ duyên là:

1. Thấy, nghe những sự kiện biến hóa hy hữu của Như Lai, nên phát tâm Bồ-đề.

2. Nhân đối với Bồ-đề vô thượng do nghe pháp mà thương xót, đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên phát tâm Bồ-đề.

3. Bồ-tát vì muốn cho chánh pháp được tồn tại lâu trong thế gian, nên phát tâm Bồ-đề.

4. Vì nhận thấy trong đời nầy, chúng sinh phải chịu mọi đau khổ trầm trọng, nên phát tâm Bồ-đề.

Bốn thứ nguyên nhân là gì?

1. Có đủ tánh.

2. Có đủ thiện tri thức.

3. Lấy tâm từ bi làm đầu.

4. Không sợ hãi cảnh đêm dài của thế gian, với đủ loại nguyên nhân sâu xa có được từ nghe.

Bốn năng lực là gì?

1. Tự lực.

2. Lực người khác.

3. Lực của nguyên nhân.

4. Lực của sự tu hành.

Tự lực là do năng lực của mình, đủ sức phát tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đấy gọi là tự lực.

Tha lực là do người khác khuyến khích, bảo mình phát tâm, đấy gọi là năng lực của người khác.

Trước đây đã được học pháp thiện của Đại thừa, thì đấy gọi là sức mạnh của nhân.

Trong giáo pháp hiện tại, thân cận thiện tri thức, trong suốt đêm dài, nghe, tư duy v.v... chánh pháp, học tập, thực hành mọi điều thiện không ngơi nghỉ, đấy gọi là năng lực tu hành.

Trong phần nầy, hoặc nói rộng hay giản lược. Vì bốn duyên và bốn nhân nầy dựa vào nhau, trông cậy vào nhau. Sức mạnh bên trong và sức mạnh của nguyên nhân, hai thứ nầy sẽ phát sinh tâm kia. Vì như thế, nên gọi là có lợi ích, gọi là kiên cố không lay động mà phát sinh. Năng lực người khác và năng lực tu hành làm nảy sinh tâm Bồ-đề kia, nên gọi là không làm dao động, làm mất đi, nên biết như vậy.

Sự đổi thay lùi lại của tâm Bồ-đề, cũng có bốn thứ: Vì không có tánh nên thuộc về ác tri thức. Không khởi tâm từ bi đối với mọi chúng sinh, và vì e sợ thế gian cho nên dù không quên tâm Bồ-đề, Bồ-tát cũng cố nhớ giữ tâm Bồ-đề kia, tu hành công đức với trí sáng suốt, đem căn thiện hỗ trợ đạo, Bồ-tát dù có tu tập các hạnh như thế, thì pháp thiện cũng đã diệt, vì nhân không tăng trưởng, nên nói là các pháp.

Kinh nói: Đức Phật nói với Ca-diếp: "Bồ-tát thành tựu bốn pháp thiện đã sinh, rồi diệt, không tăng trưởng… Những gì là bốn pháp? Chỉ vì tâm kiêu căng ngã mạn, đọc tụng sách vở, chú thuật của thế gian, như thế v.v...".

Hỏi: Tại sao chỉ có bốn pháp, mà không nhiều không ít, nói đủ về nhân diệt, pháp thiện không tăng trưởng?

Đáp: Pháp thiện có bốn thứ làm cho diệt, không tăng trưởng.

Đó là:

1. Không sinh diệt, không tăng trưởng.
2. Không có khả năng tăng trưởng, vì có diệt mà không có tăng trưởng.
3. Nhổ bỏ căn bản thì diệt, không tăng trưởng.
4. Tạo nghiệp và xa lìa thì diệt không tăng trưởng.

Trong đó, nguyên nhân pháp trắng diệt là do tâm kiêu ngạo, đọc tụng kinh điển thế gian, tìm tòi các chú thuật, không thể thông đạt sáu Ba-la-mật của Bồ-tát và pháp tạng của Bồ-tát. Có khi bỏ được tâm kiêu ngạo mà Bồ-tát còn tâm hy vọng, danh vọng, lợi dưỡng, ganh ghét điều người ta hơn mình, vì luôn lừa dối, mưu cầu chú thuật ở thế gian, không thể mong cầu các pháp tốt lành, trong trắng. Đã không sinh vì các pháp trắng đều bị diệt, nên có thể bị diệt hết. Trước kia đã có nhưng do điều kiện nghe, học tập yếu kém, nên pháp trắng mất, không tăng trưởng. Vì sao? Vì tham lam bám víu lợi dưỡng, danh vọng, thân cận các Đàn-việt.

Lợi dưỡng là y phục v.v..., cúng dường là lễ bái v.v... vì bám víu vào lợi dưỡng, danh vọng, nên nói là đam mê lợi dưỡng, danh vọng vậy.

Vì đam mê lợi dưỡng, danh vọng, nên sống tà mạng, nói rõ hơn là đam mê của cải nuôi nấng mạng sống v.v... nên biết. Vì thận cận với gia đình Đàn-việt, nên đa số đều có tai họa trong sự thân cận. Nếu người kia đã có hai điều ngờ vực thì lại bảo vì như pháp mới được của cải, lợi dưỡng, rồi cho là nhân không diệt, đó là do ý thức dựa vào tính chất dua nịnh, quanh co v.v... không sống trong đạo Thánh. Đã đắm say danh vọng, lợi dưỡng như thế, đã thân cận các gia đình bạch y, đã có rất nhiều điều kiện thân cận, nên các pháp thiện đã nghe v.v... không tăng trưởng. Nghe mà không tăng trưởng, tức là các pháp thiện đã nghe v.v... thảy đều không tăng trưởng, vì làm cho nghĩa cùng diệt đi nguyên nhân căn bản và gia tăng sự chê bai Bồ-tát. Kiến thức ác đã gia tăng trở lại và chê bai pháp tạng Bồ-tát. Vì đã giận dữ nên càng tìm tòi, kẻ vạch các sự lầm lẫn của các Bồ-tát, vu khống các Bồ-tát bằng tội giả đặt, chê bai, cho Bồ-tát đó mắc phải tội rất lớn. Do gây nghiệp đó nên hết thảy pháp thiện đều bị bứng gốc và diệt sạch. Bị xa lìa, diệt sạch nguyên nhân nên chưa được nghe pháp, chưa từng hộ trì kinh kệ, mà lại chê bai pháp. Chưa nghe pháp, có nghĩa là chưa đạt đạo lý bằng nhĩ thức.

Chưa từng thọ trì là đã hiểu đạo, nhưng không đọc tụng, thọ trì, lại chê bai các giáo pháp đã đốn ngộ và các kinh pháp. Vì nghĩa đó, nên Đức Như Lai mới nói kinh nầy. Trong Đại Ưu Ba Đề Xá cũng có nói nghĩa nầy.

Nếu tà sư mà đi so đo lường tính ý Như Lai, thì người đó chỉ làm việc chế nhạo chánh pháp. Thế nên, phải xa lìa các pháp cùng tận, để các pháp trắng buộc phải bị diệt mất. Vì đối trị với điên đảo, nên làm rõ câu pháp trắng v.v... nầy, nên biết.

Thế nên, Đức Như Lai bảo Ca-diếp: Nầy Ca-diếp! Bồ-tát đã thành tựu bốn pháp, pháp thiện đã sinh, sẽ được chuyển biến tăng trưởng tốt đẹp, không để cho bị mất đi rồi lại chuyển biến cho được tốt đẹp hơn gấp bội. Bốn pháp đó là: Từ bỏ tà pháp, chỉ cầu chánh pháp, như thế v.v...

Chỉ cầu chánh pháp là thành tựu pháp tạng của sáu pháp Ba-la-mật của Bồ-tát, nghe chân chánh, là nghe phải chân chánh. Đã biết rõ chú thuật của thế gian là không đưa đến sự hiểu biết nhất định. Nói đưa đến hiểu biết, nhưng còn tùy thuận nơi tâm được khuyến khích. Tâm tốt lành, mềm mỏng, biểu lộ rõ ý nghĩa nào đó. Là cầu mong những ngôn ngữ chú thuật của thế gian hay là cội nguồn của mong cầu.

Bám víu ngã mạn, là tạo thành những việc chú thuật của thế gian, là mong cầu chú thuật của thế gian. Lời nói là thành tựu hay từ bỏ tâm niệm về lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Khuyên bảo nên bỏ tâm niệm trên mà mong cầu sáu pháp Ba-la-mật và nhận lấy pháp tạng của Bồ-tát. Lấy pháp, tài sản và lợi dưỡng làm đủ, từ bỏ tất cả mọi lối sống tà mạng và an trụ trong tánh tri túc của Thánh chúa, lấy lợi ích của pháp làm đủ. Như pháp là có được lợi dưỡng, tâm biết đủ.

Người từ bỏ hết thảy tà mạng, là lìa mình ra khỏi tâm quanh co, dua nịnh, an trụ trong tánh tri túc của Thánh chúa. Không có tâm mệt mỏi, vì được hay mất không phải do tâm.

Đã sống với chánh hạnh như vậy, Bồ-tát kia đã thành tựu hạnh lợi mình, lợi người, phòng vệ tâm niệm của người khác. Nếu có lỗi gì cũng không can gián, hay biện bạch là giả hay thật về tội lỗi của người, huống chi là vạch tìm các lỗi xấu của người. Bồ-tát nầy tu hành sáu pháp Ba-la-mật là kho pháp của Bồ-tát. Nếu tâm chưa thông đạt pháp chư Phật, thì chỉ có Phật làm chứng hiện thực mới biết được, nhưng cũng không có tâm chế nhạo. Vì sao? Vì Bồ-đề Phật là vô biên, mà tín căn không phải là một để diễn nói các pháp, cũng như trau dồi các pháp.

Nói tổng quát, giản lược, nhưng sáng tỏ: Vì sao lùi mất, không thể tăng trưởng? Lùi mất như thế nào? Lùi mất bao giờ? Lùi mất pháp nào? Đó là chỉ rõ các pháp thiện vì sao lùi mất, không thể tăng trưởng? Lùi mất như thế nào? Là do tâm kiêu ngạo, mong cầu ngôn ngữ chú thuật v.v... của thế gian. Nói lần lượt lùi mất bao giờ, là ngay trong pháp hiện tại và vị lai. Các

pháp nào? Là đầy đủ bốn pháp. Trong pháp bằng hữu trong trắng cũng thế. Hết thảy pháp thiện nảy sinh và sinh như thế nào? Sinh lúc nào? Dùng thuyết nào để đối trị? Hơn nữa, các pháp nầy lần lượt thuộc về thứ kiêu ngạo nào? Các lợi dưỡng, hy vọng, mong cầu, lời nói chú thuật v.v... của thế gian, mong cầu chỗ nào tùy thuận. Đã trông thấy lợi dưỡng trong gia đình Đàn-việt nào, thì có thể thân cận gia đình ấy. Thân sẽ bị ràng buộc do lợi dưỡng, tiếng tăm. Tâm sẽ nổi ganh ghét keo kiệt, vì hết thảy gia đình Đàn-việt đều đã có Bồ-tát khác thân cận. Từ đó nổi giận khởi lên sự bêu xấu, nhân giận dữ đó lại chê bai người, đó là chê bai chánh pháp. Trong pháp trong trắng, vì lần lượt chứng minh các tai họa nên cần xa lìa kiêu ngạo v.v... Sáu pháp Ba-la-mật thuộc về chánh văn tu học của Bồ-tát, có thể tùy thuận theo pháp mà tu hành. Hành thuận theo pháp rồi thì như pháp được bố thí, lấy làm trí lượng. Từ bỏ hết thảy tà mạng, an lạc trong tánh tri túc của Thánh chúa. Tham đắm vào lợi dưỡng, tiếng tăm là nguyên nhân của sự chê bai. Không nói tội lỗi người khác. Dù thiệt hay giả vẫn không tìm chỗ khuyết điểm của người. Từ bỏ tâm chê bai, nên Bồ-tát có khả năng làm lợi ích. Sống như pháp là không chê bai pháp, từ bỏ mọi nguyên nhân làm tiêu diệt pháp trắng và các pháp. Tu hành các nguyên nhân không làm diệt pháp trắng. Từ bỏ làm những việc na ná như Bồ-tát. Từ bỏ luyện tập tâm ác làm ác. Tu hành tương tợ tâm ngay thẳng của Bồ-tát. Học tập các hạnh rồi bảo người khác hãy sáng suốt nhận rõ về nỗi đau khổ của sinh, diệt, không gây việc rối cho ai.

Phật nói với Ca-diếp: Có bốn thứ tâm dua nịnh mà Bồ-tát thường phải rời bỏ. Đó là nên từ bỏ tâm nghi ngờ, hối tiếc, không quyết định rõ ràng đối với pháp Phật.

Hỏi: Vì sao chỉ nói có bốn pháp?

Đáp: Vì có bốn cách dua nịnh v.v... nên mới có bốn thứ tâm dua nịnh. Đó là bốn thứ dua nịnh, nên biết. Những gì là bốn?

1. Dua nịnh đối với thừa.
2. Giáo hóa tiếp nhận sự dua nịnh.
3. Dua nịnh hỗ trợ công đức.
4. Dua nịnh hỗ trợ trí.

Dua nịnh đối với thừa là ngờ vực, mê lầm, không quyết định rõ ràng v.v... đối với pháp Phật, không cung kính tôn trọng, cũng không kính trọng các giới pháp. Do vậy, nảy sinh nghi ngờ, mê lầm pháp Phật v.v... Từ đó sinh tâm không tin vào Đại thừa mà cứ lặng lẽ làm.

Do đã sinh nghi, có ý tìm đức lớn nên bị mê hoặc, do đó trí không

nắm bắt được pháp Phật, không có quyết định sáng tỏ. Giáo hóa, tiếp nhận nguyên nhân dua nịnh là phát sinh tâm kiêu căng, ngạo mạn, giận hờn, ý tưởng hư vọng đối với chúng sinh, âm thầm giáo hóa với tâm kiêu ngạo. Không có khả năng chỉ lối do ý tưởng hư vọng ngạo mạn giận hờn. Các tôn sư và đệ tử đều khuyên giải, can gián họ, trong những công việc hữu ích, vô ích v.v... nên biết. Nguyên nhân dua nịnh hỗ trợ công đức là sinh tâm ganh ghét, keo kiệt, đối với lợi dưỡng của người khác.

Thấy người khác được lợi dưỡng, phát sinh ý nghĩ ganh ghét, giận dữ, gây rắc rối. Hoặc thấy ai xin thì sinh tâm luyến tiếc, đấy gọi là keo kiệt.

Đã phát sinh tâm ganh ghét, keo kiệt, hừng hực mãnh liệt, thì đối với hỗ trợ trí tuệ công đức bị giới hạn không tu hành, nên các trí tuệ công đức liền lùi mất.

Nhân của dua nịnh quanh co hỗ trợ trí là bêu xấu các Bồ-tát, nào là tên ác, gọi ác, hành động ác v.v... Những việc về tên ác, trước đây đã giảng giải ở câu: Vì các Bồ-tát mà nói điều ác, là nói đến kinh Đại thừa, nên biết. Vì chê bai Đại thừa, nên đối với trí hỗ trợ đạo, Bồ-tát mặc nhiên rơi vào lưới biếng, không tu hành, nên trí trong việc tu đạo bị lùi mất. Vì do việc làm nầy nên nói là bè bạn, nên biết.

Để đối trị với tâm niệm quanh co dua nịnh, Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn thứ chân tướng chân thật, ngay thẳng. Những gì là bốn? Là hoàn toàn không che giấu các tội phạm, nghĩa là đều hướng về người khác phát lồ. Việc phát lồ có người nói đó là có tội thì sám hối. Do sám hối như thế, nên sau nầy không nảy sinh việc hối hận v.v... vì đã phát sinh điều thiện. Không màng đất nước của cải để tìm sự thật, đó là thị hiện bố thí không tiếc.

Thân mạng khó được mà còn bỏ, không dựa vào cái gì khác, không nêu ra chuyện gì khác. Từ bỏ như vậy khiến kẻ khác bị mê hoặc, trong khi đó ý nầy nhằm chuyện khác. Trong tất cả điều ác, như mắng nhiếc, chê bai, đánh đập, trói buộc, gây những tổn hại, khi nhận lãnh hậu quả thì mới tự trách mình, tự nhớ lại nghiệp báo, chừng đó y mới hết giận hờn người khác. Các câu nầy còn có ý nghĩa gì khác?

Mắng nhiếc là nói dối không thật. Giận dữ là giả hay thật đều nói. Gây nỗi khổ cho người khác là nói đến dòng họ v.v... nói đến các việc ác. Chê bai nhận lấy để thật thấy rõ ràng cái ác. Trách mắng đánh đập là trong tự thân có đủ các duyên. Trách kể là có đủ ba nghiệp. Đánh đập là dùng các bộ phận thân, tay chân v.v... Giết hại là tay cầm dao gậy. Trói buộc là dùng dây buộc lại. Trong những sự kiện như thế, chỉ tự trách cứ ở nghiệp

báo mình, nguyên nhân là ở nghiệp báo thiện ác. Không giận hờn người khác, là không để tâm giận hờn v.v... không có mọi kiết sử, là không ôm ấp kiết sử giận hờn.

Bồ-tát khéo an trụ kiên cố trong niềm tin và ước muốn. Giả sử có người không thể tin tưởng ở pháp của chư Phật, Bồ-tát có thể làm người ấy tin bằng tâm thanh tịnh, nói rõ thân tâm đều thành tựu từ trong pháp Đại thừa.

Đối với pháp của chư Phật, do tâm niệm nghi ngờ, nên không tu tập hạnh giới, khiến mọi người hành theo tà hạnh. Bị tà hạnh nên sinh tâm lợi dưỡng, keo kiệt, ganh ghét. Vì không thể chế ngự tâm ganh ghét, nên thấy nghe các Bồ-tát có công đức, lợi dưỡng, thì phát tâm chê bai, bêu xấu. Trong pháp bằng hữu trong trắng lần lượt cũng có việc nương nhờ vâng giữ giới pháp. Người khéo giữ giới là khéo giữ gìn lời chân thật. Giữ gìn lời chân thật, là tùy thuận pháp nhẫn nhục. Do đủ sức nhẫn nhục nên được thân tâm thanh tịnh, do vậy, có khả năng tin tưởng chánh pháp của chư Phật.

Nói giản lược: Sự quanh co, dua nịnh, gọi là tâm hổ thẹn. Quanh co dua nịnh thường biểu lộ ở đâu? Trong pháp của chư Phật và do chúng sinh. Quanh co dua nịnh trong lúc nào? Trong pháp hiện tại, tập mà không xả, cũng đến tận đời vị lai, tùy thuận hết thảy pháp. Tùy thuận thì đã nói bốn câu gồm hai thứ, là tùy thuận hết thảy tướng chân thật, ngay thẳng. Nghĩa đó như thế nào? Lúc nào? Hết thảy có ghi chép được đối trị do pháp trắng, nên biết. Các Bồ-tát can gián tâm dua nịnh quanh co bằng tâm niệm chân thật, ngay thẳng.

Do có tâm niệm chân thật, ngay thẳng, nên Bồ-tát nói các nghĩa điều phục, để phòng hờ những quanh co dua nịnh. Bồ-tát khuyên họ điều phục, chỉ rõ cách điều phục, không điều phục. Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn thứ tướng hư hoại không điều phục tâm. Đó là:

- Đọc kinh điển mà sinh hý luận.
- Không làm, không sống theo pháp tùy thuận.
- Không điều phục tâm, làm rơi tàn hết các lời răn dạy.

Tại sao chỉ nói có bốn pháp? Vì trong pháp hữu vi có bốn thứ nguyên nhân không điều phục tâm phân tán, hư hoại.

Bốn pháp không điều phục tâm phân tán, hư hỏng là:

1. Lĩnh vực không điều phục, nên phân tán hư hỏng.
2. Phát triển không điều phục tâm, nên phân tán, hư hỏng mọi hạnh.
3. Không điều phục tâm phân tán, hư hỏng trong sự thọ dụng.

4. Không điều phục tâm phân tán, hư hỏng trong sự cư trú chung. Trong đó, không điều phục tâm phân tán, hư hỏng, còn gọi là không khéo léo điều phục, nó ví như con ngựa hung dữ. Bốn pháp không điều phục tâm phân tán nầy có thể gây chướng ngại cho sự tu tập hạnh Bồ-tát kia, nên gọi là pháp phân tán không điều phục.

Khi lắng nghe pháp và ngay ở nơi tu hành mà nảy sinh hý luận là nguyên nhân của lĩnh vực không điều phục tâm phân tán, hư hỏng. Ví như con ngựa dữ không bị điều phục. Vì không bị điều phục, nên trở lại ở yên chỗ cũ. Bấy giờ, không thể thiện trụ, lại càng không thể điều phục, không thể phân tán hư hỏng. Bồ-tát cũng thế, nghe nhiều (học rộng) nghĩa pháp. Vì nghe nhiều, học rộng, nên tâm không điều phục. Được các thiện tri thức khuyên bảo đúng đắn, khiến tu hành các pháp và thứ pháp, nhưng không thể chánh trụ. Các lời răn dạy không thể lãnh thọ pháp hạnh đúng đắn. Đấy gọi là nguyên nhân phát triển việc không điều phục tâm, phân tán hư hỏng, ví như không điều phục được con ngựa hung dữ, đặt nó vào đường chánh. Do không điều phục nên theo hướng cõi ác. Bồ-tát không điều phục cũng lại như thế, dù được các thiện tri thức khuyên bảo tu hành các pháp và thứ pháp, nhưng với các lời răn lại đem ngay tâm niệm điên đảo mà phân biệt, tức là ngược ngạo cướp lấy gây tổn thương cho người tín thí, cúng dường, cung kính. Đấy gọi là nguyên nhân không điều phục tâm phân tán, hư hỏng trong tiếp nhận, tiêu dùng. Ví như ngựa dữ không bị điều phục mà cho ở chung với các con ngựa được điều phục, thì con ngựa dữ nầy vẫn sống khác các con ngựa kia. Do vậy nên nói không điều phục. Bồ-tát không điều phục cũng lại như thế, dù ở chung một chỗ với Bồ-tát được điều phục, nhưng vì đã rỉ rớt giới hạnh, đã nhận của cải cúng dường, sự cung kính của tín thí để trở thành hối hận, vì không sống giống như Bồ-tát giỏi điều phục đã sống, không ưa tri kiến phát sinh tâm chê bai, không tỏ lòng cung kính những Bồ-tát giỏi điều phục. Đấy gọi là nguyên nhân nơi ở không điều phục tâm phân tán, hư hỏng, ví như ngựa dữ không bị điều phục mà cho ở chung một chỗ với ngựa bị điều phục. Vì không bị điều phục nên tâm không thấy vui vẻ. Người giỏi điều phục và người không điều phục cùng ở chung một chỗ cũng thế. Bồ-tát không điều phục cũng lại như thế, vì mình duyên vào tà chấp nên không thấy tâm vui vẻ khi ở chung với các Bồ-tát giỏi điều phục. Bồ-tát giỏi điều phục cũng lại như thế.

Điều là các giác quan được làm chủ trọn vẹn. Phục là một lòng dập tắt mọi hành vi ác để được hạnh tốt đẹp. Thay đổi tất cả pháp đen, đối trị bằng cách nói lên pháp bằng hữu trong trắng.

Kinh nói: Khéo nói cho kẻ nghe, nghe rồi tin và thực hành như lời

đã nói. Nương tựa vào pháp chứ không dựa vào lời nói của người. Không phải lấy tâm ganh ghét dành lấy phần hơn, chỉ lắng nghe chánh pháp, mong được ích lợi, chứ không tìm tòi soi mói để thấy mọi khuyết điểm của người.

Bồ-tát làm các việc đó thì thường được gặp pháp không rời thiện tri thức. Dựa vào lời thầy dạy bảo, vâng làm một cách hoàn thiện những lời nói của thầy, không trái ý của thầy, không lùi giới định. Các câu nầy còn có nghĩa khác:

Những điều thầy răn dạy, nói chung là khuyên bảo làm mọi việc thiện.

Dùng thí dụ lời nói là nghe nói những điều thiện, ác, đều nhẫn nhục.

Mọi việc làm đều thiện, là mọi lúc đều không vi phạm giới cấm, đều không làm trái ý thầy. Tâm luôn cung kính tôn trọng lời thầy răn dạy.

Làm các việc như vậy, Bồ-tát thường được gặp thiện tri thức, không lìa khỏi A-lan-nhã, giới định không thụt lùi. Dùng tâm điều phục mà nhận sự cúng dường là giới định đã không thụt lùi. Càng làm sáng tỏ giới hơn nữa.

Đã làm các việc làm đó thì Bồ-tát thường không xa lìa hạnh công đức của bậc thiện tri thức. Hết thảy các Bồ-tát đã khéo điều phục, tùy thuận, thì sẽ tỏ lòng cung kính, yêu thích, tùy thuận người tốt lành, khuyến khích mọi người tiếp nhận hạnh tùy thuận, để hướng đến tùy thuận ý, tùy thuận các công đức, vì mục đích để được lợi ích.

Hỏi: Các câu nầy còn có nghĩa gì khác?

Đáp: Trong đây, giỏi điều phục và tùy thuận thì trước đã nói. Còn cung kính, yêu thích là chỉ rõ tâm niệm vui mừng, cung kính tôn trọng. Tùy thuận xuôi theo là ưa hiểu biết. Tùy thuận ý là ý muốn thân cận chân chánh. Tùy thuận các công đức là ý muốn ưa nghe pháp. Khiến họ được lợi ích là ý muốn tùy thuận thực hành pháp nầy. Làm các việc làm đó, thì Bồ-tát thành tựu không xa lìa thiện tri thức, được đứng đầu trong chúng.

Nói tóm lại là thế nào? Là điều phục, tùy thuận, là không điều phục, tùy thuận bên sự việc hư hỏng. Làm thế nào mà có được? Là chỉ nhờ nghe v.v... Vào lúc nào? Là pháp ở hiện tại và vị lai, được học tập không ngừng. Do các tướng nào? Là đầy đủ bốn pháp, là thực hành pháp đối trị bằng nghe v.v... bằng nói pháp bằng hữu trong trắng v.v... nên biết.

Bắt đầu nói tiếp: Thực hành tâm ngạo mạn đối với pháp nghe v.v... Tùy thuận hành chánh pháp và thứ pháp v.v... xong, không hành như pháp đối với điều truyền dạy chân chánh. Do vậy, sử dụng mọi việc của tín

thí dễ khiến kẻ ấy rơi vào lĩnh vực bất lợi, vì tâm xen tạp nhơ bẩn, ô nhiễm.

Thấy các Bồ-tát đã khéo điều phục tâm mình rồi, mà không nảy sinh cung kính, thì đối trị bằng cách lần lượt nói pháp bè bạn trong trắng v.v... nên biết.

Can gián trong các pháp không điều phục, là khuyên bảo tu tập pháp điều phục v.v..., sống vững trong pháp điều phục và phòng ngừa pháp lầm lẫn của Bồ-tát v.v... Khuyên tu tập pháp không lầm lẫn, nên nói những lầm lẫn trong pháp không lầm lẫn.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn pháp lầm lẫn. Bốn pháp đó là: Với chúng sinh chưa được tín thọ giáo hóa, mà cùng đồng ý, đó là Bồ-tát lầm lẫn, thậm chí còn gồm thâu cả những kẻ ác phá giới v.v..., đó là Bồ-tát lầm lẫn.

Hỏi: Vì lý do gì chỉ nói bốn pháp?

Đáp: Vì dựa vào bốn pháp lầm lẫn để nói Bồ-tát có bốn thứ lầm lẫn. Bốn thứ đó là:

1. Lầm lẫn vì không thực hành.
2. Lầm lẫn vì vượt quá dung lượng.
3. Lầm lẫn vì thực hành sai.
4. Lầm lẫn vì làm điều ác.

Lầm lẫn vì không thực hành: Là đối với chúng sinh chưa thọ nhận sự giáo hóa mà đồng ý với họ. Dựa vào sự giáo hóa chúng sinh, khuyên bảo họ đạt đến quả vị cứu cánh. Nói pháp mà làm đứt mất tâm tin tưởng, cung kính của chúng sinh thì đó là sự lầm lẫn của Bồ-tát.

Lầm lẫn vì vượt quá dung lượng, là nói pháp vi diệu thù thắng cho kẻ không có trình độ nghe nổi hay đối với kẻ Tiểu thừa mà mong cầu Đại thừa, lại không tùy thuận trình độ mà nói, đó là Bồ-tát lầm lẫn. Lầm lẫn vì thực hành sai, là người có trình độ cao mà đi nói pháp Tiểu thừa, hay đối với người Đại thừa cầu học Tiểu thừa, nói pháp mà không theo trình độ, đó là sự lầm lẫn.

Lầm lẫn vì làm điều ác, là đối với kẻ sống theo chánh hạnh, giữ giới đúng pháp, đối với sự trừng phạt phạm tội không cung kính, phá giới lại có tâm thiên vị, nói pháp lộn ngược cả.

Giữ giới ở đây có ba nghĩa, nên biết.

Sống với chánh hạnh là không có nghiệp phạm giới. Giữ giới là không thiếu sót các giới điều. Pháp chân thật là pháp kính trọng giới. Có hai thứ tướng mà giải thích trở thành kẻ phá giới, phá giới là thiếu sót giới

điều.

Pháp ác là không kính trọng các giới. Lầm lẫn là duyên nơi tà đạo và chỉ dạy tà đạo, nên biết.

Bốn câu lầm lẫn nầy chỉ rõ việc nói pháp có bốn cách:

1. Không nói.
2. Không nói tương tự.
3. Nói không thích hợp trình độ.
4. Nói điều ác.

Không nói: Tỏ vẻ mệt mỏi trước và sau khi nói pháp xong, vậy là đã nảy sinh tâm niệm ác.

Không nói tương tợ: Là nói không có phương pháp rõ ràng. Không hợp trình độ là chỉ ưa thích pháp Tiểu thừa.

Nói ác là giáo huấn khuyên răn với tâm mong cầu lợi dưỡng.

Tâm ác thì không nói pháp, vì căn thiện lui mất, không còn khả năng đầy đủ. Do vậy chỉ là lừa dối người ta. Vì không có phương cách khôn khéo để nói pháp, cho nên không gồm thâu được các kẻ có căn thiện cao. Thành thử kẻ vụng về kia chỉ theo pháp Tiểu thừa, tách xa khỏi căn thiện cao thượng. Lại nữa, khi dạy bảo mà có tâm mong cầu lợi dưỡng, nên không có được bao nhiêu công đức, chỉ là làm cho điều ác mạnh lên thôi. Lừa dối người ta thì đối trị việc xấu đó bằng cách nói pháp bạn bè trong trắng, nên biết.

Kinh nói: Đối với các chúng sinh, tâm Bồ-tát đều phải bình đẳng, cho đến khuyên bảo chúng sinh cũng phải bình đẳng sống với chánh hạnh.

Tâm Bồ-tát đều bình đẳng đối với mọi chúng sinh, nghĩa là của mình và người là như nhau. Nói pháp cho kẻ không có lòng tin sâu xa, hay kẻ được giáo hóa nhưng chưa thành thục, phải đề phòng để không gây nên sự lầm lẫn.

Đối với tất cả chúng sinh tâm đều bình đẳng khi nói pháp, hết thảy đều bình đẳng đối với pháp, nên gọi là pháp bình đẳng.

Đối với kẻ ưa chuộng Tiểu thừa v.v... không có trình độ mong cầu Đại thừa, thì tùy năng lực nói pháp, đề phòng sự lầm lẫn, vì nó vượt quá dung lượng, nên biết. Cho nên nói pháp phải theo trình độ.

Giáo hóa hết thảy chúng sinh để họ đều đạt trí tuệ Phật, thì với chúng sinh có trình độ tin ưa Đại thừa, nhưng lại đi học pháp Tiểu thừa, nên khuyên bảo họ đạt trí tuệ Phật, đề phòng sự lầm lẫn do thực hành, nên biết.

Khiến cho hết thảy chúng sinh bình đẳng trụ trong chánh hạnh, là

mình phải từ bỏ lợi dưỡng, tiếng tăm, có tâm bình đẳng với kẻ giữ giới cũng như kẻ phá giới, nói pháp cho họ như nhau. Phải ngăn ngừa điều ác và việc lầm lẫn, nên biết. Đối với việc can gián, Bồ-tát không can dự, không gần gũi. Điều đó chỉ rõ lý do có nên gần gũi hay không.

Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn hạng không phải là thiện tri thức, không phải là bạn lành v.v... Bồ-tát thường xuyên nên xa lìa.Hạng người mong cầu Tiểu thừa, họ chỉ nhắm vào tư lợi, nếu gần gũi họ chỉ được lợi cho thế gian, không lợi ích gì cho chánh pháp.

Hỏi: Tại sao nói chắc là chỉ có bốn pháp?

Đáp: Do họ không phải là thiện tri thức. Bốn hạng người đó là:

1. Trong thừa nầy, họ không phải là thiện tri thức.
2. Trong hạnh nầy, họ không phải là thiện tri thức.
3. Trong pháp Phật, họ không phải là thiện tri thức.
4. Trong chánh pháp, họ không phải là thiện tri thức.

Người Tiểu thừa là người chỉ mong cầu lợi mình, không đem lại ích lợi cho người khác. Nết hạnh họ gần như hẹp hòi, thấp kém. Họ khuyên bảo Bồ-tát xa lìa pháp Đại thừa. Do vậy, họ không phải thiện tri thức trong thừa nầy.

Hạng mong cầu Duyên giác, là hạng ít ham muốn, ít làm, chỉ lo lĩnh vực tu hành, trái với lợi ích của chúng sinh. Họ khuyên Bồ-tát xa lìa các việc làm lợi ích cho chúng sinh. Vì không làm lợi ích cho chúng sinh, nên mất cái nhân của hạnh. Do vậy, họ không phải thiện tri thức ở trong hạnh nầy.

Lỗ-già-gia-đà là nói những lời kỳ lạ, khuyên bảo xa lìa pháp Phật. Vì xa lìa pháp Phật nên mất cái nhân của hạnh. Do vậy, họ không phải thiện tri thức trong chánh pháp.

Nếu thân cận với họ mà chỉ có lợi ích thế gian, không có ích lợi gì cho pháp. Do vậy, ở trong pháp thiện mà khuyên tu thì trở thành lý do thụt lùi. Do nguyên nhân lui mất pháp thiện nên gọi họ không phải là thiện tri thức trong chánh pháp. Đối lại có bốn hạng thiện tri thức.

Kinh nói: Các người đến cầu xin là thiện tri thức của Bồ-tát, là người có nhân duyên với đạo Phật. Do không làm đứt mất pháp Đại thừa nên gọi là thiện tri thức của Bồ-tát.

Bồ-tát nghĩ thế nầy: Do dựa vào người đến cầu xin mà họ là thiện tri thức, nên ta càng tu tập vô lượng công đức để hồi hướng Bồ-đề vô thượng, đó mới là tu hành không hư vọng.

Do không mong cầu Tiểu thừa, nên việc tu tập bố thí chỉ làm lớn

thêm căn thiện của Bồ-tát, do vậy không mất hạnh Đại thừa. Người nói pháp là thiện tri thức của Bồ-tát, người phát sinh trí tuệ và chí khí thì không mất hạnh đối trị. Do học rộng nên có thể giúp người khác nói pháp. Thế nên, không cần cầu sự thiểu dục, nên trí tuệ uyên bác, chí khí thuần thành, dù gặp phải nỗi đau khổ của thế gian, nhưng Bồ-tát vẫn không thấy mệt mỏi trong việc giáo hóa con người để cho họ được xuất gia, đó là thiện tri thức của Bồ-tát.

Ý chí thuần thành, sẽ tăng trưởng các pháp thiện, là lý không làm đứt mất chánh pháp. Để đối trị, nên khuyên xuất gia. Do căn thiện thuần thục nên xa lìa được mọi tà hạnh, làm lợi cho mọi người vẫn không thấy mỏi mệt, chán nản, thoái lui.

Chư Phật Thế Tôn gọi là thiện tri thức của Bồ-tát, với chí khí thuần thành làm tăng trưởng tất cả pháp Phật. Là đối trị với việc không làm mất pháp Phật. Điều đó chỉ rõ nếu được chư Phật giáo hóa nhiều thì càng không làm lui mất tâm Bồ-đề.

Đức Thích-ca thành đạo vì không vướng mắc lợi dưỡng, tiếng tăm v.v..., người nào đã ham mê lợi dưỡng, tiếng tăm, thì họ sẽ xa lìa, làm lui mất pháp chư Phật. Thuần chí tu tập pháp chư Phật cho đến gom góp sức mạnh của căn thiện thì không thể lui mất. Vì nghĩa đó, nên từ chỗ không phải là thiện tri thức, nhưng đã can gián, khuyến khích họ tu tập được chân thật như thế, thì đó là việc làm của hạnh Bồ-tát, nó chứng minh tướng như thật và không như thật của Bồ-tát.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn hạng không phải Bồ-tát mà chỉ là na ná như Bồ-tát.

Bốn hạng đó là: Hạng Bồ-tát ham mong cầu lợi dưỡng chứ không phải cầu pháp, ưa tụ tập đồ chúng chứ không thích hạnh xa lìa.

Hỏi: Vì sao chỉ nói có bốn pháp?

Đáp: Do có bốn thứ không phải là tướng Bồ-tát, nên nói chỉ có bốn thứ chẳng phải nầy:

1. Giống như nghe nhiều, học rộng.
2. Giống như A-lan-nhã.
3. Giống như tạo tác hạnh công đức.
4. Giống như dẫn dắt các đồ chúng.

Tham cầu lợi dưỡng mà không cầu pháp, nghĩa là Bồ-tát nầy mong cầu lợi dưỡng đối với mọi người vốn có lòng tin. Dù vẫn vâng giữ chánh pháp, nhưng gọi là Bồ-tát không như thật, chẳng phải như thật.

Tham cầu tiếng tăm, khen ngợi đức độ của mình, không mong

cầu công đức xuất thế, nghĩa là Bồ-tát nầy ham tiếng tăm, dù là ở A-lan-nhã, nhưng đây là không như thật, chẳng phải như thật. Ham tìm ưa thích riêng không có khả năng cứu vớt mọi thống khổ của chúng sinh, là vì bị trói buộc do tâm niệm mong cầu lợi dưỡng. Do vậy, dù làm mọi công đức, Bồ-tát nầy vẫn gọi là không như thật, chẳng phải như thật.

Thích tụ tập đồ chúng, không ưa xa lìa, nghĩa là bị trói buộc do tâm mong cúng dường, cung kính. Dù là người đứng hàng đầu trong chúng, nhưng Bồ-tát nầy vẫn gọi là hành không như thật, chẳng phải như thật hành. Bồ-tát đã hành các hạnh như vậy, thì bao công đức tạo được dù là ở A-lan-nhã, dù đứng đầu trong chúng, cũng đều mất hết giá trị. Chống lại tệ hại đó, nên nói đến các công đức chân thật, nên biết như vậy.

Kinh nói: Ai có khả năng tin hiểu về không, giải thoát… thì không ưa những việc lợi dưỡng. Còn tin hiểu về nghiệp báo thì đó là nhân để ưa thích các pháp. Vì ưa pháp, nên nghe và tu tập vô lượng công đức nhẫn, tất cả đều vô ngã và sở hữu của ngã. Vì nhẫn nhục, vô ngã, nên không ưa thích sự dính mắc vào danh vọng, tiếng khen v.v... Đối với tất cả chúng sinh, phát sinh tâm đại bi. Dùng tâm đại bi mong được công đức của Bồ-tát và chứng nhập ý Niết-bàn. Vì ý Niết-bàn nên không ưa niềm vui riêng cho mình và do vậy không từ bỏ việc làm cho thế gian. Do không từ bỏ thế gian, nên luôn cứu vớt chúng sinh khổ. Vì giáo hóa chúng sinh, nên tâm không bỏ rơi chúng sinh, mà lo làm việc bố thí, vì hành bố thí nên khéo biết công đức của chúng sinh. Tuy tu hành bố thí, nhưng Bồ-tát không mong được trả ơn. Do ưa vắng lặng, yên tĩnh, nên làm việc bố thí không mong cầu được đền đáp.

Hỏi: Trong bạn bè trong trắng, đã diễn nói các pháp tin, ưa, thì đâu cần gì nói đến pháp không v.v...?

Đáp: Việc làm bố thí là nhằm hỗ trợ các hành đạo có ý nghĩa là cùng chung làm các việc của Thanh văn, Duyên giác v.v... nhưng vì muốn nghe đến hạnh thù thắng của Bồ-tát và nảy sinh tâm niệm do dự. Người nầy vì muốn diễn nói pháp không cùng chung với Thanh văn, Duyên giác, để hỗ trợ cho việc thành tựu chánh giác, là pháp của các Bồ-tát.

Chú thêm:

Luận nầy là quyển thứ nhất trong Tạng kinh đời nhà Tống, so với văn nghĩa của bổn Tạng thì khác xa, nên chưa biết nên lấy hay bỏ.

Theo Khai Nguyên Lục ghi: Theo bản chú thích cũ, bên phải có riêng một quyển kinh Đại Bảo Tích, là hội Bảo Tích thứ bốn mươi ba, tức là bộ kinh Bảo Tích này. Hội Bồ-tát Phổ Minh thứ bốn mươi ba có một quyển bị

thất lạc bản dịch. Theo bản dịch cũ bên phải thì có một quyển kinh Đại Bảo Tích riêng. Gồm bốn quyển có thích luận. Nay kiểm nghiệm lại nguyên quyển đầu của bản in đời Tống thì hoàn toàn là kinh Bảo Tích kia, không phải văn luận.

Thế thì bản in đời Tống đã sai, vì đã đem bản kinh thêm vào chữ luận là luận ở quyển đầu. Vả lại, Lưu Chi dịch thì sao?

Hôm nay, lấy hai bản làm chính thức. Bản kinh đã được giải thích kia chính là quyển thứ một trăm mười hai trong Đại kinh nầy.

Các Hiền giả sau nầy muốn biết rõ sự kiện hôm nay đã bỏ đi bản in đời Tống ở quyển đầu là vì lý do gì, xin xem ở kinh kia thì sẽ rõ.

**

LUẬN ĐẠI BẢO TÍCH KINH

QUYỂN 2

Bấy giờ, Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn kho tàng lớn được giấu kín. Bốn kho tàng đó là:

1. Có khả năng nghe sáu pháp Ba-la-mật.
2. Có khả năng gìn giữ chư Phật.
3. Thậm chí say mê nơi núi rừng.
4. Tâm vẫn không lười biếng.

Hỏi: Vì sao chỉ nói nhất định có bốn pháp, không nhiều, không ít?

Đáp: Vì ngăn ngừa lỗi hay nói vô cùng, cũng là vì không có người nào hỏi. Hơn nữa, muốn chỉ rõ lý do chưa từng có, cho nên nói có bốn thứ. Suốt đêm dài (sinh tử), khéo tu tập pháp "không", nên được Nhất thiết trí, cũng như tu tập nhân không. Để quét sạch màn vô minh đen tối che mờ thế gian, nên nói pháp để có khả năng thân cận, hướng đến tâm Niết-bàn. Sự vắng lặng là rất sâu xa, không do tu tập, không điều phục mà trong sạch, thế gian nói đó là pháp mầu nhiệm vô thượng, người nào có thể thân cận? Bố thí tiền của và pháp chỉ làm tâm ganh ghét, keo kiệt mâu thuẫn với nhau.

Vì đã tu tập từ lâu trong A-lê-da mà thế gian đều ưa thích. Vì đã có ham mê A-lê-da nên khi nói pháp có khả năng thân cận. Đôi khi vì còn thâu nhận việc làm của tất cả Bồ-tát.

Nói gọn có bốn pháp, các Bồ-tát có hai thứ hạnh hỗ trợ đạo Bồ-tát:

1. Hạnh hỗ trợ đạo bằng trí.
2. Hạnh hỗ trợ đạo bằng công đức.

Trong đấy, tin tưởng vào không, vô ngã và không rời bỏ Niết-bàn v.v... là hạnh hỗ trợ đạo bằng trí. Ba câu tin tưởng vào nghiệp báo v.v... là hỗ trợ thành tựu bằng trí và đức. Tu tập rộng sáu pháp Ba-la-mật, gồm thâu các hành hỗ trợ bốn thứ hạnh. Trong đó không từ bỏ ý định giáo hóa chúng sinh.

Thực hành tài thí, pháp thí mà không mong báo đáp, thì gọi là hỗ trợ hạnh bố thí Ba-la-mật. Không rời bỏ ý Niết-bàn là hỗ trợ hạnh về giới Ba-la-mật. Do tâm hướng đến Niết-bàn, nên Bồ-tát thường e sợ thế gian mà

luôn đề phòng khuất phục các nhân của phiền não, của phá giới v.v... Được pháp thể, tánh giữ giới, nên Bồ-tát thành tựu vô ngã nhẫn và điều phục tướng mà chúng sinh nương tựa. Giả sử khi chúng sinh có lỗi và hoảng hốt nhưng tâm Bồ-tát thì không bị dao động, do Bồ-tát tin tưởng ở nghiệp báo, và ý định không từ bỏ thế gian, đó là hỗ trợ thành tựu hạnh tinh tấn Ba-la-mật, cũng là hỗ trợ thành tựu quả của hạnh công đức, trí tuệ.

Tin tưởng vào Tát-bà-nhã nên Bồ-tát tuy thấu tỏ nỗi khổ trầm trọng của thế gian, tâm Bồ-tát vẫn không bỏ chúng sinh. Và cũng vì chí khí của trượng phu, nên không xa rời mọi thống khổ của thế gian. Chỉ có sống ở thế gian, mới tăng trưởng căn thiện, phát sinh đại tinh tấn, dùng tâm đại bi hỗ trợ cho thiền định Ba-la-mật thành tựu.

Đại bi là dựa gốc vào thiền định. Tin tưởng vào lý không chính là hỗ trợ cho hạnh trí tuệ Ba-la-mật thành tựu. Bồ-tát không rời bỏ tâm Bồ-đề thì gọi đó là giữ gìn lời nói chân thật, không lừa dối. Có tâm đại bi và tin tưởng ở nghiệp báo, nên Bồ-tát thường hướng về bạn ở thế gian, làm mọi việc nơi chúng sinh ở, nhưng không giúp vào việc nói điên đảo. Thế nên, do tâm đại bi và tin tưởng nghiệp báo, nên không từ bỏ việc làm ở thế gian, không từ bỏ cái nhân của tâm Bồ-đề. Cho nên dùng lời nói chắc thật chỉ rõ các pháp như vậy. Bồ-tát nói lời chân thật chắc chắn là do không rời bỏ tâm Bồ-đề. Đấy chính là căn cứ vào phát tâm bố thí, của cải, giáo pháp v.v... mà không hy vọng được trả ơn, nên gọi là giữ gìn thế mạnh.

Tâm bố thí của Bồ-tát là bố thí cả tài và pháp, để phá bỏ tánh keo kiệt, ganh ghét. Do vậy mà thành tựu tâm hướng đến Niết-bàn, đó là giữ chắc sự tịch tĩnh. Bồ-tát có tịch tĩnh là do dập tắt mọi cái không tịch tĩnh. Do vậy, có khả năng thành tựu nhân thiện và tin tưởng lý không, vô ngã v.v... Đấy gọi là duy trì trí tuệ.

Trí tuệ của Bồ-tát là để điều phục, dập tắt mọi phiền não. Đối trị nó để được Bồ-đề thanh tịnh, căn thiện được tăng trưởng. Cho đến chứng ngộ Bồ-đề mà vẫn không mong cầu được trả ơn. Lòng từ là ban cho của cải và chánh pháp v.v... là đem lại lợi ích cho người khác.

Đại bi, được gọi là Đại bi, là vì đại bi đứng hàng đầu. Vì tin tưởng ở nghiệp báo, nên khi làm mọi việc lợi ích cho đời, chỉ làm những việc hữu ích cho chúng sinh. Những việc làm đó đều thành tựu nên tâm sinh vui mừng, đó gọi là thường do tâm hướng đến Niết-bàn, có khả năng điều phục mọi phiền não, mà không có phiền não nên tâm vui mừng gọi là hỷ. Lại nữa, Bồ-tát quán sát mọi hành đều là vô ngã, mọi pháp đều lìa ái kính v.v... hoặc nhớ nghĩ vô lượng công đức của Như Lai nên sinh tâm vui mừng, gọi

là hỷ. Sau đó, Bồ-tát tự quán sát biết mình đã có đủ khả năng xuất thế. Hoặc thấy chúng sinh ở thế gian đều bị vùi sâu trong lớp bụi phiền não, nên Bồ-tát nghĩ: Ta có đủ khả năng nhổ hết các vô minh đang che mờ chúng sinh trong lớp bụi thế gian dầy đặc bao la nầy, giúp họ đạt đến cảnh giới Niết-bàn tịch diệt. Ta làm mọi lợi ích cứu vớt chúng sinh đang mắc trong trần lao nầy, thấy được lợi ích của họ và của ta không tách rời nhau. Hoặc thấy chúng sinh được hưởng các niềm vui, tâm cảm thấy vui mừng, đấy cũng gọi là hỷ. Vì quán sát các hành đều vô ngã, nên dẹp bỏ các việc người thân, kẻ thù v.v... chứng ngộ chân như bình đẳng, làm lợi ích cho chúng sinh, tự nhiên từ bỏ những việc trái với pháp. Đấy gọi là pháp phần Bồ-đề, là bố thí của cải và pháp mà không mong báo đáp. Bố thí lời nói khả ái và lòng yêu thương là không từ bỏ việc làm lợi ích cho chúng sinh. Những lợi ích khác là giữ mãi việc làm lợi ích cho chúng sinh, đó là đồng sự của Bồ-tát. Đó là gồm thâu hết thảy việc làm trợ đạo của Bồ-tát. Mọi việc đó được giải thích bằng bốn câu trên.

Hỏi: Nay cần nói đến nghĩa không. Vậy không là gì?

Đáp: Lấy trí tuệ để khéo giải thích mọi tánh tướng của các hành mà không có được, nên gọi là không.

Hỏi: Trí có khả năng diệt các hành chăng? Đáp: Không.

Thực vậy, cảnh giới thức tướng là như thế, trong chân thật thì không hư vọng, nhưng trong lĩnh vực toàn là thức, thì không có thật. Trong lĩnh vực hữu thì trí tuệ và thức phát sinh cùng lúc. Từ khi phát động hạnh tu nhẫn bậc thấp cho đến pháp tánh thì lần lượt có chia ra trước, sau, trên, dưới, vừa. Sự hiểu biết có khả năng tác duyên cùng với trí vô lậu, rồi trở lại diệt trí vô lậu. Trong chân thật thì không, hư vọng mà là thức, lĩnh vực của thức không có thực. Trong thế giới hiện tượng thì trí tuệ và thức cùng phát sinh. Từ khi phát động hạnh tu nhẫn bậc thấp cho đến pháp tánh thì lần lượt chia ra trước, giữa, sau. Ý thức làm điều kiện cho trí vô lậu rồi quay lại diệt trí vô lậu. Từ vô lậu mà nhận thức thì hoạt động của thức là gây cản trở, nó không có khả năng duyên được cảnh chân thật. Lùi trở lại cảnh giới chân thật thì thấy lĩnh vực vô tướng, thấy pháp giới. Vượt khỏi lĩnh vực phiền não thì tự tướng không có cái thấy. Lĩnh vực của tự tướng chỉ là hoạt động của hành và thức. Chỉ có thức tạo tác thế gian. Tu đạo là hình thành trí hướng lên không thể tự duyên lấy tướng. Nếu dựa vào trí mà làm như thế thì không còn trí phân biệt tánh và tướng. Tự tướng vốn là vô thường… Trí tuệ không phải là việc chân thật. Tướng hữu ký là thức. Không có thức hơn kém. Tại sao không có khả năng nắm lấy tự tướng?

Vì trí chẳng phải tướng, trí thì đồng với cảnh giới tướng. Cảnh giới nầy không hư vọng, tự giữ lấy tướng. Nếu có khả năng nắm lấy tự tướng, thì cũng xả bỏ tự tướng được. Chỉ có sự ghi nhớ tạo thành thức. Do vậy, trí không phải là khác với thức, xuôi theo quả báo, không trái ngược, như vậy là dựa vào trí làm duyên cho thức cùng phát sinh. Nhưng cảnh giới tướng như vậy làm cho trí cũng phải hệ luỵ nhận lấy tự tướng.

Vô thượng đẳng là những việc không đúng, vì chúng trái ngược nhau từ đầu, nên không có việc tự cùng với tướng trái nhau.

Sắc cũng vô thường. Nếu cho sắc thành vô thường, thì trí tất nhiên có khả năng nắm giữ, tuy nhiên không thành. Cho nên trí không tự nắm lấy nghĩa của tướng. Trí phải tùy thuận vào thức, tánh của nó là không diệt mất. Cảnh giới chân thật tạo ra tướng, thành tựu rồi xả bỏ nghĩa tự tướng. Cho nên trí không có cảnh giới của tự tướng. Thức mới là cảnh giới tướng chân thật.

Hỏi: Vì sao tin tưởng vào không, nghiệp báo mà có khả năng tùy thuận? Dùng nghĩa nầy để có thể nói: phải luôn tin tưởng vào các nghiệp báo sao?

Đáp: Lấy hữu sinh mà nói, cho nên không có tai họa.

Điều đó cũng có thể dùng trí phân biệt, quán sát các hành, chúng sinh mà không thể hiểu được. Trí biết các hành phát sinh, vô tướng vô phân biệt duyên, mới thấy cái ác không có khả năng đứng yên, và vô phân biệt mới có, vậy thì ai tạo ra các hành và ai nhận quả? Để chúng có thể tùy thuận vào nhau, từ đó sinh thắc mắc nghi ngờ. Do sinh nghi ngờ, nên không tin nghiệp báo. Từ ý nghĩa nầy mà Phật nói với Ca-diếp: Thà phát sinh kiến chấp của chúng sinh chứa đầy như Tu-di, chứ không vì kẻ ngã mạn mà khởi lên tâm ngã mạn, như trong luận đã nói trong kệ sau:

"Không" là trừ kiến chấp,
Lại chấp chư Phật nói,
Nếu ai duyên nơi không,
Bệnh đó không thể chữa.
Các không bất chánh quán,
Năng hoại không trí sáng,
Như kẻ ác bắt rắn,
Không biết cách hành chú.
Ở đây vì hồi hướng,
Như Lai nói kệ này,
Biết pháp và pháp kế,

Độn căn khó đo lường.

Bồ-tát đã khéo léo biết được nguyên tắc đời thường và ý nghĩa tối hậu giải thoát. Tuy khéo quán sát phân biệt các hành (hiện tượng tâm sinh lý) biết rõ sự tập hợp của các nhân duyên. Trí sâu xa đã được suy nghiệm lâu dài về vấn đề đó mà biết được sự chẳng diệt của mọi nhân duyên nên không ngờ vực gì hết. Biết mọi hành là kết quả từ những nguyên nhân chẳng diệt đó, chúng không thành tựu tánh. Các hành thì không phân biệt. Chính từ ý nghĩa không phân biệt mà có đủ mọi thứ phân biệt như vậy. Niệm Phật là phương tiện khéo léo nhất lôi cuốn để tạo ra các hành và sự tạo ra đó đã thành tựu. Như tùy chỗ mà giáo hóa dần dần được quả Nhất thiết trí. Dùng lòng tin Bồ-tát phát khởi sự dũng mãnh, tinh tấn, nhẫn nhục vô ngã thù thắng.

Hỏi: Xin nói rõ về vô ngã, nhẫn?

Đáp: Do quán sát cảnh giới thức tưởng của chúng sinh, vì có nguyên tắc đời sống nầy nên mọi pháp đều đồng nhau, chỉ biết khéo lựa chọn phân biệt. Tìm kiếm mãi vẫn không có chúng sinh và nghĩ như vầy: Mọi pháp có ở đây như trò ảo thuật không phân biệt. Không thể tự do thay thế nhau bằng duyên lực. Nghiệp phiền não là nhân sinh lửa cháy như sự cháy của ngọn đèn. Mọi hiện tượng duyên nơi nhau từ gốc nên nối tiếp nhau mãi không đoạn tuyệt. Nhưng khi lửa cháy lên thì ta không biết từ đâu nó đến? Và khi lửa tắt cũng không để lại dấu vết và nó cũng không đến đâu. Hết thảy tìm cầu đó chỉ là tác dụng của lửa thôi. Đấy gọi là vô ngã nhẫn.

Hỏi: Vô ngã nhẫn có thể tạo nên ý thức không phân biệt đối với chúng sinh, Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sinh thì tại sao nói là vô ngã nhẫn?

Đáp: Mọi việc mà Bồ-tát làm cho chúng sinh, gọi là vô ngã nhẫn đó, thì chỉ là đem lợi ích cho họ. Do vô ngã nhẫn, nên Bồ-tát đã điều phục các phiền não, quán sát những hình thức tu tập của chúng sinh. Do vậy, Bồ-tát biết các hành duyên nhau là giả tạm, không rõ ràng. Giả sử chúng sinh có tai họa, hoặc thế gian trở lại gây rắc rối cho Bồ-tát, thì do đã khéo biết chúng sinh nên Bồ-tát không buông bỏ tâm Bồ-đề mà duy trì tâm đó mãi để thành tựu trí tuệ và tâm từ bi. Không rời bỏ chúng sinh và tu tập đủ các căn thiện, là để đạt được Nhất thiết trí. Không từ bỏ hành động mới chứng được Bồ-đề.

Hỏi: Tin tưởng vào không, vô ngã nhẫn còn có nghĩa gì khác?

Đáp: Tin tưởng vào không và vô ngã, có thể dễ phân biệt quán sát tất cả các hành, chứng được chỗ căn bản của pháp giới.

Vô ngã nhẫn, là từ cảnh giới tự tướng đó, có thể dễ dàng phân

biệt, quán xét chúng sinh, mọi vật. Do vậy, chỉ thấy được chỗ căn bản của pháp.

Tin tưởng vào không là loại trừ tánh kiêu mạn chấp giữ pháp. Còn vô ngã nhẫn là loại trừ tánh kiêu mạn của chúng sinh.

Hỏi: Do có tướng chúng sinh nên Bồ-tát phát sinh tâm đại bi. Vậy tại sao nói tin pháp là vô ngã, chả lẽ tướng đại bi đó của Bồ-tát đi ngược với pháp?

Đáp: Nhờ tâm đại bi nầy mà Bồ-tát mới chứng biết mọi pháp đều vô ngã. Bồ-tát chỉ nhớ nghĩ đến thế giới chúng sinh, vì họ bị vô minh che mờ, chỉ có tu tập trong pháp vô ngã mới lìa mình ra khỏi sự chấp tướng chúng sinh. Do đã chấp là sinh ra ngã và ngã sở. Đã duyên ái thì trở lại tạo nghiệp hữu lậu, như vậy thì xoay vòng không dứt nổi đường sinh tử. Vì thế, Bồ-tát nghĩ thế nầy: Ta sẽ khuyên bảo chúng sinh hãy tin tưởng ưa chuộng các pháp nầy. Thế nên, Bồ-tát với tâm đại bi thương xót chúng sinh càng sâu nặng.

Hỏi: Ông đã nói tâm hướng đến Niết-bàn, nay cũng cần phải giải thích nghĩa Niết-bàn?

Đáp: Niết-bàn là không còn duyên vào nghiệp quả phiền não. Vì không duyên nên dòng chảy của chúng sinh đã diệt mất, đó là Niết-bàn. Không duyên thì lửa tắt, lửa trí tuệ chỉ còn hơi ấm. Không duyên nên hạt giống của thức diệt mất. Dù còn duyên vào vị lai, mọi hữu dù có nảy mầm như hạt giống nhưng lửa đã tắt, mầm hữu lậu không sinh. Dập tắt lửa phiền não là Niết-bàn chân thật, như cây đã bị nhổ tận gốc. Nhưng Niết-bàn thì có hai thứ: 1. Niết-bàn hữu dư; 2. Niết-bàn vô dư. Hữu dư chỉ diệt phiền não. Vô dư thì không còn duyên. Không từ tập, khổ, diệt, mà gọi là Niết-bàn. Vì tới Niết-bàn nên gọi là đến Niết-bàn, cũng gọi là trụ Niết-bàn.

Hỏi: Hướng tâm đến Niết-bàn là sao?

Đáp: Thấy chúng sinh kẹt trong hoạn nạn thế gian như thế, nên ta phải làm thế nào để dập tắt phiền não cho họ, để mọi người đều đến được chỗ tịch diệt, đó là lĩnh vực của cam lộ.

Ý hướng đến Niết-bàn phát sinh cùng thức, tập hợp pháp trắng, đấy gọi là ý hướng đến Niết-bàn.

Hỏi: Ý đã không xả bỏ thế gian, thì thế gian nầy có nghĩa gì?

Đáp: Nghiệp phiền não nó giả tạo, duyên nhau, thay đổi nhau, nên từ vô thỉ đến nay luôn nối tiếp nhau không đứt đoạn ở thế gian. Vì đến mọi thế gian, nên gọi là đạt đến thế gian. Thế gian tịch diệt, hữu học là nghĩa

nầy.

Dù thấy mọi khổ hoạn, nhưng Bồ-tát vẫn phát ý về thế gian, không xả bỏ chúng sinh, chỉ tu tập, phát tâm làm việc cho đời.

Hỏi: Khi tâm theo đời làm việc cho đời, hễ tu tập pháp trắng thì được pháp trắng, còn tu tập pháp đen thì bị đen. Trong trường hợp đó, ý nghĩ Bồ-tát hướng đến Niết-bàn như thế nào? Bồ-tát không phát sinh nghiệp giống đời chăng?

Đáp: Đem lòng làm lợi ích cho người khác, nên Bồ-tát đã tu tập lâu dài các hạnh của Bồ-tát.

Về ý hướng đến Niết-bàn, vì lợi ích kẻ khác, tâm Bồ-tát có thể đi ngược lại Niết-bàn. Do biết rõ thế gian đa số đều mắc nạn, nên dù đã nhàm chán thế gian, có ý hướng về Niết-bàn, nhưng Bồ-tát vẫn không thể bỏ chúng sinh, do vậy Bồ-tát cần làm việc cho đời. Bồ-tát nghĩ thế nầy: Bồ-tát không phải từ trong pháp thể vô lậu làm cho pháp Bồ-tát sinh và lớn lên, nhưng từ thể hữu lậu mà các pháp Phật được sinh ra lớn lên. Thế nên, Bồ-tát không từ bỏ pháp Bồ-tát. Mặc dù thấy thế gian có nhiều hoạn nạn, nhưng Bồ-tát vẫn nguyện duyên vào thế gian. Như Phật đã nói với Ca-diếp: Cây đem trồng ở không trung làm sao sinh trưởng? Do vậy phải có kiết sử lẫn tạp nhiễm ô của thế gian pháp mới có thể làm cho pháp Phật phát triển. Do đó, Bồ-tát vì giáo hóa chúng sinh mà làm bố thí…

Hỏi: Cần giải thích thêm việc Bồ-tát giáo hóa chúng sinh?

Đáp: Tâm chúng sinh bị đẫm ướt phiền não. Do vậy dạy họ nên nghe pháp, tư duy và tu tập, là tạo hơi ấm đầu tiên cho họ. Rồi gom góp thành căn thiện xuất thế, khiến hơi ấm được nung thêm, tùy theo năng lực làm cho họ được yên ổn trong căn thiện vô lậu. Theo họ mà giáo hóa rộng khắp, gọi là Bồ-tát giáo hóa. Do khéo léo tu tập tâm từ bi và phương tiện thiện xảo để giáo hóa tâm chúng sinh, nên Bồ-tát dùng tài thí và pháp thí để gồm thâu hết thảy chúng sinh. Gom rồi thì xét xem họ ham thích cái gì, tùy năng lực mà giáo hóa họ theo pháp ba Thừa.

Hỏi: Nói bố thí, vậy bố thí là gì?

Đáp: Ban cho của cải và giáo pháp cùng lúc với tâm không tham, giữ hoài việc làm bố thí đó mà không mong trả ơn, gọi là bố thí. Mọi sự giáo hóa bằng bố thí đều có quả báo khác nhau, nhưng Bồ-tát đều không mong đền ơn. Bồ-tát đã xả cái vui thích của việc làm, nên không còn mong trả ơn. Đó là nghĩa của bố thí.

Hỏi: Nói không xả bỏ chúng sinh mà làm việc bố thí, thì sao không gọi là mong cầu quả báo được? Vậy thì nói làm việc bố thí, nhưng tâm không

mong cầu được đền đáp là sao?

Đáp: Dù không mong cầu được quả báo, nhưng vẫn làm việc bố thí, giáo hóa chúng sinh, làm một cách tự nhiên có hại gì đâu. Hoặc nghĩ thế nầy: Lĩnh vực quả báo có nhiều đường đến mà quan trọng là: Phát tâm Bồ-đề, nhớ nghĩ và không bỏ chúng sinh. Giáo hóa họ bằng việc làm bố thí, công việc nầy đem đến cho thế gian vô lượng quả báo. Như vậy sau nầy trái ngược với Nhất thiết trí sao? Để tránh việc trái ngược đó, cho nên ngay lúc nầy phải hướng chúng sinh thực hành bố thí, Bồ-tát quán sát khuyên bảo họ tu tập công đức chân thật của Bồ-tát. Thế nên nói, làm bố thí, không mong người trả ơn, đó là nói theo nghĩa vừa nêu, chỉ rõ Bồ-tát đã thành tựu tâm sâu xa và tâm ngay thẳng, chứ không vì mong cầu điều mình ưa thích mà bố thí v.v... để được quả báo. Tâm Bồ-tát ở trong nhân và quả không hề vướng mắc, đam mê, không có sự mong cầu, mà chỉ vì lợi ích của chúng sinh, mong cho họ đều chứng Bồ-đề Phật. Khi phát thệ nguyện tu tập các căn thiện, Bồ-tát luôn nghĩ thế nầy: Nếu có pháp như thế, ta sẽ tu tập Nhất thiết trí rồi xả thí cho tất cả chúng sinh. Tuy nhiên, các pháp mỗi thể đều tự có, người tu các hạnh tự thân họ sẽ được quả báo. Dù vậy, ta tu tập Nhất thiết trí chỉ vì lợi ích cho mọi người. Dùng nó với nghĩa phương tiện. Bồ-tát từ lúc tĩnh tâm đến nay, mọi sự tu hành đều khiến để phát khởi hết thảy trí và bố thí là nhân của các pháp. Có được những ý nghĩ duyên với hết thảy trí, là các quả của pháp. Hết thảy mọi pháp đó đều là của Bồ-tát vì lợi ích cho chúng sinh, luôn khởi tâm hướng đến thành tựu của lợi ích. Do nghĩa nầy mà công đức của Bồ-tát khác với Thanh văn, Duyên giác. Đấy gọi là công đức chân thật của Bồ-tát.

Thanh văn và Phật-bích-chi làm việc bố thí cho thế gian là để tự chuyển hóa mình. Các ngoại đạo thì vì mục đích mong cầu quả báo từ bên ngoài mà làm hạnh tà. Để đối trị với hạnh tà đó, nên mới nói Bồ-tát an trụ trong chánh hạnh, chỉ rõ bốn điều có ích bằng bốn câu, nên biết. Bốn điều lợi ích đó là:

1. Được kho tàng chôn giấu lớn tự tại.
2. Siêu việt hơn đạo ma, vì làm cho không còn các oan gia.
3. Từ bỏ tâm dua nịnh quanh co, ở chốn trống trải, nhàn nhã v.v... Mọi thứ thọ dụng không hiềm nghi quở trách.
4. Hỗ trợ cho vô lượng phước đức trang nghiêm, thành tựu sự nghiệp hỗ trợ vô biên công đức.

Để so sánh các lợi ích v.v... nầy, sẽ trình tự giải thích.

Ở câu 1: Được kho tàng chôn giấu lớn, nghĩa là hỗ trợ thành tựu việc

làm công đức, trí tuệ.

Trong đấy nói có thể gặp chư Phật, là hỗ trợ thành tựu hạnh công đức.

Ba câu sau là hỗ trợ việc làm trí tuệ, là dựa vào sự tập hợp việc làm công đức trí tuệ.

Bốn câu thứ hai vượt qua đạo ma, làm sạch chướng ngại, dựa vào sạch chướng đó.

Bốn câu thứ ba là gồm thâu mọi pháp căn thiện, gom góp tất cả pháp trắng, dựa vào sự gom góp mọi pháp trắng.

Bốn câu thứ tư, hỗ trợ, tập hợp và thành tựu vô lượng công đức, để làm được mọi lợi ích cho tất cả chúng sinh và được vô biên công đức, nên biết.

Có bốn thứ khi được kho tàng điều phục lớn: Là thân cận người tốt lành, giỏi nghe chánh pháp, vắng lặng tư duy, thuận theo pháp mà làm, và đó cũng là pháp thứ, nên biết. Có thể được gặp Phật, có thể thân cận người tốt, có thể giỏi nghe sáu pháp Ba-la-mật, giỏi nghe chánh pháp. Đem tâm vô ngã thân cận hầu hạ người nói pháp, tâm phải vắng lặng, tư duy, không phóng túng. Ưa ở chốn núi rừng, tâm không lười biếng, có thể thực hành pháp tùy thuận và dùng pháp thứ.

Trong đấy nói có thể được gặp chư Phật là cúng dường chư Phật, hỗ trợ thành tựu việc làm công đức.

Ba câu còn lại: Văn, tư, tu, tuệ thanh tịnh, là hỗ trợ việc làm trí tuệ thành tựu. Dựa vào thế mạnh của đời để làm các pháp tương tự.

Nói bốn điều nầy là được kho tàng điều phục lớn của pháp, nên biết. Thế gian có bốn loại việc:

1. Thấy sự tướng vui thì cười đùa đủ cách.
2. Ham nghe âm nhạc hưởng thú vui kỹ nhạc.
3. Nghĩ nhớ cách tiêu dùng kho tiền của.
4. Xúc chạm, thọ nhận mọi sự ăn uống khác.

Như vậy, thấy Phật là nghe, tư duy, tu tập v.v... nên biết.

Bồ-tát có bốn thứ pháp vượt qua khỏi đạo ma. Vì biết dựa vào bốn thứ ma để nói pháp vượt qua khỏi đạo ma, nên biết.

Bốn thứ ma: Gây trở ngại khiến cho kẻ tu Đại thừa bỏ tâm Bồ-đề; gây chướng ngại cho việc giáo hóa chúng sinh; đối với việc chúng sinh làm, nó không gây tâm ác, đối với việc không làm khác nó gây trở ngại; ai hiểu biết rộng, nó gây cản trở và cản trở luôn việc làm đầy đủ các hạnh. Đối trị với

tất cả chúng sinh khởi tâm kiêu mạn, Bồ-tát nói thừa bất động, chỉ họ tự bỏ những nhân không phải hạnh của chúng sinh, từ bỏ các nhân tà hạnh và bỏ sự thiếu hụt chánh hạnh. Do đó mà vượt hơn đạo ma.

Bồ-tát có bốn pháp gồm thâu được mọi căn thiện, bốn pháp nầy dựa vào bốn căn thiện để gồm thâu hết thảy thiện:

1. Nhất tâm địa tu tướng.
2. Bất nhất tâm địa tướng.
3. Loại tướng giáo hóa chúng sinh.
4. Tướng tu khổ hạnh và tướng văn tư. Bỏ tâm dua nịnh quanh co. Ở chốn trống trải thanh vắng, thị hiện tướng tu hành căn thiện. Hành bốn nhiếp pháp, đối với mọi chúng sinh không cầu trả ơn, nghĩa là vì chúng sinh mà giáo hóa là hạnh phải hành. Chúng sinh là người cần giáo hóa, đó là hạnh phải hành. Tướng chúng sinh là phải giáo hóa. Vì tất cả chúng sinh mà không tiếc thân mạng, vì mong cầu chánh pháp là rất khó. Tướng khổ hạnh là nghe pháp không biết chán đủ, tìm hiểu nghĩa không biết chán đủ. Gom góp tất cả căn thiện và tu hành tinh tấn, đấy gọi là hình tướng của văn, tư.

Bồ-tát có bốn sự việc trang nghiêm vô lượng phước đức. Dựa vào dục phát khởi nơi chúng sinh mà dạy họ lìa xa tham dục rồi nói bốn lĩnh vực. Đó là: hoài nghi, mê loạn, do dự v.v... vì đề phòng rơi vào đường ác. Kẻ ưa chuộng Tiểu thừa và kẻ phát sinh tâm niệm độc ác, chê bai đối với pháp Phật, trong đó, tâm Bồ-tát không mong cầu trả ơn mà vẫn làm việc bố thí, đó là muốn kẻ nghi ngờ, mê loạn, do dự v.v... kia quay về với chánh pháp. Đối với người phá giới mà vẫn phát tâm đại bi, là Bồ-tát muốn đưa họ ra khỏi con đường ác kia.

Ca ngợi, khuyến khích, giáo hóa tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Khiến người có tâm ưa chuộng Tiểu thừa quay lại, đối với người có trình độ thấp kém, dạy họ tu tập hạnh nhẫn. Sửa đổi tâm kẻ độc ác, chê bai v.v... pháp Phật. Nếu không che chở chỉ dạy cho kẻ hẹp hòi, yếu kém, thì họ sẽ phát sinh tâm ác đối với pháp Phật.

Do có bốn điều siêu việt nầy mà Bồ-tát vượt vô minh phiền não.

Bốn điều đó là: Vâng giữ giới cấm, duy trì chánh pháp, phóng hào quang tỏa sáng qua các đời, cho vật dụng của cải, và cả sự đồng ý v.v... Đấy là bốn pháp vượt qua lĩnh vực vô minh phiền não.

Bồ-tát có bốn điều không chướng ngại, khiến đạt được đầy đủ trí không chướng ngại:

1. Bố thí pháp.

2. Giữ gìn, bảo hộ chánh pháp.
3. Không phát sinh tâm niệm ganh ghét.
4. Không khinh bỉ chê bai người khác.

Không phải chỉ có văn tự mà được gọi là Bồ-tát, mà đó còn là sự thị hiện khác nhau của chánh hạnh, tính từ lúc mới phát ý cho đến lần lượt nói pháp thị hiện nhiều phương tiện tu hành.

Dựa vào hạnh thù thắng, bình đẳng v.v..., đó là pháp hành của Bồ-tát, nó chỉ rõ hạnh Bồ-tát là cao vượt hơn hạnh của Thanh văn. Hạnh bình đẳng là coi thân mình và kẻ khác như nhau. Bồ-tát thị hiện các hạnh thiện không phải chỉ vì tất cả chúng sinh. Hạnh thiện đó ở trong hạnh Bồ-tát, nó chính là ý nghĩa thiện trong lành rốt cùng hơn hết. Phương tiện khéo léo là dựa vào Bồ-đề.

Chánh hạnh theo pháp thiện là Bồ-tát giỏi sử dụng các phương tiện khéo léo trong việc làm của mình, trong đó hạnh Bồ-tát là hành chánh pháp. Do vậy chánh hạnh của Bồ-tát có năm thứ cao vượt hơn hạnh của Thanh văn và Duyên giác. Đó là đem yên vui và lợi ích thiết thực cho tất cả chúng sinh, giúp chúng sinh được an trụ Nhất thiết trí.

Khéo có thể cân xứng với công đức của mình là do tâm sâu xa cao vượt. Do tâm sâu xa cao vượt, nên Bồ-tát tự thân thường vì an vui lợi ích cho tất cả chúng sinh, không phải như các Thanh văn, Duyên giác.

Bồ-tát có khả năng dùng bốn hạnh thù thắng nhằm khuyên bảo mọi người tin tưởng và ngộ nhập Nhất thiết trí.

Bồ-tát biết là phải luôn luôn khuyên bảo chúng sinh ngộ nhập vào tất cả trí tuệ, không phải như các Thanh văn, Duyên giác.

Khéo léo và giỏi cân lường tương xứng công đức của mình, không làm hư hỏng trí của người khác, là Bồ-tát giỏi biết những gì mà mình đã chứng được, đồng thời cũng biết hạnh của Nhị thừa, chứ Nhị thừa thì không thể thông đạt được công đức của Bồ-tát.

Tâm không quanh co dua nịnh là Bồ-tát không có tâm chấp trước, kiêu ngạo, vì đã chứng biết pháp vô ngã, nên tu tập trí tuệ.

Câu thứ hai: Thanh văn v.v... có nói: Đây là lĩnh vực cao vượt của phước điền nầy.

Ý thức ngộ nhập sâu xa và kiên cố, nghĩa là vì mục đích giáo hóa và đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên Bồ-tát phát sinh ý thức ngộ nhập vững chắc, không phải như các Thanh văn, Duyên giác v.v... từ bỏ việc làm lợi ích cho chúng sinh để nhập Niết-bàn.

Trong hạnh của Bồ-tát khi thị hiện có tám bằng nhau:

1. Thương kính bằng nhau. Có ba thứ khác nhau tùy lúc tâm thực hiện: Thương kính không hư vọng là chỉ rõ không có tâm mong cầu. Coi kẻ thù và bà con như nhau là chỉ rõ dù có làm lợi ích cho ai hay không thì hai việc làm như nhau. Mãi mãi có khả năng làm thiện tri thức cho đến khi nhập Niết-bàn là chỉ rõ có lòng thương kính bất cứ khi nào.

2. Thường trù tính lo nghĩ đầy đủ việc thương kính, trước là hỏi han, đó là chỉ rõ việc an ủi hỏi han với tâm bằng nhau, đặt ra thời hạn để các tâm thành thục như nhau được vui mừng vì giáo hóa.

3. Đã hứa với ai cái gì thì trọn không để họ lo ta không làm, đó là chỉ rõ sự giúp đỡ công việc với tâm như nhau. Trách nhiệm nặng nề đã gánh vác hay chưa cũng không bao giờ làm đứt mất hành động của tâm từ bi đối với hết thảy chúng sinh.

4. Không mỏi mệt là chỉ rõ tâm bi và tâm vô lậu đều như nhau chứ không thiên lệch, do hứa nhận lãnh gánh nặng. Vả lại tâm không mỏi mệt là chỉ rõ không bị trói buộc mà lúc nào cũng an vui như nhau, không có tâm buồn rầu trong gánh nặng mình đã lãnh.

5. Mãi học chánh pháp để tiếng thơm không chán là chỉ rõ cách dùng phương tiện giỏi như nhau, giỏi thông văn nghĩa, tùy sức mà sử dụng làm phương tiện giáo hóa.

6. Chỉ thấy lỗi mình không thấy lỗi người là do không có tâm giận dữ, để người khác nói là chỉ rõ những gì mình đã nói đều như nhau. Nếu đã không thấy lỗi mình mà do tâm giận nói ra thì đó là nói có như nhau.

7. Dùng tâm Bồ-đề làm chỗ dựa cho mọi oai nghi là chỉ rõ mọi phát nguyện đều như nhau, ngang bằng với mọi điều thiện.

8. Mọi việc làm như nhau đều hồi hướng về Đại Bồ-đề.

Nguyện làm căn thiện là hành giả muốn thị hiện hạnh bố thí, một trong sáu Ba-la-mật mà không cầu quả báo. Mỗi Ba-la-mật như thế v.v... đều có đối trị chướng và hiện rõ thuyết vô ngại. Các Ba-la-mật như là bố thí v.v... gồm cả thân miệng có thể nhẫn, tất cả chúng sinh không thể làm, không thể phá hỏng tâm nhẫn, nên kinh nói: Không phá hỏng tâm nhẫn nhục của tất cả chúng sinh.

Vì tu tập tất cả căn thiện, là chỉ rõ sự tu tập căn thiện của ba Thừa, nên siêng năng tu hành tinh tấn.

Mặc dù sinh lên cõi Vô sắc, nhưng vẫn phát sinh hạnh thiền định, là do ở trong cõi Sắc có được sự sống giỏi hay dở, nên biết.

Bồ-tát sinh trong cõi Sắc không phải trong Tam-ma-bạt-đề là vì đã thành thục thân mình trong pháp Phật, còn đến thế giới khác để thân cận chư Phật, ở cõi Dục mà làm lợi ích cao vượt cho chúng sinh, không cần phải dùng phương tiện thuộc lĩnh vực cõi Vô sắc, mà hạnh tuệ nầy thuộc vào bốn nhiếp pháp (ở cõi Dục).

Phương tiện là phương tiện thuộc về bốn nhiếp pháp, chỉ rõ bốn pháp đó là:

1. Việc hành theo pháp.
2. Việc tu hành.
3. Việc hành theo tánh.
4. Việc kết quả của tu hành.

Có ba hình thức của việc hành đó: Có tâm từ bi đối với người giữ giới hay phá giới. Đối với họ không có hai tâm, không có tâm phân biệt.

Truyền dạy ở đây là dạy bảo cho kẻ giữ giới, hay kẻ không giữ giới. Hết thảy sự truyền dạy nầy là buông bỏ hết, không phân biệt ai có công đức hoặc ai gây họa, hay hy vọng truyền dạy để họ thân cận thầy dạy (Bồ-tát).

Chí tâm nghe pháp là hết lòng dũng mãnh đón nhận các lời dạy bảo.

Thường ưa cảnh núi rừng là dựa vào cảnh vắng lặng yên tĩnh để đối trị các dục vọng tham lam v.v...

Ba câu nầy chỉ rõ việc tu hành. Ba câu nào chỉ rõ việc của tánh? Là tâm không ưa dính mắc mọi việc thế gian, là chỉ rõ tâm không tán loạn. Vì không tán loạn, nên không đắm vào Tiểu thừa.

Thường thấy lợi ích lớn trong Đại thừa. Bỏ qua tâm Tiểu thừa, sẽ thành tựu đúng theo tâm Đại thừa. Tránh xa bạn ác, nên thân cận các bạn lành, ở nơi vắng lặng, yên tĩnh, vẫn tu tập dũng mãnh không ngừng, thân cận chúng sinh, thân cận nhẫn. Giáo hóa chúng sinh không ngừng trong sự yên tĩnh, vắng lặng, dũng mãnh không ngừng nghỉ cho nên sống theo pháp đã nói như là Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nó gồm thâu mọi tư tưởng không cho tán loạn, tùy sự nhớ nghĩ, tùy bạn đồng hành, mới được hành sự theo pháp nầy.

Kết quả của tánh có hai thứ tướng là tâm thanh tịnh và sự giáo hóa chúng sinh.

Tâm tịnh là do trí tuệ thanh tịnh của thế gian và xuất thế gian, nên biết.

Thành tựu bốn phạm hạnh, trang nghiêm diệu dụng với năm thần thông. Dựa vào trí tuệ thanh tịnh của thế gian mới nhận được công đức lớn.

Do hỗ trợ gom góp năng lực nương tựa tu hành có kết quả làm sạch trí tuệ thế gian, nên biết.

Thường nương tựa trí tuệ là tu tập trí tuệ thế gian, nhưng do biết đủ nên từ bỏ tâm niệm tham lam mà hoàn toàn mong cầu trí tuệ xuất thế gian, đấy gọi là trí tuệ xuất thế gian, nên biết.

Bốn câu nói về việc giáo hóa chúng sinh là chỉ rõ việc đối với những chúng sinh sống theo lối tà hay chánh hạnh, nhưng ý định vẫn không buông bỏ, vì trụ vào điều mà người ta không thể chịu đựng nổi về rắc rối hoạn nạn, để từ đó vượt qua, với khả năng chịu đựng được mọi thiệt hại mà không mong cầu quả báo.

Thường giữ lời nói chắc chắn có nghĩa là lời nào Bồ-tát nói ra là chắc chắn, và Bồ-tát luôn kính trọng mọi người trước sau, che chở nhau, chứ không phải trước đã nói rồi, sau lại không thích nói nữa.

Quý trọng lời nói chân thật là Bồ-tát luôn kính thương và giữ gìn lời nói thật, làm theo lời mình nói. Tất cả mọi hành động đều dựa vào oai nghi mà làm, chỉ lấy tâm Bồ-đề làm đầu. Dựa vào đó để chứng Bồ-đề. Không ưa mong cầu lợi dưỡng, tiếng khen.

Sống với chánh hạnh rõ ràng như vậy là Bồ-tát đã chỉ rõ các công đức thù thắng, đã nói ra các thí dụ, nên biết: Nầy Ca-diếp! Như đất bao la có thể tiếp nhận mọi thứ. Trong thí dụ đầu là chỉ rõ Bồ-tát nương vào chúng sinh giúp tăng trưởng và phát triển các hạt giống để có quả báo tốt, nhưng với tâm thì không phân biệt.

Không mong cầu sự báo đền là việc làm dù tốt hay xấu đều không mong báo đáp. Tâm không biết đủ đối với việc làm lợi ích hay không lợi ích.

Dùng thí dụ thứ hai, thứ ba và thứ tư là chỉ rõ sự phát triển của nghĩa nương tựa, là giáo hóa chúng sinh, khiến họ tăng trưởng đến cùng hạt nhân của căn thiện. Tăng trưởng là như trăng lúc mới mọc, vầng trăng với màu sắc, hình dáng sáng tỏ rồi càng lúc càng tỏa sáng khắp nơi.

Thí dụ thứ năm là dựa vào việc làm lợi ích cho chúng sinh, là chỉ rõ Bồ-tát tăng trưởng, tự thành tựu hạnh, hỗ trợ đạo Bồ-đề.

Thí dụ sáu là như sư tử, chúa của muôn thú, tùy ý muốn đến bất cứ nơi nào đều hoàn toàn không kinh hãi, mà an ổn bước đi.

Thí dụ thứ bảy là chỉ rõ việc không lo sợ Niết-bàn hay thế gian mà không bám víu hai nơi đó. Ví như khéo điều phục voi chúa, để nói rõ khả năng chở được mọi đồ nặng mà không thấy mệt mỏi.

Thí dụ thứ tám là chỉ rõ dù phải gánh vác việc nặng thế gian, nhưng Bồ-tát không khựng lại trong mỏi mệt, khác nào hoa sen mọc trong nước mà nước không thể dính ướt.

Thí dụ thứ chín là chỉ rõ Bồ-tát không thể bị phiền não của thế gian vấy nhiễm, ví như có người chặt cây, rễ vẫn còn nên nó sống mãi.

Thí dụ thứ mười là chỉ rõ Bồ-tát không sợ nhiễm phiền não, nhưng cũng không chứng Niết-bàn, ví như tất cả sông ở mọi nơi đều đổ ra biển cả, khi ấy chỉ có một vị mặn.

Thí dụ thứ mười một là dù có căn thiện và phiền não, nhưng vẫn hồi hướng phát nguyện gồm thâu hết, là chỉ rõ nhân Bồ-đề, như núi chúa Tu-di là nơi nương tựa của các trời Đao-lợi và Tứ Thiên vương v.v...

Thí dụ thứ mười hai là đề phòng Thanh văn đồng Niết-bàn. Thanh văn kia từ bỏ thệ nguyện của mình và các căn thiện mà nhập Niết-bàn, trong khi các Bồ-tát mặc dù thị hiện Niết-bàn, nhưng không bỏ lời thệ nguyện của mình, là chỉ rõ Bồ-tát được đại tự tại với mọi căn thiện, ví như nhờ vào năng lực của các bầy tôi, nên vua lo xong mọi việc của quốc gia.

Thí dụ thứ mười ba là chỉ rõ việc Đức Thích-ca thành đạo rồi, tại sao nhập Niết-bàn mà vẫn có thể làm lợi ích cho chúng sinh, ví như trời nổi đám mây to ắt là trút xuống trận mưa, mọi quả hạt đều tăng trưởng.

Thí dụ thứ mười bốn là nơi nào Chuyển luân Thánh vương sinh ra thì nơi đó có đầy đủ bảy thứ châu báu.

Thí dụ thứ mười lăm là vì lẽ gì Đức Thích-ca không nói pháp mãi mãi và thị hiện giáng sinh mà còn phải chờ đợi thời gian?

Thí dụ thứ mười sáu là như nơi nào có ngọc ma-ni thì nơi đó có vô lượng trăm ngàn vạn thứ châu báu như vàng, bạc v.v...

Thí dụ thứ mười bảy là thị hiện Thanh văn v.v... đồng đẳng, còn có lỗi lầm trong Niết-bàn. Vì Thanh văn kia v.v... thì không có sự bình đẳng, ví như các trời Đao-lợi cùng vào vườn như nhau, mọi vật dụng đều đồng đẳng. Thí dụ thứ mười bảy: Chỉ rõ v.v... vì không có năng lực, nên Thanh văn không thể nhận lãnh nổi pháp cao vượt. Đối với mình và người, Bồ-tát đều làm lợi ích như nhau cho hết thảy chúng sinh. Ví như năng lực của chú thuật, thuốc độc, tuy giữ gìn nọc độc, nhưng nó

không thể hại người đó. Mọi phân rác trong nội thành kia nếu đem bón cho ruộng mía bồ đào thì có ích lắm chứ.

Thí dụ thứ mười tám và thí dụ thứ mười chín là chỉ rõ các Bồ-tát dù chưa đoạn tuyệt các phiền não, nhưng việc thị hiện vẫn cao vượt hơn Thanh

văn, vì hàng Thanh văn không có khả năng gây lầm lỗi hay làm công đức lợi ích lớn cho chúng sinh.

Các thí dụ nầy, ở câu trước đã phân biệt nói rõ, câu sau cũng sẽ lần lượt nói rõ, nên biết.

Việc đó ra sao? Từ lúc mới phát tâm, Bồ-tát chỉ biết giúp đỡ làm cho căn thiện chúng sinh thành tựu, dù trước, giữa, sau vẫn không mong trả ơn. Đối với tất cả việc tốt hay xấu, tâm Bồ-tát như mặt đất, nhưng không phải là đất, vì mọi người nương nhờ vào đất mà sống, nhưng đất không hề biết. Bồ-tát không phải vậy, Bồ-tát biết mình khởi lòng thương kính là nhằm phát sinh nhân của căn thiện cho chúng sinh.

Tâm Bồ-tát như nước nhưng không phải nước. Việc tiêu dùng nước có những trái ngược nhau. Bồ-tát không phải vậy, Bồ-tát nói pháp chán lìa v.v... là nhằm làm căn thiện của chúng sinh thành thục.

Tâm Bồ-tát như lửa nhưng không phải lửa. Sự biến hóa thế giới chư Phật về thành tựu có khác nhau. Bồ-tát không như vậy, vì muốn giáo hóa chúng sinh thành thục, nên Bồ-tát chỉ rõ giải thoát, vận lực ứng hóa giúp vào việc truyền dạy giáo pháp.

Tâm Bồ-tát như gió nhưng không phải gió. Người ta thấy gió thì lại mượn sức của nó mà sử dụng. Bồ-tát thì không phải vậy, tự ở chính mình, Bồ-tát có khả năng làm lớn thêm các pháp trắng.

Tâm như trăng, nhưng không phải trăng, do trăng chỉ chiếu sáng phân nửa tháng, còn phân nửa tháng thì không. Bồ-tát không phải vậy, Bồ-tát lấy tâm bình đẳng và trí tuệ chiếu sáng mọi pháp, cả pháp đen lẫn pháp trắng.

Tâm như mặt trời, nhưng không phải mặt trời. Mặt trời khi vận chuyển còn phải sợ La Hầu che khuất. Bồ-tát không phải vậy, bất cứ sinh nơi đâu, Bồ-tát vẫn không bị sự phiền não che mù mà cứ sống.

Tâm như sư tử, nhưng không phải sư tử, vì sư tử mang gánh nặng thì sinh thoái lui. Bồ-tát không phải vậy, Bồ-tát có khả năng chịu đựng hết thảy mọi gánh nặng của khổ.

Tâm như rồng chúa điều phục, nhưng không phải như rồng chúa được lợi hay mất lợi, nhu nhuyễn ngữ, khổ vui, phòng hộ, lợi ích, thất bại, tâm nhiễm. Bồ-tát không phải vậy, đối với hết thảy pháp thế gian, Bồ-tát không sinh tâm đắm nhiễm dù có tăng ích thế nào.

Tâm Bồ-tát như hoa sen, lại không phải như hoa sen, vì cọng sen bị cắt đứt rồi thì không thể mọc ra nữa. Bồ-tát không như thế, mặc dù dập tắt các phiền não, do năng lực căn thiện, nhưng Bồ-tát có khả năng nảy sinh tâm từ ở cõi thế gian. Như cây không bị chặt rễ.

Lại như gốc cây không bị chặt đứt, chỉ còn có khúc gốc ngay thẳng. Bồ-tát không thế, đối với căn thiện của mình, Bồ-tát đều hồi hướng về Bồ-đề và Đại Niết-bàn.

Tâm như lội vào biển nước, nhưng không phải như lội vào biển nước, chỉ gọi là tùy thuận (xuôi) như nước biển. Bồ-tát thì không thế, bằng vào sự tu tập các căn thiện, thành tựu đại Bồ-đề và Niết-bàn, Bồ-tát vẫn có thể dạo chơi.

Tâm như núi chúa Tu-di, nơi cư trú của các trời, nhưng không phải núi chúa Tu-di là nơi cư trú, vì các trời chỉ ưa đắm say niềm khoái lạc của mình với tâm niệm quá nhiều phóng túng. Bồ-tát thì không như thế, vì dùng năng lực phương tiện trí tuệ không cùng chung, nên có thể xét rõ hết thảy những việc mà chư Phật đã làm.

Tâm như quốc vương, lo liệu xong việc nối nghiệp đất nước do sự gắng sức của đại thần, nhưng không phải như quốc vương, vì quốc vương phải nhờ công đức của các quan, chỉ vì lợi ích cho mình, phòng vệ nước mình. Bồ-tát không như thế, vì Bồ-tát từ bỏ, hy sinh hạnh phúc khoái lạc của mình để đem đến cho chúng sinh sự che chở thấm nhuần lợi ích.

Tâm như bầu trời nổi mây to, nhưng không phải như bầu trời nổi mây to, vì mây không thể thường xuyên cho mưa mà còn phải do thời tiết khéo điều hòa thành thục. Bồ-tát thì không thế, Bồ-tát có khả năng tăng trưởng và phát sinh mãi pháp phần Bồ-đề.

Tâm như sự xuất hiện của Chuyển luân Thánh vương, nhưng không phải như xứ sở ra đời của Chuyển luân Thánh vương, vì chỉ có một vua chứ không thể có hai bậc đại nhân cùng ra đời. Bồ-tát thì không như thế, Bồ-tát với tâm giải thoát, bình đẳng cùng phát sinh một lúc.

Tâm như ngọc quý Ma-ni, nhưng không phải như ngọc quý Ma-ni vì vĩnh viễn không ra khỏi kho tàng Ca-ly-sa-ba-na v.v... Bồ-tát thì không như thế, khi đã nhập vào giới pháp vô lậu, thì Bồ-tát đồng hết thảy việc làm, đồng nhận mọi niềm vui.

Tâm như các vị trời ở cung Đao-lợi đi vào vườn đồng đẳng, nhưng không phải như các trời ở cung Đao-lợi đi vào rừng đồng đẳng, vì họ chỉ có thể tăng trưởng các nghiệp phiền não mà thôi, chết rồi vẫn phải đọa vào đường ác. Bồ-tát thì không thế, vì đã dập tắt các phiền não, Bồ-tát

không thể mắc vào chỗ ác, cứ an nhiên mà khuất phục các phiền não độc. Lại nữa, không phải như người cất giữ chất độc để sử dụng, không làm hại muôn vật và không ích lợi. Bồ-tát thì không như thế, vẫn có khả năng dùng phiền não của mình làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh.

Tâm như đống phân phiền não nhơ bẩn ở trong thành to kia. Bồ-tát cũng thế, như thế gian hay khen ngợi các công đức v.v... nào là tốt đẹp hơn công đức kia, nên gọi là công đức không gì so sánh bằng, chính từ nghĩa đó, các Bồ-tát đều được gọi là công đức không có gì sánh kịp, nên biết. Do có sự khác nhau trong chánh hạnh.

Đã nói về các công đức cao vượt, nhưng chưa nói đến thể tánh tướng của chánh hạnh. Nó được chỉ rõ bằng nghĩa trung đạo. Dứt bỏ ngay hai bên là nghĩa trung đạo.

Hai bên là gì?

1. Hết thảy ngã kiến là bên của ngoại đạo. Họ chấp ngang ngược ấm, giới, nhập, đó tức là thường kiến, còn về sau nói chung chấp thường còn là một bên, chấp có ngã là một bên.

2. Bên Thanh văn, Duyên giác, ở trong các ấm, lại chấp vô thường, vô ngã. Còn sau nầy tổng quát mà nói, thì vô thường là hai bên, vô ngã là hai bên. Đứng giữa hai bên ấy gọi là trí không phân biệt. Trí đó không phân biệt nghĩa, gọi là vô sắc, do không thể diễn nghĩa, nên gọi là không thể trông thấy; nó không ở trong hoạt động của thức, gọi là không hoạt động, nó không có chủ thể và đối tượng chấp. Đó là vô tướng, bỏ chủ thể chấp thì chỉ là ý thức ghi nhận là vô ký. Không trụ ở thế gian và Niết-bàn, nên gọi là vô trước, nên biết. Do ngoại đạo chấp ngang ngược có ngã, nên nói pháp đối trị là không thấy có ta, người, chúng sinh, sự sống lâu của chúng sinh, sự nuôi nấng, giáo dục, con trai, Bổ-đặc-già-la và không thấy Ma-na-bà. Những gì đã nói, nên biết. Thanh văn, Duyên giác lầm chấp ấm là vô thường, nên lấy vô ngã để đối trị và bảo cho họ quán sắc là chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường, quán sát thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường, cho đến ngã là một bên, vô ngã là hai bên. Đứng giữa hai bên thấy hết thảy là không sắc, không hành, không mạng, không trí, không giác ngộ, không vướng mắc. Nầy Ca-diếp! Đó gọi là trung đạo chánh quán, là sự chân thật của mọi pháp.

Nói chấp vô thường, chấp vô ngã là nhân. Không phá bỏ hai cái chấp đó thì sẽ thấy đối tượng chấp là vô số, và chủ thể chấp phân biệt cũng vô số. Nầy Ca-diếp! Nếu chấp tâm có thật thì đó là một bên, nếu chấp tâm không thật thì đó là hai bên.

Họ cho tâm chân thật là thuận theo phân biệt, chấp vô thường, vô ngã, hoặc phân biệt là thường, là ngã v.v... Nếu không có tâm sở, hoạt động của nghiệp là chỗ dựa. Không có tâm sở là vì chỉ có hoạt động tạo nghiệp.

Không có ý nghĩa là những gì đã nói không có suy lường trước. Không có thức là quả báo.

Pháp thiện, bất thiện là tùy thuận ngu si hay chẳng phải ngu si.

Ngu si là kết quả không đáng mến, phải đối trị nó.

Nói có tội, không có tội, là không có các điều ác ở thế gian và xuất thế gian.

Hữu lậu, vô lậu. Vô lậu thì không thể nhận lấy tâm hữu lậu là tâm hữu lậu. Còn hữu lậu thì làm bạn với pháp đen, là pháp ô nhiễm đã nói.

Bạn pháp trắng là pháp trong sạch v.v... trong đó hoặc tâm có thật, hoặc tâm không có thật, đó là hai bên có chỗ tùy thuận trong các pháp.

Có thiện, bất thiện, cho đến có nhơ bẩn, không nhơ bẩn, hết thảy sự dính kẹt hai bên đều không nắm bắt được, không thể nói, không thể xét nghiệm, phân tích rõ. Đấy gọi là trung đạo chánh quán, là sự chân thật của mọi pháp.

Không nắm bắt được là do sự cố chấp kia. Không thể nói là, chỉ vì nói sự cố chấp đó (không thể nói). Tự thể không thể nói đúng đắn khi người khác hỏi đến. Còn có những nghĩa khác. Tốt không tốt thì đây vốn là giải thích câu trên khác với câu trên nữa, đúng đắn. Nên biết, để đối trị với ngoại đạo, Thanh văn v.v... nên nói về nghĩa trung đạo, rồi mới nói đến pháp đối trị.

Nói Bồ-tát đối trị chấp một bên ấy, vì trong đấy có ngoại đạo chấp ngã trái ngược. Nó được phát sinh từ đâu? Có thuyết nói: Như người mù té xuống đất. Các Thanh văn, Duyên giác v.v... tu hành chấp nhân vô ngã là do họ chỉ hiểu biết hoạt động của tâm lý. Họ phát sinh cái hiểu biết về hoạt động tâm lý là vô thường, vô ngã. Và vốn chấp pháp vô ngã, nên dựa vào những hoạt động từ vô thường vô ngã mà sinh. Bồ-tát nhận thấy tu hành pháp vô ngã xong, vốn học tập pháp vô ngã, nhưng qua đời sau chấp có bên sai lầm, do họ dựa vào ba thứ chấp có sai lầm. Đối trị là chỉ rõ tự tánh của sự chấp đó. Về có, không, Phật nói với Ca-diếp: Có là chấp một bên, không là chấp hai bên, cho đến không thân mạng, không hay, không biết, không vướng mắc, đấy gọi là trung đạo chánh quán, là sự chân thật của mọi pháp. Cách đối trị chướng là vô minh thì nói đến minh.

Kinh nói: Nầy Ca-diếp! Ta vì các ông đã nói về mười hai nhân duyên từ vô minh duyên hành, cho đến vô minh diệt xong, thì các tưởng hư vọng lo buồn, khổ não v.v... cũng đều diệt mất. Nói thêm là chấp hữu vi, vô vi cũng diệt hết. Các câu hành và diệt hành, như thế là đối trị với các thứ chấp v.v... Đó gọi là từ bỏ tính chất chấp mà không còn vọng tưởng phân biệt

chia hai. Nói không có hai tướng là tính chất vốn bình đẳng. Chẳng phải minh có khả năng sinh chấp, chẳng phải vô minh có khả năng diệt, chẳng phải hành có khả năng diệt chấp, trừ cái không diệt thì mới khỏi chấp. Dù có thành tựu phân biệt tánh và tướng mọi thứ thì trí kia vẫn có khả năng đề phòng sự chê bai chấp một bên ấy. Chẳng phải minh, chẳng phải vô minh mà diệt được vậy. Không phải do không có khả năng làm cho các pháp thành không, không do vô tướng nên chỉ pháp tánh tự không. Các pháp vô tướng là chỉ nó tự vô tướng. Cho đến các pháp tự nó không phát sinh, không chấp lấy, không tánh. Như vậy là chỉ rõ ý nghĩa gì? Do thấy rõ các tướng là không nên biết pháp nhân duyên sinh là do tánh phân biệt vọng tưởng cả, hoặc còn vì tánh thành tựu, nên các pháp trở thành không. Tại sao? Do thể của pháp là vậy. Nếu tánh là vọng tưởng phân biệt, hoặc nếu là tánh thành tựu, thì các pháp cũng không. Như vậy cho đến vô tánh, thì những điều đã nói đó là có ánh sáng và có chướng ngại. Điều đó chỉ rõ các pháp đã từ bỏ tánh thành tựu của vọng tưởng. Nó đã đề phòng ngăn cản bảo vệ sự chê bai một bên.

Trong đấy có bảy thứ đối trị chướng. Nói ánh sáng là không, cho đến vô tánh. Bảy thứ chướng đó là: Đối trị với chấp có kia, nên nói là không. Đối trị với nguyên nhân của tướng tham, sân, si, nên nói là vô tướng. Vả lại, chấp lấy sự nguyện ước trong hữu lậu nhằm đối trị với nó nên nói là vô nguyện. Lại nữa, nhằm đối trị với hành động gây tạo nghiệp hữu lậu đó, nên nói là không tạo tác. Do nói có nhân quả sinh, nên đối trị nó mà nói là không sinh. Sinh rồi tất nhiên khổ vui, vì đối trị với quan niệm đó, nên nói không phát sinh. Vì chấp không, nên nảy sinh tâm niệm ngã mạn, để đối trị với tánh ngã mạn đó, nên nói các pháp cũng vô tánh vậy.

Trong đấy nói quan sát vô ngã là nhằm ngăn ngừa con người ôm giữ lấy tướng. Ngoài ra, cho đến không có hai tướng là vì ôm giữ tướng của các pháp, nên Phật nói với Ca-diếp: Chẳng phải không có người mà gọi là không. Không là do tự nó không, là ngăn ngừa kiểu chấp tướng ngang ngược về người và pháp, mà không phải làm diệt mất sự duyên vào tướng của chúng sinh. Không phải dập tắt sự duyên vào tướng của chúng sinh mà tu tập không, nhưng không tự chính nó là không, là chỉ rõ cần diệt sự chấp tướng đối với pháp. Đó là tánh vọng chấp phân biệt. Không là không, huống chi tất cả pháp hư vọng? Trong việc phân biệt sự chấp giữ là như thế do không tức chẳng có gì. Nương vọng chấp thì trong tánh phân biệt là không. Chẳng phải không có gì thì trong tánh thành tựu lại có. Như không nghĩa là hết thảy các pháp cũng thế. Do chấp giữ các pháp nên chỉ rõ pháp là vô ngã. Nhưng sự thành tựu đó là do ngày tháng.

Kinh nói: Bến bờ trước là không, bến bờ giữa không, bến bờ sau cũng không, hết thảy thời gian đều thị hiện như vậy. Chỉ rõ cái có từ tự thể của bậc hữu học, vô học, phàm phu, các ông phải dựa vào không, dựa vào liễu nghĩa. Đối với không, chỉ rõ phương tiện phòng vệ, là đừng dựa vào người, mà phải dựa vào liễu nghĩa. Ngăn ngừa sự nương dựa đó rồi, thì gọi là an trụ dựa vào liễu nghĩa. Người ta phân biệt tùy theo nguyên nhân là hai thứ Bổ-đặc-già-la kia. Nếu hiểu không và liền dựa vào không là nói ý gì? Không còn vọng phân biệt, vì hiểu được tánh không nên dựa vào nghĩa không. Dựa như thế xong, thì việc chấp có người và ta tan biến hết, chúng bị biến mất nhanh hơn. Để chỉ rõ ngã chấp và sự tan mất mau lẹ của nó, nên sau khi thành đạo, Đức Thích-ca mới nói với Ca-diếp: Thà phát sinh quan niệm chấp ngã lớn như núi Tu-di, hơn là chấp không. Hết thảy mọi kiến chấp chỉ tan biến khi hiểu lý không. Do biết sự phân biệt là không. Đã biết nghĩa chân thật của không, thì ngã mạn tiêu tan. Vì bám ngã chấp nên phát sinh sự chê bai. Kiến chấp con người là khó trừ. Thuốc của ông đã gây chuyển động nội tại, nhưng không toát ra bên ngoài cơ thể, đấy gọi là có bệnh.

Kinh nói: Nầy Ca-diếp! Nếu người nào phát sinh chấp không, thì ta nói người đó là không thể đối trị. Do vọng chấp phân biệt tánh nên người ta chấp ngang ngược vào nghĩa cho hết thảy mọi vật là hoàn toàn không có gì.

Thí dụ hư không là phòng ngừa sự chuyển biến tà chấp. Người nào mang tâm chấp không thì họ đem ý tưởng không đó nhìn mọi pháp là không, trong mọi việc chẳng có gì để phân biệt. Do nhìn sai lệch như vậy nên gọi là biến chuyển chấp thủ ngang ngược. Pháp tánh của các sắc v.v... nầy tự nó không có thí dụ. Nếu các chúng sinh mưu cầu trừ bỏ "không" là thí dụ cho sự tu hành. Thể không của pháp là huyễn. Do sợ cái thể đó nên vọng phân biệt các sự. Nếu các pháp sắc v.v... là không có, thì sự tu tập các hạnh hóa ra oan uổng vô ích. Để ngăn ngừa tai họa nầy, nên Phật nói thí dụ về họa sĩ. Thật sự thì không có quỷ, đó là do họa sĩ đã tự phân biệt, tư duy, tính toán mờ mịt, ngồi tréo giò trên đất vẽ ra. Như thế, cũng là sự việc không có sắc v.v..., mà các phàm phu ngang ngược, tự nhớ nghĩ, phân biệt tu hành, nên thế gian cứ mãi xoay vòng mà tu hành, không có trí để có thể trừ khử được ngu kia. Tu hành mà không hư vọng, trước đây đã giải thích sự tu hành phân biệt hư vọng. Nay sẽ nói đến việc phát tâm tu không hư vọng. Nếu tâm chỉ là mê muội, thì làm sao nói tâm đó có khả năng biết được để đề phòng mọi rủi ro và bảo vệ tâm đó, cho nên trước hết là đề phòng sự phân biệt hư vọng, đưa đến chấp giữ, cũng cần ngăn ngừa nó phát

sinh hành động.

Nói thí dụ về nhà ảo thuật. Sống với ảo thuật, là ông ta ràng buộc tâm trí và sự nhớ nghĩ vào ảo thuật. Làm ảo thuật là làm cho trí suy nghiệm, không nghĩ đến bất cứ việc gì khác, như ăn chẳng hạn, trí chăm chắm vào ý đó, không nhớ nghĩ chuyện gì khác sợ làm phân tán, quán như hư không v.v... từ bổn lai căn cơ tuệ Thánh, phải quan sát mà thấy như thật. Nhưng đã là không thì làm sao quán sát không như thật để chứng ngộ được trí xuất thế gian? Để ngăn ngừa câu hỏi khó khăn nầy, nên Phật dụ nói hai cây cọ xát với nhau, vì duyên nơi tư duy vắng lặng, nên từ chỗ đó có lửa nảy sinh căn tuệ Thánh. Trí tuệ Thánh phát sinh rồi, thì xả bỏ sự thị hiện quán sát vắng lặng kia, nên biết.

Trí tuệ phát sinh để đối trị với không có trí tuệ. Để ngăn ngừa câu hỏi khi trí tuệ chưa phát sinh, nên Đức Phật đưa ra thí dụ ngọn đèn sáng, chỉ rõ đó là trí không phân biệt. Lúc trí tuệ đã phát sinh là đối trị vô trí. Thế nào là vô thỉ phiền não đối trị bằng hữu thỉ? Để ngăn ngừa câu hỏi khó đó, nên đã dụ về sự vướng mắc đèn sáng bên trong. Thí dụ nầy là dụ về nghĩa trung đạo. Đó là nói và giải thích giản lược. Nếu phân biệt rộng ra, Bồ-tát trụ trong giới chánh hạnh, có sai biệt nên biết. Pháp mà Bồ-tát hành, nếu nói theo lý thật ngữ thì nó thuộc chân lý của thế tục và thật ngữ phân biệt. Nó biểu hiện cho sự tiệm giáo (giáo lý thứ lớp) chứ không như nghe âm thanh rồi giữ lấy. Do hình tướng như thế, nên không dựa vào thừa Thanh văn mà vượt qua Thanh văn, đó là trung đạo.

Từng cúng dường và tu tập căn thiện, nghĩa là tùy thuận đi theo các pháp sâu xa của Đại thừa và tùy thuận "không".

Đối với trí phân biệt và không phân biệt đều thuộc về lý của chân lý thật. Chân lý thế tục và chân lý thật đã nói, chỉ nói từ sự liễu nghĩa của một pháp giới nghĩa đó, dùng nghĩa xuôi theo nơi nương tựa gọi là tu hành vắng lặng. Vì tu hành vắng lặng nên gọi là tùy thuận hướng về nghĩa trung đạo.

Pháp trung đạo đó mở rộng ra, giảng nói về mười ba loại của trung đạo. Giải thích chúng sinh không là chúng sinh vô ngã và pháp không. Pháp vô ngã nầy là sự phân biệt ngang ngược, là chấp một bên và chê bai một bên. Pháp chứng ngộ và sự phát nguyện kia đều hướng về đại Bồ-đề.

Thực hành như thế xong, đối với phiền khổ, tâm không chán đủ và càng tin hơn vào hai thứ vô ngã. Vô ngã ở trước, vô ngã ở giữa và sau, là tối tận cho đến các không. Cái không đó cũng được giải thích như nói về năng lực thần thông vậy.

Giải thích về chúng sinh không là sao? Do một tướng. Nói nếu

không tự quán sát là chỉ rõ không tự mình hiểu biết.

Trong đấy có sự không phân biệt. Có ba thứ việc không phân biệt. Đối với chúng sinh làm rõ về năm ấm và những sự việc khác. Chuyển biến sáng suốt trong các giới, các nhập v.v... trong sự kiện tiếp nhận cần dùng kia, trong, ngoài và hai trung gian, như phàm phu chấp ngang ngược.

**

LUẬN ĐẠI BẢO TÍCH KINH

QUYỂN 3

Không chấp ngã thì làm sao giải thích thành người vô ngã, dùng một tướng thị hiện mà giác ngộ. Trong đấy, vì có sự giác ngộ nầy, nên nói không thường xuyên quán sát biết trở lại trong ba thứ việc kia. Phàm phu chấp giữ là do họ thường không nhận thấy, phàm phu đã cố chấp thì tự họ ôm lấy tướng khác của mình.

Ấm là vô thường v.v... làm thế nào giải thích nó là pháp không cũng do một tướng thị hiện nhưng không giác ngộ, cho là chẳng quán sát vô thường? Biết mình không giác ngộ nên trở lại với lý vô thường đó, cả trong, ngoài và hai trung gian. Phàm phu nầy đã chấp giữ vào tướng thể tánh giả nói mà họ không biết. Đã chấp như vậy, vì biết vô thường cũng không thể nói được, nên họ bằng lòng sống một cách tạm bợ như vậy. Do vậy, làm sao giảng giải pháp là vô ngã? Chỉ cho họ giác ngộ một tướng? Do có sự ngộ biết trên, nên những gì mà họ biết rõ chính là đã thấy biết cảnh giới của Thánh trí. Chỉ có bậc Thánh tự chứng biết nội tại mà không thể nói cho người khác biết.

Sự giác ngộ đó có sáu loại tướng: Như phàm phu đã chấp lấy cái giả thì Thánh nói tánh không tương tợ. Sáu hình thức đó là:

1. Không phải sắc là tự trắc nghiệm, chỉ rõ nó không thể nói được.
2. Đấy là những cái không thể thấy, nghĩa là sắc kia không thể nắm bắt được.
3. Chỉ rõ sắc đó không đứng lại, nghĩa là vượt qua cảnh giới sắc căn. Căn, xứ, sắc kia v.v... không có khả năng đứng lại.
4. Vô tướng là lìa khỏi sự nhớ nghĩ tánh tướng.
5. Vô ký là ly khai cảnh giới của ý thức.
6. Không vướng mắc là không có sự kiện phiền não.

Làm thế nào giải thích được sự chấp có một bên, nói đúng đắn về thị hiện, có hai thứ thắng tướng và nói đúng đắn về thị hiện thể tánh tướng đó.

Trong đó, nói đúng ra thắng tánh tướng là gì? Mỗi thể tánh và tướng đều có tám thứ. Chấp thường trọn thì có chấp ngã trọn. Chấp trọn là vô thường thì có chấp vô ngã. Dựa hẳn vào chấp vô ngã, nếu chấp có thật tại tâm thì dựa vào chấp có ngã.

Nói không chấp sự cố chấp về tâm chân thật, nó là chỗ dựa của chấp có ngã, thì đó cũng là đi tìm tâm chân thật. Bằng sự đi tìm cái thật tâm, mà họ dựa vào để chấp, thì sự chấp kiên cố đó không phải thật tâm. Sự cố chấp là không tốt v.v... mọi chấp trước đó cho đến chấp sự ô nhiễm, chấp tướng có năm thứ tai họa của chướng. Đó là các tai họa điên đảo, tai họa của sự chê bai, tai họa của khởi ý, tai họa của sự ác độc thô bạo, và tai họa vô thường ở trong các pháp nhiễm. Sự chấp giữ vào tâm thật thì đối trị với tâm đó là sự an ổn ở trong pháp thanh tịnh tốt đẹp, cho đến sự thanh tịnh mà được an ổn. Đấy là tám thứ an ổn tốt đẹp hơn hết.

Trong tám thứ an ổn tốt đẹp nầy, Bồ-tát không giác ngộ ý niệm tùy thuận, không chấp giữ, không nói đến sự tùy thuận, không khuyên bảo người khác, không giác ngộ sự tùy thuận, không chê bai người khác.

Duyên nơi sự an ổn chân thật, thì như trên đã nói rõ, là cần phải dựa vào tám sự an ổn tốt đẹp vượt trội vừa nói. Phàm phu đã ràng buộc ý niệm, duyên vào sự an ổn tạm bợ, với tác dụng của tính chất bám chấp an ổn như thế, làm sao cởi bỏ sự chê bai một bên? Thì cũng do một tướng mà thị hiện có việc chê bai.

Chê bai là do tin tà pháp, duyên nơi vô ngã trong mọi lúc. Nói không có tướng của mọi pháp là theo nghĩa ấy. Đó là nói giản lược (vắn tắt) về sự chấp ngang chê bai một bên.

Lìa sáu thứ tướng ở trên là làm sáng lên nghĩa trung đạo. Giải thích thế nào để thành tựu việc chứng ngộ các pháp? Như kinh nói: Nầy Ca-diếp! Minh và vô minh đều không sai không khác.

Nhận biết như thế thì đây gọi là trung đạo chánh quán chân thật, cho đến già, chết, diệt mất, thì sự quán sát đó không hai, không khác v.v... Có ba thứ tướng để giải thích việc chứng pháp, ba tướng đó vốn nói lên ba sự việc về nhân duyên thứ tư trong đó có chướng, có đối trị, trụ vào pháp hữu vi, vô vi, chỉ rõ tánh tướng đều không thể nắm bắt được, cho nên có chỉ rõ việc cao vượt cũng không thể nắm bắt được, sự học tập đó đã chứng được trí như thật.

Tánh tướng không thể nắm bắt được là như phàm phu chấp lấy tánh tướng của minh và vô minh thì đều không thể nắm bắt được.

Sự cao vượt không thể nắm bắt là hết thảy phàm phu kia ngang

ngược chấp tánh tướng sinh diệt, tụ tập mà đều không thấy có hai tướng. Trí chứng ngộ thì đã nói đến nó cũng như nơi nó nương tựa, nghĩ nhớ, không nhớ nghĩ, tu hành không chướng ngại. Do nội trí mà biết chứng pháp vô ngã, còn pháp Bồ-tát chứng làm sao giải thích? Vì phát nguyện hồi hướng đại Bồ-đề, cũng là một tướng. Nếu nói không phải đem lý không làm cho các pháp trở nên không, thì với bảy câu nói như thế, Bồ-tát vì làm lợi ích cho chúng sinh, đem lý không mà không làm cho các pháp trở nên không, không rời bỏ phiền não, nghĩa đó là như thế. Không là do vô nguyện mà làm cho các pháp thành vô nguyện. Không là do vô tướng mà làm cho các pháp thành vô tướng. Không hiện khởi lại dòng sông của nghiệp và dòng sông của ý niệm, hết thảy mọi hành đều vô tánh, đem Niết-bàn chấm dứt dòng chảy của thế gian. Đã hành như vậy rồi thì sao? Ấy là tâm chưa lìa mình ra khỏi nỗi khổ phiền não, nhưng cũng do nghĩa một tướng. Nói như các pháp là có tánh và không tánh. Với bảy câu nói như thế v.v... là chưa tiêu diệt được các pháp thù oán chướng ngại v.v...

Quán như thật, chứng như thật, thì chứng như thật là hành pháp vô ngã, đối với mọi pháp chướng ngại dùng thể tánh thì cái thấy không còn nhiễm và khổ nữa. Làm thế nào để giải thích giỏi bốn thứ tướng? Là chỉ rõ cái thấy thắng tướng. Là chỉ rõ được tướng xa lìa, là một sự xa lìa tốt. Là chỉ rõ cái hơn hẳn của loạn làm mất thiền định. Là chỉ rõ cái tâm loạn hơn hẳn.

Với cái thấy cao vượt thì như kinh nói: Nầy Ca-diếp! Không phải không có người mà gọi là không, cho đến bờ chính giữa cũng không. Không phải chỉ vì không thấy có người mà nói là không. Ý nghĩa đó là sao? Trụ vào chúng sinh, không là không thấy pháp không, chỉ có tự thể không của các pháp. Đời vị lai ở trong Niết-bàn sẽ cắt đứt tâm kiêu mạn và giỏi quán sát đối tượng chấp và cho đến người chấp hành trí vô ngã, lìa giả danh, tánh thuộc về không. Không giỏi quán sát ba thời quá khứ, vị lai, hiện tại, nên gọi là không quán sát chân chánh ngọn lửa trí chân như, cho nên kiêu ngạo, lầm lẫn, chấp giữ vào pháp vốn là không, là giả danh.

Nói dựa vào không, không dựa vào pháp vì vô ngã, chân thật là không. Pháp đó do không dập tắt mất cái gốc đối tượng chấp là chúng sinh không và vì chấp mà pháp sinh có, gọi là tướng lùi mất. Bồ-tát đối với pháp nầy không như thế. Vì do nghĩa đó nên đã chỉ rõ pháp vô ngã

là hạnh thù thắng của Bồ-tát. Đức Phật nói với Ca-diếp: Các ông phải nương tựa vào không, cho đến bị lùi mất trong pháp Phật.

Sự xa lìa trụ nơi cao vượt trong chúng sinh vô ngã. Ngã kiến là từ chỗ phàm phu thấp nhất càng đi xuống thấp nữa bằng hai hình thức:

1. Khổ không tránh khỏi.
2. Hành khổ.

Vì hai tướng mạo nầy, nên Phật nói với Ca-diếp: Thà phát sinh sự cố chấp của chúng sinh chất chứa như núi Tu-di, chứ không vì chấp không mà phát sinh tư tưởng tăng thượng mạn. Vì sao? Nầy Ca-diếp! Tất cả các cố chấp đều do không mà được giải thoát, còn chấp không thì không thể trị. Đoạn văn nầy chỉ rõ nghĩa đó.

Thà khởi ngã kiến chất đầy như núi Tu-di, có nghĩa là ngã kiến ấy có thể đối trị, có thể làm cho nó diệt. Không vì chấp không mà phát sinh tư tưởng tăng thượng mạn. Do không thấy pháp vô ngã, nên mới khởi tăng thượng mạn. Nên biết, ngã là không nên thấy các hành đều không, vọng tưởng chấp tánh không cũng là không, không thể nắm bắt nó. Thể không và chấp ngang, phân biệt tánh là không rồi ngang ngược an ổn vào lĩnh vực điên đảo. Do an ổn ngang ngược vào kiến đó mà thành chấp không. Nếu phát sinh chấp không thì không có thuốc chữa, không thể nắm giữ. Nên biết, đã không thể nắm giữ cho nên không tránh khỏi các nỗi khổ sinh v.v... do mọi lúc không thoát ly phiền não nóng bức, không thể vui vẻ tu hành, như bệnh nhân không thể chữa trị. Diệt trừ thứ chấp mà trước đây nói là hai thứ tướng, như lương y trao thuốc cho bệnh nhân, cho đến nếu phát sinh chấp không, thì ta nói người đó là không thể cứu chữa. Thí dụ nầy chỉ rõ: Như bệnh nhân chưa đến nỗi sắp tắt thở, nhưng do khuấy động chứng bệnh, hoặc động vào nguyên nhân, hoặc không khuấy động nguyên nhân gây bệnh trước sau, khiến bệnh nhân nhận hai thứ cảm giác đau khổ nầy.

Như vậy, chấp nhân vô ngã không diệt thì đồng với chấp ngã và không lìa chấp sinh không, pháp vô ngã, vì tự thuận theo bệnh phiền não. Hai thứ chấp trước, sau đều diệt, nên gọi là diệt.

Bồ-tát không thế. Ở đây nói diệt là thiện thắng. Như kinh nói: Ví như có người sợ hãi hư không như thế v.v... Lại nhìn vào khoảng không tự nhớ nghĩ, phân biệt, cố chấp ngang ngược, tạo nên nỗi sợ hãi cho mình. Người đó kêu lên: Xua tan hư không đi, xua tan nó đi! Như vậy người nầy trụ vào nhân vô ngã, không trụ vào pháp vô ngã, vì ngã mạn nên sinh sợ hãi. Hư không chẳng có việc gì để có thể nói mà ngang nhiên chấp nó rồi an ổn tạm thời vào đó chấp tạm bợ vào sắc rồi đòi cắt đứt những gì là sắc là tưởng…

Bồ-tát không thế. Ở đây nói tâm rối loạn là hơn hết. Đức Phật nói với Ca-diếp: Ví như họa sĩ tự sáng tác nên bức vẽ đầy hình dáng kinh hãi, như hình tượng quỷ Dạ-xoa như thế v.v... Như vậy sẽ mất bản tâm, chạy theo

loạn động trụ vào nhân vô ngã, tự phân biệt, tự nhớ nghĩ, thật có các cảnh giới. Người đó vì do tư tưởng điên đảo làm cho họ trở thành điên đảo. Bồ-tát không thế. Thế nào là giải thích nói về nguyên nhân do hai thứ thí dụ?

1. Thí dụ nhà ảo thuật.

2. Thí dụ hai thanh gỗ cọ xát vào nhau. Thí dụ đầu chỉ rõ việc quan sát chủ thể chấp, do nhân vô ngã, nên trí chỉ duyên nơi các hành. Người đó nhìn pháp bằng trí vô ngã, quán pháp nầy cũng bằng trí vô ngã, nên gọi là người chấp và quán. Nhưng nhân vô ngã trí và pháp vô ngã trí đó đều là nhân. Vì có nhân đó, nên mới có thí dụ nầy. Như nhà ảo thuật và người huyễn thuật là nhân. Thí dụ nếu người huyễn thuật ăn thì nhà ảo thuật cũng hóa làm như thế. Dùng pháp vô ngã trí chúng sinh vô ngã trí mà lìa mình ra khỏi giả danh, thì đó là không. Lìa được mình ra khỏi phân biệt, nên vắng lặng. Vì có thể rời bỏ tướng, vì không có sự cố chấp, vì là không, không có vật gì nên không quán sát chắc chắn như ăn.

Thí dụ thứ hai chỉ rõ: Ví như hai việc thật sự chứng đắc, thì sự chứng đắc như thật đó có được do quan sát chủ thể và đối tượng quán đều vắng lặng, tư duy nhớ nghĩ nhân là không rời nhau, vĩnh viễn biết được bên trong của mình nên phát sinh trí quyết định.

Quán sát đối tượng ở đây, có nghĩa là quán sát chúng sinh bằng trí vô ngã.

Còn chủ thể là thực hành pháp vô ngã trí. Hai trí đó, như hai miếng gỗ trên, dưới cùng chiều, xếp vào nhau, vắng lặng tư duy, vì duyên vắng lặng nên nội tại đã chứng biết mới nảy sinh trí quyết định, gọi là chứng ngộ chân thật.

Thí dụ hai miếng gỗ nầy, chỉ rõ nguyên nhân có thể được là do hai thanh gỗ cọ xát vào nhau nên mới phụt lửa. Lửa nầy trở lại đốt cháy hai miếng gỗ kia. Như vậy, trí của nhân vô ngã, pháp vô ngã là nguyên nhân hành động. Sự nảy sinh là pháp vô ngã trí, vì duyên nơi trí nội tại nên quyết định nảy sinh trí. Hết thảy tính chất vọng niệm nghĩ chấp của hành trí ấy, nhờ trí quán như thật mà có thể đốt cháy.

Nói phổ biến cho đến không là sao? Cũng do nghĩa một tướng. Trở lại, vì nhận thấy như thật trong trí của pháp vô ngã kia, nên nói thí dụ:

Như khi đèn cháy, thì tất cả bóng tối đều tự biến mất. Thí dụ nầy giải thích cho nói pháp.

Trong đấy, nhận thấy như thật là vì không có trí v.v... là lìa danh tánh giả tạm.

Không là vì không chấp như thế.

Không thể chấp lấy sự vắng lặng là vì không giác ngộ. Giải thích "không" là gì? Nghiệp diệt mất, phiền não cũng diệt mất, là vì hiện tại đã đối trị. Đức Phật nói với Ca-diếp: Ví như trong khu nhà, hoặc trong từng căn, từng buồng, từng phòng, trải qua hàng ngàn năm cho đến nay, hết thảy những bóng tối trong ngôi nhà đó được xem là các nghiệp kiết sử. Thí dụ nầy chỉ rõ sự diệt.

Đến mất đi là sự tìm kiếm, tức đã nảy sinh trí tuệ sáng suốt, có thể làm diệt mất các nghiệp phiền não từ vô thỉ đến sau nầy. Nếu có thể nhanh chóng dập tắt các phiền não như thế, thì tại sao các Bồ-tát lại tu hành lâu dài trong thế gian? Thí dụ thứ hai là chỉ rõ được thắng quả tốt đẹp đó.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Ví như gieo giống trong khoảng không, cho đến các sử, tạp pháp thế gian cũng có khả năng nuôi lớn pháp Phật, hạt giống có thể sinh sôi nảy nở trong thửa ruộng tốt có nhiều tạp uế.

Những thí dụ như thế nhằm chỉ rõ việc Bồ-tát hướng tâm Niết-bàn, nhưng không bỏ chúng sinh. Vì thành tựu pháp Phật mà nguyện ở lại thế gian, vì đã hồi hướng phát nguyện các căn thiện, tu hành lâu dài các hạnh.

Niết-bàn ở đây là vô vi, ví như hư không, nếu nương vào hư không thì pháp Phật không được nuôi lớn. Thế gian là thửa ruộng tạp nhạp ô uế phiền não, tâm đại bi của Bồ-tát cũng như mảnh đất có tạp uế phiền não, nắm giữ mảnh đất nầy Bồ-tát mới thể hiện khả năng làm tăng trưởng pháp Phật.

Vì sao dựa vào pháp hữu vi thấp kém mà Bồ-tát có khả năng tăng trưởng pháp Phật vô thượng? Lấy thí dụ hoa sen để giải thích một cách sáng tỏ, nên Đức Phật nói với Ca-diếp: Chỉ ở những chỗ đất ẩm thấp, đầy bùn lầy, hoa sen mới mọc lên. Bồ-tát cũng như thế, chỉ ở trong vũng bùn sinh tử tà định của chúng sinh, Bồ-tát mới làm pháp Phật phát sinh.

Nếu như thế thì đối với Bồ-tát, các Thanh văn không có mười hai sự việc cao vượt nầy. Mười hai điều đó là gì? Đó là:

1. Cao vượt trong tu tập các căn thiện xen tạp.
2. Cao vượt trong tu trí và hạnh.
3. Cao vượt trong quả giải thoát thuộc về tận vô sinh trí giải thoát cùng đạt.
4. Cao vượt trong việc hàng phục các ma oán.
5. Cao vượt trong vô học.
6. Cao vượt trong A-la-hán.
7. Cao vượt trong chúng sinh, nói nghĩa ứng cúng.

8. Cao vượt trong việc nói rõ pháp thù thắng, dựa vào tứ song bát bối.

9. Cao vượt trong hiện pháp được Niết-bàn, nói rõ pháp thù thắng trong chúng sinh.

10. Cao vượt trong sự đạt tịch diệt cao cả từ chúng sinh cho đến chín lĩnh vực chúng sinh.

11. Cao vượt trong việc tâm được tự tại.

12. Cao vượt trong việc khó điều phục chúng sinh.

Vì đề phòng sự vấn nạn, nên nói các thí dụ, nên biết. Vì đề phòng sự khó khăn cao vượt ban đầu, nên nói hai thí dụ biển cả và sữa tươi, vì vô lượng chúng sinh không nhận lãnh pháp thọ dụng tương tợ.

Thí dụ thứ hai đề phòng sự khó khăn về trí Bồ-tát thì có hai: Vì đối trị với chướng của tự thân và của người khác trong vô lượng thân chúng sinh. Thí dụ thứ ba bênh vực sự khó khăn của Bồ-tát, có hai thứ: Thí dụ về người đàn ông, như lĩnh vực giải thoát của bậc cao thượng, các thừa Thanh văn và lời thệ nguyện của họ là lĩnh vực của kẻ nghèo.

Lĩnh vực của tôi tớ bị sai khiến thì Bồ-tát cũng không rời bỏ những chúng sinh nầy. Nơi vua ở là thệ nguyện của Đại thừa, vì đề phòng các sự oán thù.

Thí dụ ban đầu về Chuyển luân Thánh vương và con chân thật của Như Lai, là phòng hộ sự cao vượt của vô học. Thí dụ thứ hai Chuyển luân Thánh vương, là để nói Bồ-tát không đoạn tuyệt chủng tử Phật. Phòng vệ sự cao vượt của A-la-hán, vì kham nhận ứng cúng. Thí dụ thứ ba về Chuyển luân Thánh vương, là nhân truyền trao Nhất thiết trí, đề phòng nói đến mọi cao vượt trên.

Dùng thí dụ Tỳ-lưu-ly, ban đầu là gồm thâu để được tâm Bồ-đề.

Phòng hộ người nói pháp là vì sự cao vượt trên.

Nói thí dụ cây thuốc chúa, vì có thể chữa khỏi bệnh phiền não cho chúng sinh.

Thí dụ sự cao vượt trên là phòng hộ nguồn sáng trong chúng sinh. Không thể xả bỏ vầng trăng, vì có thể tạo nên trí tuệ sáng suốt cho tất cả chúng sinh, phòng hộ được sự cao vượt là sự vắng lặng hơn hết.

Nói mặt trăng trong thí dụ ban đầu, là chỉ nhân tụ tập trí công đức, hỗ trợ được Bồ-đề.

Phòng hộ sự cao vượt về tâm được tự tại bằng thí dụ ngọc lưu ly, vì Bồ-tát đã thành tựu quả vị Nhất thiết trí, phòng hộ sự cao vượt khó khăn

nảy sinh.

Thí dụ như chế biến ngọc Tỳ-lưu-ly. Tâm tự tại hơn mọi lợi dưỡng của công đức Thanh văn. Dựa vào Bồ-tát mà nói giản lược các thí dụ nầy như thế. Chỉ rõ công đức của Bồ-tát vượt hơn Thanh văn. Từ đây về sau sẽ nói rộng về các công đức.

Có bao nhiêu hạng Thanh văn? Giới của Bồ-tát có những gì vượt hơn giới của Thanh văn? Có bốn hạng Thanh văn. Hơn nữa, giới của Bồ-tát còn có mười ba thứ tướng vượt trội hơn giới của Thanh văn.

Bốn hạng Thanh văn là: Ứng Thanh văn, Ngã mạn Thanh văn, Lập nguyện Bồ-đề Thanh văn và Tánh diệt định Thanh văn.

Ứng Thanh văn: Nếu phải hóa độ chúng sinh, thì chư Phật và Bồ-tát đã giáo hóa. Đấy gọi là Ứng Thanh văn.

Thanh văn Ngã mạn: Là chúng sinh chỉ dùng vô ngã trí và tà pháp là vô ngã, mà trí lại chấp vì kiêu ngạo ta đây, cho là đã thanh tịnh, đó là Thanh văn Ngã mạn.

Lập nguyện Bồ-đề Thanh văn: Là từ trước đến giờ tâm thương xót yếu kém, nhưng nhờ thân cận Đức Như Lai và nhờ học tập, thân tâm rất tin tưởng pháp Phật sâu xa vô thượng, làm việc công đức được huân tập thành tựu. Mặc dù an trụ trọn trong giới vô lậu, nhưng chư Phật đã khuyên bảo họ và nói các phương tiện, nhân đó mà các Thanh văn kia được tu tập đại Bồ-đề. Mặc dù họ đã tu tập Bồ-đề như thế, nhưng về sau trong việc làm lợi ích cho chúng sinh họ còn chậm chạp, không nhạy bén và vì ưa thanh tịnh riêng, không phải từ khi mới phát tâm mà có Phật tánh, đấy gọi là Nguyện Bồ-đề của Thanh văn.

Thanh văn với tánh diệt định: Từ trước đến nay, vì tánh nhỏ nhen, mỏng manh của tâm xót thương, họ hoàn toàn quay lưng với chúng sinh và tâm niệm sợ hãi trước nỗi đau khổ của thế gian, chỉ đứng lại hướng về cảnh giới Niết-bàn, không đủ khả năng tu tập đại Bồ-đề. Ví như hai vương tử với hình dáng, diện mạo giống nhau, đồng thọ hưởng mọi khoái lạc do vua ban, nhưng một người đã khéo thấu biết pháp chế của vua, và các thứ kỹ thuật v.v..., còn vị vương tử thứ hai thì không được như vậy. Người thứ nhất giỏi kỹ thuật hơn người thứ hai, nhưng sự thọ dụng khoái lạc thì chẳng thể nào như nhau.

Cũng vậy, Bồ-tát an trụ trong giới vô lậu giỏi hơn Thanh văn trụ trong tánh diệt định. Bồ-tát vượt hơn Thanh văn ở các lĩnh vực: Thân Bồ-tát tu tập pháp trắng, trí tập hợp tương tợ, tánh giữ nhà hạnh, năng lực thần thông, tu hành, phước điền cao vượt hơn ca nhân quả, và dựa vào sinh, nên biết

như vậy.

Như gieo giống ở giữa trời mà nó sinh trưởng được thì không có lý đó. Nhưng gieo giống trên ruộng tốt lẫn với sự nhơ nhớp thì nó vẫn sinh sôi, nảy nở. Ở trên đồi đất gò cao thì hoa sen không mọc được.

Các thí dụ như thế, nhằm chỉ rõ tánh diệt định của Thanh văn và nói đến sự cao vượt về lòng tin, sự chí tâm của Bồ-tát.

Tánh diệt định của Thanh văn, như đất nhơ tạp nhạp. Mọi việc làm phải xen lẫn trong bùn phiền não ô nhiễm của chúng sinh, nhưng lại quay lưng đi, nhất định hướng về cảnh giới Niết-bàn, cũng như chỗ đất đang hừng hực cháy trong thế giới chúng sinh thanh tịnh, mà tâm đồng và an trụ. Trái với tính chất của Bồ-tát hướng đến tâm Niết-bàn và cùng với chúng sinh trụ trong thanh tịnh. Tâm Bồ-tát không bỏ chúng sinh vốn mang nhiều phiền não mà còn luôn cứu độ họ, sống với thế gian tạp nhiễm và sẵn sàng dẫn dắt chúng sinh. Lấy thí dụ về lĩnh vực tập hợp các pháp trắng được thay thế lẫn nhau để chỉ rõ việc làm cao vượt của Bồ-tát. Thanh văn vẫn có các pháp trắng nhưng ít và mỏng manh, chỉ có ích cho mình. Pháp Bồ-tát thì vô lượng, luôn tăng trưởng lợi ích cho tất cả chúng sinh và xem họ như con mình. Ví như người cha dùng sữa tươi nuôi lớn các con, Bồ-tát cũng thế. Căn thiện của mình nhiều vô lượng, như sữa tươi nuôi nấng, giáo dục, làm tăng trưởng các Bồ-tát mới học tập như con, như đứa con trai.

Hư không là chỉ rõ trí tập hợp cao vượt, Thanh văn sử dụng trí vô lậu chỉ nhận thấy tự thân không tịch.

Bồ-tát ở ngay trong các phiền não là vì tấm lòng thương xót, với trí đồng chứng ngộ, khuyên bảo chúng sinh quay về với tất cả chúng sinh trong mười phương, làm cho họ đồng phát nguyện hướng về Bồ-đề vô thượng. Thí dụ về bậc đại phu và tớ gái, là chỉ rõ cái cao vượt về lĩnh vực tương tợ. Thanh văn nhớ nghĩ đến cảnh giải thoát cao vượt, mẹ bậc đại phu, thì ý thức nhỏ hẹp, thấp kém, còn người cha thì tâm nghèo nàn cùng khổ gia tăng, nên họ không thành Phật tử (Bồ-tát). Các vị Bồ-tát rời bỏ tánh thấp kém của phàm phu chúng sinh, nghĩ đến đứa tớ gái nơi mẹ sai khiến, như đại vương dùng tâm thượng niệm quán đảnh thành tựu, được gọi là Phật tử (Bồ-tát).

Thí dụ về Chuyển luân Thánh vương ban đầu là chỉ rõ sự cao vượt của lĩnh vực tánh, như vương tử của Chuyển luân Thánh vương đã thành tựu các năng lực, thành tựu thế lực, và thành tựu uy lực cùng cực. Nhưng do không có tướng Chuyển luân Thánh vương, nên không đủ khả năng làm Chuyển luân Thánh vương. Thanh văn cũng thế, siêng năng tinh tấn, thành tựu

các năng lực chắc chắn và khéo léo, thành tựu thế lực mà tâm không buông bỏ, thành tựu uy lực cùng cực nhưng không có tướng, tánh Phật, nên chư Phật Như Lai không ủng hộ, tiếp nhận, dẫn dắt.

Bồ-tát dùng hai thí dụ Chuyển luân Thánh vương để chỉ rõ sự cao vượt của trì gia (giữ nhà). Mặc dù Thanh văn có năng lực đến tận quá khứ, vị lai, nhưng vẫn không thể nào giữ vững được ngôi nhà của Phật, trong khi đó, Bồ-tát mới phát tâm đã có năng lực duy trì được.

Thí dụ về Chuyển luân Thánh vương thứ ba là chỉ rõ việc làm cao vượt. Mặc dù Thanh văn đã chứng ngộ đến cùng, nhưng các trời, Thánh, người đều không cung kính, khen ngợi. Thí dụ về ngọc Tỳ-lưu-ly tượng trưng cho Bồ-tát mới tu hành, là chỉ rõ sự cao vượt về năng lực thần thông cao tột.

Từ địa thứ nhất, thần lực trí tuệ của Bồ-tát đã bỏ xa Thanh văn, Duyên giác.

Thí dụ về cây thuốc ở núi Tuyết là chỉ rõ việc cao vượt của sự tu hành. Dù Thanh văn đã thành tựu trí, có thể diệt trừ chứng bệnh phiền não, thuốc trí chữa khỏi bệnh phiền não của chúng sinh, nhưng trái với chất Bồ-tát. Chỉ vì Bồ-tát thường làm việc giúp ích cho mọi người.

Thí dụ về các vì sao là chỉ rõ sự cao vượt về phước điền. Dù cùng tận đến quả vị, Thanh văn vẫn không thể dùng trí tuệ soi sáng chúng sinh, không làm nên ruộng phước để hóa độ hết thảy hàng người, trời. Còn Bồ-tát thì không diệt phiền não, nhưng có thể làm ruộng phước cho tất cả hàng người, trời, gieo trồng căn thiện.

Thí dụ về mặt trăng, trăng mới mọc, là chỉ rõ sự cao vượt trong mọi sự cao vượt. Chư Phật, Như Lai mãi mãi cao vượt hơn Thanh văn và Bồ-tát. Sự cao vượt đó là từ Bồ-tát mà có. Có hai hình tướng để Bồ-tát đi tới chỗ cao vượt.

Bồ-tát giáo hóa chúng sinh và thành thục pháp Phật, thế nên có Bồ-đề và được quả vị. Tùy vào sự giáo hóa chúng sinh mà họ được giải thoát. Như người kinh doanh các loại cá, kết quả có được số cá với hình thù kỳ dị, lòng hoảng sợ không dám ăn. Đây cũng như thế, nên biết. Ví như chư Thiên và loài người, tất cả thế gian đều khéo giữ gìn ngọc lưu ly. Thí dụ nầy chỉ rõ sự cao vượt của nhân, quả. Dù Thanh văn có một mực tu tập nhân tốt của pháp thanh tịnh, lại thân cận với vô lượng thiện tri thức, nhưng vẫn không thể được quả Đại Bồ-đề, vì chất của việc họ làm khác với Bồ-tát.

Nói các vị Bồ-tát là vì Bồ-tát có thể chứng quả đại Bồ-đề. Như thợ chế biến ngọc quý Tỳ-lưu-ly, thí dụ nầy chỉ rõ sự cao vượt dựa vào sự phát

sinh.

Các Thanh văn nương vào Bồ-tát mà xuất hiện ở thế gian, chứ không phải Bồ-tát dựa vào Thanh văn để xuất hiện ở thế gian, vì nghĩa dứt hết mọi điều ác, giữ gìn vững chắc điều thiện.

Đức Phật nói với Ma ha Ca-diếp: Nầy Ca-diếp! Nếu có cõi nước mà trong nước đó chỉ có con lạc đà với cổ đen, đầu ngước lên, vừa ngủ gà ngủ gật, cho đến nước đó không có gì lo sợ. Nầy Ca-diếp! Bồ-tát vẫn thường xuyên cứu hộ đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Lần lượt sẽ nói ra. Từ đây trở về sau sẽ chỉ rõ được lợi ích của kết quả kia, mà sự cao vượt như đoạn trước đã nói.

Nói trong bùn phiền não nhiễm tạp, Bồ-tát có thể tăng trưởng pháp Phật. Nếu thế, thì không phải tăng trưởng trong thân của Bồ-tát, cũng không phải các Bồ-tát khác giúp đỡ thân Bồ-tát nầy, thì làm thế nào trong thân Bồ-tát mà có thể tăng trưởng Bồ-tát? Vì chúng sinh nên tu tập các hạnh là chỉ rõ lời nói nầy: Nếu tăng trưởng cho Bồ-tát, là cũng đã tăng trưởng cho đạo của mình.

Kinh nói: Bồ-tát thường cứu hộ như thế v.v... là chỉ rõ cho đến bốn phương, tất cả thế giới, tất cả thệ nguyện của Bồ-tát, đều là những việc làm lợi ích cho chúng sinh.

Hoàn toàn chữa trị chân thật. Ai lìa khỏi lương y mà chữa lành bệnh của thân, thậm chí lìa ngoại đạo mà chữa trị được phiền não, thì đó không phải là cách chữa trị chân thật, chỉ là giả danh trị, là điên đảo trị.

Trong đó, Bồ-tát dụ như lương y, hết thảy chúng sinh dụ như người bệnh. Là bệnh tham lam, sân… thuốc là pháp quán bất tịnh v.v... Có ba thứ hình thức tịnh bị chấn động mạnh mà phát sinh các thứ bệnh, hoặc do chứa nhiều chất độc trong người, hoặc do không nên ăn mà ăn, hoặc do hết bệnh nầy sinh bệnh khác. Như thế, ba thứ nguyên nhân nầy, hoặc vì tướng của tâm ác nên nảy sinh tâm bệnh, hoặc vì chứa các điều ác như tham v.v..., hoặc là rèn tập các tánh tham lam v.v... lâu dài, hoặc vì thấy việc không nên làm mà làm. Lại nữa, trong hiện tại đang kẹt vào các việc cố chấp v.v..., hoặc làm các việc điên đảo rồi bỏ.

Trong đấy đối trị với bệnh phiền não ban đầu thì dùng quán bất tịnh, dùng bất tịnh để đối trị với các tánh tham lam, dùng tâm từ để đối trị với tánh giận dữ, dùng bốn phép quán nhân duyên để đối trị với ngu

si. Lấy hình ảnh có bệnh như thế v.v... rồi chỉ rõ các đối trị là dùng thuốc "không" v.v..., vì phải dựa vào bốn hạng chúng sinh, nên mới nói:

1. Kiến chấp.

2. Tham đắm Tam-ma-bạt-đề.
3. Ưa thích các sự sống.
4. Đối với lĩnh vực không có giải thoát mà tưởng là giải thoát.

Trong đây, từ chỗ cố chấp vướng mắc của chúng sinh, nên nói mọi thứ chấp đó, chỉ có không mới trị dứt hết. Nếu phát sinh kiến chấp về không thì đồng nói như thế v.v...

Nên biết, vì tham đắm Tam-ma-bạt-đề cho nên nó không có tướng, không có tướng trong tất cả các ý niệm phân biệt tướng có và không. Chỉ rõ hết thảy có, không, chỉ rõ sự tham đắm Tam-muội, chỉ rõ sự ưa thích các đời sống, nên nói là vô nguyện. Vì diệt tất cả cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc v.v... nên nói là vô nguyện.

Dựa vào lĩnh vực không phải là giải thoát mà làm ra tướng giải thoát, và nói chẳng phải bốn điên đảo. Vì để diệt hết tư tưởng điên đảo nên mới nói bốn điên đảo. Vì chấp thường v.v... nên đối với lĩnh vực không phải giải thoát mà nảy sinh tướng giải thoát. Cần phải từ bỏ sự rèn tập điên đảo. Vì dựa vào hữu lậu thì rộng, nói giản lược thì bốn thứ đối trị điên đảo.

Nên biết, phàm phu hữu lậu còn có sáu hạng: Ai đam mê vào thân nên nói niệm xứ để đối trị. Ai bị phiền não tán loạn, thì nói bốn chánh cần để đối trị. Ai kẹt vào kiêu ngạo, đắp đổi nhau, thì nói bốn như ý túc để đối trị. Ai từ bỏ tu tập căn thiện thì nói căn và lực để đối trị. Ai không thấu rõ các chân lý, thì nói các phần đạo giác ngộ để đối trị. Ai ham chấp vào việc lành, dữ, thì nói các phần đạo để đối trị. Sáu là không tùy thuận quán sát thân, mà theo sự chấp thân, hoặc chấp ngã sở, không phân biệt mặt trái pháp thiện, không tin tưởng thì nói căn và lực để đối trị.

Nầy Ca-diếp! Trong cõi Diêm-phù-đề, hết thảy thầy thuốc và học trò của thầy thuốc thì Kỳ-bà Dược vương là thầy thuốc số một. Nầy Ca-diếp! Giả như hết thảy chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều là thầy thuốc như Kỳ-bà Dược vương, các chúng sinh đều na ná Kỳ-bà như thế v.v..., là chỉ rõ các bộ luận về phương thuốc được nghe nhiều, dù khéo léo tốt đẹp cũng không trị được các thứ bệnh kiến chấp, nghi ngờ, ăn năn, do các bệnh đó khó trị, phương tiện trong đấy quyết định. Mọi kiến chấp có khả năng gây chướng ngại. Như Tôn giả Xiển-đà nói: "Các Đại đức! Tôi nghĩ như vầy: Sắc là vô thường…, nhưng tôi lại thực hành Xa-ma-tha không, không phân biệt, diệt mất ái, lìa dục, diệt hết, và trong Niết-bàn tâm tôi không yên, không mừng, không an trụ (đứng lại), không giải thoát. Ý nghĩ của tôi thay đổi, xoay lại, tôi cảm thấy chán nản, lười biếng. Nhưng ngã sở là gì?". Nói như thế rồi, bấy giờ, Tôn giả Xiển-đà dùng tâm trí tuệ

tưởng nhớ đến Niết-bàn, vì không dập tắt được ngã kiến về thân, nên nói ta sẽ vô ngã, tâm chuyển biến lùi lại và nảy sinh sầu não trong cảnh Niết-bàn. Nhưng ngã và ngã sở là gì? Không nghĩ như thế nầy: Đây chỉ là hành động. Do đâu, cái gì là không có kia, nhưng đạo hành ở thế gian bấy giờ không có khả năng chữa trị nên gọi là không thể chữa trị.

Vì muốn gồm thâu tâm chưa nhập định, nên sự ràng buộc đã tạo ra nghi và ăn năn. Có khả năng xua tan nguyên nhân nghi ngờ ăn năn. Bỏ quên lời dạy thì chỉ có chư Phật Như Lai mới trị được, vì các Bồ-tát không có bệnh độc hại, mà có đại oai lực. Thế nên nói kiến chấp, nghi ngờ và ăn năn, thì không ai có năng lực làm cho thức tỉnh vì ý thức không thể lường nổi, không thể nói, không thể đọc tụng, không thể nói đúng đắn, không thể dùng lời nói. Mong cầu hạnh hỗ trợ đạo nầy, rồi mong cầu việc làm xuất thế gian. Tâm mong cầu trong hữu dư, sau đó sẽ hữu dư. Dựa vào chúng sinh vô ngã, có hai thứ dựa: Dựa vào pháp vô ngã, có một điều kiện ngộ nhập trí v.v... nhân là dục, tin tưởng, căn bản trí, tín trí, chỉ có tâm là khuyên can trung gian, đoạn tuyệt, không có điều kiện, giác ngộ và vô ngã. Tìm kiếm trong học tập nhân duyên, là chỉ rõ sự chứng ngộ nhân vô ngã. Ở trong, ngoài và chính giữa nếu nương tựa vào ý thức nhớ nghĩ kia thì thấy tâm không thể nắm bắt được, tính chất nhớ nghĩ ngang ngược, vọng tưởng và thành tựu tướng không sắc v.v..., vì nhận thấy được thể tánh nên chỉ rõ sự chứng ngộ pháp vô ngã. Nhưng vì thành tựu tánh nầy, nên hành động của tâm phải có bảo hộ và không chấp điều bất chánh.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Tâm của tất cả chư Phật đều không nhận thấy, nói chẳng phải tự nhiên, không thấy là chỉ rõ tâm trụ vào pháp thể. Vì tất cả chư Phật đều nói là thấy suốt cả ba thời gian. Như vậy, trước đã nói không có tánh phân biệt, nhớ nghĩ ngang hình thức của sự nhớ nghĩ ngang đó, chỉ rõ tánh và tướng người khác nên mới nói, vì có căn cứ.

Nói tâm kia lấy gì làm tánh để chấp nhận trong đó đã nói rõ tâm và tâm sở pháp. Nếu do ý thức mà đọa, chỉ là tướng, thì làm sao giải thích nên sự sinh tử thế gian như huyễn (ảo)?

Chỉ nhất tâm tu hành như dòng sông trôi. Tu hành như thế thì tâm ở trong sự nhàm chán, muốn xa lìa thì sao không được giải thoát? Giải thích sự việc đó như gió, trong đó cái xa có nghĩa là hết thảy sự việc đều có tánh kia, nhưng rất khó biết.

Thế nào là được giải thoát? Giải thích sự việc đó như đèn cháy sáng. Vì duyên lực vô minh nên hành. Đây là chỉ rõ khi vô minh đã dứt hết thì không có hành. Nếu sức phiền não trong tâm còn thì có ô nhiễm

thành tựu, không là tùy thuận chân như. Vì phiền não kia không sạch, nên không nhận thấy sự giác ngộ và giải thoát. Vì phòng hộ tai họa nầy, nên thị hiện như là hư không. Vì phòng hộ các tai họa, vì như là hư không không phân biệt, nên thị hiện như sấm chớp, mỗi ý niệm đều diệt. Vì không duyên nơi các tánh tham v.v... nên thị hiện tướng vô thường. Sở dĩ phải chỉ rõ tướng vô thường nầy là nhằm đề phòng tai họa của tướng khác lạ có thể xảy ra. Mặc dù trong sạch tâm mình, nhưng vì mỗi niệm đều diệt, nên thị hiện như con vượn. Vì tâm niệm kia không mong cầu mọi thứ cảnh giới, nên nó phân tán, tùy thuận các tánh tham lam v.v..., đều không thể bỏ nên trở thành có tán loạn.

Vì sao không giải thích là tất cả không cộng sinh? Giải thích tạo nghiệp như công việc của họa sĩ. Vì sao không phải hết thảy mọi lúc như thế v.v...? Giải thích tạo nghiệp không trụ. Vì sao nghiệp hiện tại lui gót? Hoặc vì cây hiện ra khí lực, nên nó sống. Giải thích là như sự nghiệp của vua. Hết thảy nghiệp tu là sức mạnh tối thượng, do khả năng huân tập của tâm Phật được tăng thượng thành tựu hạnh nói pháp tỏ rõ.

Hoặc như vua thì tại sao tự mình có thể sinh các nỗi khổ? Giải thích là như oan gia. Tại sao tự chính mình mà như oan gia? Giải thích là như đống tro tàn thị hiện trong nhà. Thân v.v... thị hiện có bốn thứ ngược ngạo. Vì hạnh tùy thuận v.v... là phòng hộ tai họa có thể xảy ra. Có như vậy thì vì cái gì sinh ở chỗ an vui mà chấp nhận sự sống? Thị hiện như oan gia vì có ba khổ. Thị hiện xứ sở kia vì cũng có đau khổ sinh. Với nỗi khổ như thế vì sao không lấy khổ để đối trị, chống trả lại mà thị hiện như quỷ Dạ-xoa v.v... cướp đoạt công sức của con người, nên phòng hộ sự ham dính vào Tam-muội theo thứ lớp. Hơn nữa, vì sao trong đối trị không ưa thị hiện những việc làm như giặc? Là do không phòng vệ, không dẫn dắt chúng sinh, hỗ trợ đạo tu căn thiện. Nếu lập nên công đức trong đau khổ mà có ý nghĩa ưa thích, ưa trụ, thì như thế, do tai họa nào mà thị hiện như có đủ các việc thế lực, không thế lực, ghét yêu.

Tại sao si mê điên loạn? Vì đam mê, vướng mắc sắc v.v... Giải thích là như con ngài làm tắt đèn.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Sự mong cầu là trạng thái của tâm, nhưng không thể được. Nếu không thể được tức là không thể trông thấy, cho đến các thể tánh của Thánh cũng như thế, không phải là thân gây tạo nghiệp, không phải miệng, không phải ý thức trong tánh kia, cũng không có sự sai biệt giữa trình độ cao, trung bình và thấp.

Tư tưởng mong cầu là trạng thái của tâm, nhưng không thể được là có

sự lần lượt nào? Thị hiện việc làm tánh tướng của người khác xong. Sự mong cầu tánh, tướng người khác đó cũng là mong cầu với vọng niệm ngang ngược và khi mong cầu tánh được thành tựu, thì mới có sự thị hiện. Tuy nhiên sự vọng tưởng ngang ngược với tánh phân biệt kia, là sự mong cầu không thể được trong tâm lý, thế nên tánh tướng đều không thể được. Tâm kia cũng do không thể được, nên đã chỉ rõ thành tựu tướng tánh của tâm phải là vô vi, thời gian sau nầy sẽ nói đến.

Bảo cho biết về sự kiện sinh trong ba đời của tâm kia, không phải như nhập vào định diệt tận, vì đương thời tâm không đồng sinh trong ba đời. Như thế, việc thác sinh của tâm kia là qua ba đời. Nhưng không thể vượt qua ba đời, vì tâm đã phát sinh rồi lại phát sinh nữa. Nếu vượt qua thời gian ba đời, thì tâm kia cũng không được gọi là đã có phòng hộ chấp ngang ngược. Tựa danh thị hiện cũng có, cũng không, vì vọng tưởng nhớ nghĩ đến tánh tưởng của người khác, nên mới nói rõ thành tựu tánh là nên có.

Tâm kia không phát sinh là do nguyên nhân quán thân, nên tâm kia là không.

Tánh đối với cõi địa ngục v.v... là nguyên nhân quyết định tánh.

Tâm kia không phát sinh là vì tạo ra nhân tố sống nên tiêu mất, là đã diệt mất. Tâm kia thì không lìa là do diệt. Không lìa là vì chưa diệt, tâm kia thì không có hành nghiệp là vì năm ấm.

Tâm kia là vô vi vì làm sáng tỏ nó, nói tất cả việc nầy, kia là vô vi.

Nay muốn phân biệt giải thích rõ ràng:

Tâm nầy là cái gốc của tất cả Thánh tánh, do tâm nhớ nghĩ nầy mà thành tựu được quả vị Thánh kia. Các Thánh cũng do tâm nầy mà được sáng tỏ. Nhưng tánh của tâm kia là do Niết-bàn hữu dư và vô dư làm sáng tỏ nó, do Niết-bàn của Bồ-tát làm sáng tỏ nó.

Trong đấy, nương tựa vào Niết-bàn hữu dư, nên nói: Không có giữ giới, cũng không có phá giới, vì đã khéo học tập giới pháp, nên vô hành hữu dư diệt, chứ chẳng phải hành hữu dư, diệt hữu dư, cũng chẳng phải không hành các phiền não.

Không có tâm, không có tâm sở pháp là vì xa lìa ô nhiễm. Nghiệp ở đây là còn có nghiệp nhân của phiền não. Cũng không có nghiệp báo, vì dựa vào Niết-bàn vô dư.

Nghĩa nầy nên nói như thế nầy: "Nếu không khổ và không vui thì đấy là tánh của bậc Thánh". Như trước đã nói: Tâm kia thì không có nghiệp. Ba câu Tu-đa-la nói về tính chất khác nhau của nghiệp đó. Câu thứ tư nói về sự khác nhau của chúng sinh, dựa vào Niết-bàn của Bồ-tát.

Vì dựa vào Niết-bàn của Bồ-tát, nên nói tánh bình đẳng nầy như hư không, cho đến tánh chân tịnh nầy từ trước cho đến nay đều rốt ráo thanh tịnh. Tánh nầy bình đẳng như hư không, là thị hiện sự bình đẳng đồng hành lợi mình lợi người như nhau.

Tánh nầy không có gì hơn. Tất cả pháp đều đồng một mùi vị là chỉ rõ tánh không khác biệt trong các Bồ-tát thanh tịnh, không có khác biệt nào hơn trong tất cả pháp phần Bồ-đề.

Tánh vắng lặng nầy là xa lìa, thân tâm vắng lặng là chỉ rõ thể không khác biệt của tâm.

Tánh tùy thuận theo hướng Niết-bàn là chỉ rõ nghiệp tốt đẹp của thân Bồ-tát ngay trong thân của mọi chúng sinh. Tánh tịch tĩnh xa lìa hết thảy phiền não cấu là chỉ rõ mặc dù đồng giải thoát với chúng sinh, nhưng về phương diện diệt tập khí thì Bồ-tát vượt hơn.

Tánh nầy là vô ngã, lìa ngã và ngã sở là chỉ rõ thế giới yên tĩnh vì vĩnh viễn diệt định. Tánh nầy không có ác, vừa hư, vừa thật, sinh từ bình đẳng là chỉ rõ việc làm của Bồ-tát trong thế gian. Niết-bàn không mất, không được, không nảy sinh phân biệt vì nó bình đẳng, thật nghĩa. Niết-bàn có nghĩa hư và thật, còn thế gian là không thật, nên biết.

Tánh chân thật đệ nhất nghĩa đế nầy là chỉ rõ sự xa lìa chê bai, không cùng chung với ngoại đạo. Tánh nầy không thể cùng tận, nó rốt ráo không sinh, là chỉ rõ: Mặc dù đã chứng Niết-bàn vô dư, nhưng Bồ-tát vẫn không dứt việc làm lợi ích cho chúng sinh. Lại nữa, tánh nầy rốt ráo không sinh là chỉ rõ Bồ-tát sinh ra hoàn toàn không phải do nghiệp phiền não chi phối mà là do thành tựu năng lực tự tại tốt đẹp trong việc sinh ra.

Tánh nầy thường trụ trong tất cả các chân như thường trụ là chỉ rõ việc trụ ở thế gian và Niết-bàn. Vì thế gian kia không phải thế, nên nói đến tánh nầy là nói đến sự yên vui, trong sạch, vô ngã v.v... nên biết. Tánh chân thật thanh tịnh nầy từ trước đến nay hoàn toàn trong sạch là chỉ rõ sự trong sạch hết lửa chướng ngại, tùy nơi cần sạch mà sáng tỏ lên sự trong sạch như thế. Từ nghĩa lớn mà đối trị khác nhau về việc thế gian và xuất thế gian.

Trên đây là lần lượt giải thích thứ lớp và vượt thứ lớp, nên biết.

Nầy Ca-diếp! Bồ-tát đã đi khắp bốn phương, ứng hiện lợi ích cho chúng sinh là chỉ rõ cách dùng trí thế gian và xuất thế gian làm lợi ích bình đẳng cho mọi người. Đến bốn phương là Bồ-tát đó đã giáo hóa chúng sinh, từ thế giới nầy đến thế giới khác. Dùng năng lực thần thông nên từ một thế giới nầy đến thế giới khác, ở khoảng giữa, như từ nước nầy sang nước khác. Rồi trở lại thế giới đầu tiên mình sinh ra và sinh vào bất cứ đâu, làm

cho mọi chỗ được trong sạch, tùy có chúng sinh.

Các Bồ-tát giáo hóa là vì chúng sinh thanh tịnh đó. Bồ-tát tạo ra pháp đối trị hoàn toàn chân thật. Bồ-tát đã dùng phiền não đối trị phiền não. Bồ-tát chữa trị chúng sinh quá điên loạn, được trở thành đại y sư vô thượng, rồi vì họ truyền dạy ba giới pháp thanh tịnh, trị bệnh cố chấp mà Dược vương Kỳ-Bà không trị được. Chữa trị tận gốc kẻ mang chứng bệnh hoài nghi, ăn năn, bằng sự chữa trị chân thật, gọi là hữu trị lớn. Đại, có nghĩa là chân thật, không dùng nghĩa nầy. Về sau thì gọi là chữa trị hoàn toàn chân thật. Do hành đạo xuất thế gian và tiêu diệt phiền não sử, trở thành trí thế gian, trong đó có hai hạng:

1. Hạng người thô bạo.
2. Hạng người trung bình.

Đối trị hạng thô là diệt phiền não. Đối với hạng trung bình, Bồ-tát đối trị bằng cách khuất phục, ví như kẻ quá nhiều tham dục thì Bồ-tát đối trị bằng pháp quán bất tịnh, cho đến dập tắt tất cả mọi sự đảo điên. Cả bốn thứ điên đảo cũng diệt như thế. Để đối trị với phiền não thô bạo, Bồ-tát áp dụng bốn niệm xứ cho đến tám đạo chân chánh.

Đối với hạng trung bình thì Bồ-tát đối trị bằng phương pháp hàng phục.

Phiền não thô bạo ở đây là các hành động tham dục v.v... trong cảnh giới hiện tại, đổi thay thành hạng trung bình, nên biết.

Hành động ở đây là dùng trí thế gian quán sát cảnh giới mình, nhằm đề phòng phiền não ô nhiễm v.v...

Tánh tham lam được khuất phục xong, làm cho tánh hạnh được trong sạch. Tánh hạnh ở đây khác biệt với tánh hạnh trung bình. Người tại gia đa số đều mang tánh hạnh tham lam, giận dữ và si mê. Người xuất gia phần nhiều dựa vào các kiến thức cố chấp, dựa vào thành kiến, dựa vào bất chánh niệm, vào tánh niệm. Phân biệt tánh niệm là nói rộng, lược nói thì có bốn thứ đảo điên:

1. Không phải lĩnh vực giải thoát mà nảy sinh cố chấp ngạo mạn cho là giải thoát.

2. Đối với tham dục, Bồ-tát dùng pháp quán sát bất tịnh để đối trị khiến cho được thanh tịnh. Đối với kẻ giận dữ, dùng từ bi quán để đối trị. Đối với kẻ si mê, đối trị bằng pháp quán nhân duyên.

3. Đối với các kiến chấp, dùng pháp không để đối trị. Ý niệm không chân chánh thuộc về phân biệt, tánh phân biệt giỏi, đối trị bằng vô tướng. Mong muốn thì đối trị bằng vô nguyện.

4. Không phải lĩnh vực giải thoát mà nảy sinh tư tưởng giải thoát, thì dùng chẳng phải không điên đảo để đối trị. Ví dụ: Đây là lĩnh vực thường, thì phiền não trong đó ngăn ngừa chúng thô bạo ra sao? Dựa vào sự tự đối trị, dựa vào cảnh giới ô nhiễm, các việc tham lam, giận dữ, ngu si. Ở trong cảnh giới hiện tại những hành động của tham lam v.v... là tai họa. Tập hợp là nghĩa hành động. Cần diệt hành động đó, nên tu tập các pháp phần Bồ-đề, bốn niệm xứ v.v... Vì tu tập pháp niệm xứ nên được buộc chặt trong chánh niệm.

Đối với ý niệm chưa được buộc chặt, thì tâm khiến cho ý niệm được buộc chặt, nên phải tu hành, nếu không biết đến niệm nầy, nên tự tâm phát sinh chấp ngã. Tu tập niệm xứ là ràng buộc mọi tâm niệm, rồi tu tập chánh cần, trụ vào như ý túc.

Vì an trụ, nên thân, tâm, dù nam, nữ, do quán sát mà biết nội tại, dẹp trừ phiền não bậc trung. Đem trí hữu lậu, vô lậu tu hành đạo nghiệp, pháp xuất thế gian là đối trị dục vọng, không ham muốn v.v..., đó là dựa vào dục mà đối trị. Không phải căn lực tạo ra kiến chấp mà là ngu dốt về tập hợp nhân duyên và ngu dốt về nhân vô ngã, Bồ-tát sẽ dùng pháp phần Bồ-đề để điều phục chấp đó.

Mọi hoạt động tà đạo hay chánh đạo quyết định sự thành tựu thì hết thảy hình thức có được là tướng thô, phiền não bậc trung, chân chánh đề phòng và hàng phục là đối trị.

Trí sự gọi là trí thế giới. Trí xuất thế gian là gì? Là lĩnh vực hàng phục phiền não, ô nhiễm, tham lam, giận dữ, si mê và hết thảy những kiết sử nhỏ nhiệm phiền não.

Đối với trí sự thì pháp đối trị là gì? Trong đối trị hàng phục trí sự kia có ba lĩnh vực khéo léo để gọi đó là trí duyên vào nhân duyên khéo léo, trí nầy làm phát sinh niềm tin trong pháp không ngã, không chúng sinh, không thân mạng, không nuôi dạy, không có Phú-già-la, tin chắc nhân vô ngã, không sợ hãi pháp không, không phân biệt. Do tin pháp vô ngã, nên tâm mong cầu phát sinh sức lực tinh tấn, vượt qua hết mọi phiền não, có bốn pháp đối trị để giáo hóa. Vì không có trí nên không chấp lấy. Ý thức phát sinh tác dụng với trí để quán sát nội tâm: Đồng tướng, tự tướng, tướng nhiễm và tướng tịnh. Không trí thì trong đó có ba thứ tưởng, đó là nghĩa đồng tưởng, nên biết.

Cầu tìm tâm như thế, đâu là tâm đáng ưa, có thể tiêm nhiễm, có thể xấu hổ? Hết thảy quá khứ, vị lai, hiện tại, thì quá khứ gọi là hết, vị lai là thời gian chưa đến, còn hiện tại là ý nghĩ nối nhau không dừng. Trong đây,

quá khứ, hiện tại duyên vào mà thành tâm, trái với không giác quán. Hiện tại thì mỗi ý niệm đều không hay biết, các tâm lý tham tự duyên vào nhau mà phát sinh chứ không phải tâm tạo ra chúng v.v... Các tướng của tâm đều là tự tướng, nên biết.

Nầy Ca-diếp! Phật nói: Tâm nầy không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở khoảng giữa, vì biết tâm như thế nên tìm kiếm tâm không thể được. Như vốn nói giả danh, nói tánh không thể được. Tâm nầy không có sắc, không có hữu thể, không đứng lại, không có tướng, không ghi nhận, không dính mắc. Như vậy nó như sáu tướng ở trước đã nói. Vì nhận biết được chân như. Tất cả chư Phật đều nói: Đã không thấy, nay không thấy, sẽ không thấy nó, nên tất cả các Thánh đều không do tri kiến mà biết nó, vì các tướng nên tâm có tướng nhiễm, nên biết. Không tùy thuận là vì không tùy thuận, tu hành là vì tu hành, nên tâm như huyễn. Do sự tưởng tượng, ghi nhớ hư vọng, rồi phân biệt phát sinh đủ các nghiệp hành động, nảy sinh sự thọ nhận đủ thứ thân tâm, nhận lãnh sinh ra đủ thứ thân trong các đường. Vì không tùy thuận sự ô nhiễm nên tâm như dòng nước chảy sinh diệt không dừng lại. Trở lại với sự sống kia, là chính mình tùy thuận theo dòng chảy của mỗi ý niệm. Tâm như làn gió bay xa không chụp nắm được, rất khó giữ gìn cho trong sạch trong tất cả ý niệm. Vì thuận theo hành nên tâm như ngọn đèn. Do nhân duyên của hữu và hành nên nước ái thấm nhuần tự tại, vì tùy thuận hành nhiễm, thuận theo điều đã làm để có thể làm, đây là hành nhiễm.

Tâm đi đến chỗ nào cũng như làn điện chớp. Hoặc hướng hành động đến nơi tạo ra điều thiện, hoặc khi tâm thiện nảy sinh như làn điện, thì tâm như hư không, hoặc hướng theo hành động không tốt lành, biết như hư không, như khách trần nhiễm phiền não, thì tâm như con vượn. Nếu một mực hướng về các cảnh giới tham thì tâm như họa sĩ, vì tâm một mực khởi sự hành động tạo ra các nghiệp.

Nầy Ca-diếp! Phật nói: Tâm không nhất định, có thể chạy theo các thứ phiền não. Hoặc hoàn toàn ở trong phiền não, còn có thể hành

động tham dục, giận dữ và si mê, nó không đứng lại mà chạy đi mãi. Tâm như kẻ bộ hành chỉ đi một mình, không có bạn đồng hành. Không phải tâm kia vốn có ô nhiễm tham lam rồi mới có thành tựu xa lìa rồi xa lìa, lìa xa dục rồi lại có tham dục. Giải thích như thế v.v... Nói tâm như vị quốc vương, vì được tất cả pháp tự tại. Trong pháp an vui, vì thành tựu được thế lực tự tại mới tu hành. Tâm như kẻ thù, vì có khả năng nảy sinh tất cả khổ. Bỏ rồi lại ưa, nên có khả năng sinh khổ. Tâm như nhà đựng tro tàn, như

lưỡi câu cá (cá mắc câu), như chiêm bao, như ruồi lằn xanh. Do chấp vô ngã, nên có thể tự nảy sinh đau khổ. Vì điên đảo như kẻ thù, nên nó giúp thêm nỗi khổ cho mình mà không biết vừa đủ hay nhàm chán. Tâm như quỷ Dạ-xoa cướp đi năng lực của con người, khiến cho con người phải từ bỏ việc tu tập tốt lành để tìm đến chúng, theo sự sai khiến của chúng.

Tâm như kẻ thù, vì làm điều không tốt lành và hay tìm kiếm các lỗi lầm của người khác, luôn phân biệt cao, thấp, có thế lực, không có thế lực, yêu, ghét đều biết.

Tâm như bọn giặc rất là phóng đãng, điều gì được làm thì không làm, tất cả căn thiện đều có thể bị tiêu tan hết.

Tâm ưa thích các màu sắc v.v... vì cảnh giới sắc rất dễ dính mắc, vì bám dính nên mãi mãi nhớ nghĩ được cảnh giới cam lồ, nhớ nghĩ rồi, thì khó được yên ổn. Do ba thứ tướng, tâm được thanh tịnh, nên biết.

1. Vì được tướng không, nên chẳng phải là tướng hữu vi.
2. Vô tướng.
3. Tánh tướng.

Nầy Ca-diếp! Tâm nầy mong cầu không thể được. Vì không thể được nên không thể hay biết được tâm đó, thì danh tánh mong tìm không thể được. Vì không thể nắm bắt được, nên tâm kia không thể hay biết. Tâm có như thế, quán sát tướng là nhân của tâm thanh tịnh rồi, thì hành tư duy có khác.

Mong cầu tâm thanh tịnh là không thể được. Tư duy như thế rồi, khiến có thể được, đấy gọi là được tướng không được. Pháp tu hành như thế là tu hành vô ngã, dùng trí tuệ để tu hành xong, là tướng chân như. Tâm dùng tri kiến sau đó mới là tướng chân như. Dùng chín thứ tướng để nói đến tâm. Vì đối trước pháp tướng hữu vi cho nên mới nói là vô vi, nên biết.

Vượt qua ba đời là không phải hành trong ba đời. Vả lại, không phải như nhập định diệt tận, vì tâm đã phát sinh tác dụng rồi lại có thể nảy sinh.

Tâm kia chẳng phải có, chẳng phải không, danh tánh giả tạm, không thể phân biệt đo lường. Dùng tánh chân như có thể đo lường biết được tâm chẳng phải có hai tướng. Tâm không sinh, vì tướng nó là vô sinh.

Tâm kia không tánh, vì nó vượt qua tướng nhân, là tính chất của sự sinh. Nó không phát sinh, vượt qua các sự sinh trong đời vị lai.

Tâm kia không bị tiêu diệt vì nó đã vượt khỏi phần đoạn của cái chết. Tâm không có gì để xa lìa vì vượt qua sự từ bỏ mỗi ý niệm.

Không có gì để xa lìa là trong từng niệm từng niệm, nó vượt qua mọi xa lìa. Không có gì để xa lìa, tức là không đến, không đi, không lui lại,

không sinh. Vì đã vượt qua sự chuyển biến của các đường.

Không có hành nghiệp ở đây là vì đã vượt qua nghiệp phiền não.

Nếu là vô vi, thì đó là chủng tánh của bậc Thánh.

Tánh tướng ở đây là tướng của cảnh giới vô vi, nên biết.

Vì nhận thấy vô vi kia, nên làm sáng tỏ sự nghiệp của các Thánh. Nhưng trong pháp hiện tại của các Thánh đã vượt qua năm việc. Nếu là tánh của Thánh, thì không có người giữ giới, vì vượt qua mọi việc tạo tá; cũng không có kẻ phá giới, vì vượt qua mọi việc không tạo ra. Vô hành là quá tác hành. Phi vô hành là quá tác phi hành. Phi hành là quá bất hành tác hành, và vượt qua việc hữu vi trong vị lai. Đó là vô tâm, vô tâm sở pháp. Vượt qua lại có sinh, phát khởi hành động. Không có nghiệp là vượt qua hành động hữu vi kia. Không có nghiệp báo là vượt qua ngôi nhà sinh ra.

Pháp vô vi kia không có khổ, cũng không có vui, vì nó đã vượt qua chỗ nương tựa có thế lực, không thế lực của pháp hữu vi. Trong đó không có nghiệp, không phát sinh nghiệp hành động, nhưng trong tánh pháp vô vi kia, không phải do thân tạo ra nghiệp, không phải miệng, không phải do tâm tạo ra. Vì dựa vào nỗi khổ, niềm vui, nên tất cả đều ghi nhận có tác động chuyển biến xê dịch.

Không có nghiệp là nó vượt qua các giới học. Không phát sinh nghiệp hành động là nó vượt qua mọi sự mong muốn. Nhưng không phải do thân v.v... tạo ra nghiệp trong tánh vô vi kia, là vì quá khứ nó không cảm nhận quả báo.

Tánh vô vi cũng không có khác nhau về cao, thấp, trên, dưới. Vì mỗi thứ thân đều đã dựa vào tánh vô vi trong quá khứ. Nhưng tánh vô vi kia có đến chín thứ tướng khác nhau về tánh và tướng. Khi không tịnh, khi tịnh, khi chứng và khi tận diệt. Tánh của vô vi nầy luôn bình đẳng như hư không, lúc không tịnh thì đẳng chí tất cả tướng, như hư không

bao trùm tất cả sắc, tất cả tướng, chân như cũng thế. Hiện tại khi tịnh, thấy đẳng chí, đấy là thời gian không tịnh. Một tướng là tánh không phân biệt, vì tất cả pháp đều một vị bình đẳng. Đây là tánh vắng lặng xa lìa thân tâm, vắng lặng là khi tịnh, vì một vị và thân tâm đều vắng lặng.

Khi tịnh có hai thứ tướng, nên biết. Tướng vắng lặng nầy tùy thuận hướng đến cảnh giới Niết-bàn. Tánh thanh tịnh nầy đã xa lìa mọi phiền não nhơ bẩn. Vì đã vĩnh viễn chứng ngộ nên tùy thuận, và do thanh tịnh nên tùy thuận hướng về cùng tận đến khi chứng đắc, đấy gọi là khi chứng ngộ.

Tướng ban đầu, tánh không bình đẳng, lìa ngã và ngã sở. Tướng thứ hai vượt qua thân kiến khi chứng.

Tánh nầy không ác, vừa hư vừa thật, xuất sinh từ bình đẳng, nó vượt qua ác kiến căn bản kia. Trở lại tướng mạo thứ ba của tánh kia thì tánh nầy là chân thật đệ nhất nghĩa đế.

Đây là nói khi vĩnh viễn cùng tận, thì tánh ấy trụ hoàn toàn. Vì nó thường còn, nên thành tựu các niềm vui, vượt qua ba thứ chuyển biến.

Ba thứ chuyển biến là:

1. Chuyển biến sống chết v.v...
2. Chuyển biến nơi đến.
3. Chuyển biến thanh tịnh bị lùi lại.

Tánh nầy không cùng tận, hoàn toàn không sinh, vì nó vượt qua sự chuyển biến sống chết v.v..., đấy gọi là thành tựu tướng ban đầu khi tận cùng. Tánh nầy là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì nó vượt qua chuyển biến chỗ điên đảo, rồi trở lại tướng thứ hai trong tánh kia sau khi đã đến mức tận cùng.

Tánh nầy chân tịnh, từ trước đến nay đều hoàn toàn thanh tịnh, nó đã vượt sự chuyển biến lùi mất thanh tịnh, trở lại tướng thứ ba trong tánh kia khi đã đến mức tận cùng.

Thế nên, cho đến đạo của thế gian, xuất thế gian đều thị hiện sự lợi ích cho người khác, nên Đức Phật nói: Nầy Ca-diếp! Thầy phải tự quán sát mọi tâm, đừng chạy theo bên ngoài. Nầy Ca-diếp! Thậm chí Tỳ-kheo hành đạo, đã phải tùy nơi tâm bị trói buộc mà cầu giải thoát.

Nầy Ca-diếp! Thầy phải tự quán sát bên trong. Theo thứ lớp nào? Như tánh vô vi kia đã làm sáng tỏ sự thanh tịnh của các bậc Thánh. Tánh đó đã được chỉ rõ. Như hôm nay, tùy thuận như bậc Thánh đã sinh. Lời giải đáp kia sẽ được nói rõ hơn.

**

LUẬN KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 4

Nầy Ca-diếp! Sau nầy trong tương lai sẽ có Tỳ-kheo như con chó đuổi theo cục đất. Trong đấy gọi như chó là do theo ngoại đạo. Năm thứ cảnh giới sắc v.v... ví như cục đất, ném vào là như sợ sắc, âm thanh, mùi thơm, vị ngọt, sự va chạm, chỉ rõ sự sợ hãi các cảnh giới đó. Tỳ-kheo kia sợ cảnh giới, vì không chứng biết nguyên nhân vì sao phải sợ. Phật chỉ cho Tỳ-kheo bốn thứ tướng. Chỉ tranh giành lấy cảnh giới. Ở chỗ trống trải, vắng vẻ vì muốn đổi thay được cảnh giới tốt đẹp, nên duyên nơi chốn trống trải, vắng vẻ. Tỳ-kheo đó chỉ ở một mình, không có bạn đồng tu, trừ bỏ sự nhiễm tạp, vĩnh viễn trụ không hai. Thân đã lìa xa năm dục, nhưng tâm lại không từ bỏ nó, người nầy có khi hoặc nghĩ nhớ đến sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon ngọt, sự va chạm, rồi chút lòng tham lam, say đắm khởi lên mà không tự quán sát nội tại, không hay, không biết, chỉ luôn gợi nhớ đến các cảnh giới vì có sức chịu đựng, nên họ cũng không biết. Tại sao cần phải xa lìa sắc, thanh, hương, vị, xúc? Chính vì họ không hay biết, nên thời gian sau, khi họ vào thành ấp, xóm làng, hay kinh đô của vua v.v..., giữa chốn đầy người thì họ bị trói buộc do năm dục: Sắc, tiếng, mùi thơm, vị ngọt, cùng sự va chạm nên bị lùi lại.

Nếu người cho đến chết ở nơi trống trải, thanh vắng, lại giữ giới thế tục để được sinh lên cõi trời hữu lậu, thì họ vẫn bị trói buộc do sự ưa thích năm dục lạc trên trời. Rồi khi phước cõi trời hết, họ cũng không tránh khỏi rơi vào bốn đường ác. Bốn con đường ác là: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la. Đã được sinh lên cõi trời mà vẫn còn phải bị đọa là do hành động, họ dựa vào tham dục đó là bạn đen, nên biết. Dựa vào cái thấy mà hành động, gọi là bạn trắng, nên biết. Do thấy nhân vô ngã, để đối trị với hạng người đó, nên giải thích thành hai hạng bạn đen, trắng v.v... nên biết.

Tu tập các hạnh như thế xong, nếu tâm tán loạn, thì gồm thâu nó lại. Đã gồm thâu được thì có giải thoát. Câu kinh trong đấy là thí dụ. Tâm không nhập định, nhưng vì muốn được giải thoát, nói các phương tiện Xa-ma-tha v.v..., thủ xả phiền não Xa-ma-tha xen kẽ để đối trị tâm, nên nói rõ qua thí dụ yết hầu và thí dụ người bị trói buộc v.v..., đều coi một lòng tâm

định là phương tiện giải thoát, nhằm thị hiện tướng kiến tu, nói đó là phương tiện diệt phiền não.

Sự cản trở của kẻ tu đạo là chấp thân và mê đắm Tam-muội, vì nhận thức như thí dụ yết hầu và người bị trói buộc v.v...

Khi chứng ngộ đế dùng trí xuất thế gian tạo tác, gây ra khó khăn là chấp thân như chứng bệnh phát sinh nơi yết hầu, nên biết.

Đã thực hành hạnh như thế xong, vì đề phòng chấp pháp có, đề phòng những chấp như vậy nên nói hai thứ thí dụ "không" về tâm không sạch:

1. Đọc tụng kinh sách, các bộ luận v.v... của ngoại đạo, thế gian.
2. Cất chứa nhiều y bát tốt đẹp, dựa vào nghiệp, dựa vào thân. Hai pháp nầy trói buộc vào hai thứ:
1. Bị trói buộc do chấp.
2. Trói buộc do lợi dưỡng, tiếng khen v.v...

Hai thứ nầy có khả năng trói buộc khi pháp thiện chưa phát sinh, làm cho pháp thiện không sinh, tạo ra hai chướng khác:

1. Bạn dòng Thánh.
2. Gần gũi các Đàn-việt, còn pháp thiện đã sinh thì bị tiêu mất, hay làm cho ô nhiễm, khiến hình thành hai thứ nhơ:
1. Chịu đựng sự nhơ bẩn của các phiền não.
2. Ham trí thức v.v... của các Đàn-việt. Vĩnh viễn nhổ đứt pháp căn thiện, khiến hỗ trợ thành hai thứ mưa đá làm hư hỏng chánh pháp: Chê bai chánh pháp, phá giới mà vẫn nhận lãnh của tín thí. Họ không thể cứu chữa được nơi pháp hiện tại, do vậy mắc phải hai chứng bệnh ung nhọt:
1. Vạch tìm lỗi người khác.
2. Tự che giấu mọi tội lỗi của mình.

Trong pháp hiện tại, họ đau khổ vì hành động ác, làm cho họ mắc phải hai thứ pháp thiêu đốt:

1. Thân tâm nhơ bẩn mà mặc áo cà sa.
2. Nhận sự lễ bái, cúng dường v.v... của người giữ giới có công đức.

Thí dụ vị lai là dù thế nào vẫn không thể sinh căn thiện, vì mắc hai chứng bệnh, không thể nào cứu chữa là:

1. Phá hoại việc tự điều phục tâm tăng thượng mạn.
2. Làm hư hỏng sự phát tâm Đại thừa của người khác. Vì phỉ báng Bồ-tát, dựa vào giới pháp của Thanh văn, còn có lần lượt trong vị lai, nên

biết.

Nầy Ca-Diếp ! Thầy phải tự quán sát bên trong. Như thế, cho đến trong số đó, có người nào thông minh trí tuệ, điều phục được phiền não tham lam v.v...

Nói thí dụ về tăng thượng giới hạnh nghe nhiều, học rộng, thì họ nảy sinh ý nghĩ ăn năn mà chán nản (thế trần) để làm sáng tỏ tâm tăng thượng về giới hạnh bằng thí dụ yết hầu và thí dụ về người bị trói buộc, dùng nhân vô ngã và pháp vô ngã làm tăng thượng trí giới hạnh. Nếu để điều phục phiền não tham lam v.v... mà tâm tăng thượng về giới hạnh như kinh đã nói, thì sao trong đây lại nói tăng thượng giới hạnh?

Đáp: Tham sân si là nhân làm phát sinh mọi hành động phiền não tham. Nó khởi lên tướng rõ nhất, cho nên nói điều phục phiền não tham là hạnh tăng thượng của giới.

Hỏi: Thế nào là các phiền não có khả năng phát sinh tội?

Đáp: Vì có hai thứ tướng, người đó không thể sám hối. Ví như người đó đã sám hối, nhưng không thành sám hối. Có các Sa-môn, Bà-la-môn không nhận biết nguyên nhân của phiền não, nên sợ hãi cảnh giới sắc v.v..., họ tìm nơi trống trải, thanh vắng mà ở, nhưng tự tâm vẫn khởi lên những suy nghĩ bất thiện, nên phiền não ngã mạn, lại cũng phát sinh, hoặc nhớ nghĩ đến nơi khác mà cảm thấy tham v.v..., họ lao theo nó, như con chó đuổi theo cục đất. Khi ta lượm đất chọi thì con chó đuổi theo cục đất. Như vậy là không biết cách loại trừ tham v.v...

Do đã có chuyện thân cận với xóm làng nên mình mới nghĩ nhớ đến, thì đấy gọi là chưa loại trừ. Thuận theo nghĩa nầy nên gọi là loại trừ và loại trừ xong.

Hỏi: Vì sao nói điều phục tham lam trong bạn đen mà không nói điều phục phiền não trong bạn trắng? Nói điều phục về phiền não mà không nói về tham?

Đáp: Vì cả hai đều ở trong cõi Dục, nên chỉ rõ có cái còn sót bị điều phục và có cái còn sót không bị điều phục, điều ấy có nghĩa là nếu người ở chỗ trống trải thanh vắng mà chết thì như thế là chưa điều phục. Người giữ vững giới cấm mà giới tăng thượng còn bị hư hoại, huống chi là người không giữ vững giới cấm, ví như trông thấy con ngựa đi dưới đường mà đôi khi còn lầm lẫn. Hành giả tu hành giới tăng thượng cũng

như thế, ngộ nhận các ý niệm, cũng gọi là tán loạn, cũng như chứng bệnh yết hầu đưa đến chết người. Như thế, phải tu hành nhân vô ngã với trí tăng thượng. Do thân kiến có thể làm chết mạng sống của pháp. Như

người bị trói buộc chỗ nào thì mong cầu được giải thoát chỗ ấy, dựa vào pháp vô ngã mà tu hành với trí tăng thượng. Cũng như vậy, tùy tâm chấp, tùy vọng niệm mà thắng vượt chúng.

Trong ba cách tu tập giới pháp nầy, có tám pháp mâu thuẫn nhau về giới và có tám thứ tùy thuận tâm không trong sạch, như đọc tụng kinh, sách, các luận v.v... của ngoại đạo thế gian, đa số đều ham thích y bát đẹp đẽ v.v... mà không phải vì cần dùng. Như ô nhiễm ngang ngược "Không", vì ô nhiễm ngang ngược là nguyên nhân của sự ràng buộc.

Nói lần lượt thì có hai thứ ràng buộc:

1. Sự ràng buộc của kiến chấp.

2. Sự ràng buộc của danh vọng, lợi dưỡng. Hai thứ nguyên nhân tạo ra sự ràng buộc, nên nói lần lượt là vậy.

Bị kiến chấp trói buộc, nên ghét và chê bai bạn bè dòng Thánh. Bị lợi dưỡng và danh vọng, nên thân cận bạch y. Hai thứ nầy như vết nhơ gây chướng ngại:

1. Oán ghét, chê bai bạn Thánh, thì nhận lãnh các phiền não.

2. Thân cận bạch y là tham tri thức v.v... của các Đàn-việt. Sự dơ bẩn nầy làm nguyên nhân tạo cơn mưa đá. Hại của sự mưa đá là bị phiền não giày vò, rồi chê bai chánh pháp, ham theo Đàn-việt, sự thân cận nầy là điều kiện phá giới. Kẻ phá giới và nhận lãnh sự cúng dường của tín thí là nguyên nhân cho cơn mưa đá, nên sau đó mới có chứng bệnh ung nhọt. Do chê bai chánh pháp, phá giới và thọ hưởng của tín thí, tự che giấu các tội lỗi của mình, các điều đó làm nguyên nhân nung nấu của chứng ung nhọt. Lại nữa, kẻ đó còn bị đốt cháy do sự tìm vạch lỗi của người khác.

Kẻ thân tâm nhơ bẩn mà mặc áo cà sa, kẻ che giấu tội của mình mà nhận lãnh sự lễ bái, cúng dường v.v... của người có công đức giữ giới, những hành động đó là nguyên nhân gây ra sự đốt cháy kia.

Bệnh không thể chữa trị là bệnh thân tâm nhơ bẩn thích mặc áo cà sa, ấp ủ tăng thượng mạn mà gom góp tâm giới. Nhận lãnh sự lễ bái, cúng dường v.v... của người giữ giới có công đức là phá hoại kẻ trụ vào phát tâm Đại thừa.

Nói bạn trắng để đối trị với các chứng bệnh trên, nên biết.

Trong hai loại người nầy, thứ nhất là người tu hành mà có chấp, thứ hai là người tu hành mà tham ái, nên biết.

Có bốn hạng Sa-môn lần lượt chỉ rõ là: Hạng gây tai họa vì sống trái với giới pháp. Hoặc thân cận bạch y. Hoặc gây tai nạn cho người làm họ

phải bỏ pháp. Hoặc người đã có công đức rồi mà gây mọi trở ngại trong ý nghĩ họ. Nếu không gây trở ngại thì chỉ có ba hạng người gây tai họa. Ba loại đó là: Sa-môn với hình dáng, sắc phục nhưng tâm, hạnh đều hư hỏng. Dựa vào ưa ghét mà nói pháp theo nghĩa ưa ghét đó.

Sa-môn lừa dối là Sa-môn ham tiếng tốt, hạnh tốt, mà tâm hư, họ chạy theo vui mừng, ham muốn quá đổi, chạy theo những mừng vui dục vọng hữu lậu.

Trong vui mừng, ham muốn xấu đó, luôn nghĩ mình là Sa-môn, nhưng không phải là Sa-môn.

Rất sợ hãi, nếu có được nhiều đức, nhưng lại tự ý bỏ đức vốn đã có của mình, luôn nghĩ thế nầy: Người có tâm vui mừng và ham muốn, người đó nếu đã vừa có đức mà còn có tâm trên thì càng tốt hơn.

Hạng người thứ nhất có hai việc hư hỏng:

1. Hữu dư.
2. Vô dư.

Hữu dư là dựa vào bốn hạng Sa-môn mà nói, là do thọ giới hữu lậu đưa đến ý nghiệp bất tịnh.

Đem ba thứ không giỏi điều phục nầy theo như thứ lớp chỉ rõ, nếu căn cứ vào việc khất thực mà nói là sống đời không trong sạch. Dựa vào việc thọ dụng để nói về sự keo kiệt, nghĩa là họ gom góp để dành thức ăn qua đêm. Dựa vào nghiệp tu tập để nói lối sống bất tịnh. Dựa vào sự tiêu dùng để nói chuyện keo kiệt, như cất giữ đồ ăn cách đêm v.v... Dựa vào việc tu mà nói lười biếng. Vô dư là do phá giới nên phạm những lời dạy căn bản của giới.

Tâm hư hỏng là dùng pháp ác và cố ý che giấu tội lỗi của mình.

Thành tựu hạnh thứ hai là dựa vào hành mạng giới thọ dụng và tu đạo, trong đó thành tựu về hạnh là dựa vào hành. Thành tựu về cảnh giới là dựa vào mạng sống. Thành tựu oai nghi là để tâm nhuộm thắm trong bốn hạnh oai nghi.

Dựa vào giới cấm là thọ dụng vật thô nhám, thức ăn cũ đạm bạc, ít ham muốn.

Chủng tánh của bốn Thánh là dựa vào thọ dụng, không thân cận các bạn đạo và người thế tục v.v... Dựa vào tu đạo nên ít nói, ưa sống nơi thanh vắng, dựa vào luận thuyết an ủi, khuyến dụ v.v... nên biết. Mặc dù thực hành các pháp như thế, nhưng đều là lừa dối chớ không vì

giỏi làm tịnh tâm, vì tâm đã hư hỏng nên hạnh tu hành nương vào cũng lừa dối, nên biết:

Thường chấp ngã là dựa vào nhân vô ngã mà hành nhưng lại không dập tắt được chấp ngã. Nên trong "Pháp không" phát sinh tâm sợ hãi, như thấy mình sắp rơi xuống vực thẳm. Nương vào pháp vô ngã, nhưng không phân biệt được ý nghĩa của "không", người nào nói pháp không thì họ coi là kẻ thù.

Người thứ ba là thành tựu hạnh tùy thuận trụ niệm, nghĩa là y chỉ và y hành tùy thuận các pháp, nên biết.

Trong đấy, trụ là vâng giữ giới cấm, niệm là học rộng. Vì sự nhớ nghĩ đó, nên tùy thuận được mọi việc. Nương tựa là sống nơi trống trải thanh vắng, vì tọa thiền ở chỗ trống trải, thanh vắng, nên tùy thuận của các công đức. Tùy thuận các pháp là biết vừa đủ, ít ham muốn v.v... tâm không thân cận với bất cứ ai.

Không dập tắt được mọi ý niệm thì ở đây chỉ rõ cách đối trị là làm phát sinh nhàm chán và lìa dục. Nhờ đó, chấm dứt được ham muốn, được tâm Bồ-đề hay mất tâm Bồ-đề là do kết quả tu đạo nầy.

Người thứ tư, cả hai đều thành tựu. Có chín thế mạnh của thành tựu, nên biết:

1. Thế mạnh của tu mãi một hạnh.
2. Thế mạnh của học rộng.
3. Thế mạnh của ham muốn.
4. Thế mạnh của suy tư vắng lặng.
5. Thế mạnh của chánh kiến.
6. Thế mạnh của chứng ngộ.
7. Thế mạnh của diệt hết.
8. Thế mạnh của tu tập.
9. Thế mạnh của chứng ngộ chân chánh.

Không mong cầu thân mạng là không tham tiếc thân mạng. Đấy gọi là thế mạnh của tu mãi một hạnh.

Ưa học pháp Không v.v... với lòng hoan hỷ là làm sáng tỏ thế mạnh thứ hai là học rộng.

Cũng không cảm thấy vui mừng với chấp "Không" v.v... và cũng không tỏ vẻ vui mừng với cảnh giới Niết-bàn mà chỉ chuyên lo tu tập các phạm hạnh, huống chi mong cầu sẽ được sống trong ba cõi, không mong cầu chấp pháp, cũng ưng pháp diệt, ý hướng đến Niết-bàn của quả đó, đạo đó.

Nói về thế mạnh ham muốn thứ ba là thường xuyên dừng lại và dựa vào chánh pháp, không dựa vào văn tự, câu văn. Mong cầu nội tâm được

giải thoát mọi phiền não, không trốn chạy cái bên ngoài. Vì dựa vào chánh pháp mà mong cầu được thiền định, giải thoát suy nghĩ về trí tuệ thế gian v.v...

Thế mạnh thứ tư là suy tư trong thanh vắng để cầu mong giải thoát mọi phiền não, không hướng ra ngoài, chỉ mong thấy được một pháp. Pháp đó từ xưa đến nay vốn không cấu uế mà hoàn toàn trong sạch để tự mình nương vào nó. Không dừng lại nương tựa vào người nào khác để tánh không bị nhiễm. Pháp hữu học xuất thế gian là bên trong mình phải tự biết lấy.

Thế mạnh thứ năm là chánh kiến, là dùng pháp thân chân chánh mà còn không trông thấy được Phật, huống gì là sắc thân. Không thấy Tam bảo là ba ngôi quý báu, chân thật, cũng là do trí xuất thế gian phân biệt nhớ nghĩ.

Thế mạnh thứ sáu là chứng. Đã lìa mình ra khỏi tai họa chấp "Không" mà còn không thấy được pháp, huống chi là tham đắm âm thanh, lời nói. Do vậy cần diệt trừ những gì nên diệt trừ.

Thế mạnh của diệt là thứ bảy, không thấy có điều gì phải tu tập nữa.

Thế mạnh của tu tập là thứ tám. Không sinh vào vòng sinh tử, không đắm say Niết-bàn, biết được tất cả pháp xưa nay tịch diệt, không thấy có sự trói buộc, không có mong cầu giải thoát. Thế nên, không từ bỏ thế gian, không chứng ngộ Niết-bàn. Không diệt nhân tố thế gian để chứng Niết-bàn. Không sinh ở thế gian, không mong cầu cảnh giới Niết-bàn. Không mong muốn chết và không mong được sống lâu mãi. Không mong cầu được giải thoát, không mong muốn phải bị ràng buộc, vì đã diệt, và còn phần hữu dư.

Không tu hành cũng không diệt. Trong đấy, tính chất diệt cùng tận là các pháp vô học thuộc về vô sinh trí v.v... nên biết. Đây gọi là thế mạnh thứ chín về chánh chứng.

Vì đã có ba hạng Sa-môn kia, nên mới đặt tên Sa-môn (danh từ Sa-môn). Danh từ Sa-môn đó không có nghĩa và chỉ rõ không giống nhau, chỉ lấy tên để thay thế.

Nói thí dụ nghèo khổ. Lấy tên để thay thế là thế nào? Dùng hình dáng, trạng mạo khác với tên Sa-môn, giả dối để nhận lãnh lợi dưỡng của tín thí. Từ đây trở về sau, các hành chẳng phải là chân thật. Sa-môn và ý thức nhận biết (tri thức) đã phát sinh tánh kiêu ngạo. Hạnh chân thật của Sa-môn là vâng giữ giới cấm có nhận thức, hiểu biết. Nói điên đảo vì giống như giữ gìn giới, trí văn, tư, tu, dựa vào kiêu ngạo đó nên mới nói hai thí

dụ: Như có người bị nhận chìm trong vũng nước sâu mà chết khát. Thí dụ nầy nhằm chỉ rõ kẻ có văn tuệ dễ nảy sinh ngã mạn.

Thí dụ thầy thuốc là do tư tuệ, nên ham mê Tam-ma-bạt-đề, kẻ phàm phu xa lìa ham muốn thì dễ mắc vào lợi dưỡng và sự cung kính.

Hữu học là phát sinh hối tiếc tu tập Tam-ma-bạt-đề, vì tu tuệ hạnh tà sẽ thị hiện sự kiêu ngạo trong việc hành chánh hạnh, cho nên nói ra ba thí dụ khác: Thí dụ đầu là nói về bệnh nhân, thí dụ thứ hai là của quý báu, thứ ba là nói về người chết.

Dựa vào giới sinh tánh kiêu ngạo, thị hiện có bốn hạng Tỳ-kheo phá giới, thí dụ như Tỳ-kheo khéo giữ giới v.v... Trong đó, người đầu tiên tạm thọ giới, người thứ hai là hạng không khéo giữ gìn giới luật, còn tỏ rõ sự lười biếng. Người thứ ba hành động giống như người giữ giới, gây chướng ngại đối với sự phá giới, nên nói làm hư hỏng chướng ngại giới. Người thứ tư nói là đã lãnh thọ đầy đủ mười hai công đức của hạnh đầu đà, đây là giữ giới trên danh nghĩa tạm bợ. Trong đấy, người thứ nhất nhận thấy tai họa phá giới nên dập tắt bằng cách gây chướng ngại để đối trị. Gọi là phá giới.

Hữu lậu do phá giới nên không thể gìn giữ một phần nào trong số giới cấm.

Nảy sinh tư tưởng sợ hãi trong cảnh giới Niết-bàn, vì không có khả năng diệt được chướng ngại phá giới, nên đối trị bằng cách tu hành.

Người thứ hai dùng tánh ngã mạn nảy sinh ta đây được tướng giải thoát. Để đối trị hạnh nầy, nên mới nói về các công đức giữ giới chân thật. Phá giới là tội ác đã quá rõ ràng. Hạnh tu đạo cũng đã được chứng tỏ.

Trong đó, với người giữ giới đầu tiên, Đức Phật nói họ nên ngộ nhập từ bên trong, không nên ngộ nhập từ bên ngoài.

Với người giữ giới thứ hai, Đức Phật nói: Chớ tạo ra nghiệp nhiễm. Khéo léo không tạo ra nghiệp nhiễm, không phải để thân v.v... tạo nên. Nghiệp nhiễm cũng không phải không làm gì, mà là giỏi làm ở chỗ vô hành và không phải không làm gì. Dựa vào tạp nhiễm, mà không tạp nhiễm. Dựa vào sự khất thực mà không chấp vào khất thực, cũng không dựa vào đó mà không hành. Thọ dụng tạp nhiễm nhưng không nhiễm tạp, vì không danh, không sắc, Niết-bàn vô dư. Trong vô tưởng vô phi tưởng, vô tướng hành, lìa bỏ hết thảy tưởng nhớ nghĩ và những nhớ nghĩ vô tưởng, thành ra giới là không diệt, không phải không diệt. Hạnh vô học đối với Niết-bàn là hữu dư, phiền não là vô dư. Không chấp không

buông, thường làm xa lìa sự vui mừng, âu lo, và từ bỏ sự nhớ nghĩ đến đồng sinh, thì không gì đáng chấp không gì đáng bỏ. Trở lại cảnh giới

ban đầu, không chấp sự vui sự khổ, và chấp, buông ý niệm đồng sinh, thì không có chúng sinh, không có danh từ chúng sinh, cho đến không tâm, không có tên của tâm. Dựa vào thí dụ để giải thích, nếu đã diệt thì tùy thuộc vào đối tượng diệt để có thể ghi nhận và tùy vào việc đã ghi nhận mà tùy thuận đối tượng được ghi nhận. Không có thế gian, không có phi thế gian. Sống trong thế gian xen tạp, nhưng người tu hành làm việc không xen tạp. Nói không nương tựa, không phải là không nương tựa. Nương vào tạp nhiễm và không tạp nhiễm. Dựa vào cảnh giới thôn xóm, ruộng vườn của sáu thức, mà không coi thân giới của mình là cao. Không chê bai giới của người là thấp. Dù nương vào sự thân cận tại gia, nhưng không nhớ tưởng, phân biệt với giới kia cũng không phân biệt ta là người vâng giữ giới, ta có giữ giới như thế, không phân biệt tính chất đó. Vô lậu cũng có thể theo hữu lậu thế gian mà cùng tiêu mất sao? Thế nên tìm cách làm sáng tỏ, nói nó là không cùng chung với hữu lậu thế gian. Ba cõi không phải là kết quả, nên không cầu nguyên nhân ba cõi. Hai câu nầy thứ tự chỉ rõ tên là các pháp đối với giới có tùy thuận, không tùy thuận.

Sa-môn học giỏi và không học giỏi có những sai biệt.

Thế nào là Sa-môn không học giỏi giới? Trong đấy có ba hạng Sa-môn, nên biết:

Về hình dáng, sắc phục thì trông giống như Sa-môn, Sa-môn không tham tiếc việc giữ giới, Sa-môn chỉ đồng một hình dáng, sắc phục. Còn Sa-môn không đồng nhau là về hành động, mạng sống, thọ dụng và giới mạng, kiến thức, tâm đều không giống nhau v.v... Trong đó, lĩnh vực hình dáng và lĩnh vực sắc phục gọi là tương tợ.

Về y phục, họ cùng mặc y Tăng-già-lê v.v... nên gọi là đồng phục. Về hình dáng họ cũng cạo râu tóc, mang bình bát, nên gọi là đồng hình dáng. Nhưng do hành động của bản thân v.v... là bất tịnh, nên gọi là hành động không giống Sa-môn. Vì lối sống không trong sạch, nên mạng không giống Sa-môn. Vì keo kiệt nên trong thọ dụng không giống Sa-môn. Vì lười biếng nên hành động tiêu dùng không giống Sa-môn. Vì phá giới nên không giống việc làm của Sa-môn giữ giới. Vì theo phép ác nên không hiểu biết giống Sa-môn. Vì không điều hòa, không khuất phục, không ổn định được các căn, nên không giống Sa-môn, và với tâm cũng không giống.

Hai là với oai nghi lừa dối, họ khẩn cầu những vật dụng riêng tư và ra sức tiêu xài, nên biết. Tâm tăng thượng đồng với tuệ tăng thượng, nhưng hành động kẻ kia và tâm không giống như vậy, vì thành tựu việc sử dụng

theo ý v.v... Giới tăng thượng đồng với nhất tâm an ổn cho đến không ưa tạp loạn, nên hạnh của tâm tăng thượng thì đồng với ít nói năng, hạnh của trí tăng thượng thì đồng với những hành động lừa dối kia, hạnh đó không đồng với tâm.

Ba là Sa-môn ham tiếng khen, tức là chỉ mong cầu được tiếng khen, nên biết.

Một phần thì đồng với Xa-ma-tha, một phần thì đồng với Tỳ-bát-xá-na. Hai phần đó đồng với sự tu tập. Trở lại hai hạnh hỗ trợ đạo kia thì tâm đồng nhưng tánh không đồng.

Trong trường hợp nầy, vì do giới. Vì có phần giới, nên một phần đồng với Xa-ma-tha. Giới là nhân của Tam-muội. Do nghe nhiều, học rộng, nên một phần đồng với Tỳ-bát-xá-na. Văn có khả năng lãnh hội được trí vô lậu.

Do ở chỗ A-lan-nhã trống trải, thanh vắng, nên hai phần tu tập kia đồng giống nhau. Vì trụ chỗ trống trải, thanh vắng là nhân tu tập. Hạnh ít ham muốn v.v... đồng với hai hạnh hỗ trợ đạo kia. Vì ít ham muốn v.v... là hạnh hỗ trợ cho sự học tập v.v... và dù có thân cận người khác, nhưng tâm không giống như họ, nên biết.

Thế nào là Sa-môn khéo học tập? Có bốn hình thức, nên biết. Đó là hành, là tâm, là chứng, và đạt đến cùng tận.

Do không tiếc thân mạng, nên được hạnh nhàm chán, ăn năn trong pháp hiện tại. Sa-môn với ý nghĩ vui mừng đối với không v.v... Việc giáo hóa của thân trong đời vị lai, đấy gọi là thế mạnh của việc làm, nên biết. Nương vào hạnh chân như, ý thức tin tưởng vào pháp vô ngã, không vui mừng với cảnh Niết-bàn, và không vui mừng với "Không". Có điều nên làm và có điều có thể được. Hành động đó cũng làm xa lìa tánh, tướng giả danh. Không chấp chánh pháp, thường dựa vào sự thấu đáo về nghĩa, không dựa vào văn tự, chỉ mong cầu nghĩa cần đến. Ở ngay trong phiền não mà cầu mong được giải thoát, không chạy theo bên ngoài. Không tùy thuận như tánh của âm thanh, đấy gọi là thế mạnh của tâm, nên biết. Nhận thấy thể của tất cả pháp đều vĩnh viễn trong sạch, không nhiễm, dùng pháp chân như tạo ra, giúp đỡ thân hình của mình và của người khác, không duyên vào trí tánh người khác, việc chứng ngộ không nhiễm.

Các quả báo v.v... trong đấy đều nhận thấy giải thoát, không thấy tánh, tướng giả danh, nên gọi là thế mạnh của chứng ngộ, nên biết. Tự

tánh của mọi chúng sinh đều diệt, không làm điều thiện và không tu tập pháp đối trị hết thảy phiền não nhiễm v.v..., không nhận lấy Niết-bàn, chân như không đoạn tuyệt, và không quán sát việc sai quấy, đó gọi là thế

mạnh đến tận cùng, nên biết.

Thí dụ về người nghèo ở trong đấy với Sa-môn không khéo học. Vì ba thứ tướng, chỉ có tên gọi chứ không đúng nghĩa, nên biết. Tâm hư hoại mà hành thành tựu, tâm thành tựu mà hạnh lại hư hoại, tâm hư hoại và hạnh cũng hư hoại.

Trong đấy, tâm hư hoại mà hạnh thành tựu thì có ba thứ, nên biết. Chủ thể nghe và đối tượng được nghe cho là đã đủ. Trong chủ thể nói kia mà cho là đủ, là vì chứng ngộ được Tam-muội thế gian và được công đức của thế gian, lấy đó làm điều ham thích. Như dụ kẻ bị chìm dưới sông. Nói tâm hư mà hạnh thành thì chỉ có việc nghe v.v... nên biết. Thí dụ thầy thuốc, là trở lại sự kiện người kia chỉ có nói suông, nên biết. Thí dụ trò ảo thuật là chứng được Tam-muội ở thế gian, chỉ có ham dính vào đó, nên biết.

Thí dụ ngọc báu Ma-ni là chỉ rõ tâm thành tựu nhưng hạnh thì hư, nên biết.

Thí dụ người chết là chỉ rõ tâm hạnh đều hư, nên biết.

Thí dụ con trưởng giả là chỉ rõ tâm hạnh đều thành tựu. Do nghĩa một tướng, Sa-môn khéo học, nên biết. Nói có bốn hạng Tỳ-kheo phá giới, trông giống như giỏi trì giới, thứ lớp ra sao? Đem Sa-môn chân thật nhằm chỉ rõ việc thọ nhận hạnh chân thật. Đem sự thị hiện như giới tương tợ trụ giới giả danh nhằm chỉ rõ giới giả danh. Chỉ rõ giới giả danh là như thế nào? Là duyên vào giới giả danh mà hành bốn thứ, nên biết.

Hạng Sa-môn đó vì tánh ngã mạn làm hư thân. Đó gọi là trụ vào giới giả danh mà hành.

Người đầu tiên thành tựu sáu điều giới cấm, do hai thứ chướng làm hư hỏng giới. Sáu hạnh đó là gì? Phần, giới, gìn giữ, thành tựu, y theo Ba-la-đề-mộc-xoa đã nói mà thực hành thành tựu.

Hạnh thành tựu, hư hoại cảnh giới thành tựu. Đối với tội nhỏ nhặt vẫn cảm thấy sợ hãi thì nhận lãnh giới mà tu hành.

Ở trong các giới có hai thứ chướng, đó là: Chấp thân quá mạnh khiến giới trung khởi và mạng tri. Thứ hai là bỏ hai tai họa đó, từ bỏ lĩnh vực chấp thân quá mạnh, do luật sư giỏi chỉ rõ được những vi phạm về giới, nhưng vì cùng với sự thanh tịnh ở thế gian, không thể động tới mọi lợi dưỡng nên đồng nảy sinh chấp thân.

Thứ ba, pháp đồng đẳng nầy được giới thanh tịnh của thế gian, lại đồng nảy sinh chấp thân. Không am hiểu pháp vô ngã, nghe pháp, nảy sinh sợ hãi và lười biếng.

Thứ tư, từ bỏ tất cả những tai họa, nhưng vì tin theo tà pháp vô ngã, nên làm hư giới, sống ngã mạn, sống trong bốn thứ giới không chân chánh, biết rõ việc mình chê bai giới pháp, tướng đó và pháp vô lậu đó, nên biết.

Chê bai pháp là gì? Đầu tiên người duyên vào giới giả danh, chấp có ngã và ngã sở. Để đối trị với hạng người đó, nên nói không có ngã và ngã sở. Người đã tạo ra phạm giới, mà gọi là không gây tạo để đối trị thì nói vô tác, vô phi tác. Kẻ bảo cái hành tạo ra đó cũng chẳng phải là hành, để đối trị nên nói không có những cái đã tạo ra, thì cũng không có người tạo ra, kẻ bảo hạnh an tường cũng gọi là chẳng phải hạnh, để đối trị với nó nên nói vô hành, vô phi hành.

Người thứ hai trụ vào giới hạnh giả danh, họ chấp thân làm bạn với tùy thuận phiền não, họ chấp cả danh và sắc để đối trị, nên nói là không có sắc, không có danh. Kẻ bảo vị lai sinh tưởng định là có, họ chấp giữ vào đó thì nên nói vô tưởng vô phi tưởng để đối trị. Còn bảo diệt kiết sử đang hừng hực cũng gọi là không diệt, thì nên nói vô diệt, vô phi diệt để đối trị.

Hạng chấp nhân vô ngã và buông xả chấp giữ lấy người, thì nên nói vô thủ vô xả để đối trị họ. Còn hạng chấp chúng sinh vô ngã kia, họ bảo cũng có thể thủ cũng không thể thủ, thì nên nói không thể lấy, không thể bỏ để đối trị họ.

Hạng chấp tướng chúng sinh nhưng không phải do sắc v.v..., họ bảo chấp đó hay lắm, thì nên nói không có chúng sinh, không có tên chúng sinh, để đối trị họ. Họ nói chấp phân biệt đó hay lắm, thì nên nói không có thân, không có tên thân, không có miệng, không có tên miệng, để đối trị họ. Họ bảo phân biệt đó là tâm và họ bảo chấp phân biệt đó như vậy là hay lắm, để đối trị với luận điệu đó, nên nói không có tâm, không có tên tâm phân biệt.

Người thứ ba trụ vào hạnh giới, họ bảo sinh ở trên thế gian mới tốt, cõi thế gian bên dưới chả có gì, nó là phi thế gian, để đối trị lối chấp đó, nên nói không có thế gian, không có phi thế gian.

Hạng cho rằng dựa vào Tam-muội cũng là dựa vào không tham dục, để đối trị họ nên nói vô y chỉ, vô phi y chỉ.

Hạng gồm thâu giới pháp của mình, không chê giới pháp của người khác, để đối trị thì nói không tự cao giới pháp của mình, không

chê bai giới pháp của người là thấp kém.

Người thứ tư trụ vào giới giả danh, họ bảo: "Ta là người giỏi giữ giới", rồi nảy sinh ý niệm phân biệt, để đối trị họ, nên nói cũng không phân

biệt giới.

Hạng có ý niệm phân biệt giới và cho ý niệm có tánh cao vượt, để đối trị với quan niệm đó, nên nói: Không phân biệt giới và không có ý niệm về giới nầy. Chấp như họ gọi là chê bai pháp, làm tiêu tan hết pháp vô lậu. Đấy gọi là một câu mà nói đủ sự vâng giữ giới pháp vô lậu của các Thánh.

Không chỗ nào bám dính là hạng xuất thế gian, không còn ở trong ba cõi, đạo lý không tùy thuận tất cả phiền não và xa lìa mọi sự dừng nghỉ nương tựa. Đối trị với sự xa lìa ba cõi là sự trở lại trong sạch, chỉ rõ được cái cao vượt của hạnh trì giới, nên nói kệ sau đây, nên biết:

Người giữ giới đầy đủ,

Không nhơ, không sở hữu.

Câu kệ thứ nhất chỉ rõ sự xa lìa cấu uế, nói lên tính chất của thanh tịnh, mọi tham dục còn sót đều đã xa lìa hết thì đó là nguyên nhân của thanh tịnh, cho nên nói là được tánh thanh tịnh của giới, cũng chỉ rõ đồng nhân tố thanh tịnh bình đẳng.

Ba câu còn lại thì trở lại với hạnh giữ giới, chỉ rõ nguyên nhân trong sạch của các bạn đồng lòng giữ giới.

Trong đây, đồng bạn phá giới và các đồng nhân thì đối trị. Đối với giới đồng bạn và các đồng nhân, có ba thứ sai biệt, nên biết. Ở trong đồng bạn phá giới có ba thứ: Đồng sắc kiêu mạn, nương dựa vào đồng, làm cho ý bị mê hoặc, chấp như những kẻ ngu si. Đồng ưa Tam-ma-bạt-đề, bắt đồng bạn chấp lấy ý niệm đó.

Đồng sự niệm là như sống thô bỉ, ta và bạn yêu mến, vui mừng cùng sống chung như vậy. Đấy là ý nghĩa của bài kệ thứ nhất.

Trở lại với hết thảy hình thức trong việc trì giới là để chỉ rõ việc nương vào giới thanh tịnh, nên Đức Phật nói bài kệ thứ hai, nên biết.

Tịch diệt và thường rốt ráo như vậy. Trong đấy nói đến việc đối trị với bốn thứ đồng tánh gây tai họa, nên phải nói giới thanh tịnh Ba-la-đề-mộc-xoa, nên biết. Do không thiếu sót đối với việc thọ giới thiền thanh tịnh. Còn lại đều là giới hạnh tịnh vô lậu. Trở lại việc nương vào trì giới kia, thì thanh tịnh không có gì tai họa, cho nên nói kệ thứ ba:

Không tham tiếc thân mạng.

Như vậy có năm điều tai họa:

1. Tai họa về lợi dưỡng và sự cung kính, do còn luyến tiếc thân mạng.

2. Tai họa về tánh lười biếng, cứ nghĩ vui sống hoài, không nghĩ

đến cái chết.

3. Tai họa bắt đầu mong muốn giữ giới phạm hạnh, vì mong cầu tất cả hữu lậu sinh.

4. Tai họa về quan niệm chỉ có giới là đủ, vì không nhận thức đúng đắn đâu là chỗ cuối cùng.

5. Tai họa về không biết chỗ ra khỏi cuối cùng như luận thuyết của ngoại đạo, đều trở thành lối lý luận không đúng đắn.

Xa lìa năm điều tai họa nầy, thì giải thích sự thành tựu thanh tịnh, không còn các tai họa, nên biết, là dựa vào tánh thanh tịnh, không phiền não, nên nói tiếp kệ thứ tư:

Trì giới không nhiễm đời.

Là không nhiễm pháp thế gian, do sự ô nhiễm là thuộc vào sự nương dựa tập đế, mọi lĩnh vực của dục đều đưa đến sự ô nhiễm cao nhất.

Có hai sự nhận thức: Chấp giữ vào ái ân và diệt sự ái ân, nên nói: Không dựa vào pháp thế gian là vậy.

Nói không dựa vào thế gian là dập tắt đi dục vọng trước, vì lại còn có sự ái ân phải diệt.

Mau được trí tuệ sáng,

Do được ánh quang minh,

Ở trong kiến đế đạo,

Không ngại, không sở hữu.

Sự kiện không chướng ngại, không có sở hữu, là do tu đạo phá trừ vô minh v.v..., và ngoài ra để đối trị với những pháp khác nên nói:

Không ngã, không tướng đó,
Xa lìa tướng ta, người,
Dựa vào đạo vô học,
Lìa ngã mạn thanh tịnh.
Phật nói tiếp kệ thứ năm:
Không bờ nầy, bờ kia,
Cũng không khoảng chính giữa,
Trong hành động vô tướng,
Không mắc vào trong ngoài.

Vô lậu là không bị dính mắc, do đã dập tắt phiền não và sức cháy hừng hực của kiết sử. Không dua nịnh vô lậu và cũng không có kiêu ngạo nào khác, đã làm sáng tỏ việc vĩnh viễn dựa vào thanh tịnh, nên nói

kệ thứ sáu:

Tâm không dính danh, sắc,
Lập chí trước mọi việc,
Không rời pháp tịch diệt,
Trì giới không chưa đủ.
Điều phục các giác quan,
Tam-muội không, chưa đủ,
Không sinh ngã, ngã sơ,
Đến hữu đảnh thế gian.

Biết đủ là do giữ gìn giới cấm. Dựa vào thế gian mà được tịnh, chỉ rõ là từ sự trì giới, nên nói kệ thứ bảy:

Dù vâng giữ các giới,
Nhưng tâm không tự cao.

Là chỉ rõ do giữ giới, nên tâm không nảy sinh sự phân biệt cao, thấp, không nhàm chán và biết vừa đủ.

Cũng không cho là cao,
Vượt là cầu đạo Thánh.

Vâng giữ giới cấm thanh tịnh, thấy Tam-muội không đủ, việc mong cầu đạo xuất thế gian, dựa vào sự thanh tịnh của xuất thế gian, nên nói tiếp kệ thứ tám:

Không coi giới là nhất,
Không coi giới là đủ,
Cũng không quý Tam-muội,
Không đắm say Tam-muội,
Vượt qua hai việc đó,
Tu tập thượng trí tuệ.

Không phân biệt là tánh của Thánh. Không phân biệt là tu tập để gom lấy trí tăng thượng, luôn được chư Phật khen ngợi. Vì thế nên người nhận biết có thừa, là người sẽ được chư Phật khen ngợi hơn hết. Dựa vào sự thanh tịnh của hữu học, vô học, phi hữu học phi vô học nên nói kệ thứ chín:

Tâm giải thoát thân kiến,
Diệt hữu phân thân kiến,
Thị hiện tịnh học giới,
Diệt trừ ngã, ngã sở,
Diệt thân kiến đồng sinh,
Hiện tịnh giới vô học,

Tin "Không" cảnh giới Phật.

Do tin lý không cho nên chỉ rõ sự thanh tịnh là chẳng phải học, chẳng phải vô học. Dựa vào sự thanh tịnh mà xua tan tánh keo kiệt và ham dính, nên nói kệ thứ mười:

Nương giới, được Tam-muội,
Tam-muội, năng tu tuệ.

Ở đây chỉ rõ vì chưa được giới của tám đạo Thánh, nên nói thanh tịnh không phải do giữ giới:

Nương dựa nhân tu tuệ,
Mau được trí thanh tịnh,
Đạt được trí thanh tịnh,
Giới thanh tịnh đầy đủ.

Bài kệ nầy nói: Do chứng ngộ được Thánh trí, mà sau đó được giới thanh tịnh.

Bấy giờ, có tám trăm vị Tỳ-kheo không còn các lậu, tâm đều được giải thoát. Có ba vạn hai ngàn người lìa mình ra khỏi trần cấu, đều đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Điều đó chỉ rõ sự dạy bảo đã đem nhiều lợi ích lớn. Đồng thời cũng chỉ rõ tức khắc được kết quả lớn lao.

Về người giáo hóa, gồm nhiều người đã thành tựu, được quả vị hữu học, vô học v.v... cùng năm trăm vị Tỳ-kheo đạt được thiền định, khi vừa nghe nói pháp sâu xa nầy, tâm họ không tin hiểu, không thể thông đạt, nên rời khỏi chỗ ngồi, đứng dậy ra đi. Đây là những người khó điều phục, họ đã có thể điều phục xong, nhưng vì không tin hiểu nên họ không thể thông suốt, không có khả năng ngộ nhập được pháp sâu xa.

Có hai hình thức không thể thấu suốt được các pháp là không tin, có tin cũng không ưa chuộng, nên trí tuệ không có khả năng suy tính thông suốt được các nghĩa.

Ý nghĩa bài kệ nầy rất sâu xa vì khó nhận biết được. Sự sâu xa của Bồ-đề chư Phật Như Lai, thì ý thức không dễ gì đo lường nổi. Nếu căn thiện của họ không thuần thục được là do họ đã bị các tri thức xấu ác thâu tóm rồi. Do sức tự tin quá ít ỏi, nên rất khó tin và lãnh thọ pháp. Bị ác tri thức gồm thâu, nên họ không thể nào tu tập thuần thục các căn thiện, vì họ không tin nhiều, nên biết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Tu-bồ-đề. Khi Tu-bồ-đề cùng các Thanh văn nghe Đức Như Lai nói mấy lời sâu xa là họ đã có khả năng được hóa độ bằng nghĩa cao cả. Thế nên giả danh, chân thật đều có chỗ

khác nhau, nên biết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền hóa ra hai vị Tỳ-kheo để chỉ rõ phương tiện ứng hiện giáo hóa của Như Lai.

Thị hiện người hóa độ có hai thứ tướng: Chỉ rõ sự tin tưởng đối với đồng phục và kiến đồng pháp sự. Các Tỳ-kheo kia đều gom ý nhận lãnh.

Sau khi Đức Thế Tôn nói chánh pháp răn dạy xong, các Tỳ-kheo kia lại vọng chấp Niết-bàn, phát khởi kiêu ngạo, sinh tâm hoảng sợ. Vì có lòng tin, nên nói cảnh giới Niết-bàn như thật, là không có chúng sinh. Nếu người đã bước vào Niết-bàn thì không còn mọi tham dục v.v... mà chỉ có trạng thái tận diệt. Những Tỳ-kheo kia còn không sinh, như thế người thị hiện Niết-bàn chỉ có diệt, không còn sinh khởi phiền não.

Đức Phật nói: Các ông đừng gợi lên những tưởng tượng vu vơ, chớ tạo ra những phân biệt. Chớ bước vào ngã hay ngã sở dù trong hay ngoài, cứ như vậy tiếp tục thì không còn dính chấp vào mọi pháp, vì sự tham sân xưa nay không sinh, nên không xa lìa, cả đến vị lai cũng không xa lìa cái gì cả. Đó gọi là tịch diệt. Để ngăn ngừa quan niệm cố chấp cho là: Vốn chẳng phải tịch diệt mà có tịch diệt. Phải biết, hết thảy phẩm giới có được v.v... là không qua, không lại. Và cũng không phải diệt tận hết, chỉ có tên chúng sinh là vĩnh viễn tịch diệt.

Không qua, không lại là không ô nhiễm. Với lại không diệt hết là tự tánh diệt hết. Chính nó cũng không còn sót. Nếu xưa kia vốn không tịch diệt rồi về sau mới thành tịch diệt, thì các ông nên buông bỏ xa lìa tướng đó, vì Niết-bàn không có việc đó. Ông đừng nói tôi nhập Niết-bàn, mà chỉ có tướng hướng về cảnh giới Niết-bàn, nên tạo ra tướng niết-bàn. Ông đừng dùng tướng của những tham dục mà hiểu là tướng Niết-bàn, chẳng tham dục, không tham dục v.v... mới gọi là Niết-bàn. Điều đó mới gọi là tướng. Vả lại có hành vô tướng cũng đều là phương tiện. Nếu đạt vô lậu rồi thì sau đó mới nói cái vui của pháp hành hiện tại, lấy đó làm phương tiện tu tập nhập vào định diệt tận. Có khi nó còn có nghĩa khác.

Kinh nói: Nếu Tỳ-kheo kia không gieo trồng các căn thiện thuần chủng thì công đức trí tuệ hỗ trợ đạo còn thiếu kém, nên khách trần phiền não sẽ gia tăng mạnh mẽ. Nghĩa nầy không phải thuộc về ác tri thức, vì thiện tri thức đã không biết gồm thâu.

Hư hoại, nghĩa nầy không thể tin hiểu, xa lìa trợ đạo bằng trí mà hành, có khả năng tin vào chỗ sâu xa của pháp, nghĩa nầy không có khả năng tin hiểu. Cho nên nói chung là không có khả năng thông đạt, là không có khả năng đo lường để biết trí an trụ trong thể của pháp. Vả lại,

không có khả năng tin hiểu thì không thể có quyết định đúng đắn do trí chân thật. Như Lai dùng hai thứ phương tiện hóa độ, nên biết. Giáo hóa là đem ngã mạn cùng thể chỉ rõ khi cùng sự nói ra để có thể tùy thuận việc thực hành dạy dỗ nầy, đạt được sự giáo huấn thì có nhân xuất thế, lấy việc giáo dục chánh tịnh làm phương tiện truyền trao. Có bốn thứ phương tiện giáo hóa:

1. Phương tiện một: Với kẻ sợ hãi pháp nhiễm, tịnh, thì thuận theo họ để nói cho họ xa lìa sợ hãi, trao cho họ cái nhân xa lìa phiền não và trao cho họ pháp thanh tịnh, từ bỏ được nhân sợ hãi, truyền dạy cho họ hiện pháp, đó là phương tiện làm cho họ thấy vui vẻ nhất khi tụ tập. Lại còn có việc chấp ngã, cho rằng các ngã nầy chứng đạo chân chánh, cho nên phải đem lý không tùy thuận mà truyền dạy họ, bảo với họ: Tôi không có tội gì để sinh lo sợ cả. Do nhiễm là việc làm của thế gian. Đó gọi là tướng thứ nhất.

2. Phương tiện thứ hai: Các ông chớ nghĩ tưởng, chớ tạo sự phân biệt. Nhân của phiền não thị hiện do hai thứ tánh giả danh. Đó là tính chất phân biệt, kiêu ngạo, chấp, phiền não và chấp vào công đức mà phân biệt cho là tai hại hơn hết. Đó gọi là tướng thứ hai.

3. Phương tiện thứ ba: Về phần thanh tịnh, tóm tắt có hai thứ, nên biết:

- Đạo hạnh thanh tịnh.
- Niết-bàn thanh tịnh.

Thanh tịnh đạo hạnh là nguyên nhân của sự sợ hãi, nên biết.

Nầy các thầy Tỳ-kheo! Hết thảy phẩm giới là không đi, không đến, lại không hoàn toàn diệt hết mà chấp là vĩnh viễn thanh tịnh trong chân như.

Trong phần trước, đã giải thích có phiền não phân biệt và lìa phân biệt phiền não nhưng cũng không thành. Phiền não và lìa phiền não trong thanh tịnh đạo hạnh kia, đã có sự phân biệt rồi, mà vẫn còn nảy sinh tư tưởng sợ hãi đối với thanh tịnh đạo hạnh, nên có hai thứ tướng, nên biết. Ở trong nhân của Niết-bàn thanh tịnh phát sinh sợ hãi, thì các ông cần phải lìa bỏ tư tưởng nầy, Niết-bàn không khác với tánh giả danh, nhưng người ta lại chấp nó. Các thầy chớ tùy theo tư tưởng và chớ đuổi theo cái chẳng phải tư tưởng. Niết-bàn khác với tư tưởng. Ký ức đã tạo ra sự tưởng tượng của tâm. Các thầy đừng có ý tưởng gì khác, đừng dùng ý thức để tưởng tượng ra. Chớ lấy tưởng khác mà quán danh. Đó gọi là tưởng tịch diệt của nội tâm, cũng chớ có dùng ý tưởng để quán sát ý tưởng. Không còn hai cái nhân đó thì ở trong Niết-bàn không phát sinh sợ hãi.

Đó gọi là tướng thứ ba.

4. Phương tiện thứ tư: Loại bỏ hai nguyên nhân ấy, truyền dạy các phương tiện v.v... về những việc làm tối thượng. Khi từ bỏ hai nhân ấy và bỏ cả nhân phiền não, là đã giũ sạch nhân sợ hãi đối với pháp thanh tịnh. Ở đó cho đến mọi phương tiện hóa độ của Như Lai đều nên biết. Đó gọi là tướng thứ tư.

Từ đây trở về sau nói chánh trí tạo ra lợi ích lớn là dựa vào sáu việc để nói:

1. Về nguyên nhân.
2. Về nương tựa.
3. Về đi ngược với ấm
4. Về vắng lặng suy nghĩ.
5. Về răn dạy.
6. Về pháp chứng ngộ và pháp tùy thuận.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi vị Tỳ-kheo kia: Các thầy Tỳ-kheo! Các thầy đã đi đến đâu và hôm nay từ đâu đến đây? Các Tỳ-kheo nói: Nầy thầy Tu-bồ-đề! Đức Phật nói: Pháp không từ đâu đến và không đi về đâu, câu đó có nghĩa gì? Trả lời thế nầy:

Câu đầu là dựa vào nhân Niết-bàn, do nghĩa gì mà Niết-bàn là không có qua lại, là thí dụ như thế gian.

Lại hỏi: Ai là thầy ông?

Trả lời: Thầy chúng tôi nếu từ trước đến nay đã không sinh thì cũng không có diệt. Câu đó có nghĩa gì?

Trả lời thế nầy: Là dựa vào vấn đề thứ hai. Là dựa vào không phải sắc thân của Thế Tôn. Ngài không sinh cũng không diệt, đó là tánh của Niết-bàn.

Lại hỏi: Vậy thì các thầy theo ai để nghe pháp?

Trả lời: Không bị trói buộc, cũng không cần giải thoát. Câu đó có nghĩa gì? Là dựa vào đi ngược với ấm mà nói pháp thứ ba, là họ không bị trói buộc. Dựa vào ái nhiễm đã phát sinh ở trên mà nói không cần giải thoát, để đối trị vì người đó đã được giải thoát rồi.

Lại hỏi: Các thầy đang tu tập pháp gì?

Trả lời: Không vì diệt tan vô minh, cũng không vì phát sinh sự sáng. Câu đó là nghĩa có thể nói như thế nầy.

Là dựa vào vấn đề thứ tư: Suy nghĩ vắng lặng do không diệt vô minh nên không lìa vô minh. Các bậc Thánh đã nghe nói đến hạnh đó, không vì phát sinh sự sáng là vì sáng đã sinh.

Lại hỏi: Thầy của các ông là ai?

Trả lời: Vô đắc, vô trí là thầy tôi. Đệ tử của người đó thì chưa được, chưa chứng. Nghĩa của câu đó có ý như thế nầy: Là dựa vào vấn đề thứ năm răn dạy.

Đã giáo hóa các thầy Tỳ-kheo thân còn động ấy rồi, cho nên việc thứ sáu là pháp chứng, pháp hành tùy thuận. Dựa vào mười việc mà nói, nên biết. Dựa vào Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư diệt kiến đế. Dựa vào phiền não mà diệt sự tu hành và đạo hành phiền não, dứt hết mọi khổ.

Cúng dường Tôn giả là thực hành hạnh bố thí, vượt qua quả vị phàm phu, bước vào an trụ ở quả vị Thánh nhân, và cùng được đến bờ giải thoát.

Lại hỏi: Các thầy cùng tu tập phạm hạnh với ai?

Trả lời: Chúng tôi ở trong ba cõi, không tu hành, cũng chẳng phải không tu hành. Nghĩa câu đó nên nói như thế nầy: Do có Niết-bàn vô dư và Niết-bàn hữu dư. Do vậy chúng tôi cùng ở chung với các bạn đồng pháp.

Lại hỏi: Chừng nào các thầy chứng Niết-bàn?

Trả lời: Những người được Đức Như Lai giáo hóa đều đã chứng ngộ Niết-bàn, chúng tôi cũng sẽ chứng Niết-bàn. Câu đó về nghĩa có thể nói như thế nầy: Dựa vào Niết-bàn hữu dư, do Niết-bàn đó vốn có sinh diệt. Tha lực là nghiệp vốn có, nó tương tự như pháp. Và bấy giờ chúng tôi sẽ cùng ở chung với những người khác.

Lại hỏi: Các thầy hết sạch phiền não chưa?

Trả lời: Hết thảy các pháp tướng đều hoàn toàn dứt hết. Câu đó có nghĩa gì cần nói? Do diệt mọi mê hoặc của kiến đế cho nên hết thảy các pháp đều vĩnh viễn diệt, kể cả lĩnh vực các cõi ác.

Lại hỏi: Các thầy đã được ích lợi gì cho mình chưa?

Trả lời: Chúng tôi biết cách cắt đứt vô ngã và vô ngã sở. Câu đó về nghĩa có thể nói như thế nầy: Đó là dựa vào tu tập để dập tắt phiền não. Và dập tắt luôn đồng sinh thân kiến.

Lại hỏi: Các thầy đã đánh đổ được ma chưa?

Trả lời: Ma năm ấm thì không thể nắm bắt được. Nghĩa của câu đó có thể nói như thế nầy: Là dập tắt hết mọi nỗi khổ, ma năm ấm thì không thể nắm bắt được, do không thể trông thấy năm ấm đó trong đời vị lai. Thế nên phải hàng phục tất cả ma oán ở ngay trong năm ấm. Khi năm ấm đã không thì các ma khác không thể hiện hành.

Lại hỏi: Các thầy phụng sự Đức Như Lai bằng cách nào?

Trả lời: Không dùng thân, miệng và tâm. Nghĩa của câu nầy có thể nói như thế nầy: Sự cung kính, sự tôn trọng, không dùng đến thân v.v... sẽ được Niết-bàn để thân cận cung kính Đức Như Lai.

Lại hỏi: Các thầy đã tạo lập phước điền chưa?

Trả lời: Vì không chấp, nên không có tạo tác. Câu nầy có nghĩa nên hiểu như thế nào? Người Đàn-việt tạo sự cung kính, chúng tôi không chấp và không đặt ra sự cung kính đó, do lìa xa mọi thứ chấp, sẽ làm lay động mọi điều ác.

Cứ như vậy lại hỏi tiếp: Các thầy đã đoạn tuyệt sự qua lại sinh tử chưa?

Trả lời: Vì không thường cũng không đoạn. Câu nầy có nghĩa nên hiểu như thế nào? Vì đã vượt qua quả vị không phải Thánh nhân, nên không đoạn tuyệt thế gian, tạo ra được một ít phương tiện, nhưng chẳng phải là cao thượng, vì Niết-bàn hữu dư. Đó là sự thị hiện không cắt đứt với thế gian.

Lại hỏi: Có phải các thầy đã tùy thuận việc làm của bậc Thánh không?

Trả lời: Xa lìa tất cả thủ đã có được giải thoát vô ngại. Câu nầy có nghĩa gì? Nên nói như thế nầy: Khi đã an trụ vào ngôi Thánh, thì từ bỏ mọi thứ chấp để giải thoát, không chấp ngang ngược, từ bỏ mọi tà chấp.

Lại hỏi: Rốt cùng các thầy dừng và nương tựa vào đâu?

Trả lời: Chúng tôi sẽ theo Như Lai để giáo hóa mọi người, cho đến nơi đến chốn. Nghĩa của câu nầy nên hiểu như thế nầy: Là cùng đến bờ giải thoát bên kia. Đối với Như Lai thật ra không có pháp tướng tự hơn hết và khác lạ, thị hiện việc cùng đến bờ giải thoát, hoặc là tâm lại được tự tại.

Các Thiện nam ! Có thể tùy lúc mà thọ lãnh sự thọ ký chân chánh, vì đã được Tôn giả Tu-bồ-đề nêu ra các câu hỏi như thế, nên sau đây là nói sự thọ ký chân chánh, do có khả năng đem lại nhiều lợi ích lớn, nên biết.

Lời nói bí mật là gì? Là trí không có hai tướng. Mọi lời bí mật là để ngộ nhập vào tướng không có hai tướng. Câu nói nầy dựa vào quan điểm nào? Tính chất của câu nói đó là không. Tính chất của lời nói đó là công lao của một tướng, mọi cảnh giới đều có tánh và tướng.

Không hai là từ không hai đó mà sinh chấp, khi đã có hai tướng là có ô nhiễm. Không chấp hai tướng là trong sạch. Dù có nói mọi quan điểm đều có, nhưng cái có đó cũng chỉ là giả danh, là công lao của tướng thôi. Tánh của cảnh giới là không nhưng do công lao của

hai tướng nên tánh của cảnh giới thành có. Dù cảnh giới có hai, nhưng không chấp vào hai tướng. Có nhiễm mà không chấp cho hết sạch là tịnh. Như thế, tất cả chư Phật đều ngộ nhập lời nói bí mật, đó là tướng không hai, nên biết.

Trong đây có năm thứ tướng, đối với quả vị tôn quý và sự truyền dạy đó, có năm thứ quả và năm thứ của lợi ích. Vì thành tựu việc gìn giữ, nên nói là các việc bí mật, nên biết.

Năm thứ tướng tôn quý là gì? Nếu có tư tưởng thì mới nói tư tưởng đó thành tựu, là thành tựu lĩnh vực tôn quý. Câu nầy còn có nghĩa gì nữa? Nghĩa là Đức Phật vĩnh viễn chứng Niết-bàn, nên Ngài mới nói: Các pháp không từ đâu đến và nó không đi đến nơi nào. Xa lìa sáu thứ nên nhập diệt. Các hữu trong thế giới kia có chê bai hay không chê bai v.v... và không phân biệt của hữu học, cho nên biết tại sao các pháp được các Tỳ-kheo tôn trọng mà có thể nói pháp. Các pháp đó có tướng gì? Do các pháp từ trước đến sau chưa sinh, nên cũng không có diệt, vì dựa vào pháp thân không sinh, không diệt.

Nói các pháp gì? Nếu không bị trói buộc thì không cần giải thoát. Cởi trói và buộc là không còn tánh, tướng nữa. Điều đó giúp cho kẻ học biết được pháp.

Có bao nhiêu tánh, tướng để nói? Là không đoạn diệt vô minh, cũng không nảy sinh minh. Vô minh và minh đều có tánh giả danh, không thể nắm bắt được, chỉ chấp có sự giác ngộ thôi.

Nói cho người nào? Nếu chưa được chứng ngộ và chưa được quả vị Chánh giác. Chánh giác chưa ngừng thì vô minh kia không có.

Thành tựu quả cao vượt là gì? Có nghĩa là vì cảnh giới Niết-bàn vô dư. Khi không còn sống với ba cõi thì đã dựa vào lĩnh vực của cõi Niết-bàn vô dư. Chỉ còn trụ vào cõi tịnh chân như.

Nói về cảnh giới Niết-bàn hữu dư. Ai được Đức Như Lai giáo hóa mà chứng nhập cảnh chân thật Niết-bàn, thì đó mới chỉ có tánh Niết-bàn, tất cả các pháp đều dựa vào Niết-bàn theo chân lý thế tục. Đó là nói có khả năng làm tròn đạo hạnh bậc Thánh. Mọi việc làm đã hoàn tất mới nói là ta đã làm xong mọi việc. Dù có ngã, không có ngã và ngã sở, thì cũng đều dựa vào sự chứng ngộ pháp vô ngã mà nói như vầy: Đã đánh tan giặc thù bên trong bằng nội lực và dẹp vĩnh viễn mọi oán phiền não, do đã chứng ngộ pháp vô ngã. Nói đánh tan giặc thù bên ngoài như thế là do chưa thấy ấm ma. Hết thảy thuộc về ngoại ấm.

Ấm là oán thù bên ngoài, là âm thanh và lời nói, nên biết.

Vượt hơn năm ấm là xa lìa nhớ nghĩ phân biệt. Tánh của năm ấm là không giác ngộ, nên biết.

Thành tựu kết quả ích lợi là tỏ lòng cung kính đối với Đức Thế Tôn không phải bằng sắc thân v.v... mà bằng tùy thuận pháp khéo léo hành để việc nhận lãnh của cải của tín thí bố thí được trong sạch. Hiểu rõ phước điền là không thủ một pháp nào, nên vượt qua được biển khổ thế gian.

Vượt qua thế gian là do biển vô ngã không đoạn, không thường, không lùi bước đối với việc làm ruộng phước. Do làm ruộng phước nên từ bỏ chấp pháp và kiêu ngạo, được pháp giáo hóa mà thành Phật tử (Bồ-tát). Dựa vào Đức Như Lai nên Tôn giả Tu-bồ-đề nói: Các ông làm gì mà đi không đến nơi? Như Đức Như Lai đã giáo hóa, đó là đến vậy.

Tu-bồ-đề đã vấn đáp với các Tỳ-kheo như thế. Bấy giờ, có tám trăm vị Tỳ-kheo không tiếp nhận các pháp nên tâm được giải thoát, ba vạn hai ngàn người đã xa lìa trần cấu đều chứng được pháp nhãn thanh tịnh. Sự thọ ký chính thức nầy đem lại lợi ích lớn. Người hữu học được vô học. Phàm phu thành tựu được quả vị hữu học.

Bạch Thế Tôn ! Pháp môn Bảo Tích nầy thật là hiếm có, có khả năng giúp cho thiện nam thiện nữ được sống vững trong Đại thừa và làm nhiều lợi ích lớn.

Từ đây trở về sau sẽ nói rõ hơn về lợi ích lớn của pháp môn Bảo Tích nầy. Do có lợi ích, nên đối với các Bồ-tát đã thành tựu pháp Phật là rất cần cho việc giáo hóa chúng sinh thứ lớp răn dạy nghĩa trung đạo v.v...

Các thiện nam thiện nữ kia được bao nhiêu công đức phải thị hiện bằng sự học theo lời răn dạy từ tạng Bồ-tát để có lòng tin lợi ích.

Nầy Ca-Diếp ! Nếu có thiện nam thiện nữ đồng đẳng như vậy, thì trong hiện tại có năm thứ tướng lợi ích từ đức tin:

1. Thế giới vào thời đại duy trì có bậc đức độ lớn.
2. Tự tại thành tựu nguyên nhân lùi sụt.
3. Thân thay đổi.
4. Xứ sở đó thành tựu việc nói và nhận lãnh thừa hành pháp.
5. Người nghe thành kẻ thừa hành pháp và trước khi chết sẽ thấy rõ nghiệp thanh tịnh.

Đại được nói ở thế giới trì thời là chỉ Phật, chúng Thanh văn và các tháp v.v... Trì là đầy đủ vật báu, y phục trong các thế giới v.v... Thời gian là vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.

Trong năm thứ tướng đó, việc được đại tự tại và khỏi sự thụt lùi của nhân thì nên biết. Do nhân quả có hạn lượng, không hạn lượng, là

rất hiếm, do pháp có cùng tận và không cùng tận, do chẳng phải cao thượng mà được thú vui cao thượng, ấy chỉ là tính chất hoạt động để hỗ trợ cho tri đạo và do thế giới Phật là luôn tiếp nhận dìu dắt.

Hơn nữa, lại có năm thứ tướng giúp thành tựu được đại tự tại và nhân khỏi thụt lùi, nên biết:

1. Nguyên nhân vui có thể từ một việc ác nhỏ xíu.
2. Nguyên nhân vui không nhất định chỉ có một hướng.
3. Nguyên nhân vui là không vĩnh viễn.
4. Nguyên nhân vui sẽ làm cho ý thọ lãnh điên đảo.
5. Nguyên nhân vui nương vào cái khổ mà thân thọ lãnh.

Sau cùng, từ thân nữ được thay đổi thân và nơi chốn đó đều được cung kính như tháp Thánh.

Nơi đó đã tạo ra người gánh vác pháp, họ tùy thuận pháp tánh kia mà đọc tụng, thọ trì v.v... Nói rõ hơn, là người gánh vác pháp ấy, khi chết họ sẽ được trông thấy Như Lai, được nghiệp nơi thân, miệng, ý thanh tịnh. Cho đến lúc rời bỏ thân mạng, mà được thấy thanh tịnh và nghiệp thanh tịnh, nên không có các hoạn nạn, do vậy khi sắp chết không còn khổ não gì, và vì không còn cái nhân lo âu sầu não, nên tâm lo rầu không thể đè bẹp được họ. Dù đôi mắt không còn nhấp nháy, nhưng biết chắc mọi ý thức vẫn hiện hữu, tay chân không quơ động là đã thành tựu oai nghi, bụng không mất đại, tiểu tiện, tâm không nhiễm ô. Do tinh thần không còn sợ hãi, nên không nắm tay, không quờ quạng hư không, không có tướng xấu an nhiên mà bỏ thọ mạng. Do thân đã điều phục, nên tiếng nói tốt, đúng đắn. Do xa lìa các nạn sợ hãi, nên giọng nói hoạt bát, lanh lợi. Do đã xa lìa lời nói, rít rắn, hung dữ, nên tiếng nói càng tốt đẹp hơn. Dùng lời nói tốt đẹp hơn hết để nói lên pháp mầu nhiệm của Như Lai. Tiếng nói vui vẻ đáng yêu là để ca ngợi các Đức Như Lai. Tiếng nói được hàng người trời ủng hộ, là giọng nói dịu dàng, mềm mỏng. Người đồng pháp là biết đem đạo lý để đặt ra câu chuyện đối đáp.

Lời nói không sai trái, là không có các lời nói dối. Tiếng nói chắc chắn là lời nói trước sau không mâu thuẫn nhau. Giọng nói dễ nghe, là lời nói hợp lý không ngang trái. Tiếng nói được trời ủng hộ là niềm tin tưởng pháp Phật, được chư Thiên luôn ủng hộ. Tiếng nói được chư Phật ủng hộ, là chư Phật đã gồm thâu tiếp nhận. Là không giận dữ, ngay trong hiện tại gặp việc hung dữ có thể chịu đựng. Không hận là có thể nhẫn nhục với việc ác trong quá khứ. Không giận dữ gây rắc rối là không che giấu các điều ác.

Không ôm lòng trả thù, là mọi sức nóng của sự rầu lo ăn năn đều không thể đốt cháy được. Không cố chấp lỗi lầm hoạn nạn, là không mong cầu tham dục v.v... Không ôm ấp là không hy vọng được trả ơn.

Không có tướng kỳ lạ, tâm không khiếp nhược đối với giới pháp, là không chấp nhận kiến thức khác lạ. Không phóng túng, tâm luôn siêng năng, tinh tấn. Không làm rối loạn tâm vắng lặng, do tâm không hèn yếu. Tiếp nhận thế giới thanh tịnh của Phật mà không vui mừng, thì tự thân được chư Phật, Bồ-tát che chở, tiếp nhận được sự mầu nhiệm của thế giới Phật.

Xa lìa kiêu ngạo và tăng thượng mạn là đã có được chí khí hiện tại đối với tất cả pháp Phật. Nhờ từ bỏ kiêu ngạo và tăng thượng mạn nên có tâm phân biệt sâu xa tinh tế, mà không cầu Tam-ma-bạt-đề thế gian. Dù có cái nhân để được chí khí hiện tại đối với tất cả pháp Phật, nhưng không cho là cao vượt. Tất cả Tam-muội của chư Phật là tạng Bồ-tát, nhờ dạy bảo mà được lòng tin chân chánh đầy lợi ích ở trong vô lượng A-tăng-kỳ như vậy.

Sự phân biệt đó đã có những sai biệt từ gốc, nhưng niềm tin tưởng về lợi ích thì ngày càng chuyển biến đến vô lượng vô biên A-tăng-kỳ, nên biết như vậy.

Tạo luận Bảo Tích nầy,
Con có được công đức,
Do ý tịnh dũng mãnh,
Mong thế gian rốt cùng.
Pháp mầu, kinh Bảo Tích,
Đại trí sáng không nhơ,
Luận nầy trừ chướng, lấp,
Tạo, chép, được phước đức.
Hết thảy mọi kiến chấp,
Rơi vào lưới không trí,
Mắt Phật không chướng ngại,
Nguyện thế gian sớm được.

**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 87

VÔ LƯỢNG THỌ KINH

ƯU BA ĐỀ XÁ

SỐ 1524

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1524

KINH VÔ LƯỢNG THỌ ƯU BA ĐỀ XÁ NGUYỆN SANH KỆ

Tác giả: Bồ-tát Bà Tẩu Bàn Đậu.
Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy,
Tam Tạng Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi.

Con nhất tâm đảnh lễ Thế Tôn,
Quy mạng chư Phật khắp mười phương,
Cùng Đức Như lai Vô Ngại Quang,
Nguyện sinh đến quốc độ An Lạc.
Con thường dựa vào Tu-đa-la,
Tướng công đức vô cùng chân thật,
Nói bài kệ phát nguyện tổng trì,
Tương ưng với lời Đức Phật dạy.
Quán tưởng về tướng thế giới kia,
Thù thắng vượt qua đường ba cõi,
Cứu cánh giống như bầu hư không,
Rộng lớn không có gì giới hạn.
Chánh đạo chan chứa Đại Từ Bi,
Sinh ra căn thiện xuất thế gian,
Đầy đủ ánh sáng thật thanh tịnh,
Như mặt trời-mặt trăng soi chiếu.
Có đủ các tánh mọi châu báu,
Đầy đủ trang nghiêm thật diệu kỳ,
Ánh sáng trong lành soi rực rỡ,
Thanh tịnh rạng ngời tỏa thế gian.
Cỏ công đức đủ tánh quý báu,
Mềm mại xoay tròn cả hai bên,
Chạm vào sinh mềm vui tốt đẹp,
Hơn hẳn cả Ca-chiên-lân-đà.
Hoa quý báu có ngàn vạn loại,
Khắp nơi hồ trong-dòng suối chảy,

Gió nhẹ thoảng rung rinh hóa lá,
Ánh sáng xen nhau tỏa lung linh.
Những lầu đài cung điện uy nghiêm,
Nhìn khắp mười phương không ngăn ngại,
Cây nhiều loại sắc màu kỳ lạ,
Lan can báu vây tròn khắp nơi.
Vô lượng thứ báu đan xen nhau,
Lưới giăng rực rỡ khắp hư không,
Đủ loại chuông rung phát tiếng vang,
Thuyết ra pháp âm thật diệu kỳ.
Mưa hoa trang nghiêm trên y phục,
Vô lượng hương thơm tỏa khắp nơi,
Mặt trời Phật tuệ sáng trong lành,
Xua tan si ám thế gian.
Tiếng phạm tỏ ngộ thật sâu xa,
Mười phương nghe thấy pháp vi diệu,
Từ bậc Chánh giác A-di-đà,
Đấng pháp vương khéo léo trú trì.
Những đóa hoa Như lai thanh tịnh,
Hóa sinh từ đóa hoa chánh giác,
Yêu quý vui với vị Phật pháp,
Dùng thiền Tam-muội làm thức ăn.
Lìa hẳn phiền não của thân-tâm,
Cảm nhận niềm vui thường không dứt,
Cảnh giới thiện căn của Đại thừa,
Bình đẳng không có tên chê trách.
Người nữ và người thiếu các căn,
Chủng tánh nhị thừa không sinh khởi,
Chúng sanh nào nguyện được vui sướng,
Tất cả luôn luôn được thỏa mãn.
Vì vậy con nguyện được vãnh sinh,
Quốc độ của Phật A-di-đà.
Vua có nhiều châu báu vô lượng,
Đài hoa thanh tịnh thật vi diệu,
Tướng tốt sáng ngời chiếu rực rỡ,
Sắc tướng vượt lên trên quần sinh.
Âm thanh vi diệu của Như lai,
Phạm hưởng ngân vang khắp mười phương,

Giống như đất-nước và lửa-gió,
Hư không bao la nào phân biệt.
Chúng trời-người an trú bất động,
Sinh ra từ biểu trí thanh tịnh,
Giống như núi chúa Đại tu-di,
Thù thắng vi diệu không gì hơn.
Chúng trời-người luôn luôn quy tụ,
Cung kính vây quanh được chiêm ngưỡng,
Quán tưởng lực bổn nguyện của Phật,
Gặp được không có gì hư huyễn.
Luôn luôn khiến mau chóng đầy đủ,
Biển công đức có nhiều châu báu,
Quốc độ An Lạc thật thanh tịnh,
Thường chuyển vận pháp luân vô cấu.
Mặt trời Hóa Phật trên Bồ-tát,
Như núi chúa Tu-di trú trì,
Sáng ngời trang nghiêm thường thanh tịnh,
Một niệm cho đến trong một lúc.
Soi chiếu khắp chúng hội chư Phật,
Làm lợi ích cho mọi chúng sanh,
Trời trỗi nhạc tung hoa-y phục,
Hương thơm vi diệu cùng cúng dường.
Ca ngợi các công đức của Phật,
Tâm không còn có gì phân biệt,
Những thế giới nào không có được,
Công đức quý báu của Phật pháp,
Con đều phát nguyện được vãng sinh,
Nêu rõ Phật pháp như Đức Phật,
Con làm luận nói ra bài kệ,
Nguyện được thấy Phật A-di-đà,
Cùng với tất cả mọi chúng sanh,
Được vãng sinh quốc độ An Lạc.

Con dùng kệ để nói tổng quát về chương cú của kinh Vô Lượng Thọ xong.

Luận: Bài kệ nguyện trình bày nghĩa gì? Là quán sát thế giới An Lạc, trông thấy Đức Phật A-di-đà, cho nên nguyện sinh về quốc độ ấy.

Quán sát như thế nào? Làm thế nào phát sinh lòng tin?

Nếu người thiện nam-người thiện nữ nào tu tập thành tựu năm pháp môn nghĩ nhớ, thì cuối cùng được sinh về quốc độ An Lạc, được thấy Đức Phật A-di-đà. Những gì là năm pháp môn nghĩ nhớ? Đó là:

1. Môn lễ bái.
2. Môn tán thán.
3. Môn phát nguyện.
4. Môn quán sát.
5. Môn hồi hướng.

Lễ bái là gì? Là nghiệp thân lễ bái Phật A-di-đà Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, với ý nguyện là được sinh về quốc độ của Ngài.

Tán thán thế nào? Là nghiệp miệng ca ngợi bằng cách xưng niệm danh hiệu của Đức Như Lai giống như đức tướng-trí tuệ-hào quang của Đức Như Lai, như danh nghĩa đó mong muốn tu hành tương ưng đúng như thật.

Thế nào là phát nguyện? Là tâm thường phát nguyện, một lòng chuyên chú nhớ nghĩ danh hiệu Đức Phật A-di-đà, cuối cùng được vãng sinh về quốc độ An Lạc, mong muốn tu hành Xa-ma-tha (Chỉ) đúng như thật.

Thế nào là quán sát? Là trí tuệ quán sát, chánh niệm quán tưởng Đức Phật, mong muốn tu hành Tỳ-bà-xá-na (Quán) đúng như thật. Sự quán sát ấy có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là:

1. Quán sát công đức trang nghiêm nơi quốc độ của Đức Phật.
2. Quán sát công đức trang nghiêm của Đức Phật A-di-đà.
3. Quán sát công đức trang nghiêm của các vị Bồ-tát.

Thế nào là hồi hướng? Là không xả bỏ tất cả chúng sinh khổ não, tâm thường phát nguyện hồi hướng làm đầu để thành tựu tâm Đại Bi dẫn dắt tiếp nhận chúng sinh, không rời bỏ tất cả thế gian.

Hỏi: Thế nào là quán sát công đức trang nghiêm nơi quốc độ của Đức Phật?

Đáp: Công đức trang nghiêm nơi quốc độ của Đức Phật là sự thành tựu do diệu lực không thể nghĩ bàn, như tính chất quý báu của ngọc ma-ni như ý, vốn có pháp tương đối tựa như nhau.

Quán sát công đức trang nghiêm nơi quốc độ của Đức Phật, có mười bảy loại sự việc nên biết. Thế nào là mười bảy loại? Đó là:

1. Thành tựu công đức thanh tịnh.
2. Thành tựu công đức vô lượng.
3. Thành tựu công đức của tánh.
4. Thành tựu công đức của hình tướng.
5. Thành tựu công đức của các loại sự việc.

6. Thành tựu công đức của diệu sắc.
7. Thành tựu công đức của tiếp xúc.
8. Thành tựu công đức trang nghiêm.
9. Thành tựu công đức của mưa.
10. Thành tựu công đức của ánh sáng.
11. Thành tựu công đức của âm thanh.
12. Thành tựu công đức của chủ nhân.
13. Thành tựu công đức của quyến thuộc.
14. Thành tựu công đức thọ dụng.
15. Thành tựu công đức không có các nạn.
16. Thành tựu công đức của nghĩa môn vĩ đại.
17. Thành tựu tất cả công đức đã mong cầu. Thành tựu công đức thanh tịnh, như kệ nói:

Quán tưởng về tướng thế giới kia,
Thù thắng vượt qua đường ba cõi.
Thành tựu công đức vô lượng, như kệ nói:
Cứu cánh giống như bầu hư không,
Rộng lớn không có gì giới hạn.
Thành tựu công đức của tánh, như kệ nói:
Chánh đạo chan chứa Đại Từ Bi
Sinh ra căn thiện xuất thế gian.
Thành tựu công đức của hình tướng như kệ nói:
Đầy đủ ánh sáng thật thanh tịnh,
Như mặt trời-mặt trăng soi chiếu.
Thành tựu công đức của các loại Sự việc, như kệ nói:
Có đủ các tánh mọi châu báu,
Đầy đủ trang nghiêm thật diệu kỳ.
Thành tựu công đức của diệu sắc, như kệ nói:
Ánh sáng trong lành soi rực rỡ,
Thanh tịnh rạng ngời tỏa thế gian.

Thành tựu công đức của tiếp xúc, như kệ nói:

Cỏ công đức đủ tánh quý báu,
Mềm mại xoay tròn cả hai bên,
Chạm vào sinh niềm vui tốt đẹp,
Hơn hẳn cả Ca-chiên-lân-đà.

Thành tựu công đức trang nghiêm. Có ba loại nên biết. Những gì là ba loại? đó là:

1. Nước.

2. Đất.
3. Hư không.

Nước trang nghiêm, như kệ nói:

Hoa quý báu có ngàn vạn loại,
Khắp nơi hồ trong-dòng suối chảy,
Gió nhẹ thoảng rung rinh hoa lá,
Ánh sáng xen nhau tỏa lung linh.
Đất trang nghiêm, như kệ nói:
Những lầu đài cung điện uy nghiêm,
Nhìn khắp mười phương không ngăn ngại,
Cây nhiều loại sắc màu kỳ lạ,
Lan can báu vây tròn khắp nơi.

Hư không trang nghiêm, như kệ nói:

Vô lượng thứ báu đan xen nhau,
Lưới giăng rực rỡ khắp hư không,
Đủ loại chuông rung phát tiếng vang,
Thuyết ra pháp âm thật diệu kỳ.

Thành tựu công đức của mưa, như kệ nói:

Mưa hoa trang nghiêm trên y phục,
Vô lượng hương thơm tỏa khắp nơi.

Thành tựu công đức của ánh sáng, như kệ nói:

Mặt trời Phật tuệ sáng trong lành,
Xua tan si ám phủ thế gian.

Thành tựu công đức của âm thanh vi diệu, như kệ nói:

Tiếng Phạm tỏ ngộ thật sâu xa,
Mười phương nghe thấy pháp vi diệu.

Thành tựu công đức của chủ, như kệ nói:

Từ bậc Chánh giác A-di-đà,
Đấng Pháp vương khéo léo trú trì.

Thành tựu công đức của quyến thuộc, như kệ nói:

Những đóa hoa Như lai thanh tịnh,
Hóa sinh từ đóa hoa Chánh giác.

Thành tựu công đức thọ dụng, như kệ nói:

Yêu quý vui với vị Phật pháp,
Dùng thiền Tam-muội làm thức ăn.

Thành tựu công đức không có các nạn, như kệ nói:

Lìa hẳn phiền não của thân-tâm,

Cảm nhận niềm vui thường không dứt.

Thành tựu công đức của nghĩa môn vĩ đại, như kệ nói:

Cảnh giới thiện căn của Đại thừa,
Bình đẳng không có tên chê trách,
Người nữ và người thiếu các căn,
Chủng tánh Nhị thừa không sinh khởi.

Quả báo của Tịnh độ xa lìa hai lỗi là chê bai-ngờ vực, nên biết:

1. Thể.
2. Danh.

Thể có ba loại:

1. Người theo Nhị thừa.
2. Người nữ.
3. Người các căn không đủ.

Không có ba lỗi này cho nên gọi là lìa mọi chê bai, ngờ vực về Thể. Danh cũng có ba loại như Thể. Chẳng những không có ba Thể mà thậm chí không nghe ba loại danh từ là Nhị thừa-người nữ và người không có đủ các căn, cho nên gọi là xa lìa mọi chê trách-ngờ vực về danh. Tất cả đều bình đẳng, bởi một tướng bình đẳng không phân biệt.

Thành tựu tất cả công đức đã mong cầu, như kệ nói:

Chúng sanh nào nguyện được vui sướng,
Tất cả luôn luôn được thỏa mãn

Lược nói về mười bảy loại công đức trang nghiêm nơi quốc độ của Đức Phật A-di-đà, nêu rõ lợi ích nơi tự thân của Như Lai, với oai lực công đức vĩ đại, thành tựu lợi ích cho chúng sinh, vì mọi công đức đều thành tựu.

Nói về sự trang nghiêm nơi quốc độ của Đức Phật Vô Lượng Thọ là cảnh giới vi diệu của Đệ nhất nghĩa đế, gồm mười sáu câu và một câu theo thứ tự trình bày, nên biết.

Hỏi: Thế nào là quán sát công đức trang nghiêm thành tựu của Phật?

Đáp: Quán sát công đức trang nghiêm thành tựu của Phật thì có tám loại nên biết. Những gì là tám loại? Đó là:

1. Tòa ngồi trang nghiêm.
2. Thân trang nghiêm.
3. Miệng trang nghiêm.
4. Tâm trang nghiêm.
5. Chúng trang nghiêm.

6. Bậc thượng thủ trang nghiêm.
7. Chủ trang nghiêm.
8. Trụ trì trang nghiêm không hư giả.

Thế nào là tòa ngồi trang nghiêm? Như kệ nói:

Vua có nhiều châu báu vô lượng,
Đài hoa thanh tịnh thật vi diệu.

Thế nào là thân trang nghiêm? Như kệ nói:

Tướng tốt sáng ngời chiếu rực rỡ,
Sắc tướng vượt lên trên quần sinh.

Thế nào là miệng trang nghiêm? Như kệ nói:

Âm thanh vi diệu của Như lai,
Phạm hưởng ngân vang khắp mười phương.

Thế nào là tâm trang nghiêm? Như kệ nói:

Giống như đất-nước và lửa-gió,
Hư không bao la nào phân biệt.

Không phân biệt là tâm không hề có phân biệt. Thế nào là chúng trang nghiêm? Như kệ nói:

Chúng trời-người an trú bất động,
Sinh ra từ biển trí thanh tịnh.

Thế nào là bậc thượng thủ trang nghiêm? Như kệ nói:

Giống như núi chúa Đại Tu-di,
Thù thắng vi diệu không gì hơn.

Thế nào là chủ trang nghiêm? Như kệ nói:

Chúng trời-người luôn luôn quy tụ,
Cung kính vây quanh được chiêm ngưỡng.

Thế nào là trụ trì trang nghiêm không hư giả? Như kệ nói:

Quán tưởng lực bổn nguyện của Phật,
Gặp được không có gì hư huyễn,
Luôn luôn khiến mau chóng đầy đủ,
Biển chúng sanh có nhiều châu báu.

Tức là trông thấy được Đức Phật, Bồ-tát chưa chứng được tâm thanh tịnh, cuối cùng vẫn đạt được Pháp thân bình đẳng cùng với Bồ-tát tâm thanh tịnh không khác. Bồ-tát tâm thanh tịnh cùng với các Bồ-tát ở phần vị trên, cuối cùng đạt được trạng thái tịch diệt bình đẳng.

Nói tóm lược có tám câu, nêu rõ việc làm lợi mình-lợi người cùng công đức trang nghiêm của Đức Như Lai, theo thứ tự, mà thành tựu, nên biết.

Hỏi: Thế nào là quán sát công đức trang nghiêm thành tựu của Bồ-tát?

Đáp: Quán sát công đức trang nghiêm thành tựu của Bồ-tát là quán sát Bồ-tát ấy có bốn loại công đức tu hành chân chánh được thành tựu, nên biết. Những gì là bốn loại? đó là:

1. Thân ở nơi một cõi Phật không hề lay động, mà thị hiện ứng hóa đủ loại khắp nơi mười phương, tu hành đúng như thật, thường xuyên làm việc Phật. Như kệ nói:

Quốc độ An Lạc thật thanh tịnh,
Thường chuyển vận pháp luân vô cấu,
Mặt trời Hóa Phật trên Bồ-tát,
Như núi chúa Tu-di trú trì.

Tức là đóa hoa của các chúng sanh nở rộ giữa bùn lầy.

2. Thân ứng hóa của Bồ-tát suốt trong tất cả thời gian không trước không sau, một lòng một ý niệm phóng hào quang tỏa vĩ đại, có năng lực soi chiếu khắp tất cả mười phương thế giới, dùng mọi phương tiện tu hành giáo hóa chúng-sinh, diệt trừ tất cả khổ đau cho tất cả chúng sinh. Như kệ nói:

Sáng ngời trang nghiêm thường thanh tịnh,
Một niệm cho đến trong một lúc,
Soi chiếu khắp chúng hội chư Phật,
Làm lợi ích cho mọi chúng sanh.

3. Bồ-tát kia, đối với tất cả thế giới không để sót, chiếu ánh sáng đến đại chúng trong pháp hội của chư Phật không để sót, cung kính cúng dường ca ngợi chư Phật Như lai khắp mười phương thế giới. Như kệ nói:

Trời trỗi nhạc tung hoa-y phục,
Hương thơm vi diệu cùng cúng dường,
Ca ngợi các công đức của Phật,
Tâm không còn có gì phân biệt.

4. Bồ-tát đối với tất cả thế giới trong mười phương, nơi nào không có Tam bảo thì đến đó trú trì, trang nghiêm biển cả công đức của Phật-Pháp-Tăng bảo, chỉ dạy tất cả khiến cho chúng sinh hiểu và tu hành đúng như thật. Như kệ nói:

Những thế giới nào không có được,
Công đức quý báu của Phật pháp,
Con đều phát nguyện được vãnh sinh,

Nêu rõ Phật pháp như đức Phật.

Lại nữa, đã nói đến thành tựu công đức trang nghiêm nơi quốc độ của Phật, thành tựu công đức trang nghiêm của Phật, thành tựu công đức trang nghiêm của Bồ-tát, dùng ba sự thành tựu này, nguyện trang nghiêm cho tâm.

Lược nói về hiểu trọn một câu pháp. Một câu pháp, nghĩa là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh, nghĩa là trí tuệ chân thật và Pháp thân vô vi. Sự thanh tịnh này có hai loại, nên biết. Những gì là hai loại? đó là:

1. Khí thế gian thanh tịnh.
2. Thế gian của chúng sinh thanh tịnh.

Khí thế gian thanh tịnh, tức là trước đây nói đến mười bảy loại thành tựu về công đức trang nghiêm nơi quốc độ của Phật, đó gọi là khí thế gian thanh tịnh.

Thế gian của chúng sinh thanh tịnh, tức là trước đây nói đến tám loại thành tựu về công đức trang nghiêm của Phật, bốn loại thành tựu về công đức trang nghiêm của Bồ-tát. Đó gọi là thế gian của chúng sinh thanh tịnh. Như vậy một câu pháp thâu nhiếp cả hai loại thanh tịnh, nên biết. Như vậy, Bồ-tát tu hành rộng và lược đối với Xa-ma-tha (Chỉ), Tỳ-bà-xá-na (Quán), thành tựu tâm mềm mỏng, biết đúng như thật về các pháp rộng và lược.

Như vậy đều là thành tựu phương tiện hồi hướng thiện xảo.

Phương tiện hồi hướng thiện xảo của Bồ-tát, tức là gì? Phương tiện hồi hướng thiện xảo của Bồ-tát tức nói về năm cách tu hành như lễ bái... đã tập hợp tất cả căn thiện công đức, không mong cầu tự thân được An Lạc vững chắc, mà chỉ mong bạt trừ đau khổ cho tất cả chúng sanh, phát ra thệ nguyện nhiếp thủ tất cả chúng sinh để cùng được sinh về Tịnh độ An Lạc của Phật. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu phương tiện hồi hướng thiện xảo.

Như vậy Bồ-tát khéo léo biết rõ sự thành tựu hồi hướng, xa lìa ba loại pháp trái ngược nhau của môn Bồ-đề. Những gì là ba loại? đó là:

1. Dựa vào môn trí tuệ, không mong cầu an vui cho mình, từ bỏ tâm chấp ngã và sự tham đắm của tự thân.

2. Dựa vào môn từ bi, cứu vớt tất cả chúng sinh khổ não, xua tan tâm không an lành của họ.

3. Dựa vào môn phương tiện khởi tâm thương xót tất cả chúng sinh, xa lìa tâm cung kính cúng dường đối với tự thân. Đây gọi là xa lìa ba pháp trái ngược nhau của môn Bồ-đề, Bồ-tát xa lìa ba loại pháp trái

ngược nhau của môn Bồ đề như vậy, đạt được đầy đủ ba loại tùy thuận với môn Bồ đề. Những gì là ba loại? đó là:

1. Tâm thanh tịnh không cấu nhiễm, bởi vì không mong cầu những điều vui sướng cho chính mình.
2. Tâm thanh tịnh yên ổn, bởi vì bạt trừ khổ não cho tất cả chúng sanh.
3. Tâm thanh tịnh An Lạc, bởi vì khiến cho tất cả chúng sinh đều đạt được đại Bồ-đề, trở lại nhiếp thủ chúng sinh sinh về nơi quốc độ cực lạc. Đây gọi là đầy đủ ba loại pháp tùy thuận với môn Bồ đề, nên biết.

Trước đây nói về ba môn trí tuệ từ bi phương tiện nhiếp thủ Bát nhã. Bát nhã nhiếp thủ phương tiện, nên biết.

Trước đây nói xa lìa tâm chấp ngã không tham đắm đối với thân mình, xa lìa tâm không an lành của chúng sinh, xa lìa tâm cung kính cúng dường đối với tự thân. Ba loại pháp này xa lìa sự chướng ngại cho tâm Bồ đề, nên biết.

Trước đây đã nói đến tâm thanh tịnh không nhiễm, tâm thanh tịnh yên ổn và tâm thanh tịnh An Lạc. Ba loại tâm này nói chung là cùng một nơi thành tựu tâm chân thật thù thắng An Lạc, nên biết.

Như vậy Bồ-tát dùng tâm trí tuệ, tâm phương tiện, tâm không chướng ngại và tâm chân thật, có thể sinh về quốc độ thanh tịnh của Phật thanh tịnh, nên biết. Đó gọi là Đại Bồ-tát tùy thuận năm loại pháp môn, mọi công việc đã làm đều tùy ý thành tựu tự tại; như trước đã nói đến nghiệp thân, nghiệp miệng, nghiệp ý, nghiệp trí, nghiệp trí phương tiện, là pháp môn tùy thuận.

Lại có năm loại pháp môn lần lượt thành tựu năm loại công đức, nên biết. Những gì là năm loại? đó là:

1. Môn thân cận.
2. Môn đại hội chúng.
3. Môn phát nguyện.
4. Môn quán tưởng.
5. Môn tùy ý thị hiện.

Trong năm loại môn này, bốn môn đầu là thành tựu công đức tiến vào môn thứ năm là thành tựu công đức phát ra.

Tiến vào môn thứ nhất, là dùng sự lễ bái Đức Phật A-di-đà làm nhân tố sinh đến quốc độ ấy, được sinh về thế giới An Lạc. Đó gọi là tiến vào môn thứ nhất.

Tiến vào môn thứ hai, nhờ tán thán Đức Phật A-di-đà, tùy thuận danh nghĩa, xưng niệm danh hiệu của Như Lai, nương vào hào quang của Đức Như lai, biết lựa chọn pháp môn để tu hành, cho nên được tiến vào nhiều hội chúng to lớn. Đó gọi là tiến vào môn thứ hai.

Tiến vào môn thứ ba, vì một lòng chuyên chú nhớ nghĩ danh hiệu Đức Phật A-di-đà và phát nguyện được sinh về quốc độ Cực Lạc, nhờ tu tập pháp Xa-ma-tha thực hành Tam-muội tịch tĩnh, cho nên được tiến vào thế giới Liên Hoa Tạng. Đây gọi là tiến vào môn thứ ba.

Tiến vào môn thứ tư, do chuyên tâm nhớ nghĩ và quán sát cảnh giới trang nghiêm mầu nhiệm của thế giới An Lạc, do tu tập Tỳ-bát-xá-na, cho nên đến được xứ sở đó tùy ý thọ dụng các loại pháp vị An Lạc. Đó gọi là tiến vào môn thứ tư.

Môn xuất thứ năm là dùng tâm Đại Từ Bi quán sát tất cả chúng sinh đang sống trong cảnh khổ não, thị hiện thân ứng hóa trở lại đi vào trong vườn sinh tử-rừng phiền não, vận dụng thần thông diệu dụng tự tại, đến mọi nơi để giáo hóa, dùng sức mạnh của bản nguyện để hồi hướng. Đây gọi là phát ra môn thứ năm.

Bồ-tát tiến vào bốn loại môn, làm lợi ích cho mình được thành tựu, nên biết. Bồ-tát phát ra môn thứ năm chính là Bồ-tát thành tựu việc làm lợi ích cho chúng sinh cùng với hồi hướng, nên biết.

Bồ-tát đã tu tập năm pháp môn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh và cho mình như vậy nhanh chóng chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-